# Tất cả 2.790 phép màu của Nabi Muhammad ﷺ

Tệp này chứa tất cả 2.790 mục của thư viện, theo trình tự cuộc đời Nabi Muhammad ﷺ. Mỗi mục nêu nguồn và mức độ xác thực. Các tường thuật yếu (da'if) và bịa đặt (mawdu') cũng được đưa vào và đánh dấu rõ ràng để có thể phân biệt với các tường thuật xác thực.

Các phép màu của Nabi · miraclesoftheprophet.com/vi/

Sahih (Xác thực): 893 · Hasan (Tốt): 219 · Da'if (Yếu): 1.608 · Bịa đặt (Mawdu'): 70

## 01 · Trước khi Người ra đời: sự tạo hóa Người và việc Người được báo cho các vị Nabi trước

### 1. Vị Nabi đầu tiên trong sự tạo hóa, cuối cùng trong sự cử phái

Sahih (Xác thực) DẤU HIỆU TRONG CUỘC ĐỜI CỦA NABI

Người nói: “Ta là người đầu tiên trong các vị Nabi về sự tạo hóa và là người cuối cùng về sự cử phái”; trong câu kinh về giao ước (chương al-Ahzab, câu 7), Người được nhắc đến trước các vị Nabi khác.

Trước sự tạo hóa (thuở vĩnh hằng)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 7 (yaratılışta ilk nebi olma bâbı)

### 2. Tạo vật đầu tiên đáp “Bala” tại buổi giao ước Alast

Da'if (Yếu) DẤU HIỆU TRONG CUỘC ĐỜI CỦA NABI

Tại buổi giao ước Alast, Người là người đầu tiên đáp “Bala” (Vâng) trước lời phán “Alastu bi-Rabbikum” (Chẳng phải Ta là Thượng Đế của các ngươi sao?); vì thế, dù được cử phái sau cùng, Người vẫn đứng trước các vị Nabi (lời giải thích của Muhammad al-Baqir).

Trước sự tạo hóa (buổi giao ước Alast)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 7 (yaratılışta ilk nebi olma bâbı)

### 3. Sứ mạng Nabi khi Adam còn ở giữa linh hồn và thể xác

Sahih (Xác thực) DẤU HIỆU TRONG CUỘC ĐỜI CỦA NABI

Trước câu hỏi của Maysara al-Fajr: “Ngài trở thành Nabi từ khi nào?”, Người đáp: “Khi Adam còn ở giữa linh hồn và thể xác”; trong hadith của al-Irbad, Người nói: “Khi Adam còn nằm trong đất sét của mình, ta đã được ghi nơi Allah là vị Nabi cuối cùng.”

Trước sự tạo hóa

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 7 (yaratılışta ilk nebi olma bâbı)

### 4. Ánh sáng của Người được tạo ra trước Adam và được truyền lại

Da'if (Yếu) DẤU HIỆU TRONG CUỘC ĐỜI CỦA NABI

Ánh sáng của Quraish (ánh sáng của Người) là một luồng sáng tán dương Allah trước mặt Ngài hai nghìn năm trước khi Adam được tạo ra, và các Thiên Thần tán dương theo nó; ánh sáng ấy được đặt vào xương sống của Adam, rồi đi qua xương sống của Nuh và Ibrahim cho đến khi đến với Người.

Trước sự tạo hóa

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 66 (nesebinin temizliği bâbı)

### 5. Tên của Người được ghi trên Ngai Vương và các cổng Thiên Đàng

Da'if (Yếu) DẤU HIỆU TRONG CUỘC ĐỜI CỦA NABI

Đường truyền dài của lời thuật từ Maysara al-Fajr: khi Allah tạo ra mặt đất và sắp đặt các tầng trời, danh xưng “Muhammad là Thiên Sứ của Allah” được ghi lên Ngai Vương, tên của Người cũng được ghi trên các cổng Thiên

Đàng, và Adam được cho biết rằng Người là bậc thầy của con cháu ông.

Trước sự tạo hóa / thời Nabi Adam

NGUỒN İbnü'l-Cevzî, el-Vefâ bi-ahvâli'l-Mustafâ (thk. M. Abdülkādir Atâ, DKİ 1408/1988), tek cilt, s. 26 (Ebvâbü bidâyeti nebiyyinâ, 1. bâb)

---

## 6. Lời thuật của Ka'b al-Ahbar về ánh sáng của Muhammad

**Da'if (Yếu)** DẤU HIỆU TRONG CUỘC ĐỜI CỦA NABI

Lời thuật của Ka'b al-Ahbar: khi Allah muốn tạo ra Người, Ngài cho Jibril mang về một nắm đất trắng từ nơi sẽ là mộ của Người; đất ấy được nhào với nước Tasnim, nhúng vào các dòng sông của Thiên Đàng, được mang đi khắp các tầng trời và mặt đất, nhờ vậy các Thiên Thần biết đến Người và sự ưu việt của Người trước khi biết Adam; ánh sáng của Người hiện trên trán Adam, chuyển sang Hawa khi bà mang thai Shith, và Hawa, người lần nào cũng sinh đôi, vì tôn kính Người đã sinh Shith một mình; ánh sáng ấy đi từ những xương sống trong sạch sang những tử cung trong sạch cho đến ngày Người chào đời.

Trước sự tạo hóa – thời Nabi Adam

NGUỒN İbnü'l-Cevzî, el-Vefâ bi-ahvâli'l-Mustafâ (thk. M. Abdülkādir Atâ, DKİ 1408/1988), tek cilt, s. 27 (2. bâb: Yaratıldığı toprak)

---

## 7. Nabi Adam cầu xin tha thứ nhờ quyền của Muhammad

**Bịa đặt (Mawdu')** DẤU HIỆU TRONG CUỘC ĐỜI CỦA NABI

Khi phạm lỗi, Nabi Adam kể rằng ông đã thấy dòng chữ "La ilaha illallah Muhammadun Rasulullah" trên các cột của Ngai Vương và cầu xin tha thứ "nhờ quyền của Muhammad"; ông nhận được lời đáp: "Nếu không có Muhammad, Ta đã không tạo ra ngươi."

Thời Nabi Adam

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 12 (isminin Arş'a yazılması bâbı)

---

## 8. Nabi Adam cho Shith biết những dòng chữ trong vũ trụ

**Da'if (Yếu)** DẤU HIỆU TRONG CUỘC ĐỜI CỦA NABI

Trong lời dặn lại cho con trai là Shith, Nabi Adam cho biết ông đã thấy tên Muhammad được ghi trên chân Ngai Vương, khắp nơi trên các tầng trời, trên mỗi lâu đài của Thiên Đàng, trên cổ các tiên nữ Huri, trên lá cây Tuba và cây Sidrah, và giữa hai mắt của các Thiên Thần.

Thời Nabi Adam

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 12 (isminin Arş'a yazılması bâbı)

---

## 9. Dòng chữ giữa hai vai Nabi Adam

**Da'if (Yếu)** DẤU HIỆU TRONG CUỘC ĐỜI CỦA NABI

Giữa hai vai của Nabi Adam có ghi dòng chữ "Muhammadun Rasulullah, vị Nabi cuối cùng".

Thời Nabi Adam

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 14 (isminin Arş'a yazılması bâbı)

## 10. Azan do Jibril đọc khi Nabi Adam cô đơn

Da'if (Yếu) LỜI TIÊN TRI VÀ BÁO TRƯỚC

Khi Nabi Adam bị đưa xuống Ấn Độ và cảm thấy cô đơn, Jibril đọc Azan và hai lần nói "Ash-hadu anna Muhammadan Rasulullah"; trước câu hỏi của Adam: "Muhammad là ai?", Jibril đáp: "Người con cuối cùng của ngài trong số các vị Nabi."

Thời Nabi Adam

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 15 (ezanda anılması bâbı)

## 11. Nabi Adam thấy ánh sáng Ahmad rực rỡ trong dòng dõi mình

Da'if (Yếu) LỜI TIÊN TRI VÀ BÁO TRƯỚC

Khi con cháu được cho Nabi Adam xem, ông thấy ở dưới cùng một luồng sáng rực rỡ và hỏi về nó; ông nhận được lời đáp: "Đây là con của ngươi, Ahmad; người ấy là đầu tiên, người ấy là cuối cùng, người ấy là người đầu tiên can thiệp."

Thời Nabi Adam

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 67 (nesebinin temizliği bâbı)

## 12. Nabi Adam cho các con biết tạo vật cao quý nhất

Da'if (Yếu) DẤU HIỆU TRONG CUỘC ĐỜI CỦA NABI

Lời thuật của Sa'id bin Jubayr: khi các con trai của Adam tranh luận "Tạo vật nào quý nhất trước Allah", Nabi Adam lấy tên Muhammad mà ông thấy ghi trên Ngai Vương làm bằng chứng và nói rằng Người là tạo vật cao quý nhất.

Thời Nabi Adam

NGUỒN İbnü'l-Cevzî, el-Vefâ bi-ahvâli'l-Mustafâ (thk. M. Abdülkādir Atâ, DKİ 1408/1988), tek cilt, s. 26 (Ebvâbü bidâyeti nebiyyinâ, 1. bâb)

## 13. Mặc khải cho Nabi Adam về Makkah và vị Nabi cuối cùng

Da'if (Yếu) LỜI TIÊN TRI VÀ BÁO TRƯỚC

Lời thuật của Wahb bin Munabbih: Allah mặc khải cho Nabi Adam: "Ta là Allah, Chủ của Bakkah; cư dân nơi ấy là những người được Ta chọn, khách viếng nơi ấy là phái đoàn của Ta; Ta sẽ cho một vị Nabi tên Ibrahim thuộc dòng dõi ngươi xây dựng Ngôi Nhà này; các cộng đồng sẽ viếng thăm nó qua bao thế kỷ, cho đến cuối cùng vị Nabi sau cùng của Ta tên Muhammad thuộc dòng dõi ngươi sẽ đến."

Thời Nabi Adam

NGUỒN İbnü'l-Cevzî, el-Vefâ bi-ahvâli'l-Mustafâ (thk. M. Abdülkādir Atâ, DKİ 1408/1988), tek cilt, s. 27 (Ebvâbü bidâyeti nebiyyinâ, 1. bâb)

## 14. Giao ước được lấy từ các vị Nabi vì Muhammad ﷺ

Sahih (Xác thực) PHÉP MÀU CỦA QUR'AN

Theo lời chú giải của Ali và Qatadah (chương Al Imran, câu 81), từ Adam trở đi, mỗi vị Nabi đều được bắt giao ước rằng nếu Muhammad được cử phái thì sẽ tin và giúp đỡ Người, và cũng sẽ bắt dân mình hứa điều ấy.

Từ Nabi Adam trở đi (các vị Nabi trước)

NGUỒN İbnü'l-Cevzî, el-Vefâ bi-ahvâli'l-Mustafâ (thk. M. Abdülkādir Atâ, DKİ 1408/1988), tek cilt, s. 30 (4. bâb: Tevrat ve İncil'de zikri)

## 15. Các vị Nabi trước báo tin mừng về sự xuất hiện của Người

**Sahih (Xác thực)** LỜI TIÊN TRI VÀ BÁO TRƯỚC

Các vị Nabi trước đó (lời cầu xin của Nabi Ibrahim, tin mừng của Nabi Isa) đã báo trước sự xuất hiện của Người.

Nhiều thế kỷ trước khi ra đời

NGUỒN İbn Kesîr s.105; 1000 Mucize giriş no.3 (s.7); web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 16; ayrıca: İbnü'l-Cevzî, el-Vefâ, s. 29; Hûî, The Prolegomena to the Qur'an (çev. Sachedina); Tabersî, İ'lâmü'l-verâ, c. 1, s. 56; ayrıca: N. İçel, Hz. Muhammed'in (sas) Mucizeleri -1 (2023), "Daha Önceki Peygamberlerden Peygamberimiz aleyhisselâm Hakkında Ahd ve Mîsak Alınışı" (kitabın dipnotu: Saf:6 / İbn İshak, İbn Hişam, Sîre, c:1, s:248 / Ebu'l-Ferec İbn Cevzî, el-Vefâ, c:1, s:67 / Yuhanna İncili, bab:14, fıkra:16; bab: 15, fıkra:26; bab: 16, fıkra:7 / Rahmetullah, İzhâru'l-hak, Türkçe terceme, c:2, s:262-263); "İsrail Oğullarının Gelmesini Bekledikleri Üç Peygamber + İbrahim ve İsmâil aleyhisselâmların Peygamberimiz aleyhisselâm Hakkındaki Dilekleri ve Dileklerinin Kabul Olunuşu" (kitabın dipnotu: Bakara: 127-129 / Bakara: 151 / Nisa: 113 / Rığıb el-Isfahânî, Müfredât, s:402)

## 16. Nabi Ibrahim để Hajar lại Makkah và lời báo tin mừng

**Da'if (Yếu)** LỜI TIÊN TRI VÀ BÁO TRƯỚC

Khi Nabi Ibrahim đưa Hajar đi trên lưng Buraq, mỗi khi gặp vùng đất phì nhiêu ông đều muốn dừng lại, nhưng Jibril chỉ cho dừng ở Makkah và nói: “Vị Nabi mù chữ thuộc dòng dõi con trai ngươi sẽ xuất hiện từ nơi này.”

Thời Nabi Ibrahim

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 17 (Allah'ın onu İbrâhim'e bildirmesi bâbı)

## 17. Tin mừng về vị Nabi mù chữ dành cho Hajar

**Da'if (Yếu)** LỜI TIÊN TRI VÀ BÁO TRƯỚC

Khi Hajar ra đi cùng con trai là Isma'il, một người bà gặp đã nói: “Con trai bà là tổ tiên của nhiều dân tộc; vị Nabi mù chữ cư ngụ nơi đất thánh thuộc dòng dõi của cậu ấy.”

Thời Nabi Ibrahim

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 17 (Allah'ın onu İbrâhim'e bildirmesi bâbı)

## 18. Dòng chữ trên phiến đá Nabi Ibrahim tìm thấy

**Da'if (Yếu)** LỜI TIÊN TRI VÀ BÁO TRƯỚC

Nabi Ibrahim tìm thấy một phiến đá có ghi bốn dòng chữ; dòng thứ hai viết: “Ta là Allah, không có thần linh nào ngoài Ta; Muhammad là Thiên Sứ của Ta, phúc thay cho ai tin và theo Người.”

Thời Nabi Ibrahim

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 62 (eski taşlarda adının bulunması bâbı)

## 19. Tấm bảng trong kho báu của hai trẻ mồ côi ở chương al-Kahf

**Da'if (Yếu)** PHÉP MÀU CỦA QUR'AN

Kho báu của hai đứa trẻ mồ côi trong chương al-Kahf là một tấm vàng ròng có ghi câu Bismillah, những lời khuyên và dòng chữ “La ilaha illallah Muhammadun Rasulullah”.

Thời Nabi Musa – Khidr

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 14 (bâb (Kehf hazinesi, Süleyman'ın yüzüğü))

---

## 20. Doanh trại của Nabi Musa và mặc khải về con cháu Ma'add

Da'if (Yếu) LỜI TIÊN TRI VÀ BÁO TRƯỚC

Khi bốn mươi người con cháu của Ma'add bin Adnan cướp phá doanh trại của Nabi Musa, Musa định nguyền rủa họ; Allah mặc khải: "Đừng nguyền rủa họ, vị Nabi mù chữ và cộng đồng được thương xót xuất thân từ họ."

Thời Nabi Musa

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 18 (Allah'ın onu Mûsâ'ya bildirmesi bâbı)

---

## 21. Mặc khải cho Nabi Musa về Ahmad

Da'if (Yếu) LỜI TIÊN TRI VÀ BÁO TRƯỚC

Allah mặc khải cho Nabi Musa: "Kẻ nào gặp Ta mà đã phủ nhận Ahmad, Ta sẽ cho hắn vào Lửa; Ta đã ghi tên Người lên Ngai Vương cùng với tên Ta; Thiên Đàng bị cấm đối với mọi người cho đến khi Người và Ummah của Người bước vào."

Thời Nabi Musa

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 23 (Tevrat ve İncil'de anılması bâbı)

---

## 22. Người hôn tên Muhammad trong Kinh Tawrah được tha thứ

Da'if (Yếu) LỜI TIÊN TRI VÀ BÁO TRƯỚC

Một người thuộc con cháu Israel đã bất tuân suốt hai trăm năm và bị vứt xác lên bãi rác, nhưng được tha thứ vì mỗi lần mở Kinh Tawrah, ông đều hôn tên Muhammad, áp lên mắt và đọc lời cầu phúc; Nabi Musa được mặc khải hãy dâng lễ nguyện cho người chết ấy.

Thời Nabi Musa

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 29 (Tevrat ve İncil'de anılması bâbı)

---

## 23. Hình khắc trên mặt nhẫn của Nabi Sulayman

Da'if (Yếu) LỜI TIÊN TRI VÀ BÁO TRƯỚC

Trên mặt nhẫn của Nabi Sulayman được ban xuống từ trời có khắc: "Ta là Allah, không có thần linh nào ngoài Ta, Muhammad là bề tôi và Thiên Sứ của Ta."

Thời Nabi Sulayman

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 14 (bâb (Kehf hazinesi, Süleyman'ın yüzüğü))

---

## 24. Mặc khải cho Nabi Isa và Ngai Vương đứng yên

Da'if (Yếu) LỜI TIÊN TRI VÀ BÁO TRƯỚC

Allah mặc khải cho Nabi Isa: "Hãy tin vào Muhammad và ra lệnh cho cộng đồng của ngươi cũng làm vậy"; Ngai Vương đang chao đảo trên mặt nước chỉ đứng yên khi dòng chữ "La ilaha illallah Muhammadun Rasulullah" được ghi lên đó.

Thời Nabi Isa

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 14 (isminin Arş'a yazılması bâbı)

---

## 25. Lệnh cho Nabi Isa xác nhận vị Nabi Ả Rập mù chữ

**Da'if (Yếu)** LỜI TIÊN TRI VÀ BÁO TRƯỚC

Allah mặc khải cho Nabi Isa: “Hãy nghiêm túc với mệnh lệnh của Ta, đừng lơi lỏng; hãy xác nhận vị Nabi Ả Rập mù chữ, chủ nhân của con lạc đà (sahib al-jamal).”

Thời Nabi Isa

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 129 (Yaratılışının vasfına dair toplu bâb)

## 02 · Những tin mừng trong các kinh sách thiêng liêng (Kinh Tawrah, Kinh Zabur, Kinh Injil, các cuộn kinh)

### 26. Đặc điểm của Nabi của chúng ta ﷺ và Ummah trong Kinh Tawrah

**Sahih (Xác thực)** LỜI TIÊN TRI VÀ BÁO TRƯỚC

Các đặc điểm của Người và những nét riêng của Ummah Người được ghi trong Kinh Tawrah.

Nhiều thế kỷ trước khi ra đời

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.1 s.309; Beyhakî, Delâil c.5 s.597; İbn Kesîr s.113; web: Dârimî, Sünen, Mukaddime, bâbü sıfati'n-nebî fi'l-kütüb, no. 5-8; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 18; ayrıca: İbnü'l-Cevzî, el-Vefâ, s. 30-33; ayrıca: N. İçel, Hz. Muhammed'in (sas) Mucizeleri -1 (2023), "Peygamberimiz aleyhisselâmın İsim ve Sıfatlarının Ehl-i Kitab Nezdinde Belli Oluşu" (kitabın dipnotu: A'râf:157 / Bakara:146); "Daha Önceki Peygamberlerden Peygamberimiz aleyhisselâm Hakkında Ahd ve Mîsak Alınışı" (kitabın dipnotu: Ahzab:35 / Dârimî, Sünen, c:1, s:14-15; Ebu'l-Ferec İbn Cevzî, el-Vefâ, c:1, s:38-39; Zehebî, Târihu'l-İslâm, s:94); Kütüb-i Sitte: Buharî, Büyû 50, Tefsir, Feth 3; Tirmizî, Menakıb 3, (3621) [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 5558, c./s. 15/376; no. 5559, c./s. 15/377]

### 27. Tin mừng về Ahmad / Paraclete trong Kinh Injil

**Sahih (Xác thực)** LỜI TIÊN TRI VÀ BÁO TRƯỚC

Người được báo tin mừng trong Kinh Injil (Ahmad / Paraclete).

Khoảng 6 thế kỷ trước khi ra đời

NGUỒN İbn Kesîr s.119; ayrıca: İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî, s. 227, 232; İbnü'l-Cevzî, el-Vefâ, s. 62-63; Râvendî, el-Harâic, c. 1, s. 76-77; ayrıca: N. İçel, Hz. Muhammed'in (sas) Mucizeleri -1 (2023), "Peygamberimiz aleyhisselâmın İsim ve Sıfatlarının Ehl-i Kitab Nezdinde Belli Oluşu" (kitabın dipnotu: A'râf:157 / Bakara:146); "Daha Önceki Peygamberlerden Peygamberimiz aleyhisselâm Hakkında Ahd ve Mîsak Alınışı" (kitabın dipnotu: Saf:6 / İbn İshak, İbn Hişam, Sîre, c:1, s:248 / Ebu'l-Ferec İbn Cevzî, el-Vefâ, c:1, s:67 / Yuhanna İncili, bab:14, fıkra:16; bab: 15, fıkra:26; bab: 16, fıkra:7 / Rahmetullah, İzhâru'l-hak, Türkçe terceme, c:2, s:262-263)

### 28. Tin mừng trong sách Isaiah

**Da'if (Yếu)** LỜI TIÊN TRI VÀ BÁO TRƯỚC

Tin mừng trong sách Isaiah (Sha'ya).

Khoảng 13 thế kỷ trước khi ra đời

NGUỒN İbn Kesîr s.118; web: Ebû Nuaym el-İsfahânî, Delâilü'n-nübüvve, 5-6. fasıl, no. 32; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 23; ayrıca: İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî, s. 231-232; İbnü'l-Cevzî, el-Vefâ, s. 56, 63-67; Râvendî, el-Harâic, c. 1, s. 75

### 29. Tin mừng trong sách Jeremiah

**Da'if (Yếu)** LỜI TIÊN TRI VÀ BÁO TRƯỚC

Tin mừng trong sách Jeremiah (Irmiya).

Khoảng 12 thế kỷ trước khi ra đời

NGUỒN İbn Kesîr s.119; ayrıca: İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî, s. 232

### 30. Tin mừng trong sách Ezekiel

**Da'if (Yếu)** LỜI TIÊN TRI VÀ BÁO TRƯỚC

Tin mừng trong các sách của Ezekiel và những lời của Ezekiel.

Khoảng 12 thế kỷ trước khi ra đời

NGUỒN İbn Kesîr s.117, 118; ayrıca: İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî, s. 232; Râvendî, el-Harâic, c. 1, s. 74-75

---

## 31. Tin mừng trong sách của Nabi Ilyas

Da'if (Yếu) LỜI TIÊN TRI VÀ BÁO TRƯỚC

Tin mừng trong sách của Nabi Ilyas.

Nhiều thế kỷ trước khi ra đời

NGUỒN İbn Kesîr s.116

---

## 32. Tin mừng trong "Sách Sứ Mạng Nabi"

Da'if (Yếu) LỜI TIÊN TRI VÀ BÁO TRƯỚC

Tin mừng trong "Sách Sứ Mạng Nabi".

Nhiều thế kỷ trước khi ra đời

NGUỒN İbn Kesîr s.117

---

## 33. Những tin mừng ban cho Nabi Ibrahim và Ya'qub

Da'if (Yếu) LỜI TIÊN TRI VÀ BÁO TRƯỚC

Trong sách của Nabi Ibrahim có ghi: "Từ dòng dõi ngươi sẽ xuất hiện các dân tộc, cuối cùng sẽ đến vị Nabi mù chữ là vị Nabi cuối cùng"; Nabi Ya'qub cũng được mặc khải: "Ta sẽ cử từ dòng dõi ngươi các vị vua và các vị Nabi; cuối cùng Ta sẽ cử vị Nabi của đất thánh tên là Ahmad, Ummah của người ấy sẽ xây dựng Bayt al-Maqdis."

Thời Nabi Ibrahim và Ya'qub

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 17 (Allah'ın onu İbrâhim'e bildirmesi bâbı)

---

## 34. Nabi Musa ao ước được thuộc Ummah của Ahmad

Da'if (Yếu) LỜI TIÊN TRI VÀ BÁO TRƯỚC

Nabi Musa đọc trên các phiến đá về một cộng đồng "đến sau cùng nhưng vượt lên trước, lời cầu xin được đáp nhận, kinh sách ở trong lồng ngực họ", mỗi lần đều nói: "Hãy cho họ là cộng đồng của tôi", rồi nhận được lời đáp: "Đó là cộng đồng của Ahmad", và ông cầu xin: "Xin cho tôi thuộc về cộng đồng của Ahmad."

Thời Nabi Musa

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 21 (Tevrat ve İncil'de anılması bâbı)

---

## 35. Tin mừng trong Kinh Tawrah về mộ của Nabi Isa

Hasan (Tốt) LỜI TIÊN TRI VÀ BÁO TRƯỚC

Trong Kinh Tawrah, cùng với các đặc điểm của Người có ghi: "Isa con trai của Maryam sẽ được chôn bên cạnh người ấy."

Kinh Tawrah; Ứng nghiệm: thời cuối cùng

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 31 (Tevrat ve İncil'de anılması bâbı)

## 36. Tin mừng ban cho Nabi Dawud trong Kinh Zabur

Da'if (Yếu) LỜI TIÊN TRI VÀ BÁO TRƯỚC

Trong Kinh Zabur, Allah mặc khải cho Nabi Dawud: "Sau ngươi sẽ đến một vị Nabi chân thật tên là Ahmad và Muhammad; Ummah của người ấy là cộng đồng được thương xót; Ta đã ban cho họ sáu đức tính mà Ta không ban cho các cộng đồng khác."

Thời Nabi Dawud

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 26 (Tevrat ve İncil'de anılması bâbı)

## 37. Nabi Danyal giải giấc mơ của Bukhtanassar

Da'if (Yếu) LỜI TIÊN TRI VÀ BÁO TRƯỚC

Nabi Danyal kể lại giấc mơ mà Bukhtanassar đã quên (một bức tượng đầu bằng vàng, thân giữa bằng bạc, phần dưới bằng đồng, chân bằng sắt, bàn chân bằng đất nung bị một hòn đá từ trời rơi xuống đập nát thành bụi, rồi hòn đá lớn dần lấp đầy mặt đất) và giải mộng: "Hòn đá là tôn giáo của vị Nabi mù chữ sẽ được cử phái từ người Ả Rập vào thời cuối cùng."

Khoảng 12 thế kỷ trước khi ra đời

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 41 (hahamların ve rahiplerin haber vermesi bâbı)

## 38. Tin mừng rằng Ummah của Muhammad sẽ thừa kế mặt đất

Sahih (Xác thực) LỜI TIÊN TRI VÀ BÁO TRƯỚC

Trong Kinh Tawrah và Kinh Zabur có báo rằng Ummah của Muhammad ﷺ sẽ thừa kế mặt đất (chương al-Anbiya', câu 105); trong chương thứ 4 của một bản Kinh Zabur mà as-Suyuti đã thấy có ghi: "Mặt đất là của Ta, Ta sẽ cho Muhammad và Ummah của người ấy thừa kế nó."

Thời Nabi Dawud; Ứng nghiệm: các cuộc chinh phục (sau năm 13 H)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 51 (ashabının önceki kitaplarda anılması bâbı)

## 39. Tin mừng trong Kinh Tawrah về dòng dõi Nabi Isma'il

Da'if (Yếu) LỜI TIÊN TRI VÀ BÁO TRƯỚC

Trong Kinh Tawrah, Nabi Ibrahim và Hajar được báo tin mừng rằng từ dòng dõi Isma'il sẽ xuất hiện một cộng đồng lớn và mười hai thủ lĩnh vĩ đại, con cháu của ông sẽ đông như sao trên trời; Ibn Kathir giải thích điều này là nói về Người và Ummah của Người.

Thời Nabi Ibrahim (theo Kinh Tawrah)

NGUỒN İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî (el-Bidâye ve'n-Nihâye'den; thk. es-Seyyid İbrâhîm), tek cilt, s. 229 (Tebşîrü'l-kütübi's-sâbika bih)

## 40. Tin mừng về vị Nabi vào cuối đời Nabi Musa

Sahih (Xác thực) LỜI TIÊN TRI VÀ BÁO TRƯỚC

Vào cuối đời (năm thứ ba mươi chín ở hoang mạc Tih), Nabi Musa báo tin mừng cho con cháu Israel rằng sẽ có một vị Nabi được cử phái, người ra lệnh làm điều tốt, ngăn cấm điều xấu, cho phép những thứ trong sạch và cấm những thứ ô uế.

Thời Nabi Musa (theo Kinh Tawrah)

NGUỒN İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî (el-Bidâye ve'n-Nihâye'den; thk. es-Seyyid İbrâhîm), tek cilt, s. 230 (Tebşîrü'l-kütübi's-sâbika bih)

---

## 41. Tin mừng về Sinai, Seir và Paran trong Kinh Tawrah

**Da'if (Yếu)** LỜI TIÊN TRI VÀ BÁO TRƯỚC

Câu ở cuối Kinh Tawrah "Allah đến từ núi Sinai, mọc lên từ Seir, hiện ra từ các núi Paran" được xem là lần lượt chỉ về sứ mạng của Musa, của Isa và (Paran = Hijaz) của chính Người; điều này trùng khớp với ba câu đầu của chương at-Tin (Jerusalem, núi Sinai, Thành Phố An Toàn).

Theo Kinh Tawrah (nhiều thế kỷ trước khi ra đời)

NGUỒN İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî (el-Bidâye ve'n-Nihâye'den; thk. es-Seyyid İbrâhîm), tek cilt, s. 230 (Tebşîrü'l-kütübi's-sâbika bih)

---

## 42. Các đặc điểm của Nabi ﷺ trong Kinh Zabur

**Da'if (Yếu)** LỜI TIÊN TRI VÀ BÁO TRƯỚC

Đặc điểm của Người có trong Kinh Zabur (các thánh thi của Dawud): quyền cai trị của người ấy sẽ trải từ biển này đến biển kia, các vị vua sẽ mang quà đến cho người ấy, người ấy sẽ cứu kẻ yếu và danh tiếng của người ấy sẽ còn mãi.

Thời Nabi Dawud (theo Kinh Zabur)

NGUỒN İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî (el-Bidâye ve'n-Nihâye'den; thk. es-Seyyid İbrâhîm), tek cilt, s. 230-231 (Tebşîrü'l-kütübi's-sâbika bih)

---

## 43. Một vị Nabi từ anh em của con cháu Israel trong Kinh Tawrah

**Da'if (Yếu)** LỜI TIÊN TRI VÀ BÁO TRƯỚC

Trong Kinh Tawrah, con cháu Israel được báo rằng sẽ có "một vị Nabi từ trong anh em của họ" được cử phái (Ibn Qutaybah trích từ Kinh Tawrah; được nhắc cùng lời hứa mười hai thủ lĩnh cho Isma'il và câu "hiện ra từ các núi Paran").

Kinh Tawrah; nhiều thế kỷ trước khi ra đời

NGUỒN İbnü'l-Cevzî, el-Vefâ bi-ahvâli'l-Mustafâ (thk. M. Abdülkādir Atâ, DKİ 1408/1988), tek cilt, s. 57-61 (4. bâb: Tevrat ve İncil'de zikri)

---

## 44. Tên Ahmad trong sách của Habakkuk

**Da'if (Yếu)** LỜI TIÊN TRI VÀ BÁO TRƯỚC

Lời của Habakkuk do Ibn Qutaybah trích dẫn: trong sách của ông có nhắc đến tên Ahmad và báo rằng mặt đất sẽ tràn đầy lời ca ngợi người ấy.

Nhiều thế kỷ trước khi ra đời

NGUỒN İbnü'l-Cevzî, el-Vefâ bi-ahvâli'l-Mustafâ (thk. M. Abdülkādir Atâ, DKİ 1408/1988), tek cilt, s. 57-61 (4. bâb: Tevrat ve İncil'de zikri)

---

## 45. Thiên Thần báo tin mừng cho Hajar về Isma'il và dòng dõi

**Da'if (Yếu)** LỜI TIÊN TRI VÀ BÁO TRƯỚC

Trong Kinh Tawrah, Thiên Thần nói với Hajar: "Bà sẽ sinh một con trai tên Isma'il; nó sẽ lớn mạnh giữa các dân tộc, tay nó sẽ ở trên mọi bàn tay", và khi họ bị khát nước: "Đừng coi thường đứa trẻ, Ta đang chuẩn bị nó cho một

việc lớn"; trong dòng dõi Isma'il, điều này chỉ ứng nghiệm nơi Người.

Thời Nabi Ibrahim (lời báo trong Kinh Tawrah)

NGUỒN Râvendî, el-Harâic ve'l-cerâih, c. 1, s. 73 (fasl: önceki kitaplarda Hz. Peygamber'in anılması)

---

## 46. Vị Nabi giống Musa trong sách thứ năm của Kinh Tawrah

**Da'if (Yếu)** LỜI TIÊN TRI VÀ BÁO TRƯỚC

Trong sách thứ năm của Kinh Tawrah có câu: "Ta sẽ dấy lên cho con cháu Israel từ trong anh em của họ một vị Nabi giống như ngươi, Ta sẽ đặt lời Ta vào miệng người ấy"; trong con cháu Isma'il, vốn là anh em của con cháu Israel, Người là vị Nabi duy nhất mang đến kinh sách như Musa.

Lời báo trong Kinh Tawrah (nhiều thế kỷ trước sứ mạng)

NGUỒN Râvendî, el-Harâic ve'l-cerâih, c. 1, s. 75 (fasl: önceki kitaplarda Hz. Peygamber'in anılması)

---

## 47. Các đặc điểm trong Kinh Zabur được giải thích là Nabi ﷺ

**Da'if (Yếu)** LỜI TIÊN TRI VÀ BÁO TRƯỚC

Những lời của Nabi Dawud trong Kinh Zabur được giải thích là nói về Người: "Hãy tán dương Thượng Đế bằng một bài tán dương mới… Allah đã chọn cho người ấy cộng đồng của mình và ban chiến thắng; họ tán dương Ngài trên giường của họ, trong tay họ có những thanh gươm hai lưỡi"; "Hỡi người được chọn, hãy đeo gươm của ngươi; luật pháp của ngươi gắn với uy lực của tay phải ngươi, các dân tộc ngã dưới chân ngươi"; "Allah đã đưa ra từ Zion một vương miện được ca ngợi (mahmud)"; "Người ấy cai trị từ biển này đến biển kia, các vua Ba Tư quỳ lạy người ấy" và "Lạy Allah, xin hãy cử người lập ra Sunnah để loài người biết rằng ông ấy (Đấng Messiah) là con người."

Nhiều thế kỷ trước sứ mạng (lời báo của Người Kinh Sách)

NGUỒN Râvendî, el-Harâic ve'l-cerâih, c. 1, s. 76 (fasl: önceki kitaplarda Hz. Peygamber'in anılması)

---

## 48. Hai người cưỡi lừa và lạc đà trong sách Isaiah

**Da'if (Yếu)** LỜI TIÊN TRI VÀ BÁO TRƯỚC

Trong sách Isaiah, người canh gác nói: "Tôi thấy hai người cưỡi đang đến, một người cưỡi lừa, người kia cưỡi lạc đà; người này nói với người kia: Babylon và các tượng thần của nó đã sụp đổ" (người cưỡi lừa là Nabi Isa, người cưỡi lạc đà là Người).

Nhiều thế kỷ trước sứ mạng (lời báo của Người Kinh Sách)

NGUỒN Râvendî, el-Harâic ve'l-cerâih, c. 1, s. 76 (fasl: önceki kitaplarda Hz. Peygamber'in anılması)

---

## 49. Lời thuật về vị Nabi được chờ đợi trong Kinh Injil

**Da'if (Yếu)** LỜI TIÊN TRI VÀ BÁO TRƯỚC

Có lời thuật rằng trong Kinh Injil, trước câu hỏi Nabi Yahya gửi từ ngục: "Ngài có phải là đấng sẽ đến không, hay chúng tôi phải đợi người khác?", câu trả lời của Nabi Isa "Đang chờ Ilya đến" vốn được ghi là "Đang chờ Ahmad", rồi tên ấy đã bị thay đổi.

Khoảng 6 thế kỷ trước sứ mạng (lời báo trong Kinh Injil)

NGUỒN Râvendî, el-Harâic ve'l-cerâih, c. 1, s. 77 (fasl: önceki kitaplarda Hz. Peygamber'in anılması)

## 50. Tên Mushaffah bằng tiếng Syriac nơi Người Kinh Sách

Da'if (Yếu) LỜI TIÊN TRI VÀ BÁO TRƯỚC

Tên của Người trong Người Kinh Sách bằng tiếng Syriac là "Mushaffah" (shafh = ca ngợi; Mushaffah = Muhammad).

Trước sứ mạng (lời báo của Người Kinh Sách)

NGUỒN Râvendî, el-Harâic ve'l-cerâih, c. 1, s. 78 (fasl: önceki kitaplarda Hz. Peygamber'in anılması)

## 51. Mô tả Hajj và viên đá nền trong sách Isaiah

Da'if (Yếu) LỜI TIÊN TRI VÀ BÁO TRƯỚC

Mô tả cuộc hành hương Hajj trong sách Isaiah: "Sa mạc sẽ đầy người; họ sẽ được gọi từ tận cùng mặt đất, họ sẽ chạy đến, họ sẽ truyền lời tán dương Ngài trên đất liền và trên biển" và câu "Tại Zion, Ta đặt một hòn đá quý làm nền từ nhà của Allah."

Nhiều thế kỷ trước sứ mạng (lời báo của Người Kinh Sách)

NGUỒN Râvendî, el-Harâic ve'l-cerâih, c. 1, s. 78 (fasl: önceki kitaplarda Hz. Peygamber'in anılması)

## 52. Đặc điểm của Nabi ﷺ và Ummah trong Kinh Tawrah

Sahih (Xác thực) LỜI TIÊN TRI VÀ BÁO TRƯỚC

Trong Kinh Tawrah, Người được mô tả như sau: "Ahmad là bề tôi được Ta chọn; người ấy không thô lỗ, không cứng rắn, không la lối nơi chợ búa, không lấy ác trả ác mà tha thứ; nơi sinh của người ấy là Makkah, nơi di cư là Taybah, vương quyền ở Sham; Ummah của người ấy là những người ca ngợi, ca ngợi Allah trên mỗi con dốc; họ theo dõi mặt trời, những người gọi Azan của họ ở giữa không trung, hàng ngũ của họ trong lễ nguyện và trong chiến trận là một; ban đêm họ là tu sĩ, ban ngày họ là sư tử; đến giờ lễ nguyện ở đâu, họ dâng lễ nguyện ở đó."

Lời báo trong Kinh Tawrah (nhiều thế kỷ trước sứ mạng)

NGUỒN Râvendî, el-Harâic ve'l-cerâih, c. 1, s. 79-80 (fasl: önceki kitaplarda Hz. Peygamber'in anılması)

## 53. Đặc điểm của các Sahabah trong Kinh Tawrah theo Qur'an

Sahih (Xác thực) PHÉP MÀU CỦA QUR'AN

Theo lời Qur'an, các Sahabah của Người được mô tả trong Kinh Tawrah là những người cứng rắn đối với kẻ ngoại đạo, nhân từ với nhau, cúi người và quỳ lạy tìm kiếm ân huệ và sự hài lòng của Allah, trên gương mặt họ có ánh sáng từ dấu vết của sự quỳ lạy (chương al-Fath, câu 29).

Lời báo trong Kinh Tawrah (nhiều thế kỷ trước sứ mạng)

NGUỒN N. İçel, Hz. Muhammed'in (sas) Mucizeleri -1 (2023), "Daha Önceki Peygamberlerden Peygamberimiz aleyhisselâm Hakkında Ahd ve Mîsak Alınışı" (kitabın dipnotu: Feth:29); "Peygamberimiz Aleyhisselâmın Hayber Yahudîlerini Hakkı İtirafa, Allah'a ve Allah'ın Resûlüne İmana Davet Edişi" (kitabın dipnotu: Bakara:256 / İbn İshak-İbn Hişam, Sîre, c:2, s:193, Beyhakî, Sünen, c:10, s:180)

## 54. Dụ ngôn về các Sahabah trong Kinh Injil theo Qur'an

Sahih (Xác thực) PHÉP MÀU CỦA QUR'AN

Theo lời Qur'an, các Sahabah của Người được ví trong Kinh Injil như cây lúa nảy mầm rồi mạnh lên, to ra, đứng vững trên thân, làm người gieo trồng vui thích (chương al-Fath, câu 29); quyển sách dẫn chứng điều này bằng dụ ngôn hạt giống tự lớn lên trong Phúc Âm Mark.

Lời báo trong Kinh Injil (khoảng 6 thế kỷ trước sứ mạng)

NGUỒN N. İçel, Hz. Muhammed'in (sas) Mucizeleri -1 (2023), "Daha Önceki Peygamberlerden Peygamberimiz aleyhisselâm Hakkında Ahd ve Mîsak Alınışı" (kitabın dipnotu: Feth:29 / Markos İncili, bab: 4, fıkra:26-29)

---

## 55. "Vị Nabi Ấy" được chờ đợi trong Phúc Âm John

**Da'if (Yếu)** LỜI TIÊN TRI VÀ BÁO TRƯỚC

Theo Phúc Âm John, người Do Thái chờ đợi một vị Nabi thứ ba chỉ được gọi là "Vị Nabi Ấy", khác với Ilya và Đấng Messiah; họ hỏi Nabi Yahya: "Ông có phải là Vị Nabi Ấy không?" và nhận được câu trả lời "Không"; theo quyển sách, vị Nabi cuối cùng này vẫn được chờ đợi cả sau Nabi Isa.

Khoảng 6 thế kỷ trước sứ mạng (lời báo trong Kinh Injil)

NGUỒN N. İçel, Hz. Muhammed'in (sas) Mucizeleri -1 (2023), "İsrail Oğullarının Gelmesini Bekledikleri Üç Peygamber" (kitabın dipnotu: Markos İncili, bab: 4, fıkra: 26-29 / Matta İncili, bab: 11, fıkra: 14-15 / Matta İncili, bab: 2, fıkra: 1-5-6 / Yuhanna İncili, bâb: 1, fıkra: 21-25)

## 03 · Trước khi Người ra đời: những lời báo của tổ tiên Người, Người Kinh Sách và các thầy bói

### 56. Tubba' từ bỏ việc phá hủy Madinah

Da'if (Yếu) LỜI TIÊN TRI VÀ BÁO TRƯỚC

Tubba' từ bỏ ý định phá hủy Madinah khi các giáo sĩ Do Thái nói: “Nơi này là đất di cư của vị Nabi thời cuối cùng.”

Khoảng 2–3 thế kỷ trước khi ra đời

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.1 s.85; web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 47; Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 28. fasıl; Questions on Islam, "Glad Tidings about the Prophet's Coming Before His Birth"; ayrıca: İbnü'l-Cevzî, el-Vefâ, s. 42; Râvendî, el-Harâic, c. 1, s. 81; c. 3, s. 1073-1074

### 57. Giếng Zamzam được chỉ cho Abdul Muttalib

Hasan (Tốt) DẤU HIỆU TRONG CUỘC ĐỜI CỦA NABI

Vị trí của giếng Zamzam được chỉ cho Abdul Muttalib trong giấc mơ và giếng được đào lên.

Khoảng năm 540–550 CN

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.1 s.65; web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 75-76; ayrıca: İbnü'l-Cevzî, el-Vefâ, s. 82

### 58. Nabi ﷺ trong bài thơ của Aws bin Harithah

Da'if (Yếu) LỜI TIÊN TRI VÀ BÁO TRƯỚC

Trong bài thơ (lời trăng trối) của Aws bin Harithah có báo trước sự xuất hiện của Người.

Trước khi ra đời (thời Jahiliyah)

NGUỒN Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 28. fasıl (ehl-i kitab, kâhinler, putlar)

### 59. Tin mừng trong bài thuyết giảng và thơ của Ka'b bin Lu'ayy

Da'if (Yếu) LỜI TIÊN TRI VÀ BÁO TRƯỚC

Tổ tiên của Người là Ka'b bin Lu'ayy đã báo trước sự xuất hiện của Người trong thơ và bài thuyết giảng của ông.

Nhiều thế kỷ trước khi ra đời (thời Jahiliyah)

NGUỒN Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 28. fasıl (ehl-i kitab, kâhinler, putlar)

### 60. Người Do Thái dòng dõi Harun định cư ở Yathrib

Da'if (Yếu) LỜI TIÊN TRI VÀ BÁO TRƯỚC

Sau khi bị Bukhtanassar làm cho tan tác, một nhóm con cháu Israel thuộc dòng dõi Harun tìm thấy đặc điểm của Người và đất di cư của Người trong kinh sách của họ nên đến định cư ở Yathrib với hy vọng gặp Người; nhưng con cháu của họ dù nhận ra Người vẫn phủ nhận.

Nhiều thế kỷ trước khi ra đời

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 44 (hahamların ve rahiplerin haber vermesi bâbı)

## 61. Thầy bói Satih nói điều vô hình và sứ mạng Nabi

Da'if (Yếu) LỜI TIÊN TRI VÀ BÁO TRƯỚC

Thầy bói Satih được đưa đến Makkah đã biết danh tính của bốn người Quraish cải trang đến gặp ông (Abd Shams, Abd Manaf bin Qusayy, Ahwas bin Fihr, Aqil bin Abi Waqqas) và món quà họ giấu; ông nói: "Từ vùng đất này sẽ xuất hiện một vị Nabi theo chính đạo", rồi bằng những lời có vần báo trước các Khalifah và các thảm họa sau người ấy.

Khoảng 150 năm trước khi ra đời

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 57 (kâhinlerin haber vermesi bâbı)

## 62. Satih và Shiqq giải giấc mơ của vua Rabi'ah

Da'if (Yếu) LỜI TIÊN TRI VÀ BÁO TRƯỚC

Các thầy bói Satih và Shiqq mỗi người tự biết và giải giấc mơ khủng khiếp của vua Yemen Rabi'ah bin Nasr al-Lakhmi: người Abyssinia sẽ chiếm Yemen, Sayf bin Dhi Yazan sẽ đuổi họ ra, và vương quyền ấy sẽ chấm dứt với "một vị Nabi trong sạch thuộc dòng dõi Ghalib bin Fihr, được nhận mặc khải".

Khoảng 1–2 thế kỷ trước khi ra đời

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 60 (kâhinlerin haber vermesi bâbı)

## 63. Dòng dõi được che chở khỏi tà dâm

Sahih (Xác thực) DẤU HIỆU TRONG CUỘC ĐỜI CỦA NABI

Toàn bộ dòng dõi của Người từ Nabi Adam đến cha mẹ Người đều qua hôn nhân chính đáng, không vướng tà dâm; Người nói: "Không chút gì từ sự tà dâm của thời Jahiliyah đã chạm đến ta; Allah đã chuyển ta từ những xương sống trong sạch sang những tử cung trong sạch; mỗi khi dòng dõi chia làm hai nhánh, ta luôn ở nhánh tốt hơn"; al-Kalbi đã ghi lại năm trăm bà mẹ trong dòng tổ tiên của Người và không thấy một trường hợp tà dâm nào.

Từ Nabi Adam đến khi ra đời

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 63 (nesebinin temizliği bâbı)

## 64. Giấc mơ về cái cây của Abdul Muttalib và lời giải

Da'if (Yếu) LỜI TIÊN TRI VÀ BÁO TRƯỚC

Khi đang ngủ ở Hijr, Abdul Muttalib thấy từ lưng mình mọc lên một cái cây có ngọn chạm trời, cành vươn đến phương đông và phương tây, sáng gấp bảy mươi lần mặt trời; người Ả Rập và người không phải Ả Rập quỳ lạy nó, còn những người Quraish muốn chặt nó thì bị một chàng trai có gương mặt đẹp ngăn lại; nữ thầy bói của Quraish giải mộng: "Từ xương sống của ông sẽ xuất hiện một người cai trị phương đông và phương tây."

Trước khi ra đời (khoảng năm 560–570 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 67 (Abdülmuttalib'in rüyası bâbı)

## 65. Tin mừng về sứ mạng Nabi và vương quyền của giáo sĩ Yemen

Da'if (Yếu) LỜI TIÊN TRI VÀ BÁO TRƯỚC

Trong chuyến đi mùa đông, Abdul Muttalib làm khách ở Yemen của một giáo sĩ Do Thái; ông ta nhìn vào lỗ mũi của ông và nói: “Tôi thấy một tay có vương quyền, tay kia có sứ mạng Nabi; chúng tôi thấy điều này ở Banu Zuhrah, khi trở về ông hãy cưới vợ trong họ”; vì thế ông cưới Halah bint Wuhayb và cưới cho con trai là Abdullah bà Aminah bint Wahb.

Trước khi ra đời (khoảng năm 568–570 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 68 (hamlinde görülen âyetler bâbı)

---

## 66. Người Do Thái ở Tayma nhận ra Abdul Muttalib

Da'if (Yếu) LỜI TIÊN TRI VÀ BÁO TRƯỚC

Theo lời Ka'b bin Malik thuật lại từ các bậc trưởng lão trong bộ tộc mình, một người Do Thái từ Tayma đến Makkah làm Umrah đã nhìn Abdul Muttalib và nói: “Trong kinh sách chưa bị sửa đổi của chúng tôi có ghi rằng một vị Nabi xuất thân từ dòng dõi người này sẽ giết chúng tôi như dân Ad.”

Trước khi ra đời / thời thơ ấu (khoảng năm 570–578 CN)

NGUỒN Ebû Nuaym el-İsfahânî, Delâilü'n-nübüvve, 11. fasıl (yetişmesi), no. 101

---

## 67. Phép màu nước phun lên trên đường đến Zamzam

Hasan (Tốt) PHÉP MÀU LIÊN QUAN ĐẾN NƯỚC

Trên đường đến nữ thầy bói của Banu Sa'd (Hudhaym) ở vùng Sham để phân xử tranh chấp về Zamzam, đoàn người bị hết nước giữa sa mạc đến mức tự đào mộ cho mình; khi Abdul Muttalib lên lưng lạc đà, nước ngọt phun ra từ dưới chân con vật; thấy vậy người Quraish nhường Zamzam cho ông.

Khoảng năm 540–550 CN

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 75 (Abdülmuttalib'in Zemzem'i kazması sırasında görülen alâmetler)

---

## 68. Những kẻ phá hồ Zamzam bị bệnh

Da'if (Yếu) PHÉP MÀU HỮU HÌNH

Trước những người Quraish ganh tị ban đêm phá hồ nước mà Abdul Muttalib xây bên Zamzam, ông công bố câu được dạy trong giấc mơ: “Lạy Allah, tôi không cho phép ai dùng nó để tắm; với người uống thì nó là hợp lệ và được phép”; từ đó ai phá hồ đều bị bệnh trên thân thể, và họ thôi không phá nữa.

Khoảng năm 540–550 CN

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 76 (Abdülmuttalib'in Zemzem'i kazması sırasında görülen alâmetler)

---

## 69. Ánh sáng lúc Abdullah ra đời và giấc mơ về con chim

Da'if (Yếu) LỜI TIÊN TRI VÀ BÁO TRƯỚC

Theo lời Abbas kể, khi (cha của Người là) Abdullah ra đời, trên mặt ông có ánh sáng như ánh mặt trời, và Abdul Muttalib nói: “Đứa trẻ này sẽ có địa vị lớn”; trong giấc mơ, một con chim trắng bay ra từ mũi Abdullah, bay đến phương đông và phương tây rồi đậu trên Ka'bah, người Quraish quỳ lạy nó, sau đó con chim trở thành một luồng sáng trải giữa trời và đất từ đông sang tây; nữ thầy bói của Banu Makhzum nói: “Từ xương sống của cậu ấy sẽ xuất hiện một người con mà dân phương đông và phương tây sẽ đi theo.”

Trước khi ra đời, thời điểm không rõ

NGUỒN Râvendî, el-Harâic ve'l-cerâih, c. 3, s. 1067-1068 (el-Bâbü'l-ışrûn fî alâmât ve merâtib nebiyyinâ ve evsiyâih)

---

## 70. Những câu thơ của Tubba' tin vào Nabi ﷺ

**Da'if (Yếu)** LỜI TIÊN TRI VÀ BÁO TRƯỚC

Những câu thơ được nói trước sứ mạng với ý: "Tôi làm chứng rằng Ahmad là sứ giả của Allah, Đấng tạo ra muôn sinh vật; nếu đời tôi kéo dài đến đời người ấy, tôi sẽ là phụ tá và anh em họ của người ấy, và là hình phạt cho những kẻ đa thần" (các nguồn gán những câu thơ này cho Tubba'; trên trang của at-Tabarsi không đọc được tên người nói).

Trước khi ra đời (thời điểm không rõ)

NGUỒN Tabersî, İ'lâmü'l-verâ bi-a'lâmi'l-hüdâ, c. 1, s. 60-61 (er-Rüknü'l-evvel, 2. bâb: âyetleri ve mucizeleri – bi'setten önceki alâmetler)

---

## 71. Bức thư của Tubba' đầu tiên và các học giả ở Yathrib

**Da'if (Yếu)** LỜI TIÊN TRI VÀ BÁO TRƯỚC

Khi Tubba' đầu tiên đến Yathrib, ông nói với Aws và Khazraj: "Hãy ở lại đây cho đến khi vị Nabi này xuất hiện; nếu tôi kịp gặp người ấy, tôi sẽ phục vụ và ra đi cùng người ấy", ông cho bốn trăm học giả định cư ở đó và để lại một bức thư cho biết mình tin vào người ấy; bức thư đến tay Người qua Abu Layla vào thời Hijrah.

Nhiều thế kỷ trước khi ra đời; bức thư được trao: Hijrah, năm 622 CN

NGUỒN İbn Şehrâşûb, Menâkıbü Âl-i Ebî Tâlib (Necef 1376/1956 baskısı), c. 1, s. 17-18 (fasl fi'l-beşâir bi-nübüvvetihî)

---

## 72. Lời cầu xin của Abdul Muttalib và con voi Mahmud trong sự kiện con Voi

**Da'if (Yếu)** PHÉP MÀU LIÊN QUAN ĐẾN LOÀI VẬT

Khi Abrahah tiến quân đến Ka'bah, Abdul Muttalib bám vào vòng cửa Ka'bah cầu xin, ánh sáng trên trán ông chiếu lên Ka'bah và ông xem đó là điềm chiến thắng; ông gọi con voi tên Mahmud: "Mày có biết vì sao chúng đưa mày đến đây không?", và con voi không chịu tiến lại phá Ka'bah.

Năm 570–571 CN (Năm Voi)

NGUỒN İbn Şehrâşûb, Menâkıbü Âl-i Ebî Tâlib (Necef 1376/1956 baskısı), c. 1, s. 26 (fasl fi'l-beşâir bi-nübüvvetihî)

---

## 73. Tin mừng về sứ mạng Nabi của Khalid bin Sinan

**Da'if (Yếu)** LỜI TIÊN TRI VÀ BÁO TRƯỚC

Khalid bin Sinan thuộc bộ tộc Abs, giống như Nabi Isa, đã báo tin mừng về sự xuất hiện của Người.

Trước khi ra đời (thời kỳ gián đoạn giữa các vị Nabi; quyển sách không nêu năm chính xác)

NGUỒN N. İçel, Hz. Muhammed'in (sas) Mucizeleri -1 (2023), "Peygamberimiz Aleyhisselâmın Abs Oğullarına Hâlid b. Sinan'ı Soruşu ve Onlara Onun Başına Gelenleri Haber Verişi" (kitabın dipnotu: Diyarbekrî, Târîh, c:1, s:200)

## 04 · Cha mẹ Người và thời kỳ mang thai của mẹ Người (khoảng năm 569–571 CN)

### 74. Abdullah thoát khỏi bị đem tế nhờ 100 con lạc đà

Da'if (Yếu) DẤU HIỆU TRONG CUỘC ĐỜI CỦA NABI

Lời thề của Abdul Muttalib: cha của Người là Abdullah thoát khỏi việc bị đem tế nhờ khoản chuộc 100 con lạc đà.

Khoảng năm 565–569 CN

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.1 s.69; web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 77; ayrıca: İbnü'l-Cevzî, el-Vefâ, s. 82

### 75. Ánh sáng sứ mạng Nabi chuyển sang Aminah

Da'if (Yếu) PHÉP MÀU HỮU HÌNH

Ánh sáng trên trán cha của Người là Abdullah chuyển sang Aminah khi ông cưới bà.

Khoảng năm 570 CN

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.1 s.72; web: Ebû Nuaym el-İsfahânî, Delâilü'n-nübüvve, 8. fasıl, no. 72-75; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 69-71

### 76. Đạo quân voi bị tiêu diệt bởi chim Ababil

Sahih (Xác thực) PHÉP MÀU CỦA QUR'AN

Đạo quân voi bị tiêu diệt bởi những đàn chim Ababil trước khi đến được Ka'bah.

Năm 570–571 CN (khoảng 50 ngày trước khi ra đời)

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.1 s.85; web: Ebû Nuaym el-İsfahânî, Delâilü'n-nübüvve, 10. fasıl, no. 84-88; Questions on Islam, "Events that Took Place..."; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 73-74; ayrıca: İbnü'l-Cevzî, el-Vefâ, s. 89-90; Meclisî, Bihâru'l-envâr, c. 17, s. 226, 236; Râvendî, el-Harâic, c. 1, s. 114; Kütüb-i Sitte: Buhârî, İlim 39, Lukata 7, Diyât 8; Müslim, Hacc 447, (1355); Buharî, Şurût 15 [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 4285, c./s. 12/233; no. 4266, c./s. 12/172-181]

### 77. Giấc mơ của Aminah và tờ giấy vàng bên đầu giường

Da'if (Yếu) LỜI TIÊN TRI VÀ BÁO TRƯỚC

Trong giấc mơ, mẹ của Người là Aminah được bảo: “Bà đang mang thai người ưu tú nhất trong các tạo vật; khi sinh ra, hãy đặt tên là Ahmad và Muhammad, và hãy treo bản chữ này lên người ấy”; khi tỉnh dậy, bà thấy bên đầu giường một tờ giấy viết bằng vàng (lời cầu xin che chở nơi Allah Duy Nhất).

Năm 570–571 CN

NGUỒN Ebû Nuaym el-İsfahânî, Delâilü'n-nübüvve, 9. fasıl (hamilelik ve doğum alâmetleri), no. 78

### 78. Layla al-Adawiyyah thấy ánh sáng nơi Abdullah

Da'if (Yếu) PHÉP MÀU HỮU HÌNH

Khi cha của Người là Abdullah đi ngang qua Layla al-Adawiyyah với quần áo bám đầy bụi đất, người phụ nữ thấy ánh sáng trên mặt ông và tự đề nghị lấy ông với giá một trăm con lạc đà; Abdullah từ chối, và sau khi ông cưới Aminah, người phụ nữ nói rằng ánh sáng đã chuyển sang Aminah.

Khoảng năm 570 CN (trước khi ra đời)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 69 (Abdullah'ın alnındaki nur ve Âmine ile evlenmesi rivayetleri)

## 79. Qutaylah thấy ánh sáng trên mặt Abdullah

Da'if (Yếu) PHÉP MÀU HỮU HÌNH

Qutaylah bint Nawfal, em gái của Waraqah bin Nawfal, thấy ánh sáng rạng rỡ trên mặt Abdullah như vệt trắng trên trán ngựa và tự đề nghị lấy ông; khi Abdullah từ chỗ Aminah trở về, bà nói: "Ánh sáng trên mặt anh không còn nữa", rồi thôi.

Khoảng năm 570 CN (trước khi ra đời)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 71 (Abdullah'ın alnındaki nur ve Âmine ile evlenmesi rivayetleri)

## 80. Aminah không nặng nề, khó nhọc khi mang thai

Da'if (Yếu) DẤU HIỆU TRONG CUỘC ĐỜI CỦA NABI

Khi mang thai Người, mẹ của Người là Aminah không hề cảm thấy sự nặng nề và khó chịu mà các phụ nữ khác thường gặp, và suốt thai kỳ bà không gặp khó khăn nào.

Năm 570–571 CN (thai kỳ)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 71, 79 (Hamilelik ve doğum alâmetleri)

## 81. Các con vật của Quraish báo tin mừng về thai kỳ

Da'if (Yếu) PHÉP MÀU LIÊN QUAN ĐẾN LOÀI VẬT

Đêm mẹ Người thụ thai Người, tất cả các con vật của Quraish đều cất tiếng nói: "Thiên Sứ của Allah đã được thụ thai."

Năm 570 CN (khởi đầu thai kỳ)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 81 (Doğum gecesi görülen mucize ve hususiyetler)

## 82. Ngai vàng các vua bị lật đổ và các thầy bói câm lặng

Da'if (Yếu) PHÉP MÀU HỮU HÌNH

Sáng hôm sau đêm mẹ Người thụ thai Người, ngai vàng của tất cả các vị vua trên thế gian đều bị lật đổ, các vị vua không thể nói được trong ngày hôm đó và kiến thức của các thầy bói bị cắt đứt.

Năm 570 CN (khởi đầu thai kỳ)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 81 (Doğum gecesi görülen mucize ve hususiyetler)

## 83. Muôn loài báo tin mừng và tiếng gọi từ trời suốt thai kỳ

Da'if (Yếu) PHÉP MÀU LIÊN QUAN ĐẾN LOÀI VẬT

Khi mẹ Người thụ thai Người, thú hoang của phương đông và phương tây cùng các sinh vật dưới biển báo tin mừng cho nhau; mỗi tháng của thai kỳ, trên đất và trên trời đều có tiếng gọi: "Đã đến lúc Abul Qasim xuất hiện, hãy vui mừng."

Năm 570–571 CN (thai kỳ)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 81 (Doğum gecesi görülen mucize ve hususiyetler)

## 84. Lời cầu xin của các Thiên Thần về đứa trẻ mồ côi và lời đáp của Allah

Da'if (Yếu) DẤU HIỆU TRONG CUỘC ĐỜI CỦA NABI

Khi cha của Người là Abdullah qua đời, các Thiên Thần nói: "Vị Nabi của Ngài đã thành trẻ mồ côi", Allah phán: "Ta là Đấng bảo hộ, Đấng che chở và Đấng giúp đỡ người ấy."

Năm 570–571 CN (trước khi ra đời)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 81 (Doğum gecesi görülen mucize ve hususiyetler)

## 85. Fatimah bint Murr và ánh sáng sứ mạng Nabi

Da'if (Yếu) DẤU HIỆU TRONG CUỘC ĐỜI CỦA NABI

Các lời thuật của Ibn Abbas và Abul Fayyad al-Khath'ami: Fatimah bint Murr al-Khath'amiyyah, một nữ thầy bói ở Tabalah từng đọc kinh sách, thấy ánh sáng của sứ mạng Nabi trên mặt Abdullah và tự đề nghị lấy ông với giá một trăm con lạc đà; Abdullah từ chối bằng câu thơ "Cái chết còn gần hơn điều cấm" rồi đến với Aminah; khi ông trở lại, người phụ nữ nói: "Đó là một lần thôi, hôm nay không còn nữa; Allah đã đặt ánh sáng ấy vào nơi khác."

Khoảng năm 570 CN (trước khi ra đời)

NGUỒN İbnü'l-Cevzî, el-Vefâ bi-ahvâli'l-Mustafâ (thk. M. Abdülkādir Atâ, DKİ 1408/1988), tek cilt, s. 84 (Abdullah'ın Âmine ile evlenmesi bâbı)

## 86. Miếng sắt hộ thân của Aminah đứt rời một cách kỳ diệu

Da'if (Yếu) PHÉP MÀU HỮU HÌNH

Khi mẹ Người là Aminah mang thai, miếng sắt mà bà đeo ở tay và cổ để hộ thân theo lời khuyên của các phụ nữ lần nào cũng bị thấy đứt rời.

Năm 570–571 CN (thai kỳ/ra đời)

NGUỒN İbnü'l-Cevzî, el-Vefâ bi-ahvâli'l-Mustafâ (thk. M. Abdülkādir Atâ, DKİ 1408/1988), tek cilt, s. 85 (17. bâb: Âmine'nin hamileliğinde olanlar)

## 87. Các Thiên Thần bảo vệ Abdullah khỏi người Do Thái

Da'if (Yếu) DẤU HIỆU TRONG CUỘC ĐỜI CỦA NABI

Khi cha của Người là Abdullah còn trẻ đi săn, tám mươi người Do Thái mang gươm và dao bao vây ông để dập tắt ánh sáng của Allah; Wahb bin Abd Manaf đang săn gần đó thấy rất nhiều Thiên Thần mang vũ khí đuổi người Do Thái đi, và vì thế ông gả con gái là Aminah cho Abdullah.

Trước khi ra đời (khoảng năm 569–570 CN)

NGUỒN Râvendî, el-Harâic ve'l-cerâih, c. 1, s. 129 (el-Bâbü'l-evvel fî mu'cizâti nebiyyinâ Muhammed)

## 88. Fatimah bint Murrah tìm kiếm ánh sáng sứ mạng Nabi

Da'if (Yếu) DẤU HIỆU TRONG CUỘC ĐỜI CỦA NABI

Fatimah bint Murrah, một người phụ nữ từng đọc kinh sách, thấy ánh sáng của sứ mạng Nabi trên mặt Abdullah và tự đề nghị lấy ông với giá một trăm con lạc đà, nhưng Abdullah từ chối; sau khi ông cưới Aminah, bà nói: "Tôi đã thấy ánh sáng sứ mạng Nabi trên mặt anh và muốn nó thuộc về tôi; hôm nay nó không còn nữa."

Khoảng năm 570 CN

NGUỒN İbn Şehrâşûb, Menâkıbü Âl-i Ebî Tâlib (Necef 1376/1956 baskısı), c. 1, s. 26 (fasl fi'l-beşâir bi-nübüvvetihî)

---

## 89. Chiếc áo choàng đẫm máu của Nabi Yahya và các giáo sĩ

**Da'if (Yếu)** LỜI TIÊN TRI VÀ BÁO TRƯỚC

Trong tay các giáo sĩ Do Thái có chiếc áo choàng len trắng thấm máu của Yahya bin Zakariya; đúng như dấu hiệu trong kinh sách của họ, chiếc áo bắt đầu nhỏ máu; từ đó họ hiểu rằng cha của Người (Abdullah) đã xuất hiện, họ tụ họp lại để giết Abdullah nhưng không thành.

Khoảng năm 570 CN (trước khi ra đời)

NGUỒN İbn Şehrâşûb, Menâkıbü Âl-i Ebî Tâlib (Necef 1376/1956 baskısı), c. 1, s. 27 (fasl fî mevlidihî)

---

## 90. Ánh sáng trên trán Abdullah và những gì sau đó

**Da'if (Yếu)** PHÉP MÀU HỮU HÌNH

Trên trán Abdullah có ánh sáng; đêm ông cưới Aminah, hai trăm phụ nữ chết vì ghen tuông và buồn khổ; sau khi Aminah mang thai Người, không ai còn để ý đến Abdullah nữa.

Khoảng năm 570 CN

NGUỒN İbn Şehrâşûb, Menâkıbü Âl-i Ebî Tâlib (Necef 1376/1956 baskısı), c. 1, s. 27 (fasl fî mevlidihî)

## 05 · Những điều xảy ra khi Người ra đời (năm 571 CN)

### 91. Ánh sáng soi tỏ các cung điện Busra mà Aminah thấy

Sahih (Xác thực) PHÉP MÀU HỮU HÌNH

Khi mang thai hoặc lúc sinh Người, mẹ Người là Aminah nhờ ánh sáng tỏa ra từ mình đã nhìn thấy các cung điện ở Sham (Busra).

Năm 571 CN (Năm Voi, ra đời)

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.1 s.51; web: A'zamî, el-Câmiu'l-Kâmil, Sîre, bâb 569; Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 29. fasıl; Questions on Islam, "Events that Took Place Before the Assignment of Prophethood"; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 78-79; ayrıca: İbnü'l-Cevzî, el-Vefâ, s. 91-92, 29; Meclisî, Bihâru'l-envâr, c. 17, s. 293; Râvendî, el-Harâic, c. 3, s. 1066; 1068; Tabersî, İ'lâmü'l-verâ, c. 1, s. 55; İbn Şehrâşûb, Menâkıb, c. 1, s. 31; Tabersî, el-İhticâc, c. 1, s. 331-332; ayrıca: N. İçel, Hz. Muhammed'in (sas) Mucizeleri -1 (2023), "3- HZ. MUHAMMED ALEYHİSSELÂM'IN DOĞUMU GECESİNDE MEYDANA GELEN HÂRİKULÂDE HÂDİSELER, MU'CİZELER (3. madde) + Peygamberimiz Aleyhisselâmın Annesine Teslim Edilişi" (kitabın dipnotu: İbn Sa'd, Tabakât, c:1, s:102; Zehebî, Târihiu'l-İslâm, s:47. / İbn Sa'd, Tabakât, c:2, s:102 / İbn Sa'd, Tabakât, c: 2, s:137; Ahmed b. Hanbel, Müsned, c:4, s:32; Buhârî, Sahih, c:5, s:98; Nesâi, Sünen, c:5, s.203)

### 92. Những sự kiện kỳ diệu trong đêm ra đời

Da'if (Yếu) PHÉP MÀU HỮU HÌNH

Những điều kỳ diệu trong đêm Người ra đời như các vì sao sà xuống gần, căn nhà ngập ánh sáng, Người sinh ra đã được cắt bao quy đầu và đã đứt rốn.

Năm 571 CN (Năm Voi, ra đời)

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.1 s.51; web: Heysemî, Mecmau'z-zevâid, K. Alâmâti'n-nübüvve, bâb mevlidihî, no 13839; Ebû Nuaym el-İsfahânî, Delâilü'n-nübüvve, 9. fasıl, no. 76; Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 29. fasıl; Questions on Islam, "Events that Took Place..."; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 78; c. 1, s. 90; ayrıca: İbnü'l-Cevzî, el-Vefâ, s. 92, 93-94; Meclisî, Bihâru'l-envâr, c. 17, s. 299; Râvendî, el-Harâic, c. 2, s. 507; İbn Şehrâşûb, Menâkıb, c. 1, s. 31

### 93. Cung điện Kisra rung chuyển và các tháp sụp đổ

Da'if (Yếu) PHÉP MÀU HỮU HÌNH

Đêm Người ra đời, cung điện của Kisra rung chuyển và 14 tháp canh của nó sụp đổ.

Năm 571 CN (Năm Voi, ra đời)

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.1 s.97; web: Ebû Nuaym el-İsfahânî, Delâilü'n-nübüvve, 9. fasıl, no. 82; Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 29. fasıl; Questions on Islam, "Events that Took Place..."; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 87-88; ayrıca: İbn Şehrâşûb, Menâkıb, c. 1, s. 30; İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî, s. 414; İbnü'l-Cevzî, el-Vefâ, s. 94-97; Beyhakî, Delâilü'n-nübüvve, c. 1, s. 126-129; Ebû Nuaym, Delâilü'n-nübüvve, s. 138-141, no 82; Tabersî, İ'lâmü'l-verâ, c. 1, s. 56; Râvendî, el-Harâic, c. 2, s. 510; WikiShia (Farsça), «Mu'cizât-ı Peygamber» maddesi; ayrıca: N. İçel, Hz. Muhammed'in (sas) Mucizeleri -1 (2023), "3- HZ. MUHAMMED ALEYHİSSELÂM'IN DOĞUMU GECESİNDE MEYDANA GELEN HÂRİKULÂDE HÂDİSELER, MU'CİZELER (10. madde)"

### 94. Ngọn lửa nghìn năm của người Majus bị tắt

Da'if (Yếu) PHÉP MÀU HỮU HÌNH

Đêm Người ra đời, ngọn lửa của người Majus đã cháy suốt một nghìn năm bị tắt.

Năm 571 CN (Năm Voi, ra đời)

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.1 s.97; web: Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 29. fasıl; Questions on Islam, "Events that Took Place..."; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 87; ayrıca: İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî, s. 403, 414; İbnü'l-Cevzî, el-Vefâ, s. 94-97; Beyhakî, Delâilü'n-nübüvve, c. 1, s. 126-129; Ebû Nuaym, Delâilü'n-nübüvve, s. 138-141, no 82; Tabersî, İ'lâmü'l-verâ, c. 1, s. 56; Râvendî, el-Harâic, c. 2, s. 510; WikiShia (Farsça), «Mu'cizât-ı Peygamber» maddesi; ayrıca: N. İçel, Hz. Muhammed'in (sas) Mucizeleri -1 (2023), "3- HZ. MUHAMMED ALEYHİSSELÂM'IN DOĞUMU GECESİNDE MEYDANA GELEN HÂRİKULÂDE HÂDİSELER, MU'CİZELER (11. madde)"

---

## 95. Hồ Sawa khô cạn và giấc mơ của Mubadhan

**Da'if (Yếu)** PHÉP MÀU HỮU HÌNH

Đêm Người ra đời, hồ Sawa khô cạn và giấc mơ của Mubadhan (lời giải của Satih).

Năm 571 CN (Năm Voi, ra đời)

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.1 s.97; web: Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 28. fasıl; Questions on Islam, "Events that Took Place..."; Questions on Islam, "Glad Tidings..."; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 87-88; ayrıca: İbnü'l-Cevzî, el-Vefâ, s. 94-97; Beyhakî, Delâilü'n-nübüvve, c. 1, s. 126-129; Ebû Nuaym, Delâilü'n-nübüvve, s. 138-141, no 82; Tabersî, İ'lâmü'l-verâ, c. 1, s. 56-58; Râvendî, el-Harâic, c. 2, s. 510-513; İbn Şehrâşûb, Menâkıb, c. 1, s. 25; c. 1, s. 29; WikiShia (Farsça), «Mu'cizât-ı Peygamber» maddesi; ayrıca: N. İçel, Hz. Muhammed'in (sas) Mucizeleri -1 (2023), "3- HZ. MUHAMMED ALEYHİSSELÂM'IN DOĞUMU GECESİNDE MEYDANA GELEN HÂRİKULÂDE HÂDİSELER, MU'CİZELER (7. madde)"; "3- HZ. MUHAMMED ALEYHİSSELÂM'IN DOĞUMU GECESİNDE MEYDANA GELEN HÂRİKULÂDE HÂDİSELER, MU'CİZELER (8. madde)"

---

## 96. Dấu ấn sứ mạng giữa hai vai

**Sahih (Xác thực)** PHÉP MÀU HỮU HÌNH

Giữa hai vai của Người có dấu ấn sứ mạng.

Từ lúc ra đời

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.1 s.204; web: Wikipedia, "Miracles of Muhammad"; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 101-103; ayrıca: Râvendî, el-Harâic, c. 1, s. 32; İbn Şehrâşûb, Menâkıb, c. 1, s. 108; Kütüb-i Sitte: Müslim, Fezail 112, (2346); Tirmizî, 42, (3647); Tirmizî, Menakıb 19, (3642); Buhârî 190, 5670 [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 5542, c./s. 15/363-364; no. 5543, c./s. 15/364; no. 5537, c./s. 15/358]

---

## 97. Quỳ lạy lúc chào đời và chiếc chum nứt đôi

**Da'if (Yếu)** PHÉP MÀU HỮU HÌNH

Khi ra đời, Người chống hai tay xuống đất và ngẩng đầu lên trời; chiếc chum lớn úp lên Người bị nứt làm đôi.

Năm 571 CN (ra đời)

NGUỒN Ebû Nuaym el-İsfahânî, Delâilü'n-nübüvve, 9. fasıl (hamilelik ve doğum alâmetleri), no. 80

---

## 98. Những điều bà đỡ Shifa' nghe và thấy lúc sinh

**Da'if (Yếu)** PHÉP MÀU HỮU HÌNH

Shifa', mẹ của Abdurrahman bin Awf (bà đỡ của Người): “Khi Người rơi vào tay tôi và cất tiếng, tôi nghe một giọng nói: ‘Cầu Allah thương xót ngươi’; khoảng giữa phương đông và phương tây sáng rực trước mắt tôi, tôi nhìn thấy các cung điện của La Mã.”

Ra đời, năm 571 CN (Năm Voi)

NGUỒN Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 29. fasıl (doğumundaki ve sonrasındaki alâmetler)

## 99. Tin mừng về ngôi sao của Ahmad mà Hassan bin Thabit nghe được

Da'if (Yếu) LỜI TIÊN TRI VÀ BÁO TRƯỚC

Hassan bin Thabit lúc bảy tuổi nghe một người Do Thái lúc rạng đông đứng trên một tòa tháp ở Madinah, tay cầm đuốc, la lên: "Đêm nay ngôi sao của Ahmad đã mọc; ngôi sao này chỉ mọc khi có sứ mạng Nabi."

Năm 571 CN (đêm ra đời)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 45 (hahamların ve rahiplerin haber vermesi bâbı)

## 100. Lời thú nhận của các giáo sĩ Do Thái về sự ra đời và sứ mạng

Da'if (Yếu) LỜI TIÊN TRI VÀ BÁO TRƯỚC

Các giáo sĩ Do Thái ở Qurayzah, Nadir, Fadak và Khaybar nói vào đêm Người ra đời: "Đêm nay Ahmad đã ra đời, ngôi sao (đỏ) kia đã mọc", và khi Người trở thành Nabi thì nói: "Ahmad đã trở thành Nabi"; Qurayzah dạy con cái họ đọc tên và đặc điểm của Người, nhưng khi Người xuất hiện thì họ ganh tị và phủ nhận.

Năm 571 CN (ra đời) và năm 610 CN (sứ mạng)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 46 (hahamların ve rahiplerin haber vermesi bâbı)

## 101. Tiếng nói về sứ mạng Nabi mà Ziyad bin Labid nghe được

Da'if (Yếu) LỜI TIÊN TRI VÀ BÁO TRƯỚC

Ziyad bin Labid khi đang ở trên một tòa tháp ở Madinah nghe một giọng nói: "Hỡi dân Yathrib, sứ mạng Nabi của con cháu Israel đã qua; với sự ra đời của Ahmad, ngôi sao kia đã mọc; người ấy là vị Nabi cuối cùng, đất di cư của người ấy là Yathrib."

Năm 571 CN (đêm ra đời)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 48 (hahamların ve rahiplerin haber vermesi bâbı)

## 102. Các tượng thần ở Ka'bah đổ nhào trong đêm ra đời

Da'if (Yếu) PHÉP MÀU HỮU HÌNH

Đêm Người ra đời, phần lớn tượng thần trong Ka'bah ngã sấp mặt xuống.

Năm 571 CN (Năm Voi, ra đời)

NGUỒN Questions on Islam, "Events that Took Place Before the Assignment of Prophethood"

## 103. Thung lũng Samawah tràn đầy nước

Da'if (Yếu) PHÉP MÀU LIÊN QUAN ĐẾN NƯỚC

Đêm Người ra đời, thung lũng (dòng sông) Samawah khô cạn suốt một nghìn năm tràn đầy nước.

Năm 571 CN (đêm ra đời)

NGUỒN Nişancızâde, Mir'ât-ı Kâinât'tan

## 104. Ra đời hoàn toàn sạch sẽ và không tì vết

Da'if (Yếu) DẤU HIỆU TRONG CUỘC ĐỜI CỦA NABI

Người ra đời hoàn toàn sạch sẽ, không chút bẩn thỉu hay ô uế nào trên mình.

Năm 571 CN (ra đời)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 79 (Doğum gecesi görülen mucize ve hususiyetler)

---

## 105. Nắm một nắm đất khi ra đời

**Da'if (Yếu)** LỜI TIÊN TRI VÀ BÁO TRƯỚC

Khi ra đời, Người nắm một nắm đất trong tay; nghe chuyện ấy, một người thuộc Banu Lihb nói: "Nếu điềm này đúng, đứa trẻ này sẽ thắng cư dân mặt đất."

Năm 571 CN (ra đời)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 80 (Doğum gecesi görülen mucize ve hususiyetler)

---

## 106. Những hiện tượng của vũ trụ và trời cao trong đêm ra đời

**Da'if (Yếu)** PHÉP MÀU HỮU HÌNH

Đêm Người ra đời, các cổng trời và cổng Thiên Đàng mở ra, các Thiên Thần có mặt, núi non trên thế gian vươn cao và biển cả dâng lên, mặt trời được khoác một ánh sáng lớn, và bảy mươi nghìn tiên nữ Huri chờ đợi sự ra đời của Người trên không trung.

Năm 571 CN (đêm ra đời)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 80 (Doğum gecesi görülen mucize ve hususiyetler)

---

## 107. Shaytan bị xích trong đêm ra đời

**Da'if (Yếu)** PHÉP MÀU HỮU HÌNH

Đêm Người ra đời, Shaytan bị trói bằng bảy mươi sợi xích.

Năm 571 CN (đêm ra đời)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 80 (Doğum gecesi görülen mucize ve hususiyetler)

---

## 108. Những cây bên bờ sông Kawthar và lời cầu xin từ trời

**Da'if (Yếu)** PHÉP MÀU HỮU HÌNH

Để tôn vinh sự ra đời của Người, bảy mươi nghìn cây xạ hương được mọc lên bên bờ sông Kawthar, trái của chúng được làm hương trầm cho cư dân Thiên Đàng, và cư dân các tầng trời cầu xin bình an cho Người.

Năm 571 CN (đêm ra đời)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 81 (Doğum gecesi görülen mucize ve hususiyetler)

---

## 109. Tiếng nói từ Ka'bah và Ka'bah rung chuyển ba ngày

**Da'if (Yếu)** PHÉP MÀU HỮU HÌNH

Khi Người ra đời, suốt nhiều ngày từ bên trong Ka'bah vang lên một giọng nói với ý: "Ánh sáng của ta đã trở về với ta, khách viếng của ta đang đến, ta đang được tẩy sạch khỏi những ô uế của thời Jahiliyah", và Ka'bah rung chuyển ba ngày ba đêm.

Năm 571 CN (ra đời)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 81 (Doğum gecesi görülen mucize ve hususiyetler)

## 110. Những điều Aminah chứng kiến lúc sinh nở

Da'if (Yếu) DẤU HIỆU TRONG CUỘC ĐỜI CỦA NABI

Lúc sinh nở, mẹ Người là Aminah thấy một cánh chim trắng vuốt lên tim bà làm tan nỗi sợ, bà được mời một thức uống màu trắng, và những người phụ nữ cao lớn vây quanh bà.

Năm 571 CN (ra đời)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 82 (Doğum gecesi görülen mucize ve hususiyetler)

## 111. Các Thiên Thần và ba lá cờ mà Aminah thấy

Da'if (Yếu) DẤU HIỆU TRONG CUỘC ĐỜI CỦA NABI

Lúc sinh nở, mẹ Người là Aminah thấy trên không trung những người cầm bình bạc, những con chim mỏ ngọc lục bảo cánh hồng ngọc, và ba lá cờ được cắm, một ở phương đông, một ở phương tây, một trên nóc Ka'bah.

Năm 571 CN (ra đời)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 82 (Doğum gecesi görülen mucize ve hususiyetler)

## 112. Vừa ra đời đã quỳ lạy

Da'if (Yếu) DẤU HIỆU TRONG CUỘC ĐỜI CỦA NABI

Vừa ra đời, Người đã được thấy trong tư thế quỳ lạy.

Năm 571 CN (ra đời)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 82 (Doğum gecesi görülen mucize ve hususiyetler)

## 113. Được mây bao phủ lúc ra đời và tiếng của người gọi

Da'if (Yếu) DẤU HIỆU TRONG CUỘC ĐỜI CỦA NABI

Khi Người ra đời, một đám mây bao phủ Người và làm Người biến mất khỏi tầm mắt, rồi một người gọi cất tiếng: "Hãy đưa người ấy đi khắp phương đông và phương tây của mặt đất để mọi người biết đến"; sau đó có tiếng nói: "Muhammad đã nhận các chìa khóa của chiến thắng, của gió và của sứ mạng Nabi."

Năm 571 CN (ra đời)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 82 (Doğum gecesi görülen mucize ve hususiyetler)

## 114. Các Thiên Thần tắm cho Người và dấu ấn sứ mạng

Da'if (Yếu) DẤU HIỆU TRONG CUỘC ĐỜI CỦA NABI

Khi Người ra đời, ba người (Thiên Thần) mang đến một bình bạc, một chậu ngọc lục bảo xanh và một con dấu bọc lụa trắng, họ tắm cho Người và đóng dấu ấn sứ mạng giữa hai vai Người.

Năm 571 CN (ra đời)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 82-84 (Doğum gecesi görülen mucize ve hususiyetler)

## 115. Thương nhân Do Thái báo các dấu hiệu sứ mạng Nabi trong đêm ra đời

Da'if (Yếu) LỜI TIÊN TRI VÀ BÁO TRƯỚC

Một thương nhân Do Thái sống ở Makkah đến buổi họp của Quraish vào đêm Người ra đời và nói: "Đêm nay vị Nabi của cộng đồng này đã ra đời; giữa hai vai người ấy có một nốt ruồi có lông như bờm ngựa, người ấy sẽ không bú sữa trong hai đêm"; khi thấy đứa trẻ và tìm thấy dấu hiệu, ông ta ngất đi và nói: "Sứ mạng Nabi đã rời khỏi con cháu Israel."

Năm 571 CN (đêm ra đời)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 84 (Doğum gecesi görülen mucize ve hususiyetler)

## 116. Tu sĩ Is báo trước sự ra đời và các dấu hiệu

Da'if (Yếu) LỜI TIÊN TRI VÀ BÁO TRƯỚC

Tu sĩ người Sham tên Is sống ẩn dật ở Marr az-Zahran đã báo trước rằng một vị Nabi sẽ ra đời ở Makkah, và vào đêm Người ra đời ông cho Abdul Muttalib, người đến gặp ông, biết về sự ra đời của cháu mình và các dấu hiệu của nó.

Năm 571 CN (ra đời)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 85 (Doğum gecesi görülen mucize ve hususiyetler)

## 117. Iblis không đến gần được và bị Jibril đá văng

Da'if (Yếu) PHÉP MÀU HỮU HÌNH

Khi Người ra đời, mặt đất bừng sáng, Iblis nói: "Đêm nay đã ra đời một đứa trẻ sẽ phá hỏng công việc của chúng ta"; khi hắn muốn đến gần Người, Jibril đá hắn văng đến Aden.

Năm 571 CN (đêm ra đời)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 86 (Doğum gecesi görülen mucize ve hususiyetler)

## 118. Iblis bị cấm hoàn toàn khỏi bảy tầng trời

Da'if (Yếu) PHÉP MÀU HỮU HÌNH

Iblis vốn có thể lên đến bảy tầng trời; khi Nabi Isa ra đời, hắn bị cấm lên ba tầng trời, khi Người ra đời thì bị cấm lên cả bảy tầng trời (Người ra đời vào ngày thứ Hai lúc rạng đông).

Năm 571 CN (ra đời)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 87 (Doğum gecesi görülen mucize ve hususiyetler)

## 119. Tượng thần của Quraish đổ nhào và bài thơ của tiếng nói vô hình

Da'if (Yếu) LỜI TIÊN TRI VÀ BÁO TRƯỚC

Đêm Người ra đời, Waraqah bin Nawfal, Zayd bin Amr bin Nufayl, Ubaydullah bin Jahsh và Uthman bin al-Huwayrith thấy bức tượng thần của Quraish mà họ đến thăm bị ngã sấp mặt; họ dựng nó lên ba lần nhưng lần nào nó cũng ngã mạnh xuống; Uthman bin al-Huwayrith liền làm thơ về việc ấy, và từ trong tượng một tiếng nói vô hình báo tin Người ra đời bằng thơ.

Năm 571 CN (đêm ra đời)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 88-89 (Doğum gecesi görülen mucize ve hususiyetler)

## 120. Abdul Muttalib đặt cho Người tên "Muhammad"

Da'if (Yếu) DẤU HIỆU TRONG CUỘC ĐỜI CỦA NABI

Khi Người ra đời, ông nội là Abdul Muttalib mổ một con cừu đực làm lễ Aqiqah cho Người, bỏ qua tên của tổ tiên mà đặt cho Người tên "Muhammad", và giải thích lý do: "Tôi muốn Allah trên trời và loài người dưới đất ca ngợi cháu."

Năm 571 CN (ngay sau khi ra đời)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 134 (Allah'ın isimlerinden isim verilmesi hususiyeti)

## 121. Loài Jinn báo tin mừng về sự ra đời bằng thơ

Da'if (Yếu) DẤU HIỆU TRONG CUỘC ĐỜI CỦA NABI

Khi Người ra đời, loài Jinn cất tiếng trên núi Abu Qubays và ở al-Hajun (nơi Quraish giặt quần áo, dưới chân có nghĩa trang) bằng những bài thơ tôn vinh sự ra đời của Người và ca ngợi dòng dõi của Người (do Abdurrahman bin Awf thuật lại).

Năm 571 CN (ra đời)

NGUỒN İbnü'l-Cevzî, el-Vefâ bi-ahvâli'l-Mustafâ (thk. Mustafa Abdülkādir Atâ, Beyrut: Dârü'l-Kütübi'l-İlmiyye, 1408/1988; tek cilt), s. 93 (Ebvâbü bidâyeti nebiyyinâ, 21. bâb: Âmine onu doğururken olanlar)

## 122. Ánh sáng rạng rỡ giữa hai mắt

Da'if (Yếu) PHÉP MÀU HỮU HÌNH

Người chú Abbas vào thăm khi Người ra đời và thấy một ánh sáng rạng rỡ giữa hai mắt Người.

Năm 571 CN (ra đời)

NGUỒN Râvendî, el-Harâic ve'l-cerâih, c. 3, s. 1068 (el-Bâbü'l-ışrûn fî alâmât ve merâtib nebiyyinâ ve evsiyâih)

## 123. Ka'bah quỳ lạy và các tượng thần đổ nhào

Da'if (Yếu) PHÉP MÀU HỮU HÌNH

Đêm Người ra đời, vào lúc nửa đêm, Abdul Muttalib đang ở bên Ka'bah thì thấy Ka'bah cùng bốn góc của nó quỳ lạy hướng về Maqam Ibrahim, rồi đứng thẳng lên và cất tiếng: "Allahu Akbar, Thượng Đế của Muhammad al-Mustafa! Giờ đây Thượng Đế của ta đã tẩy sạch ta khỏi những ô uế của kẻ đa thần", và các tượng thần đổ rạp xuống đất.

Năm 571 CN (đêm ra đời)

NGUỒN İbn Şehrâşûb, Menâkıbü Âl-i Ebî Tâlib (Necef 1376/1956 baskısı), c. 1, s. 28 (fasl fî mevlidihî)

## 124. Các Thiên Thần thăm viếng sau khi ra đời

Da'if (Yếu) DẤU HIỆU TRONG CUỘC ĐỜI CỦA NABI

Sau khi Người ra đời, Abdul Muttalib đến gặp Aminah và hỏi về ánh sáng trên trán bà; Aminah nói: "Tôi đã sinh cháu; các loài chim muốn đem cháu về tổ, các đám mây muốn đem cháu đi theo"; khi ông muốn xem đứa trẻ, người ta nói: "Ba ngày không ai được xem"; khi ông rút gươm định xông vào, một người từ trong bước ra nói: "Hãy

quay lại; trước khi các Thiên Thần thăm viếng xong, không ai trong con cháu Adam được nhìn thấy cậu bé", và Abdul Muttalib run rẩy bước ra.

Năm 571 CN (ra đời)

NGUỒN İbn Şehrâşûb, Menâkıbü Âl-i Ebî Tâlib (Necef 1376/1956 baskısı), c. 1, s. 29 (fasl fî mevlidihî)

---

## 125. Các tượng thần ngã xuống và tiếng gọi từ trời

**Da'if (Yếu)** PHÉP MÀU HỮU HÌNH

Khi Người ra đời, các tượng thần trong Ka'bah ngã sấp mặt và từ trên trời vang lên tiếng gọi: "Hỡi Quraish! Một người cảnh báo đã đến với các ngươi; cùng với người ấy là vinh quang đời đời và lợi ích lớn lao; người ấy là vị Nabi cuối cùng."

Năm 571 CN (đêm ra đời)

NGUỒN İbn Şehrâşûb, Menâkıbü Âl-i Ebî Tâlib (Necef 1376/1956 baskısı), c. 1, s. 31 (fasl fî mevlidihî)

---

## 126. Vũ trụ bừng sáng và muôn loài tán dương

**Da'if (Yếu)** PHÉP MÀU LIÊN QUAN ĐẾN THIÊN NHIÊN

Theo lời Ali kể, khi Người ra đời, tất cả tượng thần trong Ka'bah đều đổ, có tiếng nói "Chân lý đã đến, điều giả dối đã tiêu tan", đêm ấy cả thế gian bừng sáng, mọi hòn đá, viên gạch và cái cây đều cười, mọi vật trên trời và dưới đất đều tán dương Allah.

Năm 571 CN (đêm ra đời)

NGUỒN İbn Şehrâşûb, Menâkıbü Âl-i Ebî Tâlib (Necef 1376/1956 baskısı), c. 1, s. 31 (fasl fî mevlidihî)

---

## 127. Tiếng thét của Shaytan trong đêm ra đời

**Da'if (Yếu)** DẤU HIỆU TRONG CUỘC ĐỜI CỦA NABI

Đêm Người ra đời, Shaytan thét lên một trong bốn tiếng thét lớn mà hắn đã thét trong đời.

Năm 571 CN (đêm ra đời)

NGUỒN N. İçel, Hz. Muhammed'in (sas) Mucizeleri -1 (2023), "3- HZ. MUHAMMED ALEYHİSSELÂM'IN DOĞUMU GECESİNDE MEYDANA GELEN HÂRİKULÂDE HÂDİSELER, MU'CİZELER (6. madde)" (kitabın dipnotu: Süheyli, Ravdu'l-ünüf, c:2, s:149)

## 06 · Thời thơ ấu và những năm Người ở với nhũ mẫu Halimah (năm 571–575 CN)

### 128. Trò chuyện với mặt trăng khi còn trong nôi

Da'if (Yếu) PHÉP MÀU LIÊN QUAN ĐẾN THIÊN NHIÊN

Khi còn trong nôi, Người trò chuyện với mặt trăng, và mặt trăng nghiêng về phía Người chỉ tay; khi Abbas nhắc lại điều này, Người nói: “Ta nói chuyện với nó, nó cũng nói chuyện với ta, nó làm ta quên khóc; ta nghe tiếng nó phát ra khi quỳ lạy dưới Ngai Vương.”

Năm 571–572 CN (thời thơ ấu); Lời thuật: thời kỳ Madinah

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 91 (Beşikteyken ay ile söyleşmesi)

---

### 129. Nói khi còn trong nôi và các Thiên Thần đưa nôi

Da'if (Yếu) PHÉP MÀU HỮU HÌNH

Vừa ra đời hoặc khi còn trong nôi, Người đã nói, nôi của Người được các Thiên Thần đưa, và lời đầu tiên của Người là “Allahu akbaru kabira, wal-hamdu lillahi kathira, wa subhanallahi bukratan wa asila” (khi Halimah cai sữa cho Người, Người cũng nói câu này).

Năm 571–573 CN (thời còn bú)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 91, 93 (Beşikte konuşması)

---

### 130. Giữ phần cho người anh em cùng sữa

Da'if (Yếu) DẤU HIỆU TRONG CUỘC ĐỜI CỦA NABI

Người bú bầu vú phải của Halimah và không chịu bú bầu vú trái (vì đó là phần của người anh em cùng sữa).

Năm 571–573 CN

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 100 (Süt emme döneminde görülen alâmetler) — Halime Hatun'un ailesinin Peygamberimiz Aleyhisselâm yüzünden hayra ve geçim bolluğuna kavuşması hadisesi" (kitabın dipnotu: İbn İshak-İbn Hişam, Sîre, c:1, s:172-173; Taberî, Târih, c:2, s:127; Beyhakî, Delâil, c:1, s:134;İbn Seyyid, Uyünü'l eser, c:1, s:33)

---

### 131. Bầu vú của Halimah đầy sữa

Hasan (Tốt) PHÉP MÀU HỮU HÌNH

Bầu vú đã cạn của Halimah tràn đầy sữa khi bà nhận nuôi Người.

Năm 571–575 CN (ở với mẹ nuôi Halimah)

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.1 s.102; İbn Kesîr s.73; web: Ebû Nuaym el-İsfahânî, Delâilü'n-nübüvve, 11. fasıl, no. 94; Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 29. fasıl; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 92, 97-98; ayrıca: İbnü'l-Cevzî, el-Vefâ, s. 105-107; Râvendî, el-Harâic, c. 1, s. 81-82; ayrıca: N. İçel, Hz. Muhammed'in (sas) Mucizeleri -1 (2023), "4-PEYGAMBERLİĞİNDEN ÖNCE, ONUN NURÂNÎ ŞAHSİYETİYLE ALÂKALI İRHÂSÂT MU'CİZELERİ — Halime Hatun'un ailesinin Peygamberimiz Aleyhisselâm yüzünden hayra ve geçim bolluğuna kavuşması hadisesi" (kitabın dipnotu: İbn İshak-İbn Hişam, Sîre, c:1, s:172-173; Taberî, Târih, c:2, s:127; Beyhakî, Delâil, c:1, s:134;İbn Seyyid, Uyünü'l eser, c:1, s:33)

---

### 132. Phúc lành nơi lạc đà và lừa của Halimah

Hasan (Tốt) PHÉP MÀU LIÊN QUAN ĐẾN LOÀI VẬT

Con lạc đà già của Halimah cho sữa, con lừa yếu ớt của bà vượt lên dẫn đầu đoàn lữ hành.

Năm 571–575 CN (ở với mẹ nuôi Halimah)

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.1 s.102; İbn Kesîr s.73; web: Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 23. fasıl; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 92; ayrıca: İbnü'l-Cevzî, el-Vefâ, s. 105-107; Râvendî, el-Harâic, c. 1, s. 82; İbn Şehrâşûb, Menâkıb, c. 1, s. 32; ayrıca: N. İçel, Hz. Muhammed'in (sas) Mucizeleri -1 (2023), "4-PEYGAMBERLİĞİNDEN ÖNCE, ONUN NURÂNÎ ŞAHSİYETİYLE ALÂKALI İRHÂSÂT MU'CİZELERİ — Halime Hatun'un ailesinin Peygamberimiz Aleyhisselâm yüzünden hayra ve geçim bolluğuna kavuşması hadisesi" (kitabın dipnotu: İbn İshak-İbn Hişam, Sîre, c:1, s:172-173; Taberî, Târih, c:2, s:127; Beyhakî, Delâil, c:1, s:134;İbn Seyyid, Uyünu'l eser, c:1, s:33)

---

## 133. Phúc lành nơi đàn cừu của Halimah trong năm hạn hán

**Hasan (Tốt)** PHÉP MÀU LIÊN QUAN ĐẾN LOÀI VẬT

Trong năm hạn hán, đàn cừu của Halimah trở về với bụng no và bầu vú đầy sữa.

Năm 571–575 CN (ở với mẹ nuôi Halimah)

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.1 s.102; İbn Kesîr s.73; web: Questions on Islam, "Events that Took Place..."; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 92, 98; ayrıca: İbnü'l-Cevzî, el-Vefâ, s. 105-107; Râvendî, el-Harâic, c. 1, s. 82; İbn Şehrâşûb, Menâkıb, c. 1, s. 32; ayrıca: N. İçel, Hz. Muhammed'in (sas) Mucizeleri -1 (2023), "4-PEYGAMBERLİĞİNDEN ÖNCE, ONUN NURÂNÎ ŞAHSİYETİYLE ALÂKALI İRHÂSÂT MU'CİZELERİ — Halime Hatun'un ailesinin Peygamberimiz Aleyhisselâm yüzünden hayra ve geçim bolluğuna kavuşması hadisesi" (kitabın dipnotu: İbn İshak-İbn Hişam, Sîre, c:1, s:172-173; Taberî, Târih, c:2, s:127; Beyhakî, Delâil, c:1, s:134;İbn Seyyid, Uyünu'l eser, c:1, s:33)

---

## 134. Sự kiện mổ ngực lần đầu

**Sahih (Xác thực)** PHÉP MÀU HỮU HÌNH

Ngực của Người được mổ ra và phần của Shaytan được lấy khỏi tim Người (lần mổ ngực đầu tiên).

Khoảng năm 575 CN (4–5 tuổi)

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.1 s.331; web: Mişkâtü'l-Mesâbîh, Fezâil, alâmâtü'n-nübüvve, 1. fasıl, no. 5852; Dârimî, Sünen, Mukaddime, bâbü keyfe kâne evvelü şe'ni'n-nebî, no. 13; A'zamî, el-Câmiu'l-Kâmil, Sîre, bâb 569; Heysemî, Mecmau'z-zevâid, K. Alâmâti'n-nübüvve, bâb fî evveli emrihî ve şerhi sadrihî, no 13841; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 93-96; c. 1, s. 109-110); ayrıca: İbnü'l-Cevzî, el-Vefâ, s. 107-111; İbn Şehrâşûb, Menâkıb, c. 1, s. 32; ayrıca: N. İçel, Hz. Muhammed'in (sas) Mucizeleri -1 (2023), "Peygamberimiz Aleyhisselâmın Göğsünün Melekler Tarafından Yarılışı ve Tartılışı" (kitabın dipnotu: İbn İshak-İbn Hişam, Sîre, c:1, s:175-176; Taberî, Târih, c:2, s:130; Beyhakî, Delâilü'n-nübüvve, c:1, s:135,145-146); Kütüb-i Sitte: Müslim 162

---

## 135. Đám mây che bóng cho Người

**Da'if (Yếu)** PHÉP MÀU LIÊN QUAN ĐẾN THIÊN NHIÊN

Người mẹ nuôi Halimah, khi Người ở với bà, đã thấy một đám mây che bóng cho Người; điều này cũng được thuật lại từ người chị em cùng sữa của Người.

Năm 571–575 CN (ở xứ Banu Sa'd)

NGUỒN Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 29. fasıl (doğumundaki ve sonrasındaki alâmetler)

---

## 136. Lời cảnh báo của thầy bói ở chợ phiên Dhul-Majaz

**Da'if (Yếu)** LỜI TIÊN TRI VÀ BÁO TRƯỚC

Người mẹ nuôi đưa Người đến cho một thầy bói xem ở chợ phiên Dhul-Majaz; thấy đứa trẻ, thầy bói la lên: “Hỡi người Ả Rập, hãy giết đứa trẻ này; nếu nó sống, nó sẽ phá đổ tôn giáo của các người”, và người mẹ nuôi bế Người chạy trốn, cứu được Người.

Khoảng năm 572–575 CN

NGUỒN Ebû Nuaym el-İsfahânî, Delâilü'n-nübüvve, 9. fasıl (hamilelik ve doğum alâmetleri), no. 79

---

## 137. Người Abyssinia thấy các dấu hiệu sứ mạng Nabi

Da'if (Yếu) LỜI TIÊN TRI VÀ BÁO TRƯỚC

Khi ở với Halimah, lúc hai tuổi Người đã lớn như đứa trẻ bốn tuổi; một nhóm người Abyssinia (Kitô giáo) thấy Người, nhìn vào giữa hai vai và vệt đỏ trong mắt Người rồi nói: "Đây là một vị Nabi, hãy đưa cậu bé về xứ chúng ta", và Halimah bế Người chạy trốn.

Khoảng năm 573–575 CN

NGUỒN Ebû Nuaym el-İsfahânî, Delâilü'n-nübüvve, 11. fasıl (yetişmesi), no. 97

---

## 138. Jibril cắt bao quy đầu cho Người

Da'if (Yếu) PHÉP MÀU HỮU HÌNH

Jibril cắt bao quy đầu cho Người khi tẩy sạch tim Người (do Abu Bakrah thuật lại).

Thời thơ ấu, khoảng năm 575 CN

NGUỒN Heysemî, Mecmau'z-zevâid, K. Alâmâti'n-nübüvve, bâbü hitânihî, no 13853 (8/224)

---

## 139. Được cân với mười người trong Ummah

Hasan (Tốt) DẤU HIỆU TRONG CUỘC ĐỜI CỦA NABI

Sau khi ngực Người được mổ ra, các Thiên Thần cân Người với mười người trong Ummah của Người và thấy Người nặng hơn.

Khoảng năm 575 CN (4–5 tuổi)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 94, 96 (Süt emme döneminde görülen alâmetler)

---

## 140. Thầy đoán người Hudhayl bị mất trí

Da'if (Yếu) LỜI TIÊN TRI VÀ BÁO TRƯỚC

Một thầy đoán già thuộc bộ tộc Hudhayl mà Halimah đưa Người đến đã la lên: "Hỡi Hudhayl, các thần của các người!", nói lời xấu về Người, rồi sau đó mất trí và chết trong tình trạng ngoại đạo.

Khoảng năm 572–575 CN

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 99 (Süt emme döneminde görülen alâmetler)

---

## 141. Âm mưu ám sát của người Do Thái vì những điều khác thường thời thơ ấu

Da'if (Yếu) DẤU HIỆU TRONG CUỘC ĐỜI CỦA NABI

Một nhóm người Do Thái đi ngang qua chỗ Halimah, nghe bà kể những gì mẹ Người đã thấy lúc sinh nở và nghe về tình trạng của đứa trẻ, liền nhận ra Người và bàn nhau giết Người.

Khoảng năm 571–575 CN

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 99 (Süt emme döneminde görülen alâmetler)

## 142. Bị lạc ở Makkah và được tìm thấy bên một cái cây

Da'if (Yếu) DẤU HIỆU TRONG CUỘC ĐỜI CỦA NABI

Lời thuật của Ka'b: khi Halimah đưa Người về Makkah, bà đặt Người xuống đất bên cánh cổng lớn thì nghe một tiếng động dữ dội và Người biến mất; Abdul Muttalib gọi “Hỡi dòng họ Ghalib” và cùng Quraish tìm khắp nơi, ông đi Tawaf quanh Ka'bah và khẩn cầu: “Lạy Thượng Đế của tôi, xin trả lại cho tôi người kỵ sĩ Muhammad của tôi”; một người gọi từ trên trời nói: “Đừng khóc; Muhammad có Thượng Đế của mình, Ngài không bỏ rơi và không để mất người ấy; người ấy đang ở bên cây Yemen trong thung lũng Tihamah”, và Người được tìm thấy ở đó đang kéo cành cây chơi đùa.

Khoảng năm 575 CN (Halimah đưa Người về)

NGUỒN İbnü'l-Cevzî, el-Vefâ bi-ahvâli'l-Mustafâ (thk. M. Abdülkādir Atâ, DKİ 1408/1988), tek cilt, s. 112-113 (30. bâb: Halîme'nin onu Mekke'ye getirişi)

## 143. Thiên Thần làm bạn đồng hành từ khi Người được cai sữa

Da'if (Yếu) DẤU HIỆU TRONG CUỘC ĐỜI CỦA NABI

Từ lúc Người được cai sữa, Allah cho một trong những Thiên Thần vĩ đại nhất của Ngài làm bạn đồng hành với Người; Thiên Thần ấy ngày đêm dạy Người con đường của đạo đức cao cả và những phẩm chất tốt đẹp của thế gian (Ali nói: “Tôi đi theo Người như lạc đà con theo mẹ; mỗi năm Người ẩn mình ở Hira, ngoài tôi ra không ai thấy Người”).

Khoảng năm 573 – 610 CN (từ thời thơ ấu đến sứ mạng)

NGUỒN Nehcü'l-Belâğa, hutbe 192 (el-Kâsıa) — usul.ai neşrinde s. 474-475 (Subhî Sâlih neşrinde s. 300-302)

## 144. Sữa chảy ra từ ngực Abu Talib

Da'if (Yếu) PHÉP MÀU HỮU HÌNH

Sau khi ra đời, Người không có sữa bú nhiều ngày; Abu Talib ôm Người vào ngực mình, Allah cho sữa chảy ra từ đó, và Người bú từ ông nhiều ngày cho đến khi được giao cho Halimah (trong al-Kafi, theo Ja'far as-Sadiq).

Năm 571 CN (những ngày đầu sau khi ra đời)

NGUỒN İbn Şehrâşûb, Menâkıbü Âl-i Ebî Tâlib (Necef 1376/1956 baskısı), c. 1, s. 31 (fasl fî menşeihî)

## 145. Lời chào của người đàn ông rạng ngời và đàn linh dương trên đường

Da'if (Yếu) PHÉP MÀU LIÊN QUAN ĐẾN LOÀI VẬT

Khi Halimah đưa Người đi, trên đường một người đàn ông có ánh sáng vươn lên trời xuất hiện, chào bà và nói: “Allah giao cho tôi nhiệm vụ bảo vệ cậu bé”; một đàn linh dương họ gặp cất tiếng: “Hỡi Halimah, bà không biết mình đang nuôi ai; cậu ấy là người trong sạch nhất trong những người trong sạch”; mỗi thung lũng họ xuống, mỗi ngọn đồi họ lên đều chào Người.

Năm 571 CN

NGUỒN İbn Şehrâşûb, Menâkıbü Âl-i Ebî Tâlib (Necef 1376/1956 baskısı), c. 1, s. 32 (fasl fî menşeihî)

## 146. Sự trong sạch vượt trội bên Halimah và sự che chở của Thiên Thần

Da'if (Yếu) DẤU HIỆU TRONG CUỘC ĐỜI CỦA NABI

Khi ở với Halimah, quần áo của Người không bao giờ bẩn, phần kín của Người không bao giờ lộ ra, Người chỉ đi vệ sinh mỗi ngày một lần (vào giờ nhất định); Halimah thấy trên giường bên cạnh Người một chàng trai (Thiên Thần) sửa sang quần áo cho Người.

Năm 571–575 CN

NGUỒN İbn Şehrâşûb, Menâkıbü Âl-i Ebî Tâlib (Necef 1376/1956 baskısı), c. 1, s. 32 (fasl fî menşeihî)

# 07 · Thời niên thiếu (năm 575–583 CN)

## 147. Sayf bin Dhi Yazan báo tin mừng về sứ mạng Nabi

**Da'if (Yếu)** LỜI TIÊN TRI VÀ BÁO TRƯỚC

Vua Yemen Sayf bin Dhi Yazan báo cho Abdul Muttalib biết rằng cháu của ông sẽ trở thành Nabi.

Khoảng năm 573–575 CN

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.1 s.335; web: Ebû Nuaym el-İsfahânî, Delâilü'n-nübüvve, 5-6. fasıl, no. 50; Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 28. fasıl; Questions on Islam, "Glad Tidings..."; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 139; ayrıca: İbnü'l-Cevzî, el-Vefâ, s. 119-125; Meclisî, Bihâru'l-envâr, c. 17, s. 226, 236; Râvendî, el-Harâic, c. 1, s. 114-115; c. 1, s. 129-130; c. 3, s. 1071-1073; Tabersî, İ'lâmü'l-verâ, c. 1, s. 62-65; İbn Şehrâşûb, Menâkıb, c. 1, s. 20; ayrıca: N. İçel, Hz. Muhammed'in (sas) Mucizeleri -1 (2023), "Yemen Hükümdarı Seyf b. Zî Yezen'in Yanında Sakladığı Bir Kitapta Peygamberimiz Aleyhisselâm Hakkında Yazılı Haberleri Abdulmuttalib'e Açıklayışı" (kitabın dipnotu: Ebu Nuaym, Delâilü'n-nübüvve, c:1, s:95; Beyhakî, Delâil'ü Nübüvve c:2; s:9 / Ebu'l-Ferec, İbn Cevzî, el-Vefâ, c:1, s:12 / Süheylî, Ravdu'l-ünüf, c:2, s:88 / Ebu'l-Ferec İbn Cevzî, el-Vefâ, c:1, s:123 / Ebu Nuaym, Delâilü'n-nübüvve, c:1, s.95-97; Beyhakî, Delâil'ü- Nübüvve, c:2; s:10-12 / İbn Abdi Rabbih, Ikdu'l-Ferîd, c:2, s:27; Ebu Nuaym, Delâilü'n-nübüvve, c:1, s:98 / Ebu Nuaym, Delâilü'n-nübüvve, c:1, s:98-99; Beyhakî, Delâil'ü Nübüvve c:2, s:10-13 / İbn Abdi Rabbih, Ikdu'l-Ferîd, c:2, s:27, Ebu Nuaym, Delâil, c:1, s:98, Beyhakî, Delâil, c:2, s:14; Ebu'l-Ferec, el-Vefâ, c: 1, s: 128 / İbn Abdi Rabbih, Ikdu'l-Ferîd, c:2, s:27; Ebu Nuaym, Delâil, c:1, s:98; Beyhakî, Delâil, c:2, s:14; İbn Kuteybe, Kitâbu'l-maârif, s:278)

---

## 148. Abdul Muttalib cầu mưa nhờ Người

**Da'if (Yếu)** PHÉP MÀU LIÊN QUAN ĐẾN THIÊN NHIÊN

Trong cơn hạn hán, ông nội Abdul Muttalib đặt Người lên vai và cầu xin, và mưa đã rơi.

Khoảng năm 577–578 CN

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.1 s.341; web: Heysemî, Mecmau'z-zevâid, K. Alâmâti'n-nübüvve, bâb fî kerâmeti aslihî, no 13837; Questions on Islam, "The miracles occurring upon the prayer of the prophet Muhammad"; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 136; ayrıca: İbnü'l-Cevzî, el-Vefâ, s. 118; ayrıca: N. İçel, Hz. Muhammed'in (sas) Mucizeleri -1 (2023), "Abdulmuttalib Dedenin Yağmur Duası İçin Peygamberimiz Aleyhisselâmı Ebu Kubeys Dağına Omuzunda Çıkarışı" (kitabın dipnotu: İbn Sa'd, Tabakât, c:2, s:89-90,102;Beyhakî, Delâil, c:2, s:15-17;Suyûtî, Hasâis, c:1, s:198; İbn Cevzî, el-Vefâ, c:1, s:120-121; Belâzurî, Ensâb, c:1, s:83)

---

## 149. Abdul Muttalib dặn giao Người cho Abu Talib

**Da'if (Yếu)** DẤU HIỆU TRONG CUỘC ĐỜI CỦA NABI

Vì những dấu hiệu nghe được từ các tu sĩ, khi sắp qua đời Abdul Muttalib đã dặn giao Người cho Abu Talib.

Khoảng năm 578–579 CN

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.1 s.346; web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 138; ayrıca: Tabersî, İ'lâmü'l-verâ, c. 1, s. 61-62

---

## 150. Làm nước phun lên từ đất cho Abu Talib

**Da'if (Yếu)** PHÉP MÀU LIÊN QUAN ĐẾN NƯỚC

Vì người chú Abu Talib khát nước, Người đập xuống đất làm nước phun lên (vùng Dhul-Majaz/Arafat).

Khoảng năm 580–590 CN

NGUỒN 19. Mektup listesi (183.txt) no.35; web: Said Nursî, Mektubat, 19. Mektup, 8. İşaret, 9. misal; Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 14. fasıl; Questions on Islam, "Miracles Concerning Water"; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 207; ayrıca: İbnü'l-Cevzî, el-Vefâ, s. 128; İbn Hamza et-Tûsî, es-Sâkıb, s. 45-46, no. 10/10

## 151. Đám mây che bóng và lời làm chứng của Bahira

Hasan (Tốt) PHÉP MÀU LIÊN QUAN ĐẾN THIÊN NHIÊN

Trong chuyến đi Sham cùng Abu Talib và các thủ lĩnh Quraish, khi Người đến chỗ tu sĩ, một đám mây che bóng cho Người; tu sĩ báo trước sứ mạng Nabi của Người, nói rằng khi Người đến gần con dốc, ông thấy mọi cây cối và đá đều quỳ lạy Người, và ông thấy dấu ấn sứ mạng trên vai Người.

Trước sứ mạng Nabi, chuyến đi Sham cùng Abu Talib (khoảng năm 582 CN)

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.1 s.350; 19. Mektup listesi (183.txt) no.159; 1000 Mucize no.208 (s.189); web: Tirmizî, Menâkıb, bâbü mâ câe fî bed'i nübüvveti'n-nebî, no. 3620; Ebû Nuaym el-İsfahânî, Delâilü'n-nübüvve, 11. fasıl, no. 109; Said Nursî, Mektubat, 19. Mektup, 11. İşaret, 8. misal; Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 18. fasıl; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 141-145; ayrıca: İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî, s. 428; İbnü'l-Cevzî, el-Vefâ, s. 130-131 ve 137; Beyhakî, Delâilü'n-nübüvve, c. 2, s. 24-25; Meclisî, Bihâru'l-envâr, c. 17, s. 231; c. 17, s. 354-355; Râvendî, el-Harâic, c. 1, s. 30; c. 1, s. 71-72; c. 1, s. 138; c. 3, s. 1084-1085; Tabersî, İ'lâmü'l-verâ, c. 1, s. 65-67; İbn Şehrâşûb, Menâkıb, c. 1, s. 36-37; WikiShia (Farsça), «Mu'cizât-ı Peygamber» maddesi; al-shia.org (Farsça mucize listeleri); ayrıca: N. İçel, Hz. Muhammed'in (sas) Mucizeleri -1 (2023), "Rahip Bahîra'nın Kervan Halkına Ziyâfet Çekişi" (kitabın dipnotu: İbn Sa'd, Tabakât, c:1, s:153; Ebu Nuaym, Delâilü'n-nübüvve, c:1, s:168; Beyhakî, Delail'ü Nübüvve c:2, s:24-25; İbn Hacer,İsabe, c:1, s:176 / Beyhakî, Delâil'ü Nübüvve, c:2; s:24-25; İbn Hacer, İsâbe, c:1, s:176; Süheyî, Ravdu'l-ünüf, c:2, s:220; Mes'ûdî, Murûcu'z-zeheb, c:1. S:75); "Rahip Bahîra'nın Peygamberimiz aleyhisselâm Hakkındaki Teşhisi ve Ebu Tâlib'i Uyarışı" (kitabın dipnotu: İbn Sa'd, Tabakât, c:11, s:155; Ebu Nuaym, Delâilü'n-nübüvve, c:1, s:170; Beyhakî, Delail'ü Nübüvve, c:2; s:27; Abdurrezzak, Musannef, c:5, s:318); Kütüb-i Sitte: Tirmizî, Menâkıb 5 (3624) [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 5557, c./s. 15/373-374]

## 152. Bóng cây nghiêng xuống và lời cảnh báo của tu sĩ

Hasan (Tốt) PHÉP MÀU LIÊN QUAN ĐẾN THIÊN NHIÊN

Trong chuyến đi Sham, đoàn người đã chiếm hết bóng cây; khi Người đến, bóng cây nghiêng về phía Người, và tu sĩ nói: “Hãy nhìn, cái cây nghiêng về phía cậu ấy”; vì tu sĩ cảnh báo rằng người La Mã sẽ giết Người, Abu Talib đưa Người trở về.

Trước sứ mạng Nabi, chuyến đi Sham cùng Abu Talib (khoảng năm 582 CN)

NGUỒN 1000 Mucize no.209 (s.189); web: Ebû Nuaym el-İsfahânî, Delâilü'n-nübüvve, 11. fasıl, no. 108; Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 18. fasıl; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 142-143; ayrıca: İbnü'l-Cevzî, el-Vefâ, s. 131; Beyhakî, Delâilü'n-nübüvve, c. 2, s. 25; ayrıca: N. İçel, Hz. Muhammed'in (sas) Mucizeleri -1 (2023), "Rahip Bahîra'nın Kervan Halkına Ziyâfet Çekişi" (kitabın dipnotu: İbn Sa'd, Tabakât, c:1, s:153; Ebu Nuaym, Delâilü'n-nübüvve, c:1, s:168; Beyhakî, Delail'ü Nübüvve c:2, s:24-25; İbn Hacer,İsabe, c:1, s:176 / Beyhakî, Delâil'ü Nübüvve, c:2; s:24-25; İbn Hacer, İsâbe, c:1, s:176; Süheyî, Ravdu'l-ünüf, c:2, s:220; Mes'ûdî, Murûcu'z-zeheb, c:1. S:75); "Rahip Bahîra'nın Peygamberimiz aleyhisselâm Hakkındaki Teşhisi ve Ebu Tâlib'i Uyarışı" (kitabın dipnotu: İbn Sa'd, Tabakât, c:11, s:155; Ebu Nuaym, Delâilü'n-nübüvve, c:1, s:170; Beyhakî, Delail'ü Nübüvve, c:2; s:27; Abdurrezzak, Musannef, c:5, s:318); Kütüb-i Sitte: Tirmizî, Menâkıb 5 (3624) [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 5557, c./s. 15/373-374]

## 153. Gia đình Abu Talib được no khi ăn cùng Người

Da'if (Yếu) PHÉP MÀU LIÊN QUAN ĐẾN THỨC ĂN

Khi còn nhỏ, mỗi lần Người ăn cùng người chú Abu Talib và gia đình ông, tất cả đều no nê; khi không có Người, họ ăn mà không no.

Khoảng năm 578–590 CN (dưới sự che chở của Abu Talib)

NGUỒN Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 29. fasıl (doğumundaki ve sonrasındaki alâmetler)

## 154. Buổi sáng thức dậy tóc đã xức dầu, mắt đã kẻ chì

Da'if (Yếu) PHÉP MÀU HỮU HÌNH

Các con khác của Abu Talib buổi sáng thức dậy đầu tóc rối bời, mắt đầy ghèn, còn Người thức dậy với mái tóc được xức dầu và mắt được kẻ chì.

Khoảng năm 578–590 CN (dưới sự che chở của Abu Talib)

NGUỒN Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 29. fasıl (doğumundaki ve sonrasındaki alâmetler)

## 155. Umm Ayman chưa từng thấy Người than đói khát

Da'if (Yếu) DẤU HIỆU TRONG CUỘC ĐỜI CỦA NABI

Người vú nuôi Umm Ayman: “Tôi chưa bao giờ thấy Người than đói hay than khát, dù lúc nhỏ hay lúc lớn.”

Thời thơ ấu và sau đó

NGUỒN Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 29. fasıl (doğumundaki ve sonrasındaki alâmetler)

## 156. Người Do Thái ở Madinah nhận ra dấu hiệu trên lưng

Da'if (Yếu) LỜI TIÊN TRI VÀ BÁO TRƯỚC

Năm sáu tuổi, khi cùng mẹ và Umm Ayman đến Madinah thăm các cậu (con cháu Adi bin an-Najjar), những người Do Thái nhìn Người, thấy dấu hiệu trên lưng Người và nói: “Đây là vị Nabi của cộng đồng này; nơi này là đất di cư của người ấy”; Aminah sợ hãi và quay về.

Khoảng năm 577 CN

NGUỒN Ebû Nuaym el-İsfahânî, Delâilü'n-nübüvve, 11. fasıl (yetişmesi), no. 99

## 157. Được che chở không cho đến gần tượng thần Buwanah

Da'if (Yếu) DẤU HIỆU TRONG CUỘC ĐỜI CỦA NABI

Khi bị các chú và các cô nài ép, Người đến lễ hội của tượng thần Buwanah mà Quraish viếng hằng năm, rồi trở về trong sợ hãi; Người nói: “Mỗi lần tôi đến gần tượng thần, một người đàn ông cao lớn mặc đồ trắng lại hét lên: ‘Lùi lại, hỡi Muhammad, đừng chạm vào nó’”, và từ đó Người không bao giờ đến lễ hội nào của họ nữa.

Trước sứ mạng (thời thơ ấu/thời trẻ)

NGUỒN Ebû Nuaym el-İsfahânî, Delâilü'n-nübüvve, 13. fasıl (ismet ve korunması), no. 129

## 158. Bị cấm đứng bên tượng thần Isaf

Da'if (Yếu) DẤU HIỆU TRONG CUỘC ĐỜI CỦA NABI

Khi còn nhỏ, lúc đứng cùng các anh em họ bên tượng thần Isaf cạnh Zamzam, Người ngẩng đầu lên trời rồi quay đi và nói: “Tôi đã bị cấm đứng bên tượng thần này.”

Trước sứ mạng (thời thơ ấu)

NGUỒN Ebû Nuaym el-İsfahânî, Delâilü'n-nübüvve, 13. fasıl (ismet ve korunması), no. 130

## 159. Được che chở để phần kín không bị lộ khi sửa Ka'bah

Sahih (Xác thực) DẤU HIỆU TRONG CUỘC ĐỜI CỦA NABI

Khi còn nhỏ, lúc Abu Talib sửa giếng Zamzam, Người khuân đá và vừa vén tấm khố lên thì ngất đi; tỉnh lại, Người nói: "Có một người mặc đồ trắng đến bảo: 'Hãy che lại'"; Ibn Abbas xem đây là dấu hiệu đầu tiên của sứ mạng Nabi mà ông thấy được.

Trước sứ mạng (thời thơ ấu)

NGUỒN Ebû Nuaym el-İsfahânî, Delâilü'n-nübüvve, 13. fasıl (ismet ve korunması), no. 135

## 160. Ngực được mổ lần thứ hai năm mười tuổi

Sahih (Xác thực) PHÉP MÀU HỮU HÌNH

Khi Người mười tuổi và mấy tháng, giữa sa mạc có hai người đàn ông (Jibril và Mika'il) hiện ra trên đầu Người, đặt Người nằm xuống đất và mổ ngực Người mà không gây đau đớn, không làm chảy máu, lấy đi lòng thù hận và ganh ghét, đặt vào đó lòng trắc ẩn và thương xót (Ubayy bin Ka'b thuật lại từ Abu Hurairah).

Vùng quanh Makkah, khoảng năm 581 CN (10 tuổi)

NGUỒN Heysemî, Mecmau'z-zevâid, K. Alâmâti'n-nübüvve, no 13843-13844 (8/222-223)

## 161. Abdul Muttalib khẩn cầu vì đàn lạc đà bị lạc

Hasan (Tốt) DẤU HIỆU TRONG CUỘC ĐỜI CỦA NABI

Ông nội Abdul Muttalib sai đứa cháu nhỏ đi tìm đàn lạc đà bị lạc; khi cháu về trễ, ông đi Tawaf quanh Ka'bah và khẩn cầu: "Lạy Thượng Đế của tôi, xin trả lại cho tôi người kỵ sĩ Muhammad của tôi"; khi Người trở về cùng đàn lạc đà, ông nói: "Việc gì tôi sai cháu làm, cháu đều làm thành công trở về" (theo Kindir bin Sa'id thuật lại từ cha mình).

Makkah, khoảng năm 577–578 CN

NGUỒN Heysemî, Mecmau'z-zevâid, K. Alâmâti'n-nübüvve, no 13854 (8/224)

## 162. Bài thơ của Aminah lúc lâm chung và tiếng khóc than của loài Jinn

Da'if (Yếu) LỜI TIÊN TRI VÀ BÁO TRƯỚC

Trên giường bệnh lúc lâm chung, mẹ Người là Aminah nhìn Người và đọc thơ với ý: "Nếu điều mẹ thấy trong mơ là thật, con sẽ được Allah, Đấng uy nghi, cử đến với loài người; con sẽ được cử phái với tôn giáo của Ibrahim và tránh xa các tượng thần"; khi bà qua đời, người ta nghe loài Jinn khóc than cho bà.

Khoảng năm 577 CN (al-Abwa', 6 tuổi)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 135 (Annesinin vefatında görülen âyetler)

## 163. Khi còn nhỏ ngồi lên tấm nệm của Abdul Muttalib

Da'if (Yếu) LỜI TIÊN TRI VÀ BÁO TRƯỚC

Khi còn nhỏ, Người ngồi lên tấm nệm trải cho Abdul Muttalib dưới bóng Ka'bah, nơi ngay cả các con trai ông cũng không ngồi; khi các chú muốn kéo Người ra, Abdul Muttalib nói: "Hãy để con trai tôi yên, nó sẽ có địa vị lớn; tôi cảm thấy vương quyền nơi nó."

Khoảng năm 577–579 CN

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 138 (Abdülmuttalib'in onun şanını bilmesi)

---

## 164. Banu Mudlij ví với dấu chân của Ibrahim

**Da'if (Yếu)** DẤU HIỆU TRONG CUỘC ĐỜI CỦA NABI

Một nhóm người Banu Mudlij giỏi theo dấu nói với Abdul Muttalib: "Hãy bảo vệ đứa trẻ này cẩn thận; chúng tôi chưa thấy bàn chân nào giống dấu chân (của Ibrahim) ở Maqam hơn bàn chân của nó."

Khoảng năm 577–579 CN

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 138 (Abdülmuttalib'in onun şanını bilmesi)

---

## 165. Giám mục Najran nhận ra Người

**Da'if (Yếu)** LỜI TIÊN TRI VÀ BÁO TRƯỚC

Vị giám mục Najran khi nói chuyện với Abdul Muttalib bảo: "Chúng tôi thấy trong kinh sách của mình đặc điểm của vị Nabi còn lại từ con cháu Isma'il"; đúng lúc đó đứa trẻ đến, ông nhìn mắt, lưng và bàn chân Người rồi nói: "Chính là người này", và hỏi về dòng dõi của Người.

Khoảng năm 577–579 CN

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 138-139 (Abdülmuttalib'in onun şanını bilmesi)

---

## 166. Bahira ngăn âm mưu ám sát của ba người Kinh Sách

**Hasan (Tốt)** LỜI TIÊN TRI VÀ BÁO TRƯỚC

Ba người thuộc Người Kinh Sách (Zarir, Tammam, Daris) đến chỗ Bahira với ý định giết Người; Bahira nói: "Không ai ngăn được việc Allah muốn", nhắc họ về đặc điểm của Người trong kinh sách và khiến họ từ bỏ ý định.

Khoảng năm 582–583 CN (12 tuổi)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 144 (Ebû Tâlib'le Şam yolculuğu ve Bahîrâ haberi)

---

## 167. Abu Talib cầu mưa nhờ phẩm giá gương mặt Người

**Da'if (Yếu)** PHÉP MÀU LIÊN QUAN ĐẾN THIÊN NHIÊN

Trong cơn hạn hán khốc liệt ở Makkah, theo lời khẩn nài của Quraish, Abu Talib đưa đứa cháu có gương mặt sáng như mặt trời đến, cho Người dựa lưng vào Ka'bah; khi đứa trẻ đưa ngón tay chỉ lên, mây tụ lại trên bầu trời không gợn mây và mưa đổ xuống tràn ngập các thung lũng; Abu Talib đọc câu thơ: "Người có gương mặt sáng ngời, nhờ phẩm giá của gương mặt ấy mà người ta xin mây ban mưa."

Khoảng năm 580–590 CN

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 146, 208 (Ebû Tâlib'in onunla yağmur duasına çıkması)

---

## 168. Người Do Thái hoảng sợ khi thấy Ahmad còn nhỏ

**Da'if (Yếu)** LỜI TIÊN TRI VÀ BÁO TRƯỚC

Những người Do Thái đến nhận hàng của Abu Talib, khi thấy đứa cháu còn nhỏ của ông thì hoảng sợ quay về; ai hỏi thì họ nói: "Chúng tôi đã thấy một điều lớn lao: Ahmad đang bước đi trên mặt đất."

Khoảng năm 580–590 CN

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 146 (Ebû Tâlib'in onunla yağmur duasına çıkması)

---

## 169. Tu sĩ ở Ukaz nhận ra đứa trẻ bị đau mắt

Da'if (Yếu) LỜI TIÊN TRI VÀ BÁO TRƯỚC

Năm bảy tuổi, Người bị đau mắt dữ dội mà ở Makkah không chữa được; tu sĩ ở vùng Ukaz mà Abdul Muttalib đưa Người đến đã nói: "Đứa trẻ này là vị Nabi của cộng đồng này", và khuyên phải bảo vệ Người khỏi Người Kinh Sách.

Khoảng năm 578 CN (7 tuổi)

NGUỒN İbnü'l-Cevzî, el-Vefâ bi-ahvâli'l-Mustafâ (thk. M. Abdülkādir Atâ, DKİ 1408/1988), tek cilt, s. 98 (doğumundan vefatına olayların özeti bâbı)

---

## 170. Thầy bói đến Makkah cảnh báo Quraish

Da'if (Yếu) LỜI TIÊN TRI VÀ BÁO TRƯỚC

Lời thuật của Abu Hazim: khi Người năm tuổi, một thầy bói đến Makkah thấy Người liền nói: "Hỡi Quraish, hãy giết đứa trẻ này; nó sẽ chia rẽ và giết các người"; Abdul Muttalib đưa Người đi trốn, còn Quraish thì luôn lo sợ về lời của thầy bói.

Khoảng năm 576 CN (5 tuổi)

NGUỒN İbnü'l-Cevzî, el-Vefâ bi-ahvâli'l-Mustafâ (thk. M. Abdülkādir Atâ, DKİ 1408/1988), tek cilt, s. 113 (30. bâb: Halîme'nin onu Mekke'ye getirişi)

---

## 171. Abdul Muttalib dặn dò Umm Ayman

Da'if (Yếu) LỜI TIÊN TRI VÀ BÁO TRƯỚC

Lời thuật của Umm Ayman: Abdul Muttalib dặn người vú nuôi Barakah (Umm Ayman): "Đừng lơ là con trai tôi; Người Kinh Sách nói rằng con trai tôi là vị Nabi của cộng đồng này."

Khoảng năm 577–579 CN

NGUỒN İbnü'l-Cevzî, el-Vefâ bi-ahvâli'l-Mustafâ (thk. M. Abdülkādir Atâ, DKİ 1408/1988), tek cilt, s. 117 (32. bâb: Abdülmuttalib'in kefâleti)

---

## 172. Đám mây làm rơi trái cây trên đường đi Sham

Da'if (Yếu) PHÉP MÀU LIÊN QUAN ĐẾN THIÊN NHIÊN

Trong chuyến đi Sham cùng Abu Talib, đám mây che bóng cho Người thỉnh thoảng làm rơi xuống đoàn lữ hành đủ loại trái cây.

Khoảng năm 579 CN (8 tuổi)

NGUỒN Râvendî, el-Harâic ve'l-cerâih, c. 3, s. 1085 (el-Bâbü'l-ışrûn fî alâmât ve merâtib nebiyyinâ ve evsiyâih)

---

## 173. Hồ nước đầy và sự sung túc trên đường đi Sham

Da'if (Yếu) PHÉP MÀU LIÊN QUAN ĐẾN NƯỚC

Trên con đường mà một túi da nước có giá hai đồng dinar, trong chuyến đi ấy, ở mỗi nơi họ dừng chân, các hồ nước đều đầy, nước trở nên dồi dào và đất đai xanh tươi; năm đó đoàn lữ hành sống trong sung túc.

Khoảng năm 579 CN (8 tuổi)

NGUỒN Râvendî, el-Harâic ve'l-cerâih, c. 3, s. 1085 (el-Bâbü'l-ışrûn fî alâmât ve merâtib nebiyyinâ ve evsiyâih)

---

## 174. Chạm tay làm những con lạc đà không chịu đi hồi sức

**Da'if (Yếu)** PHÉP MÀU LIÊN QUAN ĐẾN LOÀI VẬT

Trong chuyến đi Sham cùng Abu Talib, khi lạc đà của những người cùng đi không chịu đi nữa, Người đến lấy tay chạm vào chúng, và đàn lạc đà bắt đầu đi.

Khoảng năm 579 CN (8 tuổi)

NGUỒN Râvendî, el-Harâic ve'l-cerâih, c. 3, s. 1085 (el-Bâbü'l-ışrûn fî alâmât ve merâtib nebiyyinâ ve evsiyâih)

---

## 175. Các Thiên Thần và dấu hiệu mà Bahira thấy

**Da'if (Yếu)** PHÉP MÀU HỮU HÌNH

Bahira nói với những người trong đoàn: "Các người không thấy, nhưng tôi thấy", rồi kể rằng khi Người đến, ông thấy trước mặt Người một luồng sáng giữa trời và đất, các Thiên Thần cầm quạt bằng hồng ngọc và lục ngọc quạt mát cho Người và rải trái cây lên Người, đám mây không rời khỏi Người, và những hồ nước khô cạn từ thời các môn đồ của Isa đã đầy nước.

Khoảng năm 579 CN (8 tuổi)

NGUỒN Râvendî, el-Harâic ve'l-cerâih, c. 3, s. 1087 (el-Bâbü'l-ışrûn fî alâmât ve merâtib nebiyyinâ ve evsiyâih)

---

## 176. Các cung điện ở Sham rung chuyển và luồng sáng bốc lên

**Da'if (Yếu)** PHÉP MÀU HỮU HÌNH

Khi cùng Abu Talib đến gần Sham, tất cả các cung điện ở Sham đều rung chuyển và một luồng sáng lớn hơn cả ánh mặt trời bốc lên từ đó; tin tức lan đi và mọi học giả cùng tu sĩ tụ tập quanh Người.

Khoảng năm 579 CN (8 tuổi)

NGUỒN Râvendî, el-Harâic ve'l-cerâih, c. 3, s. 1090 (el-Bâbü'l-ışrûn fî alâmât ve merâtib nebiyyinâ ve evsiyâih)

---

## 177. Học giả Nastura hôn dấu ấn sứ mạng

**Da'if (Yếu)** LỜI TIÊN TRI VÀ BÁO TRƯỚC

Ở Sham, một học giả lớn tên Nastura ngồi đối diện nhìn Người suốt ba ngày; đêm thứ ba, khi biết tên Người, sắc mặt ông thay đổi; ông xin Người để lộ lưng, thấy dấu ấn sứ mạng liền gục xuống hôn và khóc, rồi nói với Abu Talib: "Hãy mau đưa cậu ấy về nơi cậu ấy sinh ra; nếu ông biết cậu ấy có bao nhiêu kẻ thù trên vùng đất này, ông đã không đưa đến"; Người không nhận chiếc áo ông tặng.

Khoảng năm 579 CN (8 tuổi)

NGUỒN Râvendî, el-Harâic ve'l-cerâih, c. 3, s. 1090-1091 (el-Bâbü'l-ışrûn fî alâmât ve merâtib nebiyyinâ ve evsiyâih)

---

## 178. Tấm chăn thơm xạ hương Abu Talib cảm thấy ban đêm

**Da'if (Yếu)** PHÉP MÀU HỮU HÌNH

Khi Abu Talib cho Người ngủ bên cạnh mình, ông thấy giữa hai người có một tấm chăn mềm hơn mọi loại vải, thơm mùi xạ hương, mà ông không hề đặt vào; ban đêm khi ông tìm trên giường không thấy Người, Người cất tiếng: “Cháu ở đây, thưa chú.”

Khoảng năm 579–585 CN (dưới sự che chở của Abu Talib)

NGUỒN İbn Şehrâşûb, Menâkıbü Âl-i Ebî Tâlib (Necef 1376/1956 baskısı), c. 1, s. 35 (fasl fî menşeihî)

---

## 179. Những đức tính thời thơ ấu và ánh sáng qua lời Abu Talib

Da'if (Yếu) DẤU HIỆU TRONG CUỘC ĐỜI CỦA NABI

Theo lời kể của Abu Talib: khi còn nhỏ, Người bắt đầu bữa ăn bằng câu “Bismillahil-Ahad” và kết thúc bằng câu “Alhamdulillahi kathira”, người ta thấy một luồng sáng từ đầu Người vươn lên trời; nơi Người chưa từng thấy lời nói dối, việc làm của thời Jahiliyah hay tiếng cười không đúng chỗ.

Khoảng năm 579–585 CN

NGUỒN İbn Şehrâşûb, Menâkıbü Âl-i Ebî Tâlib (Necef 1376/1956 baskısı), c. 1, s. 35 (fasl fî menşeihî)

---

## 180. Người Do Thái thử Người bằng điều cấm và điều đáng ngờ

Bịa đặt (Mawdu') DẤU HIỆU TRONG CUỘC ĐỜI CỦA NABI

Năm Người bảy tuổi, người Do Thái thử Người, nói rằng: “Trong kinh sách của chúng ta có ghi rằng Thượng Đế của người ấy bảo vệ người ấy khỏi điều cấm và điều đáng ngờ”: Người không chạm tay vào con gà bị cướp (điều cấm) mà họ mang đến mâm ăn của Abu Talib, khi họ muốn đưa vào miệng Người thì tay họ lệch sang hướng khác; miếng ăn Người lấy từ con gà thứ hai chưa trả tiền (điều đáng ngờ) rơi khỏi tay Người; người Do Thái nói: “Đây là một dấu hiệu lớn.”

Khoảng năm 578 CN (bảy tuổi)

NGUỒN İbn Şehrâşûb, Menâkıbü Âl-i Ebî Tâlib (Necef 1376/1956 baskısı), c. 1, s. 35 (fasl fî menşeihî)

---

## 181. Cây chà là khô của Fatimah bint Asad xanh tươi trở lại

Da'if (Yếu) PHÉP MÀU LIÊN QUAN ĐẾN THIÊN NHIÊN

Cây chà là khô trong sân nhà Fatimah bint Asad, khi Người còn nhỏ chạm tay vào, đã xanh tươi trở lại và cho chà là tươi; một hôm không còn chà là, Người hướng về cái cây nói điều gì đó, cái cây liền cúi xuống đưa ngọn về phía Người, và sau khi Người hái đủ thì nó trở về chỗ cũ.

Khoảng năm 579–590 CN (ở nhà Abu Talib)

NGUỒN İbn Şehrâşûb, Menâkıbü Âl-i Ebî Tâlib (Necef 1376/1956 baskısı), c. 1, s. 36 (fasl fî menşeihî)

---

## 182. Tu viện của Bahira bước về phía đoàn lữ hành

Da'if (Yếu) PHÉP MÀU HỮU HÌNH

Khi họ đến gần Busra, tu viện (tháp ẩn tu) của Bahira bước đi như một con vật cưỡi tiến đến gần đoàn lữ hành rồi dừng lại; thấy Người, tu sĩ nói: “Nếu có ai đó thì chính là cậu.”

Khoảng năm 579–583 CN

NGUỒN İbn Şehrâşûb, Menâkıbü Âl-i Ebî Tâlib (Necef 1376/1956 baskısı), c. 1, s. 36-37 (fasl fî menşeihî)

## 183. Cái cây khô bên chỗ Bahira ra trái

Da'if (Yếu) PHÉP MÀU LIÊN QUAN ĐẾN THIÊN NHIÊN

Cái cây khô ít cành, không trái mà Người ngồi xuống dưới bên chỗ Bahira đã rung lên, nghiêng cành che lên Người, cành lá trở nên sum suê và cho ba loại trái cây của mùa hè và mùa đông; những hồ nước khô cạn từ thời các môn đồ của Isa đã đầy nước.

Khoảng năm 579–583 CN

NGUỒN İbn Şehrâşûb, Menâkıbü Âl-i Ebî Tâlib (Necef 1376/1956 baskısı), c. 1, s. 36-37 (fasl fî menşeihî)

## 184. Thức ăn Bahira mang đến được ban phúc

Da'if (Yếu) PHÉP MÀU LIÊN QUAN ĐẾN THỨC ĂN

Từ chút thức ăn mà Bahira chỉ mang đến cho riêng Người, khi Người nói “Bismillah, hãy ăn đi”, một trăm bảy mươi người trong đoàn đều ăn no nê.

Khoảng năm 579–583 CN

NGUỒN İbn Şehrâşûb, Menâkıbü Âl-i Ebî Tâlib (Necef 1376/1956 baskısı), c. 1, s. 37 (fasl fî menşeihî)

## 185. Năm bảy tuổi quở trách các thương nhân Kitô giáo

Da'if (Yếu) DẤU HIỆU TRONG CUỘC ĐỜI CỦA NABI

Năm Người bảy tuổi, những thương nhân Kitô giáo đến Makkah nhận ra Người giữa Safa và Marwah qua các đặc điểm, hỏi tên Người và tên cha Người, rồi chỉ lên trời và xuống đất để thử: “Ai là Thượng Đế của những thứ này?”; Người đáp “Allah” và quở trách họ: “Các người muốn làm tôi nghi ngờ về Allah sao?” (tương ứng với sự xác tín của Nabi Ibrahim).

Khoảng năm 578 CN (bảy tuổi), Makkah

NGUỒN Tabersî, el-İhticâc (thk. M. Bâkır el-Hursân, Necef: Matbaatü'n-Nu'mân 1386/1966), c. 1, s. 317 (İhticâcü Emîri'l-mü'minîn ale'l-Yehûd min ahbârihim… fî mu'cizâti'n-Nebî)

## 186. Nhận định của thầy đoán tướng Azd Shanu'ah về Nabi của chúng ta ﷺ

Da'if (Yếu) DẤU HIỆU TRONG CUỘC ĐỜI CỦA NABI

Một thầy đoán tướng (người đoán qua dáng vẻ và dấu hiệu) thuộc bộ tộc Azd Shanu'ah đến Makkah, khi nhìn thấy Nabi của chúng ta ﷺ còn nhỏ mà Abu Talib dẫn theo cùng những đứa trẻ khác, đã nài nỉ: “Hãy đưa đứa trẻ kia đến đây; thề bởi Allah, sau này nó sẽ có địa vị lớn”; Abu Talib không cho xem mà lặng lẽ đưa Người về nhà.

Khoảng năm 579–583 CN (dưới sự che chở của Abu Talib, thời thơ ấu)

NGUỒN N. İçel, Hz. Muhammed'in (sas) Mucizeleri -1 (2023), "Ezd-i Şenue'li Âif'in Peygamberimiz Aleyhisselâm Hakkındaki Teşhisi" (kitabın dipnotu: İbn İshak-İbn Hişam, Sîre, c.1, s:190; Firuzâbâdî, Kâmusu'l-muhit, c:3, s:185)

## 187. Được che chở khi khuân đá lúc còn nhỏ

Da'if (Yếu) DẤU HIỆU TRONG CUỘC ĐỜI CỦA NABI

Khi còn nhỏ, lúc cùng lũ trẻ Quraish quấn khố lên cổ để khuân đá chơi, một người mà Người không nhìn thấy đã đấm Người một cú đau và nói: “Hãy buộc khố vào thắt lưng!”; giữa các bạn, chỉ mình Người khuân đá trong tình

trạng được che kín.

Trước sứ mạng (thời thơ ấu, khoảng năm 575–583 CN)

NGUỒN N. İçel, Hz. Muhammed'in (sas) Mucizeleri -1 (2023), "Peygamberimiz Aleyhisselâmın Her Türlü Kötülüklerden Korunarak Büyütülüşü (1. madde devamı)" (kitabın dipnotu: İbn İshak-İbn Hişam, Sîre, c:1, s:194-195, Beyhakî, Delâil, c:2, s:30, 31)

---

## 188. Từ chối câu hỏi nhân danh al-Lat và al-Uzza của Bahira

Da'if (Yếu) DẤU HIỆU TRONG CUỘC ĐỜI CỦA NABI

Năm mười hai tuổi, khi tu sĩ Bahira thử Người bằng câu: "Nhân danh al-Lat và al-Uzza, hãy trả lời câu hỏi của ta", Người đáp: "Đừng hỏi tôi điều gì nhân danh al-Lat và al-Uzza; thề bởi Allah, tôi không ghét thứ gì bằng ghét chúng."

Khoảng năm 582–583 CN (12 tuổi, gặp Bahira)

NGUỒN N. İçel, Hz. Muhammed'in (sas) Mucizeleri -1 (2023), "Peygamberimiz Aleyhisselâmın Her Türlü Kötülüklerden Korunarak Büyütülüşü (3. madde)" (kitabın dipnotu: İbn Sa'd, Tabakât, c:1, s:154, Beyhakî, Delâil, c:2, s:35)

## 08 · Thời thanh niên (năm 583–609 CN)

### 189. Được che chở khỏi đa thần và tội lỗi trước sứ mạng

Sahih (Xác thực) DẤU HIỆU TRONG CUỘC ĐỜI CỦA NABI

Trước sứ mạng, Người chưa bao giờ ăn thịt con vật bị giết dâng cho các tượng thần, chưa thờ tượng thần nào và chưa bao giờ uống rượu; Người nói: “Ta luôn biết rằng điều họ đang theo là sự vô đức tin.”

Trước sứ mạng (năm 571–610 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 150, 152 (Gençliğinde câhiliye işlerinden korunması)

### 190. Được cho ngủ thiếp đi để khỏi dự các cuộc vui thời Jahiliyah

Hasan (Tốt) DẤU HIỆU TRONG CUỘC ĐỜI CỦA NABI

Thời trẻ, hai lần Người muốn đến các cuộc vui của thời Jahiliyah thì đều bị cho ngủ thiếp đi và được che chở.

Khoảng năm 585–595 CN

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.1 s.357; web: Heysemî, Mecmau'z-zevâid, K. Alâmâti'n-nübüvve, bâbü ismetihî mine'l-bâtıl, no 13864-13865; Ebû Nuaym el-İsfahânî, Delâilü'n-nübüvve, 13. fasıl, no. 128; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 149-150; ayrıca: N. İçel, Hz. Muhammed'in (sas) Mucizeleri -1 (2023), "Peygamberimiz Aleyhisselâmın Her Türlü Kötülüklerden Korunarak Büyütülüşü (5. madde)" (kitabın dipnotu: İbn Sa'd, Tabakât, c:1, s:153; İbn Kuteybe, Kitâbu'l-maârif, s:65)

### 191. Các Thiên Thần che bóng và lời làm chứng của Nastura

Da'if (Yếu) PHÉP MÀU LIÊN QUAN ĐẾN THIÊN NHIÊN

Trong đoàn thương buôn của Khadijah, hai Thiên Thần/đám mây che bóng cho Người và tu sĩ Nastura làm chứng (theo lời kể của Maysarah).

Khoảng năm 595 CN (25 tuổi)

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.1 s.389; web: Ebû Nuaym el-İsfahânî, Delâilü'n-nübüvve, 11. fasıl, no. 110; Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 29. fasıl; Questions on Islam, "Events that Took Place..."; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 154-155; ayrıca: İbnü'l-Cevzî, el-Vefâ, s. 141-143; Meclisî, Bihâru'l-envâr, c. 17, s. 308; Râvendî, el-Harâic, c. 1, s. 139-141; İbn Şehrâşûb, Menâkıb, c. 1, s. 38-39; ayrıca: N. İçel, Hz. Muhammed'in (sas) Mucizeleri -1 (2023), "Rahip Nastura'nın Peygamberimiz aleyhisselâm Hakkındaki Teşhisi" (kitabın dipnotu: Ebu'l-Ferec, el-Vefa, c:1, s:143; Ebu Nuaym, Delâil, c:1, s:173; Halebî, İnsânu'l-uyûn, c:1, s:218); "Busra'dan Mekke'ye Dönüş" (kitabın dipnotu: İbn Sa'd, Tabakât, c:1, s:130,156,157;İbn İshak-İbn Hişam, Sîre, c:1, s:200)

### 192. Được che chở phần kín khi xây Ka'bah

Sahih (Xác thực) DẤU HIỆU TRONG CUỘC ĐỜI CỦA NABI

Khi xây dựng Ka'bah, Người vừa đặt tấm khố lên vai thì ngã xuống đất và được che chở để phần kín không bị lộ.

Khoảng năm 605 CN (35 tuổi)

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.1 s.367; web: Ebû Nuaym el-İsfahânî, Delâilü'n-nübüvve, 13. fasıl, no. 132-134; Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 29. fasıl; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 148-149; ayrıca: N. İçel, Hz. Muhammed'in (sas) Mucizeleri -1 (2023), "Peygamberimiz Aleyhisselâmın Her Türlü Kötülüklerden Korunarak Büyütülüşü (2. madde)" (kitabın dipnotu: Buhârî, Sahih, c:1, s:96, Müslim, Sahih, c:1, s:268); Kütüb-i Sitte: Buhârî, Hacc 42, Salât 8, Menâkıbu'l-Ensâr 25; Müslim, Hayz 76 (340) [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 4591, c./s. 13/172]

## 193. Tin mừng của Bahira dưới cây sidr

Da'if (Yếu) LỜI TIÊN TRI VÀ BÁO TRƯỚC

Năm hai mươi tuổi, trong chuyến buôn bán đến Sham cùng Abu Bakr mười tám tuổi, Người ngồi dưới bóng một cây sidr; vị tu sĩ (Bahira) mà Abu Bakr đến hỏi chuyện đã cho biết Người là một vị Nabi, và lòng tin xác nhận đã bén rễ trong tim Abu Bakr.

Khoảng năm 591 CN (20 tuổi)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 145 (Ebû Tâlib'le Şam yolculuğu ve Bahîrâ haberi)

## 194. Từ chối thề nhân danh các tượng thần ở Sham

Da'if (Yếu) DẤU HIỆU TRONG CUỘC ĐỜI CỦA NABI

Ở Sham, người đàn ông tranh chấp với Người trong buôn bán bảo: "Hãy thề nhân danh al-Lat và al-Uzza", Người đáp: "Tôi chưa bao giờ thề nhân danh chúng"; người ấy nói với Maysarah: "Đây là vị Nabi mà chúng tôi thấy đặc điểm trong kinh sách của mình."

Khoảng năm 595 CN (25 tuổi)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 154 (Hatice'nin malıyla Meysere ile yolculuğunda görülen âyetler)

## 195. Tin mừng về vị Nabi tên Ahmad trong lễ hội ở Makkah

Da'if (Yếu) LỜI TIÊN TRI VÀ BÁO TRƯỚC

Trong một lễ hội tháng Rajab khi phụ nữ Makkah tụ tập bên một tượng thần, một người/một tiếng nói cất lên: "Trên đất các ngươi sẽ xuất hiện một vị Nabi tên Ahmad; ai trong các ngươi có thể làm vợ người ấy thì hãy làm"; các phụ nữ ném đá xua đuổi ông ta, còn Khadijah im lặng và ghi nhớ lời ấy.

Trước khoảng năm 595 CN

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 155 (Hatice'nin malıyla Meysere ile yolculuğunda görülen âyetler)

## 196. Được che chở khỏi tượng thần và thời Jahiliyah từ thuở nhỏ

Sahih (Xác thực) DẤU HIỆU TRONG CUỘC ĐỜI CỦA NABI

Từ thời thơ ấu, Người đã được khiến cho ghét các tượng thần, được giữ xa và che chở khỏi những việc của thời Jahiliyah.

Trước sứ mạng (năm 571–610 CN)

NGUỒN Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 29. fasıl (doğumundaki ve sonrasındaki alâmetler)

## 197. Cái cây khô trên đường đi xanh tươi và tỏa bóng

Da'if (Yếu) PHÉP MÀU LIÊN QUAN ĐẾN THIÊN NHIÊN

Trong một chuyến đi trước sứ mạng, Người dừng lại dưới một cái cây khô; xung quanh xanh tươi và nở hoa, cái cây ra lá và buông cành che lên Người; những người có mặt đều chứng kiến điều đó.

Trước sứ mạng, trong một chuyến đi

NGUỒN Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 29. fasıl (doğumundaki ve sonrasındaki alâmetler)

## 198. Làm trọng tài trong việc đặt Hòn Đá Đen

Hasan (Tốt) DẤU HIỆU TRONG CUỘC ĐỜI CỦA NABI

Khi xây lại Ka'bah, các bộ tộc suýt đánh nhau vì việc ai sẽ đặt Hòn Đá Đen vào chỗ, họ đồng ý để người đầu tiên bước vào cổng làm trọng tài; người bước vào là Người, và họ nói: “al-Amin đã đến”; Người đặt hòn đá lên một tấm vải, cho đại diện mỗi bộ tộc cùng cầm, rồi tự tay đặt nó vào chỗ.

Khoảng năm 605 CN (35 tuổi)

NGUỒN Ebû Nuaym el-İsfahânî, Delâilü'n-nübüvve, 11. fasıl (yetişmesi), no. 113-115

## 199. Nghe Thiên Thần nói chuyện và bỏ nghi lễ đa thần

Da'if (Yếu) DẤU HIỆU TRONG CUỘC ĐỜI CỦA NABI

Trước sứ mạng Nabi, trong một nghi lễ Người có mặt cùng những người đa thần, Người nghe hai Thiên Thần nói chuyện phía sau mình; một vị nói: “Hãy đến, chúng ta đứng sau người ấy”, vị kia đáp: “Làm sao đứng được khi người ấy vừa mới chứng kiến việc chạm tay vào các tượng thần”, và từ đó Người không bao giờ dự những nghi lễ ấy nữa (do Jabir thuật lại).

Makkah, trước sứ mạng

NGUỒN Heysemî, Mecmau'z-zevâid, K. Alâmâti'n-nübüvve, no 13866 (8/226)

## 200. Ngăn Zayd bin Harithah chạm vào tượng thần

Sahih (Xác thực) DẤU HIỆU TRONG CUỘC ĐỜI CỦA NABI

Khi đi Tawaf, Người ngăn Zayd bin Harithah chạm tay vào các tượng thần Isaf và Na'ilah, nói: “Đừng chạm vào nó”; chính Người cũng chưa từng chạm tay vào tượng thần nào cho đến khi mặc khải đến.

Makkah, trước sứ mạng

NGUỒN Heysemî, Mecmau'z-zevâid, K. Alâmâti'n-nübüvve, no 13867 (8/226)

## 201. Dừng đứng ở Arafat vào thời Jahiliyah

Sahih (Xác thực) DẤU HIỆU TRONG CUỘC ĐỜI CỦA NABI

Vào thời Jahiliyah, khi Quraish (Hums) dừng lại ở Muzdalifah, người ta thấy Người, nhờ sự phù trợ của Allah, cùng những người khác dừng đứng (wuquf) ở Arafat.

Trước sứ mạng

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 152 (Gençliğinde câhiliye işlerinden korunması)

## 202. Việc đặt Hòn Đá Đen và ông già người Najd

Da'if (Yếu) DẤU HIỆU TRONG CUỘC ĐỜI CỦA NABI

Khi đặt Hòn Đá Đen vào chỗ, một ông già người Najd muốn đưa đá cho Người, nhưng khi Abbas đưa đá thì ông ta nổi giận la lên: “Có những người quý tộc, người khôn ngoan và người lớn tuổi mà họ lại đưa kẻ trẻ nhất lên đứng đầu”; người ta nói rằng kẻ đó là Iblis.

Khoảng năm 605 CN (35 tuổi)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 153 (Gençliğinde kavminin onu yüceltmesi, hakem kılması ve "el-Emîn" demesi)

## 203. Con lạc đà hung dữ quỳ xuống và dòng nước cạn khô

Da'if (Yếu) PHÉP MÀU LIÊN QUAN ĐẾN LOÀI VẬT

Năm hơn mười tuổi, trong chuyến đi cùng người chú Zubayr bin Abdul Muttalib, một con lạc đà hung dữ chặn đường, nhưng khi Người tiến về phía nó thì nó quỳ xuống nằm rạp trên đất; dòng nước chắn trước mặt họ được Allah làm cạn để họ đi qua, và Quraish nói: "Đứa trẻ này có một địa vị đặc biệt."

Khoảng năm 585 CN (hơn mười tuổi)

NGUỒN İbnü'l-Cevzî, el-Vefâ bi-ahvâli'l-Mustafâ (thk. M. Abdülkādir Atâ, DKİ 1408/1988), tek cilt, s. 98 (doğumundan vefatına olayların özeti bâbı)

## 204. Những giấc mơ thời trẻ và việc tim được mổ ra

Da'if (Yếu) DẤU HIỆU TRONG CUỘC ĐỜI CỦA NABI

Lời thuật của Ubayd bin Umayr (khi Abdullah bin az-Zubayr hỏi): năm hai mươi tuổi, Người than với Abu Talib: "Có một người đến với cháu, đi cùng hai người bạn"; Abu Talib nói "Đó là giấc mơ", rồi đưa Người đến một người thuộc Người Kinh Sách ở Makkah có hiểu biết về y thuật; người ấy khám rồi nói: "Đứa trẻ này hoàn toàn trong sạch, nơi nó có điều tốt lành; nếu người Do Thái biết, họ sẽ giết nó"; sau đó trong giấc mơ, hai người (từ trần nhà mở ra, theo chiếc thang bạc đi xuống) lấy tim Người ra và nói: "Thật là một trái tim trong sạch; trái tim của một người đức hạnh, của một vị Nabi"; Khadijah nói: "Allah chỉ làm điều tốt cho anh."

Khoảng năm 591 CN (20 tuổi) và sau đó

NGUỒN İbnü'l-Cevzî, el-Vefâ bi-ahvâli'l-Mustafâ (thk. M. Abdülkādir Atâ, DKİ 1408/1988), tek cilt, s. 138-139 (41. bâb: Yirmi yaşında meleklerle olan hâli ve Ebû Tâlib'e anlatması)

## 205. Tin mừng trong giấc mơ và nhận định của học giả Makkah

Da'if (Yếu) DẤU HIỆU TRONG CUỘC ĐỜI CỦA NABI

Khi gần hai mươi tuổi, Người kể với chú mình rằng trong giấc mơ có một người đàn ông cùng một người khác đến và nói: "Có phải người này không? – Đúng; khi người ấy trưởng thành hãy làm theo đó", rồi người đàn ông ấy cũng hiện ra với Người khi Người tỉnh thức; vị thầy thuốc kiêm học giả ở thung lũng Makkah mà Abu Talib đưa Người đến đã xem xét Người và nói: "Cháu của ông có địa vị lớn; điều cậu ấy gặp chính là an-Namus al-Akbar mà các vị Nabi đã gặp" (theo Imam Ja'far as-Sadiq).

Trước sứ mạng (khoảng năm 590 CN)

NGUỒN Râvendî, el-Harâic ve'l-cerâih, c. 1, s. 83 (el-Bâbü'l-evvel fî mu'cizâti nebiyyinâ Muhammed)

## 206. Đường đi rút ngắn và phúc lành trong đoàn thương buôn đi Sham

Da'if (Yếu) PHÉP MÀU HỮU HÌNH

Trong đoàn thương buôn đi Sham của Khadijah, đường đi được rút ngắn (những quãng đường nhiều ngày được vượt qua trong một đêm), và chuyến đi ấy thu lời nhiều hơn bốn mươi năm buôn bán; Maysarah nói: "Khi chúng tôi ăn cùng Người, chúng tôi no mà thức ăn vẫn còn nguyên."

Khoảng năm 595 CN

NGUỒN İbn Şehrâşûb, Menâkıbü Âl-i Ebî Tâlib (Necef 1376/1956 baskısı), c. 1, s. 39 (fasl fî menşeihî)

## 207. Hòn đá ném từ mái nhà và người Do Thái được tha thứ

Da'if (Yếu) PHÉP MÀU HỮU HÌNH

(Thời trẻ) khi Người cùng Maysarah vào khu phố/pháo đài của người Do Thái để mua lương thực, một người Do Thái mời Người vào nhà rồi sai vợ ném đá từ mái nhà xuống Người; Jibril xuống lấy cánh đánh văng hòn đá, hòn đá xuyên qua tường và tròng vào cổ người Do Thái như một chiếc cối xay; khi tỉnh lại, ông ta nói: “Tôi đã muốn giết ngài; xin hãy tha thứ cho tôi”, Người động lòng thương tha thứ cho hắn và hòn đá rời khỏi cổ hắn.

Thời điểm không rõ (trước sứ mạng, cùng Maysarah)

NGUỒN İbn Şehrâşûb, Menâkıbü Âl-i Ebî Tâlib (Necef 1376/1956 baskısı), c. 1, s. 67 (fasl fî hıfzillâhi lehû mine'l-müşrikîn ve keydi'ş-şeyâtîn)

## 208. Mưa rơi khi trời không mây và mặt đất xanh tươi

Da'if (Yếu) PHÉP MÀU LIÊN QUAN ĐẾN THIÊN NHIÊN

Khi Người chăn cừu, trời không mây mà mưa rơi, mặt đất lập tức mọc cỏ và Người cho đàn cừu ăn cỏ ấy (Isma'il thuật lại từ cha mình là Ja'far as-Sadiq).

Trước sứ mạng (những năm chăn cừu), thời điểm không rõ

NGUỒN es-Sâkıb fi'l-menâkıb (Kum 1412), s. 88, hadis no. 70/1 (bâb 1, fasıl 10: istiskâ ve bulutun gölgelemesi)

## 209. Lời làm chứng của Maysarah và chà là không vơi

Da'if (Yếu) PHÉP MÀU LIÊN QUAN ĐẾN THỨC ĂN

Trở về từ chuyến đi Sham, Maysarah kể với Khadijah rằng vị tu sĩ đã nói: “Sau Isa, chỉ có một vị Nabi mới ngồi dưới cây này”, và rằng thức ăn họ ăn cùng Người luôn dư ra; để thử điều này, Khadijah cho mang đến một đĩa chà là, mời em gái là Halah và chính bà cùng ăn; tất cả đều no mà chà là không hề vơi đi.

Khoảng năm 595 CN (25 tuổi), Makkah

NGUỒN İbn Hamza et-Tûsî, es-Sâkıb fi'l-menâkıb (thk. Nebîl Rızâ Ulvân, Kum: Ensâriyân, 2. bs. 1412), s. 47, no. 12/1 (fasl: âyâtühû fi'l-et'ime ve'l-eşribe)

## 210. Nhà thơ Zuhayr không còn làm được thơ

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người nhìn nhà thơ trăm tuổi Zuhayr bin Abi Sulma và nói: “Lạy Allah, xin bảo vệ tôi khỏi Shaytan của ông ta”; cho đến khi chết, Zuhayr không làm được thêm một câu thơ nào (theo al-Aghani).

Thời điểm không rõ

NGUỒN Meclisî, Bihâru'l-envâr, c. 18, s. 68 (Bâb 8: düşmanlarının şerrinden korunması)

## 211. Chấu chấu tiêu diệt những kẻ tấn công

Bịa đặt (Mawdu') PHÉP MÀU LIÊN QUAN ĐẾN LOÀI VẬT

Trong một chuyến đi Sham, hai trăm người Do Thái đuổi theo để giết Người; khi họ thấy Người một mình và rút gươm xông vào, Allah cho châu chấu bò ra từ cát dưới chân Người; châu chấu ăn thịt họ và tiêu diệt họ không

chữa một ai.

Chuyến đi Sham, trước sứ mạng Nabi (lời thuật không nêu năm)

NGUỒN Meclisî, Bihâru'l-envâr, c. 17, s. 268 (Bâb 2: cevâmiu mu'cizâtihî ve nevâdirühâ)

---

## 212. Dấu chân giống dấu chân Nabi Ibrahim

**Sahih (Xác thực)** DẤU HIỆU TRONG CUỘC ĐỜI CỦA NABI

Khi Người khoảng hai mươi tuổi, những người Quraish hỏi một nữ thầy bói giỏi đoán dấu chân và dáng vẻ: “Ai trong chúng tôi có dấu chân giống chủ nhân của Maqam (Nabi Ibrahim) nhất?”; khi họ bước đi trên tấm vải trải trên cát mịn, bà thấy dấu chân của Người và nói: “Người giống ông ấy nhất trong các người là người này”; khoảng hai mươi năm sau, Người được cử phái làm Nabi.

Khoảng năm 591 CN (20 tuổi)

NGUỒN N. İçel, Hz. Muhammed'in (sas) Mucizeleri -1 (2023), "Peygamberimiz Aleyhisselâmın İzinin Makam'dakine En Çok Benzediği" (kitabın dipnotu: Ahmed b. Hanbel, Müsned, c:1, s:332; İbn Mâce, Sünen, c:2, s:787 / Ahmed b. Hanbel, Müsned, c:1, s:332); Kütüb-i Sitte: İbn Mâce 2350 [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 6717, c./s. 17/274-275]

---

## 213. Hai Thiên Thần che bóng cho Người

**Da'if (Yếu)** PHÉP MÀU HỮU HÌNH

Khi Nabi của chúng ta ﷺ trở về từ Busra và vào Makkah giữa trưa nắng gắt, Khadijah đang ngồi trên tầng trên của nhà mình cùng Nafisah bint Munyah và các bạn gái khác đã thấy Người được hai Thiên Thần che nắng; bà chỉ cho các bạn xem, và tất cả đều kinh ngạc.

Khoảng năm 595 CN (25 tuổi)

NGUỒN N. İçel, Hz. Muhammed'in (sas) Mucizeleri -1 (2023), "Busra'dan Mekke'ye Dönüş" (kitabın dipnotu: İbn Sa'd, Tabakât, c:1, s:130,156,157;İbn İshak-İbn Hişam, Sîre, c:1, s:200)

# 09 · Trước sứ mạng Nabi: những tin mừng của các học giả Người Kinh Sách, các tu sĩ và các thầy bói

## 214. Tin mừng Salman nhận được trong hang ở Ramhurmuz

Da'if (Yếu) LỜI TIÊN TRI VÀ BÁO TRƯỚC

Người đàn ông cao lớn mặc áo lông mà Salman thấy lúc nhỏ trong một hang núi ở Ramhurmuz đã báo trước về Ahmad sẽ đến sau Isa và các đặc điểm của người ấy (xuất hiện từ núi non Tihamah; giữa hai vai có một con dấu như quả trứng bồ câu, bên trong ghi “Allah là Duy Nhất, Muhammad là Thiên Sứ của Allah”, bên ngoài ghi “Hãy hướng đến nơi ngươi muốn, ngươi sẽ chiến thắng”).

Trước sứ mạng (khoảng năm 580–600 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 37 (hahamların ve rahiplerin haber vermesi bâbı)

## 215. Các giáo sĩ Do Thái và tu sĩ báo tin mừng về sự xuất hiện của Người

Sahih (Xác thực) LỜI TIÊN TRI VÀ BÁO TRƯỚC

Các giáo sĩ Do Thái và tu sĩ Kitô giáo dựa vào những đặc điểm trong kinh sách của họ đã báo trước sự xuất hiện của Người.

Không lâu trước sứ mạng (khoảng năm 600–610 CN)

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.1 s.398; web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 39; ayrıca: N. İçel, Hz. Muhammed'in (sas) Mucizeleri -1 (2023), "Peygamberimiz aleyhisselâmın İsim ve Sıfatlarının Ehl-i Kitab Nezdinde Belli Oluşu" (kitabın dipnotu: A'râf:157 / Bakara:146)

## 216. Người Do Thái Yusha' báo tin mừng về vị Nabi sẽ đến

Sahih (Xác thực) LỜI TIÊN TRI VÀ BÁO TRƯỚC

Người Do Thái (Yusha') láng giềng của Banu Abd al-Ashhal nói: “Nếu đứa trẻ này lớn lên, nó sẽ thấy vị Nabi ấy.”

Không lâu trước sứ mạng (khoảng năm 600–610 CN)

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.1 s.403; web: Ebû Nuaym el-İsfahânî, Delâilü'n-nübüvve, 5-6. fasıl, no. 34; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 40; ayrıca: İbnü'l-Cevzî, el-Vefâ, s. 40-41; ayrıca: N. İçel, Hz. Muhammed'in (sas) Mucizeleri -1 (2023), "Yahudilerin, Gelmesini Bekleyip Durdukları Peygamberi, Gelince İnkâr Etmeleri" (kitabın dipnotu: İbn İshak-İbn Hişam, Sîre, c:2, s:417)

## 217. Tin mừng của Ibn al-Hayyaban và đức tin của các con trai Sa'yah

Da'if (Yếu) LỜI TIÊN TRI VÀ BÁO TRƯỚC

Ibn al-Hayyaban người Sham báo cho Qurayzah biết rằng vị Nabi sẽ xuất hiện; vì thế các con trai của Sa'yah đã theo Islam.

Lời tiên tri: khoảng 2 năm trước sứ mạng; Ứng nghiệm: năm 5 H (627 CN)

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.1 s.404; Beyhakî, Delâil c.3 s.136; web: Ebû Nuaym el-İsfahânî, Delâilü'n-nübüvve, 5-6. fasıl, no. 42; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 386; ayrıca: İbnü'l-Cevzî, el-Vefâ, s. 49; Râvendî, el-Harâic, c. 3, s. 1082-1083; ayrıca: N. İçel, Hz. Muhammed'in (sas) Mucizeleri -1 (2023), "Peygamberimiz Muhammed aleyhisselâma Vahiy ve Peygamberlik Gelmeden Birkaç Yıl Önce Cereyan Eden Hâdiselerden Bazıları (1) + Şam'dan Medine'ye Gelen İbn Heyyeban'ın Yahudîlere Peygamberimiz aleyhisselâmın Geleceğini Haber Verişi ve Ona Uymayı Vasiyet Edişi + Üç Gencin Benî Kurayza Yahudîlerini Uyarmaları ve Müslüman Olmaları" (kitabın dipnotu: Beyhakî, Sünenü'l-Kübrâ, c:9, s:114 / İbn İshak-İbn Hişam, Sîre, c:1, s:227-228; C:2, s:165 / İbn İshak- İbn Hişam, Sîre, c:1, s:226-228); "Benî Kurayza Lideri Ka'b b. Esed'in İtirafları ve Benî Kurayza Yahudîlerine Teklifleri" (kitabın dipnotu: İbn İshak- İbn Hişam, Sîre, c:3, s:246-247; Vâkıdî,

Megâzî, c:2, s:502); "Sa'ye Oğullarının Benî Kurayza Yahudîlerini Öğütlemeleri + Sa'lebe ve Esid'in Müslüman Olmaları" (kitabın dipnotu: Vâkıdî, Megâzî, c:2, s:503; İbn İshak-İbn Hişam, Sîre, c:3, s:228; İbn Hacer, el-İsâbe, c:1, s:33 / İbn İshak-İbn Hişam, Sîre, c:3, s. 227-228; İbn Sa'd, Tabakâtü'l-kübrâ, c:1, s:160-161)

---

## 218. Ba dấu hiệu tu sĩ Amorium cho Salman biết

**Sahih (Xác thực)** LỜI TIÊN TRI VÀ BÁO TRƯỚC

Tu sĩ ở Amorium cho Salman al-Farisi biết ba dấu hiệu (nhận quà, không ăn của bố thí, có con dấu trên vai), và Salman đã thấy những điều đó.

Lời tiên tri: trước sứ mạng; Ứng nghiệm: năm 1 H (622 CN)

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.1 s.406; web: Heysemî, Mecmau'z-zevâid, K. Alâmâti'n-nübüvve, no 13899-13900; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 32; ayrıca: İbnü'l-Cevzî, el-Vefâ, s. 49; Râvendî, el-Harâic, c. 1, s. 150; Tabersî, İ'lâmü'l-verâ, c. 1, s. 60; İbn Şehrâşûb, Menâkıb, c. 1, s. 18-19; ayrıca: N. İçel, Hz. Muhammed'in (sas) Mucizeleri -1 (2023), "Selman-ı Fârisî'nin Kendi Dilinden Dînî Hayatı ve Müslüman Oluşu" (kitabın dipnotu: İbn İshak-İbn Hişam, Sîre, c:1, s:228-234; İbn Sa'd, Tabakâtü'l-kübrâ, c:4, s:75-79; Ahmed b. Hanbel, Müsned, c:S, s:441-443)

---

## 219. Hình vẽ các vị Nabi trong kho báu của Heraclius

**Sahih (Xác thực)** LỜI TIÊN TRI VÀ BÁO TRƯỚC

Trong kho báu của Heraclius, cùng với hình vẽ của các vị Nabi trước, có cả hình của Người, và chúng được cho phái đoàn Sahabah xem.

Chứng kiến: khoảng năm 13 H (634 CN)

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.1 s.321; 1000 Mucize no.829 (s.683); web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 10, Kayser'e mektup bâbı; ayrıca: N. İçel, Hz. Muhammed'in (sas) Mucizeleri -1 (2023), "Kayser Herakliyus'un Çekmecesinde Sakladığı Peygamber Resimlerini İslâm Elçilerine Gösterişi" (kitabın dipnotu: Ebu Nuaym, Delâil, c:1, s:50-53; Zehebî, Târîh, s:529,532-535; Beyhakî, Delâil, c:1, s:386-387388; Dineverî, Kitâbu'l-ahbâr, s:18; Muhyiddin b. Arabî, Muhâdarâtu'l-ebrâr, c:1, s:100; Alâüddin Ali, Kenz, c:12, s:466-467-469; Ebu'l-Fidâ, Tefsîr, c:2, s:252 / A'râf: 157 / Ebu Nuaym, Delâil, c:1, s:50-53,54-55; Beyhakî, Delâil, c:1, s:386-387-388-389-390; Dineverî, Kitâbu'l-ahbâr, s:19; Alâüddin Ali, Kenz, c:12, s:471; Zehebî, Târîh, s:531)

---

## 220. Bài thuyết giảng ở Ukaz của Quss bin Sa'idah

**Bịa đặt (Mawdu')** LỜI TIÊN TRI VÀ BÁO TRƯỚC

Bài thuyết giảng của Quss bin Sa'idah ở Ukaz báo tin mừng về vị Nabi sẽ đến.

Không lâu trước sứ mạng (khoảng năm 600–610 CN)

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.1 s.411; web: Ebû Nuaym el-İsfahânî, Delâilü'n-nübüvve, 5-6. fasıl, no. 55; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 49; Kâdî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 28. fasıl; Questions on Islam, "Glad Tidings..."; ayrıca: İbn Şehrâşûb, Menâkıb, c. 1, s. 21, 23; ayrıca: N. İçel, Hz. Muhammed'in (sas) Mucizeleri -1 (2023), "İrhâsât Mu'cizeleri" (kitabın dipnotu: Aliyyü'l-Kari, Şerhu'ş-Şifa, c:1; s:740); "Kuss b. Sâide'nin Müjdeleri" (kitabın dipnotu: Kurtubî, el-Câmi'li ahkâmi'l-Kur'ân, c:16, s:145 / İbn Sa'd, Tabakât, c:1, s:315; Câhiz, el-Beyân ve't-tebyîn, c:I, s:52 / Mahmûd Şükrî el-Âlûsî, Bulûġu'l-ereb, c:2, s:245-246)

---

## 221. Chủ tu viện cho biết về vị Nabi sẽ đến

**Da'if (Yếu)** LỜI TIÊN TRI VÀ BÁO TRƯỚC

Chủ một tu viện cho biết vị Nabi sẽ xuất hiện từ một vùng gần người Ả Rập, và cho biết tên của người ấy.

Không lâu trước sứ mạng (khoảng năm 600–610 CN)

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.1 s.411; web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 40

## 222. Một người Kitô giáo cho Umayyah biết về vị Nabi

Da'if (Yếu) LỜI TIÊN TRI VÀ BÁO TRƯỚC

Một người Kitô giáo báo cho Umayyah bin Abi as-Salt biết rằng vị Nabi sẽ được cử phái.

Không lâu trước sứ mạng (khoảng năm 600–610 CN)

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.1 s.411; web: Heysemî, Mecmau'z-zevâid, K. Alâmâti'n-nübüvve, no 13886-13887; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 41; ayrıca: İbnü'l-Cevzî, el-Vefâ, s. 45-48

## 223. Al-Juhani tin vào vị Nabi sẽ đến

Da'if (Yếu) LỜI TIÊN TRI VÀ BÁO TRƯỚC

Al-Juhani, người được viếng thăm khi đang bất tỉnh, đã tin vào vị Nabi sẽ đến.

Không lâu trước sứ mạng (khoảng năm 600–610 CN)

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.1 s.451

## 224. Zayd bin Amr chờ vị Nabi từ con cháu Isma'il

Sahih (Xác thực) LỜI TIÊN TRI VÀ BÁO TRƯỚC

Zayd bin Amr bin Nufayl nói: “Tôi đang chờ một vị Nabi từ con cháu Isma'il”, và Waraqah xác nhận điều đó.

Không lâu trước sứ mạng (khoảng năm 600–610 CN)

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.1 s.455; web: Ebû Nuaym el-İsfahânî, Delâilü'n-nübüvve, 5-6. fasıl, no. 52; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 43; Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 28. fasıl; Kütüb-i Sitte: Buharî, Bed'ü'l-Vahy, Enbiya 21, Tefsir, Alak Tabir 1; Müslim, İman 252, (160); Tirmizî, Menakıb 13, (3636) [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 5563, c./s. 15/389-390]

## 225. Lời tiên đoán của thầy bói Shafi' bin Kulayb

Da'if (Yếu) LỜI TIÊN TRI VÀ BÁO TRƯỚC

Thầy bói Shafi' bin Kulayb đã báo trước sự xuất hiện của Người.

Trước sứ mạng (thời Jahiliyah)

NGUỒN Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 28. fasıl (ehl-i kitab, kâhinler, putlar)

## 226. Thầy bói Shiqq báo tin mừng về vị Nabi

Da'if (Yếu) LỜI TIÊN TRI VÀ BÁO TRƯỚC

Thầy bói Shiqq đã báo trước sự xuất hiện của Người.

Trước sứ mạng (thời Jahiliyah)

NGUỒN Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 28. fasıl (ehl-i kitab, kâhinler, putlar)

## 227. Thầy bói Khunafir báo tin mừng về vị Nabi

Da'if (Yếu) LỜI TIÊN TRI VÀ BÁO TRƯỚC

Thầy bói Khunafir đã báo trước sự xuất hiện của Người.

Trước sứ mạng (thời Jahiliyah)

NGUỒN Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 28. fasıl (ehl-i kitab, kâhinler, putlar)

---

## 228. Af'a Najran báo tin mừng về vị Nabi

Da'if (Yếu) LỜI TIÊN TRI VÀ BÁO TRƯỚC

Thầy bói của Najran là Af'a Najran đã báo trước sự xuất hiện của Người.

Trước sứ mạng (thời Jahiliyah)

NGUỒN Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 28. fasıl (ehl-i kitab, kâhinler, putlar)

---

## 229. Lời tiên đoán của thầy bói Jizl al-Kindi

Da'if (Yếu) LỜI TIÊN TRI VÀ BÁO TRƯỚC

Thầy bói Jizl bin Jizl al-Kindi đã báo trước sự xuất hiện của Người.

Trước sứ mạng (thời Jahiliyah)

NGUỒN Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 28. fasıl (ehl-i kitab, kâhinler, putlar)

---

## 230. Lời tiên đoán của Ibn Khalasah ad-Dawsi

Da'if (Yếu) LỜI TIÊN TRI VÀ BÁO TRƯỚC

Thầy bói Ibn Khalasah ad-Dawsi đã báo trước sự xuất hiện của Người.

Trước sứ mạng (thời Jahiliyah)

NGUỒN Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 28. fasıl (ehl-i kitab, kâhinler, putlar)

---

## 231. Lời tiên đoán của Sa'd bin bint Kurayz

Da'if (Yếu) LỜI TIÊN TRI VÀ BÁO TRƯỚC

Thầy bói Sa'd bin bint Kurayz đã báo trước sự xuất hiện của Người.

Trước sứ mạng (thời Jahiliyah)

NGUỒN Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 28. fasıl (ehl-i kitab, kâhinler, putlar)

---

## 232. Lời tiên đoán của nữ thầy bói Fatimah bint an-Nu'man

Da'if (Yếu) LỜI TIÊN TRI VÀ BÁO TRƯỚC

Nữ thầy bói Fatimah bint an-Nu'man đã báo trước sự xuất hiện của Người.

Trước sứ mạng (thời Jahiliyah)

NGUỒN Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 28. fasıl (ehl-i kitab, kâhinler, putlar)

---

## 233. Ka'b al-Ahbar tìm thấy các đặc điểm của Nabi ﷺ trong Kinh Tawrah

Da'if (Yếu) LỜI TIÊN TRI VÀ BÁO TRƯỚC

Khi mở những trang Kinh Tawrah mà cha ông lúc lâm chung đã niêm phong/trát vào tường để giấu, Ka'b al-Ahbar tìm thấy đặc điểm "Muhammad là Thiên Sứ của Allah, vị Nabi cuối cùng, sinh ở Makkah, di cư đến Taybah" và những nét riêng của Ummah Người; ông theo Islam vào thời Umar.

Tìm thấy: trước sứ mạng; Theo Islam: khoảng năm 17 H

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 25 (Tevrat ve İncil'de anılması bâbı)

## 234. Tin mừng của Abdullah bin Salam trong các kinh sách xưa

Da'if (Yếu) LỜI TIÊN TRI VÀ BÁO TRƯỚC

Abdullah bin Salam cho biết trong những kinh sách ông đã đọc có ghi: "Tại Makkah sẽ có một lá cờ được giương lên; Allah ở cùng nó và người mang nó, Ngài sẽ làm nó vượt trội trên mọi vùng đất."

Các kinh sách trước sứ mạng; Lời thuật: thời kỳ Madinah

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 27 (Tevrat ve İncil'de anılması bâbı)

## 235. Cậu bé mồ côi Sahl đọc đặc điểm của Nabi ﷺ trong Kinh Injil

Da'if (Yếu) LỜI TIÊN TRI VÀ BÁO TRƯỚC

Sahl, một đứa trẻ mồ côi Kitô giáo ở Maris (nô lệ được trả tự do của Ghusaymah), mở trang giấy bị dán keo trong cuốn Injil của người chú và đọc thấy đặc điểm của Người (tầm vóc vừa phải, da trắng, tóc tết hai bím, giữa hai vai có con dấu, không nhận của bố thí, cưỡi lừa và lạc đà, tên là Ahmad); người chú đánh cậu và nói: "Người ấy chưa đến."

Trước sứ mạng (khoảng năm 600–610 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 28 (Tevrat ve İncil'de anılması bâbı)

## 236. Người Do Thái ở Khaybar cầu xin chiến thắng nhờ phẩm giá của vị Nabi

Sahih (Xác thực) LỜI TIÊN TRI VÀ BÁO TRƯỚC

Khi bị thua trong các cuộc chiến với Ghatafan, người Do Thái ở Khaybar cầu xin: "Lạy Allah, nhờ quyền của Muhammad, vị Nabi mù chữ mà Ngài hứa sẽ cử phái vào thời cuối cùng, xin hãy giúp chúng tôi", và họ chiến thắng; nhưng khi Người được cử phái thì họ phủ nhận.

Trước sứ mạng

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 39 (hahamların ve rahiplerin haber vermesi bâbı)

## 237. Abu Bakr nghe Umayyah kể về đặc điểm của vị Nabi

Da'if (Yếu) LỜI TIÊN TRI VÀ BÁO TRƯỚC

Khi ngồi cùng Zayd bin Amr bin Nufayl trong sân Ka'bah, Abu Bakr nghe từ Umayyah bin Abi as-Salt rằng vị Nabi được chờ đợi sẽ thuộc dòng dõi trung tâm nhất của người Ả Rập và sẽ không làm điều bất công; khi Người được cử phái, ông lập tức tin theo.

Không lâu trước sứ mạng (khoảng năm 600–610 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 42 (hahamların ve rahiplerin haber vermesi bâbı)

## 238. Tin mừng của tu sĩ Mosul cho Zayd bin Amr

Da'if (Yếu) LỜI TIÊN TRI VÀ BÁO TRƯỚC

Vị tu sĩ ở Mosul mà Zayd bin Amr bin Nufayl và Waraqah bin Nawfal tìm đến trong lúc đi tìm tôn giáo đã nói với Zayd: "Hãy quay về, điều anh tìm sắp xuất hiện trên đất của anh."

Trước sứ mạng (khoảng năm 595–605 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 42 (hahamların ve rahiplerin haber vermesi bâbı)

---

## 239. Tin mừng của ông già ở al-Jazirah cho Zayd

**Sahih (Xác thực)** LỜI TIÊN TRI VÀ BÁO TRƯỚC

Zayd bin Amr bin Nufayl kể với Người (trước sứ mạng) rằng ở al-Jazirah một ông già đã nói với ông: “Một vị Nabi đã xuất hiện hoặc sắp xuất hiện từ xứ của anh; ngôi sao của người ấy đã mọc, hãy quay về và tin theo người ấy.”

Trước sứ mạng (khoảng năm 600–605 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 42 (hahamların ve rahiplerin haber vermesi bâbı)

---

## 240. Tu sĩ Sham báo tin mừng về vị Nabi cho Zayd bin Amr

**Da'if (Yếu)** LỜI TIÊN TRI VÀ BÁO TRƯỚC

Ở Sham, một tu sĩ nói với Zayd bin Amr: “Anh đang tìm tôn giáo của Ibrahim; hãy quay về xứ mình, một vị Nabi từ dân tộc anh sẽ được cử phái với tôn giáo Hanif.”

Trước sứ mạng (khoảng năm 595–605 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 43 (hahamların ve rahiplerin haber vermesi bâbı)

---

## 241. Tin mừng về sứ mạng Nabi dành cho Amr bin Abasah

**Da'if (Yếu)** LỜI TIÊN TRI VÀ BÁO TRƯỚC

Vào thời Jahiliyah, Amr bin Abasah as-Sulami, người quay lưng với các tượng thần, được một người thuộc Người Kinh Sách nói: “Một người từ Makkah sẽ xuất hiện, quay lưng với các tượng thần của dân mình và mang đến tôn giáo cao quý nhất”; Amr hỏi han những người từ Makkah đến cho đến khi tìm thấy Người và tin theo.

Lời tiên tri: trước sứ mạng; Ứng nghiệm: khoảng năm 611–613 CN

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 44 (hahamların ve rahiplerin haber vermesi bâbı)

---

## 242. Những dấu hiệu sứ mạng Nabi mà Malik bin Sinan nghe được

**Da'if (Yếu)** LỜI TIÊN TRI VÀ BÁO TRƯỚC

Malik bin Sinan (cha của Abu Sa'id al-Khudri) nghe người Do Thái Yusha' ở Abd al-Ashhal nói: “Sự xuất hiện của một vị Nabi tên Ahmad từ đất thánh đã gần; người ấy tầm vóc vừa phải, mắt có vệt đỏ, gươm đeo trên vai, nơi này là đất di cư của người ấy”, và ở Qurayzah nghe Zubayr bin Bata nói: “Ngôi sao đỏ chỉ mọc khi có một vị Nabi xuất hiện đã mọc.”

Không lâu trước sứ mạng (khoảng năm 600–610 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 46 (hahamların ve rahiplerin haber vermesi bâbı)

---

## 243. Tiếng nói Abu Bakr nghe từ một cái cây

**Da'if (Yếu)** LỜI TIÊN TRI VÀ BÁO TRƯỚC

Vào thời Jahiliyah, khi Abu Bakr ngồi dưới một gốc cây, một cành cây rủ xuống đến đầu ông và từ cái cây vang lên tiếng nói: “Vị Nabi này sẽ xuất hiện vào lúc ấy; ngươi hãy là người hạnh phúc nhất nhờ người ấy.”

Trước sứ mạng (khoảng năm 600–610 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 51 (hahamların ve rahiplerin haber vermesi bâbı)

---

## 244. Học giả Yemen nhận ra Abu Bakr

Da'if (Yếu) LỜI TIÊN TRI VÀ BÁO TRƯỚC

Trước sứ mạng, Abu Bakr làm khách ở Yemen của một học giả 390 tuổi thuộc bộ tộc Azd từng đọc kinh sách; ông ta nói: "Tại đất thánh sẽ có một vị Nabi được cử phái, một chàng trai trẻ và một người đứng tuổi sẽ giúp đỡ người ấy; người đứng tuổi da trắng, gầy, trên bụng có nốt ruồi", rồi khi thấy nốt ruồi đen trên bụng Abu Bakr, ông nói: "Thề bởi Thượng Đế của Ka'bah, người đó chính là ông."

Trước sứ mạng (khoảng năm 605–610 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 52 (ashabının önceki kitaplarda anılması bâbı)

---

## 245. Tu sĩ Sham xin Umar văn bản bảo đảm an toàn

Da'if (Yếu) LỜI TIÊN TRI VÀ BÁO TRƯỚC

Vào thời Jahiliyah, vị tu sĩ của tu viện ở Sham nơi Umar trú ngụ đã nhận ra ông qua đặc điểm trong kinh sách và nói: "Ông là người sẽ đưa chúng tôi ra khỏi tu viện này và sẽ cai trị vùng đất này", rồi xin ông một văn bản bảo đảm an toàn cho tu viện của mình; khi Umar đến Sham trong thời làm Khalifah, ông ta mang văn bản ấy đến.

Văn bản: trước sứ mạng; Được trình ra: năm 16–17 H (637–638 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 52 (ashabının önceki kitaplarda anılması bâbı)

---

## 246. Thầy bói Ma'mun báo trước về Nabi ﷺ

Da'if (Yếu) LỜI TIÊN TRI VÀ BÁO TRƯỚC

Tufayl bin Zayd al-Harithi 160 tuổi kể với Umar rằng vào thời Jahiliyah, thầy bói Ma'mun bin Mu'awiyah đã báo trước về vị Nabi và nói: "Ước gì tôi kịp gặp người ấy"; khi nghe tin ở Tihamah, ông nói: "Đây chính là người mà Ma'mun đã báo trước", và theo Islam.

Lời tiên tri: trước sứ mạng; Lời thuật: thời Umar làm Khalifah

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 61 (kâhinlerin haber vermesi bâbı)

---

## 247. Văn tự tìm thấy dưới Maqam Ibrahim

Da'if (Yếu) LỜI TIÊN TRI VÀ BÁO TRƯỚC

Quraish tìm thấy một văn tự dưới Maqam Ibrahim; người đàn ông xứ Himyar mà họ nhờ đọc nói: "Trong đó có một lời mà nếu tôi nói ra, các người sẽ giết tôi"; họ hiểu rằng đó là lời nhắc đến Muhammad và giấu nó đi.

Trước sứ mạng (sửa lại Ka'bah, khoảng năm 605 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 62 (eski taşlarda adının bulunması bâbı)

---

## 248. Dòng chữ trên phiến đá chạm khắc tìm thấy ở Ka'bah

Da'if (Yếu) LỜI TIÊN TRI VÀ BÁO TRƯỚC

Trên một phiến đá chạm khắc được tìm thấy khi Ka'bah bị phá dỡ lần đầu, người ta đọc được dòng chữ: “Bề tôi được chọn, phó thác của Ta; nơi sinh là Makkah, nơi di cư là Taybah; người ấy sẽ không ra đi trước khi uốn thẳng cộng đồng lệch lạc; Ummah của người ấy là những người ca ngợi.”

Trước sứ mạng

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 62 (eski taşlarda adının bulunması bâbı)

---

## 249. Người Do Thái cầu xin chiến thắng và câu 89 chương al-Baqarah

Sahih (Xác thực) PHÉP MÀU CỦA QUR'AN

Trước sứ mạng, người Do Thái cầu xin chiến thắng trước Aws và Khazraj nhờ “vị Nabi sẽ xuất hiện”; khi người ấy được cử phái từ người Ả Rập thì họ phủ nhận; Mu'adh bin Jabal và Bishr bin al-Bara' nói thẳng điều này vào mặt họ, và câu 89 chương al-Baqarah được mặc khải.

Trước sứ mạng; Câu kinh: thời kỳ Madinah

NGUỒN Ebû Nuaym el-İsfahânî, Delâilü'n-nübüvve, 5-6. fasıl (önceki kitaplar, kâhinler ve meliklerin beklentisi), no. 43

---

## 250. Bốn người đặt tên Muhammad cho con trai mình

Da'if (Yếu) LỜI TIÊN TRI VÀ BÁO TRƯỚC

Khi Adi bin Rabi'ah, Sufyan bin Mujashi', Yazid bin Amr bin Rabi'ah và Usamah bin Malik đến gặp Ibn Jafnah ở Sham, một tu sĩ của tu viện nói: “Sắp có một vị Nabi tên Muhammad được cử phái từ các người”; cả bốn người đều đặt tên Muhammad cho con trai sinh ra sau đó.

Trước sứ mạng (khoảng năm 570–600 CN)

NGUỒN Ebû Nuaym el-İsfahânî, Delâilü'n-nübüvve, 5-6. fasıl (önceki kitaplar, kâhinler ve meliklerin beklentisi), no. 49

---

## 251. Dòng chữ “Muhammad muslihun amin” trên những phiến đá cổ

Da'if (Yếu) LỜI TIÊN TRI VÀ BÁO TRƯỚC

Trên những phiến đá và bia mộ viết bằng chữ cổ có dòng chữ “Muhammad muslihun amin” (Muhammad là người cải thiện, đáng tin cậy), và một số người nhìn thấy đã tin theo.

Trước sứ mạng (thời điểm không rõ)

NGUỒN Questions on Islam, "Glad Tidings..." — Bazı Mezar Taşlarında “Muhammedün Muslihun Emîn'e Selâm Olsun” Yazılı Olması" (kitabın dipnotu: Kadı Iyâz, eş-Şifâ, c:1, s:467)

---

## 252. Tiếng nói vô hình đến với Junda' bin Sumayl

Da'if (Yếu) LỜI TIÊN TRI VÀ BÁO TRƯỚC

Một người đến (tiếng nói vô hình) bảo Junda' bin Sumayl bỏ các tượng thần và đi theo vị Nabi sắp xuất hiện từ đất thánh, người sẽ cai trị người Ả Rập và người không phải Ả Rập; người anh em họ mà ông kể chuyện ấy là Rafi' bin Khidash đã đến sau cuộc Hijrah và theo Islam.

Trước sứ mạng; Theo Islam: sau Hijrah

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 182 (Bi'seti sırasında kâhinlerden ve seslerden (hâtif) işitilenler)

## 253. Giấc mơ đầy ánh sáng của Khalid bin Sa'id

Da'if (Yếu) LỜI TIÊN TRI VÀ BÁO TRƯỚC

Trước sứ mạng, Khalid bin Sa'id thấy trong mơ một bóng tối bao trùm Makkah đến mức không phân biệt được núi và đồng bằng, một luồng sáng như ánh đèn từ Zamzam bay lên, chiếu sáng trước hết Ka'bah, rồi toàn bộ Makkah, rồi các vườn chà là ở Yathrib, và từ trong luồng sáng ông nghe những tiếng nói: "Subhanahu, subhanahu… vị Nabi của những người mù chữ đã đến, kỳ hạn đã được ghi đã tới."

Không lâu trước sứ mạng (khoảng năm 609–610 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 204 (Hâlid b. Saîd b. Âs'ın rüyası)

## 254. Người lữ khách ở Batha thấy dấu ấn sứ mạng

Da'if (Yếu) LỜI TIÊN TRI VÀ BÁO TRƯỚC

Trước sứ mạng Nabi, ở Batha, một trong hai người lữ khách mà Người gặp hỏi: "Ở vùng này có ai tên Ahmad không?", Người đáp: "Ngoài tôi không có ai tên Ahmad hay Muhammad"; ông ta xuống lạc đà, xin Người để lộ vai, thấy con dấu giữa hai vai Người và nói: "Tôi làm chứng rằng ngài là Thiên Sứ của Allah; ngài sẽ được cử phái để chém cổ dân của ngài", rồi xin Người lương thực và cầu xin để họ nhận ra nhau vào Ngày Tận Thế (theo Abu Sallam, ông nội của Zayd bin Sallam).

Trước sứ mạng

NGUỒN Râvendî, el-Harâic ve'l-cerâih, c. 1, s. 126 (el-Bâbü'l-evvel fî mu'cizâti nebiyyinâ Muhammed)

## 255. Tiếng nói và dòng chữ Salman nghe thấy ở Shiraz

Da'if (Yếu) LỜI TIÊN TRI VÀ BÁO TRƯỚC

Theo lời kể của Salman (Ruzbih), vào một ngày lễ ở Shiraz, ông nghe từ một tu viện vang lên: "Không có thần linh nào ngoài Allah, Isa là linh hồn của Allah, Muhammad là người yêu dấu của Allah", và tình yêu dành cho Muhammad thấm vào lòng ông; trên một văn tự treo ở trần nhà ông khi ông từ lễ hội về, ông đọc thấy: "Đây là giao ước của Allah với Adam: từ xương sống của ngươi, Ngài sẽ tạo ra một vị Nabi tên Muhammad, người ra lệnh giữ đạo đức tốt đẹp và cấm thờ tượng thần; hỡi Ruzbih, hãy đến với người thừa kế của người thừa kế của Isa."

Trước sứ mạng (khoảng năm 580–600 CN)

NGUỒN Râvendî, el-Harâic ve'l-cerâih, c. 3, s. 1078-1079 (el-Bâbü'l-ışrûn fî alâmât ve merâtib nebiyyinâ ve evsiyâih)

## 256. Salman được cứu khỏi giếng và học tiếng Ả Rập

Da'if (Yếu) DẤU HIỆU TRONG CUỘC ĐỜI CỦA NABI

Vì không từ bỏ tình yêu dành cho Muhammad, Salman bị cha mẹ ném xuống giếng, và ngay hôm đó ông được dạy tiếng Ả Rập; khi ông cầu xin: "Ngài đã khiến tôi yêu Muhammad và người thừa kế của người ấy, nhờ quyền của người ấy xin hãy cho tôi sớm thoát ra", một người mặc đồ trắng đến nắm tay kéo ông ra khỏi giếng và đưa đến tu viện.

Trước sứ mạng (khoảng năm 580–600 CN)

NGUỒN Râvendî, el-Harâic ve'l-cerâih, c. 3, s. 1080 (el-Bâbü'l-ışrûn fî alâmât ve merâtib nebiyyinâ ve evsiyâih)

## 257. Các tu sĩ cho Salman biết các đặc điểm của vị Nabi

Da'if (Yếu) LỜI TIÊN TRI VÀ BÁO TRƯỚC

Vị tu sĩ của tu viện đón Salman bằng chính tên ông, khi sắp mất đã gửi ông đến vị tu sĩ ở Antioch và trao cho ông một tấm bảng ghi các đặc điểm của Muhammad; vị tu sĩ ở Antioch cũng dạy ông các đặc điểm của Muhammad và người thừa kế của người ấy, và khi sắp mất thì nói: "Đã đến lúc Muhammad bin Abdullah xuất hiện."

Trước sứ mạng (khoảng năm 600–610 CN)

NGUỒN Râvendî, el-Harâic ve'l-cerâih, c. 3, s. 1080 (el-Bâbü'l-ışrûn fî alâmât ve merâtib nebiyyinâ ve evsiyâih)

## 258. Bahira khóc và những lời báo trước về tương lai

Da'if (Yếu) LỜI TIÊN TRI VÀ BÁO TRƯỚC

Khi chia tay, Bahira khóc và nói: "Hỡi con trai của Aminah, ta như thấy người Ả Rập cùng bắn tên vào cháu từ một cây cung, và họ hàng bỏ rơi cháu"; ông báo cho Abu Talib rằng ông ấy sẽ không thể công khai tin theo Người, nhưng ông ấy sẽ có một người con trai công khai tin theo và giúp đỡ Người, là cha của hai người tử vì đạo; rằng Người sẽ đập phá al-Lat và al-Uzza, sẽ đặt chìa khóa Ka'bah ở nơi Người muốn, người Ả Rập và người không phải Ả Rập sẽ đi theo Người; rồi ông nói: "Hãy bảo vệ cậu ấy khỏi người Do Thái và đưa cậu ấy về quê hương."

Lời tiên tri: khoảng năm 579 CN; Ứng nghiệm: năm 610–630 CN

NGUỒN Râvendî, el-Harâic ve'l-cerâih, c. 3, s. 1088-1090 (el-Bâbü'l-ışrûn fî alâmât ve merâtib nebiyyinâ ve evsiyâih)

## 259. Lời làm chứng của thủ lĩnh các tu sĩ trong chuyến đi Sham

Da'if (Yếu) LỜI TIÊN TRI VÀ BÁO TRƯỚC

Khalid bin Asid bin Abi al-Is và Taliq bin Abi Sufyan bin Umayyah, những người trong đoàn lữ hành đi Sham, kể rằng suốt dọc đường họ thấy những biểu hiện của thú hoang và chim chóc đối với Người; ở chợ Busra, các tu sĩ mặt tái xanh, run rẩy dẫn họ đến gặp vị thủ lĩnh trong nhà thờ lớn; vị thủ lĩnh tay cầm cuốn sách nói: "Các người không mang đến người tôi tìm", rồi khi biết "đứa trẻ mồ côi của Abu Talib" thuộc Banu Hashim cũng đã đến thì suýt ngất; thấy Người ở chợ, ông nhận ra ngay, nói: "Cậu thật được ban phúc", hỏi về các dấu hiệu của Người, rồi nói: "Nếu tôi sống đến thời của người ấy, tôi sẽ dùng gươm đúng như phải dùng; sự sống và cái chết ở cùng người ấy, ai gắn bó với người ấy thì sống, ai quay lưng thì chết", và hôn lên mặt Người.

Khoảng năm 579–595 CN (chuyến đi Sham)

NGUỒN Râvendî, el-Harâic ve'l-cerâih, c. 3, s. 1091-1093 (el-Bâbü'l-ışrûn fî alâmât ve merâtib nebiyyinâ ve evsiyâih)

## 260. Lời làm chứng của tu sĩ Abul Muwayhib ở Busra

Da'if (Yếu) LỜI TIÊN TRI VÀ BÁO TRƯỚC

Năm Người đi Sham thay mặt Khadijah, tại Busra, vị tu sĩ tên Abul Muwayhib hỏi các thương nhân Quraish là Abd Manat bin Kinanah và Nawfal bin Mu'awiyah: "Có ai khác ngoài người Quraish đi cùng các ông không?"; nghe trả lời: "Một chàng trai tên Muhammad thuộc Banu Hashim, người làm thuê cho Khadijah", ông nói: "Chính là người tôi đang tìm"; thấy Người từ chợ đi đến, ông nói: "Người ấy, người ấy!", nói chuyện riêng với Người một lúc, hôn lên giữa hai mắt Người và báo: "Thề bởi Allah, đây là vị Nabi của thời này."

Khoảng năm 595 CN (25 tuổi)

NGUỒN Râvendî, el-Harâic ve'l-cerâih, c. 3, s. 1093-1095 (el-Bâbü'l-ışrûn fî alâmât ve merâtib nebiyyinâ ve evsiyâih)

## 261. Banu an-Nadir cho Muhammad bin Maslamah biết về vị Nabi sẽ đến

Da'if (Yếu) LỜI TIÊN TRI VÀ BÁO TRƯỚC

Trước sứ mạng, người Do Thái Banu an-Nadir mời Muhammad bin Maslamah theo đạo Do Thái và kể cho ông về các đặc điểm của vị Nabi sẽ đến (người mang luật pháp và là chiến binh, mắt có vệt đỏ, đến từ phía Yemen, cưỡi lạc đà, gươm đeo trên cổ, nói lời khôn ngoan) và rằng sẽ có những trận giao chiến trên đất của họ; năm 4 H, khi Muhammad bin Maslamah đến làm sứ giả và nhắc lại điều này, họ thừa nhận đã nói như vậy.

Lời tiên tri: trước sứ mạng (khoảng năm 600–610 CN); Thừa nhận: Banu an-Nadir, năm 4 H (625 CN)

NGUỒN N. İçel, Hz. Muhammed'in (sas) Mucizeleri -1 (2023), "Kinâne b. Suriya'nın Benî Nadîr Yahudîlerini Uyarışı ve Öğütleyişi" (kitabın dipnotu: Taberî, Târîh, c:3, s:37; Ebu Nuaym, Delâilü'n-nübüvve, c:2, s:492-493)

## 10 · Lần mặc khải đầu tiên và sự khởi đầu sứ mạng Nabi (năm 610 CN)

### 262. Shaytan bị ngăn nghe trộm tin tức từ trời và nghề bói toán chấm dứt

**Sahih (Xác thực)** LỜI TIÊN TRI VÀ BÁO TRƯỚC

Cùng với sứ mạng, việc loài Jinn và Shaytan nghe trộm tin tức từ trời bị ngăn chặn bằng các vì sao; nghề bói toán chấm dứt.

Khoảng năm 610 CN

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.1 s.582; 19. Mektup listesi (183.txt) no.80; 1000 Mucize no.175 (s.152); web: Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 29. fasıl; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 184-186; ayrıca: Meclisî, Bihâru'l-envâr, c. 17, s. 226; c. 17, s. 356-357; Râvendî, el-Harâic, c. 2, s. 508-509; İbn Şehrâşûb, Menâkıb, c. 1, s. 92-93; ayrıca: N. İçel, Hz. Muhammed'in (sas) Mucizeleri -1 (2023), "Kehânet ve Çeşitleri" (kitabın dipnotu: İbn Esîr, Nihâye, c:4, s:214; Taberî, Tefsîr, c:1, s:444. / Cin: 8-9); Kütüb-i Sitte: Tirmizî, Tefsir, Cin (3321); Buhârî 773; Müslim 449 [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 5562]

---

### 263. Một hòn đá ở Makkah chào Nabi ﷺ

**Sahih (Xác thực)** PHÉP MÀU HỮU HÌNH

Trước khi trở thành Nabi, ở Makkah có một hòn đá chào Người.

Không lâu trước sứ mạng (khoảng năm 600–610 CN)

NGUỒN İbn Kesîr s.60; 19. Mektup listesi (183.txt) no.42; 1000 Mucize no.96 (s.72); web: Mişkâtü'l-Mesâbîh, Fezâil, alâmâtü'n-nübüvve, no. 5853; A'zamî, el-Câmiu'l-Kâmil, Sîre, bâb 571; Heysemî, Mecmau'z-zevâid, K. Alâmâti'n-nübüvve, bâbü teslîmi'l-haceri ve'ş-şeceri aleyhi, no 13955-13956; İbn Hibbân, Sahîh, K. et-Târîh, bâbü'l-mu'cizât, no 6482; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 165; ayrıca: İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî, s. 137, 419, 454, 456; İbnü'l-Cevzî, el-Vefâ, s. 156; Elshinawy, The Physical Miracles of the Prophet (Yaqeen); Meclisî, Bihâru'l-envâr, c. 17, s. 368, 372, 380; Râvendî, el-Harâic, c. 1, s. 46; c. 2, s. 494; İbn Şehrâşûb, Menâkıb, c. 1, s. 80; ayrıca: N. İçel, Hz. Muhammed'in (sas) Mucizeleri -1 (2023), "Peygamberimiz Muhammed aleyhisselâma Vahiy ve Peygamberlik Gelmeden Birkaç Yıl Önce Cereyan Eden Hâdiselerden Bazıları (3)" (kitabın dipnotu: Zehebî, Târıh, s:125,129-130; Zürkânî, Mevâhibu'l-ledünniye Şerhi, c:1, s:219; Halebî, İnsânu'l-uyûn, c:1, s:361; Diyarbekrî, Hamis, c:1, s:221) · N. İçel, Hz. Muhammed'in (sas) Mucizeleri -2 (2023), "AĞAÇLARIN, TAŞLARIN HZ, MUHAMMED ALEYHİSSELÂMA SELÂM VERMELERİ İLE ALÂKALI MU'CİZELER" (kitabın dipnotu: Zehebî, Târıh, s:125,129-130;); Kütüb-i Sitte: Müslim, Fezail 2, (2277); Tirmizî, Menakıb 7, (3628) [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 5587, c./s. 15/440]

---

### 264. Sáu tháng mơ thấy những giấc mơ chân thật trước mặc khải

**Sahih (Xác thực)** LỜI TIÊN TRI VÀ BÁO TRƯỚC

Trước khi có mặc khải, suốt sáu tháng, những giấc mơ của Người đều thành sự thật y như ánh sáng ban mai.

Năm 610 CN (sứ mạng, 40 tuổi)

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.1 s.468; web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 156-157; ayrıca: İbnü'l-Cevzî, el-Vefâ, s. 155 ve 159; Kütüb-i Sitte: Buharî, Bed'ü'l-Vahy, Enbiya 21, Tefsir, Alak Tabir 1; Müslim, İman 252, (160); Tirmizî, Menakıb 13, (3636) [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 5563, c./s. 15/389-390]

---

### 265. Jibril mang mặc khải đầu tiên đến ở hang Hira

**Sahih (Xác thực)** PHÉP MÀU CỦA QUR'AN

Jibril đến hang Hira mang mặc khải đầu tiên đến cho Người.

Năm 610 CN (sứ mạng, 40 tuổi)

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.1 s.468, 491; web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 156-164; c. 1, s. 164; ayrıca: İbnü'l-Cevzî, el-Vefâ, s. 159; ayrıca: N. İçel, Hz. Muhammed'in (sas) Mucizeleri -1 (2023), "PEYGAMBERLERİN MU'CİZEYE İHTİYACI" (kitabın dipnotu: İbn Sa'd, Tabakât, c:1, s:194-195); Kütüb-i Sitte: Buharî, Bed'ü'l-Vahy, Enbiya 21, Tefsir, Alak Tabir 1; Müslim, İman 252, (160); Tirmizî, Menakıb 13, (3636) [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 5563, c./s. 15/389-390]

---

## 266. Cây và đá nói “As-salamu 'alayka ya Rasulallah”

**Sahih (Xác thực)** PHÉP MÀU LIÊN QUAN ĐẾN THIÊN NHIÊN

Trong những ngày đầu sứ mạng, mỗi hòn đá và mỗi cái cây Người đi ngang qua đều nói: “As-salamu 'alayka ya Rasulallah.”

Năm 610 CN (sứ mạng, 40 tuổi)

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.1 s.468; İbn Kesîr s.59, 61; 19. Mektup listesi (183.txt) no.43, 155; 1000 Mucize no.96 (s.72), no.901 (s.748); web: Tirmizî, Menâkıb, no. 3626; Said Nursî, Mektubat, 19. Mektup, 11. İşaret, 3. misal; Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 18. fasıl; Questions on Islam, "The Miracles concerning mountains, rocks and lifeless creatures"; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 158-159, 165-166; ayrıca: Râvendî, el-Harâic, c. 1, s. 141; İbn Hamza et-Tûsî, es-Sâkıb, s. 68, no. 49/4; İbnü'l-Cevzî, el-Vefâ, s. 157; İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî, s. 137; Meclisî, Bihâru'l-envâr, c. 17, s. 214; c. 17, s. 309-310; İbn Şehrâşûb, Menâkıb, c. 1, s. 43; ayrıca: N. İçel, Hz. Muhammed'in (sas) Mucizeleri -1 (2023), "Peygamberimiz Muhammed aleyhisselâma Vahiy ve Peygamberlik Gelmeden Birkaç Yıl Önce Cereyan Eden Hâdiselerden Bazıları (3)" (kitabın dipnotu: Zehebî, Târıh, s:125,129-130; Zürkânî, Mevâhibu'l-ledünniye Şerhi, c:1, s:219; Halebî, İnsânu'l-uyûn, c:1, s:361; Diyarbekrî, Hamis, c:1, s:221) · N. İçel, Hz. Muhammed'in (sas) Mucizeleri -2 (2023), "AĞAÇLARIN, TAŞLARIN HZ, MUHAMMED ALEYHİSSELÂMA SELÂM VERMELERİ İLE ALÂKALI MU'CİZELER" (kitabın dipnotu: Zehebî, Târıh, s:125,129-130;); Kütüb-i Sitte: Tirmizî, Menakıb 8, (3630); Müslim, Fezail 2, (2277); Tirmizî, Menakıb 7, (3628) [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 5586, c./s. 15/440; no. 5587, c./s. 15/440]

---

## 267. Waraqah bin Nawfal xác nhận vị Thiên Thần đến là an-Namus

**Sahih (Xác thực)** LỜI TIÊN TRI VÀ BÁO TRƯỚC

Waraqah bin Nawfal xác nhận rằng vị Thiên Thần đến với Người chính là an-Namus đã đến với Nabi Musa.

Năm 610 CN (sứ mạng, 40 tuổi)

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.1 s.468; web: Heysemî, Mecmau'z-zevâid, K. Alâmâti'n-nübüvve, bâb fî ba'sihî, no 13930; Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 28. fasıl; Questions on Islam, "Glad Tidings..."; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 156, 161-165; ayrıca: İbnü'l-Cevzî, el-Vefâ, s. 159-160; İbn Şehrâşûb, Menâkıb, c. 1, s. 42; ayrıca: N. İçel, Hz. Muhammed'in (sas) Mucizeleri -1 (2023), "Varaka b. Nevfel'in Peygamberimiz aleyhisselâmın Başına Neler Geleceğini Haber Verişi" (kitabın dipnotu: İbn İshak- İbn Hişam, c:1, s:254; Taberî, Tarih, c:2, s:207-208); Kütüb-i Sitte: Buharî, Bed'ü'l-Vahy, Enbiya 21, Tefsir, Alak Tabir 1; Müslim, İman 252, (160); Tirmizî, Menakıb 13, (3636) [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 5563, c./s. 15/389-390]

---

## 268. Thấy Jibril trong hình dạng thật nơi chân trời

**Sahih (Xác thực)** PHÉP MÀU HỮU HÌNH

Người nhìn thấy Jibril lần đầu tiên trong hình dạng thật, che kín cả chân trời (chân trời cao nhất).

Khoảng năm 610–613 CN (những năm đầu sứ mạng)

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.2 s.28; web: Heysemî, Mecmau'z-zevâid, K. Alâmâti'n-nübüvve, no 13942; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 157, 164; c. 1, s. 160; c. 1, s. 200-201; ayrıca: N. İçel, Hz. Muhammed'in (sas) Mucizeleri -2 (2023), "Kur'ân-ı Kerîm'in Mirac Hakkındaki Açıklaması + Cennetü'l-Me'vâ, Kürsî ve Arş" (kitabın dipnotu: Necm: 1-18 / Taberî, Tefsir, c:27, s:55; c:3, s:10; Nesefî, Medârik, c:1, s:128); Kütüb-i Sitte: Buhârî, Tefsir, Maide 7, Bed'ül-Halk 6, Tefsir, Necm 1, Tevhid 4; Müslim İman, 287, (177); Buharî, Bed'ü'l-Vahy, Tefsir, Müddessir; Müslim, İman 257, (161) [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 5160; no. 5564, c./s. 15/391]

## 269. Các tượng thần ngã sấp khi vị Nabi được cử phái

Da'if (Yếu) PHÉP MÀU HỮU HÌNH

Khi Người được cử phái làm Nabi, các tượng thần ngã sấp mặt đổ nhào.

Năm 610 CN (sứ mạng, 40 tuổi)

NGUỒN 1000 Mucize no.174 (s.151); web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 183

## 270. "Ta và Ngày Tận Thế được cử phái như hai ngón tay này"

Sahih (Xác thực) LỜI TIÊN TRI VÀ BÁO TRƯỚC

"Ta và Ngày Tận Thế được cử phái gần nhau như hai ngón tay này": sứ mạng của Người là dấu hiệu đầu tiên của Ngày Tận Thế.

Năm 610 CN (sứ mạng, 40 tuổi)

NGUỒN 1000 Mucize no.541 (s.561); Kütüb-i Sitte: Buharî, Rikak 39, Tefsir, Nâziat 1, Talak 25; Müslim, Fiten 132, (2950); Tirmizî, Fiten 39, (2214) [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 5025, c./s. 14/315; no. 5026, c./s. 14/315]

## 271. Các Thiên Thần cân Nabi ﷺ với Ummah của Người

Hasan (Tốt) DẤU HIỆU TRONG CUỘC ĐỜI CỦA NABI

Trước câu hỏi của Abu Dharr: "Ngài biết mình là Nabi bằng cách nào?", Người kể rằng khi ở Batha của Makkah, có hai Thiên Thần đến, một vị nói: "Hãy cân người này với một, mười, một trăm, một nghìn người", khi Người nặng hơn tất cả thì có lời nói: "Dù cân với toàn thể Ummah của người ấy, người ấy vẫn nặng hơn."

Makkah, quanh thời điểm sứ mạng (khoảng năm 610 CN), thời điểm không rõ

NGUỒN Dârimî, Sünen, Mukaddime, no. 14

## 272. Khadijah thử phân biệt Thiên Thần với Shaytan

Hasan (Tốt) DẤU HIỆU TRONG CUỘC ĐỜI CỦA NABI

Khadijah thử xem kẻ đến là Thiên Thần hay Shaytan: khi Jibril hiện ra, bà cho Người ngồi lên đầu gối trái, rồi đầu gối phải, rồi vào lòng mình, mỗi lần đều hỏi: "Anh có thấy không?"; khi bà bỏ khăn trùm đầu ra và nhận câu trả lời: "Giờ thì không thấy nữa", bà nói: "Hãy kiên định, xin chúc mừng anh; đây không phải Shaytan mà là Thiên Thần."

Makkah, năm 610 CN

NGUỒN Heysemî, Mecmau'z-zevâid, K. Alâmâti'n-nübüvve, no 13935 (8/256)

## 273. Jibril an ủi Nabi ﷺ trong thời mặc khải gián đoạn

Da'if (Yếu) DẤU HIỆU TRONG CUỘC ĐỜI CỦA NABI

Trong những ngày mặc khải bị gián đoạn (fatrah), mỗi khi Người buồn bã leo lên đỉnh núi, Jibril đều hiện ra và trấn an Người: "Hỡi Muhammad, ngươi thật sự là Thiên Sứ của Allah."

Khoảng năm 610–613 CN (mặc khải gián đoạn)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 156, 164 (Bi'seti sırasında görülen âyetler)

## 274. Israfil được giao trong ba năm đầu, rồi đến Jibril

Da'if (Yếu) DẤU HIỆU TRONG CUỘC ĐỜI CỦA NABI

Khi Người trở thành Nabi lúc bốn mươi tuổi, trong ba năm đầu Israfil được giao ở bên Người, dạy Người những lời nói và sự việc, và Qur'an chưa được mặc khải; ba năm sau Jibril được giao nhiệm vụ và Qur'an được mặc khải bằng ngôn ngữ của Người trong hai mươi năm.

Năm 610–613 CN

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 157 (Bi'seti sırasında görülen âyetler)

## 275. Mổ ngực trong đêm được cử phái và tin mừng về sứ mạng Thiên Sứ

Da'if (Yếu) DẤU HIỆU TRONG CUỘC ĐỜI CỦA NABI

Vào lúc được cử phái (trong mơ/trên mái nhà Người ở Makkah), hai Thiên Thần đến mổ bụng Người, lấy tim ra rửa sạch rồi đặt lại chỗ cũ và nói: “Thật là trái tim của một người đức hạnh”; sau đó Jibril hiện ra ở phía trên Makkah, cho Người ngồi trên một tấm thảm (durnuk) dát hồng ngọc và ngọc trai, và báo tin mừng về sứ mạng Thiên Sứ.

Năm 610 CN (sứ mạng)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 157-159, 162-163 (Bi'seti sırasında görülen âyetler)

## 276. Nô lệ Addas kinh ngạc xác nhận khi nghe tên Jibril

Da'if (Yếu) LỜI TIÊN TRI VÀ BÁO TRƯỚC

Addas, nô lệ Kitô giáo của Utbah bin Rabi'ah mà Khadijah đến hỏi, khi nghe tên Jibril đã nói: “Quddus, quddus! Ngài là vị được tín nhiệm giữa Allah và các vị Nabi của Ngài; là bạn của Musa và Isa.”

Năm 610 CN (sứ mạng)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 158 (Bi'seti sırasında görülen âyetler)

## 277. Jibril dạy Nabi ﷺ cách làm Wudu'

Da'if (Yếu) PHÉP MÀU HỮU HÌNH

Vào đầu sứ mạng, Jibril làm Wudu' trước mắt Người để dạy Người cách làm Wudu'; và Người cũng làm Wudu' y như vậy.

Năm 610 CN (sứ mạng)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 159 (Bi'seti sırasında görülen âyetler)

## 278. Nghe tiếng gọi đầu tiên và nghe các chương theo lời khuyên của Waraqah

Da'if (Yếu) DẤU HIỆU TRONG CUỘC ĐỜI CỦA NABI

Khi ở một mình, Người nghe tiếng gọi “Hỡi Muhammad” và bỏ chạy; khi Người đứng lại theo lời khuyên của Waraqah: “Hãy kiên định, hãy lắng nghe”, tiếng nói ấy dạy Người đọc lời chứng nhận đức tin và chương al-Fatihah.

Năm 610 CN (sứ mạng)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 161 (Bi'seti sırasında görülen âyetler)

## 279. Waraqah bin Nawfal được thấy mặc áo lụa trên Thiên Đàng

**Sahih (Xác thực)** LỜI TIÊN TRI VÀ BÁO TRƯỚC

Người cho biết sau khi Waraqah bin Nawfal qua đời, Người thấy ông mặc áo lụa trên Thiên Đàng, vì ông đã tin và xác nhận Người.

Khoảng năm 610–611 CN (sau khi Waraqah qua đời)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 161 (Bi'seti sırasında görülen âyetler)

## 280. Nabi ﷺ mô tả cho Waraqah cách Jibril đến

**Da'if (Yếu)** PHÉP MÀU HỮU HÌNH

Trước câu hỏi của Waraqah: "Jibril đến với anh như thế nào?", Người trả lời: "Ngài đến từ trên trời; đôi cánh bằng ngọc trai, lòng bàn chân màu xanh."

Năm 610 CN (sứ mạng)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 164 (Bi'seti sırasında görülen âyetler)

## 281. Vòm cung điện Kisra và các tầng trời khép lại trong đêm được cử phái

**Da'if (Yếu)** PHÉP MÀU LIÊN QUAN ĐẾN THIÊN NHIÊN

Đêm Người được cử phái làm Nabi, vòm cung điện của Kisra bị nứt và con đê trên sông Tigris bị vỡ; các thầy bói, nhà chiêm tinh và phù thủy mà Kisra triệu tập thấy các tầng trời đóng lại với họ, kiến thức của họ trở nên vô dụng, và một luồng sáng mọc lên từ phía Hijaz được họ giải thích là sự xuất hiện của một vị Nabi.

Năm 610 CN (sứ mạng)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 183 (Bi'setinde putların yıkılması ve Kisrâ'nın başına gelenler)

## 282. Iblis thét lên bốn lần

**Da'if (Yếu)** DẤU HIỆU TRONG CUỘC ĐỜI CỦA NABI

Iblis đã thét lên bốn lần: khi bị nguyền rủa, khi bị đuổi khỏi Thiên Đàng, khi Muhammad ﷺ được cử phái làm Nabi, và khi chương al-Fatihah được mặc khải.

Năm 610 CN (sứ mạng) và chương al-Fatihah được mặc khải

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 183 (Bi'setinde putların yıkılması ve Kisrâ'nın başına gelenler)

## 283. Iblis nhận ra đất Tihamah khi bầu trời được canh giữ

**Sahih (Xác thực)** PHÉP MÀU LIÊN QUAN ĐẾN THIÊN NHIÊN

Khi bầu trời được canh giữ, Iblis nói: "Đã có chuyện xảy ra trên mặt đất", rồi sai quân lính mang đất từ khắp nơi về; khi ngửi đất Tihamah (Makkah), hắn nói: "Chuyện xảy ra ở đây", và chúng thấy Người đang đọc Qur'an/dâng lễ nguyện.

Khoảng năm 610 CN

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 184 (Bi'setiyle göğün kulak hırsızlığından korunması)

## 284. Các vì sao bị ném xuống và sự hoảng loạn của Thaqif và Quraish

Da'if (Yếu) PHÉP MÀU LIÊN QUAN ĐẾN THIÊN NHIÊN

Khi các vì sao bắt đầu bị ném xuống cùng với sứ mạng, Quraish và Thaqif tưởng Ngày Tận Thế đã đến nên bắt đầu thả gia súc và trả tự do cho nô lệ; (Abd Yalil/Amr bin Umayyah) nói: "Nếu các vì sao quen thuộc vẫn ở chỗ cũ thì đây là vì một việc mới xuất hiện", và Abu Sufyan đến Ta'if báo tin Người tuyên bố mình là Nabi.

Khoảng năm 610 CN

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 185 (Bi'setiyle göğün kulak hırsızlığından korunması)

## 285. Iblis bị hất khỏi núi Abu Qubays và sự can thiệp của Jibril

Da'if (Yếu) DẤU HIỆU TRONG CUỘC ĐỜI CỦA NABI

Khi lũ Shaytan không còn nghe được tin tức từ trời đến than phiền, Iblis leo lên núi Abu Qubays, thấy Người đang dâng lễ nguyện ở Masjid al-Haram và tiến đến (để lừa gạt Người); Jibril lấy vai hất hắn văng đến thung lũng Jordan.

Khoảng năm 610 CN (khởi đầu sứ mạng)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 187 (Bi'setiyle göğün kulak hırsızlığından korunması)

## 286. Mặc khải gián đoạn và chương al-Muddaththir được mặc khải

Sahih (Xác thực) PHÉP MÀU CỦA QUR'AN

Lời thuật của Jabir bin Abdullah: trong thời kỳ mặc khải bị gián đoạn, Người nghe một tiếng nói từ trời và thấy Jibril ngồi trên một chiếc ghế; Người sợ hãi trở về và nói: "Hãy đắp cho tôi", và chương al-Muddaththir được mặc khải.

Khoảng năm 610–613 CN (mặc khải gián đoạn)

NGUỒN İbnü'l-Cevzî, el-Vefâ bi-ahvâli'l-Mustafâ (thk. M. Abdülkādir Atâ, DKİ 1408/1988), tek cilt, s. 159 (Ebvâbü nübüvvetih, 5. bâb: Vahyin başlangıcı)

## 287. Tin mừng sứ mạng Nabi năm bốn mươi tuổi và lời chào của cây cối

Da'if (Yếu) PHÉP MÀU LIÊN QUAN ĐẾN THIÊN NHIÊN

Khi bốn mươi tuổi, Người nghe tiếng nói từ trời: "Hỡi Muhammad, ngươi là Thiên Sứ của Allah, ta là Jibril"; Jibril hiện ra ở phía trên thung lũng trong chiếc áo choàng lụa, cho Người ngồi trên một tấm thảm của Thiên Đàng và cho Người biết về sứ mạng Nabi; khi Người trở về với đàn cừu của người chú, mỗi cái cây và mỗi tấc đất đều chào và chúc mừng Người (theo Imam Ja'far as-Sadiq).

Sứ mạng, năm 610 CN

NGUỒN Râvendî, el-Harâic ve'l-cerâih, c. 1, s. 83 (el-Bâbü'l-evvel fî mu'cizâti nebiyyinâ Muhammed)

## 288. Lời gọi của Jibril năm ba mươi bảy tuổi và niềm hy vọng của Khadijah

Da'if (Yếu) DẤU HIỆU TRONG CUỘC ĐỜI CỦA NABI

Năm ba mươi bảy tuổi, Người thấy trong mơ có người đến gọi mình là "Thưa Thiên Sứ của Allah"; một thời gian sau, giữa những ngọn núi nơi Người chăn đàn cừu của Abu Talib, một người nói: "Thưa Thiên Sứ của Allah", rồi

nói: “Tôi là Jibril; Allah cử tôi đến để chọn ngài làm sứ giả”; vì đã biết những lời báo trước của người Do Thái, của Bahira và của Aminah, Khadijah nói: “Em mong rằng anh đúng là như vậy.”

Khoảng năm 607–610 CN (trước sứ mạng, 37 tuổi)

NGUỒN Tabersî, İ'lâmü'l-verâ bi-a'lâmi'l-hüdâ, c. 1, s. 102 (3. bâb: bi'setin başlangıcı)

---

## 289. Tiếng thét của Shaytan trong mặc khải đầu tiên và lời làm chứng của Ali

Da'if (Yếu) DẤU HIỆU TRONG CUỘC ĐỜI CỦA NABI

Khi mặc khải đến với Người, người ta nghe tiếng thét của Shaytan; trước câu hỏi của Ali: “Tiếng gì vậy?”, Người nói: “Đó là Shaytan; nó đã tuyệt vọng không còn được thờ phụng nữa. Em nghe điều ta nghe, thấy điều ta thấy; nhưng em không phải là Nabi, em là người phụ tá và em đang ở trên điều tốt lành”; Ali kể rằng ở Hira ông đã thấy ánh sáng của mặc khải và sứ mạng, và ngửi thấy hương thơm của sứ mạng Nabi.

Năm 610 CN (sứ mạng, mặc khải đầu tiên)

NGUỒN Nehcü'l-Belâğa, hutbe 192 (el-Kâsıa) — usul.ai neşrinde s. 474-476 (Subhî Sâlih neşrinde s. 300-302)

---

## 290. Giấc mơ ba đêm của Waraqah bin Nawfal

Da'if (Yếu) LỜI TIÊN TRI VÀ BÁO TRƯỚC

Waraqah bin Nawfal nói: “Ba đêm liền tôi mơ thấy Allah cử đến Makkah một vị Nabi tên Muhammad; thời điểm đã đến.”

Năm 610 CN (sứ mạng)

NGUỒN İbn Şehrâşûb, Menâkıbü Âl-i Ebî Tâlib (Necef 1376/1956 baskısı), c. 1, s. 42 (fasl fî mab'asihî)

---

## 291. Jibril và Mika'il cho biết sự lựa chọn sứ mạng Thiên Sứ

Da'if (Yếu) DẤU HIỆU TRONG CUỘC ĐỜI CỦA NABI

Khi Người ngủ giữa Ali và Ja'far, Jibril ngồi ở phía đầu, Mika'il ngồi ở phía chân; Mika'il hỏi: “Ngài được cử đến với ai trong số họ?”, Jibril đáp: “Người ở giữa”; khi Người thức dậy, Jibril truyền đạt sứ mạng Thiên Sứ.

Năm 610 CN (sứ mạng)

NGUỒN İbn Şehrâşûb, Menâkıbü Âl-i Ebî Tâlib (Necef 1376/1956 baskısı), c. 1, s. 43 (fasl fî mab'asihî)

---

## 292. Khởi đầu mặc khải, sự tôn kính của các Thiên Thần và đức tin của Khadijah

Da'if (Yếu) PHÉP MÀU LIÊN QUAN ĐẾN THIÊN NHIÊN

Jibril lấy ra một văn tự trong mảnh lụa và nói: “Hãy đọc”; sau đó Jibril và Mika'il cùng bảy mươi nghìn Thiên Thần mỗi vị đến dựng cho Người một chiếc ghế, đội vương miện lên đầu và trao vào tay Người lá cờ ca ngợi; trên đường về nhà, mọi vật đều quỳ lạy Người và nói bằng lời rõ ràng: “As-salamu 'alayka ya Nabiyyallah”; căn nhà Người bước vào bừng sáng, Khadijah hỏi: “Ánh sáng này là gì?” và tin theo Người; khi Người nói “Allahu Akbar”, mọi vật nghe thấy đều cùng Người hô Takbir.

Năm 610 CN (sứ mạng)

NGUỒN İbn Şehrâşûb, Menâkıbü Âl-i Ebî Tâlib (Necef 1376/1956 baskısı), c. 1, s. 43 (fasl fî mab'asihî)

## 11 · Khi sứ mạng Nabi được loan truyền: những tiếng nói vô hình, Jinn và tiếng nói từ các tượng thần (khoảng năm 610 CN)

### 293. Mazin at-Ta'i tin theo nhờ tiếng nói từ tượng thần

Da'if (Yếu) LỜI TIÊN TRI VÀ BÁO TRƯỚC

Mazin at-Ta'i biết về vị Nabi qua tiếng nói phát ra từ tượng thần của mình và theo Islam.

Thời kỳ Makkah

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.1 s.607; web: Heysemî, Mecmau'z-zevâid, K. Alâmâti'n-nübüvve, no 13911; Ebû Nuaym el-İsfahânî, Delâilü'n-nübüvve, 7. fasıl, no. 63; Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 28. fasıl; Questions on Islam, "Glad Tidings..."; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 172 işitilenler); ayrıca: İbnü'l-Cevzî, el-Vefâ, s. 151; Meclisî, Bihâru'l-envâr, c. 18, s. 91; İbn Şehrâşûb, Menâkıb, c. 1, s. 76; ayrıca: N. İçel, Hz. Muhammed'in (sas) Mucizeleri -1 (2023), "Bazı Putların Efendimiz'den Bahsedip Müjdelemesi" (kitabın dipnotu: Beyhakî, Delâilü'n-Nübüvve, c:2, s:255)

### 294. Khufaf bin Nudbah tin theo nhờ tiếng nói từ loài Jinn

Da'if (Yếu) LỜI TIÊN TRI VÀ BÁO TRƯỚC

Khufaf bin Nudbah as-Sulami theo Islam nhờ tin tức nhận được từ một Jinn/một tiếng nói.

Thời kỳ Makkah

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.1 s.613; web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 58

### 295. Jinn báo cho thầy bói là bạn mình về sứ mạng Nabi

Sahih (Xác thực) LỜI TIÊN TRI VÀ BÁO TRƯỚC

Một Jinn báo cho thầy bói là bạn của nó biết vị Nabi đã được cử phái (chương "Jinn báo tin cho bạn mình" của al-Bayhaqi).

Khoảng năm 610 CN

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.1 s.593; Kütüb-i Sitte: Buhârî, Menâkıbu'l-Ensâr 35 [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 4391, c./s. 12/450-451]

### 296. Jinn của Sawad bin Qarib báo tin về sứ mạng Nabi

Sahih (Xác thực) LỜI TIÊN TRI VÀ BÁO TRƯỚC

Jinn của thầy bói Sawad bin Qarib ba đêm liền đến báo tin vị Nabi đã xuất hiện; Sawad đến và theo Islam.

Khoảng năm 610–622 CN

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.1 s.599; web: Heysemî, Mecmau'z-zevâid, K. Alâmâti'n-nübüvve, no 13912-13913; Ebû Nuaym el-İsfahânî, Delâilü'n-nübüvve, 7. fasıl, no. 62; Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 28. fasıl; Questions on Islam, "Glad Tidings..."; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 170-172 işitilenler); ayrıca: İbnü'l-Cevzî, el-Vefâ, s. 148-149; Meclisî, Bihâru'l-envâr, c. 18, s. 92-93, 98-101; İbn Şehrâşûb, Menâkıb, c. 1, s. 76-77; Kütüb-i Sitte: Buhârî, Menâkıbu'l-Ensâr 35 [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 4391, c./s. 12/450-451]

### 297. Asqalan al-Himyari báo trước sứ mạng Nabi

Da'if (Yếu) LỜI TIÊN TRI VÀ BÁO TRƯỚC

Asqalan al-Himyari báo trước sứ mạng Nabi của Người.

Quanh thời điểm sứ mạng (khoảng năm 610 CN)

NGUỒN Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 28. fasıl (ehl-i kitab, kâhinler, putlar)

---

## 298. Hai tiếng thét mà Huwayyisah bin Mas'ud nghe được

**Da'if (Yếu)** LỜI TIÊN TRI VÀ BÁO TRƯỚC

Huwayyisah bin Mas'ud khi còn nhỏ nghe từ phía Abd al-Ashhal một tiếng thét: "Hỡi dân Yathrib, đây là ngôi sao mọc khi Ahmad ra đời", rồi nhiều năm sau cũng chính tiếng ấy thét lên: "Muhammad đã xuất hiện, đã trở thành Nabi, an-Namus al-Akbar từng đến với Musa đã đến với người ấy."

Tiếng thét thứ nhất: năm 571 CN; Tiếng thứ hai: khoảng năm 610 CN

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 45 (hahamların ve rahiplerin haber vermesi bâbı)

---

## 299. Zubayr bin Bata che giấu đặc điểm của Ahmad

**Da'if (Yếu)** LỜI TIÊN TRI VÀ BÁO TRƯỚC

Người uyên bác nhất trong người Do Thái là Zubayr bin Bata tìm thấy cuốn sách mà cha ông cất giấu, trong đó ghi đặc điểm của Ahmad, và đã kể lại trước sứ mạng; khi nghe Người xuất hiện ở Makkah, ông xóa cuốn sách và nói "Không phải người ấy" để che giấu.

Trước sứ mạng và khoảng năm 610 CN

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 47 (hahamların ve rahiplerin haber vermesi bâbı)

---

## 300. Jinn mang tin đầu tiên về sứ mạng Nabi đến Madinah

**Hasan (Tốt)** LỜI TIÊN TRI VÀ BÁO TRƯỚC

Theo lời Jabir bin Abdullah kể, người đầu tiên mang tin về Người đến Madinah là Jinn theo hầu một người phụ nữ: nó đậu trên tường trong hình dạng một con chim trắng và nói: "Ở Makkah có một vị Nabi đã được cử phái, người ấy đã cấm tà dâm và ngăn chúng tôi (nghe trộm)."

Khoảng năm 610 CN

NGUỒN Ebû Nuaym el-İsfahânî, Delâilü'n-nübüvve, 7. fasıl (cinler, putlar ve kâhinlerden işitilenler), no. 56

---

## 301. Trước sứ mạng, khi Uthman cùng đoàn thương buôn đi Sham, họ ghé qua một nữ thầy...

**Da'if (Yếu)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Trước sứ mạng, khi Uthman cùng đoàn thương buôn đi Sham, họ ghé qua một nữ thầy bói; bà ta nói: "Chủ của tôi (Jinn của tôi) đứng ở cửa nhà tôi và nói: 'Tôi không thể vào; Ahmad đã xuất hiện, một việc không thể chống lại đã đến'"; khi Uthman trở về Makkah, ông thấy Người đã bắt đầu kêu gọi.

Khoảng năm 610 CN

NGUỒN Ebû Nuaym el-İsfahânî, Delâilü'n-nübüvve, 7. fasıl (cinler, putlar ve kâhinlerden işitilenler), no. 58

---

## 302. Theo lời Sufyan al-Hudhali kể, khi đoàn lữ hành đi Sham dừng nghỉ đêm giữa...

**Da'if (Yếu)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Theo lời Sufyan al-Hudhali kể, khi đoàn lữ hành đi Sham dừng nghỉ đêm giữa Zarqa' và Ma'an, một kỵ sĩ giữa trời và đất cất tiếng: “Hỡi những người đang ngủ, hãy dậy! Ahmad đã xuất hiện, loài Jinn đã bị xua đuổi”; khi trở về, họ biết rằng ở Makkah đã xuất hiện một vị Nabi tên Ahmad.

Khoảng năm 610 CN

NGUỒN Ebû Nuaym el-İsfahânî, Delâilü'n-nübüvve, 7. fasıl (cinler, putlar ve kâhinlerden işitilenler), no. 59

---

## 303. Theo lời một người thuộc bộ tộc Khath'am kể, khi họ tụ họp ban đêm bên một...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Theo lời một người thuộc bộ tộc Khath'am kể, khi họ tụ họp ban đêm bên một tượng thần để xin phán quyết, một tiếng nói vô hình cất lên bằng thơ: “Vị Nabi của vùng đất thánh đã xuất hiện, mang đến ánh sáng và Islam”; họ sợ hãi tản đi, và không lâu sau biết Người đã xuất hiện ở Makkah thì theo Islam.

Khoảng năm 610 CN

NGUỒN Ebû Nuaym el-İsfahânî, Delâilü'n-nübüvve, 7. fasıl (cinler, putlar ve kâhinlerden işitilenler), no. 64

---

## 304. Theo lời Khuwaylid ad-Damri kể, khi họ ngồi bên một tượng thần, họ nghe từ bên...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Theo lời Khuwaylid ad-Damri kể, khi họ ngồi bên một tượng thần, họ nghe từ bên trong vang lên: “Việc nghe trộm đã chấm dứt, chúng tôi bị ném bằng sao băng; vì một vị Nabi tên Ahmad ở Makkah, nơi di cư của người ấy là Yathrib”; hỏi ra, họ biết Ahmad đã xuất hiện ở Makkah.

Khoảng năm 610 CN

NGUỒN Ebû Nuaym el-İsfahânî, Delâilü'n-nübüvve, 7. fasıl (cinler, putlar ve kâhinlerden işitilenler), no. 65

---

## 305. Giữa trưa, một người mặc đồ trắng cưỡi con vật màu trắng hiện ra trước Abbas...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Giữa trưa, một người mặc đồ trắng cưỡi con vật màu trắng hiện ra trước Abbas bin Mirdas và nói: “Ông không thấy bầu trời được canh giữ bởi những người gác, chiến tranh đã lắng xuống sao? Người mang điều thiện và lòng kính sợ đã xuống vào ngày thứ Hai”; người anh em họ của ông báo tin rằng Người đã bắt đầu kêu gọi một cách bí mật.

Khoảng năm 610 CN

NGUỒN Ebû Nuaym el-İsfahânî, Delâilü'n-nübüvve, 7. fasıl (cinler, putlar ve kâhinlerden işitilenler), no. 67

---

## 306. Học giả Kitô giáo Ibn al-Ala' chưa từng gặp Người đã nói: “Tôi đã thấy các đặc...”

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Học giả Kitô giáo Ibn al-Ala' chưa từng gặp Người đã nói: “Tôi đã thấy các đặc điểm của ngài trong Kinh Injil và tôi đã tin; Isa đã báo tin mừng về sự xuất hiện của ngài.”

Quanh thời điểm sứ mạng (thời điểm không rõ)

NGUỒN Questions on Islam, "Glad Tidings..."

## 307. Vào thời Jahiliyah, trong một buổi giết tế có cả Umar, từ trong con vật bị giết...

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Vào thời Jahiliyah, trong một buổi giết tế có cả Umar, từ trong con vật bị giết vang lên một tiếng nói: “Một người ăn nói lưu loát đang nói La ilaha illallah.”

Quanh thời điểm sứ mạng (khoảng năm 610 CN)

NGUỒN Questions on Islam, "Glad Tidings..."

## 308. Một tháng trước sứ mạng, Jubayr bin Mut'im và các bạn đang giết tế bên tượng...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Một tháng trước sứ mạng, Jubayr bin Mut'im và các bạn đang giết tế bên tượng thần ở Buwanah thì nghe từ bên trong tượng có tiếng nói: “Mặc khải đã xuất hiện, việc nghe trộm tin tức từ trời đã chấm dứt; sao băng đang được ném xuống vì một vị Nabi ở Makkah tên Ahmad, nơi di cư của người ấy là Yathrib.”

Buwanah, khoảng năm 610 CN

NGUỒN Heysemî, Mecmau'z-zevâid, K. Alâmâti'n-nübüvve, no 13908 (8/244)

## 309. Vào thời Jahiliyah, trên đường đi Hajj, Amr bin Murrah al-Juhani thấy trong mơ...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Vào thời Jahiliyah, trên đường đi Hajj, Amr bin Murrah al-Juhani thấy trong mơ một luồng sáng từ Ka'bah tỏa ra đến tận các núi Yathrib, và từ trong luồng sáng nghe tiếng nói: “Bóng tối đã tan, vị Nabi cuối cùng đã được cử phái”; khi nhận tin về sứ mạng, ông đến và theo Islam, được cử làm sứ giả đến bộ tộc Juhaynah của mình, và họ đã đập phá các tượng thần.

Khoảng năm 610–622 CN

NGUỒN Heysemî, Mecmau'z-zevâid, K. Alâmâti'n-nübüvve, no 13909 (8/244-245)

## 310. Vào thời gian sứ mạng bắt đầu, những thương nhân Quraish gặp bão trên biển và...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Vào thời gian sứ mạng bắt đầu, những thương nhân Quraish gặp bão trên biển và dạt vào một hòn đảo; một ông già thuộc bộ tộc Jurhum sống ở đó hỏi họ về Makkah, cho biết một vị Nabi đã xuất hiện từ giữa họ và khuyên họ đi theo người ấy.

Khoảng năm 610 CN

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 168 (Bi'seti sırasında görülen âyetler)

## 311. Một nhóm người Banu Ghifar khi sắp giết tế cho tượng thần thì nghe từ trong con...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Một nhóm người Banu Ghifar khi sắp giết tế cho tượng thần thì nghe từ trong con vật/từ bên tượng thần một tiếng nói lưu loát kêu gọi “La ilaha illallah”; khi đến Makkah, họ thấy Người đã xuất hiện làm Nabi.

Quanh thời điểm sứ mạng (khoảng năm 610 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 170 (Bi'seti sırasında kâhinlerden ve seslerden (hâtif) işitilenler)

## 312. Jinn báo tin (ra'i) của Ibn Waqshah báo cho ông: "Ở Makkah có một vị Nabi đang..."

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Jinn báo tin (ra'i) của Ibn Waqshah báo cho ông: "Ở Makkah có một vị Nabi đang kêu gọi mà không ai đáp lại"; không lâu sau người ta nghe tin Người xuất hiện, và vị Sahabah kể lại chuyện này đã theo Islam.

Khoảng năm 610–613 CN

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 174 (Bi'seti sırasında kâhinlerden ve seslerden (hâtif) işitilenler)

## 313. Vào thời Jahiliyah (trên đất của Ghifar), người ta nghe một tiếng nói vô hình...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Vào thời Jahiliyah (trên đất của Ghifar), người ta nghe một tiếng nói vô hình đọc thơ ba đêm liền, rồi sau đó tin Người xuất hiện làm Nabi được đưa đến.

Quanh thời điểm sứ mạng (khoảng năm 610 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 174 (Bi'seti sırasında kâhinlerden ve seslerden (hâtif) işitilenler)

## 314. Uthman và Talhah bin Ubaydullah trên đường từ Sham về, khi đang ngủ giữa Ma'an...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Uthman và Talhah bin Ubaydullah trên đường từ Sham về, khi đang ngủ giữa Ma'an và Zarqa', nghe tiếng gọi: "Hỡi những người đang ngủ, hãy thức dậy! Ahmad đã xuất hiện ở Makkah"; đến Makkah, họ thấy Người đã là Nabi.

Khoảng năm 610 CN

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 174 (Bi'seti sırasında kâhinlerden ve seslerden (hâtif) işitilenler)

## 315. Một nhóm người Ansar đi Sham nghe trên đường một tiếng nói vô hình báo tin...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Một nhóm người Ansar đi Sham nghe trên đường một tiếng nói vô hình báo tin Người xuất hiện bằng thơ: "Ngôi sao đã mọc, chiếu sáng phương đông; người đưa ra khỏi bóng tối đã đến."

Quanh thời điểm sứ mạng (khoảng năm 610 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 175 (Bi'seti sırasında kâhinlerden ve seslerden (hâtif) işitilenler)

## 316. Người bạn thuộc loài Jinn của Jandal bin Nadlah đến báo cho ông biết vị Nabi đã...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người bạn thuộc loài Jinn của Jandal bin Nadlah đến báo cho ông biết vị Nabi đã xuất hiện.

Quanh thời điểm sứ mạng (khoảng năm 610 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 176 (Bi'seti sırasında kâhinlerden ve seslerden (hâtif) işitilenler)

## 317. Vào thời điểm sứ mạng, Tamim ad-Dari đang ở Sham, khi nghỉ đêm trong một thung...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Vào thời điểm sứ mạng, Tamim ad-Dari đang ở Sham, khi nghỉ đêm trong một thung lũng, ông nghe một người gọi nói: “Vị Nabi đáng tin cậy đã được cử phái; chúng tôi đã dâng lễ nguyện sau người ấy ở al-Hajun và đã theo Islam; mưu mẹo của loài Jinn đã hết, chúng bị ném bằng sao băng; hãy đến với Muhammad”; sáng hôm sau, vị tu sĩ mà ông kể lại nói: “Họ đã nói đúng; người ấy xuất hiện từ đất thánh, nơi di cư cũng là đất thánh, người ấy là vị Nabi ưu tú nhất trong các vị Nabi.”

Khoảng năm 610–613 CN

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 179 (Bi'seti sırasında kâhinlerden ve seslerden (hâtif) işitilenler)

## 318. Khi Sa'id bin Amr thuộc bộ tộc Hudhayl (cha của ông) giết tế cho tượng thần...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Khi Sa'id bin Amr thuộc bộ tộc Hudhayl (cha của ông) giết tế cho tượng thần, ông nghe từ trong tượng vang lên: “Thật lạ lùng! Một vị Nabi đã xuất hiện từ con cháu Abdul Muttalib; người ấy cấm tà dâm và cấm giết tế cho tượng thần; bầu trời đã được canh giữ, chúng tôi bị ném bằng sao băng.”

Khoảng năm 610 CN

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 181 (Bi'seti sırasında kâhinlerden ve seslerden (hâtif) işitilenler)

## 319. Abdullah bin Sa'idah al-Hudhali và các bạn nghe từ trong tượng thần của họ có...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Abdullah bin Sa'idah al-Hudhali và các bạn nghe từ trong tượng thần của họ có tiếng gọi: “Mưu mẹo của loài Jinn đã hết, chúng tôi bị ném bằng sao băng vì vị Nabi Ahmad”; trên đường họ gặp một người và biết được Người đã xuất hiện.

Khoảng năm 610 CN

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 181 (Bi'seti sırasında kâhinlerden ve seslerden (hâtif) işitilenler)

## 320. Vào thời Jahiliyah, một người đi tìm con lạc đà bị lạc, ban đêm nghe một tiếng...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Vào thời Jahiliyah, một người đi tìm con lạc đà bị lạc, ban đêm nghe một tiếng nói không thấy chủ đọc thơ: “Hỡi người ngủ đêm! Allah đã cử một vị Nabi từ Banu Hashim ở đất thánh”, và ông đáp lại bằng thơ.

Khoảng năm 610 CN

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 181 (Bi'seti sırasında kâhinlerden ve seslerden (hâtif) işitilenler)

## 321. Tiếng nói vô hình gửi lời chào trong thung lũng ở Yemen

Da'if (Yếu) LỜI TIÊN TRI VÀ BÁO TRƯỚC

Vào thời Jahiliyah, bốn người đi Hajj nghỉ đêm trong một thung lũng ở Yemen thì nghe từ trong thung lũng một tiếng nói vô hình: “Khi các người đến Hatim và Zamzam, hãy gửi lời chào đến Muhammad; chúng tôi là những

người theo tôn giáo của người ấy, Đấng Messiah con trai của Maryam đã dặn chúng tôi điều này."

Khoảng năm 610–622 CN

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 182 (Bi'seti sırasında kâhinlerden ve seslerden (hâtif) işitilenler)

---

## 322. Chàng thầy bói người Daws báo tin mặc khải bắt đầu

**Da'if (Yếu)** LỜI TIÊN TRI VÀ BÁO TRƯỚC

Trong bộ tộc Daws, một chàng thầy bói do Jinn sinh ra, có tai như tai chó và thường báo trước các cuộc đột kích, một ngày nọ bắt đầu báo tin sai; sau ba ngày ẩn mình, anh ta bước ra nóng như than hồng và nói: "Tin tức từ trời đã bị cắt đứt; ở Makkah một vị Nabi đã được cử phái" (Mirdas bin Qays ad-Dawsi kể trước mặt Nabi ﷺ về việc nghề bói toán thay đổi khi Người xuất hiện).

Khoảng năm 610 CN

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 185-186 (Bi'setiyle göğün kulak hırsızlığından korunması)

---

## 323. Jinn của nữ thầy bói Banu Asad bỏ đi

**Da'if (Yếu)** LỜI TIÊN TRI VÀ BÁO TRƯỚC

Jinn theo hầu một nữ thầy bói thuộc Banu Asad, khi mặc khải bắt đầu, đến gặp bà và nói: "Tình yêu và giao ước đã hết; Ahmad đã đến, người ấy đã cấm tà dâm", rồi rời bỏ bà.

Khoảng năm 610 CN

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 186 (Bi'setiyle göğün kulak hırsızlığından korunması)

---

## 324. Tiếng tuyên xưng tính duy nhất từ trong con bò

**Da'if (Yếu)** LỜI TIÊN TRI VÀ BÁO TRƯỚC

Lời thuật của Mujahid từ một ông già tên Ibn Anbas, người từng sống vào thời Jahiliyah, trong cuộc chiến ở Rhodes: khi đang lùa một con bò, ông nghe từ bên trong nó vang lên: "Hỡi con cháu Dharih! Một lời lưu loát: có một người đang hô lớn 'La ilaha illallah'"; khi đến Makkah, họ thấy Nabi ﷺ đã xuất hiện.

Quanh thời điểm sứ mạng (khoảng năm 610 CN)

NGUỒN İbnü'l-Cevzî, el-Vefâ bi-ahvâli'l-Mustafâ (thk. M. Abdülkādir Atâ, DKİ 1408/1988), tek cilt, s. 154 (Ebvâbü nübüvvetih, 2. bâb: Putların içinden işitilen sesler)

---

## 325. Tiếng nói từ trong tượng thần báo về chân lý

**Da'if (Yếu)** LỜI TIÊN TRI VÀ BÁO TRƯỚC

Khi một nhóm người Ả Rập thờ tượng thần tụ tập bên tượng thần của họ, từ trong tượng vang lên tiếng nói lưu loát: "Muhammad đã đến với các người, người ấy kêu gọi các người đến với chân lý"; họ sợ hãi tản đi, và phần lớn những người có mặt đã theo Islam.

Quanh thời điểm sứ mạng (khoảng năm 610 CN)

NGUỒN Râvendî, el-Harâic ve'l-cerâih, c. 1, s. 30 (el-Bâbü'l-evvel fî mu'cizâti nebiyyinâ Muhammed)

## 326. Lời kêu gọi tuyên xưng tính duy nhất của con bê trên đồi

Da'if (Yếu) LỜI TIÊN TRI VÀ BÁO TRƯỚC

Khi dòng họ Dharih đang trong buổi tiệc rượu và vui chơi, một con bê leo lên đồi và cất tiếng nói lưu loát: “Hỡi dòng họ Dharih! Ở Makkah có một người kêu gọi đến với La ilaha illallah”; nhóm người bỏ cuộc vui đến và theo Islam.

Thời kỳ Makkah (năm 610–622 CN)

NGUỒN Râvendî, el-Harâic ve'l-cerâih, c. 2, s. 522 (el-Bâbü'r-râbi' aşer fî a'lâmi'n-nebî ve'l-eimme; Câbir b. Abdullah'tan Velîd b. Ubâde b. es-Sâmit rivayeti)

## 327. Thầy bói Khatar báo về vị Nabi sẽ đến từ Banu Hashim

Da'if (Yếu) LỜI TIÊN TRI VÀ BÁO TRƯỚC

Khi được hỏi (về việc các vì sao bị ném xuống), thầy bói Khatar bin Malik báo trước rằng sẽ có một người từ Banu Hashim đến, cai trị bằng công lý và tiêu diệt những kẻ bất công.

Năm 571 CN (ra đời) / quanh thời điểm sứ mạng

NGUỒN İbn Şehrâşûb, Menâkıbü Âl-i Ebî Tâlib (Necef 1376/1956 baskısı), c. 1, s. 30 (fasl fî mevlidihî)

## 328. Tiếng nói vô hình báo thả con linh dương và báo tin mừng về vị Nabi

Da'if (Yếu) LỜI TIÊN TRI VÀ BÁO TRƯỚC

Câu chuyện được kể trước mặt Umar: những lữ khách đói trên đường đi Sham bắt được một con linh dương (gãy sừng); ban đêm một tiếng nói vô hình cất lên: “Hỡi bốn kỵ sĩ phi nhanh, hãy thả con linh dương đang hoảng sợ, nó có những đứa con mồ côi”; khi họ trở về, tại chính nơi đó tiếng nói vô hình báo tin mừng về ánh sáng mới rạng rỡ và vị Nabi đã được cử phái.

Trước/trong thời điểm sứ mạng

NGUỒN Meclisî, Bihâru'l-envâr, c. 18, s. 94, 97-98 (Bâb 10: cinlerden ve başkalarından gelen hâtifler)

## 329. Kỵ sĩ bỗng hiện ra rồi biến mất giữa sa mạc

Da'if (Yếu) LỜI TIÊN TRI VÀ BÁO TRƯỚC

Câu chuyện được kể trong buổi họp của Umar ở Madinah: giữa sa mạc, một kỵ sĩ phi nhanh hơn cả ngựa bỗng xuất hiện, cất tiếng: “Hỡi Ahmad… Allah là Đấng Tối Cao và Cao Quý nhất”, rồi biến mất (do Ya'qub bin Zayd bin Talhah thuật lại).

Trước/trong thời điểm sứ mạng

NGUỒN Meclisî, Bihâru'l-envâr, c. 18, s. 97 (Bâb 10: cinlerden ve başkalarından gelen hâtifler)

# 12 · Thời kỳ Makkah (năm 610–622 CN): Người được bảo vệ khỏi người đa thần và kết cục của kẻ thù Người

## 330. Báo trước rằng Abu Lahab và vợ sẽ chết không có đức tin

**Sahih (Xác thực)** LỜI TIÊN TRI VÀ BÁO TRƯỚC

Người báo trước rằng Abu Lahab và vợ hắn sẽ chết mà không tin theo, và điều đó đã xảy ra.

Lời tiên tri: khoảng năm 613 CN; Ứng nghiệm: năm 2 H (624 CN)

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.1 s.518; web: Münkız es-Sakkār, Delâilü'n-nübüvve; Ebû Nuaym el-İsfahânî, Delâilü'n-nübüvve, 16. fasıl, no. 206; Yaqeen Institute, "The Prophecies of Prophet Muhammad"; ayrıca: İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî, s. 235; Elshinawy, The Prophecies of Prophet Muhammad (Yaqeen); Meclisî, Bihâru'l-envâr, c. 17, s. 165, 203

## 331. Umm Jamil không nhìn thấy Nabi ﷺ

**Sahih (Xác thực)** PHÉP MÀU HỮU HÌNH

Khi chương Tabbat được mặc khải, Umm Jamil đến tìm Người, nhưng dù Người ở ngay đó, bà ta vẫn không nhìn thấy Người.

Khoảng năm 613 CN

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.1 s.535; 1000 Mucize no.18 (s.29); web: İbn Hibbân, Sahîh, K. et-Târîh, bâbü'l-mu'cizât, no 6511; Ebû Nuaym el-İsfahânî, Delâilü'n-nübüvve, 13. fasıl, no. 140-141; Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 25. fasıl; Questions on Islam, "He is Protected from his Enemies"; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 213; ayrıca: İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî, s. 411; İbnü'l-Cevzî, el-Vefâ, s. 330; Meclisî, Bihâru'l-envâr, c. 17, s. 235; c. 18, s. 50, 59, 72-73; Râvendî, el-Harâic, c. 2, s. 775-776; Tabersî, İ'lâmü'l-verâ, c. 1, s. 87

## 332. Abu Jahl thấy hào lửa và những đôi cánh

**Sahih (Xác thực)** PHÉP MÀU HỮU HÌNH

Khi Abu Jahl định giẫm lên cổ Người lúc Người đang quỳ lạy, hắn thấy một hào lửa và những đôi cánh nên bỏ chạy.

Khoảng năm 614–616 CN

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.1 s.522; 1000 Mucize no.17 (s.27); web: Mişkâtü'l-Mesâbîh, Fezâil, alâmâtü'n-nübüvve, no. 5856; Heysemî, Mecmau'z-zevâid, K. Alâmâti'n-nübüvve, no 13871; Ebû Nuaym el-İsfahânî, Delâilü'n-nübüvve, 13. fasıl, no. 158; Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 25. fasıl; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 211; ayrıca: İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî, s. 411; İbnü'l-Cevzî, el-Vefâ, s. 332-333; Meclisî, Bihâru'l-envâr, c. 18, s. 60; İbn Şehrâşûb, Menâkıb, c. 1, s. 63; ayrıca: N. İçel, Hz. Muhammed'in (sas) Mucizeleri -2 (2023), "Ebu Cehil'in Peygamberimiz Aleyhisselâmın Secdede Boynunu Çiğnemeye Yemin Edişi, Allah'ın O'nu Koruması" (kitabın dipnotu: Ebussuud, Tefsir, c:9, s:179; Belâzurî, Ensâb, c:1, s:125-126; Beyhakî, Delâil, c:2, s:189-192; Tirmizî, Sünen, c:5, s: 444; Hâzin, Tefsir, c:4, s:394.); Kütüb-i Sitte: Müslim 2797 [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 5603, c./s. 15/458-459]

## 333. Tiếng gọi của núi Thabir và núi Hira

**Da'if (Yếu)** PHÉP MÀU LIÊN QUAN ĐẾN THIÊN NHIÊN

Khi những kẻ đa thần đang truy tìm Người, núi Thabir nói: “Hãy xuống khỏi tôi; tôi sợ chúng bắt được ngài trên mình tôi”, còn núi Hira nói: “Hãy đến với tôi, thưa Thiên Sứ của Allah.”

Khoảng năm 614–622 CN

NGUỒN 19. Mektup listesi (183.txt) no.166; web: Said Nursî, Mektubat, 19. Mektup, 11. İşaret, 5. misal; Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 18. fasıl; Questions on Islam, "The Miracles concerning mountains, rocks and lifeless creatures"

---

## 334. Lời nguyền bảy năm đói kém cho Quraish

**Sahih (Xác thực)** PHÉP MÀU LIÊN QUAN ĐẾN THIÊN NHIÊN

Sau khi Người nguyền rủa Quraish “bảy năm như những năm của Yusuf”, nạn đói xảy ra và họ thấy khói.

Khoảng năm 616–619 CN

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.1 s.682; 1000 Mucize no.965 (s.782); web: İbn Kesîr, el-Bidâye ve'n-Nihâye, c. 6, s. 93 — Delâilü'n-nübüvve: semâvî mucizeler – istiskā; Questions on Islam, "The miracles occurring upon the prayer of the prophet Muhammad"; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 246; ayrıca: İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî, s. 426-427; Meclisî, Bihâru'l-envâr, c. 17, s. 164, 200-201, 254; c. 17, s. 271; c. 18, s. 14, 49; Râvendî, el-Harâic, c. 3, s. 912; 926; İbn Şehrâşûb, Menâkıb, c. 1, s. 72; Kütüb-i Sitte: Buhârî, Tefsîr 30; Daavât 58; İstiskā 13; Müslim

---

## 335. Lời nguyền những kẻ Quraish đặt bộ lòng lên lưng Người

**Sahih (Xác thực)** LỜI TIÊN TRI VÀ BÁO TRƯỚC

Người nguyền rủa từng người, gọi đích danh, bảy kẻ Quraish đã đặt bộ lòng lạc đà lên lưng Người khi Người đang quỳ lạy, và tất cả bọn chúng đều bị giết ở Badr.

Lời nguyền: khoảng năm 615–619 CN; Ứng nghiệm: năm 2 H (624 CN)

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.1 s.695; Beyhakî, Delâil c.2 s.365; İbn Kesîr s.91; web: Ebû Nuaym el-İsfahânî, Delâilü'n-nübüvve, 16. fasıl, no. 200; Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 22. fasıl; Questions on Islam, "The miracles occurring upon the prayer of the prophet Muhammad"; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 339; ayrıca: İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî, s. 393; Meclisî, Bihâru'l-envâr, c. 18, s. 57; Râvendî, el-Harâic, c. 1, s. 51; İbn Şehrâşûb, Menâkıb, c. 1, s. 54-55; ayrıca: N. İçel, Hz. Muhammed'in (sas) Mucizeleri -2 (2023), "Peygamberimiz Aleyhisselâmın Kureyş Müşriklerinden Yedi Kişi Aleyhinde Dua Edişi" (kitabın dipnotu: Ahmed b. Hanbel, Müsned, c:1, s:393-397-41;Buhârî, Sahîh, c:1, s:65-131-132; Ebu Nuaym , Delâilü'n-nübüvve, c:1, s:209, 267,279; Beyhakî, Delâil, c:2 , s:274, 280; Nesai, c:1, s:162; Heysemî, c:6, s:17-18; Diyarbekrî, Hamis, c:1, s: 286; Zehebî, Târıhu'l-İslâm, s:217); Kütüb-i Sitte: Buharî, Vudu 69, Salat 109, Cihad 98, Cizye 21, Menakıbu'l-Ensar 29, Megazî 7; Müslim, Cihad 107, (1794); Nesâî, Taharet 192 [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 5598, c./s. 15/451]

---

## 336. Lời nguyền Utaybah bin Abi Lahab và con sư tử xé xác

**Hasan (Tốt)** PHÉP MÀU LIÊN QUAN ĐẾN LOÀI VẬT

Người nguyền rủa Utaybah, con trai của Abu Lahab: “Lạy Allah, xin hãy sai một trong những con chó của Ngài đến với nó”, và trên đường đi Sham hắn bị sư tử xé xác.

Khoảng năm 615–619 CN

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.1 s.695; 19. Mektup listesi (183.txt) no.26, 101; 1000 Mucize no.343 (s.329); web: Said Nursî, Mektubat, 19. Mektup, 6. İşaret; Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 22. fasıl; Questions on Islam, "The miracles occurring upon the prayer of the prophet Muhammad"; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 244-245; ayrıca: İbnü'l-Cevzî, el-Vefâ, s. 354; Meclisî, Bihâru'l-envâr, c. 17, s. 412; c. 18, s. 57-58; Râvendî, el-Harâic, c. 1, s. 56-57; c. 1, s. 117; c. 2, s. 521-522; İbn Şehrâşûb, Menâkıb, c. 1, s. 71; ayrıca: N. İçel, Hz. Muhammed'in (sas) Mucizeleri -2 (2023), "Ebu Leheb ile Karısının, Oğullarını Peygamberimiz Aleyhisselâmın Kızlarından Ayırmaları" (kitabın dipnotu: Beyhaki, Delâil, c.2, s:338-339; İbn Esîr, Usdu'l-gâbe, c:7, s:384; Heysemî, Mecmau'z-zevâid, c:6, s:18 / Heysemî, Mecmau'z-zevâid, c:6, s:19;Beyhakî, Delâil, c:2, s:338-339; Belâzurî, Ensâbu'l-eşrâf, c:1, s:131-147)

---

## 337. Năm kẻ đa thần chế giễu bị diệt vong

**Sahih (Xác thực)** LỜI TIÊN TRI VÀ BÁO TRƯỚC

Allah đã đủ để che chở Người trước năm thủ lĩnh Quraish chế giễu Người; theo dấu hiệu của Jibril, mỗi kẻ chết vì một chứng bệnh khác nhau.

Khoảng năm 615–620 CN

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.1 s.680; 1000 Mucize no.518 (s.532); web: Ebû Nuaym el-İsfahânî, Delâilü'n-nübüvve, 16. fasıl, no. 201-202; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 243-244; ayrıca: İbnü'l-Cevzî, el-Vefâ, s. 334-335; Meclisî, Bihâru'l-envâr, c. 18, s. 48-49, 54-56, 62-63; Râvendî, el-Harâic, c. 3, s. 914; İbn Şehrâşûb, Menâkıb, c. 1, s. 65-66; ayrıca: N. İçel, Hz. Muhammed'in (sas) Mucizeleri -1 (2023), "Peygamberimiz Aleyhisselâm ile Alay Eden Müşrikler ve Âkibetleri" (kitabın dipnotu: Hicr: 95-97 / İbn İshak-İbn Hişam, Sire, c:2, s:36,50-52; Suyûtî, Dürru'l-mensûr, c:4, s:108; Taberi, Tefsir, c:14,72; c:30, s:254)

---

## 338. Con lạc đà đực to lớn chặn trước Abu Jahl

**Da'if (Yếu)** PHÉP MÀU HỮU HÌNH

Khi Abu Jahl, kẻ đã thề sẽ đập nát đầu Người bằng đá lúc Người quỳ lạy, đến gần, một con lạc đà đực to lớn có răng nanh xuất hiện trước mặt hắn và định tấn công; Người nói: “Đó là Jibril, nếu hắn đến gần thì đã bị bắt rồi.”

Thời kỳ Makkah (năm 610–622 CN)

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.1 s.522; 1000 Mucize no.908 (s.751); web: Ebû Nuaym el-İsfahânî, Delâilü'n-nübüvve, 13. fasıl, no. 156; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 211; ayrıca: Meclisî, Bihâru'l-envâr, c. 17, s. 285; Râvendî, el-Harâic, c. 1, s. 93-94; Tabersî, İ'lâmü'l-verâ, c. 1, s. 86; İbn Şehrâşûb, Menâkıb, c. 1, s. 67; İbn Hamza et-Tûsî, es-Sâkıb, s. 110-111, hadis no. 104/7

---

## 339. Lời nguyền những kẻ đa thần xua đuổi ở chợ phiên Ukaz

**Da'if (Yếu)** LỜI TIÊN TRI VÀ BÁO TRƯỚC

Tại chợ phiên Ukaz, khi Người xin Banu Amir bin Sa'sa'ah che chở, Bayharah bin Qays (Firas) al-Qushayri cùng hai người bạn (Hazn bin Abdullah, Mu'awiyah bin Ubadah) đe dọa và đuổi Người đi; Người nguyền rủa họ, và cả ba đều chết trong tình trạng bị nguyền rủa.

Thời kỳ Makkah, những năm kêu gọi các bộ tộc (khoảng năm 620–622 CN)

NGUỒN 1000 Mucize no.162 (s.140); web: Ebû Nuaym el-İsfahânî, Delâilü'n-nübüvve, 16. fasıl, no. 215

---

## 340. Tiếng núi non Tihamah vỡ vụn khi Người được canh giữ

**Da'if (Yếu)** PHÉP MÀU HỮU HÌNH

Al-Hakam và những kẻ cùng hắn đến để hành hạ Người đã nghe một tiếng động như thể núi non Tihamah đang vỡ vụn.

Thời kỳ Makkah (năm 610–622 CN)

NGUỒN 1000 Mucize no.905 (s.750); web: Ebû Nuaym el-İsfahânî, Delâilü'n-nübüvve, 13. fasıl, no. 160; ayrıca: İbnü'l-Cevzî, el-Vefâ, s. 334

---

## 341. Lời cầu xin cho ba người đã bảo vệ theo lời kêu gọi của Duba'ah

**Da'if (Yếu)** LỜI TIÊN TRI VÀ BÁO TRƯỚC

Ở Ukaz, Người cầu xin phúc lành cho ba người (al-Ghitrif, Ghatafan bin Sahl, Urwah bin Abdullah) đã bảo vệ Người trước Bayharah và hai người bạn của hắn theo lời kêu gọi của Duba'ah bint Amir; cả ba đều theo Islam và hy sinh như những người tử vì đạo.

Thời kỳ Makkah, những năm kêu gọi các bộ tộc (khoảng năm 620–622 CN)

NGUỒN 1000 Mucize no.163 (s.140)

## 342. Lời nguyền dành cho người chăn cừu Abu Sarwan

Da'if (Yếu) LỜI TIÊN TRI VÀ BÁO TRƯỚC

Khi tránh Quraish, Người ngồi giữa đàn lạc đà của người chăn Abu Sarwan; ông ta từ chối lời mời theo Islam và đuổi Người đi, Người liền nguyền rủa: “Lạy Allah, xin hãy kéo dài tuổi thọ và nỗi khổ của hắn”; Abu Sarwan sống đến rất già và mong được chết (về sau ông đã theo Islam).

Thời kỳ Makkah (năm 610–622 CN)

NGUỒN 1000 Mucize no.165 (s.143); web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 293; ayrıca: Meclisî, Bihâru'l-envâr, c. 18, s. 16, 57; Râvendî, el-Harâic, c. 1, s. 56; İbn Şehrâşûb, Menâkıb, c. 1, s. 72

## 343. Báo trước rằng Uqbah bin Abi Mu'ayt sẽ bị giết

Sahih (Xác thực) LỜI TIÊN TRI VÀ BÁO TRƯỚC

Người nói với Uqbah bin Abi Mu'ayt, kẻ đã ném phân lạc đà lên vai Người theo sự xúi giục của Ubayy bin Khalaf: “Khi ngươi ra khỏi Makkah, ta nhất định sẽ chém cổ ngươi”; Uqbah bị bắt làm tù binh ở Badr và bị Asim bin Thabit giết (trong số tù binh, chỉ mình hắn bị giết).

Lời tiên tri: thời kỳ Makkah (năm 610–622 CN); Ứng nghiệm: Badr, năm 2 H (624 CN)

NGUỒN 1000 Mucize no.176 (s.153); web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 341; ayrıca: Meclisî, Bihâru'l-envâr, c. 18, s. 69; İbn Şehrâşûb, Menâkıb, c. 1, s. 118

## 344. Tay của Baghid, kẻ viết văn bản tẩy chay, bị liệt

Da'if (Yếu) LỜI TIÊN TRI VÀ BÁO TRƯỚC

Khi Người nguyền rủa Baghid bin Amir, kẻ viết văn bản tẩy chay, tay hắn bị liệt.

Thời kỳ Makkah, những năm bị tẩy chay (khoảng năm 616–619 CN)

NGUỒN 1000 Mucize no.234 (s.205); web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 251-252; ayrıca: İbn Şehrâşûb, Menâkıb, c. 1, s. 60; ayrıca: N. İçel, Hz. Muhammed'in (sas) Mucizeleri -2 (2023), "Müşriklerin Hâşim ve Muttalib Oğullarına İçtimâî ve İktisâdî Ambargo Uygulamaları" (kitabın dipnotu: Halebî, İnsânu'l-Uyûn, c:2, s:25,26; Beyhakî, Delâil, c:2, s. 312; İbn Sa'd, Tabakât, c:1, s:188, 209; Buhârî, c:2, s:158; İbn İshak-İbn Hişam, Sîre, c:1, s:375-376; Suyûtî, Hasâis, c:1, s:375-377)

## 345. Con sư tử mà an-Nadr bin al-Harith thấy

Da'if (Yếu) PHÉP MÀU HỮU HÌNH

Khi Người ở một mình dưới dốc al-Hajun để đi vệ sinh, an-Nadr bin al-Harith đến gần định giết Người, nhưng thấy một con sư tử há miệng lao về phía mình nên sợ hãi quay về, và kể lại cho Abu Jahl.

Thời kỳ Makkah (năm 610–622 CN)

NGUỒN 1000 Mucize no.366 (s.352); web: Ebû Nuaym el-İsfahânî, Delâilü'n-nübüvve, 13. fasıl, no. 155; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 215; ayrıca: Meclisî, Bihâru'l-envâr, c. 18, s. 66; İbn Şehrâşûb, Menâkıb, c. 1, s. 68

## 346. Người Quraish không ngẩng đầu lên được và bị ném đất

Sahih (Xác thực) LỜI TIÊN TRI VÀ BÁO TRƯỚC

Những người Quraish tụ tập ở Hijr đã thề với nhau sẽ giết Người; khi Người bước ra trước mặt họ, họ cụp mắt xuống, cằm gục vào ngực và không ngẩng đầu lên được; Người ném một nắm đất vào họ và nói: “Cầu cho mặt chúng bị bôi nhọ”, và ai bị đất chạm vào đều chết ở Badr trong tình trạng ngoại đạo.

Thời kỳ Makkah (Khadijah còn sống, trước năm 619 CN); Ứng nghiệm: Badr, năm 2 H (624 CN)

NGUỒN 1000 Mucize no.373 (s.362); web: Heysemî, Mecmau'z-zevâid, K. Alâmâti'n-nübüvve, bâbü te'yîdihî alâ a'dâihî, no 13872; Ebû Nuaym el-İsfahânî, Delâilü'n-nübüvve, 13. fasıl, no. 139; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 241; ayrıca: Meclisî, Bihâru'l-envâr, c. 18, s. 60; İbn Şehrâşûb, Menâkıb, c. 1, s. 63-64; ayrıca: N. İçel, Hz. Muhammed'in (sas) Mucizeleri -2 (2023), "IX-] KÂFİRLERİN ŞERRİNDEN KORUNMASI MU'CİZELERİ (başlıksız paragraf)" (kitabın dipnotu: Hâkim, Müstedrek, c:1, s:163)

---

## 347. Tay những kẻ tấn công bị trói lại ở Masjid al-Haram

Da'if (Yếu) PHÉP MÀU HỮU HÌNH

Khi Người đọc Qur'an lớn tiếng ở Masjid al-Haram, tay của những người Quraish muốn hành hạ Người bị trói vào cổ họ và mắt họ bị mù.

Thời kỳ Makkah (năm 610–622 CN)

NGUỒN 1000 Mucize no.903 (s.749); web: Ebû Nuaym el-İsfahânî, Delâilü'n-nübüvve, 13. fasıl, no. 153; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 214

---

## 348. Những người Quraish bị mù khỏi bệnh nhờ lời cầu xin

Da'if (Yếu) PHÉP MÀU CỦA QUR'AN

Những người Quraish bị trói tay và mù mắt đến van xin, Người cầu xin cho họ và họ trở lại như cũ; sau đó những câu đầu của chương Ya-Sin được mặc khải.

Thời kỳ Makkah (năm 610–622 CN)

NGUỒN 1000 Mucize no.904 (s.749); ayrıca: Meclisî, Bihâru'l-envâr, c. 18, s. 66; İbn Şehrâşûb, Menâkıb, c. 1, s. 68

---

## 349. Al-Hakam và đồng bọn ngất vì tiếng động khủng khiếp

Da'if (Yếu) PHÉP MÀU HỮU HÌNH

Al-Hakam và những kẻ cùng hắn ngất đi vì tiếng động khủng khiếp mà họ nghe, và không tỉnh lại cho đến khi Người dâng lễ nguyện xong và trở về nhà.

Thời kỳ Makkah (năm 610–622 CN)

NGUỒN 1000 Mucize no.906 (s.750); web: Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 25. fasıl; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 215

---

## 350. Safa và Marwah nhập lại làm vật cản

Da'if (Yếu) PHÉP MÀU HỮU HÌNH

Đêm hôm sau, khi al-Hakam và những kẻ cùng hắn lại tiến đến để hành hạ Người, hai ngọn đồi Safa và Marwah nhập lại với nhau trước mặt chúng, ngăn cách giữa chúng và Người.

Thời kỳ Makkah (năm 610–622 CN)

NGUỒN 1000 Mucize no.907 (s.750); web: Heysemî, Mecmau'z-zevâid, K. Alâmâti'n-nübüvve, no 13870; Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 25. fasıl; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 215; ayrıca: İbnü'l-Cevzî, el-Vefâ, s. 334

## 351. Tay Abu Jahl cứng đờ khi đến định ném đá

Da'if (Yếu) PHÉP MÀU HỮU HÌNH

Khi Abu Jahl đến gần định ném đá vào Người lúc Người đang quỳ lạy, mặt hắn tái mét vì sợ, tay hắn cứng đờ trên hòn đá và hòn đá rơi khỏi tay hắn.

Thời kỳ Makkah (năm 610–622 CN)

NGUỒN 1000 Mucize no.292 (s.271), no.909 (s.751); web: Ebû Nuaym el-İsfahânî, Delâilü'n-nübüvve, 13. fasıl, no. 152; Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 25. fasıl; Questions on Islam, "He is Protected from his Enemies"; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 214-215; ayrıca: İbnü'l-Cevzî, el-Vefâ, s. 334; Meclisî, Bihâru'l-envâr, c. 17, s. 227; c. 18, s. 52-53, 56, 58-59, 64; Râvendî, el-Harâic, c. 1, s. 24; c. 2, s. 509

## 352. Chuyện con sói nói chuyện với Abu Jahl

Da'if (Yếu) PHÉP MÀU LIÊN QUAN ĐẾN LOÀI VẬT

Có lời thuật rằng một sự việc tương tự như chuyện con sói nói chuyện và báo tin về sứ mạng Nabi của Người cũng đã xảy đến với Abu Jahl và đồng bọn.

Thời kỳ Makkah hoặc sau Hijrah (thời điểm không rõ)

NGUỒN Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 19. fasıl (hayvanlar)

## 353. Mặt al-Hakam bin Abi al-As co giật

Hasan (Tốt) LỜI TIÊN TRI VÀ BÁO TRƯỚC

Al-Hakam bin Abi al-As thường nhăn mặt và nháy mắt chế giễu Người; thấy vậy, Người nói: “Hãy cứ như thế”; cho đến khi chết, mặt hắn luôn co giật và run rẩy.

Thời kỳ Makkah hoặc Madinah (thời điểm không rõ)

NGUỒN Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 22. fasıl (duasının kabulü)

## 354. Bước lên những bó củi gai của vợ Abu Lahab

Da'if (Yếu) PHÉP MÀU HỮU HÌNH

“Người đàn bà vác củi” (vợ của Abu Lahab) thường rải những cành gai như than hồng trên đường Người đi; nhưng Người bước qua chúng như bước trên đống cát mềm.

Thời kỳ Makkah (khoảng năm 613–619 CN)

NGUỒN Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 25. fasıl (ismet / korunması)

## 355. Umar bị lay động bởi chương al-Haqqah

Da'if (Yếu) PHÉP MÀU CỦA QUR'AN

Umar kể: “Một đêm tôi và Abu Jahm bin Hudhayfah hẹn nhau đi giết Người; chúng tôi đến nhà Người; Người đang đọc chương al-Haqqah; khi đến câu ‘Fahal tara lahum min baqiyah’, Abu Jahm đập vào tay tôi và nói: ‘Chạy thôi’; chúng tôi bỏ chạy.” Đây là một trong những bước chuẩn bị cho việc Umar theo Islam.

Thời kỳ Makkah, khoảng năm 615–616 CN

NGUỒN Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 25. fasıl (ismet / korunması)

## 356. Một người thuộc con cháu Makhzum không nhìn thấy Người

Da'if (Yếu) PHÉP MÀU HỮU HÌNH

Một người thuộc Banu al-Mughirah (con cháu Makhzum) đến để giết Người; Allah làm mù mắt hắn, hắn không thấy Người mà chỉ nghe tiếng Người; hắn quay về chỗ đồng bọn và cũng không thấy họ cho đến khi họ lên tiếng gọi.

Thời kỳ Makkah (năm 610–622 CN)

NGUỒN Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 25. fasıl (ismet / korunması)

## 357. Shaytan Mis'ar bị Ifrit Samhaj giết

Da'if (Yếu) LỜI TIÊN TRI VÀ BÁO TRƯỚC

Trên núi Abu Qubays, một Jinn đọc thơ phỉ báng Người và tôn giáo của Người, và những kẻ đa thần đem lan truyền; Người nói: "Đó là Shaytan tên Mis'ar, Allah sẽ làm nhục nó"; ba ngày sau, một tiếng nói khác từ trên núi nói: "Chúng tôi đã giết Mis'ar", và cho biết đó là Ifrit Samhaj, kẻ đã theo Islam và được Người đặt tên là Abdullah.

Thời kỳ Makkah (năm 610–622 CN)

NGUỒN Ebû Nuaym el-İsfahânî, Delâilü'n-nübüvve, 7. fasıl (cinler, putlar ve kâhinlerden işitilenler), no. 60

## 358. Iblis bị Jibril hất văng khi Người đang quỳ lạy

Da'if (Yếu) PHÉP MÀU HỮU HÌNH

Ở Makkah, khi Người đang quỳ lạy, Iblis đến định giẫm lên cổ Người; Jibril chỉ thổi (đánh) một cái bằng cánh mà Iblis văng đến tận Jordan.

Thời kỳ Makkah (năm 610–622 CN)

NGUỒN Ebû Nuaym el-İsfahânî, Delâilü'n-nübüvve, 13. fasıl (ismet ve korunması), no. 136

## 359. Báo cho các thủ lĩnh Quraish rằng họ sẽ bị tàn sát

Hasan (Tốt) LỜI TIÊN TRI VÀ BÁO TRƯỚC

Tại Ka'bah, sau khi Uqbah bin Abi Mu'ayt quấn tấm áo choàng quanh cổ Người siết lại và Abu Bakr giải cứu Người, Người nói với các thủ lĩnh Quraish: "Thề bởi Đấng nắm sinh mạng ta trong tay, ta mang đến cho các ngươi sự tàn sát", và nói với Abu Jahl: "Ngươi cũng ở trong số đó"; tất cả đều kinh hãi, và họ bị giết ở Badr.

Thời kỳ Makkah; Ứng nghiệm: Badr, năm 2 H

NGUỒN Ebû Nuaym el-İsfahânî, Delâilü'n-nübüvve, 13. fasıl (ismet ve korunması), no. 159

## 360. Đòi lại quyền cho người đàn ông từ Irash và con lạc đà hiện ra

Da'if (Yếu) PHÉP MÀU HỮU HÌNH

Abu Jahl không trả tiền mấy con lạc đà cho một người đàn ông từ Irash; dù Quraish sai ông ta đến nhờ Người để chế giễu, Người vẫn đi đến gõ cửa nhà Abu Jahl và nói: "Hãy trả quyền lợi cho người này"; Abu Jahl bước ra mặt cắt không còn giọt máu, trả ngay và nói: "Tôi thấy trên đầu hắn một con lạc đà đực chưa từng thấy (những người cầm giáo sáng loáng); nếu tôi không trả, nó đã ăn thịt tôi."

Thời kỳ Makkah (năm 610–622 CN)

NGUỒN Ebû Nuaym el-İsfahânî, Delâilü'n-nübüvve, 13. fasıl (ismet ve korunması), no. 161

## 361. Lời nguyền của Người về Uqbah bin Abi Mu'ayt

Da'if (Yếu) LỜI TIÊN TRI VÀ BÁO TRƯỚC

Người nguyền rủa Uqbah bin Abi Mu'ayt, kẻ dùng thơ đe dọa Người: “Lạy Allah, xin hãy cho hắn ngã cắm mũi xuống đất”; ở Badr, ngựa của Uqbah vấp ngã và hắn bị bắt làm tù binh.

Lời nguyền: thời kỳ Makkah; Ứng nghiệm: Badr, năm 2 H (624 CN)

NGUỒN Molla Câmî, Şevâhidü'n-Nübüvve, 4. bölüm

## 362. Sự chửi rủa của Quraish được xoay khỏi Người

Sahih (Xác thực) DẤU HIỆU TRONG CUỘC ĐỜI CỦA NABI

Người nói: “Các ngươi không thấy lạ sao khi Allah đã xoay sự chửi rủa và nguyền rủa của Quraish khỏi ta? Họ chửi Mudhammam, họ nguyền rủa Mudhammam; còn ta là Muhammad” (do Abu Hurairah thuật lại).

Thời kỳ Makkah (năm 610–622 CN)

NGUỒN İbn Hibbân, Sahîh (el-İhsân), K. et-Târîh, bâbü'l-mu'cizât, no 6503 (14/431)

## 363. Lời thú nhận của Abu Jahl với al-Mughirah

Da'if (Yếu) DẤU HIỆU TRONG CUỘC ĐỜI CỦA NABI

Ở Makkah, khi đi cùng al-Mughirah bin Shu'bah, Người gặp Abu Jahl và mời hắn đến với Allah; sau khi Người đi, Abu Jahl thú nhận với al-Mughirah: “Thề bởi Allah, tôi biết điều hắn nói là chân lý; nhưng con cháu Qusayy đã giữ việc canh cửa Ka'bah, việc cấp nước, hội đồng và lá cờ; giờ họ lại nói ‘chúng tôi có một vị Nabi’; thề bởi Allah, tôi không chấp nhận.”

Thời kỳ Makkah (năm 610–622 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 192-193 (Kur'an'ın i'câzı)

## 364. Abu Jahl không thể đến gần ở Masjid al-Haram

Sahih (Xác thực) PHÉP MÀU HỮU HÌNH

Khi nghe từ Abbas lời thề của Abu Jahl “nếu thấy hắn quỳ lạy, ta sẽ giẫm lên cổ hắn”, Người giận dữ bước vào Masjid al-Haram và đọc chương al-Alaq; dù người ta nói “Muhammad đây”, Abu Jahl vẫn không dám đến gần Người vì uy nghi của Người.

Thời kỳ Makkah (năm 610–622 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 211-212 (Ebû Cehil'den korunması bâbı)

## 365. Abu Jahl không nhìn thấy Người

Da'if (Yếu) PHÉP MÀU HỮU HÌNH

Abu Jahl nói: “Nếu thấy Muhammad, ta sẽ làm thế này thế nọ”; dù người ta nói với hắn “Muhammad đây”, hắn vẫn hỏi “Đâu, đâu?” mà không thấy Người.

Thời kỳ Makkah (năm 610–622 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 214 (Mahzûmoğullarından korunması bâbı)

## 366. Cuộc tấn công của lũ Shaytan bị đẩy lùi nhờ lời cầu xin

**Sahih (Xác thực)** PHÉP MÀU HỮU HÌNH

Vào cái đêm lũ Shaytan từ núi non và thung lũng xông vào Người, một tên mang ngọn lửa đến định đốt mặt Người, Người đọc lời cầu xin mà Jibril dạy: "A'udhu bi-kalimatillahit-tammat...", ngọn lửa tắt và lũ Shaytan bị đánh bại.

Thời điểm không rõ (trong các lời thuật về đêm của loài Jinn)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 229-230 (Cinlerin İslâm'ı ve ondaki âyetler bâbı)

## 367. Báo cho những kẻ đa thần về hình phạt của chúng khi đang Tawaf

**Da'if (Yếu)** LỜI TIÊN TRI VÀ BÁO TRƯỚC

Khi Người đi Tawaf, Uqbah bin Abi Mu'ayt, Abu Jahl và Umayyah bin Khalaf ngồi ở Hijr buông lời trêu chọc ba lần; Người nói: "Thề bởi Allah, nếu các ngươi không dừng lại, hình phạt của Allah sẽ nhanh chóng giáng xuống các ngươi", và tất cả bọn chúng run lên; Người nói với các Sahabah: "Hãy vui mừng, Allah sẽ làm tôn giáo của Ngài thắng thế", và Uthman đã thấy bọn chúng bị giết dưới tay người Muslim.

Thời kỳ Makkah; Ứng nghiệm: Badr, năm 2 H (624 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 240-241 (Müşriklerin eziyeti sırasında görülen âyetler bâbı)

## 368. Báo cho Abu Jahl về cái chết của hắn bên Ka'bah

**Da'if (Yếu)** LỜI TIÊN TRI VÀ BÁO TRƯỚC

Bên Ka'bah, Người nói với những kẻ đa thần, trong đó có Abu Jahl: "Cầu cho mặt các ngươi xấu xí", và tất cả đều im bặt; Người báo cho Abu Jahl: "Allah sẽ giết các ngươi."

Thời kỳ Makkah; Ứng nghiệm: Badr, năm 2 H (624 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 242 (Müşriklerin eziyeti sırasında görülen âyetler bâbı (fasıl))

## 369. Sự diệt vong của al-Walid bin al-Mughirah

**Sahih (Xác thực)** LỜI TIÊN TRI VÀ BÁO TRƯỚC

Al-Walid bin al-Mughirah, một trong những kẻ chế giễu được báo trước qua câu kinh "Chúng Ta đủ để bảo vệ ngươi trước những kẻ chế giễu", sau khi Jibril chỉ vào mạch máu ở cánh tay hắn (akhal), đi ngang qua một người thuộc Khuza'ah đang uốn mũi tên, mũi tên cứa đứt mạch máu ấy và hắn chết.

Thời kỳ Makkah (khoảng năm 615–622 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 243 (Müşriklerin sövgüsünün ondan çevrilmesi ve müstehzilere karşı korunması bâbı)

## 370. Al-Aswad bin al-Muttalib bị mù

**Sahih (Xác thực)** LỜI TIÊN TRI VÀ BÁO TRƯỚC

Al-Aswad bin al-Muttalib, một trong những kẻ chế giễu, sau khi Jibril chỉ vào mắt hắn, ngồi dưới một cây samurah la lên: "Chúng đâm gai vào mắt tôi", dù các con hắn không thấy ai, và hắn bị mù.

Thời kỳ Makkah (khoảng năm 615–622 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 243 (Müşriklerin sövgüsünün ondan çevrilmesi ve müstehzilere karşı korunması bâbı)

---

## 371. Sự diệt vong của al-Aswad bin Abd Yaghuth

**Sahih (Xác thực)** LỜI TIÊN TRI VÀ BÁO TRƯỚC

Al-Aswad bin Abd Yaghuth, một trong những kẻ chế giễu, sau khi Jibril chỉ vào đầu hắn, đã chết vì những vết lở mọc trên đầu.

Thời kỳ Makkah (khoảng năm 615–622 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 243 (Müşriklerin sövgüsünün ondan çevrilmesi ve müstehzilere karşı korunması bâbı)

---

## 372. Câu 11 chương al-Muzzammil ứng nghiệm ở Badr

**Sahih (Xác thực)** PHÉP MÀU CỦA QUR'AN

Không lâu sau khi câu kinh "Hãy để mặc Ta với những kẻ phủ nhận được hưởng thụ kia, hãy cho chúng thêm chút thời gian" (chương al-Muzzammil, câu 11) được mặc khải, trận Badr đã diễn ra.

Lời tiên tri: thời kỳ Makkah; Ứng nghiệm: Badr, năm 2 H (624 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 339 (Bedir gazvesinde meydana gelen âyetler ve mucizeler bâbı)

---

## 373. Sự diệt vong của kẻ chế giễu al-Harith

**Sahih (Xác thực)** LỜI TIÊN TRI VÀ BÁO TRƯỚC

Al-Harith, một trong những kẻ chế giễu, sau khi bị chỉ tay vào, đã chết trong tình trạng chảy mủ.

Thời kỳ Makkah (năm 610–622 CN)

NGUỒN Râvendî, el-Harâic ve'l-cerâih, c. 1, s. 63 (el-Bâbü'l-evvel fî mu'cizâti nebiyyinâ Muhammed)

---

## 374. Được che khuất khỏi những kẻ đa thần khi dâng lễ nguyện

**Da'if (Yếu)** PHÉP MÀU HỮU HÌNH

Khi Người dâng lễ nguyện trước Hòn Đá Đen, hướng về cả Ka'bah lẫn Bayt al-Maqdis, nhờ những câu kinh Người đọc (chương al-Isra', câu 45; chương an-Nahl, câu 108; chương al-An'am, câu 25; chương al-Jathiyah, câu 23) Người được che khuất và những kẻ đa thần không nhìn thấy Người cho đến khi Người dâng lễ nguyện xong.

Thời kỳ Makkah (năm 610–622 CN)

NGUỒN Râvendî, el-Harâic ve'l-cerâih, c. 1, s. 87 (el-Bâbü'l-evvel fî mu'cizâti nebiyyinâ Muhammed)

---

## 375. Hòn đá bị ném lơ lửng giữa không trung

**Da'if (Yếu)** PHÉP MÀU HỮU HÌNH

Khi Người đi qua một thung lũng ở Makkah, hòn đá Abu Jahl ném vào Người lơ lửng trên không suốt bảy ngày bảy đêm; trước những người hỏi "Ai đang giữ nó?", Người nói: "Đấng đã nâng các tầng trời lên không cần cột."

Thời kỳ Makkah (năm 610–622 CN)

NGUỒN İbn Şehrâşûb, Menâkıbü Âl-i Ebî Tâlib (Necef 1376/1956 baskısı), c. 1, s. 64 (fasl fî hıfzillâhi lehû mine'l-müşrikîn ve keydi'ş-şeyâtîn)

## 376. Bức chắn được dựng trước và sau những người Quraish

Da'if (Yếu) PHÉP MÀU HỮU HÌNH

Những người Quraish ở Masjid al-Haram thề với nhau: “Nếu Muhammad vào, chúng ta sẽ cùng đứng dậy như một người mà xông vào hắn”; Allah dựng một bức chắn trước mặt và sau lưng họ; Người dâng lễ nguyện ngay bên họ mà họ không thấy, rồi rắc đất lên đầu họ; chỉ khi bức chắn được dỡ đi họ mới thấy đất và nói: “Đây là bùa phép của Ibn Abi Kabshah” (chương Ya-Sin, câu 9).

Thời kỳ Makkah (năm 610–622 CN)

NGUỒN İbn Şehrâşûb, Menâkıbü Âl-i Ebî Tâlib (Necef 1376/1956 baskısı), c. 1, s. 67 (fasl fî hıfzillâhi lehû mine'l-müşrikîn ve keydi'ş-şeyâtîn)

## 377. Những hòn đá chào và đè nát những kẻ đa thần

Bịa đặt (Mawdu') PHÉP MÀU HỮU HÌNH

Những hòn đá Quraish ném vào Người và Ali, viên nào cũng chào hai người; mười kẻ đa thần nói: “Đá không biết nói, Muhammad đã giấu người bên dưới chúng”, liền có mười hòn đá bay lên đập nát đầu chúng; khi họ hàng của chúng nói “Muhammad đã giết chúng bằng bùa phép”, các xác chết cất tiếng: “Muhammad đã nói thật, các người đã nói dối”, và những chiếc quan tài nói “Chúng tôi không khiêng kẻ thù của Allah” rồi làm những người khiêng ngã xuống đất.

Thời kỳ Makkah (năm 610–622 CN)

NGUỒN İbn Şehrâşûb, Menâkıbü Âl-i Ebî Tâlib (Necef 1376/1956 baskısı), c. 1, s. 82 (fasl fî nutki'l-cemâdât)

## 378. Al-Harith bin Abi at-Tulatilah bị đen sạm rồi bị giết

Sahih (Xác thực) LỜI TIÊN TRI VÀ BÁO TRƯỚC

Al-Harith bin Abi at-Tulatilah, một trong những kẻ chế giễu, ra ngoài giữa cơn gió nóng (samum) và bị đen sạm như người Abyssinia; khi hắn về nhà, gia đình không nhận ra hắn và giết hắn.

Thời kỳ Makkah (khoảng năm 615–622 CN)

NGUỒN Tabersî, el-İhticâc (thk. M. Bâkır el-Hursân, Necef: Matbaatü'n-Nu'mân 1386/1966), c. 1, s. 322 (İhticâcü Emîri'l-mü'minîn ale'l-Yehûd min ahbârihim… fî mu'cizâti'n-Nebî)

## 379. Sự diệt vong của nhóm al-Muqtasimun

Da'if (Yếu) LỜI TIÊN TRI VÀ BÁO TRƯỚC

Mười sáu người (al-Muqtasimun) mà al-Walid bin al-Mughirah chia nhau canh các ngả đường vào Makkah trong mùa Hajj để xua những người đến khỏi Người, đều chết cái chết tồi tệ nhất bởi hình phạt Allah giáng xuống.

Thời kỳ Makkah (năm 610–622 CN)

NGUỒN Meclisî, Bihâru'l-envâr, c. 18, s. 47 (Bâb 8: düşmanlarının şerrinden korunması)

## 380. Lời báo rằng Abu Lahab không thể làm hại

Da'if (Yếu) LỜI TIÊN TRI VÀ BÁO TRƯỚC

Người nói với Abu Lahab, kẻ đe dọa Người: “Nếu từ phía ngươi có dù chỉ một vết xước chạm đến ta, thì ta là kẻ nói dối”, và đúng như lời Người, Abu Lahab không thể làm hại Người (đây được xem là một trong những lời báo trước đầu tiên của Người).

Thời kỳ Makkah (năm 610–622 CN)

NGUỒN Meclisî, Bihâru'l-envâr, c. 18, s. 52 (Bâb 8: düşmanlarının şerrinden korunması)

---

## 381. Âm mưu ám sát của Ma'mar bin Yazid bị ngăn chặn

Da'if (Yếu) PHÉP MÀU HỮU HÌNH

Ma'mar bin Yazid, được xem là kẻ dũng cảm nhất của Banu Kinanah và từng đe dọa bằng hai mươi nghìn chiến binh, định xông vào Người bằng thanh gươm dài mười gang tay khi Người đang quỳ lạy ở Hijr, nhưng vướng vào áo giáp của mình mà ngã, mặt đầy máu chạy trốn về Batha và nói: “Tôi thấy bên đầu hắn có hai con rắn hói (shuja') phun lửa” (do Jabir và Ibn Abbas thuật lại).

Thời kỳ Makkah (năm 610–622 CN)

NGUỒN Meclisî, Bihâru'l-envâr, c. 18, s. 65 (Bâb 8: düşmanlarının şerrinden korunması)

---

## 382. Ngọn giáo của Kaladah bin Asad quay ngược vào hắn

Da'if (Yếu) PHÉP MÀU HỮU HÌNH

Giữa nhà của Aqil và Iqal, ngọn giáo ngắn mà Kaladah bin Asad phóng vào Người quay ngược lại cắm vào ngực hắn, và Kaladah sợ hãi bỏ chạy.

Thời kỳ Makkah (năm 610–622 CN)

NGUỒN Meclisî, Bihâru'l-envâr, c. 18, s. 65 (Bâb 8: düşmanlarının şerrinden korunması)

---

## 383. Tay Abu Lahab cứng đờ khi ném đá

Da'if (Yếu) PHÉP MÀU HỮU HÌNH

Abu Lahab giơ tay định ném đá vào Người lúc Người đang quỳ lạy, tay hắn cứng đờ giữa không trung; hắn van xin và thề không tái phạm thì được khỏi, rồi hắn bội lời, và chương Tabbat được mặc khải (do Abu Dharr thuật lại).

Thời kỳ Makkah (năm 610–622 CN)

NGUỒN Meclisî, Bihâru'l-envâr, c. 18, s. 66 (Bâb 8: düşmanlarının şerrinden korunması)

---

## 384. Được che chở khỏi những kẻ ám sát bằng năm bức chắn

Da'if (Yếu) PHÉP MÀU CỦA QUR'AN

Người được che chở khỏi những kẻ muốn giết Người bằng năm bức chắn (bức chắn trước mặt chúng, bức chắn sau lưng chúng, mắt chúng bị che phủ, tấm màn vô hình khi đọc Qur'an, những chiếc vòng trên cổ chúng; chương Ya-Sin, câu 8–9; chương al-Isra', câu 45), và chúng không thể nhìn thấy Người.

Thời kỳ Makkah (năm 610–622 CN)

NGUỒN Meclisî, Bihâru'l-envâr, c. 17, s. 278 (Bâb 2: cevâmiu mu'cizâtihî ve nevâdirühâ)

## 385. Sự diệt vong của al-As bin Wa'il, một trong những kẻ chế giễu

Sahih (Xác thực) LỜI TIÊN TRI VÀ BÁO TRƯỚC

Sự diệt vong của al-As bin Wa'il as-Sahmi, một trong những kẻ chế giễu: khi ra ngoài làm việc, hòn đá dưới chân hắn trượt đi, hắn ngã tan xác và chết, nói: "Thượng Đế của Muhammad đã giết ta" (lời thuật trong al-Ihtijaj); theo lời thuật trong al-Khara'ij, sau khi bị chỉ vào lòng bàn chân, hắn cưỡi lừa đi Ta'if và chết vì một cái gai đâm vào chân.

Thời kỳ Makkah (kêu gọi công khai, khoảng năm 613–615 CN)

NGUỒN Meclisî, Bihâru'l-envâr, c. 17, s. 282 (Bâb 2: cevâmiu mu'cizâtihî ve nevâdirühâ)

## 386. Sự diệt vong của al-Aswad bin al-Harith, một trong những kẻ chế giễu

Sahih (Xác thực) PHÉP MÀU CỦA QUR'AN

Al-Aswad bin al-Harith, một trong những kẻ chế giễu, ăn cá muối rồi bị cơn khát không dứt, uống nước đến vỡ bụng và chết, nói: "Thượng Đế của Muhammad đã giết ta"; sau đó câu kinh "Hãy công khai điều ngươi được lệnh… Chúng Ta đủ để bảo vệ ngươi trước những kẻ chế giễu" (chương al-Hijr, câu 94–95) được mặc khải.

Thời kỳ Makkah (kêu gọi công khai, khoảng năm 613–615 CN)

NGUỒN Meclisî, Bihâru'l-envâr, c. 17, s. 283 (Bâb 2: cevâmiu mu'cizâtihî ve nevâdirühâ)

## 387. Những tảng đá chào và đè nát những kẻ đa thần

Bịa đặt (Mawdu') PHÉP MÀU LIÊN QUAN ĐẾN THIÊN NHIÊN

Ở Makkah, khi Người đi cùng Ali, những thanh niên Quraish bị Abu Lahab kích động "đây là kẻ phù thủy và nói dối" đã ném đá làm hai người bị thương; khi ra khỏi thành, những tảng đá tự lăn đến chào: "As-salamu 'alayka ya Muhammad bin Abdullah… as-salamu 'alayka ya Ali bin Abi Talib"; mười kẻ đa thần nói: "Muhammad giấu người dưới đất để chúng nói", liền có mười tảng đá bay lên rơi xuống đầu chúng, giết chết tất cả.

Thời kỳ Makkah (năm 610–622 CN)

NGUỒN Meclisî, Bihâru'l-envâr, c. 17, s. 259-260 (Bâb 2: cevâmiu mu'cizâtihî ve nevâdirühâ)

## 388. Ngọn núi khép lại trong cuộc mai phục trên đường lên Hira

Bịa đặt (Mawdu') PHÉP MÀU LIÊN QUAN ĐẾN THIÊN NHIÊN

Bảy mươi người Do Thái mang gươm tẩm độc mai phục trên đường lên núi Hira và xông vào Người; mỗi lần chúng tấn công, hai bên sườn núi khép lại chen vào giữa, điều này lặp lại bốn mươi bảy lần, và Người thoát ra bình an vô sự.

Thời kỳ Makkah (trước hoặc đầu sứ mạng), thời điểm không rõ

NGUỒN Meclisî, Bihâru'l-envâr (Müessesetü'l-Vefâ), c. 17, s. 313-314 (ebvâbü mu'cizâtih, bâb 2: cevâmi'u mu'cizâtihî ve nevâdiruhâ)

## 389. Tay chân của Quraish bị giữ lại

Bịa đặt (Mawdu') PHÉP MÀU HỮU HÌNH

Khi Quraish toan giết Người, Allah làm tay chúng cứng đờ và giữ chân chúng lại, khiến chúng phải quay về (nằm trong số những phép màu mà những kẻ giả tạo đức tin đã kể cho Salman, Miqdad, Abu Dharr và Ammar).

Thời kỳ Makkah (năm 610–622 CN)

NGUỒN Meclisî, Bihâru'l-envâr (Müessesetü'l-Vefâ), c. 17, s. 341 (ebvâbü mu'cizâtih, bâb 2: cevâmi'u mu'cizâtihî ve nevâdiruhâ)

---

## 390. Sự uy nghi của con lạc đà hiện ra trước kẻ ám sát của con cháu Makhzum

Da'if (Yếu) PHÉP MÀU HỮU HÌNH

Trong âm mưu ám sát của con cháu Makhzum, Abu Jahl không thấy được Người, còn al-Walid bin al-Mughirah thì chỉ nghe tiếng Người đọc kinh; kẻ thứ ba nói “Ta sẽ đập nát đầu hắn”, cầm đá đi đến, thì thấy một con lạc đà đực to lớn chưa từng thấy, vẫy tai, chắn giữa hắn và Người, và hắn ngã ngửa ra ngất xỉu.

Thời kỳ Makkah (năm 610–622 CN)

NGUỒN N. İçel, Hz. Muhammed'in (sas) Mucizeleri -2 (2023), "IX-] KÂFİRLERİN ŞERRİNDEN KORUNMASI MU'CİZELERİ (başlıksız paragraf)" (kitabın dipnotu: Beyhakî, Delâil, c:2, s:154; Kurtubî, Tefsîr, c:15, s:7: Suyûtî, Dürru'l-mensûr, c:5, s:258)

---

## 391. Con cháu Makhzum bị làm cho lạc hướng ở Ka'bah và câu 9 chương Ya-Sin

Da'if (Yếu) PHÉP MÀU CỦA QUR'AN

Khi con cháu Makhzum cùng nhau đi đến nơi họ nghe tiếng Người đọc kinh lúc Người dâng lễ nguyện ở Ka'bah, mỗi lần đến gần tiếng nói, tiếng nói lại vang lên từ phía sau họ, và họ quay về mà không đến được chỗ Người; có lời thuật rằng câu kinh “Chúng Ta đã dựng một bức chắn trước mặt chúng và một bức chắn sau lưng chúng” (chương Ya-Sin, câu 9) được mặc khải nhân âm mưu ám sát này.

Thời kỳ Makkah (năm 610–622 CN)

NGUỒN N. İçel, Hz. Muhammed'in (sas) Mucizeleri -2 (2023), "IX-] KÂFİRLERİN ŞERRİNDEN KORUNMASI MU'CİZELERİ (başlıksız paragraf)" (kitabın dipnotu: Beyhakî, Delâil, c:2, s:154; Kurtubî, Tefsîr, c:15, s:7: Suyûtî, Dürru'l-mensûr, c:5, s:258)

# 13 · Thời kỳ Makkah (năm 610–622 CN): các phép màu, những lời cầu xin và những lời báo về điều vô hình của Người

## 392. Mặt trăng tách đôi

**Sahih (Xác thực)** PHÉP MÀU HỮU HÌNH

Qur'an mở đầu chương al-Qamar bằng lời cho biết Giờ Tận Thế đã đến gần và mặt trăng đã tách đôi. Các bộ sưu tập hadith thuật lại, qua nhiều vị Sahabah, rằng dân Makkah yêu cầu Nabi ﷺ cho họ thấy một dấu hiệu và Người đã cho họ thấy mặt trăng tách thành hai.

Thời kỳ Makkah, trước Hijrah, khi bộ tộc Quraish đòi các dấu hiệu.

NGUỒN Câu 54:1-2 (Surat al-Qamar); Sahih al-Bukhari 3637

## 393. Lời báo trước về chiến thắng của người La Mã

**Sahih (Xác thực)** LỜI TIÊN TRI VÀ BÁO TRƯỚC

Chương ar-Rum mở đầu bằng lời cho biết người La Mã đã bị đánh bại ở vùng đất gần nhất, và rằng sau thất bại ấy họ sẽ chiến thắng trong vài năm.

Thời kỳ Makkah, trong các cuộc chiến Byzantine–Ba Tư.

NGUỒN Câu 30:2-4 (Surat ar-Rum)

## 394. Vắt sữa từ bầu vú con dê con không có sữa

**Hasan (Tốt)** PHÉP MÀU LIÊN QUAN ĐẾN LOÀI VẬT

Người vuốt bầu vú của một con dê con chưa từng được vắt sữa, không có sữa, trong đàn mà Ibn Mas'ud chăn, và vắt được sữa.

Khoảng năm 610–613 CN

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.1 s.496; 1000 Mucize no.86 (s.59); web: İbn Hibbân, Sahîh, K. et-Târîh, bâbü'l-mu'cizât, no 6504; İbn Kesîr, el-Bidâye ve'n-Nihâye, c. 6, s. 102 — Delâilü'n-nübüvve: sütün çoğalması; Ebû Nuaym el-İsfahânî, Delâilü'n-nübüvve, 17. fasıl, no. 233; Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 23. fasıl; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 203; ayrıca: İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî, s. 74; Meclisî, Bihâru'l-envâr, c. 18, s. 41; İbn Hamza et-Tûsî, es-Sâkıb, s. 84, no. 67/1; al-shia.org (Farsça mucize listeleri); ayrıca: N. İçel, Hz. Muhammed'in (sas) Mucizeleri -2 (2023), "MU'CİZELERİNDEN BİRİSİ DE BEREKETE DÂİRDİR" (kitabın dipnotu: İbn Sa'd, Tabakât, c:3, s:151; İbn Esir, Usdu'l-gabe, c:3, s:385)

## 395. Một cái đùi và một bát sữa làm no bốn mươi người

**Sahih (Xác thực)** PHÉP MÀU LIÊN QUAN ĐẾN THỨC ĂN

Trong bữa ăn Người mời họ hàng gần, một cái đùi thịt và một bát sữa đã làm no 40 người.

Khoảng năm 613 CN

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.1 s.511; 1000 Mucize no.252 (s.225); web: Heysemî, Mecmau'z-zevâid, K. Alâmâti'n-nübüvve, bâbü mu'cizetihî fi't-taâm, no 14109-14111; İbn Kesîr, el-Bidâye ve'n-Nihâye, c. 6, s. 112 — Delâilü'n-nübüvve: yemeğin çoğalması; Said Nursî, Mektubat, 19. Mektup, 7. İşaret, 10. misal; Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 15. fasıl; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 205-206; ayrıca: İbnü'l-Cevzî, el-Vefâ, s. 281; Meclisî, Bihâru'l-envâr, c. 17, s. 231; c. 18, s. 44; Râvendî, el-Harâic, c. 1, s. 92-93; İbn Hamza et-Tûsî, es-Sâkıb, s. 47-48, no. 13/2

## 396. Lời cầu xin cho Umar vào Islam được đáp nhận

**Sahih (Xác thực)** LỜI TIÊN TRI VÀ BÁO TRƯỚC

Lời cầu xin “Lạy Allah, xin hãy làm Islam vinh hiển nhờ Umar” được đáp nhận ngay ngày hôm sau.

Khoảng năm 616 CN (năm thứ 6 của sứ mạng Nabi)

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.1 s.560; 1000 Mucize no.371 (s.357); web: Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 22. fasıl; Questions on Islam, "The miracles occurring upon the prayer of the prophet Muhammad"; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 219-223; ayrıca: Elshinawy, The Physical Miracles of the Prophet (Yaqeen); Kütüb-i Sitte: Tirmizî, Menâkıb, (3682); İbn Mâce 105 [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 4389, c./s. 12/449; no. 6013, c./s. 16/505]

## 397. Báo trước rằng người La Mã sẽ thắng người Ba Tư

**Sahih (Xác thực)** LỜI TIÊN TRI VÀ BÁO TRƯỚC

Người báo trước rằng người La Mã sẽ thắng người Ba Tư trong vài năm.

Lời tiên tri: khoảng năm 615–616 CN; Ứng nghiệm: khoảng năm 624–627 CN

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.1 s.689; İbn Kesîr s.124; 1000 Mucize no.517 (s.530); web: Münkız es-Sakkār, Delâilü'n-nübüvve; Ebû Nuaym el-İsfahânî, Delâilü'n-nübüvve, 17. fasıl, no. 242-243; Yaqeen Institute, "The Prophecies of Prophet Muhammad"; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 237; c. 1, s. 340; ayrıca: İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî, s. 240; Hoyî, el-Beyân, «i'câzü'l-Kur'ân» bölümü (ikincil aktarımdan); Elshinawy, The Prophecies of Prophet Muhammad (Yaqeen); Meclisî, Bihâru'l-envâr, c. 17, s. 163, 186, 197-199, 206-209; c. 18, s. 129, 139; İbn Şehrâşûb, Menâkıb, c. 1, s. 93; ayrıca: N. İçel, Hz. Muhammed'in (sas) Mucizeleri -1 (2023), "Haberî Mû'cizeler" (kitabın dipnotu: Rûm:1-4); "Acem-Rum Savaşı Hakkında Müşriklerle Bahse Girişilmesi" (kitabın dipnotu: Rûm: 1-6 / Taberi, Tefsir, c:21, s:16-21; Ebu'l-Fidâ, Tefsîr, c:3, s:422-425; Ahmed b. Hanbel, Müsned, c:1, s:276; Kurtubî, Tefsîr, c:14, s:3; Zemahşerî, Keşşaf, c:3, s:214.); Kütüb-i Sitte: Tirmizî 3193-3194

## 398. Mặt trăng tách làm hai (inshiqaq al-qamar)

**Sahih (Xác thực)** PHÉP MÀU CỦA QUR'AN

Mặt trăng tách làm hai theo dấu hiệu tay của Người (sự tách đôi của mặt trăng).

Khoảng năm 617–618 CN (khoảng 5 năm trước Hijrah)

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.1 s.616; İbn Kesîr s.19; 19. Mektup listesi (183.txt) no.7; 1000 Mucize no.13 (s.21); web: Buhârî, Menâkıb, bâbü süâli'l-müşrikîn, no. 3636-3638; A'zamî, el-Câmiu'l-Kâmil, Sîre, bâb 572; İbn Hibbân, Sahîh, K. et-Târîh, bâbü'l-mu'cizât, no 6495-6497; İbn Kesîr, el-Bidâye ve'n-Nihâye, c. 6, s. 74 — Delâilü'n-nübüvve: semâvî mucizeler – inşikāk-ı kamer; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 209-210; ayrıca: İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî, s. 30, 25-29, 425, 428, 436, 25-30; İbnü'l-Cevzî, el-Vefâ, s. 274-275, 273; Râzî, et-Tefsîrü'l-kebîr, c. 29, s. 288 vd. ve s. 337; islamveihsan.com, “Hz. Peygamber'in Mucizeleri”; Buhârî, Menâkıb, no 3636-3638; Tefsîr, no 4864-4868; Müslim, Sıfatü'l-kıyâme, no 2800-2803; Îcî–Cürcânî, Şerhu'l-Mevâkıf, c. 8, s. 280-281; Şeyh Müfîd, en-Nüketü'l-i'tikâdiyye, s. 36, 35-36; Tabersî, Mecmau'l-beyân, c. 9, s. 281-282; c. 9, s. 309-310 (ikincil aktarımdan); Şeyh Tûsî, et-Tibyân, c. 9, s. 430-431; c. 9, s. 442-443; Tabâtabâî, el-Mîzân, c. 19, s. 33-35; c. 19, s. 64 (ikincil aktarımdan) (+12 kaynak daha: web_kaynaklari dosyasında); ayrıca: N. İçel, Hz. Muhammed'in (sas) Mucizeleri -1 (2023), "Hadîslerde Geçen Kelimeler + MU'CİZE TARİFİNDEKİ İHTİLÂFLAR" (kitabın dipnotu: Buhari, Menakıb, 28; Menakıbu'l-ensar, 36; Müslim, el-Münafikin,46: Tefsiru's-sure (Kamer)) · N. İçel, Hz. Muhammed'in (sas) Mucizeleri -2 (2023), "AYIN İKİYE AYRILMASI MU'CİZESİ" (kitabın dipnotu: Buhârî, c:4, s:186; c:6.s:52; Kadı Iyaz, Şifâ, c:1, s:234-235; Suyûtî, Dürru'l-mensûr, c:6, s:133; Kurtubî, Tefsîr, c:17, s:127; Beyhakî, Delâil, c:2, s:267; Ebu Nuaym, Delâil, c:1, s:281; Kastalâni, Mevahib, c:1, s: 466-467 / Kamer:1-8); Kütüb-i Sitte: Buhârî 3636-3638, 4864; Müslim 2800-2802 [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 5606, c./s. 15/467; no. 5607, c./s. 15/467-468]

## 399. Báo rằng mối đã ăn chữ trong văn bản tẩy chay

**Da'if (Yếu)** LỜI TIÊN TRI VÀ BÁO TRƯỚC

Người báo trước rằng mối đã ăn hết chữ trong văn bản tẩy chay, chỉ còn lại chữ “Bismikallahumma”.

Khoảng năm 619 CN (năm thứ 10 của sứ mạng Nabi)

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.1 s.673; İbn Kesîr s.134; 19. Mektup listesi (183.txt) no.108; 1000 Mucize no.234 (s.205); web: Ebû Nuaym el-İsfahânî, Delâilü'n-nübüvve, 16. fasıl, no. 205; Said Nursî, Mektubat, 19. Mektup, 6. İşaret; Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 24. fasıl; Questions on Islam, "His Information related to the Future Turn out True"; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 249-251; ayrıca: İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî, s. 241-242, 469; İbnü'l-Cevzî, el-Vefâ, s. 308; Meclisî, Bihâru'l-envâr, c. 18, s. 120; Râvendî, el-Harâic, c. 1, s. 85-86; c. 1, s. 142-143; İbn Şehrâşûb, Menâkıb, c. 1, s. 59; Tabersî, el-İhticâc, c. 1, s. 320; ayrıca: N. İçel, Hz. Muhammed'in (sas) Mucizeleri -2 (2023), "Müşriklerin Kâ'be'ye Astığı Anlaşma Sahifesinin Güve Tarafından Yenilişi" (kitabın dipnotu: İbn Sa'd, Tabakât, c:1, s:188-189, 209; Belâzurî, Ensâb, c:1, s:234; Halebî, İnsân, c:2, s:35; İbn İshak-İbn Hişam, Sire, c:2, s-16-17; Ebu Nuaym, Delâil, c:1, s:274)

---

## 400. Tin mừng về lâu đài ngọc trai trên Thiên Đàng cho Khadijah

**Sahih (Xác thực)** LỜI TIÊN TRI VÀ BÁO TRƯỚC

Người cho Khadijah biết Jibril mang đến lời chào từ Thượng Đế của bà và tin mừng về một lâu đài bằng ngọc trai trên Thiên Đàng.

Khoảng năm 619 CN

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.1 s.710; Kütüb-i Sitte: Buhârî, Menâkıbu'l-Ensâr 20, Tevhîd 35; Müslim, Fezâilu's-Sahâbe 71, (2432) [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 4481, c./s. 13/34]

---

## 401. Hình ảnh của Aisha được cho thấy trong tấm lụa

**Sahih (Xác thực)** LỜI TIÊN TRI VÀ BÁO TRƯỚC

Trước khi cưới, hình ảnh của Aisha được cho Người xem trong giấc mơ, trong một tấm lụa.

Khoảng năm 620 CN

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.2 s.85; web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 299; Kütüb-i Sitte: Buharî, Nikah 9, 35, Tabir 20, 21; Müslim, Fezailu's-Sahabe 79; Tirmizî, Menakıb (3875) [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 5610, c./s. 15/484]

---

## 402. Cây sidr tách đôi trên đường từ Ta'if về

**Da'if (Yếu)** PHÉP MÀU LIÊN QUAN ĐẾN THIÊN NHIÊN

Khi Người trở về từ Ta'if và đang ngủ gật, cây sidr chắn trước con vật cưỡi của Người tách làm đôi để nhường đường.

Khoảng năm 620 CN

NGUỒN 19. Mektup listesi (183.txt) no.158; web: Said Nursî, Mektubat, 19. Mektup, 9. İşaret, 5. misal; Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 16. fasıl; Questions on Islam, "Miracles Concerning Trees"; ayrıca: Meclisî, Bihâru'l-envâr, c. 17, s. 375; Râvendî, el-Harâic, c. 1, s. 26; Tabersî, İ'lâmü'l-verâ, c. 1, s. 88; İbn Şehrâşûb, Menâkıb, c. 1, s. 117; İbn Hamza et-Tûsî, es-Sâkıb, s. 92, hadis no. 79/5

---

## 403. Ánh sáng tỏa ra ở roi của at-Tufayl bin Amr

**Da'if (Yếu)** PHÉP MÀU HỮU HÌNH

Ở đầu cây roi của at-Tufayl bin Amr ad-Dawsi có ánh sáng phát ra làm dấu hiệu cho bộ tộc của ông.

Khoảng năm 617–620 CN

NGUỒN İbn Kesîr s.69; Beyhakî, Delâil c.4 s.295; 1000 Mucize no.351 (s.338); web: Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 22. fasıl; Questions on Islam, "The miracles occurring upon the prayer of the prophet Muhammad"; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 225-226; ayrıca: İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî, s. 425; Meclisî, Bihâru'l-envâr, c. 17, s. 380-381; İbn Şehrâşûb, Menâkıb, c. 1, s. 103; İbn Hamza et-Tûsî, es-Sâkıb, s. 97, hadis no. 87/2; ayrıca: N. İçel, Hz. Muhammed'in (sas) Mucizeleri -2 (2023), "Tufeyl b. Amr'ın Müslüman Oluşu ve Efendimiz Aleyhisselâmın dua

mucizesi" (kitabın dipnotu: İbn Sa'd, Tabakât, c:4, c:237-239; İbn İshak- İbn Hişam, Sire, c:2, s:22; Ebu'l-Fidâ, Nihâye, c:3, s:98; Zehebî, Siyer, c:1, s:248-249.)

---

## 404. Cái cây bước đến trước mặt Nabi ﷺ

**Sahih (Xác thực)** PHÉP MÀU LIÊN QUAN ĐẾN THIÊN NHIÊN

Khi Người ngồi buồn bã vì bị những người Quraish đánh đến chảy máu, Jibril nói: “Ngài có muốn tôi cho ngài xem một dấu hiệu không?”, rồi gọi cái cây bên kia thung lũng; cái cây bước đến đứng trước mặt Người, và theo lệnh Người thì trở về chỗ cũ; Người nói: “Điều này đủ cho ta.”

Thời kỳ Makkah (năm 610–622 CN)

NGUỒN 1000 Mucize no.21 (s.32), no.882 (s.737); web: Dârimî, Sünen, Mukaddime, no. 23; A'zamî, el-Câmiu'l-Kâmil, Sîre, bâb 573; Said Nursî, Mektubat, 19. Mektup, 9. İşaret, 1. misal; Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 16. fasıl; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 202; ayrıca: İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî, s. 115-116; Meclisî, Bihâru'l-envâr, c. 17, s. 376; ayrıca: N. İçel, Hz. Muhammed'in (sas) Mucizeleri -1 (2023), "PEYGAMBERLERİN MU'CİZEYE İHTİYACI" (kitabın dipnotu: İbn Mâce, Fiten, 23; Beyhâkî, Delâil'ü-Nübüvve c:6; s:13) · N. İçel, Hz. Muhammed'in (sas) Mucizeleri -2 (2023), "IX-] KÂFİRLERİN ŞERRİNDEN KORUNMASI MU'CİZELERİ (başlıksız paragraf)" (kitabın dipnotu: Beyhakî, Delâilü'n-nübüvve, c:2, s:154); Kütüb-i Sitte: İbn Mâce 4028 [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 7213]

---

## 405. Cái cây/cành cây được gọi liền bước đến

**Hasan (Tốt)** PHÉP MÀU LIÊN QUAN ĐẾN THIÊN NHIÊN

Ở Makkah, khi Người buồn vì dân mình phủ nhận (theo lời thuật khác là ở al-Hajun), Người xin Thượng Đế một dấu hiệu để an lòng; cành cây Người gọi (theo lời thuật khác là cái cây ở phía Aqabah) tự tách khỏi chỗ của nó, bước đến, và theo lệnh Người thì trở về chỗ cũ.

Thời kỳ Makkah (năm 610–622 CN)

NGUỒN 1000 Mucize no.24 (s.36); web: Heysemî, Mecmau'z-zevâid, K. Alâmâti'n-nübüvve, no 14172; Beyhakî, Delâilü'n-nübüvve, c.6 s.13; Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 16. fasıl; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 202; ayrıca: İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî, s. 116; Râvendî, el-Harâic, c. 1, s. 43; ayrıca: N. İçel, Hz. Muhammed'in (sas) Mucizeleri -1 (2023), "PEYGAMBERLERİN MU'CİZEYE İHTİYACI" (kitabın dipnotu: İbn Mâce, Fiten, 23; Beyhâkî, Delâil'ü-Nübüvve c:6; s:13)

---

## 406. Lời cầu xin cho Khabbab và đầu của Umm Anmar

**Da'if (Yếu)** LỜI TIÊN TRI VÀ BÁO TRƯỚC

Người cầu xin “Lạy Allah, xin hãy giúp Khabbab” cho người nô lệ thợ rèn Khabbab, người bị bà chủ Umm Anmar tra tấn bằng cách lấy lửa nung đầu vì đã theo Islam; bà ta bị chứng nhức đầu và buộc phải nhờ Khabbab nung đầu cho mình.

Thời kỳ Makkah (năm 610–622 CN)

NGUỒN 1000 Mucize no.951 (s.776); ayrıca: N. İçel, Hz. Muhammed'in (sas) Mucizeleri -1 (2023), "III-] HZ. MUHAMMED ALEYHİSSELÂMIN GAYBDAN HABER VERME MU'CİZELERİ — Habbab b. Eret'e Yapılan İşkence" (kitabın dipnotu: Belâzurî, Ensâb, c:1, s:175,178-179;İbn Sa'd, Tabakât, c:3, s:165, 233;Ebu Nuaym, Hilye, c:1, s:144; İbn Esîr, Usdu'l-gâbe, c:2, s:114-115; Suyûtî, Dürru'l-mensûr, c:4, s:132;Ahmed b. Hanbel, c:5, s:11,56,109-111; Buhârî, c:3, s:56; c:4, s:238-239; Hâkim, Müstedrek, c:3, s:383)

---

## 407. Cái cây đến khi loài Jinn đòi bằng chứng

**Da'if (Yếu)** PHÉP MÀU LIÊN QUAN ĐẾN THIÊN NHIÊN

Khi loài Jinn đòi bằng chứng, Người ra lệnh cho một cái cây; cái cây rời khỏi chỗ của nó đi đến, rồi lại trở về chỗ cũ (Mujahid thuật lại từ Ibn Mas'ud).

Khoảng năm 620 CN

NGUỒN Said Nursî, Mektubat, 19. Mektup, 9. İşaret, 7. misal (s. 188)

---

## 408. Cây cối và núi non chào Nabi ﷺ

**Hasan (Tốt)** PHÉP MÀU LIÊN QUAN ĐẾN THIÊN NHIÊN

Ali, người cùng Người đi ra một phía của thành Makkah, kể: "Mỗi cái cây và ngọn núi gặp Người đều nói: 'As-salamu 'alayka ya Rasulallah.'"

Thời kỳ Makkah, những năm đầu sứ mạng (khoảng năm 610–613 CN)

NGUỒN Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 18. fasıl (cemâdât)

---

## 409. Jibril được cho Hamzah thấy

**Da'if (Yếu)** PHÉP MÀU HỮU HÌNH

Người cho Hamzah xem Jibril tại Ka'bah; Hamzah (khi nhìn thấy) ngất đi và ngã xuống.

Thời kỳ Makkah (khoảng năm 616–622 CN)

NGUỒN Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 27. fasıl (melekler ve cinler)

---

## 410. Thấy dân tộc sẽ giúp đỡ mình và bộ tộc Kindah

**Da'if (Yếu)** LỜI TIÊN TRI VÀ BÁO TRƯỚC

Trong giấc mơ, Người thấy một dân tộc có nhà bằng gạch bùn và vườn chà là sẽ giúp đỡ Người; sau đó Người đến bộ tộc Kindah trình bày Islam, nhưng bị từ chối vì họ đặt điều kiện được nắm quyền sau Người.

Khoảng năm 620 CN

NGUỒN Ebû Nuaym el-İsfahânî, Delâilü'n-nübüvve, 16. fasıl (müşriklerle arasında geçenler), no. 216

---

## 411. Lời cầu xin cho Quraish và nạn đói được dỡ bỏ

**Sahih (Xác thực)** PHÉP MÀU LIÊN QUAN ĐẾN THIÊN NHIÊN

Khi Abu Sufyan đến cầu xin thay cho Quraish đang bị đói kém, Người cầu xin và nạn đói được dỡ bỏ.

Thời kỳ Makkah (khoảng năm 616–619 CN; theo một số lời thuật là sau Hijrah)

NGUỒN İbn Kesîr, el-Bidâye ve'n-Nihâye (Saâde bs.), c. 6, s. 93 — Delâilü'n-nübüvve: semâvî mucizeler – istiskā

---

## 412. Sự kiện Thiên Thần coi núi ở Qarn ath-Tha'alib

**Sahih (Xác thực)** PHÉP MÀU LIÊN QUAN ĐẾN THIÊN NHIÊN

Ở Ta'if, sau khi bị Ibn Abd Yalil từ chối, Người ngẩng đầu lên ở Qarn ath-Tha'alib thì thấy một đám mây che bóng, trong đó Jibril cất tiếng và cử Thiên Thần coi núi đến; Thiên Thần nói: "Nếu ngài muốn, tôi sẽ úp hai núi Akhshab lên chúng", Người nói: "Không, ta mong từ xương sống của chúng sẽ sinh ra những người thờ phụng Allah."

Khoảng năm 619–620 CN (trên đường từ Ta'if về)

NGUỒN Ebû Nuaym el-İsfahânî, Delâilü'n-nübüvve, 16. fasıl (müşriklerle arasında geçenler), no. 213

## 413. Tiếng đọc kinh bên Ka'bah được nghe thấy từ giàn che

**Hasan (Tốt)** PHÉP MÀU HỮU HÌNH

Khi Người đọc Qur'an ban đêm bên Ka'bah, tiếng đọc của Người được nghe thấy từ giàn che trên mái nhà Umm Hani'.

Thời kỳ Makkah (năm 610–622 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 113 (Sesinin başkasının sesinin ulaşmadığı yere ulaşması)

## 414. Tin mừng "Allah sẽ bảo vệ cha con"

**Da'if (Yếu)** LỜI TIÊN TRI VÀ BÁO TRƯỚC

Sau khi Abu Talib mất, một kẻ Quraish ngu muội rắc đất lên đầu Người; Người nói với con gái đang khóc: "Đừng khóc con gái, Allah sẽ bảo vệ cha con."

Khoảng năm 619–620 CN

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 148 (Ebû Tâlib'le ilgili rivayetler)

## 415. Nước Zamzam làm Abu Dharr no

**Sahih (Xác thực)** PHÉP MÀU LIÊN QUAN ĐẾN NƯỚC

Khi chờ Người ở Makkah, Abu Dharr suốt ba mươi ngày đêm chỉ uống nước Zamzam; ông không hề thấy đói và béo đến mức các nếp gấp trên bụng biến mất; Người nói: "Nó là nước được ban phúc, là thức ăn làm no."

Thời kỳ Makkah (khoảng năm 612–615 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 193 (Kur'an'ın i'câzı)

## 416. Lời cầu xin chữa lành cho Abu Talib

**Da'if (Yếu)** CHỮA LÀNH VÀ CHE CHỞ

Người chú Abu Talib bị bệnh nói: "Cháu ơi, hãy cầu xin Thượng Đế của cháu chữa cho chú"; Người cầu xin: "Lạy Allah, xin hãy chữa lành cho chú của con", và Abu Talib lập tức đứng dậy như vừa được cởi trói.

Thời kỳ Makkah (khoảng năm 610–619 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 207 (Ebû Tâlib'in onun duasıyla şifa bulması)

## 417. Cư dân trên trời vui mừng vì Umar theo Islam

**Da'if (Yếu)** LỜI TIÊN TRI VÀ BÁO TRƯỚC

Khi Umar theo Islam, Jibril xuống báo tin: "Cư dân trên trời vui mừng vì Umar theo Islam."

Thời kỳ Makkah (khoảng năm 616 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 223 (Ömer b. Hattâb'ın İslâm'ındaki âyetler bâbı)

## 418. Mặc khải xuống khi có Uthman bin Maz'un bên cạnh

**Hasan (Tốt)** PHÉP MÀU CỦA QUR'AN

Khi ngồi cùng Uthman bin Maz'un trong sân nhà, Người ngước mắt nhìn trời rồi quay sang bên cạnh và gật đầu như đang lắng nghe; khi được hỏi, Người cho biết Jibril đã đến mang câu 90 chương an-Nahl, và ngay lúc ấy đức tin bén rễ trong tim Uthman.

Thời kỳ Makkah (năm 610–622 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 227 (Osman b. Maz'ûn'un İslâm'ı bâbı)

---

## 419. Cái cây vươn lên trời và ánh sáng vĩ đại nhất

Da'if (Yếu) PHÉP MÀU HỮU HÌNH

Jibril chạm vào lưng Người và đưa Người đến một cái cây có hai chỗ như tổ chim; Người ngồi vào một chỗ, Jibril ngồi vào chỗ kia, cái cây vươn cao che kín chân trời, một cánh cổng trời mở ra và Người thấy ánh sáng vĩ đại nhất, còn Jibril thì đổ gục xuống như một tấm thảm thô (Ibn Kathir: đây là sự kiện khác với Isra').

Thời kỳ Makkah, thời điểm không rõ

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 260 (İsrâ bâbı (Enes hadisi))

---

## 420. Đất di cư được mặc khải trong ba vùng đất

Da'if (Yếu) LỜI TIÊN TRI VÀ BÁO TRƯỚC

Người được mặc khải: "Ngươi xuống ở vùng nào trong ba vùng này thì đó là đất di cư của ngươi: Madinah, Bahrain hoặc Qinnasrin."

Trước Hijrah (khoảng năm 621–622 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 304 (Hicrette meydana gelen âyetler ve mucizeler bâbı)

---

## 421. Thấy ánh sáng và nghe tiếng nói trước sứ mạng

Sahih (Xác thực) DẤU HIỆU TRONG CUỘC ĐỜI CỦA NABI

Trong mười lăm năm ở Makkah, bảy năm Người thấy ánh sáng và nghe tiếng nói (khi mặc khải chưa xuống), tám năm Người được mặc khải.

Thời kỳ Makkah (khoảng năm 610–622 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 304 (Hicrette meydana gelen âyetler ve mucizeler bâbı)

---

## 422. Chìa khóa Ka'bah và Uthman bin Talhah

Da'if (Yếu) LỜI TIÊN TRI VÀ BÁO TRƯỚC

Trước Hijrah, Người nói với Uthman bin Talhah, kẻ không chịu mở Ka'bah và đối xử thô bạo với Người: "Có lẽ một ngày nào đó ngươi sẽ thấy chiếc chìa khóa này trong tay ta, ta sẽ đặt nó ở nơi ta muốn"; vào ngày chinh phục Makkah, Người lấy chìa khóa rồi lại trao cho ông và nhắc lại lời ấy.

Lời tiên tri: thời kỳ Makkah; Ứng nghiệm: chinh phục Makkah, năm 8 H (630 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 442 (Mekke fethindeki mucizeler ve hasâis)

---

## 423. Tin mừng cho Khadijah về việc con được bú trên Thiên Đàng

Da'if (Yếu) LỜI TIÊN TRI VÀ BÁO TRƯỚC

Khi con trai Người là al-Qasim qua đời, Khadijah còn sữa và đau buồn; Người nói với bà: “Việc bú mớm của con sẽ được hoàn tất trên Thiên Đàng”, rồi nói: “Nếu em muốn, ta sẽ cầu xin Allah cho em nghe tiếng con”, và Khadijah nói: “Em xác nhận Allah và Thiên Sứ của Ngài”, rồi lấy đó làm đủ.

Thời kỳ Makkah (sau khi sứ mạng bắt đầu)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 148 (Mânaların cisim sûretinde görülmesine dair mucizeler)

---

## 424. Lòng thù hận được lấy khỏi tim Umar

**Hasan (Tốt)** CHỮA LÀNH VÀ CHE CHỞ

Khi Umar theo Islam, Người lấy tay vỗ vào ngực ông ba lần và cầu xin: “Lạy Allah, xin hãy lấy đi lòng thù hận trong ngực Umar, đặt đức tin vào đó” (do Ibn Umar thuật lại).

Thời kỳ Makkah, năm thứ 6 của sứ mạng (khoảng năm 616 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 279 (duaların kabulündeki mucizeler: ailesi, misafir, Ömer ve Ali için duaları)

---

## 425. Lựa chọn giữa làm Nabi vua hay Nabi bề tôi

**Hasan (Tốt)** DẤU HIỆU TRONG CUỘC ĐỜI CỦA NABI

Khi ở Safa cùng Jibril, Người nhắc đến cảnh túng thiếu của gia đình Muhammad; Israfil, vị chưa từng xuống với vị Nabi nào trước đó, liền xuống mang theo chìa khóa các kho báu trên mặt đất, đề nghị biến núi non Tihamah thành vàng bạc và để Người chọn giữa làm “Nabi vua” và “Nabi bề tôi”; theo dấu hiệu khiêm nhường của Jibril, Người chọn làm Nabi bề tôi (do Ibn Abbas và Ibn Umar thuật lại).

Makkah, Safa; thời điểm không rõ

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 333 (korkuyla yardım, cevâmiu'l-kelim ve yeryüzü hazinelerinin anahtarları bâbı)

---

## 426. Ridwan mang đến các kho báu của thế gian

**Bịa đặt (Mawdu')** DẤU HIỆU TRONG CUỘC ĐỜI CỦA NABI

Khi những kẻ đa thần chê bai Người vì nghèo khó, Jibril mang đến câu 20 chương al-Furqan, rồi Ridwan, người canh Thiên Đàng, mang đến chìa khóa các kho báu của thế gian; theo dấu hiệu khiêm nhường của Jibril, Người không nhận chúng; các tầng trời mở ra và Người được cho xem nơi ở của các vị Nabi cùng nơi ở của chính Người ở trên họ.

Thời kỳ Makkah (năm 610–622 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 334 (korkuyla yardım, cevâmiu'l-kelim ve yeryüzü hazinelerinin anahtarları bâbı)

---

## 427. Mệnh lệnh không ăn trong tư thế ngồi dựa

**Da'if (Yếu)** DẤU HIỆU TRONG CUỘC ĐỜI CỦA NABI

Khi Người ngồi dựa ăn uống ở phía trên Makkah, Jibril đến nhắc: “Ngồi dựa là việc của những người sống trong nhung lụa”; Người lập tức ngồi thẳng dậy và nói: “Ta là một bề tôi; ta ăn như bề tôi, uống như bề tôi”, và từ đó không bao giờ ăn trong tư thế ngồi dựa nữa (do Ata' bin Yasar và Anas thuật lại; “Ta không ăn trong tư thế ngồi dựa”: Abu Juhayfah).

Thời kỳ Makkah (năm 610–622 CN), thời điểm không rõ

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 408 (ona özgü yasaklar (muharremât) kısmı)

## 428. Tảng đá mềm ra và cánh tay lún vào

Da'if (Yếu) PHÉP MÀU HỮU HÌNH

Tại một khe núi ở Makkah, khi Người dựa vào một tảng đá trên núi (trong lúc dâng lễ nguyện), tảng đá mềm ra và cánh tay cùng cổ tay Người lún vào trong đó; nơi còn dấu vết ấy trở thành một địa điểm nổi tiếng được người hành hương viếng thăm.

Thời kỳ Makkah, thời điểm không rõ

NGUỒN İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî (el-Bidâye ve'n-Nihâye'den; thk. es-Seyyid İbrâhîm), s. 448 (Dâvûd'a verilenler)

## 429. Niên đại mặt trăng tách đôi ở Ấn Độ

Da'if (Yếu) PHÉP MÀU LIÊN QUAN ĐẾN THIÊN NHIÊN

Lời thuật cho thấy đêm mặt trăng tách đôi cũng được nhìn thấy ở những vùng đất khác: người ta kể rằng ở Ấn Độ, trên một tòa nhà có dòng chữ ghi niên đại "được xây vào đêm mặt trăng tách đôi".

Sự việc: thời kỳ Makkah (khoảng năm 617–618 CN); Dòng chữ được thấy: thời điểm không rõ

NGUỒN İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî (el-Bidâye'den; thk. es-Seyyid İbrâhim, el-Mektebetü't-Tevfîkıyye), s. 30 (inşikāku'l-kamer bahsinin sonu)

## 430. Vua Ấn Độ thấy mặt trăng tách đôi

Da'if (Yếu) PHÉP MÀU LIÊN QUAN ĐẾN THIÊN NHIÊN

Lời thuật rằng vua Chakrawati Farmas ở bờ biển Malabar của Ấn Độ đã thấy mặt trăng tách đôi từ đất nước mình, khi nghe các thương nhân Muslim kể lại sự việc đã sang bán đảo Ả Rập gặp Nabi ﷺ; Abu Sa'id al-Khudri nói: "Vua Ấn Độ tặng Thiên Sứ của Allah một vò gừng, Người chia từng miếng cho các Sahabah ăn."

Thời kỳ Makkah (mặt trăng tách đôi); thời điểm nhà vua đến không rõ

NGUỒN The Miracles of Muhammad (IslamHouse; kaynak: islamreligion.com, 2013), PDF s. 5-8

## 431. Con sói nói chuyện với người chăn cừu để truyền đạt

Da'if (Yếu) PHÉP MÀU LIÊN QUAN ĐẾN LOÀI VẬT

Một người chăn cừu bị sói cắp mất một con cừu khi đang chăn; con sói thả con cừu ra và nói bằng lời lưu loát: "Điều thật đáng ngạc nhiên là các người: Muhammad đang kêu gọi đến với chân lý trong thung lũng Makkah, còn các người thì thờ ơ với người ấy"; người chăn cừu đến và theo Islam, con cái ông tự hào nói: "Tôi là con của người đã nói chuyện với sói (Mukallim adh-Dhi'b)."

Thời kỳ Makkah (theo văn bản)

NGUỒN Râvendî, el-Harâic ve'l-cerâih, c. 1, s. 27 (el-Bâbü'l-evvel fî mu'cizâti nebiyyinâ Muhammed)

## 432. Nước Zamzam tăng lên vào ngày của người Muslim

Da'if (Yếu) PHÉP MÀU LIÊN QUAN ĐẾN NƯỚC

Vào buổi đầu Islam ở Makkah, khi nước Zamzam được chia một ngày cho người Muslim, một ngày cho những kẻ đa thần, vào ngày của người Muslim giếng cho lượng nước của hai ngày, còn vào ngày của những kẻ đa thần thì

vẫn như cũ.

Thời kỳ Makkah (năm 610–622 CN)

NGUỒN Râvendî, el-Harâic ve'l-cerâih, c. 3, s. 908 (el-Bâbü's-sâbi' aşer fi'l-muvâzât beyne mu'cizâti nebiyyinâ ve mu'cizâti'l-enbiyâ)

---

## 433. Đống cát được mang đi nhờ lời cầu xin của Salman

Da'if (Yếu) PHÉP MÀU LIÊN QUAN ĐẾN THIÊN NHIÊN

Trước đống cát lớn mà người Do Thái mua ông muốn ông khuân đi trong một đêm, Salman cầu xin: "Nhờ quyền của Muhammad và người thừa kế của người ấy, xin hãy cứu tôi"; cơn gió Allah gửi đến đã mang toàn bộ đống cát đến nơi người Do Thái chỉ định, và người Do Thái nói: "Ngươi là phù thủy", rồi bán ông đi.

Giữa sứ mạng và Hijrah (khoảng năm 610–622 CN)

NGUỒN Râvendî, el-Harâic ve'l-cerâih, c. 3, s. 1081 (el-Bâbü'l-ışrûn fî alâmât ve merâtib nebiyyinâ ve evsiyâih)

---

## 434. Cái cây kéo theo cả rễ đến nghiêng xuống trên đầu Người

Da'if (Yếu) PHÉP MÀU LIÊN QUAN ĐẾN THIÊN NHIÊN

Khi các thủ lĩnh Quraish nói: "Hãy gọi cái cây kia; nó phải bật cả rễ lên và đứng trước mặt ngươi", Người nói: "Ta biết các người sẽ không quay về với điều thiện, và trong các người có những kẻ sẽ bị ném xuống giếng (giếng Badr) và những kẻ sẽ tập hợp các đạo quân (al-Ahzab)", rồi nói với cái cây: "Nếu ngươi tin vào Allah và Ngày Sau, và biết rằng ta là sứ giả của Allah, thì nhờ phép của Allah hãy bật rễ lên mà đứng trước mặt ta"; cái cây đến với tiếng ầm ầm dữ dội và tiếng như cánh chim vỗ, đứng trước mặt Người, đặt cành trên cùng lên đầu Người và vài cành lên vai Ali đang đứng bên phải Người; theo yêu cầu của họ, một nửa cây đến còn một nửa ở lại, rồi nửa đã đến quay trở về; Ali nói: "Tôi là người đầu tiên tin", còn những người Quraish nói: "Kẻ phù thủy, kẻ nói dối; ngoài kẻ này ra ai xác nhận ngươi?"

Thời kỳ Makkah (năm 610–622 CN)

NGUỒN Tabersî, İ'lâmü'l-verâ bi-a'lâmi'l-hüdâ, c. 1, s. 74-75 (2. bâb, fasl: bazı mucizelerinin beyanı)

---

## 435. Người chết được làm sống lại theo yêu cầu của Quraish

Da'if (Yếu) PHÉP MÀU HỮU HÌNH

Khi Quraish đòi Người làm người chết sống lại, Người gọi Ali đến và cử ông cùng họ ra nghĩa trang; khi Ali cầu xin, những người chết rũ đất trên đầu và đứng dậy khỏi mộ (câu trả lời của Ali cho người Do Thái nói: "Các ông gán cho Nabi của mình phẩm cấp của mọi vị Nabi", đối lại việc Isa làm người chết sống lại).

Thời kỳ Makkah (năm 610–622 CN) (nguồn không nêu năm)

NGUỒN Râvendî, el-Harâic ve'l-cerâih, c. 2, s. 505 (14. bâb: fî a'lâmi'n-nebî ve'l-eimme)

---

## 436. Chọn không để đồi Safa biến thành vàng

Sahih (Xác thực) DẤU HIỆU TRONG CUỘC ĐỜI CỦA NABI

Khi Quraish nói: "Hãy biến Safa thành vàng cho chúng ta", Người bắt đầu cầu xin thì Jibril đến nói: "Nếu ngài muốn, Safa sẽ thành vàng; nhưng nếu chúng phủ nhận, Chúng Ta sẽ trừng phạt; nếu ngài muốn, Chúng Ta để lại cho người sám hối được sám hối", và Người chọn điều thứ hai.

Thời kỳ Makkah (năm 610–622 CN)

NGUỒN İbn Şehrâşûb, Menâkıbü Âl-i Ebî Tâlib (Necef 1376/1956 baskısı), c. 1, s. 50 (fasl fîmâ lâkāhü min kavmihî)

---

## 437. Mắt của Zinnirah được chữa lành

**Da'if (Yếu)** CHỮA LÀNH VÀ CHE CHỞ

Khi Zinnirah bị mù sau khi theo Islam, Quraish nói: "al-Lat và al-Uzza đã trừng phạt bà"; mắt bà được trả lại (nhờ lời cầu xin của Người); Quraish nói: "Nếu điều Muhammad mang đến là điều tốt, Zinnirah đã không đi trước chúng ta", và câu 11 chương al-Ahqaf được mặc khải.

Thời kỳ Makkah (khoảng năm 613–616 CN)

NGUỒN İbn Şehrâşûb, Menâkıbü Âl-i Ebî Tâlib (Necef 1376/1956 baskısı), c. 1, s. 102 (fasl fî mu'cizât ef'âlihî)

---

## 438. Cái cây quỳ lạy theo yêu cầu của Abu Talib

**Da'if (Yếu)** PHÉP MÀU LIÊN QUAN ĐẾN THIÊN NHIÊN

Khi Abu Talib nói: "Nếu Allah đã cử cháu, hãy cho chú xem một dấu hiệu; hãy gọi cái cây kia", cái cây Người gọi đã đến quỳ lạy trước mặt Người rồi trở về chỗ cũ.

Thời kỳ Makkah (năm 610–619 CN)

NGUỒN İbn Şehrâşûb, Menâkıbü Âl-i Ebî Tâlib (Necef 1376/1956 baskısı), c. 1, s. 112 (fasl fî i'câzihî (çeşitli mucizeler))

---

## 439. Ngai của Utbah và Shaybah sụp đổ ở Ta'if

**Da'if (Yếu)** PHÉP MÀU HỮU HÌNH

Khi Người vào Ta'if, Utbah và Shaybah đang ngồi trên một chiếc ngai (sarir) nói: "Khi hắn đến, chúng ta sẽ không đứng dậy"; khi Người đến gần, chiếc ngai sụp xuống làm cả hai lăn ra đất, và chúng nói: "Bùa phép của ngươi không ăn thua ở Makkah nên ngươi đến Ta'if sao?"

Chuyến đi Ta'if, khoảng năm 620 CN

NGUỒN İbn Şehrâşûb, Menâkıbü Âl-i Ebî Tâlib (Necef 1376/1956 baskısı), c. 1, s. 113 (fasl fî i'câzihî (çeşitli mucizeler))

---

## 440. Đàn lạc đà làm chứng cho Nabi ﷺ

**Da'if (Yếu)** PHÉP MÀU LIÊN QUAN ĐẾN LOÀI VẬT

Người hỏi người đàn ông đến Makkah với mười bảy lạc đà chở quà: "Mười bảy con lạc đà chở vàng, bạc, ngọc trai và hồng ngọc đâu rồi?", rồi kể từng món hàng trên lưng lạc đà và tên các nô lệ da đen trên đó (Muhriz, Mun'im, Badr…); khi Abu Jahl tranh giành số của cải và kích động bảy mươi nghìn người nổi dậy, dưới sự phân xử của Abu Talib người ta quyết định: "Lạc đà đáp lời ai thì của cải thuộc về người ấy"; dù Abu Jahl quỳ lạy Hubal và khấn nguyện, đàn lạc đà không đáp lời hắn mà đáp lời Thiên Sứ của Allah ﷺ, người đã gọi bảy lần, và làm chứng cho sứ mạng Nabi của Người.

Thời kỳ Makkah (năm 610–619 CN)

NGUỒN İbn Şehrâşûb, Menâkıbü Âl-i Ebî Tâlib (Necef 1376/1956 baskısı), c. 1, s. 116 (fasl fîmâ zahara mine'l-hayevânât ve'l-cemâdât)

---

## 441. Tiếng tán dương của cái cây ở Batha

**Da'if (Yếu)** PHÉP MÀU LIÊN QUAN ĐẾN THIÊN NHIÊN

Khi Người gọi một cái cây ở Batha, cái cây đáp lời Người; từ mỗi cành của nó vang lên tiếng tán dương, tiếng tuyên xưng tính duy nhất và tiếng tôn vinh sự thánh khiết (do Ali thuật lại).

Thời kỳ Makkah (năm 610–622 CN), thời điểm không rõ

NGUỒN es-Sâkıb fi'l-menâkıb (Kum 1412), s. 91, hadis no. 77/3 (bâb 1, fasıl 11: ağaç ve taşın itaati)

---

## 442. Núi Hira và núi Thabir xích lại gần nhau

Da'if (Yếu) PHÉP MÀU HỮU HÌNH

Khi Người ở trên núi Hira và Ali ở trên núi Thabir, Ali sợ những kẻ đa thần làm hại Người; Người nói: "Hãy đưa tay đây, hỡi Ali"; ngọn núi trượt lại gần và Ali bước một bước sang ngọn núi kia (Abul Jarud thuật lại từ Muhammad al-Baqir).

Thời kỳ Makkah (năm 610–622 CN)

NGUỒN es-Sâkıb fi'l-menâkıb (Kum 1412), s. 93, hadis no. 81/7 (bâb 1, fasıl 11: ağaç ve taşın itaati)

---

## 443. Nói ra bí mật của Abu Jahl và kết cục của Quraish

Da'if (Yếu) LỜI TIÊN TRI VÀ BÁO TRƯỚC

Abu Jahl nói: "Nếu ngươi là Nabi, hãy nói cho ta một việc của ta mà không ai biết"; Người báo cho hắn biết số vàng hắn chôn trong nhà và một việc hắn giữ kín (cuộc hôn nhân của hắn); khi Abu Jahl phủ nhận và nói "Có một Jinn ở với ngươi", Người báo rằng Shaybah, Utbah, al-Walid bin Utbah và các thủ lĩnh Quraish sẽ bị giết, kỵ binh của Người sẽ tiến vào đất của chúng, Người sẽ chinh phục Makkah bằng vũ lực và tôn giáo của Người sẽ thống trị phương đông và phương tây (do Ali thuật lại).

Lời tiên tri: thời kỳ Makkah (năm 610–622 CN); Ứng nghiệm: Badr, năm 2 H (624 CN) và chinh phục Makkah, năm 8 H (630 CN)

NGUỒN es-Sâkıb fi'l-menâkıb (Kum 1412), s. 104, hadis no. 96/5 (bâb 1, fasıl 14: gaybdan haber vermesi)

---

## 444. Mắt của một phụ nữ mù sáng ra

Da'if (Yếu) CHỮA LÀNH VÀ CHE CHỞ

Người nói với một phụ nữ mù đang ở bên Khadijah: "Mắt bà nhất định sẽ lành lại", và mắt bà sáng ra; khi Khadijah nói: "Thật là lời cầu xin được ban phúc", Người đọc câu kinh: "Và Chúng Ta đã không cử ngươi đến ngoại trừ như một hồng ân cho muôn loài."

Thời kỳ Makkah (năm 610–622 CN)

NGUỒN Meclisî, Bihâru'l-envâr, c. 18, s. 17 (Bâb 6: duasının kabulü, ölülerin diriltilmesi ve hastaların şifası)

---

## 445. Chương al-Kawthar được mặc khải và kết cục của kẻ thù

Sahih (Xác thực) PHÉP MÀU CỦA QUR'AN

Khi con trai Người qua đời, al-As bin Wa'il (theo al-Qummi là Amr bin al-As) gọi Người là "abtar" (kẻ tuyệt tự), và chương al-Kawthar được mặc khải; lời báo rằng Người sẽ được ban nhiều điều tốt lành và dòng dõi trường tồn, còn kẻ thật sự bị cắt đứt là kẻ thù ghét Người, đã ứng nghiệm.

Thời kỳ Makkah (năm 610–622 CN)

NGUỒN Meclisî, Bihâru'l-envâr, c. 17, s. 165, 203, 209-210 (Bâb 1: i'câzü ümmi'l-mu'cizât el-Kur'ânü'l-Kerîm)

## 446. Phép màu giống trận Đại Hồng Thủy của Nuh ở Abu Qubays

**Bịa đặt (Mawdu')** PHÉP MÀU LIÊN QUAN ĐẾN NƯỚC

Khi những kẻ đa thần đòi những dấu hiệu giống như của Nuh, Ibrahim, Musa và Isa, theo lời báo của Jibril, Người sai những kẻ đòi dấu hiệu của Nuh đến chân núi Abu Qubays; mưa rơi từ bầu trời không mây, nước phun lên từ mặt đất và dâng đến tận đỉnh núi; khi họ sắp chết đuối, Ali cùng hai đứa trẻ bên phải và bên trái (Hasan và Husayn chưa ra đời) hiện ra trên mặt nước, họ bám tay vào đó mà được cứu, nước rút đi và họ tin theo.

Thời kỳ Makkah (năm 610–622 CN)

NGUỒN Meclisî, Bihâru'l-envâr, c. 17, s. 239-242 (Bâb 2: cevâmiu mu'cizâtihî ve nevâdirühâ)

## 447. Những kẻ đòi dấu hiệu của Nabi Ibrahim bị thử thách bằng lửa

**Bịa đặt (Mawdu')** PHÉP MÀU LIÊN QUAN ĐẾN THIÊN NHIÊN

Khi những kẻ đa thần đòi những dấu hiệu của các vị Nabi trước, nhóm đòi dấu hiệu của Nabi Ibrahim bị bao vây giữa sa mạc ngoài Makkah bởi những ngọn lửa từ trời và từ đất; họ bám vào tua khăn trùm đầu của một người phụ nữ (Fatimah) hiện ra trên không trung mà thoát khỏi lửa.

Thời kỳ Makkah (năm 610–622 CN)

NGUỒN Meclisî, Bihâru'l-envâr, c. 17, s. 241-243 (Bâb 2: cevâmiu mu'cizâtihî ve nevâdirühâ)

## 448. Nói cho Abu Jahl biết những gì hắn đã ăn và cất giấu

**Bịa đặt (Mawdu')** LỜI TIÊN TRI VÀ BÁO TRƯỚC

Người lần lượt báo cho Abu Jahl, kẻ đòi dấu hiệu của Isa, biết con gà hắn ăn hôm đó, việc hắn giấu phần còn lại khi người khách Abul Bakhtari đến, ba trăm dinar tiền riêng hắn chôn trong nhà và mười nghìn dinar là tiền người khác gửi.

Thời kỳ Makkah (năm 610–622 CN)

NGUỒN Meclisî, Bihâru'l-envâr, c. 17, s. 245-246 (Bâb 2: cevâmiu mu'cizâtihî ve nevâdirühâ)

## 449. Con gà đã bị ăn làm chứng và sống lại

**Bịa đặt (Mawdu')** PHÉP MÀU LIÊN QUAN ĐẾN LOÀI VẬT

Khi Abu Jahl phủ nhận, con gà đã bị ăn mà Jibril mang đến cất tiếng làm chứng cho sứ mạng Nabi của Người và vạch mặt Abu Jahl nói dối; khi Người vuốt tay lên nó, thịt con gà trở lại còn đầy đặn hơn trước.

Thời kỳ Makkah (năm 610–622 CN)

NGUỒN Meclisî, Bihâru'l-envâr, c. 17, s. 247 (Bâb 2: cevâmiu mu'cizâtihî ve nevâdirühâ)

## 450. Số tiền chôn giấu được mang đến và hình phạt của Abu Jahl

**Bịa đặt (Mawdu')** PHÉP MÀU HỮU HÌNH

Số tiền Abu Jahl chôn giấu được Jibril mang đến trước mặt Người, và Người trả lại từng phần mười nghìn dinar cho những người gửi; khi Abu Jahl muốn lấy ba trăm dinar còn lại mà không chịu tin, theo lệnh Người, con gà dùng móng quắp lấy hắn nhấc lên không trung rồi thả xuống mái nhà hắn.

Thời kỳ Makkah (năm 610–622 CN)

NGUỒN Meclisî, Biharu'l-envâr, c. 17, s. 248 (Bâb 2: cevâmiu mu'cizâtihî ve nevâdirühâ)

## 451. Thức ăn và thuốc thừa cất tiếng nói

**Bịa đặt (Mawdu')** PHÉP MÀU HỮU HÌNH

Với những người đòi dấu hiệu của Isa và đã tin khi người bệnh của họ được chữa lành, Người nói: “Ta cho các người xem thêm nhé?”, rồi kể từng người hôm đó đã ăn gì và chữa bệnh bằng thuốc gì; các Thiên Thần mang thức ăn và thuốc thừa của họ cùng với bát đựng từ trời xuống, những thứ còn thừa cất tiếng nói: “Chủ tôi đã ăn chừng này, người hầu của ông ăn chừng này”, và làm chứng cho sứ mạng Nabi của Người, cho việc Ali là anh em và người thừa kế của Người.

Thời kỳ Makkah (năm 610–622 CN)

NGUỒN Meclisî, Biharu'l-envâr, c. 17, s. 264 (Bâb 2: cevâmiu mu'cizâtihî ve nevâdirühâ)

## 452. Phép màu Ka'bah nhấc lên không trung

**Bịa đặt (Mawdu')** PHÉP MÀU HỮU HÌNH

Nhóm thứ ba đòi dấu hiệu của Musa đang ngồi dưới bóng Ka'bah thì Ka'bah nhấc lên khỏi chỗ và dừng trên đầu họ; người chú Hamzah đến, chống mũi giáo bên dưới để đỡ nó và nói: “Hãy ra đi, tránh xa ra”; khi họ ra khỏi, Ka'bah trở về chỗ cũ, và nhóm ấy theo Islam; dù vậy Abu Jahl vẫn nói: “Ta không biết họ có nói thật không.”

Thời kỳ Makkah (năm 610–622 CN)

NGUỒN Meclisî, Biharu'l-envâr, c. 17, s. 241, 243-245 (Bâb 2: cevâmiu mu'cizâtihî ve nevâdirühâ)

## 453. Mười người bị đá đè chết được làm sống lại

**Bịa đặt (Mawdu')** CHỮA LÀNH VÀ CHE CHỞ

Xác của mười kẻ đa thần bị đá giết chết cất tiếng nói: “Muhammad đã nói thật, các người đã nói dối”; theo lời xin của họ hàng chúng, Người cầu xin làm sống lại sáu kẻ, bằng số sáu vết thương Người phải chịu, và Ali làm sống lại bốn kẻ, bằng số bốn vết thương ông phải chịu; những kẻ sống lại kể rằng chúng đã thấy địa vị cao cả của Muhammad và Ali tại al-Bayt al-Ma'mur và nơi Ngai Vương, và bảy người trong mười kẻ ấy đã tin theo.

Thời kỳ Makkah (năm 610–622 CN)

NGUỒN Meclisî, Biharu'l-envâr, c. 17, s. 261-262 (Bâb 2: cevâmiu mu'cizâtihî ve nevâdirühâ)

## 454. Ba mươi kẻ đa thần mắc bệnh và lời thú nhận của Hubal

**Bịa đặt (Mawdu')** CHỮA LÀNH VÀ CHE CHỞ

Khi những kẻ đa thần nói: “Vì ngươi xúc phạm Hubal nên ngươi sẽ gặp tai họa”, theo lời báo của Jibril, Người nguyền rủa hai mươi kẻ, Ali nguyền rủa mười kẻ; cả ba mươi kẻ bị liệt, mù, hủi và tàn phế, chỉ còn lưỡi và tai lành lặn; Hubal mà chúng van xin cất tiếng nói: “Trước lời cầu xin của Muhammad, ta chẳng là gì; nếu người ấy cầu xin, ta sẽ vỡ tan và bị gió cuốn đi”; sau đó Người cầu xin cho hai mươi kẻ, Ali cầu xin cho mười kẻ, tất cả đều khỏi bệnh còn khỏe mạnh hơn trước, và cả ba mươi kẻ đều tin theo.

Thời kỳ Makkah (năm 610–622 CN)

NGUỒN Meclisî, Biharu'l-envâr, c. 17, s. 262-264 (Bâb 2: cevâmiu mu'cizâtihî ve nevâdirühâ)

## 455. Tượng thần Hubal quỳ lạy mà làm chứng

Bịa đặt (Mawdu') PHÉP MÀU HỮU HÌNH

Quraish đưa Người đến trước Hubal để nó làm trọng tài giữa họ; tượng Hubal ngã sấp mặt xuống đất và làm chứng cho sứ mạng Nabi của Người và quyền lãnh đạo (imamah) của Ali.

Thời kỳ Makkah (năm 610–622 CN)

NGUỒN Meclisî, Bihâru'l-envâr (Müessesetü'l-Vefâ), c. 17, s. 341 (ebvâbü mu'cizâtih, bâb 2: cevâmi'u mu'cizâtihî ve nevâdiruhâ)

## 456. Những ấn huệ thiêng liêng trong cuộc vây hãm Shi'b

Bịa đặt (Mawdu') PHÉP MÀU LIÊN QUAN ĐẾN THỨC ĂN

Trong những năm Quraish bao vây ở Shi'b và chặn đường tiếp tế lương thực, Người và những người ở bên Người nhận được bổng lộc còn tốt hơn manna và salwa; ai thèm món gì cũng có món ấy, và họ được mặc những bộ áo đẹp nhất.

Cuộc vây hãm Shi'b Abi Talib (khoảng năm 616–619 CN)

NGUỒN Meclisî, Bihâru'l-envâr (Müessesetü'l-Vefâ), c. 17, s. 341 (ebvâbü mu'cizâtih, bâb 2: cevâmi'u mu'cizâtihî ve nevâdiruhâ)

## 457. Núi tách ra và cây cối mọc lên ở Shi'b

Bịa đặt (Mawdu') PHÉP MÀU LIÊN QUAN ĐẾN THIÊN NHIÊN

Vì các tín đồ ở Shi'b ngột ngạt vì chật hẹp, Người đưa tay chỉ vào những ngọn núi bên phải và bên trái mà nói: "Hãy lùi ra", các ngọn núi lùi ra và thung lũng rộng thêm; theo lệnh Người, cây cỏ, cây cối và trái cây mọc lên từ mặt đất.

Cuộc vây hãm Shi'b Abi Talib (khoảng năm 616–619 CN)

NGUỒN Meclisî, Bihâru'l-envâr (Müessesetü'l-Vefâ), c. 17, s. 341-342 (ebvâbü mu'cizâtih, bâb 2: cevâmi'u mu'cizâtihî ve nevâdiruhâ)

## 458. Ngọn lửa giáng xuống Abu Jahl quay trở lại

Bịa đặt (Mawdu') LỜI TIÊN TRI VÀ BÁO TRƯỚC

Khi Abu Jahl và đồng bọn đòi hình phạt phải giáng xuống ngay, những ngọn lửa từ trời rơi xuống và đến gần đến mức chúng cảm thấy giữa hai vai; rồi những luồng sáng phát ra từ lưng nhóm người ấy (dòng dõi có đức tin sẽ sinh ra từ xương sống của chúng; với Abu Jahl là con trai hắn, Ikrimah) đẩy lùi ngọn lửa trở về trời, và Người cho Abu Jahl biết vì thế mà hắn được gia hạn.

Thời kỳ Makkah (năm 610–622 CN)

NGUỒN Meclisî, Bihâru'l-envâr (Müessesetü'l-Vefâ), c. 17, s. 352-353 (ebvâbü mu'cizâtih, bâb 3: semâvî mucizeler (şakku'l-kamer, reddü'ş-şems, bulut, gökten sofra))

## 459. Các tượng thần trong Ka'bah quỳ lạy khi câu kinh được mặc khải

Da'if (Yếu) PHÉP MÀU CỦA QUR'AN

Khi trong Ka'bah có 360 tượng thần, mỗi bộ tộc Ả Rập một hai tượng, thì câu kinh "Shahidallahu annahu la ilaha illa huwa…" (chương Al Imran, câu 18) được mặc khải, và tất cả các tượng thần đều sụp xuống quỳ lạy.

Thời kỳ Makkah (thời điểm không rõ)

NGUỒN Meclisî, Bihâru'l-envâr (Müessesetü'l-Vefâ), c. 17, s. 366 (ebvâbü mu'cizâtih, bâb 4: cemâdât ve nebâtâtın itaati ve konuşması)

## 460. Báo trước kết cục của Utbah, Abu Jahl và Quraish

Da'if (Yếu) LỜI TIÊN TRI VÀ BÁO TRƯỚC

Tại Masjid al-Haram, khi Abu Jahl chế giễu con cháu Abd Manaf: “Đây là vị Nabi của các người”, Utbah bin Rabi'ah nổi giận; Người đến chỗ họ và nói với Utbah rằng cơn giận của ông không phải vì Allah và Thiên Sứ của Ngài mà vì sĩ diện; Người báo cho Abu Jahl rằng sắp có tai họa giáng xuống hắn, hắn sẽ cười ít và khóc nhiều, và báo cho các thủ lĩnh Quraish rằng chẳng bao lâu nữa họ sẽ phải bước vào điều họ không ưa (Islam) dù không muốn.

Lời tiên tri: thời kỳ Makkah (năm 610–622 CN); Ứng nghiệm: Badr, năm 2 H (Abu Jahl) và chinh phục Makkah, năm 8 H (các thủ lĩnh Quraish theo Islam)

NGUỒN N. İçel, Hz. Muhammed'in (sas) Mucizeleri -1 (2023), "Müşriklerin Peygamberimiz Aleyhisselâm Yüzünden Birbirleriyle Tartışmaları ve Efendimizin Onların Âkibetlerini Haber Verişi" (kitabın dipnotu: Beyhakî, Delâil, c:2, s:284)

## 461. Những lời Người nói với Abu Sufyan và Abu Jahl

Da'if (Yếu) LỜI TIÊN TRI VÀ BÁO TRƯỚC

Một ngày khác, khi Abu Jahl chế giễu Abu Sufyan: “Hỡi con cháu Abd Shams, đây là vị Nabi của các người”, Người đến chỗ họ, nói rằng Abu Sufyan nổi giận không phải vì Allah và Thiên Sứ của Ngài mà vì tình máu mủ, rồi nói với Abu Jahl: “Hỡi cha của al-Hakam, ngươi cũng sẽ cười rất ít và khóc rất nhiều.”

Lời tiên tri: thời kỳ Makkah (năm 610–622 CN); Ứng nghiệm: Badr, năm 2 H (624 CN)

NGUỒN N. İçel, Hz. Muhammed'in (sas) Mucizeleri -1 (2023), "Müşriklerin Peygamberimiz Aleyhisselâm Yüzünden Birbirleriyle Tartışmaları ve Efendimizin Onların Âkibetlerini Haber Verişi" (kitabın dipnotu: Beyhakî, Delâil, c:2, s:284)

## 462. Lời cầu xin và tin mừng về tri thức cho Ibn Mas'ud

Hasan (Tốt) LỜI TIÊN TRI VÀ BÁO TRƯỚC

Người xoa đầu chàng trai trẻ Abdullah bin Mas'ud, người xin Người dạy Qur'an, và nói: “Cầu Allah thương xót ngươi, ban phúc cho điều ngươi muốn học; ngươi sẽ là một chàng trai được dạy dỗ, rất uyên bác”; Ibn Mas'ud đã học thuộc bảy mươi chương trực tiếp từ miệng Người.

Thời kỳ Makkah (khoảng năm 610–613 CN)

NGUỒN N. İçel, Hz. Muhammed'in (sas) Mucizeleri -2 (2023), "MU'CİZELERİNDEN BİRİSİ DE BEREKETE DÂİRDİR" (kitabın dipnotu: İbn Sa'd, Tabakât, c:3, s:151; İbn Esir, Usdu'l-gabe, c:3, s:385); Kütüb-i Sitte: Buhârî, Fezâilü'l-Kur'ân 8; Müslim, Fezâilü's-sahâbe 114 (2462) (yalnız 'yetmiş küsur sûreyi Resûlullah'ın ağzından aldım' kısmı; bu lafız Canan'da bulunamadı, aynı bâbın İbn Mes'ûd rivayeti: İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 4442, c./s. 12/514)

# 14 · Thời kỳ Makkah (năm 610–622 CN): tác động của Qur'an; lời chứng của Người Kinh Sách, Jinn và những tiếng nói vô hình

## 463. Giấc mơ của Abu Bakr và lời báo của tu sĩ

Da'if (Yếu) LỜI TIÊN TRI VÀ BÁO TRƯỚC

Giấc mơ Abu Bakr thấy trước khi theo Islam / tin tức mà vị tu sĩ báo cho ông.

Khoảng năm 610 CN

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.1 s.496; web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 50

## 464. Lời Talhah bin Ubaydullah nghe từ tu sĩ ở Busra

Da'if (Yếu) LỜI TIÊN TRI VÀ BÁO TRƯỚC

Ở chợ phiên Busra, Talhah bin Ubaydullah nghe một tu sĩ hỏi: “Ahmad đã xuất hiện chưa?”

Khoảng năm 610 CN

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.1 s.496; web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 166; ayrıca: İbnü'l-Cevzî, el-Vefâ, s. 50; Râvendî, el-Harâic, c. 1, s. 125-126; İbn Şehrâşûb, Menâkıb, c. 1, s. 23

## 465. Giấc mơ về hố lửa của Khalid bin Sa'id

Da'if (Yếu) LỜI TIÊN TRI VÀ BÁO TRƯỚC

Khalid bin Sa'id thấy trong mơ mình được Thiên Sứ của Allah ﷺ cứu khỏi rơi xuống hố lửa.

Khoảng năm 610–613 CN

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.1 s.496; web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 204

## 466. Sự bất lực của các bậc thầy ngôn từ Quraish trước Qur'an

Sahih (Xác thực) PHÉP MÀU CỦA QUR'AN

Những bậc thầy ngôn từ của Quraish (al-Walid bin al-Mughirah v.v.) thừa nhận sự bất lực của mình trước Qur'an.

Khoảng năm 613–615 CN

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.1 s.538; 1000 Mucize no.499 (s.494); web: Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, i'câzü'l-Kur'ân fasılları; ayrıca: N. İçel, Hz. Muhammed'in (sas) Mucizeleri -1 (2023), "Velid b. Mugîre'nin Kur'ân-ı Kerîm Karşısında Hayranlığı" (kitabın dipnotu: Nahl: 90 / Taberî, Tefsir, c. 29, s. 156; Kurtûbî, Tefsir, c. 10, s. 165;Beyhakî, Delâil, c. 2, s. 189)

## 467. Najashi nghe chương Maryam và xác nhận

Hasan (Tốt) PHÉP MÀU CỦA QUR'AN

Ở Abyssinia, Najashi nghe chương Maryam và xác nhận sứ mạng Nabi của Người.

Năm 615–616 CN

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.1 s.641; 1000 Mucize no.502 (s.502); web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 247-248; ayrıca: Râvendî, el-Harâic, c. 1, s. 133-134; ayrıca: N. İçel, Hz. Muhammed'in (sas) Mucizeleri -1 (2023), "MU'CİZELER PEYGAMBERLERİN TEBLİĞİNE VESİLEDİR"; Kütüb-i Sitte: Ebu Davud, Cenaiz 62, (3205) [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 5560, c./s. 15/378]

## 468. Một nhóm Jinn nghe Qur'an và tin theo

**Sahih (Xác thực)** PHÉP MÀU CỦA QUR'AN

Một nhóm Jinn nghe Qur'an và tin theo.

Khoảng năm 620 CN (trên đường từ Ta'if về, Nakhlah)

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.1 s.572; web: Ebû Nuaym el-İsfahânî, Delâilü'n-nübüvve, 17. fasıl, no. 259; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 228; ayrıca: Râvendî, el-Harâic, c. 3, s. 918; Meclisî, Bihâru'l-envâr, c. 17, s. 257-258; c. 18, s. 77-80, 90; İbn Şehrâşûb, Menâkıb, c. 1, s. 44-45; Tabersî, el-İhticâc, c. 1, s. 330; ayrıca: N. İçel, Hz. Muhammed'in (sas) Mucizeleri -1 (2023), "HZ. MUHAMMED ALEYHİSSELÂM'IN EN BÜYÜK VE EN DEVAMLI MU'CİZESİ KUR'ÂN-I KERÎM'DİR" (kitabın dipnotu: Cin:1-2); "Peygamberimiz aleyhisselâmdan Kur'an Dinleyen Cinlerin İman Etmeleri" (kitabın dipnotu: İbn İshak, İbn Hişam, Sîre, c:2 , s:63 / Ahkâf: 29-32); Kütüb-i Sitte: Buharî, Menakıbu'l-Ensar 32; Müslim, Salat 153, (450) [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 5589, c./s. 15/441]

## 469. Cái cây báo rằng loài Jinn đã nghe Qur'an

**Sahih (Xác thực)** PHÉP MÀU LIÊN QUAN ĐẾN THIÊN NHIÊN

Một cái cây báo cho Người biết loài Jinn đã đến Nakhlah nghe Qur'an.

Khoảng năm 620 CN

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.1 s.572; 19. Mektup listesi (183.txt) no.157; 1000 Mucize no.156 (s.136); web: Ebû Nuaym el-İsfahânî, Delâilü'n-nübüvve, 17. fasıl, no. 254; Said Nursî, Mektubat, 19. Mektup, 9. İşaret, 7. misal; Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 16. fasıl; Questions on Islam, "Miracles Concerning Trees"; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 228; ayrıca: İbnü'l-Cevzî, el-Vefâ, s. 301; Kütüb-i Sitte: Buharî, Menakıbu'l-Ensar 32; Müslim, Salat 153, (450) [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 5589, c./s. 15/441]

## 470. Đêm của loài Jinn và Qur'an được đọc ở al-Hajun

**Sahih (Xác thực)** PHÉP MÀU CỦA QUR'AN

Đêm của loài Jinn: Người đến với phái đoàn Jinn ở al-Hajun và đọc Qur'an cho họ; Ibn Mas'ud chờ bên trong vòng tròn mà Người vẽ.

Khoảng năm 620–621 CN

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.1 s.572; web: Heysemî, Mecmau'z-zevâid, K. Alâmâti'n-nübüvve, bâbü kudûmi vefdi'l-cin, no 14143-14145; Ebû Nuaym el-İsfahânî, Delâilü'n-nübüvve, 17. fasıl, no. 260-261; Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 27. fasıl; Questions on Islam, "Miracles concerning Angels and Jinn"; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 228; c. 1, s. 229-231; ayrıca: Meclisî, Bihâru'l-envâr, c. 18, s. 78, 82, 90; Kütüb-i Sitte: Tirmizî, Emsâl 1, (2865) [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 4355, c./s. 12/397-398]

## 471. Lời Takbir và tuyên xưng tính duy nhất của Iyas bin Mu'adh lúc lâm chung

**Hasan (Tốt)** DẤU HIỆU TRONG CUỘC ĐỜI CỦA NABI

Bộ tộc của Iyas bin Mu'adh nói: “Lúc ông ấy lâm chung, chúng tôi nghe ông ấy hô Takbir và tuyên xưng La ilaha illallah.”

Khoảng năm 620 CN

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.2 s.97

## 472. Tiếng nói vô hình nghe từ núi Abu Qubays

**Da'if (Yếu)** LỜI TIÊN TRI VÀ BÁO TRƯỚC

Trong những ngày Người trình bày mình với các bộ tộc, từ núi Abu Qubays vang lên một tiếng nói báo trước sự giúp đỡ của Sa'd bin Mu'adh và Sa'd bin Ubadah.

Khoảng năm 620–622 CN

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.2 s.107; web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 308; ayrıca: Meclisî, Bihâru'l-envâr, c. 18, s. 91-92; İbn Şehrâşûb, Menâkıb, c. 1, s. 76

---

## 473. Tariq bin Abdullah và gương mặt phúc hậu đáng tin cậy

**Sahih (Xác thực)** DẤU HIỆU TRONG CUỘC ĐỜI CỦA NABI

Tariq bin Abdullah, người đã thấy người chú Abd al-Uzza ném đá Người ở chợ phiên Dhul-Majaz; sau Hijrah, khi đoàn của ông từ Rabadhah đến Madinah, Người mua một con lạc đà của họ, hẹn trả tiền sau rồi dắt đi; người phụ nữ trong đoàn đứng ra bảo lãnh: "Gương mặt người ấy như trăng rằm, người ấy không phản bội", và chà là đã được gửi đến đầy đủ (quyển sách xem việc lòng người cảm mến Người là một phép màu).

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ (lần gặp đầu tiên: chợ phiên Dhul-Majaz thời kỳ Makkah)

NGUỒN 1000 Mucize no.275 (s.252)

---

## 474. Addas hôn tay chân Nabi ﷺ

**Da'if (Yếu)** DẤU HIỆU TRONG CUỘC ĐỜI CỦA NABI

Trên đường từ Ta'if về, trong vườn nho của Utbah và Shaybah bin Rabi'ah, Người nói với Addas, nô lệ Kitô giáo người Nineveh mang nho đến cho Người, rằng quê ông là "xứ của người đức hạnh Yunus bin Matta" và Yunus cũng là một vị Nabi như Người; Addas hôn đầu, tay và chân Người.

Chuyến đi Ta'if, khoảng năm thứ 10 của sứ mạng (619–620 CN)

NGUỒN 1000 Mucize no.372 (s.361); web: Ebû Nuaym el-İsfahânî, Delâilü'n-nübüvve, 16. fasıl, no. 221; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 300-301; ayrıca: Meclisî, Bihâru'l-envâr, c. 18, s. 76-77; İbn Şehrâşûb, Menâkıb, c. 1, s. 61-62

---

## 475. Những cuộc cải đạo nổi tiếng khi Qur'an chinh phục lòng người

**Hasan (Tốt)** PHÉP MÀU CỦA QUR'AN

Tác động của Qur'an thấm vào lòng người: Umar theo Islam khi nghe chương Taha, Najashi khi nghe phần đầu chương Maryam; at-Tufayl bin Amr ad-Dawsi nghe những câu kinh từ Nabi ﷺ, tin theo và kêu gọi bộ tộc mình đến với Islam.

Thời kỳ Makkah (khoảng năm 615–622 CN)

NGUỒN 1000 Mucize no.498 (s.493); ayrıca: N. İçel, Hz. Muhammed'in (sas) Mucizeleri -2 (2023), "Tufeyl b. Amr'ın Müslüman Oluşu ve Efendimiz Aleyhisselâmın dua mucizesi" (kitabın dipnotu: İbn Sa'd, Tabakât, c:4, c:237-239; İbn İshak- İbn Hişam, Sire, c:2, s:22; Ebu'l-Fidâ, Nihâye, c:3, s:98; Zehebî, Siyer, c:1, s:248-249.)

---

## 476. Các thủ lĩnh Quraish lén nghe Qur'an

**Da'if (Yếu)** PHÉP MÀU CỦA QUR'AN

Abu Sufyan bin Harb, Abu Jahl và al-Akhnas bin Shariq ba đêm liền, mà không ai biết ai, nấp quanh nhà Người và nghe Người đọc Qur'an trong lễ nguyện ban đêm cho đến sáng; gặp nhau trên đường, chúng trách móc nhau và cuối cùng thề với nhau không bao giờ đến nữa.

Thời kỳ Makkah (năm 610–622 CN)

NGUỒN 1000 Mucize no.500 (s.496); web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 192; ayrıca: N. İçel, Hz. Muhammed'in (sas) Mucizeleri -1 (2023), "Üç Müşrikin Üç Gece Peygamberimiz aleyhisselâmın Evinde Okuduğu Kur'ân-ı Kerîm'i Dışarıdan Dinlemeleri" (kitabın dipnotu: İbn İshak, İbn Hişam, Sîre, c:1, s:337-338; Taberî, Târih, c:2, s:218-219; Zehebî, Târîhu'l-İslâm, s:160-161)

---

## 477. Utbah bin Rabi'ah rúng động trước chương Fussilat

**Hasan (Tốt)** PHÉP MÀU CỦA QUR'AN

Người đọc phần đầu chương Fussilat ở Masjid al-Haram cho Utbah bin Rabi'ah, người thay mặt Quraish đề nghị cho Người của cải, quyền lãnh đạo và vương quyền; Utbah run rẩy trở về với sắc mặt thay đổi và nói: “Đây không phải thơ, không phải bùa phép, không phải lời bói toán; hãy để mặc người ấy.”

Thời kỳ Makkah, sau khi Hamzah theo Islam (khoảng năm 615–616 CN)

NGUỒN 1000 Mucize no.501 (s.498); web: Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, i'câzü'l-Kur'ân fasılları; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 190-192; ayrıca: İbnü'l-Cevzî, el-Vefâ, s. 268

---

## 478. Dimad al-Azdi theo Islam nhờ bài thuyết giảng mở đầu

**Sahih (Xác thực)** DẤU HIỆU TRONG CUỘC ĐỜI CỦA NABI

Người đọc bài thuyết giảng mở đầu (khutbat al-hajah: những câu ca ngợi và chứng nhận) cho Dimad, thầy trừ tà thuộc bộ tộc Azd, người đến chữa cho Người vì tưởng Người “điên”; Dimad xin Người đọc lại và nói: “Tôi đã nghe lời của thầy bói, của phù thủy và của nhà thơ, nhưng chưa từng nghe lời nào như thế này”, rồi tuyên thệ trung thành và theo Islam.

Thời kỳ Makkah (năm 610–622 CN)

NGUỒN 1000 Mucize no.914 (s.754); web: Mişkâtü'l-Mesâbîh, Fezâil, alâmâtü'n-nübüvve, no. 5860; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 224; Kütüb-i Sitte: Müslim 868

---

## 479. Giấc mơ của Sawdah bint Zam'ah và cuộc hôn nhân của bà

**Da'if (Yếu)** LỜI TIÊN TRI VÀ BÁO TRƯỚC

Khi còn là vợ của as-Sakran bin Amr, Sawdah bint Zam'ah mơ thấy Nabi ﷺ đến đặt chân lên cổ bà, và đêm hôm sau thấy mặt trăng từ trời rơi xuống người bà; chồng bà giải rằng ông sẽ chết và Sawdah sẽ lấy Nabi ﷺ; ngay hôm đó ông bị bệnh rồi chết, và Nabi ﷺ đã cưới Sawdah.

Thời kỳ Makkah, khoảng năm 620 CN

NGUỒN 1000 Mucize no.996 (s.812); web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 299

---

## 480. Unays làm chứng rằng Qur'an không phải là thơ

**Sahih (Xác thực)** PHÉP MÀU CỦA QUR'AN

Unays, người em nhà thơ của Abu Dharr, đến Makkah nghe Người rồi nói: “Tôi đã đem lời của người ấy đặt vào mọi thể thơ, không hợp với thể nào; người ấy nói thật, còn họ là những kẻ nói dối”, và làm chứng rằng Qur'an không phải là thơ.

Thời kỳ Makkah (khoảng năm 612–615 CN)

NGUỒN Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, i'câzü'l-Kur'ân fasılları

## 481. Câu hỏi của Ibn Salam và chương al-Ikhlas

Da'if (Yếu) PHÉP MÀU CỦA QUR'AN

Abdullah bin Salam đến Makkah, để thử Người, ông nói: “Hãy cho biết dòng dõi của Thượng Đế của ngài”; Jibril mang chương al-Ikhlas đến; Ibn Salam nói: “Tôi thấy đặc điểm của ngài trong kinh sách của Allah”, và đọc lời chứng nhận đức tin.

Thời kỳ Makkah (năm 610–622 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 19 (Tevrat ve İncil'de anılması bâbı)

## 482. Giáo sĩ Yathrib xác nhận đặc điểm của Nabi ﷺ

Da'if (Yếu) LỜI TIÊN TRI VÀ BÁO TRƯỚC

Quraish cử an-Nadr bin al-Harith và Uqbah bin Abi Mu'ayt đến hỏi người Do Thái ở Yathrib; một giáo sĩ nghe các đặc điểm của Người và việc những người yếu thế đi theo Người, liền cười và nói: “Đây là vị Nabi mà chúng tôi thấy đặc điểm; dân của người ấy là những kẻ thù địch người ấy nhất.”

Thời kỳ Makkah (khoảng năm 615–620 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 30 (Tevrat ve İncil'de anılması bâbı)

## 483. Các Thiên Thần mô tả Nabi ﷺ bên cạnh Ibn Mas'ud

Sahih (Xác thực) DẤU HIỆU TRONG CUỘC ĐỜI CỦA NABI

Người cho Ibn Mas'ud chờ bên trong đường vạch Người vẽ; sau đó khi Người ngủ, các Thiên Thần đến bên Người, mô tả Người bằng hình ảnh một vị chúa xây lâu đài và mở tiệc chiêu đãi, và nói: “Mắt người ấy ngủ nhưng tim người ấy thức” (do Abu Uthman an-Nahdi thuật lại).

Thời kỳ Makkah, đêm của loài Jinn (khoảng năm 620–621 CN)

NGUỒN Dârimî, Sünen, Mukaddime, no. 12

## 484. Maysarah bin Masruq theo Islam và lời làm chứng của người Do Thái

Da'if (Yếu) LỜI TIÊN TRI VÀ BÁO TRƯỚC

Khi Người kêu gọi Banu Abs ở Mina, Maysarah bin Masruq nói: “Việc của người này nhất định sẽ thắng thế”; người Do Thái ở Fadak đã đọc cho họ từ kinh sách các đặc điểm của vị Nabi mù chữ và bảo họ đi theo người ấy; Maysarah đến trong Hajj Từ Biệt và theo Islam.

Lời kêu gọi: khoảng năm 620 CN; Theo Islam: năm 10 H

NGUỒN Ebû Nuaym el-İsfahânî, Delâilü'n-nübüvve, 16. fasıl (müşriklerle arasında geçenler), no. 220

## 485. Bộ tộc Kindah ở Ukaz và đức tin của một người Do Thái

Da'if (Yếu) LỜI TIÊN TRI VÀ BÁO TRƯỚC

Ở Ukaz, khi bộ tộc Kindah từ chối lời kêu gọi, một chàng trai trong số họ nói: “Người Kinh Sách nói rằng một vị Nabi sẽ xuất hiện từ đất thánh”; một người Do Thái cũng nói: “Các người đã sai lầm; người ấy chính là vị Nabi mà kinh sách chúng tôi ghi rằng sẽ xuất hiện ở Makkah và di cư đến Yathrib”, rồi ông ta chết trong niềm tin vào Người.

Khoảng năm 620 CN

NGUỒN Ebû Nuaym el-İsfahânî, Delâilü'n-nübüvve, 16. fasıl (müşriklerle arasında geçenler), no. 222

---

## 486. Đức tin của sáu người Khazraj ở Aqabah

Da'if (Yếu) LỜI TIÊN TRI VÀ BÁO TRƯỚC

Sáu người thuộc Khazraj mà Người gặp ở Aqabah (As'ad bin Zurarah, Awf bin al-Harith, Rafi' bin Malik, Qutbah bin Amir, Uqbah bin Amir, Jabir bin Abdullah) nhớ lại lời đe dọa của người Do Thái: "Chúng ta sẽ cùng vị Nabi sắp xuất hiện giết các người như dân Ad và Iram", liền nói: "Đây là vị Nabi mà người Do Thái dùng để dọa các anh, đừng để họ đi trước các anh", và tin theo.

Năm 620 CN (năm thứ 11 của sứ mạng Nabi)

NGUỒN Ebû Nuaym el-İsfahânî, Delâilü'n-nübüvve, 16. fasıl (müşriklerle arasında geçenler), no. 223

---

## 487. Ước nguyện của Najashi về Nabi của chúng ta ﷺ

Hasan (Tốt) DẤU HIỆU TRONG CUỘC ĐỜI CỦA NABI

Najashi của Abyssinia nói: "Ước gì thay vì vương quyền này, tôi được làm người hầu của Muhammad."

Khoảng năm 615–616 CN

NGUỒN Questions on Islam, "Glad Tidings..."

---

## 488. Tiếng nói vô hình gọi Ziyab bin al-Harith

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Một tiếng nói vô hình gọi Ziyab bin al-Harith: "Muhammad đã được cử phái với kinh sách, người ấy kêu gọi ở Makkah nhưng không ai đáp lại", và ông theo Islam.

Thời kỳ Makkah (năm 610–622 CN)

NGUỒN Questions on Islam, "Glad Tidings..."

---

## 489. Tiếng nói vô hình gọi Sami'ah bin Qirrah

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Một tiếng nói vô hình gọi Sami'ah bin Qirrah al-Ghatafani: "Chân lý đã đến, đã tỏa sáng; điều giả dối đã sụp đổ", và một số người đã tin theo.

Thời kỳ Makkah (năm 610–622 CN)

NGUỒN Questions on Islam, "Glad Tidings..."

---

## 490. Hình vẽ Nabi của chúng ta ﷺ và Abu Bakr trong tu viện ở Busra

Da'if (Yếu) LỜI TIÊN TRI VÀ BÁO TRƯỚC

Vào buổi đầu sứ mạng, khi Jubayr bin Mut'im đến Busra buôn bán, những người Kitô giáo đưa ông vào một tu viện, cho ông xem giữa các bức họa có hình của Nabi ﷺ và hình Abu Bakr đang nắm gót chân Người, và nói: "Đây là vị Nabi cuối cùng, còn đây là Khalifah sau người ấy."

Busra, khoảng năm 610–615 CN

NGUỒN Heysemî, Mecmau'z-zevâid, K. Alâmâti'n-nübüvve, no 13889-13890 (8/233-234)

## 491. Lời tiên đoán của giáo sĩ Do Thái và cuộc chinh phục Makkah

Da'if (Yếu) LỜI TIÊN TRI VÀ BÁO TRƯỚC

Khi Abbas cùng Abu Sufyan đi buôn ở Yemen, một giáo sĩ Do Thái hỏi ông rằng cháu ông có tự tay viết chữ không; nghe trả lời "Không viết", ông ta nhảy dựng lên nói: "Người Do Thái đã bị tàn sát rồi"; Abu Sufyan nói: "Nếu là thật thì kỵ binh sẽ xuất hiện từ Kada'"; khi chinh phục Makkah, thấy kỵ binh xuất hiện từ Kada', Abbas nhắc lại lời ấy với ông ta.

Sự việc: khoảng năm 610–613 CN (Yemen); Ứng nghiệm: năm 8 H (chinh phục Makkah)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 166-167 (Bi'seti sırasında görülen âyetler)

## 492. Bài thơ của ông già từ trên núi gửi Habis bin Daghnah

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Theo lời Adi bin Hatim, một ông già trông như chim đại bàng từ trên núi xuống thung lũng đọc thơ với Habis bin Daghnah: "Hỡi Habis, đừng để những lời xúi giục lôi kéo; đây là ánh sáng của ngọn lửa trong tay người nhóm lửa, hãy hướng về chân lý", và Habis đã hướng về Islam.

Thời kỳ Makkah/Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 177 (Bi'seti sırasında kâhinlerden ve seslerden (hâtif) işitilenler)

## 493. Bakr bin Jabalah nghe tiếng nói từ trong tượng thần

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Khi Bakr bin Jabalah đang giết tế bên một tượng thần, ông nghe từ trong tượng vang lên: "Hỡi Bakr bin Jabalah, các ngươi có biết Muhammad không?"

Thời kỳ Makkah/Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 181 (Bi'seti sırasında kâhinlerden ve seslerden (hâtif) işitilenler)

## 494. Lời thú nhận của al-Walid bin al-Mughirah trước Qur'an

Sahih (Xác thực) PHÉP MÀU CỦA QUR'AN

Bậc thầy ngôn từ của Quraish là al-Walid bin al-Mughirah mềm lòng khi nghe Qur'an từ Người; dù bị Abu Jahl kích động, hắn vẫn nói: "Ta là người hiểu rõ nhất về thơ, về thể rajaz, về thể qasidah và thơ của loài Jinn; điều này không giống thứ nào trong số đó. Nó có một vị ngọt, trên nó có một vẻ đẹp; phần trên đầy trái, phần dưới đầy phúc lộc; nó vượt lên trên, không gì vượt được nó"; trước mùa Hajj, hắn nói với Quraish rằng người ấy "không phải thầy bói, không phải kẻ điên, không phải nhà thơ", và cuối cùng đề nghị gọi đó là "bùa phép"; về hắn, chương al-Muddaththir câu 11–26 được mặc khải.

Thời kỳ Makkah (khoảng năm 613–616 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 188-190 (Kur'an'ın i'câzı)

## 495. Lời thú nhận của an-Nadr bin al-Harith với Quraish

Da'if (Yếu) DẤU HIỆU TRONG CUỘC ĐỜI CỦA NABI

An-Nadr bin al-Harith, một trong những Shaytan của Quraish, thú nhận với dân mình: “Muhammad từng là chàng trai được các người quý mến nhất, nói thật nhất, đáng tin nhất trong các người; khi tóc người ấy đã điểm bạc và mang đến điều này, các người lại gọi là ‘phù thủy, thầy bói, nhà thơ, kẻ điên’. Thề bởi Allah, người ấy không phải là bất cứ điều nào trong số đó; một việc lớn đã đến với các người.”

Thời kỳ Makkah (khoảng năm 613–619 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 190 (Kur'an'ın i'câzı)

---

## 496. Lời làm chứng của As'ad bin Zurarah về Qur'an

**Da'if (Yếu)** PHÉP MÀU CỦA QUR'AN

Vào ngày Aqabah, As'ad bin Zurarah nói với Abbas: “Lời người ấy nói không giống lời của con người; ai nghe cũng hiểu đó là chân lý”, làm chứng rằng Qur'an không phải lời của con người.

Lời thề trung thành Aqabah (khoảng năm 621–622 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 193 (Kur'an'ın i'câzı)

---

## 497. Amr bin al-Jamuh thán phục chương al-Fatihah

**Da'if (Yếu)** PHÉP MÀU CỦA QUR'AN

Amr bin al-Jamuh nghe con trai mình, một trong những chàng trai Banu Salimah đã theo Islam, đọc chương al-Fatihah thì thán phục: “Lời thật hay! Tất cả đều như thế này sao?”

Khoảng năm 621–622 CN (Madinah trước Hijrah)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 193 (Kur'an'ın i'câzı)

---

## 498. Qays bin Nushbah nghe Qur'an và theo Islam

**Da'if (Yếu)** PHÉP MÀU CỦA QUR'AN

Qays bin Nushbah thuộc Banu Sulaym đến nghe Người rồi nói với dân mình: “Tôi đã nghe lời phiên dịch của người La Mã, tiếng thì thầm của người Ba Tư, thơ của người Ả Rập, lời tiên đoán của các thầy bói và lời kể của những người kể chuyện Himyar; lời của Muhammad không giống thứ nào trong số đó; hãy đi theo người ấy”, và ông theo Islam.

Thời kỳ Madinah (khoảng năm 5–8 H)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 193 (Kur'an'ın i'câzı)

---

## 499. Tin mừng từ người dì thầy bói của Uthman

**Da'if (Yếu)** LỜI TIÊN TRI VÀ BÁO TRƯỚC

Người dì là nữ thầy bói của Uthman, vào đêm Ruqayyah được gả cho ông, đã báo tin mừng bằng thơ và cho biết về sứ mạng Nabi của Người: “Muhammad bin Abdullah là sứ giả của Allah; Jibril mang mặc khải đến cho người ấy”; vì thế Uthman đã theo Islam.

Thời kỳ Makkah, những năm đầu sứ mạng (khoảng năm 610–611 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 218 (Osman b. Affân'ın İslâm'ındaki âyetler bâbı)

## 500. Umar nghe chương al-Haqqah

Da'if (Yếu) PHÉP MÀU CỦA QUR'AN

Trước khi theo Islam, Umar theo dõi Người ở Masjid al-Haram; khi nghe Người đọc chương al-Haqqah, ông nghĩ thầm "nhà thơ" rồi "thầy bói"; ngay lúc đó những câu kinh Người đọc đáp lại: "Đó không phải lời của một nhà thơ… cũng không phải lời của một thầy bói", và Islam bén rễ trong tim ông.

Thời kỳ Makkah (khoảng năm 615–616 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 221 (Ömer b. Hattâb'ın İslâm'ındaki âyetler bâbı)

## 501. Một tu sĩ cho al-Ashajj biết các dấu hiệu của Nabi của chúng ta ﷺ

Da'if (Yếu) LỜI TIÊN TRI VÀ BÁO TRƯỚC

Một tu sĩ là bạn của al-Ashajj thuộc Abd al-Qays, trước khi chết, đã báo trước vị Nabi sẽ xuất hiện ở Makkah (nhận quà, không ăn của bố thí, giữa hai vai có dấu hiệu); người cháu mà al-Ashajj cử đi là Amr bin Abd al-Qays thấy những dấu hiệu ấy nơi Người và theo Islam.

Thời kỳ Makkah (năm 610–622 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 224 (Dımâd'ın İslâm'ı bâbı (devamı))

## 502. Mũi tên bói của Rifa'ah bin Rafi' và đức tin của ông

Sahih (Xác thực) LỜI TIÊN TRI VÀ BÁO TRƯỚC

Người trình bày Islam cho Rifa'ah bin Rafi', người đến Makkah, và người em họ là Mu'adh bin Afra'; Rifa'ah rút thăm bằng mũi tên bói bảy lần tại Ka'bah, cả bảy lần đều ra mũi tên của Người, nên ông đọc lời chứng nhận đức tin.

Thời kỳ Makkah, trước khi sáu người Ansar theo Islam (khoảng năm 620 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 300 (Rifâa'nın İslâm'ında görülen âyet bâbı)

## 503. Lời đáp từ trời về việc làm sống lại khúc xương mục

Sahih (Xác thực) PHÉP MÀU CỦA QUR'AN

Tương ứng với việc Nabi Ibrahim dùng lý lẽ làm Namrud câm lặng, khi Ubayy bin Khalaf bóp vụn một khúc xương mục và nói: "Ai sẽ làm cho cái này sống lại?", câu trả lời được mặc khải: "Đấng đã tạo ra nó lần đầu sẽ làm cho nó sống lại" (chương Ya-Sin, câu 78–79).

Thời kỳ Makkah (năm 610–622 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 307 (peygamberlere verilen faziletlerin benzerinin veya daha üstününün ona verilmesi (muvâzât))

## 504. Trưởng tu viện xác nhận Nabi ﷺ

Da'if (Yếu) LỜI TIÊN TRI VÀ BÁO TRƯỚC

Lời thuật của Jubayr bin Mut'im: ông bỏ đi để khỏi phải thấy Quraish hành hạ Người và trú trong một tu viện; sau ba ngày được tiếp đãi, vị trưởng tu viện cho ông xem hình vẽ của Người; khi Jubayr nói: "Tôi đoán họ đã giết người

ấy rồi", ông ta nói: "Thề bởi Allah, họ không thể giết người ấy; kẻ nào muốn giết người ấy sẽ bị người ấy giết; người ấy là một vị Nabi, Allah nhất định sẽ làm người ấy thắng thế."

Thời kỳ Makkah (khoảng năm 615–622 CN)

NGUỒN İbnü'l-Cevzî, el-Vefâ bi-ahvâli'l-Mustafâ (thk. M. Abdülkādir Atâ, DKİ 1408/1988), tek cilt, s. 51 (4. bâb: Tevrat ve İncil'de zikri)

---

## 505. Con sói nói chuyện và đức tin của Abu Dharr

Da'if (Yếu) PHÉP MÀU LIÊN QUAN ĐẾN LOÀI VẬT

Khi Abu Dharr chăn cừu ở thung lũng Marr, ông giành lại con cừu bị sói cắp; con sói nói: "Ngươi ngăn bổng lộc Allah ban cho ta sao?", khi Abu Dharr kinh ngạc, nó nói: "Điều đáng kinh ngạc hơn là vị Nabi (ở giữa hai vùng đá đen) báo cho mọi người biết quá khứ và tương lai", và nó bảo đảm: "Tôi sẽ trông đàn cừu của ông"; vì thế Abu Dharr đến Makkah và (nhờ Ja'far, Hamzah và Ali chỉ dẫn) theo Islam.

Thời kỳ Makkah (khoảng năm 611–613 CN)

NGUỒN İbn Şehrâşûb, Menâkıbü Âl-i Ebî Tâlib (Necef 1376/1956 baskısı), c. 1, s. 86-87 (fasl fî kelâmi'l-hayvânât)

---

## 506. Loài Jinn đáp lại chương ar-Rahman thật đẹp

Hasan (Tốt) PHÉP MÀU CỦA QUR'AN

Khi các Sahabah im lặng lúc Người đọc chương ar-Rahman, Người nói: "Loài Jinn đã đáp lại hay hơn các ngươi; mỗi lần ta đọc câu 'Vậy các ngươi phủ nhận ân huệ nào của Thượng Đế các ngươi?', chúng đều nói: 'Lạy Thượng Đế của chúng tôi, chúng tôi không phủ nhận ân huệ nào của Ngài'" (do Jabir thuật lại).

Thời kỳ Makkah (đêm của loài Jinn); lời thuật của Jabir ở Madinah

NGUỒN Meclisî, Bihâru'l-envâr, c. 18, s. 78 (Bâb 9: cinler ve şeytanlar üzerindeki hâkimiyeti, bazı cinlerin imanı)

---

## 507. Đêm của loài Jinn và lời thuật của Ibn Mas'ud

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Một đêm ở Makkah, Người biến mất khiến các Sahabah lo lắng; sáng ra Người từ phía Hira trở về và nói: "Người mời của loài Jinn đã đến, ta đã đi đọc Qur'an cho họ", rồi chỉ cho họ dấu vết của loài Jinn và dấu vết lửa của họ (Alqamah ← Ibn Mas'ud: "Đêm của loài Jinn, không ai trong chúng tôi ở bên Người").

Thời kỳ Makkah (khoảng năm 620–621 CN)

NGUỒN Meclisî, Bihâru'l-envâr, c. 18, s. 80 (Bâb 9: cinler ve şeytanlar üzerindeki hâkimiyeti, bazı cinlerin imanı)

---

## 508. Đức tin và lời thề trung thành của loài Jinn ở Batn Nakhlah

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Tại Batn Nakhlah, chín vị thủ lĩnh của loài Jinn ở Nusaybin và Yemen đến và tin theo, sau đó 71.000 Jinn đến tuyên thệ trung thành với Người về nhịn chay, lễ nguyện, Zakat, Hajj, Jihad và khuyên bảo người Muslim (tương ứng với việc loài Jinn phải phục tùng Nabi Sulayman).

Thời kỳ Makkah (khoảng năm 620 CN)

NGUỒN Meclisî, Bihâru'l-envâr (Müessesetü'l-Vefâ), c. 17, s. 292 (ebvâbü mu'cizâtih, bâb 2: cevâmi'u mu'cizâtihî ve nevâdiruhâ)

## 15 · Isra' và Mi'raj (khoảng năm 621 CN)

### 509. Isra' và Mi'raj

**Sahih (Xác thực)** ISRA' VÀ MI'RAJ

Qur'an cho biết Allah đã đưa bề tôi của Ngài đi trong đêm từ Masjid al-Haram đến Masjid al-Aqsa. Các lời thuật hadith chi tiết mô tả cuộc thăng thiên qua các tầng trời và việc quy định năm lễ nguyện Salah mỗi ngày.

Cuối thời kỳ Makkah, trước Hijrah.

NGUỒN Câu 17:1 (Surat al-Isra); Sahih al-Bukhari 3887

---

### 510. Isra': được đưa đến Masjid al-Aqsa ban đêm

**Sahih (Xác thực)** ISRA' VÀ MI'RAJ

Isra': trong một đêm Người được đưa từ Masjid al-Haram đến Masjid al-Aqsa.

Khoảng năm 621 CN (Isra' và Mi'raj, khoảng 1–1,5 năm trước Hijrah)

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.2 s.13; 1000 Mucize no.3 (s.18); web: Mişkâtü'l-Mesâbîh, Fezâil, bâbü'l-mi'râc, no. 5863; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 252-253); ayrıca: İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî, s. 415, 450; Elshinawy, The Physical Miracles of the Prophet (Yaqeen); IslamHouse, The Miracles of Muhammad; Djamduri–Malinda, Journal of Islamic Education 6/1 (2021); ayrıca: N. İçel, Hz. Muhammed'in (sas) Mucizeleri -2 (2023), "İsrâ ve Mirac Hadisesinin Tarihi + İsrâ ve Mi'racın Ruhen mi, Bedenen mi Vuku Bulduğu Meselesi + İsrâ Hâdisesinin Kur'ân-ı Kerîm'de Açıklanışı + İsrâ ve Mi'rac Mu'cizesi Hâdisesini Rivâyet Eden Erkek ve Kadın Sahabîler + Peygamberimiz Aleyhisselâmın Mekke'ye Dönüşü + Abdulmuttalib Oğullarının Peygamberimiz Aleyhisselâmı Aramaya Çıkışları" (kitabın dipnotu: Ebu'l-Ferec İbn Cevzî, el-Vefa, c:1, s:218-219; İbn Esir, Usdu'l-gâbe, c:1, s:27; İbn Seyyid, Uyûnu'l-eser, c:1, s:148 / Kadı Iyaz, Şifâ, c:1, s:39; Ebu'l-Fidâ, el-Bidâye ve'n-nihâye, c:3, s:114; Kastlânî, Mevâhibu'l-ledünniye, c:2, s:4 / Suyûtî, Hasâisü'l-kübrâ, c:1, s. 447-448; Ahmed b. Hanbel, Müsned, c:6, s:36 / İsra:1 / Suyûtî, Hasâisü'l-kübrâ, c:1, s:378 / İbrı İshak-İbnHişam, Sîre, c:2, s:39,43 / İbn Sa'd, Tabakâtü'l-kübrâ, c:1, s:214); Kütüb-i Sitte: Müslim 162 (satırdaki künye) [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 5570; no. 5571, c./s. 15/407-415]

---

### 511. Ngực được mổ và rửa trong đêm Isra'

**Sahih (Xác thực)** ISRA' VÀ MI'RAJ

Đêm Isra', trần nhà Người nứt ra, ngực Người được mở ra, rửa bằng nước Zamzam và được đổ đầy đức tin và minh triết.

Khoảng năm 621 CN (Isra' và Mi'raj, khoảng 1–1,5 năm trước Hijrah)

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.2 s.13; 1000 Mucize no.2 (s.18); web: Mişkâtü'l-Mesâbîh, Fezâil, bâbü'l-mi'râc, no. 5864; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 111-112); c. 1, s. 254, 273, 275, 284); ayrıca: N. İçel, Hz. Muhammed'in (sas) Mucizeleri -2 (2023), "Peygamberimiz Aleyhisselâm'ın Göğsünün Yarılıp Kalbine İman ve Hikmet Doldurulușu" (kitabın dipnotu: Buhârî, Sahih, c:1, s:91, Müslim, Sahîh, c:1, s:14); Kütüb-i Sitte: Buhârî 349, Müslim 163 (satırdaki künye) [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 5568]

---

### 512. Buraq được mang đến và phục tùng

**Sahih (Xác thực)** ISRA' VÀ MI'RAJ

Buraq được mang đến và phục tùng Người.

Khoảng năm 621 CN (Isra' và Mi'raj, khoảng 1–1,5 năm trước Hijrah)

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.2 s.13; 1000 Mucize no.4 (s.18); web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 258); ayrıca: Râvendî, el-Harâic, c. 1, s. 84-85; ayrıca: N. İçel, Hz. Muhammed'in (sas) Mucizeleri -2 (2023), "Burak'ın Getirilişi ve Peygamberimiz Aleyhisselâmın Ona Bindirilişi"

(kitabın dipnotu: İbn Sa'd, Tabakât, c:1, s:50, 214; Buhârî, c:4, s: 248; Müslim, Sahîh, c:1, s:145; Beyhakî, Delâil, c:2, s:363,396; Taberî, Tefsîr, c:15, s:5; Tirmizi, Sünen, c:5, s:301); Kütüb-i Sitte: Buhârî (satırdaki künye) [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 5568]

---

## 513. Mi'raj: được đưa lên bảy tầng trời

**Sahih (Xác thực)** ISRA' VÀ MI'RAJ

Mi'raj: các cổng trời mở ra và Người được đưa lên bảy tầng trời.

Khoảng năm 621 CN (Isra' và Mi'raj, khoảng 1–1,5 năm trước Hijrah)

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.2 s.28; 1000 Mucize no.1 (s.13), no.5 (s.18); web: Mişkâtü'l-Mesâbîh, Fezâil, bâbü'l-mi'râc, no. 5862; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 252-254, 273-275); ayrıca: Meclisî, Bihâru'l-envâr, c. 17, s. 257, 281, 289-290; WikiShia (Farsça), «Mu'cizât-ı Peygamber» maddesi; ayrıca: N. İçel, Hz. Muhammed'in (sas) Mucizeleri -2 (2023), "Peygamberimiz Aleyhisselâmın Göklere Çıkarılışı ve Orada Bazı Peygamberlerle Karşılaşıp Selâmlaşması" (kitabın dipnotu: İbn Esîr, Kâmil, c:2, s:52; İbn İshak-İbn Hişam, c:2, s:41, 44-45,48; Beyhakî, Delâil, c:2, s:383,391; Buhârî, c:1, s:92,248; C:4,S:248-249; Müslim, c:1, s:145-146,148,152; Ahmed b. Hanbel, Müsned, c:1, s:207,209,257); Kütüb-i Sitte: Buhârî 3887, Müslim 164 (satırdaki künye) [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 5568]

---

## 514. Gặp các vị Nabi và làm Imam cho họ

**Sahih (Xác thực)** ISRA' VÀ MI'RAJ

Trong Mi'raj, Người gặp các vị Nabi và làm Imam dẫn họ dâng lễ nguyện tại Jerusalem.

Khoảng năm 621 CN (Isra' và Mi'raj, khoảng 1–1,5 năm trước Hijrah)

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.2 s.28; 1000 Mucize no.8 (s.18); web: Mişkâtü'l-Mesâbîh, Fezâil, bâbü'l-mi'râc, no. 5866; Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 3. bâb, İsrâ faslı; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 255, 264, 269, 289, 295); c. 1, s. 264-265, 289-290, 294); ayrıca: N. İçel, Hz. Muhammed'in (sas) Mucizeleri -2 (2023), "Peygamberimiz Aleyhisselâmın İmam Olup Peygamberlere Namaz Kıldırışı" (kitabın dipnotu: Nesâî, c:1, s:222; İbn Sa'd, Tabakât, c:1, s:214; Müslim, Sahîh, c:1, s:145; İbn İshak-İbn Hişam, c. 2, s. 39; İbn Esîr, Kâmil, c:2, s:52); "Peygamberimiz Aleyhisselâmın Göklere Çıkarılışı ve Orada Bazı Peygamberlerle Karşılaşıp Selâmlaşması" (kitabın dipnotu: İbn Esîr, Kâmil, c:2, s:52; İbn İshak-İbn Hişam, c:2, s:41, 44-45,48; Beyhakî, Delâil, c:2, s:383,391; Buhârî, c:1, s:92,248; C:4,S:248-249; Müslim, c:1, s:145-146,148,152; Ahmed b. Hanbel, Müsned, c:1, s:207,209,257); Kütüb-i Sitte: Müslim 172; Nesâî 450 (satırdaki künye) [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 5568]

---

## 515. Gặp các Thiên Thần và Thiên Thần Chết trong Mi'raj

**Sahih (Xác thực)** ISRA' VÀ MI'RAJ

Trong Mi'raj, Người nói chuyện với các Thiên Thần, kể cả Thiên Thần Chết.

Khoảng năm 621 CN (Isra' và Mi'raj, khoảng 1–1,5 năm trước Hijrah)

NGUỒN 1000 Mucize no.9 (s.18); Kütüb-i Sitte: Buhârî (satırdaki künye) [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 5568]

---

## 516. Chứng kiến hình phạt Hỏa Ngục trong Mi'raj

**Sahih (Xác thực)** ISRA' VÀ MI'RAJ

Trong Mi'raj, Người thấy nhiều cảnh hình phạt của Hỏa Ngục.

Khoảng năm 621 CN (Isra' và Mi'raj, khoảng 1–1,5 năm trước Hijrah)

NGUỒN 1000 Mucize no.6 (s.18); ayrıca: N. İçel, Hz. Muhammed'in (sas) Mucizeleri -2 (2023), "Peygamberimiz Aleyhisselâma Cehennemin Gösterilişi" (kitabın dipnotu: İbn İshak-İbn Hişam, Sîre, c:2, s:45-46; İbn Esîr, Kâmil, c:2, s:55; Buhârî, Sahîh, c:5, s:190; Ebu'l-Fidâ, Nihâye, c:3, s:111); Kütüb-i Sitte: Ebû Dâvud, Edeb 40, (4878, 4879); İbn Mâce 2273 [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 4323, c./s. 12/313; no. 6692]

## 517. Thấy những ân phúc của Thiên Đàng trong Mi'raj

**Sahih (Xác thực)** ISRA' VÀ MI'RAJ

Trong Mi'raj, Người thấy những ân phúc của Thiên Đàng (al-Kawthar v.v.).

Khoảng năm 621 CN (Isra' và Mi'raj, khoảng 1–1,5 năm trước Hijrah)

NGUỒN 1000 Mucize no.7 (s.18); web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 254, 256, 260); ayrıca: N. İçel, Hz. Muhammed'in (sas) Mucizeleri -2 (2023), "Mirac Gecesinde Peygamberimiz Aleyhisselâmın Cennete Götürülüşü" (kitabın dipnotu: Al-i İmran: 133 / Buhârî, Sahih, c:1, s: 93; c:6, s:92; Müslim, Sahih, c:1, s:149; İbn Esîr, Kâmil, c: 2, s:55;); Kütüb-i Sitte: Buhârî (satırdaki künye) [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 5568]

## 518. Chứng kiến những cảnh giới vô hình

**Sahih (Xác thực)** ISRA' VÀ MI'RAJ

Người chứng kiến những cảnh giới vô hình (al-Bayt al-Ma'mur, Sidrat al-Muntaha).

Khoảng năm 621 CN (Isra' và Mi'raj, khoảng 1–1,5 năm trước Hijrah)

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.2 s.28; 1000 Mucize no.10 (s.18); web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 253, 274); ayrıca: Râvendî, el-Harâic, c. 3, s. 904; 917; ayrıca: N. İçel, Hz. Muhammed'in (sas) Mucizeleri -2 (2023), "Peygamberimiz Aleyhisselâmın Göklere Çıkarılışı ve Orada Bazı Peygamberlerle Karşılaşıp Selâmlaşması" (kitabın dipnotu: İbn Esîr, Kâmil, c:2, s:52; İbn İshak-İbn Hişam, c:2, s:41, 44-45,48; Beyhakî, Delâil, c:2, s:383,391; Buhârî, c:1, s:92,248; C:4,S:248-249; Müslim, c:1, s:145-146,148,152; Ahmed b. Hanbel, Müsned, c:1, s:207,209,257); "Sidretü'l-Müntehâ'ya Yükseliş" (kitabın dipnotu: Buhârî, Sahîh, c:1, s:93; c: 8, s:24; c:4, s:249; Ahmed b. Hanbel, c:4, s:207-209, c:1, s:367; c:3, s:128, c:5, s:144; Bedrüddin Aynî, Umdetu'l-Kârî, c:4, s:45; İbn Ebi Şeybe, Musannef, c:14, s:304,309; Tirmizî, Sünen, c:5, s. 397); "Kur'ân-ı Kerîm'in Mirac Hakkındaki Açıklaması + Cennetü'l-Me'vâ, Kürsî ve Arş" (kitabın dipnotu: Necm: 1-18 / Taberî, Tefsir, c:27, s:55; c:3, s:10; Nesefî, Medârik, c:1, s:128); Kütüb-i Sitte: Buhârî, Eşribe 12; Müslim, İman 264, (164) [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 5109; no. 5568]

## 519. Thấy Jibril trong hình dạng thật tại Sidrat al-Muntaha

**Sahih (Xác thực)** ISRA' VÀ MI'RAJ

Đêm Mi'raj, Người thấy Jibril lần thứ hai trong hình dạng thật tại Sidrat al-Muntaha.

Khoảng năm 621 CN (Isra' và Mi'raj, khoảng 1–1,5 năm trước Hijrah)

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.2 s.28; web: Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 27. fasıl; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 200-201; c. 1, s. 270); ayrıca: N. İçel, Hz. Muhammed'in (sas) Mucizeleri -2 (2023), "Kur'ân-ı Kerîm'in Mirac Hakkındaki Açıklaması + Cennetü'l-Me'vâ, Kürsî ve Arş" (kitabın dipnotu: Necm: 1-18 / Taberî, Tefsir, c:27, s:55; c:3, s:10; Nesefî, Medârik, c:1, s:128); Kütüb-i Sitte: Buhârî, Tefsir, Maide 7, (Bed'ül-Halk 6, Tefsir, Necm 1, Tevhid 4; Müslim İman, 287, (177); Tirmizî, Tefsir, En'am (3070) [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 5160]

## 520. Năm lễ nguyện Salah được quy định bắt buộc trong Mi'raj

**Sahih (Xác thực)** ISRA' VÀ MI'RAJ

Trong Mi'raj, năm lễ nguyện Salah mỗi ngày được quy định là bắt buộc.

Khoảng năm 621 CN (Isra' và Mi'raj, khoảng 1–1,5 năm trước Hijrah)

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.2 s.83; web: Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 3. bâb, İsrâ faslı; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 253-257, 266, 268, 274); Kütüb-i Sitte: Buhârî, Müslim, Tirmizî, Nesâî ; İbn Mâce 1400 [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 5568; no. 5569; no. 2331; no. 6406]

## 521. Bayt al-Maqdis được đưa đến trước mắt để đáp lại Quraish

Sahih (Xác thực) ISRA' VÀ MI'RAJ

Khi Quraish thử thách, Bayt al-Maqdis được đưa đến trước mắt Người, và từ Makkah Người nhìn vào đó mà mô tả từng chi tiết.

Khoảng năm 621 CN (Isra' và Mi'raj, khoảng 1–1,5 năm trước Hijrah)

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.2 s.13; 1000 Mucize no.11 (s.19); web: Mişkâtü'l-Mesâbîh, Fezâil, bâbü'l-mi'râc, no. 5866-5867; Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 24. fasıl; Yaqeen Institute, "The Physical Miracles of Prophet Muhammad"; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 261, 266, 289, 294); ayrıca: Elshinawy, The Physical Miracles of the Prophet (Yaqeen); Râvendî, el-Harâic, c. 1, s. 85; ayrıca: N. İçel, Hz. Muhammed'in (sas) Mucizeleri -2 (2023), "İsrâ ve Mi'rac Mu'cizesinin Kureyş Halkına Haber Verilişi + Müşriklerin Peygamberimiz Aleyhisselâma Beytü'l-Makdis ve Beytü'l-Makdis Mescidi Hakkında Sorular Sormaları" (kitabın dipnotu: İbn İshak-İbn Hişam, Sîre, c:2, s:39,40, 43; Zehebî, Târîh, s:245-246,248-249; İbn Sa'd, Tabakât, c:1, s:215; Ebu'l-Fidâ, Tefsîr, c:3, s:21 / Zehebî, Târîhu'l-islâm, s:246,250; İbn Sa'd, Tabakât, c:11, s: 215); Kütüb-i Sitte: Buhârî, Müslim, Tirmizî [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 5570]

## 522. Báo tình trạng đoàn lữ hành Quraish khi trở về từ Isra'

Sahih (Xác thực) LỜI TIÊN TRI VÀ BÁO TRƯỚC

Trở về từ Isra', Người báo cho biết vị trí đoàn lữ hành của Quraish, con lạc đà bị lạc và thời điểm đoàn về đến.

Khoảng năm 621 CN (Isra' và Mi'raj, khoảng 1–1,5 năm trước Hijrah)

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.2 s.13; 1000 Mucize no.12 (s.20); web: Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 24. fasıl; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 257, 263, 294, 296-297); ayrıca: IslamHouse, The Miracles of Muhammad; Meclisî, Bihâru'l-envâr, c. 17, s. 233; c. 18, s. 119, 133, 143; Râvendî, el-Harâic, c. 1, s. 24; c. 1, s. 121-122; İbn Şehrâşûb, Menâkıb, c. 1, s. 96; ayrıca: N. İçel, Hz. Muhammed'in (sas) Mucizeleri -2 (2023), "Müşriklerin Kervanları Hakkındaki Soruları" (kitabın dipnotu: İbn Seyyid, Uyunul-eser, c:1, s:142; Diyarbekrî, Hamîs, c:1, s:315-316; Ebu'l-Fidâ, Tefsir, c:3, s:22; İbn İshak-İbn Hişam, Sîre, c:2, s:44)

## 523. Mặt trời được giữ lại không lặn để đoàn lữ hành kịp về

Hasan (Tốt) PHÉP MÀU LIÊN QUAN ĐẾN THIÊN NHIÊN

Sáng hôm sau Isra', Người báo cho Quraish về đoàn lữ hành cùng dấu hiệu của nó và nói: “Họ sẽ đến vào ngày thứ Tư”; hôm đó Quraish chờ đợi, ngày đã sắp hết mà đoàn lữ hành chưa đến; Người cầu xin, ban ngày được kéo dài thêm một giờ và mặt trời bị giữ lại cho đến khi đoàn lữ hành về đến (habs ash-shams).

Những ngày sau Isra', khoảng năm 621 CN

NGUỒN Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 12. fasıl (inşikāk-ı kamer ve habs-i şems)

## 524. Thấy dòng chữ nhắc đến Ali trên chân Ngai Vương

Bịa đặt (Mawdu') ISRA' VÀ MI'RAJ

Đêm Mi'raj, Người thấy trên chân Ngai Vương dòng chữ: “La ilaha illallah Muhammadun Rasulullah, Ta đã hỗ trợ người ấy bằng Ali.”

Khoảng năm 621 CN (Mi'raj)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 13 (isminin Arş'a yazılması bâbı)

## 525. Thấy tên các Khalifah Chính Trực ghi trên Ngai Vương

Da'if (Yếu) ISRA' VÀ MI'RAJ

Đêm Isra', Người thấy trên Ngai Vương, cùng với lời tuyên xưng tính duy nhất, dòng chữ "Abu Bakr as-Siddiq, Umar al-Faruq, Uthman Dhun-Nurayn"; trong lời thuật của Abud-Darda', dòng chữ ấy được viết bằng ánh sáng trắng trên một tấm bảng xanh trên Ngai Vương.

Khoảng năm 621 CN (Isra')

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 13 (isminin Arş'a yazılması bâbı)

---

## 526. Thấy tên Abu Bakr ở mỗi tầng trời

Da'if (Yếu) ISRA' VÀ MI'RAJ

Trong Mi'raj, ở mỗi tầng trời Người đi qua, Người đều thấy dòng chữ "Muhammadun Rasulullah" và tiếp theo là "Abu Bakr as-Siddiq".

Khoảng năm 621 CN (Mi'raj)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 13 (isminin Arş'a yazılması bâbı)

---

## 527. Được dạy Azan và làm Imam trong Mi'raj

Da'if (Yếu) ISRA' VÀ MI'RAJ

Để được dạy Azan, Người được Buraq đưa đến bức màn gần Đấng Rất Mực Độ Lượng; một Thiên Thần bước ra từ bức màn đọc Azan, và mỗi câu đều được xác nhận từ sau bức màn: "Bề tôi của Ta đã nói thật"; Thiên Thần ấy cho Người làm Imam dẫn cư dân các tầng trời (kể cả Adam và Nuh) dâng lễ nguyện.

Khoảng năm 621 CN (Mi'raj)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 15 (ezanda anılması bâbı)

---

## 528. Được ban ba điều tại Sidrat al-Muntaha

Sahih (Xác thực) ISRA' VÀ MI'RAJ

Trong Mi'raj, Người được đưa đến Sidrat al-Muntaha và được ban ba điều: năm lễ nguyện Salah, những câu cuối chương al-Baqarah, và sự tha thứ các đại tội cho những ai trong Ummah của Người không tổ hợp thần linh với Allah (do Ibn Mas'ud thuật lại).

Isra' và Mi'raj, khoảng năm 621 CN

NGUỒN Mişkâtü'l-Mesâbîh, Fezâil, bâbü'l-mi'râc, no. 5865

---

## 529. Dâng lễ nguyện ở những nơi thánh trên đường Isra'

Da'if (Yếu) ISRA' VÀ MI'RAJ

Trên đường Isra', theo dấu hiệu của Jibril, Người xuống dâng lễ nguyện ở đất di cư Taybah (Yathrib), ở núi Sinai nơi Musa nói chuyện với Allah (bên cây của Musa ở Madyan) và ở Bethlehem nơi Isa ra đời.

Isra' và Mi'raj (khoảng năm 621 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 255, 262 (İsrâ bâbı (Enes ve Şeddâd b. Evs hadisleri))

---

## 530. Những hình ảnh tượng trưng thấy trên đường Isra'

Da'if (Yếu) ISRA' VÀ MI'RAJ

Trên đường Isra', Người thấy một bà già bên vệ đường, một kẻ đi lạc đường gọi Người, và ba người chào Người: "Bình an cho ngài, hỡi Đấng Đầu Tiên, hỡi Đấng Cuối Cùng, hỡi Đấng Tập Hợp"; Jibril giải thích đó là phần đời còn lại của thế gian, Iblis, và Ibrahim, Musa, Isa.

Isra' và Mi'raj (khoảng năm 621 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 258 (İsrâ bâbı (Enes hadisi))

---

## 531. Không đoái hoài đến những tiếng gọi từ bên phải và bên trái trong Isra'

Da'if (Yếu) ISRA' VÀ MI'RAJ

Trên đường Isra', từ bên phải và bên trái có hai người gọi: "Hỡi Muhammad, hãy đợi, tôi muốn hỏi ngài", và một người phụ nữ trang sức lộng lẫy dang tay hiện ra, nhưng Người không đoái hoài đến ai; Jibril giải thích đó là người mời gọi của người Do Thái, người mời gọi của người Kitô giáo và thế gian, rồi nói: "Nếu ngài đáp lời, Ummah của ngài đã thành Do Thái/Kitô giáo và sẽ chọn thế gian hơn Đời Sau."

Isra' và Mi'raj (khoảng năm 621 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 276-277 (İsrâ bâbı (Ebû Saîd el-Hudrî hadisi))

---

## 532. Chọn sữa giữa sữa và rượu

Sahih (Xác thực) ISRA' VÀ MI'RAJ

Tại Bayt al-Maqdis (theo một số lời thuật là trên các tầng trời), khi được mời sữa và rượu (theo một số lời thuật có cả nước hoặc mật ong), Người chọn sữa; Jibril nói: "Ngài đã chọn bản tính tự nhiên (fitrah); nếu ngài lấy rượu, Ummah của ngài đã lầm lạc."

Isra' và Mi'raj (khoảng năm 621 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 252, 258, 263, 272, 286, 289 (İsrâ bâbı (Enes, Suheyb, Şeddâd, Ebû Hüreyre hadisleri))

---

## 533. Jibril khoét thủng tảng đá và buộc Buraq

Sahih (Xác thực) ISRA' VÀ MI'RAJ

Khi đến Bayt al-Maqdis, Jibril dùng ngón tay khoét thủng tảng đá và buộc Buraq vào đó.

Isra' và Mi'raj (khoảng năm 621 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 261 (İsrâ bâbı (Büreyde hadisi))

---

## 534. Adam ở tầng trời nhìn con cháu mà cười và khóc

Sahih (Xác thực) ISRA' VÀ MI'RAJ

Trong Mi'raj, ở tầng trời thấp nhất, Người thấy Adam cười khi nhìn những bóng đen bên phải mình (linh hồn của con cháu được vào Thiên Đàng) và khóc khi nhìn những bóng đen bên trái (những người vào Hỏa Ngục).

Isra' và Mi'raj (khoảng năm 621 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 275, 277 (İsrâ bâbı (Ebû Zer ve Ebû Saîd hadisleri))

---

## 535. Musa khóc ở tầng trời thứ sáu

Sahih (Xác thực) ISRA' VÀ MI'RAJ

Trong Mi'raj, khi Người rời Musa ở tầng trời thứ sáu, Musa khóc và nói: "Số người vào Thiên Đàng từ Ummah của một chàng trai được cử phái sau tôi sẽ nhiều hơn số người từ Ummah của tôi."

Isra' và Mi'raj (khoảng năm 621 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 274 (İsrâ bâbı (Mâlik b. Sa'saa hadisi))

---

## 536. Được đưa lên khoảng trống nghe tiếng sột soạt của những cây bút

**Sahih (Xác thực)** ISRA' VÀ MI'RAJ

Trong Mi'raj, Người được đưa lên một khoảng trống nơi Người nghe tiếng sột soạt của những cây bút.

Isra' và Mi'raj (khoảng năm 621 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 276 (İsrâ bâbı (Ebû Zer hadisi))

---

## 537. Bốn dòng sông chảy ra từ gốc Sidrat al-Muntaha

**Sahih (Xác thực)** ISRA' VÀ MI'RAJ

Người thấy bốn dòng sông chảy ra từ gốc Sidrat al-Muntaha: hai dòng ẩn (trên Thiên Đàng), hai dòng hiện (sông Nile và sông Euphrates); trong lời thuật của Abu Hurairah là những dòng sông nước, sữa, rượu và mật ong.

Isra' và Mi'raj (khoảng năm 621 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 254, 274, 288 (İsrâ bâbı (Enes, Mâlik b. Sa'saa, Ebû Hüreyre hadisleri))

---

## 538. Những sắc màu lộng lẫy bao phủ Sidrat al-Muntaha

**Sahih (Xác thực)** ISRA' VÀ MI'RAJ

Người thấy Sidrat al-Muntaha được bao phủ bởi những con bướm vàng (farash) và đủ loại màu sắc.

Isra' và Mi'raj (khoảng năm 621 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 259, 268 (İsrâ bâbı (Enes ve İbn Mes'ûd hadisleri))

---

## 539. Thấy Jibril như tấm thảm cũ nát vì kính sợ Allah

**Sahih (Xác thực)** ISRA' VÀ MI'RAJ

Đêm Isra', tại Cõi Cao Nhất (al-Mala' al-A'la), Người thấy Jibril (co rúm lại) như một tấm thảm thô cũ nát vì kính sợ Allah.

Isra' và Mi'raj (khoảng năm 621 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 261 (İsrâ bâbı (Câbir hadisi))

---

## 540. Thấy Musa dâng lễ nguyện trong mộ

**Sahih (Xác thực)** ISRA' VÀ MI'RAJ

Đêm Isra', bên đồi cát đỏ, Người thấy Musa đang đứng dâng lễ nguyện trong mộ của mình.

Isra' và Mi'raj (khoảng năm 621 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 258-259, 266, 290 (İsrâ bâbı (Enes, İbn Abbas, Ebû Hüreyre hadisleri))

## 541. Gặp Malik, người canh Hỏa Ngục

Sahih (Xác thực) ISRA' VÀ MI'RAJ

Đêm Isra', Người thấy Malik, người canh Hỏa Ngục, với vẻ mặt cau có và giận dữ; Malik chào Người, và Người được cho biết rằng từ khi Hỏa Ngục được tạo ra, hắn chưa cười với ai.

Isra' và Mi'raj (khoảng năm 621 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 257, 265, 272 (İsrâ bâbı (Enes, İbn Abbas, Ömer hadisleri))

## 542. Tận mắt thấy Dajjal trong đêm Isra'

Sahih (Xác thực) ISRA' VÀ MI'RAJ

Đêm Isra', Người thấy Dajjal tận mắt chứ không phải trong mơ và mô tả hắn (to lớn, trắng, một mắt sáng như ngôi sao, tóc như cành cây).

Isra' và Mi'raj (khoảng năm 621 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 264-265, 292 (İsrâ bâbı (İbn Abbas ve Ümmü Hânî hadisleri))

## 543. Ngửi thấy hương thơm của người chải tóc cho con gái Fir'awn

Sahih (Xác thực) ISRA' VÀ MI'RAJ

Đêm Isra', Người ngửi thấy một mùi thơm, và Jibril cho biết đó là mùi hương của người chải tóc cho con gái Fir'awn (Mashitah) và các con bà; vì bà nói "Bismillah" nên bà cùng các con bị ném vào vạc đồng nung đỏ, và đứa con còn bú của bà đã nói: "Hãy kiên nhẫn mẹ ơi, mẹ đang ở trên chân lý."

Isra' và Mi'raj (khoảng năm 621 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 261, 265 (İsrâ bâbı (Übey b. Kâ'b ve İbn Abbas hadisleri))

## 544. Nghe tiếng bước chân của Bilal trên Thiên Đàng đêm Isra'

Sahih (Xác thực) ISRA' VÀ MI'RAJ

Đêm Isra', Người nghe một tiếng sột soạt (tiếng bước chân) trên Thiên Đàng và được cho biết đó là người gọi Azan Bilal; khi trở về, Người báo tin mừng: "Bilal đã được cứu rỗi."

Isra' và Mi'raj (khoảng năm 621 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 264 (İsrâ bâbı (İbn Abbas hadisi))

## 545. Thấy những kẻ nói xấu sau lưng và kẻ giết con lạc đà trong Hỏa Ngục đêm Isra'

Sahih (Xác thực) ISRA' VÀ MI'RAJ

Đêm Isra', trong Hỏa Ngục, Người thấy một nhóm người ăn xác thối (những kẻ nói xấu sau lưng, ăn thịt người khác) và một người đàn ông da đỏ, mắt xanh, tóc xoăn (kẻ đã giết con lạc đà của Salih).

Isra' và Mi'raj (khoảng năm 621 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 264 (İsrâ bâbı (İbn Abbas hadisi))

## 546. Thấy những kẻ tự cào mình bằng móng đồng đêm Isra'

Sahih (Xác thực) ISRA' VÀ MI'RAJ

Đêm Isra', Người thấy một nhóm người cào mặt và ngực mình bằng móng tay bằng đồng; Jibril nói: "Đây là những kẻ ăn thịt người khác và xúc phạm danh dự của họ."

Isra' và Mi'raj (khoảng năm 621 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 258 (İsrâ bâbı (Enes hadisi))

## 547. Thấy những kẻ thuyết giảng bị cắt môi bằng kéo lửa đêm Isra'

Sahih (Xác thực) ISRA' VÀ MI'RAJ

Đêm Isra', Người thấy một nhóm người bị cắt môi (và lưỡi) bằng những chiếc kéo lửa, cắt xong lại liền như cũ; Jibril nói: "Đây là những kẻ thuyết giảng (gây thảm họa) trong Ummah của ngài, nói mà không làm."

Isra' và Mi'raj (khoảng năm 621 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 259, 284 (İsrâ bâbı (Enes ve Ebû Hüreyre hadisleri))

## 548. Thấy dòng chữ về bố thí và cho vay ở cổng Thiên Đàng

Da'if (Yếu) ISRA' VÀ MI'RAJ

Đêm Isra', ở cổng Thiên Đàng, Người thấy dòng chữ: "Của bố thí được đền đáp gấp mười, khoản cho vay (qard) được đền đáp gấp mười tám", và Jibril giải thích lý do.

Isra' và Mi'raj (khoảng năm 621 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 259 (İsrâ bâbı (Enes hadisi))

## 549. Hương thơm của Người sau khi trở về từ Isra'

Da'if (Yếu) PHÉP MÀU HỮU HÌNH

Sau khi trở về từ Isra', hương thơm của Người như hương thơm của cô dâu, thậm chí còn dễ chịu hơn.

Sau Isra' (từ khoảng năm 621 CN trở đi)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 259 (İsrâ bâbı (Enes hadisi))

## 550. Sự nhìn thấy và lời nói được chia phần trong đêm Isra'

Da'if (Yếu) ISRA' VÀ MI'RAJ

Đêm Isra', Người đã nhìn thấy Thượng Đế của mình; có lời thuật lại (từ Ka'b) rằng việc nhìn thấy và việc được nói chuyện đã được chia giữa Người và Musa.

Isra' và Mi'raj (khoảng năm 621 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 259, 297 (İsrâ bâbı (Enes hadisi; mürseller))

## 551. Thấy kẻ ăn lãi bơi trong sông và bị ném đá vào miệng

Sahih (Xác thực) ISRA' VÀ MI'RAJ

Đêm Isra', Người thấy một người đàn ông bơi trong sông và bị ném đá vào miệng; Người được cho biết đó là kẻ ăn lãi.

Isra' và Mi'raj (khoảng năm 621 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 262 (İsrâ bâbı (Semüre b. Cündeb hadisi))

---

## 552. Các vị Nabi được cho thấy cùng Ummah của họ và bảy mươi nghìn người vào Thiên Đàng không bị thẩm xét

**Sahih (Xác thực)** ISRA' VÀ MI'RAJ

Đêm Isra', các vị Nabi cùng Ummah của họ được cho Người xem (có vị có cả một nhóm người, có vị vài người, có vị không có ai); sau dân đông đảo của Musa, Người thấy Ummah của mình lấp đầy chân trời, và được cho biết rằng bảy mươi nghìn người trong số họ sẽ vào Thiên Đàng mà không bị thẩm xét.

Isra' và Mi'raj (khoảng năm 621 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 266 (İsrâ bâbı (İbn Abbas hadisi))

---

## 553. Lời chào của Nabi Ibrahim gửi Ummah và lời khuyên về cây non Thiên Đàng

**Hasan (Tốt)** ISRA' VÀ MI'RAJ

Đêm Isra', Ibrahim gửi lời qua Người: "Hãy chuyển lời chào của ta đến Ummah của ngươi; đất Thiên Đàng tốt lành, nước ngọt ngào, mặt đất bằng phẳng; cây non của nó là Subhanallah, Alhamdulillah, La ilaha illallah, Allahu Akbar (và La hawla wa la quwwata illa billah)."

Isra' và Mi'raj (khoảng năm 621 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 266, 270, 275 (İsrâ bâbı (İbn Mes'ûd, İbn Abbas, Ebû Eyyûb hadisleri))

---

## 554. Lời của Musa và Ibrahim trong đêm Isra'

**Da'if (Yếu)** ISRA' VÀ MI'RAJ

Đêm Isra', Musa đang lớn tiếng khẩn cầu Thượng Đế bên đường nói: "Chào mừng vị Nabi mù chữ"; Ibrahim, ngồi cùng gia đình dưới một cái cây có trái như những ngọn đèn, khuyên: "Con ơi, đêm nay con sẽ gặp Thượng Đế của con; Ummah của con là cộng đồng sau cùng và yếu nhất trong các cộng đồng, nếu có thể, hãy dành trọn lời xin của con cho Ummah của con."

Isra' và Mi'raj (khoảng năm 621 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 268-270 (İsrâ bâbı (İbn Mes'ûd hadisi))

---

## 555. Được đưa đến lâu đài ngọc trai và ba phẩm chất được mặc khải

**Da'if (Yếu)** ISRA' VÀ MI'RAJ

Đêm Isra', Người được đưa đến một lâu đài bằng ngọc trai, một chiếc giường bằng vàng, và có ba điều được mặc khải về Người: Người là bậc thầy của các vị Nabi, là Imam của những người kính sợ và là người dẫn đầu những người có gương mặt và tay chân rạng ngời (al-ghurr al-muhajjalun).

Isra' và Mi'raj (khoảng năm 621 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 271 (İsrâ bâbı (Abdullah b. Es'ad b. Zürâre hadisi))

## 556. Nghe các Thiên Thần tán dương ở các tầng trời cao

Da'if (Yếu) ISRA' VÀ MI'RAJ

Đêm Isra', Người được đưa lên các tầng trời cao, bên phải là Jibril, bên trái là Mika'il, và ở các tầng trời cao Người nghe những tạo vật run sợ trước uy nghi của Allah tán dương: "Subhanal-Aliyyil-A'la."

Isra' và Mi'raj (khoảng năm 621 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 262, 271 (İsrâ bâbı (Abdurrahman b. Kurt ve Sehl b. Sa'd hadisleri))

## 557. Chiếc thang Mi'raj được mang đến ở Bayt al-Maqdis

Da'if (Yếu) ISRA' VÀ MI'RAJ

Tại Bayt al-Maqdis, chiếc thang (Mi'raj) đẹp vô song, nơi người sắp chết dõi mắt nhìn theo và linh hồn con cháu Adam đi lên, được mang đến cho Người, và Người theo đó lên trời.

Isra' và Mi'raj (khoảng năm 621 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 277 (İsrâ bâbı (Ebû Saîd el-Hudrî hadisi))

## 558. Thấy Thiên Thần Isma'il ở cổng tầng trời thấp nhất

Da'if (Yếu) ISRA' VÀ MI'RAJ

Ở cổng của tầng trời thấp nhất, Người thấy Thiên Thần tên Isma'il, dưới quyền có bảy mươi nghìn Thiên Thần, mỗi vị chỉ huy một trăm nghìn Thiên Thần.

Isra' và Mi'raj (khoảng năm 621 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 277 (İsrâ bâbı (Ebû Saîd el-Hudrî hadisi))

## 559. Thấy hình phạt của những kẻ ăn tài sản trẻ mồ côi

Da'if (Yếu) ISRA' VÀ MI'RAJ

Trong Mi'raj, Người thấy một nhóm người có môi như môi lạc đà, bị ném những hòn đá lửa vào miệng và chúng đi ra từ phía dưới; Người được cho biết đó là những kẻ ăn bất chính tài sản của trẻ mồ côi.

Isra' và Mi'raj (khoảng năm 621 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 278 (İsrâ bâbı (Ebû Saîd el-Hudrî hadisi))

## 560. Thấy những kẻ ăn lãi bụng to như ngôi nhà

Da'if (Yếu) ISRA' VÀ MI'RAJ

Trong Mi'raj, Người thấy một nhóm người có bụng to như những ngôi nhà (bên trong có rắn nhìn thấy được từ bên ngoài), cố đứng dậy thì lại ngã; Người được cho biết đó là những kẻ ăn lãi.

Isra' và Mi'raj (khoảng năm 621 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 278, 290 (İsrâ bâbı (Ebû Saîd ve Ebû Hüreyre hadisleri))

## 561. Thấy hình phạt của những kẻ tà dâm trong Mi'raj

Da'if (Yếu) ISRA' VÀ MI'RAJ

Trong Mi'raj, Người thấy một nhóm người có thịt sạch/chín trước mặt mà lại ăn thịt sống ôi thối, và những người phụ nữ bị treo bằng ngực (và chân); Người được cho biết đó là những kẻ phạm tội tà dâm.

Isra' và Mi'raj (khoảng năm 621 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 278, 284 (İsrâ bâbı (Ebû Saîd ve Ebû Hüreyre hadisleri))

---

## 562. Thấy những kẻ nói xấu người khác phải ăn thịt chính mình

Da'if (Yếu) ISRA' VÀ MI'RAJ

Trong Mi'raj, Người thấy một nhóm người bị cắt thịt từ hai bên sườn rồi bị bắt ăn; Người được cho biết đó là những kẻ nói xấu sau lưng và chê bai người khác (hammaz-lammaz).

Isra' và Mi'raj (khoảng năm 621 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 278 (İsrâ bâbı (Ebû Saîd el-Hudrî hadisi))

---

## 563. Vào al-Bayt al-Ma'mur và thấy hai nhóm trong Ummah

Da'if (Yếu) ISRA' VÀ MI'RAJ

Người vào al-Bayt al-Ma'mur và dâng lễ nguyện; Người thấy một phần Ummah của mình mặc áo trắng bước vào cùng Người, còn phần kia mặc áo bẩn (xám) thì bị giữ ở ngoài, dù họ vẫn ở trên điều tốt.

Isra' và Mi'raj (khoảng năm 621 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 279 (İsrâ bâbı (Ebû Saîd el-Hudrî hadisi))

---

## 564. Tin mừng cho Zayd về thiếu nữ trên Thiên Đàng

Da'if (Yếu) ISRA' VÀ MI'RAJ

Trong Mi'raj, khi vào Thiên Đàng, một thiếu nữ Người gặp nói: "Tôi thuộc về Zayd bin Harithah", và Người báo tin mừng này cho Zayd.

Isra' và Mi'raj (khoảng năm 621 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 279 (İsrâ bâbı (Ebû Saîd el-Hudrî hadisi))

---

## 565. Lời làm chứng của Thượng phụ Iliya về đêm Isra'

Da'if (Yếu) ISRA' VÀ MI'RAJ

Khi Abu Sufyan nói trước mặt Caesar để hạ thấp Người: "Hắn nói hắn đã đi đến Masjid al-Aqsa và trở về trong một đêm", vị Thượng phụ của Iliya làm chứng: "Tôi biết đêm ấy: một cánh cửa của thánh đường dù chúng tôi làm gì cũng không đóng được; sáng ra tôi thấy tảng đá bên cửa bị khoét thủng và có dấu vết buộc con vật cưỡi."

Đêm Isra' (khoảng năm 621 CN); Lời thuật: thời hòa ước Hudaybiyah (năm 6–7 H / 628 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 280-282 (İsrâ bâbı (Ebû Süfyân hadisi))

---

## 566. Hình ảnh những người chiến đấu được cho thấy trong đêm Isra'

Da'if (Yếu) ISRA' VÀ MI'RAJ

Đêm Isra', Người thấy một nhóm người gieo trong một ngày và gặt trong một ngày, gặt đến đâu lúa lại trở lại như cũ đến đó; Người được cho biết đó là những người chiến đấu trên con đường của Allah, việc thiện của họ được

nhân lên bảy trăm lần.

Isra' và Mi'raj (khoảng năm 621 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 284 (İsrâ bâbı (Ebû Hüreyre hadisi))

---

## 567. Thấy hình phạt của những kẻ nặng nề với lễ nguyện

**Da'if (Yếu)** ISRA' VÀ MI'RAJ

Đêm Isra', Người thấy một nhóm người bị đập nát đầu bằng đá, nát xong lại trở lại như cũ; Người được cho biết đó là những kẻ nặng đầu trước lễ nguyện bắt buộc.

Isra' và Mi'raj (khoảng năm 621 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 284 (İsrâ bâbı (Ebû Hüreyre hadisi))

---

## 568. Thấy hình phạt của những kẻ không nộp Zakat

**Da'if (Yếu)** ISRA' VÀ MI'RAJ

Đêm Isra', Người thấy một nhóm người phía trước và phía sau đẩy những miếng vá, gặm cỏ gai và đá Hỏa Ngục như thú vật; Người được cho biết đó là những kẻ không xuất Zakat từ tài sản của mình.

Isra' và Mi'raj (khoảng năm 621 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 284 (İsrâ bâbı (Ebû Hüreyre hadisi))

---

## 569. Hình ảnh kẻ cướp đường và kẻ phản bội vật được giao phó

**Da'if (Yếu)** ISRA' VÀ MI'RAJ

Đêm Isra', trên đường Người thấy một khúc gỗ xé rách mọi thứ đi qua (hình ảnh của kẻ cướp đường), và một người đàn ông cứ chất thêm vào đống củi mà mình không vác nổi (hình ảnh của kẻ gánh những thứ được gửi gắm mà không trả nổi).

Isra' và Mi'raj (khoảng năm 621 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 284 (İsrâ bâbı (Ebû Hüreyre hadisi))

---

## 570. Hình ảnh lời nói lớn lao thốt ra từ miệng

**Da'if (Yếu)** ISRA' VÀ MI'RAJ

Đêm Isra', Người thấy một con bò đực to lớn chui ra từ một lỗ nhỏ rồi muốn chui vào lại mà không được; Người được cho biết đó là hình ảnh của kẻ nói một lời lớn lao rồi hối hận nhưng không rút lại được.

Isra' và Mi'raj (khoảng năm 621 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 284 (İsrâ bâbı (Ebû Hüreyre hadisi))

---

## 571. Nghe tiếng gọi của Thiên Đàng và Hỏa Ngục

**Da'if (Yếu)** ISRA' VÀ MI'RAJ

Đêm Isra', trong một thung lũng mát mẻ thơm tho, Người nghe tiếng Thiên Đàng: "Lạy Thượng Đế của tôi, xin ban cho tôi điều Ngài đã hứa" cùng lời đáp của Allah, và trong một thung lũng hôi thối, Người nghe tiếng của Hỏa Ngục cùng lời đáp của Allah.

Isra' và Mi'raj (khoảng năm 621 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 285 (İsrâ bâbı (Ebû Hüreyre hadisi))

---

## 572. Sự ưu việt của Thiên Sứ của Allah ﷺ trong cuộc gặp gỡ các vị Nabi

**Da'if (Yếu)** ISRA' VÀ MI'RAJ

Tại Bayt al-Maqdis, Người gặp linh hồn của các vị Nabi; Ibrahim, Musa, Dawud, Sulayman và Isa lần lượt ca ngợi Thượng Đế của mình về những ân huệ Ngài ban cho họ, và khi Người cũng ca ngợi (về việc được làm hồng ân cho muôn loài, được ban al-Furqan, Ummah ưu tú nhất và trung dung, ngực được mở rộng, danh được nâng cao, được làm người mở đầu và người kết thúc), Ibrahim nói: "Nhờ những điều này, Muhammad đã vượt trên các ngươi."

Isra' và Mi'raj (khoảng năm 621 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 285-286 (İsrâ bâbı (Ebû Hüreyre hadisi))

---

## 573. Những người tắm trong ba dòng sông được thanh tẩy

**Da'if (Yếu)** ISRA' VÀ MI'RAJ

Ở tầng trời thứ bảy, bên cạnh Ibrahim đang ngồi ở cổng Thiên Đàng, Người thấy một nhóm người mặt trắng tinh và một nhóm người màu da vẩn đục; nhóm thứ hai tắm trong ba dòng sông (hồng ân của Allah, ân huệ của Ngài và thức uống thanh khiết) cho sạch rồi nhập vào nhóm kia; Người được cho biết đó là những người đã trộn việc xấu vào việc tốt rồi sám hối.

Isra' và Mi'raj (khoảng năm 621 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 287-288 (İsrâ bâbı (Ebû Hüreyre hadisi))

---

## 574. Những ân huệ đặc biệt Thượng Đế ban cho Thiên Sứ của Allah ﷺ tại Sidrah

**Da'if (Yếu)** ISRA' VÀ MI'RAJ

Tại cây Sidrah, Thượng Đế phán với Người: "Hãy xin", và cho Người biết rằng Ngài đã nhận Người làm người yêu dấu, đã cử Người đến với toàn nhân loại, đã mở rộng ngực Người và nâng cao danh Người, đã làm cho Ummah của Người thành cộng đồng trung dung và ưu tú nhất, đã ban cho Người as-Sab' al-Mathani, phần cuối chương al-Baqarah từ kho tàng dưới Ngai Vương, al-Kawthar và tám phần (Islam, Hijrah, Jihad, lễ nguyện, bố thí, nhịn chay Ramadan, khuyến thiện, ngăn ác).

Isra' và Mi'raj (khoảng năm 621 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 288-289 (İsrâ bâbı (Ebû Hüreyre hadisi))

---

## 575. Thấy sét trên trời và lũ Shaytan

**Da'if (Yếu)** ISRA' VÀ MI'RAJ

Trong Mi'raj, ở phía trên tầng trời thứ bảy, Người thấy sấm, chớp và sét; khi xuống, ở tầng trời thấp nhất Người thấy lũ Shaytan quay quanh mắt loài người, ngăn họ suy ngẫm về vương quốc của các tầng trời.

Isra' và Mi'raj (khoảng năm 621 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 290 (İsrâ bâbı (Ebû Hüreyre hadisi))

## 576. Sự xác nhận của Abu Bakr và danh hiệu as-Siddiq

Sahih (Xác thực) LỜI TIÊN TRI VÀ BÁO TRƯỚC

Trở về từ Isra', Người nói với Jibril: "Dân của ta sẽ không tin ta", Jibril nói: "Abu Bakr sẽ tin ngài, ông ấy là as-Siddiq"; sáng ra khi Quraish phủ nhận và một số người bỏ đạo, Abu Bakr xác nhận: "Tôi còn tin người ấy về những điều xa hơn thế, về tin tức từ trời đến sáng chiều", và ông được gọi là "as-Siddiq".

Sáng hôm sau Isra' (khoảng năm 621 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 290-291 (İsrâ bâbı (Ebû Hüreyre ve Âişe hadisleri))

## 577. Trái cây Thiên Đàng và tinh dịch tạo nên Fatimah

Bịa đặt (Mawdu') ISRA' VÀ MI'RAJ

Đêm Isra', trên Thiên Đàng Người ăn một trái cây do Jibril trao, nó biến thành tinh dịch trong xương sống Người, và Khadijah mang thai Fatimah; mỗi khi nhớ hương thơm Thiên Đàng, Người lại hôn hít Fatimah.

Isra' và Mi'raj (khoảng năm 621 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 291 (İsrâ bâbı (Âişe hadisi))

## 578. Umm Hani' thấy ánh sáng nơi tim Thiên Sứ của Allah ﷺ

Da'if (Yếu) PHÉP MÀU HỮU HÌNH

Sáng hôm sau Isra', Umm Hani' nắm áo Người nói: "Đừng kể cho Quraish"; áo Người hở ra ở phía bụng, bà thấy ngang chỗ tim Người một luồng sáng rực rỡ gần như làm lóa mắt, và bà sụp xuống quỳ lạy.

Sáng hôm sau Isra' (khoảng năm 621 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 293 (İsrâ bâbı (Ümmü Hânî hadisi))

## 579. Lời phán thiêng liêng và sự nhìn thấy tại Sidrat al-Muntaha

Da'if (Yếu) ISRA' VÀ MI'RAJ

Allah nói chuyện với Người tại Sidrat al-Muntaha: "Ta đã ban cho Ibrahim tình thân của Ta, cho Musa lời nói của Ta; còn ngươi, hỡi Muhammad, Ta ban cho việc nói chuyện mặt đối mặt"; Người nói: "Allah ban cho Musa lời nói, ban cho ta sự nhìn thấy; Ngài làm ta ưu việt với Vị Trí Được Ca Ngợi (al-Maqam al-Mahmud) và Hồ nước (al-Hawd)" (do Ibn Mas'ud, Salman, Jabir thuật lại).

Mi'raj, khoảng năm 621 CN

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 330 (bütün peygamberlere üstün kılındığı ve kendisinden önce kimseye verilmeyen hususiyetler)

## 580. Sự gần gũi "bằng khoảng cách hai cánh cung" trong đêm Isra'

Da'if (Yếu) ISRA' VÀ MI'RAJ

Đêm Isra', Thượng Đế đưa Người đến gần "bằng khoảng cách hai cánh cung hoặc gần hơn" và hỏi: "Việc Ta làm ngươi thành vị Nabi sau cùng và Ummah của ngươi thành cộng đồng sau cùng có làm ngươi buồn không?" (do Anas thuật lại).

Isra', khoảng năm 621 CN

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 331 (bütün peygamberlere üstün kılındığı ve kendisinden önce kimseye verilmeyen hususiyetler)

---

## 581. Tảng đá ở Jerusalem mềm ra như bột nhào

**Da'if (Yếu)** PHÉP MÀU HỮU HÌNH

Tảng đá ở Bayt al-Maqdis mềm ra như bột nhào dưới tay Người; điều này được thấy ở chỗ con vật cưỡi của Người đứng, và cho đến nay người ta vẫn chạm tay vào dấu vết ấy.

Isra' và Mi'raj (khoảng năm 621 CN)

NGUỒN Râvendî, el-Harâic ve'l-cerâih, c. 3, s. 915 (el-Bâbü's-sâbi' aşer fi'l-muvâzât beyne mu'cizâti nebiyyinâ ve mu'cizâti'l-enbiyâ)

---

## 582. Ngồi lên Rafraf mà được đưa lên gặp Thượng Đế trong Mi'raj

**Da'if (Yếu)** ISRA' VÀ MI'RAJ

Trong Mi'raj, một tấm Rafraf (đệm lụa) xanh biếc từ Thiên Đàng lấp đầy chân trời; Người ngồi lên đó, rời Jibril, được nâng lên và đưa đến gần Thượng Đế của mình, mọi âm thanh đều tắt lặng và Người nghe lời phán: “Đừng sợ, hỡi Muhammad, hãy đến gần!”

Khoảng năm 621 CN (Isra' và Mi'raj, khoảng 1–1,5 năm trước Hijrah)

NGUỒN N. İçel, Hz. Muhammed'in (sas) Mucizeleri -2 (2023), "Refref ve Öteler Ötesindeki Buluşma" (kitabın dipnotu: Buhârî, Sahîh, c:1,91, c:6, s:51; c:8, s:24; c:6, s:51; Kadı Iyaz, Şifa, c:1, s:160-163; Heysemî, Mecmau'z-zevâid, c:1, s:78-79); Kütüb-i Sitte: Buhârî, Bed'ü'l-halk; Tefsîr (Necm sûresi) — İbn Mes'ûd: 'yeşil bir refref ufku kaplamıştı' (kitabın dipnotuna göre; Canan'da bulunamadı)

# 16 · Hijrah (năm 622 CN)

## 583. Đất di cư được cho thấy trong giấc mơ

Sahih (Xác thực) LỜI TIÊN TRI VÀ BÁO TRƯỚC

Đất di cư (vùng có vườn chà là giữa hai vùng đá đen) được cho Người thấy trong giấc mơ.

Khoảng năm 621–622 CN

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.2 s.144; Beyhakî, Delâil c.2 s.513; İbn Kesîr s.136; 1000 Mucize no.981 (s.795); web: Buhârî, Menâkıb, Alâmâtü'n-nübüvve, no. 3622; Ebû Nuaym el-İsfahânî, Delâilü'n-nübüvve, 17. fasıl, no. 230; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 304; ayrıca: İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî, s. 242; Kütüb-i Sitte: Buhari, Ta'bir 39, 44, Menakıb 25, Meğazî 9, 26, Menâkıbu'l-Ensâr 45; Müslim, Rü'ya 20, (2272) [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 966, c./s. 4/533]

## 584. Jibril báo âm mưu ám sát tại Dar an-Nadwah

Sahih (Xác thực) LỜI TIÊN TRI VÀ BÁO TRƯỚC

Âm mưu ám sát tại Dar an-Nadwah được Jibril báo cho Người biết.

Năm 622 CN (Hijrah)

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.2 s.151; web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 304, 306

## 585. Ra đi giữa những kẻ đa thần bao vây nhà mà không bị thấy

Da'if (Yếu) PHÉP MÀU HỮU HÌNH

Người rắc đất lên đầu những kẻ đa thần bao vây nhà Người, đọc chương Ya-Sin và đi ra giữa chúng mà không bị nhìn thấy.

Năm 622 CN (Hijrah)

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.2 s.151; 19. Mektup listesi (183.txt) no.77; 1000 Mucize no.20 (s.31); web: Ebû Nuaym el-İsfahânî, Delâilü'n-nübüvve, 13. fasıl, no. 154; Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 25. fasıl; Questions on Islam, "He is Protected from his Enemies"; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 304-305; ayrıca: İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî, s. 411; Meclisî, Bihâru'l-envâr, c. 18, s. 64; Râvendî, el-Harâic, c. 1, s. 58; c. 1, s. 143-144; al-shia.org (Farsça mucize listeleri); ayrıca: N. İçel, Hz. Muhammed'in (sas) Mucizeleri -2 (2023), "Evin Cellatlar Tarafından Kuşatılışı ve Duvardan İçeri Girilmek İstenilişi + Peygamberimiz Aleyhisselâmın Müşriklerin Başlarına Toprak Saçarak Aralarından Geçip Gidişi" (kitabın dipnotu: İbn İshak-İbn Hişam, c:2, s:126-127; Halebî, İnsânu'l-uyûn, c:2, s:191-194 / Yasin: 1-10 / İbn İshak-İbn Hişam, Sîre, c:2, s:127; Abdurrezzak, Musannef, c:5, s:390; İbn Sa'd, Tabakât, c:1, s:228; Taberî, Târîh, c:2, s:245; Yâkubî, Târîh, c:2, s:39)

## 586. Mạng nhện và tổ bồ câu ở cửa hang Thawr

Hasan (Tốt) PHÉP MÀU LIÊN QUAN ĐẾN LOÀI VẬT

Ở cửa hang Thawr, con nhện giăng tơ, hai con bồ câu làm tổ.

Năm 622 CN (Hijrah)

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.2 s.158; 19. Mektup listesi (183.txt) no.167; web: Ebû Nuaym el-İsfahânî, Delâilü'n-nübüvve, 17. fasıl, no. 229; Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 19. fasıl; Questions on Islam, "He is Protected from his Enemies"; Molla Câmî, Şevâhidü'n-Nübüvve, 4. bölüm; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 305-306; ayrıca: Meclisî, Bihâru'l-envâr, c. 17, s. 392; Râvendî, el-Harâic, c. 1, s. 25; c. 1, s. 144-145; Tabersî, İ'lâmü'l-verâ, c. 1, s. 78-79; İbn Şehrâşûb, Menâkıb, c. 1, s. 111-112; ayrıca: N. İçel, Hz. Muhammed'in (sas) Mucizeleri -2 (2023), "Sevr Mağarasının Kapısında Gerçekleşen Mu'cizeler + Müşriklerin Peygamberimiz Aleyhisselâm ile Hz. Ebu Bekir'i Aramaya Koyulmaları" (kitabın dipnotu: Ümmü Gaylan ağacı, (Kastalânî, Mevâhibu'l-ledünniye), c:1, s: 81 / Ebu'l-Fidâ, el-Bidâye ve'n-nihâye, c:3, s:181-182 / Ebu'l-

Fidâ, Nihâye, c:3, s:179,181-183; Ebu'l-Ferec İbn Cevzî, Vefa, c:1, s:238; Heysemî, Mecmau, c:6, s:51-53; Halebî, İnsânu'l-uyûn, c:2, s:208-210-211; Belâzurî, Ensâb, c:1, s:260-261; Kadı Iyaz, Şifâ, c:1, s:292)

---

## 587. Được che chở khỏi những kẻ đa thần trong hang Thawr

**Sahih (Xác thực)** PHÉP MÀU HỮU HÌNH

Trong hang, dù những kẻ đa thần đã đến sát chân họ, họ vẫn không bị nhìn thấy (“Đừng buồn, Allah ở cùng chúng ta”).

Năm 622 CN (Hijrah)

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.2 s.158; 1000 Mucize no.16 (s.26); web: Mişkâtü'l-Mesâbîh, Fezâil, bâbün fi'l-mu'cizât, 1. fasıl, no. 5868; Ebû Nuaym el-İsfahânî, Delâilü'n-nübüvve, 17. fasıl, no. 231-232; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 305; ayrıca: N. İçel, Hz. Muhammed'in (sas) Mucizeleri -2 (2023), "Müşriklerin Peygamberimiz Aleyhisselâm ile Hz. Ebu Bekir'i Aramaya Koyulmaları + Hz. Ebu Bekir'in Telaşlanışı ve Korkuya Düşüşü" (kitabın dipnotu: Ebu'l-Fidâ, Nihâye, c:3, s:179,181-183; Ebu'l-Ferec İbn Cevzî, Vefa, c:1, s:238; Heysemî, Mecmau, c:6, s:51-53; Halebî, İnsânu'l-uyûn, c:2, s:208-210- 211; Belâzurî, Ensâb, c:1, s:260-261; Kadı Iyaz, Şifâ, c:1, s:292 / Süheyif, Ravdu'l-ünüf, c:4, s:212-213; Ebu'l-Fidâ, el-Bidâye ve'n-nihâye, c:3, s:181-182; Buhârî, Sahih, c:4, s:263; c:5, s:204 / Tevbe: 40); Kütüb-i Sitte: Buharî, Fezailu'l-Ashab 2, Menakıb 45, Tefsir, Beraet 1; Müslim, Fezailu's-Sahabe 1, (2381); Tirmizî, Tefsir [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 5776, c./s. 16/200]

---

## 588. Chân ngựa của Suraqah lún vào cát

**Sahih (Xác thực)** PHÉP MÀU HỮU HÌNH

Chân ngựa của Suraqah, kẻ đuổi theo họ, lún vào cát nhờ lời cầu xin của Người.

Năm 622 CN (Hijrah)

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.2 s.171; 1000 Mucize no.15 (s.24); web: Buhârî, Menâkıb, Alâmâtü'n-nübüvve, no. 3615; A'zamî, el-Câmiu'l-Kâmil, Sîre, bâb 586; Ebû Nuaym el-İsfahânî, Delâilü'n-nübüvve, 17. fasıl, no. 234,236-238; Kādî Iyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 25. fasıl; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 307; ayrıca: İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî, s. 411-412; İbnü'l-Cevzî, el-Vefâ, s. 244; Meclisî, Bihâru'l-envâr, c. 17, s. 227-228, 236; c. 17, s. 387-388; c. 18, s. 61; Râvendî, el-Harâic, c. 1, s. 23-24; c. 1, s. 145-146; Tabersî, İ'lâmü'l-verâ, c. 1, s. 77-78; İbn Şehrâşûb, Menâkıb, c. 1, s. 64; İbn Hamza et-Tûsî, es-Sâkıb, s. 108-109, hadis no. 102/5; al-shia.org (Farsça mucize listeleri); ayrıca: N. İçel, Hz. Muhammed'in (sas) Mucizeleri -2 (2023), "Sürâka b. Malik b. Cu'şum'un Peygamberimiz Aleyhisselâmı Takip Edişi ve Eman Dilemek Zorunda Kalışı" (kitabın dipnotu: İmam Zührî, Megâzî, s:101-103; İbn İshak-İbn Hişam, c:2, s:134-135; Ahmed b. Hanbel, Müsned, c:4, s:176; c:1, s:3; c:3, s:211; İbn Sa'd, Tabakât, c:1, s:232; Buhârî, Sahîh, c:4, s: 259; Müslim, Sahîh, c:4, s:2310-2311; C:1,S:332); Kütüb-i Sitte: Buharî, Menakıbu'l-Ensar 45, Lukata 11, Menakıb 25, Eşribe 12; Müslim, Zühd 75, (2009) [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 5775, c./s. 16/199-200]

---

## 589. Tin mừng cho Suraqah về những chiếc vòng tay của Kisra

**Da'if (Yếu)** LỜI TIÊN TRI VÀ BÁO TRƯỚC

Người nói với Suraqah: “Ngươi sẽ thế nào khi đeo những chiếc vòng tay của Kisra?”, và điều đó đã xảy ra vào thời Umar.

Lời tiên tri: năm 622 CN; Ứng nghiệm: năm 16 H (637 CN)

NGUỒN 19. Mektup listesi (183.txt) no.24, 97; 1000 Mucize no.438 (s.430); web: Said Nursî, Mektubat, 19. Mektup, 6. İşaret; Kādî Iyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 24. fasıl; Questions on Islam, "His Information related to the Future Turn out True"; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 193; ayrıca: İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî, s. 258; Meclisî, Bihâru'l-envâr, c. 18, s. 131; İbn Şehrâşûb, Menâkıb, c. 1, s. 95; al-shia.org (Farsça mucize listeleri); ayrıca: N. İçel, Hz. Muhammed'in (sas) Mucizeleri -2 (2023), "Peygamberimiz Aleyhisselâmın Sürâka'ya Bir Müjdesi" (kitabın dipnotu: İbn Esîr, Kâmil, c:2, s:105; Süheylî, Ravdu'l-ünüf, c:4, s:217; İbn Esîr, Usdu'l-gâbe, c: 2, s:332)

## 590. Vắt sữa từ con cừu hiếm muộn, gầy yếu của Umm Ma'bad

Hasan (Tốt) PHÉP MÀU LIÊN QUAN ĐẾN THỨC ĂN

Trong lều của Umm Ma'bad, con cừu gầy yếu không có sữa, khi Người vuốt bầu vú, đã cho sữa đủ để mọi người uống no.

Năm 622 CN (Hijrah)

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.2 s.181; Beyhakî, Delâil c.1 s.217; 1000 Mucize no.87 (s.60); web: Heysemî, Mecmau'z-zevâid, K. Alâmâti'n-nübüvve, no 14141; İbn Kesîr, el-Bidâye ve'n-Nihâye, c. 6, s. 102 — Delâilü'n-nübüvve: sütün çoğalması; Ebû Nuaym el-İsfahânî, Delâilü'n-nübüvve, 17. fasıl, no. 238; Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 23. fasıl; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 309-311; ayrıca: İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî, s. 74; Meclisî, Bihâru'l-envâr, c. 18, s. 26, 43-44; Râvendî, el-Harâic, c. 1, s. 25; c. 1, s. 146; Tabersî, İ'lâmü'l-verâ, c. 1, s. 76-77; İbn Şehrâşûb, Menâkıb, c. 1, s. 105; İbn Hamza et-Tûsî, es-Sâkıb, s. 85, no. 68/2; al-shia.org (Farsça mucize listeleri); ayrıca: N. İçel, Hz. Muhammed'in (sas) Mucizeleri -2 (2023), "Ümmü Ma'bed Hatunun Çadırına Uğranılması + Peygamberimiz Aleyhisselâmın Sütsüz Koyundan Süt Sağışı" (kitabın dipnotu: İbn Sa'd, Tabakât, c:1, s:230; İbn Seyyid, Uyünu'l-eser, c:1, s:188 / İbn Sa'd, Tabakât, c:1, s:289-230)

## 591. Vắt sữa từ con cừu chưa đẻ

Sahih (Xác thực) PHÉP MÀU LIÊN QUAN ĐẾN THỨC ĂN

Người vắt sữa từ con cừu chưa đẻ của người nô lệ chăn cừu mà Người gặp trên đường.

Năm 622 CN (Hijrah)

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.2 s.185; Beyhakî, Delâil c.4 s.538; 1000 Mucize no.900 (PDF s.750); web: Heysemî, Mecmau'z-zevâid, K. Alâmâti'n-nübüvve, no 14140

## 592. Con cừu từ sa mạc đến được vắt sữa rồi biến mất

Da'if (Yếu) PHÉP MÀU LIÊN QUAN ĐẾN LOÀI VẬT

Một con cừu từ sa mạc đi đến, sau khi được vắt sữa thì biến đi mất.

Thời điểm không rõ (trong một chuyến đi)

NGUỒN 1000 Mucize no.896 (s.745)

## 593. Biết trước việc Suhayb bỏ tài sản mà di cư

Sahih (Xác thực) LỜI TIÊN TRI VÀ BÁO TRƯỚC

Người biết trước, khi Suhayb chưa đến, rằng ông đã bỏ lại tài sản ở Makkah để di cư, và nói: “Cuộc mua bán thật có lời.”

Năm 622 CN (Hijrah)

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.2 s.212; 1000 Mucize no.200 (s.176); web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 313

## 594. Qaswa' theo lệnh quỳ xuống tại chỗ của masjid

Sahih (Xác thực) PHÉP MÀU LIÊN QUAN ĐẾN LOÀI VẬT

Khi vào Madinah, con lạc đà Qaswa' của Người được thả đi với lời “nó đã được ra lệnh”, và nó quỳ xuống tại nơi sẽ là chỗ của masjid.

Năm 1 H (622 CN)

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.2 s.186; 1000 Mucize no.109 (s.84); web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 313; ayrıca: İbn Şehrâşûb, Menâkıb, c. 1, s. 115; Kütüb-i Sitte: Buhârî 7/196-197; Müslim 3/1623 (satırın kaynağı)

---

## 595. Con cừu già cho sữa và đàn cừu được ban phúc

**Hasan (Tốt)** PHÉP MÀU LIÊN QUAN ĐẾN THỨC ĂN

Sau khi cùng Abu Bakr rời Makkah, tại một khu lều của người Ả Rập mà họ ghé qua, Người vuốt bầu vú con cừu già đã cạn sữa của một người phụ nữ sống một mình và vắt được sữa đầy bình; người phụ nữ, con trai bà và Abu Bakr đều uống; bà nhắc đến Người là "người được ban phúc", đàn cừu của bà sinh sôi, và về sau bà đến Madinah theo Islam.

Chuyến đi Hijrah, khoảng năm 1 H (622 CN)

NGUỒN 1000 Mucize no.299 (s.276); web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 311

---

## 596. Người chăn cừu muốn báo tin cho Quraish bị làm cho quên

**Da'if (Yếu)** PHÉP MÀU HỮU HÌNH

Trong cuộc Hijrah, một người chăn cừu nghe tin về họ liền chạy đi để báo cho Quraish; khi vào Makkah, tim hắn như bị đánh trúng, hắn không biết phải làm gì, quên mất mình đi vì việc gì và quay về chỗ cũ.

Hijrah, năm 622 CN

NGUỒN Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 25. fasıl (ismet / korunması)

---

## 597. Madinah bừng sáng khi Người đến và tối sầm khi Người mất

**Sahih (Xác thực)** DẤU HIỆU TRONG CUỘC ĐỜI CỦA NABI

Ngày Người vào Madinah, mọi thứ trong thành đều bừng sáng, còn ngày Người qua đời thì mọi thứ đều tối sầm; Anas nói: "Chúng tôi chưa kịp chôn cất Người và phủi đất khỏi tay thì đã thấy lòng mình xa lạ."

Đến Madinah: năm 1 H (622 CN); Qua đời: năm 11 H (632 CN)

NGUỒN Tirmizî, Menâkıb, bâb 1, no. 3618

---

## 598. Huyayy bin Akhtab nhận ra Nabi ﷺ mà vẫn nuôi lòng thù địch

**Da'if (Yếu)** DẤU HIỆU TRONG CUỘC ĐỜI CỦA NABI

Theo lời Safiyyah bint Huyayy kể, cha bà là Huyayy bin Akhtab và chú bà là Abu Yasir đến gặp Người vào ngày Người đến Quba, lúc mặt trời lặn trở về mệt mỏi; Abu Yasir hỏi: "Có phải là người ấy không?", Huyayy đáp: "Phải, thề bởi Allah; tôi đã nhận ra người ấy qua các đặc điểm, chừng nào tôi còn sống, tôi sẽ là kẻ thù của người ấy."

Hijrah, năm 1 H (622 CN)

NGUỒN Ebû Nuaym el-İsfahânî, Delâilü'n-nübüvve, 5-6. fasıl (önceki kitaplar, kâhinler ve meliklerin beklentisi), no. 37

---

## 599. Tiếng nói vô hình ở Makkah đọc bài thơ về Umm Ma'bad

**Da'if (Yếu)** PHÉP MÀU HỮU HÌNH

Sau Hijrah, ở Makkah (phía núi Abu Qubays), một tiếng nói vô hình không thấy chủ lớn tiếng đọc thơ: "Cầu Allah ban phần thưởng tốt đẹp nhất cho hai người bạn đường đã dừng chân ở lều của Umm Ma'bad…"; người Makkah biết được hướng Người đi qua tiếng nói ấy, và Hassan bin Thabit đáp lại bằng thơ.

Hijrah, năm 622 CN

NGUỒN Ebû Nuaym el-İsfahânî, Delâilü'n-nübüvve, 17. fasıl (hicret yolundaki âyetler), no. 238

---

## 600. Abu Bakr bị rắn cắn trong hang Thawr được chữa lành

Da'if (Yếu) CHỮA LÀNH VÀ CHE CHỞ

Trong hang Thawr, Abu Bakr lấy chân bịt một cái lỗ và bị rắn cắn; Người cầu xin và lấy tay xoa lên, chỗ sưng và cơn đau liền biến mất.

Hijrah, năm 622 CN

NGUỒN Molla Câmî, Şevâhidü'n-Nübüvve, 4. bölüm

---

## 601. Cái cây nảy mầm che kín cửa hang Thawr

Da'if (Yếu) PHÉP MÀU LIÊN QUAN ĐẾN THIÊN NHIÊN

Khi họ vào hang Thawr, một cái cây mọc lên xanh tươi ở cửa hang che lấp lối vào (cùng với bồ câu và nhện).

Hijrah, năm 622 CN

NGUỒN Molla Câmî, Şevâhidü'n-Nübüvve, 4. bölüm

---

## 602. Người con trai tàn tật của Umm Ma'bad được chữa lành

Da'if (Yếu) CHỮA LÀNH VÀ CHE CHỞ

Trên đường Hijrah, Người cầu xin cho người con trai tàn tật tên Ma'bad của Umm Ma'bad, và đứa trẻ khỏi bệnh, bắt đầu biết đi.

Hijrah, năm 622 CN

NGUỒN Molla Câmî, Şevâhidü'n-Nübüvve, 4. bölüm

---

## 603. Cây chữa bệnh mọc lên từ nước súc miệng

Da'if (Yếu) PHÉP MÀU LIÊN QUAN ĐẾN THIÊN NHIÊN

Trong lều của Umm Ma'bad, Người đổ nước súc miệng xuống gốc một bụi gai ('awsajah); sáng ra đã mọc lên một cái cây lớn, sai trái, thơm mùi xạ hương, trái của nó chữa được bệnh.

Hijrah, năm 622 CN

NGUỒN Molla Câmî, Şevâhidü'n-Nübüvve, 4. bölüm

---

## 604. Trên đường Hijrah, Buraydah bin al-Husayb al-Aslami cùng bảy mươi kỵ sĩ chặn...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Trên đường Hijrah, Buraydah bin al-Husayb al-Aslami cùng bảy mươi kỵ sĩ chặn đường Người để lĩnh thưởng, nhưng khi nói chuyện với Người, ông cùng thuộc hạ lập tức tin theo.

Hijrah, năm 622 CN

NGUỒN Molla Câmî, Şevâhidü'n-Nübüvve, 4. bölüm

## 605. Khi lời thề trung thành Aqabah hoàn tất, Shaytan la lên từ đỉnh núi: “Hỡi...”

Hasan (Tốt) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Khi lời thề trung thành Aqabah hoàn tất, Shaytan la lên từ đỉnh núi: “Hỡi Quraish, Aws và Khazraj đã thỏa thuận đánh nhau với các người”; Người nói: “Đừng để tiếng nói này làm các ngươi sợ; đó là Iblis, kẻ thù của Allah, nó không thể để những kẻ các ngươi sợ nghe được.”

Lời thề trung thành Aqabah lần thứ hai (năm 622 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 303 (Kendisini kabilelere arz etmesinde görülen âyetler bâbı)

## 606. Đêm Aqabah, Jibril có mặt ở đó, và chỉ có Harithah bin an-Nu'man nhìn thấy ngài...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Đêm Aqabah, Jibril có mặt ở đó, và chỉ có Harithah bin an-Nu'man nhìn thấy ngài trong hình dạng một người đàn ông mặc đồ trắng.

Lời thề trung thành Aqabah lần thứ hai (năm 622 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 303 (Kendisini kabilelere arz etmesinde görülen âyetler bâbı)

## 607. Đêm Hijrah, khi họ ra khỏi cửa sau (khawkhah) nhà Abu Bakr, người đầu tiên họ...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Đêm Hijrah, khi họ ra khỏi cửa sau (khawkhah) nhà Abu Bakr, người đầu tiên họ gặp là Abu Jahl; Allah che mắt hắn, hắn không thấy Người và Abu Bakr, và họ đi ngang qua hắn.

Đêm Hijrah (năm 622 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 305 (Hicrette meydana gelen âyetler ve mucizeler bâbı)

## 608. Abu Bakr lo lắng khi thấy một người đàn ông đứng ngay trước cửa hang; Người...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Abu Bakr lo lắng khi thấy một người đàn ông đứng ngay trước cửa hang; Người nói: “Các Thiên Thần đang dùng cánh che chở chúng ta”; người đàn ông ngồi quay mặt về phía họ mà đi tiểu, cho thấy hắn không nhìn thấy họ.

Hijrah (năm 622 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 305 (Hicrette meydana gelen âyetler ve mucizeler bâbı)

## 609. Trong hang, Người bảo Abu Bakr đang khát: “Hãy đi vào đáy hang mà uống”; Abu...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Trong hang, Người bảo Abu Bakr đang khát: “Hãy đi vào đáy hang mà uống”; Abu Bakr uống được thứ nước ngọt hơn mật ong, trắng hơn sữa, thơm hơn xạ hương, và Người nói: “Allah đã ra lệnh cho Thiên Thần coi các dòng sông Thiên Đàng khơi một dòng sông từ Firdaws đến hang này.”

Hijrah (năm 622 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 307 (Hicrette meydana gelen âyetler ve mucizeler bâbı)

## 610. Sau lời thề trung thành Aqabah, Sa'd bin Ubadah đi Hadramawt, trên đường về ban...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Sau lời thề trung thành Aqabah, Sa'd bin Ubadah đi Hadramawt, trên đường về ban đêm nghe tiếng hai giọng nói vô hình; giọng thứ hai nói: “Giữa Zuhrah và Yathrib có việc lạ lùng: vị Nabi của hòa bình đã được cử phái với lời nói tốt đẹp nhất, đã được đưa từ đất thánh đến vùng đất có vườn chà là và thành lũy.”

Trong lúc Hijrah (năm 622 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 308 (Hicrette meydana gelen âyetler ve mucizeler bâbı)

## 611. Con dê mà Người đã chạm vào bầu vú của Umm Ma'bad sống đến năm hạn hán Ramadah...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Con dê mà Người đã chạm vào bầu vú của Umm Ma'bad sống đến năm hạn hán Ramadah vào thời Umar, và dù trên mặt đất không còn gì, nó vẫn được vắt sữa sáng chiều.

Hijrah (năm 622 CN) – năm 18 H (639 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 311 (Hicrette meydana gelen âyetler ve mucizeler bâbı)

## 612. Trên đường Hijrah, khi họ xin sữa, một người chăn cừu mang đến con dê cái non...

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Trên đường Hijrah, khi họ xin sữa, một người chăn cừu mang đến con dê cái non đã đẻ hồi đầu năm và cạn sữa; Người vuốt bầu vú và cầu xin, sữa liền chảy xuống; Người cho Abu Bakr và người chăn cừu uống rồi mới uống; người chăn cừu hỏi: “Ngài là ai?” và làm chứng cho sứ mạng Nabi của Người.

Hijrah (năm 622 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 312 (Hicrette meydana gelen âyetler ve mucizeler bâbı)

## 613. Qua câu kinh “Đấng đã bắt buộc ngươi theo Qur'an chắc chắn sẽ đưa ngươi trở về...”

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Qua câu kinh “Đấng đã bắt buộc ngươi theo Qur'an chắc chắn sẽ đưa ngươi trở về nơi trở về (ma'ad)”, trên đường Hijrah (ở Juhfah) Người được báo rằng Người sẽ trở lại Makkah, và điều đó ứng nghiệm với cuộc chinh phục.

Lời tiên tri: Hijrah (năm 622 CN); Ứng nghiệm: chinh phục Makkah, năm 8 H (630 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 312 (Hicrette meydana gelen âyetler ve mucizeler bâbı)

## 614. Khi Người đến Madinah, Abdullah bin Salam chạy đến xem Người, vừa nhìn mặt...

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Khi Người đến Madinah, Abdullah bin Salam chạy đến xem Người, vừa nhìn mặt Người đã nói: “Gương mặt này không phải gương mặt của kẻ nói dối”, và hiểu rằng Người chân thật.

Hijrah, năm 1 H (622 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 314 (Yahudilerin onunla buluşması, soruları ve doğruluğunu bilmeleri bâbı)

## 615. Umm Ayman di cư từ Makkah đến Madinah không lương thực, không nước uống; gần...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Umm Ayman di cư từ Makkah đến Madinah không lương thực, không nước uống; gần ar-Rawha' bà khát dữ dội thì một gàu nước theo sợi dây trắng từ trời thả xuống; bà uống no, và từ đó dù nhịn chay vào ngày nóng nhất bà cũng không thấy khát.

Hijrah, khoảng năm 622 CN

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 120 (Türlerine göre mucizeler bölümü (alt bâb başlığı özetten alınamadı))

## 616. Trong cuộc Hijrah, người theo dấu Abu Kurz al-Khuza'i lần theo dấu chân Người...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Trong cuộc Hijrah, người theo dấu Abu Kurz al-Khuza'i lần theo dấu chân Người, nhìn dấu chân rồi nói: “Đây là dấu chân của Muhammad; thề bởi Allah, nó giống hệt dấu chân (của Ibrahim) ở Maqam.”

Hijrah, năm 622 CN

NGUỒN Râvendî, el-Harâic ve'l-cerâih, c. 1, s. 144 (el-Bâbü'l-evvel fî mu'cizâti nebiyyinâ Muhammed)

## 617. Để trấn an Abu Bakr vẫn còn sợ Quraish trong hang, Người lấy chân đạp vào vách...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Để trấn an Abu Bakr vẫn còn sợ Quraish trong hang, Người lấy chân đạp vào vách sau của hang; một cánh cửa mở ra biển và một con thuyền hiện ra; Người nói: “Giờ hãy yên lòng; nếu chúng vào từ cửa, chúng ta sẽ ra đằng này và lên thuyền.”

Hijrah, năm 622 CN

NGUỒN Râvendî, el-Harâic ve'l-cerâih, c. 1, s. 145 (el-Bâbü'l-evvel fî mu'cizâti nebiyyinâ Muhammed)

## 618. Miệng hang Thawr hẹp đã mở rộng khi Người đến, rồi trở lại như cũ sau khi Người...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Miệng hang Thawr hẹp đã mở rộng khi Người đến, rồi trở lại như cũ sau khi Người vào; theo lời thuật của al-Waqidi, tảng đá dốc chắn trước mặt Người đã nứt ra nhường đường.

Hijrah, năm 622 CN

NGUỒN İbn Şehrâşûb, Menâkıbü Âl-i Ebî Tâlib (Necef 1376/1956 baskısı), c. 1, s. 111 (fasl fî i'câzihî (çeşitli mucizeler))

## 619. Trong hang, Người nói với Abu Bakr: “Ta thấy con thuyền của Ja'far bin Abi...”

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Trong hang, Người nói với Abu Bakr: “Ta thấy con thuyền của Ja'far bin Abi Talib và các bạn đang chòng chành trên biển, và thấy người Ansar đang ngồi trong các buổi họp của họ”; Abu Bakr muốn xem, Người vuốt mắt ông và cho ông cũng thấy (Khalid bin Najih ← Imam as-Sadiq; lời thuật được kể kèm cách giải thích bất lợi cho Abu Bakr).

Hijrah, năm 622 CN

NGUỒN Meclisî, Bihâru'l-envâr, c. 18, s. 109 (Bâb 11: gaybî haberleri)

## 620. Abdullah bin Salam, người đã biết từ cha mình đặc điểm của vị Nabi thời cuối...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Abdullah bin Salam, người đã biết từ cha mình đặc điểm của vị Nabi thời cuối cùng trong Kinh Tawrah, nghe tin Người đến Quba thì run lên và hô Takbir; người cô già Khalidah bint al-Harith gắt: “Dù nghe tin Musa bin Imran đến, cháu cũng không làm hơn thế”, rồi hỏi: “Phải chăng người ấy là vị Nabi mà người ta đã báo cho chúng ta là sẽ được cử phái gần Ngày Tận Thế?”, nghe trả lời “Phải” thì chấp nhận; về sau người cô cũng theo Islam.

Hijrah, năm 1 H (622 CN)

NGUỒN N. İçel, Hz. Muhammed'in (sas) Mucizeleri -1 (2023), "Yahudî Âlimlerinden Abdullah b. Selâm'ın Müslüman Oluşu" (kitabın dipnotu: Şuarâ:197 / İbn İshak-Sîre, c:2, s:163-164,220; İbn Sa'd, Tabakât, c. 2, s. 353; Belâzurî, Ensâb, c:1, s:266; Ahmed b. Hanbel, Müsned, c:3, s:108,211,)

## 621. Trên đường Hijrah, Người vừa thấy Abu Layla thuộc bộ tộc Sulaym, người không...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Trên đường Hijrah, Người vừa thấy Abu Layla thuộc bộ tộc Sulaym, người không biết Người và đang mang bức thư của Tubba', đã gọi đúng tên ông và nói: “Ông có bức thư của Tubba', hãy đưa đây”; Abu Layla kinh ngạc: “Sao ngài biết được thứ tôi mang theo?”; khi bức thư được đọc, Người nói ba lần: “Chào mừng người anh em đức hạnh Tubba'.”

Đường Hijrah, năm 622 CN

NGUỒN N. İçel, Hz. Muhammed'in (sas) Mucizeleri -1 (2023), "Peygamberimiz Aleyhisselâmın İçinde Yedi Ay Kaldığı Evin Tarihçesi" (kitabın dipnotu: İbn Asâkir, Târih, c:3, s:334-335; Süheylî, Ravdu'l-ünüf, c:1, s:163; Vâkıdî, Fütûhu'ş-Şâm, c:1, s:33)

## 622. Đêm Hijrah, Người nói với Abu Jahl đang chế giễu Người trước cửa: “Chính ta nói...”

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Đêm Hijrah, Người nói với Abu Jahl đang chế giễu Người trước cửa: “Chính ta nói điều đó; ngươi cũng là một trong những kẻ sau khi bị giết vì không tin ta sẽ cháy trong Hỏa Ngục”; Abu Jahl bị giết ở Badr trong tình trạng ngoại đạo.

Lời tiên tri: năm 622 CN (đêm Hijrah); Ứng nghiệm: Badr, năm 2 H (624 CN)

NGUỒN N. İçel, Hz. Muhammed'in (sas) Mucizeleri -2 (2023), "Peygamberimiz Aleyhisselâmın Müşriklerin Başlarına Toprak Saçarak Aralarından Geçip Gidişi" (kitabın dipnotu: İbn İshak-İbn Hişam, Sîre, c:2, s:127; Abdurrezzak, Musannef, c:5, s:390; İbn Sa'd, Tabakât, c:1, s:228; Taberî, Târîh, c:2, s:245; Yâkubî, Târîh, c:2, s:39)

## 623. Ali trả lại những thứ được gửi cho chủ của chúng rồi đi bộ ban đêm đến Quba...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Ali trả lại những thứ được gửi cho chủ của chúng rồi đi bộ ban đêm đến Quba, đôi chân sưng phồng, nứt nẻ và chảy máu; Người lấy tay xoa và cầu xin, ông không còn đau đớn gì nữa.

Hijrah, Rabi' al-Awwal năm 1 H (622 CN), Quba

NGUÔN N. İçel, Hz. Muhammed'in (sas) Mucizeleri -2 (2023), "X-] ŞİFA MU'CİZELERİ" (kitabın dipnotu: İbn Sa'd, Tabakâtü'l-kübrâ, c:3, s: 22; İbn Esîr, Usdu'l-gâbe, c:4, s:96)

## 17 · Năm thứ 1 sau Hijrah (năm 622–623 CN): định cư ở Madinah

### 624. Người trả lời ba câu hỏi của Abdullah bin Salam mà “chỉ một vị Nabi mới biết”...

**Sahih (Xác thực)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người trả lời ba câu hỏi của Abdullah bin Salam mà “chỉ một vị Nabi mới biết”, và ông theo Islam.

Năm 1 H (622–623 CN)

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.2 s.216; Beyhakî, Delâil c.5 s.19; İbn Kesîr s.103; web: Mişkâtü'l-Mesâbîh, Fezâil, bâbün fi'l-mu'cizât, no. 5870; A'zamî, el-Câmiu'l-Kâmil, Sîre, bâb 584; Ebû Nuaym el-İsfahânî, Delâilü'n-nübüvve, 17. fasıl, no. 247; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 314; ayrıca: İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî, s. 216; İbnü'l-Cevzî, el-Vefâ, s. 345; ayrıca: N. İçel, Hz. Muhammed'in (sas) Mucizeleri -1 (2023), "Yahudî Âlimlerinden Abdullah b. Selâm'ın Müslüman Oluşu" (kitabın dipnotu: İbn İshak-Sîre, c:2, s:163-164,220; İbn Sa'd, Tabakât, c. 2, s. 353; Belâzurî, Ensâb, c:1, s:266; Ahmed b. Hanbel, Müsned, c:3, s:108,211,); Kütüb-i Sitte: Buhârî 3329, 3938 (satırın kaynağı)

### 625. Talq bin Ali và bộ tộc mang nước súc miệng của Người về quê, biến nhà thờ thành...

**Sahih (Xác thực)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Talq bin Ali và bộ tộc mang nước súc miệng của Người về quê, biến nhà thờ thành masjid; nước ấy không vơi đi.

Năm 1 H (622–623 CN)

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.2 s.232; web: Ebû Nuaym el-İsfahânî, Delâilü'n-nübüvve, 5-6. fasıl, no. 47; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 69; Kütüb-i Sitte: Nesâî, Mesacid 11, (2, 38-39) [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 5524, c./s. 15/336]

### 626. Khi đến Madinah, cơn sốt rét hành hạ các Sahabah đã được chuyển đến Juhfah nhờ lời cầu xin của Người

**Sahih (Xác thực)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Khi đến Madinah, cơn sốt rét hành hạ các Sahabah đã được chuyển đến Juhfah nhờ lời cầu xin của Người.

Năm 1 H (622–623 CN)

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.2 s.263; İbn Kesîr s.78; 1000 Mucize no.197 (s.174); web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 319; ayrıca: Râvendî, el-Haraic, c. 1, s. 49; Meclisî, Bihâru'l-envâr, c. 18, s. 9; ayrıca: N. İçel, Hz. Muhammed'in (sas) Mucizeleri -2 (2023), "Ashabın Medine'de Hastalanışı ve Peygamberimiz Aleyhisselâmın Medine Hakkında Dua Edişi" (kitabın dipnotu: İbn İshak-İbn Hişam, Sîre, c:2, s:238-239; Müslim, Sahih, c:2, s:1000-1003; Ahmed b. Hanbel, Müsned, c:6, s:65,83,260;C:3,S:260; Buhârî, Sahih, c:2, s: 225;C:4,S:264; İbn Esîr, Nihâye, c:4, s: 308; Firuzâbadi, Kâmüs, c:1, s:349; Mâlik, Muvatta, c:2, s:885); Kütüb-i Sitte: Buhâri, Fezailu'l-Medine 11, Menakıbu'l-Ensâr 46, Mardâ 8, 22, 43; Müslim, Hacc 480, (1376) [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 4603, c./s. 13/184-185]

### 627. Người cầu xin phúc lành cho đồ đong lường và bổng lộc của Madinah

**Sahih (Xác thực)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người cầu xin phúc lành cho đồ đong lường và bổng lộc của Madinah.

Năm 1 H (622–623 CN)

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.2 s.263; İbn Kesîr s.78; 1000 Mucize no.196 (s.174); web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 320; ayrıca: N. İçel, Hz. Muhammed'in (sas) Mucizeleri -2 (2023), "Ashabın Medine'de Hastalanışı ve Peygamberimiz Aleyhisselâmın Medine Hakkında Dua Edişi" (kitabın dipnotu: İbn İshak-İbn Hişam, Sîre, c:2, s:238-239; Müslim, Sahih, c:2, s:1000-1003; Ahmed b. Hanbel, Müsned, c:6, s:65,83,260;C:3,S:260; Buhârî, Sahih, c:2, s: 225;C:4,S:264; İbn Esîr, Nihâye, c:4, s: 308; Firuzâbadi, Kâmüs, c:1, s:349; Mâlik, Muvatta, c:2, s:885); Kütüb-i Sitte: Buhâri, Fezailu'l-Medine 11; Müslim, Hacc 480, (1376); Buhârî, Büyu' 53; Müslim, Hacc 465, (1368); Müslim, Hacc 473,

(1373); Tirmizî, Da'avât 55, (3450) [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 4603, c./s. 13/184-185; no. 4604, c./s. 13/186; no. 4605, c./s. 13/187]

---

## 628. Bữa ăn cho hai người của Abu Ayyub al-Ansari lần lượt làm no 30, 60 và 90 người...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Bữa ăn cho hai người của Abu Ayyub al-Ansari lần lượt làm no 30, 60 và 90 người (tổng cộng 180 người).

Năm 1 H (622–623 CN)

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.4 s.550; 19. Mektup listesi (183.txt) no.60, 120, 135; 1000 Mucize no.167 (s.145); web: Heysemî, Mecmau'z-zevâid, K. Alâmâti'n-nübüvve, no 14112; İbn Kesîr, el-Bidâye ve'n-Nihâye, c. 6, s. 111 — Delâilü'n-nübüvve: yemeğin çoğalması; Said Nursî, Mektubat, 19. Mektup, 7. İşaret, 2. misal; Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 15. fasıl; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 80; ayrıca: İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî, s. 90; İbnü'l-Cevzî, el-Vefâ, s. 282; ayrıca: N. İçel, Hz. Muhammed'in (sas) Mucizeleri -2 (2023), "Ensardan Yüz Seksen Kişinin Peygamberimize Bey'at Edişi" (kitabın dipnotu: Ebu Nuaym, Delâilü'n-nübüvve, c:2, s:428, Kadı İyaz, Şifa, c:1, s:243-244)

---

## 629. Abdullah bin Zayd được dạy các lời của Azan trong giấc mơ, và Thiên Sứ của...

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Abdullah bin Zayd được dạy các lời của Azan trong giấc mơ, và Thiên Sứ của Allah ﷺ nói: “Đó là giấc mơ chân thật.”

Năm 1 H (622–623 CN)

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.5 s.352; web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 322-323; Kütüb-i Sitte: Ebû Dâvûd; Tirmizî ; İbn Mâce 707 [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 2454; no. 2453; no. 6199, c./s. 16/626]

---

## 630. Sau Hijrah, Abu Bakr và Bilal bị bệnh ở Madinah đang có dịch và than thở; Người...

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Sau Hijrah, Abu Bakr và Bilal bị bệnh ở Madinah đang có dịch và than thở; Người cầu xin: “Lạy Allah, xin hãy khiến chúng con yêu Madinah như yêu Makkah, thậm chí hơn nữa, và xin làm cho nó trong lành.”

Ngay sau Hijrah, năm 1 H (622–623 CN)

NGUỒN 1000 Mucize no.195 (s.174); ayrıca: N. İçel, Hz. Muhammed'in (sas) Mucizeleri -2 (2023), "Ashabın Medine'de Hastalanışı ve Peygamberimiz Aleyhisselâmın Medine Hakkında Dua Edişi" (kitabın dipnotu: İbn İshak-İbn Hişam, Sîre, c:2, s:238-239; Müslim, Sahih, c:2, s:1000-1003; Ahmed b. Hanbel, Müsned, c:6, s:65,83,260;C:3,S:260; Buhârî, Sahih, c:2, s: 225;C:4,S:264; İbn Esîr, Nihâye, c:4, s: 308; Firuzâbadi, Kâmüs, c:1, s:349; Mâlik, Muvatta, c:2, s:885); Kütüb-i Sitte: Buhâri, Fezailu'l-Medine 11, Menakıbu'l-Ensâr 46, Mardâ 8, 22, 43; Müslim, Hacc 480, (1376) [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 4603, c./s. 13/184-185]

---

## 631. Khi Người đến Madinah, dịch bệnh bao trùm thành phố làm các Sahabah kiệt sức...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Khi Người đến Madinah, dịch bệnh bao trùm thành phố làm các Sahabah kiệt sức, nhưng Người không bị ảnh hưởng và vẫn bình an.

Ngay sau Hijrah, năm 1 H (622–623 CN)

NGUỒN 1000 Mucize no.198 (s.175); ayrıca: N. İçel, Hz. Muhammed'in (sas) Mucizeleri -2 (2023), "Ashabın Medine'de Hastalanışı ve Peygamberimiz Aleyhisselâmın Medine Hakkında Dua Edişi" (kitabın dipnotu: İbn İshak-İbn Hişam, Sîre, c:2, s:238-239; Müslim, Sahih,

c:2, s:1000-1003; Ahmed b. Hanbel, Müsned, c:6, s:65,83,260;C:3,S:260; Buhârî, Sahih, c:2, s: 225;C:4,S:264; İbn Esîr, Nihâye, c:4, s: 308; Firuzâbadi, Kâmüs, c:1, s:349; Mâlik, Muvatta, c:2, s:885)

---

## 632. Khi Người đến Madinah, Abu Amir tranh cãi với Người và nói: “Cầu Allah cho kẻ...”

**Da'if (Yếu)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Khi Người đến Madinah, Abu Amir tranh cãi với Người và nói: “Cầu Allah cho kẻ nói dối chết trong cảnh bị xua đuổi, tha hương và cô độc”, Người nói: “Phải, ai nói dối thì cầu Allah làm như vậy với kẻ đó”; Abu Amir trốn sang Makkah, sau cuộc chinh phục thì sang Ta'if, khi Ta'if theo Islam thì sang Sham, và chết ở đó trong cảnh bị xua đuổi, tha hương và cô độc.

Lời nói: sau Hijrah, khoảng năm 1 H (622 CN); Ứng nghiệm: ở Sham sau khi Ta'if theo Islam, khoảng năm 9–10 H (630–631 CN)

NGUỒN 1000 Mucize no.281 (s.259); web: Ebû Nuaym el-İsfahânî, Delâilü'n-nübüvve, 5-6. fasıl, no. 41; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 48; ayrıca: İbnü'l-Cevzî, el-Vefâ, s. 37; ayrıca: N. İçel, Hz. Muhammed'in (sas) Mucizeleri -1 (2023), "Ebu Âmir Fâsık'ın Tâif'ten Şam'a Kaçışı ve Âkibeti" (kitabın dipnotu: İbn İshak-İbn Hişam, Sîre, c:3, s:71; İbn Sa'd, Tabakât, c:3, s:540-541; Vâkidî, Megâzî, c:2, s:441, Ebu Nuaym, Delâil, c:1, s:81) · N. İçel, Hz. Muhammed'in (sas) Mucizeleri -2 (2023), "Kuba Münâfıkları ve Ebu Âmir'in Peygamberimiz Aleyhisselâm ile Tartışması ve Âkibeti" (kitabın dipnotu: İbn İshak-İbn Hişam, C:4.S:174,235; c:3, s:71; Taberî, Tefsir, c:11, s:24; İbn Sa'd, Tabakât, c:3, s:540-541; Vâkıdî, Megâzî, c:2, s:441.)

---

## 633. Trong giấc mơ, Người thấy một người phụ nữ da đen tóc bạc (rối bời) ra khỏi...

**Sahih (Xác thực)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Trong giấc mơ, Người thấy một người phụ nữ da đen tóc bạc (rối bời) ra khỏi Madinah đi đến Mahya'ah ở Juhfah, và Người giải giấc mơ ấy là bệnh dịch (sốt) ở Madinah đã được chuyển đến đó.

Đầu thời kỳ Madinah, khoảng năm 1 H (622–623 CN)

NGUỒN 1000 Mucize no.980 (s.794); web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 319; Kütüb-i Sitte: Buharî, Ta'bir 41, 42, 43; Tirmizî, Rü'ya 10, (2291) [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 968, c./s. 4/536]

---

## 634. Khi Người đến Madinah, gia đình Rafi' bin Sinan mang đến cho Người một trang...

**Da'if (Yếu)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Khi Người đến Madinah, gia đình Rafi' bin Sinan mang đến cho Người một trang giấy họ giữ làm gia bảo từ thời Jahiliyah, mô tả các đặc điểm của Ummah thời cuối cùng (họ vượt qua biển cả; nếu lễ nguyện của họ có trong dân của Nuh thì dân ấy đã không bị tiêu diệt bởi trận Đại Hồng Thủy); khi trang giấy được đọc, Người kinh ngạc.

Năm 1 H (622 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 28 (Tevrat ve İncil'de anılması bâbı)

---

## 635. Khi xây Masjid của Nabi, Abu Bakr nhắc đến những cây cột còn để lại ở nhà mình...

**Da'if (Yếu)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Khi xây Masjid của Nabi, Abu Bakr nhắc đến những cây cột còn để lại ở nhà mình tại Makkah; Người cầu xin, và những cây cột mọc cánh bay đến Madinah.

Năm 1 H (622–623 CN)

NGUỒN Molla Câmî, Şevâhidü'n-Nübüvve, 4. bölüm

## 636. Từ hai mươi lăm trái chà là Salman al-Farisi mang đến, tất cả các Sahabah đều...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Từ hai mươi lăm trái chà là Salman al-Farisi mang đến, tất cả các Sahabah đều ăn, và khoảng một nghìn hạt chà là dồn lại ở giữa.

Năm 1 H (622 CN), Salman theo Islam

NGUỒN Nişancızâde, Mir'ât-ı Kâinât'tan

## 637. Người hỏi một người đến từ đường Makkah: “Ngươi có gặp ai trên đường không?”...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người hỏi một người đến từ đường Makkah: “Ngươi có gặp ai trên đường không?”; người ấy đáp: “Tôi chỉ thấy một người phụ nữ da đen trần truồng, đầu tóc rối bời”; Người nói: “Đó là bệnh sốt; từ nay về sau nó sẽ không bao giờ trở lại (Madinah).”

Năm 1 H (622–623 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 320 (Vebâ, humma ve tâunun Medine'den kaldırılması mucizesi bâbı)

## 638. Khi Người đặt nền móng Masjid của Nabi, theo dấu hiệu của Jibril, những ngọn...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Khi Người đặt nền móng Masjid của Nabi, theo dấu hiệu của Jibril, những ngọn núi ở giữa được nhấc lên (nghiêng đi) và Ka'bah hiện ra trước mắt Người; Người nhìn Ka'bah mà xác định Qiblah, rồi mọi thứ trở lại như cũ.

Xây Masjid của Nabi, năm 1 H (622–623 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 321 (Mescidin inşası sırasında görülen âyetler bâbı)

## 639. Khi xây Masjid Quba, Người tự tay khuân đá và đặt Qiblah, và nói: “Jibril đang...”

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Khi xây Masjid Quba, Người tự tay khuân đá và đặt Qiblah, và nói: “Jibril đang chỉ cho ta Ka'bah (đang dẫn hướng Qiblah).”

Xây Masjid Quba, năm 1 H (622 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 321 (Mescidin inşası sırasında görülen âyetler bâbı)

## 640. Khi Người đến Madinah, Muhammad bin Anas bin Fadalah mới là đứa bé hai tuần...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Khi Người đến Madinah, Muhammad bin Anas bin Fadalah mới là đứa bé hai tuần tuổi; Người xoa đầu cậu và cầu xin phúc lành, rồi nói: “Hãy đặt theo tên ta, nhưng đừng đặt theo biệt danh (kunyah) của ta”; khi cậu về già, tóc và râu bạc trắng, chỗ tay Người đã chạm vẫn không bạc.

Năm 1 H (622 CN); Dấu tích: suốt đời

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 138 (Mübarek elinin değdiği yerde görülen eserler (saçın ağarmaması vb.) bâbı)

## 641. Abu Ayyub al-Ansari than phiền về một con ghoul lấy chà là/thức ăn từ kệ của...

Hasan (Tốt) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Abu Ayyub al-Ansari than phiền về một con ghoul lấy chà là/thức ăn từ kệ của ông, Người nói: “Khi thấy nó, hãy nói: ‘Bismillah, hãy đáp lời Thiên Sứ của Allah’”; con ghoul (Jinn đến trong hình con mèo) bị bắt thề sẽ không đến nữa, và mỗi lần như vậy Thiên Sứ của Allah ﷺ đều báo: “Nó nói dối, nó sẽ lại đến”, đến lần thứ ba nó dạy Ayat al-Kursi; Người còn báo trước: “Ngày mai ngươi sẽ thấy trong đó một con mèo.”

Khoảng năm 1 H (622–623 CN) (thời gian ở nhà Abu Ayyub)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 163-164 (Ashabının cinleri görmesi ve sözlerini işitmesine dair mucizeler)

## 642. Khi người sứ giả mang quà/tin đến Uthman về trễ, Người nói: “Ta nói cho ngươi...”

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Khi người sứ giả mang quà/tin đến Uthman về trễ, Người nói: “Ta nói cho ngươi biết điều gì đã giữ chân ngươi nhé? Ngươi nhìn Uthman và Ruqayyah và mải mê ngắm vẻ đẹp của họ”, và người sứ giả xác nhận điều đó.

Năm 1–2 H (trước khi Ruqayyah qua đời)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 180 (Önceki bâblarda geçenler dışında haber verdiği gaybî şeylere dair mucizeler)

## 643. Khi xây masjid ở Madinah, Người đặt viên đá đầu tiên, tiếp theo lần lượt là Abu...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Khi xây masjid ở Madinah, Người đặt viên đá đầu tiên, tiếp theo lần lượt là Abu Bakr, Umar và Uthman, và Người nói: “Đây là những người sẽ đảm nhận công việc sau ta (các Khalifah)” (do Safinah và Aisha thuật lại).

Lời tiên tri: năm 1 H (622 CN); Ứng nghiệm: năm 11–35 H (632–656 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 194 (kendisinden sonra olacakları haber vermesi ve haber verdiği gibi çıkması)

## 644. Nền móng masjid Quba và các Khalifah Chính Trực

Da'if (Yếu) LỜI TIÊN TRI VÀ BÁO TRƯỚC

Khi Người đặt nền móng masjid Quba, chỉ có Abu Bakr, Umar và Uthman ở bên Người; Qutbah bin Malik hỏi: “Ngài xây masjid này chỉ với ba người này sao?”, Người đáp: “Đây là những người sẽ nắm quyền Khalifah sau ta.”

Lời tiên tri: năm 1 H (622 CN), Quba; Ứng nghiệm: năm 11–35 H

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 195 (kendisinden sonra olacakları haber vermesi ve haber verdiği gibi çıkması)

## 645. Salman thấy đám mây che bóng cho bảy người

Da'if (Yếu) PHÉP MÀU LIÊN QUAN ĐẾN THIÊN NHIÊN

Trong khu vườn nơi ông làm nô lệ, Salman thấy bảy người có một đám mây che bóng trên đầu và đi theo họ, và ông nói: “Trong số họ có một vị Nabi.”

Quanh thời điểm Hijrah (khoảng năm 622 CN), thời điểm không rõ

NGUỒN Râvendî, el-Harâic ve'l-cerâih, c. 3, s. 1081 (el-Bâbü'l-ışrûn fî alâmât ve merâtib nebiyyinâ ve evsiyâih)

## 646. Người mẹ mù của Abu Ayyub được chữa lành

Da'if (Yếu) CHỮA LÀNH VÀ CHE CHỞ

Người mẹ mù của Abu Ayyub nói: “Ước gì tôi có mắt để được nhìn thấy Người”; Người đặt tay lên mặt bà, và mắt bà sáng ra; đây là phép màu đầu tiên của Người ở Madinah.

Hijrah, đến Madinah (năm 622 CN)

NGUỒN İbn Şehrâşûb, Menâkıbü Âl-i Ebî Tâlib (Necef 1376/1956 baskısı), c. 1, s. 115-116 (fasl fîmâ zahara mine'l-hayevânât ve'l-cemâdât)

## 647. Phúc lành nơi món tharid của As'ad bin Zurarah

Da'if (Yếu) PHÉP MÀU LIÊN QUAN ĐẾN THỨC ĂN

Từ một bát tharid mà Abu Umamah As'ad bin Zurarah gửi đến mỗi ngày vào buổi trưa và buổi tối, Người cùng những người bên mình ăn và tất cả đều no, còn cái bát được trả về nguyên như cũ.

Madinah, năm 1 H (622–623 CN)

NGUỒN İbn Hamza et-Tûsî, es-Sâkıb fi'l-menâkıb (thk. Nebîl Rızâ Ulvân, Kum: Ensâriyân, 2. bs. 1412), s. 48, no. 14/3 (fasl: âyâtühû fi'l-et'ime ve'l-eşribe)

## 648. Con dê con sống lại ở nhà Abu Ayyub

Da'if (Yếu) PHÉP MÀU LIÊN QUAN ĐẾN LOÀI VẬT

Khi Người đến Madinah và ở nhà Abu Ayyub, từ con dê con duy nhất và một sa' lúa mạch trong nhà người ta nấu một bữa ăn và gọi: “Ai cần lương thực hãy đến nhà Abu Ayyub”; đám đông kéo đến như nước lũ và đều ăn no mà thức ăn không vơi; Người cho đặt xương vào trong da nó và nói: “Nhờ phép của Allah, hãy đứng dậy”, con dê con sống lại, và mọi người đọc lời chứng nhận đức tin (do Salman thuật lại).

Hijrah, năm 1 H (622 CN)

NGUỒN Meclisî, Bihâru'l-envâr, c. 18, s. 20 (Bâb 6: duasının kabulü, ölülerin diriltilmesi ve hastaların şifası)

## 649. Cái cây làm chứng khi xây masjid

Da'if (Yếu) PHÉP MÀU LIÊN QUAN ĐẾN THIÊN NHIÊN

Khi xây masjid ở Madinah, một cái cây Người gọi đã xẻ đất mà đến, đứng trước mặt Người và làm chứng cho sứ mạng Nabi của Người.

Năm 1 H (622–623 CN), xây Masjid của Nabi (bản tóm tắt không rõ)

NGUỒN Meclisî, Bihâru'l-envâr (Müessesetü'l-Vefâ), c. 17, s. 380 (ebvâbü mu'cizâtih, bâb 4: cemâdât ve nebâtâtın itaati ve konuşması)

## 18 · Năm thứ 2 sau Hijrah (năm 623–624 CN): Badr

### 650. Phúc lành trong tiệc cưới của Ali

Da'if (Yếu) PHÉP MÀU LIÊN QUAN ĐẾN THỨC ĂN

Trong tiệc cưới của Ali, chút ít thức ăn đã đủ cho rất nhiều người.

Năm 2 H (623–624 CN)

NGUỒN 19. Mektup listesi (183.txt) no.128; web: Said Nursî, Mektubat, 19. Mektup, 7. İşaret, 11. misal; Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 15. fasıl; Questions on Islam, "The Miracles Concerning the Increase in Food and Drink"

---

### 651. Lời báo rằng Umayyah bin Khalaf sẽ bị giết

Sahih (Xác thực) LỜI TIÊN TRI VÀ BÁO TRƯỚC

Sa'd bin Mu'adh nói với Umayyah bin Khalaf: “Muhammad đã nói rằng người ấy sẽ giết ông”, và Umayyah bị giết ở Badr.

Năm 2 H (623–624 CN)

NGUỒN İbn Kesîr s.137; web: Buhârî, Menâkıb, Alâmâtü'n-nübüvve, no. 3632; Münkız es-Sakkār, Delâilü'n-nübüvve; A'zamî, el-Câmiu'l-Kâmil, Sîre, bâb 599; Ebû Nuaym el-İsfahânî, Delâilü'n-nübüvve, 11. fasıl, no. 117; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 325; ayrıca: İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî, s. 242-243; ayrıca: N. İçel, Hz. Muhammed'in (sas) Mucizeleri -1 (2023), "Sa'd b. Muaz'ın Kâbe'de Ebu Cehil ile Tartışması ve Ümeyye b. Halefin Âkibeti" (kitabın dipnotu: Ahmed b.Hanbel, Müsned, c:1, s:400, Buhârî, Sahih, c:4, s:184-185, c:5, s:2-3; Zehebî, Siyer, c:1, s:203); Kütüb-i Sitte: Buhârî 3632, 3950

---

### 652. Giấc mơ về tai họa của Atikah trước trận Badr

Da'if (Yếu) LỜI TIÊN TRI VÀ BÁO TRƯỚC

Trước trận Badr, Atikah bint Abdul Muttalib thấy trong mơ tai họa của Quraish.

Năm 2 H (623–624 CN)

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.2 s.306; 1000 Mucize no.995 (s.809); web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 326

---

### 653. Những nơi kẻ đa thần sẽ chết được chỉ ra

Sahih (Xác thực) LỜI TIÊN TRI VÀ BÁO TRƯỚC

Một ngày trước trận Badr, Người lấy tay chỉ từng chỗ các thủ lĩnh đa thần sẽ bị giết.

Ramadan năm 2 H (tháng 3 năm 624)

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.2 s.302, 326; İbn Kesîr s.141; 19. Mektup listesi (183.txt) no.27; 1000 Mucize no.379 (s.366); web: Mişkâtü'l-Mesâbîh, Fezâil, bâbün fi'l-mu'cizât, no. 5871; Münkız es-Sakkār, Delâilü'n-nübüvve; İbn Hibbân, Sahîh, K. et-Târîh, bâbü'l-mu'cizât, no 6498; Said Nursî, Mektubat, 19. Mektup, 5. İşaret; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 328-329; ayrıca: İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî, s. 243; İbnü'l-Cevzî, el-Vefâ, s. 309; Elshinawy, The Prophecies of Prophet Muhammad (Yaqeen); al-shia.org (Farsça mucize listeleri); ayrıca: N. İçel, Hz. Muhammed'in (sas) Mucizeleri -1 (2023), "Peygamberimiz Aleyhisselâmın Bedir'de Müşrik Ulularının Vurulup Düşecekleri Yerleri Birer Birer Gösterişi" (kitabın dipnotu: Ahmed b.Hanbel, Müsned, c:3, s:219); Kütüb-i Sitte: Müslim, Cihad 83, (1779); Ebu Dâvud, Cihâd 125, (2681) [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 4229, c./s. 12/88-89]

---

### 654. Mưa và sự thanh thản trong đêm Badr

Sahih (Xác thực) PHÉP MÀU CỦA QUR'AN

Đêm Badr, các tín đồ được an lòng nhờ mưa và giấc ngủ nhẹ.

Ramadan năm 2 H (tháng 3 năm 624)

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.2 s.306; web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 335-336; ayrıca: İbn Şehrâşûb, Menâkıb, c. 1, s. 122-123

---

## 655. Sự trợ giúp của đạo quân Thiên Thần ở Badr

**Sahih (Xác thực)** PHÉP MÀU CỦA QUR'AN

Ở Badr, nhờ lời cầu xin của Người, một đạo quân Thiên Thần được gửi đến giúp đỡ.

Ramadan năm 2 H (tháng 3 năm 624)

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.2 s.326, 360; 1000 Mucize no.179 (s.157), no.180 (s.159); web: Questions on Islam, "Miracles concerning Angels and Jinn"; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 329; ayrıca: İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî, s. 451; TDV İslâm Ansiklopedisi, "Mûcize", c. 30; Râvendî, el-Harâic, c. 3, s. 918; ayrıca: N. İçel, Hz. Muhammed'in (sas) Mucizeleri -1 (2023), "MU'CİZE TARİFİNDEKİ İHTİLÂFLAR + Yardım Mû'cizeleri" (kitabın dipnotu: Âl-i İmrân:122-123; Enfâl:9-10 / Âl-i İmrân:123-127; Ahzâb: 9) · N. İçel, Hz. Muhammed'in (sas) Mucizeleri -2 (2023), "Peygamberimiz Aleyhisselâmın Kureyş Müşriklerini Görünce Allah'a Dua ve Münâcatta Bulunuşu" (kitabın dipnotu: Enfal: 9 / Beyhakî, Delâilü'n-nübüvve, c:3, s:35,51-54); "Mücahidlere Meleklerin Yardıma Geldiklerinin Müjdelenişi" (kitabın dipnotu: Vakıdî, Megâzî, c:1, s:57,70-71,76 / Âl-i İmran: 123-124); Kütüb-i Sitte: Müslim, Cihâd 58, (1763); Buhârî, Megâzî 4; Tirmizî Tefsîr, Enfâl (3081); Ebu Dâvud, Cihad 131, (2690) [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 4230, c./s. 12/92]

---

## 656. Ném một nắm đất ở Badr

**Sahih (Xác thực)** PHÉP MÀU CỦA QUR'AN

Ở Badr, Người ném một nắm đất/sỏi, mắt những kẻ đa thần đầy bụi và chúng tan vỡ.

Ramadan năm 2 H (tháng 3 năm 624)

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.2 s.360; 19. Mektup listesi (183.txt) no.44, 171; 1000 Mucize no.380 (s.366); web: Said Nursî, Mektubat, 19. Mektup, 12. İşaret, 1. mesel; Questions on Islam, "The Miracles concerning mountains, rocks and lifeless creatures"; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 335-337; ayrıca: TDV İslâm Ansiklopedisi, "Mûcize", c. 30; Meclisî, Bihâru'l-envâr, c. 18, s. 67, 72, 73; Râvendî, el-Harâic, c. 1, s. 30; Tabersî, İ'lâmü'l-verâ, c. 1, s. 83; İbn Şehrâşûb, Menâkıb, c. 1, s. 70; al-shia.org (Farsça mucize listeleri); ayrıca: N. İçel, Hz. Muhammed'in (sas) Mucizeleri -1 (2023), "MU'CİZE TARİFİNDEKİ İHTİLÂFLAR" (kitabın dipnotu: Enfâl: 17) · N. İçel, Hz. Muhammed'in (sas) Mucizeleri -2 (2023), "3- CEMÂDÂTLA, KUMLARLA YAPILAN İLÂHÎ DESTEKLER VE YARDIM MU'CİZELERİ > Müşriklerin Üzerine Kum Saçılıp Mücahidlerin Hücuma Kaldırılışı" (kitabın dipnotu: İbn İshak-İbn Hişam, c:2, s:280-281; Vakıdî, Megâzî, c:1, s: 81 / Enfal: 12-13 / Enfal: 17)

---

## 657. Lời cầu xin trả thù của Abu Jahl và kết cục của hắn

**Sahih (Xác thực)** LỜI TIÊN TRI VÀ BÁO TRƯỚC

Lời cầu xin của Abu Jahl: "Nếu đây là chân lý thì hãy cho đá mưa xuống chúng ta" đã nhận lời đáp là hình phạt bằng gươm ở Badr, và hắn chết thảm.

Ramadan năm 2 H (tháng 3 năm 624)

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.2 s.357; 1000 Mucize no.182 (s.161); Kütüb-i Sitte: Buhârî (listedeki kaynağa göre); Buhârî, Megâzî 8; Ebu Dâvud, Cihâd 142, (2709) [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 4235, c./s. 12/97]

---

## 658. Cành cây của Ukkashah biến thành thanh gươm

**Da'if (Yếu)** PHÉP MÀU HỮU HÌNH

Ở Badr, mẩu gỗ Người trao cho Ukkashah, người bị gãy gươm, đã biến thành thanh gươm trong tay ông.

Ramadan năm 2 H (tháng 3 năm 624)

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.2 s.383; 1000 Mucize no.377 (s.365); web: Said Nursî, Mektubat, 19. Mektup, 12. İşaret, 3. misal; Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 23. fasıl; Questions on Islam, "The Miracles concerning mountains, rocks and lifeless creatures"; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 338; ayrıca: Meclisî, Bihâru'l-envâr, c. 17, s. 254; c. 17, s. 382; Râvendî, el-Harâic, c. 3, s. 911; İbn Şehrâşûb, Menâkıb, c. 1, s. 104; ayrıca: N. İçel, Hz. Muhammed'in (sas) Mucizeleri -2 (2023), "5- CİHADLARDA, DÜŞMANA KARŞI YAPILAN İLÂHÎ DESTEKLER VE YARDIM MU'CİZELERİ (başlıksız paragraf)" (kitabın dipnotu: Vakıdî, Megâzî, c:1, s:93)

---

## 659. Vai của Khubayb bin Yasaf được chữa lành

**Da'if (Yếu)** CHỮA LÀNH VÀ CHE CHỞ

Ở Badr, Khubayb bin Yasaf bị trúng đòn, vai trễ xuống; Người nhổ nước bọt vào vết thương, đặt lại chỗ cũ, và ông lành lặn.

Ramadan năm 2 H (tháng 3 năm 624)

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.2 s.383; 1000 Mucize no.127 (s.103), no.230 (s.203), no.231 (s.203); web: Said Nursî, Mektubat, 19. Mektup, 13. İşaret, 4. misal; Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 21. fasıl; Questions on Islam, "The Miracles concerning the sick and the wounded being healed"; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 337; c. 2, s. 116; ayrıca: İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî, s. 201-202

---

## 660. Bàn tay bị chém đứt của Mu'awwidh được chữa lành

**Da'if (Yếu)** CHỮA LÀNH VÀ CHE CHỞ

Ở Badr, Người dùng nước bọt gắn lại bàn tay bị chém đứt/gãy của Mu'awwidh bin Afra' (hoặc của một Sahabah).

Ramadan năm 2 H (tháng 3 năm 624)

NGUỒN 19. Mektup listesi (183.txt) no.175, 180; web: Said Nursî, Mektubat, 19. Mektup, 13. İşaret, 4. misal; Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 21. fasıl; Questions on Islam, "The Miracles concerning the sick and the wounded being healed"; ayrıca: Meclisî, Bihâru'l-envâr, c. 18, s. 10; Râvendî, el-Harâic, c. 1, s. 50

---

## 661. Con mắt bị thương của Rifa'ah được chữa lành

**Da'if (Yếu)** CHỮA LÀNH VÀ CHE CHỞ

Ở Badr, Người nhổ nước bọt vào con mắt bị trúng tên của Rifa'ah bin Rafi' và cầu xin, và mắt ông lành lại.

Ramadan năm 2 H (tháng 3 năm 624)

NGUỒN 1000 Mucize no.236 (s.208), no.943 (s.772), no.944 (s.773); web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 338

---

## 662. Cho biết vị Thiên Thần đã bắt Abbas làm tù binh

**Sahih (Xác thực)** LỜI TIÊN TRI VÀ BÁO TRƯỚC

Ở Badr, Người cho biết người bắt được người chú Abbas làm tù binh là “một Thiên Thần cao quý”.

Ramadan năm 2 H (tháng 3 năm 624)

NGUỒN 1000 Mucize no.374 (s.363); web: Molla Câmî, Şevâhidü'n-Nübüvve, 4. bölüm; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 334; ayrıca: N. İçel, Hz. Muhammed'in (sas) Mucizeleri -2 (2023), "Meleklerin İslam Mücâhidlerine Nasıl Yardım Ettikleri?" (kitabın dipnotu: Ahmed b. Hanbel, Müsned, c:1, s:117,353)

---

## 663. Báo về số vàng bí mật của Abbas

**Hasan (Tốt)** LỜI TIÊN TRI VÀ BÁO TRƯỚC

Người báo cho tù binh Abbas biết số vàng ông đã bí mật để lại cho vợ là Umm al-Fadl ở Makkah.

Năm 2 H (624 CN)

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.2 s.433; 19. Mektup listesi (183.txt) no.103; 1000 Mucize no.177 (s.155), no.378 (s.365); web: Said Nursî, Mektubat, 19. Mektup, 6. İşaret; Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 24. fasıl; Questions on Islam, "His Information related to the Future Turn out True"; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 341-342; ayrıca: İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî, s. 469; İbnü'l-Cevzî, el-Vefâ, s. 323-324; islamveihsan.com, “Hz. Peygamber'in Mucizeleri”; Meclisî, Bihâru'l-envâr, c. 18, s. 105, 130; Râvendî, el-Harâic, c. 1, s. 61-62; İbn Şehrâşûb, Menâkıb, c. 1, s. 93-94; ayrıca: N. İçel, Hz. Muhammed'in (sas) Mucizeleri -1 (2023), "Hz. Abbas'ın Zevcesi Ümmü Fadl'a Verdiği, Gömmüş Olduğu Malları, Altınları İhbar Etmesi" (kitabın dipnotu: İbn Sa'd, Tabakâtü'l-kübrâ, c:4, s:13-15; Ebu Nuaym, Delail, c:2, s:476)

---

## 664. Về tù binh Suhayl bin Amr, Người nói: “Biết đâu ông ta sẽ đứng ở một vị trí...”

**Da'if (Yếu)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Về tù binh Suhayl bin Amr, Người nói: “Biết đâu ông ta sẽ đứng ở một vị trí khiến ngươi phải ca ngợi”; vào ngày Người qua đời, bài thuyết giảng của Suhayl ở Makkah đã giữ dân chúng khỏi bỏ đạo.

Lời tiên tri: năm 2 H (624 CN); Ứng nghiệm: năm 11 H (632 CN)

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.5 s.144; 19. Mektup listesi (183.txt) no.95, 96; 1000 Mucize no.422 (s.416); web: Said Nursî, Mektubat, 19. Mektup, 6. İşaret; Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 24. fasıl; Questions on Islam, "His Information related to the Future Turn out True"; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 217; ayrıca: N. İçel, Hz. Muhammed'in (sas) Mucizeleri -1 (2023), "Süheyl b. Amr'ın Ön Dişlerinden İkisinin Çekilmesi Hakkındaki Teklifin Peygamberimiz Aleyhisselâm Tarafından Kabul Edilmeyip, Kendisinin İleride Hoşa Gidebilecek Bir Konuşma da Yapabileceğinin Haber Verilişi" (kitabın dipnotu: Belâzurî, Ensâb, c:1, s:303-304; İbn İshak-İbn Hişam, Sîre, c:1, s:289, 304; Hakim, Müstedrek, c:3, s:282; İbn Esîr, Usdu'l-gâbe, c:2, s: 480; Vakıdî, Megâzî, c:1, s:107)

---

## 665. Người báo cho Umayr bin Wahb biết âm mưu ám sát mà ông và Safwan đã bí mật bàn...

**Sahih (Xác thực)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người báo cho Umayr bin Wahb biết âm mưu ám sát mà ông và Safwan đã bí mật bàn ở Hijr, và ông theo Islam.

Năm 2 H (624 CN)

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.2 s.444; 19. Mektup listesi (183.txt) no.106; 1000 Mucize no.385 (s.372); web: Heysemî, Mecmau'z-zevâid, K. Alâmâti'n-nübüvve, bâbü ihbârihî bi'l-muğayyebât, no 14063-14065; Said Nursî, Mektubat, 19. Mektup, 6. İşaret; Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 24. fasıl; Questions on Islam, "His Information related to the Future Turn out True"; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 344; ayrıca: İbnü'l-Cevzî, el-Vefâ, s. 324; islamveihsan.com, “Hz. Peygamber'in Mucizeleri”; İbn Hişâm, es-Sîretü'n-nebeviyye, c. 1, s. 661-663; Vâkıdî, el-Megāzî, c. 1, s. 125-128; İbn Sa'd, et-Tabakātü'l-kübrâ, c. 4, s. 199-201; Heysemî, Mecmau'z-zevâid, c. 8, s. 284-287, no. 14063-14065; Meclisî, Bihâru'l-envâr, c. 17, s. 296; c. 18, s. 46-47, 140; Râvendî, el-Harâic, c. 1, s. 119-120; İbn Şehrâşûb, Menâkıb, c. 1, s. 113; İbn Hamza et-Tûsî, es-Sâkıb, s. 101, hadis no. 93/2; ayrıca: N. İçel, Hz. Muhammed'in (sas) Mucizeleri -1 (2023), "Esir Olan Oğlunu Kurtarmak Bahanesiyle Medine'ye Gelip Peygamberimiz Aleyhisselâmı Öldürmek İsteyen Umeyr b. Vehb'in Müslüman Olarak Mekke'ye Dönüşü" (kitabın dipnotu: İbn İshak-İbn Hişam, Sîre, c:2, s.316-318; Vakıdî, Megâzî, c:1, s:125-127; İbn Esîr, Usdu'l-gâbe, c:4, s:300; İbn Sa'd, Tabakât, c:4, s:200-201)

---

## 666. Những điều Người nói về chiến lợi phẩm và tù binh đã ứng nghiệm đúng như vậy

**Hasan (Tốt)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Những điều Người nói về chiến lợi phẩm và tù binh đã ứng nghiệm đúng như vậy.

Năm 2 H (624 CN)

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.2 s.433; web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 341

## 667. Abu Sufyan bin al-Harith, người mang tin Badr về Makkah, kể với Abu Lahab rằng...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Abu Sufyan bin al-Harith, người mang tin Badr về Makkah, kể với Abu Lahab rằng họ đã gặp những người mặc đồ trắng cưỡi ngựa giữa trời và đất, không ai chống lại được; Abu Rafi' nói: “Đó là các Thiên Thần.”

Badr, năm 2 H (624 CN)

NGUỒN 1000 Mucize no.178 (s.156); web: Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 27. fasıl; Questions on Islam, "Miracles concerning Angels and Jinn"; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 332, 342; ayrıca: N. İçel, Hz. Muhammed'in (sas) Mucizeleri -2 (2023), "Meleklerin İslam Mücâhidlerine Nasıl Yardım Ettikleri?" (kitabın dipnotu: İbn Sa'd, Tabakâtü'l-kübrâ, c:4, s:74)

## 668. Ở Badr, một người Muslim nghe phía trên kẻ đa thần đối diện có tiếng roi quất...

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Ở Badr, một người Muslim nghe phía trên kẻ đa thần đối diện có tiếng roi quất và tiếng một kỵ sĩ hô “Tiến lên Hayzum!”, rồi thấy kẻ đa thần ngã gục, mũi đứt, mặt nát như bị quất roi; khi nghe kể lại, Người nói: “Ngươi nói đúng, đó là sự trợ giúp từ tầng trời thứ ba.”

Badr, năm 2 H (624 CN)

NGUỒN 1000 Mucize no.375 (s.364); web: Mişkâtü'l-Mesâbîh, Fezâil, bâbün fi'l-mu'cizât, no. 5874; Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 27. fasıl; Molla Câmî, Şevâhidü'n-Nübüvve, 4. bölüm; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 330; ayrıca: N. İçel, Hz. Muhammed'in (sas) Mucizeleri -2 (2023), "Meleklerin İslam Mücâhidlerine Nasıl Yardım Ettikleri?" (kitabın dipnotu: Müslim, Sahih, c:3, s:1384-1385); Kütüb-i Sitte: Müslim 1763

## 669. Ở Badr, khi Người báo rằng ai hy sinh sẽ vào Thiên Đàng, Umayr bin al-Humam...

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Ở Badr, khi Người báo rằng ai hy sinh sẽ vào Thiên Đàng, Umayr bin al-Humam mong được làm cư dân Thiên Đàng, Người nói với ông: “Ngươi là cư dân của nó”; Umayr ném mấy trái chà là trong tay, chiến đấu và hy sinh.

Badr, năm 2 H (624 CN)

NGUỒN 1000 Mucize no.376 (s.364); web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 340-341; Kütüb-i Sitte: Buharî, Megâzî, 17; Müslim, İmâret 145, (1901); Muvatta, Cihâd 42, (2, 466) [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 1016, c./s. 5/51-52]

## 670. Người nói với Nawfal bin al-Harith, tù binh ở Badr khai rằng mình không có gì...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người nói với Nawfal bin al-Harith, tù binh ở Badr khai rằng mình không có gì để chuộc: “Hãy chuộc mình bằng tài sản của ngươi ở Jeddah”; Nawfal đọc lời chứng nhận đức tin và dùng số tài sản ấy chuộc mình.

Badr, năm 2 H (624 CN)

NGUỒN 1000 Mucize no.938 (s.770); web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 342; ayrıca: N. İçel, Hz. Muhammed'in (sas) Mucizeleri -1 (2023), "Bedir Esiri Nevfel'e Cidde'de Bulunan Süngülerini Haber Vermesi" (kitabın dipnotu: İbn Esîr, Usdu'l-gâbe, c:5, s:268-269)

## 671. Khi lên đường đi Badr với 315 người, Người cầu xin: “Lạy Allah, họ đi bộ, xin...”

Hasan (Tốt) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Khi lên đường đi Badr với 315 người, Người cầu xin: “Lạy Allah, họ đi bộ, xin cho họ có vật cưỡi; họ trần trụi, xin cho họ áo mặc; họ đói, xin cho họ no”; sau chiến thắng, ai trở về cũng có một hoặc hai con lạc đà, có áo mặc và no đủ.

Badr, năm 2 H (624 CN)

NGUỒN 1000 Mucize no.971 (s.786); web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 327; ayrıca: N. İçel, Hz. Muhammed'in (sas) Mucizeleri -2 (2023), "Peygamberimiz Aleyhisselâmın Mücâhidler Hakkındaki Duası" (kitabın dipnotu: İbn Sa'd, Tabakât, c:2, c:20); Kütüb-i Sitte: Ebu Dâvud, Cihâd 157, (2747) [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 4233, c./s. 12/95]

---

## 672. Khi trận Badr đang lúc ác liệt, Người phủ phục quỳ lạy và liên tục cầu xin “Ya...”

Hasan (Tốt) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Khi trận Badr đang lúc ác liệt, Người phủ phục quỳ lạy và liên tục cầu xin “Ya Hayyu, ya Qayyum”; Ali bốn lần từ trận chiến quay về đều thấy Người trong tư thế ấy, và cuối cùng Allah ban chiến thắng.

Badr, năm 2 H (624 CN)

NGUỒN 1000 Mucize no.972 (s.787); web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 330; ayrıca: N. İçel, Hz. Muhammed'in (sas) Mucizeleri -2 (2023), "4- CESÂRET, METÂNET, KUVVE-İ MANEVİYE İLE YAPILAN İLÂHÎ DESTEKLER VE YARDIM MU'CİZELERİ > Peygamberimiz Aleyhisselâmın Cesaret ve Metâneti"; Kütüb-i Sitte: Rezîn; Nesâî (Kübrâ) ve Hâkim (İbn Hacer, Fethu'l-Bârî 8, 291) [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 4234, c./s. 12/95-96]

---

## 673. Ở Badr, Người nguyền rủa Nawfal bin Khuwaylid, kẻ hò hét kích động Quraish...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Ở Badr, Người nguyền rủa Nawfal bin Khuwaylid, kẻ hò hét kích động Quraish: “Lạy Allah, xin hãy trị Nawfal”; khi biết Ali đã giết hắn, Người hô Takbir và ca ngợi Allah, Đấng đã đáp nhận lời cầu xin của Người.

Badr, năm 2 H (624 CN)

NGUỒN 1000 Mucize no.975 (s.789); web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 339

---

## 674. Khi đạo quân Quraish trên đường đến Badr dừng ở Juhfah, Juhaym bin as-Salt...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Khi đạo quân Quraish trên đường đến Badr dừng ở Juhfah, Juhaym bin as-Salt trong lúc nửa thức nửa ngủ thấy một kỵ sĩ nói: “Abu Jahl, Utbah, Shaybah, Zam'ah, Abul Bakhtari, Umayyah bin Khalaf đã bị giết”; Abu Jahl chế giễu, và tất cả những kẻ được kể tên đều bị giết ở Badr.

Trước Badr, năm 2 H (624 CN), Juhfah

NGUỒN 1000 Mucize no.994 (s.808); web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 326-327

---

## 675. Jubayr bin Mut'im nghe Người đọc chương at-Tur trong lễ nguyện Maghrib; khi đến...

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Jubayr bin Mut'im nghe Người đọc chương at-Tur trong lễ nguyện Maghrib; khi đến các câu “Am khuliqu min ghayri shay'in...”, ông nói: “Tim tôi như muốn bay ra; đó là lúc Islam lần đầu tiên bén rễ trong tim tôi.”

Khi đến vì các tù binh Badr, năm 2 H (624 CN)

NGUỒN Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, i'câzü'l-Kur'ân fasılları

## 676. Khi đạo quân thiếu nước, Umar xin Người cầu mưa; Người vừa giơ tay lên, mây đã...

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Khi đạo quân thiếu nước, Umar xin Người cầu mưa; Người vừa giơ tay lên, mây đã tụ lại, mưa vừa đủ cho nhu cầu của đạo quân rồi tan đi (Ibn al-Jawzi: sự việc này xảy ra ở Badr và câu 11 chương al-Anfal ám chỉ điều đó).

Ramadan năm 2 H (tháng 3 năm 624) — theo Ibn al-Jawzi là ở Badr

NGUỒN Said Nursî, Mektubat, 19. Mektup, 8. İşaret (s. 183)

## 677. Vào ngày Badr, khi Người rời các Sahabah để đi vệ sinh, một kẻ giả tạo đức tin...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Vào ngày Badr, khi Người rời các Sahabah để đi vệ sinh, một kẻ giả tạo đức tin bám theo Người (để giết Người); một sự việc giống chuyện "ai bảo vệ ngươi khỏi ta" đã xảy ra.

Badr, năm 2 H (624 CN)

NGUỒN Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 25. fasıl (ismet / korunması)

## 678. Vào ngày Badr, trong lều, Người cầu xin: "Lạy Allah, con cầu xin Ngài thực hiện..."

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Vào ngày Badr, trong lều, Người cầu xin: "Lạy Allah, con cầu xin Ngài thực hiện giao ước và lời hứa của Ngài; nếu Ngài muốn, từ nay về sau sẽ không còn ai thờ phụng Ngài"; khi Abu Bakr nắm tay Người, Người mặc áo giáp bước ra và đọc câu kinh "Đám đông ấy sẽ bị đánh bại và quay lưng tháo chạy" (chương al-Qamar, câu 45), báo trước chiến thắng.

Badr, Ramadan năm 2 H (624 CN)

NGUỒN Mişkâtü'l-Mesâbîh, Fezâil, bâbün fi'l-mu'cizât, no. 5872

## 679. Vào ngày Badr, Người chỉ Jibril và nói: "Kia là Jibril; ngài đang nắm đầu ngựa..."

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Vào ngày Badr, Người chỉ Jibril và nói: "Kia là Jibril; ngài đang nắm đầu ngựa, mang đầy đủ trang bị chiến đấu" (do Ibn Abbas thuật lại).

Badr, Ramadan năm 2 H (624 CN)

NGUỒN Mişkâtü'l-Mesâbîh, Fezâil, bâbün fi'l-mu'cizât, no. 5873

## 680. Ở Badr, Người gọi tên từng xác chết của những kẻ đa thần bị ném xuống giếng và...

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Ở Badr, Người gọi tên từng xác chết của những kẻ đa thần bị ném xuống giếng và nói với các Sahabah: "Các ngươi không nghe rõ hơn chúng đâu."

Ramadan năm 2 H (tháng 3 năm 624)

NGUỒN Wikipedia (en), "Miracles of Muhammad"

## 681. Ở Badr, ba cơn gió dữ dội nối tiếp nhau thổi qua; Người cho biết đó là Jibril...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Ở Badr, ba cơn gió dữ dội nối tiếp nhau thổi qua; Người cho biết đó là Jibril, Mika'il và Israfil, mỗi vị cùng một nghìn Thiên Thần đến (do Ali thuật lại).

Badr, Ramadan năm 2 H (624 CN)

NGUỒN Molla Câmî, Şevâhidü'n-Nübüvve, 4. bölüm

## 682. Ở Badr, người bắt và trói as-Sa'ib bin Abi Hubaysh hóa ra là một Thiên Thần cao...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Ở Badr, người bắt và trói as-Sa'ib bin Abi Hubaysh hóa ra là một Thiên Thần cao lớn, da trắng.

Badr, Ramadan năm 2 H (624 CN)

NGUỒN Molla Câmî, Şevâhidü'n-Nübüvve, 4. bölüm

## 683. Umayr bin Adi al-Khatmi, vị Sahabah mù đã bí mật giết Asma' bint Marwan ban...

Bịa đặt (Mawdu') CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Umayr bin Adi al-Khatmi, vị Sahabah mù đã bí mật giết Asma' bint Marwan ban đêm; trong lễ nguyện Fajr, khi ông chưa nói gì, Người đã hỏi: “Ngươi đã giết con gái của Marwan rồi phải không?”

Ramadan năm 2 H (624 CN)

NGUỒN Molla Câmî, Şevâhidü'n-Nübüvve, 4. bölüm

## 684. Ở Madinah, sau mười sáu tháng dâng lễ nguyện hướng về Bayt al-Maqdis, Người...

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Ở Madinah, sau mười sáu tháng dâng lễ nguyện hướng về Bayt al-Maqdis, Người mong được hướng về Ka'bah, nói với Jibril và cứ ngước nhìn trời; câu kinh báo Qiblah được chuyển về Ka'bah đã được mặc khải.

Rajab/Sha'ban năm 2 H (624 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 322 (Kıblenin çevrilmesinde görülen âyet bâbı)

## 685. Người hỏi người gánh nước của Quraish bị bắt: “Mỗi ngày họ giết bao nhiêu con...”

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người hỏi người gánh nước của Quraish bị bắt: “Mỗi ngày họ giết bao nhiêu con lạc đà?”, nghe đáp “ngày chín con, ngày mười con”, Người nói: “Họ có từ chín trăm đến một nghìn người”, nói đúng số quân địch.

Badr, Ramadan năm 2 H (tháng 3 năm 624)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 327 (Bedir gazvesinde meydana gelen âyetler ve mucizeler bâbı)

## 686. Ở Badr, những kẻ đa thần hiện ra ít ỏi trong mắt người Muslim (khoảng bảy mươi...)

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Ở Badr, những kẻ đa thần hiện ra ít ỏi trong mắt người Muslim (khoảng bảy mươi đến một trăm người), và người Muslim cũng hiện ra ít ỏi trong mắt những kẻ đa thần; trong giấc mơ, chúng cũng hiện ra ít ỏi với Người.

Badr, Ramadan năm 2 H (tháng 3 năm 624)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 328 (Bedir gazvesinde meydana gelen âyetler ve mucizeler bâbı)

---

## 687. Ở Badr, từ xa Người thấy một người cưỡi con lạc đà đỏ và nói: "Nếu trong đám ấy..."

**Sahih (Xác thực)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Ở Badr, từ xa Người thấy một người cưỡi con lạc đà đỏ và nói: "Nếu trong đám ấy có điều tốt thì nó ở nơi người cưỡi lạc đà đỏ; nếu họ nghe theo người ấy, họ sẽ tìm được lẽ phải"; hóa ra đó là Utbah bin Rabi'ah, người khuyên từ bỏ cuộc chiến.

Badr, Ramadan năm 2 H (tháng 3 năm 624)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 328 (Bedir gazvesinde meydana gelen âyetler ve mucizeler bâbı)

---

## 688. Ở Badr, Abdurrahman bin Awf thấy bốn người (Thiên Thần) chiến đấu rất dữ dội...

**Da'if (Yếu)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Ở Badr, Abdurrahman bin Awf thấy bốn người (Thiên Thần) chiến đấu rất dữ dội: hai người bên phải và bên trái Người, hai người phía trước và phía sau Người.

Badr, Ramadan năm 2 H (tháng 3 năm 624)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 330 (Bedir gazvesinde meydana gelen âyetler ve mucizeler bâbı)

---

## 689. Hai anh em họ người Ghifar đứng trên núi xem trận Badr, nghe từ một đám mây...

**Da'if (Yếu)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Hai anh em họ người Ghifar đứng trên núi xem trận Badr, nghe từ một đám mây đang đến gần tiếng ngựa hí và tiếng hô "Tiến lên Hayzum!"; một người vỡ màng tim chết ngay tại chỗ, người kia suýt chết.

Badr, Ramadan năm 2 H (tháng 3 năm 624)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 330 (Bedir gazvesinde meydana gelen âyetler ve mucizeler bâbı)

---

## 690. Abu Usayd as-Sa'idi, người đã dự trận Badr, sau khi bị mù đã nói: "Nếu bây giờ..."

**Da'if (Yếu)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Abu Usayd as-Sa'idi, người đã dự trận Badr, sau khi bị mù đã nói: "Nếu bây giờ tôi ở Badr cùng các anh và mắt tôi còn thấy, tôi chắc chắn sẽ chỉ cho các anh thung lũng nơi các Thiên Thần xuất hiện."

Badr, Ramadan năm 2 H (tháng 3 năm 624)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 330 (Bedir gazvesinde meydana gelen âyetler ve mucizeler bâbı)

---

## 691. Vào ngày Badr, Người nói với Ali và Abu Bakr: "Bên một người có Jibril, bên..."

**Sahih (Xác thực)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Vào ngày Badr, Người nói với Ali và Abu Bakr: "Bên một người có Jibril, bên người kia có Mika'il; còn Thiên Thần vĩ đại Israfil đứng trong hàng ngũ chứng kiến trận chiến."

Badr, Ramadan năm 2 H (tháng 3 năm 624)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 331 (Bedir gazvesinde meydana gelen âyetler ve mucizeler bâbı)

---

## 692. Ở Badr, khi các Sahabah chĩa gươm về phía những kẻ đa thần, đầu chúng đã rơi...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Ở Badr, khi các Sahabah chĩa gươm về phía những kẻ đa thần, đầu chúng đã rơi khỏi thân trước khi gươm chạm tới (do các Thiên Thần giết).

Badr, Ramadan năm 2 H (tháng 3 năm 624)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 331-332 (Bedir gazvesinde meydana gelen âyetler ve mucizeler bâbı)

---

## 693. Ở Badr, những kẻ bị các Thiên Thần giết được nhận ra nhờ những vết như vết bỏng...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Ở Badr, những kẻ bị các Thiên Thần giết được nhận ra nhờ những vết như vết bỏng lửa trên cổ và đầu ngón tay; người ta thấy những cái đầu và bàn tay bị chém mà không biết ai đã chém.

Badr, Ramadan năm 2 H (tháng 3 năm 624)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 332 (Bedir gazvesinde meydana gelen âyetler ve mucizeler bâbı)

---

## 694. Ở Badr, các Thiên Thần được thấy đội khăn xếp trắng (thả đuôi khăn ra sau...)

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Ở Badr, các Thiên Thần được thấy đội khăn xếp trắng (thả đuôi khăn ra sau lưng); còn ở Hunayn thì đội khăn đỏ, và chỉ ở Badr họ mới trực tiếp chiến đấu.

Badr, Ramadan năm 2 H (tháng 3 năm 624)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 332 (Bedir gazvesinde meydana gelen âyetler ve mucizeler bâbı)

---

## 695. Người hỏi Jibril: "Vào ngày Badr, Thiên Thần hô 'Tiến lên Hayzum' là ai?"...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người hỏi Jibril: "Vào ngày Badr, Thiên Thần hô 'Tiến lên Hayzum' là ai?", Jibril nói: "Hỡi Muhammad, tôi không biết hết mọi cư dân trên trời."

Sau Badr, năm 2 H (624 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 332 (Bedir gazvesinde meydana gelen âyetler ve mucizeler bâbı)

---

## 696. Ở Badr, Abu Burdah bin Niyar mang đến ba cái đầu bị chém và nói: "Hai tên do..."

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Ở Badr, Abu Burdah bin Niyar mang đến ba cái đầu bị chém và nói: "Hai tên do tôi giết; tên thứ ba bị một người đàn ông cao lớn da trắng chém, tôi lấy đầu nó"; Người nói: "Đó là Thiên Thần kia."

Badr, Ramadan năm 2 H (tháng 3 năm 624)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 333 (Bedir gazvesinde meydana gelen âyetler ve mucizeler bâbı)

## 697. Ở Badr, các Thiên Thần đến trong hình dạng những người mà người Muslim quen...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Ở Badr, các Thiên Thần đến trong hình dạng những người mà người Muslim quen biết, khích lệ họ: “Tôi đã đến gần và nghe chúng nói ‘nếu họ tấn công, chúng ta không chống nổi’; chúng chẳng là gì.”

Badr, Ramadan năm 2 H (tháng 3 năm 624)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 333 (Bedir gazvesinde meydana gelen âyetler ve mucizeler bâbı)

## 698. Ở Badr, ngay trước khi quân đa thần tan vỡ, Hakim bin Hizam thấy một thứ như...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Ở Badr, ngay trước khi quân đa thần tan vỡ, Hakim bin Hizam thấy một thứ như tấm thảm (bijad) từ trời hạ xuống thung lũng Hulays và thung lũng đầy những con như kiến đen, và ông hiểu đó là các Thiên Thần (sự trợ giúp từ trời).

Badr, Ramadan năm 2 H (tháng 3 năm 624)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 333 (Bedir gazvesinde meydana gelen âyetler ve mucizeler bâbı)

## 699. Khi trận Badr kết thúc, Jibril cưỡi một con ngựa cái màu hồng, mặc giáp, tay...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Khi trận Badr kết thúc, Jibril cưỡi một con ngựa cái màu hồng, mặc giáp, tay cầm giáo, răng dính bụi, đến nói: “Thượng Đế của tôi cử tôi đến với ngài và ra lệnh cho tôi không được rời đi khi ngài chưa hài lòng; ngài đã hài lòng chưa?”

Badr, Ramadan năm 2 H (tháng 3 năm 624)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 334 (Bedir gazvesinde meydana gelen âyetler ve mucizeler bâbı)

## 700. Ở Badr, Người mỉm cười khi đang dâng lễ nguyện; khi được hỏi lý do, Người nói...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Ở Badr, Người mỉm cười khi đang dâng lễ nguyện; khi được hỏi lý do, Người nói: “Mika'il từ cuộc truy đuổi kẻ thù trở về, cánh còn dính bụi, đi ngang qua ta và mỉm cười với ta, ta cũng mỉm cười với ngài.”

Badr, Ramadan năm 2 H (tháng 3 năm 624)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 334 (Bedir gazvesinde meydana gelen âyetler ve mucizeler bâbı)

## 701. Ở Badr, Abu Jahl tự xin phán quyết chống lại chính mình: “Lạy Allah, ai trong...”

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Ở Badr, Abu Jahl tự xin phán quyết chống lại chính mình: “Lạy Allah, ai trong chúng con đã cắt đứt tình họ hàng nhiều hơn và mang đến điều xa lạ, xin hãy tiêu diệt kẻ ấy sáng nay”, và hắn bị giết ngay hôm đó; Ibn Mas'ud thấy hắn nằm sấp trong bộ giáp, không có vết thương nào.

Badr, Ramadan năm 2 H (tháng 3 năm 624)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 335 (Bedir gazvesinde meydana gelen âyetler ve mucizeler bâbı)

## 702. Ở Badr, Jibril cùng năm trăm Thiên Thần xuống ở một cánh, Mika'il cùng năm trăm...

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Ở Badr, Jibril cùng năm trăm Thiên Thần xuống ở một cánh, Mika'il cùng năm trăm Thiên Thần ở cánh kia; Iblis đứng về phía những kẻ đa thần trong hình dạng Suraqah bin Malik, khi thấy các Thiên Thần liền bỏ chạy, nói: “Ta thấy điều các ngươi không thấy.”

Badr, Ramadan năm 2 H (tháng 3 năm 624)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 336 (Bedir gazvesinde meydana gelen âyetler ve mucizeler bâbı)

## 703. Ở Badr, cành chà là (loại chà là Ibn Tab) Người trao cho Salamah bin Aslam...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Ở Badr, cành chà là (loại chà là Ibn Tab) Người trao cho Salamah bin Aslam, người bị gãy gươm, đã biến thành một thanh gươm tốt trong tay ông và ở bên ông cho đến khi ông hy sinh vào ngày Jisr Abi Ubayd.

Badr, Ramadan năm 2 H (tháng 3 năm 624)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 338 (Bedir gazvesinde meydana gelen âyetler ve mucizeler bâbı)

## 704. Ibn Umar đi ngang qua gần Badr, thấy một người cổ đeo xích chui ra từ một cái...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Ibn Umar đi ngang qua gần Badr, thấy một người cổ đeo xích chui ra từ một cái hố, nói: “Hỡi Abdullah, cho tôi nước”, rồi một người khác chui ra quất roi đẩy hắn trở lại hố; khi ông kể lại, Người nói: “Đó là Abu Jahl; đó là hình phạt của hắn cho đến Ngày Tận Thế.”

Sau Badr (sau năm 2 H)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 340 (Bedir gazvesinde meydana gelen âyetler ve mucizeler bâbı)

## 705. Khi tin Badr về đến Makkah và chuyện các Thiên Thần trợ giúp được kể lại, Abu...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Khi tin Badr về đến Makkah và chuyện các Thiên Thần trợ giúp được kể lại, Abu Lahab đánh Abu Rafi'; bảy ngày sau cú đánh của Umm al-Fadl, hắn mắc bệnh 'adasah (nhọt đen) và chết; xác hắn ba ngày không được chôn cho đến khi bốc mùi, và người ta phải ném đá từ xa để lấp đi.

Sau Badr, năm 2 H (624 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 342-343 (Bedir gazvesinde meydana gelen âyetler ve mucizeler bâbı)

## 706. Sau khi Abu Lahab chết, một người thân thấy hắn trong mơ trong tình cảnh khốn...

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Sau khi Abu Lahab chết, một người thân thấy hắn trong mơ trong tình cảnh khốn khổ, hắn nói: “Sau khi xa các người, tôi chưa được yên lúc nào; chỉ vì đã trả tự do cho Thuwaybah (khi vui mừng vì Muhammad ra đời) nên tôi được cho uống nước từ kẽ ngón tay này.”

Sau khi Abu Lahab chết (sau năm 2 H / 624 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 343 (Bedir gazvesinde meydana gelen âyetler ve mucizeler bâbı)

## 707. Trên đường từ Badr về, lúc Người đang đói, khi Người đưa tay về phía con dê con...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Trên đường từ Badr về, lúc Người đang đói, khi Người đưa tay về phía con dê con nướng do một phụ nữ Do Thái dâng, con dê con cất tiếng nói: "Đừng ăn tôi, tôi bị tẩm độc."

Trên đường từ Badr về, năm 2 H (624 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 345 (Bedir gazvesinde meydana gelen âyetler ve mucizeler bâbı)

## 708. Người kiên trì mời tù binh al-Hakam bin Kaysan theo Islam; dù Umar nói: "Kẻ này..."

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người kiên trì mời tù binh al-Hakam bin Kaysan theo Islam; dù Umar nói: "Kẻ này không bao giờ theo Islam đâu, để tôi chém cổ hắn", Người vẫn không quay sang ông mà tiếp tục kêu gọi, và al-Hakam đã theo Islam; về sau Umar hối tiếc về ý kiến của mình.

Sau toán quân của Abdullah bin Jahsh (Nakhlah), khoảng năm 2 H (624 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 56 (Heyetlerin gelişinde vuku bulan mucizeler)

## 709. Khi Ali đến hỏi cưới Fatimah mà vì uy nghi của Người nên không nói nên lời...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Khi Ali đến hỏi cưới Fatimah mà vì uy nghi của Người nên không nói nên lời, Người nói: "Điều gì đưa ngươi đến? Có lẽ ngươi đến để hỏi cưới Fatimah", nói ra ý định của ông.

Năm 2 H (624 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 173 (Önceki bâblarda geçenler dışında haber verdiği gaybî şeylere dair mucizeler)

## 710. Hasan bin Uyaynah sau khi qua đời được thấy trong mơ với những dòng chữ viết...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Hasan bin Uyaynah sau khi qua đời được thấy trong mơ với những dòng chữ viết bằng vàng trên các ngón tay, và ông nói đó là vì khi chép hadith ông đã viết "sallallahu 'alayhi wa sallam"; với người viết lời cầu phúc cho Người trong một văn bản, chừng nào chữ viết còn, các Thiên Thần còn cầu xin tha thứ cho người ấy (do Abu Hurairah và Ibn Mas'ud thuật lại; Ibn Abi al-Hasan al-Maymuni trích dẫn).

Sau khi Người qua đời, thế kỷ 2–3 H

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 458 (salât ü selâmın fazileti bâbı)

## 711. Khi lên đường đi Badr, Người được báo rằng Allah hứa ban một trong hai nhóm...

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Khi lên đường đi Badr, Người được báo rằng Allah hứa ban một trong hai nhóm (đoàn lữ hành hoặc quân đội Quraish) (chương al-Anfal, câu 7); các Sahabah muốn đoàn lữ hành nhưng quân đội lại được ban cho, bảy mươi kẻ đa thần bị giết và bảy mươi kẻ bị bắt làm tù binh.

Badr, Ramadan năm 2 H (624 CN)

NGUỒN İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî (el-Bidâye ve'n-Nihâye'den; thk. es-Seyyid İbrâhîm), tek cilt, s. 237-238 (Bâbü mâ ahbera bihî mine'l-kâinâti'l-müstakbele fî hayâtihî ve ba'deh)

---

## 712. Người được báo rằng nếu những kẻ đa thần đuổi Người khỏi quê hương, sau Người...

**Sahih (Xác thực)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người được báo rằng nếu những kẻ đa thần đuổi Người khỏi quê hương, sau Người chúng chỉ ở lại đó được ít lâu (chương al-Isra', câu 76); không lâu sau Hijrah, các thủ lĩnh của chúng bị giết ở Badr.

Lời tiên tri: thời kỳ Makkah; Ứng nghiệm: Badr, năm 2 H (624 CN)

NGUỒN İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî (el-Bidâye ve'n-Nihâye'den; thk. es-Seyyid İbrâhîm), tek cilt, s. 239-240 (Bâbü mâ ahbera bihî mine'l-kâinâti'l-müstakbele fî hayâtihî ve ba'deh)

---

## 713. Ở Badr, khi các Sahabah muốn lấy tiền chuộc cho bảy mươi tù binh, Người cho...

**Hasan (Tốt)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Ở Badr, khi các Sahabah muốn lấy tiền chuộc cho bảy mươi tù binh, Người cho biết đã được mặc khải rằng nếu lấy tiền chuộc thì năm sau, cũng vào ngày ấy, sẽ có bằng ấy người của họ bị giết; họ chấp nhận, và năm sau ở Uhud bảy mươi người Muslim đã hy sinh (câu 165 chương Al Imran ám chỉ điều này).

Lời tiên tri: Badr, năm 2 H (624 CN); Ứng nghiệm: Uhud, năm 3 H (625 CN)

NGUỒN Râvendî, el-Harâic ve'l-cerâih, c. 1, s. 147-148 (el-Bâbü'l-evvel fî mu'cizâti nebiyyinâ Muhammed)

---

## 714. (Ở Badr) Người đặt tay lên mũi tên của một vị Sahabah đang nhắm vào một kẻ đa...

**Da'if (Yếu)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

(Ở Badr) Người đặt tay lên mũi tên của một vị Sahabah đang nhắm vào một kẻ đa thần và nói: “Hãy bắn”; dù kẻ đa thần chạy bên này bên kia, mũi tên vẫn đuổi theo cắm vào đầu hắn và hắn chết; câu 17 chương al-Anfal được mặc khải.

Badr, Ramadan năm 2 H (624 CN)

NGUỒN Râvendî, el-Harâic ve'l-cerâih, c. 1, s. 149 (el-Bâbü'l-evvel fî mu'cizâti nebiyyinâ Muhammed)

---

## 715. Trong thư trả lời thư đe dọa của Abu Jahl (hai mươi tám ngày trước Badr), Người...

**Bịa đặt (Mawdu')** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Trong thư trả lời thư đe dọa của Abu Jahl (hai mươi tám ngày trước Badr), Người báo rằng hắn sẽ bị giết bởi tay “người yếu nhất trong các Sahabah của ta” và cùng Utbah, Shaybah và al-Walid bị ném xuống giếng; Người bảo các Sahabah: “Hãy bước một bước”, mặt đất được thu ngắn lại và họ đến bên giếng Badr; Người chỉ: “Đây là chỗ Utbah, đây là chỗ al-Walid sẽ bị giết”, kể từng người trong bảy mươi kẻ bị giết và bảy mươi kẻ bị bắt, và báo rằng một người Ansar sẽ làm Abu Jahl bị thương và Abdullah bin Mas'ud sẽ kết liễu hắn.

Lời tiên tri: năm 2 H, 28 ngày trước Badr; Ứng nghiệm: Badr, năm 2 H (624 CN)

NGUỒN İbn Şehrâşûb, Menâkıbü Âl-i Ebî Tâlib (Necef 1376/1956 baskısı), c. 1, s. 62 (fasl fîmâ lakıyehû min kavmihî ba'de mevti ammihî)

## 716. Con cừu Abu Ayyub mang đến cho đám cưới của Fatimah, Jibril trước tiên cấm...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Con cừu Abu Ayyub mang đến cho đám cưới của Fatimah, Jibril trước tiên cấm giết, hai ngày sau mới cho Zayd bin Jubayr al-Ansari giết; Người nói: “Hãy ăn với Bismillah, đừng bẻ xương nó”, và sau bữa ăn cầu xin: “Abu Ayyub là người nghèo; lạy Allah, Ngài đã tạo ra nó, Ngài đã làm nó chết, Ngài làm nó sống lại; Ya Hayyu, xin hãy làm nó sống lại”, và con cừu sống lại; sữa của nó chữa lành người bệnh, và người Madinah gọi nó là “al-Mab'uthah” (bài thơ của Abdurrahman bin Awf về chuyện này).

Năm 2 H (624 CN), đám cưới của Fatimah

NGUỒN İbn Şehrâşûb, Menâkıbü Âl-i Ebî Tâlib (Necef 1376/1956 baskısı), c. 1, s. 114 (fasl fî i'câzihî (çeşitli mucizeler))

## 717. Vào ngày Badr, người ta nghe từ những ngọn núi Makkah một tiếng nói vô hình báo...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Vào ngày Badr, người ta nghe từ những ngọn núi Makkah một tiếng nói vô hình báo bằng thơ về chiến thắng của những người Hanif (người Muslim), về việc vương quyền của Kisra và Caesar sẽ bị đập tan, và về những người Quraish bị giết và bị bắt; ngày hôm sau tin tức đến.

Badr, năm 2 H (624 CN)

NGUỒN Meclisî, Bihâru'l-envâr, c. 18, s. 93-94 (Bâb 10: cinlerden ve başkalarından gelen hâtifler)

## 718. Vào ngày Người trả lời thư đe dọa của Abu Jahl (28 ngày trước Badr), Người mời...

Bịa đặt (Mawdu') CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Vào ngày Người trả lời thư đe dọa của Abu Jahl (28 ngày trước Badr), Người mời các tín đồ và người Do Thái đi xem chỗ chết của những kẻ sẽ chết ở Badr, chỉ có Ali nói “Bismillah”; Người nói: “Hãy bước một bước, Allah sẽ thu ngắn mặt đất cho các ngươi”, và ở bước thứ hai họ đã đến bên giếng Badr (tayy al-makan).

28–29 ngày trước Badr, năm 2 H (624 CN)

NGUỒN Meclisî, Bihâru'l-envâr (Müessesetü'l-Vefâ), c. 17, s. 343-344 (ebvâbü mu'cizâtih, bâb 2: cevâmi'u mu'cizâtihî ve nevâdiruhâ)

## 719. Dù các Sahabah nói “chúng tôi sẽ thuộc lòng” những lời báo trước này của Người...

Bịa đặt (Mawdu') CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Dù các Sahabah nói “chúng tôi sẽ thuộc lòng” những lời báo trước này của Người về Badr, Người nói “chữ viết giúp nhớ tốt hơn” và cho các Thiên Thần viết chúng lên xương bả vai; mỗi Thiên Thần đặt một bản vào tay áo của một vị Sahabah, các bản giống nhau đến từng chữ, và khi đối chiếu với những gì đã xảy ra vào ngày Badr thì không thừa không thiếu điều gì.

28–29 ngày trước Badr, năm 2 H (624 CN)

NGUỒN Meclisî, Bihâru'l-envâr (Müessesetü'l-Vefâ), c. 17, s. 345 (ebvâbü mu'cizâtih, bâb 2: cevâmi'u mu'cizâtihî ve nevâdiruhâ)

## 720. Trong trận Badr, từ trời rơi xuống đất những viên đá nhỏ cứng, phát ra những âm...

Hasan (Tốt) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Trong trận Badr, từ trời rơi xuống đất những viên đá nhỏ cứng, phát ra những âm thanh như tiếng kim loại rơi vào chậu; những âm thanh này vang lên trước mặt và sau lưng những kẻ đa thần làm tim chúng run sợ.

Badr, Ramadan năm 2 H (tháng 3 năm 624)

NGUỒN N. İçel, Hz. Muhammed'in (sas) Mucizeleri -2 (2023), "Meleklerin İslam Mücâhidlerine Nasıl Yardım Ettikleri?" (kitabın dipnotu: Vakıdî, Megâzî, c:1, s:95,76-77)

---

## 721. Huwaytib bin Abd al-Uzza, người có mặt cùng phe đa thần ở Badr, đã thấy các...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Huwaytib bin Abd al-Uzza, người có mặt cùng phe đa thần ở Badr, đã thấy các Thiên Thần giữa trời và đất giết và bắt những người Quraish, và nghĩ thầm: "Người này (Muhammad) chắc chắn được Allah bảo vệ."

Badr, Ramadan năm 2 H (tháng 3 năm 624)

NGUỒN N. İçel, Hz. Muhammed'in (sas) Mucizeleri -2 (2023), "Meleklerin İslam Mücâhidlerine Nasıl Yardım Ettikleri?" (kitabın dipnotu: Hâkim, Müstedrek, c:3, s:492)

---

## 722. Suhayl bin Amr, người ở trong hàng ngũ đa thần ở Badr, đã thấy giữa trời và đất...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Suhayl bin Amr, người ở trong hàng ngũ đa thần ở Badr, đã thấy giữa trời và đất những người da trắng đội khăn xếp (các Thiên Thần) cưỡi ngựa khoang giết và bắt họ.

Badr, Ramadan năm 2 H (tháng 3 năm 624)

NGUỒN N. İçel, Hz. Muhammed'in (sas) Mucizeleri -2 (2023), "Meleklerin İslam Mücâhidlerine Nasıl Yardım Ettikleri?" (kitabın dipnotu: Vakıdî, Megâzî, c:1, s:80)

## 19 · Năm thứ 3 sau Hijrah (năm 624–625 CN): Uhud

### 723. Trong cuộc chinh phạt Ghatafan (Dhu Amarr), khi Du'thur cầm gươm đứng bên đầu...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Trong cuộc chinh phạt Ghatafan (Dhu Amarr), khi Du'thur cầm gươm đứng bên đầu Người, Jibril đánh vào ngực hắn và thanh gươm rơi xuống.

Năm 3 H (624–625 CN)

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.2 s.470; web: Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 25. fasıl; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 347; ayrıca: Meclisî, Bihâru'l-envâr, c. 18, s. 47, 60; İbn Şehrâşûb, Menâkıb, c. 1, s. 63; ayrıca: N. İçel, Hz. Muhammed'in (sas) Mucizeleri -2 (2023), "Du'sur'un (Gavres) Peygamberimiz Aleyhisselâma Suikastı" (kitabın dipnotu: Vakıdî, Megâzî, c:1, s:195-196; Ahmed b. Hanbel, Müsned, c:3, s:364-365)

---

### 724. Trong toán quân đi trừ Ka'b bin al-Ashraf, al-Harith bin Aws bị thương; Người...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Trong toán quân đi trừ Ka'b bin al-Ashraf, al-Harith bin Aws bị thương; Người nhổ nước bọt vào vết thương và cơn đau của ông dịu đi.

Năm 3 H (624–625 CN)

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.2 s.494; web: Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 21. fasıl; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 350; ayrıca: İbn Hamza et-Tûsî, es-Sâkıb, s. 62, no. 35/2

---

### 725. Trước trận Uhud, Người thấy trong mơ thanh gươm của mình bị mẻ, những con bò bị...

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Trước trận Uhud, Người thấy trong mơ thanh gươm của mình bị mẻ, những con bò bị giết và một bộ giáp chắc chắn; mọi việc diễn ra đúng như lời giải mộng.

Shawwal năm 3 H (tháng 3 năm 625)

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.2 s.513; İbn Kesîr s.136; 1000 Mucize no.984 (s.798); web: Buhârî, Menâkıb, Alâmâtü'n-nübüvve, no. 3622; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 351; c. 2, s. 410 kısmı); ayrıca: İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî, s. 242; Kütüb-i Sitte: Buhari, Ta'bir 39, 44, Menakıb 25, Meğazî 9, 26, Menâkıbu'l-Ensâr 45; Müslim, Rü'ya 20, (2272) [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 966, c./s. 4/533]

---

### 726. Ở Uhud, cành chà là Người trao cho Abdullah bin Jahsh, người bị gãy gươm, đã...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Ở Uhud, cành chà là Người trao cho Abdullah bin Jahsh, người bị gãy gươm, đã biến thành thanh gươm trong tay ông.

Shawwal năm 3 H (tháng 3 năm 625)

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.2 s.550; 19. Mektup listesi (183.txt) no.46; web: Said Nursî, Mektubat, 19. Mektup, 12. İşaret, 3. misal; Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 23. fasıl; Questions on Islam, "The Miracles concerning mountains, rocks and lifeless creatures"; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 359; ayrıca: Meclisî, Bihâru'l-envâr, c. 17, s. 382; İbn Şehrâşûb, Menâkıb, c. 1, s. 104; İbn Hamza et-Tûsî, es-Sâkıb, s. 111,

hadis no. 105/8; ayrıca: N. İçel, Hz. Muhammed'in (sas) Mucizeleri -2 (2023), "Peygamberimiz Aleyhisselâmın Abdullah b. Cahş'a Verdiği Hurma Dalının Kılıç Oluşu" (kitabın dipnotu: Kastalanî, Mevâhib, c:1, s:125)

---

## 727. Ở Uhud (theo một lời thuật là ở Badr), con mắt của Qatadah bin an-Nu'man bị lòi...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Ở Uhud (theo một lời thuật là ở Badr), con mắt của Qatadah bin an-Nu'man bị lòi ra rủ xuống má, Người lấy tay đặt lại chỗ cũ; con mắt ấy còn nhìn rõ hơn trước.

Shawwal năm 3 H (tháng 3 năm 625)

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.2 s.383, 574; İbn Kesîr s.79; 19. Mektup listesi (183.txt) no.45, 58, 173; 1000 Mucize no.103 (s.80); web: Heysemî, Mecmau'z-zevâid, K. Alâmâti'n-nübüvve, bâbü reddi'l-basar, no 14098; Said Nursî, Mektubat, 19. Mektup, 13. İşaret, 1. misal; Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 21. fasıl; Questions on Islam, "The Miracles concerning the sick and the wounded being healed"; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 337-338; c. 1, s. 359; ayrıca: İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî, s. 197, 460-461; İbnü'l-Cevzî, el-Vefâ, s. 339; Meclisî, Bihâru'l-envâr, c. 17, s. 250; c. 17, s. 294; c. 18, s. 8, 9, 40; Râvendî, el-Harâic, c. 1, s. 32-33; c. 1, s. 148; c. 2, s. 505-506; Tabersî, İ'lâmü'l-verâ, c. 1, s. 84; İbn Şehrâşûb, Menâkıb, c. 1, s. 101-102; Tabersî, el-İhticâc, c. 1, s. 332; İbn Hamza et-Tûsî, es-Sâkıb, s. 64, no. 41/8; al-shia.org (Farsça mucize listeleri); ayrıca: N. İçel, Hz. Muhammed'in (sas) Mucizeleri -2 (2023), "Uhud'da, Katâde b. Numan'nın Yanakları Üzerine Akan Gözbebeğini Yerine Koyması" (kitabın dipnotu: Heysemî, Mecmau'z-zevâid, c:6, s:113; İbn İshak-İbn Hişam, c:3, s:87)

---

## 728. Ở Uhud, hai Thiên Thần mặc đồ trắng (Jibril và Mika'il) chiến đấu để bảo vệ...

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Ở Uhud, hai Thiên Thần mặc đồ trắng (Jibril và Mika'il) chiến đấu để bảo vệ Người.

Shawwal năm 3 H (tháng 3 năm 625)

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.2 s.577; web: Mişkâtü'l-Mesâbîh, Fezâil, bâbün fi'l-mu'cizât, no. 5875; Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 27. fasıl; Questions on Islam, "Miracles concerning Angels and Jinn"; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 355; Kütüb-i Sitte: Buhârî, Megâzî 18, Libâs 24; Müslim, Fedâil 46, (2306) [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 4251, c./s. 12/125]

---

## 729. Ở Makkah, Người từng nói với Ubayy bin Khalaf: "Ta sẽ giết ngươi"; ở Uhud...

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Ở Makkah, Người từng nói với Ubayy bin Khalaf: "Ta sẽ giết ngươi"; ở Uhud, Người giết hắn chỉ bằng một vết xước nhẹ.

Lời tiên tri: thời kỳ Makkah; Ứng nghiệm: năm 3 H (625 CN)

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.2 s.580; İbn Kesîr s.139; 1000 Mucize no.383 (s.369); web: Said Nursî, Mektubat, 19. Mektup, 5. İşaret; Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 24. fasıl; Questions on Islam, "His Information related to the Future Turn out True"; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 352; ayrıca: İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî, s. 243; Meclisî, Bihâru'l-envâr, c. 18, s. 68, 74, 132; Râvendî, el-Harâic, c. 1, s. 62-63; c. 1, s. 148; İbn Şehrâşûb, Menâkıb, c. 1, s. 96, 102, 117; al-shia.org (Farsça mucize listeleri); ayrıca: N. İçel, Hz. Muhammed'in (sas) Mucizeleri -1 (2023), "Peygamberimiz Aleyhisselâmın Übeyy b. Halef'i Yaralayışı ve Öldürüşü" (kitabın dipnotu: İbn İshak-İbn Hişam, Sîre, c:3, s:89; Taberi, Tarih, c:3,s:20; Vakıdî, Megâzî, c:1, s:250,243-244,251-252)

---

## 730. Người cho biết các Thiên Thần đã tắm cho Hanzalah, người tử vì đạo ở Uhud, và...

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người cho biết các Thiên Thần đã tắm cho Hanzalah, người tử vì đạo ở Uhud, và người ta thấy nước nhỏ giọt từ thi thể ông.

Shawwal năm 3 H (tháng 3 năm 625)

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.2 s.606; 1000 Mucize no.183 (s.162); web: Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 24. fasıl; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 357; ayrıca: N. İçel, Hz. Muhammed'in (sas) Mucizeleri -1 (2023), "Hanzale b. Ebu Âmir'in Şehit Oluşu" (kitabın dipnotu: Vâkıdî, Megâzî, c:1, s:273; İbn Esîr, Usdu'l-gâbe, c:2, s:66)

---

## 731. Nhiều năm sau, khi mộ được mở ra, thi thể của những người tử vì đạo ở Uhud vẫn...

**Sahih (Xác thực)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Nhiều năm sau, khi mộ được mở ra, thi thể của những người tử vì đạo ở Uhud vẫn còn nguyên vẹn.

Năm 3 H; Mộ được mở: năm 46–49 H

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.2 s.631; web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 363; Kütüb-i Sitte: Buhârî (Câbir, 6 ay sonra); Muvatta (46 yıl sonra)

---

## 732. Sau Uhud, nỗi sợ hãi được gieo vào lòng những kẻ đa thần, và chúng quay về từ Hamra' al-Asad

**Sahih (Xác thực)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Sau Uhud, nỗi sợ hãi được gieo vào lòng những kẻ đa thần, và chúng quay về từ Hamra' al-Asad.

Shawwal năm 3 H (tháng 3 năm 625)

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.2 s.640; web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 364

---

## 733. Vào ngày Uhud, một kẻ đa thần nói: "Lạy Allah, nếu Muhammad ở trên chân lý thì..."

**Da'if (Yếu)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Vào ngày Uhud, một kẻ đa thần nói: "Lạy Allah, nếu Muhammad ở trên chân lý thì hãy cho đất nuốt ta", và ngay sau đó hắn bị đất nuốt.

Uhud, năm 3 H (625 CN)

NGUỒN 1000 Mucize no.382 (s.369)

---

## 734. Trong cuộc chinh phạt Banu Anmar, Người cho người đàn ông đi chăn lạc đà thay...

**Sahih (Xác thực)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Trong cuộc chinh phạt Banu Anmar, Người cho người đàn ông đi chăn lạc đà thay bộ áo cũ bằng bộ áo tốt và nói: "Cầu Allah cho cổ ngươi bị chém"; người ấy hỏi: "Trên con đường của Allah ư, thưa Thiên Sứ của Allah?", Người đáp: "Trên con đường của Allah", và người ấy đã hy sinh trên con đường của Allah.

Cuộc chinh phạt Banu Anmar, khoảng năm 3–4 H (624–626 CN)

NGUỒN 1000 Mucize no.130 (s.106), no.349 (s.335); web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 375; ayrıca: İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî, s. 211-212

---

## 735. Ở Uhud, khi kẻ thù ở phía dưới, một cơn buồn ngủ mang lại sự yên tâm và thanh...

**Sahih (Xác thực)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Ở Uhud, khi kẻ thù ở phía dưới, một cơn buồn ngủ mang lại sự yên tâm và thanh thản đã giáng xuống tất cả các Sahabah đang cùng Người ở sườn núi.

Uhud, năm 3 H (625 CN)

NGUỒN 1000 Mucize no.181 (s.160)

## 736. Allah sai một con dê núi đến với Abdullah bin Qami'ah thuộc Hudhayl, kẻ đã làm...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Allah sai một con dê núi đến với Abdullah bin Qami'ah thuộc Hudhayl, kẻ đã làm mặt Người bị thương, và con dê húc chết hắn.

Sau Uhud, năm 3 H (625 CN)

NGUỒN 1000 Mucize no.184 (s.163); web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 361; ayrıca: Meclisî, Bihâru'l-envâr, c. 18, s. 67; İbn Şehrâşûb, Menâkıb, c. 1, s. 69

## 737. Bashir bin Aqrabah al-Juhani khóc lóc đến vì cha ông đã hy sinh ở Uhud; Người...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Bashir bin Aqrabah al-Juhani khóc lóc đến vì cha ông đã hy sinh ở Uhud; Người an ủi: “Ngươi không muốn ta làm cha ngươi, Aisha làm mẹ ngươi sao?” và xoa đầu cậu; mái tóc ở chỗ tay Người chạm vẫn đen dù xung quanh đã bạc.

Sau Uhud, năm 3 H (625 CN)

NGUỒN 1000 Mucize no.227 (s.202); web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 139 bâbı); ayrıca: N. İçel, Hz. Muhammed'in (sas) Mucizeleri -2 (2023), "Bir Şehit Yavrusunun Evlat Edinilişi" (kitabın dipnotu: Buhâri, Târîhu'l-kebir, c:1, ks:2, s:78; İbn Asâkir, Târih, C:3. S:269; İbn Esîr, Usdu'l-gâbe, c:4, s: 62)

## 738. Bashir bin Aqrabah al-Juhani bị nói lắp; Người nhổ nước bọt vào miệng ông, ông...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Bashir bin Aqrabah al-Juhani bị nói lắp; Người nhổ nước bọt vào miệng ông, ông nói năng trôi chảy, và Người đổi tên ông từ Bahir thành Bashir.

Sau Uhud, năm 3 H (625 CN)

NGUỒN 1000 Mucize no.228 (s.202); web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 139 bâbı); ayrıca: N. İçel, Hz. Muhammed'in (sas) Mucizeleri -2 (2023), "Bir Şehit Yavrusunun Evlat Edinilişi" (kitabın dipnotu: Buhâri, Târîhu'l-kebir, c:1, ks:2, s:78; İbn Asâkir, Târih, C:3. S:269; İbn Esîr, Usdu'l-gâbe, c:4, s: 62)

## 739. Vào ngày Uhud, Abu Dharr bị thương ở mắt; Người nhổ nước bọt vào mắt ông và nó...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Vào ngày Uhud, Abu Dharr bị thương ở mắt; Người nhổ nước bọt vào mắt ông và nó lành hẳn.

Uhud, năm 3 H (625 CN)

NGUỒN 1000 Mucize no.236 (s.208), no.944 (s.773); web: Heysemî, Mecmau'z-zevâid, K. Alâmâti'n-nübüvve, no 14099; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 360

## 740. Ở Uhud, sau khi Sa'd bin Abi Waqqas bắn tên đến gãy cung, Người trao cho ông...

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Ở Uhud, sau khi Sa'd bin Abi Waqqas bắn tên đến gãy cung, Người trao cho ông những mũi tên không có lông và nói: “Hãy bắn”; những mũi tên ấy bay như tên có lông và cắm vào thân kẻ thù.

Shawwal năm 3 H (tháng 3 năm 625)

NGUỒN Said Nursî, Mektubat, 19. Mektup, 13. İşaret, 1. misal (s. 202)

---

## 741. Vào ngày Uhud, Kulthum bin al-Husayn bị trúng tên ở ngực (cổ); Người nhổ nước...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Vào ngày Uhud, Kulthum bin al-Husayn bị trúng tên ở ngực (cổ); Người nhổ nước bọt vào vết thương, ông khỏi.

Uhud, Shawwal năm 3 H (tháng 3 năm 625)

NGUỒN Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 21. fasıl (hastaların iyileşmesi)

---

## 742. Về Quzman, người chiến đấu anh dũng cùng người Muslim, Người nói: “Hắn thuộc về...”

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Về Quzman, người chiến đấu anh dũng cùng người Muslim, Người nói: “Hắn thuộc về Hỏa Ngục”; Quzman (không chịu nổi vết thương) đã tự sát.

Uhud, năm 3 H (625 CN) – trong hai bộ Sahih có sự việc tương tự ở Khaybar

NGUỒN Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 24. fasıl (gayb haberleri)

---

## 743. Vào ngày Uhud, khi Mus'ab bin Umayr hy sinh, một Thiên Thần mang hình dạng ông...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Vào ngày Uhud, khi Mus'ab bin Umayr hy sinh, một Thiên Thần mang hình dạng ông nhận lấy lá cờ; Người nói: “Tiến lên, hỡi Mus'ab”; khi Thiên Thần nói: “Tôi không phải Mus'ab”, Người hiểu đó là Thiên Thần.

Uhud, Shawwal năm 3 H (tháng 3 năm 625)

NGUỒN Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 27. fasıl (melekler ve cinler)

---

## 744. Những người tin theo trong số thuộc hạ của Najashi xin phép: “Hãy để chúng tôi...”

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Những người tin theo trong số thuộc hạ của Najashi xin phép: “Hãy để chúng tôi đến với vị Nabi mà chúng tôi thấy trong Kinh Sách”, rồi đến, theo Islam và tham gia trận Uhud.

Năm 3 H (625 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 31 (Tevrat ve İncil'de anılması bâbı)

---

## 745. Học giả Do Thái Mukhayriq nhận ra Người qua đặc điểm trong kinh sách, vào ngày...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Học giả Do Thái Mukhayriq nhận ra Người qua đặc điểm trong kinh sách, vào ngày Uhud (thứ Bảy) nói với dân mình: “Giúp Muhammad là bổn phận của các người”, rồi ra trận, để lại di chúc: “Nếu tôi chết, tài sản của tôi thuộc

về Muhammad", và hy sinh; Người nói: "Mukhayriq là người tốt nhất trong người Do Thái."

Uhud, năm 3 H (625 CN)

NGUỒN Ebû Nuaym el-İsfahânî, Delâilü'n-nübüvve, 5-6. fasıl (önceki kitaplar, kâhinler ve meliklerin beklentisi), no. 38

---

## 746. Sau Uhud, Người nói: "Cho đến khi Makkah được chinh phục, những kẻ đa thần sẽ..."

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Sau Uhud, Người nói: "Cho đến khi Makkah được chinh phục, những kẻ đa thần sẽ không thể gây cho chúng ta thiệt hại như thế này nữa", và đã đúng như vậy.

Lời tiên tri: năm 3 H; Ứng nghiệm: năm 3–8 H

NGUỒN Questions on Islam, "His Information related to the Future Turn out True"

---

## 747. Ở Uhud, khi Abdurrahman bin Awf nói rằng trong bảy kẻ đa thần nằm chết quanh...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Ở Uhud, khi Abdurrahman bin Awf nói rằng trong bảy kẻ đa thần nằm chết quanh ông, ông chỉ giết hai, Người cho biết số còn lại do các Thiên Thần giết.

Uhud, Shawwal năm 3 H (625 CN)

NGUỒN Molla Câmî, Şevâhidü'n-Nübüvve, 4. bölüm

---

## 748. Ở Uhud, Malik bin Sinan mút và nuốt máu chảy ra từ vết thương trên mặt Người...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Ở Uhud, Malik bin Sinan mút và nuốt máu chảy ra từ vết thương trên mặt Người; Người nói: "Người có máu hòa với máu ta thì lửa Hỏa Ngục sẽ không chạm đến"; Malik hy sinh ngay hôm đó.

Uhud, Shawwal năm 3 H (625 CN)

NGUỒN Nişancızâde, Mir'ât-ı Kâinât'tan

---

## 749. Người tiễn các Sahabah được cử đi giết Ka'b bin al-Ashraf đến tận Baqi...

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người tiễn các Sahabah được cử đi giết Ka'b bin al-Ashraf đến tận Baqi' al-Gharqad và cầu xin: "Hãy đi nhân danh Allah; lạy Allah, xin hãy giúp họ", và toán quân trở về thành công.

Toán quân đi trừ Ka'b bin al-Ashraf, năm 3 H (624 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 350 (Kâ'b b. Eşref'in öldürülmesindeki âyetler)

---

## 750. Ở Uhud, khi Zubayr ra đấu với kẻ đa thần ngồi trên lạc đà thách đấu, nhảy lên...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Ở Uhud, khi Zubayr ra đấu với kẻ đa thần ngồi trên lạc đà thách đấu, nhảy lên lạc đà vật lộn với hắn, Người nói: "Kẻ nào gần đất hơn (ngã xuống dưới) sẽ bị giết"; kẻ đa thần ngã xuống đất và Zubayr giết hắn.

Uhud, Shawwal năm 3 H (625 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 353 (Uhud gazvesindeki âyetler)

## 751. Ở Uhud, khi hai tay bị chém đứt, người cầm cờ Mus'ab bin Umayr đọc câu kinh lúc...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Ở Uhud, khi hai tay bị chém đứt, người cầm cờ Mus'ab bin Umayr đọc câu kinh lúc ấy chưa được mặc khải: "Muhammad chỉ là một sứ giả; trước người ấy đã có những sứ giả đến rồi đi"; sau đó câu kinh được mặc khải đúng như vậy.

Uhud, Shawwal năm 3 H (625 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 356 (Uhud gazvesindeki âyetler)

## 752. Ở Uhud, khi mọi người tán loạn, một chàng trai trẻ đẹp, mặt trắng, mà Sa'd bin...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Ở Uhud, khi mọi người tán loạn, một chàng trai trẻ đẹp, mặt trắng, mà Sa'd bin Abi Waqqas không quen, nhặt lại những mũi tên ông bắn và đưa cho ông, nói: "Hãy bắn, hỡi Abu Ishaq"; khi trận chiến kết thúc, không tìm thấy chàng trai ấy; người ta cho rằng đó là một Thiên Thần.

Uhud, Shawwal năm 3 H (625 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 356 (Uhud gazvesindeki âyetler)

## 753. Ở Uhud, khi kỵ binh Quraish leo lên núi, Người cầu xin: "Lạy Allah, chúng không..."

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Ở Uhud, khi kỵ binh Quraish leo lên núi, Người cầu xin: "Lạy Allah, chúng không được ở cao hơn chúng con"; Umar cùng một nhóm Muhajirin đã đánh chúng xuống núi.

Uhud, Shawwal năm 3 H (625 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 357 (Uhud gazvesindeki âyetler)

## 754. Ở Uhud, Talhah bin Ubaydullah bị chém đứt ngón tay kêu lên: "Ối!"; Người nói...

Hasan (Tốt) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Ở Uhud, Talhah bin Ubaydullah bị chém đứt ngón tay kêu lên: "Ối!"; Người nói: "Nếu ngươi nói Bismillah, các Thiên Thần đã nâng ngươi lên trời trước mắt mọi người (ngươi đã thấy ngay ở thế gian lâu đài Allah xây cho ngươi trên Thiên Đàng)."

Uhud, Shawwal năm 3 H (625 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 357 (Uhud gazvesindeki âyetler)

## 755. Ở Uhud, Anas bin an-Nadr nói: "Thề bởi Đấng nắm sinh mạng tôi trong tay, tôi..."

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Ở Uhud, Anas bin an-Nadr nói: "Thề bởi Đấng nắm sinh mạng tôi trong tay, tôi ngửi thấy hương thơm Thiên Đàng từ phía bên kia núi Uhud", rồi xông lên và hy sinh.

Uhud, Shawwal năm 3 H (625 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 357 (Uhud gazvesindeki âyetler)

## 756. Người thấy và cho biết các Thiên Thần đã tắm cho Hamzah, người hy sinh ở Uhud...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người thấy và cho biết các Thiên Thần đã tắm cho Hamzah, người hy sinh ở Uhud khi đang trong tình trạng junub.

Uhud, Shawwal năm 3 H (625 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 358 (Uhud gazvesindeki âyetler)

## 757. Người nói với người cô đang khóc cho Abdullah bin Amr bin Haram, cha của Jabir...

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người nói với người cô đang khóc cho Abdullah bin Amr bin Haram, cha của Jabir, người hy sinh ở Uhud: "Đừng khóc; cho đến khi các người khiêng ông ấy đi, các Thiên Thần vẫn dùng cánh che bóng cho ông ấy."

Uhud, Shawwal năm 3 H (625 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 358 (Uhud gazvesindeki âyetler)

## 758. Ở Uhud, Người sai Zayd bin Thabit đi tìm Sa'd bin ar-Rabi' và chuyển lời chào...

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Ở Uhud, Người sai Zayd bin Thabit đi tìm Sa'd bin ar-Rabi' và chuyển lời chào; ông được tìm thấy với bảy mươi vết thương, đang trút hơi thở cuối cùng, nói: "Tôi ngửi thấy hương thơm Thiên Đàng", rồi qua đời.

Uhud, Shawwal năm 3 H (625 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 358 (Uhud gazvesindeki âyetler)

## 759. Khaythamah, người có con trai là Sa'd hy sinh ở Badr, kể rằng ông mơ thấy con...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Khaythamah, người có con trai là Sa'd hy sinh ở Badr, kể rằng ông mơ thấy con mình trong các khu vườn Thiên Đàng nói: "Hãy đến với chúng con", và xin Người cầu xin cho mình được tử vì đạo; Người cầu xin, và Khaythamah hy sinh ở Uhud.

Uhud, Shawwal năm 3 H (625 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 359 (Uhud gazvesindeki âyetler)

## 760. Một ngày trước Uhud, Abdullah bin Jahsh cầu xin: "Lạy Allah, xin cho con ngày..."

Hasan (Tốt) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Một ngày trước Uhud, Abdullah bin Jahsh cầu xin: "Lạy Allah, xin cho con ngày mai gặp kẻ thù; xin cho chúng giết con, mổ bụng con, cắt mũi và tai con", và ngày hôm sau ông hy sinh đúng như thế.

Uhud, Shawwal năm 3 H (625 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 359 (Uhud gazvesindeki âyetler)

## 761. Ở Uhud, khi tên bắn đến từ mọi phía, dù Người đứng ở giữa, tất cả đều trệch...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Ở Uhud, khi tên bắn đến từ mọi phía, dù Người đứng ở giữa, tất cả đều trệch khỏi Người; kẻ đa thần (Abdullah bin Shihab) nói "Hãy chỉ Muhammad cho ta", đi ngang gần Người lúc bên Người không có ai mà vẫn không thấy Người, và nói: "Hắn được che chở khỏi chúng ta."

Uhud, Shawwal năm 3 H (625 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 360 (Uhud gazvesindeki âyetler)

## 762. Ở Uhud, Người nguyền rủa Utbah bin Abi Waqqas, kẻ làm gãy răng và làm mặt Người...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Ở Uhud, Người nguyền rủa Utbah bin Abi Waqqas, kẻ làm gãy răng và làm mặt Người bị thương: "Lạy Allah, xin cho hắn chết trong tình trạng ngoại đạo trước khi hết một năm", và Utbah đã chết trong tình trạng ngoại đạo trước khi tròn năm.

Uhud, năm 3 H (625 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 361 (Uhud gazvesindeki âyetler)

## 763. Abu Azzah al-Jumahi, kẻ được Người thả không cần tiền chuộc ở Badr nhưng bội...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Abu Azzah al-Jumahi, kẻ được Người thả không cần tiền chuộc ở Badr nhưng bội lời tham gia trận Uhud; Người cầu xin cho hắn không thoát được, và trong những kẻ đa thần chỉ mình hắn bị bắt làm tù binh.

Uhud / Hamra' al-Asad, năm 3 H (625 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 361 (Uhud gazvesindeki âyetler)

## 764. Ở Uhud, Hind bint Utbah nhai lá gan của Hamzah nhưng không nuốt được; Người...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Ở Uhud, Hind bint Utbah nhai lá gan của Hamzah nhưng không nuốt được; Người nói: "Allah đã cấm để một mẩu thịt nào của Hamzah vào Hỏa Ngục."

Uhud, Shawwal năm 3 H (625 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 362 (Uhud gazvesindeki âyetler)

## 765. Jibril báo cho Người biết việc al-Harith bin Suwayd lợi dụng hỗn loạn ở Uhud đã...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Jibril báo cho Người biết việc al-Harith bin Suwayd lợi dụng hỗn loạn ở Uhud đã lén giết người Muslim al-Mujadhdhar bin Ziyad; Người đến Quba và ra lệnh xử tử hắn.

Sau Uhud, năm 3 H (625 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 362 (Uhud gazvesindeki âyetler)

## 766. Sau khi nợ của cha Jabir được trả, giữa trưa Người đến nhà Jabir và ngủ; khi...

Hasan (Tốt) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Sau khi nợ của cha Jabir được trả, giữa trưa Người đến nhà Jabir và ngủ; khi thức dậy, với con dê cái non ('anaq) mà vợ Jabir đã giết, Người cho gọi Abu Bakr và các môn đồ thân cận (các Sahabah gần gũi) đến; tất cả đều no và thịt còn thừa rất nhiều.

Khoảng năm 3–4 H (sau Uhud)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 87 (Önceki bâblara girmeyen diğer mucizeler: yemeğin çoğalması)

## 767. Ở Uhud, những người chất xác các vị tử vì đạo lên lạc đà để đưa về Madinah thấy...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Ở Uhud, những người chất xác các vị tử vì đạo lên lạc đà để đưa về Madinah thấy lạc đà quỳ sụp xuống mỗi khi quay về Madinah và đi nhanh khi quay về chiến trường; biết được chuyện, Người đọc câu 154 chương Al Imran và cho chôn các vị tử vì đạo tại đó.

Uhud, Shawwal năm 3 H (625 CN)

NGUỒN Râvendî, el-Harâic ve'l-cerâih, c. 1, s. 148 (el-Bâbü'l-evvel fî mu'cizâti nebiyyinâ Muhammed)

## 768. Người phun ngụm nước trong miệng lên những vết thương của Ali, người bị bốn...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người phun ngụm nước trong miệng lên những vết thương của Ali, người bị bốn mươi vết thương ở Uhud; các vết thương lành ngay lập tức như chưa từng có.

Uhud, Shawwal năm 3 H (625 CN)

NGUỒN Râvendî, el-Harâic ve'l-cerâih, c. 1, s. 148 (el-Bâbü'l-evvel fî mu'cizâti nebiyyinâ Muhammed)

## 769. Vào ngày Uhud, khi gươm của Ali bị gãy, Người nhặt một cành chà là cũ khô dưới...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Vào ngày Uhud, khi gươm của Ali bị gãy, Người nhặt một cành chà là cũ khô dưới đất, vung lên rồi trao cho ông; cành ấy biến thành thanh gươm Dhul-Fiqar, và Ali chém ai thì kẻ ấy đứt làm đôi (do Ali thuật lại).

Uhud, Shawwal năm 3 H (625 CN)

NGUỒN Râvendî, el-Harâic ve'l-cerâih, c. 1, s. 148 (el-Bâbü'l-evvel fî mu'cizâti nebiyyinâ Muhammed)

## 770. Vào ngày Uhud, khi ẩn tránh những kẻ đa thần, Người nghiêng đầu về phía núi...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Vào ngày Uhud, khi ẩn tránh những kẻ đa thần, Người nghiêng đầu về phía núi, tảng đá lõm vào vừa bằng đầu Người để nhường chỗ; nơi này trở thành một điểm viếng thăm nổi tiếng trong thung lũng (shi'b).

Uhud, Shawwal năm 3 H (625 CN)

NGUỒN Râvendî, el-Harâic ve'l-cerâih, c. 3, s. 915 (el-Bâbü's-sâbi' aşer fi'l-muvâzât beyne mu'cizâti nebiyyinâ ve mu'cizâti'l-enbiyâ)

## 771. Người ghép lại bàn tay bị đứt ở Uhud của Abdullah bin Atik thuộc người Ansar và...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người ghép lại bàn tay bị đứt ở Uhud của Abdullah bin Atik thuộc người Ansar và thổi vào, nó trở lại như cũ.

Uhud, năm 3 H (625 CN)

NGUỒN İbn Şehrâşûb, Menâkıbü Âl-i Ebî Tâlib (Necef 1376/1956 baskısı), c. 1, s. 101 (fasl fî mu'cizât ef'âlihî)

## 772. Vào ngày Ka'b bin al-Ashraf bị giết, Muhammad bin Maslamah bị thương ở mắt và...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Vào ngày Ka'b bin al-Ashraf bị giết, Muhammad bin Maslamah bị thương ở mắt và tay; Người xoa lên các vết thương và không còn dấu vết nào.

Toán quân đi trừ Ka'b bin al-Ashraf, năm 3 H (624 CN)

NGUỒN Meclisî, Bihâru'l-envâr (Müessesetü'l-Vefâ), c. 17, s. 295 (ebvâbü mu'cizâtih, bâb 2: cevâmi'u mu'cizâtihî ve nevâdiruhâ)

## 773. Vào ngày Uhud, tàu lá chà là (sa'fah) Người trao cho Abu Dujanah đã biến thành...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Vào ngày Uhud, tàu lá chà là (sa'fah) Người trao cho Abu Dujanah đã biến thành thanh gươm trong tay ông; Abu Dujanah kể lại bằng thơ: “Cành chà là thành thanh gươm sắc bén; đây là một trong những dấu hiệu của Allah và Thiên Sứ của Ngài.”

Uhud, Shawwal năm 3 H (625 CN)

NGUỒN Meclisî, Bihâru'l-envâr (Müessesetü'l-Vefâ), c. 17, s. 382 (ebvâbü mu'cizâtih, bâb 4: cemâdât ve nebâtâtın itaati ve konuşması)

## 774. Ở Uhud, khi Ali theo lệnh Người đánh tan hai toán đa thần, Jibril nói: “Đây...”

Bịa đặt (Mawdu') CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Ở Uhud, khi Ali theo lệnh Người đánh tan hai toán đa thần, Jibril nói: “Đây chính là sự chia sẻ (muwasat)”; Người nói: “Ali thuộc về ta, ta thuộc về Ali”, Jibril nói: “Tôi cũng thuộc về hai người”, và lúc ấy người ta nghe một tiếng nói: “Không có gươm nào ngoài Dhul-Fiqar, không có anh hùng nào ngoài Ali.”

Uhud, Shawwal năm 3 H (625 CN)

NGUỒN N. İçel, Hz. Muhammed'in (sas) Mucizeleri -1 (2023), "Hz. Ali'nin Müşriklerden İki Topluluğu Bozguna Uğratışı" (kitabın dipnotu: Taberî, Tarih, c:3, s:17)

## 775. Ở Uhud, khi Abu Talhah, người cầm khiên che chắn phía trước Người, đã bắn hết...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Ở Uhud, khi Abu Talhah, người cầm khiên che chắn phía trước Người, đã bắn hết năm mươi mũi tên, Người nhặt một cành cây dưới đất trao cho ông và nói: “Hỡi Abu Talhah, hãy bắn cả cái này như một mũi tên tốt” (theo tiêu đề, cành cây trở thành mũi tên tốt trong tay ông).

Uhud, Shawwal năm 3 H (625 CN)

NGUỒN N. İçel, Hz. Muhammed'in (sas) Mucizeleri -2 (2023), "Ensardan Ebu Talha'nın Elinde, Efendimizin yerden alıp Verdiği Ağaç Dalının İyi Bir Ok Olması" (kitabın dipnotu: Vakıdî, Megâzî, c:1, s: 243; Beyhakî, Delâilü'n-nübüvve, c:3, s:239,346; Hakim, Müstedrek, c:3,

s:26); Kütüb-i Sitte: Buhârî, Menâkıbü'l-Ensâr 18 (3811); Müslim, Cihâd 136 (1811) (Enes: Ebû Talha'nın Uhud'da siper olması; dal kısmı yok) (Canan'da bulunamadı)

---

## 776. Ở Uhud, Người ba lần ra lệnh cho Sa'd bin Abi Waqqas đẩy lùi những kẻ đa thần...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Ở Uhud, Người ba lần ra lệnh cho Sa'd bin Abi Waqqas đẩy lùi những kẻ đa thần đang leo núi; ông bắn mũi tên duy nhất trong ống tên giết một kẻ, rồi hai lần nữa lại thấy chính mũi tên ấy trong ống, mỗi lần giết một kẻ; những kẻ đa thần phải xuống núi, và Sa'd giữ "mũi tên được ban phúc" ấy suốt đời.

Uhud, Shawwal năm 3 H (625 CN)

NGUỒN N. İçel, Hz. Muhammed'in (sas) Mucizeleri -2 (2023), "Peygamberimiz Aleyhisselâmın Yüzünün Kanının Mihras Suyu ile Yıkanışı ve Müşriklerin Kendilerinden Yukarıya Çıkmalarına Meydan Vermemesi İçin Allah'a Dua Edişi" (kitabın dipnotu: İbn İshak-İbn Hişam, c:3, s:90-91; Taberî, Târîh, c:3, s:21; İbn Kayyım, Zâdu'l-mead, c:2, s:106; Zehebî, Siyeru a'lâmi'n-nübelâ, c:2, s:244)

## 20 · Năm thứ 4 sau Hijrah (năm 625–626 CN): Bi'r Ma'unah, Banu an-Nadir, Dhat ar-Riqa'

### 777. Người cho Abdullah bin Unays, người được cử đi giết Khalid bin Sufyan...

Hasan (Tốt) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người cho Abdullah bin Unays, người được cử đi giết Khalid bin Sufyan al-Hudhali, dấu hiệu: "Khi thấy hắn, ngươi sẽ rùng mình", và điều đó xảy ra đúng như vậy.

Năm 4 H (625–626 CN)

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.3 s.148; 1000 Mucize no.210 (s.191); web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 390; Kütüb-i Sitte: Ebû Dâvûd, Salât (korku namazı bâbı; Canan'da künye metinde yok) [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 2929, c./s. 9/255-256]

### 778. Thi thể của Asim bin Thabit, người hy sinh ở ar-Raji', được bầy ong (và dòng...)

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Thi thể của Asim bin Thabit, người hy sinh ở ar-Raji', được bầy ong (và dòng lũ) bảo vệ khỏi những kẻ đa thần.

Safar năm 4 H (625 CN)

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.2 s.652; web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 366; ayrıca: Meclisî, Bihâru'l-envâr, c. 17, s. 267-268; Kütüb-i Sitte: Buhârî, Megâzî, 38, 9, 170, Tevhid 14; Ebu Dâvud, Cihad 115, (2660, 2661), Cenâiz 16, (3112) [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 4256, c./s. 12/136-138]

### 779. Ở Makkah, tù binh bị xiềng Khubayb bin Adi ăn nho tươi dù không phải mùa nho

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Ở Makkah, tù binh bị xiềng Khubayb bin Adi ăn nho tươi dù không phải mùa nho.

Năm 4 H (625 CN)

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.2 s.652; 1000 Mucize no.187 (s.165); web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 365; Kütüb-i Sitte: Buhârî, Megâzî, 38, 9, 170, Tevhid 14; Ebu Dâvud, Cihad 115, (2660, 2661), Cenâiz 16, (3112) [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 4256, c./s. 12/136-138]

### 780. Người báo tin về những người tử vì đạo ở ar-Raji' cho các Sahabah ngay trong...

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người báo tin về những người tử vì đạo ở ar-Raji' cho các Sahabah ngay trong ngày; lời chào của Khubayb đã được chuyển đến Người.

Năm 4 H (625 CN)

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.2 s.652; web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 365; ayrıca: Meclisî, Bihâru'l-envâr, c. 18, s. 133-134; İbn Şehrâşûb, Menâkıb, c. 1, s. 96-97; Kütüb-i Sitte: Buhârî, Megâzî, 38, 9, 170, Tevhid 14; Ebu Dâvud, Cihad 115, (2660, 2661), Cenâiz 16, (3112) [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 4256, c./s. 12/136-138]

### 781. Người nói ra ý định và con dao găm giấu kín của người du mục được cử đến ám sát...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người nói ra ý định và con dao găm giấu kín của người du mục được cử đến ám sát Người.

Năm 4 H (625 CN)

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.2 s.664; web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 367; ayrıca: N. İçel, Hz. Muhammed'in (sas) Mucizeleri -2 (2023), "Ebu Süfyan Tarafından Peygamberimiz Aleyhisselâm İçin Bir Katil Kiralanıp Medine'ye Gönderilişi" (kitabın dipnotu: İbn Sa'd, Tabakâtü'l-kübrâ, c:2, s:93-94; Beyhakî, Delâil, c:3, s:333-334)

---

## 782. Người ta thấy thi thể của Amir bin Fuhayrah, người hy sinh ở Bi'r Ma'unah, được...

**Sahih (Xác thực)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người ta thấy thi thể của Amir bin Fuhayrah, người hy sinh ở Bi'r Ma'unah, được nâng lên trời.

Safar năm 4 H (625 CN)

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.2 s.678; web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 368; c. 2, s. 313); Kütüb-i Sitte: Buhârî (satırdaki künye)

---

## 783. Người báo ngay trong ngày về tình cảnh của những người tử vì đạo ở Bi'r Ma'unah...

**Sahih (Xác thực)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người báo ngay trong ngày về tình cảnh của những người tử vì đạo ở Bi'r Ma'unah và lời nhắn của họ: “Chúng tôi đã gặp Thượng Đế của mình.”

Safar năm 4 H (625 CN)

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.2 s.670, 678; web: Questions on Islam, "His Information related to the Future Turn out True"; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 369; Kütüb-i Sitte: Müslim (Enes; satırdaki künye) [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 2612]

---

## 784. Âm mưu ném đá vào Người của Banu an-Nadir được báo cho Người từ trời

**Hasan (Tốt)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Âm mưu ném đá vào Người của Banu an-Nadir được báo cho Người từ trời.

Năm 4 H (625 CN)

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.2 s.479, 688; 1000 Mucize no.185 (s.163); web: Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 25. fasıl; Questions on Islam, "He is Protected from his Enemies"; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 347-348; c. 1, s. 349; ayrıca: Meclisî, Bihâru'l-envâr, c. 18, s. 46, 110; Râvendî, el-Harâic, c. 1, s. 33; ayrıca: N. İçel, Hz. Muhammed'in (sas) Mucizeleri -1 (2023), "Kinâne b. Suriya'nın Benî Nadîr Yahudîlerini Uyarışı ve Öğütleyişi" (kitabın dipnotu: Vâkidî, Megâzî, c:1, s:365-366 / Taberî, Târîh, c:3, s:37; Ebu Nuaym, Delâilü'n-nübüvve, c:2, s:492-493) · N. İçel, Hz. Muhammed'in (sas) Mucizeleri -2 (2023), "Sellâm b. Mişkem'in Benî Nadîr Yahudîlerini Uyarışı" (kitabın dipnotu: Vakıdî, Megâzî, c:1, s:364-366; Ebu Nuaym , Delâilü'n-nübüvve, c:2, s:489-490; İbn İshak-İbn Hişam, Sire, c:3, s:199; Taberi, Târih, c:3, s:37)

---

## 785. Người Do Thái Amr bin Su'da và những người khác thừa nhận đã thấy các đặc điểm...

**Da'if (Yếu)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người Do Thái Amr bin Su'da và những người khác thừa nhận đã thấy các đặc điểm của Người trong Kinh Tawrah.

Năm 4 H (625 CN)

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.2 s.696; web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 349

---

## 786. Ở Dhat ar-Riqa', khi Người ngủ dưới gốc cây, Ghawrath bin al-Harith rút gươm...

**Sahih (Xác thực)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Ở Dhat ar-Riqa', khi Người ngủ dưới gốc cây, Ghawrath bin al-Harith rút gươm của Người ra, nhưng thanh gươm rơi khỏi tay hắn.

Năm 4 H (theo một ý kiến là năm 7 H)

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.2 s.707; 19. Mektup listesi (183.txt) no.49; 1000 Mucize no.367 (s.352), no.392 (s.383); web: Ebû Nuaym el-İsfahânî, Delâilü'n-nübüvve, 13. fasıl, no. 145; Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 25. fasıl; Questions on Islam, "He is Protected from his Enemies"; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 370; ayrıca: İbnü'l-Cevzî, el-Vefâ, s. 331-332, 331; Meclisî, Bihâru'l-envâr, c. 18, s. 60; Râvendî, el-Harâic, c. 1, s. 164; İbn Şehrâşûb, Menâkıb, c. 1, s. 63; Kütüb-i Sitte: Buhârî, Cihâd 87, 84, Megazî 31, 32; Müslim, Müsafirîn 311, (843) [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 5604, c./s. 15/460]

---

## 787. Trên đường từ Dhat ar-Riqa' về, Người chạm vào con lạc đà không đi nổi của...

**Sahih (Xác thực)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Trên đường từ Dhat ar-Riqa' về, Người chạm vào con lạc đà không đi nổi của Jabir và cầu xin, con lạc đà liền vượt lên dẫn đầu.

Năm 4 H (theo một ý kiến là năm 7 H)

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.2 s.717; Beyhakî, Delâil c.4 s.617; 19. Mektup listesi (183.txt) no.162; 1000 Mucize no.32 (s.45), no.359 (s.347); web: A'zamî, el-Câmiu'l-Kâmil, Sîre, bâb 582; Heysemî, Mecmau'z-zevâid, K. Alâmâti'n-nübüvve, no 14175; Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 23. fasıl; Questions on Islam, "The Miracles Shown on Animals"; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 374; c. 2, s. 97; ayrıca: İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî, s. 155, 199; İbnü'l-Cevzî, el-Vefâ, s. 305-306; IslamHouse, The Miracles of Muhammad; İbn Hamza et-Tûsî, es-Sâkıb, s. 108, hadis no. 101/4; ayrıca: N. İçel, Hz. Muhammed'in (sas) Mucizeleri -2 (2023), "Câbir b. Abdullah'ın Yorulup Hızlandırılan Devesinin Satın Alınıp Kendisine Bağışlanışı" (kitabın dipnotu: İbn İshak-İbnHişam, Sîre, c:3, s:217; Müslim, Sahih, c:2, s:1222; Buhârî, Sahih, c:3, s:15; c: 6, s:194); Kütüb-i Sitte: Buhârî 2718, 2967; Müslim 715 (satırdaki künye) [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 276]

---

## 788. Trong chuyến hành quân Dhat ar-Riqa', một người phụ nữ mang đến đứa con bị Jinn...

**Da'if (Yếu)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Trong chuyến hành quân Dhat ar-Riqa', một người phụ nữ mang đến đứa con bị Jinn nhập; Người đọc vào miệng cậu bé và nói: “Hãy ra đi, hỡi kẻ thù của Allah”, và cậu bé khỏi bệnh (do Jabir thuật lại).

Năm 4 H

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.2 s.717; Beyhakî, Delâil c.4 s.470; 1000 Mucize no.246 (s.216); web: Dârimî, Sünen, Mukaddime, no. 17; Beyhakî, Delâilü'n-nübüvve, c.6 s.19; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 373; c. 2, s. 61-62; ayrıca: İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî, s. 151

---

## 789. Lời cầu xin của Người cho Umm Salamah: “Xin hãy lấy đi lòng ghen tuông của bà...”

**Sahih (Xác thực)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Lời cầu xin của Người cho Umm Salamah: “Xin hãy lấy đi lòng ghen tuông của bà, ban cho bà điều tốt đẹp hơn” đã được đáp nhận.

Năm 4 H (626 CN)

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.3 s.97; 1000 Mucize no.151 (s.132); web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 121); Kütüb-i Sitte: Müslim (Ümmü Seleme; satırdaki künye) [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 3233, c./s. 9/542-543]

---

## 790. Khoảng 300 cây chà là non mà Người tự tay trồng để Salman al-Farisi trả giá...

**Hasan (Tốt)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Khoảng 300 cây chà là non mà Người tự tay trồng để Salman al-Farisi trả giá chuộc thân đã ra trái ngay trong năm đó (trừ một cây duy nhất do Umar trồng).

Năm 4–5 H (trước Khandaq)

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.4 s.552; İbn Kesîr s.50; 19. Mektup listesi (183.txt) no.68, 69, 139; 1000 Mucize no.46-85 (s.57); web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 37; Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 23. fasıl; Questions on Islam, "The miracles occurring upon the prayer of the prophet Muhammad"; ayrıca: İbn Şehrâşûb, Menâkıb, c. 1, s. 19; c. 1, s. 106; Meclisî, Bihâru'l-envâr, c. 17, s. 250; c. 18, s. 28-29; Râvendî, el-Harâic, c. 1, s. 31-32; c. 1, s. 150-151; c. 3, s. 904; 927-928; ayrıca: N. İçel, Hz. Muhammed'in (sas) Mucizeleri -2 (2023), "Selman-ı Fârisî'nin Kölelikten Kurtarılışı için dikilen 300 hurma ağacı" (kitabın dipnotu: İbn Sa'd, Tabakâtü'l-kübrâ, c:4, s:79-80; Semhûdî, Vefâu'l-vefâ, c:1, s:300; İbn Seyyid, Uyünu'l-eser, c:1, s:65)

---

## 791. Thỏi vàng to bằng quả trứng mà Người trao cho Salman, sau khi Người chạm lưỡi...

**Hasan (Tốt)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Thỏi vàng to bằng quả trứng mà Người trao cho Salman, sau khi Người chạm lưỡi vào, đã đủ trả món nợ 40 uqiyyah.

Năm 4–5 H (trước Khandaq)

NGUỒN İbn Kesîr s.50; 19. Mektup listesi (183.txt) no.70; 1000 Mucize no.89 (s.64); web: İbn Kesîr, el-Bidâye ve'n-Nihâye, c. 6, s. 116 — Delâilü'n-nübüvve: Selmân kıssası; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 37; Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 23. fasıl; Questions on Islam, "The miracles occurring upon the prayer of the prophet Muhammad"; ayrıca: İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî, s. 102; Meclisî, Bihâru'l-envâr, c. 18, s. 29; Râvendî, el-Harâic, c. 1, s. 32; c. 1, s. 151-152; ayrıca: N. İçel, Hz. Muhammed'in (sas) Mucizeleri -2 (2023), "Yumurta Kadar Bir Altın Külçesinin Yarısının Bütün Altın Borcunu Ödemeye Yetmesi"

---

## 792. Khi Umm Salamah mang đến miếng thịt đã hóa đá, Người biết rằng trong lúc Người...

**Da'if (Yếu)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Khi Umm Salamah mang đến miếng thịt đã hóa đá, Người biết rằng trong lúc Người vắng nhà đã có một người ăn xin đến cửa, và nói: “Đây là bài học cho các người.”

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ (sau năm 4 H)

NGUỒN 1000 Mucize no.171 (s.149)

---

## 793. Người thoát nạn bình an khỏi âm mưu ném tảng đá lớn của Banu an-Nadir; theo một...

**Hasan (Tốt)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người thoát nạn bình an khỏi âm mưu ném tảng đá lớn của Banu an-Nadir; theo một số học giả, Jibril đã giữ lại hòn đá bị ném (câu 11 chương al-Ma'idah được mặc khải về việc này).

Sự việc Banu an-Nadir, năm 4 H (625 CN)

NGUỒN 1000 Mucize no.186 (s.163); ayrıca: N. İçel, Hz. Muhammed'in (sas) Mucizeleri -1 (2023), "Kinâne b. Suriya'nın Benî Nadîr Yahudîlerini Uyarışı ve Öğütleyişi" (kitabın dipnotu: Vâkidî, Megâzî, c:1, s:365-366 / Taberî, Târîh, c:3, s:37; Ebu Nuaym, Delâilü'n-nübüvve, c:2, s:492-493) · N. İçel, Hz. Muhammed'in (sas) Mucizeleri -2 (2023), "Sellâm b. Mişkem'in Benî Nadîr Yahudîlerini Uyarışı" (kitabın dipnotu: Vakıdî, Megâzî, c:1, s:364-366; Ebu Nuaym , Delâilü'n-nübüvve, c:2, s:489-490; İbn İshak-İbn Hişam, Sire, c:3, s:199; Taberi, Târih, c:3, s:37)

---

## 794. Sau Bi'r Ma'unah, Abu Bara' cử người cháu là Labid bin Rabi'ah đến xin thuốc...

**Da'if (Yếu)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Sau Bi'r Ma'unah, Abu Bara' cử người cháu là Labid bin Rabi'ah đến xin thuốc chữa cái nhọt của mình; Người nhổ nước bọt vào một nắm đất, bảo đem đun với nước rồi cho uống, và Abu Bara' khỏi bệnh; trong cùng lời thuật,

Người cho biết thi thể được nâng lên trời của người tử vì đạo Amir bin Fuhayrah đã được các Thiên Thần đón nhận.

Sau Bi'r Ma'unah, năm 4 H (625 CN)

NGUỒN 1000 Mucize no.188 (s.167); web: Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 21. fasıl; Molla Câmî, Şevâhidü'n-Nübüvve, 4. bölüm; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 118; ayrıca: Meclisî, Bihâru'l-envâr, c. 18, s. 22; Râvendî, el-Harâic, c. 1, s. 33-34; Tabersî, İ'lâmü'l-verâ, c. 1, s. 84-85; İbn Şehrâşûb, Menâkıb, c. 1, s. 101

---

## 795. Khi lên đường đi Dhat ar-Riqa', Người cho Jabir nấu ba quả trứng đà điểu do...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Khi lên đường đi Dhat ar-Riqa', Người cho Jabir nấu ba quả trứng đà điểu do Ulbah bin Zayd al-Harithi mang đến; dù Người và các Sahabah ăn no mà không cần bánh mì, thức ăn vẫn không vơi, và đám đông đến sau cũng ăn no.

Cuộc chinh phạt Dhat ar-Riqa', khoảng năm 4 H (626 CN)

NGUỒN 1000 Mucize no.892 (s.743); web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 375

---

## 796. Thi thể của Khubayb bin Adi, người hy sinh ở Makkah, vẫn nguyên vẹn trên giá...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Thi thể của Khubayb bin Adi, người hy sinh ở Makkah, vẫn nguyên vẹn trên giá treo suốt bốn mươi ngày, máu tươi thơm mùi xạ hương chảy ra từ vết thương, và khi được hạ xuống thì đất nuốt lấy ông.

Năm 4 H (625 CN)

NGUỒN Molla Câmî, Şevâhidü'n-Nübüvve, 4. bölüm

---

## 797. Trong chuyến hành quân Dhat ar-Riqa', một người du mục hỏi: "Trong bụng ngựa..."

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Trong chuyến hành quân Dhat ar-Riqa', một người du mục hỏi: "Trong bụng ngựa của tôi có gì?"; Người nói rằng chỉ Allah biết điều vô hình, rồi báo rằng trên mặt hắn sẽ mọc một vết lở, và điều đó đã xảy ra.

Dhat ar-Riqa', năm 4–5 H (626 CN)

NGUỒN Molla Câmî, Şevâhidü'n-Nübüvve, 4. bölüm

---

## 798. Khi bị hành hình, Khubayb bin Adi nguyền rủa: "Lạy Allah, xin hãy đếm từng tên..."

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Khi bị hành hình, Khubayb bin Adi nguyền rủa: "Lạy Allah, xin hãy đếm từng tên một, giết chúng trong cảnh tan tác, đừng chừa một ai"; trừ một người sợ lời nguyền mà nằm rạp xuống đất, tất cả những kẻ có mặt đều chết trước khi tròn một năm.

Sau ar-Raji', năm 4 H (625 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 366 (Recî' gazvesindeki âyetler)

---

## 799. Ở Nakhl (trong trận chiến với Juhaynah), những kẻ đa thần bỏ lỡ cơ hội tập kích...

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Ở Nakhl (trong trận chiến với Juhaynah), những kẻ đa thần bỏ lỡ cơ hội tập kích khi người Muslim đang dâng lễ nguyện Zuhr, liền định tấn công vào giờ Asr, nói: “Sắp đến với chúng một lễ nguyện còn đáng yêu hơn con cái của chúng”; Jibril báo cho Người biết, và Người dẫn lễ nguyện trong lúc sợ hãi (salat al-khawf).

Dhat ar-Riqa' / Nakhl, khoảng năm 4 H (626 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 371 (Zâtürrikā' gazvesindeki âyetler)

---

## 800. Trên đường từ Dhat ar-Riqa' về, một con lạc đà chạy đến đứng trước mặt Người...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Trên đường từ Dhat ar-Riqa' về, một con lạc đà chạy đến đứng trước mặt Người; Người cho biết nó than phiền rằng sau bao năm bị bắt kéo cày, nay chủ nó muốn giết nó; Người sai Jabir đến gặp chủ nó, và con lạc đà đi trước rồi dừng lại trước cửa nhà chủ.

Dhat ar-Riqa', khoảng năm 4 H (626 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 373 (Zâtürrikā' gazvesindeki âyetler)

---

## 801. Umm al-Fadl bint al-Harith kể giấc mơ: “Tôi thấy một phần thân thể ngài bị cắt...”

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Umm al-Fadl bint al-Harith kể giấc mơ: “Tôi thấy một phần thân thể ngài bị cắt ra và đặt vào lòng tôi”; Người giải: “Bà đã thấy điều tốt; in sha Allah Fatimah sẽ sinh một bé trai và nó sẽ ở trong lòng bà”; Fatimah sinh Husayn, và Umm al-Fadl cho cậu bú cùng sữa với Qutham.

Lời tiên tri và ứng nghiệm: Husayn ra đời, năm 4 H (626 CN)

NGUỒN İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî (el-Bidâye ve'n-Nihâye'den; thk. es-Seyyid İbrâhîm), s. 325-326 (Hüseyin b. Ali'nin öldürüleceğini haber vermesi)

---

## 802. Khi Fatimah bint Asad, mẹ của Ali, qua đời, Người liệm bà bằng chính chiếc áo...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Khi Fatimah bint Asad, mẹ của Ali, qua đời, Người liệm bà bằng chính chiếc áo của mình và xuống mộ bà; khi Người gọi trong mộ “Hỡi Fatimah”, bà đáp: “Labbayk ya Rasulallah”, và trước câu hỏi “Bà đã thấy điều ta bảo đảm cho bà chưa?”, bà đáp: “Rồi”; Người cho biết đã cầu xin Allah cho bà không bị lộ phần kín, không phải thấy Munkar và Nakir, mộ được nới rộng và được phục sinh với tấm vải liệm của mình.

Khoảng năm 4 H (625–626 CN)

NGUỒN Râvendî, el-Harâic ve'l-cerâih, c. 1, s. 90-91 (el-Bâbü'l-evvel fî mu'cizâti nebiyyinâ Muhammed)

---

## 803. Sau âm mưu ám sát của Banu an-Nadir, người Do Thái Kinanah bin Suriya nói với...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Sau âm mưu ám sát của Banu an-Nadir, người Do Thái Kinanah bin Suriya nói với dân mình rằng ông biết âm mưu ấy đã được báo cho Người, rằng Người là vị Nabi cuối cùng được ghi trong Kinh Tawrah là sinh ở Makkah và di cư đến Yathrib, rằng đặc điểm của Người khớp đến từng chữ với kinh sách của họ, và khuyên họ theo Islam; ông báo trước rằng họ sẽ phải bỏ đất đai mà ra đi.

Banu an-Nadir, Rabi' al-Awwal năm 4 H (625 CN)

NGUỒN N. İçel, Hz. Muhammed'in (sas) Mucizeleri -1 (2023), "Kinâne b. Suriya'nın Benî Nadîr Yahudîlerini Uyarışı ve Öğütleyişi" (kitabın dipnotu: Vâkidî, Megâzî, c:1, s:365-366)

---

## 804. Học giả của người Do Thái Banu an-Nadir là Sallam bin Mishkam thú nhận với...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Học giả của người Do Thái Banu an-Nadir là Sallam bin Mishkam thú nhận với Huyayy bin Akhtab, kẻ khăng khăng muốn đánh: “Ông và những người theo ông, tất cả chúng ta đều biết Muhammad là Thiên Sứ của Allah; các đặc điểm của người ấy có trong kinh sách của chúng ta; chúng ta không theo người ấy chỉ vì ganh tị và vì mong vị Nabi cuối cùng xuất thân từ con cháu Harun.”

Banu an-Nadir, Rabi' al-Awwal năm 4 H (625 CN)

NGUỒN N. İçel, Hz. Muhammed'in (sas) Mucizeleri -1 (2023), "Sellâm b. Mişkem'in Huyey'e Tehditte ve Uyarıda Bulunuşu" (kitabın dipnotu: Vâkıdî, Megâzî, c:1, s:368-370)

---

## 805. Trên đường từ Dhat ar-Riqa' về, Người mua con lạc đà của Jabir và cho Bilal trả...

Hasan (Tốt) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Trên đường từ Dhat ar-Riqa' về, Người mua con lạc đà của Jabir và cho Bilal trả ông một uqiyyah (thêm một chút); số tiền ấy cứ tăng lên trong tay Jabir, và phúc lành của nó còn thấy trong nhà họ cho đến biến cố al-Harrah.

Sự việc: trên đường từ Dhat ar-Riqa' về, năm 4 H (theo một ý kiến là năm 7 H); Phúc lành: kéo dài đến biến cố al-Harrah (năm 63 H / 683 CN)

NGUỒN N. İçel, Hz. Muhammed'in (sas) Mucizeleri -2 (2023), "Câbir b. Abdullah'ın Yorulup Hızlandırılan Devesinin Satın Alınıp Kendisine Bağışlanışı" (kitabın dipnotu: İbn İshak-İbnHişam, Sîre, c:3, s:217; Müslim, Sahih, c:2, s:1222; Buhârî, Sahih, c:3, s:15; c: 6, s:194); Kütüb-i Sitte: Buhârî 2718, 2967; Müslim 715 (fazlalığın Harre'ye kadar saklanması Müslim'in rivayetinde) [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 278]

---

## 806. Khi Banu an-Nadir bàn âm mưu ném đá vào Nabi của chúng ta ﷺ, học giả Do Thái...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Khi Banu an-Nadir bàn âm mưu ném đá vào Nabi của chúng ta ﷺ, học giả Do Thái Sallam bin Mishkam cảnh báo: “Nếu các người làm việc như vậy, điều đó sẽ được báo cho người ấy qua mặc khải; người Do Thái sẽ bị nhổ tận gốc, còn Islam sẽ đứng vững đến Ngày Tận Thế”; và âm mưu ấy quả thật đã được Jibril báo cho Người.

Banu an-Nadir, Rabi' al-Awwal năm 4 H (625 CN)

NGUỒN N. İçel, Hz. Muhammed'in (sas) Mucizeleri -2 (2023), "Sellâm b. Mişkem'in Benî Nadîr Yahudîlerini Uyarışı" (kitabın dipnotu: Vakıdî, Megâzî, c:1, s:364-366; Ebu Nuaym , Delâilü'n-nübüvve, c:2, s:489-490; İbn İshak-İbn Hişam, Sire, c:3, s:199; Taberi, Târih, c:3, s:37)

## 21 · Năm thứ 5 sau Hijrah (năm 626–627 CN): Khandaq và Banu Qurayzah

### 807. Thức ăn được ban phúc tại Chiến hào

Sahih (Xác thực) PHÉP MÀU LIÊN QUAN ĐẾN THỨC ĂN

Trong lúc đào chiến hào, Jabir bin Abdullah chuẩn bị một ít thức ăn và mời Nabi ﷺ cùng vài người khác. Nabi ﷺ mời tất cả những người đang đào, và thức ăn đủ cho mọi người mà vẫn còn dư.

Trận Chiến hào (al-Khandaq), năm 5 H.

NGUỒN Sahih al-Bukhari 4101

### 808. Trong tiệc cưới của Người với Zaynab, một bát hays do Umm Sulaym gửi đến đã làm...

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Trong tiệc cưới của Người với Zaynab, một bát hays do Umm Sulaym gửi đến đã làm no khoảng 300 người.

Năm 5 H (626–627 CN)

NGUỒN 19. Mektup listesi (183.txt) no.119, 134; 1000 Mucize no.251 (s.222); web: A'zamî, el-Câmiu'l-Kâmil, Sîre, bâb 577; İbn Kesîr, el-Bidâye ve'n-Nihâye, c. 6, s. 110 — Delâilü'n-nübüvve: yemeğin çoğalması; Said Nursî, Mektubat, 19. Mektup, 7. İşaret, 1. misal; Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 15. fasıl; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 77-78; ayrıca: İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî, s. 89; İbnü'l-Cevzî, el-Vefâ, s. 280; Îcî–Cürcânî, Şerhu'l-Mevâkıf, c. 8, s. 283; Meclisî, Bihâru'l-envâr, c. 18, s. 36; İbn Şehrâşûb, Menâkıb, c. 1, s. 90; ayrıca: N. İçel, Hz. Muhammed'in (sas) Mucizeleri -2 (2023), "Peygamberimiz Aleyhisselâmın Mu'cizeli Düğün Ziyâfeti" (kitabın dipnotu: İbn Sa'd, Tabakâtü'l-kübrâ, c:8, s:104; Müslim, Sahih, c:2, s:1051.); Kütüb-i Sitte: Müslim, Nikah 87, (1428); Nesâî, Nikah 26; Buhârî, Nikâh 64 (satırdaki künye) [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 5615, c./s. 15/496-497]

### 809. Trước khi cưới, Juwayriyah thấy trong mơ mặt trăng từ Yathrib đến rơi vào lòng...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Trước khi cưới, Juwayriyah thấy trong mơ mặt trăng từ Yathrib đến rơi vào lòng mình.

Năm 5 H (theo một ý kiến là năm 6 H)

NGUỒN 1000 Mucize no.999 (s.813); web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 391

### 810. Trên đường từ al-Muraysi' về, Người cho biết cơn gió dữ dội thổi đến báo hiệu...

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Trên đường từ al-Muraysi' về, Người cho biết cơn gió dữ dội thổi đến báo hiệu cái chết của một kẻ giả tạo đức tin lớn ở Madinah.

Năm 5 H (theo một ý kiến là năm 6 H)

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.3 s.170; 1000 Mucize no.390 (s.380); web: Mişkâtü'l-Mesâbîh, Fezâil, bâbün fi'l-mu'cizât, no. 5900; Münkız es-Sakkār, Delâilü'n-nübüvve; İbn Hibbân, Sahîh, K. et-Târîh, bâbü'l-mu'cizât, no 6500; Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 24. fasıl; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 391; ayrıca: İbnü'l-Cevzî, el-Vefâ, s. 313; Meclisî, Bihâru'l-envâr, c. 18, s. 116, 131; Râvendî, el-Harâic, c. 1, s. 102; İbn Şehrâşûb, Menâkıb, c. 1, s. 94; ayrıca: N. İçel, Hz. Muhammed'in (sas) Mucizeleri -1 (2023), "Kurayza oğulları Yahudî bilginlerinden münâfık olan Rafi' b. Hureymile" (kitabın dipnotu: İbn İshak-İbn Hişam, Sîre, c:2, s:174-175); Kütüb-i Sitte: Müslim 2782 (satırdaki künye)

## 811. Những lời Abdullah bin Ubayy nói sau lưng Người đã được báo cho Người qua mặc...

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Những lời Abdullah bin Ubayy nói sau lưng Người đã được báo cho Người qua mặc khải (Zayd bin Arqam được xác nhận là nói đúng).

Năm 5 H (theo một ý kiến là năm 6 H)

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.3 s.160; Kütüb-i Sitte: Buhârî, Müslim (Zeyd b. Erkam; satırdaki künye)

## 812. Những dấu hiệu khác của sứ mạng Nabi được thấy trong cuộc chinh phạt Banu al-Mustaliq (al-Muraysi')

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Những dấu hiệu khác của sứ mạng Nabi được thấy trong cuộc chinh phạt Banu al-Mustaliq (al-Muraysi').

Năm 5 H

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.3 s.152

## 813. Khi đào hào, tảng đá lớn mà cuốc xẻng không làm gì được đã vỡ vụn như cát sau...

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Khi đào hào, tảng đá lớn mà cuốc xẻng không làm gì được đã vỡ vụn như cát sau ba nhát đánh của Người.

Shawwal năm 5 H (627 CN)

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.3 s.40; 1000 Mucize no.93 (s.68); web: Mişkâtü'l-Mesâbîh, Fezâil, bâbün fi'l-mu'cizât, no. 5877; Münkız es-Sakkār, Delâilü'n-nübüvve; Yaqeen Institute, "The Prophecies of Prophet Muhammad"; ayrıca: İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî, s. 447; İbnü'l-Cevzî, el-Vefâ, s. 325; Elshinawy, The Physical Miracles of the Prophet (Yaqeen); Meclisî, Bihâru'l-envâr, c. 17, s. 381-382; c. 18, s. 32; Râvendî, el-Harâic, c. 1, s. 152; İbn Şehrâşûb, Menâkıb, c. 1, s. 103-104; ayrıca: N. İçel, Hz. Muhammed'in (sas) Mucizeleri -1 (2023), "Peygamberimiz Aleyhisselâmın Hendekte Parçaladığı Kaya Münasebetiyle Verdiği Fütûhât Müjdesi" (kitabın dipnotu: Beyhaki, Delâil, c:3, s:419 / İbn İshak-İbn Hişam, Sîre, c:3, s:230; Ebu'l-Fidâ, Nihâye, c:4, s:99-102; Ahmed b. Hanbel, Müsned, c:4, s:303; Vâkıdî, Megâzî, c:2, s:450); Kütüb-i Sitte: Buharî, Megazî 29, Cihad 188; Müslim, Eşribe 141, (2039); Buhârî 4101 (satırdaki künye) [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 5596, c./s. 15/447-448]

## 814. Trong tia sáng lóe lên mỗi lần Người đánh vào tảng đá, việc chinh phục Sham, Ba...

Hasan (Tốt) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Trong tia sáng lóe lên mỗi lần Người đánh vào tảng đá, việc chinh phục Sham, Ba Tư và Yemen được cho Người thấy.

Lời tiên tri: năm 5 H; Ứng nghiệm: năm 10–16 H

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.3 s.40; 1000 Mucize no.138-141 (s.118); web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 377; ayrıca: İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî, s. 244; Elshinawy, The Prophecies of Prophet Muhammad (Yaqeen); Meclisî, Bihâru'l-envâr, c. 17, s. 169-171; ayrıca: N. İçel, Hz. Muhammed'in (sas) Mucizeleri -1 (2023), "Peygamberimiz Aleyhisselâmın Hendekte Parçaladığı Kaya Münasebetiyle Verdiği Fütûhât Müjdesi" (kitabın dipnotu: Beyhaki, Delâil, c:3, s:419 / İbn İshak-İbn Hişam, Sîre, c:3, s:230; Ebu'l-Fidâ, Nihâye, c:4, s:99-102; Ahmed b. Hanbel, Müsned, c:4, s:303; Vâkıdî, Megâzî, c:2, s:450); Kütüb-i Sitte: Nesâî 3176 (satırdaki künye)

## 815. Vào ngày đào hào, một sa' lúa mạch và một con dê con của Jabir đã làm no một...

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Vào ngày đào hào, một sa' lúa mạch và một con dê con của Jabir đã làm no một nghìn người; nồi thịt và bột nhào không vơi đi.

Shawwal năm 5 H (627 CN)

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.3 s.49; İbn Kesîr s.42; 19. Mektup listesi (183.txt) no.8, 62, 63, 123; 1000 Mucize no.40 (s.52); web: Mişkâtü'l-Mesâbîh, Fezâil, bâbün fi'l-mu'cizât, no. 5877; A'zamî, el-Câmiu'l-Kâmil, Sîre, bâb 577; İbn Kesîr, el-Bidâye ve'n-Nihâye, c. 6, s. 109 — Delâilü'n-nübüvve: yemeğin çoğalması; Said Nursî, Mektubat, 19. Mektup, 7. İşaret, 5. misal; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 376; ayrıca: İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî, s. 429, 458; İbnü'l-Cevzî, el-Vefâ, s. 276; Elshinawy, The Physical Miracles of the Prophet (Yaqeen); Meclisî, Bihâru'l-envâr, c. 17, s. 232-233; c. 18, s. 24-26, 33-34, 36; Râvendî, el-Harâic, c. 1, s. 27; c. 1, s. 152-154; Tabersî, İ'lâmü'l-verâ, c. 1, s. 80; İbn Şehrâşûb, Menâkıb, c. 1, s. 89-90; İbn Hamza et-Tûsî, es-Sâkıb, s. 50-51, no. 17/6; al-shia.org (Farsça mucize listeleri); Kütüb-i Sitte: Buharî, Megazî 29, Cihad 188; Müslim, Eşribe 141, (2039) [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 5596, c./s. 15/447-448]

---

## 816. Ở chiến hào, một nắm chà là do con gái của Bashir bin Sa'd mang đến đã đủ cho...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Ở chiến hào, một nắm chà là do con gái của Bashir bin Sa'd mang đến đã đủ cho tất cả những người ở chiến hào.

Shawwal năm 5 H (627 CN)

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.3 s.49; 1000 Mucize no.387 (s.376); web: İbn Kesîr, el-Bidâye ve'n-Nihâye, c. 6, s. 116 — Delâilü'n-nübüvve: hurmanın çoğalması; Questions on Islam, "The Miracles Concerning the Increase in Food and Drink"; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 380; ayrıca: İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî, s. 99; İbnü'l-Cevzî, el-Vefâ, s. 286; Meclisî, Bihâru'l-envâr, c. 17, s. 234; c. 18, s. 31, 35; Râvendî, el-Harâic, c. 1, s. 110; c. 1, s. 123; İbn Şehrâşûb, Menâkıb, c. 1, s. 89; al-shia.org (Farsça mucize listeleri); ayrıca: N. İçel, Hz. Muhammed'in (sas) Mucizeleri -2 (2023), "Bir Avuç Hurmanın İslâm Ordusunu Doyuruşu" (kitabın dipnotu: İbn İshak-İbn Hişam, Sîre, c: 3, s:228-229)

---

## 817. Nhờ lời cầu xin của Người chống lại liên quân (al-Ahzab), gió và những đạo quân...

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Nhờ lời cầu xin của Người chống lại liên quân (al-Ahzab), gió và những đạo quân vô hình được gửi đến làm tan rã kẻ thù.

Shawwal năm 5 H (627 CN)

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.3 s.60, 90; web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 380; c. 1, s. 382; ayrıca: İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî, s. 399, 450; Meclisî, Bihâru'l-envâr, c. 17, s. 276-277; c. 18, s. 67; Râvendî, el-Harâic, c. 1, s. 156; İbn Şehrâşûb, Menâkıb, c. 1, s. 70; Tabersî, el-İhticâc, c. 1, s. 316-317; ayrıca: N. İçel, Hz. Muhammed'in (sas) Mucizeleri -1 (2023), "Yardım Mû'cizeleri" (kitabın dipnotu: Âl-i İmrân:123-127; Ahzâb: 9) · N. İçel, Hz. Muhammed'in (sas) Mucizeleri -2 (2023), "6-DEHŞETLİ RÜZGÂR VE FIRTINALARLA YAPILAN İLÂHÎ DESTEKLER VE YARDIM MU'CİZELERİ > Dehşetli Bir Rüzgârın Esmeye Başlayıp Müşrikleri Tedirgin ve Perişan Edişi" (kitabın dipnotu: Ahzab: 9 / İbn İshak-İbn Hişam, Sîre, c:3, s:243; Vâkıdî, Megâzî, c:2, s:490; İbn Sa'd, Tabakât, c:2, s:69; Halebî, İnsânu'l-uyûn, c:2, s:653, 654); Kütüb-i Sitte: Buhârî, Müslim (İbn Ebî Evfâ; satırdaki künye)

---

## 818. Trong đêm giá buốt, Hudhayfah, người được Người cử đến doanh trại địch, cảm...

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Trong đêm giá buốt, Hudhayfah, người được Người cử đến doanh trại địch, cảm thấy ấm áp như đi trong nhà tắm hơi cho đến khi trở về.

Shawwal năm 5 H (627 CN)

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.3 s.81; 1000 Mucize no.152 (s.132); web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 381; ayrıca: Râvendî, el-Harâic, c. 1, s. 157; ayrıca: N. İçel, Hz. Muhammed'in (sas) Mucizeleri -2 (2023), "Huzeyfe b. Yeman'ın Beyaz Sarıklı Süvârîlere Rastlayışı + Dehşetli Bir Rüzgârın Esmeye Başlayıp Müşrikleri Tedirgin ve Perişan Edişi" (kitabın dipnotu: Müslim, Sahih, c:3, s:1414 / İbn Sa'd, Tabakât, c:2, s:71 /

Müslim, Sahih, c:3, s.1414; Ebu'l-Fidâ, Nihâye, c:4, s:114; Vâkıdî, Megâzî, c:2, s:489; Hâkim, Müstedrek, c.3, s.31; Ebu Nuaym, Delâil, c:2, s:501 / İbn Hacer, Metâlibu'l-âliye, c:4, s:226 / Ebu'l-Fidâ, Nihâye, c.4, s.115; Müslim, Sahih, c.3, s.1414; İbn Hacer, Metâlib, c.4, s.228; İbn İshak-İbn Hişam, Sîre, c.3, s.243; Vâkıdî, Megâzî, c:2, s:489; Hâkim, Müstedrek, c.3, s.31; Halebî, İnsânu'l-uyûn, c.2, s.652 / İbn İshak-İbn Hişam, Sîre, c:3, s:243; Vâkıdî, Megâzî, c:2, s:490; İbn Sa'd, Tabakât, c:2, s:69; Halebî, İnsânu'l-uyûn, c:2, s:653, 654); Kütüb-i Sitte: Müslim (Huzeyfe; satırdaki künye)

---

## 819. Người nói: "Từ nay về sau chúng ta sẽ tiến đánh chúng, chúng sẽ không thể đến..."

**Sahih (Xác thực)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người nói: "Từ nay về sau chúng ta sẽ tiến đánh chúng, chúng sẽ không thể đến đánh chúng ta", và đã đúng như vậy.

Shawwal năm 5 H (627 CN)

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.3 s.91; 19. Mektup listesi (183.txt) no.113; 1000 Mucize no.155 (s.136); web: Mişkâtü'l-Mesâbîh, Fezâil, bâbün fi'l-mu'cizât, no. 5879; Münkız es-Sakkār, Delâilü'n-nübüvve; A'zamî, el-Câmiu'l-Kâmil, Sîre, bâb 603; Said Nursî, Mektubat, 19. Mektup, 6. İşaret; ayrıca: İbn Şehrâşûb, Menâkıb, c. 1, s. 95; İbnü'l-Cevzî, el-Vefâ, s. 318; Meclisî, Bihâru'l-envâr, c. 18, s. 132; Kütüb-i Sitte: Buhârî, Megâzî 29 (4109-4110) (satırdaki künye)

---

## 820. Vào ngày Qurayzah, các Sahabah thấy Jibril trong hình dạng Dihyah (với bụi từ con ngựa của ngài)

**Sahih (Xác thực)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Vào ngày Qurayzah, các Sahabah thấy Jibril trong hình dạng Dihyah (với bụi từ con ngựa của ngài).

Dhul-Qa'dah năm 5 H (627 CN)

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.3 s.103; Beyhakî, Delâil c.5 s.389; 1000 Mucize no.838 (s.702); web: Mişkâtü'l-Mesâbîh, Fezâil, bâbün fi'l-mu'cizât, no. 5881; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 384; Kütüb-i Sitte: Buhârî 4118 (satırdaki künye)

---

## 821. Lời cầu xin của Sa'd bin Mu'adh bị thương: "Xin đừng lấy mạng con trước khi con..."

**Sahih (Xác thực)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Lời cầu xin của Sa'd bin Mu'adh bị thương: "Xin đừng lấy mạng con trước khi con được hả lòng về Qurayzah" đã được đáp nhận; sau phán quyết của ông, vết thương của ông vỡ ra.

Năm 5 H (627 CN)

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.3 s.130; 1000 Mucize no.190 (s.169); web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 387; Kütüb-i Sitte: Buhârî, Megazî 30, Cihad 18; Müslim, Cihâd 67, (1769); Ebu Dâvud, Cenâiz 8, (3101); Nesâî, Mesâcid 18; Tirmizî, Siyer 28, (1582) [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 4261, c./s. 12/149-150; no. 4262, c./s. 12/150-151]

---

## 822. Trong toán quân đi trừ Abu Rafi', Abdullah bin Atik bị gãy chân; Người xoa chân...

**Sahih (Xác thực)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Trong toán quân đi trừ Abu Rafi', Abdullah bin Atik bị gãy chân; Người xoa chân ông và ông như chưa từng đau.

Năm 5–6 H (627 CN)

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.3 s.139; İbn Kesîr s.80; 1000 Mucize no.144 (s.124), no.232 (s.204); web: Mişkâtü'l-Mesâbîh, Fezâil, bâbün fi'l-mu'cizât, no. 5876; A'zamî, el-Câmiu'l-Kâmil, Sîre, bâb 587; Molla Câmî, Şevâhidü'n-Nübüvve, 4. bölüm; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 390; ayrıca: İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî, s. 197, 465; IslamHouse, The Miracles of Muhammad; Meclisî, Bihâru'l-envâr, c. 17, s. 294; c. 18, s.

40-41; Râvendî, el-Harâic, c. 2, s. 506; İbn Şehrâşûb, Menâkıb, c. 1, s. 102; Tabersî, el-İhticâc, c. 1, s. 333; Kütüb-i Sitte: Buhârî, Megâzî 16, Cihad 155 [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 4243, c./s. 12/115]

---

## 823. Qabath bin Ashyam al-Laythi, người ở trong hàng ngũ đa thần ở Badr, đã nghĩ...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Qabath bin Ashyam al-Laythi, người ở trong hàng ngũ đa thần ở Badr, đã nghĩ thầm: “Chưa thấy chuyện như thế này, ai cũng chạy trừ đàn bà”; sau trận Khandaq, khi ông đến xin theo Islam, Người kể lại cho ông đúng câu ấy.

Sau Khandaq, khoảng năm 5 H (627 CN); Lời được nói ra: Badr, năm 2 H (624 CN)

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.2 s.444; 1000 Mucize no.384 (s.371); web: Heysemî, Mecmau'z-zevâid, K. Alâmâti'n-nübüvve, bâbü ihbârihî bi'l-muğayyebât, no 14066; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 343-344; ayrıca: Heysemî, Mecmau'z-zevâid, c. 8, s. 287, no. 14066

---

## 824. Ở chiến hào, Sa'd bin Mu'adh nguyền rủa Ibn al-Ariqah, kẻ đã bắn tên làm ông bị...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Ở chiến hào, Sa'd bin Mu'adh nguyền rủa Ibn al-Ariqah, kẻ đã bắn tên làm ông bị thương: “Cầu Allah úp mặt ngươi vào lửa.”

Khandaq, năm 5 H (627 CN)

NGUỒN 1000 Mucize no.189 (s.169)

---

## 825. Khi đào hào, cùng các Sahabah đói đến phải buộc đá vào bụng, Người đến nhà một...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Khi đào hào, cùng các Sahabah đói đến phải buộc đá vào bụng, Người đến nhà một người, nhúng ngón tay vào bữa ăn làm từ con dê con được giết và bánh mì, rồi cầu xin phúc lành; dù tất cả đều ăn no, thức ăn chỉ vơi đi một phần ba, rồi mười người nữa cũng ăn no.

Khandaq, năm 5 H (627 CN)

NGUỒN 1000 Mucize no.388 (s.377)

---

## 826. Trong chuyến hành quân al-Muraysi', khi lạc đà của Người bị lạc, một kẻ giả tạo...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Trong chuyến hành quân al-Muraysi', khi lạc đà của Người bị lạc, một kẻ giả tạo đức tin trong người Ansar nói: “Sao Allah không cho hắn biết lạc đà của hắn ở đâu?”; dù không có mặt ở đó, Người vẫn kể lại lời ấy và cho biết con lạc đà đang ở thung lũng phía trước, dây cương vướng vào một cái cây; vì thế người ấy đã thật lòng tin theo.

Cuộc chinh phạt al-Muraysi' (Banu al-Mustaliq), khoảng năm 5–6 H (627 CN)

NGUỒN 1000 Mucize no.391 (s.380); web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 391; ayrıca: Meclisî, Bihâru'l-envâr, c. 18, s. 116; Râvendî, el-Harâic, c. 1, s. 102

---

## 827. Khi đào hào, Umm Amir al-Ashhaliyyah gửi một khay thức ăn đến lều của Umm...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Khi đào hào, Umm Amir al-Ashhaliyyah gửi một khay thức ăn đến lều của Umm Salamah, nơi Người đang ở; sau khi Umm Salamah ăn, Người mang phần còn lại ra ngoài và cho gọi mọi người đến ăn tối; tất cả những người đào

hào đều ăn no mà thức ăn không vơi.

Khandaq, năm 5 H (627 CN)

NGUỒN 1000 Mucize no.891 (s.742); web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 377

---

## 828. Vào ngày al-Ahzab (Khandaq), một người thuộc Banu al-Mughirah nói "Ta sẽ giết..."

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Vào ngày al-Ahzab (Khandaq), một người thuộc Banu al-Mughirah nói "Ta sẽ giết Muhammad" rồi thúc ngựa nhảy qua hào, nhưng rơi xuống hào và gãy đầu gối; khi những kẻ đa thần đề nghị trả tiền máu để lấy xác hắn, Người từ chối: "Hắn ô uế, tiền máu của hắn cũng ô uế."

Khandaq, năm 5 H (627 CN)

NGUỒN 1000 Mucize no.910 (s.751); web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 380; ayrıca: İbn Şehrâşûb, Menâkıb, c. 1, s. 68; Kütüb-i Sitte: Tirmizî, Cihâd 35, (1715) [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 1076]

---

## 829. Người hỏi al-Harith, người mang tiền chuộc cho con gái là Juwayriyah bị bắt làm...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người hỏi al-Harith, người mang tiền chuộc cho con gái là Juwayriyah bị bắt làm tù binh trong cuộc chinh phạt Banu al-Mustaliq, về hai con lạc đà quý nhất ông giấu ở al-Aqiq; al-Harith nói rằng ngoài Allah không ai biết điều này, và ông theo Islam.

Cuộc chinh phạt Banu al-Mustaliq, năm 5–6 H (627 CN)

NGUỒN 1000 Mucize no.932 (s.767); web: Molla Câmî, Şevâhidü'n-Nübüvve, 4. bölüm; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 392

---

## 830. Ở chiến hào, Người trao gươm của mình cho Ali, người ra đấu với Amr bin Abd...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Ở chiến hào, Người trao gươm của mình cho Ali, người ra đấu với Amr bin Abd Wudd đang thách đấu, và cầu xin: "Lạy Allah, xin hãy giúp ông ấy chống lại hắn"; Ali giết Amr, và đồng bọn của hắn bỏ chạy.

Khandaq, năm 5 H (627 CN)

NGUỒN 1000 Mucize no.947 (s.774); web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 383

---

## 831. Trong trận Khandaq, Ali bin al-Hakam bị kẻ thù đánh gãy chân; Người xoa lên...

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Trong trận Khandaq, Ali bin al-Hakam bị kẻ thù đánh gãy chân; Người xoa lên chân ông, ông lập tức khỏi mà thậm chí không cần xuống ngựa.

Shawwal năm 5 H (627 CN)

NGUỒN Said Nursî, Mektubat, 19. Mektup, 13. İşaret, 5. misal (s. 206)

---

## 832. Khi từ Khandaq trở về, Người cởi vũ khí và tắm rửa, thì Jibril đầu đầy bụi đến...

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Khi từ Khandaq trở về, Người cởi vũ khí và tắm rửa, thì Jibril đầu đầy bụi đến nói: “Ngài đã bỏ vũ khí rồi sao? Thề bởi Allah, chúng tôi chưa bỏ; hãy ra đánh chúng”, và chỉ về phía Banu Qurayzah (do Aisha thuật lại).

Sau Khandaq, Dhul-Qa'dah năm 5 H (627 CN)

NGUỒN Mişkâtü'l-Mesâbîh, Fezâil, bâbün fi'l-mu'cizât, no. 5880

---

## 833. Ở Khandaq, khi giờ lễ nguyện Asr đã qua, mặt trời được đưa trở lại và lễ nguyện...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Ở Khandaq, khi giờ lễ nguyện Asr đã qua, mặt trời được đưa trở lại và lễ nguyện Asr được dâng đúng giờ.

Khandaq, Shawwal năm 5 H (627 CN)

NGUỒN Molla Câmî, Şevâhidü'n-Nübüvve, 4. bölüm

---

## 834. Vào ngày Khandaq, trong bữa tiệc ở nhà Jabir, hai đứa con trai nhỏ của ông đã...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Vào ngày Khandaq, trong bữa tiệc ở nhà Jabir, hai đứa con trai nhỏ của ông đã gây ra cái chết cho nhau, và chúng được sống lại nhờ lời cầu xin của Người.

Khandaq, Shawwal năm 5 H (627 CN)

NGUỒN Molla Câmî, Şevâhidü'n-Nübüvve, 4. bölüm

---

## 835. Khi Sa'd bin Mu'adh qua đời, Người nói: “Ta sợ các Thiên Thần sẽ tắm cho ông ấy...”

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Khi Sa'd bin Mu'adh qua đời, Người nói: “Ta sợ các Thiên Thần sẽ tắm cho ông ấy trước chúng ta, như họ đã tắm cho Hanzalah”, rồi đi đến nhà ông nhanh đến mức dây giày bị đứt.

Sau Banu Qurayzah, năm 5 H (627 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 358 (Uhud gazvesindeki âyetler)

---

## 836. Đêm al-Ahzab, trên đường trở về, Hudhayfah gặp khoảng hai mươi kỵ sĩ (Thiên...)

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Đêm al-Ahzab, trên đường trở về, Hudhayfah gặp khoảng hai mươi kỵ sĩ (Thiên Thần), họ nói: “Hãy báo cho chủ của ông: Allah đã đủ để bảo vệ người ấy trước kẻ thù.”

Khandaq, Shawwal năm 5 H (627 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 381 (Hendek gazvesindeki âyetler)

---

## 837. Tại masjid al-Ahzab (Masjid al-Fath), Người cầu xin vào các ngày thứ Hai, thứ...

Hasan (Tốt) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Tại masjid al-Ahzab (Masjid al-Fath), Người cầu xin vào các ngày thứ Hai, thứ Ba và thứ Tư, và lời cầu xin của Người được đáp nhận vào ngày thứ Tư giữa hai lễ nguyện; về sau, mỗi khi có việc hệ trọng, Jabir chờ đúng giờ ấy để cầu xin và đều được đáp nhận.

Khandaq, Shawwal năm 5 H (627 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 382 (Hendek gazvesindeki âyetler)

## 838. Vào ngày Qurayzah, Umm Salamah thấy Jibril đội khăn xếp đen

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Vào ngày Qurayzah, Umm Salamah thấy Jibril đội khăn xếp đen.

Banu Qurayzah, Dhul-Qa'dah năm 5 H (627 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 385 (Benî Kurayza gazvesindeki âyetler)

## 839. Trong cuộc vây hãm Qurayzah, Allah trợ giúp bằng ba nghìn Thiên Thần và cuộc...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Trong cuộc vây hãm Qurayzah, Allah trợ giúp bằng ba nghìn Thiên Thần và cuộc chinh phục trở nên dễ dàng.

Banu Qurayzah, Dhul-Qa'dah năm 5 H (627 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 386 (Benî Kurayza gazvesindeki âyetler)

## 840. Khi Rayhanah bint Amr, người được Người chọn cho mình, không chịu đến với...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Khi Rayhanah bint Amr, người được Người chọn cho mình, không chịu đến với Islam, Người buồn lòng; lúc đang ngồi với các Sahabah, Người nghe tiếng dép phía sau và nói: "Đây là tiếng bước chân của Ibn Sa'yah; cậu ấy đến báo tin mừng rằng Rayhanah đã theo Islam", và đúng là như vậy.

Sau Banu Qurayzah, năm 5 H (627 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 386 (Benî Kurayza gazvesindeki âyetler)

## 841. Trong cuộc vây hãm, thủ lĩnh Qurayzah là Ka'b bin Asad nói với dân mình: "Thề..."

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Trong cuộc vây hãm, thủ lĩnh Qurayzah là Ka'b bin Asad nói với dân mình: "Thề bởi Allah, các người đã thấy rõ người ấy là vị Nabi được cử phái, là người mà các người thấy đặc điểm trong Kinh Tawrah"; dân của ông từ chối: "Chúng tôi không bỏ luật của Kinh Tawrah."

Banu Qurayzah, Dhul-Qa'dah năm 5 H (627 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 387 (Benî Kurayza gazvesindeki âyetler)

## 842. Đêm Sa'd bin Mu'adh qua đời, Jibril đội khăn xếp bằng lụa đến hỏi: "Bề tôi đức..."

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Đêm Sa'd bin Mu'adh qua đời, Jibril đội khăn xếp bằng lụa đến hỏi: "Bề tôi đức hạnh vừa qua đời mà các cổng trời mở ra đón và Ngai Vương rung chuyển là ai?"; Người cho biết đó là Sa'd, và báo rằng bảy mươi nghìn Thiên Thần đã dự đám tang ông.

Sau Banu Qurayzah, năm 5 H (627 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 388 (Benî Kurayza gazvesindeki âyetler)

## 843. Người bước vào căn nhà có thi hài phủ kín của Sa'd bin Mu'adh, nơi không thấy...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người bước vào căn nhà có thi hài phủ kín của Sa'd bin Mu'adh, nơi không thấy ai khác, với những bước chân như thể có đám đông ở đó, và ra hiệu cho Salamah bin Aslam dừng lại.

Sau Banu Qurayzah, năm 5 H (627 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 388 (Benî Kurayza gazvesindeki âyetler)

## 844. Khi đám tang của Sa'd bin Mu'adh, một người to lớn, lại rất nhẹ, những kẻ giả...

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Khi đám tang của Sa'd bin Mu'adh, một người to lớn, lại rất nhẹ, những kẻ giả tạo đức tin xì xào; Người nói: "Bảy mươi nghìn Thiên Thần chưa từng xuống mặt đất đã khiêng ông ấy."

Sau Banu Qurayzah, năm 5 H (627 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 389 (Benî Kurayza gazvesindeki âyetler)

## 845. Khi đào mộ cho Sa'd bin Mu'adh, mỗi nhát cuốc đều tỏa ra mùi xạ hương; một nắm...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Khi đào mộ cho Sa'd bin Mu'adh, mỗi nhát cuốc đều tỏa ra mùi xạ hương; một nắm đất lấy từ mộ ông về sau được thấy đã thành xạ hương.

Sau Banu Qurayzah, năm 5 H (627 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 389 (Benî Kurayza gazvesindeki âyetler)

## 846. Khi Sa'd bin Mu'adh được chôn cất, Người cho biết tình trạng của ông trong mộ...

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Khi Sa'd bin Mu'adh được chôn cất, Người cho biết tình trạng của ông trong mộ: "Ngôi mộ đã siết Sa'd một lần, rồi Allah làm cho ông được thư thái."

Sau Banu Qurayzah, năm 5 H (627 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 389 (Benî Kurayza gazvesindeki âyetler)

## 847. Ở al-Muraysi', đạo quân Muslim hiện ra trước Banu al-Mustaliq với số đông không...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Ở al-Muraysi', đạo quân Muslim hiện ra trước Banu al-Mustaliq với số đông không thể chống lại; Juwayriyah về sau hiểu rằng đó là nỗi sợ do Allah gieo xuống, và những người đã theo Islam nói: "Chúng tôi thấy những người da trắng cưỡi ngựa khoang mà trước và sau đó chúng tôi không hề thấy."

Al-Muraysi' (Banu al-Mustaliq), năm 5–6 H (627 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 391 (Benî Mustalik gazvesindeki âyetler)

## 848. Trong vụ vu khống (al-Ifk), sau một tháng không có mặc khải, sự trong sạch của...

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Trong vụ vu khống (al-Ifk), sau một tháng không có mặc khải, sự trong sạch của Aisha được tuyên bố từ trời qua các câu kinh của chương an-Nur (mười/mười tám câu); khi ra khỏi trạng thái nhận mặc khải, Người nói: “Tin mừng, Aisha, Allah đã minh oan cho em.”

Vụ vu khống (al-Ifk), năm 5–6 H (627 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 392 (İfk hadisi)

## 849. Vào ngày Khandaq, Người nói với các Sahabah: “Hôm nay các ngươi ít, rồi các...”

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Vào ngày Khandaq, Người nói với các Sahabah: “Hôm nay các ngươi ít, rồi các ngươi sẽ đông; các ngươi yếu, rồi các ngươi sẽ tỏa sáng; các ngươi sẽ là những vì sao mà nhờ các ngươi và nhờ một người trong các ngươi, người ta tìm được đường”, và đã đúng như vậy.

Lời tiên tri: Khandaq, năm 5 H (627 CN)

NGUỒN Râvendî, el-Harâic ve'l-cerâih, c. 1, s. 66 (el-Bâbü'l-evvel fî mu'cizâti nebiyyinâ Muhammed)

## 850. Al-Mughirah bin Abi al-As, kẻ bị đánh vào tai vào ngày chiến trận và ngủ thiếp...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Al-Mughirah bin Abi al-As, kẻ bị đánh vào tai vào ngày chiến trận và ngủ thiếp đến sáng, trốn vào nhà Uthman; Người cho hắn ba ngày; khi con vật cưỡi, giày và chân hắn bị thủng và hắn gục xuống dưới một gốc cây, Thiên Thần báo cho Người chỗ của hắn, và Người sai Zayd cùng Zubayr đến tìm, nói: “Hắn ở chỗ kia.”

Thời kỳ Madinah (văn bản ghi ngày Khandaq; năm 3–5 H)

NGUỒN Râvendî, el-Harâic ve'l-cerâih, c. 1, s. 94-95 (el-Bâbü'l-evvel fî mu'cizâti nebiyyinâ Muhammed)

## 851. Trong cuộc vây hãm Banu Qurayzah, vì vườn chà là dày đặc quanh pháo đài nên đạo...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Trong cuộc vây hãm Banu Qurayzah, vì vườn chà là dày đặc quanh pháo đài nên đạo quân không tìm được chỗ đóng trại; Người đứng trên con đường giữa vườn và đưa tay chỉ sang phải, sang trái; những cây chà là dạt về hai bên, khoảng đất rộng ra và đạo quân đóng trại được.

Banu Qurayzah, Dhul-Qa'dah năm 5 H (627 CN)

NGUỒN Râvendî, el-Harâic ve'l-cerâih, c. 1, s. 158 (el-Bâbü'l-evvel fî mu'cizâti nebiyyinâ Muhammed)

## 852. Ở Khandaq, Abu Sufyan tập hợp các cung thủ cho cùng bắn một lúc, các Sahabah...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Ở Khandaq, Abu Sufyan tập hợp các cung thủ cho cùng bắn một lúc, các Sahabah than phiền về mưa tên; Người lấy tay áo chỉ về phía những mũi tên và cầu xin, một cơn gió dữ nổi lên đẩy ngược các mũi tên lại, và mũi tên nào cũng làm bị thương chính kẻ đã bắn nó.

Khandaq, năm 5 H (627 CN)

NGUỒN İbn Şehrâşûb, Menâkıbü Âl-i Ebî Tâlib (Necef 1376/1956 baskısı), c. 1, s. 67 (fasl fî hıfzillâhi lehû mine'l-müşrikîn ve keydi'ş-şeyâtîn)

---

## 853. Khi đào hào, mọi người đều hát thơ rajaz chỉ có Salman im lặng; Người cầu xin...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Khi đào hào, mọi người đều hát thơ rajaz chỉ có Salman im lặng; Người cầu xin cho ông: “Lạy Allah, xin hãy mở lưỡi Salman, dù chỉ hai câu thơ”; Salman làm thơ, và khi người ta tranh cãi về dòng dõi của ông, Người nói: “Salman thuộc về chúng ta, thuộc về Ahlul Bayt.”

Khandaq, năm 5 H (627 CN)

NGUỒN Meclisî, Bihâru'l-envâr, c. 18, s. 19 (Bâb 6: duasının kabulü, ölülerin diriltilmesi ve hastaların şifası)

---

## 854. Trong cuộc chinh phạt Banu al-Mustaliq, nước phun ra từ giữa các ngón tay của...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Trong cuộc chinh phạt Banu al-Mustaliq, nước phun ra từ giữa các ngón tay của Người khi Người đặt tay vào nước; cả đạo quân lớn uống, cho gia súc uống và lấy nước dự trữ (do Abu Qatadah thuật lại).

Banu al-Mustaliq (al-Muraysi'), năm 5–6 H (627 CN)

NGUỒN Meclisî, Bihâru'l-envâr, c. 18, s. 38 (Bâb 7: mübarek uzuvlarının bereketi, yiyecek ve içeceğin çoğalması)

---

## 855. Trong chuyến hành quân Banu al-Mustaliq, đêm Người dừng chân bên một thung lũng...

Bịa đặt (Mawdu') CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Trong chuyến hành quân Banu al-Mustaliq, đêm Người dừng chân bên một thung lũng hiểm trở, Jibril báo rằng những Jinn ngoại đạo trong thung lũng đang giăng bẫy các Sahabah; Người cử Ali cùng một trăm người vào thung lũng; những hình thù mang theo gió dữ và ngọn lửa đã tan thành khói khi Ali đọc Qur'an và cầm gươm tiến lên; khi ông trở về, Người nói: “Một số kẻ sợ ngươi đã đến và tin theo.”

Banu al-Mustaliq, năm 5–6 H (627 CN)

NGUỒN Meclisî, Bihâru'l-envâr, c. 18, s. 84-85 (Bâb 9: cinler ve şeytanlar üzerindeki hâkimiyeti, bazı cinlerin imanı)

---

## 856. Khi đào hào, đất đào lên chất thành một ngọn đồi cao; Người nói với Jabir...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Khi đào hào, đất đào lên chất thành một ngọn đồi cao; Người nói với Jabir: “Đừng sợ, ngươi sắp thấy một dấu hiệu”; ban đêm người ta nghe một tiếng động lớn và một tiếng nói: “Hãy mang đất đến nơi xa, hãy giúp Muhammad”, và sáng ra không còn lại dù chỉ một nắm đất.

Khandaq, Shawwal năm 5 H (627 CN)

NGUỒN Meclisî, Bihâru'l-envâr (Müessesetü'l-Vefâ), c. 17, s. 366 (ebvâbü mu'cizâtih, bâb 4: cemâdât ve nebâtâtın itaati ve konuşması)

---

## 857. Trong cuộc vây hãm Khandaq, càng khó khăn, Người càng báo tin mừng cho các...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Trong cuộc vây hãm Khandaq, càng khó khăn, Người càng báo tin mừng cho các Sahabah rằng khó khăn sẽ qua, họ sẽ đi Tawaf quanh Ka'bah không sợ hãi và nhận lấy chìa khóa của nó, Allah sẽ diệt Kisra và Caesar và kho báu của họ sẽ được chi dùng trên con đường của Allah; những điều đó đều đã xảy ra.

Lời tiên tri: Khandaq, Shawwal năm 5 H (627 CN); Ứng nghiệm: năm 8 H (chinh phục Makkah) và năm 15–31 H (sự sụp đổ của Kisra và Caesar)

NGUỒN N. İçel, Hz. Muhammed'in (sas) Mucizeleri -1 (2023), "Peygamberimiz Aleyhisselâmın Müslümanlara Ferahlatıcı Müjdeler Verişi" (kitabın dipnotu: Vâkıdî, Megâzî, c:2, s:459-460)

## 858. Ở Usfan, ý định tập kích lúc lễ nguyện của những kẻ đa thần do Khalid bin...

**Sahih (Xác thực)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Ở Usfan, ý định tập kích lúc lễ nguyện của những kẻ đa thần do Khalid bin al-Walid chỉ huy đã được báo cho Người qua mặc khải, và Người dẫn lễ nguyện trong lúc sợ hãi.

Năm 6 H (627–628 CN)

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.2 s.698; web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 371; Kütüb-i Sitte: Ebû Dâvûd; Nesâî; Tirmizî; Müslim (satırın kaynağı) [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 2926, c./s. 9/253; no. 2928]

## 859. Trong bài thuyết giảng ngày Jumu'ah, theo lời xin của một người du mục, Người...

**Sahih (Xác thực)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Trong bài thuyết giảng ngày Jumu'ah, theo lời xin của một người du mục, Người cầu mưa, và mưa rơi suốt một tuần; Jumu'ah tuần sau, khi Người nói “Hawalayna” (quanh chúng con), mây tan đi.

Khoảng năm 6 H (không chắc chắn)

NGUỒN İbn Kesîr s.25; Beyhakî, Delâil c.4 s.600; 19. Mektup listesi (183.txt) no.79; 1000 Mucize no.14 (s.22), no.308 (s.284); web: Buhârî, Menâkıb, Alâmâtü'n-nübüvve, no. 3582; A'zamî, el-Câmiu'l-Kâmil, Sîre, bâb 580; İbn Kesîr, el-Bidâye ve'n-Nihâye, c. 6, s. 89 — Delâilü'n-nübüvve: semâvî mucizeler – istiskā; Said Nursî, Mektubat, 19. Mektup, 8. İşaret; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 275; ayrıca: İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî, s. 48-52, 394, 429; İbnü'l-Cevzî, el-Vefâ, s. 352-353; Elshinawy, The Physical Miracles of the Prophet (Yaqeen); Facts and Details, “Miracles of Muhammad”; IslamHouse, The Miracles of Muhammad; Djamduri–Malinda, Journal of Islamic Education 6/1 (2021); Meclisî, Bihâru'l-envâr, c. 17, s. 251, 276; c. 17, s. 354; c. 18, s. 14; Râvendî, el-Harâic, c. 1, s. 58-59; c. 3, s. 905; İbn Şehrâşûb, Menâkıb, c. 1, s. 72-73; Tabersî, el-İhticâc, c. 1, s. 316 (+1 kaynak daha: web_kaynaklari dosyasında); ayrıca: N. İçel, Hz. Muhammed'in (sas) Mucizeleri -2 (2023), "Peygamberimiz Aleyhisselâmın Mescidde Yağmur Duası Yapışı" (kitabın dipnotu: Mâlik, Muvatta', c:11, s:191;); Kütüb-i Sitte: Buhârî 1013, 3582; Müslim, İstiskā 8, (897) [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 3054]

## 860. Ở Hudaybiyah, khi con lạc đà Qaswa' của Người quỳ sụp xuống, Người nói: “Đấng đã giữ con Voi lại cũng đã giữ nó lại”

**Sahih (Xác thực)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Ở Hudaybiyah, khi con lạc đà Qaswa' của Người quỳ sụp xuống, Người nói: “Đấng đã giữ con Voi lại cũng đã giữ nó lại.”

Dhul-Qa'dah năm 6 H (tháng 3 năm 628)

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.3 s.216; web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 398; Kütüb-i Sitte: Buharî, Şurût 15, 1, Hacc 106, Muhsar 3, Megâzî 35, Tefsir, Mümtahine 2; Ebu Dâvud, Cihad 168, (2765, 2766) [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 4266, c./s. 12/172-181]

## 861. Ở Hudaybiyah, Người cho cắm mũi tên của mình vào giếng cạn / đổ nước Wudu' của...

**Sahih (Xác thực)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Ở Hudaybiyah, Người cho cắm mũi tên của mình vào giếng cạn / đổ nước Wudu' của mình vào đó, nước liền tuôn trào và đủ cho 1400 người.

Dhul-Qa'dah năm 6 H (tháng 3 năm 628)

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.3 s.231; İbn Kesîr s.29; 19. Mektup listesi (183.txt) no.31, 141, 144; 1000 Mucize no.27 (s.39), no.191 (s.171); web: Buhârî, Menâkıb, Alâmâtü'n-nübüvve, no. 3577; A'zamî, el-Câmiu'l-Kâmil, Sîre, bâb 576; İbn Kesîr, el-Bidâye ve'n-Nihâye, c. 6, s. 94 — Delâilü'n-nübüvve: yeryüzü mucizeleri – suyun çoğalması; Said Nursî, Mektubat, 19. Mektup, 8. İşaret, 5. misal; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 398; ayrıca: İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî, s. 59, 63; İbnü'l-Cevzî, el-Vefâ, s. 289; Facts and Details, "Miracles of Muhammad"; Meclisî, Bihâru'l-envâr, c. 17, s. 286; c. 18, s. 29-30, 37; Râvendî, el-Harâic, c. 1, s. 58; c. 1, s. 123; İbn Şehrâşûb, Menâkıb, c. 1, s. 91; Tabersî, el-İhticâc, c. 1, s. 325; İbn Hamza et-Tûsî, es-Sâkıb, s. 45, no. 7/7; al-shia.org (Farsça mucize listeleri); ayrıca: N. İçel, Hz. Muhammed'in (sas) Mucizeleri -2 (2023), "Susuz Kuyudan Su Fışkırtılması Mu'cizesi" (kitabın dipnotu: Vâkıdî, Megâzî, c:2, s:587-589; Zürkânî, Mevâhib, c:2, s:185; Ahmed b. Hanbel, Müsned, c:4, s:290; Ebu Nuaym, Delâilü, c:2, s:409, 410.); Kütüb-i Sitte: Buharî, Şurût 15; Buharî, Enbiya 25, Megazî 35; Müslim, Cihad 132, (1807) [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 4266, c./s. 12/172-181; no. 5593, c./s. 15/444; no. 4268, c./s. 12/191-197]

---

## 862. Ở Hudaybiyah, khi Người đặt tay vào nước trong một chiếc bình nhỏ, nước tuôn ra...

**Sahih (Xác thực)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Ở Hudaybiyah, khi Người đặt tay vào nước trong một chiếc bình nhỏ, nước tuôn ra từ giữa các ngón tay Người; 1400–1500 người uống và làm Wudu'.

Dhul-Qa'dah năm 6 H (tháng 3 năm 628)

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.3 s.236, 250; İbn Kesîr s.27; 19. Mektup listesi (183.txt) no.6, 29; 1000 Mucize no.268 (s.243); web: Buhârî, Menâkıb, Alâmâtü'n-nübüvve, no. 3576; A'zamî, el-Câmiu'l-Kâmil, Sîre, bâb 574; İbn Kesîr, el-Bidâye ve'n-Nihâye, c. 6, s. 95 — Delâilü'n-nübüvve: yeryüzü mucizeleri – suyun çoğalması; Beyhakî, Delâilü'n-nübüvve, c.6 s.11; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 406; c. 2, s. 67; ayrıca: İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî, s. 63; İbnü'l-Cevzî, el-Vefâ, s. 294; Buhârî, Menâkıb, no 3576; Megāzî, no 4152; Eşribe, no 5639; Elshinawy, The Physical Miracles of the Prophet (Yaqeen); IslamHouse, The Miracles of Muhammad; Meclisî, Bihâru'l-envâr, c. 17, s. 286; c. 18, s. 38; Râvendî, el-Harâic, c. 1, s. 158; İbn Şehrâşûb, Menâkıb, c. 1, s. 91; Tabersî, el-İhticâc, c. 1, s. 325; İbn Hamza et-Tûsî, es-Sâkıb, s. 44, no. 6/6; ayrıca: N. İçel, Hz. Muhammed'in (sas) Mucizeleri -2 (2023), "Peygamberimiz Aleyhisselâmın Parmağından Pınar Gibi Su Akıtması" (kitabın dipnotu: Buhârî, Sahih, c:5, s:63; Alâüddin Ali, Kenzü'l-ummâl, c:10, s:475, 476; Ahmedb. Hanbel, Müsned, c:3, s:153); Kütüb-i Sitte: Buharî, Menakıb 25, Megazî 35, Tefsir Feth 5, Eşribe 31; Müslim, İmaret 67, (1856) [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 5592, c./s. 15/444]

---

## 863. Trong chuyến đi Hudaybiyah, lương thực cạn được gom lại trên một tấm thảm và...

**Sahih (Xác thực)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Trong chuyến đi Hudaybiyah, lương thực cạn được gom lại trên một tấm thảm và nhờ lời cầu xin của Người mà được ban phúc; 1400 người đổ đầy đồ đựng của mình (do Salamah bin al-Akwa' thuật lại).

Dhul-Qa'dah năm 6 H (tháng 3 năm 628)

NGUỒN 19. Mektup listesi (183.txt) no.121; web: A'zamî, el-Câmiu'l-Kâmil, Sîre, bâb 577; İbn Kesîr, el-Bidâye ve'n-Nihâye, c. 6, s. 115 — Delâilü'n-nübüvve: yemeğin çoğalması – azıkların toplanması; Said Nursî, Mektubat, 19. Mektup, 7. İşaret, 3. misal; Yaqeen Institute, "The Physical Miracles of Prophet Muhammad"; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 407; ayrıca: İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî, s. 98; İbnü'l-Cevzî, el-Vefâ, s. 278; Elshinawy, The Physical Miracles of the Prophet (Yaqeen); Râvendî, el-Harâic, c. 1, s. 123-124; Kütüb-i Sitte: Müslim 1729

---

## 864. Những người tuyển thệ trung thành dưới gốc cây được báo tin mừng rằng Allah hài...

**Sahih (Xác thực)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Những người tuyên thệ trung thành dưới gốc cây được báo tin mừng rằng Allah hài lòng với họ và họ sẽ không vào Hỏa Ngục.

Dhul-Qa'dah năm 6 H (tháng 3 năm 628)

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.3 s.263; İbn Kesîr s.148; Kütüb-i Sitte: Müslim, Fezâilu's-Sahâbe 163, (2496); Ebû Dâvud, Sünnet 9, (4653); Tirmizî, Menâkıb, (3859) [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 4505, c./s. 13/64]

## 865. Giấc mơ rằng họ sẽ vào Masjid al-Haram trong an toàn, và một năm sau điều đó đã ứng nghiệm

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Giấc mơ rằng họ sẽ vào Masjid al-Haram trong an toàn, và một năm sau điều đó đã ứng nghiệm.

Lời tiên tri: năm 6 H; Ứng nghiệm: Dhul-Qa'dah năm 7 H (629 CN)

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.3 s.276, 467; 1000 Mucize no.516 (s.529), no.983 (s.797); web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 410; ayrıca: İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî, s. 237; Meclisî, Bihâru'l-envâr, c. 17, s. 164, 253, 280; Tabersî, el-İhticâc, c. 1, s. 319-320; Râvendî, el-Harâic, c. 3, s. 910; ayrıca: N. İçel, Hz. Muhammed'in (sas) Mucizeleri -1 (2023), "Peygamberimiz Aleyhisselâmın Hz. Ömer ve Arkadaşlarına Son Cevabı + Ebu Ubeyde b. Cerrah'ın Hz. Ömer'i Öğütleyişi ve Hz. Ömer'in Davranışlarına Tevbe ve Nedâmet Edişi + Fetih Ve Umre Hakkındaki İlahî Vaadlerin Gerçekleşmesi" (kitabın dipnotu: Ebu Yusuf, Kitâbu'l-haraç, s:211; Vâkıdî, Megâzî, c:2, s:607-609 / Vâkıdî, Megâzî, c:2, s:606-607; İbn Seyyid, Uyûnu'l-eser, c:2, s:119; Ahmed b. Hanbel, Müsned, c:4, s:49 / Vâkıdî, Megâzî, c:2, s:731 / Feth: 27 / Ebu'l-Fidâ, el-Bidâye ve'n-nihâye, c:4, s:89,227); Kütüb-i Sitte: Buharî, Şurût 15, 1, Hacc 106, Muhsar 3, Megâzî 35; Ebu Dâvud, Cihad 168, (2765, 2766) [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 4266, c./s. 12/172-181]

## 866. Lời hứa trong chương al-Fath về một cuộc chinh phục gần và nhiều chiến lợi phẩm; ứng nghiệm với Khaybar

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Lời hứa trong chương al-Fath về một cuộc chinh phục gần và nhiều chiến lợi phẩm; ứng nghiệm với Khaybar.

Lời tiên tri: năm 6 H; Ứng nghiệm: năm 7 H (628 CN)

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.3 s.276; web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 409; ayrıca: N. İçel, Hz. Muhammed'in (sas) Mucizeleri -1 (2023), "Fetih Ve Umre Hakkındaki İlahî Vaadlerin Gerçekleşmesi" (kitabın dipnotu: Feth: 27 / Ebu'l-Fidâ, el-Bidâye ve'n-nihâye, c:4, s:89,227); Kütüb-i Sitte: Ebu Dâvud, Cihâd 155, (2736), Harâc 24, (3015) [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 1101]

## 867. Qua hai Thiên Thần, Người được báo rằng bùa phép do Labid bin al-A'sam làm nằm...

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Qua hai Thiên Thần, Người được báo rằng bùa phép do Labid bin al-A'sam làm nằm trong giếng Dharwan, và nó được lấy ra.

Cuối năm 6 H – đầu năm 7 H

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.4 s.708; 19. Mektup listesi (183.txt) no.56, 104; 1000 Mucize no.370 (s.356); web: Mişkâtü'l-Mesâbîh, Fezâil, bâbün fi'l-mu'cizât, no. 5893; Said Nursî, Mektubat, 19. Mektup, 6. İşaret; Questions on Islam, "His Information related to the Future Turn out True"; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 169-170; ayrıca: Meclisî, Bihâru'l-envâr, c. 18, s. 57, 69-71; Râvendî, el-Harâic, c. 1, s. 34; ayrıca: N. İçel, Hz. Muhammed'in (sas) Mucizeleri -2 (2023), "2-MELEKLERLE YAPILAN İLÂHÎ DESTEKLER VE YARDIM MU'CİZELERİ (başlıksız paragraf, Huzeyfe bölümünden sonra)" (kitabın dipnotu: İbn Sa'd, Tabakât, c:2, s:196-198; Buhârî, Sahih, c:7, s:28, 29, Müslim, Sahih, c:4. S:1720); Kütüb-i Sitte: Buhârî, Tıb 47, 49, 50; Müslim, Selâm 43, (2189) [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 2239, c./s. 8/194]

## 868. Vào ngày Dhu Qarad, Người cầu xin cho Abu Qatadah, người đã giết Mas'adah: “Lạy...”

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Vào ngày Dhu Qarad, Người cầu xin cho Abu Qatadah, người đã giết Mas'adah: “Lạy Allah, xin ban phúc cho tóc và da của ông ấy”, và thổi vào vết thương do tên trên mặt ông; khi Abu Qatadah mất lúc 70 tuổi, gương mặt ông như của chàng trai mười lăm tuổi.

Cuộc chinh phạt Dhu Qarad, khoảng năm 6 H (627 CN)

NGUỒN 1000 Mucize no.221 (s.199), no.957 (s.779); web: Said Nursî, Mektubat, 19. Mektup, 13. İşaret, 1. misal; Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 21. fasıl; Questions on Islam, "The miracles occurring upon the prayer of the prophet Muhammad"; Questions on Islam, "The Miracles concerning the sick and the wounded being healed"; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 415; ayrıca: N. İçel, Hz. Muhammed'in (sas) Mucizeleri -2 (2023), "Ebu Katâde'nin Alnındaki Yarasının İyileştirilişi" (kitabın dipnotu: Belâzurî, Ensâbu 'l-eşrâf, c. 1, s. 348; Hâkim, Müstedrek, c. 3, s. 480; Vâkıdî, Megâzî, c.2, s. 537,55,544)

---

## 869. Abdullah bin Unays, người được cử cùng 30 kỵ binh do Abdullah bin Rawahah chỉ...

**Da'if (Yếu)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Abdullah bin Unays, người được cử cùng 30 kỵ binh do Abdullah bin Rawahah chỉ huy đến chỗ người Do Thái Usayr bin Rizam, bị trúng đòn vào mặt; Người nhổ nước bọt vào vết thương và nó lành hẳn.

Toán quân của Abdullah bin Rawahah, khoảng năm 6 H (628 CN)

NGUỒN 1000 Mucize no.222 (s.200), no.394 (s.385); web: Heysemî, Mecmau'z-zevâid, K. Alâmâti'n-nübüvve, bâbü'l-bur' mine'l-cirâha, no 14102; Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 21. fasıl; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 117; ayrıca: İbn Şehrâşûb, Menâkıb, c. 1, s. 102

---

## 870. Umm Qirfah thuộc Banu Fazarah chuẩn bị gửi ba mươi kỵ sĩ là con và cháu bà ta...

**Da'if (Yếu)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Umm Qirfah thuộc Banu Fazarah chuẩn bị gửi ba mươi kỵ sĩ là con và cháu bà ta đến Madinah để giết Người; Người nguyền rủa: “Lạy Allah, xin hãy tiêu diệt mụ cùng con cái mụ”; trong chuyến hành quân thứ hai của Zayd bin Harithah, Umm Qirfah và các con trai bà ta bị giết.

Toán quân của Zayd bin Harithah đánh Banu Fazarah (Umm Qirfah), khoảng năm 6 H (627–628 CN)

NGUỒN 1000 Mucize no.368 (s.354); web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 429

---

## 871. Ở Hudaybiyah, khi ba mươi thanh niên có vũ khí xông vào người Muslim, Người...

**Sahih (Xác thực)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Ở Hudaybiyah, khi ba mươi thanh niên có vũ khí xông vào người Muslim, Người nguyền rủa họ và mắt họ không còn nhìn thấy; sau khi bị bắt, vì biết rằng họ không được ai bảo hộ nên họ được thả, và câu 24 chương al-Fath được mặc khải.

Hudaybiyah, năm 6 H (628 CN)

NGUỒN 1000 Mucize no.389 (PDF s.382); web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 403; ayrıca: Meclisî, Bihâru'l-envâr, c. 18, s. 62; İbn Şehrâşûb, Menâkıb, c. 1, s. 65; Kütüb-i Sitte: Müslim, Cihad 132, (1807) [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 4268, c./s. 12/191-197]

---

## 872. Nhóm người Ukl và Urayna theo Islam ở Madinah, vì bị bệnh nên được gửi đến chỗ...

**Sahih (Xác thực)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Nhóm người Ukl và Urayna theo Islam ở Madinah, vì bị bệnh nên được gửi đến chỗ đàn lạc đà Zakat, rồi bỏ đạo, giết người chăn và cướp đàn lạc đà; Người nguyền rủa: “Lạy Allah, xin làm chúng lạc đường và làm con đường hẹp lại với chúng”; chúng lạc đường, bị bắt và bị trừng phạt.

Khoảng năm 6 H (628 CN), Madinah

NGUỒN 1000 Mucize no.976 (s.789); web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 397; ayrıca: Meclisî, Bihâru'l-envâr, c. 18, s. 68; İbn Şehrâşûb, Menâkıb, c. 1, s. 71; Kütüb-i Sitte: Buhârî, Muhâribin 16, 17, 18, Megâzî 36, Tıbb 5; Müslim, Kasâme 9, (1671) [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme

ve Şerhi: no. 1587, c./s. 6/193]

## 873. Khi đi ngang qua một nguồn nước, Người hỏi tên nó; người ta nói: “Tên nó là...”

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Khi đi ngang qua một nguồn nước, Người hỏi tên nó; người ta nói: “Tên nó là Baysan, nước nó mặn”; Người nói: “Không, nó là Nu'man, nước nó ngọt”, và nước trở nên ngọt.

Cuộc chinh phạt Dhu Qarad, năm 6–7 H (627–628 CN)

NGUỒN Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 23. fasıl (kerâmât, berekât, dokunduğu şeylerin dönüşmesi)

## 874. Trước khi theo Islam, al-Mughirah bin Shu'bah đến gặp al-Muqawqis; al-Muqawqis...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Trước khi theo Islam, al-Mughirah bin Shu'bah đến gặp al-Muqawqis; al-Muqawqis và vị giám mục Copt nói với ông rằng các đặc điểm của vị Nabi thời cuối cùng trong kinh sách của họ (được cử đến với toàn nhân loại, mặt đất được làm thành masjid cho người ấy v.v.) khớp với Muhammad ﷺ, và vì thế al-Mughirah quay về theo Islam.

Khoảng năm 5–6 H (626–627 CN), Alexandria

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 19-21, Mukavkıs'a mektup bâbı

## 875. Khi cử Abdurrahman bin Awf đến Dumat al-Jandal, Người nói: “Nếu họ đáp lời...”

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Khi cử Abdurrahman bin Awf đến Dumat al-Jandal, Người nói: “Nếu họ đáp lời ngươi, hãy cưới con gái của thủ lĩnh họ”; ba ngày sau, thủ lĩnh Kitô giáo al-Asbagh bin Amr al-Kalbi theo Islam, và Abdurrahman cưới con gái ông là Tumadir.

Toán quân đi Dumat al-Jandal, Sha'ban năm 6 H (627–628 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 397 (Dûmetülcendel seriyyesindeki âyet)

## 876. Trên đường đến Hudaybiyah, với những người vượt qua đèo Thaniyyat al-Murar...

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Trên đường đến Hudaybiyah, với những người vượt qua đèo Thaniyyat al-Murar (Dhat al-Hanzal) trong đêm, Người nói: “Tất cả các ngươi đều đã được tha thứ, trừ người cưỡi con lạc đà đỏ”; sáng ra hóa ra người ấy là một người du mục (thuộc Banu Damrah) đang đi tìm lạc đà lạc, kẻ đã nói: “Tôi tìm lại được lạc đà còn tốt hơn việc bạn các ông cầu xin tha thứ cho tôi.”

Đường đến Hudaybiyah, Dhul-Qa'dah năm 6 H (628 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 403 (Hudeybiye yılındaki âyet ve mucizeler)

## 877. Ở Hudaybiyah, khi cử Uthman đến Makkah, Người ra lệnh cho ông báo tin mừng cho...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Ở Hudaybiyah, khi cử Uthman đến Makkah, Người ra lệnh cho ông báo tin mừng cho các tín đồ nam nữ ở đó rằng cuộc chinh phục đã gần và Islam sẽ được thực hành công khai ở Makkah; trong lời thề trung thành Ridwan, Allah

gieo nỗi sợ vào lòng những kẻ đa thần, chúng thả tù binh và xin hòa.

Hudaybiyah, Dhul-Qa'dah năm 6 H (628 CN); Tin mừng ứng nghiệm: năm 8 H

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 408 (Hudeybiye yılındaki âyet ve mucizeler)

---

## 878. Ở Hudaybiyah, khi họ cạo đầu, Allah gửi một cơn gió dữ mang tóc của họ vào đất...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Ở Hudaybiyah, khi họ cạo đầu, Allah gửi một cơn gió dữ mang tóc của họ vào đất thánh.

Hudaybiyah, Dhul-Qa'dah năm 6 H (628 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 409 (Hudeybiye yılındaki âyet ve mucizeler)

---

## 879. Ở Hudaybiyah, bảy mươi con lạc đà tế bị ngăn không đến được Ka'bah đã rền rỉ...

Hasan (Tốt) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Ở Hudaybiyah, bảy mươi con lạc đà tế bị ngăn không đến được Ka'bah đã rên rỉ hướng về Ngôi Nhà như lạc đà mẹ nhớ con.

Hudaybiyah, Dhul-Qa'dah năm 6 H (628 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 409 (Hudeybiye yılındaki âyet ve mucizeler)

---

## 880. Ở Dhu Qarad, khi Salamah bin al-Akwa' đang truy đuổi kẻ thù, Người báo: "Lúc..."

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Ở Dhu Qarad, khi Salamah bin al-Akwa' đang truy đuổi kẻ thù, Người báo: "Lúc này chúng đang được tiếp đãi trên đất Ghatafan"; sau đó một người Ghatafan đến xác nhận điều này.

Cuộc chinh phạt Dhu Qarad, năm 6–7 H (627–628 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 414 (Zû Kared gazvesindeki âyetler)

---

## 881. Một phụ nữ Muslim bị những kẻ đa thần bắt làm tù binh; ban đêm trong đàn lạc đà...

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Một phụ nữ Muslim bị những kẻ đa thần bắt làm tù binh; ban đêm trong đàn lạc đà chỉ có con al-Adba' không kêu tiếng nào mà ngoan ngoãn để bà cưỡi, nhờ vậy bà cưỡi nó trốn về đến Madinah.

Khoảng năm 6 H (627–628 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 414 (Zû Kared gazvesindeki âyetler)

---

## 882. Một ngày trước Dhu Qarad, Muhriz bin Nadlah mơ thấy trời mở ra cho mình, ông...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Một ngày trước Dhu Qarad, Muhriz bin Nadlah mơ thấy trời mở ra cho mình, ông lên đến tầng trời thứ bảy và Sidrat al-Muntaha, và được bảo: "Đây là chỗ của ngươi"; Abu Bakr giải là sự tử vì đạo, và ngày hôm sau ông hy sinh.

Cuộc chinh phạt Dhu Qarad, năm 6–7 H (627–628 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 416 (Zû Kared gazvesindeki âyetler)

## 883. Trên đường từ Hudaybiyah về, tại Dajnan (Kura' al-Ghamim), chương al-Fath được...

**Sahih (Xác thực)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Trên đường từ Hudaybiyah về, tại Dajnan (Kura' al-Ghamim), chương al-Fath được mặc khải, Người đọc trên lưng con vật cưỡi: “Inna fatahna laka fathan mubina”; Jibril xuống chúc mừng Người, rồi người Muslim cũng chúc mừng (do Mujammi' bin Jariyah thuật lại).

Trên đường từ Hudaybiyah về, Dhul-Qa'dah năm 6 H (628 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 337 (şerh-i sadr, vizrinin kaldırılması ve zikrinin yükseltilmesi bâbı)

## 884. Khi viết hòa ước Hudaybiyah, dù không biết chữ, Người cầm văn bản và tự tay...

**Sahih (Xác thực)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Khi viết hòa ước Hudaybiyah, dù không biết chữ, Người cầm văn bản và tự tay viết “Muhammad” (bin Abdullah) thay cho “Thiên Sứ của Allah”; một số học giả xem đây là phép màu vì Người viết mà không học (Umar bin Shabbah, Abu Dharr al-Harawi, Abul Fath an-Naysaburi, Abul Walid al-Baji, Abu Ja'far as-Simnani); còn lời thuật “Người không qua đời trước khi biết đọc biết viết” thì yếu.

Hudaybiyah, Dhul-Qa'dah năm 6 H (628 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 409 (ona özgü yasaklar (muharremât) kısmı)

## 885. Vào ngày Hudaybiyah, tám mươi người Makkah có vũ khí từ phía núi at-Tan'im kéo...

**Sahih (Xác thực)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Vào ngày Hudaybiyah, tám mươi người Makkah có vũ khí từ phía núi at-Tan'im kéo xuống để đánh úp Người và các Sahabah; Người nguyền rủa họ, tất cả đều bị bắt, và Người tha cho họ; câu 24 chương al-Fath được mặc khải (do Anas thuật lại).

Hudaybiyah, Dhul-Qa'dah năm 6 H (628 CN)

NGUỒN İbnü'l-Cevzî, el-Vefâ bi-ahvâli'l-Mustafâ (thk. Mustafa Abdülkādir Atâ, Beyrut: Dârü'l-Kütübi'l-İlmiyye, 1408/1988; tek cilt), s. 353 (Ebvâbü mu'cizâtih, 32. bâb: dualarının kabulü)

## 886. Trên đường đến Hudaybiyah, khi đến một mạch nước rỉ chỉ đủ cho một hai người...

**Da'if (Yếu)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Trên đường đến Hudaybiyah, khi đến một mạch nước rỉ chỉ đủ cho một hai người cưỡi, Người nói: “Ai đến trước chúng ta đừng lấy nước”, rồi đổ vào đó nước Người súc miệng trong một cái cốc; ai cũng uống, đổ đầy đồ đựng và làm Wudu'; Người nói: “Nếu các ngươi ở lại, các ngươi sẽ nghe nói nơi này được tưới tắm nhờ nước dồi dào của nó”, và đã đúng như vậy.

Đường đến Hudaybiyah, năm 6 H (628 CN) (theo văn bản)

NGUỒN Râvendî, el-Harâic ve'l-cerâih, c. 1, s. 109-110 (el-Bâbü'l-evvel fî mu'cizâti nebiyyinâ Muhammed)

## 887. Ở Hudaybiyah, trước tiếng kêu than của các Sahabah kiệt sức vì khát, Người giơ...

**Da'if (Yếu)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Ở Hudaybiyah, trước tiếng kêu than của các Sahabah kiệt sức vì khát, Người giơ tay cầu xin, trời mở ra, mưa đổ xuống và mọi người uống thỏa thuê (do Abu Hurairah thuật lại).

Hudaybiyah, năm 6 H (628 CN)

NGUỒN Meclisî, Bihâru'l-envâr, c. 18, s. 4-5 (Bâb 6: duasının kabulü, ölülerin diriltilmesi ve hastaların şifası)

---

## 888. Abu Dharr, vì không hợp khí hậu Madinah, muốn cùng cháu ra al-Ghabah; Người...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Abu Dharr, vì không hợp khí hậu Madinah, muốn cùng cháu ra al-Ghabah; Người nói: "Ta sợ kỵ binh Ả Rập sẽ tập kích ngươi, giết cháu ngươi; rồi ngươi sẽ đầu tóc rối bời, chống gậy đến mà nói: 'Cháu tôi bị giết, đàn gia súc bị cướp'"; trong cuộc tập kích của Uyaynah bin Hisn al-Fazari, mọi việc xảy ra đúng như vậy, và Abu Dharr bị một vết giáo sâu, chống gậy đến nói: "Allah và Thiên Sứ của Ngài đã nói đúng."

Khoảng năm 6 H (627 CN) (cuộc tập kích al-Ghabah/Dhu Qarad)

NGUỒN Meclisî, Bihâru'l-envâr, c. 18, s. 117 (Bâb 11: gaybî haberleri)

---

## 889. Trước Hudaybiyah, khi Aban bin Sa'id đi Sham buôn bán, một linh mục Kitô giáo...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Trước Hudaybiyah, khi Aban bin Sa'id đi Sham buôn bán, một linh mục Kitô giáo chỉ nghe tên đã mô tả đúng hình dáng, dung mạo, tuổi tác, cha, ông và dòng dõi của Nabi ﷺ, báo rằng Người sẽ chiến thắng và thống trị trước tiên là người Ả Rập rồi cả mặt đất, và gửi lời chào; Aban dò hỏi ở Makkah thấy đúng như lời linh mục, và theo Islam trong khoảng thời gian giữa Hudaybiyah và Khaybar.

Năm 6 H (627–628 CN), trước Hudaybiyah; Theo Islam: cuối năm 6 H – đầu năm 7 H

NGUỒN N. İçel, Hz. Muhammed'in (sas) Mucizeleri -1 (2023), "Eban'ın Müslüman Oluşunun Sebebi" (kitabın dipnotu: İbn Abdilberr, İstiâb, c:1, s:62; İbn Esîr, Usdu'l-gâbe, c:1, s:46)

# 23 · Năm thứ 7 sau Hijrah (năm 628–629 CN): Khaybar và những bức thư gửi các vua chúa

## 890. Heraclius thẩm vấn Abu Sufyan và xác nhận sứ mạng Nabi của Người

**Sahih (Xác thực)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Heraclius thẩm vấn Abu Sufyan và xác nhận sứ mạng Nabi của Người.

Đầu năm 7 H (628 CN)

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.3 s.537; web: Mişkâtü'l-Mesâbîh, Fezâil, alâmâtü'n-nübüvve, no. 5861; Ebû Nuaym el-İsfahânî, Delâilü'n-nübüvve, 17. fasıl, no. 239; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 4-5, Kayser'e mektup bâbı; ayrıca: N. İçel, Hz. Muhammed'in (sas) Mucizeleri -1 (2023), "MU'CİZELER PEYGAMBERLERİN TEBLİĞİNE VESİLEDİR" (kitabın dipnotu: Müslim, Sahih, el-Cihad:73); "Herakliyus'un Roma'daki Dostu Dagatır'a Peygamberimiz Aleyhisselâm Hakkında Yazı Yazışı ve Şam Taraflarında Bulunan Ebu Süfyan'a Sorular Soruşu" (kitabın dipnotu: Buhârî, Sahîh, c:1, s:5,7; c:4, s:3; Taberî; Tarih, c:3. S:86-87; Abdurrezzak, Musannef, c:5, s:344; Ahmed b. Hanbel, Müsned, c:1, s:262; Ebu'l-Fidâ, Nihâye, c:4, s:263.); Kütüb-i Sitte: Buharî, Bed'ü'l-Vahy 1, Cihad 102, Tefsir Al-i İmran 4; Müslim, Cihad 73, (1773); Tirmizî, İsti'zan 24, (2718) [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 5561, c./s. 15/382-385]

## 891. Người nguyền rủa Kisra, kẻ xé thư của Người: "Cầu Allah cũng xé nát vương quốc..."

**Sahih (Xác thực)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người nguyền rủa Kisra, kẻ xé thư của Người: "Cầu Allah cũng xé nát vương quốc của hắn", và đế quốc Sasan sụp đổ.

Lời nguyền: năm 7 H (628 CN); Ứng nghiệm: năm 16–31 H

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.3 s.553; 19. Mektup listesi (183.txt) no.98; 1000 Mucize no.435 (s.426); web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 14, Kisrâ'ya mektup bâbı; Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 22. fasıl; Questions on Islam, "The miracles occurring upon the prayer of the prophet Muhammad"; ayrıca: Meclisî, Bihâru'l-envâr, c. 18, s. 17; İbn Şehrâşûb, Menâkıb, c. 1, s. 70; ayrıca: N. İçel, Hz. Muhammed'in (sas) Mucizeleri -2 (2023), "Peygamberimiz Aleyhisselâmın Kisrâ Aleyhindeki Duası" (kitabın dipnotu: İbn Sa'd, Tabakât, c:1, s:258; Ebu Nuaym, Delâilü'n-nübüvve, c:2, s:349 / Buhârî, Sahıh, c:1, s:24; Diyarbekrî, Hamis, c:2, s:35; Taberî, Tarih, c:3, s:90; İbn Sa'd, Tabakât, c:1, s:260); Kütüb-i Sitte: Buharî İlm 7; Buharî, Menâkıb 25; Müslim, Fiten 77, (2919) [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 5955, c./s. 16/425-426; no. 5572, c./s. 15/416]

## 892. Ngay trong đêm, Người báo cho các sứ giả từ Yemen biết Kisra đã bị con trai là...

**Sahih (Xác thực)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Ngay trong đêm, Người báo cho các sứ giả từ Yemen biết Kisra đã bị con trai là Shirawayh giết; Badhan theo Islam.

Jumada al-Ula năm 7 H (628 CN)

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.3 s.556; 19. Mektup listesi (183.txt) no.99; 1000 Mucize no.436 (s.426); web: Heysemî, Mecmau'z-zevâid, K. Alâmâti'n-nübüvve, bâbü ihbârihî bi'l-muğayyebât, no 14068; Ebû Nuaym el-İsfahânî, Delâilü'n-nübüvve, 17. fasıl, no. 240; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 15-18, Kisrâ'ya mektup bâbı; Said Nursî, Mektubat, 19. Mektup, 6. İşaret; ayrıca: İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî, s. 470; Râvendî, el-Harâic, c. 1, s. 64; c. 1, s. 132-133; İbn Şehrâşûb, Menâkıb, c. 1, s. 70-71; ayrıca: N. İçel, Hz. Muhammed'in (sas) Mucizeleri -1 (2023), "Kisrâ'nın Peygamberimiz Aleyhisselâm Hakkında Yemen Valisine Emir ve Direktif Verişi + Peygamberimiz Aleyhisselâmın Kisrâ Hakkında Allah'tan Aldığı Haberi Elçilere Bildirişi + Kisrâ Şîreveyh'in Vali Bâzân'a Mektubu, Bâzân'la Ebnâların Müslüman Olmaları" (kitabın dipnotu: Heysemî, Mecmau'z-zevâid, c:8, s:287; İbn Sa'd, Tabakât, c:1, s:260; İbn Seyyid, Uyûn, c:2, s:263; Taberî, Târih, c:3, s:90; İbn Haldun, Târîh, c:2, ks:2, s:37; Diyarbekrî, Târîh, c:2, s:35 / Taberî, Târîh, c:3, s:91; İbn Sa'd, Tabakât, c:1, s:260; İbn Haldun, Târîh, c:2, ks:2, s:38; Ebu Nuaym, Delâilü'n-nübüvve, c:2, s:348 / Ebu Nuaym, Delâilü'n-nübüvve, c:2, s:350; İbn Seyyid, Uyûnu'l-eser, c:2, s:263)

## 893. Khi tiến vào Khaybar, Người báo tin mừng chiến thắng: “Allahu Akbar, Khaybar đã bị tàn phá”

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Khi tiến vào Khaybar, Người báo tin mừng chiến thắng: “Allahu Akbar, Khaybar đã bị tàn phá.”

Muharram năm 7 H (628 CN)

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.3 s.330; 1000 Mucize no.395 (s.386); web: Buhârî, Menâkıb, no. 3647; Münkız es-Sakkār, Delâilü'n-nübüvve, "Fetih haberleri"; İbn Hibbân, Sahîh, K. et-Târîh, bâbü'l-mu'cizât, no 6521; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 420; Kütüb-i Sitte: Buhârî 371, 3647; Müslim 1365

## 894. Ở Khaybar, Người nói: “Ngày mai ta sẽ trao lá cờ cho một người mà Allah sẽ ban...”

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Ở Khaybar, Người nói: “Ngày mai ta sẽ trao lá cờ cho một người mà Allah sẽ ban chiến thắng qua tay người ấy”, và ngày hôm sau pháo đài được chinh phục bởi tay Ali.

Muharram–Safar năm 7 H (628 CN)

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.3 s.335; İbn Kesîr s.81; 19. Mektup listesi (183.txt) no.22, 91, 174; 1000 Mucize no.396 (s.387); web: Said Nursî, Mektubat, 19. Mektup, 6. İşaret; Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 21. fasıl; Questions on Islam, "His Information related to the Future Turn out True"; ayrıca: Meclisî, Bihâru'l-envâr, c. 18, s. 132; Râvendî, el-Harâic, c. 1, s. 159-160; İbn Şehrâşûb, Menâkıb, c. 1, s. 95, 101; ayrıca: N. İçel, Hz. Muhammed'in (sas) Mucizeleri -1 (2023), "Peygamberimiz Aleyhisselâmın Hayber'in Fethedileceğini Müjdeleyişi Ve Onu Fethedecek Yiğidin Vasıflarını Bildirişi + Sancağın Kime Verileceğinin Ümit ve Merakla Beklenişi + Hayber Fatihliğinin Hz. Ali Üzerinde Gerçekleşmesi" (kitabın dipnotu: Ahmed b. Hanbel, Müsned, c:1, s:99;c:3, s:16; c:5, s:76,353; Buhârî, Sahih, c:4, s:207,57; Diyarbekrî, Târîh, c:2, s:48; Müslim, Sahih, c:4. S:1871-1873; Heysemî, Mecmau'z-zevâid, c:6, s:153; Halebî, İnsânu'l-uyûn, c:2, s:734) · N. İçel, Hz. Muhammed'in (sas) Mucizeleri -2 (2023), "Hz. Ali'nin Giydirilip Kuşattırılışı ve Görevinin Kendisine Bildirilişi" (kitabın dipnotu: Ebu'l-Fidâ, Nihâye, c:4, s:185-187; Halebî, İnsân, c:2, s:735-737; Beyhakî, Sünen, c:9, s:132; Vâkıdî, Megâzî, c:2, s:654; Buhârî , Sahîh, c:5, s:77; Müslim, Sahih, c:4, s:1872); Kütüb-i Sitte: Müslim, Fezailu'l-Ashab 32, (2404); Tirmizî, Menakıb, (3726); Müslim, Cihad 132, (1807); Buhârî, Cihâd 102, Megāzî 38 [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 4407, c./s. 12/466-467; no. 4268, c./s. 12/191-197]

## 895. Cuộc đấu tay đôi và chiến thắng của Muhammad bin Maslamah trước võ sĩ Do Thái...

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Cuộc đấu tay đôi và chiến thắng của Muhammad bin Maslamah trước võ sĩ Do Thái Marhab ở Khaybar.

Năm 7 H (628 CN)

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.3 s.348; 1000 Mucize no.397 (s.388), no.952 (s.777); web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 419

## 896. Ở Khaybar, đàn cừu của người chăn cừu da đen đã theo Islam, khi bị ném sỏi/đất...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Ở Khaybar, đàn cừu của người chăn cừu da đen đã theo Islam, khi bị ném sỏi/đất vào mặt, đã tự quay về với chủ của chúng.

Năm 7 H (628 CN)

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.3 s.354; 1000 Mucize no.399 (s.390); web: Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 19. fasıl; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 419

## 897. Một người du mục chỉ vào cổ họng mình và nói: “Xin cho tôi bị trúng tên ở đây...”

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Một người du mục chỉ vào cổ họng mình và nói: “Xin cho tôi bị trúng tên ở đây mà vào Thiên Đàng”, và ông bị trúng tên đúng chỗ ấy mà hy sinh (“Ông ấy đã chân thành với Allah”).

Năm 7 H (628 CN)

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.3 s.354; 1000 Mucize no.134 (s.112); web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 420; Kütüb-i Sitte: Nesâî, Cenâiz 61, (4, 60, 61) [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 1043, c./s. 5/85-86]

## 898. Ở Khaybar, Người thổi ba lần vào vết thương sâu ở chân Salamah bin al-Akwa', và...

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Ở Khaybar, Người thổi ba lần vào vết thương sâu ở chân Salamah bin al-Akwa', và ông lành lại.

Năm 7 H (628 CN)

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.3 s.395; 1000 Mucize no.143 (s.124), no.223 (s.200); web: Mişkâtü'l-Mesâbîh, Fezâil, bâbün fi'l-mu'cizât, no. 5886; A'zamî, el-Câmiu'l-Kâmil, Sîre, bâb 588; İbn Hibbân, Sahîh, K. et-Târîh, bâbü'l-mu'cizât, no 6510; Said Nursî, Mektubat, 19. Mektup, 13. İşaret, 2. misal; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 424; ayrıca: İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî, s. 465; Meclisî, Bihâru'l-envâr, c. 18, s. 9; Râvendî, el-Harâic, c. 1, s. 42-43; Kütüb-i Sitte: Ebu Davud, Tıbb 19, (3894); Buhârî, Megāzî 38 [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 5602, c./s. 15/457]

## 899. Ở Khaybar, về người chiến đấu anh dũng, Người nói: “Hắn thuộc về Hỏa Ngục”...

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Ở Khaybar, về người chiến đấu anh dũng, Người nói: “Hắn thuộc về Hỏa Ngục”; người ấy không chịu nổi vết thương mà tự sát.

Năm 7 H (628 CN)

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.3 s.396; İbn Kesîr s.142; 1000 Mucize no.133 (s.111); web: Mişkâtü'l-Mesâbîh, Fezâil, bâbün fi'l-mu'cizât, no. 5892; Münkız es-Sakkār, Delâilü'n-nübüvve; A'zamî, el-Câmiu'l-Kâmil, Sîre, bâb 600; Yaqeen Institute, "The Prophecies of Prophet Muhammad"; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 424; ayrıca: İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî, s. 244; İbnü'l-Cevzî, el-Vefâ, s. 310; Elshinawy, The Prophecies of Prophet Muhammad (Yaqeen); al-shia.org (Farsça mucize listeleri); Kütüb-i Sitte: Buhârî, Cihad 182, Megâzî 38, Kader 5; Müslim, İman 173, (111) [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 4936, c./s. 14/147]

## 900. Về người nô lệ (Mid'am) được gọi là “người tử vì đạo”, Người cho biết tấm áo...

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Về người nô lệ (Mid'am) được gọi là “người tử vì đạo”, Người cho biết tấm áo choàng hắn đánh cắp từ chiến lợi phẩm đang cháy thành lửa trên người hắn.

Năm 7 H (628 CN)

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.3 s.399; 1000 Mucize no.401 (s.392); web: Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 24. fasıl; Kütüb-i Sitte: Buhârî 4234; Müslim 115 [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 1135]

## 901. Ở Khaybar, cái đùi cừu tẩm độc được dâng lên đã tự báo cho Người biết nó có độc

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Ở Khaybar, cái đùi cừu tẩm độc được dâng lên đã tự báo cho Người biết nó có độc.

Năm 7 H (628 CN)

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.3 s.400; İbn Kesîr s.53; 19. Mektup listesi (183.txt) no.55; 1000 Mucize no.98 (s.73); web: A'zamî, el-Câmiu'l-Kâmil, Sîre, bâb 602; Heysemî, Mecmau'z-zevâid, K. Alâmâti'n-nübüvve, bâbü mâ câe fi'ş-şâti'l-mesmûme, no 14089-14094; Ebû Nuaym el-İsfahânî, Delâilü'n-nübüvve, 13. fasıl, no. 147; Said Nursî, Mektubat, 19. Mektup, 12. İşaret, 2. misal; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 425; ayrıca: İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî, s. 244, 412, 445, 455; İbn Hişâm, es-Sîretü'n-nebeviyye, c. 2, s. 337-338; İcî–Cürcânî, Şerhu'l-Mevâkıf, c. 8, s. 281-282; Şeyh Müfîd, en-Nüketü'l-i'tikâdiyye, s. 36, 35-36; Meclisî, Bihâru'l-envâr, c. 17, s. 215, 232, 279; c. 17, s. 317-320; c. 17, s. 393, 396, 405-406, 408; Râvendî, el-Harâic, c. 1, s. 27; c. 1, s. 108-109; c. 2, s. 509; Tabersî, İ'lâmü'l-verâ, c. 1, s. 80; İbn Şehrâşûb, Menâkıb, c. 1, s. 81; Tabersî, el-İhticâc, c. 1, s. 319; İbn Hamza et-Tûsî, es-Sâkıb, s. 80, no. 63/1 (+1 kaynak daha: web_kaynaklari dosyasında); ayrıca: N. İçel, Hz. Muhammed'in (sas) Mucizeleri -2 (2023), "Yahudîlerin Peygamberimiz Aleyhisselâmı Zehirlemeye Kalkışmaları + Yahudî Kadını Zeyneb ile Hayber Yahudîlerinin Sorguya Çekilmeleri" (kitabın dipnotu: Ebu Dâvud, Sünen, c:4, s:175,673; Vâkıdı, Megâzî, c:2, s:665, 677-678; Kastalânî, Mevâhib, c:1, s:181; Ahmed b. Hanbel, Müsned, c:2, s:338 / Ebu Dâvud, Sünen, c:4, s:173-174; Vâkıdî, Megâzî, c:2, s:678; İbn Kayyım, Zâdu'l-mead, c: 2, s:155); Kütüb-i Sitte: Buharî, Cizye 7; Ebu Davud, Diyat 6, (4509) [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 5581, c./s. 15/430-431; no. 4974, c./s. 14/191]

---

## 902. Trên đường từ Khaybar về, lúc khát nước, từ nước trong hai túi da của một người...

**Sahih (Xác thực)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Trên đường từ Khaybar về, lúc khát nước, từ nước trong hai túi da của một người phụ nữ cả đạo quân uống và đổ đầy đồ đựng mà các túi da không vơi.

Năm 7 H (628 CN)

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.3 s.423; İbn Kesîr s.31; 19. Mektup listesi (183.txt) no.33; 1000 Mucize no.266 (s.241); web: Buhârî, Menâkıb, Alâmâtü'n-nübüvve, no. 3571; A'zamî, el-Câmiu'l-Kâmil, Sîre, bâb 574; İbn Kesîr, el-Bidâye ve'n-Nihâye, c. 6, s. 98 — Delâilü'n-nübüvve: yeryüzü mucizeleri – suyun çoğalması; Said Nursî, Mektubat, 19. Mektup, 8. İşaret, 7. misal; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 72-74; ayrıca: İbn Hamza et-Tûsî, es-Sâkıb, s. 43-44, no. 5/5; İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî, s. 65; İbnü'l-Cevzî, el-Vefâ, s. 287-288; Facts and Details, "Miracles of Muhammad"; ayrıca: N. İçel, Hz. Muhammed'in (sas) Mucizeleri -1 (2023), "MU'CİZELER PEYGAMBERLERİN TEBLİĞİNE VESİLEDİR" (kitabın dipnotu: Buhari, el-Menâkıp:25); Kütüb-i Sitte: Buhârî 344, 3571; Müslim 682

---

## 903. Chút nước Wudu' trong bình của Abu Qatadah đã đủ cho cả đoàn ("Hãy giữ bình...")

**Sahih (Xác thực)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Chút nước Wudu' trong bình của Abu Qatadah đã đủ cho cả đoàn ("Hãy giữ bình nước của ngươi, nó sẽ có một câu chuyện lớn").

Năm 7 H (628 CN)

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.3 s.431; Beyhakî, Delâil c.4 s.591; 19. Mektup listesi (183.txt) no.32; web: Heysemî, Mecmau'z-zevâid, K. Alâmâti'n-nübüvve, no 14106; İbn Kesîr, el-Bidâye ve'n-Nihâye, c. 6, s. 99 — Delâilü'n-nübüvve: yeryüzü mucizeleri – suyun çoğalması; Said Nursî, Mektubat, 19. Mektup, 8. İşaret, 6. misal; Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 14. fasıl; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 74-75; c. 2, s. 75; ayrıca: İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî, s. 66-67; İbnü'l-Cevzî, el-Vefâ, s. 291-292; Kütüb-i Sitte: Müslim, Mesâcid 311

---

## 904. Trước khi cưới, Safiyyah mơ thấy mặt trăng rơi vào lòng mình

**Hasan (Tốt)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Trước khi cưới, Safiyyah mơ thấy mặt trăng rơi vào lòng mình.

Năm 7 H (628 CN)

NGUỒN 1000 Mucize no.1000 (s.813)

## 905. Trước khi những người Ash'ari đến, Người báo trước: “Sắp có một nhóm người có...”

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Trước khi những người Ash'ari đến, Người báo trước: “Sắp có một nhóm người có trái tim mềm mỏng hơn các ngươi đến.”

Năm 7 H (628 CN)

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.4 s.285; Beyhakî, Delâil c.3 s.387; 1000 Mucize no.324 (s.301); web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 36, Eş'arîlerin gelişi bâbı

## 906. Sau lời cầu xin “Lạy Allah, xin hãy hướng dẫn Daws và đưa họ đến”, bộ tộc ấy đã...

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Sau lời cầu xin “Lạy Allah, xin hãy hướng dẫn Daws và đưa họ đến”, bộ tộc ấy đã theo Islam và kéo đến.

Năm 7 H (628 CN)

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.4 s.295; 1000 Mucize no.351 (s.338); web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 225-226; ayrıca: N. İçel, Hz. Muhammed'in (sas) Mucizeleri -2 (2023), "Tufeyl b. Amr'ın Müslüman Oluşu ve Efendimiz Aleyhisselâmın dua mucizesi" (kitabın dipnotu: İbn Sa'd, Tabakât, c:4, c:237-239; İbn İshak- İbn Hişam, Sire, c:2, s:22; Ebu'l-Fidâ, Nihâye, c:3, s:98; Zehebî, Siyer, c:1, s:248-249.); Kütüb-i Sitte: Buharî, Megazî 75, Cihad 100, Da'avat 59; Müslim, Fezâilu's-Sahabe 197, (2524) [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 4541, c./s. 13/104]

## 907. Trong Umrah bù (al-Qada'), lời của những kẻ đa thần “Cơn sốt Yathrib đã làm họ...”

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Trong Umrah bù (al-Qada'), lời của những kẻ đa thần “Cơn sốt Yathrib đã làm họ suy yếu” đã được báo cho Người.

Dhul-Qa'dah năm 7 H (629 CN)

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.3 s.477; web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 428; Kütüb-i Sitte: Buharî, Hacc 55, Megâzî 43; Müslim, Hacc 240, (1266); Tirmizî, Hacc 39, (863); Ebu Dâvud, Menâsik 51, (1886, 1889) [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 1326, c./s. 5/443-444]

## 908. Sau khi masjid được xây và Người có bục giảng, gốc chà là mà Người thường tựa...

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Sau khi masjid được xây và Người có bục giảng, gốc chà là mà Người thường tựa vào khi thuyết giảng đã rên rỉ khóc than; khi Người ôm lấy, nó mới im (tiếng than của thân cây).

Năm 7–8 H (628–630 CN)

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.2 s.251; Beyhakî, Delâil c.4 s.523; İbn Kesîr s.57; 19. Mektup listesi (183.txt) no.38, 149, 150; 1000 Mucize no.91 (s.66); web: Buhârî, Menâkıb, Alâmâtü'n-nübüvve, no. 3583-3585; A'zamî, el-Câmiu'l-Kâmil, Sîre, bâb 579; İbn Hibbân, Sahîh, K. et-Târîh, bâbü'l-mu'cizât, no 6506-6508; Beyhakî, Delâilü'n-nübüvve, c.6 s.66-68; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 126-128; ayrıca: İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî, s. 121-131, 421-423; İbnü'l-Cevzî, el-Vefâ, s. 326-328; islamveihsan.com, “Hz. Peygamber'in Mucizeleri”; Buhârî, Menâkıb, no 3584; Cum'a, no 918; Tirmizî, Menâkıb, no 3627; Îcî–Cürcânî, Şerhu'l-Mevâkıf, c. 8, s. 283; Şeyh Müfîd, en-Nüketü'l-i'tikâdiyye, s. 36, 35-36; Tirmizî, Sünen, Cum'a, no. 505; Nesâî, Sünen, Cum'a, no. 1396; Elshinawy, The Physical Miracles of the Prophet (Yaqeen); Facts and Details, “Miracles of Muhammad” (+7 kaynak daha: web_kaynaklari dosyasında); ayrıca: N. İçel, Hz. Muhammed'in (sas) Mucizeleri -2 (2023), "Mescidde ki Hurma Kütüğünün İnlemesi + Peygamberimiz Aleyhisselâmın Mescidde Dayandığı Kütüğün Ağlayışı" (kitabın dipnotu: Dârimî, Sünen, c:1, s:119; Ahmed b. Hanbel, c:3, s:300-304; İbn Sa'd, Tabakât, c:1, s:251-252; Semhûdi, Vefâu'l-vefâ, c:2, s:394 / İbn Sa'd, Tabakât, c:1, s:188,251-252; Dârimî, Sünen, c:1, s:23-24; Semhûdî, Vefâ, c:2, s:390, 393; Ebu Nuaym, Delâil, c:2, s:400; Kadı Iyaz, Şifâ, c:1,

s:253); Kütüb-i Sitte: Buhârî 3583-3585; Tirmizî, Menakıb 9, (3631); İbn Mâce 1415; İbn Mâce 1417 [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 5590, c./s. 15/442; no. 6412, c./s. 17/104; no. 6413, c./s. 17/104-105]

---

## 909. Theo lệnh Người, gốc cây biết khóc được chôn dưới bục giảng / được gìn giữ

Hasan (Tốt) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Theo lệnh Người, gốc cây biết khóc được chôn dưới bục giảng / được gìn giữ.

Năm 7–8 H (628–630 CN)

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.2 s.251; 19. Mektup listesi (183.txt) no.39, 151; web: Said Nursî, Mektubat, 19. Mektup, 10. İşaret; Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 17. fasıl; ayrıca: İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî, s. 121-122, 130; İbnü'l-Cevzî, el-Vefâ, s. 327-329; Meclisî, Bihâru'l-envâr, c. 17, s. 380; İbn Şehrâşûb, Menâkıb, c. 1, s. 80; ayrıca: N. İçel, Hz. Muhammed'in (sas) Mucizeleri -2 (2023), "Mescidde ki Hurma Kütüğünün İnlemesi + Peygamberimiz Aleyhisselâmın Mescidde Dayandığı Kütüğün Ağlayışı" (kitabın dipnotu: Dârimî, Sünen, c:1, s:119; Ahmed b. Hanbel, c:3, s:300-304; İbn Sa'd, Tabakât, c:1, s:251-252; Semhûdi, Vefâu'l-vefâ, c:2, s:394 / İbn Sa'd, Tabakât, c:1, s:188,251-252; Dârimî, Sünen, c:1, s:23-24; Semhûdî, Vefâ, c:2, s:390, 393; Ebu Nuaym, Delâil, c:2, s:400; Kadı Iyaz, Şifâ, c:1, s:253); Kütüb-i Sitte: İbn Mâce 1414

---

## 910. Người cho biết bên đầu người chăn cừu da đen hy sinh ở Khaybar có hai tiên nữ...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người cho biết bên đầu người chăn cừu da đen hy sinh ở Khaybar có hai tiên nữ Huri.

Năm 7 H (628 CN)

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.3 s.354

---

## 911. Ở Khaybar, cho những người than phiền vì túng thiếu và kiệt sức, Người cầu xin...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Ở Khaybar, cho những người than phiền vì túng thiếu và kiệt sức, Người cầu xin: “Lạy Allah, xin hãy cho họ chinh phục pháo đài lớn nhất có nhiều của cải và lương thực nhất”, và pháo đài al-Sa'b bin Mu'adh, nơi có nhiều lương thực nhất Khaybar, đã được chinh phục.

Khaybar, năm 7 H (628 CN)

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.3 s.359; 1000 Mucize no.973 (s.787); web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 420

---

## 912. Ở Khaybar, Người bôi nước bọt vào đôi mắt đang đau của Ali, người sẽ được trao...

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Ở Khaybar, Người bôi nước bọt vào đôi mắt đang đau của Ali, người sẽ được trao lá cờ, và cầu xin; mắt ông lập tức khỏi.

Khaybar, năm 7 H (628 CN)

NGUỒN 1000 Mucize no.102 (s.78); web: A'zamî, el-Câmiu'l-Kâmil, Sîre, bâb 593; Said Nursî, Mektubat, 19. Mektup, 13. İşaret, 2. misal; Questions on Islam, "The Miracles concerning the sick and the wounded being healed"; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 417; ayrıca: İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî, s. 197, 465; İbnü'l-Cevzî, el-Vefâ, s. 350; IslamHouse, The Miracles of Muhammad; Meclisî, Bihâru'l-envâr, c. 18, s. 4, 13, 40; al-shia.org (Farsça mucize listeleri); ayrıca: N. İçel, Hz. Muhammed'in (sas) Mucizeleri -2 (2023), "Peygamberimiz Aleyhisselâmın Hz. Ali İçin Duası" (kitabın dipnotu: Ebu'l-Fidâ, Nihâye, c:4, s:185-187; Halebî, İnsân, c:2, s:735-737; Beyhakî, Sünen, c:9, s:132; Vâkıdî, Megâzî, c:2, s:654; Buhârî , Sahîh, c:5, s:77; Müslim, Sahih, c:4, s:1872); Kütüb-i Sitte: Müslim, Fezailu'l-Ashab 32, (2404); Tirmizî, Menakıb,

(3726); Müslim, Cihad 132, (1807); İbn Mâce 117; Buhârî 4210 [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 4407, c./s. 12/466-467; no. 4268, c./s. 12/191-197; no. 6019, c./s. 16/512]

---

## 913. Ở Khaybar, một con lừa đen đến nói chuyện, cho biết tên mình, rằng nó có bảy...

**Bịa đặt (Mawdu')** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Ở Khaybar, một con lừa đen đến nói chuyện, cho biết tên mình, rằng nó có bảy anh em và tất cả đều từng là vật cưỡi của các vị Nabi, và rằng chủ nhân Do Thái của nó hay đánh nó; Người nói với nó: “Vậy ngươi là Ya'fur.”

Khaybar, năm 7 H (628 CN)

NGUỒN 1000 Mucize no.353 (s.344); web: Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 19. fasıl; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 107; ayrıca: İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî, s. 173, 454; Meclisî, Bihâru'l-envâr, c. 17, s. 404-405, 416; Râvendî, el-Harâic, c. 1, s. 42; İbn Şehrâşûb, Menâkıb, c. 1, s. 85

---

## 914. Ở Khaybar, khi Zubayr ra đấu với Yasir, em của Marhab, mẹ ông nói: “Con tôi sẽ...”

**Da'if (Yếu)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Ở Khaybar, khi Zubayr ra đấu với Yasir, em của Marhab, mẹ ông nói: “Con tôi sẽ bị giết sao?”, Người đáp: “Không, in sha Allah con bà sẽ giết hắn.”

Khaybar, năm 7 H (628 CN)

NGUỒN 1000 Mucize no.398 (s.390); ayrıca: Meclisî, Bihâru'l-envâr, c. 18, s. 132; İbn Şehrâşûb, Menâkıb, c. 1, s. 95

---

## 915. Về một vị Sahabah chết ở Khaybar, Người nói: “Các ngươi hãy dâng lễ nguyện cho...”

**Hasan (Tốt)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Về một vị Sahabah chết ở Khaybar, Người nói: “Các ngươi hãy dâng lễ nguyện cho bạn mình; hắn đã gian lận chiến lợi phẩm trên con đường của Allah”; khi lục đồ đạc của hắn, người ta tìm thấy những hạt cườm Do Thái trị giá chưa đến hai dirham.

Khaybar, năm 7 H (628 CN)

NGUỒN 1000 Mucize no.400 (s.391); web: Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 24. fasıl; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 424; Kütüb-i Sitte: Muvatta, Cihâd 23; Ebu Dâvud, Cihâd 143, (2710); Nesâî, Cenâiz 66, (4, 64); İbnu Mâce, Cihad 34, (2848) [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 1136]

---

## 916. Trong chuyến hành quân Khaybar, khi muốn đi vệ sinh, Người bảo Ibn Mas'ud nói...

**Da'if (Yếu)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Trong chuyến hành quân Khaybar, khi muốn đi vệ sinh, Người bảo Ibn Mas'ud nói với hai cái cây xa nhau: “Thiên Sứ của Allah ra lệnh cho các ngươi nhập lại”, và hai cây lập tức nhập lại làm bức che cho Người.

Khaybar, năm 7 H (628 CN)

NGUỒN 1000 Mucize no.883 (s.738), no.884 (s.738); web: Heysemî, Mecmau'z-zevâid, K. Alâmâti'n-nübüvve, no 14166; Beyhakî, Delâilü'n-nübüvve, c.6 s.20; Said Nursî, Mektubat, 19. Mektup, 9. İşaret, 4. misal; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 422

---

## 917. Khi đến Khaybar, những binh sĩ ăn chà là xanh rồi bị sốt rét; Người bảo họ làm...

**Da'if (Yếu)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Khi đến Khaybar, những binh sĩ ăn chà là xanh rồi bị sốt rét; Người bảo họ làm nguội nước rồi đổ lên mình với Bismillah giữa hai tiếng Azan buổi sáng, và những ai làm vậy đều khỏi bệnh.

Khaybar, năm 7 H (628 CN)

NGUỒN 1000 Mucize no.945 (s.773); web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 421

---

## 918. Trong chuyến hành quân Khaybar, vì người vợ đang mang thai sinh nở trên đường...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Trong chuyến hành quân Khaybar, vì người vợ đang mang thai sinh nở trên đường, Người khuyên Abdullah bin Unays ngâm chà là vào nước cho mềm rồi cho bà uống, và bà sinh nở không gặp chút khó khăn nào.

Khaybar, năm 7 H (628 CN)

NGUỒN 1000 Mucize no.946 (s.774); web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 421

---

## 919. Trong cuộc vây hãm Khaybar, khi Abul Yasar Ka'b bin Amr đi lấy lương thực từ...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Trong cuộc vây hãm Khaybar, khi Abul Yasar Ka'b bin Amr đi lấy lương thực từ đàn cừu của một người Do Thái đang được lùa vào pháo đài, Người cầu xin cho ông: “Lạy Allah, xin cho chúng con được lợi ích nhờ ông ấy”; ông bắt được hai con cừu mang về, và ông là người qua đời sau cùng trong các Sahabah.

Khaybar, năm 7 H (628 CN)

NGUỒN 1000 Mucize no.956 (s.778)

---

## 920. Ở Khaybar (như dấu tích của phép màu của Nabi), Ali giật cánh cổng pháo đài ra...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Ở Khaybar (như dấu tích của phép màu của Nabi), Ali giật cánh cổng pháo đài ra dùng làm khiên; sau cuộc chinh phục, cánh cổng ông ném xuống đất mà tám người (theo một lời thuật là bốn mươi người) khỏe mạnh cũng không nhấc nổi.

Muharram–Safar năm 7 H (628 CN)

NGUỒN Said Nursî, Mektubat, 19. Mektup, 6. İşaret (s. 158)

---

## 921. Người đặt tay lên gốc cây đang khóc và nói: “Nếu ngươi muốn, ta sẽ đưa ngươi về...”

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người đặt tay lên gốc cây đang khóc và nói: “Nếu ngươi muốn, ta sẽ đưa ngươi về khu vườn cũ; ngươi sẽ bén rễ và lại ra trái; nếu ngươi muốn, ta sẽ trồng ngươi trên Thiên Đàng để những người thân cận của Allah ăn trái của ngươi”; gốc cây đáp bằng giọng nói mà cả những người phía sau cũng nghe: “Xin hãy trồng tôi trên Thiên Đàng; ở đó không có sự mục nát”, và Người nói: “Ta đã làm vậy; nó đã chọn cõi vĩnh hằng hơn cõi tạm” (do Buraydah thuật lại).

Năm 7–8 H (628–630 CN)

NGUỒN Said Nursî, Mektubat, 19. Mektup, 10. İşaret (s. 191)

## 922. Lời thuật rằng không phải Người đi đến gốc cây đang khóc mà chính gốc cây theo...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Lời thuật rằng không phải Người đi đến gốc cây đang khóc mà chính gốc cây theo lệnh Người đi đến, rồi theo lệnh Người trở về chỗ cũ (do nhà thần học Abu Ishaq al-Isfara'ini thuật lại).

Năm 7–8 H (628–630 CN)

NGUỒN Said Nursî, Mektubat, 19. Mektup, 10. İşaret (s. 192)

## 923. Lời thuật rằng sau khi báo về con dê tẩm độc ở Khaybar, Người nói: “Hãy nói...”

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Lời thuật rằng sau khi báo về con dê tẩm độc ở Khaybar, Người nói: “Hãy nói Bismillah rồi ăn; chất độc sẽ không còn tác dụng nữa” (Ibn Hajar al-Asqalani không chấp nhận, những người khác chấp nhận).

Năm 7 H (628 CN)

NGUỒN Said Nursî, Mektubat, 19. Mektup, 12. İşaret, 2. misal (s. 200)

## 924. Khi Người cử sứ giả đến các vị vua, sáu sứ giả lên đường trong cùng một ngày...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Khi Người cử sứ giả đến các vị vua, sáu sứ giả lên đường trong cùng một ngày; sáng ra ai cũng nói được ngôn ngữ của dân tộc mình được cử đến.

Thư gửi các vua, Muharram năm 7 H (628 CN)

NGUỒN Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 19. fasıl (hayvanlar)

## 925. Người cầu xin cho Ali được che chở khỏi nóng và lạnh; Ali mùa đông mặc đồ mùa...

Hasan (Tốt) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người cầu xin cho Ali được che chở khỏi nóng và lạnh; Ali mùa đông mặc đồ mùa hè, mùa hè mặc đồ mùa đông, nóng hay lạnh đều không chạm đến ông.

Khaybar, năm 7 H (628 CN)

NGUỒN Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 22. fasıl (duasının kabulü)

## 926. Ở Khaybar, tại al-Sahba', khi Người gối đầu trên lòng Ali để nhận mặc khải thì...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Ở Khaybar, tại al-Sahba', khi Người gối đầu trên lòng Ali để nhận mặc khải thì mặt trời lặn; Ali chưa kịp dâng lễ nguyện Asr; Người cầu xin: “Lạy Allah, cậu ấy đang vâng lời Ngài và Thiên Sứ của Ngài, xin hãy đưa mặt trời trở lại cho cậu ấy”; Asma' bint Umays thấy mặt trời sau khi đã lặn lại mọc lên và dừng trên các ngọn núi và mặt đất (radd ash-shams).

Chuyến hành quân Khaybar, năm 7 H (628 CN)

NGUỒN Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 12. fasıl (inşikāk-ı kamer ve habs-i şems) — Delâilü'n-nübüvve: semâvî mucizeler – redd-i şems hadisinin tarikleri; Wikipedia, "Miracles of Muhammad"; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 137; c. 2, s. 310); ayrıca: İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî, s. 32, 37-38, 41, 30-46, 436-437, 30; Meclisî, Bihâru'l-envâr, c. 17, s. 358-359; Râvendî, el-Harâic, c. 1, s. 52-53; c. 1, s. 155-156; c. 2, s. 498-

499; Şeyh Müfîd, el-İrşâd, c. 1, s. 345-346; Şeyh Sadûk, Men lâ yahduruhü'l-fakîh, c. 1, s. 203, hadis no. 609-610; WikiShia (Farsça), «Mu'cizât-ı Peygamber» maddesi; al-shia.org (Farsça mucize listeleri)

---

## 927. Caesar Heraclius nhìn các vì sao và thấy “vua của những người cắt bao quy đầu...”

**Sahih (Xác thực)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Caesar Heraclius nhìn các vì sao và thấy “vua của những người cắt bao quy đầu đã xuất hiện”, và khi ông đang tìm hiểu điều này thì bức thư đến tay ông.

Đầu năm 7 H (628 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 4-6, Kayser'e mektup bâbı

---

## 928. Vị giám mục La Mã (Daghatir) mà Heraclius hỏi ý kiến nói: “Đây là vị Nabi mà...”

**Da'if (Yếu)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Vị giám mục La Mã (Daghatir) mà Heraclius hỏi ý kiến nói: “Đây là vị Nabi mà Musa và Isa đã báo tin mừng”, rồi tin theo, gửi lời chào qua Dihyah và bị dân mình giết.

Đầu năm 7 H (628 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 7-8, Kayser'e mektup bâbı

---

## 929. Khi đọc bức thư, Heraclius nói với các quý tộc La Mã: “Như các người đã đọc...”

**Sahih (Xác thực)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Khi đọc bức thư, Heraclius nói với các quý tộc La Mã: “Như các người đã đọc trong kinh sách của mình, người này nhất định sẽ làm chủ mảnh đất dưới chân ta.”

Năm 7–9 H (628–630 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 9-14, Kayser'e mektup bâbı

---

## 930. Kisra mơ thấy một chiếc thang từ đất vươn lên trời và một người đội khăn xếp...

**Da'if (Yếu)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Kisra mơ thấy một chiếc thang từ đất vươn lên trời và một người đội khăn xếp, mặc khố và áo choàng leo lên đó; ông thấy đàn ông, phụ nữ và kho báu của Ba Tư bị cho vào bao và trao cho người ấy, rồi bức thư đến.

Trước năm 7 H (628 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 16, Kisrâ'ya mektup bâbı

---

## 931. Muri, viên quan hầu gốc La Mã của al-Harith bin Abi Shamir al-Ghassani, người...

**Da'if (Yếu)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Muri, viên quan hầu gốc La Mã của al-Harith bin Abi Shamir al-Ghassani, người mà Shuja' bin Wahb mang thư đến, thấy những đặc điểm được kể lại giống hệt đặc điểm của vị Nabi trong Kinh Injil, liền khóc và tin theo.

Năm 7 H (628 CN), Damascus

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 18, Hâris el-Gassânî'ye mektup bâbı

## 932. Al-Muqawqis thừa nhận sứ mạng Nabi của Người, nói với Hatib bin Abi Balta'ah...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Al-Muqawqis thừa nhận sứ mạng Nabi của Người, nói với Hatib bin Abi Balta'ah: “Tôi biết còn lại một vị Nabi, tôi tưởng người ấy sẽ xuất hiện ở Sham”; ông thích câu trả lời Hatib dựa vào tấm gương của Nabi Isa trước câu hỏi “sao người ấy không nguyền rủa dân mình?”.

Năm 7 H (628 CN), Alexandria

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 19-21, Mukavkıs'a mektup bâbı

## 933. Khi Amr bin al-As xin Najashi giao nộp Amr bin Umayyah, Najashi nổi giận nói...

Hasan (Tốt) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Khi Amr bin al-As xin Najashi giao nộp Amr bin Umayyah, Najashi nổi giận nói: “Ngươi đòi sứ giả của người mà an-Namus al-Akbar từng đến với Musa đã đến với người ấy sao?”, làm chứng cho sứ mạng Nabi của Người, và Amr đã theo Islam dưới tay ông.

Năm 7–8 H (628–629 CN), Abyssinia

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 29-30, Amr b. Âs'ın gelişi bâbı

## 934. Khi ngồi với các Sahabah, Người cầu xin: “Lạy Allah, xin hãy cứu những người...”

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Khi ngồi với các Sahabah, Người cầu xin: “Lạy Allah, xin hãy cứu những người trên thuyền”; một lúc sau Người nói: “Họ đã được cứu”, và khi họ đến gần Madinah thì nói: “Họ đã đến, một người đức hạnh đang dẫn họ”; những người đến hóa ra là người Ash'ari, dẫn đầu là Amr bin al-Hamiq al-Khuza'i.

Năm 7 H (628 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 36-37, Eṣ'arîlerin gelişi bâbı

## 935. Trên đường đi Khaybar, Người nói về Amir bin al-Akwa', người đang hát thơ lùa...

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Trên đường đi Khaybar, Người nói về Amir bin al-Akwa', người đang hát thơ lùa lạc đà: “Cầu Allah thương xót ông ấy”; Umar nói: “Điều đó đã được định rồi, thưa Thiên Sứ của Allah, ước gì ngài để chúng tôi được hưởng lợi từ ông ấy thêm chút nữa”, và Amir hy sinh ở Khaybar.

Khaybar, năm 7 H (628 CN)

NGUỒN Heysemî, Mecmau'z-zevâid, K. Alâmâti'n-nübüvve, no 14004 (8/268)

## 936. Người hầu Barakah (Umm Yusuf) mà Umm Habibah mang từ Abyssinia về đã uống nước...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người hầu Barakah (Umm Yusuf) mà Umm Habibah mang từ Abyssinia về đã uống nước tiểu trong bình của Người; Người nói: “Chúc bà khỏe mạnh, hỡi Umm Yusuf”, và bà không hề đau ốm cho đến cơn bệnh cuối đời.

Thời kỳ Madinah (sau năm 7 H)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 122 (İdrarıyla şifa bulunması)

## 937. Trước khi theo Islam, Khalid bin al-Walid mơ thấy mình đi từ một nơi chật hẹp...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Trước khi theo Islam, Khalid bin al-Walid mơ thấy mình đi từ một nơi chật hẹp khô cằn ra một nơi xanh tươi rộng rãi; khi ông đến Madinah, Abu Bakr giải: “Đó là việc Allah đưa ông ra khỏi sự đa thần đến với Islam.”

Năm 7–8 H (629 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 412 (Hâlid b. Velîd'in Müslüman oluş kıssası)

## 938. Khi Ali cắm lá cờ dưới chân pháo đài Khaybar, một người Do Thái trên tường...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Khi Ali cắm lá cờ dưới chân pháo đài Khaybar, một người Do Thái trên tường thành hỏi: “Ngươi là ai?”, nghe đáp “Ali”, hắn nói: “Thề bởi điều được mặc khải cho Musa, các người đã thắng.”

Khaybar, năm 7 H (628 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 418 (Hayber gazvesindeki mucizeler)

## 939. Quân Ghatafan do Uyaynah bin Hisn chỉ huy đến tiếp viện cho người Do Thái ở...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Quân Ghatafan do Uyaynah bin Hisn chỉ huy đến tiếp viện cho người Do Thái ở Khaybar đã phải quay về mà không giúp gì được cho họ.

Khaybar, năm 7 H (628 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 420 (Hayber gazvesindeki mucizeler)

## 940. Ở Khaybar, khi Người ném một nắm sỏi vào một pháo đài, pháo đài rung chuyển sụp...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Ở Khaybar, khi Người ném một nắm sỏi vào một pháo đài, pháo đài rung chuyển sụp xuống đất và những người bên trong bị bắt.

Khaybar, năm 7 H (628 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 420 (Hayber gazvesindeki mucizeler)

## 941. Trước khi cưới, Safiyyah bint Huyayy mơ thấy cánh của một Thiên Thần che phủ bà...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Trước khi cưới, Safiyyah bint Huyayy mơ thấy cánh của một Thiên Thần che phủ bà cùng với “người tự xưng là được Allah cử đến”, và khi bà kể lại, dân bà mắng nhiếc bà.

Trước Khaybar, khoảng năm 7 H (628 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 421 (Hayber gazvesindeki mucizeler)

## 942. Trên đường từ Khaybar về, Uyaynah bin Hisn đến đòi phần; Người kể cho hắn biết...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Trên đường từ Khaybar về, Uyaynah bin Hisn đến đòi phần; Người kể cho hắn biết về núi Dhul-Ruqaybah mà hắn mơ thấy được ban cho mình; al-Harith bin Awf cũng kể rằng mình đã nghe người Do Thái nói: “Muhammad sẽ thắng.”

Khaybar, năm 7 H (628 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 422 (Hayber gazvesindeki mucizeler)

## 943. Sau hòa ước Khaybar, Người thẩm vấn Kinanah bin ar-Rabi' và thân quyến về kho...

Hasan (Tốt) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Sau hòa ước Khaybar, Người thẩm vấn Kinanah bin ar-Rabi' và thân quyến về kho báu của Huyayy mà họ giấu đi và nói là “đã tiêu hết”, và kho báu bị giấu đã lộ ra (chi tiết bị thiếu trong bản tóm tắt).

Khaybar, năm 7 H (628 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 422 (Hayber gazvesindeki mucizeler)

## 944. Trên đường từ Khaybar về, Bilal được giao canh gác nhưng ngủ quên đến khi mặt...

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Trên đường từ Khaybar về, Bilal được giao canh gác nhưng ngủ quên đến khi mặt trời mọc; Người cho biết: “Shaytan đã đến lúc Bilal đang dâng lễ nguyện và đung đưa ru ông ấy ngủ như ru một đứa trẻ”; Bilal kể lại y hệt, và Abu Bakr nói: “Tôi làm chứng rằng ngài là sứ giả của Allah.”

Trên đường từ Khaybar về, năm 7 H (628 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 427 (Hayber gazvesindeki mucizeler)

## 945. Trong Umrah bù (al-Qada'), tại Marr az-Zahran, Người cho gom lương thực của các...

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Trong Umrah bù (al-Qada'), tại Marr az-Zahran, Người cho gom lương thực của các Sahabah lại (và cầu xin); mọi người ăn no và đổ đầy túi đựng.

Umrah bù, Dhul-Qa'dah năm 7 H (629 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 428 (Kazâ umresindeki âyet)

## 946. Người nói: “Abu Hurairah là một bình chứa kiến thức”; Ibn Umar nói: “Trong...”

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người nói: “Abu Hurairah là một bình chứa kiến thức”; Ibn Umar nói: “Trong chúng tôi, ông ấy là người hiểu Thiên Sứ của Allah nhất và thuộc hadith của Người nhiều nhất.”

Lời tiên tri: thời kỳ Madinah (năm 7–11 H); Ứng nghiệm: năm 11–59 H

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 255 (Ebû Hüreyre'nin hâlini haber vermesi)

## 947. At-Tufayl bin Amr mơ thấy người bạn, người sau Hijrah bị bệnh và tự cắt khớp...

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

At-Tufayl bin Amr mơ thấy người bạn, người sau Hijrah bị bệnh và tự cắt khớp ngón tay mà chết, ở trong tình trạng tốt đẹp nhưng hai tay bị bó lại ("Nhờ cuộc di cư mà tôi được tha thứ; người ta nói 'chúng ta không sửa lại điều ngươi tự làm hỏng'"); khi ông kể lại, Người cầu xin: "Lạy Allah, xin hãy tha thứ cả cho đôi tay của ông ấy" (do Jabir thuật lại).

Thời kỳ Madinah (sau năm 7 H)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 303 (onun zamanında görülen rüyalardaki âyetler)

## 948. Sứ giả người Ghassan mà Heraclius cử đi với lời dặn "Hãy xem người ấy ngồi trên..."

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Sứ giả người Ghassan mà Heraclius cử đi với lời dặn "Hãy xem người ấy ngồi trên gì, ai ở bên phải người ấy, hãy xem dấu ấn sứ mạng" thấy Người ngồi trên đất, bên phải là Ali, dưới chân nước đang tuôn ra; khi sứ giả quên điều thứ ba, Người nói: "Hãy đến, hãy xem điều chủ của ngươi dặn", và cho ông xem dấu ấn; Heraclius nói: "Đây là người mà Isa con trai của Maryam đã báo tin mừng là sẽ cưỡi lạc đà; hãy đi theo người ấy."

Năm 7–9 H (628–630 CN)

NGUỒN Râvendî, el-Harâic ve'l-cerâih, c. 1, s. 104 (el-Bâbü'l-evvel fî mu'cizâti nebiyyinâ Muhammed)

## 949. Ở Khaybar, khi một người Do Thái đề nghị chỉ đường dẫn nước của pháo đài cuối...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Ở Khaybar, khi một người Do Thái đề nghị chỉ đường dẫn nước của pháo đài cuối cùng, nơi tập trung mọi của cải và lương thực, Người nói: "Biết đâu Allah sẽ tạo ra điều khác"; hôm sau, khi Người cưỡi la tiến về pháo đài, tên và đá trút xuống đều bay qua bên phải bên trái, không trúng Người cũng không trúng người Muslim; bức tường pháo đài mà Người đưa tay chỉ đã hạ thấp đến mức gần sát đất, và Người nói: "Hãy vào qua bức tường mà không cần vất vả."

Khaybar, năm 7 H (628 CN)

NGUỒN Râvendî, el-Harâic ve'l-cerâih, c. 1, s. 164-165 (el-Bâbü'l-evvel fî mu'cizâti nebiyyinâ Muhammed)

## 950. Trên đường đến Khaybar, kẻ thù ở phía sau, trước mặt là một thung lũng có dòng...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Trên đường đến Khaybar, kẻ thù ở phía sau, trước mặt là một thung lũng có dòng nước sâu ngập đầu người; các Sahabah nói: "Chúng ta sẽ bị bắt", Người nói "Không" và cầu xin; ngựa và lạc đà vượt qua dòng nước mà móng và gan bàn chân không ướt.

Chuyến hành quân Khaybar, năm 7 H (628 CN)

NGUỒN Râvendî, el-Harâic ve'l-cerâih, c. 3, s. 912 (el-Bâbü's-sâbi' aşer fi'l-muvâzât beyne mu'cizâti nebiyyinâ ve mu'cizâti'l-enbiyâ)

## 951. Khi đến Fadak, Người kêu gọi dân chúng đầu hàng và nói: "Chìa khóa các pháo đài..."

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Khi đến Fadak, Người kêu gọi dân chúng đầu hàng và nói: “Chìa khóa các pháo đài của các người đã được trao cho ta”, rồi lấy chìa khóa ra cho xem; người gác cổng đã giấu chìa khóa không tìm thấy chúng ở chỗ giấu và nói: “Đây không phải bùa phép, việc của người ấy thật lớn lao”, và dân chúng chấp nhận hòa ước.

Fadak, năm 7 H (628 CN)

NGUỒN İbn Şehrâşûb, Menâkıbü Âl-i Ebî Tâlib (Necef 1376/1956 baskısı), c. 1, s. 123 (fasl fîmâ zahara min mu'cizâtihî ba'de vefâtihî)

---

## 952. Khi trở về từ một cuộc chinh phạt và dừng lại ăn, Jibril đến cho Người cưỡi…

**Da'if (Yếu)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Khi trở về từ một cuộc chinh phạt và dừng lại ăn, Jibril đến cho Người cưỡi, mặt đất được cuộn lại cho Người như cuộn tấm áo, và Người đến Fadak; dân Fadak tưởng là kẻ thù nên khóa cổng và để chìa khóa lại cho một bà già ngoài thành; Jibril lấy chìa khóa mở cổng, Người đi qua các ngôi nhà rồi khóa cổng lại và cho chìa khóa vào bao gươm; cũng theo cách ấy Người trở về và thấy các Sahabah chưa tản đi, Người nói: “Ta đã đến Fadak, Allah đã ban nó cho ta làm fay'”, rồi cho xem chìa khóa và trao Fadak cho Fatimah (chương al-Hashr, câu 6–7).

Sau Khaybar, năm 7 H (628 CN)

NGUỒN Meclisî, Bihâru'l-envâr (Müessesetü'l-Vefâ), c. 17, s. 378-379 (ebvâbü mu'cizâtih, bâb 4: cemâdât ve nebâtâtın itaati ve konuşması)

---

## 953. Trong thư trả lời thư của Nabi ﷺ, Najashi Ashamah của Abyssinia thề nhân danh…

**Da'if (Yếu)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Trong thư trả lời thư của Nabi ﷺ, Najashi Ashamah của Abyssinia thề nhân danh Thượng Đế của trời đất rằng những lời Người nói về Isa là đúng, không thiếu không thừa một mảy may, làm chứng rằng Người là Thiên Sứ của Allah xác nhận các vị Nabi trước, cho biết ông đã tuyên thệ trung thành qua tay người anh em họ của Người (Ja'far) mà theo Islam, và gửi con trai mình đến.

Năm 7 H (628 CN)

NGUỒN N. İçel, Hz. Muhammed'in (sas) Mucizeleri -1 (2023), "Peygamberimiz Aleyhisselamın Mektuplarını Necaşi'nin Cevaplayışı" (kitabın dipnotu: Taberî, Tarih, c:3, s:89)

---

## 954. Heraclius thú nhận với Dihyah: “Chủ của ngươi là vị Nabi được Allah cử phái…”

**Da'if (Yếu)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Heraclius thú nhận với Dihyah: “Chủ của ngươi là vị Nabi được Allah cử phái; chúng ta đã thấy tên và đặc điểm của người ấy ghi trong kinh sách của mình; nếu ta không sợ người La Mã, ta đã đi theo người ấy”; trong thư trả lời gửi Thiên Sứ của Allah ﷺ, ông gọi Người là “Thiên Sứ của Allah mà Isa đã báo tin mừng” và nói “Chúng tôi thấy ngài được ghi trong Kinh Injil”, làm chứng cho sứ mạng Nabi của Người.

Đầu năm 7 H (628 CN)

NGUỒN N. İçel, Hz. Muhammed'in (sas) Mucizeleri -1 (2023), "Kayser'in İtirafları, Endişeleri ve Dıhye'yi Dagatır'a Gönderişi + Kayser Herakliyus'un Peygamberimiz Aleyhisselamın Mektubuna Cevap Yazışı" (kitabın dipnotu: Taberî, Târih, c:3. S:87-88; Diyarbekrî, Târîhu'l-hamîs, c:2, s:34; İbn Sa'd, Tabakâtü'l-kübrâ, c:1, s:276 / Taberî, Târih, c:3, s:88; Yâkubî, Târih, c:2, s:77)

---

## 955. Người nguyền rủa vua Ghassan al-Harith bin Abi Shamir, kẻ ném thư của Người…

**Da'if (Yếu)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người nguyền rủa vua Ghassan al-Harith bin Abi Shamir, kẻ ném thư của Người xuống đất và chuẩn bị tiến đánh Madinah: “Cầu cho vương quyền của hắn bị diệt vong”; al-Harith chết vào năm chinh phục Makkah, và vương quyền Ghassan chuyển sang Jabalah bin al-Ayham rồi chấm dứt nơi ông ta.

Lời nguyền: năm 7 H (628 CN); Ứng nghiệm: năm 8 H (629–630 CN) và sau đó

NGUỒN N. İçel, Hz. Muhammed'in (sas) Mucizeleri -2 (2023), "Hâris b. Ebi Şimr el-Gassanî'nin Aleyhinde Duası" (kitabın dipnotu: İbn Sa'd, Tabakât, c:1, s:258,261; Ebu'l-Fidâ, Nihâye, c.4, s.268; Diyarbekrî, Târîh, c.2, s.38, 39; Halebî, İnsânu'l-uyûn, c.3, s.305)

## 24 · Năm thứ 8 sau Hijrah (năm 629–630 CN): Mu'tah, cuộc chinh phục Makkah, Hunayn

### 956. Đất nhiều lần đẩy ra ngoài xác của Muhallim bin Jaththamah, kẻ đã giết một...

Hasan (Tốt) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Đất nhiều lần đẩy ra ngoài xác của Muhallim bin Jaththamah, kẻ đã giết một người vừa đọc lời chứng nhận đức tin.

Năm 8 H (629–630 CN)

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.3 s.463; 1000 Mucize no.977 (s.790); web: Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 22. fasıl; Questions on Islam, "The miracles occurring upon the prayer of the prophet Muhammad"; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 130; Kütüb-i Sitte: İbn Mâce 3930 [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 7175]

### 957. Ở Madinah, Người báo ngay vào lúc sự việc xảy ra rằng ở Mu'tah Zayd, Ja'far và...

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Ở Madinah, Người báo ngay vào lúc sự việc xảy ra rằng ở Mu'tah Zayd, Ja'far và Ibn Rawahah lần lượt hy sinh và Khalid đã cầm lá cờ.

Jumada al-Ula năm 8 H (629 CN)

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.3 s.512; 1000 Mucize no.146 (s.126); web: Buhârî, Menâkıb, Alâmâtü'n-nübüvve, no. 3630; A'zamî, el-Câmiu'l-Kâmil, Sîre, bâb 597; Said Nursî, Mektubat, 19. Mektup, 5. İşaret; Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 24. fasıl; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 431; ayrıca: İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî, s. 469; İbnü'l-Cevzî, el-Vefâ, s. 318; Elshinawy, The Prophecies of Prophet Muhammad (Yaqeen); Meclisî, Bihâru'l-envâr, c. 17, s. 296; c. 18, s. 131; Râvendî, el-Harâic, c. 1, s. 121; 166; İbn Şehrâşûb, Menâkıb, c. 1, s. 94-95; Tabersî, el-İhticâc, c. 1, s. 333; İbn Hamza et-Tûsî, es-Sâkıb, s. 101-102, hadis no. 94/3; ayrıca: N. İçel, Hz. Muhammed'in (sas) Mucizeleri -1 (2023), "Peygamberimiz Aleyhisselâmın Mu'te'de Kumandanların Nasıl Şehit Olduklarını Medine'de Müslümanlara Bildirişi" (kitabın dipnotu: İbn Sa'd, Tabakât, c:2, s:130; c:3,s:4,530; c:4, s:37-38; Taberî, Târih, c:3, s:109-110; Beyhakî, Delâil, c:4, s:368-369; Heysemî, Mecmau'z-zevâid, c:6, s:161); Kütüb-i Sitte: Buhârî, Cenâiz 4, Cihâd 7, 183, Menâkıb 25, Fedâili'l-Ashâb 25, 44; Nesâî, Cenâiz 27, (4, 26) [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 4272]

### 958. Người cho biết Ja'far được ban đôi cánh trên Thiên Đàng thay cho hai cánh tay bị chém đứt

Hasan (Tốt) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người cho biết Ja'far được ban đôi cánh trên Thiên Đàng thay cho hai cánh tay bị chém đứt.

Năm 8 H (629 CN)

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.3 s.512; web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 430; ayrıca: Râvendî, el-Harâic, c. 1, s. 166-167; ayrıca: N. İçel, Hz. Muhammed'in (sas) Mucizeleri -1 (2023), "Peygamberimiz Aleyhisselâmın Mu'te'de Kumandanların Nasıl Şehit Olduklarını Medine'de Müslümanlara Bildirişi" (kitabın dipnotu: İbn Sa'd, Tabakât, c:2, s:130; c:3,s:4,530; c:4, s:37-38; Taberî, Târih, c:3, s:109-110; Beyhakî, Delâil, c:4, s:368-369; Heysemî, Mecmau'z-zevâid, c:6, s:161); Kütüb-i Sitte: Tirmizî, Menâkıb, (3767) [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 4422, c./s. 12/488]

### 959. Trong chuyến hành quân Dhat as-Salasil, Người kể lại cho Awf bin Malik điều ông...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Trong chuyến hành quân Dhat as-Salasil, Người kể lại cho Awf bin Malik điều ông đã làm trong việc giết mổ lạc đà.

Năm 8 H (629 CN)

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.5 s.76; 1000 Mucize no.927 (s.763); web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 434

---

## 960. Trong toán quân Sif al-Bahr, biển đã ném lên bờ một con cá khổng lồ ('anbar)...

**Sahih (Xác thực)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Trong toán quân Sif al-Bahr, biển đã ném lên bờ một con cá khổng lồ ('anbar) cho toán quân đang đói, và 300 người ăn nó nhiều ngày.

Rajab năm 8 H (629 CN)

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.3 s.574; 1000 Mucize no.300 (s.278); web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 434; ayrıca: İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî, s. 429; Meclisî, Bihâru'l-envâr, c. 17, s. 255; Râvendî, el-Harâic, c. 3, s. 913; Kütüb-i Sitte: Buhârî, Müslim (Câbir) [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 3478, c./s. 10/276-278]

---

## 961. Người cho biết về bức thư bí mật Hatib bin Abi Balta'ah viết cho người Makkah...

**Sahih (Xác thực)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người cho biết về bức thư bí mật Hatib bin Abi Balta'ah viết cho người Makkah và nơi sẽ tìm thấy người phụ nữ mang thư (Rawdat Khakh).

Ramadan năm 8 H (630 CN)

NGUỒN 19. Mektup listesi (183.txt) no.25, 78, 100; 1000 Mucize no.148 (s.127), no.403 (s.393); web: Münkız es-Sakkār, Delâilü'n-nübüvve; İbn Hibbân, Sahîh, K. et-Târîh, bâbü'l-mu'cizât, no 6499; Said Nursî, Mektubat, 19. Mektup, 6. İşaret; Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 24. fasıl; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 435; ayrıca: İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî, s. 469; İbnü'l-Cevzî, el-Vefâ, s. 313; Meclisî, Bihâru'l-envâr, c. 18, s. 110-111; Râvendî, el-Harâic, c. 1, s. 60; c. 1, s. 161-162; ayrıca: N. İçel, Hz. Muhammed'in (sas) Mucizeleri -1 (2023), "Hâtıb'ın Kureyş Müşriklerine Harekât Durumunu Bir Yazı ile Bildirmeye Yeltenişi + Mektubun Kureyş Müşriklerine Bir Kadınla Gönderilişi + Hâtıb'ın Sorguya Çekilişi" (kitabın dipnotu: Vâkıdî, Megazi, c:2,s:797; / Vâkıdî, Megazi, c:2, s:797-798,860; Zemahşerî, Keşşaf, c:4, s:88; Diyarbekrî, Târîh, c:2, s:78; Belâzurî, Ensâbu'l-eşrâf, c:1, s:361 / Ahmed b. Hanbel, Müsned, c:1, s:79; Zemahşerî, Keşşaf, c:4, s:88; Vâkıdî, Megâzî, c:2, s:797-798,801; Hâkim, Müstedrek, c:3, s:301-302; Taberî, Tefsfr, c:28, s:60; Buhârî, Sahih, c:5, s:89, / Mümtahine:1-5); Kütüb-i Sitte: Buhârî, Megâzî 9, Cihâd 141, 195, Tefsir, Mümtehine 1, İsti'zân 23, İstitâbe 9; Müslim, Fedâilu's-Sahâbe 161; Ebu Dâvud, Cihâd 108, (2650, 2651); Tirmizî, Tefsir, Mümtahine, (3302) [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 4276, c./s. 12/223-224]

---

## 962. Trong cuộc chinh phục Makkah, 360 tượng thần quanh Ka'bah lần lượt đổ xuống khi...

**Hasan (Tốt)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Trong cuộc chinh phục Makkah, 360 tượng thần quanh Ka'bah lần lượt đổ xuống khi Người dùng cây gậy trong tay chỉ vào.

Ramadan năm 8 H (tháng 1 năm 630)

NGUỒN 19. Mektup listesi (183.txt) no.170; 1000 Mucize no.92 (s.67); web: İbn Hibbân, Sahîh, K. et-Târîh, bâbü'l-mu'cizât, no 6522; Said Nursî, Mektubat, 19. Mektup, 11. İşaret, 7. misal; Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 18. fasıl; Questions on Islam, "The Miracles concerning mountains, rocks and lifeless creatures"; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 437; c. 2, s. 307); ayrıca: İbn Şehrâşûb, Menâkıb, c. 1, s. 104; İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî, s. 139, 414; İbnü'l-Cevzî, el-Vefâ, s. 307; Meclisî, Bihâru'l-envâr, c. 17, s. 279; c. 17, s. 382; Râvendî, el-Harâic, c. 1, s. 97; ayrıca: N. İçel, Hz. Muhammed'in (sas) Mucizeleri -2 (2023), "Kâ'be Çevresindeki Putların Yıktırılışı" (kitabın dipnotu: Ezrakî, Ahbâru

Mekke, c:1, s:120-121, 212; Kastalânî, Mevâhibü'l-ledünniye, c:1, s:204); Kütüb-i Sitte: Buhârî, Megâzî 48, Mezâlim 32, Tefsir, Beni İsrail 12; Müslim, Cihâd 87, (1781); Tirmizî, Tefsir, Beni İsrâil, (3137) [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 4282, c./s. 12/230-231]

---

## 963. Vào ngày chinh phục Makkah, khi Bilal đọc Azan, Người nói ra cho các thủ lĩnh...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Vào ngày chinh phục Makkah, khi Bilal đọc Azan, Người nói ra cho các thủ lĩnh Quraish biết những lời họ thì thầm với nhau.

Ramadan năm 8 H (tháng 1 năm 630)

NGUỒN 19. Mektup listesi (183.txt) no.102; web: Said Nursî, Mektubat, 19. Mektup, 6. İşaret; Questions on Islam, "His Information related to the Future Turn out True"; ayrıca: Râvendî, el-Harâic, c. 1, s. 97-98; 163-164; İbnü'l-Cevzî, el-Vefâ, s. 333; ayrıca: N. İçel, Hz. Muhammed'in (sas) Mucizeleri -1 (2023), "(başlıksız bölüm: Bilâl-i Habeşî'nin Kâ'be üzerinde ezan okuması)" (kitabın dipnotu: Ezrakî, Ahbâr, c:1, s:274-275; İbn İshak-İbn Hişam, Sîre, c.4, s:56; Hindî , Kenzu'l-ummâl, c:10, s:536; Süheylî, Ravdu'l-ünüf, c:7, s:137)

---

## 964. Người nói ra điều Fadalah bin Umayr nghĩ trong lòng khi hắn định giết Người lúc...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người nói ra điều Fadalah bin Umayr nghĩ trong lòng khi hắn định giết Người lúc đi Tawaf; khi Người đặt tay lên ngực hắn, lòng hắn thay đổi.

Ramadan năm 8 H (tháng 1 năm 630)

NGUỒN 19. Mektup listesi (183.txt) no.48; 1000 Mucize no.340 (s.325); web: Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 25. fasıl; Questions on Islam, "He is Protected from his Enemies"; ayrıca: N. İçel, Hz. Muhammed'in (sas) Mucizeleri -1 (2023), "Fadâle'nin Kötü Niyetini Değiştiren ve İmanını Berkiştiren Bir Hadise" (kitabın dipnotu: İbn İshak-İbn Hişam, c:4, s:59)

---

## 965. Ở Hunayn, Người ném một nắm sỏi/ đất và nói: "Cầu cho mặt chúng bị bôi nhọ", mắt...

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Ở Hunayn, Người ném một nắm sỏi/đất và nói: "Cầu cho mặt chúng bị bôi nhọ", mắt kẻ thù đầy bụi và chúng tan vỡ.

Shawwal năm 8 H (630 CN)

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.4 s.39; 19. Mektup listesi (183.txt) no.44, 171; 1000 Mucize no.116 (s.92), no.129 (s.105); web: Mişkâtü'l-Mesâbîh, Fezâil, bâbün fi'l-mu'cizât, no. 5888, 5891; İbn Hibbân, Sahîh, K. et-Târîh, bâbü'l-mu'cizât, no 6520; Said Nursî, Mektubat, 19. Mektup, 12. İşaret, 1. misal; Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 23. fasıl; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 445; ayrıca: İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî, s. 138; İbn Hamza et-Tûsî, es-Sâkıb, s. 113-114, hadis no. 110/13; ayrıca: N. İçel, Hz. Muhammed'in (sas) Mucizeleri -2 (2023), "Peygamberimiz Aleyhisselâmın Huneyn'de Yüce Allah'a Dua Edişi ve Müşriklerin Bozguna Uğrayışı" (kitabın dipnotu: Müslim, Sahih, c:3, s:1398-1399,1401-1402; Vâkıdî, Megâzî, c:3, s:905-906; Halebî, İnsân, c:3, s:69; Beyhakî, Delâil, c:5, s:146; Taberî, Tarih,c:3, s:129); Kütüb-i Sitte: Müslim, Cihâd 76, 81 (1775, 1777)

---

## 966. Ở Hunayn, các Thiên Thần xuống và Người được trợ giúp bằng những đạo quân vô hình

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Ở Hunayn, các Thiên Thần xuống và Người được trợ giúp bằng những đạo quân vô hình.

Shawwal năm 8 H (630 CN)

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.4 s.9, 39; web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 446; ayrıca: İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî, s. 451; ayrıca: N. İçel, Hz. Muhammed'in (sas) Mucizeleri -2 (2023), "Peygamberimiz Aleyhisselâmın Huneyn'de Yüce Allah'a Dua Edişi ve Müşriklerin Bozguna Uğrayışı" (kitabın dipnotu: Müslim, Sahih, c:3, s:1398-1399,1401-1402; Vâkıdî, Megâzî, c:3, s:905-906; Halebî, İnsân, c:3, s:69; Beyhakî, Delâil, c:5, s:146; Taberî, Tarih,c:3, s:129)

---

## 967. Ở Hunayn, khi Shaybah bin Uthman đến để giết Người, Người đặt tay lên ngực hắn...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Ở Hunayn, khi Shaybah bin Uthman đến để giết Người, Người đặt tay lên ngực hắn và cầu xin, tim hắn tràn đầy đức tin.

Shawwal năm 8 H (630 CN)

NGUỒN 19. Mektup listesi (183.txt) no.47; 1000 Mucize no.293 (s.271), no.409 (s.399); web: Ebû Nuaym el-İsfahânî, Delâilü'n-nübüvve, 13. fasıl, no. 144; Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 25. fasıl; Questions on Islam, "He is Protected from his Enemies"; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 448; ayrıca: İbnü'l-Cevzî, el-Vefâ, s. 333; Meclisî, Bihâru'l-envâr, c. 18, s. 61; Râvendî, el-Harâic, c. 1, s. 117-118; İbn Şehrâşûb, Menâkıb, c. 1, s. 64-65; ayrıca: N. İçel, Hz. Muhammed'in (sas) Mucizeleri -2 (2023), "Şeybe b. Osman'ın Peygamberimiz Aleyhisselâma Suikaste Kalkışı ve Müslüman Oluşu" (kitabın dipnotu: Vâkıdî, Megâzî, c:3, s:909-910; Halebî, İnsânu'l-uyûn, c:3, s:71; Beyhakî, Delâil, c:5, s:146; İbn Kayyım, Zâdu'l-mead, c: 2, s:208)

---

## 968. Trên đường đi Ta'if, Người cho biết về mộ của Abu Righal và cành vàng chôn cùng...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Trên đường đi Ta'if, Người cho biết về mộ của Abu Righal và cành vàng chôn cùng hắn; khi đào lên, nó hiện ra.

Shawwal năm 8 H (630 CN)

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.5 s.65; İbn Kesîr s.144; web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 452; ayrıca: İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî, s. 244; İbnü'l-Cevzî, el-Vefâ, s. 319; ayrıca: N. İçel, Hz. Muhammed'in (sas) Mucizeleri -1 (2023), "Ebu Rigal ve Onun Kabrinden Çıkarılan Altın Dal" (kitabın dipnotu: Suyûtî, Hasâis, c:2, s:98-99; Zürkânî, Mevâhib, c:3, s:30; Firuzâbadi, Kâmüs, c:3, s:396-397; Vâkıdî, Megâzî, c:3, s:1007-1008; Yakut, c:3, s:53; İbn Kuteybe, Maarif, s.41); Kütüb-i Sitte: Ebu Davud, Harac 41, (3088) [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 5986, c./s. 16/470-471]

---

## 969. Người kể lại cho Uyaynah bin Hisn những lời hắn đã lén nói với người Thaqif và...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người kể lại cho Uyaynah bin Hisn những lời hắn đã lén nói với người Thaqif và lời nói dối của hắn.

Shawwal năm 8 H (630 CN)

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.4 s.68; 1000 Mucize no.411 (s.401); web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 451; ayrıca: Râvendî, el-Harâic, c. 1, s. 118-119

---

## 970. Lời cầu xin "Lạy Allah, xin hãy hướng dẫn Thaqif và đưa họ đến với chúng con"...

Hasan (Tốt) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Lời cầu xin "Lạy Allah, xin hãy hướng dẫn Thaqif và đưa họ đến với chúng con"; năm sau họ đến cùng phái đoàn và theo Islam.

Lời cầu xin: năm 8 H; Ứng nghiệm: năm 9 H (630–631 CN)

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.4 s.69, 231; 1000 Mucize no.166 (s.145), no.968 (s.784); web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 451; Kütüb-i Sitte: Tirmizî, Menakıb, (3937) [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 4542, c./s. 13/105]

## 971. Ở al-Ji'ranah, khi Người chia chiến lợi phẩm Hunayn, Dhul-Khuwaysirah nói: “Hãy...”

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Ở al-Ji'ranah, khi Người chia chiến lợi phẩm Hunayn, Dhul-Khuwaysirah nói: “Hãy công bằng”; Người báo rằng từ dòng dõi hắn sẽ xuất hiện một nhóm người (phái Khawarij) rời khỏi tôn giáo như mũi tên rời khỏi cung, và cho biết về người đàn ông bị tật ở tay trong số họ.

Lời tiên tri: năm 8 H (630 CN); Ứng nghiệm: năm 37–38 H (657–658 CN)

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.4 s.90; web: Buhârî, Menâkıb, Alâmâtü'n-nübüvve, no. 3610; Münkız es-Sakkār, Delâilü'n-nübüvve; A'zamî, el-Câmiu'l-Kâmil, Sîre, bâb 605; Said Nursî, Mektubat, 19. Mektup, 5. İşaret; ayrıca: İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî, s. 297-298; İbnü'l-Cevzî, el-Vefâ, s. 316; Meclisî, Bihâru'l-envâr, c. 18, s. 113, 123-124; Kütüb-i Sitte: Buhârî, Humus 16; Müslim, Zekât 142, (1063); Müslim, Zekat 156, (1066) [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 4818, c./s. 13/496; no. 4813, c./s. 13/488-489]

## 972. Sau cuộc chinh phục Makkah, Khalid bin al-Walid, người được cử đi phá al-Uzza...

Hasan (Tốt) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Sau cuộc chinh phục Makkah, Khalid bin al-Walid, người được cử đi phá al-Uzza, chặt ba cái cây, phá công trình rồi trở về; Người nói: “Hãy quay lại, ngươi chưa làm gì cả”; khi quay lại, Khalid gặp một người phụ nữ trần truồng tóc rối bời và dùng gươm giết bà ta; Người nói: “Chính đó là al-Uzza.”

Sau cuộc chinh phục Makkah, năm 8 H (630 CN)

NGUỒN 1000 Mucize no.157 (s.137); web: Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 27. fasıl; Questions on Islam, "Miracles concerning Angels and Jinn"; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 440; Kütüb-i Sitte: Nesâî, es-Sünenü'l-kübrâ (Ebü't-Tufeyl)

## 973. Người từ chối đề nghị chia sẻ quyền lực của Hawdhah bin Ali, người cai trị...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người từ chối đề nghị chia sẻ quyền lực của Hawdhah bin Ali, người cai trị Yamamah mà Người gửi thư qua Salit bin Amr; trên đường từ cuộc chinh phục trở về, khi biết từ Jibril rằng Hawdhah đã chết, Người nói: “Ở Yamamah sẽ xuất hiện một kẻ nói dối tự xưng là Nabi, và hắn sẽ bị giết sau ta.”

Lời tiên tri: trên đường từ cuộc chinh phục Makkah về, năm 8 H (630 CN); Ứng nghiệm: trận Yamamah, khoảng năm 11–12 H (632–633 CN)

NGUỒN 1000 Mucize no.192 (s.172)

## 974. Khi một người hỏi ai sẽ giết vị Nabi giả xuất hiện ở Yamamah, Người đáp: “Ngươi...”

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Khi một người hỏi ai sẽ giết vị Nabi giả xuất hiện ở Yamamah, Người đáp: “Ngươi và các bạn ngươi.”

Lời tiên tri: trên đường từ cuộc chinh phục Makkah về, năm 8 H (630 CN); Ứng nghiệm: trận Yamamah, khoảng năm 11–12 H (632–633 CN)

NGUỒN 1000 Mucize no.193 (s.172)

## 975. Người đặt tay lên má đang đau của Abdullah bin Rawahah, người than đau răng dữ...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người đặt tay lên má đang đau của Abdullah bin Rawahah, người than đau răng dữ dội, và cầu xin bảy lần: “Lạy Allah, nhờ lời cầu xin của vị Nabi được ban phúc, xin hãy lấy đi cơn đau của ông ấy”, và cơn đau lập tức biến mất.

Thời kỳ Madinah, trước Mu'tah (năm 8 H / 629 CN)

NGUỒN 1000 Mucize no.323 (s.300); web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 117

## 976. Ở Hunayn, khi người Muslim tan vỡ, con vật Người cưỡi (Duldul) hiểu lời Người...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Ở Hunayn, khi người Muslim tan vỡ, con vật Người cưỡi (Duldul) hiểu lời Người và quỳ xuống thấp đến mức bụng chạm đất; Người bốc một nắm đất ném vào mặt kẻ thù và nói: “Ha-Mim, chúng sẽ không được giúp đỡ”, và kẻ thù tan vỡ trước khi một mũi tên được bắn ra.

Hunayn, năm 8 H (630 CN)

NGUỒN 1000 Mucize no.331 (s.307), no.876 (s.734); web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 449; ayrıca: İbnü'l-Cevzî, el-Vefâ, s. 306; ayrıca: N. İçel, Hz. Muhammed'in (sas) Mucizeleri -2 (2023), "Peygamberimiz Aleyhisselâmın Huneyn'de Yüce Allah'a Dua Edişi ve Müşriklerin Bozguna Uğrayışı" (kitabın dipnotu: Müslim, Sahih, c:3, s:1398-1399,1401-1402; Vâkıdî, Megâzî, c:3, s:905-906; Halebî, İnsân, c:3, s:69; Beyhakî, Delâil, c:5, s:146; Taberî, Tarih,c:3, s:129)

## 977. Khi tù binh Hawazin được trả lại, Người cầu xin cho người đàn ông duy nhất...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Khi tù binh Hawazin được trả lại, Người cầu xin cho người đàn ông duy nhất không chịu từ bỏ phần của mình: “Lạy Allah, xin làm cùn mũi tên của hắn”; người ấy bỏ qua những nữ tỳ trẻ, còn trinh, mà chọn một bà già không ai muốn, và cuối cùng cũng bỏ luôn bà ta.

Trả lại tù binh Hawazin sau Hunayn, năm 8 H (630 CN)

NGUỒN 1000 Mucize no.348 (s.335); web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 450; ayrıca: Meclisî, Bihâru'l-envâr, c. 18, s. 16-17; İbn Şehrâşûb, Menâkıb, c. 1, s. 73

## 978. Vào ngày Jumu'ah, lời Người nói từ bục giảng “Hãy ngồi xuống” được Abdullah bin...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Vào ngày Jumu'ah, lời Người nói từ bục giảng “Hãy ngồi xuống” được Abdullah bin Rawahah nghe thấy dù ông đang ở khu Banu Ghanm, và ông ngồi xuống ngay tại chỗ.

Thời kỳ Madinah (trước khi Ibn Rawahah tử vì đạo, trước năm 8 H)

NGUỒN 1000 Mucize no.363 (s.349); web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 113

## 979. Đêm chinh phục Makkah, Abu Sufyan thấy cảnh hô Takbir và Tawaf, khi ở riêng với...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Đêm chinh phục Makkah, Abu Sufyan thấy cảnh hô Takbir và Tawaf, khi ở riêng với vợ là Hind đã nói: “Bà nghĩ việc này có phải từ Allah không?”; sáng hôm sau Người nói lại đúng lời ấy với ông và bảo: “Phải, nó từ Allah” (theo lời thuật của Ibn Abbas, việc này xảy ra lúc Tawaf, Người kể lại điều giữa ông và Hind).

Chinh phục Makkah, năm 8 H (630 CN)

NGUỒN 1000 Mucize no.404 (s.395); web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 441; ayrıca: İbn Şehrâşûb, Menâkıb, c. 1, s. 113; İbnü'l-Cevzî, el-Vefâ, s. 317; Meclisî, Bihâru'l-envâr, c. 18, s. 140; ayrıca: N. İçel, Hz. Muhammed'in (sas) Mucizeleri -1 (2023), "Mücahidlerin Fetih Gecesini Zikir ve İbadetle Geçirmeleri" (kitabın dipnotu: Zürkânî, Mevâhibü'l-ledünniye Şerhi, c:2, s:320)

## 980. Người biết Abu Sufyan, đang ngồi trong masjid, nghĩ thầm: "Ta không hiểu..."

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người biết Abu Sufyan, đang ngồi trong masjid, nghĩ thầm: "Ta không hiểu Muhammad đã thắng chúng ta bằng cách nào", liền vỗ vào ngực ông và nói: "Người ấy thắng nhờ sự giúp đỡ của Allah", và Abu Sufyan đọc lời chứng nhận đức tin.

Sau cuộc chinh phục Makkah, khoảng năm 8 H (630 CN)

NGUỒN 1000 Mucize no.405 (PDF s.399)

## 981. Sau cuộc chinh phục Makkah, Người biết Abu Sufyan bin Harb nghĩ thầm: "Hay là..."

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Sau cuộc chinh phục Makkah, Người biết Abu Sufyan bin Harb nghĩ thầm: "Hay là ta lại tập hợp người chống Muhammad", liền vỗ vào vai ông (theo lời thuật khác là vào ngực) và nói: "Khi đó Allah sẽ làm nhục ngươi."

Sau cuộc chinh phục Makkah, năm 8 H (630 CN)

NGUỒN 1000 Mucize no.406 (s.397); web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 441; ayrıca: Râvendî, el-Harâic, c. 1, s. 163; İbn Şehrâşûb, Menâkıb, c. 1, s. 108; ayrıca: N. İçel, Hz. Muhammed'in (sas) Mucizeleri -1 (2023), "Ebu Süfyan b. Harb'in İçinden Geçirdiği Bir Kuruntudan Dolayı Uyarılışı" (kitabın dipnotu: Suyûtî, Hasâisü'l-kübrâ, c:2, s:85)

## 982. Khi Quraish phá hòa ước bằng cách giúp Banu Bakr chống lại Khuza'ah, Người nói...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Khi Quraish phá hòa ước bằng cách giúp Banu Bakr chống lại Khuza'ah, Người nói: "Abu Sufyan sẽ đến với các ngươi để gia hạn hòa ước và kéo dài thời hạn, rồi sẽ trở về tay không và giận dữ"; Abu Sufyan đến Madinah và trở về sau khi lời xin của ông bị từ chối.

Lời tiên tri: trước cuộc chinh phục Makkah, năm 8 H (630 CN); Ứng nghiệm: ít lâu sau, cùng năm

NGUỒN 1000 Mucize no.407 (s.398)

## 983. Trên đường đi chinh phục Makkah, tại Marr az-Zahran, Người nói: "Abu Sufyan lúc..."

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Trên đường đi chinh phục Makkah, tại Marr az-Zahran, Người nói: "Abu Sufyan lúc này đang ở al-Arak, hãy bắt hắn mang về", và Abu Sufyan được tìm thấy ở đó và mang về.

Chinh phục Makkah, năm 8 H (630 CN)

NGUỒN 1000 Mucize no.408 (s.398)

## 984. Người cảnh báo Amr bin al-Fagwa' al-Khuza'i, người được giao mang tiền đến Abu...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người cảnh báo Amr bin al-Fagwa' al-Khuza'i, người được giao mang tiền đến Abu Sufyan để chia cho Quraish, về người bạn đồng hành Amr bin Umayyah ad-Damri: “Khi đến đất của dân hắn, hãy đề phòng hắn”; tại al-Abwa', Amr bin Umayyah cùng người của dân hắn chặn đường ông, và nhờ đề phòng mà ông thoát nạn.

Theo văn bản là sau cuộc chinh phục Makkah, khoảng năm 8 H (630 CN)

NGUỒN 1000 Mucize no.915 (s.755); web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 181; Kütüb-i Sitte: Ebu Davud, Edeb 34, (4861) [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 5958, c./s. 16/435]

---

## 985. Qadr bin Ammar thuộc bộ tộc Sulaym theo Islam và hứa mang một nghìn kỵ sĩ của...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Qadr bin Ammar thuộc bộ tộc Sulaym theo Islam và hứa mang một nghìn kỵ sĩ của dân mình đến; vì sợ Banu Kinanah tập kích nên ông để lại một trăm người ở quê; Người nói: “Hãy đưa cả họ đến, năm nay sẽ không có điều gì các ngươi không ưa”, và một trăm kỵ sĩ đã đến tham gia.

Thời kỳ Madinah, khoảng năm 8 H (630 CN)

NGUỒN 1000 Mucize no.929 (s.764); web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 32, Benî Süleym heyeti bâbı

---

## 986. Trong cuộc chinh phục Makkah, dù Người đã đóng quân ở Marr az-Zahran với đạo...

Hasan (Tốt) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Trong cuộc chinh phục Makkah, dù Người đã đóng quân ở Marr az-Zahran với đạo quân mười nghìn người, tin tức về việc Người đến vẫn không hề đến tai người Makkah, và họ không biết phải làm gì.

Chinh phục Makkah, năm 8 H (630 CN)

NGUỒN 1000 Mucize no.933 (s.768); web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 436

---

## 987. Trong cuộc chinh phạt Hunayn cũng đã xảy ra một phép màu tương tự là hai cái...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Trong cuộc chinh phạt Hunayn cũng đã xảy ra một phép màu tương tự là hai cái cây theo lệnh Người nhập lại làm bức che cho Người (do Ibn Mas'ud thuật lại).

Cuộc chinh phạt Hunayn, Shawwal năm 8 H (630 CN)

NGUỒN Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 16. fasıl (ağaçların konuşması ve itaati)

---

## 988. Abbas bin Mirdas đang kinh ngạc vì tượng thần Dimar của mình cất tiếng đọc một...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Abbas bin Mirdas đang kinh ngạc vì tượng thần Dimar của mình cất tiếng đọc một bài thơ nhắc đến Nabi ﷺ, thì một con chim đậu xuống nói: “Hỡi Abbas, ngươi kinh ngạc vì Dimar biết nói mà không kinh ngạc về chính mình sao? Thiên Sứ của Allah đang kêu gọi đến với Islam, còn ngươi thì ngồi yên”; đây là nguyên nhân ông theo Islam.

Ít lâu trước cuộc chinh phục Makkah, năm 8 H (629–630 CN)

NGUỒN Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 19. fasıl (hayvanlar)

---

## 989. Vào ngày chinh phục Makkah, những con bồ câu Makkah

## che bóng cho Người; Người cầu xin phúc lành cho chúng

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Vào ngày chinh phục Makkah, những con bồ câu Makkah che bóng cho Người; Người cầu xin phúc lành cho chúng.

Chinh phục Makkah, Ramadan năm 8 H (tháng 1 năm 630)

NGUỒN Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 19. fasıl (hayvanlar)

---

## 990. Vào ngày Hunayn, Người lau máu trên mặt A'idh bin Amr bị thương và cầu xin...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Vào ngày Hunayn, Người lau máu trên mặt A'idh bin Amr bị thương và cầu xin; trên mặt ông hiện ra một vệt sáng như đốm trắng trên trán ngựa (ghurrah).

Hunayn, Shawwal năm 8 H (630 CN)

NGUỒN Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 23. fasıl (kerâmât, berekât, dokunduğu şeylerin dönüşmesi)

---

## 991. Trước khi Amr bin al-As đến, Người nói: "Đêm nay sẽ có một người di cư khôn..."

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Trước khi Amr bin al-As đến, Người nói: "Đêm nay sẽ có một người di cư khôn ngoan đến với các ngươi", và đêm đó Amr bin al-As đến trong tư cách một người Muslim.

Safar năm 8 H (629 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 31, Amr b. Âs'ın gelişi bâbı

---

## 992. Sau cuộc tập kích của Ghalib bin Abdullah al-Laythi vào Banu al-Mulawwih ở...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Sau cuộc tập kích của Ghalib bin Abdullah al-Laythi vào Banu al-Mulawwih ở al-Kadid, khi kẻ thù truy đuổi, dù không mưa không mây, một dòng lũ tràn đầy hai bờ thung lũng đã đến chắn giữa kẻ thù và toán quân; trong lúc kẻ thù đứng nhìn sững sờ, toán quân thoát đi cùng chiến lợi phẩm.

Toán quân của Ghalib al-Laythi, Safar năm 8 H (629 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 428 (Gâlib el-Leysî seriyyesi)

---

## 993. Khi cử quân đi Mu'tah, người Do Thái an-Nu'man nghe Người nói: "Nếu Zayd hy...

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Khi cử quân đi Mu'tah, người Do Thái an-Nu'man nghe Người nói: "Nếu Zayd hy sinh thì Ja'far, nếu ông ấy cũng hy sinh thì Abdullah bin Rawahah", liền nói: "Nếu người ấy là Nabi thì tất cả những người được kể tên đều sẽ chết; khi con cháu Israel kể tên như vậy, việc đều xảy ra như thế"; và cả ba lần lượt hy sinh.

Mu'tah, Jumada al-Ula năm 8 H (629 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 430 (Mûte gazvesindeki mucizeler)

## 994. Khi Asma' bint Umays ở gần, Người đáp lời chào rồi nói: “Hỡi Asma', đây là...”

Hasan (Tốt) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Khi Asma' bint Umays ở gần, Người đáp lời chào rồi nói: “Hỡi Asma', đây là Ja'far; ông ấy đi ngang cùng Jibril, Mika'il và Israfil và đã chào; ông ấy kể với ta rằng ở Mu'tah ông bị bảy mươi ba vết thương, và khi hai tay bị chém đứt, Allah đã ban cho ông đôi cánh.”

Sau Mu'tah, năm 8 H (629 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 432 (Mûte gazvesindeki mucizeler)

## 995. Khi Amr bin Salim thuộc Khuza'ah đến cầu viện, về đám mây hiện ra trên trời...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Khi Amr bin Salim thuộc Khuza'ah đến cầu viện, về đám mây hiện ra trên trời, Người nói: “Đám mây này báo tin mừng chiến thắng của Banu Ka'b (Khuza'ah)”, và sau đó Makkah được chinh phục.

Trước cuộc chinh phục Makkah, năm 8 H (630 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 435 (Mekke fethindeki mucizeler ve hasâis)

## 996. Abu Bakr mơ thấy khi họ đến gần Makkah, một con chó cái sủa lao ra rồi nằm ngửa...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Abu Bakr mơ thấy khi họ đến gần Makkah, một con chó cái sủa lao ra rồi nằm ngửa và sữa chảy ra; Người giải: “Tính chó của chúng đã hết, sữa (điều tốt) của chúng đã đến; chúng sẽ van xin các ngươi nhân danh tình họ hàng”, và khi chinh phục đã xảy ra đúng như vậy.

Chinh phục Makkah, Ramadan năm 8 H (630 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 436 (Mekke fethindeki mucizeler ve hasâis)

## 997. Vào ngày chinh phục, Người biết qua mặc khải lời người Ansar nói với nhau...

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Vào ngày chinh phục, Người biết qua mặc khải lời người Ansar nói với nhau: “Người này đã bị tình yêu quê hương và lòng thương dân mình níu giữ”, rồi nói lại đúng lời ấy với họ và nói: “Sự sống của ta là sự sống của các ngươi, cái chết của ta là cái chết của các ngươi.”

Chinh phục Makkah, Ramadan năm 8 H (630 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 437 (Mekke fethindeki mucizeler ve hasâis)

## 998. Đêm đến gần Makkah để chinh phục, Người nói: “Ở Makkah có bốn người Quraish mà...”

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Đêm đến gần Makkah để chinh phục, Người nói: “Ở Makkah có bốn người Quraish mà ta coi là đứng ngoài sự đa thần và mong họ vào Islam: Attab bin Asid, Jubayr bin Mut'im, Hakim bin Hizam và Suhayl bin Amr”, và cả bốn đều đã theo Islam.

Chinh phục Makkah, Ramadan năm 8 H (630 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 438 (Mekke fethindeki mucizeler ve hasâis)

## 999. Vào ngày chinh phục, Người cho gọi Utbah và Mu'attib, con trai của Abu Lahab...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Vào ngày chinh phục, Người cho gọi Utbah và Mu'attib, con trai của Abu Lahab, mời họ theo Islam; khi họ theo Islam, Người cầu xin cho họ ở Multazam và vui mừng nói: "Ta đã xin Thượng Đế của ta hai người anh em họ này, và Ngài đã ban họ cho ta."

Chinh phục Makkah, Ramadan năm 8 H (630 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 439 (Mekke fethindeki mucizeler ve hasâis)

## 1000. Khi Makkah được chinh phục, Người cho biết Iblis đã gào thét, tập hợp con cháu...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Khi Makkah được chinh phục, Người cho biết Iblis đã gào thét, tập hợp con cháu hắn và nói: "Từ nay về sau hãy tuyệt vọng việc đưa Ummah của Muhammad trở lại đa thần."

Chinh phục Makkah, Ramadan năm 8 H (630 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 439 (Mekke fethindeki mucizeler ve hasâis)

## 1001. Vào ngày chinh phục, một người phụ nữ da đen tóc bạc cào mặt kêu gào đi đến...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Vào ngày chinh phục, một người phụ nữ da đen tóc bạc cào mặt kêu gào đi đến; Người nói: "Đây là Na'ilah; mụ đã tuyệt vọng việc được thờ lại trên đất này của các ngươi."

Chinh phục Makkah, Ramadan năm 8 H (630 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 439 (Mekke fethindeki mucizeler ve hasâis)

## 1002. Vào ngày chinh phục, Người nói: "Từ nay về sau cho đến Ngày Tận Thế, Makkah sẽ..."

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Vào ngày chinh phục, Người nói: "Từ nay về sau cho đến Ngày Tận Thế, Makkah sẽ không còn bị đánh chiếm (như đất của vô đức tin)."

Lời tiên tri: chinh phục Makkah, năm 8 H (630 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 439 (Mekke fethindeki mucizeler ve hasâis)

## 1003. Vào ngày chinh phục, Người nói: "Từ nay về sau cho đến Ngày Tận Thế, sẽ không..."

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Vào ngày chinh phục, Người nói: "Từ nay về sau cho đến Ngày Tận Thế, sẽ không có người Quraish nào bị trói mà giết"; theo al-Bayhaqi, đây là lời báo rằng toàn thể Quraish sẽ theo Islam và không ai bị giết trong tình trạng vô đức tin.

Lời tiên tri: chinh phục Makkah, năm 8 H (630 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 440 (Mekke fethindeki mucizeler ve hasâis)

## 1004. Vào ngày chinh phục Makkah, một làn khói bao phủ khắp nơi (được liên hệ với câu...)

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Vào ngày chinh phục Makkah, một làn khói bao phủ khắp nơi (được liên hệ với câu 10 chương ad-Dukhan).

Chinh phục Makkah, Ramadan năm 8 H (630 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 440 (Mekke fethindeki mucizeler ve hasâis)

## 1005. Khi Sa'd bin Zayd al-Ashhali được cử đi phá tượng thần Manat ở al-Mushallal...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Khi Sa'd bin Zayd al-Ashhali được cử đi phá tượng thần Manat ở al-Mushallal, một người phụ nữ da đen trần truồng, tóc rối bời, kêu gào lao ra trước mặt ông; Sa'd giết bà ta và phá tượng thần.

Sau cuộc chinh phục Makkah, Ramadan năm 8 H (630 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 441 (Mekke fethindeki mucizeler ve hasâis)

## 1006. Người trả lời từng câu hỏi của Khuzaymah bin Hakim as-Sulami về nguyên nhân của...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người trả lời từng câu hỏi của Khuzaymah bin Hakim as-Sulami về nguyên nhân của ngày và đêm, về việc nước mùa đông thì ấm mùa hè thì mát, về mây, về tinh dịch của nam và nữ, về chỗ của linh hồn trong thân thể, về cách bào thai được nuôi dưỡng và về nguồn gốc của châu chấu.

Những ngày chinh phục Makkah, năm 8 H (630 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 443 (Gece ile gündüzün sebebi, bulutun çıkış yeri ve nefsin bedendeki yeri)

## 1007. Một đêm trước Hunayn, ba gián điệp do Malik bin Awf cử đi trở về với các khớp...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Một đêm trước Hunayn, ba gián điệp do Malik bin Awf cử đi trở về với các khớp xương rã rời, nói: “Chúng tôi thấy những người da trắng cưỡi ngựa khoang; chúng tôi không thể tự chủ.”

Hunayn, Shawwal năm 8 H (630 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 447 (Huneyn gazvesindeki mucizeler)

## 1008. Nudayr bin al-Harith, người tham gia Hunayn khi chưa theo Islam và định tấn...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Nudayr bin al-Harith, người tham gia Hunayn khi chưa theo Islam và định tấn công Người nếu có cơ hội, về sau khi gặp Người ở al-Ji'ranah thì thấy ý định của mình đã được báo cho Người, và nhờ lời cầu xin của Người mà đức tin của ông vững vàng.

Hunayn – al-Ji'ranah, năm 8 H (630 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 447 (Huneyn gazvesindeki mucizeler)

## 1009. Ở Hunayn, Khalid bin al-Walid bị thương; Người nhổ nước bọt vào vết thương và...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Ở Hunayn, Khalid bin al-Walid bị thương; Người nhổ nước bọt vào vết thương và nó lành ngay.

Hunayn, Shawwal năm 8 H (630 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 450 (Huneyn gazvesindeki mucizeler)

## 1010. Trong cuộc vây hãm Ta'if, Abu Sufyan bin Harb bị tên bắn lòi mắt; Người nói...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Trong cuộc vây hãm Ta'if, Abu Sufyan bin Harb bị tên bắn lòi mắt; Người nói: "Nếu ngươi muốn, ta sẽ cầu xin để mắt ngươi được trả lại; nếu ngươi muốn thì là Thiên Đàng", và ông chọn Thiên Đàng.

Cuộc vây hãm Ta'if, Shawwal năm 8 H (630 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 451 (Tâif gazvesindeki mucizeler)

## 1011. Trong cuộc vây hãm Ta'if, Người mơ thấy mình được dâng một bát đầy bơ, một con...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Trong cuộc vây hãm Ta'if, Người mơ thấy mình được dâng một bát đầy bơ, một con gà trống mổ vào làm đổ hết; Abu Bakr giải: "Hôm nay ngài sẽ không đạt được điều ngài muốn từ họ"; Người nói: "Ta cũng thấy như vậy; ta chưa được cho phép về Thaqif", rồi rút bỏ cuộc vây hãm.

Cuộc vây hãm Ta'if, Shawwal năm 8 H (630 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 451 (Tâif gazvesindeki mucizeler)

## 1012. Người làm Umrah từ al-Ji'ranah và cho biết: "Bảy mươi vị Nabi đã làm Umrah từ nơi này"

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người làm Umrah từ al-Ji'ranah và cho biết: "Bảy mươi vị Nabi đã làm Umrah từ nơi này."

Al-Ji'ranah, Dhul-Qa'dah năm 8 H (630 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 452 (Tâif gazvesindeki mucizeler)

## 1013. Người xoa mặt (và ngực) của Usayd bin Abi Unas; khi Usayd bước vào một căn...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người xoa mặt (và ngực) của Usayd bin Abi Unas; khi Usayd bước vào một căn phòng tối, căn phòng sáng lên.

Sau cuộc chinh phục Makkah, khoảng năm 8 H

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 142 (Mübarek elinin değdiği yerde görülen eserler (saçın ağarmaması vb.) bâbı)

## 1014. Khi lên đường chinh phục Makkah, Người cầu xin: "Lạy Allah, xin hãy che giấu..."

Hasan (Tốt) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Khi lên đường chinh phục Makkah, Người cầu xin: “Lạy Allah, xin hãy che giấu tin tức với Quraish để chúng con bất ngờ tập kích họ trên đất của họ”; Quraish không hề nhận được tin gì và không hay biết cho đến khi Người cùng mười nghìn kỵ binh đến dưới chân Aqabah.

Chinh phục Makkah, Ramadan năm 8 H (630 CN)

NGUỒN Râvendî, el-Harâic ve'l-cerâih, c. 1, s. 161-162 (el-Bâbü'l-evvel fî mu'cizâti nebiyyinâ Muhammed)

---

## 1015. Vào ngày chinh phục, giữa trưa, khi Bilal đọc Azan trên nóc Ka'bah, tất cả các...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Vào ngày chinh phục, giữa trưa, khi Bilal đọc Azan trên nóc Ka'bah, tất cả các tượng thần ở Makkah đều ngã sấp mặt.

Chinh phục Makkah, Ramadan năm 8 H (630 CN)

NGUỒN Râvendî, el-Harâic ve'l-cerâih, c. 1, s. 163 (el-Bâbü'l-evvel fî mu'cizâti nebiyyinâ Muhammed)

---

## 1016. Trong chuyến hành quân Dhat as-Salasil, vào ngày Ali tập kích kẻ thù lúc rạng...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Trong chuyến hành quân Dhat as-Salasil, vào ngày Ali tập kích kẻ thù lúc rạng sáng ở cách Madinah năm chặng đường, trong lễ nguyện Fajr Người đọc chương al-Adiyat và nói: “Allah vừa mặc khải chương này ngay lúc này; nó báo cho ta về cuộc tập kích của Ali.”

Dhat as-Salasil, năm 8 H (629 CN)

NGUỒN Râvendî, el-Harâic ve'l-cerâih, c. 1, s. 167-168 (el-Bâbü'l-evvel fî mu'cizâti nebiyyinâ Muhammed)

---

## 1017. Trên đường đến thung lũng Hunayn, đội tiên phong sợ hãi dừng lại vì một con rắn...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Trên đường đến thung lũng Hunayn, đội tiên phong sợ hãi dừng lại vì một con rắn to như núi chắn đường; con rắn ngẩng đầu chào và nói: “Tôi là Haytham bin Tah bin Iblis, tôi đã tin ngài; tôi đến cùng mười nghìn người trong gia đình để giúp ngài chống kẻ thù”, và theo lệnh Người nó tránh khỏi đường.

Hunayn, năm 8 H (630 CN)

NGUỒN İbn Şehrâşûb, Menâkıbü Âl-i Ebî Tâlib (Necef 1376/1956 baskısı), c. 1, s. 88 (fasl fî kelâmi'l-hayvânât)

---

## 1018. Khi gửi thư đến Ibn al-Julanda và dân chúng ở Oman, Người nói: “Họ sẽ nhận thư...”

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Khi gửi thư đến Ibn al-Julanda và dân chúng ở Oman, Người nói: “Họ sẽ nhận thư ta và tin ta; Ibn al-Julanda sẽ hỏi các ngươi: ‘Thiên Sứ của Allah có gửi quà theo các ông không?’, các ngươi sẽ nói ‘Không’; hắn sẽ nói: ‘Nếu người ấy gửi, nó sẽ như mâm thức ăn được ban xuống cho con cháu Israel và Đấng Messiah’”, và mọi việc xảy ra đúng như vậy.

Năm 8 H (629–630 CN)

NGUỒN Meclisî, Bihâru'l-envâr, c. 18, s. 138 (Bâb 11: gaybî haberleri)

## 1019. Ở Ta'if, con cừu (cừu non) đã giết, lột da và nấu chín có tẩm độc được dâng lên...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Ở Ta'if, con cừu (cừu non) đã giết, lột da và nấu chín có tẩm độc được dâng lên Người đã cất tiếng: “Thưa Thiên Sứ của Allah, đừng ăn tôi, tôi bị tẩm độc.”

Ta'if (thời điểm không rõ)

NGUỒN Meclisî, Bihâru'l-envâr (Müessesetü'l-Vefâ), c. 17, s. 295 (ebvâbü mu'cizâtih, bâb 2: cevâmi'u mu'cizâtihî ve nevâdiruhâ)

## 1020. Vào ngày Hunayn, các Sahabah nghe hòn đá Người cầm trong tay tán dương và tôn...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Vào ngày Hunayn, các Sahabah nghe hòn đá Người cầm trong tay tán dương và tôn vinh sự thánh khiết của Allah; khi Người nói với nó “Hãy tách ra”, nó tách làm ba mảnh và từ mỗi mảnh đều nghe tiếng tán dương riêng.

Hunayn, Shawwal năm 8 H (630 CN)

NGUỒN Meclisî, Bihâru'l-envâr (Müessesetü'l-Vefâ), c. 17, s. 296 (ebvâbü mu'cizâtih, bâb 2: cevâmi'u mu'cizâtihî ve nevâdiruhâ)

## 1021. Ở al-Ji'ranah, khi Người chia chiến lợi phẩm, những người đòi phần chen lấn đẩy...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Ở al-Ji'ranah, khi Người chia chiến lợi phẩm, những người đòi phần chen lấn đẩy Người vào một cái cây, cái cây giật lấy áo choàng và cào xước lưng Người; Người nói: “Nếu ta có gia súc nhiều bằng số cây ở Tihamah, ta cũng sẽ chia cho các ngươi”; sau khi Người rời đi, cái cây ấy lúc nào cũng xanh tươi như vừa được tưới nước.

Al-Ji'ranah, Dhul-Qa'dah năm 8 H (630 CN)

NGUỒN Meclisî, Bihâru'l-envâr, c. 17, s. 379-380 (ebvâbü mu'cizâtih, bâb 4: cemâdât ve nebâtâtın ona itaati ve onunla konuşması)

## 1022. Người cho biết những người tử vì đạo ở Mu'tah được cho Người thấy trên Thiên...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người cho biết những người tử vì đạo ở Mu'tah được cho Người thấy trên Thiên Đàng ngồi trên những chiếc ngai bằng vàng, ngai của Abdullah bin Rawahah bị lệch so với ngai của các bạn ông vì ông đã do dự khi xông vào trận; trong giấc mơ, Người vào Thiên Đàng và thấy Ja'far với đôi cánh nhuốm máu, Zayd đối diện ông, còn Ibn Rawahah như đang quay mặt đi khỏi họ.

Sau Mu'tah, Jumada al-Ula năm 8 H (629 CN)

NGUỒN N. İçel, Hz. Muhammed'in (sas) Mucizeleri -1 (2023), "Peygamberimiz Aleyhisselâmın Mu'te'de Kumandanların Nasıl Şehit Olduklarını Medine'de Müslümanlara Bildirişi" (kitabın dipnotu: İbn Sa'd, Tabakât, c:2, s:130; c:3,s:4,530; c:4, s:37-38; Taberî, Târih, c:3, s:109-110; Beyhakî, Delâil, c:4, s:368-369; Heysemî, Mecmau'z-zevâid, c:6, s:161); Kütüb-i Sitte: Buhârî, Cenâiz 4, Cihâd 7, 183, Menâkıb 25, Fedâili'l-Ashâb 25, 44; Nesâî, Cenâiz 27 (Enes: şehadetlerin haber verilmesi; tahtlar kısmı yok) [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 4272]

## 1023. Khi Ya'la bin Umayyah, người đầu tiên mang tin Mu'tah về Madinah, chưa kịp kể...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Khi Ya'la bin Umayyah, người đầu tiên mang tin Mu'tah về Madinah, chưa kịp kể, Người nói: “Nếu ngươi muốn thì ngươi kể cho ta, nếu ngươi muốn thì ta kể cho ngươi”, rồi kể từng việc đã xảy ra với các chiến binh; Ya'la thề: “Ngài không bỏ sót một chữ nào mà chúng tôi chưa kể”, và Người nói: “Allah đã dỡ bỏ mặt đất ở giữa cho ta, ta đã thấy chiến trường tận mắt.”

Sau Mu'tah, năm 8 H (629 CN)

NGUỒN N. İçel, Hz. Muhammed'in (sas) Mucizeleri -1 (2023), "Ya'lâ b. Ümeyye'nin Mu'te Haberini Medine'ye Getirişi" (kitabın dipnotu: İbn Asâkir, Târîh, c:1, s.87)

---

## 1024. Vào ngày chinh phục, khi trả lại chìa khóa Ka'bah cho Uthman bin Talhah, Người...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Vào ngày chinh phục, khi trả lại chìa khóa Ka'bah cho Uthman bin Talhah, Người đọc câu 58 chương an-Nisa' và nói: “Hỡi con cháu Abu Talhah! Hãy nhận lấy vật Allah giao phó để nó ở lại với các người mãi mãi; không ai có thể lấy nó khỏi tay các người trừ kẻ bất công”, báo trước rằng việc canh giữ Ka'bah sẽ còn ở trong gia đình họ.

Lời tiên tri: chinh phục Makkah, Ramadan năm 8 H (tháng 1 năm 630); quyển sách không nêu sự ứng nghiệm

NGUỒN N. İçel, Hz. Muhammed'in (sas) Mucizeleri -1 (2023), "Peygamberimiz Aleyhisselâmın Hicâbe ve Sikâye Hızmetlerini Eski Görevlilerine Vermesi" (kitabın dipnotu: Nisa: 58 / Vâkıdî, Megâzî, c:2, s: 838; Ezrakî, Ahbâru Mekke, c.1, s.114,265,267; İbn İshak-İbn Hişam, Sîre, c.4, s.55; Kastalânî, Mevâhib, c.1, s: 204)

---

## 1025. Hind bint Utbah gửi đến lều của Người ở al-Abtah hai con dê con nướng và cho...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Hind bint Utbah gửi đến lều của Người ở al-Abtah hai con dê con nướng và cho biết mấy năm nay đàn cừu của bà đẻ rất ít; Người cầu xin cho bà: “Cầu Allah ban phúc cho đàn cừu của các người và làm cho những con đẻ được nhiều thêm”; đàn cừu và số cừu đẻ của Hind tăng lên đến mức chưa từng thấy, và Hind cho rằng đó là nhờ phúc lành từ lời cầu xin của Người.

Chinh phục Makkah, năm 8 H (630 CN)

NGUỒN N. İçel, Hz. Muhammed'in (sas) Mucizeleri -2 (2023), "Hind'in Peygamberimiz Aleyhisselâma Oğlak Kebabı Hediye Edişi ve Koyunlarının ve Kuzulayıcılarının Bereketlenişi" (kitabın dipnotu: Vakıdî, Megâzî, c:2, s:868-869-871)

---

## 1026. Khi ca ngợi Allah vì đã hướng dẫn mình đến với Islam, Hind bint Utbah kể rằng...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Khi ca ngợi Allah vì đã hướng dẫn mình đến với Islam, Hind bint Utbah kể rằng một đêm bà mơ thấy mình cứ đứng mãi dưới nắng mà không sao đến được bóng râm ngay gần đó, nhưng khi Thiên Sứ của Allah ﷺ đến gần họ thì bà như đã bước ngay vào bóng râm.

Giấc mơ: thời điểm không rõ (trước cuộc chinh phục Makkah); Được kể lại: sau cuộc chinh phục Makkah, năm 8 H (630 CN)

NGUỒN N. İçel, Hz. Muhammed'in (sas) Mucizeleri -2 (2023), "Hind'in Peygamberimiz Aleyhisselâma Oğlak Kebabı Hediye Edişi ve Koyunlarının ve Kuzulayıcılarının Bereketlenişi" (kitabın dipnotu: Vakıdî, Megâzî, c:2, s:868-869-871)

---

## 1027. Khi Ikrimah bin Abi Jahl cùng vợ là Umm Hakim đang đến gần Makkah, trước khi...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Khi Ikrimah bin Abi Jahl cùng vợ là Umm Hakim đang đến gần Makkah, trước khi ông đến, Người nói với các Sahabah: “Ikrimah đang đến với các ngươi trong tư cách một tín đồ và một người di cư; đừng nói lời xấu về cha anh ta”; Ikrimah đến và theo Islam.

Sau cuộc chinh phục Makkah, năm 8 H (630 CN)

NGUỒN N. İçel, Hz. Muhammed'in (sas) Mucizeleri -2 (2023), "İkrime b. Ebu Cehil'e Eman Verilişi ve Kendisinin Müslüman Oluşu" (kitabın dipnotu: Hâkim, Müstedrek, c:3, s:241-242; Vâkıdî, Megâzî, c:2, s:851; Taberî, Târih, c:3, s:120; Diyarbekrî, Târîh, c:2, s:91; İbn Esîr, Usdu'l-gâbe, c:4, s:71; Ezrakî, Ahbâru Mekke, c:1, s:123)

---

## 1028. Ở Hunayn, trong lúc tan vỡ, Người cầu xin: “Lạy Allah, mọi lời ca ngợi thuộc về...”

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Ở Hunayn, trong lúc tan vỡ, Người cầu xin: “Lạy Allah, mọi lời ca ngợi thuộc về Ngài; chỉ với Ngài mới có thể than thở, chỉ nơi Ngài mới có thể xin giúp đỡ”; Jibril đến cho biết những lời này cũng đã được Allah dạy cho Nabi Musa vào ngày biển tách ra.

Hunayn, Shawwal năm 8 H (630 CN)

NGUỒN N. İçel, Hz. Muhammed'in (sas) Mucizeleri -2 (2023), "Peygamberimiz Aleyhisselâmın Huneyn'de Yüce Allah'a Dua Edişi ve Müşriklerin Bozguna Uğrayışı" (kitabın dipnotu: Müslim, Sahih, c:3, s:1398-1399,1401-1402; Vâkıdî, Megâzî, c:3, s:905-906; Halebî, İnsân, c:3, s:69; Beyhakî, Delâil, c:5, s:146; Taberî, Tarih,c:3, s:129); Kütüb-i Sitte: Buhârî, Megâzî 54, Cihâd 52, 61, 97, 167; Müslim, Cihâd 79, (1776); Tirmizî, Cihâd 15, (1688) [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 4291, c./s. 12/255-256]

---

## 1029. Ở Hunayn, giữa trời và đất người ta nghe những tiếng vang như tiếng sắt rơi lên...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Ở Hunayn, giữa trời và đất người ta nghe những tiếng vang như tiếng sắt rơi lên đá sắt; Suwayd (hoặc Burayd) bin Amir, người có mặt trong trận, khi được hỏi về nỗi sợ hãi rơi vào lòng họ hôm đó, đã ném sỏi vào một cái chậu cho phát ra tiếng và nói: “Chúng tôi nghe trong lòng mình vang lên những tiếng như thế này.”

Hunayn, Shawwal năm 8 H (630 CN)

NGUỒN N. İçel, Hz. Muhammed'in (sas) Mucizeleri -2 (2023), "Peygamberimiz Aleyhisselâmın Huneyn'de Yüce Allah'a Dua Edişi ve Müşriklerin Bozguna Uğrayışı" (kitabın dipnotu: Müslim, Sahih, c:3, s:1398-1399,1401-1402; Vâkıdî, Megâzî, c:3, s:905-906; Halebî, İnsân, c:3, s:69; Beyhakî, Delâil, c:5, s:146; Taberî, Tarih,c:3, s:129)

---

## 1030. Ở Hunayn, trong lúc tan vỡ, Shaybah bin Uthman lén đến từ phía sau giơ gươm lên...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Ở Hunayn, trong lúc tan vỡ, Shaybah bin Uthman lén đến từ phía sau giơ gươm lên để trả thù cho cha, thì giữa hắn và Nabi của chúng ta ﷺ hiện ra một ngọn lửa như tia chớp; Shaybah sợ bị thiêu nên nhắm mắt lùi lại, và hiểu rằng Người được Allah bảo vệ.

Hunayn, Shawwal năm 8 H (630 CN)

NGUỒN N. İçel, Hz. Muhammed'in (sas) Mucizeleri -2 (2023), "Şeybe b. Osman'ın Peygamberimiz Aleyhisselâma Suikaste Kalkışı ve Müslüman Oluşu" (kitabın dipnotu: Vâkıdî, Megâzî, c:3, s:909-910; Halebî, İnsânu'l-uyûn, c:3, s:71; Beyhakî, Delâil, c:5, s:146; İbn Kayyım, Zâdu'l-mead, c: 2, s:208)

---

## 1031. Shaybah bin Uthman, người đã tin theo và tham chiến ở Hunayn, thấy nhiều kỵ sĩ...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Shaybah bin Uthman, người đã tin theo và tham chiến ở Hunayn, thấy nhiều kỵ sĩ cưỡi ngựa khoang (Thiên Thần); Người nói: “Hỡi Shaybah, chỉ những kẻ vô đức tin mới thấy họ”, rồi xoa ngực ông và cầu xin ba lần: “Lạy Allah, xin hãy chỉ đường đúng cho Shaybah”, và đến lần thứ ba Shaybah yêu Người hơn bất cứ ai.

Hunayn, Shawwal năm 8 H (630 CN)

NGUỒN N. İçel, Hz. Muhammed'in (sas) Mucizeleri -2 (2023), "Şeybe b. Osman'ın Peygamberimiz Aleyhisselâma Suikaste Kalkışı ve Müslüman Oluşu" (kitabın dipnotu: Vâkıdî, Megâzî, c:3, s:909-910; Halebî, İnsânu'l-uyûn, c:3, s:71; Beyhakî, Delâil, c:5, s:146; İbn Kayyım, Zâdu'l-mead, c: 2, s:208)

---

## 1032. Sau khi Hawazin tan vỡ, Người kể lại đúng từng điều cho Shaybah bin Uthman...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Sau khi Hawazin tan vỡ, Người kể lại đúng từng điều cho Shaybah bin Uthman, người đến bên Người, về những gì hắn đã định làm với Người mà không hề nói với ai; Shaybah đọc lời chứng nhận đức tin và xin tha thứ.

Hunayn, Shawwal năm 8 H (630 CN)

NGUỒN N. İçel, Hz. Muhammed'in (sas) Mucizeleri -2 (2023), "Şeybe b. Osman'ın Peygamberimiz Aleyhisselâma Suikaste Kalkışı ve Müslüman Oluşu" (kitabın dipnotu: Vâkıdî, Megâzî, c:3, s:909-910; Halebî, İnsânu'l-uyûn, c:3, s:71; Beyhakî, Delâil, c:5, s:146; İbn Kayyım, Zâdu'l-mead, c: 2, s:208)

---

## 1033. Ở Hunayn, khi trận chiến đang diễn ra, ngay trước khi Hawazin tan vỡ, Jubayr...

Hasan (Tốt) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Ở Hunayn, khi trận chiến đang diễn ra, ngay trước khi Hawazin tan vỡ, Jubayr bin Mut'im thấy một thứ như tấm thảm đen (bijad) từ trời hạ xuống rơi vào giữa họ và kẻ thù, đó là những con kiến đen tràn đầy thung lũng, và ông không nghi ngờ gì rằng đó là các Thiên Thần; ngay sau đó kẻ thù tan vỡ.

Hunayn, Shawwal năm 8 H (630 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 333 (Bedir bâbında, savaş adı anılmadan nakledilir)

## 25 · Năm thứ 9 sau Hijrah (năm 630–631 CN): Tabuk

### 1034. Những dấu hiệu của sứ mạng Nabi được thấy khi chuẩn bị chuyến hành quân Tabuk

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Những dấu hiệu của sứ mạng Nabi được thấy khi chuẩn bị chuyến hành quân Tabuk.

Rajab năm 9 H

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.4 s.125

---

### 1035. Trên đường đi Tabuk, Người nói về Abu Dharr: “Ông ấy đi một mình, chết một mình...”

Hasan (Tốt) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Trên đường đi Tabuk, Người nói về Abu Dharr: “Ông ấy đi một mình, chết một mình và được phục sinh một mình”; ông qua đời một mình ở ar-Rabadhah.

Lời tiên tri: năm 9 H; Ứng nghiệm: năm 32 H (652 CN)

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.4 s.135; 1000 Mucize no.445 (s.436); web: Münkız es-Sakkār, Delâilü'n-nübüvve; Said Nursî, Mektubat, 19. Mektup, 6. İşaret; Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 24. fasıl; Questions on Islam, "His Information related to the Future Turn out True"; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 453; ayrıca: Râvendî, el-Harâic, c. 1, s. 99-100

---

### 1036. Trên đường đi Tabuk, thấy một bóng đen từ xa đến, Người nói: “Hãy là Abu...”

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Trên đường đi Tabuk, thấy một bóng đen từ xa đến, Người nói: “Hãy là Abu Khaythamah!”, và người đến chính là ông.

Rajab năm 9 H (630 CN)

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.4 s.135; 1000 Mucize no.418 (s.411); web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 453; Kütüb-i Sitte: Müslim (Ka'b b. Mâlik)

---

### 1037. Ở Tabuk, lương thực đã cạn được gom lên một tấm thảm và nhờ lời cầu xin của...

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Ở Tabuk, lương thực đã cạn được gom lên một tấm thảm và nhờ lời cầu xin của Người mà được ban phúc; cả đạo quân đổ đầy đồ đựng.

Rajab năm 9 H (630 CN)

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.4 s.143; İbn Kesîr s.48; 19. Mektup listesi (183.txt) no.59, 136; 1000 Mucize no.263 (s.236); web: A'zamî, el-Câmiu'l-Kâmil, Sîre, bâb 577; İbn Kesîr, el-Bidâye ve'n-Nihâye, c. 6, s. 114 — Delâilü'n-nübüvve: yemeğin çoğalması – azıkların toplanması; Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 15. fasıl; Questions on Islam, "The Miracles Concerning the Increase in Food and Drink"; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 407; c. 1, s. 454; ayrıca: İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî, s. 94-95, 97; İbnü'l-Cevzî, el-Vefâ, s. 278; islamveihsan.com, “Hz. Peygamber'in Mucizeleri”; Müslim, Îmân, no 27a; Elshinawy, The Physical Miracles of the Prophet (Yaqeen); Meclisî, Bihâru'l-envâr, c. 18, s. 23-24; Râvendî, el-Harâic, c. 1, s. 28; c. 1, s. 169-170; İbn Şehrâşûb, Menâkıb, c. 1, s. 89; ayrıca: N. İçel, Hz. Muhammed'in (sas) Mucizeleri -2 (2023), "Peygamber Aleyhisselâmın Tebük'te Yaptığı En Son Bereket Duası" (kitabın dipnotu: Vakıdî, Megâzî, c:3, s:1037-1038; Müslim, Sahih, c:1, s:56); Kütüb-i Sitte: Müslim İman 44, (27) [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 5595, c./s. 15/446]

## 1038. Trên đường đi Tabuk, khi người ta phải giết lạc đà vì khát, nhờ lời cầu xin của...

**Sahih (Xác thực)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Trên đường đi Tabuk, khi người ta phải giết lạc đà vì khát, nhờ lời cầu xin của Người một đám mây đến và chỉ mưa trên đạo quân.

Rajab năm 9 H (630 CN)

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.4 s.143; 19. Mektup listesi (183.txt) no.28, 34; 1000 Mucize no.417 (s.410); web: İbn Kesîr, el-Bidâye ve'n-Nihâye, c. 6, s. 93 — Delâilü'n-nübüvve: semâvî mucizeler – istiskā; Said Nursî, Mektubat, 19. Mektup, 8. İşaret, 8. misal; Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 14. fasıl; Questions on Islam, "The miracles occurring upon the prayer of the prophet Muhammad"; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 457; ayrıca: İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî, s. 56; Meclisî, Bihâru'l-envâr, c. 18, s. 15; Râvendî, el-Harâic, c. 1, s. 98-99; ayrıca: N. İçel, Hz. Muhammed'in (sas) Mucizeleri -2 (2023), "Peygamberimiz Aleyhisselâmın Yağmur Dualarının Sayısı ve Çeşitleri" (kitabın dipnotu: Vâkıdî, Megâzî, c:3, s:1008-1009; İbn Kayyım, Zâdu'l-mead, c:1, s:156; Taberî, Tefsir, c:2, s:55); "Su Sıkıntısına Düşen Mücâhidlerin Peygamberimiz Aleyhisselâmın Duasıyla Yağmura Kavuşmaları" (kitabın dipnotu: İbn İshak-İbn Hişam, c:4, s:165; Taberi, tefsir, c:11, s:55; Vâkıdî, Megâzî, c:3, s:1009)

## 1039. Người cho biết chỗ con lạc đà bị lạc của mình (trong thung lũng, dây cương...)

**Da'if (Yếu)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người cho biết chỗ con lạc đà bị lạc của mình (trong thung lũng, dây cương vướng vào một cái cây); Người cũng kể lại lời của kẻ giả tạo đức tin: “Hắn báo tin từ trời mà không biết lạc đà của mình ở đâu.”

Rajab năm 9 H (630 CN); theo một lời thuật là trên đường từ al-Muraysi' về (năm 5–6 H)

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.4 s.143; Beyhakî, Delâil c.3 s.170; 1000 Mucize no.341 (s.326); web: Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 24. fasıl; ayrıca: Meclisî, Bihâru'l-envâr, c. 17, s. 230, 237; c. 18, s. 109-110, 119, 129; Râvendî, el-Harâic, c. 1, s. 30-31; c. 1, s. 108; c. 1, s. 121; Tabersî, İ'lâmü'l-verâ, c. 1, s. 83-84; İbn Şehrâşûb, Menâkıb, c. 1, s. 113; al-shia.org (Farsça mucize listeleri); ayrıca: N. İçel, Hz. Muhammed'in (sas) Mucizeleri -1 (2023), "Kaynuka oğulları Yahudî bilginlerinden münafık olan Mâlik b. Kavkal'ın itirazı" (kitabın dipnotu: Vakıdî, Tarih, c:3, s:1009)

## 1040. Ở Wadi al-Qura, Người ước tính sản lượng vườn của một người phụ nữ là 10 wasq...

**Sahih (Xác thực)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Ở Wadi al-Qura, Người ước tính sản lượng vườn của một người phụ nữ là 10 wasq, và khi trở về thì đúng y như vậy.

Rajab năm 9 H (630 CN)

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.4 s.155; 1000 Mucize no.416 (s.408); web: A'zamî, el-Câmiu'l-Kâmil, Sîre, bâb 604; İbn Hibbân, Sahîh, K. et-Târîh, bâbü'l-mu'cizât, no 6501; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 458; Kütüb-i Sitte: Buhârî 1481; Müslim 1392

## 1041. Ở Tabuk, Người nói: “Đêm nay sẽ có gió dữ, không ai được đứng dậy”; một người...

**Sahih (Xác thực)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Ở Tabuk, Người nói: “Đêm nay sẽ có gió dữ, không ai được đứng dậy”; một người đứng dậy và bị gió thổi văng đến núi non của Tayyi'.

Rajab năm 9 H (630 CN)

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.4 s.155; Beyhakî, Delâil c.5 s.47; 1000 Mucize no.416 (s.408); web: Münkız es-Sakkār, Delâilü'n-nübüvve, "Hayatında gerçekleşen gayb haberleri"; İbn Hibbân, Sahîh, K. et-Târîh, bâbü'l-mu'cizât, no 6501; Yaqeen Institute, "The Prophecies of Prophet Muhammad"; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 458; ayrıca: İbnü'l-Cevzî, el-Vefâ, s. 310; Elshinawy, The Prophecies of Prophet

Muhammad (Yaqeen); Meclisî, Bihâru'l-envâr, c. 18, s. 131; İbn Şehrâşûb, Menâkıb, c. 1, s. 94; ayrıca: N. İçel, Hz. Muhammed'in (sas) Mucizeleri -1 (2023), "Hıcr'da Emre Aykırı Hareket Eden İki Mücâhidin Başlarına Gelenler" (kitabın dipnotu: Vâkıdî, Megâzî, c:3, s:399,1006; İshak-İbn Hişam, Sîre, c:4, s:165); Kütüb-i Sitte: Buhârî 1481, 1482; Müslim 1392

---

## 1042. Dòng nước chảy rỉ rả của suối Tabuk đã chảy ào ạt sau khi Người rửa tay, rửa...

**Sahih (Xác thực)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Dòng nước chảy rỉ rả của suối Tabuk đã chảy ào ạt sau khi Người rửa tay, rửa mặt rồi đổ nước ấy trở lại.

Rajab năm 9 H (630 CN)

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.4 s.153; İbn Kesîr s.33; 19. Mektup listesi (183.txt) no.30; 1000 Mucize no.413 (s.406); web: Müslim, Fezâil, bâbün fî mu'cizâti'n-nebî; A'zamî, el-Câmiu'l-Kâmil, Sîre, bâb 574; Said Nursî, Mektubat, 19. Mektup, 8. İşaret, 4. misal; Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 14. fasıl; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 453; ayrıca: İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî, s. 69; al-shia.org (Farsça mucize listeleri); ayrıca: N. İçel, Hz. Muhammed'in (sas) Mucizeleri -2 (2023), "Tebük Su Kaynağının Bereketlendirilişi" (kitabın dipnotu: Vâkıdî, Megâzî, c:3, s:1012; İbn Hazm, Cevami, s:253); Kütüb-i Sitte: Müslim 706, Fezâil; Muvatta, Sefer 2

---

## 1043. Người nói với Mu'adh: "Nếu ngươi sống đủ lâu, ngươi sẽ thấy nơi này đầy vườn..."

**Sahih (Xác thực)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người nói với Mu'adh: "Nếu ngươi sống đủ lâu, ngươi sẽ thấy nơi này đầy vườn nho và vườn cây", và Tabuk đã trở nên trù phú.

Lời tiên tri: năm 9 H; Ứng nghiệm: các thế kỷ sau

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.4 s.153; 1000 Mucize no.414 (s.406); web: Müslim, Fezâil, bâbün fî mu'cizâti'n-nebî; Said Nursî, Mektubat, 19. Mektup, 8. İşaret, 4. misal; Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 14. fasıl; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 453; ayrıca: N. İçel, Hz. Muhammed'in (sas) Mucizeleri -2 (2023), "Tebük Su Kaynağının Bereketlendirilişi" (kitabın dipnotu: Vâkıdî, Megâzî, c:3, s:1012; İbn Hazm, Cevami, s:253); Kütüb-i Sitte: Müslim 706, Fezâil

---

## 1044. Ở Tabuk, Người nguyền rủa kẻ đi ngang trước mặt khi Người đang dâng lễ nguyện...

**Da'if (Yếu)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Ở Tabuk, Người nguyền rủa kẻ đi ngang trước mặt khi Người đang dâng lễ nguyện: "Cầu Allah cắt đứt dấu chân hắn", và người ấy bị tàn phế.

Rajab năm 9 H (630 CN)

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.4 s.161; 1000 Mucize no.873 (PDF s.736); web: Said Nursî, Mektubat, 19. Mektup, 13. İşaret, 8. misal; Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 22. fasıl; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 460; ayrıca: İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî, s. 211; Kütüb-i Sitte: Ebû Dâvûd 705-707 [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 2739, c./s. 9/37]

---

## 1045. Khi ở Tabuk, Người dâng lễ nguyện cho Mu'awiyah bin Mu'awiyah al-Laythi, người...

**Da'if (Yếu)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Khi ở Tabuk, Người dâng lễ nguyện cho Mu'awiyah bin Mu'awiyah al-Laythi, người qua đời ở Madinah, sau khi mặt đất được cuộn lại và thi hài ông được cho Người thấy.

Rajab năm 9 H (630 CN)

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.4 s.163; 1000 Mucize no.912 (s.752), no.913 (s.752)

## 1046. Khi cử Khalid đến chỗ thủ lĩnh Dumat al-Jandal là Ukaydir, Người nói: “Ngươi sẽ...”

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Khi cử Khalid đến chỗ thủ lĩnh Dumat al-Jandal là Ukaydir, Người nói: “Ngươi sẽ thấy hắn đang săn bò hoang”, và quả thật đã thấy đúng như vậy.

Rajab năm 9 H (630 CN)

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.4 s.166; 19. Mektup listesi (183.txt) no.107; 1000 Mucize no.924 (PDF s.764), no.925 (PDF s.764); web: Said Nursî, Mektubat, 19. Mektup, 6. İşaret; Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 24. fasıl; Questions on Islam, "His Information related to the Future Turn out True"; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 461; ayrıca: Meclisî, Bihâru'l-envâr, c. 18, s. 116, 136; Râvendî, el-Harâic, c. 1, s. 101; İbn Şehrâşûb, Menâkıb, c. 1, s. 98; Kütüb-i Sitte (kısmen): kısmen: Ebû Dâvûd 3037 (sunnah.com)

## 1047. Trên đường từ Tabuk về, những kẻ giả tạo đức tin đeo mặt nạ âm mưu ám sát Người...

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Trên đường từ Tabuk về, những kẻ giả tạo đức tin đeo mặt nạ âm mưu ám sát Người ở Aqabah đã bị báo cho Người biết; Người cho Hudhayfah biết tên của chúng.

Ramadan năm 9 H (630 CN)

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.4 s.173; 1000 Mucize no.365 (s.350); web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 463; ayrıca: Meclisî, Bihâru'l-envâr, c. 17, s. 184; Râvendî, el-Harâic, c. 1, s. 100-101; c. 2, s. 504-505; ayrıca: N. İçel, Hz. Muhammed'in (sas) Mucizeleri -2 (2023), "Münâfıkların Peygamberimiz Aleyhisselâma Tuzak Kurmaları" (kitabın dipnotu: İbn Kayyım, Zâdu'l-mead, c:3, s:10; Vâkıdî, Megâzî, c:3, s:1015,1042; Beyhakî, Delâil, c:5, s:256; Ahmed b. Hanbel, Müsned, c:5, s:453; Halebî, İnsânu'l-uyûn, c:3, s:120; Ebu Nuaym, Delâil, c:2, s:528; Müslim, Sahih, c:4, s: 2144); Kütüb-i Sitte: Müslim (Huzeyfe)

## 1048. Mục đích xây dựng Masjid ad-Dirar đã được báo cho Người qua mặc khải

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Mục đích xây dựng Masjid ad-Dirar đã được báo cho Người qua mặc khải.

Ramadan năm 9 H (630 CN)

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.4 s.173

## 1049. Lời cầu xin của Người cho Abdullah Dhul-Bijadayn và việc ông qua đời ở Tabuk (được xem như người tử vì đạo)

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Lời cầu xin của Người cho Abdullah Dhul-Bijadayn và việc ông qua đời ở Tabuk (được xem như người tử vì đạo).

Rajab năm 9 H (630 CN)

NGUỒN 1000 Mucize no.352 (s.341), no.958 (s.779); web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 461

## 1050. Câu chuyện Tha'labah bin Hatib xin Người cầu xin cho mình giàu có, rồi khi giàu...

Bịa đặt (Mawdu') CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Câu chuyện Tha'labah bin Hatib xin Người cầu xin cho mình giàu có, rồi khi giàu lên thì từ chối nộp Zakat.

Năm 9 H

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.4 s.220; web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 294; ayrıca: N. İçel, Hz. Muhammed'in (sas) Mucizeleri -2 (2023), "Malının Zekâtını Vermekten Kaçınan Sa'lebe'nin Âkibeti" (kitabın dipnotu: Tevbe: 103 / Tevbe: 75-77 / Taberî, Tefsir, c:10, s:189-191; Beyhakî, Delâil, c. 5, s. 290; Ebussuud, Tefsîr, c. 4, s.85; Zemahşerî, Keşşâf, c. 2, s. 203; Buhârî. Sahîh. c. 1. s. 14)

## 1051. Ngay ngày Najashi Ashamah của Abyssinia qua đời, Người báo tin ở Madinah và dẫn...

**Sahih (Xác thực)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Ngay ngày Najashi Ashamah của Abyssinia qua đời, Người báo tin ở Madinah và dẫn lễ nguyện cho người chết vắng mặt.

Rajab năm 9 H (630 CN)

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.3 s.578; 1000 Mucize no.147 (s.127); web: Münkız es-Sakkār, Delâilü'n-nübüvve; Said Nursî, Mektubat, 19. Mektup, 5. İşaret; Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 24. fasıl; Questions on Islam, "His Information related to the Future Turn out True"; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 168; ayrıca: İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî, s. 469; Meclisî, Bihâru'l-envâr, c. 18, s. 130; Râvendî, el-Harâic, c. 1, s. 64; İbn Şehrâşûb, Menâkıb, c. 1, s. 93; al-shia.org (Farsça mucize listeleri); ayrıca: N. İçel, Hz. Muhammed'in (sas) Mucizeleri -1 (2023), "Habeş Necaşî'si Ashama'nın Vefat Edişi ve Kendisi İçin Gıyâbî Olarak Medine'de Cenaze Namazı Kılınışı" (kitabın dipnotu: Süheylî, Ravdu'l-ünüf, c:3, s:262; İbn Hazm, Cevâmi, s:11; Ahmed b. Hanbel, Müsned, c:3, s:400, c:4, s:7; Diyarbekrî, Târîh, c:2, s:139; İbn Mâce, Sünen, c:1, s:490; Zehebî, Tarih, c:1, s:316); Kütüb-i Sitte: Buhârî, Müslim, Nesâî (Ebû Hüreyre); İbn Mâce 1538 [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 3058, c./s. 9/369; no. 3059, c./s. 9/370-371; no. 6458, c./s. 17/129]

## 1052. Dù Người đã nói về suối Tabuk: "Trước khi ta đến, không ai được chạm vào nước..."

**Sahih (Xác thực)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Dù Người đã nói về suối Tabuk: "Trước khi ta đến, không ai được chạm vào nước của nó", hai người vẫn đến trước Người; Người biết chuyện và tra hỏi họ.

Chuyến hành quân Tabuk, năm 9 H (630 CN)

NGUỒN 1000 Mucize no.415 (s.406); web: Müslim, Fezâil, bâbün fî mu'cizâti'n-nebî; ayrıca: N. İçel, Hz. Muhammed'in (sas) Mucizeleri -2 (2023), "Tebük Su Kaynağının Bereketlendirilişi" (kitabın dipnotu: Vâkıdî, Megâzî, c:3, s:1012; İbn Hazm, Cevami, s:253); Kütüb-i Sitte: Müslim 706, Fezâil

## 1053. Người cho làm tharid một chiếc bánh mì với nước nóng cho Wathilah bin al-Asqa...

**Sahih (Xác thực)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người cho làm tharid một chiếc bánh mì với nước nóng cho Wathilah bin al-Asqa', một người trong Ahl as-Suffah, cho gọi mười người đến và nói: "Hãy ăn từ mép, phúc lành từ trên xuống", và tất cả đều no từ một chiếc bánh ấy.

Thời kỳ Madinah, khoảng năm 9–10 H (thời Wathilah ở Suffah)

NGUỒN 19. Mektup listesi (183.txt) no.67, 127; 1000 Mucize no.257 (s.230); web: Heysemî, Mecmau'z-zevâid, K. Alâmâti'n-nübüvve, no 14117-14118; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 79; Kütüb-i Sitte: İbn Mâce 3276 [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 6963]

## 1054. Trong phái đoàn Tujib mười ba người mang tài sản Zakat đến, người trẻ nhất được...

**Da'if (Yếu)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Trong phái đoàn Tujib mười ba người mang tài sản Zakat đến, người trẻ nhất được để lại trông con vật cưỡi; theo lời xin của cậu, Người cầu xin: "Lạy Allah, xin hãy tha thứ cho cậu ấy, thương xót cậu ấy, đặt sự giàu có của cậu ấy

vào trong tim"; chàng trai trở thành người tri túc và khổ hạnh nhất trong dân mình, và sau khi Người qua đời đã cảnh báo dân mình chống lại những kẻ bỏ đạo ở Yemen.

Phái đoàn Tujib, khoảng năm 9 H (630–631 CN); Kết quả được báo: Mina, mùa Hajj năm 10 H (632 CN)

NGUỒN 1000 Mucize no.284 (s.261); web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 47, Tücîb heyeti bâbı

---

## 1055. Người cầu xin cho chàng trai trẻ nhất, cũng là người phục vụ của phái đoàn Banu...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người cầu xin cho chàng trai trẻ nhất, cũng là người phục vụ của phái đoàn Banu Sa'd Hudhaym đến Madinah: "Cầu Allah ban phúc cho cậu ấy"; chàng trai trở thành người đọc Qur'an hay nhất trong họ và được bổ nhiệm làm thủ lĩnh và Imam của dân mình.

Thời kỳ các phái đoàn, khoảng năm 9 H (630–631 CN)

NGUỒN 1000 Mucize no.347 (s.333)

---

## 1056. Người xoa đầu Bishr bin Mu'awiyah, người cùng cha là Mu'awiyah bin Thawr đến...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người xoa đầu Bishr bin Mu'awiyah, người cùng cha là Mu'awiyah bin Thawr đến gặp Người, và cầu xin cho cậu; dấu tay Người còn lại trên mặt cậu, và người bệnh nào Bishr chạm vào cũng khỏi.

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ (thời kỳ các phái đoàn, khoảng năm 9 H)

NGUỒN 1000 Mucize no.219 (s.199); web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 46-47, Benî Bekkâ heyeti bâbı

---

## 1057. Ở Tabuk, cho al-Irbad bin Sariyah, Ju'ayl bin Suraqah và Abdullah bin Mughaffal...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Ở Tabuk, cho al-Irbad bin Sariyah, Ju'ayl bin Suraqah và Abdullah bin Mughaffal đang đói, Người đặt tay lên bảy trái chà là lấy từ túi của Bilal và đọc Bismillah; ba người ăn no, đếm được 54 hạt, mà bảy trái chà là vẫn còn nguyên; hôm sau, từ chính bảy trái chà là ấy mười người ăn no.

Chuyến hành quân Tabuk, năm 9 H (630 CN)

NGUỒN 1000 Mucize no.250 (s.220); web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 455; ayrıca: İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî, s. 104-105

---

## 1058. Cho Wathilah bin al-Asqa', người đến thay mặt Ahl as-Suffah đang đói, Người làm...

Hasan (Tốt) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Cho Wathilah bin al-Asqa', người đến thay mặt Ahl as-Suffah đang đói, Người làm tharid trong một cái bát từ những mẩu bánh vụn ở nhà Aisha; Ahl as-Suffah được gọi đến từng nhóm mười người, lần lượt ăn no, và cái bát vẫn đầy, không vơi, được gửi trả lại cho Aisha.

Thời kỳ Madinah, khoảng năm 9–10 H (thời Wathilah ở Suffah)

NGUỒN 1000 Mucize no.258 (s.230); web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 78

---

## 1059. Cho Wathilah bin al-Asqa', người được hai mươi người Ahl as-Suffah đang đói cử...

Hasan (Tốt) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Cho Wathilah bin al-Asqa', người được hai mươi người Ahl as-Suffah đang đói cử đến, Người làm tharid với chút sữa từ những mẩu bánh vụn ở chỗ vợ mình; trước tiên mười người, rồi mười người còn lại ăn no, mà cái bát vẫn còn đầy.

Thời kỳ Madinah, khoảng năm 9–10 H (thời Wathilah ở Suffah)

NGUỒN 1000 Mucize no.259 (s.232); web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 78

---

## 1060. Phái đoàn mười ba người của Banu Murrah do al-Harith bin Awf dẫn đầu kể về hạn...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Phái đoàn mười ba người của Banu Murrah do al-Harith bin Awf dẫn đầu kể về hạn hán ở quê họ; Người cầu xin: “Lạy Allah, xin ban mưa cho họ”; khi trở về, phái đoàn biết rằng mưa đã bắt đầu rơi đúng vào ngày Người cầu xin.

Phái đoàn Banu Murrah, khoảng năm 9 H (630–631 CN)

NGUỒN 1000 Mucize no.285 (s.265); web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 44, Benî Mürre heyeti bâbı; ayrıca: N. İçel, Hz. Muhammed'in (sas) Mucizeleri -2 (2023), "Benî Mürre Temsilcilerinin Medine'ye Gelişi ve Müslüman Oluşlarında İstekleri Üzere Yapılan Yağmur Duası" (kitabın dipnotu: İbn Seyyid, Uyûnu'leser, c:2, s:250-253; Yâkût, Mu'cem, c:3, s:233; İbn Esîr, Usdu'l-gâbe, c:1, s:410; Halebî, İnsânu'l-uyûn, c:3, s:274)

---

## 1061. Hamzah bin Amr khi nấu ăn làm đổ túi dầu, sau đó lại thấy nó đầy tràn; Người...

Hasan (Tốt) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Hamzah bin Amr khi nấu ăn làm đổ túi dầu, sau đó lại thấy nó đầy tràn; Người nói: “Nếu ngươi để mặc nó, cả thung lũng đã thành dầu mà chảy” (theo một lời thuật, việc này xảy ra trong chuyến hành quân Tabuk).

Chuyến hành quân Tabuk, năm 9 H (630 CN) (theo một lời thuật)

NGUỒN 1000 Mucize no.309 (s.286); web: Heysemî, Mecmau'z-zevâid, K. Alâmâti'n-nübüvve, no 14129; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 455; c. 2, s. 90

---

## 1062. Urwah bin Mas'ud theo Islam ở Madinah và xin phép về kêu gọi dân mình là Thaqif...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Urwah bin Mas'ud theo Islam ở Madinah và xin phép về kêu gọi dân mình là Thaqif đến với Islam; Người hai lần nói với ông: “Họ sẽ giết ngươi”; Urwah hy sinh vì mũi tên của một người Thaqif khi đang đọc Azan buổi sáng ở Ta'if, và Người ví ông với người trong chương Ya-Sin.

Lời tiên tri: sau cuộc vây hãm Ta'if, khoảng năm 9 H (630 CN); Ứng nghiệm: ít lâu sau ở Ta'if

NGUỒN 1000 Mucize no.412 (PDF s.405); web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 23, Sakîf heyeti bâbı

---

## 1063. Trên đường đi Tabuk, tại nơi họ dừng chân, về người được thấy từ xa đang vác...

Hasan (Tốt) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Trên đường đi Tabuk, tại nơi họ dừng chân, về người được thấy từ xa đang vác hành lý đi bộ đến vì lạc đà không đi nổi, Người nói: “Đó là Abu Dharr”, và khi người ấy đến gần thì đúng là Abu Dharr.

Chuyến hành quân Tabuk, năm 9 H (630 CN)

NGUỒN 1000 Mucize no.444 (s.436)

## 1064. Ở Tabuk, khi mặt trời mọc sáng rực khác thường, Jibril báo cho Người biết...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Ở Tabuk, khi mặt trời mọc sáng rực khác thường, Jibril báo cho Người biết Mu'awiyah bin Mu'awiyah al-Laythi đã qua đời ở Madinah ngày hôm đó và bảy mươi nghìn Thiên Thần đã được cử đến dự lễ nguyện cho ông.

Chuyến hành quân Tabuk, năm 9 H (630 CN)

NGUỒN 1000 Mucize no.911 (s.752); web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 461

## 1065. Zayd al-Khayl, người đến cùng phái đoàn Tayyi' và theo Islam, được Người đổi...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Zayd al-Khayl, người đến cùng phái đoàn Tayyi' và theo Islam, được Người đổi tên thành Zayd al-Khayr; khi ông trở về với dân mình, Người nói: “Zayd sẽ không thoát khỏi cơn sốt Madinah”; khi đến một nguồn nước ở Najd, Zayd bị sốt và chết tại đó.

Năm của các phái đoàn, khoảng năm 9 H (630–631 CN)

NGUỒN 1000 Mucize no.918 (s.756); web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 34, Tay heyeti bâbı

## 1066. Khi thủ lĩnh Dumat al-Jandal là Ukaydir bị bắt, Bujayr bin Bujrah thuộc bộ tộc...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Khi thủ lĩnh Dumat al-Jandal là Ukaydir bị bắt, Bujayr bin Bujrah thuộc bộ tộc Tayyi' làm thơ; Người cầu xin cho ông: “Cầu Allah giữ gìn miệng ngươi”, và khi Bujayr chín mươi tuổi, răng ông vẫn còn đủ.

Lời cầu xin: toán quân đi Dumat al-Jandal, năm 9 H (630 CN); Ứng nghiệm: Bujayr ở tuổi chín mươi, thời điểm không rõ

NGUỒN 1000 Mucize no.923 (PDF s.762); web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 462

## 1067. Theo lời xin cầu phúc của Mu'awiyah bin Thawr, người đến cùng phái đoàn Banu...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Theo lời xin cầu phúc của Mu'awiyah bin Thawr, người đến cùng phái đoàn Banu Bakka', Người xoa mặt con trai ông là Bishr, cho cậu một con dê và cầu xin phúc lành; ngay cả khi nạn đói ập đến Banu Bakka', nó cũng không chạm đến họ.

Phái đoàn Banu Bakka', năm 9 H (630–631 CN)

NGUỒN 1000 Mucize no.960-961 (s.780); web: Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 23. fasıl

## 1068. Khi người nô lệ được trả tự do của Người là Safinah được cử đến Yemen gặp...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Khi người nô lệ được trả tự do của Người là Safinah được cử đến Yemen gặp Mu'adh, trên đường ông gặp một con sư tử; ông nói: “Tôi là người được Thiên Sứ của Allah trả tự do, tôi mang thư của Người”, con sư tử gầm gừ rồi tránh đường; khi trở về cũng xảy ra như vậy.

Năm 9–10 H (Mu'adh được cử đi Yemen)

NGUỒN Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 19. fasıl (hayvanlar)

## 1069. Trên đường từ Tabuk về, người chú Abbas xin phép đọc một bài qasidah, trong đó...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Trên đường từ Tabuk về, người chú Abbas xin phép đọc một bài qasidah, trong đó ông nói rằng Người đã ở trong xương sống tổ tiên trên con thuyền của Nuh và trong ngọn lửa của Ibrahim, và khi Người ra đời, mặt đất và chân trời bừng sáng bởi ánh sáng của Người; ông nhận được lời cầu xin: “Cầu Allah không làm hư miệng ông.”

Ramadan năm 9 H (630 CN), trên đường từ Tabuk về

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 66 (nesebinin temizliği bâbı)

## 1070. Ở Tabuk, Người nói với sứ giả người Tanukh của Heraclius rằng vương quốc của...

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Ở Tabuk, Người nói với sứ giả người Tanukh của Heraclius rằng vương quốc của Kisra sẽ tan nát vì hắn đã xé thư, còn Caesar vì đã giữ thư nên vương quyền sẽ kéo dài một thời gian; sứ giả đã thấy ba dấu hiệu mà Heraclius bảo ông tìm (lời nói về bức thư, câu trả lời “khi đêm đến thì ngày ở đâu” và dấu ấn sứ mạng trên lưng Người).

Tabuk, Rajab năm 9 H (630 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 13-14, Kayser'e mektup bâbı

## 1071. Uthman bin Abi al-As than không giữ được Qur'an trong trí nhớ; Người đặt tay...

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Uthman bin Abi al-As than không giữ được Qur'an trong trí nhớ; Người đặt tay lên ngực ông và nói: “Hỡi Shaytan, hãy ra khỏi ngực Uthman”; Uthman cảm thấy sự mát lạnh của bàn tay giữa hai bả vai, và từ đó không quên bất cứ điều gì ông muốn học thuộc.

Năm 9–10 H (630–632 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 24, Sakîf heyeti bâbı

## 1072. Thống đốc vùng al-Balqa'/Ma'an của người La Mã là Farwah bin Amr al-Judhami...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Thống đốc vùng al-Balqa'/Ma'an của người La Mã là Farwah bin Amr al-Judhami theo Islam, nói với vua La Mã: “Chính ngài cũng biết Isa đã báo tin mừng về người ấy”, không chịu bỏ đạo, và vì thế bị giết và đóng đinh.

Năm 9–10 H (630–631 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 43, Ferve b. Amr'ın İslâm'ı bâbı

## 1073. Trong toán quân của Qutbah bin Amir cùng hai mươi người đánh Khath'am ở vùng...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Trong toán quân của Qutbah bin Amir cùng hai mươi người đánh Khath'am ở vùng Tabalah, khi họ mang chiến lợi phẩm trở về, một dòng lũ lớn đến chắn giữa họ và kẻ thù, và kẻ thù không đuổi kịp họ.

Toán quân của Qutbah bin Amir, Safar năm 9 H (630 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 452 (Kutbe b. Âmir seriyyesi)

## 1074. Ở Tabuk, như một người thuộc Banu Sa'd bin Hudhaym đến bên Người đã chứng kiến...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Ở Tabuk, như một người thuộc Banu Sa'd bin Hudhaym đến bên Người đã chứng kiến, từ chút ít món hays (chà là trộn bơ) do Bilal mang đến, nhờ lời cầu xin của Người mà những người có mặt đều no, thức ăn không vơi, và điều này lặp lại trong ba ngày.

Tabuk, năm 9 H (630 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 456 (Tebük gazvesindeki mucizeler)

## 1075. Trong chuyến hành quân Tabuk, khi ba mươi nghìn người, mười hai nghìn con ngựa...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Trong chuyến hành quân Tabuk, khi ba mươi nghìn người, mười hai nghìn con ngựa và mười hai nghìn con lạc đà bị thiếu nước, nước phun ra từ giữa các ngón tay Người đặt trong một cái bình; mọi người và gia súc đều uống thỏa thuê.

Tabuk, năm 9 H (630 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 456 (Tebük gazvesindeki mucizeler)

## 1076. Trong chuyến hành quân Tabuk, Người cầu xin phúc lành cho chút nước Usayd bin...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Trong chuyến hành quân Tabuk, Người cầu xin phúc lành cho chút nước Usayd bin Hudayr tìm được từ một người phụ nữ, và mọi đồ đựng đều đầy.

Tabuk, năm 9 H (630 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 456 (Tebük gazvesindeki mucizeler)

## 1077. Trong chuyến hành quân Tabuk, Người dâng lễ nguyện sau lưng Abdurrahman bin...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Trong chuyến hành quân Tabuk, Người dâng lễ nguyện sau lưng Abdurrahman bin Awf; đặc điểm: “Không vị Nabi nào qua đời mà chưa có một người đức hạnh trong Ummah của mình làm Imam cho vị ấy.”

Tabuk, năm 9 H (630 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 458 (Tebük gazvesindeki mucizeler)

## 1078. Trong chuyến hành quân Tabuk, khi các con vật cưỡi kiệt sức, Người dừng lại ở...

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Trong chuyến hành quân Tabuk, khi các con vật cưỡi kiệt sức, Người dừng lại ở một hẻm núi hẹp và cầu xin: “Lạy Allah, xin ban cho chúng sức mạnh trên con đường của Ngài”, và các con vật cưỡi hồi sức, mạnh mẽ trở lại.

Tabuk, năm 9 H (630 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 460 (Tebük gazvesindeki mucizeler)

## 1079. Trên đường đi Tabuk, một con rắn rất lớn xuất hiện và tiến đến gần Người; Người...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Trên đường đi Tabuk, một con rắn rất lớn xuất hiện và tiến đến gần Người; Người nói: "Đây là một trong tám Jinn đã đến nghe Qur'an; nó gửi lời chào các ngươi."

Tabuk, năm 9 H (630 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 460 (Tebük gazvesindeki mucizeler)

## 1080. Người báo trước: "Trong các Sahabah của ta có mười hai kẻ giả tạo đức tin..."

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người báo trước: "Trong các Sahabah của ta có mười hai kẻ giả tạo đức tin; chúng sẽ không vào Thiên Đàng cho đến khi con lạc đà chui lọt lỗ kim; tám kẻ trong số chúng sẽ bị trị bởi một cái nhọt lửa (dubaylah) mọc ra giữa hai vai và trồi lên ở ngực."

Lời tiên tri: trên đường từ Tabuk về, năm 9 H (630 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 464 (Tebük gazvesindeki mucizeler)

## 1081. Trong cuộc chinh phạt Tabuk, khi Anas đang trông đàn cừu, một con sói cắp mất...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Trong cuộc chinh phạt Tabuk, khi Anas đang trông đàn cừu, một con sói cắp mất một con; với những người chăn đuổi theo, con sói nói: "Các người ngăn bổng lộc Allah ban cho ta sao?", và khi họ kinh ngạc, nó nói: "Các người ngạc nhiên vì sói biết nói sao? Mặc khải đang xuống với Muhammad."

Chuyến hành quân Tabuk, năm 9 H (630 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 103 (Hayvan türlerindeki mucizeleri: kurt kıssası)

## 1082. Trong một cuộc chinh phạt, khi các Sahabah chịu khổ và đói, Người nói: "Trước..."

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Trong một cuộc chinh phạt, khi các Sahabah chịu khổ và đói, Người nói: "Trước khi mặt trời lặn, Allah sẽ mang bổng lộc đến cho các ngươi"; nghe vậy, Uthman mua mười bốn lạc đà chở lương thực và gửi chín lạc đà đến Thiên Sứ của Allah ﷺ trước khi mặt trời lặn.

Chuyến hành quân Tabuk, khoảng năm 9 H (630 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 179 (Önceki bâblarda geçenler dışında haber verdiği gaybî şeylere dair mucizeler)

## 1083. Người trao con lạc đà của mình cho Mu'adh, người được cử đi Yemen, và nói: "Lạc..."

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người trao con lạc đà của mình cho Mu'adh, người được cử đi Yemen, và nói: "Lạc đà quỳ xuống ở đâu thì hãy xây masjid ở đó"; con lạc đà quỳ xuống ở một nơi nhất định (tại al-Janad), và Mu'adh xây masjid ở đó.

Năm 9–10 H (631 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 182 (Önceki bâblarda geçenler dışında haber verdiği gaybî şeylere dair mucizeler)

## 1084. Trước câu hỏi của sứ giả Banu al-Mustaliq: “Nếu năm sau chúng tôi không gặp...”

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Trước câu hỏi của sứ giả Banu al-Mustaliq: “Nếu năm sau chúng tôi không gặp được ngài, chúng tôi giao của bố thí cho ai?”, Người lần lượt đáp: “Cho Abu Bakr”, “Cho Umar”, “Cho Uthman”, rồi nói: “Khi Uthman bị giết, khốn cho các ngươi” (do Anas thuật lại).

Lời tiên tri: thời kỳ Madinah (khoảng năm 9–10 H); Ứng nghiệm: năm 11–35 H (632–656 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 196 (kendisinden sonra olacakları haber vermesi ve haber verdiği gibi çıkması)

## 1085. Trên đường từ Tabuk về, Người được báo trước rằng những kẻ giả tạo đức tin...

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Trên đường từ Tabuk về, Người được báo trước rằng những kẻ giả tạo đức tin không tham gia chuyến hành quân sẽ đến thề nhân danh Allah để xin lỗi (chương at-Tawbah, câu 94–95), và điều đó xảy ra đúng như vậy.

Trên đường từ Tabuk về, năm 9 H (630 CN)

NGUỒN İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî (el-Bidâye ve'n-Nihâye'den; thk. es-Seyyid İbrâhîm), tek cilt, s. 239 (Bâbü mâ ahbera bihî mine'l-kâinâti'l-müstakbele fî hayâtihî ve ba'deh)

## 1086. Trong cuộc chinh phạt Tabuk, Người cho cắm mũi tên lấy từ ống tên của mình...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Trong cuộc chinh phạt Tabuk, Người cho cắm mũi tên lấy từ ống tên của mình xuống đáy một cái giếng nước ít đến mức không đủ thấm giọng một người, nước liền sôi trào lên đến miệng giếng; ba mươi nghìn người uống và lấy nước đi đường, những kẻ giả tạo đức tin có mặt ở đó đều sững sờ.

Tabuk, năm 9 H (630 CN)

NGUỒN Râvendî, el-Harâic ve'l-cerâih, c. 1, s. 28 (el-Bâbü'l-evvel fî mu'cizâti nebiyyinâ Muhammed)

## 1087. Trong chuyến hành quân Tabuk với hai mươi lăm nghìn người, về một ngọn núi có...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Trong chuyến hành quân Tabuk với hai mươi lăm nghìn người, về một ngọn núi có nước rỉ từ đỉnh xuống chân, Người nói: “Nó đang khóc”; khi Người hỏi: “Hỡi núi, sao ngươi khóc?”, ngọn núi đáp bằng lời lưu loát mà ai cũng nghe: “Isa con trai của Maryam đi ngang qua tôi khi đọc câu kinh về ngọn lửa có nhiên liệu là con người và đá; từ đó tôi khóc vì sợ mình là một trong những hòn đá ấy”; Người nói: “Hãy thôi khóc, ngươi không thuộc số đó; đá ấy là lưu huỳnh”, và dòng nước rỉ lập tức khô cạn.

Tabuk, năm 9 H (630 CN)

NGUỒN Râvendî, el-Harâic ve'l-cerâih, c. 1, s. 169 (el-Bâbü'l-evvel fî mu'cizâti nebiyyinâ Muhammed)

## 1088. Trên đường từ Tabuk về, tại một thung lũng xưa kia có nước nhưng nay họ thấy...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Trên đường từ Tabuk về, tại một thung lũng xưa kia có nước nhưng nay họ thấy khô khốc, Người cho cắm một mũi tên lấy từ ống tên của mình ở phía trên thung lũng; mười hai con suối phun ra quanh mũi tên, chảy từ đầu đến cuối thung lũng, mọi người uống và đổ đầy túi nước.

Trên đường từ Tabuk về, năm 9 H (630 CN)

NGUỒN Râvendî, el-Harâic ve'l-cerâih, c. 1, s. 170 (el-Bâbü'l-evvel fî mu'cizâti nebiyyinâ Muhammed)

---

## 1089. Trong cuộc chinh phạt Tabuk, cho những Sahabah nghèo than đói, Người xin phần...

**Sahih (Xác thực)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Trong cuộc chinh phạt Tabuk, cho những Sahabah nghèo than đói, Người xin phần lương thực còn thừa, nhưng chỉ tìm được khoảng mười trái chà là đặt trước mặt Người; Người đặt tay lên và nói: “Bismillah, hãy ăn”; mọi người ăn no, và những trái chà là vẫn nguyên như cũ trước mắt họ.

Tabuk, Rajab năm 9 H (630 CN)

NGUỒN Tabersî, İ'lâmü'l-verâ bi-a'lâmi'l-hüdâ, c. 1, s. 81 (2. bâb, fasl: bazı mucizelerinin beyanı)

---

## 1090. Trên đường đi Tabuk, ở Wadi al-Mushaqqaq, khi Người đặt tay dưới dòng nước rỉ...

**Sahih (Xác thực)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Trên đường đi Tabuk, ở Wadi al-Mushaqqaq, khi Người đặt tay dưới dòng nước rỉ nhỏ, nước sôi trào với tiếng như sấm; Người nói: “Nếu các ngươi ở lại (sống đủ lâu), các ngươi sẽ thấy thung lũng này là nơi trù phú nhất.”

Tabuk, năm 9 H (630 CN)

NGUỒN İbn Şehrâşûb, Menâkıbü Âl-i Ebî Tâlib (Necef 1376/1956 baskısı), c. 1, s. 91 (fasl fî tekessüri't-taâm ve'ş-şarâb)

---

## 1091. Trong cuộc chinh phạt Tabuk, Ja'far bin Nastur ar-Rumi xuống ngựa nhặt cây roi...

**Bịa đặt (Mawdu')** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Trong cuộc chinh phạt Tabuk, Ja'far bin Nastur ar-Rumi xuống ngựa nhặt cây roi Người đánh rơi đưa cho Người; Người cầu xin cho ông: “Cầu Allah kéo dài tuổi thọ của ngươi thật lâu”; có lời thuật rằng ông sống 320 năm.

Tabuk, năm 9 H (630 CN)

NGUỒN Meclisî, Bihâru'l-envâr, c. 18, s. 17 (Bâb 6: duasının kabulü, ölülerin diriltilmesi ve hastaların şifası)

---

## 1092. Ở Tabuk, sau bài thuyết giảng của Người về những kẻ giả tạo đức tin, Amir bin...

**Sahih (Xác thực)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Ở Tabuk, sau bài thuyết giảng của Người về những kẻ giả tạo đức tin, Amir bin Qays báo lại lời Julas bin Suwayd: “Nếu Muhammad nói đúng thì chúng ta còn tệ hơn lũ lừa”; bên bục giảng, cả hai đều thề; người ta nói “Amin” cho lời cầu xin của Amir: “Lạy Allah, xin hãy mặc khải cho Nabi của Ngài câu kinh xác nhận người nói thật”, và trước khi họ tản đi, Jibril đã mang câu kinh đến (chương at-Tawbah, câu 74); Julas thú nhận và sám hối.

Chuyến hành quân Tabuk và đường về, năm 9 H (630 CN)

NGUỒN Meclisî, Bihâru'l-envâr, c. 17, s. 183 (Bâb 1: i'câzü ümmi'l-mu'cizât el-Kur'ânü'l-Kerîm)

## 1093. Trên đường từ Tabuk về, khi đạo quân kiệt sức vì khát, Người cho đổ lượng nước...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Trên đường từ Tabuk về, khi đạo quân kiệt sức vì khát, Người cho đổ lượng nước chừng một cốc trong bình của Abu Hurairah vào một cái bát và cầu xin; mọi người lần lượt đến uống, cả đạo quân và gia súc đều uống thỏa thuê, và sau cùng Người và Abu Hurairah mới uống.

Trên đường từ Tabuk về, năm 9 H (630 CN)

NGUỒN Meclisî, Bihâru'l-envâr, c. 17, s. 234 (Bâb 2: cevâmiu mu'cizâtihî ve nevâdirühâ)

## 1094. Con lạc đà cái của Người (lúc người ta định làm nó hoảng sợ) đã cất tiếng nói...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Con lạc đà cái của Người (lúc người ta định làm nó hoảng sợ) đã cất tiếng nói: “Thề bởi Allah, dù tôi có bị xé thành từng mảnh, tôi cũng không nhấc một chân khỏi chỗ.”

Thời điểm không rõ (bản tóm tắt không nêu rõ nơi xảy ra; xem âm mưu ám sát ở Aqabah trên đường từ Tabuk về)

NGUỒN Meclisî, Bihâru'l-envâr (Müessesetü'l-Vefâ), c. 17, s. 401 (ebvâbü mu'cizâtih, bâb 5: hayvanların itaati ve konuşması)

## 1095. Ở Tabuk, Người thề mà báo cho sứ giả người Tanukh của Heraclius rằng vương...

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Ở Tabuk, Người thề mà báo cho sứ giả người Tanukh của Heraclius rằng vương quyền của Najashi, kẻ đã xé thư Người gửi, cũng sẽ tan nát (như của Kisra).

Lời tiên tri: Tabuk, Rajab năm 9 H (630 CN); quyển sách không nêu sự ứng nghiệm

NGUỒN N. İçel, Hz. Muhammed'in (sas) Mucizeleri -1 (2023), "Peygamber Aleyhisselâmın Kayser Herakliyus'a Tebük'ten Mektup Gönderişi" (kitabın dipnotu: Ahmed b. Hanbel, Müsned, c:3, s:441-442; c:4,s:74; Kastalânî, Mevâhibu'l-ledünniye, c:1, s:226)

## 1096. Khi Người dẫn lễ nguyện cho người chết vắng mặt cho Najashi Ashamah của...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Khi Người dẫn lễ nguyện cho người chết vắng mặt cho Najashi Ashamah của Abyssinia ở Madinah, quan tài của ông ở xứ Abyssinia được nâng lên và hiện ra trước Người; theo một lời thuật, các chướng ngại ở giữa được dỡ bỏ và các Sahabah cũng thấy quan tài.

Rajab năm 9 H (630 CN)

NGUỒN N. İçel, Hz. Muhammed'in (sas) Mucizeleri -1 (2023), "Habeş Necaşî'si Ashama'nın Vefat Edişi ve Kendisi İçin Gıyâbî Olarak Medine'de Cenaze Namazı Kılınışı" (kitabın dipnotu: Süheylî, Ravdu'l-ünüf, c:3, s:262; İbn Hazm, Cevâmi, s:11; Ahmed b. Hanbel, Müsned, c:3, s:400, c:4, s:7; Diyarbekrî, Târîh, c:2, s:139; İbn Mâce, Sünen, c:1, s:490; Zehebî, Tarih, c:1, s:316); Kütüb-i Sitte: Buhârî, Müslim, Nesâî (Ebû Hüreyre); İbn Mâce 1536, 1538 [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 3058, c./s. 9/369; no. 3059, c./s. 9/370-371; no. 6457; no. 6458, c./s. 17/129]

## 1097. Khi Najashi Ashamah của Abyssinia qua đời và được chôn cất, trên mộ ông có một...

Hasan (Tốt) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Khi Najashi Ashamah của Abyssinia qua đời và được chôn cất, trên mộ ông có một luồng sáng hiện ra mãi không tắt.

Rajab năm 9 H (630 CN)

NGUỒN N. İçel, Hz. Muhammed'in (sas) Mucizeleri -1 (2023), "Habeş Necaşî'si Ashama'nın Vefat Edişi ve Kendisi İçin Gıyâbî Olarak Medine'de Cenaze Namazı Kılınışı" (kitabın dipnotu: İbn Hacer, el-İsâbe, c:1, s:109); Kütüb-i Sitte: Ebû Dâvûd, Cihâd (no. 2523) (kitabın dipnotunda anılmıyor; Canan'da bulunamadı, künye doğrulanmadı)

---

## 1098. Khi được hỏi vì sao trao áo của mình cho kẻ cầm đầu những kẻ giả tạo đức tin là...

**Da'if (Yếu)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Khi được hỏi vì sao trao áo của mình cho kẻ cầm đầu những kẻ giả tạo đức tin là Abdullah bin Ubayy và dẫn lễ nguyện cho hắn, Người nói: “Nhờ việc này ta mong một nghìn người trong dân của hắn sẽ theo Islam”; thấy vậy, một nghìn người Khazraj đã bỏ sự đa thần mà theo Islam.

Dhul-Qa'dah năm 9 H (631 CN)

NGUỒN N. İçel, Hz. Muhammed'in (sas) Mucizeleri -1 (2023), "Peygamberimiz Aleyhisselâmın Gömleğini Baş Münâfıka Vermesinin ve Cenaze Namazını Kıldırmasının Hikmeti" (kitabın dipnotu: Tevbe: 80 / Vâkıdî, Megâzî, c:3, s:1057-1058; Ahmed b. Hanbel, c:1, s:18; Buhârî, c:2, s:76; Müslim, Sahîh, c:4, s:1865; Diyarbekrî, Târıh, c:2, s:140); Kütüb-i Sitte: Buhârî, Müslim (İbn Ömer, Hz. Ömer: gömleğini verip cenaze namazını kılması) (kitabın dipnotuna göre; Canan'da bulunamadı)

---

## 1099. Trong đêm bão ở al-Hijr, một người thuộc Banu Sa'idah trái lệnh đi vệ sinh một...

**Da'if (Yếu)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Trong đêm bão ở al-Hijr, một người thuộc Banu Sa'idah trái lệnh đi vệ sinh một mình và bị chứng nghẹt thở; Người cầu xin cho ông, và ông khỏi bệnh.

Chuyến hành quân Tabuk, Rajab năm 9 H (630 CN)

NGUỒN N. İçel, Hz. Muhammed'in (sas) Mucizeleri -1 (2023), "Hıcr'da Emre Aykırı Hareket Eden İki Mücâhidin Başlarına Gelenler" (kitabın dipnotu: Vâkıdî, Megâzî, c:3, s:399,1006; İshak-İbn Hişam, Sîre, c:4, s:165)

## 1100. Người vỗ vào ngực Uthman bin Abi al-As và nhổ nước bọt vào miệng ông, làm tan...

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người vỗ vào ngực Uthman bin Abi al-As và nhổ nước bọt vào miệng ông, làm tan những ý nghĩ xúi giục và sự đãng trí của ông trong lễ nguyện.

Năm 9–10 H (630–632 CN), năm của các phái đoàn

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.4 s.243; 1000 Mucize no.286 (s.266); web: Heysemî, Mecmau'z-zevâid, K. Alâmâti'n-nübüvve, no 14150; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 24, Sakîf heyeti bâbı; Kütüb-i Sitte: İbn Mâce 3548 [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 7055]

## 1101. Người nguyền rủa Amir bin at-Tufayl và Arbad, những kẻ lập kế giết Người; Amir...

Hasan (Tốt) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người nguyền rủa Amir bin at-Tufayl và Arbad, những kẻ lập kế giết Người; Amir chết vì dịch hạch, Arbad chết vì sét đánh.

Năm 9–10 H

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.4 s.252; 1000 Mucize no.339 (s.321); web: Ebû Nuaym el-İsfahânî, Delâilü'n-nübüvve, 13. fasıl, no. 157; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 27-29, Benî Âmir heyeti bâbı; Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 25. fasıl; Questions on Islam, "He is Protected from his Enemies"; ayrıca: Meclisî, Bihâru'l-envâr, c. 17, s. 228; c. 18, s. 61-62, 75; İbn Şehrâşûb, Menâkıb, c. 1, s. 65; ayrıca: N. İçel, Hz. Muhammed'in (sas) Mucizeleri -2 (2023), "Âmir'le Erbed'in Peygamberimiz Aleyhisselâma Suikasta Yeltenmeleri" (kitabın dipnotu: Ebu'l-Fidâ, el-Bidâye, c:4, s:114; Halebî, İnsânu'l-uyun, c:3, s:246; İbn Sa'd, Tabakât, c:1, s:310; Süheylî, Ravdu'l-ünüf, c:7, s:438); Kütüb-i Sitte: Buhârî (aslı, satırdaki künye)

## 1102. Khi phái đoàn Abd al-Qays còn chưa xuất hiện, Người đã báo: “Từ phía kia những...”

Hasan (Tốt) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Khi phái đoàn Abd al-Qays còn chưa xuất hiện, Người đã báo: “Từ phía kia những người tốt nhất của phương đông đang đến.”

Năm 9 H

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.4 s.257; 1000 Mucize no.928 (s.764); web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 26, Abdülkays heyeti bâbı; Kütüb-i Sitte: İbn Mâce 4187 [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 7277]

## 1103. Trong giấc mơ, Người thấy hai chiếc vòng vàng trên cánh tay, Người thổi vào thì...

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Trong giấc mơ, Người thấy hai chiếc vòng vàng trên cánh tay, Người thổi vào thì chúng bay đi; Người giải đó là hai kẻ nói dối (al-Aswad al-Ansi và Musaylimah), và cả hai đều bị giết.

Giấc mơ: năm 10 H; Ứng nghiệm: năm 11–12 H (632–633 CN)

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.4 s.268; 1000 Mucize no.429 (s.419), no.978 (s.792); web: Buhârî, Menâkıb, Alâmâtü'n-nübüvve, no. 3621; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 25, Benî Hanîfe heyeti bâbı; Said Nursî, Mektubat, 19. Mektup, 6. İşaret; ayrıca: İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî, s. 269; Meclisî, Bihâru'l-envâr, c. 18, s. 112; Râvendî, el-Harâic, c. 1, s. 66; ayrıca: N. İçel, Hz. Muhammed'in (sas) Mucizeleri -1 (2023),

"Peygamberimiz Aleyhisselâmın Esved'in Öldürüldüğünü Ashabına Müjdelemesi" (kitabın dipnotu: Buharî, Sahih, c:5, s:118-119); Kütüb-i Sitte: Buharî, Ta'bir 40, 70; Müslim, Rüya,22, (2274), Tirmizî, 10, (2293) [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 965, c./s. 4/531]

---

## 1104. Người nói với Musaylimah, kẻ đến Madinah cùng phái đoàn Banu Hanifah: "Nếu..."

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người nói với Musaylimah, kẻ đến Madinah cùng phái đoàn Banu Hanifah: "Nếu ngươi quay lưng, Allah nhất định sẽ tiêu diệt ngươi"; Musaylimah bị giết ở Yamamah.

Lời tiên tri: năm 10 H; Ứng nghiệm: năm 12 H (633 CN)

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.4 s.263; 1000 Mucize no.428 (s.419), no.979 (s.793); web: Buhârî, Menâkıb, Alâmâtü'n-nübüvve, no. 3620; A'zamî, el-Câmiu'l-Kâmil, Sîre, bâb 609; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 25, Benî Hanîfe heyeti bâbı; Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 24. fasıl; ayrıca: İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî, s. 269; Kütüb-i Sitte: Buharî, Menakıb 25, Megazî 70, 71, Tevhid 29; Müslim, Rü'ya 21, (2273) [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 5984, c./s. 16/466-467]

---

## 1105. Ngay đêm vị Nabi giả al-Aswad al-Ansi bị giết ở Yemen, Người báo tin ấy ở...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Ngay đêm vị Nabi giả al-Aswad al-Ansi bị giết ở Yemen, Người báo tin ấy ở Madinah.

Rabi' al-Awwal năm 11 H (632 CN)

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.5 s.135; web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 464; c. 2, s. 182; ayrıca: İbnü'l-Cevzî, el-Vefâ, s. 319; Meclisî, Bihâru'l-envâr, c. 18, s. 131; İbn Şehrâşûb, Menâkıb, c. 1, s. 71; c. 1, s. 94; al-shia.org (Farsça mucize listeleri); ayrıca: N. İçel, Hz. Muhammed'in (sas) Mucizeleri -1 (2023), "Peygamberimiz Aleyhisselâmın Esved'in Öldürüldüğünü Ashabına Müjdelemesi" (kitabın dipnotu: Ebu'l-Fidâ, el-Bidâye ve'n-nihâye, c:6, s:308; İbn Esîr, Kâmil, c:2, s:338; Taberî, Târih, c:3, s:190,215-216,218-219 / Süheylî, Ravdu'l-ünf, c:7, s:442-443; Diyarbekrî, Târîhu'l-hamîs, c:2, s:157-159; Yâkubî, Târih, c:2, s:130; Taberî, Târih, c:3, s:162)

---

## 1106. Người cho Adi bin Hatim biết rằng một người phụ nữ sẽ lên đường từ al-Hirah, đi...

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người cho Adi bin Hatim biết rằng một người phụ nữ sẽ lên đường từ al-Hirah, đi một mình không sợ ai ngoài Allah, đến Tawaf quanh Ka'bah; Adi đã thấy điều đó.

Lời tiên tri: năm 9 H; Ứng nghiệm: năm 15–20 H

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.4 s.272; İbn Kesîr s.146; 1000 Mucize no.437 (s.428); web: Buhârî, Menâkıb, Alâmâtü'n-nübüvve, no. 3595; Münkız es-Sakkār, Delâilü'n-nübüvve; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 34, Tay heyeti bâbı; Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 24. fasıl; ayrıca: İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî, s. 246, 257; İbnü'l-Cevzî, el-Vefâ, s. 314; Elshinawy, The Prophecies of Prophet Muhammad (Yaqeen); Meclisî, Bihâru'l-envâr, c. 18, s. 136; İbn Şehrâşûb, Menâkıb, c. 1, s. 98; ayrıca: N. İçel, Hz. Muhammed'in (sas) Mucizeleri -1 (2023), "Adiyy B. Hâtim'in Medine'ye Gelip Müslüman Oluşu Esnasında Şahit Olduğu Gaybî Mucizeler" (kitabın dipnotu: Taberî, Târih, c:3, s:149,150,163; İbn Abdilberr, İstiâb, c:3. S:1057; İbn Esir, Usdu'l-gâbe, c:4, s:8; Vâkıdî, Megâzî, c:3, s:984; Ahmed b. Hanbel, Müsned, c:4, s:257- 378; İbn Kayyım, Zâdu'l-mead, c:2, s:228 / Buhârî, Sahih, c:2, s:113; Ahmed b. Hanbel, Müsned, c:4, s:25,379; Taberî, Târih, :3, s:150); Kütüb-i Sitte: Buharî, Menakıb 25 [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 5573, c./s. 15/418-419]

---

## 1107. Khi Jarir bin Abdullah chưa đến, Người báo: "Người tốt nhất của Yemen đang bước..."

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Khi Jarir bin Abdullah chưa đến, Người báo: "Người tốt nhất của Yemen đang bước vào, trên mặt có dấu ấn của Thiên Thần."

Năm 10 H

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.4 s.282; web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 33, Cerîr'in gelişi bâbı; ayrıca: N. İçel, Hz. Muhammed'in (sas) Mucizeleri -1 (2023), "Cerir b. Abdullah el-Becelî Gelmeden Önce Haber Vermesi" (kitabın dipnotu: İbn Sa'd, Tabakât, c:1, s:347; Zehebî, Tarih, c:2, s:381; İbn Abdilberr, İstiâb, c:1, s:337-338; Beyhakî, Delâil, c:5, s:346-347; Ahmed b. Hanbel, Müsned, c:4, s:357,364,365); Kütüb-i Sitte: Nesâî (satırdaki künye)

---

## 1108. Người vỗ vào ngực Jarir, người không ngồi vững trên lưng ngựa, và cầu xin; từ đó ông không bao giờ ngã ngựa nữa

**Sahih (Xác thực)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người vỗ vào ngực Jarir, người không ngồi vững trên lưng ngựa, và cầu xin; từ đó ông không bao giờ ngã ngựa nữa.

Năm 10 H

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.4 s.282; 1000 Mucize no.150 (s.131); web: Mişkâtü'l-Mesâbîh, Fezâil, bâbün fi'l-mu'cizât, no. 5897; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 34, Cerîr'in gelişi bâbı; Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 23. fasıl; ayrıca: IslamHouse, The Miracles of Muhammad; Kütüb-i Sitte: Buhârî, Megazî 62, Cihâd 154, 162; Müslim, Fedâilu's-Sahâbe 137; Ebû Dâvud, Cihâd 172, (2772) [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 4302, c./s. 12/275]

---

## 1109. Người báo tin mừng cho các Sahabah về việc Wa'il bin Hujr sẽ đến, ba ngày trước khi ông đến

**Da'if (Yếu)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người báo tin mừng cho các Sahabah về việc Wa'il bin Hujr sẽ đến, ba ngày trước khi ông đến.

Năm 9–10 H

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.4 s.285; 1000 Mucize no.919 (s.757); web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 35, Hadramevt heyeti bâbı; ayrıca: Meclisî, Bihâru'l-envâr, c. 18, s. 108; Râvendî, el-Harâic, c. 1, s. 60-61; ayrıca: N. İçel, Hz. Muhammed'in (sas) Mucizeleri -1 (2023), "Yemen krallarından Vâil b. Hucr'un Geleceğinin Haber Verilmesi" (kitabın dipnotu: İbn Esîr, Usdu'l-gâbe, c:5, s:425,435; Buhârî, Târîh, ks:2, s:4, s:175; Heysemî, Mecmau'z-zevâid, c:9, s:374; İbn Sa'd,Tabakât, c:1, s:349)

---

## 1110. Nước tuôn ra từ giữa các ngón tay Người, do Ziyad bin al-Harith as-Suda'i chứng kiến

**Da'if (Yếu)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Nước tuôn ra từ giữa các ngón tay Người, do Ziyad bin al-Harith as-Suda'i chứng kiến.

Năm 8–9 H

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.4 s.289; 1000 Mucize no.264 (s.238), no.269 (s.244); web: Heysemî, Mecmau'z-zevâid, K. Alâmâti'n-nübüvve, no 14106; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 69

---

## 1111. Giếng của phái đoàn Suda' thường khô vào mùa hè; khi bảy viên sỏi Người trao...

**Da'if (Yếu)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Giếng của phái đoàn Suda' thường khô vào mùa hè; khi bảy viên sỏi Người trao được ném xuống, nước không bao giờ cạn nữa.

Năm 8–9 H

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.4 s.289; 1000 Mucize no.264 (s.238), no.269 (s.244); web: İbn Kesîr, el-Bidâye ve'n-Nihâye, c. 6, s. 101 — Delâilü'n-nübüvve: yeryüzü mucizeleri – suyun çoğalması; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 69; ayrıca: İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî, s. 69-70; İbnü'l-Cevzî, el-Vefâ, s. 290; Meclisî, Bihâru'l-envâr, c. 18, s. 34-35; Râvendî, el-Harâic, c. 2, s. 513-514

---

## 1112. Từ chút chà là ít ỏi trong nhà Umar, 400 kỵ sĩ của Muzaynah được cấp lương thực...

Hasan (Tốt) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Từ chút chà là ít ỏi trong nhà Umar, 400 kỵ sĩ của Muzaynah được cấp lương thực mà chà là không hề vơi.

Năm 5–9 H

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.4 s.302; İbn Kesîr s.52; 19. Mektup listesi (183.txt) no.130; 1000 Mucize no.253 (s.227); web: A'zamî, el-Câmiu'l-Kâmil, Sîre, bâb 577; Heysemî, Mecmau'z-zevâid, K. Alâmâti'n-nübüvve, no 14114-14116; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 38, Müzeyne ve Cüheyne heyeti bâbı; Said Nursî, Mektubat, 19. Mektup, 7. İşaret, 13. misal; ayrıca: N. İçel, Hz. Muhammed'in (sas) Mucizeleri -2 (2023), "Müzeynelere İkrâm Edilen Yol Azığında Müşâhade Edilen Mu'cize" (kitabın dipnotu: Beyhakî, Delâilü'n-nübüvve, c:5, s:365-366); Kütüb-i Sitte: Ebû Dâvûd, Edeb (satırdaki künye) [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 407, c./s. 3/178]

---

## 1113. Người báo cho phái đoàn của Surad bin Abdullah biết điều đang xảy đến với dân...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người báo cho phái đoàn của Surad bin Abdullah biết điều đang xảy đến với dân họ ở Jurash lúc ấy (“Lạc đà đang bị giết trên núi Shakar”).

Năm 10 H

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.4 s.309; 1000 Mucize no.350 (s.336); web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 42, Cüreş heyeti bâbı; ayrıca: N. İçel, Hz. Muhammed'in (sas) Mucizeleri -1 (2023), "Peygamberimiz Aleyhisselâmın Cüreş Halkının Şekr'de Öldürülmekte Olduğunu Haber Verişi" (kitabın dipnotu: İbn İshak-İbn Hişam, Sîre, c:4, s:234,238; İbn Sa'd, Tabakâtü'l-kübrâ, c:1, s.338; Kastalânî, Mevâhibü'l-ledünniye, c:1, s:314)

---

## 1114. Những người Kitô giáo ở Najran ngần ngại và tránh né cuộc thề nguyền rủa...

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Những người Kitô giáo ở Najran ngần ngại và tránh né cuộc thề nguyền rủa (mubahalah) (“Nếu họ thề nguyền rủa nhau, họ đã bị tiêu diệt”).

Năm 9–10 H

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.4 s.318; web: Ebû Nuaym el-İsfahânî, Delâilü'n-nübüvve, 17. fasıl, no. 244-245; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 40-41, Necran heyeti bâbı; Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 28. fasıl; ayrıca: İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî, s. 221; İbnü'l-Cevzî, el-Vefâ, s. 54; Meclisî, Bihâru'l-envâr, c. 18, s. 131; Râvendî, el-Harâic, c. 1, s. 134-135; WikiShia (Farsça), «Mu'cizât-ı Peygamber» maddesi; al-shia.org (Farsça mucize listeleri); Kütüb-i Sitte: Buhârî, Fedailu'l-Ashab 21, Megazî 72, İcazetu Haberi'l-Vahid 1 [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 5979, c./s. 16/460]

---

## 1115. Người vỗ vào ngực Ali, người được cử làm thẩm phán ở Yemen, và cầu xin: “Lạy...”

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người vỗ vào ngực Ali, người được cử làm thẩm phán ở Yemen, và cầu xin: “Lạy Allah, xin hướng dẫn trái tim cậu ấy, làm vững lời nói cậu ấy”; từ đó Ali không bao giờ do dự trong phán quyết.

Năm 10 H

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.4 s.335; 1000 Mucize no.948 (s.774); web: Nişancızâde, Mir'ât-ı Kâinât'tan; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 122; ayrıca: Meclisî, Bihâru'l-envâr, c. 18, s. 12; Râvendî, el-Harâic, c. 1, s. 53; İbn Şehrâşûb, Menâkıb, c. 1, s. 74; Kütüb-i Sitte: Ebu Dâvud, Akdiye 6, (3582); Tirmizî, Ahkâm 5, (1331); İbnu Mâce, Ahkâm 1, (2310) [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 4891, c./s. 14/90; no. 6706]

## 1116. Khi Người chia số vàng Ali gửi từ Yemen, một người nói: “Hãy kính sợ Allah”...

**Sahih (Xác thực)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Khi Người chia số vàng Ali gửi từ Yemen, một người nói: “Hãy kính sợ Allah”; Người báo rằng từ dòng dõi hắn sẽ xuất hiện một nhóm người đọc Qur'an mà nó không vượt quá cổ họng họ; Ali đã giao chiến với họ ở Nahrawan.

Lời tiên tri: năm 10 H (631–632 CN); Ứng nghiệm: năm 38 H (658 CN)

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.5 s.205; İbn Kesîr s.159; 19. Mektup listesi (183.txt) no.17; Kütüb-i Sitte: Buhâri, Menâkıb 25, İstitabe 6, 7; Müslim, Zekât 143-148, (1064); Müslim, Zekat 156, (1066) [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 4816, c./s. 13/494; no. 4813, c./s. 13/488-489]

## 1117. Người nói với Mu'adh khi tiễn ông đi Yemen: “Có lẽ sau năm nay ngươi sẽ không...”

**Sahih (Xác thực)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người nói với Mu'adh khi tiễn ông đi Yemen: “Có lẽ sau năm nay ngươi sẽ không gặp lại ta, ngươi sẽ đi ngang qua masjid và mộ của ta.”

Năm 10 H

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.4 s.341; 1000 Mucize no.939 (s.771); web: Nişancızâde, Mir'ât-ı Kâinât'tan; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 66; ayrıca: Meclisî, Bihâru'l-envâr, c. 18, s. 116; Râvendî, el-Harâic, c. 1, s. 102; ayrıca: N. İçel, Hz. Muhammed'in (sas) Mucizeleri -1 (2023), "Peygamberimiz Aleyhisselâmın Muaz b. Cebel'e Kendisiyle Bir Daha Görüşemeyeceğini ve Bazı Hadiseleri Haber verişi" (kitabın dipnotu: Taberî, Târih, c:3, s:167; Ahmed b. Hanbel, Müsned, c:5, s:235)

## 1118. Câu chuyện của Tamim ad-Dari về al-Jassasah và Dajjal bị xích khớp với những gì...

**Sahih (Xác thực)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Câu chuyện của Tamim ad-Dari về al-Jassasah và Dajjal bị xích khớp với những gì Người đã kể trước đó.

Năm 9 H

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.4 s.358; web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 45-46, Dârîler heyeti bâbı; Kütüb-i Sitte: Müslim, Fiten 119, (2942); Ebu Davud, Melahim 15, (4325, 4326); Tirmizî, Fiten 66, (2254) [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 5009, c./s. 14/290-292]

## 1119. Câu chuyện Hamah bin al-Haym, cháu của Iblis, đến gặp Người và theo Islam

**Bịa đặt (Mawdu')** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Câu chuyện Hamah bin al-Haym, cháu của Iblis, đến gặp Người và theo Islam.

Thời điểm không rõ

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.4 s.360; web: Ebû Nuaym el-İsfahânî, Delâilü'n-nübüvve, 17. fasıl, no. 269; Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 27. fasıl; Questions on Islam, "Miracles concerning Angels and Jinn"; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 234-236); ayrıca: Meclisî, Bihâru'l-envâr, c. 18, s. 83-84

## 1120. Lời thuật về việc Người gặp Nabi Ilyas

**Bịa đặt (Mawdu')** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Lời thuật về việc Người gặp Nabi Ilyas.

Thời điểm không rõ

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.4 s.364; web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 459; ayrıca: Meclisî, Bihâru'l-envâr, c. 17, s. 301; İbn Şehrâşûb, Menâkıb, c. 1, s. 118

---

## 1121. Lời thuật cho rằng Người đã nghe lời của Khidr

Bịa đặt (Mawdu') CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Lời thuật cho rằng Người đã nghe lời của Khidr.

Thời điểm không rõ

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.4 s.365; web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 151-152

---

## 1122. Trong Hajj Từ Biệt, Người báo trước sự qua đời của mình: "Có lẽ sau năm nay ta..."

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Trong Hajj Từ Biệt, Người báo trước sự qua đời của mình: "Có lẽ sau năm nay ta sẽ không gặp lại các ngươi."

Dhul-Hijjah năm 10 H (tháng 3 năm 632)

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.4 s.391; 19. Mektup listesi (183.txt) no.114; web: Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 29. fasıl; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 65; Kütüb-i Sitte: Müslim, Hacc 310, (2197); Ebu Dâvud, 78 (1970); Nesâî, Hacc 220, (5, 270) [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 1452, c./s. 6/19]

---

## 1123. Mọi người ở các nơi dừng chân đều nghe được bài thuyết giảng của Người ở Mina ngay từ chỗ mình ngồi

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Mọi người ở các nơi dừng chân đều nghe được bài thuyết giảng của Người ở Mina ngay từ chỗ mình ngồi.

Dhul-Hijjah năm 10 H (tháng 3 năm 632)

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.4 s.718; 1000 Mucize no.363 (s.349); web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 113; Kütüb-i Sitte: Ebu Dâvud, Menâsik 70, (1951); Nesâî, Hacc 189, (5, 249) [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 1559, c./s. 6/145]

---

## 1124. Trong Hajj Từ Biệt, Người nói với Sa'd bin Abi Waqqas đang bệnh nặng: "Có lẽ..."

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Trong Hajj Từ Biệt, Người nói với Sa'd bin Abi Waqqas đang bệnh nặng: "Có lẽ ngươi sẽ còn sống lâu; một số người sẽ được lợi nhờ ngươi, một số người sẽ bị thiệt"; Sa'd sống thêm 45 năm và chinh phục Iraq.

Lời tiên tri: năm 10 H; Ứng nghiệm: năm 14–55 H

NGUỒN 1000 Mucize no.145 (s.125), no.322 (s.299); web: Said Nursî, Mektubat, 19. Mektup, 5. İşaret; Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 24. fasıl; Questions on Islam, "His Information related to the Future Turn out True"; ayrıca: N. İçel, Hz. Muhammed'in (sas) Mucizeleri -2 (2023), "Peygamberimiz Aleyhisselâmın Sa'd b. Ebi Vakkas'ı Ziyâret ve Teselli Edişi" (kitabın dipnotu: Ahmed b. Hanbel, c:1, S:168,171,176; Vâkıdî, Megâzî, c:3, s:1115-1116; Nesâî, Sünen, c:6, s:241; İbn Sa'd, Tabakât, c:1,s:251-252 / İbn Esîr, Usdu'l-gâbe, c:1, s:413; İbn Sa'd, Tabakât, c:3,s:149); Kütüb-i Sitte: Buharî Cenaiz 37, Vasaya 2, 3, Megazi 77; Müslim, Vesaya 5, (1628); Tirmizî 6, (975); Ebu Davud, Vesaya 2, (2864) [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 5797, c./s. 16/260]

---

## 1125. Với việc chương an-Nasr được mặc khải,

## Người được báo rằng ngày ra đi của Người đã gần

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Với việc chương an-Nasr được mặc khải, Người được báo rằng ngày ra đi của Người đã gần.

Dhul-Hijjah năm 10 H (tháng 3 năm 632)

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.5 s.447; web: Buhârî, Menâkıb, Alâmâtü'n-nübüvve, no. 3627; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 470; ayrıca: Meclisî, Bihâru'l-envâr, c. 18, s. 116; Râvendî, el-Harâic, c. 1, s. 102; Kütüb-i Sitte: Buhârî 3627, 4970 (satırdaki künye)

---

## 1126. Người cho Adi bin Hatim biết rằng kho báu của Kisra bin Hurmuz sẽ bị chinh...

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người cho Adi bin Hatim biết rằng kho báu của Kisra bin Hurmuz sẽ bị chinh phục; Adi có mặt trong số những người mở những kho báu ấy.

Lời tiên tri: năm 9 H; Ứng nghiệm: năm 16 H (637 CN)

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.4 s.272; İbn Kesîr s.146; web: Buhârî, Menâkıb, Alâmâtü'n-nübüvve, no. 3595; A'zamî, el-Câmiu'l-Kâmil, Sîre, bâb 607; ayrıca: İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî, s. 246, 257; İbnü'l-Cevzî, el-Vefâ, s. 314; Elshinawy, The Prophecies of Prophet Muhammad (Yaqeen); ayrıca: N. İçel, Hz. Muhammed'in (sas) Mucizeleri -1 (2023), "Adiyy B. Hâtim'in Medine'ye Gelip Müslüman Oluşu Esnasında Şahit Olduğu Gaybî Mucizeler" (kitabın dipnotu: Taberî, Târih, c:3, s:149,150,163; İbn Abdilberr, İstiâb, c:3. S:1057; İbn Esir, Usdu'l-gâbe, c:4, s:8; Vâkıdî, Megâzî, c:3, s:984; Ahmed b. Hanbel, Müsned, c:4, s:257- 378; İbn Kayyım, Zâdu'l-mead, c:2, s:228 / Buhârî, Sahih, c:2, s:113; Ahmed b. Hanbel, Müsned, c:4, s:25,379; Taberî, Târih, :3, s:150); Kütüb-i Sitte: Buharî, Menakıb 25 [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 5573, c./s. 15/418-419]

---

## 1127. Người cho Adi bin Hatim biết sẽ đến một thời mà người ta đem vàng đầy tay đi bố...

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người cho Adi bin Hatim biết sẽ đến một thời mà người ta đem vàng đầy tay đi bố thí cũng không tìm được ai nhận.

Lời tiên tri: năm 9 H; Ứng nghiệm: năm 99–101 H (thời Umar bin Abd al-Aziz)

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.4 s.272; İbn Kesîr s.146; web: Buhârî, Menâkıb, Alâmâtü'n-nübüvve, no. 3595; ayrıca: İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî, s. 246, 257; İbnü'l-Cevzî, el-Vefâ, s. 314; Elshinawy, The Prophecies of Prophet Muhammad (Yaqeen); ayrıca: N. İçel, Hz. Muhammed'in (sas) Mucizeleri -1 (2023), "Adiyy B. Hâtim'in Medine'ye Gelip Müslüman Oluşu Esnasında Şahit Olduğu Gaybî Mucizeler" (kitabın dipnotu: Taberî, Târih, c:3, s:149,150,163; İbn Abdilberr, İstiâb, c:3. S:1057; İbn Esir, Usdu'l-gâbe, c:4, s:8; Vâkıdî, Megâzî, c:3, s:984; Ahmed b. Hanbel, Müsned, c:4, s:257- 378; İbn Kayyım, Zâdu'l-mead, c:2, s:228 / Buhârî, Sahih, c:2, s:113; Ahmed b. Hanbel, Müsned, c:4, s:25,379; Taberî, Târih, :3, s:150); Kütüb-i Sitte: Buharî, Menakıb 25 [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 5573, c./s. 15/418-419]

---

## 1128. Nhờ lời cầu xin Người dạy cho Uthman bin Abi al-As vì cơn đau trong người...

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Nhờ lời cầu xin Người dạy cho Uthman bin Abi al-As vì cơn đau trong người (“Bismillah... a'udhu bi-'izzatillahi wa qudratih”), cơn đau của ông biến mất.

Năm 9–10 H

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.4 s.243; web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 25, Sakîf heyeti bâbı; Kütüb-i Sitte: Müslim, Selam 67, (2202); Muvatta, Ayn 9, (2, 942); Ebu Dâvud, Tıbb 19, (3891); Tirmizî, Tıbb 29, (2081) [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 4032, c./s. 11/344]

## 1129. Trên đường đi Hajj, ở ar-Rawha', không tìm được chỗ che để đi vệ sinh, Người...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Trên đường đi Hajj, ở ar-Rawha', không tìm được chỗ che để đi vệ sinh, Người bảo Usamah bin Zayd truyền lệnh của Người cho những hòn đá, và những hòn đá lần lượt nhảy đến khép sát vào nhau như bức tường để che cho Người.

Đường đi Hajj Từ Biệt, năm 10 H (632 CN)

NGUỒN 1000 Mucize no.211 (s.193)

## 1130. Ở ar-Rawha', sau khi Người đi vệ sinh xong, Người cho Usamah bin Zayd truyền...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Ở ar-Rawha', sau khi Người đi vệ sinh xong, Người cho Usamah bin Zayd truyền lệnh, và những cây chà là cùng những hòn đá lần lượt nhảy về chỗ cũ.

Đường đi Hajj Từ Biệt, năm 10 H (632 CN)

NGUỒN 1000 Mucize no.213 (s.193); web: Questions on Islam, "Miracles Concerning Trees"

## 1131. Trong năm Hajj Từ Biệt, Người xoa mặt Khuzaymah trong phái đoàn mười người của...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Trong năm Hajj Từ Biệt, Người xoa mặt Khuzaymah trong phái đoàn mười người của Muharib, và gương mặt ông trở nên sáng ngời rạng rỡ.

Phái đoàn Muharib, năm 10 H (632 CN)

NGUỒN 1000 Mucize no.220 (s.199); web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 48, Muhârib heyeti bâbı

## 1132. Habib bin Amr và các bạn trong phái đoàn bảy người của Banu Salaman than về hạn...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Habib bin Amr và các bạn trong phái đoàn bảy người của Banu Salaman than về hạn hán ở quê; Người giơ tay cầu mưa; ba ngày sau khi phái đoàn trở về, họ biết rằng mưa đã rơi trên quê họ đúng vào ngày Người cầu xin.

Phái đoàn Salaman, khoảng năm 10 H (631 CN)

NGUỒN 1000 Mucize no.270 (s.248); web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 47, Selâmân heyeti bâbı

## 1133. Người giải giấc mơ của Zurarah bin Amr, thủ lĩnh phái đoàn hai trăm người của...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người giải giấc mơ của Zurarah bin Amr, thủ lĩnh phái đoàn hai trăm người của an-Nakha' (con dê ông để lại ở nhà đẻ ra một con non màu sẫm, có tật) là người nữ tỳ đang mang thai của ông đã sinh cho ông một con trai, và nói rằng màu da của đứa trẻ là do bệnh bạch biến (baras) mà Zurarah giấu mọi người.

Phái đoàn an-Nakha', Muharram năm 10 H (631 CN) (theo văn bản)

NGUỒN 1000 Mucize no.279 (s.257), no.992 (s.805); web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 57; ayrıca: N. İçel, Hz. Muhammed'in (sas) Mucizeleri -2 (2023), "Zürâre b. Amr'ın Gelirken Yolda Gördüğü Rüyayı Peygamberimiz Aleyhisselâma Anlatıp Yordurması" (kitabın dipnotu: İbn Hacer, el-İsâbe, c:1, s:548 / İbn Hacer, el-İsâbe, c:1, s:548; Halebî, İnsanu'l-uyûn, c:3, s:279)

---

## 1134. Vào ngày lễ tế, người ta mang đến cho Người năm, sáu hoặc bảy con lạc đà để...

**Sahih (Xác thực)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Vào ngày lễ tế, người ta mang đến cho Người năm, sáu hoặc bảy con lạc đà để Người giết tế; những con lạc đà chen nhau sáp lại gần Người như để được Người bắt đầu với mình trước (do Abdullah bin Qurt thuật lại).

Hajj Từ Biệt, Dhul-Hijjah năm 10 H (632 CN)

NGUỒN Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 19. fasıl (hayvanlar)

---

## 1135. Người kẹp tai một con cừu của một nhóm người thuộc bộ tộc Abd al-Qays giữa hai...

**Da'if (Yếu)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người kẹp tai một con cừu của một nhóm người thuộc bộ tộc Abd al-Qays giữa hai ngón tay rồi thả ra; trên tai nó hiện ra một dấu, và dấu ấy còn mãi ở con cừu đó và cả dòng giống của nó.

Phái đoàn Abd al-Qays, năm 8–10 H

NGUỒN Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 19. fasıl (hayvanlar)

---

## 1136. Khi đến theo Islam, al-Jarud bin Abdullah nói: "Tôi đã thấy đặc điểm của ngài..."

**Da'if (Yếu)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Khi đến theo Islam, al-Jarud bin Abdullah nói: "Tôi đã thấy đặc điểm của ngài trong Kinh Injil; con trai của Trinh Nữ (Isa) đã báo tin mừng về ngài."

Năm 9–10 H (630–631 CN), phái đoàn Abd al-Qays

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 24 (Tevrat ve İncil'de anılması bâbı)

---

## 1137. Người trao cho Sinan bin Talq al-Yamami, một trong những người đến đầu tiên của...

**Da'if (Yếu)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người trao cho Sinan bin Talq al-Yamami, một trong những người đến đầu tiên của phái đoàn Banu Hanifah, phần nước còn thừa sau khi Người gội đầu và, theo lời ông xin, một mảnh áo của Người; mảnh áo được gia đình ông cất giữ, đem giặt rồi lấy nước cho người bệnh uống để chữa bệnh.

Năm 9–10 H (630–632 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 25-26, Benî Hanîfe heyeti bâbı

---

## 1138. Người kể từng loại chà là ở quê Hajar của phái đoàn Abd al-Qays bằng đúng tên...

**Da'if (Yếu)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người kể từng loại chà là ở quê Hajar của phái đoàn Abd al-Qays bằng đúng tên của chúng; họ nói: "Dù ngài sinh ra và lớn lên giữa chúng tôi cũng không thể biết rõ hơn thế."

Năm 8–9 H (630 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 26, Abdülkays heyeti bâbı

## 1139. Người đánh vào lưng người thân bị điên của Zari' (Wazi') al-Abdi, người đến...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người đánh vào lưng người thân bị điên của Zari' (Wazi') al-Abdi, người đến cùng phái đoàn Abd al-Qays, và nói: "Hãy ra đi, hỡi kẻ thù của Allah!", người ấy liền nhìn với ánh mắt tỉnh táo; sau khi Người xoa mặt và cầu xin cho ông, trong phái đoàn không ai hơn được ông.

Năm 8–9 H (630 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 27, Abdülkays heyeti bâbı

## 1140. Khi cấm rượu với phái đoàn Abd al-Qays, Người nói: "Khi uống vào, một người..."

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Khi cấm rượu với phái đoàn Abd al-Qays, Người nói: "Khi uống vào, một người trong các ngươi sẽ chém gươm vào chân anh em họ của mình"; một người trong phái đoàn (tên al-Harith) đã bị thương đúng như thế, xấu hổ che chân lại.

Năm 8–9 H (630 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 27, Abdülkays heyeti bâbı

## 1141. Người xoa đầu Ziyad bin Abdullah bin Malik trong phái đoàn Banu Hilal xuống đến...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người xoa đầu Ziyad bin Abdullah bin Malik trong phái đoàn Banu Hilal xuống đến chóp mũi; con cháu Hilal thấy phúc lành (ánh sáng) trên mặt ông cho đến khi ông chết, và các nhà thơ đã nhắc đến điều này trong thơ.

Năm 9–10 H (630–632 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 33, Benî Hilâl heyeti bâbı

## 1142. Người dùng một mũi tên (qadah) đánh vào cái bướu trên mu bàn tay của Abu Sabrah...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người dùng một mũi tên (qadah) đánh vào cái bướu trên mu bàn tay của Abu Sabrah Yazid bin Malik al-Ju'fi, thứ cản ông cầm dây cương lạc đà, rồi xoa lên, và cái bướu biến mất.

Năm 9–10 H (630–632 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 33, Cu'fî heyeti bâbı

## 1143. Người cầu xin cho tật nói lắp của Mikhwas bin Ma'dikarib trong phái đoàn...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người cầu xin cho tật nói lắp của Mikhwas bin Ma'dikarib trong phái đoàn Hadramawt (Kindah); khi trên đường về ông bị liệt mặt (laqwah), Người chỉ cách: "Hãy nung đỏ một cây kim rồi lật mí mắt ông ấy, thuốc chữa ở đó", và người bệnh khỏi.

Năm 10 H (631 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 36, Hadramevt heyeti bâbı

---

## 1144. Người trao cho Aqyas (Aq'as) bin Salamah trong phái đoàn Banu Suhaym một bình...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người trao cho Aqyas (Aq'as) bin Salamah trong phái đoàn Banu Suhaym một bình nước mà Người đã nhổ nước bọt và súc miệng vào, và nói: “Hãy rảy cái này trong masjid của các ngươi, hãy ngẩng cao đầu”; không ai trong bộ tộc ấy đi theo Musaylimah, và trong họ không có ai thuộc phái Khawarij.

Năm 9–10 H (630–632 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 38, Benî Sühaym heyeti bâbı

---

## 1145. Abu Harithah bin Alqamah, học giả và giám mục của phái đoàn Najran sáu mươi...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Abu Harithah bin Alqamah, học giả và giám mục của phái đoàn Najran sáu mươi người, nói với người em là Kurz, kẻ chửi Nabi ﷺ khi con la vấp ngã: “Người ấy là vị Nabi mà chúng ta chờ đợi, người được Isa báo tin mừng; nhưng chúng ta không theo người ấy vì sợ mất những gì các vua La Mã ban cho”, và Kurz đã theo Islam.

Năm 9–10 H (631 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 40, Necran heyeti bâbı

---

## 1146. Phái đoàn Banu Fazarah hơn mười người đến sau chuyến Tabuk than về hạn hán...

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Phái đoàn Banu Fazarah hơn mười người đến sau chuyến Tabuk than về hạn hán; Người lên bục giảng, giơ tay cầu mưa; mưa rơi sáu ngày không ngớt, rồi với lời cầu xin “Quanh chúng con, đừng trên chúng con”, mây tan khỏi bầu trời Madinah.

Năm 9 H (630 CN), trên đường từ Tabuk về

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 43, Benî Fezâre heyeti bâbı

---

## 1147. Năm 9 H, phái đoàn Dari đến than về hạn hán; Người cầu mưa; vào những ngày họ...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Năm 9 H, phái đoàn Dari đến than về hạn hán; Người cầu mưa; vào những ngày họ trở về, mưa bắt đầu rơi, cứ mười lăm ngày mưa một lần; lạc đà có cỏ ăn ngay chỗ nằm, cừu béo đến mức không ra khỏi chuồng được.

Năm 9 H (630–631 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 45, Dârîler heyeti bâbı

---

## 1148. Khi al-Harith bin Abd Kulal, một trong các vua Himyar, chưa đến, Người nói: “Từ...”

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Khi al-Harith bin Abd Kulal, một trong các vua Himyar, chưa đến, Người nói: “Từ con đường kia sẽ có một người dòng dõi cao quý, gương mặt đẹp bước vào”; al-Harith bước vào, theo Islam, và Người trải áo choàng của mình

cho ông ngồi.

Năm 9–10 H (630–632 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 46, Hâris b. Abdikülâl'in gelişi bâbı

---

## 1149. Trên đường đi Hajj, ở ar-Rawha', một người phụ nữ mang đến đứa con trai bị ngất...

**Sahih (Xác thực)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Trên đường đi Hajj, ở ar-Rawha', một người phụ nữ mang đến đứa con trai bị ngất từ khi mới sinh; Người nhổ nước bọt vào miệng đứa trẻ và nói: “Hãy ra đi, hỡi kẻ thù của Allah, ta là Thiên Sứ của Allah”; khi Người trở về, người phụ nữ báo rằng đứa trẻ đã khỏi và tặng Người một con cừu.

Đường đi Hajj Từ Biệt, năm 10 H (632 CN)

NGUỒN Beyhakî, Delâilü'n-nübüvve, c.6 s.25

---

## 1150. Khi đến thăm Sa'd bin Abi Waqqas bị bệnh ở Makkah, Người đặt tay lên trán ông...

**Sahih (Xác thực)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Khi đến thăm Sa'd bin Abi Waqqas bị bệnh ở Makkah, Người đặt tay lên trán ông và xoa mặt, xoa ngực ông; nhiều năm sau Sa'd vẫn còn cảm thấy sự mát lạnh của bàn tay ấy trong lòng.

Năm 10 H (Hajj Từ Biệt, Makkah)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 127 (Yaratılışının vasfına dair toplu bâb)

---

## 1151. Một giáo sĩ Do Thái nghe Ali, người được cử đi Yemen, mô tả về Người, liền tự...

**Da'if (Yếu)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Một giáo sĩ Do Thái nghe Ali, người được cử đi Yemen, mô tả về Người, liền tự mình kể ra các đặc điểm của Người (vệt đỏ trong mắt, râu và miệng đẹp v.v.) và nói: “Tôi thấy những điều này trong kinh sách của tổ tiên tôi; người ấy xuất hiện từ đất thánh, di cư đến vùng có vườn chà là, những người giúp đỡ người ấy là con cháu Amr bin Amir”, làm chứng cho sứ mạng Nabi của Người.

Năm 10 H (631–632 CN), Yemen

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 128 (Yaratılışının vasfına dair toplu bâb)

---

## 1152. Người cho Thabit bin Qays, không hề chuẩn bị, đáp lại người diễn thuyết Utarid...

**Da'if (Yếu)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người cho Thabit bin Qays, không hề chuẩn bị, đáp lại người diễn thuyết Utarid bin Hajib của phái đoàn Banu Tamim, và cho Hassan bin Thabit đáp lại nhà thơ az-Zibriqan của họ; phái đoàn nói với nhau: “Người này được (thần thánh) hỗ trợ; người diễn thuyết của người ấy giỏi hơn người diễn thuyết của chúng ta, nhà thơ của người ấy giỏi hơn nhà thơ của chúng ta”, rồi theo Islam.

Phái đoàn Banu Tamim, năm 9 H (630 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 58 (Heyetlerin gelişinde vuku bulan mucizeler)

## 1153. Từ con cừu nướng do người phụ nữ có con được chữa khỏi mang đến khi Người từ...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Từ con cừu nướng do người phụ nữ có con được chữa khỏi mang đến khi Người từ Hajj trở về, Người ba lần xin cái chân trước (dhira'); khi người ta nói "Con cừu chỉ có hai chân trước", Người cho biết nếu người ấy im lặng thì Người xin bao nhiêu sẽ có bấy nhiêu chân trước.

Trên đường về từ Hajj Từ Biệt, năm 10 H (632 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 61 (Veda Haccı'nda vuku bulan mucizeler)

## 1154. Khi Tawaf đến góc phía tây của Ka'bah, góc ấy cất tiếng nói: "Thưa Thiên Sứ của..."

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Khi Tawaf đến góc phía tây của Ka'bah, góc ấy cất tiếng nói: "Thưa Thiên Sứ của Allah, chẳng phải tôi cũng là một trong những nền móng của ngôi nhà của Thượng Đế ngài sao? Sao tôi không được chạm hôn?"; Người đến gần và nói: "Hãy yên lòng; bình an cho ngươi, ngươi không bị bỏ rơi."

Hajj Từ Biệt, năm 10 H (632 CN) (theo chương sách)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 65 (Veda Haccı'nda vuku bulan mucizeler)

## 1155. Trong Hajj Từ Biệt, Người xuống al-Hajun trong buồn bã và nước mắt, một lúc sau...

Bịa đặt (Mawdu') CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Trong Hajj Từ Biệt, Người xuống al-Hajun trong buồn bã và nước mắt, một lúc sau trở về vui mừng; Người kể với Aisha rằng Người đã đến mộ mẹ mình, cầu xin Allah làm bà sống lại, mẹ Người đã được làm sống lại, đã tin theo Người rồi lại qua đời.

Hajj Từ Biệt, năm 10 H (632 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 66 (Veda Haccı'nda vuku bulan mucizeler)

## 1156. Khi các vua Hadramawt/Kindah, trong đó có al-Ash'ath bin Qays, thử thách và đòi...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Khi các vua Hadramawt/Kindah, trong đó có al-Ash'ath bin Qays, thử thách và đòi bằng chứng sứ mạng Nabi của Người: "Chúng tôi đã giấu một thứ cho ngài, đó là gì?", Người bốc một nắm sỏi và nói: "Những viên sỏi này làm chứng rằng ta là Thiên Sứ của Allah", và những viên sỏi tán dương Allah trong lòng bàn tay Người.

Phái đoàn Kindah, năm 10 H (631 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 125 (Cansız varlık türlerindeki mucizeleri)

## 1157. Lửa không làm hại Dhu'ayb bin Kulayb, người bị vị Nabi giả al-Aswad al-Ansi, kẻ...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Lửa không làm hại Dhu'ayb bin Kulayb, người bị vị Nabi giả al-Aswad al-Ansi, kẻ chiếm Sana'a, ném vào lửa vì đã tin theo; Thiên Sứ của Allah ﷺ báo tin này cho các Sahabah ở Madinah, và Umar nói: "Ca ngợi Allah, Đấng đã tạo ra trong Ummah chúng ta một người như Ibrahim, bạn thân của Ngài."

Năm 10–11 H (632 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 133 (Cansız varlık türlerindeki mucizeleri: ateşin yakmaması)

## 1158. Trong lễ nguyện nhật thực, Thiên Đàng và Hỏa Ngục được cho Người thấy; Người...

**Sahih (Xác thực)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Trong lễ nguyện nhật thực, Thiên Đàng và Hỏa Ngục được cho Người thấy; Người vươn tay muốn hái một chùm trái từ Thiên Đàng ("Nếu ta hái được, các ngươi sẽ ăn nó chừng nào thế gian còn tồn tại"), và Người thấy Hỏa Ngục cùng việc phần đông cư dân trong đó là phụ nữ.

Nhật thực, năm 10 H (632 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 150 (Mânaların cisim sûretinde görülmesine dair mucizeler)

## 1159. Người báo: "Shaytan đã tuyệt vọng việc được những người dâng lễ nguyện ở bán...

**Sahih (Xác thực)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người báo: "Shaytan đã tuyệt vọng việc được những người dâng lễ nguyện ở bán đảo Ả Rập thờ phụng mình; nhưng hắn không tuyệt vọng việc gây chia rẽ giữa họ (tahrish)" (do Jabir bin Abdullah thuật lại).

Lời tiên tri: thời kỳ Madinah (khoảng năm 10 H); Ứng nghiệm: sau năm 11 H

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 217 (Arap yarımadasında putlara bir daha tapılmayacağını haber vermesi)

## 1160. Tóc của Người được đồng thuận là thanh sạch: trong Hajj Từ Biệt, vào ngày lễ...

**Sahih (Xác thực)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Tóc của Người được đồng thuận là thanh sạch: trong Hajj Từ Biệt, vào ngày lễ tế, khi cạo đầu, Người chia tóc cho mọi người, một phần do Abu Talhah nhận; Ibn Sirin nói: "Có được một sợi tóc của Người, đối với tôi còn quý hơn cả thế gian và mọi thứ trong đó" (do Anas thuật lại).

Hajj Từ Biệt, Dhul-Hijjah năm 10 H (632 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 442 (ona özgü ikramlar (kerâmât) kısmı)

## 1161. Khi con trai Người là Ibrahim qua đời, Người nói: "Nó có một người mẹ nuôi trên...

**Sahih (Xác thực)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Khi con trai Người là Ibrahim qua đời, Người nói: "Nó có một người mẹ nuôi trên Thiên Đàng sẽ cho nó bú cho trọn", và nói: "Nếu nó sống, nó sẽ là một vị Nabi chân chính (siddiq)" (do al-Bara', Ibn Abbas, Anas thuật lại).

Năm 10 H (632 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 464 (Ehl-i beytinin, eşlerinin ve ashabının şerefi bâbı)

## 1162. Người nói với các Sahabah: "Các ngươi tưởng ta sẽ là người chết sau cùng trong..."

**Sahih (Xác thực)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người nói với các Sahabah: "Các ngươi tưởng ta sẽ là người chết sau cùng trong các ngươi; nhưng ta sẽ chết trước các ngươi, rồi các ngươi sẽ lần lượt từng đoàn theo sau ta, giết lẫn nhau" (do Wathilah bin al-Asqa' thuật lại).

Lời tiên tri: năm 10–11 H; Ứng nghiệm: năm 11 H (Người qua đời) và các cuộc nội chiến sau năm 35 H

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 469 (vefatını kendisinin haber vermesi ve vefatı sırasındaki mucizeler bâbı)

## 1163. Al-Jarud bin Amr al-Abdi nói: “Nếu ngài là Nabi, hãy cho biết chúng tôi đến vì...”

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Al-Jarud bin Amr al-Abdi nói: “Nếu ngài là Nabi, hãy cho biết chúng tôi đến vì việc gì”; Người nói với ông: “Ngươi đến để hỏi về những món nợ máu thời Jahiliyah, về liên minh (hilf) và về con vật cho mượn”, và nói với Salamah bin Iyad al-Azdi: “Ngươi đến để hỏi về việc thờ tượng thần, về ngày Sabasib và về tiền máu của đứa con lai”, rồi trả lời họ; cả hai nói: “Thề bởi Allah, đó chính là điều trong lòng chúng tôi.”

Năm của các phái đoàn, năm 9–10 H (630–631 CN)

NGUỒN İbn Şehrâşûb, Menâkıbü Âl-i Ebî Tâlib (Necef 1376/1956 baskısı), c. 1, s. 98-99 (fasl fî mu'cizât akvâlihî (gayb haberleri))

## 1164. Ở Mina, khi các Sahabah khen một người cúi người và quỳ lạy rất đẹp, Người cho...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Ở Mina, khi các Sahabah khen một người cúi người và quỳ lạy rất đẹp, Người cho biết đó là Iblis, kẻ đã khiến Adam bị đuổi khỏi Thiên Đàng; Ali đến lay hắn, và Iblis nói: “Ngươi không thể giết ta trước thời hạn đã định” (do Jabir thuật lại).

Mina (năm 10 H / 632 CN)

NGUỒN Meclisî, Bihâru'l-envâr, c. 18, s. 89 (Bâb 9: cinler ve şeytanlar üzerindeki hâkimiyeti, bazı cinlerin imanı)

## 1165. Abdah bin Mushir (người đến cùng Jarir bin Abdullah al-Bajali) thử Người: “Hãy...”

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Abdah bin Mushir (người đến cùng Jarir bin Abdullah al-Bajali) thử Người: “Hãy cho biết tôi sẽ hỏi gì”; Người nói ra tên thanh gươm (Husam), tên con trai (Humam), tên con ngựa (Isam) mà ông để lại ở nhà, và báo trước điều sẽ xảy đến với con trai ông (một người sẽ giết cậu ở chân núi).

Khoảng năm 10 H (631 CN)

NGUỒN Meclisî, Bihâru'l-envâr, c. 18, s. 138-139 (Bâb 11: gaybî haberleri)

## 1166. Ali, khi còn trẻ được Người cử đến Yemen để hòa giải một dân tộc đông đúc...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Ali, khi còn trẻ được Người cử đến Yemen để hòa giải một dân tộc đông đúc, (theo lời Người dạy) đứng trên đỉnh dốc gọi: “Hỡi cây cối, hỡi gạch đá, hỡi đất đai! Thiên Sứ của Allah là Muhammad gửi lời chào các ngươi”; tất cả cây cối, đá và đất đồng thanh đáp lời chào, và người Yemen đang chuẩn bị chiến đấu kinh hãi mà quy phục.

Ali được cử đi Yemen, năm 10 H (631–632 CN)

NGUỒN Meclisî, Bihâru'l-envâr (Müessesetü'l-Vefâ), c. 17, s. 371 (ebvâbü mu'cizâtih, bâb 4: cemâdât ve nebâtâtın itaati ve konuşması)

## 1167. Kulayb bin Asad người Hadramawt, khi mang đến bộ áo mẹ ông may cho Nabi ﷺ, đọc...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Kulayb bin Asad người Hadramawt, khi mang đến bộ áo mẹ ông may cho Nabi ﷺ, đọc một bài thơ nói rằng Người là vị Nabi đã được báo trước, được các học giả Do Thái (theo Ibn Sa'd là Kinh Tawrah) và các vị Nabi trước

báo tin mừng; khi ông theo Islam, Người xoa đầu và cầu xin cho ông.

Thời kỳ các phái đoàn, khoảng năm 9–10 H (630–632 CN)

NGUỒN N. İçel, Hz. Muhammed'in (sas) Mucizeleri -1 (2023), "Küleyb b. Esed'in Medine'ye Gelme Sebebi" (kitabın dipnotu: İbn Sa'd, Tabakâtü'l-kübrâ, c.1.s:350)

---

## 1168. Trong những cuốn sách mà các thủ lĩnh Najran đời này qua đời khác niêm phong...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Trong những cuốn sách mà các thủ lĩnh Najran đời này qua đời khác niêm phong bằng sáp và cất giữ, có ghi tên và các đặc điểm của Nabi ﷺ; vị thủ lĩnh vào thời của Người nói với con trai: "Người ấy là vị Nabi có tên được ghi trong những cuốn sách này"; khi thủ lĩnh chết, người con phá niêm phong, thấy Người được nhắc đến, liền theo Islam và đi Hajj.

Thời kỳ phái đoàn Najran, năm 9–10 H (630–632 CN)

NGUỒN N. İçel, Hz. Muhammed'in (sas) Mucizeleri -1 (2023), "Peygamberimiz Aleyhisselâmın, Necran Reislerinin Yanındaki Kitapta İsim ve Sıfatlarının Yazılı Oluşu" (kitabın dipnotu: Taberî, Târih, c:3,s:163; İbn İshâk- İbn Hişam, Sîre, c.2, s.222-223)

---

## 1169. Người báo tin mừng cho phái đoàn Banu Udhrah mười hai người, đến Madinah và...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người báo tin mừng cho phái đoàn Banu Udhrah mười hai người, đến Madinah và theo Islam năm 9 H, rằng Sham sẽ được chinh phục và Heraclius sẽ bỏ đất nước chạy trốn đến một nơi có thể tự vệ.

Lời tiên tri: Safar năm 9 H (630 CN); Ứng nghiệm: năm 13–15 H (634–636 CN)

NGUỒN N. İçel, Hz. Muhammed'in (sas) Mucizeleri -1 (2023), "Benî Uzre Heyetinin Medine'ye Gelmeleri ve Müslüman Olmaları" (kitabın dipnotu: İbn Sa'd, Tabakât, c:1, s:331-332; İbn Esîr, Usdu'l-gâbe, c:1, s:349; İbn Seyyid, Uyûnu'l-eser, c:2, s:251-252; Halebî, İnsânu'l-uyûn, c:3, s:272)

---

## 1170. Người báo cho Abdah bin Mushir rằng sẽ xảy ra những vụ bỏ đạo, dặn ông khi ấy...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người báo cho Abdah bin Mushir rằng sẽ xảy ra những vụ bỏ đạo, dặn ông khi ấy đừng theo người Kinanah và đừng phá giao ước; Người nói: "Những biến cố khốc liệt đang được chuẩn bị", và khuyên ông nuôi ngựa ở quê mình.

Lời tiên tri: năm 10 H (631 CN); Ứng nghiệm: năm 11 H (632 CN), các biến cố bỏ đạo (riddah)

NGUỒN N. İçel, Hz. Muhammed'in (sas) Mucizeleri -1 (2023), "Abde b. Müshir'in Medine'ye Gelişi ve Müslüman Oluşu" (kitabın dipnotu: İbn Hacer, el-Isâbe, c:2, s:435; İbn Sa'd, Tabakâtü'l-kübrâ, c:1. S:340)

---

## 1171. Người nói với Adi bin Hatim, người đến để theo Islam: "Ta biết tôn giáo của..."

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người nói với Adi bin Hatim, người đến để theo Islam: "Ta biết tôn giáo của ngươi rõ hơn ngươi", rồi cho biết ông là người Rakusi, rằng là thủ lĩnh dân mình ông lấy một phần tư chiến lợi phẩm (mirba') và điều đó không hợp lệ ngay trong tôn giáo của ông, và nói ra những suy nghĩ thầm kín ngăn ông vào Islam; qua đó Adi hiểu Người là một vị Nabi biết điều vô hình.

Năm 9–10 H (630–631 CN) (theo quyển sách là Sha'ban năm 10 H)

NGUỒN N. İçel, Hz. Muhammed'in (sas) Mucizeleri -1 (2023), "Adiyy B. Hâtim'in Medine'ye Gelip Müslüman Oluşu Esnasında Şahit Olduğu Gaybî Mucizeler" (kitabın dipnotu: Taberî, Târih, c:3, s:149,150,163; İbn Abdilberr, İstiâb, c:3. S:1057; İbn Esir, Usdu'l-gâbe, c:4, s:8; Vâkıdî, Megâzî, c:3, s:984; Ahmed b. Hanbel, Müsned, c:4, s:257- 378; İbn Kayyım, Zâdu'l-mead, c:2, s:228); Kütüb-i Sitte: İbn Mâce, Mukaddime (87) [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 6005, c./s. 16/498]

---

## 1172. Người báo cho Mu'adh bin Jabal, người được tiễn đi Yemen, rằng dân tộc mềm lòng...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người báo cho Mu'adh bin Jabal, người được tiễn đi Yemen, rằng dân tộc mềm lòng mà ông được cử đến sẽ hai lần chiến đấu vì chân lý, những người vâng lời ông sẽ giao chiến với những kẻ chống lại, vợ sẽ giận chồng, con giận cha, anh em giận nhau, rồi họ sẽ quay về với Islam.

Lời tiên tri: năm 10 H (631 CN); Ứng nghiệm: năm 11 H (632 CN), các biến cố bỏ đạo ở Yemen (quyển sách không nêu)

NGUỒN N. İçel, Hz. Muhammed'in (sas) Mucizeleri -1 (2023), "Peygamberimiz Aleyhisselâmın Muaz b. Cebel'e Kendisiyle Bir Daha Görüşemeyeceğini ve Bazı Hadiseleri Haber verişi" (kitabın dipnotu: Taberî, Târih, c:3, s:167; Ahmed b. Hanbel, Müsned, c:5, s:235)

---

## 1173. Vui mừng vì Wa'il bin Hujr đến, Người tập hợp người Muslim, giới thiệu ông trên...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Vui mừng vì Wa'il bin Hujr đến, Người tập hợp người Muslim, giới thiệu ông trên bục giảng, rồi cầu xin: “Lạy Allah, xin ban phúc cho Wa'il bin Hujr, cho con trai ông và cho cháu trai ông.”

Năm 9–10 H (630–631 CN)

NGUỒN N. İçel, Hz. Muhammed'in (sas) Mucizeleri -1 (2023), "Yemen krallarından Vâil b. Hucr'un Geleceğinin Haber Verilmesi" (kitabın dipnotu: İbn Esîr, Usdu'l-gâbe, c:5, s:425,435; Buhârî, Târîh, ks:2, s:4, s:175; Heysemî, Mecmau'z-zevâid, c:9, s:374; İbn Sa'd,Tabakât, c:1, s:349)

---

## 1174. Trong Hajj Từ Biệt, Người nói với Sa'd bin Abi Waqqas đang bệnh nặng: “In sha...”

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Trong Hajj Từ Biệt, Người nói với Sa'd bin Abi Waqqas đang bệnh nặng: “In sha Allah ngươi sẽ không chết”, cho biết ông bị bệnh tim, ra lệnh cho thầy thuốc al-Harith bin Kaladah chữa cho ông bằng chà là Ajwah và cầu xin: “Lạy Allah, xin chữa lành cho Sa'd”; Sa'd uống thuốc làm từ chà là và lập tức khỏi như được cởi trói.

Năm 10 H (Hajj Từ Biệt, Makkah)

NGUỒN N. İçel, Hz. Muhammed'in (sas) Mucizeleri -2 (2023), "Peygamberimiz Aleyhisselâmın Sa'd b. Ebi Vakkas'ı Ziyâret ve Teselli Edişi" (kitabın dipnotu: Ahmed b. Hanbel, c:1, S:168,171,176; Vâkıdî, Megâzî, c:3, s:1115-1116; Nesâî, Sünen, c:6, s:241; İbn Sa'd, Tabakât, c:1,s:251-252 / İbn Esîr, Usdu'l-gâbe, c:1, s:413; İbn Sa'd, Tabakât, c:3,s:149); Kütüb-i Sitte: Buharî Cenaiz 37, Vasaya 2, 3, Marza 13, 16, 43; Müslim, Vesaya 5, (1628) [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 5797, c./s. 16/260]; Ebû Dâvûd, Tıbb 12, (3875) (Acve ile tedavi; Canan'da bulunamadı)

---

## 1175. Người lấy tay vuốt bầu vú con lạc đà do Nuqadah bin Abdullah trong phái đoàn...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người lấy tay vuốt bầu vú con lạc đà do Nuqadah bin Abdullah trong phái đoàn Banu Asad mang đến rồi cho vắt sữa; Người, các Sahabah và Nuqadah đều uống; Người cầu xin: “Lạy Allah, xin ban phúc cho con lạc đà này giữa các con lạc đà và cho người đã tặng nó”, và theo lời Nuqadah xin, Người cũng cầu xin cho người mang nó đến.

Năm 9 H (630–631 CN), phái đoàn Banu Asad

NGUỒN N. İçel, Hz. Muhammed'in (sas) Mucizeleri -2 (2023), "Peygamberimiz Aleyhisselâmın Kendisine Bağışlanan Deve ve Onu Bağışlayan ve Getiren Hakkındaki Bereket Duası" (kitabın dipnotu: İbn Sa'd, Tabakâtü'l-kübrâ, c:1, s:293)

---

## 1176. Khi Amir bin at-Tufayl đang cầm chân Người bằng lời nói, Arbad bin Qays, kẻ...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Khi Amir bin at-Tufayl đang cầm chân Người bằng lời nói, Arbad bin Qays, kẻ được giao chém Người từ phía sau, mỗi lần định ra tay đều thấy Amir ở giữa, thấy một bức tường sắt dựng lên giữa họ, bàn tay hắn đưa tới chuôi gươm bị cứng đờ, và hắn thấy một con lạc đà đực há miệng lao về phía hắn như muốn nuốt đầu hắn; nhờ vậy Người được bảo vệ khỏi âm mưu ám sát.

Phái đoàn Banu Amir, năm 10 H (631 CN)

NGUỒN N. İçel, Hz. Muhammed'in (sas) Mucizeleri -2 (2023), "Âmir'le Erbed'in Peygamberimiz Aleyhisselâma Suikasta Yeltenmeleri" (kitabın dipnotu: Ebu'l-Fidâ, el-Bidâye, c:4, s:114; Halebî, İnsânu'l-uyun, c:3, s:246; İbn Sa'd, Tabakât, c:1, s:310; Süheylî, Ravdu'l-ünüf, c:7, s:438)

## 27 · Năm thứ 11 sau Hijrah (năm 632 CN): cơn bệnh cuối cùng và sự qua đời của Người

### 1177. Người cho người nô lệ được trả tự do của mình là Abu Muwayhibah biết rằng Người...

Hasan (Tốt) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người cho người nô lệ được trả tự do của mình là Abu Muwayhibah biết rằng Người được cho chọn giữa kho báu của thế gian và việc gặp Thượng Đế của mình, và Người đã chọn việc gặp Ngài.

Safar năm 11 H (tháng 5 năm 632)

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.5 s.472; web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 471

---

### 1178. Người nói với con gái là Fatimah rằng Người sẽ qua đời và người đầu tiên trong...

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người nói với con gái là Fatimah rằng Người sẽ qua đời và người đầu tiên trong gia đình đến với Người là cô; Fatimah qua đời sáu tháng sau.

Năm 11 H (632 CN)

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.5 s.142, 474; 19. Mektup listesi (183.txt) no.11, 81; 1000 Mucize no.149 (s.130); web: Buhârî, Menâkıb, Alâmâtü'n-nübüvve, no. 3623-3626; Münkız es-Sakkār, Delâilü'n-nübüvve; Said Nursî, Mektubat, 19. Mektup, 6. İşaret; Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 24. fasıl; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 469; ayrıca: İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî, s. 270; Elshinawy, The Prophecies of Prophet Muhammad (Yaqeen); Meclisî, Bihâru'l-envâr, c. 18, s. 112, 132, 142; Râvendî, el-Harâic, c. 1, s. 65; İbn Şehrâşûb, Menâkıb, c. 1, s. 95, 122; al-shia.org (Farsça mucize listeleri); ayrıca: N. İçel, Hz. Muhammed'in (sas) Mucizeleri -1 (2023), "Peygamberimiz Aleyhisselâmın Ölüm Hastalığı Şiddetlendiğinde" (kitabın dipnotu: İbn Sa'd, Tabakât, c:2, s.:247; Ahmed b. Hanbel, Müsned, c:6, s:282); Kütüb-i Sitte: Tirmizî, Menâkıb, (3872); Buhârî 3623-3626; Müslim 2450 [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 4485, c./s. 13/43]

---

### 1179. Lúc mới phát bệnh, Người nói với Aisha: "Chính ta mới phải kêu: ôi đầu ta", ám...

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Lúc mới phát bệnh, Người nói với Aisha: "Chính ta mới phải kêu: ôi đầu ta", ám chỉ sự qua đời của mình.

Safar năm 11 H (632 CN)

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.5 s.479; web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 472; Kütüb-i Sitte: Buhârî, Ahkâm 51, Merdâ 16; Müslim, Fedailu's-Sahâbe 11, (2387); İbn Mâce 1465 [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 1740, c./s. 6/479; no. 6430, c./s. 17/114]

---

### 1180. Người cho biết trong cơn bệnh cuối cùng Người cảm thấy tác dụng của miếng ăn...

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người cho biết trong cơn bệnh cuối cùng Người cảm thấy tác dụng của miếng ăn tẩm độc đã ăn ở Khaybar ("động mạch của ta như bị cắt đứt"); Người qua đời như một người tử vì đạo.

Rabi' al-Awwal năm 11 H (tháng 6 năm 632)

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.5 s.479; web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 473; ayrıca: İbn Hişâm, es-Sîretü'n-nebeviyye, c. 2, s. 338; Meclisî, Bihâru'l-envâr, c. 17, s. 396, 405-406; İbn Şehrâşûb, Menâkıb, c. 1, s. 81; ayrıca: N. İçel, Hz. Muhammed'in (sas) Mucizeleri -2 (2023),

"Yahudîlerin Peygamberimiz Aleyhisselâmı Zehirlemeye Kalkışmaları" (kitabın dipnotu: Ebu Dâvud, Sünen, c:4, s:175,673; Vâkıdı, Megâzî, c:2, s:665, 677-678; Kastalânî, Mevâhib, c:1, s:181; Ahmed b. Hanbel, Müsned, c:2, s:338); Kütüb-i Sitte: Buhârî (Âişe) — satırdaki künye

---

## 1181. Trong bài thuyết giảng, Người báo trước sự qua đời của mình: “Allah đã để một...”

**Sahih (Xác thực)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Trong bài thuyết giảng, Người báo trước sự qua đời của mình: “Allah đã để một bề tôi của Ngài được lựa chọn”; chỉ có Abu Bakr hiểu điều này.

Năm 11 H (632 CN)

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.5 s.483; web: Said Nursî, Mektubat, 19. Mektup, 6. İşaret; Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 29. fasıl; Questions on Islam, "His Information related to the Future Turn out True"; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 470; Kütüb-i Sitte: Buharî, Fezailu'l-Ashab 3, Menâkıbu'l-Ensâr 45, Mesacid 80; Müslim, Fezâilu's-Sahabe 2, (2382); Tirmizî, Menakıb, (3661) [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 4382, c./s. 12/436]

---

## 1182. Theo lời thuật của Ibn Mas'ud, Người báo cho các Sahabah biết về cái chết của mình và để lại lời dặn

**Da'if (Yếu)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Theo lời thuật của Ibn Mas'ud, Người báo cho các Sahabah biết về cái chết của mình và để lại lời dặn.

Năm 11 H (632 CN)

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.5 s.553

---

## 1183. Người nói: “Allah và các tín đồ không chấp nhận ai khác ngoài Abu Bakr”, và...

**Sahih (Xác thực)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người nói: “Allah và các tín đồ không chấp nhận ai khác ngoài Abu Bakr”, và quyền Khalifah đã diễn ra như vậy.

Năm 11 H (632 CN)

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.5 s.118; 1000 Mucize no.423 (s.417); web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 196; ayrıca: İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî, s. 266; Kütüb-i Sitte: Buhârî, Ahkâm 51, Merdâ 16; Müslim, Fedailu's-Sahâbe 11, (2387) [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 1740, c./s. 6/479]

---

## 1184. Người cho biết ở bán đảo Ả Rập Shaytan sẽ không còn được thờ phụng, nhưng hắn...

**Sahih (Xác thực)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người cho biết ở bán đảo Ả Rập Shaytan sẽ không còn được thờ phụng, nhưng hắn sẽ khích động mọi người chống lại nhau.

Năm 10–11 H

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.5 s.141; 1000 Mucize no.421 (s.415); Kütüb-i Sitte: Müslim, Münâfikûn 65, (2812) [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 4624, c./s. 13/208]

---

## 1185. Khi thi hài Người được tắm rửa, các Sahabah bị cơn buồn ngủ ập đến và nghe một...

**Hasan (Tốt)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Khi thi hài Người được tắm rửa, các Sahabah bị cơn buồn ngủ ập đến và nghe một tiếng nói: “Hãy tắm cho Nabi cùng với áo của Người.”

Rabi' al-Awwal năm 11 H (tháng 6 năm 632)

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.5 s.565; web: Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 29. fasıl; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 482; Kütüb-i Sitte: İbn Mâce 1466; Ebû Dâvûd 3141 — satırdaki künye [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 6431]

---

## 1186. Khi Người đầu quấn băng, được hai người dìu ra masjid và mời những ai có khó...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Khi Người đầu quấn băng, được hai người dìu ra masjid và mời những ai có khó khăn đến để Người cầu xin, một người nói: "Tôi là kẻ keo kiệt, nhát gan và ngủ nhiều"; Người cầu xin cho ông, và về sau ông trở thành người dũng cảm nhất trong chiến trận, hào phóng nhất và ít ngủ.

Khoảng năm 11 H (632 CN), cơn bệnh cuối cùng (suy ra từ văn bản)

NGUỒN 1000 Mucize no.355 (s.345); web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 474; ayrıca: Meclisî, Bihâru'l-envâr, c. 18, s. 13; Râvendî, el-Harâic, c. 1, s. 56

---

## 1187. Trong cơn bệnh cuối cùng, vào ngày Người ra masjid, có một người phụ nữ lấy...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Trong cơn bệnh cuối cùng, vào ngày Người ra masjid, có một người phụ nữ lấy ngón tay chỉ vào lưỡi mình (không nói được); Người cho bà đến nhà Aisha và cầu xin cho bà; bà nói được và trở thành người chuyên tâm thờ phụng.

Khoảng năm 11 H (632 CN), cơn bệnh cuối cùng (suy ra từ văn bản)

NGUỒN 1000 Mucize no.356 (s.345); web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 474

---

## 1188. Khi Người qua đời, các Thiên Thần đã dâng lễ nguyện cho thi hài Người

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Khi Người qua đời, các Thiên Thần đã dâng lễ nguyện cho thi hài Người.

Rabi' al-Awwal năm 11 H (tháng 6 năm 632)

NGUỒN Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 29. fasıl (doğumundaki ve sonrasındaki alâmetler)

---

## 1189. Thiên Thần Chết xin phép Người để lấy linh hồn Người; trước Người, ngài chưa...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Thiên Thần Chết xin phép Người để lấy linh hồn Người; trước Người, ngài chưa từng xin phép ai.

Rabi' al-Awwal năm 11 H (tháng 6 năm 632)

NGUỒN Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 29. fasıl (doğumundaki ve sonrasındaki alâmetler)

---

## 1190. Có lời thuật rằng khi Người qua đời, Khidr và các Thiên Thần đã đến chia buồn...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Có lời thuật rằng khi Người qua đời, Khidr và các Thiên Thần đã đến chia buồn với Ahlul Bayt của Người.

Rabi' al-Awwal năm 11 H (tháng 6 năm 632)

NGUỒN Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 29. fasıl (doğumundaki ve sonrasındaki alâmetler)

## 1191. Khi Thiên Sứ của Allah ﷺ qua đời, Dhu Karabat al-Himyari, một trong những học...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Khi Thiên Sứ của Allah ﷺ qua đời, Dhu Karabat al-Himyari, một trong những học giả uyên bác nhất của người Do Thái, lần lượt kể những người kế tục Người: “al-Amin (Abu Bakr), cái sừng sắt (Umar), al-Azhar (Uthman), al-Waddah al-Mansur (Mu'awiyah)”; Ka'b cũng nói rằng sau Uthman người cầm quyền sẽ là Mu'awiyah.

Năm 11 H (632 CN); Ứng nghiệm: năm 11–41 H

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 55 (ashabının önceki kitaplarda anılması bâbı)

## 1192. Người báo cho con gái Fatimah rằng ngày ra đi của Người đã gần: “Mỗi vị Nabi...”

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người báo cho con gái Fatimah rằng ngày ra đi của Người đã gần: “Mỗi vị Nabi sống bằng nửa tuổi đời của vị Nabi trước mình.”

Năm 11 H (632 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 472 (Vefatı sırasında görülen mucizeler ve hasâis)

## 1193. Người chú Abbas mơ thấy mặt đất bị những sợi dây thừng to kéo lên trời; khi ông...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người chú Abbas mơ thấy mặt đất bị những sợi dây thừng to kéo lên trời; khi ông kể lại, Người giải: “Chú ơi, đó là sự qua đời của cháu chú.”

Năm 11 H (632 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 472 (Vefatı sırasında görülen mucizeler ve hasâis)

## 1194. Trong cơn bệnh cuối cùng, với những người lo sợ bệnh viêm màng phổi (dhat...)

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Trong cơn bệnh cuối cùng, với những người lo sợ bệnh viêm màng phổi (dhat al-janb), Người nói: “Allah sẽ không để nó giáng vào ta; nó đến từ Shaytan” (Người được che chở khỏi căn bệnh này).

Năm 11 H (632 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 474 (Hastalığında görülen âyetler)

## 1195. Người nói: “Không vị Nabi nào qua đời mà chưa được cho thấy chỗ của mình trên...”

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người nói: “Không vị Nabi nào qua đời mà chưa được cho thấy chỗ của mình trên Thiên Đàng và được cho lựa chọn”; lúc lâm chung, Người dán mắt lên trần nhà và nói: “Lạy Allah, con chọn Người Bạn Tối Cao (cùng với Jibril, Mika'il và Israfil)”, và Aisha hiểu rằng: “Vậy là Người sẽ không chọn chúng ta.”

Rabi' al-Awwal năm 11 H (tháng 6 năm 632)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 476 (Vefatı sırasında görülen mucizeler ve hasâis) — satırdaki künye

## 1196. Lúc lâm chung, Người đưa tay ra rồi rút lại, gọi Jibril, và Aisha nghe Jibril...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Lúc lâm chung, Người đưa tay ra rồi rút lại, gọi Jibril, và Aisha nghe Jibril nói: “Labbayk, labbayk.”

Rabi' al-Awwal năm 11 H (tháng 6 năm 632)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 479 (Vefatı sırasında görülen mucizeler ve hasâis)

## 1197. Khi linh hồn Người được lấy đi, Aisha ngửi thấy một hương thơm tuyệt diệu mà...

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Khi linh hồn Người được lấy đi, Aisha ngửi thấy một hương thơm tuyệt diệu mà đến hôm đó bà chưa từng ngửi thấy; Abu Bakr hôn Người và nói: “Lúc sống và lúc chết ngài đều thơm tho biết bao.”

Rabi' al-Awwal năm 11 H (tháng 6 năm 632)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 479 (Vefatı sırasında görülen mucizeler ve hasâis)

## 1198. Umm Salamah, người đặt tay lên ngực Người vào ngày Người qua đời, dù ăn uống và...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Umm Salamah, người đặt tay lên ngực Người vào ngày Người qua đời, dù ăn uống và làm Wudu', mùi xạ hương vẫn không rời khỏi tay bà suốt nhiều tuần.

Rabi' al-Awwal năm 11 H (tháng 6 năm 632)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 480 (Vefatı sırasında görülen mucizeler ve hasâis)

## 1199. Khi người ta còn nghi ngờ về sự qua đời của Người, Asma' bint Umays đặt tay vào...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Khi người ta còn nghi ngờ về sự qua đời của Người, Asma' bint Umays đặt tay vào giữa hai bả vai Người, thấy dấu ấn sứ mạng đã mất và nói: “Người đã qua đời.”

Rabi' al-Awwal năm 11 H (tháng 6 năm 632)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 480 (Vefatı sırasında görülen mucizeler ve hasâis)

## 1200. Khi linh hồn Người được lấy đi, Thiên Thần Chết vừa khóc vừa bay lên trời, và...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Khi linh hồn Người được lấy đi, Thiên Thần Chết vừa khóc vừa bay lên trời, và từ trời vang lên tiếng: “Ôi Muhammad!”

Rabi' al-Awwal năm 11 H (tháng 6 năm 632)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 480 (Vefatı sırasında görülen mucizeler ve hasâis)

## 1201. Hai người tên Dhul-Kala' và Dhu Amr nói với Jarir bin Abdullah đang ở Yemen...

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Hai người tên Dhul-Kala' và Dhu Amr nói với Jarir bin Abdullah đang ở Yemen (nhờ hiểu biết của Người Kinh Sách): “Người mà ông kể đã qua đời ba ngày trước”; trên đường, một đoàn lữ hành từ Madinah đến đã xác nhận điều này.

Rabi' al-Awwal năm 11 H (632 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 480 (Ehl-i kitabın onun vefatını haber vermesi) — satırdaki künye

---

## 1202. Một người Do Thái nói với Amr bin al-As đang ở Oman: “Nếu người cử ông đến là...”

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Một người Do Thái nói với Amr bin al-As đang ở Oman: “Nếu người cử ông đến là sứ giả của Allah thì hôm nay người ấy đã chết”; không lâu sau thư của Abu Bakr báo tin Người qua đời đúng vào ngày ấy.

Rabi' al-Awwal năm 11 H (632 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 481 (Ehl-i kitabın onun vefatını haber vermesi)

---

## 1203. Một học giả Do Thái báo cho al-Harith bin Abdullah al-Juhani, người được Người...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Một học giả Do Thái báo cho al-Harith bin Abdullah al-Juhani, người được Người cử đi Yemen, về sự qua đời của Người: “Trong các kinh sách có ghi Muhammad sẽ chết vào ngày ấy”, và thư của Abu Bakr đã xác nhận điều này.

Rabi' al-Awwal năm 11 H (632 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 481 (Ehl-i kitabın onun vefatını haber vermesi)

---

## 1204. Đêm nhận tin Người lâm bệnh, lúc rạng đông, nhà thơ Abu Dhu'ayb al-Hudhali nghe...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Đêm nhận tin Người lâm bệnh, lúc rạng đông, nhà thơ Abu Dhu'ayb al-Hudhali nghe từ một tiếng nói vô hình những câu thơ với ý: “Một tai họa lớn đã giáng xuống Islam; Nabi Muhammad đã qua đời”, và khi đến Madinah ông thấy dân chúng đang khóc.

Rabi' al-Awwal năm 11 H (632 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 481 (Ehl-i kitabın onun vefatını haber vermesi)

---

## 1205. Khi thi hài Người được tắm, không thấy nơi Người bất cứ điều gì thường thấy ở...

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Khi thi hài Người được tắm, không thấy nơi Người bất cứ điều gì thường thấy ở người chết, và một hương thơm chưa từng nghe đến tỏa ra; Ali nói: “Cha mẹ tôi xin hy sinh vì ngài, lúc sống và lúc chết ngài đều thơm tho biết bao.”

Rabi' al-Awwal năm 11 H (tháng 6 năm 632)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 482 (Yıkanması sırasında görülen âyetler)

## 1206. Người dặn Ali: “Đừng để ai ngoài ngươi tắm cho ta; ai nhìn thấy phần kín của ta...”

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người dặn Ali: “Đừng để ai ngoài ngươi tắm cho ta; ai nhìn thấy phần kín của ta sẽ bị mù mắt”; khi Ali tắm cho Người, ông nâng bộ phận nào cũng dễ dàng xoay chuyển như có ba mươi người cùng xoay với ông (các bộ phận tự nhấc lên), và có tiếng nói vang lên: “Đừng để lộ phần kín của Nabi các người.”

Rabi' al-Awwal năm 11 H (tháng 6 năm 632)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 482 (Yıkanması sırasında görülen âyetler)

## 1207. Lễ nguyện cho thi hài Người được thực hiện không có Imam, mọi người từng nhóm...

Hasan (Tốt) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Lễ nguyện cho thi hài Người được thực hiện không có Imam, mọi người từng nhóm lần lượt vào và dâng lễ nguyện riêng từng người (một đặc điểm riêng của Người).

Rabi' al-Awwal năm 11 H (tháng 6 năm 632)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 483 (Üzerine namaz kılınmasındaki hususiyet)

## 1208. Đặc điểm: “Mỗi vị Nabi được chôn tại nơi linh hồn mình được lấy đi”; khi Abu...

Hasan (Tốt) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Đặc điểm: “Mỗi vị Nabi được chôn tại nơi linh hồn mình được lấy đi”; khi Abu Bakr nhắc lại lời này, Người được chôn tại nơi Người qua đời.

Rabi' al-Awwal năm 11 H (tháng 6 năm 632)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 485 (Defnedilmesindeki hususiyetler)

## 1209. Khi người ta gửi tin cho Abu Talhah, người đào mộ kiểu lahd, và Abu Ubaydah...

Hasan (Tốt) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Khi người ta gửi tin cho Abu Talhah, người đào mộ kiểu lahd, và Abu Ubaydah, người đào mộ kiểu shaqq, Abbas cầu xin: “Lạy Allah, xin chọn điều tốt nhất cho Nabi của Ngài”, và Abu Talhah, người đào kiểu lahd, đến trước.

Rabi' al-Awwal năm 11 H (tháng 6 năm 632)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 486 (Defnedilmesindeki hususiyetler)

## 1210. Trong mộ Người được trải một tấm nhung đỏ (Waki': “Điều này là riêng của...”)

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Trong mộ Người được trải một tấm nhung đỏ (Waki': “Điều này là riêng của Người”), và Người nói: “Hãy trải tấm nhung của ta trong lahd của ta; đất không được phép xâm phạm thi hài của các vị Nabi.”

Rabi' al-Awwal năm 11 H (tháng 6 năm 632)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 486 (Defnedilmesindeki hususiyetler) — satırdaki künye; İbn Mâce 1628 [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 6502, c./s. 17/153-254]

## 1211. Người nói: “Không vị Nabi nào qua đời mà chưa có một người trong Ummah của mình...”

Hasan (Tốt) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người nói: “Không vị Nabi nào qua đời mà chưa có một người trong Ummah của mình làm Imam cho vị ấy”, rồi vén màn thấy các Sahabah đang dâng lễ nguyện sau Abu Bakr thì vui mừng; Người nói: “Sau ta, ai gặp tai họa hãy lấy tai họa mất ta mà tự an ủi; trong Ummah của ta không ai gặp tai họa nào lớn hơn tai họa của ta.”

Rabi' al-Awwal năm 11 H (tháng 6 năm 632)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 491 (Hayatının da ölümünün de ümmeti için hayır olması)

## 1212. Người cho đóng các cửa mở vào masjid, chỉ để lại cửa của Abu Bakr và nói: “Ta...”

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người cho đóng các cửa mở vào masjid, chỉ để lại cửa của Abu Bakr và nói: “Ta thấy trước cửa của tất cả các ngươi là bóng tối, còn trước cửa của Abu Bakr là ánh sáng.”

Khoảng năm 11 H (cơn bệnh cuối cùng)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 145 (Mânaların cisim sûretinde görülmesine dair mucizeler) — olayın aslı [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 4382, c./s. 12/436]

## 1213. Khi Jibril để Người lựa chọn giữa ở lại thế gian và về với Thượng Đế, Người hỏi...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Khi Jibril để Người lựa chọn giữa ở lại thế gian và về với Thượng Đế, Người hỏi ý các Sahabah; họ nói: “Xin ở lại với chúng tôi”, còn al-Hubab bin al-Mundhir nói: “Xin hãy chọn điều Thượng Đế của ngài chọn cho ngài”, và Người chấp nhận ý kiến của ông.

Năm 11 H (632 CN), ít lâu trước khi Người qua đời

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 399 (istişarenin ona vacip oluşu bâbı)

## 1214. Người nói: “Ta được giúp đỡ bằng nỗi sợ hãi (gieo vào lòng kẻ thù); ta được cho...”

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người nói: “Ta được giúp đỡ bằng nỗi sợ hãi (gieo vào lòng kẻ thù); ta được cho chọn giữa chờ đến khi thấy những cuộc chinh phục sẽ mở ra cho Ummah của ta và lập tức về với Thượng Đế của ta, ta đã chọn điều đến sớm hơn” (do Tawus thuật lại); Người kể rằng trong giấc ngủ, chìa khóa của thế gian được trao cho Người, rồi Người được đưa đến con đường tốt đẹp nhất, còn các Sahabah thì được để lại giữa những lạc thú của thế gian (do Salim bin Abi al-Ja'd thuật lại).

Năm 11 H (632 CN), ít lâu trước khi Người qua đời

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 471 (vefatını kendisinin haber vermesi ve vefatı sırasındaki mucizeler bâbı)

## 1215. Ngay lúc Người qua đời, con lừa Ufayr (Ya'fur) của Người giật đứt dây cương...

Bịa đặt (Mawdu') CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Ngay lúc Người qua đời, con lừa Ufayr (Ya'fur) của Người giật đứt dây cương, chạy đến gieo mình xuống giếng của Banu Khatmah ở Quba, và cái giếng trở thành mộ của nó.

Người qua đời, năm 11 H (632 CN)

NGUỒN Meclisî, Bihâru'l-envâr (Müessesetü'l-Vefâ), c. 17, s. 404, 416 (ebvâbü mu'cizâtih, bâb 5: hayvanların itaati ve konuşması)

# 28 · Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ: các phép màu về nước

## 1216. Nước tuôn ra từ các ngón tay của Người

**Sahih (Xác thực)** PHÉP MÀU LIÊN QUAN ĐẾN NƯỚC

Jabir bin Abdullah thuật lại rằng mọi người bị khát vào ngày Hudaybiyah. Nabi ﷺ đặt tay vào một bình nước nhỏ và nước bắt đầu tuôn ra từ giữa các ngón tay của Người, nhờ đó cả đoàn người đông đảo đã uống và làm Wudu'.

Cuộc hành trình Hudaybiyah, năm 6 H.

NGUỒN Sahih al-Bukhari 3576

## 1217. Ở az-Zawra' (chợ Madinah), khi Người đặt tay vào một chiếc bình nhỏ, nước tuôn...

**Sahih (Xác thực)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Ở az-Zawra' (chợ Madinah), khi Người đặt tay vào một chiếc bình nhỏ, nước tuôn ra từ giữa các ngón tay Người; khoảng 300 người làm Wudu'.

Thời kỳ Madinah (năm 1–11 H), không có năm chính xác – các phép màu về nước

NGUỒN İbn Kesîr s.27; 1000 Mucize no.271 (s.249); web: Buhârî, Menâkıb, Alâmâtü'n-nübüvve, no. 3572; İbn Kesîr, el-Bidâye ve'n-Nihâye, c. 6, s. 94 — Delâilü'n-nübüvve: yeryüzü mucizeleri – suyun çoğalması; Said Nursî, Mektubat, 19. Mektup, 8. İşaret, 1. misal; Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 13. fasıl; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 68; ayrıca: İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî, s. 59; İbnü'l-Cevzî, el-Vefâ, s. 292; Buhârî, Menâkıb, no 3572; Müslim, Fezâil, no 2279c-d; Şeyh Müfîd, en-Nüketü'l-i'tikâdiyye, s. 36; Elshinawy, The Physical Miracles of the Prophet (Yaqeen); Kütüb-i Sitte: Buharî, Vüdu 32, Menakıb 25; Müslim Fezail 5, (2279); Nesâî, Taharet 61; Tirmizî, Menakıb 12, (3635) [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 5591, c./s. 15/443]

## 1218. Khi đến giờ lễ nguyện mà không tìm được nước, Người đặt tay vào chiếc bình đá...

**Sahih (Xác thực)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Khi đến giờ lễ nguyện mà không tìm được nước, Người đặt tay vào chiếc bình đá nhỏ vừa lọt bàn tay, cho nước chảy ra từ giữa các ngón tay; 70–80 người làm Wudu' (lời thuật thứ hai của Anas).

Thời kỳ Madinah (năm 1–11 H), không có năm chính xác – các phép màu về nước

NGUỒN İbn Kesîr s.27; 19. Mektup listesi (183.txt) no.6; 1000 Mucize no.26 (s.38); web: Buhârî, Menâkıb, Alâmâtü'n-nübüvve, no. 3575; A'zamî, el-Câmiu'l-Kâmil, Sîre, bâb 575; İbn Kesîr, el-Bidâye ve'n-Nihâye, c. 6, s. 94 — Delâilü'n-nübüvve: yeryüzü mucizeleri – suyun çoğalması; Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 13. fasıl; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 67-68; c. 2, s. 68; ayrıca: Îcî–Cürcânî, Şerhu'l-Mevâkıf, c. 8, s. 283; İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî, s. 58; Buhârî, Vudû, no 200; Menâkıb, no 3574-3575; Müslim, Fezâil, no 2279a; Nesâî, Tahâret, no 78; Kütüb-i Sitte: Buharî, Vüdu 32, Menakıb 25; Müslim Fezail 5, (2279); Muvatta, Taharet 32 [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 5591, c./s. 15/443]

## 1219. Trong chuyến hành quân Buwat, khi Người đặt tay vào một giọt nước trong bát...

**Sahih (Xác thực)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Trong chuyến hành quân Buwat, khi Người đặt tay vào một giọt nước trong bát, nước phun ra từ các ngón tay Người (do Jabir thuật lại).

Năm 2 H (623 CN)

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.4 s.457; web: A'zamî, el-Câmiu'l-Kâmil, Sîre, bâb 575; İbn Kesîr, el-Bidâye ve'n-Nihâye, c. 6, s. 96 — Delâilü'n-nübüvve: yeryüzü mucizeleri – suyun çoğalması; Beyhakî, Delâilü'n-nübüvve, c.6 s.9-10; Said Nursî, Mektubat, 19. Mektup, 8. İşaret, 3.

misal; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 372; ayrıca: İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî, s. 62; İbnü'l-Cevzî, el-Vefâ, s. 295; islamveihsan.com, "Hz. Peygamber'in Mucizeleri"; Kütüb-i Sitte: Müslim, Zühd 74 (3013) — satırdaki künye

---

## 1220. Trong các cuộc chinh phạt và chuyến đi, nước đã nhiều lần tăng lên trước mặt Người (các lời thuật chung)

**Sahih (Xác thực)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Trong các cuộc chinh phạt và chuyến đi, nước đã nhiều lần tăng lên trước mặt Người (các lời thuật chung).

Thời kỳ Madinah (năm 1–11 H), không có năm chính xác – các phép màu về nước

NGUỒN İbn Kesîr s.30; ayrıca: TDV İslâm Ansiklopedisi, "Mûcize", c. 30; Meclisî, Bihâru'l-envâr, c. 17, s. 254; Kütüb-i Sitte: Buhârî, Menakıb 25; Müslim Fezail 5, (2279); Müslim, İmaret 67, (1856) [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 5591, c./s. 15/443; no. 5592, c./s. 15/444; no. 5593, c./s. 15/444; no. 5594, c./s. 15/445]

---

## 1221. Nước của cái giếng ở Quba (hoặc giếng của Anas) tăng lên khi Người đổ nước súc...

**Da'if (Yếu)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Nước của cái giếng ở Quba (hoặc giếng của Anas) tăng lên khi Người đổ nước súc miệng vào, và không bao giờ khô cạn nữa.

Thời kỳ Madinah (năm 1–11 H), không có năm chính xác – các phép màu về nước

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.4 s.597; 1000 Mucize no.267 (s.243); web: İbn Kesîr, el-Bidâye ve'n-Nihâye, c. 6, s. 101 — Delâilü'n-nübüvve: yeryüzü mucizeleri – suyun çoğalması; Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 23. fasıl; Questions on Islam, "The miracles occurring upon the prayer of the prophet Muhammad"; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 68; c. 2, s. 69; ayrıca: İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî, s. 71

---

## 1222. Khi Người nhổ nước bọt vào một cái giếng, nước của nó trở nên ngọt và thơm như xạ hương

**Da'if (Yếu)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Khi Người nhổ nước bọt vào một cái giếng, nước của nó trở nên ngọt và thơm như xạ hương.

Thời kỳ Madinah (năm 1–11 H), không có năm chính xác – các phép màu về nước

NGUỒN 19. Mektup listesi (183.txt) no.143; 1000 Mucize no.361 (s.348); web: Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 23. fasıl; Questions on Islam, "The miracles occurring upon the prayer of the prophet Muhammad"; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 105; ayrıca: İbn Şehrâşûb, Menâkıb, c. 1, s. 102-103; Kütüb-i Sitte: İbn Mâce 659 [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 6189, c./s. 16/620]

---

## 1223. Người uống từ gàu nước Zamzam rồi phun vào đó, và cái gàu thơm như xạ hương

**Da'if (Yếu)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người uống từ gàu nước Zamzam rồi phun vào đó, và cái gàu thơm như xạ hương.

Năm 10 H (632 CN)

NGUỒN 19. Mektup listesi (183.txt) no.142; web: Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 23. fasıl; Questions on Islam, "The miracles occurring upon the prayer of the prophet Muhammad"; Kütüb-i Sitte: İbn Mâce 659 [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 6189, c./s. 16/620]

---

## 1224. Trong một chuyến đi, al-Bara' cùng sáu người cố kéo nước từ một cái giếng đã...

**Sahih (Xác thực)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Trong một chuyến đi, al-Bara' cùng sáu người cố kéo nước từ một cái giếng đã cạn, gàu lên đều rỗng; Người thò tay vào gàu và cầu xin; khi gàu được thả xuống lại, nước dâng trào chảy như sông đến mức một người trong họ sợ bị chết đuối.

Trong một chuyến đi, thời điểm không rõ (theo Ibn Kathir là sự việc khác với Hudaybiyah)

NGUỒN 1000 Mucize no.28 (s.40); web: Heysemî, Mecmau'z-zevâid, K. Alâmâti'n-nübüvve, no 14105; İbn Kesîr, el-Bidâye ve'n-Nihâye, c. 6, s. 95 — Delâilü'n-nübüvve: yeryüzü mucizeleri – suyun çoğalması; ayrıca: İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî, s. 60; İbnü'l-Cevzî, el-Vefâ, s. 289

---

## 1225. Hammam bin Nufayd as-Sa'di nói giếng họ đào ra nước mặn; Người trao cho ông một...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Hammam bin Nufayd as-Sa'di nói giếng họ đào ra nước mặn; Người trao cho ông một gàu nước bảo đổ xuống giếng, và giếng trở nên ngọt, thành nguồn nước trong nhất Yemen.

Thời điểm không rõ

NGUỒN 1000 Mucize no.225 (s.201)

---

## 1226. Trong một cuộc chinh phạt, khi đạo quân hết nước, Người thò các ngón tay vào...

Hasan (Tốt) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Trong một cuộc chinh phạt, khi đạo quân hết nước, Người thò các ngón tay vào chiếc bình có chút ít nước rồi xòe ra, nước phun ra từ giữa các ngón tay; Người bảo Bilal gọi mọi người, và binh sĩ làm Wudu' từ nước này.

Trong một cuộc chinh phạt, thời điểm không rõ

NGUỒN 1000 Mucize no.312 (s.290); web: Dârimî, Sünen, Mukaddime, bâbü mâ ekramallâhu'n-nebiyye min tefcîri'l-mâi min beyni esâbi'ihî, no. 25; Heysemî, Mecmau'z-zevâid, K. Alâmâti'n-nübüvve, bâbü mu'cizâtihî fi'l-mâ, no 14104; İbn Kesîr, el-Bidâye ve'n-Nihâye, c. 6, s. 97 — Delâilü'n-nübüvve: yeryüzü mucizeleri – suyun çoğalması; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 70; ayrıca: İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî, s. 64; İbnü'l-Cevzî, el-Vefâ, s. 293; al-shia.org (Farsça mucize listeleri)

---

## 1227. Người nhận tưới khu vườn của một người Ansar mệt mỏi vì tưới nước với giá một...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người nhận tưới khu vườn của một người Ansar mệt mỏi vì tưới nước với giá một trăm trái chà là, chỉ bằng một túi da, và tưới cho đến khi chủ vườn nói: "Vườn của tôi ngập nước rồi."

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN 1000 Mucize no.887 (s.740); web: Heysemî, Mecmau'z-zevâid, K. Alâmâti'n-nübüvve, no 14108; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 88; ayrıca: İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî, s. 114

---

## 1228. Trong một chuyến đi, khi hết nước, Người nói: "Ai còn nước thừa hãy mang đến"...

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Trong một chuyến đi, khi hết nước, Người nói: "Ai còn nước thừa hãy mang đến"; Người đổ chút nước được mang đến vào một cái bình, đặt tay vào đó, và nước bắt đầu phun ra từ giữa các ngón tay Người (do Ibn Mas'ud thuật lại, qua đường truyền của Alqamah).

Thời kỳ Madinah, trong một chuyến hành quân (thời điểm không rõ)

NGUỒN Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 13. fasıl (parmaklarından su akması) — Delâilü'n-nübüvve: yeryüzü mucizeleri – suyun çoğalması; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 70; ayrıca: İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî, s. 64-65; İbnü'l-Cevzî, el-Vefâ, s. 293-294; Buhârî, Menâkıb, no 3579; Tirmizî, Menâkıb, no 3633; Elshinawy, The Physical Miracles of the Prophet (Yaqeen); Facts and Details, "Miracles of Muhammad"; Meclisî, Bihâru'l-envâr, c. 18, s. 38; Kütüb-i Sitte: Buharî, Menakıb 25; Tirmizî, Menakıb 14, (3637); Nesâî, Taharet 61, (1, 60) [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 5594, c./s. 15/445]

---

## 1229. Trong một chuyến đi, người ta mang đến cho Người một túi nước (idawah) và nói...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Trong một chuyến đi, người ta mang đến cho Người một túi nước (idawah) và nói: "Chúng tôi không còn nước nào khác"; Người đổ nước vào một cái chậu, nhúng ngón tay vào giữa; mọi người đến làm Wudu' (mursal từ ash-Sha'bi; at-Tirmidhi: "Về việc này cũng có lời thuật từ Imran bin al-Husayn").

Thời kỳ Madinah, trong một chuyến hành quân (thời điểm không rõ)

NGUỒN Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 13. fasıl (parmaklarından su akması)

---

## 1230. Người hỏi: "Có nước Wudu' không?"; một người mang đến túi nước chỉ còn một giọt...

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người hỏi: "Có nước Wudu' không?"; một người mang đến túi nước chỉ còn một giọt (nutfah); Người đổ vào một cái cốc, và 1400 người dội nước thoải mái, tất cả đều làm Wudu' (do Salamah bin al-Akwa' thuật lại).

Trong một cuộc chinh phạt, thời kỳ Madinah (khoảng năm 6–7 H)

NGUỒN Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 14. fasıl (suyun bereketiyle fışkırması) — Delâilü'n-nübüvve: yemeğin çoğalması – azıkların toplanması; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 450; ayrıca: İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî, s. 98; İbnü'l-Cevzî, el-Vefâ, s. 290; Elshinawy, The Physical Miracles of the Prophet (Yaqeen); Kütüb-i Sitte: Müslim 1729 (Lukata) — satırdaki künye

---

## 1231. Người đưa lưỡi cho Hasan và Husayn đang khóc vì khát; hai cậu mút và nín khóc

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người đưa lưỡi cho Hasan và Husayn đang khóc vì khát; hai cậu mút và nín khóc.

Thời kỳ Madinah, năm 4–10 H

NGUỒN Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 23. fasıl (kerâmât, berekât, dokunduğu şeylerin dönüşmesi)

---

## 1232. Người trao cho các Sahabah một túi da nước làm lương thực, buộc miệng lại và...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người trao cho các Sahabah một túi da nước làm lương thực, buộc miệng lại và cầu xin; khi đến giờ lễ nguyện, họ xuống mở túi ra thì bên trong là sữa ngọt, ở miệng túi có bơ (váng sữa) (do Hammad bin Salamah thuật lại).

Trong một chuyến hành quân, thời kỳ Madinah (thời điểm không rõ)

NGUỒN Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 23. fasıl (kerâmât, berekât, dokunduğu şeylerin dönüşmesi)

---

## 1233. Khi đến giờ Asr mà mọi người không tìm được nước Wudu', Người đặt tay vào chiếc...

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Khi đến giờ Asr mà mọi người không tìm được nước Wudu', Người đặt tay vào chiếc bình được mang đến, nước tuôn ra từ dưới các ngón tay Người và mọi người, đến tận người cuối cùng, đều làm Wudu' (Ishaq bin Abdullah thuật lại từ Anas).

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN Buhârî, Menâkıb, Alâmâtü'n-nübüvve, no. 3573 — Delâilü'n-nübüvve: yeryüzü mucizeleri – suyun çoğalması; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 67; ayrıca: İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî, s. 57; Buhârî, Menâkıb, no 3573; Müslim, Fezâil, no 2279b; Nesâî, Tahâret, no 76; Djamduri–Malinda, Journal of Islamic Education 6/1 (2021); WikiShia (Farsça), «Mu'cizât-ı Peygamber» maddesi; al-shia.org (Farsça mucize listeleri); Kütüb-i Sitte: Buharî, Vüdu 32, Menakıb 25; Müslim Fezail 5, (2279); Muvatta, Taharet 32; Nesâî, Taharet 61; Tirmizî, Menakıb 12, (3635) [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 5591, c./s. 15/443]

---

## 1234. Trong một chuyến đi, khi đến giờ lễ nguyện mà không có nước, Người đặt bốn ngón...

**Sahih (Xác thực)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Trong một chuyến đi, khi đến giờ lễ nguyện mà không có nước, Người đặt bốn ngón tay vào chiếc cốc có chút nước và nói: "Hãy đứng dậy làm Wudu'", và khoảng bảy mươi người làm Wudu' (al-Hasan al-Basri thuật lại từ Anas).

Trong một chuyến hành quân, thời điểm không rõ

NGUỒN Buhârî, Menâkıb, Alâmâtü'n-nübüvve, no. 3574 — satırdaki künye; Buharî, Menakıb 25; Müslim Fezail 5, (2279) [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 5591, c./s. 15/443]

---

## 1235. Trong một chuyến đi có hơn hai trăm mười người, khi đến giờ lễ nguyện mà không...

**Sahih (Xác thực)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Trong một chuyến đi có hơn hai trăm mười người, khi đến giờ lễ nguyện mà không có nước, Người cho đổ chút nước dưới đáy túi nước vào một cái cốc, đặt tay vào và nói: "Hãy làm Wudu' cho chu đáo"; Jabir thấy những dòng nước như mạch suối phun ra từ giữa các ngón tay Người, và Người không nhấc tay lên cho đến khi mọi người làm Wudu' xong.

Trong một chuyến hành quân, thời điểm không rõ

NGUỒN Dârimî, Sünen, Mukaddime, no. 26 — Delâilü'n-nübüvve: yeryüzü mucizeleri – suyun çoğalması; ayrıca: İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî, s. 63

---

## 1236. Người ban cho Rashid bin Abd Rabbih một mảnh đất ở Ruhat, trao cho ông một túi...

**Da'if (Yếu)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người ban cho Rashid bin Abd Rabbih một mảnh đất ở Ruhat, trao cho ông một túi nước đầy mà Người đã nhổ (thổi) vào và nói: "Hãy đổ cái này ở phía trên mảnh đất"; từ đó phun ra một con suối chảy mãi đến nay, được gọi là "Ma' ar-Rasul" (Nước của Thiên Sứ).

Thời kỳ Madinah (khoảng năm 8 H)

NGUỒN Ebû Nuaym el-İsfahânî, Delâilü'n-nübüvve, 7. fasıl (cinler, putlar ve kâhinlerden işitilenler), no. 68

## 1237. Người uống nước từ gàu được mang đến rồi phun nước trong miệng vào giếng (hoặc...)

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người uống nước từ gàu được mang đến rồi phun nước trong miệng vào giếng (hoặc vào gàu), và từ đó tỏa ra mùi thơm như xạ hương (do Wa'il bin Hujr thuật lại).

Thời kỳ Madinah, khoảng năm 9–10 H

NGUỒN Beyhakî, Delâilü'n-nübüvve, c.6 s.69

## 1238. Trong một cuộc chinh phạt, khi cơn khát dữ dội ập đến, Người cho mang nước từ...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Trong một cuộc chinh phạt, khi cơn khát dữ dội ập đến, Người cho mang nước từ một người có chút nước trong túi, bới đất, đặt tay xuống và cho đổ nước lên; từ nước tuôn ra giữa các ngón tay Người, cả đạo quân và các con vật cưỡi đều uống thỏa thuê (do Abu Layla al-Ansari thuật lại).

Thời kỳ Madinah, trong một cuộc chinh phạt

NGUỒN Heysemî, Mecmau'z-zevâid, K. Alâmâti'n-nübüvve, no 14107 (8/301)

## 1239. Trong một chuyến đi, mọi người đều tìm nước, Người cho đổ nước chỉ có ở một...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Trong một chuyến đi, mọi người đều tìm nước, Người cho đổ nước chỉ có ở một người vào một cái bình; khi làm Wudu', những mạch suối phun ra từ các ngón tay Người; sau khi cả đoàn làm Wudu' xong, Người nắm tay lại, và lượng nước còn lại đúng bằng lượng đã đổ lúc đầu.

Trong một chuyến hành quân, thời điểm không rõ

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 70 (Önceki bâblara girmeyen diğer mucizeler: suyun çoğalması)

## 1240. Trong một cuộc chinh phạt, khi mọi người bị khát dữ dội, Người xin một túi nước...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Trong một cuộc chinh phạt, khi mọi người bị khát dữ dội, Người xin một túi nước (rakwah), cho đổ nước vào, nhổ vào đó, cầu xin rồi thò ngón tay út vào, và những mạch suối phun ra; mọi người uống, cho gia súc uống và đổ đầy đồ đựng; Người cười đến lộ răng hàm và báo tin mừng rằng ai đọc lời chứng nhận đức tin sẽ vào Thiên Đàng.

Trong một cuộc chinh phạt, thời điểm không rõ

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 71 (Önceki bâblara girmeyen diğer mucizeler: suyun çoğalması)

## 1241. Trong một chuyến đi, khi dừng ở Qaha không có nước, một Sahabah lấy tay bới...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Trong một chuyến đi, khi dừng ở Qaha không có nước, một Sahabah lấy tay bới cát, cát ẩm lên và nước phun ra; Thiên Sứ của Allah ﷺ cùng những người đi với Người uống thỏa thuê và đặt tên nơi ấy là “Suqya”.

Thời kỳ Madinah, một chuyến đi, thời điểm không rõ

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 71 (Önceki bâblara girmeyen diğer mucizeler: suyun çoğalması)

---

## 1242. Người làm Wudu' từ gàu của giếng Buda'ah, đổ phần nước còn lại và nước bọt của...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người làm Wudu' từ gàu của giếng Buda'ah, đổ phần nước còn lại và nước bọt của Người vào giếng, rồi uống nước giếng ấy; vào thời Người, người bệnh được tắm theo lời "Hãy tắm bằng nước Buda'ah" và khỏi bệnh như được cởi trói.

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 118 (Hayvan türlerindeki mucizeleri ana başlığı altında: hastaları ve sakatları iyileştirmesine dair rivayetler)

---

## 1243. Khi các Sahabah than khát, Người xin một cái cốc lớn ('uss), cho đổ vào chút...

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Khi các Sahabah than khát, Người xin một cái cốc lớn ('uss), cho đổ vào chút nước rồi đặt ngón tay (bàn tay) vào và nói: "Hãy lấy nước"; Jabir thấy nước sôi trào từ giữa các ngón tay Người như những mạch suối.

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî (el-Bidâye ve'n-Nihâye'den; thk. es-Seyyid İbrâhîm), tek cilt, s. 60 (Arzî mucizeler, cemâdât: parmakları arasından suyun kaynaması)

---

## 1244. Trong chuyến đi mà Người cùng tám người và Anas ở lại phía sau đạo quân được cử...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Trong chuyến đi mà Người cùng tám người và Anas ở lại phía sau đạo quân được cử đi đánh những kẻ đa thần (trong đó có Abu Bakr), Người chạm tay vào nước trong một chiếc bình Wudu' nhỏ (mida'ah) và cầu xin phúc lành, chín người làm Wudu'; sau đó Người hỏi: "Ai là chủ chiếc mida'ah?", và từ chính chiếc bình ấy mọi người uống, cho gia súc uống và đổ đầy đồ đựng.

Trong một chuyến hành quân, thời điểm không rõ

NGUỒN İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî (el-Bidâye ve'n-Nihâye'den; thk. es-Seyyid İbrâhîm), tek cilt, s. 68-69 (Su bereketi: Enes'ten buna benzer başka hadis)

---

## 1245. Một nhóm người than nước của họ mặn; Người nhổ nước bọt vào cái giếng nước mặn...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Một nhóm người than nước của họ mặn; Người nhổ nước bọt vào cái giếng nước mặn đã cạn của họ, và nước ngọt phun ra từ giếng; chủ giếng đời này qua đời khác lấy đó làm niềm tự hào.

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN Râvendî, el-Harâic ve'l-cerâih, c. 1, s. 28-29 (el-Bâbü'l-evvel fî mu'cizâti nebiyyinâ Muhammed)

---

## 1246. Trong một chuyến đi, các Sahabah than rằng sắp chết vì khát; Người nói: "Không..."

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Trong một chuyến đi, các Sahabah than rằng sắp chết vì khát; Người nói: “Không; Thượng Đế của ta ở cùng ta, ta đã phó thác cho Ngài”, rồi cho đổ vào một cái bình lượng nước ít đến mức không đủ cho một người yếu uống; khi Người thò tay vào, nước phun ra từ giữa các ngón tay Người; hàng nghìn người uống thỏa thuê, và Người nói: “Ta làm chứng rằng ta thật sự là sứ giả của Allah.”

Thời kỳ Madinah, một chuyến hành quân (nguồn không nêu tên chuyến đi)

NGUỒN Tabersî, İ'lâmü'l-verâ bi-a'lâmi'l-hüdâ, c. 1, s. 75 (2. bâb, fasl: bazı mucizelerinin beyanı)

---

## 1247. Người trao cho một người du mục than giếng của họ đã cạn một hai viên sỏi mà...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người trao cho một người du mục than giếng của họ đã cạn một hai viên sỏi mà Người đã vê bằng đầu ngón tay và nói: “Hãy ném cái này xuống giếng”; khi viên sỏi được ném xuống, nước phun lên đến tận miệng giếng.

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN Râvendî, el-Harâic ve'l-cerâih, c. 2, s. 491 (14. bâb: fî a'lâmi'n-nebî ve'l-eimme)

---

## 1248. Jabir than về cái giếng nước đắng (mặn) và về cơn khát; Người rửa chân trong...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Jabir than về cái giếng nước đắng (mặn) và về cơn khát; Người rửa chân trong một chậu nước rồi cho đổ nước ấy xuống giếng, và nước giếng trở nên ngọt.

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN Râvendî, el-Harâic ve'l-cerâih, c. 2, s. 507 (14. bâb: fî a'lâmi'n-nebî ve'l-eimme)

---

## 1249. Khi Người nhổ nước bọt vào một cái giếng đã cạn (bỏ hoang), nước dâng tràn đến...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Khi Người nhổ nước bọt vào một cái giếng đã cạn (bỏ hoang), nước dâng tràn đến mức có thể lấy mà không cần gàu và dây.

Thời kỳ Madinah

NGUỒN İbn Şehrâşûb, Menâkıbü Âl-i Ebî Tâlib (Necef 1376/1956 baskısı), c. 1, s. 103 (fasl fî mu'cizât ef'âlihî)

---

## 1250. Vào “ngày Mida'ah”, khi Người đặt tay vào chiếc bình Wudu' được mang đến, nước...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Vào “ngày Mida'ah”, khi Người đặt tay vào chiếc bình Wudu' được mang đến, nước tràn lên dâng cao; tám nghìn người làm Wudu', uống, cho gia súc uống và đổ đầy đồ đựng từ đó.

Thời kỳ Madinah, chuyến hành quân; thời điểm không rõ

NGUỒN Tabersî, el-İhticâc (thk. M. Bâkır el-Hursân, Necef: Matbaatü'n-Nu'mân 1386/1966), c. 1, s. 325 (İhticâcü Emîri'l-mü'minîn ale'l-Yehûd min ahbârihim… fî mu'cizâti'n-Nebî)

---

## 1251. Trong một chuyến đi, khi hết nước, Người sai Ali đến một tảng đá và bảo ông...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Trong một chuyến đi, khi hết nước, Người sai Ali đến một tảng đá và bảo ông nói: “Tôi là sứ giả của Thiên Sứ của Allah, hãy cho nước ra”; nước chảy ra từ những chỗ lồi như bầu vú lạc đà trên tảng đá, đạo quân uống, cho gia súc uống và làm Wudu'.

Thời kỳ Madinah, chuyến hành quân; thời điểm không rõ

NGUỒN İbn Hamza et-Tûsî, es-Sâkıb fi'l-menâkıb (thk. Nebîl Rızâ Ulvân, Kum: Ensâriyân, 2. bs. 1412), s. 42, no. 1/1 (fasl: âyâtühû fi'l-miyâh)

---

## 1252. Trong một chuyến đi, Người xin Ali một cái bình (tawr), đặt tay phải của mình...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Trong một chuyến đi, Người xin Ali một cái bình (tawr), đặt tay phải của mình cùng tay Ali vào bình và nói: “Hãy trào lên”, và nước phun ra từ giữa các ngón tay Người.

Thời kỳ Madinah, chuyến hành quân; thời điểm không rõ

NGUỒN İbn Hamza et-Tûsî, es-Sâkıb fi'l-menâkıb (thk. Nebîl Rızâ Ulvân, Kum: Ensâriyân, 2. bs. 1412), s. 42, no. 2/2 (fasl: âyâtühû fi'l-miyâh)

---

## 1253. Trong một cuộc chinh phạt, Ali được cử đi tìm nước chỉ thấy bùn dưới giếng...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Trong một cuộc chinh phạt, Ali được cử đi tìm nước chỉ thấy bùn dưới giếng; Người cho mang bùn ấy đến, (cầu xin trên nó) rồi cho ném xuống giếng, và nước dâng lên tràn khỏi giếng.

Thời kỳ Madinah, một cuộc chinh phạt; thời điểm không rõ

NGUỒN İbn Hamza et-Tûsî, es-Sâkıb fi'l-menâkıb (thk. Nebîl Rızâ Ulvân, Kum: Ensâriyân, 2. bs. 1412), s. 43, no. 4/4 (fasl: âyâtühû fi'l-miyâh)

---

## 1254. Trong một cuộc chinh phạt, khi hết nước, Người cho al-Bara' bin Azib mang đến...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Trong một cuộc chinh phạt, khi hết nước, Người cho al-Bara' bin Azib mang đến một cái bình nhỏ (tawr), đặt tay mình cùng tay ông vào bình; nước phun ra, đạo quân và gia súc uống thỏa thuê (do al-Bara' thuật lại).

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN Meclisî, Bihâru'l-envâr, c. 18, s. 38 (Bâb 7: mübarek uzuvlarının bereketi, yiyecek ve içeceğin çoğalması)

---

## 1255. Khi trở về từ một chuyến đi, một nhóm người có giếng cạn nước vào mùa hè xin...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Khi trở về từ một chuyến đi, một nhóm người có giếng cạn nước vào mùa hè xin Người cầu xin; Người nhổ nước bọt vào giếng của họ, nước phun lên và nhiều đến mức không thấy đáy; nghe chuyện ấy, Musaylimah kẻ nói dối nhổ vào một cái giếng ít nước, và cái giếng ấy khô cạn hoàn toàn.

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN Meclisî, Bihâru'l-envâr, c. 17, s. 234, 238-239 (Bâb 2: cevâmiu mu'cizâtihî ve nevâdirühâ)

## 29 · Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ: những lời cầu mưa

### 1256. Trong hạn hán, Người ra nơi dâng lễ nguyện ngoài trời cầu mưa; khi Người chưa...

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Trong hạn hán, Người ra nơi dâng lễ nguyện ngoài trời cầu mưa; khi Người chưa về đến masjid thì mưa đã trút xuống, và Người mỉm cười khi thấy mọi người chạy tìm chỗ trú (do Aisha thuật lại).

Thời kỳ Madinah (năm 1–11 H), không có năm chính xác – các lời cầu mưa

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.4 s.600; web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 277; ayrıca: N. İçel, Hz. Muhammed'in (sas) Mucizeleri -2 (2023), "Peygamberimiz Aleyhisselâmın Yağmur Dualarının Sayısı ve Çeşitleri" (kitabın dipnotu: Ebu Dâvud, Sünen, c:1, s:304; Hâkim, Müstedrek, c:3, s:328); Kütüb-i Sitte: Ebû Dâvûd (Âişe) — satırdaki künye; Canan K3055 [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 3055, c./s. 9/366-367]

---

### 1257. Khi cầu mưa, Abu Lubabah nói: “Chà là còn đang trên sân phơi”; Người cầu xin...

Hasan (Tốt) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Khi cầu mưa, Abu Lubabah nói: “Chà là còn đang trên sân phơi”; Người cầu xin: “Xin cho mưa đến khi Abu Lubabah lấy khố bịt lỗ thoát nước của sân phơi”, và đã đúng như vậy.

Thời kỳ Madinah (năm 1–11 H), không có năm chính xác – các lời cầu mưa

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.4 s.600; web: A'zamî, el-Câmiu'l-Kâmil, Sîre, bâb 580; İbn Kesîr, el-Bidâye ve'n-Nihâye, c. 6, s. 92 — Delâilü'n-nübüvve: semâvî mucizeler – istiskā; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 277; ayrıca: İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî, s. 55; İbn Hamza et-Tûsî, es-Sâkıb, s. 90, hadis no. 74/5; ayrıca: N. İçel, Hz. Muhammed'in (sas) Mucizeleri -2 (2023), "Peygamberimiz Aleyhisselâmın Yağmur Dualarının Sayısı ve Çeşitleri" (kitabın dipnotu: Ebu Nuaym, Delâilü'n-nübüvve, c:2, s:450)

---

### 1258. Sau lời nguyền của Người đối với Mudar, Ka'b bin Murrah nói: “Dân của ngài sắp...”

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Sau lời nguyền của Người đối với Mudar, Ka'b bin Murrah nói: “Dân của ngài sắp chết rồi, xin hãy cầu xin cho họ”; Người cầu mưa, và chưa qua một tuần thì mưa đã rơi.

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 44, Kâ'b b. Mürre'nin gelişi bâbı — satırdaki künye

---

### 1259. Một người du mục làm thơ kể về hạn hán và xin mưa; Người cầu xin trên bục...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Một người du mục làm thơ kể về hạn hán và xin mưa; Người cầu xin trên bục giảng: “Allahumma-sqina ghaythan mughithan...”, mưa lập tức trút xuống; một người thuộc Kinanah liền làm thơ gợi lại câu thơ của Abu Talib: “Người có gương mặt sáng ngời, nhờ phẩm giá của gương mặt ấy mà người ta xin mây ban mưa”, và Người nói: “Nếu có nhà thơ nào nói hay thì ngươi cũng đã nói hay.”

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN İbn Kesîr, el-Bidâye ve'n-Nihâye (Saâde bs.), c. 6, s. 91 — Delâilü'n-nübüvve: semâvî mucizeler – istiskā

## 1260. Trong cùng chuyến đi ấy, khi lên đường thì mưa rơi và các Sahabah uống nước...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Trong cùng chuyến đi ấy, khi lên đường thì mưa rơi và các Sahabah uống nước mưa; trong ba người đến, hai người ngồi xuống còn một người quay đi, Người nói về tình trạng của họ: “Một người đã biết hổ thẹn trước Allah, Allah cũng hổ thẹn trước người ấy; người kia đã quay về sám hối, Allah chấp nhận sự sám hối của người ấy; còn người nọ quay đi, Allah cũng quay đi khỏi người ấy.”

Usfan, cuộc chinh phạt Tihamah (thời điểm không rõ)

NGUỒN İbn Kesîr, el-Bidâye ve'n-Nihâye (Saâde bs.), c. 6, s. 115 — Delâilü'n-nübüvve: yemeğin çoğalması – azıkların toplanması

## 1261. Vào buổi sáng, trong masjid, Người hô Takbir ba lần và cầu xin: “Lạy Allah, xin...”

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Vào buổi sáng, trong masjid, Người hô Takbir ba lần và cầu xin: “Lạy Allah, xin ban mưa cho chúng con; xin ban cho chúng con bổng lộc bơ, sữa, mỡ và thịt”; dù trên trời không có mây, gió và bụi nổi lên, mây tụ lại và mưa rơi, và năm ấy bơ, sữa, thịt dồi dào đến mức vương vãi trên đường (do Abu Umamah thuật lại).

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 276 (duaların kabulündeki mucizeler: yağmur duaları)

## 1262. Trong một chuyến đi, khi không tìm được nước để làm Wudu', Người cầu xin, mưa...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Trong một chuyến đi, khi không tìm được nước để làm Wudu', Người cầu xin, mưa rơi, người và gia súc đều uống thỏa thuê (do ar-Rubayyi' bint Mu'awwidh thuật lại).

Thời kỳ Madinah, trong một chuyến hành quân (thời điểm không rõ)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 277 (duaların kabulündeki mucizeler: yağmur duaları)

## 1263. Vì một người du mục than hạn hán, Người lên bục giảng, ca ngợi Allah rồi cầu...

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Vì một người du mục than hạn hán, Người lên bục giảng, ca ngợi Allah rồi cầu mưa; mưa rơi, và những người từ mọi phía đến đều nói: “Chúng tôi đã được hồi sinh” (do Ibn Abbas thuật lại).

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 277 (duaların kabulündeki mucizeler: yağmur duaları) — Canan K3054 [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 6364, c./s. 17/79; no. 3054]

## 1264. Trong nạn đói, Người từ Madinah ra Baqi' al-Gharqad, đội khăn xếp đen, tựa vào...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Trong nạn đói, Người từ Madinah ra Baqi' al-Gharqad, đội khăn xếp đen, tựa vào cây cung Ả Rập, hướng về Qiblah, dâng hai rak'ah đọc lớn tiếng (với chương at-Takwir và ad-Duha) rồi đọc một lời cầu mưa dài; vừa dứt lời cầu xin thì mưa trút xuống đến mức mọi người phải nghĩ cách về nhà, gia súc hồi sức và đất đai xanh tươi (do Ibn Abbas thuật lại).

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 278 (duaların kabulündeki mucizeler: yağmur duaları)

---

## 1265. Khi Người cầu mưa trên bục giảng, Ibn Umar nhìn gương mặt Người và nhớ đến câu...

**Sahih (Xác thực)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Khi Người cầu mưa trên bục giảng, Ibn Umar nhìn gương mặt Người và nhớ đến câu thơ của Abu Talib: "Người có gương mặt sáng ngời, nhờ phẩm giá của gương mặt ấy mà người ta xin mây ban mưa; nơi nương tựa của trẻ mồ côi, người che chở của góa phụ" (lời chứng cho việc những lời cầu mưa của Người được đáp nhận).

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî (el-Bidâye ve'n-Nihâye'den; thk. es-Seyyid İbrâhîm), tek cilt, s. 47-48 (Yağmur gecikince ümmeti için Rabbinden yağmur istemesi ve duasının kabulü) — satırdaki künye

---

## 1266. Khi dừng chân ở một thung lũng không có nước, đất mềm, những kẻ đa thần chiếm...

**Da'if (Yếu)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Khi dừng chân ở một thung lũng không có nước, đất mềm, những kẻ đa thần chiếm trước các giếng nên người Muslim bị khát, và một số kẻ giả tạo đức tin nói: "Nếu người ấy là Nabi, người ấy đã xin nước cho dân mình như Musa"; nghe vậy, Người giơ tay cầu xin, kể ra các đặc điểm của đám mây; trước khi tay Người hạ xuống, với mỗi đặc điểm Người kể đều có một đám mây che bóng, mưa rơi, nước lũ tràn đầy thung lũng và mọi người uống thỏa thuê (Aisha bint Sa'd thuật lại từ cha là Sa'd bin Abi Waqqas).

Thời kỳ Madinah, trong một cuộc chinh phạt (thời điểm không rõ)

NGUỒN İbnü'l-Cevzî, el-Vefâ bi-ahvâli'l-Mustafâ (thk. Mustafa Abdülkādir Atâ, Beyrut: Dârü'l-Kütübi'l-İlmiyye, 1408/1988; tek cilt), s. 353 (Ebvâbü mu'cizâtih, 32. bâb: dualarının kabulü)

---

## 1267. Đang ngồi, Người đứng dậy làm như bắt tay một người không ai thấy, rồi nói...

**Da'if (Yếu)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Đang ngồi, Người đứng dậy làm như bắt tay một người không ai thấy, rồi nói: "Thiên Thần coi mưa Isma'il đã xin phép Thượng Đế đến chào ta; ta xin mưa, ngài hứa vào ngày ấy tháng ấy"; những kẻ giả tạo đức tin ghi lại ngày ấy để chế giễu; hôm đó dù trời rất nóng, Người bảo Ali nhìn lên trời và chỉ cho ông một đám mây to bằng cái khiên, và mưa trút xuống.

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN Meclisî, Bihâru'l-envâr, c. 18, s. 15, 115 (Bâb 6: duasının kabulü, ölülerin diriltilmesi ve hastaların şifası)

---

## 1268. Cho một nhóm người than hạn hán, Người cho mang bục giảng ra, cầu xin và bảo...

**Da'if (Yếu)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Cho một nhóm người than hạn hán, Người cho mang bục giảng ra, cầu xin và bảo mọi người nói "Amin"; Jibril xuống báo rằng mưa đã được hứa vào ngày ấy giờ ấy, và đúng giờ ấy gió mang mây đến, mưa như trút; khi họ quay lại vì sợ chết đuối, Người bảo họ cầu xin "Allahumma hawalayna wa la 'alayna", và mưa dạt ra xung quanh (do Ruzayq thuật lại).

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN Meclisî, Bihâru'l-envâr, c. 18, s. 21-22 (Bâb 6: duasının kabulü, ölülerin diriltilmesi ve hastaların şifası)

---

## 1269. Người nói với những người xin mưa: “Ngày mai trời sẽ mưa”; sáng hôm sau trời...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người nói với những người xin mưa: “Ngày mai trời sẽ mưa”; sáng hôm sau trời trong như kính, một người hỏi: “Điều ngài nói hôm qua đâu rồi?”, liền có một đám mây dâng lên làm tràn đầy các thung lũng; lần này người ta nói: “Xin hãy xua nó khỏi chúng tôi”, và với lời cầu xin “Allahumma hawalayna wa la 'alayna”, mây dạt sang hai bên.

Thời điểm không rõ

NGUỒN Meclisî, Bihâru'l-envâr, c. 18, s. 105 (Bâb 11: gaybî haberleri)

## 1270. Tại nhà Abu Talhah, vài chiếc bánh lúa mạch của Umm Sulaym đã làm no 70–80 người

**Sahih (Xác thực)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Tại nhà Abu Talhah, vài chiếc bánh lúa mạch của Umm Sulaym đã làm no 70–80 người.

Thời kỳ Madinah (năm 1–11 H), không có năm chính xác – các phép màu về thức ăn và phúc lành

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.4 s.543; İbn Kesîr s.39; 19. Mektup listesi (183.txt) no.64, 124; 1000 Mucize no.30 (s.43); web: Buhârî, Menâkıb, Alâmâtü'n-nübüvve, no. 3578; A'zamî, el-Câmiu'l-Kâmil, Sîre, bâb 577; Heysemî, Mecmau'z-zevâid, K. Alâmâti'n-nübüvve, no 14119-14122; İbn Kesîr, el-Bidâye ve'n-Nihâye, c. 6, s. 105 — Delâilü'n-nübüvve: yemeğin çoğalması – Ebû Talha'nın evi; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 76-77; ayrıca: Râvendî, el-Harâic, c. 2, s. 507-508; İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî, s. 81-87; İbnü'l-Cevzî, el-Vefâ, s. 279; Buhârî, Menâkıb, no 3578; Elshinawy, The Physical Miracles of the Prophet (Yaqeen); Meclisî, Bihâru'l-envâr, c. 18, s. 26, 36; İbn Şehrâşûb, Menâkıb, c. 1, s. 90; al-shia.org (Farsça mucize listeleri); Kütüb-i Sitte: Buhârî, Menâkıb 25 (3578), Et'ime 6, 48; Müslim, Eşribe 142-143 (2040)

## 1271. Trong chuyến đi do Abdurrahman bin Abi Bakr kể lại, từ một sa' bột và một lá...

**Sahih (Xác thực)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Trong chuyến đi do Abdurrahman bin Abi Bakr kể lại, từ một sa' bột và một lá gan cừu, 130 người đã ăn, phần thừa còn được chất lên lạc đà.

Thời kỳ Madinah (năm 1–11 H), không có năm chính xác – các phép màu về thức ăn và phúc lành

NGUỒN İbn Kesîr s.47; 19. Mektup listesi (183.txt) no.61, 122; 1000 Mucize no.256 (s.229); web: A'zamî, el-Câmiu'l-Kâmil, Sîre, bâb 577; İbn Kesîr, el-Bidâye ve'n-Nihâye, c. 6, s. 113 — Delâilü'n-nübüvve: yemeğin çoğalması; Said Nursî, Mektubat, 19. Mektup, 7. İşaret, 4. misal; Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 15. fasıl; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 80; ayrıca: İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî, s. 94; İbnü'l-Cevzî, el-Vefâ, s. 280; Elshinawy, The Physical Miracles of the Prophet (Yaqeen); Kütüb-i Sitte: Buhârî, Hibe 28, Et'ime 6 (2618); Müslim, Eşribe 175 (2056)

## 1272. Tại nhà Abu Bakr, thức ăn dọn cho khách thuộc Ahl as-Suffah càng ăn càng dâng...

**Sahih (Xác thực)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Tại nhà Abu Bakr, thức ăn dọn cho khách thuộc Ahl as-Suffah càng ăn càng dâng lên từ bên dưới, tăng lên gấp ba.

Thời kỳ Madinah (năm 1–11 H), không có năm chính xác – các phép màu về thức ăn và phúc lành

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.4 s.559; İbn Kesîr s.45; 1000 Mucize no.38 (s.50); web: Buhârî, Menâkıb, Alâmâtü'n-nübüvve, no. 3581; İbn Kesîr, el-Bidâye ve'n-Nihâye, c. 6, s. 112 — Delâilü'n-nübüvve: yemeğin çoğalması; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 84; ayrıca: İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî, s. 93; Kütüb-i Sitte: Buhârî 3581, 602; Müslim 2057

## 1273. Từ một bát thức ăn, từ sáng đến trưa từng nhóm mười người lần lượt ăn; "nó được..."

**Sahih (Xác thực)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Từ một bát thức ăn, từ sáng đến trưa từng nhóm mười người lần lượt ăn; "nó được tiếp thêm từ trời" (do Samurah thuật lại).

Thời kỳ Madinah (năm 1–11 H), không có năm chính xác – các phép màu về thức ăn và phúc lành

NGUỒN İbn Kesîr s.45; 19. Mektup listesi (183.txt) no.66, 126; 1000 Mucize no.41 (s.53); web: Tirmizî, Menâkıb, bâb fî âyâti isbâti nübüvveti'n-nebî, no. 3625; A'zamî, el-Câmiu'l-Kâmil, Sîre, bâb 577; İbn Kesîr, el-Bidâye ve'n-Nihâye, c. 6, s. 112 — Delâilü'n-nübüvve:

yemeğin çoğalması; Said Nursî, Mektubat, 19. Mektup, 7. İşaret, 8. misal; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 79; ayrıca: Tirmizî, Menâkıb, no 3625; İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî, s. 92; İbnü'l-Cevzî, el-Vefâ, s. 281; Kütüb-i Sitte: Tirmizî, Menâkıb (3625)

---

## 1274. Một cốc sữa đã làm no toàn bộ Ahl as-Suffah và Abu Hurairah mà vẫn còn thừa

**Sahih (Xác thực)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Một cốc sữa đã làm no toàn bộ Ahl as-Suffah và Abu Hurairah mà vẫn còn thừa.

Thời kỳ Madinah (năm 1–11 H), không có năm chính xác – các phép màu về thức ăn và phúc lành

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.4 s.557; İbn Kesîr s.35; 19. Mektup listesi (183.txt) no.133, 146; 1000 Mucize no.29 (s.40); web: A'zamî, el-Câmiu'l-Kâmil, Sîre, bâb 577; İbn Kesîr, el-Bidâye ve'n-Nihâye, c. 6, s. 102 — Delâilü'n-nübüvve: sütün çoğalması; Said Nursî, Mektubat, 19. Mektup, 7. İşaret, 16. misal; Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 15. fasıl; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 80-81; ayrıca: İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî, s. 73; İbnü'l-Cevzî, el-Vefâ, s. 296; İbn Hamza et-Tûsî, es-Sâkıb, s. 48-49, no. 15/4; Kütüb-i Sitte: Buhârî, Rikāk 17 (6452); Tirmizî, Sıfatü'l-Kıyâme 36 (2477)

---

## 1275. Một nắm chà là trong túi của Abu Hurairah, nhờ lời cầu xin của Người mà được...

**Hasan (Tốt)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Một nắm chà là trong túi của Abu Hurairah, nhờ lời cầu xin của Người mà được ban phúc, suốt nhiều năm không cạn cho đến khi Uthman tử vì đạo.

Lời cầu xin: thời kỳ Madinah; Kéo dài đến năm 35 H

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.4 s.565; İbn Kesîr s.50; 19. Mektup listesi (183.txt) no.132; 1000 Mucize no.44 (s.55); web: A'zamî, el-Câmiu'l-Kâmil, Sîre, bâb 577; İbn Kesîr, el-Bidâye ve'n-Nihâye, c. 6, s. 117 — Delâilü'n-nübüvve: Ebû Hüreyre'nin dağarcığı; Said Nursî, Mektubat, 19. Mektup, 7. İşaret, 15. misal; Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 15. fasıl; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 84-85; ayrıca: İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî, s. 102-104; İbnü'l-Cevzî, el-Vefâ, s. 284-285; Meclisî, Bihâru'l-envâr, c. 18, s. 18, 29; Râvendî, el-Harâic, c. 1, s. 55; İbn Şehrâşûb, Menâkıb, c. 1, s. 74; Kütüb-i Sitte: Tirmizî, Menakıb (3838) [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 5597, c./s. 15/448-449]

---

## 1276. Túi bơ của Umm Malik, mỗi khi các con bà đòi thức ăn kèm, đều được thấy đầy bơ...

**Sahih (Xác thực)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Túi bơ của Umm Malik, mỗi khi các con bà đòi thức ăn kèm, đều được thấy đầy bơ; khi bà vắt túi thì nó cạn (“Nếu bà không vắt, nó đã còn mãi”).

Thời kỳ Madinah (năm 1–11 H), không có năm chính xác – các phép màu về thức ăn và phúc lành

NGUỒN İbn Kesîr s.37; 19. Mektup listesi (183.txt) no.140; 1000 Mucize no.43 (s.54), no.311 (s.288); web: Müslim, Fezâil, bâbün fî mu'cizâti'n-nebî, no. 2280; A'zamî, el-Câmiu'l-Kâmil, Sîre, bâb 577; İbn Kesîr, el-Bidâye ve'n-Nihâye, c. 6, s. 104 — Delâilü'n-nübüvve: yağın çoğalması; Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 23. fasıl; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 89; ayrıca: İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî, s. 78-79, 105; İbnü'l-Cevzî, el-Vefâ, s. 283; İbn Şehrâşûb, Menâkıb, c. 1, s. 121; Kütüb-i Sitte: Müslim, Fezâil 8 (2280)

---

## 1277. Túi bơ rỗng của Umm Sharik đã đầy bơ

**Da'if (Yếu)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Túi bơ rỗng của Umm Sharik đã đầy bơ.

Thời kỳ Madinah (năm 1–11 H), không có năm chính xác – các phép màu về thức ăn và phúc lành

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.4 s.581; 1000 Mucize no.346 (s.330); web: İbn Kesîr, el-Bidâye ve'n-Nihâye, c. 6, s. 104 — Delâilü'n-nübüvve: yağın çoğalması; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 32, Devs heyeti bâbı; ayrıca: İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî, s. 78; Meclisî, Bihâru'l-envâr, c. 17, s. 235, 239; c. 18, s. 26, 36; Râvendî, el-Harâic, c. 1, s. 25; İbn Şehrâşûb, Menâkıb, c. 1, s. 90

## 1278. Túi bơ do Umm Aws al-Bahziyyah tặng đã được ban phúc

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Túi bơ do Umm Aws al-Bahziyyah tặng đã được ban phúc.

Thời kỳ Madinah (năm 1–11 H), không có năm chính xác – các phép màu về thức ăn và phúc lành

NGUỒN 1000 Mucize no.310 (s.287); web: Heysemî, Mecmau'z-zevâid, K. Alâmâti'n-nübüvve, no 14128; İbn Kesîr, el-Bidâye ve'n-Nihâye, c. 6, s. 104 — Delâilü'n-nübüvve: yağın çoğalması; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 89; ayrıca: İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî, s. 77-78

## 1279. Một nửa wasq lúa mạch Người cho một người đã đủ cho gia đình ông ăn trong thời...

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Một nửa wasq lúa mạch Người cho một người đã đủ cho gia đình ông ăn trong thời gian dài; khi họ đong thì nó hết (“Nếu các ngươi không đong, các ngươi đã ăn mãi”).

Thời kỳ Madinah (năm 1–11 H), không có năm chính xác – các phép màu về thức ăn và phúc lành

NGUỒN 19. Mektup listesi (183.txt) no.65, 125, 137; 1000 Mucize no.42 (s.54); web: Müslim, Fezâil, bâbün fî mu'cizâti'n-nebî, no. 2281; A'zamî, el-Câmiu'l-Kâmil, Sîre, bâb 577; Heysemî, Mecmau'z-zevâid, K. Alâmâti'n-nübüvve, no 14131; İbn Kesîr, el-Bidâye ve'n-Nihâye, c. 6, s. 104 — Delâilü'n-nübüvve: yağın çoğalması; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 86; ayrıca: İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî, s. 79, 105; Meclisî, Bihâru'l-envâr, c. 18, s. 37; İbn Şehrâşûb, Menâkıb, c. 1, s. 90; Kütüb-i Sitte: Müslim, Fezâil 3 (2281)

## 1280. Một ít lúa mạch trên kệ của Aisha suốt thời gian dài không hết; khi bà đong thì nó cạn

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Một ít lúa mạch trên kệ của Aisha suốt thời gian dài không hết; khi bà đong thì nó cạn.

Sau năm 11 H

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.4 s.570; 1000 Mucize no.45 (s.57); web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 86; ayrıca: İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî, s. 105; Kütüb-i Sitte: Buhârî, Müslim (Hz. Âişe)

## 1281. Món nợ lớn của người cha tử vì đạo của Jabir đã được trả từ một ít chà là nhờ...

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Món nợ lớn của người cha tử vì đạo của Jabir đã được trả từ một ít chà là nhờ Người đi vòng quanh sân phơi và cầu xin, và chà là còn dư ra.

Năm 3–4 H (sau Uhud)

NGUỒN İbn Kesîr s.49; Beyhakî, Delâil c.4 s.470; 19. Mektup listesi (183.txt) no.131; 1000 Mucize no.88 (s.63), no.886 (s.739); web: Buhârî, Menâkıb, Alâmâtü'n-nübüvve, no. 3580; A'zamî, el-Câmiu'l-Kâmil, Sîre, bâb 577; İbn Kesîr, el-Bidâye ve'n-Nihâye, c. 6, s. 116 — Delâilü'n-nübüvve: hurmanın çoğalması; Said Nursî, Mektubat, 19. Mektup, 7. İşaret, 14. misal; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 87; ayrıca: İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî, s. 101; İbnü'l-Cevzî, el-Vefâ, s. 276; Elshinawy, The Physical Miracles of the Prophet (Yaqeen); Facts and Details, “Miracles of Muhammad”; Meclisî, Bihâru'l-envâr, c. 18, s. 31-32, 42; Râvendî, el-Harâic, c. 1, s. 154-155; İbn Şehrâşûb, Menâkıb, c. 1, s. 117; İbn Hamza et-Tûsî, es-Sâkıb, s. 52, no. 20/9; ayrıca: N. İçel, Hz. Muhammed'in (sas) Mucizeleri -2 (2023), "Câbir b. Abdullah'ın Hurma Mahsulünün Bütün Borçlarını Ödeyecek Kadar Bereketlenişi" (kitabın dipnotu: Ahmed b. Hanbel, Müsned, c:3, s:373, 391; Buhârî, Sahîh, c:3, s:21, 84, 89, 199); Kütüb-i Sitte: Buharî, Büyu 51, İstikraz 8, 9, 18, Sulh 13, Vesaya 36, Menakıb 25; Megazî 18; Nesaî, Vesaya 4; Ebu Davud, Vesaya 17 (2884) [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 5599, c./s. 15/453-454]

## 1282. Chút thức ăn ít ỏi của Fatimah (một bát thịt và bánh mì), nhờ lời cầu xin của...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Chút thức ăn ít ỏi của Fatimah (một bát thịt và bánh mì), nhờ lời cầu xin của Người, đã đủ cho cả gia đình và hàng xóm.

Thời kỳ Madinah (năm 1–11 H), không có năm chính xác – các phép màu về thức ăn và phúc lành

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.4 s.564; 19. Mektup listesi (183.txt) no.129, 138; 1000 Mucize no.249 (s.219); web: İbn Kesîr, el-Bidâye ve'n-Nihâye, c. 6, s. 111 — Delâilü'n-nübüvve: yemeğin çoğalması – Fâtıma'nın evi; Questions on Islam, "The Miracles Concerning the Increase in Food and Drink"; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 82-83; ayrıca: İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî, s. 91

## 1283. Những lời thuật khác về việc thức ăn được nhân lên (phần chung)

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Những lời thuật khác về việc thức ăn được nhân lên (phần chung).

Thời kỳ Madinah (năm 1–11 H), không có năm chính xác – các phép màu về thức ăn và phúc lành

NGUỒN İbn Kesîr s.39; Beyhakî, Delâil c.4 s.577; ayrıca: Meclisî, Bihâru'l-envâr, c. 17, s. 255; Kütüb-i Sitte: Buharî, Megazî 29; Müslim, Eşribe 141 (2039) (örnek) [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 5596, c./s. 15/447-448; no. 5597, c./s. 15/448-449]

## 1284. Khi có khách đến mà không có gì để mời, Người cầu xin: “Lạy Allah, chúng con...”

Hasan (Tốt) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Khi có khách đến mà không có gì để mời, Người cầu xin: “Lạy Allah, chúng con cầu xin từ ân huệ và lòng thương xót của Ngài”, và có người mang đến biếu một con cừu nướng.

Thời kỳ Madinah (năm 1–11 H), không có năm chính xác – các phép màu về thức ăn và phúc lành

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.4 s.587; İbn Kesîr s.51; 1000 Mucize no.131 (s.108), no.273 (s.250); web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 279; ayrıca: İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî, s. 108

## 1285. Lời cầu xin “Cầu Allah ban phúc cho ngươi” cho những đồng dinar al-Miqdad tìm được và phúc lành của chúng

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Lời cầu xin “Cầu Allah ban phúc cho ngươi” cho những đồng dinar al-Miqdad tìm được và phúc lành của chúng.

Thời kỳ Madinah (năm 1–11 H), không có năm chính xác – các phép màu về thức ăn và phúc lành

NGUỒN 1000 Mucize no.173 (s.150); web: Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 22. fasıl; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 283; Kütüb-i Sitte: Ebû Dâvud, İmâret 40 (3087); İbnu Mâce, Lukata 3 (2508) [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 2032, c./s. 7/378]

## 1286. Thịt cừu do Mas'ud bin Khalid gửi đến đã được ban phúc

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Thịt cừu do Mas'ud bin Khalid gửi đến đã được ban phúc.

Thời kỳ Madinah (năm 1–11 H), không có năm chính xác – các phép màu về thức ăn và phúc lành

NGUỒN 1000 Mucize no.305 (s.282); web: Heysemî, Mecmau'z-zevâid, K. Alâmâti'n-nübüvve, no 14130; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 83

## 1287. Từ con cừu được nấu, Người liên tiếp ba lần xin “cái chân trước” và nói: “Nếu...”

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Từ con cừu được nấu, Người liên tiếp ba lần xin “cái chân trước” và nói: “Nếu ngươi im lặng, ngươi đã đưa cho ta bao nhiêu ta muốn” (Abu Rafi').

Thời kỳ Madinah (năm 1–11 H), không có năm chính xác – các phép màu về thức ăn và phúc lành

NGUỒN 1000 Mucize no.112 (s.89); web: A'zamî, el-Câmiu'l-Kâmil, Sîre, bâb 577; Heysemî, Mecmau'z-zevâid, K. Alâmâti'n-nübüvve, bâbü kavlihî nâvilni'z-zirâ', no 14133-14135; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 377; c. 2, s. 92; ayrıca: İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî, s. 111-113

## 1288. Miếng thịt Umm Salamah không cho người ăn xin mà cất đi đã hóa thành đá

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Miếng thịt Umm Salamah không cho người ăn xin mà cất đi đã hóa thành đá.

Thời kỳ Madinah (năm 1–11 H), không có năm chính xác – các phép màu về thức ăn và phúc lành

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.5 s.68; 1000 Mucize no.170 (s.149), no.297 (s.274); web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 178-179

## 1289. Khi đưa vào miệng thịt của con cừu bị lấy mà không có phép của chủ, Người nói...

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Khi đưa vào miệng thịt của con cừu bị lấy mà không có phép của chủ, Người nói: “Miếng thịt này cho biết nó bị lấy mà không được phép.”

Thời kỳ Madinah (năm 1–11 H), không có năm chính xác – các phép màu về thức ăn và phúc lành

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.5 s.78; 1000 Mucize no.393 (PDF s.387); web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 176; ayrıca: İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî, s. 252; İbnü'l-Cevzî, el-Vefâ, s. 318; Kütüb-i Sitte: Ebû Dâvûd (İbn Kesîr'in naklettiği metin)

## 1290. Khi ăn, các Sahabah nghe thức ăn trong lòng bàn tay Người tán dương Allah (do...)

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Khi ăn, các Sahabah nghe thức ăn trong lòng bàn tay Người tán dương Allah (do Ibn Mas'ud thuật lại).

Thời kỳ Madinah (năm 1–11 H), không có năm chính xác – các phép màu về thức ăn và phúc lành

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.3 s.250; Beyhakî, Delâil c.4 s.520; İbn Kesîr s.30; 1000 Mucize no.94 (s.69); web: Buhârî, Menâkıb, Alâmâtü'n-nübüvve, no. 3579; A'zamî, el-Câmiu'l-Kâmil, Sîre, bâb 575 ve 578; İbn Hibbân, Sahîh, K. et-Târîh, bâbü'l-mu'cizât, no 6493; İbn Kesîr, el-Bidâye ve'n-Nihâye, c. 6, s. 98 — Delâilü'n-nübüvve: yeryüzü mucizeleri – suyun çoğalması; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 70; ayrıca: İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî, s. 64-65, 135, 419, 445, 135; Buhârî, Menâkıb, no 3579; Tirmizî, Menâkıb, no 3633; Elshinawy, The Physical Miracles of the Prophet (Yaqeen); Facts and Details, “Miracles of Muhammad”; Meclisî, Bihâru'l-envâr, c. 17, s. 379; c. 17, s. 379-380; Râvendî, el-Harâic, c. 1, s. 47; İbn Şehrâşûb, Menâkıb, c. 1, s. 80; al-shia.org (Farsça mucize listeleri); Kütüb-i Sitte: Buharî, Menakıb 25; Tirmizî, Menakıb 14 (3637); Nesâî, Taharet 61 [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 5594, c./s. 15/445]

## 1291. Khi được mẹ Jabir lặng lẽ mời đến dùng bữa bà nấu, Người đến cùng năm mươi...

Hasan (Tốt) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Khi được mẹ Jabir lặng lẽ mời đến dùng bữa bà nấu, Người đến cùng năm mươi người; mọi người được mời vào từng nhóm mười người, tất cả đều no, và thức ăn vẫn còn nguyên.

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN 1000 Mucize no.893 (s.743); web: Heysemî, Mecmau'z-zevâid, K. Alâmâti'n-nübüvve, no 14123; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 82

---

## 1292. Người buộc và vắt sữa con cừu duy nhất mà Khabbab bin al-Aratt để lại cho gia...

**Sahih (Xác thực)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người buộc và vắt sữa con cừu duy nhất mà Khabbab bin al-Aratt để lại cho gia đình khi đi chinh phạt, đầy một cái bình to bằng thùng nhồi bột, gia đình và hàng xóm đều uống; khi Khabbab trở về tự vắt, sữa trở lại như cũ.

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.4 s.538; 1000 Mucize no.307 (s.283); web: Heysemî, Mecmau'z-zevâid, K. Alâmâti'n-nübüvve, bâbü bereketihî fi'l-leben, no 14139; İbn Kesîr, el-Bidâye ve'n-Nihâye, c. 6, s. 102 — Delâilü'n-nübüvve: sütün çoğalması; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 99; ayrıca: İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî, s. 74; Meclisî, Bihâru'l-envâr, c. 17, s. 383; İbn Şehrâşûb, Menâkıb, c. 1, s. 104

---

## 1293. Sau khi Người cùng các Sahabah ăn no một trăm trái chà là nhận được làm công...

**Da'if (Yếu)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Sau khi Người cùng các Sahabah ăn no một trăm trái chà là nhận được làm công tưới vườn cho một người Ansar, Người vẫn trả lại cho người ấy một trăm trái chà là.

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN 1000 Mucize no.888 (s.740)

---

## 1294. Thức ăn còn thừa ở nhà Abu Bakr được mang đến cho Nabi ﷺ, và mười hai đại diện...

**Sahih (Xác thực)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Thức ăn còn thừa ở nhà Abu Bakr được mang đến cho Nabi ﷺ, và mười hai đại diện của nhóm người có giao ước cùng những người đi theo mỗi đại diện đều ăn từ cái đĩa duy nhất ấy.

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN 1000 Mucize no.39 (s.50); Kütüb-i Sitte: Buhârî 3581, 602; Müslim 2057

---

## 1295. Người ra lệnh cho Umar cấp lương thực cho 440 người đến xin; dù ai cũng lấy từ...

**Sahih (Xác thực)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người ra lệnh cho Umar cấp lương thực cho 440 người đến xin; dù ai cũng lấy từ đống chà là trong phòng Umar đủ nhu cầu của mình, đống chà là không hề vơi đi.

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN 1000 Mucize no.90 (s.65), no.272 (s.249); ayrıca: İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî, s. 113; Kütüb-i Sitte: Ebû Dâvud (Dükeyn b. Saîd el-Müzenî) [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 407, c./s. 3/178]

---

## 1296. Người đưa về nhà phần khách được chia cho Người trong số khách tụ tập ở masjid...

**Da'if (Yếu)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người đưa về nhà phần khách được chia cho Người trong số khách tụ tập ở masjid; với chút súp và chút đồ uống Aisha để dành cho bữa xả chay, Người tự nếm trước rồi mời với Bismillah, và chúng đủ cho các vị khách.

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN 1000 Mucize no.168 (s.146); web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 82

---

## 1297. Người cho Bilal đổ hết bình bơ do Umm Malik al-Ansariyyah mang đến rồi trả lại...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người cho Bilal đổ hết bình bơ do Umm Malik al-Ansariyyah mang đến rồi trả lại bình; Umm Malik thấy bình lại đầy, và Người nói: "Đây là phúc lành mà Allah ban để đền đáp điều tốt của bà."

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN 1000 Mucize no.169 (s.148); web: Heysemî, Mecmau'z-zevâid, K. Alâmâti'n-nübüvve, no 14127; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 89

---

## 1298. Nadlah bin Amr al-Ghifari, người vắt sữa cho Người, trước kia uống bảy bình vẫn...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Nadlah bin Amr al-Ghifari, người vắt sữa cho Người, trước kia uống bảy bình vẫn không no, nhưng sau Người thì chỉ một bình sữa đã no.

Thời điểm không rõ

NGUỒN 1000 Mucize no.226 (s.202); web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 86

---

## 1299. Để cưới vợ cho Nawfal bin al-Harith bin Abdul Muttalib, Người cầm cố áo giáp...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Để cưới vợ cho Nawfal bin al-Harith bin Abdul Muttalib, Người cầm cố áo giáp của mình cho một người Do Thái qua tay Abu Rafi' và Abu Ayyub, lấy ba mươi sa' ngũ cốc; dù đã ăn nửa năm, khi cân lại vẫn không vơi, và Người nói: "Nếu ngươi không cân, ngươi đã ăn suốt đời."

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN 1000 Mucize no.254 (s.227); web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 86; ayrıca: İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî, s. 106

---

## 1300. Với những Sahabah nói: "Chúng tôi ăn mà không no", Người xác định rằng họ ăn...

Hasan (Tốt) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Với những Sahabah nói: "Chúng tôi ăn mà không no", Người xác định rằng họ ăn riêng rẽ và nói: "Hãy quây quần bên bữa ăn và nhắc tên Allah, nó sẽ được ban phúc."

Thời điểm không rõ

NGUỒN 1000 Mucize no.255 (s.228); Kütüb-i Sitte: Ebu Dâvud, Et'ime 15 (3764); İbnu Mâce, Et'ime 17 (3286) [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 3871, c./s. 11/98]

---

## 1301. Trước câu hỏi của Salamah bin Nufayl, Người cho biết Người được mang thức ăn từ...

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Trước câu hỏi của Salamah bin Nufayl, Người cho biết Người được mang thức ăn từ trời đến (trong một nồi nóng) và phần thừa được đưa lên trời; Người cũng báo rằng Người sắp rời xa họ, các Sahabah sẽ giết hại lẫn nhau, và trước Ngày Tận Thế sẽ có hai năm chết chóc lớn và những năm động đất.

Thời kỳ Madinah, gần lúc Người qua đời (thời điểm không rõ)

NGUỒN 1000 Mucize no.301 (s.279); web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 92-93; c. 2, s. 93; Kütüb-i Sitte (kısmen): Nesâî, Hayl 1 (6, 214-215) (kısmen) [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 1032, c./s. 5/75]

---

## 1302. Khalid bin Abd al-Uzza, người có gia đình rất đông, giết một con cừu duy nhất...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Khalid bin Abd al-Uzza, người có gia đình rất đông, giết một con cừu duy nhất cho Người; Người cùng các Sahabah ăn, phần thừa được trao cho Khalid và gia đình, họ cũng ăn mà vẫn còn thừa.

Thời điểm không rõ

NGUỒN 1000 Mucize no.302 (s.280); web: Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 15. fasıl; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 86

---

## 1303. Al-Miqdad bin al-Aswad, người Người tiếp đón làm khách ở nhà mình tại Madinah...

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Al-Miqdad bin al-Aswad, người Người tiếp đón làm khách ở nhà mình tại Madinah, đã uống mất phần sữa để dành cho Người rồi hối hận; Người về nhà thấy bình trống, liền cầu xin: “Lạy Allah, xin cho ăn người đã cho con ăn, cho uống người đã cho con uống”; al-Miqdad thấy bầu vú những con dê vừa mới được vắt lại đầy sữa, vắt ra mời Người, và Người nói: “Đây là phúc lành từ trời xuống.”

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN 1000 Mucize no.313 (s.290); web: İbn Kesîr, el-Bidâye ve'n-Nihâye, c. 6, s. 102 — Delâilü'n-nübüvve: sütün çoğalması; Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 23. fasıl; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 100; ayrıca: İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî, s. 74; Kütüb-i Sitte: Müslim 2055

---

## 1304. Trong một chuyến đi với bốn trăm người, khi dừng ở một nơi không có nước, một...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Trong một chuyến đi với bốn trăm người, khi dừng ở một nơi không có nước, một con dê hai sừng đến đứng trước mặt Người; Người vắt sữa nó, Người và tất cả các Sahabah uống thỏa thuê; Người nói với Nafi': “Hãy buộc nó, nhưng ta không nghĩ ngươi giữ được nó”, ban đêm con dê biến mất, và Người nói: “Đấng mang nó đến đã đem nó đi.”

Trong một chuyến đi, thời điểm không rõ

NGUỒN 1000 Mucize no.332 (s.308), no.899 (s.746); web: İbn Kesîr, el-Bidâye ve'n-Nihâye, c. 6, s. 103 — Delâilü'n-nübüvve: sütün çoğalması; Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 19. fasıl; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 98; ayrıca: İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî, s. 75; İbnü'l-Cevzî, el-Vefâ, s. 297

---

## 1305. Người vuốt bầu vú và lưng những con dê gầy, cạn sữa của cậu bé chăn dê mồ côi...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người vuốt bầu vú và lưng những con dê gầy, cạn sữa của cậu bé chăn dê mồ côi Abu Qirsafah và cầu xin; những con dê béo lên, bầu vú đầy sữa; vì thế mẹ và dì của cậu theo Islam.

Thời điểm không rõ

NGUỒN 1000 Mucize no.342 (s.328); web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 99

## 1306. Người gả Umm Sharik cho Zayd và cho ba mươi sa' ngũ cốc với lời dặn: “Hãy ăn…”

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người gả Umm Sharik cho Zayd và cho ba mươi sa' ngũ cốc với lời dặn: “Hãy ăn, đừng đong”; dù đã ăn, về sau khi đong thì ngũ cốc không thiếu chút nào so với ba mươi sa'.

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN 1000 Mucize no.345 (s.330); web: İbn Kesîr, el-Bidâye ve'n-Nihâye, c. 6, s. 104 — Delâilü'n-nübüvve: yağın çoğalması; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 88; ayrıca: İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî, s. 78

## 1307. Từ con cừu duy nhất được giết, Người liên tiếp ba lần bảo chàng trai phục vụ…

Hasan (Tốt) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Từ con cừu duy nhất được giết, Người liên tiếp ba lần bảo chàng trai phục vụ mang chân trước đến; khi Người xin cái thứ tư, chàng trai nói: “Ngài giết một con cừu, tôi đã mang đến ba cái chân trước”, Người nói: “Nếu ngươi im lặng, ngươi đã mang đến điều ta xin.”

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN 1000 Mucize no.885 (s.739); web: Heysemî, Mecmau'z-zevâid, K. Alâmâti'n-nübüvve, bâbü kavlihî nâvilni'z-zirâ', no 14136; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 92

## 1308. Người cho Abu Hurairah và một nhóm Sahabah đói đến masjid mỗi người hai trái…

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người cho Abu Hurairah và một nhóm Sahabah đói đến masjid mỗi người hai trái chà là từ một đĩa chà là và nói: “Hãy ăn những trái này rồi uống nước; hôm nay chừng ấy đủ cho các ngươi.”

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN 1000 Mucize no.889 (PDF s.744); web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 84

## 1309. Một cậu bé mồ côi xin thức ăn cho em gái mồ côi và người mẹ góa; Người cầu xin…

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Một cậu bé mồ côi xin thức ăn cho em gái mồ côi và người mẹ góa; Người cầu xin trên hai mươi mốt trái chà là mang từ nhà các bà vợ Người và nói: “Bảy trái cho con, bảy trái cho mẹ con, bảy trái cho em con; sáng ăn một, tối ăn một”, và số chà là ấy đủ cho họ.

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN 1000 Mucize no.890 (s.742); web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 86-87

## 1310. Người đặt các ngón tay vào đĩa thức ăn có chà là mà Abu Hurairah mang từ nhà…

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người đặt các ngón tay vào đĩa thức ăn có chà là mà Abu Hurairah mang từ nhà các bà vợ Người và nói: “Hãy ăn với Bismillah”, và tất cả những người ở masjid được Người cho gọi đến đều ăn no.

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN 1000 Mucize no.894 (s.744), no.895 (s.744); web: Heysemî, Mecmau'z-zevâid, K. Alâmâti'n-nübüvve, no 14124; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 84

---

## 1311. Người bảo Abu Hurairah gọi hơn một trăm người Muhajirin nghèo đang ở Suffah; từ...

**Sahih (Xác thực)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người bảo Abu Hurairah gọi hơn một trăm người Muhajirin nghèo đang ở Suffah; từ một mâm thức ăn đặt trước mặt họ, tất cả ăn bao nhiêu tùy thích rồi đứng dậy, mâm vẫn đầy như lúc đặt xuống, trên thức ăn chỉ thấy dấu ngón tay.

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN Said Nursî, Mektubat, 19. Mektup, 7. İşaret, 9. misal (s. 170) — Delâilü'n-nübüvve: yemeğin çoğalması; Heysemî, Mecmau'z-zevâid, K. Alâmâti'n-nübüvve, no 14122-14123; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 81; ayrıca: Meclisî, Bihâru'l-envâr, c. 18, s. 36; İbn Şehrâşûb, Menâkıb, c. 1, s. 90; İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî, s. 89-90

---

## 1312. Fatimah nấu một nồi cho bữa trưa và sai Ali đi mời Người; theo lệnh Người...

**Da'if (Yếu)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Fatimah nấu một nồi cho bữa trưa và sai Ali đi mời Người; theo lệnh Người, Fatimah múc từ nồi cho mỗi bà vợ của Người một bát, rồi cho Người, cho Ali và cho chính mình; khi bà nhấc nồi lên, nó vẫn đầy tràn; bà nói: “Chúng tôi ăn từ nó bao lâu tùy ý Allah.”

Thời kỳ Madinah, sau năm 2 H (thời điểm không rõ)

NGUỒN Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 15. fasıl (yemeğin çoğalması)

---

## 1313. Người trải chút thức ăn chừng một lòng bàn tay do một người Ansar và vợ ông...

**Da'if (Yếu)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người trải chút thức ăn chừng một lòng bàn tay do một người Ansar và vợ ông chuẩn bị ra trong đĩa, nói “Masha'Allah” và cầu xin; mọi người đến cùng Người, chật cả nhà, phòng và sân, đều ăn từ đó; sau khi no, trong đĩa vẫn còn lượng thức ăn bằng lúc đầu (Thabit thuật lại từ đôi vợ chồng Ansar không được nêu tên).

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 15. fasıl (yemeğin çoğalması)

---

## 1314. (Vào ngày Ashura) Người nhổ nước bọt vào miệng những đứa trẻ còn bú; nước bọt...

**Da'if (Yếu)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

(Vào ngày Ashura) Người nhổ nước bọt vào miệng những đứa trẻ còn bú; nước bọt của Người đủ cho chúng đến tận đêm.

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 23. fasıl (kerâmât, berekât, dokunduğu şeylerin dönüşmesi)

---

## 1315. Hanash bin Uqayl: “Thiên Sứ của Allah cho tôi uống một cốc nước sawiq; Người...”

**Da'if (Yếu)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Hanash bin Uqayl: “Thiên Sứ của Allah cho tôi uống một cốc nước sawiq; Người uống phần đầu, tôi uống phần cuối; từ đó mỗi khi đói tôi đều thấy no, mỗi khi khát tôi đều thấy đã khát, mỗi khi nóng tôi đều thấy mát.”

Thời điểm không rõ

NGUỒN Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 23. fasıl (kerâmât, berekât, dokunduğu şeylerin dönüşmesi)

---

## 1316. Con cừu của Anas nhờ phúc lành mà cho nhiều sữa

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Con cừu của Anas nhờ phúc lành mà cho nhiều sữa.

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 23. fasıl (kerâmât, berekât, dokunduğu şeylerin dönüşmesi)

---

## 1317. Trong cùng chuyến đi ấy, khi các Sahabah than đói, Người nói: “Biết đâu Allah...”

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Trong cùng chuyến đi ấy, khi các Sahabah than đói, Người nói: “Biết đâu Allah sẽ cho các ngươi no”; khi họ đến bờ biển, biển dâng lên ném lên một con vật lớn và họ ăn no nê từ đó.

Trong một chuyến hành quân (được nói là Buwat), khoảng năm 2 H (623 CN)

NGUỒN Beyhakî, Delâilü'n-nübüvve, c.6 s.10 — Delâilü'n-nübüvve: yeryüzü mucizeleri – suyun çoğalması; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 373; ayrıca: İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî, s. 62; islamveihsan.com, “Hz. Peygamber'in Mucizeleri”; Kütüb-i Sitte: Müslim, Zühd 74 (3014)

---

## 1318. Ở một nơi mà Người biết là không có dê, Người bảo Sa'd, người nô lệ được Abu...

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Ở một nơi mà Người biết là không có dê, Người bảo Sa'd, người nô lệ được Abu Bakr trả tự do: “Hãy vắt sữa dê cho ta”; Sa'd đi tìm thấy một con dê bầu vú đầy sữa và vắt; trong lúc vội vã lên đường con dê bị lạc, Người nói: “Nó có chủ của nó.”

Trong một chuyến đi, thời điểm không rõ

NGUỒN İbn Kesîr, el-Bidâye ve'n-Nihâye (Saâde bs.), c. 6, s. 103 — Delâilü'n-nübüvve: sütün çoğalması

---

## 1319. Người cho đổ hết túi bơ mà Umm Sulaym gửi qua cô con gái riêng của chồng rồi...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người cho đổ hết túi bơ mà Umm Sulaym gửi qua cô con gái riêng của chồng rồi gửi trả túi; Umm Sulaym thấy cái túi treo trên đinh đầy đến mức bơ nhỏ giọt; Người nói: “Bà ngạc nhiên vì Allah cho bà ăn như bà đã cho Nabi của Ngài ăn sao? Hãy ăn và cho người khác ăn”; bơ ấy dùng làm thức ăn kèm được một hai tháng.

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN İbn Kesîr, el-Bidâye ve'n-Nihâye (Saâde bs.), c. 6, s. 103 — Delâilü'n-nübüvve: yağın çoğalması

---

## 1320. Trong cuộc chinh phạt Tihamah, ở Usfan, khi các Sahabah đói muốn giết lạc đà...

Hasan (Tốt) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Trong cuộc chinh phạt Tihamah, ở Usfan, khi các Sahabah đói muốn giết lạc đà, theo đề nghị của Umar, Người cho gom lương thực còn lại trên một tấm vải và cầu xin, và ai cũng đổ đầy đồ đựng của mình (Abu Khunays al-Ghifari).

Usfan, cuộc chinh phạt Tihamah (thời điểm không rõ)

NGUỒN İbn Kesîr, el-Bidâye ve'n-Nihâye (Saâde bs.), c. 6, s. 114 — Delâilü'n-nübüvve: yemeğin çoğalması – azıkların toplanması

---

## 1321. Từ con cừu nhà mà Jabir giết và nấu, sau khi cho người Ansar ăn no từng đợt...

**Da'if (Yếu)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Từ con cừu nhà mà Jabir giết và nấu, sau khi cho người Ansar ăn no từng đợt, Người nói: "Đừng bẻ xương", gom xương vào giữa bát, đặt tay lên, đọc điều gì đó, và con cừu giũ tai sống lại đứng dậy; thấy vậy, vợ Jabir đọc lời chứng nhận đức tin ba lần.

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN İbn Kesîr, el-Bidâye ve'n-Nihâye (Saâde bs.), c. 6, s. 109 — Delâilü'n-nübüvve: yemeğin çoğalması

---

## 1322. Người nhận mật ong một người phụ nữ gửi biếu rồi gửi trả lại cái bình rỗng; cái...

**Da'if (Yếu)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người nhận mật ong một người phụ nữ gửi biếu rồi gửi trả lại cái bình rỗng; cái bình trở về đầy mật, gia đình ăn nhiều tháng mà không vơi, khi đổ sang bình khác thì nó cạn.

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN Nişancızâde, Mir'ât-ı Kâinât'tan

---

## 1323. Một hôm đói bụng, Người đến hỏi Safiyyah: "Nàng có gì không?"; chỉ có hai mudd...

**Da'if (Yếu)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Một hôm đói bụng, Người đến hỏi Safiyyah: "Nàng có gì không?"; chỉ có hai mudd bột được nấu trong nồi, Aisha vắt chút bơ còn lại trong túi vào nồi, Người đặt tay lên, đọc Bismillah và nói: "Hãy gọi các chị em của nàng"; các bà vợ Người, rồi Abu Bakr, Umar và một người nữa ăn no mà thức ăn vẫn còn thừa.

Madinah, năm 7–11 H

NGUỒN Heysemî, Mecmau'z-zevâid, K. Alâmâti'n-nübüvve, no 14125-14126 (8/308-309)

---

## 1324. Một hôm trong các phòng không có gì, một người du mục đói đến hỏi; Người bẻ vụn...

**Da'if (Yếu)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Một hôm trong các phòng không có gì, một người du mục đói đến hỏi; Người bẻ vụn miếng ăn/mẩu bánh duy nhất tìm được, đặt tay lên và nói: "Hãy ăn đi, hỡi người du mục"; người du mục ăn no mà miếng ăn vẫn còn thừa, và ông nói: "Ngài thật là người tốt" (do Abu Hurairah thuật lại).

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN Heysemî, Mecmau'z-zevâid, K. Alâmâti'n-nübüvve, no 14132 (8/310)

## 1325. Từ con cừu Abu Hurairah giết/nấu cho Người, Người ba lần xin cái chân trước...

Hasan (Tốt) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Từ con cừu Abu Hurairah giết/nấu cho Người, Người ba lần xin cái chân trước; khi ông nói: “Thưa Thiên Sứ của Allah, con cừu chỉ có hai chân trước”, Người nói: “Nếu ngươi tìm, ngươi đã tìm thấy.”

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN İbn Hibbân, Sahîh (el-İhsân), K. et-Târîh, bâbü'l-mu'cizât, no 6484-6485 (14/403-404)

## 1326. Người đến dùng bữa ăn ít ỏi Suhayb chỉ chuẩn bị cho riêng Người cùng một nhóm...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người đến dùng bữa ăn ít ỏi Suhayb chỉ chuẩn bị cho riêng Người cùng một nhóm Sahabah (Người hỏi “Cả những người này nữa chứ?” rồi đưa họ theo); tất cả đều ăn mà thức ăn vẫn còn thừa.

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 82 (Önceki bâblara girmeyen diğer mucizeler: yemeğin çoğalması)

## 1327. Umm Amir Asma' bint Yazid mang đến cho Thiên Sứ của Allah ﷺ, người vừa dẫn lễ...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Umm Amir Asma' bint Yazid mang đến cho Thiên Sứ của Allah ﷺ, người vừa dẫn lễ nguyện Maghrib ở masjid, một khúc xương có thịt ('irq) và bánh mì; Người cùng khoảng bốn mươi Sahabah ăn mà thức ăn vẫn thừa; Asma' cất giữ túi nước Người đã uống và cho người bệnh uống để được chữa lành và ban phúc.

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 83 (Önceki bâblara girmeyen diğer mucizeler: yemeğin çoğalması)

## 1328. Vợ của một người nghèo (người Ansar) nhà không có gì ăn đã quay chiếc cối xay...

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Vợ của một người nghèo (người Ansar) nhà không có gì ăn đã quay chiếc cối xay tay trống rỗng và nhóm lò để hàng xóm nghe thấy, rồi cầu xin Allah; chiếc cối tự quay và đổ bột ra, trong nhà không đồ đựng nào là không đầy, và lò nướng đầy bánh mì; Thiên Sứ của Allah ﷺ nói: “Nếu các người không nhấc cối xay lên, nó đã quay cho đến Ngày Tận Thế.”

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 91 (Önceki bâblara girmeyen diğer mucizeler: yemeğin çoğalması)

## 1329. Người liên tiếp xin chân trước (dhira') từ Abu Ubayd, người nấu cho Người một...

Hasan (Tốt) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người liên tiếp xin chân trước (dhira') từ Abu Ubayd, người nấu cho Người một nồi thịt; khi người ta nói “Một con cừu có mấy chân trước?”, Người nói: “Nếu ngươi im lặng, ngươi đã đưa ta chân trước chừng nào ta còn xin.”

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 91 (Önceki bâblara girmeyen diğer mucizeler: yemeğin çoğalması)

---

## 1330. Trước câu hỏi "Ngài đã từng được mang đến thức ăn của Thiên Đàng chưa?", Người...

**Bịa đặt (Mawdu')** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Trước câu hỏi "Ngài đã từng được mang đến thức ăn của Thiên Đàng chưa?", Người đáp: "Có, Jibril đã mang cho ta harisah/halwa từ Thiên Đàng, và ta đã ăn."

Thời điểm không rõ

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 93 (Önceki bâblara girmeyen diğer mucizeler: yemeğin çoğalması)

---

## 1331. Một chàng trai thường mang sữa từ đàn cừu của cha mình đến cho Người đã chết...

**Da'if (Yếu)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Một chàng trai thường mang sữa từ đàn cừu của cha mình đến cho Người đã chết; Người cho người cha lựa chọn: "Nếu ông muốn, ta sẽ cầu xin Allah làm cho cậu ấy sống lại; nếu ông muốn thì hãy kiên nhẫn (cậu sẽ ra đón ông vào Ngày Tận Thế)"; người ấy chọn sự kiên nhẫn.

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 113 (Ölülerin diriltilmesi ve konuşması bâbı)

---

## 1332. Người cho biết món tharid (bánh mì với thịt) được mang đến đang tán dương...

**Da'if (Yếu)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người cho biết món tharid (bánh mì với thịt) được mang đến đang tán dương Allah; Người lần lượt đưa món ăn đến gần những người bên cạnh, và ai cũng nghe tiếng tán dương.

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 125 (Cansız varlık türlerindeki mucizeleri)

---

## 1333. Về người bắt đầu ăn mà không đọc Bismillah, đến miếng cuối mới nói "Bismillahi..."

**Hasan (Tốt)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Về người bắt đầu ăn mà không đọc Bismillah, đến miếng cuối mới nói "Bismillahi awwalahu wa akhirah", Người cười và nói: "Shaytan đã ăn cùng hắn; khi hắn nhắc tên Allah, Shaytan đã nôn ra những gì trong bụng."

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 153 (Mânaların cisim sûretinde görülmesine dair mucizeler)

---

## 1334. Khi Người mời một người phụ nữ lắm lời (hay nói xấu sau lưng) ăn và bà ta nói...

**Da'if (Yếu)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Khi Người mời một người phụ nữ lắm lời (hay nói xấu sau lưng) ăn và bà ta nói: "Tôi đang nhịn chay", Người nói: "Bà chưa nhịn chay" (ngày thứ hai: "Bà đã nói dối"); ngày thứ ba khi bà không nói xấu ai, Người nói: "Hôm nay bà đã nhịn chay."

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 177 (Gıybet eden oruçlu kadının hâlini haber vermesi bâbı)

## 1335. Abu Bakr và Umar nói về người hầu ngủ quên không chuẩn bị bữa ăn: “Hắn ngủ...”

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Abu Bakr và Umar nói về người hầu ngủ quên không chuẩn bị bữa ăn: “Hắn ngủ nhiều quá”, rồi khi họ gửi người đến xin thức ăn kèm, Người nói: “Các ngươi đã ăn thức ăn kèm rồi; các ngươi đã ăn thịt người anh em mình, ta thấy thịt hắn giữa kẽ răng các ngươi.”

Trong một chuyến hành quân, thời điểm không rõ

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 178 (Önceki bâblarda geçenler dışında haber verdiği gaybî şeylere dair mucizeler)

## 1336. Khi thức ăn dọn cho Người còn thừa một ít, Người nói: “Từ con đường kia sẽ có...”

Hasan (Tốt) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Khi thức ăn dọn cho Người còn thừa một ít, Người nói: “Từ con đường kia sẽ có một người thuộc cư dân Thiên Đàng đến ăn phần thừa này”, và Abdullah bin Salam đến ăn nó.

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 221 (Abdullah b. Selâm'ın hâlini haber vermesi)

## 1337. Một người thuộc Banu Harithah không đi chinh phạt, nói: “Tôi có những cây chà...”

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Một người thuộc Banu Harithah không đi chinh phạt, nói: “Tôi có những cây chà là non, nếu tôi đi chúng sẽ chết”; Người nói: “Chinh phạt tốt hơn cho những cây non của ngươi”; người ấy đi chinh phạt, khi trở về thấy những cây non của mình đẹp và tươi tốt hơn bao giờ hết (do Abud-Darda' thuật lại).

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 273 (bir adama "Gaza, hurma fidanların için daha hayırlıdır" buyurması)

## 1338. Trong một cuộc chinh phạt, binh sĩ đói xin phép giết lạc đà cưỡi; Umar nói...

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Trong một cuộc chinh phạt, binh sĩ đói xin phép giết lạc đà cưỡi; Umar nói: “Chúng ta sẽ không còn vật cưỡi”, và theo đề nghị của ông, phần lương thực còn lại được gom lại (người mang nhiều nhất mang một sa' chà là) và Người cầu xin; trong đạo quân không đồ đựng nào là không đầy, và thức ăn vẫn còn thừa bằng chừng ấy; Người cười đến lộ răng hàm và đọc lời chứng nhận đức tin (do Abu Amrah al-Ansari thuật lại, và qua đường truyền al-Awza'i–al-Muttalib bin Hantab; tên chuyến đi không được nêu, có thể là cùng sự kiện với lời thuật về Tabuk hoặc Usfan).

Trong một cuộc chinh phạt, thời điểm không rõ (có thể là cùng sự việc với các lời thuật về Tabuk, Usfan hoặc Hudaybiyah)

NGUỒN İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî (el-Bidâye ve'n-Nihâye'den; thk. es-Seyyid İbrâhîm), tek cilt, s. 95-96 (Yiyecekleri çoğaltması: seferde yemeğin çoğalması hakkında başka bir hadis)

## 1339. Trong tháng Ramadan, một đêm không ai đưa Ahl as-Suffah đi xả chay; khi được...

Hasan (Tốt) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Trong tháng Ramadan, một đêm không ai đưa Ahl as-Suffah đi xả chay; khi được báo, Người lần lượt gửi người hỏi các bà vợ và biết không có thức ăn; Người cầu xin: “Lạy Allah, con cầu xin ân huệ và lòng thương xót của Ngài, chúng ở trong tay Ngài”, liền có một con cừu nướng và bánh mì được mang đến, Ahl as-Suffah ăn no, và Người nói: “Chúng ta đã cầu xin ân huệ và lòng thương xót của Allah; đây là ân huệ của Ngài” (do Wathilah bin al-Asqa' thuật lại).

Thời kỳ Madinah, một tháng Ramadan (khoảng năm 9–10 H, thời Wathilah ở Suffah)

NGUỒN İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî (el-Bidâye ve'n-Nihâye'den; thk. es-Seyyid İbrâhîm), tek cilt, s. 108-109 (Yiyecekleri çoğaltması: başka bir hadis (Vâsile b. el-Eska'))

---

## 1340. Khi Người cùng Anas ra chợ mua một chiếc áo choàng với mười dirham, gặp một nữ...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Khi Người cùng Anas ra chợ mua một chiếc áo choàng với mười dirham, gặp một nữ tỳ khóc vì đánh rơi hai dirham, Người cho Anas đưa cô hai dirham; sau khi mua áo choàng giá mười dirham, trong tay Anas vẫn còn đủ mười dirham.

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN Râvendî, el-Harâic ve'l-cerâih, c. 1, s. 39 (el-Bâbü'l-evvel fî mu'cizâti nebiyyinâ Muhammed)

---

## 1341. Ban đêm, cho những người nghèo ngủ bên bục giảng trong masjid, Người đặt xuống...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Ban đêm, cho những người nghèo ngủ bên bục giảng trong masjid, Người đặt xuống chiếc nồi chỉ có chút ít thức ăn do nữ tỳ đi hỏi các bà vợ Người mang đến, đánh thức họ từng nhóm mười người và nói: “Bismillah, hãy ăn”; tất cả đều no, và Người gửi phần thức ăn còn thừa trong nồi cho các bà vợ.

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN Râvendî, el-Harâic ve'l-cerâih, c. 1, s. 88-89 (el-Bâbü'l-evvel fî mu'cizâti nebiyyinâ Muhammed)

---

## 1342. Khi đi cùng Salman, người đã nhịn chay ba ngày chỉ uống nước, họ gặp một con dê...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Khi đi cùng Salman, người đã nhịn chay ba ngày chỉ uống nước, họ gặp một con dê mà chủ nói là “hiếm muộn”; Người vuốt bầu vú nó và sữa chảy xuống; Người vắt đầy bình, cho chủ dê uống trước, rồi Salman, rồi mới đến Người.

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN Râvendî, el-Harâic ve'l-cerâih, c. 1, s. 102-103 (el-Bâbü'l-evvel fî mu'cizâti nebiyyinâ Muhammed)

---

## 1343. Trong một chuyến đi, các Sahabah kiệt sức vì đói mang đến chừng một sa' chà là...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Trong một chuyến đi, các Sahabah kiệt sức vì đói mang đến chừng một sa' chà là; Người bày lên các tấm khố và tấm thảm rồi cầu xin; chà là tăng lên đủ làm lương thực cho họ đến tận Madinah.

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN Râvendî, el-Harâic ve'l-cerâih, c. 1, s. 110 (el-Bâbü'l-evvel fî mu'cizâti nebiyyinâ Muhammed)

## 1344. Theo lời Aisha kể, khi Người ôm Ali trong phòng mình, một đám mây bao phủ hai...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Theo lời Aisha kể, khi Người ôm Ali trong phòng mình, một đám mây bao phủ hai người; khi mây tan, trong tay Người có một chùm nho trắng; Người ăn, cho Ali ăn và nói: "Đây là trái cây của Thiên Đàng; ở thế gian chỉ một vị Nabi hoặc người thừa kế của Nabi mới được ăn."

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN Râvendî, el-Harâic ve'l-cerâih, c. 1, s. 165 (el-Bâbü'l-evvel fî mu'cizâti nebiyyinâ Muhammed)

## 1345. Người cháu Hasan vừa khỏi bệnh đến masjid xin dưa (khirbiz); Jibril mang từ...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người cháu Hasan vừa khỏi bệnh đến masjid xin dưa (khirbiz); Jibril mang từ trời xuống dưa, lựu, mộc qua và táo; Người nói: "Allah đã làm các con như những người ưu tú của con cháu Israel, bổng lộc của các con xuống từ Thiên Đàng"; Hasan, Husayn, Ali và Fatimah đã ăn chúng; trái dưa biến mất khi Người qua đời, trái lựu khi Fatimah qua đời, trái mộc qua khi Ali qua đời, còn trái táo ở lại với Hasan và Husayn (Ali bin al-Husayn thuật lại từ cha mình).

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ (thời thơ ấu của Hasan, năm 3–11 H)

NGUỒN es-Sâkıb fi'l-menâkıb (Kum 1412), s. 53-54, hadis no. 22/2 (bâb 1, gökten indirilenlerde âyetlerinin zuhuru faslı)

## 1346. Sau một trận mưa ở Madinah, khi Người ra ngoài thành cùng người Muhajirin và...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Sau một trận mưa ở Madinah, khi Người ra ngoài thành cùng người Muhajirin và Ansar, Ali đến và Jibril ca ngợi ông; rồi trên trời một bàn tay trắng hơn tuyết đưa cho Người một trái lựu xanh như ngọc lục bảo, phát ra tiếng; Người ăn và chia phần cho Ali, Hasan, Husayn, rồi nói: "Đây là món quà cho ta, cho người thừa kế của ta, cho con gái ta và hai cháu ta"; khi Salman hỏi về tiếng động, Người cho biết đó là tiếng tán dương của cái cây nơi trái lựu được hái (do Ja'far as-Sadiq thuật lại).

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN es-Sâkıb fi'l-menâkıb (Kum 1412), s. 56-57, hadis no. 27/7 (bâb 1, gökten indirilenlerde âyetlerinin zuhuru faslı)

## 1347. Người đến nhà Ali và Fatimah, nơi đã ba ngày không có gì ăn, và nói: "Hãy xem..."

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người đến nhà Ali và Fatimah, nơi đã ba ngày không có gì ăn, và nói: "Hãy xem trong nhà có gì không"; Ali tìm thấy trong nhà một đĩa chà là và một bát tharid; khi ông tả người mang đến là "trong những màu đỏ, xanh và vàng", Người nói: "Đó là những đường vân trên cánh của Jibril"; tất cả ăn no mà thức ăn không vơi (do Ali thuật lại).

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN es-Sâkıb fi'l-menâkıb (Kum 1412), s. 57-58, hadis no. 28/8 (bâb 1, gökten indirilenlerde âyetlerinin zuhuru faslı)

## 1348. Từ con cừu duy nhất một nhóm người Ansar giết, Người ba lần xin: “Hãy đưa ta...”

Hasan (Tốt) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Từ con cừu duy nhất một nhóm người Ansar giết, Người ba lần xin: “Hãy đưa ta cái chân trước”; chủ nhà nói: “Tôi giết một con cừu, tìm đâu ra ba cái chân trước?”, Người nói: “Nếu ngươi im lặng, ngươi đã mang đến bao nhiêu ta muốn.”

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN İbn Hamza et-Tûsî, es-Sâkıb fi'l-menâkıb (thk. Nebîl Rızâ Ulvân, Kum: Ensâriyân, 2. bs. 1412), s. 50, no. 16/5 (fasl: âyâtühû fi'l-et'ime ve'l-eşribe)

## 1349. Trong một cuộc chinh phạt, khi lương thực của đạo quân cạn, Người cho mang đến...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Trong một cuộc chinh phạt, khi lương thực của đạo quân cạn, Người cho mang đến một nắm lúa mạch, trải lên một tấm vải, phủ lại rồi cầu xin; cả đạo quân lấy từ đó đổ đầy đồ đựng mà lương thực không hết.

Thời kỳ Madinah, một cuộc chinh phạt; thời điểm không rõ

NGUỒN İbn Hamza et-Tûsî, es-Sâkıb fi'l-menâkıb (thk. Nebîl Rızâ Ulvân, Kum: Ensâriyân, 2. bs. 1412), s. 52, no. 18/7 (fasl: âyâtühû fi'l-et'ime ve'l-eşribe)

## 1350. Sáng hôm sau một đêm mưa ở Madinah, Người cùng Ali ra ngoài thành; ở chân một...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Sáng hôm sau một đêm mưa ở Madinah, Người cùng Ali ra ngoài thành; ở chân một ngọn núi, Người ngẩng đầu lên thấy một trái lựu Thiên Đàng treo lủng lẳng; Người hái, ăn một nửa, cho Ali ăn một nửa và nói: “Đây là lựu của Thiên Đàng; ở thế gian chỉ một vị Nabi hoặc người thừa kế của Nabi mới được ăn.”

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN İbn Hamza et-Tûsî, es-Sâkıb fi'l-menâkıb (thk. Nebîl Rızâ Ulvân, Kum: Ensâriyân, 2. bs. 1412), s. 53, no. 21/1 (fasl: mâ ünzile aleyhi mine's-semâ)

## 1351. Tại nhà Fatimah, Người nói: “Hãy đứng dậy mang cái bình kia đến”; dù Fatimah...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Tại nhà Fatimah, Người nói: “Hãy đứng dậy mang cái bình kia đến”; dù Fatimah nói “Nhà con không có thứ đó”, bà vẫn vâng lời đi và tìm thấy một cái bình, trong đó có bánh mì trắng (luqmah), nho khô giống nho Ta'if và chà là giống chà là Ajwah; Người nói: “Hãy ăn.”

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN İbn Hamza et-Tûsî, es-Sâkıb fi'l-menâkıb (thk. Nebîl Rızâ Ulvân, Kum: Ensâriyân, 2. bs. 1412), s. 55-56, no. 26/6 (fasl: mâ ünzile aleyhi mine's-semâ)

## 1352. Sáng hôm sau một đêm mưa, khi Người cùng Ali ra thung lũng al-Aqiq, một đám mây...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Sáng hôm sau một đêm mưa, khi Người cùng Ali ra thung lũng al-Aqiq, một đám mây che bóng cho họ, và trước mặt Người hạ xuống một cái giỏ (mâm) đầy những trái lựu, mỗi trái có ba lớp vỏ.

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN İbn Hamza et-Tûsî, es-Sâkıb fi'l-menâkıb (thk. Nebîl Rızâ Ulvân, Kum: Ensâriyân, 2. bs. 1412), s. 58-59, no. 29/9 (fasl: mâ ünzile aleyhi mine's-semâ)

---

## 1353. Khi đi về phía Baqi' cùng Ali, người được Người bảo Anas gọi đến, một đám mây...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Khi đi về phía Baqi' cùng Ali, người được Người bảo Anas gọi đến, một đám mây hạ xuống trên họ; Người lấy một thứ từ đám mây ăn, cho Ali ăn và nói: “Mỗi vị Nabi đều làm như vậy với người thừa kế của mình.”

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN İbn Hamza et-Tûsî, es-Sâkıb fi'l-menâkıb (thk. Nebîl Rızâ Ulvân, Kum: Ensâriyân, 2. bs. 1412), s. 59-60, no. 30/10 (fasl: mâ ünzile aleyhi mine's-semâ)

---

## 1354. Sau lễ nguyện Fajr, Người cưỡi lừa cùng Ali đi bộ bên cạnh lên một ngọn đồi ở...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Sau lễ nguyện Fajr, Người cưỡi lừa cùng Ali đi bộ bên cạnh lên một ngọn đồi ở Madinah, hai người trò chuyện đến khi mặt trời mọc; một đám mây đến che bóng cho họ, Người lấy một thứ từ đám mây ăn và cho Ali ăn (Anas kể chuyện này với al-Hajjaj).

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN İbn Hamza et-Tûsî, es-Sâkıb fi'l-menâkıb (thk. Nebîl Rızâ Ulvân, Kum: Ensâriyân, 2. bs. 1412), s. 60, no. 31/11 (fasl: mâ ünzile aleyhi mine's-semâ)

---

## 1355. Người được biếu từ Thiên Đàng một trái thanh yên (utrujjah) mà mùi thơm lan...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người được biếu từ Thiên Đàng một trái thanh yên (utrujjah) mà mùi thơm lan khắp Madinah; tại nhà Umm Salamah, Người chia nó làm năm, Người, Ali, Fatimah, Hasan và Husayn cùng ăn; khi Umm Salamah hỏi, Người nói: “Đây là quà của Thiên Đàng; Jibril bảo ta ăn và cho Ahlul Bayt của ta ăn.”

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN İbn Hamza et-Tûsî, es-Sâkıb fi'l-menâkıb (thk. Nebîl Rızâ Ulvân, Kum: Ensâriyân, 2. bs. 1412), s. 61, no. 33/13 (fasl: mâ ünzile aleyhi mine's-semâ)

---

## 1356. Đến bữa tiệc Abdullah bin Ubayy chuẩn bị cho bốn năm người, Người mời 7.800...

Bịa đặt (Mawdu') CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Đến bữa tiệc Abdullah bin Ubayy chuẩn bị cho bốn năm người, Người mời 7.800 người Muhajirin và Ansar; căn phòng chật mở rộng ra chứa hết mọi người, những bàn tay vươn dài tới con cừu non ở giữa, và chút thức ăn được ban phúc làm no tất cả.

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN Meclisî, Bihâru'l-envâr (Müessesetü'l-Vefâ), c. 17, s. 330-333 (ebvâbü mu'cizâtih, bâb 2: cevâmi'u mu'cizâtihî ve nevâdiruhâ)

## 1357. Trong bữa tiệc có thức ăn tẩm độc của Abdullah bin Ubayy, khi Người cầu xin...

**Bịa đặt (Mawdu')** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Trong bữa tiệc có thức ăn tẩm độc của Abdullah bin Ubayy, khi Người cầu xin trên xương của con cừu non đã bị ăn hết thịt, con vật sống lại, bầu vú đầy sữa, mọi người uống sữa của nó; rồi với lời cầu xin “Lạy Allah, xin hãy biến nó trở lại thành xương như Ngài đã tạo ra nó”, nó lại thành xương.

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN Meclisî, Bihâru'l-envâr (Müessesetü'l-Vefâ), c. 17, s. 333 (ebvâbü mu'cizâtih, bâb 2: cevâmi'u mu'cizâtihî ve nevâdiruhâ)

# 31 · Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ: cây cối, đá và vật vô tri

## 1358. Tiếng khóc của thân cây chà là

Sahih (Xác thực) PHÉP MÀU LIÊN QUAN ĐẾN THIÊN NHIÊN

Nabi ﷺ thường tựa vào một thân cây chà là khi thuyết giảng. Khi bục giảng được làm xong và Người chuyển sang đó, người ta nghe thân cây khóc cho đến khi Người đến và đặt tay lên nó.

Masjid của Nabi tại Madinah.

NGUỒN Sahih al-Bukhari 3583

## 1359. Để chứng minh sứ mạng Nabi của mình với một người du mục, Người gọi một cái...

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Để chứng minh sứ mạng Nabi của mình với một người du mục, Người gọi một cái cây, cái cây xẻ đất đi đến đứng trước mặt Người (do Ibn Umar thuật lại).

Thời kỳ Madinah (năm 1–11 H), không có năm chính xác – cây cối, đá và vật vô tri

NGUỒN İbn Kesîr s.56; 19. Mektup listesi (183.txt) no.9, 36, 152, 153; 1000 Mucize no.25 (s.37), no.880 (s.736); web: Dârimî, Sünen, Mukaddime, bâbü mâ ekramallâhu bihî nebiyyehû min îmâni'ş-şecer, no. 16; Heysemî, Mecmau'z-zevâid, K. Alâmâti'n-nübüvve, bâbü şehâdeti'ş-şecer, no 14085; Beyhakî, Delâilü'n-nübüvve, c.6 s.14-15; Said Nursî, Mektubat, 19. Mektup, 9. İşaret, 2. misal; ayrıca: İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî, s. 118-119, 421; ayrıca: N. İçel, Hz. Muhammed'in (sas) Mucizeleri -1 (2023), "MU'CİZELER PEYGAMBERLERİN TEBLİĞİNE VESİLEDİR" (kitabın dipnotu: Beyhakî Delâili'n-Nübüvve; c:6, s:14-15)

## 1360. Trong một chuyến đi, để đi vệ sinh, Người nắm cành của hai cái cây và gọi...

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Trong một chuyến đi, để đi vệ sinh, Người nắm cành của hai cái cây và gọi chúng; hai cây nhập lại làm bức che, rồi trở về chỗ cũ (do Jabir thuật lại).

Trong một chuyến hành quân (được nói là Buwat hoặc Dhat ar-Riqa')

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.4 s.457; İbn Kesîr s.29; 19. Mektup listesi (183.txt) no.37, 154; 1000 Mucize no.22 (s.33); web: Mişkâtü'l-Mesâbîh, Fezâil, bâbün fi'l-mu'cizât, no. 5885; İbn Kesîr, el-Bidâye ve'n-Nihâye, c. 6, s. 96 — Delâilü'n-nübüvve: yeryüzü mucizeleri – suyun çoğalması; Beyhakî, Delâilü'n-nübüvve, c.6 s.7-8; Said Nursî, Mektubat, 19. Mektup, 9. İşaret, 3. misal; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 371; c. 2, s. 61-62; ayrıca: İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî, s. 61, 115, 420; İbnü'l-Cevzî, el-Vefâ, s. 299; Meclisî, Bihâru'l-envâr, c. 17, s. 375; Râvendî, el-Harâic, c. 1, s. 26-27; al-shia.org (Farsça mucize listeleri); Kütüb-i Sitte: Müslim, Zühd 74 (3012)

## 1361. Trong chuyến đi do Ya'la bin Murrah kể lại, theo lệnh Người hai cái cây nhập...

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Trong chuyến đi do Ya'la bin Murrah kể lại, theo lệnh Người hai cái cây nhập lại làm bức che rồi lại tách ra.

Thời kỳ Madinah (năm 1–11 H), không có năm chính xác – cây cối, đá và vật vô tri

NGUỒN 1000 Mucize no.37 (s.48), no.320 (s.297), no.878 (s.735); web: A'zamî, el-Câmiu'l-Kâmil, Sîre, bâb 573; Beyhakî, Delâilü'n-nübüvve, c.6 s.23; Said Nursî, Mektubat, 19. Mektup, 9. İşaret, 4. misal; Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 16. fasıl; ayrıca: İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî, s. 145-148; İbnü'l-Cevzî, el-Vefâ, s. 298; Râvendî, el-Harâic, c. 1, s. 44-45; İbn Şehrâşûb, Menâkıb, c. 1, s. 117; Kütüb-i Sitte: İbn Mâce 339 [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 6096, c./s. 16/568]

## 1362. Trên đường Hajj Từ Biệt, ở ar-Rawha', những cây chà là nhỏ theo lệnh Người do...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Trên đường Hajj Từ Biệt, ở ar-Rawha', những cây chà là nhỏ theo lệnh Người do Usamah bin Zayd truyền đạt đã bước đi, nhập lại làm bức che.

Năm 10 H (632 CN)

NGUỒN 1000 Mucize no.212 (s.193); web: Beyhakî, Delâilü'n-nübüvve, c.6 s.25; Said Nursî, Mektubat, 19. Mektup, 9. İşaret, 4. misal; Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 16. fasıl; ayrıca: Meclisî, Bihâru'l-envâr, c. 18, s. 9; Râvendî, el-Harâic, c. 1, s. 46

## 1363. Theo yêu cầu của một người du mục, buồng chà là từ trên cây xuống đến bên...

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Theo yêu cầu của một người du mục, buồng chà là từ trên cây xuống đến bên Người, và khi Người nói “hãy trở về” thì nó trở về.

Thời kỳ Madinah (năm 1–11 H), không có năm chính xác – cây cối, đá và vật vô tri

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.4 s.464; 1000 Mucize no.23 (s.34); web: Dârimî, Sünen, Mukaddime, no. 24; A'zamî, el-Câmiu'l-Kâmil, Sîre, bâb 573; Heysemî, Mecmau'z-zevâid, K. Alâmâti'n-nübüvve, no 14171; Beyhakî, Delâilü'n-nübüvve, c.6 s.15; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 59-60; ayrıca: İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî, s. 117-118, 420; İbnü'l-Cevzî, el-Vefâ, s. 301; Îcî–Cürcânî, Şerhu'l-Mevâkıf, c. 8, s. 283; Meclisî, Bihâru'l-envâr, c. 17, s. 368-369; Râvendî, el-Harâic, c. 1, s. 44; c. 2, s. 503; İbn Şehrâşûb, Menâkıb, c. 1, s. 112; Kütüb-i Sitte: Tirmizî, Menakıb 9 (3632) [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 5588, c./s. 15/441]

## 1364. Những viên sỏi trong lòng bàn tay Người tán dương Allah; chính những viên sỏi...

Hasan (Tốt) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Những viên sỏi trong lòng bàn tay Người tán dương Allah; chính những viên sỏi ấy cũng tán dương trong tay Abu Bakr, Umar và Uthman.

Thời kỳ Madinah (năm 1–11 H), không có năm chính xác – cây cối, đá và vật vô tri

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.4 s.522; İbn Kesîr s.59; 19. Mektup listesi (183.txt) no.40, 41, 156, 172; 1000 Mucize no.95 (s.69); web: Beyhakî, Delâilü'n-nübüvve, c.6 s.64-65; Said Nursî, Mektubat, 19. Mektup, 11. İşaret, 2. misal; Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 18. fasıl; Questions on Islam, "The Miracles concerning mountains, rocks and lifeless creatures"; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 124-125; ayrıca: İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî, s. 133-135, 419, 446; İbnü'l-Cevzî, el-Vefâ, s. 329-330; Îcî–Cürcânî, Şerhu'l-Mevâkıf, c. 8, s. 281; Şeyh Müfîd, en-Nüketü'l-i'tikâdiyye, s. 36, 35-36; TDV İslâm Ansiklopedisi, “Mûcize”, c. 30; Elshinawy, The Physical Miracles of the Prophet (Yaqeen); Meclisî, Bihâru'l-envâr, c. 17, s. 256; c. 17, s. 295; c. 17, s. 377, 379; c. 17, s. 379-380; Râvendî, el-Harâic, c. 1, s. 124; 159; c. 3, s. 915; Tabersî, el-İhticâc, c. 1, s. 333; İbn Hamza et-Tûsî, es-Sâkıb, s. 70, no. 53/8 (+1 kaynak daha: web_kaynaklari dosyasında)

## 1365. Khi núi Uhud rung chuyển, Người giậm chân và nói: “Hãy đứng yên, Uhud; trên...”

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Khi núi Uhud rung chuyển, Người giậm chân và nói: “Hãy đứng yên, Uhud; trên ngươi có một vị Nabi, một người chân thật (siddiq) và hai người tử vì đạo”; Umar và Uthman đều tử vì đạo.

Sự việc: thời kỳ Madinah; Tử vì đạo: năm 23 H và năm 35 H

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.5 s.126; 19. Mektup listesi (183.txt) no.75, 164, 165; 1000 Mucize no.328 (s.303); web: İbn Hibbân, Sahîh, K. et-Târîh, bâbü'l-mu'cizât, no 6492; Said Nursî, Mektubat, 19. Mektup, 11. İşaret, 5. misal; Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 18. fasıl; Questions

on Islam, "The Miracles concerning mountains, rocks and lifeless creatures"; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 129; ayrıca: İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî, s. 267; Elshinawy, The Prophecies of Prophet Muhammad (Yaqeen); Kütüb-i Sitte: Buhârî, Fezâilü'l-Ashâb 5-7 (3675)

---

## 1366. Khi núi Hira rung chuyển, Người nói: “Hãy đứng yên; trên ngươi chỉ có Nabi...”

**Sahih (Xác thực)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Khi núi Hira rung chuyển, Người nói: “Hãy đứng yên; trên ngươi chỉ có Nabi, người chân thật và người tử vì đạo”; Umar, Uthman, Ali, Talhah và Zubayr ở cùng Người đều đã tử vì đạo.

Sự việc: thời điểm không rõ; Tử vì đạo: năm 23–40 H

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.5 s.127; İbn Kesîr s.157; 1000 Mucize no.327 (s.303); web: Said Nursî, Mektubat, 19. Mektup, 5. İşaret; Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 18. fasıl; Wikipedia, "Miracles of Muhammad"; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 129; ayrıca: İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî, s. 268; İbnü'l-Cevzî, el-Vefâ, s. 302; Meclisî, Bihâru'l-envâr, c. 17, s. 288; c. 17, s. 376; Tabersî, el-İhticâc, c. 1, s. 326; Kütüb-i Sitte: Müslim, Fezâilü's-Sahâbe (2417); Tirmizî, Menâkıb (3696, 3757)

---

## 1367. Khi Người ở trên bục giảng nói về sự vĩ đại của Allah, bục giảng rung chuyển...

**Sahih (Xác thực)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Khi Người ở trên bục giảng nói về sự vĩ đại của Allah, bục giảng rung chuyển đến mức người ta tưởng nó sắp đổ.

Thời kỳ Madinah (năm 1–11 H), không có năm chính xác – cây cối, đá và vật vô tri

NGUỒN 19. Mektup listesi (183.txt) no.169; web: Said Nursî, Mektubat, 19. Mektup, 11. İşaret, 6. misal; Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 18. fasıl; Questions on Islam, "The Miracles concerning mountains, rocks and lifeless creatures"; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 129; Kütüb-i Sitte: Müslim, Sıfatü'l-Kıyâme 19-26 (2788)

---

## 1368. Một tảng đá đã chuyển động theo lệnh Người

**Da'if (Yếu)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Một tảng đá đã chuyển động theo lệnh Người.

Thời kỳ Madinah (năm 1–11 H), không có năm chính xác – cây cối, đá và vật vô tri

NGUỒN 19. Mektup listesi (183.txt) no.168

---

## 1369. Ngưỡng cửa và các bức tường đã nói “Amin” cho lời cầu xin của Người dành cho Abbas và các con ông

**Da'if (Yếu)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Ngưỡng cửa và các bức tường đã nói “Amin” cho lời cầu xin của Người dành cho Abbas và các con ông.

Thời kỳ Madinah (năm 1–11 H), không có năm chính xác – cây cối, đá và vật vô tri

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.4 s.528; 1000 Mucize no.329 (s.304); web: Beyhakî, Delâilü'n-nübüvve, c.6 s.71-72; Said Nursî, Mektubat, 19. Mektup, 11. İşaret, 4. misal; Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 18. fasıl; Questions on Islam, "The Miracles concerning mountains, rocks and lifeless creatures"; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 128; ayrıca: İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî, s. 136; İbnü'l-Cevzî, el-Vefâ, s. 340; Îcî–Cürcânî, Şerhu'l-Mevâkıf, c. 8, s. 281; Meclisî, Bihâru'l-envâr, c. 17, s. 377; Râvendî, el-Harâic, c. 1, s. 47-48; Kütüb-i Sitte (kısmen): İbn Mâce 3711 (kısmen; âmin kısmı yok) [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 7103]

---

## 1370. Trên những con đường Người đi qua còn lưu lại mùi xạ hương; cây cối và đá quỳ lạy Người

**Hasan (Tốt)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Trên những con đường Người đi qua còn lưu lại mùi xạ hương; cây cối và đá quỳ lạy Người.

Thời kỳ Madinah (năm 1–11 H), không có năm chính xác — cây cối, đá và vật vô tri

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.4 s.526; web: Heysemî, Mecmau'z-zevâid, K. Alâmâti'n-nübüvve, bâb sıfatihî ve tîbi râihatihî, no 14053; Beyhakî, Delâilü'n-nübüvve, c.6 s.69; Said Nursî, Mektubat, 19. Mektup, 11. İşaret, 3. misal; Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 18. fasıl; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 114-115; ayrıca: Meclisî, Bihâru'l-envâr, c. 17, s. 346; c. 17, s. 377; Râvendî, el-Harâic, c. 1, s. 46; c. 2, s. 494; İbn Şehrâşûb, Menâkıb, c. 1, s. 107

---

## 1371. Hình vẽ trên áo / trên khiên biến mất khi Người chạm tay vào hoặc khi Người không ưa nó

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Hình vẽ trên áo / trên khiên biến mất khi Người chạm tay vào hoặc khi Người không ưa nó.

Thời kỳ Madinah (năm 1–11 H), không có năm chính xác — cây cối, đá và vật vô tri

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.4 s.537; 1000 Mucize no.360 (s.347); web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 137; ayrıca: İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî, s. 139; Meclisî, Bihâru'l-envâr, c. 17, s. 382; İbn Şehrâşûb, Menâkıb, c. 1, s. 104

---

## 1372. Trong đêm tối mưa gió, cành chà là ('urjun) Người trao cho Qatadah bin...

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Trong đêm tối mưa gió, cành chà là ('urjun) Người trao cho Qatadah bin an-Nu'man đã phát sáng soi đường cho ông.

Thời kỳ Madinah (năm 1–11 H), không có năm chính xác — cây cối, đá và vật vô tri

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.4 s.532; 1000 Mucize no.159 (s.138), no.261 (s.235); web: Said Nursî, Mektubat, 19. Mektup, 12. İşaret, 3. misal; Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 23. fasıl; Questions on Islam, "The Miracles concerning mountains, rocks and lifeless creatures"; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 135; ayrıca: Meclisî, Bihâru'l-envâr, c. 17, s. 376, 380; Râvendî, el-Harâic, c. 1, s. 34-35; İbn Şehrâşûb, Menâkıb, c. 1, s. 103; İbn Hamza et-Tûsî, es-Sâkıb, s. 98-99, hadis no. 90/5

---

## 1373. Gậy của Usayd bin Hudayr và Abbad bin Bishr, những người rời chỗ Người trong...

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Gậy của Usayd bin Hudayr và Abbad bin Bishr, những người rời chỗ Người trong đêm tối, đã phát sáng.

Thời kỳ Madinah (năm 1–11 H), không có năm chính xác — cây cối, đá và vật vô tri

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.4 s.532; İbn Kesîr s.68; 1000 Mucize no.834 (s.699); web: Buhârî, Menâkıb, no. 3639; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 135; ayrıca: İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî, s. 177, 425-426; Facts and Details, “Miracles of Muhammad”; İbn Hamza et-Tûsî, es-Sâkıb, s. 98, hadis no. 88/3; Kütüb-i Sitte: Buharî, Mesâ'ıd 78, Menâkıb 28, Menakıbu'l-Ensar 13 [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 4378, c./s. 12/431]

---

## 1374. Cây gậy Người trao cho một Sahabah bị kém mắt (được thuật lại là Abu Abs bin...)

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Cây gậy Người trao cho một Sahabah bị kém mắt (được thuật lại là Abu Abs bin Jabr) đã soi đường cho ông vào ban đêm.

Thời kỳ Madinah (năm 1–11 H), không có năm chính xác — cây cối, đá và vật vô tri

NGUỒN 1000 Mucize no.158 (s.138); web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 135

## 1375. Trong đêm tối, các ngón tay của Hamzah bin Amr al-Aslami phát sáng, giúp ông...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Trong đêm tối, các ngón tay của Hamzah bin Amr al-Aslami phát sáng, giúp ông gom lại đàn lạc đà bị tản mác.

Thời kỳ Madinah (năm 1–11 H), không có năm chính xác – cây cối, đá và vật vô tri

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.4 s.532; 1000 Mucize no.160 (s.139); web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 455; c. 2, s. 135; ayrıca: İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî, s. 179, 426; Meclisî, Bihâru'l-envâr, c. 17, s. 255; Râvendî, el-Harâic, c. 3, s. 913; İbn Şehrâşûb, Menâkıb, c. 1, s. 107; İbn Hamza et-Tûsî, es-Sâkıb, s. 98, hadis no. 89/4

## 1376. Trong đêm tối, khi Hasan và Husayn trở về nhà, tia chớp lóe lên soi đường cho...

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Trong đêm tối, khi Hasan và Husayn trở về nhà, tia chớp lóe lên soi đường cho hai cậu.

Thời kỳ Madinah (năm 1–11 H), không có năm chính xác – cây cối, đá và vật vô tri

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.4 s.532; 1000 Mucize no.260 (s.233); web: Beyhakî, Delâilü'n-nübüvve, c.6 s.76; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 136; ayrıca: İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî, s. 179; İbn Hamza et-Tûsî, es-Sâkıb, s. 99, hadis no. 91/6

## 1377. Trong một chuyến đi, trên bãi đất trống không cây, để đi vệ sinh, Người bảo...

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Trong một chuyến đi, trên bãi đất trống không cây, để đi vệ sinh, Người bảo Jabir truyền lệnh cho một trong hai cái cây: “Hãy nhập vào bạn ngươi”, và cái cây bước đến sát vào cây kia làm bức che; trong cùng chuyến đi, một con lạc đà già đã hai mươi năm tuổi đến quỳ lạy Người, và Người ra lệnh cho những chàng trai Ansar là chủ của nó chăm sóc nó tử tế.

Trong một chuyến đi, thời điểm không rõ

NGUỒN 1000 Mucize no.247 (s.216); web: Dârimî, Sünen, Mukaddime, no. 17; A'zamî, el-Câmiu'l-Kâmil, Sîre, bâb 573; Heysemî, Mecmau'z-zevâid, K. Alâmâti'n-nübüvve, no 14165; Beyhakî, Delâilü'n-nübüvve, c.6 s.18; ayrıca: İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî, s. 149-151; İbnü'l-Cevzî, el-Vefâ, s. 299, 305; Meclisî, Bihâru'l-envâr, c. 17, s. 214; Kütüb-i Sitte (kısmen): Ebû Dâvûd ; İbn Mâce (muhtasar) [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 3559, c./s. 10/377]

## 1378. Người nói với Qatadah bin an-Nu'man: “Nếu ngươi thấy một bóng đen ở góc nhà...”

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người nói với Qatadah bin an-Nu'man: “Nếu ngươi thấy một bóng đen ở góc nhà, hãy đánh nó, đó là Shaytan”; Qatadah tìm thấy Shaytan (trong hình con nhím) trong nhà đúng như lời báo và dùng cành cây đuổi nó đi.

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN 1000 Mucize no.262 (s.236); web: Said Nursî, Mektubat, 19. Mektup, 12. İşaret, 3. misal; Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 23. fasıl; ayrıca: Râvendî, el-Harâic, c. 1, s. 34-35

## 1379. Ở thung lũng Idam, Người ba lần vật ngã đô vật đa thần Rukanah đang chăn cừu...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Ở thung lũng Idam, Người ba lần vật ngã đô vật đa thần Rukanah đang chăn cừu; khi hắn đòi bằng chứng, cái cây Người gọi tách làm đôi, một nửa cùng cành lá đi đến bên Người, rồi theo lệnh Người quay về nhập lại với nửa kia.

Thời điểm không rõ (Rukanah là một kẻ đa thần ở Makkah; văn bản nhắc đến nhà của Aisha)

NGUỒN 1000 Mucize no.338 (s.317); web: Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 16. fasıl; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 215-217; ayrıca: Meclisî, Bihâru'l-envâr, c. 17, s. 368-369; İbn Şehrâşûb, Menâkıb, c. 1, s. 109; Kütüb-i Sitte (kısmen): Ebu Davud, Libas 24, (4078); Tirmizî, Libas 47, (1785) [yalnız güreş kısmı] [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 5233, c./s. 15/45]

---

## 1380. Người du mục đã theo Islam xin bằng chứng để thêm vững lòng tin; cái cây Người...

**Da'if (Yếu)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người du mục đã theo Islam xin bằng chứng để thêm vững lòng tin; cái cây Người gọi tách ra, một nửa đến trước mặt Người và nói: “Bình an cho ngài, thưa Thiên Sứ của Allah”; Người từ chối mong muốn quỳ lạy Người của người du mục.

Thời điểm không rõ

NGUỒN 1000 Mucize no.879 (s.735); web: Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 16. fasıl; ayrıca: İbn Şehrâşûb, Menâkıb, c. 1, s. 112

---

## 1381. Theo yêu cầu của một người du mục, cái cây Người gọi, theo lệnh Người, ba lần...

**Sahih (Xác thực)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Theo yêu cầu của một người du mục, cái cây Người gọi, theo lệnh Người, ba lần làm chứng rằng Người là Thiên Sứ của Allah rồi trở về chỗ cũ; người du mục hứa sẽ đưa dân mình đến rồi ra đi.

Trong một chuyến hành quân, thời điểm không rõ

NGUỒN 1000 Mucize no.881 (s.736); web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 60; ayrıca: Meclisî, Bihâru'l-envâr, c. 17, s. 376; İbnü'l-Cevzî, el-Vefâ, s. 300; Îcî–Cürcânî, Şerhu'l-Mevâkıf, c. 8, s. 281; Râvendî, el-Harâic, c. 1, s. 43; ayrıca: N. İçel, Hz. Muhammed'in (sas) Mucizeleri -1 (2023), "MU'CİZELER PEYGAMBERLERİN TEBLİĞİNE VESİLEDİR" (kitabın dipnotu: Beyhakî Delâili'n-Nübüvve; c:6, s:14-15)

---

## 1382. Trong một chuyến đi, Người nói với người du mục đòi phép màu: “Hãy nói với cái...”

**Da'if (Yếu)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Trong một chuyến đi, Người nói với người du mục đòi phép màu: “Hãy nói với cái cây kia: ‘Thiên Sứ của Allah gọi ngươi’”; cái cây nghiêng sang phải sang trái, bật rễ lên, đến trước mặt Người và nói: “As-salamu 'alayka ya Rasulallah”, rồi theo lời xin của người du mục mà trở về chỗ cũ; người du mục xin phép quỳ lạy, không được cho phép thì hôn tay chân Người (do Buraydah bin al-Husayb al-Aslami thuật lại).

Thời kỳ Madinah, một chuyến hành quân, thời điểm không rõ

NGUỒN Said Nursî, Mektubat, 19. Mektup, 9. İşaret, 2. misal (s. 185)

---

## 1383. Ghaylan bin Salamah ath-Thaqafi cũng thuật lại một phép màu tương tự về việc...

**Da'if (Yếu)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Ghaylan bin Salamah ath-Thaqafi cũng thuật lại một phép màu tương tự về việc hai cái cây theo lệnh Người nhập lại rồi tách ra.

Thời kỳ Madinah, trong một chuyến hành quân (thời điểm không rõ)

NGUỒN Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 16. fasıl (ağaçların konuşması ve itaati)

## 1384. Trong một chuyến đi, một cái cây gọi là “talh” hoặc “samurah” đến xoay quanh...

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Trong một chuyến đi, một cái cây gọi là “talh” hoặc “samurah” đến xoay quanh Người như đi Tawaf rồi trở về chỗ; Người nói: “Nó đã xin phép Thượng Đế của nó để đến chào ta” (do Ya'la bin Murrah thuật lại).

Thời kỳ Madinah, một chuyến hành quân, thời điểm không rõ

NGUỒN Said Nursî, Mektubat, 19. Mektup, 9. İşaret, 6. misal (s. 187)

## 1385. Khi Người bị bệnh, Jibril mang đến một cái đĩa có lựu và nho; Người ăn, và trái...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Khi Người bị bệnh, Jibril mang đến một cái đĩa có lựu và nho; Người ăn, và trái cây (cái đĩa) tán dương Allah (Ja'far bin Muhammad thuật lại từ cha mình).

Thời điểm không rõ

NGUỒN Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 18. fasıl (cemâdât)

## 1386. Theo lời thuật của Anas, khi Abu Bakr và Umar rời buổi trò chuyện ban đêm trước...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Theo lời thuật của Anas, khi Abu Bakr và Umar rời buổi trò chuyện ban đêm trước mặt Thiên Sứ của Allah ﷺ (tại nhà Abu Bakr) trong bóng tối, gậy của họ phát sáng soi đường cho đến khi họ về đến nhà.

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 135 (Asâların, kamçının ve parmakların ışık vermesi bâbı)

## 1387. Khi Người ở trên núi Hira, ngọn núi rung chuyển; Người nói: “Hãy đứng yên; trên...”

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Khi Người ở trên núi Hira, ngọn núi rung chuyển; Người nói: “Hãy đứng yên; trên ngươi chỉ có một vị Nabi và một người thừa kế”, và ngọn núi đứng yên (Ali ở bên Người).

Thời điểm không rõ

NGUỒN Râvendî, el-Harâic ve'l-cerâih, c. 1, s. 34 (el-Bâbü'l-evvel fî mu'cizâti nebiyyinâ Muhammed)

## 1388. Những viên sỏi Người cầm trong lòng bàn tay tán dương Allah; khi Người đổ chúng...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Những viên sỏi Người cầm trong lòng bàn tay tán dương Allah; khi Người đổ chúng vào tay Ali, ở đó chúng cũng tán dương và người ta nghe được tiếng; khi đổ vào tay các Sahabah khác thì chúng không tán dương (do Anas thuật lại).

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN Râvendî, el-Harâic ve'l-cerâih, c. 1, s. 47 (el-Bâbü'l-evvel fî mu'cizâti nebiyyinâ Muhammed)

## 1389. Vào ngày Người choàng tấm áo (kisa') lên Ahlul Bayt, khi Người ăn từ đĩa lựu và...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Vào ngày Người choàng tấm áo (kisa') lên Ahlul Bayt, khi Người ăn từ đĩa lựu và nho Jibril mang đến, trái cây tán dương Allah; trong tay Hasan, Husayn và Ali chúng cũng tán dương; với một Sahabah muốn ăn, Jibril nói: "Chỉ Nabi, con của Nabi hoặc người thừa kế của Nabi mới được ăn thứ này" (do Umm Salamah thuật lại).

Thời kỳ Madinah (hadith về tấm áo choàng kisa')

NGUỒN Râvendî, el-Harâic ve'l-cerâih, c. 1, s. 48 (el-Bâbü'l-evvel fî mu'cizâti nebiyyinâ Muhammed)

## 1390. Trước mặt người đàn ông nói "Hãy cho tôi xem một dấu hiệu", Người đưa tay chỉ...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Trước mặt người đàn ông nói "Hãy cho tôi xem một dấu hiệu", Người đưa tay chỉ cây chà là; cái cây đi sang phải, khi Người nói "như thế này" thì nó đi sang trái, và người ấy tin theo (theo Imam Ja'far as-Sadiq).

Thời điểm không rõ

NGUỒN Râvendî, el-Harâic ve'l-cerâih, c. 1, s. 90 (el-Bâbü'l-evvel fî mu'cizâti nebiyyinâ Muhammed)

## 1391. Những người đào mộ cho một người chết than: "Cuốc của chúng tôi như bổ vào đá..."

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Những người đào mộ cho một người chết than: "Cuốc của chúng tôi như bổ vào đá, không ăn thua"; Người nói: "Sao vậy? Bạn các ngươi là người có đạo đức tốt", rồi rảy xuống đất một cốc nước Người đã nhúng tay vào; đất trở nên dễ đào như cát đổ lên họ.

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN Râvendî, el-Harâic ve'l-cerâih, c. 1, s. 91 (el-Bâbü'l-evvel fî mu'cizâti nebiyyinâ Muhammed)

## 1392. Trong một chuyến đi, khi dừng chân ở một sa mạc ít cây, Người sai Ammar bin...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Trong một chuyến đi, khi dừng chân ở một sa mạc ít cây, Người sai Ammar bin Yasir đến nói với hai cây nhỏ: "Thiên Sứ của Allah ra lệnh cho các ngươi nhập lại"; hai cây bước đến với nhau như một cây, và sau khi Người xong việc, theo lệnh Người chúng trở về chỗ cũ (do Ammar thuật lại).

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN Râvendî, el-Harâic ve'l-cerâih, c. 1, s. 155 (el-Bâbü'l-evvel fî mu'cizâti nebiyyinâ Muhammed)

## 1393. Khi Người cùng Ali đi trong vườn chà là, một cây chà là la lên với cây khác...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Khi Người cùng Ali đi trong vườn chà là, một cây chà là la lên với cây khác: "Đây là Thiên Sứ của Allah, còn đây là người thừa kế của Người"; vì thế loại chà là ấy được gọi là "Sayhani" (chà là la lớn).

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN Râvendî, el-Harâic ve'l-cerâih, c. 3, s. 928 (el-Bâbü's-sâbi' aşer fi'l-muvâzât beyne mu'cizâti nebiyyinâ ve mu'cizâti'l-enbiyâ)

## 1394. Trong một vườn chà là Người bước vào, các buồng chà là ('urjun) từ mọi phía cất...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Trong một vườn chà là Người bước vào, các buồng chà là ('urjun) từ mọi phía cất tiếng: “As-salamu 'alayka ya Rasulallah”, buồng nào cũng nói: “Hãy hái tôi mà ăn”; khi Người đến gần cây chà là Ajwah, nó quỳ lạy, và Người cầu xin: “Lạy Allah, xin ban phúc cho nó và cho người ta được lợi ích nhờ nó” (vì thế người ta nói “Ajwah đến từ Thiên Đàng”).

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN Râvendî, el-Harâic ve'l-cerâih, c. 2, s. 494 (14. bâb: fî a'lâmi'n-nebî ve'l-eimme)

## 1395. Khi Mikraz al-Amiri xin một dấu hiệu (phép màu), Người cho mang đến chín viên...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Khi Mikraz al-Amiri xin một dấu hiệu (phép màu), Người cho mang đến chín viên sỏi, và những viên sỏi tán dương Allah trong lòng bàn tay Người; đặt xuống đất chúng im lặng, cầm lên lại chúng lại tán dương.

Thời điểm không rõ

NGUỒN İbn Şehrâşûb, Menâkıbü Âl-i Ebî Tâlib (Necef 1376/1956 baskısı), c. 1, s. 80 (fasl fî nutki'l-cemâdât)

## 1396. Trước người Do Thái nói “Trái tim chúng tôi mềm hơn đá”, Người lấy ngọn núi...

Bịa đặt (Mawdu') CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Trước người Do Thái nói “Trái tim chúng tôi mềm hơn đá”, Người lấy ngọn núi (những hòn đá) làm chứng: ngọn núi rung chuyển, nước phun ra từ đó, và nó làm chứng: “Ngài là sứ giả của Thượng Đế muôn loài, là bậc thầy của mọi tạo vật”; theo lệnh Người ngọn núi tách làm đôi, phần dưới lật lên trên; khi Người đi xa và gọi: “Hỡi núi, nhờ quyền của Muhammad và gia đình Muhammad, hãy đến”, ngọn núi bước đi như con lạc đà nhanh nhẹn và đứng trước mặt Người (chú giải câu 74 chương al-Baqarah).

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN İbn Şehrâşûb, Menâkıbü Âl-i Ebî Tâlib (Necef 1376/1956 baskısı), c. 1, s. 82 (fasl fî nutki'l-cemâdât)

## 1397. Khi đang để một người ăn xin chờ, Người nói về cái túi một người mang đến: “Hỡi...”

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Khi đang để một người ăn xin chờ, Người nói về cái túi một người mang đến: “Hỡi người ăn xin, hãy nhận bốn trăm dinar này”; chủ túi nói: “Đó là dirham mà”, Người nói: “Đừng cho ta là nói dối”, rồi cho mở túi ra, bên trong đúng là dinar; Người nói: “Ngươi đã nói thật; nhưng khi từ miệng ta nói ra chữ dinar, Allah đã biến dirham thành dinar.”

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN İbn Şehrâşûb, Menâkıbü Âl-i Ebî Tâlib (Necef 1376/1956 baskısı), c. 1, s. 99 (fasl fî mu'cizât akvâlihî (gayb haberleri))

## 1398. Ở Juhfah, Người dừng dưới một cái cây nhỏ ít bóng mát, khi các Sahabah ngồi...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Ở Juhfah, Người dừng dưới một cái cây nhỏ ít bóng mát, khi các Sahabah ngồi quanh mà bóng không đủ, Người buồn lòng; nhờ phép của Allah, cái cây lớn lên vươn cao che bóng cho tất cả, và câu 45 chương al-Furqan (“Ngươi không thấy Thượng Đế của ngươi đã kéo dài bóng râm thế nào sao”) được mặc khải.

Hijrah / một chuyến hành quân, Juhfah

NGUỒN İbn Şehrâşûb, Menâkıbü Âl-i Ebî Tâlib (Necef 1376/1956 baskısı), c. 1, s. 117 (fasl fîmâ zahara mine'l-hayevânât ve'l-cemâdât)

---

## 1399. Với người nói “Hãy cho tôi xem một dấu hiệu”, Người nói với hai cái cây: “Hãy...”

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Với người nói “Hãy cho tôi xem một dấu hiệu”, Người nói với hai cái cây: “Hãy nhập lại”, hai cây nhập lại; Người nói: “Hãy tách ra”, mỗi cây trở về chỗ cũ (Hammad bin Uthman và Makhlad bin Abdullah thuật lại từ Ja'far as-Sadiq).

Thời điểm không rõ

NGUỒN es-Sâkıb fi'l-menâkıb (Kum 1412), s. 91, hadis no. 75/1 (bâb 1, fasıl 11: ağaç ve taşın itaati)

---

## 1400. Khi trở về từ một cuộc chinh phạt, muốn đi vệ sinh trên bãi đất trống, Người...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Khi trở về từ một cuộc chinh phạt, muốn đi vệ sinh trên bãi đất trống, Người gọi một cái cây ở xa; cái cây kéo theo cả rễ đến đứng trước mặt Người; sau khi Người đi vệ sinh phía sau nó, theo lệnh Người nó trở về chỗ cũ (Abu Bakr kể với Umar).

Thời kỳ Madinah, trên đường về từ một cuộc chinh phạt (thời điểm không rõ)

NGUỒN es-Sâkıb fi'l-menâkıb (Kum 1412), s. 92, hadis no. 78/4 (bâb 1, fasıl 11: ağaç ve taşın itaati)

---

## 1401. Khi muốn đi vệ sinh, Người sai một Sahabah đi cùng đến nói với hai cây chà là...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Khi muốn đi vệ sinh, Người sai một Sahabah đi cùng đến nói với hai cây chà là: “Hãy nhập lại”; hai cây nhập lại làm bức che cho Người; sau đó người ấy nhìn chỗ ấy không thấy một dấu vết nào (do Ja'far as-Sadiq thuật lại).

Thời điểm không rõ

NGUỒN es-Sâkıb fi'l-menâkıb (Kum 1412), s. 92-93, hadis no. 80/6 (bâb 1, fasıl 11: ağaç ve taşın itaati)

---

## 1402. Một lần Người đói, Jibril mang đến một món quà (tuhfah) đựng trong một chiếc...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Một lần Người đói, Jibril mang đến một món quà (tuhfah) đựng trong một chiếc bình từ Thiên Đàng; món quà và chiếc bình tán dương và hô Takbir trong tay Người, rồi trong tay Ahlul Bayt của Người (tương ứng với việc Nabi Idris được cho ăn ân phúc của Thiên Đàng; Ali nói: “Vị của nó đến giờ vẫn còn trong miệng tôi”).

Thời điểm không rõ

NGUỒN Tabersî, el-İhticâc (thk. M. Bâkır el-Hursân, Necef: Matbaatü'n-Nu'mân 1386/1966), c. 1, s. 315 (İhticâcü Emîri'l-mü'minîn ale'l-Yehûd min ahbârihim... fî mu'cizâti'n-Nebî)

## 1403. Khi đến nhà Abul Haytham cùng Ali và biết nhà hết thức ăn, Người rảy nước có...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Khi đến nhà Abul Haytham cùng Ali và biết nhà hết thức ăn, Người rảy nước có nước bọt của Người lên một cây chà là chưa từng ra trái; cây đầy chà là xanh và chà là tươi, họ ăn và cho hàng xóm ăn; cái cây được gọi là "Nakhlat al-jiran" (cây chà là của hàng xóm) và còn đó cho đến khi bị chặt trong biến cố al-Harrah (đạo quân của Yazid).

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN Meclisî, Bihâru'l-envâr, c. 18, s. 41-42 (Bâb 7: mübarek uzuvlarının bereketi, yiyecek ve içeceğin çoğalması)

## 1404. Theo yêu cầu của người Do Thái, một ngọn núi đã làm chứng cho sứ mạng Nabi của Người

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Theo yêu cầu của người Do Thái, một ngọn núi đã làm chứng cho sứ mạng Nabi của Người.

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN Meclisî, Bihâru'l-envâr, c. 17, s. 256 (Bâb 2: cevâmiu mu'cizâtihî ve nevâdirühâ)

## 1405. Với người Do Thái đòi một dấu hiệu như cây gậy của Musa, Người báo: "Đêm nay..."

Bịa đặt (Mawdu') CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Với người Do Thái đòi một dấu hiệu như cây gậy của Musa, Người báo: "Đêm nay khi các người tụ họp trong nhà, xà nhà sẽ biến thành hơn một trăm con rắn, bốn người trong các người sẽ vỡ mật mà chết, những người còn lại sẽ nằm ngất đến sáng"; dù chúng chế giễu, ban đêm mọi việc xảy ra đúng như vậy; sáng ra những người Do Thái khác đến cũng thấy rắn, một số chết, một số mất trí; những ai cầu xin nhờ Người và gia đình Người mà được cứu thì tin theo, và xà nhà trở lại như cũ.

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN Meclisî, Bihâru'l-envâr, c. 17, s. 265-267 (Bâb 2: cevâmiu mu'cizâtihî ve nevâdirühâ)

## 1406. Ở Madinah, người Do Thái Malik bin as-Sayf nói: "Chừng nào tấm thảm (bisat)..."

Bịa đặt (Mawdu') CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Ở Madinah, người Do Thái Malik bin as-Sayf nói: "Chừng nào tấm thảm (bisat) dưới chân ta chưa tin ngươi thì ta không tin"; tấm thảm cất tiếng làm chứng cho tính duy nhất của Allah, cho sứ mạng Nabi của Người và việc Ali là người thừa kế; nó nói rằng chỉ những tín đồ mới ngồi được trên nó, rồi cho Salman, Miqdad, Abu Dharr và Ammar ngồi lên; người Do Thái nói: "Đây là bùa phép rõ ràng."

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN Meclisî, Bihâru'l-envâr (Müessesetü'l-Vefâ), c. 17, s. 302-304 (ebvâbü mu'cizâtih, bâb 2: cevâmi'u mu'cizâtihî ve nevâdiruhâ)

## 1407. Abu Lubabah bin Abd al-Mundhir nói: "Chừng nào cây roi trong tay ta chưa tin..."

Bịa đặt (Mawdu') CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Abu Lubabah bin Abd al-Mundhir nói: "Chừng nào cây roi trong tay ta chưa tin ngươi thì ta không tin"; cây roi cất tiếng làm chứng cho tính duy nhất của Allah, cho sứ mạng Nabi và cho quyền giám hộ (wilayah) của Ali, kéo chủ

nó ngã xuống đất nhiều lần; Abu Lubabah đã tin theo.

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN Meclisî, Bihâru'l-envâr (Müessesetü'l-Vefâ), c. 17, s. 302-305 (ebvâbü mu'cizâtih, bâb 2: cevâmi'u mu'cizâtihî ve nevâdiruhâ)

---

## 1408. Trong một chuyến đi giữa Makkah và Madinah, Allah báo cho Người biết ý định của...

Bịa đặt (Mawdu') CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Trong một chuyến đi giữa Makkah và Madinah, Allah báo cho Người biết ý định của những kẻ giả tạo đức tin muốn rình xem Người khi Người đi vệ sinh; Người sai Zayd bin Thabit ra lệnh cho hai cái cây cách xa nhau nhập lại; hai cây bật cả rễ khỏi chỗ, gặp nhau như hai người bạn và che cho Người; những kẻ giả tạo đức tin vòng sang phía nào, hai cây cũng xoay theo không để chúng thấy; rồi theo lệnh Người chúng trở về chỗ cũ và trên mặt đất không còn dấu vết nào.

Thời kỳ Madinah, trong một chuyến đi (thời điểm không rõ)

NGUỒN Meclisî, Bihâru'l-envâr (Müessesetü'l-Vefâ), c. 17, s. 314-316 (ebvâbü mu'cizâtih, bâb 2: cevâmi'u mu'cizâtihî ve nevâdiruhâ)

---

## 1409. Thầy thuốc người Thaqif là al-Harith bin Kaladah đến, nói: "Tôi chữa được cho..."

Bịa đặt (Mawdu') CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Thầy thuốc người Thaqif là al-Harith bin Kaladah đến, nói: "Tôi chữa được cho người điên", và đòi phép màu là Người gọi một cái cây lớn ở xa; cái cây xẻ đất kéo theo cả rễ mà đến, cất tiếng rõ ràng làm chứng cho tính duy nhất của Allah, cho sứ mạng Nabi của Người và cho quyền lãnh đạo (imamah) của Ali; al-Harith đã theo Islam.

Thời điểm không rõ

NGUỒN Meclisî, Bihâru'l-envâr (Müessesetü'l-Vefâ), c. 17, s. 316-317 (ebvâbü mu'cizâtih, bâb 2: cevâmi'u mu'cizâtihî ve nevâdiruhâ)

---

## 1410. Hòn đá Người đặt trên đường để dẫn nước khỏi mảnh đất của mình, từ hôm ấy cho...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Hòn đá Người đặt trên đường để dẫn nước khỏi mảnh đất của mình, từ hôm ấy cho đến thời của (Imam as-Sadiq), chưa từng làm vấp ngã hay làm đau một con lạc đà hay một người nào.

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN Meclisî, Bihâru'l-envâr (Müessesetü'l-Vefâ), c. 17, s. 346 (ebvâbü mu'cizâtih, bâb 2: cevâmi'u mu'cizâtihî ve nevâdiruhâ)

---

## 1411. Trước sự thử thách của một người Do Thái, Người trao cho Ali những hạt chà là...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Trước sự thử thách của một người Do Thái, Người trao cho Ali những hạt chà là Người ngậm trong miệng và bảo ông trồng; từ mỗi hạt lập tức mọc lên một cây chà là (có trái vàng, đỏ, trắng, đen), và các cây cất tiếng: "Đây là Thiên Sứ của Allah, còn đây là người thừa kế của Người"; vì tiếng gọi (sayhah) ấy mà loại chà là này được gọi là "Sayhani".

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN Meclisî, Bihâru'l-envâr (Müessesetü'l-Vefâ), c. 17, s. 365 (ebvâbü mu'cizâtih, bâb 4: cemâdât ve nebâtâtın itaati ve konuşması)

## 1412. Cái cây khô mà Người tựa lưng vào đã xanh tươi và ra trái

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Cái cây khô mà Người tựa lưng vào đã xanh tươi và ra trái.

Thời điểm không rõ

NGUỒN Meclisî, Bihâru'l-envâr (Müessesetü'l-Vefâ), c. 17, s. 366 (ebvâbü mu'cizâtih, bâb 4: cemâdât ve nebâtâtın itaati ve konuşması)

## 1413. Khi hai nhóm người đang giao chiến, có người nói: "Muhammad là Thiên Sứ của..."

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Khi hai nhóm người đang giao chiến, có người nói: "Muhammad là Thiên Sứ của Allah", gươm giáo trong tay họ run lên/rơi xuống đất, và cuộc chiến kết thúc bằng hòa bình (lời kể của Ali).

Thời điểm không rõ

NGUỒN Meclisî, Bihâru'l-envâr (Müessesetü'l-Vefâ), c. 17, s. 372 (ebvâbü mu'cizâtih, bâb 4: cemâdât ve nebâtâtın itaati ve konuşması)

## 1414. Khi Người ngồi cùng các Sahabah, Ali đến, viên sỏi Người trao vào tay ông cất...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Khi Người ngồi cùng các Sahabah, Ali đến, viên sỏi Người trao vào tay ông cất tiếng: "La ilaha illallah Muhammadun Rasulullah; tôi hài lòng với Allah là Thượng Đế, với Muhammad là Nabi, với Ali bin Abi Talib là người giám hộ" (do Salman thuật lại).

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN Meclisî, Bihâru'l-envâr (Müessesetü'l-Vefâ), c. 17, s. 373 (ebvâbü mu'cizâtih, bâb 4: cemâdât ve nebâtâtın itaati ve konuşması)

## 1415. Một người Do Thái tên Subukht (thuộc giới quý tộc Ba Tư) đến thử Người; sau khi...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Một người Do Thái tên Subukht (thuộc giới quý tộc Ba Tư) đến thử Người; sau khi Người trả lời các câu hỏi "Thượng Đế của ngài ở đâu, thế nào?", ông ta hỏi: "Ai làm chứng rằng ngài là Nabi?"; tất cả đá, đất và đồ vật xung quanh nói bằng tiếng Ả Rập rõ ràng: "Hỡi ông già, Người là Thiên Sứ của Allah"; người Do Thái nói: "Tôi chưa từng thấy điều gì rõ ràng như hôm nay", rồi theo Islam và Người đặt tên ông là Abdullah.

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN Meclisî, Bihâru'l-envâr (Müessesetü'l-Vefâ), c. 17, s. 373 (ebvâbü mu'cizâtih, bâb 4: cemâdât ve nebâtâtın itaati ve konuşması)

## 1416. Khi Người cùng Sahl bin Hunayf và Abu Ayyub al-Ansari (Khalid bin Zayd) vào một...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Khi Người cùng Sahl bin Hunayf và Abu Ayyub al-Ansari (Khalid bin Zayd) vào một khu vườn của Banu an-Najjar, hòn đá bên giếng nói: "Xin hãy cầu xin Thượng Đế của ngài để tôi không thành đá của Hỏa Ngục", cát cũng xin như vậy, và Người cầu xin; những cây chà là chào Người và dâng trái; khi cây chà là Ajwah quỳ lạy (cúi mình), Người cầu xin phúc lành và nói: "Ajwah đến từ Thiên Đàng."

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN Meclisî, Bihâru'l-envâr (Müessesetü'l-Vefâ), c. 17, s. 374 (ebvâbü mu'cizâtih, bâb 4: cemâdât ve nebâtâtın itaati ve konuşması)

## 1417. Người nói với Ammar bin Yasir, người nói rằng lòng mình nảy sinh nghi ngờ: “Hãy...”

**Bịa đặt (Mawdu')** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người nói với Ammar bin Yasir, người nói rằng lòng mình nảy sinh nghi ngờ: “Hãy hỏi hòn đá và cái cây mà ngươi gặp”; mỗi hòn đá và cái cây Ammar hỏi đều đáp: “Tôi làm chứng rằng Muhammad là sứ giả của Thượng Đế chúng tôi.”

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN Meclisî, Bihâru'l-envâr (Müessesetü'l-Vefâ), c. 17, s. 383 (ebvâbü mu'cizâtih, bâb 4: cemâdât ve nebâtâtın itaati ve konuşması)

## 1418. Người ngậm một hạt chà là trong miệng rồi trồng xuống, và hạt ấy lập tức nảy mầm

**Da'if (Yếu)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người ngậm một hạt chà là trong miệng rồi trồng xuống, và hạt ấy lập tức nảy mầm.

Thời điểm không rõ

NGUỒN Meclisî, Bihâru'l-envâr (Müessesetü'l-Vefâ), c. 17, s. 388 (ebvâbü mu'cizâtih, bâb 4: cemâdât ve nebâtâtın itaati ve konuşması)

## 1419. Con lạc đà trở nên hung dữ của một người Ansar, vừa thấy Người đã đến quỳ lạy...

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Con lạc đà trở nên hung dữ của một người Ansar, vừa thấy Người đã đến quỳ lạy trước mặt Người và trở nên hiền lành.

Thời kỳ Madinah (năm 1–11 H), không có năm chính xác – các phép màu liên quan đến loài vật

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.4 s.482; İbn Kesîr s.61; 19. Mektup listesi (183.txt) no.71, 160, 163; 1000 Mucize no.99 (s.74); web: Heysemî, Mecmau'z-zevâid, K. Alâmâti'n-nübüvve, bâbü mu'cizâtihî fi'l-hayvânât ve'ş-şecer, no 14153; Beyhakî, Delâilü'n-nübüvve, c.6 s.28; Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 19. fasıl; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 94, 96; c. 2, s. 94; c. 2, s. 96; ayrıca: İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî, s. 141; İbnü'l-Cevzî, el-Vefâ, s. 304; Meclisî, Bihâru'l-envâr, c. 17, s. 408; Râvendî, el-Harâic, c. 1, s. 39-40

## 1420. Một con lạc đà rơi nước mắt than với Người rằng chủ nó bỏ đói và làm nó kiệt sức

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Một con lạc đà rơi nước mắt than với Người rằng chủ nó bỏ đói và làm nó kiệt sức.

Thời kỳ Madinah (năm 1–11 H), không có năm chính xác – các phép màu liên quan đến loài vật

NGUỒN İbn Kesîr s.63; 1000 Mucize no.100 (s.76); web: Beyhakî, Delâilü'n-nübüvve, c.6 s.26-27; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 95; ayrıca: İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî, s. 144, 401; İbnü'l-Cevzî, el-Vefâ, s. 303; Ebû Dâvûd, Cihâd, no 2549; Şeyh Müfîd, en-Nüketü'l-i'tikâdiyye, s. 36, 35-36; Meclisî, Bihâru'l-envâr, c. 17, s. 400, 417; İbn Şehrâşûb, Menâkıb, c. 1, s. 84; al-shia.org (Farsça mucize listeleri); Kütüb-i Sitte (kısmen): Ebû Dâvud, Cihâd 47, (2549); Müslim, Hayız (342) [aynı isnadla yalnız baş kısmı; satırın kaynağından] [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 1990, c./s. 7/272]

## 1421. Trong chuyến đi do Ya'la bin Murrah kể lại, một con lạc đà than rằng sau bao...

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Trong chuyến đi do Ya'la bin Murrah kể lại, một con lạc đà than rằng sau bao năm bị bắt làm việc, nay chủ nó muốn giết nó.

Thời kỳ Madinah (năm 1–11 H), không có năm chính xác – các phép màu liên quan đến loài vật

NGUỒN İbn Kesîr s.64; 1000 Mucize no.35 (s.48), no.320 (s.297); web: Beyhakî, Delâilü'n-nübüvve, c.6 s.23; Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 19. fasıl; Questions on Islam, "The Miracles Shown on Animals"; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 63; c. 2, s. 96; ayrıca: Meclisî, Bihâru'l-envâr, c. 17, s. 407-408; c. 17, s. 277; c. 17, s. 400, 411; Tabersî, el-İhticâc, c. 1, s. 317; İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî, s. 145-148; İbnü'l-Cevzî, el-Vefâ, s. 303; Râvendî, el-Harâic, c. 1, s. 37; İbn Şehrâşûb, Menâkıb, c. 1, s. 85

## 1422. Một con sói nói chuyện với người chăn cừu, báo tin về vị Nabi ở Madinah

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Một con sói nói chuyện với người chăn cừu, báo tin về vị Nabi ở Madinah.

Thời kỳ Madinah (năm 1–11 H), không có năm chính xác – các phép màu liên quan đến loài vật

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.4 s.494; İbn Kesîr s.65; 1000 Mucize no.34 (s.47); web: Heysemî, Mecmau'z-zevâid, K. Alâmâti'n-nübüvve, bâbü ihbâri'z-zi'b bi-nübüvvetihî, no 14081-14083; Beyhakî, Delâilü'n-nübüvve, c.6 s.41-43; Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 19. fasıl; Questions on Islam, "The Miracles Shown on Animals"; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 102-103; c. 2, s. 102; ayrıca: İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî, s. 159, 157-160; Meclisî, Bihâru'l-envâr, c. 17, s. 321-324; c. 17, s. 215, 226; c. 17, s. 393-395, 406, 412-413; İbnü'l-Cevzî, el-Vefâ, s. 155; Îcî–Cürcânî, Şerhu'l-Mevâkıf, c. 8, s. 282; Şeyh Müfîd, en-Nüketü'l-i'tikâdiyye, s. 36; Facts and Details, “Miracles of Muhammad”; Râvendî, el-Harâic, c. 1,

s. 36; Tabersî, İ'lâmü'l-verâ, c. 1, s. 79-80; İbn Hamza et-Tûsî, es-Sâkıb, s. 71, no. 54/1; Kütüb-i Sitte (kısmen): Tirmizî, Fiten 19, (2182) [yalnız hadisin son kısmı] [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 5034]

---

## 1423. Đại diện của loài sói đến buổi họp xin phần

**Sahih (Xác thực)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Đại diện của loài sói đến buổi họp xin phần.

Thời kỳ Madinah (năm 1–11 H), không có năm chính xác – các phép màu liên quan đến loài vật

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.4 s.497; 1000 Mucize no.33 (s.46); web: Dârimî, Sünen, Mukaddime, no. 22; Heysemî, Mecmau'z-zevâid, K. Alâmâti'n-nübüvve, bâbü süâli'z-zi'bi'l-kūt, no 14084; Beyhakî, Delâilü'n-nübüvve, c.6 s.39-40; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 104; ayrıca: İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî, s. 161; Meclisî, Bihâru'l-envâr, c. 17, s. 391, 399; Râvendî, el-Harâic, c. 2, s. 496-497

---

## 1424. Một con chim (hummarah) bị bắt mất con đã bay vòng trên đầu Người mà than phiền

**Hasan (Tốt)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Một con chim (hummarah) bị bắt mất con đã bay vòng trên đầu Người mà than phiền.

Thời kỳ Madinah (năm 1–11 H), không có năm chính xác – các phép màu liên quan đến loài vật

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.4 s.487; İbn Kesîr s.67; 1000 Mucize no.97 (s.72); web: Beyhakî, Delâilü'n-nübüvve, c.6 s.32-33; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 105; ayrıca: İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî, s. 175; Kütüb-i Sitte: Ebû Dâvud, Cihâd 122, (2675), Edeb, 176, (5268) [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 1992, c./s. 7/274]

---

## 1425. Con thú hoang trong ngôi nhà phúc lành, khi Người bước vào, liền dịu xuống...

**Sahih (Xác thực)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Con thú hoang trong ngôi nhà phúc lành, khi Người bước vào, liền dịu xuống, đứng yên không nhúc nhích.

Thời kỳ Madinah (năm 1–11 H), không có năm chính xác – các phép màu liên quan đến loài vật

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.4 s.486; 1000 Mucize no.31 (s.45), no.877 (s.734); web: Heysemî, Mecmau'z-zevâid, K. Alâmâti'n-nübüvve, bâbü edebi'l-hayvân, no 14152; Beyhakî, Delâilü'n-nübüvve, c.6 s.31; Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 19. fasıl; Questions on Islam, "The Miracles Shown on Animals"; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 105; ayrıca: İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî, s. 162-163

---

## 1426. Con linh dương bị người thợ săn trói đã nói chuyện, xin phép đi cho con bú, và...

**Da'if (Yếu)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Con linh dương bị người thợ săn trói đã nói chuyện, xin phép đi cho con bú, và làm chứng cho Người.

Thời kỳ Madinah (năm 1–11 H), không có năm chính xác – các phép màu liên quan đến loài vật

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.4 s.488; 19. Mektup listesi (183.txt) no.51; 1000 Mucize no.330 (s.305); web: Heysemî, Mecmau'z-zevâid, K. Alâmâti'n-nübüvve, bâbü hadîsi'z-zabye, no 14087-14088; Beyhakî, Delâilü'n-nübüvve, c.6 s.34; Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 19. fasıl; Questions on Islam, "The Miracles Shown on Animals"; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 101-102; ayrıca: İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî, s. 165-167; İbnü'l-Cevzî, el-Vefâ, s. 340-341; Îcî–Cürcânî, Şerhu'l-Mevâkıf, c. 8, s. 282; Şeyh Müfîd, en-Nüketü'l-i'tikâdiyye, s. 36, 35-36; Meclisî, Bihâru'l-envâr, c. 17, s. 299; c. 17, s. 398, 402, 413, 415-416; Râvendî, el-Harâic, c. 1, s. 37; c. 2, s. 523; Tabersî, İ'lâmü'l-verâ, c. 1, s. 81; İbn Şehrâşûb, Menâkıb, c. 1, s. 84

---

## 1427. Con thằn lằn (dabb) do một người du mục mang đến

## đã nói chuyện và làm chứng cho sứ mạng Nabi của Người

Bịa đặt (Mawdu') CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Con thằn lằn (dabb) do một người du mục mang đến đã nói chuyện và làm chứng cho sứ mạng Nabi của Người.

Thời kỳ Madinah (năm 1–11 H), không có năm chính xác — các phép màu liên quan đến loài vật

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.4 s.490; 19. Mektup listesi (183.txt) no.50, 74, 76; 1000 Mucize no.336 (s.312); web: Heysemî, Mecmau'z-zevâid, K. Alâmâti'n-nübüvve, bâbü şehâdeti'd-dabb, no 14086; Beyhakî, Delâilü'n-nübüvve, c.6 s.36-38; Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 19. fasıl; Questions on Islam, "The Miracles Shown on Animals"; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 107-108; ayrıca: İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî, s. 169-171; İbnü'l-Cevzî, el-Vefâ, s. 342-344; Meclisî, Bihâru'l-envâr, c. 17, s. 401, 406-407, 415; Râvendî, el-Harâic, c. 1, s. 38-39; c. 2, s. 504; İbn Şehrâşûb, Menâkıb, c. 1, s. 83-84; İbn Hamza et-Tûsî, es-Sâkıb, s. 73, no. 56/3; WikiShia (Farsça), «Mu'cizât-ı Peygamber» maddesi

---

## 1428. Người cưỡi con ngựa đi chậm của Abu Talhah và nói: “Chúng ta thấy nó như biển…”

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người cưỡi con ngựa đi chậm của Abu Talhah và nói: “Chúng ta thấy nó như biển cả”; từ đó con ngựa không ai vượt được nữa.

Thời kỳ Madinah (năm 1–11 H), không có năm chính xác — các phép màu liên quan đến loài vật

NGUỒN İbn Kesîr s.84; 1000 Mucize no.113 (s.90); web: A'zamî, el-Câmiu'l-Kâmil, Sîre, bâb 583; Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 23. fasıl; Questions on Islam, "The Miracles Shown on Animals"; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 106; ayrıca: İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî, s. 155, 199; İbnü'l-Cevzî, el-Vefâ, s. 305-306; Kütüb-i Sitte: Buharî, Cihad 46, 82; Müslim, Fezail 48, (2307); Ebu Davud, Edeb 87, (4988); Tirmizî, Cihad 14, (1685) [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 5549, c./s. 15/367; no. 5550, c./s. 15/367-368]

---

## 1429. Người dùng roi chạm vào con ngựa gầy của Ju'ayl al-Ashja'i và cầu xin phúc…

Hasan (Tốt) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người dùng roi chạm vào con ngựa gầy của Ju'ayl al-Ashja'i và cầu xin phúc lành; con ngựa vượt lên dẫn đầu, và những con ngựa con của nó mang lại nhiều lợi lộc.

Thời kỳ Madinah (năm 1–11 H), không có năm chính xác — các phép màu liên quan đến loài vật

NGUỒN İbn Kesîr s.84; 19. Mektup listesi (183.txt) no.72; 1000 Mucize no.114 (s.91); web: Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 23. fasıl; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 106; ayrıca: İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî, s. 200; Meclisî, Bihâru'l-envâr, c. 18, s. 12; Râvendî, el-Harâic, c. 1, s. 54; İbn Şehrâşûb, Menâkıb, c. 1, s. 73

---

## 1430. Con lạc đà al-Adba' của Người, sau khi Người qua đời, vì buồn rầu mà bỏ ăn bỏ uống cho đến chết

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Con lạc đà al-Adba' của Người, sau khi Người qua đời, vì buồn rầu mà bỏ ăn bỏ uống cho đến chết.

Sau năm 11 H

NGUỒN 19. Mektup listesi (183.txt) no.161; web: Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 19. fasıl; Questions on Islam, "The Miracles Shown on Animals"

---

## 1431. Khi Người ở cùng một nhóm Muhajirin và Ansar, một con lạc đà đến quỳ lạy Người…

Hasan (Tốt) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Khi Người ở cùng một nhóm Muhajirin và Ansar, một con lạc đà đến quỳ lạy Người; Người từ chối mong muốn quỳ lạy Người của các Sahabah, nói: “Hãy thờ phụng Thượng Đế của các ngươi, hãy tôn trọng anh em mình.”

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN 1000 Mucize no.108 (s.83); web: Heysemî, Mecmau'z-zevâid, K. Alâmâti'n-nübüvve, no 14167; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 96; ayrıca: İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî, s. 144; Meclisî, Bihâru'l-envâr, c. 17, s. 398-399; İbn Hamza et-Tûsî, es-Sâkıb, s. 76, no. 61/8; Kütüb-i Sitte: İbn Mâce 1852 [yalnız "kocaya secde" cümlesi] [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 6566]

---

## 1432. Người cử một người cưới vợ người Ansar và xin giúp tiền cưới đi cùng một toán...

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người cử một người cưới vợ người Ansar và xin giúp tiền cưới đi cùng một toán quân đến Banu Abs; khi người ấy than con vật cưỡi không chịu đi, Người lấy chân đá vào con vật, và nó bắt đầu chạy nhanh.

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN 1000 Mucize no.117 (s.93); web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 97; ayrıca: İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî, s. 200-201; Kütüb-i Sitte: Müslim, Nikâh 74, (1424); Nesâî, Nikah 23 [Canan'da hadisin baş kısmı] [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 5634, c./s. 15/525]

---

## 1433. Người đến chỗ con lạc đà trở nên hung dữ trong một khu vườn và nói: “Hãy lại...”

Hasan (Tốt) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người đến chỗ con lạc đà trở nên hung dữ trong một khu vườn và nói: “Hãy lại đây”, con lạc đà cúi đầu đi đến; Người buộc nó lại và giao cho chủ; trước sự kinh ngạc của Abu Bakr, Người nói: “Không có vật gì không biết ta là Nabi, trừ những kẻ (nổi loạn) trong loài Jinn và loài người.”

Thời điểm không rõ

NGUỒN 1000 Mucize no.333 (s.309); web: Dârimî, Sünen, Mukaddime, no. 18; Heysemî, Mecmau'z-zevâid, K. Alâmâti'n-nübüvve, no 14154; Beyhakî, Delâilü'n-nübüvve, c.6 s.30; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 94-95; ayrıca: İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî, s. 141-142

---

## 1434. Hai con ngựa giống hung dữ mà một người Ansar nhốt trong vườn, khi Người bước...

Hasan (Tốt) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Hai con ngựa giống hung dữ mà một người Ansar nhốt trong vườn, khi Người bước vào vườn, đã quỳ lạy trước mặt Người; Người lấy dây buộc đầu chúng và làm chúng phục tùng chủ.

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN 1000 Mucize no.334 (s.309); web: Heysemî, Mecmau'z-zevâid, K. Alâmâti'n-nübüvve, no 14154-14155; Beyhakî, Delâilü'n-nübüvve, c.6 s.20; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 64; c. 2, s. 97; ayrıca: İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî, s. 142

---

## 1435. Khi Người đang dâng lễ nguyện, Người cho các Sahabah biết con sói đứng phía sau...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Khi Người đang dâng lễ nguyện, Người cho các Sahabah biết con sói đứng phía sau Người đến để báo rằng nó muốn được chia phần thức ăn, nếu không nó sẽ tấn công các đàn gia súc.

Thời điểm không rõ

NGUỒN 1000 Mucize no.335 (s.311); web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 105

## 1436. Con cừu đã được vắt sữa uống biến mất khi họ chuẩn bị lên đường; khi Sa'd báo...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Con cừu đã được vắt sữa uống biến mất khi họ chuẩn bị lên đường; khi Sa'd báo tin, Người nói: “Chủ của nó đã lấy lại nó.”

Trong một chuyến hành quân, thời điểm không rõ

NGUỒN 1000 Mucize no.897 (s.745)

## 1437. Khi nhà của chín bà vợ Người đều không có thức ăn, Người nắm bầu vú một con cừu...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Khi nhà của chín bà vợ Người đều không có thức ăn, Người nắm bầu vú một con cừu không hề có sữa thấy ở một nhà, bầu vú liền đầy sữa; Người vắt và lần lượt gửi đến nhà các bà vợ, rồi cho các Sahabah bên cạnh uống.

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN 1000 Mucize no.898 (s.745); web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 100

## 1438. Người cho al-Harith bin Sawa' một con lạc đà cái và nói: “Allah sẽ làm nó được...”

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người cho al-Harith bin Sawa' một con lạc đà cái và nói: “Allah sẽ làm nó được ban phúc cho ngươi”; các con trai ông nói rằng tất cả đàn lạc đà họ lùa đi đều sinh ra từ con lạc đà ấy.

Thời điểm không rõ

NGUỒN 1000 Mucize no.937 (s.770); web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 98

## 1439. Có lời thuật rằng Salamah bin Amr bin al-Akwa' cũng là người trong câu chuyện...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Có lời thuật rằng Salamah bin Amr bin al-Akwa' cũng là người trong câu chuyện nói chuyện với sói, và đó là nguyên nhân ông theo Islam.

Thời kỳ Madinah (trước năm 6 H)

NGUỒN Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 19. fasıl (hayvanlar)

## 1440. Abu Sufyan bin Harb và Safwan bin Umayyah kinh ngạc khi thấy con sói đuổi con...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Abu Sufyan bin Harb và Safwan bin Umayyah kinh ngạc khi thấy con sói đuổi con linh dương đã quay lại khi con linh dương vào đất thánh; con sói nói: “Điều đáng kinh ngạc hơn thế là Muhammad bin Abdullah ở Madinah kêu gọi các người vào Thiên Đàng, còn các người kêu gọi người ấy vào Lửa”; Abu Sufyan nói: “Thề bởi al-Lat và al-Uzza, nếu ngươi kể chuyện này ở Makkah, ngươi sẽ làm nơi ấy không còn đàn ông.”

Giữa Hijrah và cuộc chinh phục Makkah (năm 1–8 H)

NGUỒN Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 19. fasıl (hayvanlar)

## 1441. Người cùng Abu Bakr, Umar và một người Ansar vào vườn của một người Ansar; đàn...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người cùng Abu Bakr, Umar và một người Ansar vào vườn của một người Ansar; đàn cừu trong vườn quỳ lạy Người; Abu Bakr nói: “Chúng tôi đáng quỳ lạy ngài hơn chúng” (Người không cho phép) (do Anas thuật lại).

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 19. fasıl (hayvanlar)

## 1442. Một con lạc đà cái đã nói chuyện trước mặt Người, làm chứng rằng chủ nó không...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Một con lạc đà cái đã nói chuyện trước mặt Người, làm chứng rằng chủ nó không ăn trộm nó và nó là tài sản của chính người ấy.

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 19. fasıl (hayvanlar)

## 1443. Trong một chuyến đi, khi đứng dậy dâng lễ nguyện, Người nói với con ngựa: “Đừng...”

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Trong một chuyến đi, khi đứng dậy dâng lễ nguyện, Người nói với con ngựa: “Đừng nhúc nhích cho đến khi chúng ta dâng lễ nguyện xong, cầu Allah ban phúc cho ngươi”, rồi đặt nó về phía Qiblah; con ngựa không nhúc nhích bộ phận nào cho đến khi Người dâng lễ nguyện xong.

Thời kỳ Madinah, trong một chuyến hành quân (thời điểm không rõ)

NGUỒN Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 19. fasıl (hayvanlar)

## 1444. Một con lạc đà của Người chạy mất; Người cầu xin; một cơn gió lốc mang con lạc đà trở về với Người

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Một con lạc đà của Người chạy mất; Người cầu xin; một cơn gió lốc mang con lạc đà trở về với Người.

Thời điểm không rõ

NGUỒN Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 22. fasıl (duasının kabulü)

## 1445. Người cưỡi con lừa đi chậm của Sa'd bin Ubadah; khi trả lại, con lừa đã đi nước...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người cưỡi con lừa đi chậm của Sa'd bin Ubadah; khi trả lại, con lừa đã đi nước kiệu êm và nhanh không ai đua kịp.

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 23. fasıl (kerâmât, berekât, dokunduğu şeylerin dönüşmesi)

## 1446. Khi Người đi xa để đi vệ sinh và làm Wudu', vừa mang một chiếc giày da thì một...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Khi Người đi xa để đi vệ sinh và làm Wudu', vừa mang một chiếc giày da thì một con chim xanh quắp lấy chiếc giày kia bay lên rồi thả xuống, một con rắn đen rơi ra từ bên trong; Người nói: “Đây là một ân huệ Allah ban cho ta”, rồi cầu xin Allah che chở khỏi điều xấu của những loài bò sát.

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN Ebû Nuaym el-İsfahânî, Delâilü'n-nübüvve, 13. fasıl (ismet ve korunması), no. 150

## 1447. Theo lời một người thuộc Qays kể, khi Người đến chỗ họ, họ có một con lạc đà...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Theo lời một người thuộc Qays kể, khi Người đến chỗ họ, họ có một con lạc đà cái non khó trị; Người đến vuốt bầu vú nó, con lạc đà trở nên hiền lành cho sữa, và Người vắt sữa uống.

Thời điểm không rõ

NGUỒN Beyhakî, Delâilü'n-nübüvve, c.6 s.29

## 1448. Khi đi dự đám tang của một người Ansar ở Baqi', trên đường Người gặp một con...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Khi đi dự đám tang của một người Ansar ở Baqi', trên đường Người gặp một con sói duỗi hai chân trước; Người nói: “Nó đến để xin được chia phần cho mình, hãy cho nó mỗi đàn một con cừu mỗi năm”; khi họ thấy nhiều quá, Người ra hiệu cho con sói: “Hãy tự chộp lấy mà chạy”, và con sói bỏ đi.

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN Beyhakî, Delâilü'n-nübüvve, c.6 s.40

## 1449. Con lạc đà al-Adba' của Người nói chuyện với Người và kể một sự việc (do Abu...)

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Con lạc đà al-Adba' của Người nói chuyện với Người và kể một sự việc (do Abu Ishaq al-Isfara'ini thuật lại).

Thời điểm không rõ

NGUỒN Questions on Islam, "The Miracles Shown on Animals"

## 1450. Khi trở về từ một chuyến đi, đến vườn của Banu an-Najjar, con lạc đà tấn công...

Hasan (Tốt) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Khi trở về từ một chuyến đi, đến vườn của Banu an-Najjar, con lạc đà tấn công bất cứ ai vào vườn, khi Người gọi, đã cọ môi xuống đất mà đến quỳ trước mặt Người; Người xin dây cương, giao nó cho chủ và nói: “Giữa trời và đất không có ai không biết ta là sứ giả của Allah, trừ những Jinn và người nổi loạn” (do Jabir thuật lại).

Thời kỳ Madinah, trên đường về từ một chuyến hành quân

NGUỒN Heysemî, Mecmau'z-zevâid, K. Alâmâti'n-nübüvve, no 14164 (9/7)

## 1451. Khi Người đang ở masjid, một con lạc đà hoảng sợ đến gục đầu vào lòng Người mà...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Khi Người đang ở masjid, một con lạc đà hoảng sợ đến gục đầu vào lòng Người mà rống lên; Người nói: "Con lạc đà này nói nó thuộc về người kia và chủ nó muốn giết nó (cho cha mình/để đãi tiệc), nó xin giúp đỡ"; chủ nó được gọi đến xác nhận điều đó, và theo lời Người xin, ông bỏ ý định giết con lạc đà.

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 95 (Hayvan türlerindeki mucizeleri: deve kıssası bâbı)

## 1452. Al-Hakam bin al-Harith (trong bản tóm tắt là al-Hakam bin Ayyub) as-Sulami quát...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Al-Hakam bin al-Harith (trong bản tóm tắt là al-Hakam bin Ayyub) as-Sulami quát mắng con lạc đà cái quỳ sụp không chịu đi, và con lạc đà đứng dậy vượt lên dẫn đầu đoàn lữ hành.

Trong một chuyến hành quân, thời điểm không rõ

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 97 (Hayvan türlerindeki mucizeleri: deve kıssası bâbı)

## 1453. Con cừu sắp bị người đồ tể giết đã chạy đến nương náu nơi Người; Người nói với...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Con cừu sắp bị người đồ tể giết đã chạy đến nương náu nơi Người; Người nói với nó: "Hãy kiên nhẫn với mệnh lệnh của Allah", và ra lệnh cho người đồ tể dẫn nó đến cái chết một cách nhẹ nhàng (và con cừu ngoan ngoãn chịu).

Thời điểm không rõ

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 100 (Hayvan türlerindeki mucizeleri)

## 1454. Khi Rafi' bin Umayrah thuộc bộ tộc Tayyi' đang chăn cừu, một con sói nói...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Khi Rafi' bin Umayrah thuộc bộ tộc Tayyi' đang chăn cừu, một con sói nói chuyện, kêu gọi ông đến với vị Nabi; Rafi' kể lại sự việc bằng thơ và theo Islam.

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 103-104 (Hayvan türlerindeki mucizeleri: kurt kıssası)

## 1455. Về con sói chặn đường và đứng lại ở al-Harrah, Người nói: "Đây là Uways; nó xin..."

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Về con sói chặn đường và đứng lại ở al-Harrah, Người nói: "Đây là Uways; nó xin mỗi chủ đàn một con cừu"; khi các Sahabah không chấp nhận, Người ra hiệu, và con sói quay đi.

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 105 (Hayvan türlerindeki mucizeleri: kurt kıssası)

## 1456. Người cầu xin phúc lành hai lần cho một người xin cầu phúc cho con lạc đà mua...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người cầu xin phúc lành hai lần cho một người xin cầu phúc cho con lạc đà mua được, và những con lạc đà ấy chết sau thời gian ngắn; lần thứ ba Người nói: “Lạy Allah, xin cho nó chở được người này”, và con lạc đà ở với ông hai mươi năm; al-Bayhaqi nói: “Cả hai lần đầu lời cầu xin cũng được đáp nhận, phúc lành được để dành cho Đời Sau” (mursal từ Mujahid).

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 293 (duaların kabulündeki mucizeler)

## 1457. Khi Người cùng các Sahabah đi về một hướng, một con lạc đà dùng để kéo nước...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Khi Người cùng các Sahabah đi về một hướng, một con lạc đà dùng để kéo nước (nadih) ngẩng đầu thấy Người liền áp ngực/cổ xuống đất mà quỳ lạy; Người từ chối lời các Sahabah “chúng tôi đáng được quỳ lạy hơn” (do Abu Hurairah thuật lại).

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî (el-Bidâye ve'n-Nihâye'den; thk. es-Seyyid İbrâhîm), tek cilt, s. 143 (Bâbü mâ yeteallaku bi'l-hayevânât min delâili'n-nübüvve)

## 1458. Một con lạc đà mà chủ muốn giết chạy đến nương náu nơi Người; Người quở trách...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Một con lạc đà mà chủ muốn giết chạy đến nương náu nơi Người; Người quở trách chủ nó, mua con lạc đà và thả nó tự do; con lạc đà cầu xin cho Người, và với mỗi lời cầu xin của nó Người đều nói “Amin”.

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî (el-Bidâye ve'n-Nihâye'den; thk. es-Seyyid İbrâhîm), tek cilt, s. 155-156 (Bâbü mâ yeteallaku bi'l-hayevânât min delâili'n-nübüvve)

## 1459. Người cho lấy đôi giày da; sau khi mang một chiếc, một con quạ đến quắp chiếc...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người cho lấy đôi giày da; sau khi mang một chiếc, một con quạ đến quắp chiếc kia mang đi ném xuống, và một con rắn bò ra từ trong đó; Người nói: “Ai tin vào Allah và Ngày Sau thì đừng mang giày da khi chưa giũ chúng” (do Abu Umamah thuật lại).

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN İbnü'l-Cevzî, el-Vefâ bi-ahvâli'l-Mustafâ (thk. Mustafa Abdülkādir Atâ, Beyrut: Dârü'l-Kütübi'l-İlmiyye, 1408/1988; tek cilt), s. 338 (Ebvâbü mu'cizâtih, 24. bâb: haşerat ezasının ondan def edilmesi)

## 1460. Trong một chuyến đi, con lạc đà kiệt sức quỳ sụp, bỏ chủ giữa đường; Người cho...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Trong một chuyến đi, con lạc đà kiệt sức quỳ sụp, bỏ chủ giữa đường; Người cho đổ lên miệng và đầu nó nước Người đã súc miệng và làm Wudu', rồi nói: “Lạy Allah, xin hãy chở Khallad, Amir và các bạn của họ”; con lạc đà chở họ đi trước cả đoàn ngựa.

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN Râvendî, el-Harâic ve'l-cerâih, c. 1, s. 107 (el-Bâbü'l-evvel fî mu'cizâti nebiyyinâ Muhammed)

---

## 1461. Một con lạc đà nằm sụp dưới đất vẫy đuôi và rống với Người; Người nói: “Nó than...”

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Một con lạc đà nằm sụp dưới đất vẫy đuôi và rống với Người; Người nói: “Nó than phiền chủ chăm sóc nó tệ và muốn được lấy khỏi họ”; khi chủ không chịu bán, con lạc đà đứng dậy đi theo Người, và Người nói: “Nó muốn ta nhận lo cho nó”; con lạc đà được bán cho Ali và ở với ông cho đến những ngày Siffin.

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN Râvendî, el-Harâic ve'l-cerâih, c. 1, s. 107-108 (el-Bâbü'l-evvel fî mu'cizâti nebiyyinâ Muhammed)

---

## 1462. Trong một cuộc chinh phạt, con lạc đà của Ammar bin Yasir quỳ sụp giữa đường...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Trong một cuộc chinh phạt, con lạc đà của Ammar bin Yasir quỳ sụp giữa đường khiến ông tụt lại phía sau; Người phun nước trong miệng lên con lạc đà và gọi nó, con lạc đà đứng dậy như con linh dương, và ngay cả con lạc đà al-Adba' của Người cũng không vượt được nó; Người mua nó với giá một trăm dirham, trả tiền ở Madinah rồi tặng lại cho Ammar (Jabir thuật lại từ Ammar).

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN Râvendî, el-Harâic ve'l-cerâih, c. 1, s. 158-159 (el-Bâbü'l-evvel fî mu'cizâti nebiyyinâ Muhammed)

---

## 1463. Người cho các Sahabah biết một con chim mù hót trên cây giữa sa mạc nói: “Lạy...”

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người cho các Sahabah biết một con chim mù hót trên cây giữa sa mạc nói: “Lạy Thượng Đế của tôi, tôi đói và không đủ sức đi tìm thức ăn”; ngay lúc đó một con châu chấu rơi vào mỏ con chim và nó ăn.

Thời điểm không rõ

NGUỒN Râvendî, el-Harâic ve'l-cerâih, c. 3, s. 919 (el-Bâbü's-sâbi' aşer fi'l-muvâzât beyne mu'cizâti nebiyyinâ ve mu'cizâti'l-enbiyâ)

---

## 1464. Người đến khu vườn của một nhóm người than phiền về con lạc đà nổi điên phá...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người đến khu vườn của một nhóm người than phiền về con lạc đà nổi điên phá hoại vườn của họ; khi cửa mở, con lạc đà đang lao tới vừa thấy Người đã gục xuống đất, rên rỉ kêu la; Người nói: “Nó than phiền về các người, nó nói: tôi đã làm việc cho các người bao năm, các người bắt tôi kiệt sức trong công việc; khi tôi già, các người lại muốn giết tôi để đãi một đám cưới”; chủ nó xác nhận và muốn tặng con lạc đà, nhưng Người mua nó và trả tự do; con lạc đà đi lại khắp Madinah, và dân chúng gọi nó là “con vật được Thiên Sứ của Allah trả tự do” mà cho nó ăn.

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN Râvendî, el-Harâic ve'l-cerâih, c. 2, s. 490-491 (14. bâb: fî a'lâmi'n-nebî ve'l-eimme)

## 1465. Khi Người đang ngồi, một con lạc đà đi ngang quỳ sụp trước mặt Người mà rống...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Khi Người đang ngồi, một con lạc đà đi ngang quỳ sụp trước mặt Người mà rống lên; Umar nói: "Con lạc đà này đã quỳ lạy ngài; chúng tôi đáng quỳ lạy hơn", Người nói: "Không, hãy quỳ lạy Allah; nếu ta ra lệnh cho ai quỳ lạy ai, ta đã ra lệnh cho vợ quỳ lạy chồng", rồi cho biết: "Con lạc đà này than phiền về chủ nó: chúng nuôi nó từ nhỏ và bắt nó làm việc, khi nó già, chột một mắt và gầy yếu thì muốn giết nó."

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN Râvendî, el-Harâic ve'l-cerâih, c. 2, s. 495 (14. bâb: fî a'lâmi'n-nebî ve'l-eimme)

## 1466. Theo lời Salman kể, một người du mục nói: "Hỡi Muhammad, hãy cho biết trong..."

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Theo lời Salman kể, một người du mục nói: "Hỡi Muhammad, hãy cho biết trong bụng con lạc đà của tôi có gì để tôi biết điều ngài mang đến là chân lý"; Người quay sang Ali và nói: "Người bạn thân yêu của ta là Ali sẽ chỉ cho ngươi"; Ali nắm dây cương con lạc đà, vuốt cổ nó và cầu xin: "Lạy Allah, nhờ quyền của Muhammad và Ahlul Bayt của người ấy, xin hãy cho con lạc đà này nói"; con lạc đà nói: "Thưa vị chỉ huy của các tín đồ", rồi kể lại việc xấu xa chủ nó đã làm với nó trong một thung lũng; người du mục hỏi: "Ai trong hai người là Nabi?", nghe đáp: "Đây là Nabi, còn đây là anh em và người thừa kế của Người", liền đọc lời chứng nhận đức tin; sau đó nhờ lời cầu xin của Người mà tình trạng trong bụng con lạc đà được giải trừ.

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN Râvendî, el-Harâic ve'l-cerâih, c. 2, s. 497-498 (14. bâb: fî a'lâmi'n-nebî ve'l-eimme)

## 1467. Sự việc Abu Dharr kể với Thiên Sứ của Allah ﷺ khi Người hỏi về đàn cừu của ông...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Sự việc Abu Dharr kể với Thiên Sứ của Allah ﷺ khi Người hỏi về đàn cừu của ông: khi ông đang dâng lễ nguyện, một con sói xông vào đàn cắp một con cừu non; ông không nỡ bỏ dở lễ nguyện, thì một con sư tử xuất hiện giành con cừu non khỏi sói, đưa về đàn và nói: "Hỡi Abu Dharr, hãy tiếp tục lễ nguyện; Allah đã giao ta làm người canh đàn cừu của ngươi"; sau lễ nguyện, con sư tử nói: "Hãy đến với Muhammad và báo cho người ấy rằng Allah đã tôn vinh người bạn của người ấy, người gìn giữ luật đạo của người ấy, và giao một con sư tử canh đàn cừu của ông"; những người xung quanh đều kinh ngạc.

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN Râvendî, el-Harâic ve'l-cerâih, c. 2, s. 503-504 (14. bâb: fî a'lâmi'n-nebî ve'l-eimme)

## 1468. Người ăn chà là tươi bằng tay phải, cầm hạt ở tay trái, rồi ra hiệu cho con cừu...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người ăn chà là tươi bằng tay phải, cầm hạt ở tay trái, rồi ra hiệu cho con cừu đi ngang qua; con cừu đến ăn hạt từ lòng bàn tay trái của Người và ở lại bên Người cho đến khi Người ăn hết chà là.

Thời kỳ Madinah

NGUỒN İbn Şehrâşûb, Menâkıbü Âl-i Ebî Tâlib (Necef 1376/1956 baskısı), c. 1, s. 104 (fasl fî mu'cizât ef'âlihî)

## 1469. Trên một tai (bên mình) của con cá bắt được có dòng chữ “La ilaha illallah”...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Trên một tai (bên mình) của con cá bắt được có dòng chữ “La ilaha illallah”, trên tai kia có dòng chữ “Muhammadun Rasulullah”.

Thời điểm không rõ

NGUỒN İbn Şehrâşûb, Menâkıbü Âl-i Ebî Tâlib (Necef 1376/1956 baskısı), c. 1, s. 117 (fasl fîmâ zahara mine'l-hayevânât ve'l-cemâdât)

## 1470. Nghe Người thèm thịt, một người Ansar giết con dê con duy nhất ('anaq) trong...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Nghe Người thèm thịt, một người Ansar giết con dê con duy nhất ('anaq) trong nhà và nấu; Người nói: “Hãy ăn, nhưng đừng bẻ xương”, và sau khi mọi người ăn xong, người ấy về nhà thấy con dê con đang nô đùa trước cửa (do Misma' bin Abd al-Malik Kirdin thuật lại).

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN es-Sâkıb fi'l-menâkıb (Kum 1412), s. 94-95, hadis no. 84/2 (bâb 1, fasıl 12: ölülerin diriltilmesi)

## 1471. Abul Ash'ath bin Qays al-Khuza'i nói với con sói bốn lần chặn đường ông: “Ta...”

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Abul Ash'ath bin Qays al-Khuza'i nói với con sói bốn lần chặn đường ông: “Ta chưa thấy con sói nào trơ trẽn như ngươi”; con sói nói: “Kẻ trơ trẽn hơn ta là kẻ quay lưng với người tốt nhất trên mặt đất”, báo tin về vị Nabi; người ấy gửi đàn cừu cho sói trông rồi đến theo Islam.

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN İbn Hamza et-Tûsî, es-Sâkıb fi'l-menâkıb (thk. Nebîl Rızâ Ulvân, Kum: Ensâriyân, 2. bs. 1412), s. 72, no. 55/2 (fasl: kelâmü'l-behâim ve't-tıfl)

## 1472. Khi Người cùng các Sahabah đến gần đất của Banu Salim, một con bò chạy đến gọi...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Khi Người cùng các Sahabah đến gần đất của Banu Salim, một con bò chạy đến gọi: “Hỡi Banu Salim, một người đức hạnh cùng một phụ tá trung thành đã đến với các người”, và than rằng nó đã đẻ mười hai lứa, họ vắt cạn sữa nó mà nay lại muốn giết nó; Banu Salim chứng kiến điều này và tin theo (trong lời thuật từ Ja'far as-Sadiq: “Vào thời Người có ba con vật đã nói: lạc đà, sói và bò”, có kể rằng con bò làm chứng cho sứ mạng Nabi của Người và cho việc Ali là người thừa kế).

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN İbn Hamza et-Tûsî, es-Sâkıb fi'l-menâkıb (thk. Nebîl Rızâ Ulvân, Kum: Ensâriyân, 2. bs. 1412), s. 76, no. 60/7 (fasl: kelâmü'l-behâim ve't-tıfl)

## 1473. Khi Người ở một bãi trống tại Madinah, con lạc đà của một người du mục ướt đẫm...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Khi Người ở một bãi trống tại Madinah, con lạc đà của một người du mục ướt đẫm mồ hôi chạy đến quỳ trước mặt Người mà rơi nước mắt, báo rằng chủ nó muốn giết nó; Người kể cho chủ nó những việc con lạc đà đã làm cho họ bao năm (mùa đông làm vật cưỡi đến xứ ấm, mùa hè đến đồng cỏ, làm giống cho đàn) và rằng trong năm hạn hán họ định giết nó, và họ xác nhận; Người mua con lạc đà với giá một trăm dirham và trả tự do cho nó; con lạc đà rống bốn lần, mỗi lần Người đều nói "Amin", và đến lần thứ tư Người khóc, cho biết lời cuối cùng trong bốn lời cầu xin của con lạc đà cho Ummah của Người (rằng Ummah không giết hại lẫn nhau) đã không được đáp nhận.

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN İbn Hamza et-Tûsî, es-Sâkıb fi'l-menâkıb (thk. Nebîl Rızâ Ulvân, Kum: Ensâriyân, 2. bs. 1412), s. 77-79, no. 62/7 (fasl: kelâmü'l-behâim ve't-tıfl)

---

## 1474. Một con linh dương Người gọi đã đến; sau khi cho giết, cho mọi người ăn thịt và...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Một con linh dương Người gọi đã đến; sau khi cho giết, cho mọi người ăn thịt và dặn không được bẻ xương, Người cho đặt xương vào trong da nó rồi ra lệnh, và con linh dương sống lại đi ăn cỏ.

Thời điểm không rõ

NGUỒN Meclisî, Bihâru'l-envâr, c. 18, s. 7 (Bâb 6: duasının kabulü, ölülerin diriltilmesi ve hastaların şifası)

---

## 1475. Trên phần trắng ở tai một con dê con (sakhlah) được mang đến, người ta thấy...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Trên phần trắng ở tai một con dê con (sakhlah) được mang đến, người ta thấy dòng chữ "La ilaha illallah" và "Muhammadun Rasulullah".

Thời điểm không rõ

NGUỒN Meclisî, Bihâru'l-envâr (Müessesetü'l-Vefâ), c. 17, s. 300 (ebvâbü mu'cizâtih, bâb 2: cevâmi'u mu'cizâtihî ve nevâdiruhâ)

---

## 1476. Ka'b bin al-Ashraf nói: "Chừng nào con lừa ta cưỡi chưa tin ngươi thì ta không..."

Bịa đặt (Mawdu') CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Ka'b bin al-Ashraf nói: "Chừng nào con lừa ta cưỡi chưa tin ngươi thì ta không tin"; con lừa hất hắn khỏi lưng bảy tám lần, cất tiếng làm chứng cho tính duy nhất của Allah, cho sứ mạng Nabi và cho quyền lãnh đạo của Ali, nói: "Chỉ tín đồ mới được cưỡi tôi"; Nabi ﷺ nói: "Con lừa của ngươi còn khôn hơn ngươi, hãy bán nó cho một tín đồ", và Thabit bin Qays mua nó với giá một trăm dirham và cưỡi nó thoải mái.

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN Meclisî, Bihâru'l-envâr (Müessesetü'l-Vefâ), c. 17, s. 302-307 (ebvâbü mu'cizâtih, bâb 2: cevâmi'u mu'cizâtihî ve nevâdiruhâ)

---

## 1477. Người cùng những kẻ giả tạo đức tin nghi ngờ lời kể của người chăn cừu đi đến...

Bịa đặt (Mawdu') CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người cùng những kẻ giả tạo đức tin nghi ngờ lời kể của người chăn cừu đi đến chỗ đàn cừu; hai con sói đang vây giữ đàn cừu đến chào Người: "As-salamu 'alayka ya Rasula Rabbil-'alamin", rồi nhìn từng gương mặt mà nhận ra Ali đang lẫn giữa các Sahabah, áp má xuống đất trước mặt ông mà chào: "Hỡi người thừa kế của al-Mustafa."

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN Meclisî, Bihâru'l-envâr (Müessesetü'l-Vefâ), c. 17, s. 324-326 (ebvâbü mu'cizâtih, bâb 2: cevâmi'u mu'cizâtihî ve nevâdiruhâ)

---

## 1478. Một người than về con rắn lớn (gầm như lạc đà, rống như bò) quấy phá thung lũng...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Một người than về con rắn lớn (gầm như lạc đà, rống như bò) quấy phá thung lũng của mình và về cây chà là đã khô của ông; Người đến đó; con rắn thấy Người liền dừng lại chào; Người đặt tay lên cây chà là và cầu xin: "Bismillahilladhi qaddara fa-hada", cái cây vươn cao ra trái và nước phun lên từ gốc nó (do Amr bin Muntashir thuật lại).

Thời điểm không rõ

NGUỒN Meclisî, Bihâru'l-envâr (Müessesetü'l-Vefâ), c. 17, s. 391 (ebvâbü mu'cizâtih, bâb 5: hayvanların itaati ve konuşması)

---

## 1479. Con lạc đà sắp bị giết để làm tiệc cưới đến khóc với Người; Người nói: "Nó nói..."

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Con lạc đà sắp bị giết để làm tiệc cưới đến khóc với Người; Người nói: "Nó nói: các người nuôi nó từ nhỏ, khi lớn thì bắt làm việc, giờ lại muốn giết nó", và Người lấy con lạc đà khỏi chủ nó (mua rồi trả tự do); về sau con lạc đà đi khắp các nhà người Ansar như người ăn xin, tựa đầu vào tường, các cô gái trẻ để dành thức ăn cho nó và nói: "Đây là con vật được Thiên Sứ của Allah trả tự do", và con lạc đà béo lên.

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN Meclisî, Bihâru'l-envâr (Müessesetü'l-Vefâ), c. 17, s. 401, 412 (ebvâbü mu'cizâtih, bâb 5: hayvanların itaati ve konuşması)

---

## 1480. Một người du mục đi đường chặn trước mười người Do Thái đến hỏi vặn để chống...

Bịa đặt (Mawdu') CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Một người du mục đi đường chặn trước mười người Do Thái đến hỏi vặn để chống đối, rồi đòi người làm chứng; Người gọi Ali đến và ca ngợi ông (sự uy nghi của Adam, sự khôn ngoan của Shith, trí tuệ của Idris, lòng biết ơn của Nuh, sự trung tín của Ibrahim, lòng căm ghét kẻ thù của Musa, tình yêu với tín đồ của Isa), rồi xin con thằn lằn trong túi của người du mục làm chứng; con thằn lằn mà Người nói "Nó sẽ không chạy" được đặt xuống đất liền quay về phía Người, áp mặt xuống đất và làm chứng cho lời tuyên xưng tính duy nhất, rằng Người là bậc thầy và là vị cuối cùng của các vị Nabi, và cho phẩm giá của Ali; người du mục và mười người Do Thái đều tin theo, và Người cho thả con thằn lằn, nói: "Con vật có đức tin không bị bắt làm tù."

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN Meclisî, Bihâru'l-envâr (Müessesetü'l-Vefâ), c. 17, s. 418-421 (ebvâbü mu'cizâtih, bâb 5: hayvanların itaati ve konuşması)

---

## 1481. Con thằn lằn được thả báo cho người du mục nghèo hãy đến cái hang nơi nó bị bắt...

Bịa đặt (Mawdu') CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Con thằn lằn được thả báo cho người du mục nghèo hãy đến cái hang nơi nó bị bắt và ông sẽ tìm thấy ở đó mười nghìn dinar (và ba trăm nghìn dirham); những kẻ giả tạo đức tin nghe vậy chạy đến lấy kho báu thì bị một con rắn lớn bò ra từ hang cắn chết, còn chính con rắn ấy giúp người du mục khuân kho báu và canh giữ ông cho đến khi về đến nhà.

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN Meclisî, Bihâru'l-envâr (Müessesetü'l-Vefâ), c. 17, s. 420-421 (ebvâbü mu'cizâtih, bâb 5: hayvanların itaati ve konuşması)

## 1482. Trong chuyến đi do Ya'la bin Murrah kể lại, một người phụ nữ mang đến đứa con...

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Trong chuyến đi do Ya'la bin Murrah kể lại, một người phụ nữ mang đến đứa con lên cơn điên; Người thổi vào miệng cậu bé và nói: “Hãy ra đi, hỡi kẻ thù của Allah, ta là Thiên Sứ của Allah”, và cậu bé khỏi bệnh.

Thời kỳ Madinah (năm 1–11 H), không có năm chính xác – các phép màu chữa bệnh

NGUỒN İbn Kesîr s.76; 1000 Mucize no.36 (s.48); web: Heysemî, Mecmau'z-zevâid, K. Alâmâti'n-nübüvve, no 14156-14162, 14168-14169; Beyhakî, Delâilü'n-nübüvve, c.6 s.22-24; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 62; ayrıca: Tabersî, el-İhticâc, c. 1, s. 332; İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî, s. 146-148, 459; İbnü'l-Cevzî, el-Vefâ, s. 351; IslamHouse, The Miracles of Muhammad

## 1483. Người xoa ngực đứa con bị điên mà một người phụ nữ mang đến và cầu xin; đứa trẻ...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người xoa ngực đứa con bị điên mà một người phụ nữ mang đến và cầu xin; đứa trẻ nôn ra, một thứ màu đen ra khỏi người, và cậu khỏi bệnh (do Ibn Abbas thuật lại).

Thời kỳ Madinah (năm 1–11 H), không có năm chính xác – các phép màu chữa bệnh

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.4 s.651; 19. Mektup listesi (183.txt) no.178; 1000 Mucize no.120 (s.97); web: Dârimî, Sünen, Mukaddime, no. 19; Heysemî, Mecmau'z-zevâid, K. Alâmâti'n-nübüvve, bâb minhu fî tâatihim, no 14146-14147; Said Nursî, Mektubat, 19. Mektup, 13. İşaret, 8. misal; Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 21. fasıl; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 116-117; ayrıca: İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî, s. 193, 459; İbnü'l-Cevzî, el-Vefâ, s. 351; Meclisî, Bihâru'l-envâr, c. 18, s. 10; Râvendî, el-Harâic, c. 1, s. 49

## 1484. Người báo tin mừng Thiên Đàng cho người phụ nữ da đen (Umm Zufar), người chọn...

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người báo tin mừng Thiên Đàng cho người phụ nữ da đen (Umm Zufar), người chọn kiên nhẫn chịu những cơn động kinh, và cầu xin cho bà không bị lộ thân thể.

Thời kỳ Madinah (năm 1–11 H), không có năm chính xác – các phép màu chữa bệnh

NGUỒN İbn Kesîr s.77; 1000 Mucize no.317 (s.295); web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 293; ayrıca: İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî, s. 193-194, 460; Kütüb-i Sitte: Buhârî ve Müslim [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 3237]

## 1485. Một người mù được Người dạy một lời cầu xin, và mắt ông sáng ra (do Uthman bin Hunayf thuật lại)

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Một người mù được Người dạy một lời cầu xin, và mắt ông sáng ra (do Uthman bin Hunayf thuật lại).

Thời kỳ Madinah (năm 1–11 H), không có năm chính xác – các phép màu chữa bệnh

NGUỒN İbn Kesîr s.78; 19. Mektup listesi (183.txt) no.176; web: Said Nursî, Mektubat, 19. Mektup, 13. İşaret, 3. misal; Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 21. fasıl; Questions on Islam, "The Miracles concerning the sick and the wounded being healed"; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 347 bâbı); ayrıca: İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî, s. 195-196, 463; Meclisî, Bihâru'l-envâr, c. 18, s. 13; Râvendî, el-Harâic, c. 1, s. 55; İbn Hamza et-Tûsî, es-Sâkıb, s. 65, no. 44/11; Kütüb-i Sitte: Tirmizî, Daavât 119 (3578); İbn Mâce, İkāme 189 (1385)

## 1486. Fudayk, người bị mắt trắng đục không thấy gì, được Người thổi vào mắt và bắt...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Fudayk, người bị mắt trắng đục không thấy gì, được Người thổi vào mắt và bắt đầu nhìn thấy; năm 80 tuổi ông vẫn xâu được kim.

Thời kỳ Madinah (năm 1–11 H), không có năm chính xác – các phép màu chữa bệnh

NGUỒN 19. Mektup listesi (183.txt) no.52; 1000 Mucize no.236 (s.208), no.315 (s.293), no.944 (s.773); web: Heysemî, Mecmau'z-zevâid, K. Alâmâti'n-nübüvve, no 14100; Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 21. fasıl; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 115; ayrıca: İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî, s. 197, 465

## 1487. Muhammad bin Hatib, khi còn nhỏ bị nồi nước sôi làm bỏng tay, được Người thổi...

Hasan (Tốt) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Muhammad bin Hatib, khi còn nhỏ bị nồi nước sôi làm bỏng tay, được Người thổi vào tay và cầu xin, và cậu khỏi.

Khoảng năm 7 H

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.4 s.640; 19. Mektup listesi (183.txt) no.179; 1000 Mucize no.288 (s.267); web: Said Nursî, Mektubat, 19. Mektup, 13. İşaret, 8. misal; Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 21. fasıl; Questions on Islam, "The Miracles concerning the sick and the wounded being healed"; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 115; ayrıca: İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî, s. 197, 465; Meclisî, Bihâru'l-envâr, c. 18, s. 39; İbn Şehrâşûb, Menâkıb, c. 1, s. 101; Kütüb-i Sitte: Nesâî, es-Sünenü'l-kübrâ (satırdaki atıf)

## 1488. Jabir bị ngất, Người rảy nước Wudu' của mình lên ông, và ông tỉnh lại

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Jabir bị ngất, Người rảy nước Wudu' của mình lên ông, và ông tỉnh lại.

Thời kỳ Madinah (năm 1–11 H), không có năm chính xác – các phép màu chữa bệnh

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.4 s.628; 1000 Mucize no.101 (s.77), no.290 (s.268); web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 118; ayrıca: Meclisî, Bihâru'l-envâr, c. 18, s. 39; İbn Şehrâşûb, Menâkıb, c. 1, s. 101; Kütüb-i Sitte: Buhârî, Müslim (Câbir) — satırdaki atıf

## 1489. Đứa con không biết nói / bị tật của một người phụ nữ thuộc Khath'am, uống nước...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Đứa con không biết nói / bị tật của một người phụ nữ thuộc Khath'am, uống nước Người đã rửa tay và miệng, đã khỏi bệnh và trở nên sáng trí.

Năm 10 H (Hajj Từ Biệt)

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.4 s.518; 19. Mektup listesi (183.txt) no.54, 57, 177; 1000 Mucize no.161 (s.139), no.354 (s.344); web: Heysemî, Mecmau'z-zevâid, K. Alâmâti'n-nübüvve, no 14151; Said Nursî, Mektubat, 19. Mektup, 13. İşaret, 8. misal; Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 21. fasıl; Questions on Islam, "The Miracles concerning the sick and the wounded being healed"; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 64; Kütüb-i Sitte: İbn Mâce, Tıb 40 (3532) — satırdaki atıf

## 1490. Một em bé mới sinh ở Yamamah đã nói: “Ngài là Thiên Sứ của Allah” (Mubarak...)

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Một em bé mới sinh ở Yamamah đã nói: “Ngài là Thiên Sứ của Allah” (Mubarak al-Yamamah).

Năm 10 H (Hajj Từ Biệt)

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.4 s.518; 19. Mektup listesi (183.txt) no.53; 1000 Mucize no.314 (s.292); web: Beyhakî, Delâilü'n-nübüvve, c.6 s.59-60; Said Nursî, Mektubat, 19. Mektup, 13. İşaret, 8. misal; Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 20. fasıl; Questions on Islam, "The Miracles concerning the sick and the wounded being healed"; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 64; ayrıca: İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî, s. 190-191; Meclisî, Bihâru'l-envâr, c. 17, s. 391; İbn Şehrâşûb, Menâkıb, c. 1, s. 118; İbn Hamza et-Tûsî, es-Sâkıb, s. 74, no. 57/4

---

## 1491. Cái bướu trong lòng bàn tay Shurahbil al-Ju'fi đã biến mất khi Người thổi và xoa lên

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Cái bướu trong lòng bàn tay Shurahbil al-Ju'fi đã biến mất khi Người thổi và xoa lên.

Thời kỳ Madinah (năm 1–11 H), không có năm chính xác — các phép màu chữa bệnh

NGUỒN 1000 Mucize no.277 (s.255), no.941 (s.772); web: Heysemî, Mecmau'z-zevâid, K. Alâmâti'n-nübüvve, bâbü'ş-şifâ mine's-sil'a, no 14101; Said Nursî, Mektubat, 19. Mektup, 13. İşaret, 7. misal; Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 21. fasıl; Questions on Islam, "The Miracles concerning the sick and the wounded being healed"; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 116; ayrıca: İbn Hamza et-Tûsî, es-Sâkıb, s. 63-64, hadis no. 38/5; İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî, s. 197

---

## 1492. Gương mặt của vị Sahabah (Qatadah bin Milhan) được Người xoa đã sáng bóng như gương

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Gương mặt của vị Sahabah (Qatadah bin Milhan) được Người xoa đã sáng bóng như gương.

Thời kỳ Madinah (năm 1–11 H), không có năm chính xác — các phép màu chữa bệnh

NGUỒN 19. Mektup listesi (183.txt) no.181; 1000 Mucize no.242 (s.212); web: A'zamî, el-Câmiu'l-Kâmil, Sîre, bâb 592; Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 23. fasıl; Questions on Islam, "The miracles occurring upon the prayer of the prophet Muhammad"; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 140 bâbı); ayrıca: İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî, s. 205; İbn Hamza et-Tûsî, es-Sâkıb, s. 97, hadis no. 86/1

---

## 1493. Bệnh sốt đến trước mặt Người xin phép; Người gửi nó đến cư dân Quba

Hasan (Tốt) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Bệnh sốt đến trước mặt Người xin phép; Người gửi nó đến cư dân Quba.

Thời kỳ Madinah (năm 1–11 H), không có năm chính xác — các phép màu chữa bệnh

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.4 s.624; web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 145-146; ayrıca: İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî, s. 194-195

---

## 1494. Những lời cầu xin Người đọc để chữa bệnh và việc người bệnh được khỏi (phần chung trong al-Bayhaqi)

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Những lời cầu xin Người đọc để chữa bệnh và việc người bệnh được khỏi (phần chung trong al-Bayhaqi).

Thời kỳ Madinah (năm 1–11 H), không có năm chính xác — các phép màu chữa bệnh

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.4 s.631; 19. Mektup listesi (183.txt) no.145

---

## 1495. Đứa con trai đã chết của một bà già mù người Ansar sống lại nhờ lời cầu xin của bà (do Anas thuật lại)

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Đứa con trai đã chết của một bà già mù người Ansar sống lại nhờ lời cầu xin của bà (do Anas thuật lại).

Thời kỳ Madinah (năm 1–11 H), không có năm chính xác – các phép màu chữa bệnh

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.4 s.506; İbn Kesîr s.75; web: Beyhakî, Delâilü'n-nübüvve, c.6 s.50-52; Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 20. fasıl; Questions on Islam, "The Miracles concerning Resurrected Corpses"; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 111; ayrıca: İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî, s. 182-183, 386-387, 456-457; Meclisî, Bihâru'l-envâr, c. 18, s. 9; Râvendî, el-Harâic, c. 1, s. 45

---

## 1496. Vị thủ lĩnh bộ tộc được chữa bằng ruqyah với chương al-Fatihah đã khỏi bệnh, và Người chấp thuận việc ấy

**Sahih (Xác thực)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Vị thủ lĩnh bộ tộc được chữa bằng ruqyah với chương al-Fatihah đã khỏi bệnh, và Người chấp thuận việc ấy.

Thời kỳ Madinah (năm 1–11 H), không có năm chính xác – các phép màu chữa bệnh

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.5 s.408; web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 299; Kütüb-i Sitte: Buhârî, Tıbb 39, 33, İcâre 16, Fedâilu'l-Kur'an 9; Müslim, Selam 66, (2201); Ebu Dâvud, Tıbb 19, (3900); Tirmizî, Tıbb 20, (2064, 2065) [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 4033, c./s. 11/346]

---

## 1497. Umm Ayman ban đêm khát nước, vô tình uống nước tiểu của Người trong cái bình ở...

**Sahih (Xác thực)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Umm Ayman ban đêm khát nước, vô tình uống nước tiểu của Người trong cái bình ở góc nhà; Người nói với bà: “Từ nay bụng bà sẽ không bao giờ đau nữa”, và Umm Ayman không còn bị đau bụng.

Thời điểm không rõ

NGUỒN 1000 Mucize no.106 (s.82); web: Heysemî, Mecmau'z-zevâid, K. Alâmâti'n-nübüvve, no 14014-14015; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 122; c. 2, s. 441 kısmı); ayrıca: İbn Şehrâşûb, Menâkıb, c. 1, s. 109

---

## 1498. Sahl bin Hunayf đang tắm thì bị con mắt độc của Amir bin Rabi'ah làm ngã quỵ...

**Sahih (Xác thực)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Sahl bin Hunayf đang tắm thì bị con mắt độc của Amir bin Rabi'ah làm ngã quỵ; Người quở trách Amir và bảo ông rửa mình; khi nước Amir rửa mặt, tay, khuỷu tay, đầu gối và đầu ngón chân được đổ lên Sahl, Sahl đứng dậy hoàn toàn khỏe mạnh.

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN 1000 Mucize no.216 (s.196)

---

## 1499. Ali than đau mắt và cầu xin; Người lấy chân chạm vào ông và nói: “Lạy Allah...”

**Sahih (Xác thực)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Ali than đau mắt và cầu xin; Người lấy chân chạm vào ông và nói: “Lạy Allah, xin chữa lành cho cậu ấy”; từ đó Ali không bao giờ đau mắt nữa.

Thời điểm không rõ

NGUỒN 1000 Mucize no.357 (s.346); web: Said Nursî, Mektubat, 19. Mektup, 13. İşaret, 6. misal; Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 21. fasıl; Questions on Islam, "The Miracles concerning the sick and the wounded being healed"; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 279; ayrıca: Meclisî, Bihâru'l-envâr, c. 18, s. 10; Râvendî, el-Harâic, c. 1, s. 49; Kütüb-i Sitte: Tirmizî, Daavât 112 (3564) — satırdaki atıf

## 1500. Người làm ruqyah cho người anh mất trí do một người du mục mang đến bằng các...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người làm ruqyah cho người anh mất trí do một người du mục mang đến bằng các câu và chương như al-Fatihah, phần đầu và phần cuối chương al-Baqarah, Ayat al-Kursi, al-Ikhlas và hai chương Mu'awwidhatayn, và người ấy đứng dậy như chưa từng có bệnh gì.

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN 1000 Mucize no.921 (s.758); web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 123-124); Kütüb-i Sitte: İbn Mâce 3549 [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 7056]

## 1501. Asma' bint Abi Bakr bị nổi ban (mụn) trên đầu và mặt; Người đặt tay qua tấm vải...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Asma' bint Abi Bakr bị nổi ban (mụn) trên đầu và mặt; Người đặt tay qua tấm vải lên chỗ đau và cầu xin ba lần: "Bismillah, nhờ lời cầu xin của Nabi, xin hãy lấy đi bệnh của bà ấy", và bệnh khỏi.

Thời điểm không rõ

NGUỒN 1000 Mucize no.940 (s.771); web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 116

## 1502. Người cầu xin cho Thabit bin Yazid, người nói một chân mình bị khập khiễng, và...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người cầu xin cho Thabit bin Yazid, người nói một chân mình bị khập khiễng, và chân ông lành lại bình thường.

Thời điểm không rõ

NGUỒN 1000 Mucize no.954 (s.777); web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 283

## 1503. Người hỏi một đứa trẻ câm đã lớn mà chưa từng nói: "Ta là ai?"; đứa trẻ nói...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người hỏi một đứa trẻ câm đã lớn mà chưa từng nói: "Ta là ai?"; đứa trẻ nói: "Ngài là Thiên Sứ của Allah", và bắt đầu biết nói.

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN Said Nursî, Mektubat, 19. Mektup, 13. İşaret, 8. misal (4. çocuk) (s. 207)

## 1504. Người xoa đầu một đứa trẻ bị hói (bệnh trên đầu); đứa trẻ khỏi bệnh và tóc mọc...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người xoa đầu một đứa trẻ bị hói (bệnh trên đầu); đứa trẻ khỏi bệnh và tóc mọc lại bình thường.

Thời điểm không rõ

NGUỒN Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 23. fasıl (kerâmât, berekât, dokunduğu şeylerin dönüşmesi)

## 1505. Điều tương tự được thuật lại về al-Muhallab bin Qabalah và rất nhiều trẻ em...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Điều tương tự được thuật lại về al-Muhallab bin Qabalah và rất nhiều trẻ em, người bệnh và người điên: họ khỏi bệnh nhờ Người chạm vào.

Thời điểm không rõ

NGUỒN Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 23. fasıl (kerâmât, berekât, dokunduğu şeylerin dönüşmesi)

---

## 1506. Một người bị thoát vị (udrah) ở háng đến; Người bảo ông lấy nước từ một con...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Một người bị thoát vị (udrah) ở háng đến; Người bảo ông lấy nước từ một con suối mà Người đã nhổ nước bọt vào rồi rảy lên mình; người ấy làm theo và khỏi bệnh.

Thời điểm không rõ

NGUỒN Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 23. fasıl (kerâmât, berekât, dokunduğu şeylerin dönüşmesi)

---

## 1507. Trong cùng chuyến đi do Jabir kể, ở một ngôi làng người ta mang đến một cô gái...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Trong cùng chuyến đi do Jabir kể, ở một ngôi làng người ta mang đến một cô gái xinh đẹp bị Jinn nhập; Người nói: “Ta là Muhammad, Thiên Sứ của Allah, hãy buông cô ấy ra”, Jinn ra khỏi và cô gái khỏi bệnh.

Thời kỳ Madinah, chuyến hành quân, thời điểm không rõ

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 51, Cin heyetleri bâbı

---

## 1508. Amr bin Mu'adh bị thương (đứt) ở chân; Người nhổ nước bọt vào chân ông và ông...

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Amr bin Mu'adh bị thương (đứt) ở chân; Người nhổ nước bọt vào chân ông và ông khỏi (do Buraydah bin al-Husayb thuật lại).

Thời điểm không rõ (thời kỳ Madinah)

NGUỒN A'zamî, el-Câmiu'l-Kâmil, Sîre, bâb 594

---

## 1509. Trong chuyến đi do Ghaylan bin Salamah kể, một người phụ nữ mang đến đứa con...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Trong chuyến đi do Ghaylan bin Salamah kể, một người phụ nữ mang đến đứa con trai bà rất thương bị điên nặng; Người nói ba lần: “Bismillah, ta là Thiên Sứ của Allah; hãy ra đi, hỡi kẻ thù của Allah”, rồi nói: “Hãy đưa con bà về, nhờ phép của Allah, nó không còn bệnh gì nữa.”

Trong một chuyến hành quân, thời điểm không rõ

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 63 (Veda Haccı'nda vuku bulan mucizeler)

---

## 1510. Cho một người có vết thương ở chân mà các thầy thuốc bó tay, Người lấy nước bọt...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Cho một người có vết thương ở chân mà các thầy thuốc bó tay, Người lấy nước bọt trên ngón tay chấm xuống đất rồi đặt lên vết thương và cầu xin: “Bismillah; đất của xứ chúng ta, với nước bọt của một người trong chúng ta, nhờ

phép của Thượng Đế chúng ta, sẽ chữa lành người bệnh của chúng ta"; vết thương lành lại.

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 115 (Hayvan türlerindeki mucizeleri ana başlığı altında: hastaları ve sakatları iyileştirmesine dair rivayetler)

---

## 1511. Người xoa mặt Abyad bin Hammal, người bị bệnh chàm/hắc lào (quba) lan khắp mũi...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người xoa mặt Abyad bin Hammal, người bị bệnh chàm/hắc lào (quba) lan khắp mũi, và từ hôm ấy không còn dấu vết bệnh nữa.

Thời kỳ Madinah (khoảng năm 10 H, phái đoàn Ma'rib), thời điểm không rõ

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 116 (Hayvan türlerindeki mucizeleri ana başlığı altında: hastaları ve sakatları iyileştirmesine dair rivayetler)

---

## 1512. Người xoa cổ Asma' bint Abi Bakr bị nổi một khối sưng (bướu) ở cổ và cầu xin...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người xoa cổ Asma' bint Abi Bakr bị nổi một khối sưng (bướu) ở cổ và cầu xin: "Lạy Allah, xin cho bà được bình an khỏi điều xấu và sự đau đớn của nó."

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 116 (Hayvan türlerindeki mucizeleri ana başlığı altında: hastaları ve sakatları iyileştirmesine dair rivayetler)

---

## 1513. Một người phụ nữ mang đến đứa con kiệt sức vì bệnh đến mức (vì đau đớn) bà mong...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Một người phụ nữ mang đến đứa con kiệt sức vì bệnh đến mức (vì đau đớn) bà mong nó chết; nhờ Người cầu xin, đứa trẻ khỏi bệnh, lớn lên và hy sinh trên con đường của Allah.

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 117 (Hayvan türlerindeki mucizeleri ana başlığı altında: hastaları ve sakatları iyileştirmesine dair rivayetler)

---

## 1514. Người xoa tay lên bụng Rifa'ah bin Rafi', người bị đau bụng suốt một năm, và...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người xoa tay lên bụng Rifa'ah bin Rafi', người bị đau bụng suốt một năm, và cơn đau biến mất.

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 117 (Hayvan türlerindeki mucizeleri ana başlığı altında: hastaları ve sakatları iyileştirmesine dair rivayetler)

## 1515. Người thổi vào bàn tay của Jarhad, người ăn bằng tay trái vì tay phải bị đau...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người thổi vào bàn tay của Jarhad, người ăn bằng tay trái vì tay phải bị đau, và cho đến khi chết Jarhad không còn than phiền về bàn tay ấy nữa.

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 117 (Hayvan türlerindeki mucizeleri ana başlığı altında: hastaları ve sakatları iyileştirmesine dair rivayetler)

## 1516. Người xoa mặt một người điên được mang đến và cầu xin, và trí óc người ấy trở...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người xoa mặt một người điên được mang đến và cầu xin, và trí óc người ấy trở lại bình thường.

Thời điểm không rõ

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 117 (Hayvan türlerindeki mucizeleri ana başlığı altında: hastaları ve sakatları iyileştirmesine dair rivayetler)

## 1517. Al-Harith (trong bản tóm tắt là Harithah bin Abi Harithah), người có con gái...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Al-Harith (trong bản tóm tắt là Harithah bin Abi Harithah), người có con gái được Người hỏi cưới, để không gả con đã nói dối: “Nó có bệnh (bạch biến)”; khi về nhà, ông thấy con gái mình thật sự mắc bệnh bạch biến (baras).

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 133 (Türlerine göre mucizeler bölümü (alt bâb başlığı özetten alınamadı))

## 1518. Người chú của Kharijah bin as-Salt ba ngày sáng chiều đọc al-Fatihah và thổi...

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người chú của Kharijah bin as-Salt ba ngày sáng chiều đọc al-Fatihah và thổi vào một người điên bị xiềng xích, và người ấy khỏi bệnh như được cởi trói; Người cho phép ông nhận một trăm con cừu được tặng.

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 299 (humma rukyesi, borç duası, cin rukyesi ve diğer öğrettiği dualar)

## 1519. Người trao cho một người thuộc Juhaynah, thân thể bị bệnh hủi làm rã ra, một...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người trao cho một người thuộc Juhaynah, thân thể bị bệnh hủi làm rã ra, một cốc nước Người đã nhổ vào và nói: “Hãy xoa nó lên mình”; người ấy khỏi bệnh không còn chút dấu vết nào.

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN Râvendî, el-Harâic ve'l-cerâih, c. 1, s. 36 (el-Bâbü'l-evvel fî mu'cizâti nebiyyinâ Muhammed)

## 1520. Qays al-Lakhmi đến với bệnh bạch biến

## (baras); Người nhổ nước bọt lên ông và ông khỏi

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Qays al-Lakhmi đến với bệnh bạch biến (baras); Người nhổ nước bọt lên ông và ông khỏi.

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN İbn Şehrâşûb, Menâkıbü Âl-i Ebî Tâlib (Necef 1376/1956 baskısı), c. 1, s. 101 (fasl fî mu'cizât ef'âlihî)

---

## 1521. Ba người nói: "Ibrahim là bạn thân của Allah, Musa được nói chuyện với Allah..."

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Ba người nói: "Ibrahim là bạn thân của Allah, Musa được nói chuyện với Allah, Isa làm người chết sống lại; còn ngài, bao giờ ngài làm người chết sống lại?"; Người nói với Ali: "Hãy đứng dậy, mặc áo của ta, đưa họ đến mộ của Yusuf bin Ka'b và nhờ phép của Allah hãy làm ông ta sống lại"; Ali lấy chân gõ vào một ngôi mộ đổ nát ở Baqi' và nói: "Hãy đứng dậy, nhờ phép của Allah, Đấng làm người chết sống lại", một ông già rũ đất trên đầu và râu bước ra nói: "Vô đức tin sau đức tin sao? Tôi là Yusuf bin Ka'b, Allah đã cho tôi chết ba trăm năm trước" (do Umm Salamah thuật lại; tác giả cho biết đã rút gọn hadith).

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN es-Sâkıb fi'l-menâkıb (Kum 1412), s. 95, hadis no. 85/3 (bâb 1, fasıl 12: ölülerin diriltilmesi)

---

## 1522. Người nhổ nước bọt lên một người du mục mắc bệnh bạch biến (baras), và người ấy...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người nhổ nước bọt lên một người du mục mắc bệnh bạch biến (baras), và người ấy đứng dậy hoàn toàn khỏe mạnh.

Thời điểm không rõ

NGUỒN Tabersî, el-İhticâc (thk. M. Bâkır el-Hursân, Necef: Matbaatü'n-Nu'mân 1386/1966), c. 1, s. 332 (İhticâcü Emîri'l-mü'minîn ale'l-Yehûd min ahbârihim... fî mu'cizâti'n-Nebî)

---

## 1523. Một người mù xin Người cầu xin cho mắt mình sáng lại; nhờ Người cầu xin, mắt...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Một người mù xin Người cầu xin cho mắt mình sáng lại; nhờ Người cầu xin, mắt ông sáng ra; người mù thứ hai đến với cùng lời xin, Người cho ông chọn: "Thiên Đàng hay mắt sáng lại?", và ông chọn Thiên Đàng.

Thời điểm không rõ

NGUỒN İbn Hamza et-Tûsî, es-Sâkıb fi'l-menâkıb (thk. Nebîl Rızâ Ulvân, Kum: Ensâriyân, 2. bs. 1412), s. 63, no. 37/4 (fasl: ibrâü'l-merdâ ve'l-a'zâ)

---

## 1524. Khi đến thăm một Sahabah bị bệnh trơ trụi như chim non rụng lông, Người hỏi lúc...

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Khi đến thăm một Sahabah bị bệnh trơ trụi như chim non rụng lông, Người hỏi lúc khỏe ông đã cầu xin thế nào; biết ông đã nói: "Xin hãy giáng ở thế gian hình phạt Ngài sẽ giáng ở Đời Sau", Người dạy ông lời cầu xin "Rabbana atina fid-dunya hasanatan...", và người ấy đứng dậy hoàn toàn khỏe mạnh như được cởi trói.

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN İbn Hamza et-Tûsî, es-Sâkıb fi'l-menâkıb (thk. Nebîl Rızâ Ulvân, Kum: Ensâriyân, 2. bs. 1412), s. 64, no. 39/6 (fasl: ibrâü'l-merdâ ve'l-a'zâ)

---

## 1525. Người trao cho at-Tufayl al-Amiri, người than bệnh hủi, nước Người đã nhổ vào...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người trao cho at-Tufayl al-Amiri, người than bệnh hủi, nước Người đã nhổ vào và bảo ông tắm, và ông khỏi hẳn.

Thời điểm không rõ

NGUỒN Meclisî, Bihâru'l-envâr, c. 18, s. 39 (Bâb 7: mübarek uzuvlarının bereketi, yiyecek ve içeceğin çoğalması)

---

## 1526. Cho Hassan bin Amr al-Khuza'i đến trong tình trạng mắc bệnh hủi, Người xin...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Cho Hassan bin Amr al-Khuza'i đến trong tình trạng mắc bệnh hủi, Người xin nước, nhổ vào và bảo đổ lên mình; ông khỏi bệnh và toàn thể bộ tộc ông theo Islam.

Thời điểm không rõ

NGUỒN Meclisî, Bihâru'l-envâr, c. 18, s. 39 (Bâb 7: mübarek uzuvlarının bereketi, yiyecek ve içeceğin çoğalması)

---

## 1527. Người nói với đứa trẻ bị Jinn nhập, mỗi lần muốn ăn uống lại lên cơn đến mức...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người nói với đứa trẻ bị Jinn nhập, mỗi lần muốn ăn uống lại lên cơn đến mức gần chết: “Hãy tránh xa, hỡi kẻ thù của Allah, ta là Thiên Sứ của Allah”; Shaytan rút đi và đứa trẻ đứng dậy khỏe mạnh.

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN Meclisî, Bihâru'l-envâr (Müessesetü'l-Vefâ), c. 17, s. 294 (ebvâbü mu'cizâtih, bâb 2: cevâmi'u mu'cizâtihî ve nevâdiruhâ)

---

## 1528. Người xoa con mắt bị thương của Abdullah bin Unays, và nó trở nên không phân...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người xoa con mắt bị thương của Abdullah bin Unays, và nó trở nên không phân biệt được với con mắt kia.

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN Meclisî, Bihâru'l-envâr (Müessesetü'l-Vefâ), c. 17, s. 295 (ebvâbü mu'cizâtih, bâb 2: cevâmi'u mu'cizâtihî ve nevâdiruhâ)

## 34 · Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ: những lời cầu xin được đáp nhận của Người

### 1529. Lời cầu xin phúc lành về tài sản, con cái và tuổi thọ cho Anas bin Malik; Anas...

**Sahih (Xác thực)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Lời cầu xin phúc lành về tài sản, con cái và tuổi thọ cho Anas bin Malik; Anas sống hơn 100 năm và thấy hơn 100 con cháu.

Lời cầu xin: năm 1–2 H; Ứng nghiệm: đến năm 93 H

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.4 s.659; İbn Kesîr s.86; 1000 Mucize no.121 (s.98); web: Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 22. fasıl; Questions on Islam, "The miracles occurring upon the prayer of the prophet Muhammad"; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 286; ayrıca: İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî, s. 204; İbnü'l-Cevzî, el-Vefâ, s. 354; Elshinawy, The Physical Miracles of the Prophet (Yaqeen); Meclisî, Bihâru'l-envâr, c. 18, s. 10; Râvendî, el-Harâic, c. 1, s. 50; ayrıca: N. İçel, Hz. Muhammed'in (sas) Mucizeleri -2 (2023), "Hz. Enes'e Mal Ve Evlat İçin Yaptığı Dua" (kitabın dipnotu: Zehebî, Siyeru a'lâmi'n-nübelâ, c:3, s:266-267; Müslim, Sahih, c:4, s:1929); Kütüb-i Sitte: Buhârî, Da'avât 19, 26, 47, Savm 61; Müslim, Mesâcid 268, (660), Fezâilu's-Sahâbe 141, 142, (2480, 2481); Tirmizî, Menakıb, (3827, 3828) [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 4466, c./s. 13/12-13]

### 1530. Lời cầu xin cho Ibn Abbas: "Lạy Allah, xin cho cậu ấy hiểu sâu về tôn giáo, xin..."

**Sahih (Xác thực)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Lời cầu xin cho Ibn Abbas: "Lạy Allah, xin cho cậu ấy hiểu sâu về tôn giáo, xin dạy cậu ấy cách giải thích", và ông trở thành học giả của Ummah.

Lời cầu xin: năm 8–10 H; Ứng nghiệm: đến năm 68 H

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.4 s.658; İbn Kesîr s.85; 1000 Mucize no.128 (s.104); web: Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 22. fasıl; Questions on Islam, "The miracles occurring upon the prayer of the prophet Muhammad"; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 285; ayrıca: İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî, s. 203; Elshinawy, The Physical Miracles of the Prophet (Yaqeen); Meclisî, Bihâru'l-envâr, c. 18, s. 18; Râvendî, el-Harâic, c. 1, s. 57-58; İbn Şehrâşûb, Menâkıb, c. 1, s. 74; Kütüb-i Sitte: Buharî, Fezâil'l-Ashâb 24, İlm 17, Vudû 10, İ'tisam 1; Müslim, Fezâilu's Sahâbe 138, (2477); Tirmizî, Menâkıb, (3823, 3824) [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 4452, c./s. 12/538]

### 1531. Người lấy tay vốc một thứ gì đó đặt vào tấm áo choàng Abu Hurairah trải ra; từ...

**Sahih (Xác thực)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người lấy tay vốc một thứ gì đó đặt vào tấm áo choàng Abu Hurairah trải ra; từ đó ông không quên một hadith nào.

Sau năm 7 H

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.4 s.665; İbn Kesîr s.82; 1000 Mucize no.110 (s.86); web: Buhârî, Menâkıb, no. 3648; A'zamî, el-Câmiu'l-Kâmil, Sîre, bâb 589; Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 23. fasıl; Questions on Islam, "The miracles occurring upon the prayer of the prophet Muhammad"; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 122; ayrıca: İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî, s. 198; İbnü'l-Cevzî, el-Vefâ, s. 312; Meclisî, Bihâru'l-envâr, c. 18, s. 13; Râvendî, el-Harâic, c. 1, s. 57; Kütüb-i Sitte: Buhârî, İlim 42; Müslim, Fezâilu's-Sahâbe 159, (2492); Tirmizî, Menâkıb, (3833, 3834) [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 4472, c./s. 13/20]

### 1532. Lời cầu xin hướng dẫn cho mẹ của Abu Hurairah; ngay hôm đó bà theo Islam

**Sahih (Xác thực)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Lời cầu xin hướng dẫn cho mẹ của Abu Hurairah; ngay hôm đó bà theo Islam.

Sau năm 7 H

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.4 s.667; İbn Kesîr s.87; 1000 Mucize no.132 (s.109); web: Mişkâtü'l-Mesâbîh, Fezâil, bâbün fi'l-mu'cizât, no. 5895; Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 22. fasıl; Yaqeen Institute, "The Physical Miracles of Prophet Muhammad"; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 287; ayrıca: Elshinawy, The Physical Miracles of the Prophet (Yaqeen); IslamHouse, The Miracles of Muhammad; ayrıca: N. İçel, Hz. Muhammed'in (sas) Mucizeleri -2 (2023), "Ebu Hureyre'nin Anası İçin Hidâyet Duası" (kitabın dipnotu: Müslim, Sahih, c:4, s:938-939); Kütüb-i Sitte: Müslim, Fezailu's-Sahabe 158, (2491) [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 5600, c./s. 15/456]

---

## 1533. Lời cầu xin cho Sa'd bin Abi Waqqas: "Lạy Allah, khi ông ấy cầu xin, xin hãy..."

**Sahih (Xác thực)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Lời cầu xin cho Sa'd bin Abi Waqqas: "Lạy Allah, khi ông ấy cầu xin, xin hãy đáp nhận"; Sa'd được biết đến là người có lời cầu xin được đáp nhận.

Thời kỳ Madinah (năm 1–11 H), không có năm chính xác – những lời cầu xin được đáp nhận

NGUỒN İbn Kesîr s.83; 1000 Mucize no.118 (s.94); web: Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 22. fasıl; Questions on Islam, "The miracles occurring upon the prayer of the prophet Muhammad"; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 280; ayrıca: İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî, s. 198, 205; Meclisî, Bihâru'l-envâr, c. 18, s. 18; İbn Şehrâşûb, Menâkıb, c. 1, s. 74-75; ayrıca: N. İçel, Hz. Muhammed'in (sas) Mucizeleri -2 (2023), "Ensardan Ebu Talha'nın Elinde, Efendimizin yerden alıp Verdiği Ağaç Dalının İyi Bir Ok Olması" (kitabın dipnotu: Vakıdî, Megâzî, c:1, s: 243; Beyhakî, Delâilü'n-nübüvve, c:3, s:239,346; Hakim, Müstedrek, c:3, s:26); Kütüb-i Sitte: Tirmizî, Menâkıb 27 (3751) — satırdaki atıf

---

## 1534. Lời cầu xin cho Abu Talhah và vợ là Umm Sulaym: "Cầu Allah ban phúc cho đêm của..."

**Sahih (Xác thực)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Lời cầu xin cho Abu Talhah và vợ là Umm Sulaym: "Cầu Allah ban phúc cho đêm của hai người"; chín người con trai của Abdullah, đứa con sinh ra sau đó, đều thuộc lòng Qur'an.

Thời kỳ Madinah (năm 1–11 H), không có năm chính xác – những lời cầu xin được đáp nhận

NGUỒN İbn Kesîr s.86; 1000 Mucize no.135 (s.114); web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 288; ayrıca: İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî, s. 204; Kütüb-i Sitte: Buhârî [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 3241]

---

## 1535. Lời cầu xin phúc lành cho Abdurrahman bin Awf; ông giàu đến mức nói: "Tôi nhấc..."

**Sahih (Xác thực)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Lời cầu xin phúc lành cho Abdurrahman bin Awf; ông giàu đến mức nói: "Tôi nhấc một hòn đá lên thì bên dưới cũng có vàng."

Năm 1 H

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.4 s.680; İbn Kesîr s.89; 1000 Mucize no.119 (s.95); web: Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 22. fasıl; Questions on Islam, "The miracles occurring upon the prayer of the prophet Muhammad"; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 287; ayrıca: İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî, s. 205

---

## 1536. Lời cầu xin phúc lành cho việc buôn bán của Urwah al-Bariqi; "dù ông mua đất cũng có lời"

**Sahih (Xác thực)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Lời cầu xin phúc lành cho việc buôn bán của Urwah al-Bariqi; "dù ông mua đất cũng có lời".

Thời kỳ Madinah (năm 1–11 H), không có năm chính xác – những lời cầu xin được đáp nhận

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.4 s.683; İbn Kesîr s.90; 1000 Mucize no.123 (s.99); web: Buhârî, Menâkıb, no. 3642; A'zamî, el-Câmiu'l-Kâmil, Sîre, bâb 581; Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 22. fasıl; Questions on Islam, "The miracles occurring upon the prayer of the prophet Muhammad"; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 288; ayrıca: İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî, s. 206; İbn Hamza et-Tûsî, es-Sâkıb, s. 112, hadis no. 108/11; Kütüb-i Sitte: Buhârî, Menâkıb 28 (3642) — satırdaki atıf

---

## 1537. Người nói với kẻ vì kiêu ngạo mà nói "Tôi không ăn được bằng tay phải": "Mong..."

**Sahih (Xác thực)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người nói với kẻ vì kiêu ngạo mà nói "Tôi không ăn được bằng tay phải": "Mong rằng ngươi không ăn được", và người ấy không bao giờ đưa tay lên miệng được nữa.

Thời kỳ Madinah (năm 1–11 H), không có năm chính xác – những lời cầu xin được đáp nhận

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.4 s.697; İbn Kesîr s.90; 1000 Mucize no.19 (s.30); web: İbn Hibbân, Sahîh, K. et-Târîh, bâbü'l-mu'cizât, no 6512-6513; Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 22. fasıl; Questions on Islam, "The miracles occurring upon the prayer of the prophet Muhammad"; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 292; ayrıca: İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî, s. 210; Meclisî, Bihâru'l-envâr, c. 18, s. 11; Râvendî, el-Harâic, c. 1, s. 50; İbn Şehrâşûb, Menâkıb, c. 1, s. 72; Kütüb-i Sitte: Müslim, Eşribe 107, (2021) [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 3875, c./s. 11/102]

---

## 1538. Người nói với kẻ cúi mặt nhại theo Người từ phía sau: "Hãy cứ như thế", và...

**Da'if (Yếu)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người nói với kẻ cúi mặt nhại theo Người từ phía sau: "Hãy cứ như thế", và người ấy cứ như thế cho đến khi chết.

Thời kỳ Makkah/Madinah

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.4 s.697; 1000 Mucize no.295 (s.272); web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 132)

---

## 1539. Lời nguyền bệnh hủi và phá sản đối với những kẻ đầu cơ tích trữ lương thực của người Muslim

**Da'if (Yếu)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Lời nguyền bệnh hủi và phá sản đối với những kẻ đầu cơ tích trữ lương thực của người Muslim.

Thời kỳ Madinah (năm 1–11 H), không có năm chính xác – những lời cầu xin được đáp nhận

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.4 s.706; web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 293; Kütüb-i Sitte: İbn Mâce 2155 [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 6665]

---

## 1540. Lời cầu xin hướng dẫn và phúc lành cho dân Yemen, Sham (và Iraq)

**Sahih (Xác thực)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Lời cầu xin hướng dẫn và phúc lành cho dân Yemen, Sham (và Iraq).

Thời kỳ Madinah (năm 1–11 H), không có năm chính xác – những lời cầu xin được đáp nhận

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.4 s.696; 1000 Mucize no.431 (s.424); web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 291; ayrıca: İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî, s. 210; Kütüb-i Sitte: Buhârî (Şam ve Yemen duası) — satırdaki atıf

---

## 1541. Lời cầu xin cho Quraish: "Ngài đã cho những người đi trước của

## họ nếm hình phạt, xin hãy cho những người đến sau nếm ân huệ”

Hasan (Tốt) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Lời cầu xin cho Quraish: “Ngài đã cho những người đi trước của họ nếm hình phạt, xin hãy cho những người đến sau nếm ân huệ.”

Thời kỳ Madinah (năm 1–11 H), không có năm chính xác — những lời cầu xin được đáp nhận

NGUỒN 1000 Mucize no.964 (s.782); web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 290; ayrıca: Meclisî, Bihâru'l-envâr, c. 18, s. 13; Râvendî, el-Harâic, c. 1, s. 56; Kütüb-i Sitte: Tirmizî, Menakıb, (3904) [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 4531, c./s. 13/94]

---

## 1542. Người nói về Mu'awiyah, người chậm đến khi được gọi: “Cầu Allah đừng làm bụng...”

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người nói về Mu'awiyah, người chậm đến khi được gọi: “Cầu Allah đừng làm bụng hắn no”, và ông ăn mãi không no.

Thời kỳ Madinah (năm 1–11 H), không có năm chính xác — những lời cầu xin được đáp nhận

NGUỒN 1000 Mucize no.126 (s.102); web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 293; ayrıca: İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî, s. 211; Kütüb-i Sitte: Müslim, Birr 96, (2604) [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 4479, c./s. 13/33]

---

## 1543. Người xoa đầu Abu Zayd al-Ansari (Amr bin Akhtab) và cầu xin: “Lạy Allah, xin...”

Hasan (Tốt) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người xoa đầu Abu Zayd al-Ansari (Amr bin Akhtab) và cầu xin: “Lạy Allah, xin làm cho ông ấy đẹp đẽ”; dù đã hơn 100 tuổi, tóc và râu ông vẫn không bạc.

Thời kỳ Madinah (năm 1–11 H), không có năm chính xác — những lời cầu xin được đáp nhận

NGUỒN İbn Kesîr s.88; 1000 Mucize no.115 (s.92), no.243 (s.213); web: A'zamî, el-Câmiu'l-Kâmil, Sîre, bâb 590; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 139 bâbı); ayrıca: İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî, s. 205; İbnü'l-Cevzî, el-Vefâ, s. 354; Meclisî, Bihâru'l-envâr, c. 18, s. 11; Râvendî, el-Harâic, c. 1, s. 50; İbn Şehrâşûb, Menâkıb, c. 1, s. 74; Kütüb-i Sitte: Tirmizî, Menakıb 10, (3633) [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 5601, c./s. 15/456]

---

## 1544. Người xoa đầu as-Sa'ib bin Yazid và cầu xin; chỗ tay Người chạm đến tuổi già...

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người xoa đầu as-Sa'ib bin Yazid và cầu xin; chỗ tay Người chạm đến tuổi già vẫn không bạc.

Thời kỳ Madinah (năm 1–11 H), không có năm chính xác — những lời cầu xin được đáp nhận

NGUỒN İbn Kesîr s.88; 1000 Mucize no.122 (s.99); web: A'zamî, el-Câmiu'l-Kâmil, Sîre, bâb 591; Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 23. fasıl; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 138 bâbı); c. 2, s. 287; ayrıca: İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî, s. 205; islamveihsan.com, “Hz. Peygamber'in Mucizeleri”; Meclisî, Bihâru'l-envâr, c. 18, s. 12; Râvendî, el-Harâic, c. 1, s. 53; Kütüb-i Sitte: Buhârî, Menâkıb (3540); Müslim (2345) — satırdaki atıf

---

## 1545. Người xoa mặt Amr bin Tha'labah al-Juhani; dù ông đã già, gương mặt ông vẫn...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người xoa mặt Amr bin Tha'labah al-Juhani; dù ông đã già, gương mặt ông vẫn không thay đổi.

Thời kỳ Madinah (năm 1–11 H), không có năm chính xác — những lời cầu xin được đáp nhận

NGUỒN 1000 Mucize no.240 (s.211); web: Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 23. fasıl; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 139 bâbı)

## 1546. Lời cầu xin cho nhà thơ an-Nabighah al-Ja'di: “Cầu Allah đừng làm hư miệng...”

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Lời cầu xin cho nhà thơ an-Nabighah al-Ja'di: “Cầu Allah đừng làm hư miệng ngươi”; dù đã hơn 100 tuổi, răng ông vẫn không rụng.

Thời kỳ Madinah (năm 1–11 H), không có năm chính xác – những lời cầu xin được đáp nhận

NGUỒN 1000 Mucize no.316 (s.293); web: Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 22. fasıl; Questions on Islam, "The miracles occurring upon the prayer of the prophet Muhammad"; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 282; ayrıca: İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî, s. 208-209; Meclisî, Bihâru'l-envâr, c. 18, s. 11, 17; Râvendî, el-Harâic, c. 1, s. 51; İbn Şehrâşûb, Menâkıb, c. 1, s. 74

## 1547. Người báo tin mừng cho Ukkashah bin Mihsan: “Ngươi thuộc về họ” (bảy mươi nghìn...)

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người báo tin mừng cho Ukkashah bin Mihsan: “Ngươi thuộc về họ” (bảy mươi nghìn người vào Thiên Đàng không bị thẩm xét); Ukkashah đã tử vì đạo.

Lời tiên tri: thời kỳ Madinah; Tử vì đạo: năm 11–12 H (632 CN)

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.5 s.128; 1000 Mucize no.369 (s.355); ayrıca: İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî, s. 268; Kütüb-i Sitte: Müslim, İman, 371, (218) [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 4034, c./s. 11/350]

## 1548. Người cầu xin điều tốt lành cho Muhammad bin Maslamah và nói: “Thảm họa sẽ...”

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người cầu xin điều tốt lành cho Muhammad bin Maslamah và nói: “Thảm họa sẽ không làm hại ngươi”; ông đã đứng ngoài các thảm họa.

Lời tiên tri: thời kỳ Madinah; Ứng nghiệm: năm 35–43 H

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.5 s.185; 1000 Mucize no.448 (s.442); web: Münkız es-Sakkār, Delâilü'n-nübüvve; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 231; ayrıca: İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî, s. 285-286; Kütüb-i Sitte: Ebû Dâvûd 4663 — satırdaki atıf

## 1549. Tác dụng của những lời cầu xin Người dạy để được che chở khỏi bùa phép và con mắt độc

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Tác dụng của những lời cầu xin Người dạy để được che chở khỏi bùa phép và con mắt độc.

Thời kỳ Madinah (năm 1–11 H), không có năm chính xác – những lời cầu xin được đáp nhận

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.4 s.708

## 1550. Nhờ phúc lành của những sợi tóc (tóc thánh của Người) mà Khalid bin al-Walid...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Nhờ phúc lành của những sợi tóc (tóc thánh của Người) mà Khalid bin al-Walid giữ trong mũ, ông chiến thắng trong mọi trận đánh mình tham gia.

Tóc: năm 10 H (Hajj Từ Biệt); Các chiến thắng: năm 11–21 H

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.4 s.710; 1000 Mucize no.215 (s.196); web: Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 23. fasıl; Questions on Islam, "The miracles occurring upon the prayer of the prophet Muhammad"; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 117

---

## 1551. Người nắm trán một đứa trẻ được mang đến và cầu xin phúc lành, trên trán cậu...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người nắm trán một đứa trẻ được mang đến và cầu xin phúc lành, trên trán cậu mọc một chỏm tóc như bờm ngựa; khi cậu lớn lên theo phái Khawarij thì tóc rụng, và khi được khuyên răn mà sám hối, Allah trả lại tóc cho cậu.

Lời cầu xin: thời kỳ Madinah; Tóc rụng: khi phái Khawarij xuất hiện, khoảng năm 37–38 H (657–658 CN)

NGUỒN 1000 Mucize no.318 (s.295); web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 141-142 bâbı); ayrıca: İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî, s. 207

---

## 1552. Một người Do Thái ngồi trước mặt Người, khi Người hắt hơi, nói: “Cầu Allah...”

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Một người Do Thái ngồi trước mặt Người, khi Người hắt hơi, nói: “Cầu Allah thương xót ngài”; Người đáp: “Cầu Allah hướng dẫn ngươi”, và người ấy theo Islam.

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN 1000 Mucize no.289 (s.268); web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 284

---

## 1553. Người xoa đầu cậu bé Hanzalah bin Hidhyam do người cha già mang đến và nói...

Hasan (Tốt) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người xoa đầu cậu bé Hanzalah bin Hidhyam do người cha già mang đến và nói: “Cầu Allah ban phúc cho cháu”; về sau, những con cừu, lạc đà và người bệnh mà Hanzalah nhổ nước bọt vào tay rồi xoa lên, nói: “Bismillah, với dấu tay của Thiên Sứ của Allah”, đều khỏi bệnh.

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN 1000 Mucize no.107 (s.83), no.238 (s.210); web: Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 23. fasıl; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 140 bâbı)

---

## 1554. Người cầu xin phúc lành cho Abdullah bin Hisham; vì thế khi ông mua thức ăn ở...

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người cầu xin phúc lành cho Abdullah bin Hisham; vì thế khi ông mua thức ăn ở chợ, Ibn az-Zubayr và Ibn Umar muốn hùn với ông, và đôi khi ông lời được cả một lạc đà hàng hóa gửi về nhà.

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN 1000 Mucize no.124 (s.100), no.303 (s.281); web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 289; ayrıca: İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî, s. 206; islamveihsan.com, “Hz. Peygamber'in Mucizeleri”; Kütüb-i Sitte: Buhârî [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 2301, c./s. 8/176-177]

---

## 1555. Người nói về một người túm tóc lại để tóc khỏi chạm đất khi quỳ lạy: “Lạy...”

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người nói về một người túm tóc lại để tóc khỏi chạm đất khi quỳ lạy: “Lạy Allah, xin làm tóc hắn xấu đi”, và tóc người ấy rụng hết.

Thời điểm không rõ

NGUỒN 1000 Mucize no.164 (s.143); web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 293; ayrıca: İbn Şehrâşûb, Menâkıb, c. 1, s. 72; Meclisî, Bihâru'l-envâr, c. 18, s. 10; Râvendî, el-Harâic, c. 1, s. 50

---

## 1556. Người hỏi chàng trai xin phép được tà dâm: “Ngươi có muốn điều này cho mẹ...”

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người hỏi chàng trai xin phép được tà dâm: “Ngươi có muốn điều này cho mẹ ngươi, con gái ngươi, chị em ngươi, cô ngươi, dì ngươi không?”, rồi cầu xin: “Lạy Allah, xin làm sạch trái tim cậu ấy, giữ gìn sự trong sạch của cậu ấy”; từ đó chàng trai trở thành người ghê tởm tà dâm nhất.

Thời điểm không rõ

NGUỒN 1000 Mucize no.207 (s.187); web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 284

---

## 1557. Người cầu xin cho một người Do Thái chạm vào râu Người (đến bên Người): “Lạy...”

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người cầu xin cho một người Do Thái chạm vào râu Người (đến bên Người): “Lạy Allah, xin làm cho ông ấy đẹp đẽ”; râu/tóc bạc của người ấy trở nên đen nhánh và ông trông trẻ trung đến tuổi chín mươi.

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN 1000 Mucize no.217 (s.197)

---

## 1558. Khi Ukkashah bin Mihsan thuật lại lời của Umm Qays, người khi con trai chết đã...

Hasan (Tốt) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Khi Ukkashah bin Mihsan thuật lại lời của Umm Qays, người khi con trai chết đã nói: “Đừng tắm nó bằng nước lạnh, các người sẽ giết nó”, Người mỉm cười và nói: “Cầu cho bà ấy sống lâu”, và Umm Qays là người phụ nữ duy nhất sống rất lâu.

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN 1000 Mucize no.224 (s.201), no.969 (s.785); web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 294; Kütüb-i Sitte: Nesâî [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 3810]

---

## 1559. Trong ba lần công bố chinh phạt, Abu Umamah đều xin Người cầu cho mình được tử...

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Trong ba lần công bố chinh phạt, Abu Umamah đều xin Người cầu cho mình được tử vì đạo, mỗi lần Người đều cầu xin: “Lạy Allah, xin ban cho họ sự bình an và chiến lợi phẩm”, và lần nào họ cũng trở về bình an với chiến lợi phẩm; sau đó Người khuyên ông nhịn chay và quỳ lạy nhiều.

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN 1000 Mucize no.235 (s.207), no.953 (s.777); web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 291; Kütüb-i Sitte (kısmen): Nesâî — yalnız oruç tavsiyesi kısmı [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 3110, c./s. 9/425]

## 1560. Fatimah đến với gương mặt tái xanh vì đói; Người đặt tay lên ngực bà và cầu...

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Fatimah đến với gương mặt tái xanh vì đói; Người đặt tay lên ngực bà và cầu xin: “Lạy Allah, Đấng cho người đói được no, xin đừng để Fatimah, con gái Muhammad, phải đói”; máu trở lại trên gương mặt bà, và Fatimah nói bà không bao giờ còn cảm thấy đói nữa.

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN 1000 Mucize no.245 (s.215); web: Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 22. fasıl; Questions on Islam, "The miracles occurring upon the prayer of the prophet Muhammad"; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 119; ayrıca: Râvendî, el-Harâic, c. 1, s. 52

## 1561. Vào một buổi sáng rất lạnh, dù Bilal đã hai lần đọc Azan, không ai đến masjid...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Vào một buổi sáng rất lạnh, dù Bilal đã hai lần đọc Azan, không ai đến masjid; Người cầu xin: “Lạy Allah, xin lấy đi cái lạnh khỏi họ”, và Bilal thấy mọi người buổi sáng phải quạt vì nóng.

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN 1000 Mucize no.248 (s.218); web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 121); ayrıca: İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî, s. 206; İbnü'l-Cevzî, el-Vefâ, s. 355

## 1562. Khi Người nói với hai người khác nhau về cách đọc Qur'an rằng cả hai đều “đọc...”

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Khi Người nói với hai người khác nhau về cách đọc Qur'an rằng cả hai đều “đọc hay”, Ubayy bin Ka'b sinh nghi trong lòng; Người vỗ vào ngực ông và cầu xin: “Lạy Allah, xin lấy đi lời xúi giục của Shaytan khỏi ông ấy”; Ubayy đổ mồ hôi, sự nghi ngờ tan biến, và Người cho biết Qur'an được mặc khải theo bảy cách đọc (ahruf).

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN 1000 Mucize no.287 (s.266), no.955 (s.778); web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 285; c. 2, s. 387; Kütüb-i Sitte: Müslim — satırdaki atıf

## 1563. Người nguyền rủa một người được Người cử đi nơi khác nhưng đã nói dối nhân danh...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người nguyền rủa một người được Người cử đi nơi khác nhưng đã nói dối nhân danh Người; người ấy chết với cái bụng bị vỡ toác, và đất không chịu nhận xác hắn.

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN 1000 Mucize no.294 (s.272); web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 130

## 1564. Người cầu xin: “Lạy Allah, xin ban phúc cho Ummah của con vào những giờ sớm của...”

Hasan (Tốt) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người cầu xin: “Lạy Allah, xin ban phúc cho Ummah của con vào những giờ sớm của họ”, và Người cử các toán quân đi từ sáng sớm; thương nhân Sakhr al-Ghamidi cũng cho nô lệ đi buôn từ sáng sớm và giàu đến mức không tìm đâu ra chỗ chứa của cải.

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN 1000 Mucize no.304 (s.281); web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 291; Kütüb-i Sitte: İbn Mâce 2238; Ebû Dâvûd, Cihâd — satırdaki atıf [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 6685, c./s. 17/256]

---

## 1565. Khi đi cùng Umar, một người phụ nữ than phiền về chồng và nói ghét ông ta...

**Sahih (Xác thực)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Khi đi cùng Umar, một người phụ nữ than phiền về chồng và nói ghét ông ta; Người cho hai vợ chồng chạm trán vào nhau và cầu xin: “Lạy Allah, xin kết hợp họ, xin làm cho họ yêu thương nhau”; sau đó khi gặp ở chợ, người phụ nữ nói: “Không ai đáng yêu với tôi hơn ông ấy.”

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN 1000 Mucize no.319 (s.296); web: Heysemî, Mecmau'z-zevâid, K. Alâmâti'n-nübüvve, bâb min bereketi duâihî, no 13999; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 291; ayrıca: İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî, s. 206-207; Meclisî, Bihâru'l-envâr, c. 18, s. 11, 17; Râvendî, el-Harâic, c. 1, s. 51-52; İbn Şehrâşûb, Menâkıb, c. 1, s. 73

---

## 1566. Người cầu xin cho Amr bin al-Hamiq, người đã cho Người uống sữa: “Lạy Allah...”

**Da'if (Yếu)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người cầu xin cho Amr bin al-Hamiq, người đã cho Người uống sữa: “Lạy Allah, xin làm cho ông ấy trẻ mãi”; dù Amr đã tám mươi tuổi, tóc ông không có lấy một sợi bạc.

Thời điểm không rõ

NGUỒN 1000 Mucize no.358 (s.347); web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 283; ayrıca: Meclisî, Bihâru'l-envâr, c. 18, s. 12, 17; Râvendî, el-Harâic, c. 1, s. 52; İbn Şehrâşûb, Menâkıb, c. 1, s. 74

---

## 1567. Khi Mu'awiyah bin Haydah al-Qushayri đến trước mặt Người, Người nói: “Ta đã xin...”

**Da'if (Yếu)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Khi Mu'awiyah bin Haydah al-Qushayri đến trước mặt Người, Người nói: “Ta đã xin Allah giáng nạn đói lên các ngươi và nỗi sợ hãi vào lòng các ngươi”; Mu'awiyah thú nhận rằng dù ông đã thề không tin theo, nạn đói và nỗi sợ không buông tha ông cho đến khi ông đến trước mặt Người.

Thời điểm không rõ

NGUỒN 1000 Mucize no.381 (s.369), no.974 (s.788); web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 43, Muâviye b. Hayde'nin gelişi bâbı

---

## 1568. Người cầu xin cho Mu'awiyah: “Lạy Allah, xin dạy ông ấy Kinh Sách và phép tính...”

**Hasan (Tốt)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người cầu xin cho Mu'awiyah: “Lạy Allah, xin dạy ông ấy Kinh Sách và phép tính, cho ông ấy vững chãi trên mặt đất, che chở ông ấy khỏi hình phạt; xin làm ông ấy thành người hướng dẫn và được hướng dẫn”; trong thời Mu'awiyah làm thống đốc và Khalifah, Síp và Rhodes được chinh phục và đất Islam được mở rộng.

Lời cầu xin: thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ; Ứng nghiệm: thời Mu'awiyah làm thống đốc và Khalifah (khoảng năm 18–60 H / 639–680 CN)

NGUỒN 1000 Mucize no.464 (s.457); web: Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 22. fasıl; Kütüb-i Sitte: Tirmizî, Menâkıb, (3841) [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 4480, c./s. 13/33]

---

## 1569. Người nói về Subay'ah al-Aslamiyyah, người Người thấy ăn bằng tay trái: “Cầu...”

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người nói về Subay'ah al-Aslamiyyah, người Người thấy ăn bằng tay trái: “Cầu cho bệnh Gaza bắt bà ta”; bà mắc bệnh khi đi qua Gaza và chết ở đó.

Lời nói: thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ; Ứng nghiệm: thời điểm không rõ

NGUỒN 1000 Mucize no.874 (PDF s.736); web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 292; Kütüb-i Sitte: Ebû Dâvûd — satırdaki atıf (doğrulanamadı)

---

## 1570. Người nói về một người tên Qays mà Người được hỏi đến: “Hắn sẽ không ở yên được...”

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người nói về một người tên Qays mà Người được hỏi đến: “Hắn sẽ không ở yên được nơi nào”, và người ấy vào đâu cũng lập tức bỏ đi.

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN 1000 Mucize no.875 (PDF s.736); web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 292; Kütüb-i Sitte: Ebû Dâvûd (listedeki kaynağa göre; künye yok)

---

## 1571. Người cầu xin cho Abdullah bin Ja'far khi đi ngang qua lúc ông đang bán hàng...

Hasan (Tốt) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người cầu xin cho Abdullah bin Ja'far khi đi ngang qua lúc ông đang bán hàng: “Lạy Allah, xin ban phúc cho việc buôn bán của cậu ấy”, và ông buôn bán luôn có lời.

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN 1000 Mucize no.949 (s.775); web: Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 22. fasıl; Questions on Islam, "The miracles occurring upon the prayer of the prophet Muhammad"; Beyhakî, Delâil, 6/221; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 288; ayrıca: Meclisî, Bihâru'l-envâr, c. 18, s. 17-18; İbn Şehrâşûb, Menâkıb, c. 1, s. 74

---

## 1572. Hakim bin Hizam được Người trao một dinar để mua con vật tế, đã bán con vật mua...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Hakim bin Hizam được Người trao một dinar để mua con vật tế, đã bán con vật mua được với giá hai dinar, rồi mang về một con vật tế và một dinar; Người cầu xin phúc lành cho việc buôn bán của ông, và mọi thứ Hakim bán đều có lời.

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN 1000 Mucize no.950 (s.775); web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 289; Kütüb-i Sitte: Ebu Dâvud, Büyû 28, (3386); Tirmizî, Büyu 34, (1257). [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 5808, c./s. 16/273]

---

## 1573. Người cầu xin cho con cái của Malik bin Rabi'ah as-Saluli được ban phúc, và ông...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người cầu xin cho con cái của Malik bin Rabi'ah as-Saluli được ban phúc, và ông có tám mươi người con trai.

Thời điểm không rõ

NGUỒN 1000 Mucize no.959 (s.780); web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 282

---

## 1574. Damrah bin Tha'labah al-Bahzi xin Người cầu cho mình được tử vì đạo; Người cầu...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Damrah bin Tha'labah al-Bahzi xin Người cầu cho mình được tử vì đạo; Người cầu xin: “Lạy Allah, con cấm những kẻ đa thần làm đổ máu Damrah”; ông sống rất lâu, xông xuyên hàng ngũ kẻ thù mà trở về bình an.

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN 1000 Mucize no.962 (s.781); web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 284

---

## 1575. Người cầu xin cho các con trai của Yazid bin Malik al-Ju'fi đến gặp Người là...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người cầu xin cho các con trai của Yazid bin Malik al-Ju'fi đến gặp Người là al-Harith, Sabrah và Abd al-Uzza (Người đổi tên thành Abdurrahman), và họ đã đạt được những địa vị cao.

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN 1000 Mucize no.963 (s.781); web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 284

---

## 1576. Trong rak'ah thứ hai của lễ nguyện Isha, Người đọc qunut, cầu xin cho Ayyash...

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Trong rak'ah thứ hai của lễ nguyện Isha, Người đọc qunut, cầu xin cho Ayyash bin Abi Rabi'ah, Salamah bin Hisham, al-Walid bin al-Walid và những tín đồ bị áp bức được giải thoát, và nguyền rủa Mudar bị “nạn đói như những năm của Yusuf”; Mudar gặp nạn đói khốc liệt, những người bị áp bức được giải thoát, và Người thôi lời cầu xin ấy.

Thời kỳ Madinah (trước cuộc chinh phục Makkah), thời điểm không rõ

NGUỒN 1000 Mucize no.966-967 (s.783); web: Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 22. fasıl; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 410; ayrıca: N. İçel, Hz. Muhammed'in (sas) Mucizeleri -2 (2023), "Peygamberimiz Aleyhisselâmın Yağmur Dualarının Sayısı ve Çeşitleri" (kitabın dipnotu: İbn Kayyım, Zâdu'l-mead, c:1, s:156; İbn Mâce, Sünen, c:1, s:404-405; Abdurrezzak, Musannef, c:3, s:90); Kütüb-i Sitte: Buhârî, Müslim (satırdaki künye: Buhârî 1007, 4821; Müslim 2798)

---

## 1577. Một lời cầu xin phúc lành tương tự cho việc buôn bán cũng được thuật lại về Gharqadah

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Một lời cầu xin phúc lành tương tự cho việc buôn bán cũng được thuật lại về Gharqadah.

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 22. fasıl (duasının kabulü)

---

## 1578. Người nói với một người phụ nữ: “Cầu cho sư tử ăn thịt ngươi”; người phụ nữ ấy bị sư tử ăn thịt

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người nói với một người phụ nữ: “Cầu cho sư tử ăn thịt ngươi”; người phụ nữ ấy bị sư tử ăn thịt.

Thời điểm không rõ

NGUỒN Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 22. fasıl (duasının kabulü)

---

## 1579. Với người đàn ông đã bán ngựa cho Người rồi chối việc mua bán (sự việc mà...)

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Với người đàn ông đã bán ngựa cho Người rồi chối việc mua bán (sự việc mà Khuzaymah làm chứng có lợi cho Người), Người trả lại con ngựa và nói: “Lạy Allah, nếu hắn nói dối, xin đừng ban phúc cho hắn nơi con ngựa”; sáng hôm sau con ngựa được thấy (chết) với một chân giơ lên.

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 22. fasıl (duasının kabulü)

---

## 1580. Người xoa đầu Umayr bin Sa'd và cầu xin phúc lành; Umayr chết lúc tám mươi tuổi...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người xoa đầu Umayr bin Sa'd và cầu xin phúc lành; Umayr chết lúc tám mươi tuổi mà tóc chưa bạc.

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 23. fasıl (kerâmât, berekât, dokunduğu şeylerin dönüşmesi)

---

## 1581. Người xoa đầu Qays bin Zayd al-Judhami và cầu xin; Qays chết lúc một trăm tuổi...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người xoa đầu Qays bin Zayd al-Judhami và cầu xin; Qays chết lúc một trăm tuổi, đầu bạc trắng, nhưng phần tóc lòng bàn tay Người chạm và tay Người lướt qua vẫn đen; vì thế ông được gọi là “al-Agharr”.

Thời điểm không rõ

NGUỒN Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 23. fasıl (kerâmât, berekât, dokunduğu şeylerin dönüşmesi)

---

## 1582. Người xoa đầu Abdurrahman bin Zayd bin al-Khattab, lúc nhỏ thấp bé và xấu xí...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người xoa đầu Abdurrahman bin Zayd bin al-Khattab, lúc nhỏ thấp bé và xấu xí (damim), và cầu xin phúc lành; cậu lớn lên vượt hơn mọi người đàn ông về vóc dáng.

Thời kỳ Madinah, năm 8–11 H

NGUỒN Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 23. fasıl (kerâmât, berekât, dokunduğu şeylerin dönüşmesi)

## 1583. Người nói về Banu Harithah bin Amr bin Qurayt, những người đã giật bức thư kêu...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người nói về Banu Harithah bin Amr bin Qurayt, những người đã giật bức thư kêu gọi đến với Islam và lấy da của nó vá gàu: “Chúng bị làm sao vậy? Cầu Allah lấy đi trí khôn của chúng”, và bộ tộc ấy trở thành những người run rẩy, hấp tấp, nói năng lộn xộn và ngu muội.

Thời kỳ Madinah, khoảng năm 7–9 H

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 22, Benî Hârise b. Amr b. Kurayt'a mektup bâbı

## 1584. Khi đến thăm một người du mục bị bệnh, Người nói: “Mong ông mau khỏi, in sha...”

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Khi đến thăm một người du mục bị bệnh, Người nói: “Mong ông mau khỏi, in sha Allah bệnh này sẽ thanh tẩy ông”; người du mục nói: “Không, đây là cơn sốt sôi sục trong một ông già và sẽ đưa ông ta xuống mồ”, Người nói: “Vậy thì cứ như thế” (theo các đường truyền khác, người du mục chết ngày hôm sau).

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN Buhârî, Menâkıb, Alâmâtü'n-nübüvve, no. 3616

## 1585. Người cầu xin cho Mazin bin Ghadubah, một người mê rượu và đàn bà, không có...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người cầu xin cho Mazin bin Ghadubah, một người mê rượu và đàn bà, không có con: “Lạy Allah, xin ban cho ông ấy việc đọc Qur'an thay cho đàn hát, điều hợp lệ thay cho điều cấm; xin ban cho ông ấy mưa và con cái”; Mazin thuộc được nửa bộ Qur'an, cưới bốn người vợ tự do, sinh được con trai là Hayyan, và Oman trở nên sung túc.

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN Ebû Nuaym el-İsfahânî, Delâilü'n-nübüvve, 7. fasıl (cinler, putlar ve kâhinlerden işitilenler), no. 63

## 1586. Người cầu xin cho chàng trai Ansar giúp Người cởi/mang giày: “Lạy Allah, bề tôi...”

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người cầu xin cho chàng trai Ansar giúp Người cởi/mang giày: “Lạy Allah, bề tôi này của Ngài đang tìm sự hài lòng của Ngài; xin Ngài hài lòng với cậu ấy”; chàng trai về sau đã tử vì đạo (do Anas thuật lại).

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN Heysemî, Mecmau'z-zevâid, K. Alâmâti'n-nübüvve, no 14002-14003 (8/268)

## 1587. Vào ngày Dhu Qar, trận chiến được cho Người thấy (Jibril cho Người xem chiến...)

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Vào ngày Dhu Qar, trận chiến được cho Người thấy (Jibril cho Người xem chiến trường), Người cầu xin cho Bakr bin Wa'il và nói: “Hôm nay lần đầu tiên người Ả Rập đòi lại quyền của mình từ người Ba Tư; nhờ ta mà họ được giúp đỡ.”

Trận Dhu Qar (niên đại còn tranh cãi: giữa sứ mạng và những năm đầu sau Hijrah, khoảng năm 610–624 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 302 (Kendisini kabilelere arz etmesinde görülen âyetler bâbı)

## 1588. Ubayy bin Ka'b vào masjid với ý định ca ngợi Allah bằng những lời chưa ai từng...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Ubayy bin Ka'b vào masjid với ý định ca ngợi Allah bằng những lời chưa ai từng nói; sau lễ nguyện, ông nghe từ phía sau một giọng lớn cầu xin: “Lạy Allah, mọi lời ca ngợi thuộc về Ngài, mọi vương quyền thuộc về Ngài, mọi điều tốt lành ở trong tay Ngài...”; Thiên Sứ của Allah ﷺ nói: “Đó là Jibril.”

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 158 (Cebrâil aleyhisselâmın duası)

## 1589. Người cầu xin: “Lạy Allah, xin ban cho gia đình Muhammad bổng lộc vừa đủ sống...”

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người cầu xin: “Lạy Allah, xin ban cho gia đình Muhammad bổng lộc vừa đủ sống (qut)”; như al-Bayhaqi chỉ ra, gia đình Người được ban bổng lộc đúng như vậy và kiên nhẫn với điều đó (do Abu Hurairah thuật lại).

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 279 (duaların kabulündeki mucizeler: ailesi, misafir, Ömer ve Ali için duaları)

## 1590. Người nói với cô bé thò tay vào nước Wudu' của Sa'd: “Cầu Allah làm cho cháu...”

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người nói với cô bé thò tay vào nước Wudu' của Sa'd: “Cầu Allah làm cho cháu không lớn được”, và cô bé không cao thêm nữa, cứ mãi thấp như một đứa trẻ (al-Mughirah thuật lại từ mẹ mình).

Giữa thời Umar và thời Mu'awiyah, thời điểm không rõ

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 281 (duaların kabulündeki mucizeler: Sa'd b. Ebî Vakkâs için duası)

## 1591. Người cho Abdullah bin Utbah năm sáu tuổi ngồi vào lòng, xoa đầu cậu và cầu xin...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người cho Abdullah bin Utbah năm sáu tuổi ngồi vào lòng, xoa đầu cậu và cầu xin phúc lành cho cậu và con cháu cậu; gia đình ông nói: “Chúng tôi biết phúc lành ấy qua việc chúng tôi không già đi.”

Thời kỳ Madinah (năm 8–11 H)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 282 (duaların kabulündeki mucizeler)

## 1592. Người nói “Amin” cho lời cầu xin của Zayd bin Thabit và bạn ông trong masjid...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người nói “Amin” cho lời cầu xin của Zayd bin Thabit và bạn ông trong masjid; sau đó Người cũng nói “Amin” cho lời cầu xin của Abu Hurairah: “Tôi xin một kiến thức không bị quên”, và nói: “Chàng trai Daws đã vượt các ngươi”; Abu Hurairah không quên các hadith.

Thời kỳ Madinah (năm 7–11 H)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 287 (duaların kabulündeki mucizeler)

## 1593. Người nguyền rủa bộ tộc Banu Usayyah (cầu cho cơn sốt hướng về họ), và họ mắc...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người nguyền rủa bộ tộc Banu Usayyah (cầu cho cơn sốt hướng về họ), và họ mắc bệnh (do Ibn Umar thuật lại).

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 294 (duaların kabulündeki mucizeler)

## 1594. Người xin Thượng Đế đừng trừng phạt những đứa trẻ vô tâm (lahin) của loài...

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người xin Thượng Đế đừng trừng phạt những đứa trẻ vô tâm (lahin) của loài người, và lời cầu xin của Người được đáp nhận (do Anas thuật lại).

Thời điểm không rõ

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 386 (kıyamet gününe özgü hususiyetleri bâbları)

## 1595. Lời thuật của Yasir bin Suwayd: người vợ đang mang thai của một người Juhaynah...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Lời thuật của Yasir bin Suwayd: người vợ đang mang thai của một người Juhaynah, người được Người cử đi cùng một đội kỵ binh, sinh con và mang đứa bé đến; Người cầu xin: “Lạy Allah, xin làm đàn ông của họ đông lên, phụ nữ của họ ít đi, và đừng để họ túng thiếu”, và đặt tên đứa bé là Musri', nói: “Nó đã nhanh chân đến với Islam.”

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN İbnü'l-Cevzî, el-Vefâ bi-ahvâli'l-Mustafâ (thk. M. Abdülkādir Atâ, DKİ 1408/1988), tek cilt, s. 80 (13. bâb: Amr b. Mürre'nin rüyası)

## 1596. Người làm theo lời xin vay của một người Do Thái, rồi khi ông ta bảo: “Hãy xin...”

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người làm theo lời xin vay của một người Do Thái, rồi khi ông ta bảo: “Hãy xin điều ngài muốn”, Người cầu xin: “Cầu Allah giữ mãi vẻ đẹp của ông”; người Do Thái sống tám mươi năm mà trên đầu không thấy một sợi tóc bạc.

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN Râvendî, el-Harâic ve'l-cerâih, c. 1, s. 87 (el-Bâbü'l-evvel fî mu'cizâti nebiyyinâ Muhammed)

## 1597. Người nói: “Từ cánh cửa kia sẽ bước vào người tốt nhất trong những người thừa...”

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người nói: “Từ cánh cửa kia sẽ bước vào người tốt nhất trong những người thừa kế và gần các vị Nabi nhất về phẩm cấp”, và Ali bước vào; Người cầu xin cho ông: “Lạy Allah, xin lấy đi cái nóng và cái lạnh khỏi cậu ấy”, và cho đến khi qua đời Ali không cảm thấy nóng lạnh (do Anas thuật lại).

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN Râvendî, el-Harâic ve'l-cerâih, c. 1, s. 103 (el-Bâbü'l-evvel fî mu'cizâti nebiyyinâ Muhammed)

## 1598. Một bộ tộc được Người mời đến với Islam từ chối và đuổi theo Người với năm...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Một bộ tộc được Người mời đến với Islam từ chối và đuổi theo Người với năm nghìn kỵ binh; khi chúng đuổi kịp, Người nguyền rủa chúng, và một cơn gió nổi lên tiêu diệt tất cả.

Thời điểm không rõ

NGUỒN İbn Şehrâşûb, Menâkıbü Âl-i Ebî Tâlib (Necef 1376/1956 baskısı), c. 1, s. 69 (fasl fî istiâbeti daavâtihî)

## 1599. Khi tiến đánh al-Muqa'qa' bin Humaysa', các Sahabah than về một ngọn núi hiểm...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Khi tiến đánh al-Muqa'qa' bin Humaysa', các Sahabah than về một ngọn núi hiểm trở trên đường làm kiệt sức gia súc; nhờ lời cầu xin của Người, ngọn núi lún xuống đất và vỡ vụn.

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN İbn Şehrâşûb, Menâkıbü Âl-i Ebî Tâlib (Necef 1376/1956 baskısı), c. 1, s. 69 (fasl fî istiâbeti daavâtihî)

## 1600. Người vợ hứa hôn của Bilal là Jumanah bint az-Zahhaf al-Ashja'i giết ông trên...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người vợ hứa hôn của Bilal là Jumanah bint az-Zahhaf al-Ashja'i giết ông trên đường rồi trốn đến Shihab bin Mazin; Salman và Suhayb được Người cử đi thấy Bilal chết trong vũng máu; Người dâng hai rak'ah, cầu xin rồi rảy một vốc nước lên ông, và Bilal sống lại hôn chân Người; theo tin của Jibril, Người cử Ali đi đánh Shihab, báo trước chiến thắng, và Shihab cùng Jumanah đều theo Islam.

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN İbn Şehrâşûb, Menâkıbü Âl-i Ebî Tâlib (Necef 1376/1956 baskısı), c. 1, s. 120-121 (fasl fi'l-müfredât (münferit mucizeler))

## 1601. Một người cha than rằng ông đã nuôi con khôn lớn, làm cho nó giàu có, nhưng về...

Bịa đặt (Mawdu') CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Một người cha than rằng ông đã nuôi con khôn lớn, làm cho nó giàu có, nhưng về già lại bị bỏ mặc không được cấp dưỡng; Người nguyền rủa người con, kẻ nói rằng mình không có của cải; lúa mì, lúa mạch, chà là và nho khô trong kho của hắn sinh giòi mục nát, tiền dirham và dinar trong túi hóa thành đá, và người ấy trở nên nghèo khổ, bệnh tật.

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN Meclisî, Bihâru'l-envâr, c. 17, s. 272-273 (Bâb 2: cevâmiu mu'cizâtihî ve nevâdirühâ)

## 1602. Người nguyền rủa bốn mươi kẻ giả tạo đức tin chế giễu lời Người khi Abu Sa'id...

Bịa đặt (Mawdu') CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người nguyền rủa bốn mươi kẻ giả tạo đức tin chế giễu lời Người khi Abu Sa'id al-Khudri uống máu Người: “Cầu Allah trừng phạt chúng bằng máu”; suốt bốn mươi buổi sáng, máu chảy ra từ miệng (lợi) chúng, thức ăn thức uống của chúng đều nhuốm máu.

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN Meclisî, Bihâru'l-envâr, c. 17, s. 270-271 (Bâb 2: cevâmiu mu'cizâtihî ve nevâdirühâ)

## 1603. Sau khi mẹ Abu Hurairah theo Islam, theo lời ông xin, Người cầu xin: “Lạy...”

**Sahih (Xác thực)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Sau khi mẹ Abu Hurairah theo Islam, theo lời ông xin, Người cầu xin: “Lạy Allah, xin làm cho bề tôi nhỏ bé này của Ngài và mẹ ông ấy được các bề tôi có đức tin của Ngài yêu mến, và làm cho các tín đồ được họ yêu mến”; Abu Hurairah nói: “Từ đó không có tín đồ nào nghe thấy hay nhìn thấy tôi mà không yêu mến tôi hay mẹ tôi.”

Sau năm 7 H

NGUỒN N. İçel, Hz. Muhammed'in (sas) Mucizeleri -2 (2023), "Ebu Hureyre'nin Anası İçin Hidâyet Duası" (kitabın dipnotu: Müslim, Sahih, c:4, s:938-939); Kütüb-i Sitte: Müslim, Fezailu's-Sahabe 158, (2491) [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 5600, c./s. 15/456] (Canan'ın tercümesi hidayet duasıyla bitiyor; ikinci dua Müslim'in tam metninde)

# 35 · Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ: những lời báo về điều vô hình Người đưa ra khi còn sống

## 1604. Khi Wabisah đến hỏi về điều thiện và tội lỗi, chưa đợi ông hỏi, Người đã nói...

Hasan (Tốt) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Khi Wabisah đến hỏi về điều thiện và tội lỗi, chưa đợi ông hỏi, Người đã nói: “Ngươi đến để hỏi về điều thiện (birr) và tội lỗi (ithm)”, rồi trả lời ông.

Thời kỳ Madinah (năm 1–11 H), không có năm chính xác – những lời báo về điều vô hình khi Người còn sống

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.5 s.57; İbn Kesîr s.122; 1000 Mucize no.136 (s.115); web: Yaqeen Institute, "The Prophecies of Prophet Muhammad"; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 171; ayrıca: İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî, s. 233-234; Elshinawy, The Prophecies of Prophet Muhammad (Yaqeen); Meclisî, Bihâru'l-envâr, c. 17, s. 229; c. 18, s. 118; Râvendî, el-Harâic, c. 1, s. 106-107

## 1605. Ở Mina, với hai người, một người Thaqif và một người Ansar, đến hỏi, Người nói...

Hasan (Tốt) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Ở Mina, với hai người, một người Thaqif và một người Ansar, đến hỏi, Người nói ra điều họ sẽ hỏi trước khi họ hỏi, rồi trả lời.

Năm 10 H (632 CN)

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.5 s.57; 1000 Mucize no.142 (s.121), no.931 (s.766); web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 65; c. 2, s. 171-172; ayrıca: Meclisî, Bihâru'l-envâr, c. 18, s. 128, 138; Râvendî, el-Harâic, c. 2, s. 514-516; İbn Şehrâşûb, Menâkıb, c. 1, s. 99

## 1606. Người báo trước rằng Abud-Darda' sẽ theo Islam

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người báo trước rằng Abud-Darda' sẽ theo Islam.

Năm 2 H

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.5 s.69; 1000 Mucize no.386 (s.376); web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 175; ayrıca: Meclisî, Bihâru'l-envâr, c. 18, s. 111-112; Râvendî, el-Harâic, c. 1, s. 64

## 1607. Từ Madinah, Người báo những gì đang xảy ra trên một con thuyền ngoài biển

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Từ Madinah, Người báo những gì đang xảy ra trên một con thuyền ngoài biển.

Thời kỳ Madinah (năm 1–11 H), không có năm chính xác – những lời báo về điều vô hình khi Người còn sống

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.5 s.66

## 1608. Người báo rằng một người đã tự cắt mình bằng mũi tên, và đúng là như vậy

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người báo rằng một người đã tự cắt mình bằng mũi tên, và đúng là như vậy.

Thời kỳ Madinah (năm 1–11 H), không có năm chính xác – những lời báo về điều vô hình khi Người còn sống

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.5 s.70; web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 175; ayrıca: İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî, s. 251; Kütüb-i Sitte (kısmen): Ebu Davud, Cenaiz 51, (3185); Müslim (muhtasar, listedeki kaynağa göre) [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 4937, c./s. 14/148]

---

## 1609. Người báo trước tình cảnh mà Mu'adh bin Malik sẽ gặp phải

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người báo trước tình cảnh mà Mu'adh bin Malik sẽ gặp phải.

Thời kỳ Madinah (năm 1–11 H), không có năm chính xác – những lời báo về điều vô hình khi Người còn sống

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.5 s.71

---

## 1610. Người kể lại cho người cha già bài thơ mà ông thầm than trách con trai trong...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người kể lại cho người cha già bài thơ mà ông thầm than trách con trai trong lòng nhưng chưa nói ra.

Thời kỳ Madinah (năm 1–11 H), không có năm chính xác – những lời báo về điều vô hình khi Người còn sống

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.5 s.72; web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 172-173

---

## 1611. Người nói ra việc làm của kẻ đã chạm vào một người phụ nữ trên đường

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người nói ra việc làm của kẻ đã chạm vào một người phụ nữ trên đường.

Thời kỳ Madinah (năm 1–11 H), không có năm chính xác – những lời báo về điều vô hình khi Người còn sống

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.5 s.74

---

## 1612. Người báo về đám mây đã để lại mưa ở một thung lũng nọ tại Yemen

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người báo về đám mây đã để lại mưa ở một thung lũng nọ tại Yemen.

Thời kỳ Madinah (năm 1–11 H), không có năm chính xác – những lời báo về điều vô hình khi Người còn sống

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.5 s.79; web: Heysemî, Mecmau'z-zevâid, K. Alâmâti'n-nübüvve, bâbü ihbârihî bi'l-muğayyebât, no 14074; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 175

---

## 1613. Người cho các Sahabah biết tên từng kẻ giả tạo đức tin

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người cho các Sahabah biết tên từng kẻ giả tạo đức tin.

Khoảng năm 9 H

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.5 s.51; web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 174; Kütüb-i Sitte: Müslim (satırdaki künye: Huzeyfe'ye bildirmesi)

---

## 1614. Người nói thẳng với người được khen là chăm thờ phụng rằng ông ta đã nghĩ thầm...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người nói thẳng với người được khen là chăm thờ phụng rằng ông ta đã nghĩ thầm: “Trong buổi họp này không ai tốt hơn ta.”

Thời kỳ Madinah (năm 1–11 H), không có năm chính xác – những lời báo về điều vô hình khi Người còn sống

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.5 s.52; web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 171

---

## 1615. Người cho biết tình trạng của hai người phụ nữ nói xấu sau lưng khi đang nhịn...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người cho biết tình trạng của hai người phụ nữ nói xấu sau lưng khi đang nhịn chay; khi họ bị cho nôn ra, máu và thịt đã ra theo.

Thời kỳ Madinah (năm 1–11 H), không có năm chính xác – những lời báo về điều vô hình khi Người còn sống

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.5 s.54; 1000 Mucize no.280 (s.258); web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 177

---

## 1616. Lời “Ai giữ mình trong sạch thì Allah làm cho người ấy trong sạch, ai tỏ ra...”

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Lời “Ai giữ mình trong sạch thì Allah làm cho người ấy trong sạch, ai tỏ ra không cần thì Allah làm cho người ấy giàu có” đã hiện thực nơi Abu Sa'id al-Khudri.

Thời kỳ Madinah (năm 1–11 H), không có năm chính xác – những lời báo về điều vô hình khi Người còn sống

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.5 s.55; 1000 Mucize no.244 (s.214); web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 173; Kütüb-i Sitte: Buharî, Zekat 50, Rikak 20; Müslim, Zekat 124, (1053); Ebu Davud, Zekat 28, (1644); Tirmizî, Birr 77, (2025); Nesaî, Zekat 85 [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 4857, c./s. 14/46]

---

## 1617. Người báo rằng kẻ đa thần hỗn xược hỏi về bản chất của Allah sẽ bị sét đánh vào...

Hasan (Tốt) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người báo rằng kẻ đa thần hỗn xược hỏi về bản chất của Allah sẽ bị sét đánh vào đầu, và điều đó đã xảy ra.

Thời kỳ Madinah (năm 1–11 H), không có năm chính xác – những lời báo về điều vô hình khi Người còn sống

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.5 s.48; web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 22, Müşrik reisini yakan yıldırım bâbı; ayrıca: Meclisî, Bihâru'l-envâr, c. 17, s. 353-354

---

## 1618. Về kẻ bịa đặt lời dối trá nhân danh Người, Người nói: “Ta không nghĩ các ngươi...”

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Về kẻ bịa đặt lời dối trá nhân danh Người, Người nói: “Ta không nghĩ các ngươi đuổi kịp hắn”, và người ta tìm thấy hắn đã chết.

Thời kỳ Madinah (năm 1–11 H), không có năm chính xác – những lời báo về điều vô hình khi Người còn sống

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.5 s.49; 1000 Mucize no.296 (s.273); web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 131 bâbı)

---

## 1619. Kẻ nói “Cầu cho kẻ nói dối bị thiêu” khi Azan đang được đọc đã chết cháy trong vụ hỏa hoạn ở nhà hắn

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Kẻ nói “Cầu cho kẻ nói dối bị thiêu” khi Azan đang được đọc đã chết cháy trong vụ hỏa hoạn ở nhà hắn.

Thời kỳ Madinah (năm 1–11 H), không có năm chính xác – những lời báo về điều vô hình khi Người còn sống

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.5 s.37; web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 323; ayrıca: Meclisî, Bihâru'l-envâr, c. 18, s. 68; İbn Şehrâşûb, Menâkıb, c. 1, s. 117

---

## 1620. Người Do Thái được bảo: "Nếu các ngươi thành thật thì hãy mong được chết", và...

**Sahih (Xác thực)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người Do Thái được bảo: "Nếu các ngươi thành thật thì hãy mong được chết", và Người báo rằng họ sẽ không bao giờ mong như thế.

Thời kỳ Madinah (năm 1–11 H), không có năm chính xác – những lời báo về điều vô hình khi Người còn sống

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.5 s.37; web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 41, Necran heyeti bâbı; ayrıca: İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî, s. 221; Meclisî, Bihâru'l-envâr, c. 17, s. 159, 168, 220-221; al-shia.org (Farsça mucize listeleri)

---

## 1621. Người trả lời các câu hỏi của một học giả Do Thái (món ăn đầu tiên của cư dân...)

**Sahih (Xác thực)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người trả lời các câu hỏi của một học giả Do Thái (món ăn đầu tiên của cư dân Thiên Đàng, sự giống nhau của đứa con v.v.); học giả nói: "Ngài nói đúng, ngài là Nabi."

Thời kỳ Madinah (năm 1–11 H), không có năm chính xác – những lời báo về điều vô hình khi Người còn sống

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.5 s.23; İbn Kesîr s.98; web: A'zamî, el-Câmiu'l-Kâmil, Sîre, bâb 584; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 318; ayrıca: İbnü'l-Cevzî, el-Vefâ, s. 347-348; İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî, s. 217-218; Kütüb-i Sitte: Müslim, Hayz 34, (315). [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 5605, c./s. 15/464-465]

---

## 1622. Người trả lời bốn câu hỏi của một nhóm người Do Thái (điều Isra'il tự cấm cho...)

**Sahih (Xác thực)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người trả lời bốn câu hỏi của một nhóm người Do Thái (điều Isra'il tự cấm cho mình, tiếng sấm v.v.) bằng những câu trả lời mà chính họ cũng thừa nhận.

Thời kỳ Madinah (năm 1–11 H), không có năm chính xác – những lời báo về điều vô hình khi Người còn sống

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.5 s.26; web: Heysemî, Mecmau'z-zevâid, K. Alâmâti'n-nübüvve, no 13902-13903; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 316; ayrıca: İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî, s. 218-219; İbnü'l-Cevzî, el-Vefâ, s. 345-346; ayrıca: N. İçel, Hz. Muhammed'in (sas) Mucizeleri -1 (2023), "Yahudî Bilginlerinin Birtakım Sorular Sorarak Peygamberimiz aleyhisselâmı Oyalamaya Çalışmaları" (kitabın dipnotu: İbn İshak-İbn Hişam, Sîre, c:2, s:160-163,191-192; İbn Sa'd, Tabakât, c:1, s:174-175 / Bakara: 97-100); Kütüb-i Sitte: Tirmizî, Tefsir Ra'd, (3116). [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 1695, c./s. 6/387]

---

## 1623. Hai người Do Thái hỏi về "chín dấu hiệu rõ ràng", nhận được câu trả lời liền hôn tay chân Người

**Hasan (Tốt)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Hai người Do Thái hỏi về "chín dấu hiệu rõ ràng", nhận được câu trả lời liền hôn tay chân Người.

Thời kỳ Madinah (năm 1–11 H), không có năm chính xác – những lời báo về điều vô hình khi Người còn sống

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.5 s.29; ayrıca: İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî, s. 219-220; Kütüb-i Sitte: Tirmizî, Nesâî, İbn Mâce (satırdaki künye)

## 1624. Người vạch ra việc người Do Thái lấy tay che câu kinh về hình phạt ném đá trong Kinh Tawrah

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người vạch ra việc người Do Thái lấy tay che câu kinh về hình phạt ném đá trong Kinh Tawrah.

Thời kỳ Madinah (năm 1–11 H), không có năm chính xác – những lời báo về điều vô hình khi Người còn sống

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.5 s.30; İbn Kesîr s.103; web: Buhârî, Menâkıb, Alâmâtü'n-nübüvve, no. 3635; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 317; ayrıca: İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî, s. 223-224; Kütüb-i Sitte: Buhârî, Hudud 37, 24, Cenâiz 61, Menâkıb 26, Tefsir, Âl-i İmran 6, İ'tisâm 16, Tevhid 51; Müslim, Hudud 26, (1699) [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 1613, c./s. 6/250-251]

## 1625. Một người Do Thái đọc Kinh Tawrah bên đầu đứa con trai đang hấp hối đã thừa...

Hasan (Tốt) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Một người Do Thái đọc Kinh Tawrah bên đầu đứa con trai đang hấp hối đã thừa nhận rằng các đặc điểm của Người có ghi trong Kinh Tawrah.

Thời kỳ Madinah (năm 1–11 H), không có năm chính xác – những lời báo về điều vô hình khi Người còn sống

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.5 s.34; web: Heysemî, Mecmau'z-zevâid, K. Alâmâti'n-nübüvve, no 13885, 13891; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 30; ayrıca: İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî, s. 225; ayrıca: N. İçel, Hz. Muhammed'in (sas) Mucizeleri -1 (2023), "Ölüm Döşeğinde Müslüman Olan Yahudî Genci" (kitabın dipnotu: İbn Sa'd, Tabakât, c:1,s:185)

## 1626. Một học giả Do Thái nghe chương Yusuf và sững sờ trước sự phù hợp của nó với...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Một học giả Do Thái nghe chương Yusuf và sững sờ trước sự phù hợp của nó với Kinh Tawrah.

Thời kỳ Madinah (năm 1–11 H), không có năm chính xác – những lời báo về điều vô hình khi Người còn sống

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.5 s.39

## 1627. Người kể từng tên các vì sao đã quỳ lạy Nabi Yusuf cho người Do Thái hỏi về chúng

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người kể từng tên các vì sao đã quỳ lạy Nabi Yusuf cho người Do Thái hỏi về chúng.

Thời kỳ Madinah (năm 1–11 H), không có năm chính xác – những lời báo về điều vô hình khi Người còn sống

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.5 s.41; web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 318

## 1628. Học giả Do Thái Zayd bin Sa'nah thử hai dấu hiệu cuối cùng nơi Người (sự độ...)

Hasan (Tốt) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Học giả Do Thái Zayd bin Sa'nah thử hai dấu hiệu cuối cùng nơi Người (sự độ lượng vượt trên cơn giận) rồi theo Islam.

Thời kỳ Madinah (năm 1–11 H), không có năm chính xác – những lời báo về điều vô hình khi Người còn sống

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.5 s.42; 1000 Mucize no.201 (s.177); web: A'zamî, el-Câmiu'l-Kâmil, Sîre, bâb 601; Heysemî, Mecmau'z-zevâid, K. Alâmâti'n-nübüvve, no 13898; Ebû Nuaym el-İsfahânî, Delâilü'n-nübüvve, 5-6. fasıl, no. 48; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 27; ayrıca: N.

İçel, Hz. Muhammed'in (sas) Mucizeleri -1 (2023), "Peygamberimiz aleyhisselâmın Yumuşak Huyluluğunun Bir Yahudîyi Müslüman Edişi" (kitabın dipnotu: İbn Sa'd, Tabakât, c:1,s:361)

---

## 1629. Người trả lời qua mặc khải các câu hỏi về linh hồn, về Dhul-Qarnayn và về Những...

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người trả lời qua mặc khải các câu hỏi về linh hồn, về Dhul-Qarnayn và về Những Người Trong Hang mà Quraish học từ người Do Thái để hỏi Người.

Thời kỳ Makkah (khoảng năm 615–619 CN)

NGUỒN İbn Kesîr s.94; web: Ebû Nuaym el-İsfahânî, Delâilü'n-nübüvve, 17. fasıl, no. 248; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 238-239; ayrıca: İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî, s. 215; Kütüb-i Sitte: Buhârî 125, Müslim 2794 (satırdaki künye; ruh sorusu)

---

## 1630. Đất nhiều lần đẩy ra ngoài xác của người Kitô giáo từng làm thư ký ghi chép mặc...

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Đất nhiều lần đẩy ra ngoài xác của người Kitô giáo từng làm thư ký ghi chép mặc khải rồi bỏ đạo.

Thời kỳ Madinah (năm 1–11 H), không có năm chính xác – những lời báo về điều vô hình khi Người còn sống

NGUỒN İbn Kesîr s.92; Beyhakî, Delâil c.5 s.441; 1000 Mucize no.125 (s.101); web: Buhârî, Menâkıb, Alâmâtü'n-nübüvve, no. 3617; A'zamî, el-Câmiu'l-Kâmil, Sîre, bâb 585; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 130-131; ayrıca: İbnü'l-Cevzî, el-Vefâ, s. 334; İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî, s. 212-213; Facts and Details, "Miracles of Muhammad"; Kütüb-i Sitte: Buhârî 3617, Müslim 2781 (satırdaki künye)

---

## 1631. Khi Abu Talhah, người mà Umm Sulaym chỉ đặt điều kiện sính lễ là ông theo...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Khi Abu Talhah, người mà Umm Sulaym chỉ đặt điều kiện sính lễ là ông theo Islam, chưa đến chỗ Người, Người đã nói với các Sahabah: "Abu Talhah đang đến với các ngươi, trong mắt ông ấy hiện ánh sáng của Islam", và Người cưới hai người với sính lễ ấy.

Thời điểm không rõ (quanh thời điểm Hijrah, khoảng năm 622 CN)

NGUỒN 1000 Mucize no.137 (s.117); Kütüb-i Sitte (kısmen): Nesâî [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 3456, c./s. 10/252]

---

## 1632. Khi đang ở trong một khu vườn, với ba người lần lượt gõ cửa, Người bảo Anas...

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Khi đang ở trong một khu vườn, với ba người lần lượt gõ cửa, Người bảo Anas: "Hãy mở cửa, báo tin mừng cho người ấy về Thiên Đàng và về quyền Khalifah sau ta": những người đến là Abu Bakr, rồi Umar, rồi Uthman, người cũng được báo trước là sẽ tử vì đạo.

Lời tiên tri: thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ; Ứng nghiệm: quyền Khalifah năm 11, 13 và 23 H, Uthman tử vì đạo năm 35 H (656 CN)

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.5 s.113; 1000 Mucize no.427 (s.419); web: Münkız es-Sakkār, Delâilü'n-nübüvve; Yaqeen Institute, "The Prophecies of Prophet Muhammad"; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 207; ayrıca: İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî, s. 267; Kütüb-i Sitte: Buhârî 3674, 3693; Müslim 2403 (satırdaki künye)

---

## 1633. Về một tên trộm bị đưa đến, trước tiên Người nói: "Hãy giết hắn", khi người ta...

Hasan (Tốt) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Về một tên trộm bị đưa đến, trước tiên Người nói: “Hãy giết hắn”, khi người ta nói “hắn chỉ ăn trộm”, Người ra lệnh chặt tay hắn; người ấy ăn trộm nhiều lần, bị chặt cả tay chân, và khi ăn trộm lần thứ năm, Abu Bakr cho xử tử hắn, nói: “Thiên Sứ của Allah đã biết rõ hắn hơn.”

Lời tiên tri: thời kỳ Madinah; Ứng nghiệm: thời Abu Bakr làm Khalifah (năm 11–13 H / 632–634 CN)

NGUỒN 1000 Mucize no.298 (s.275); web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 176; Kütüb-i Sitte: Ebû Dâvud, Hudud 20, (4410); Nesâî, Sârik 15 [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 1631, c./s. 6/270-271]

---

## 1634. Người chỉ về phía Yemen và nói: “Đức tin ở đó; còn sự thô lỗ và lòng chai cứng...”

**Sahih (Xác thực)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người chỉ về phía Yemen và nói: “Đức tin ở đó; còn sự thô lỗ và lòng chai cứng thì ở nơi mọc lên hai cái sừng của Shaytan, ở Rabi'ah và Mudar, những kẻ la lối bên đuôi lạc đà.”

Lời tiên tri: thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN 1000 Mucize no.325 (s.302); Kütüb-i Sitte: Buhârî, Bed'ü'l- Halk 15, Menakıb 1, Megâzî 74; Müslim, İman 85, (52); Müslim, İman 92, (53) [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 4804, c./s. 13/472; no. 4803, c./s. 13/471; no. 4623, c./s. 13/207]

---

## 1635. Khi người tên Karkarah, người được giao khuân hành lý của Người, chết, Người...

**Sahih (Xác thực)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Khi người tên Karkarah, người được giao khuân hành lý của Người, chết, Người nói: “Hắn ở trong Hỏa Ngục”; khi lục đồ đạc của hắn, người ta phát hiện hắn đã lén lấy một thứ từ chiến lợi phẩm.

Thời điểm không rõ

NGUỒN 1000 Mucize no.402 (s.392); Kütüb-i Sitte: Buhârî, Cihâd 190; İbnu Mâce, Cihâd 34, (2849). [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 1135]

---

## 1636. Người nói: “Hãy noi theo hai người sau ta, Abu Bakr và Umar”, ám chỉ rằng sau...

**Hasan (Tốt)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người nói: “Hãy noi theo hai người sau ta, Abu Bakr và Umar”, ám chỉ rằng sau Người, họ sẽ lần lượt làm Khalifah.

Lời tiên tri: thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ; Ứng nghiệm: năm 11 H (632 CN) và năm 13 H (634 CN)

NGUỒN 1000 Mucize no.424 (s.417); web: Said Nursî, Mektubat, 19. Mektup, 5. İşaret; Questions on Islam, "His Information related to the Future Turn out True"; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 195; ayrıca: İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî, s. 267; Kütüb-i Sitte: Tirmizî, Menakıb, (3804). [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 4371, c./s. 12/422-423]

---

## 1637. Người cho biết tuổi thọ của Ummah Người sẽ từ sáu mươi đến bảy mươi năm; chính...

**Hasan (Tốt)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người cho biết tuổi thọ của Ummah Người sẽ từ sáu mươi đến bảy mươi năm; chính Người cũng qua đời ở tuổi sáu mươi ba.

Thời điểm không rõ

NGUỒN 1000 Mucize no.489 (s.481); ayrıca: İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî, s. 332; Kütüb-i Sitte: Buhârî ve Tirmizî [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 152, c./s. 2/474-475]

## 1638. Khi Dhul-Jawshan, người được Người mời đến với Islam, nói: “Nếu ngài thắng dân...”

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Khi Dhul-Jawshan, người được Người mời đến với Islam, nói: “Nếu ngài thắng dân của ngài, tôi sẽ tin”, Người nói: “Nếu ngươi sống thêm chút nữa, ngươi sẽ thấy ta thắng họ”; một thời gian sau, Dhul-Jawshan nghe một kỵ sĩ từ hướng Makkah đến báo rằng người Makkah đã thua, và ông hối tiếc.

Lời tiên tri: thời kỳ Madinah; Ứng nghiệm: chinh phục Makkah, năm 8 H (630 CN)

NGUỒN 1000 Mucize no.926 (s.762); web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 437

## 1639. Người bảo người du mục hỏi về việc làm đưa đến Thiên Đàng hãy dùng lạc đà và...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người bảo người du mục hỏi về việc làm đưa đến Thiên Đàng hãy dùng lạc đà và túi da nước của mình chở nước cho một gia đình ít nước, và nói: “Ngươi sẽ vào Thiên Đàng trước khi lạc đà ngươi chết và túi nước ngươi cũ đi”; người ấy quả thật đã tử vì đạo trước khi lạc đà của ông chết.

Thời điểm không rõ

NGUỒN 1000 Mucize no.930 (s.765); web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 223

## 1640. Người đặt cho Mas'ud bin ad-Dahhak al-Lakhmi tên Muta' (người được vâng lời) và...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người đặt cho Mas'ud bin ad-Dahhak al-Lakhmi tên Muta' (người được vâng lời) và nói: “Dân của ngươi sẽ vâng lời ngươi”; ông trở về với dân mình, và dân ông phục tùng ông rồi cùng ông đến gặp Nabi ﷺ.

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN 1000 Mucize no.936 (s.769); web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 179

## 1641. Trong một bài thuyết giảng, Người đứng dậy giữa các Sahabah và kể hết mọi điều...

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Trong một bài thuyết giảng, Người đứng dậy giữa các Sahabah và kể hết mọi điều sẽ xảy ra cho đến Ngày Tận Thế, không bỏ sót điều gì; ai nhớ thì nhớ, ai quên thì quên; Hudhayfah nói: “Khi một việc xảy ra, tôi nhớ lại như người nhìn thấy gương mặt của một người lâu ngày không gặp mà nhận ra.”

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 24. fasıl (gayb haberleri)

## 1642. Người cho các Sahabah biết tên, tên cha và bộ tộc của từng kẻ cầm đầu thảm họa...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người cho các Sahabah biết tên, tên cha và bộ tộc của từng kẻ cầm đầu thảm họa sẽ xuất hiện cho đến khi thế gian kết thúc, có số người theo từ ba trăm trở lên (do Hudhayfah thuật lại).

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 24. fasıl (gayb haberleri)

## 1643. Người hứa trước với các Sahabah rằng họ sẽ thắng kẻ thù và Makkah sẽ được chinh...

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người hứa trước với các Sahabah rằng họ sẽ thắng kẻ thù và Makkah sẽ được chinh phục; điều đó đã xảy ra.

Lời tiên tri: thời kỳ Madinah; Ứng nghiệm: năm 8 H (630 CN)

NGUỒN Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 24. fasıl (gayb haberleri)

## 1644. Sau khi mặt trời lặn, Người ra ngoài nghe một tiếng động và nói: “Người Do Thái...”

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Sau khi mặt trời lặn, Người ra ngoài nghe một tiếng động và nói: “Người Do Thái đang bị trừng phạt trong mộ của họ” (do Abu Ayyub al-Ansari thuật lại).

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN Mişkâtü'l-Mesâbîh, Fezâil, bâbün fi'l-mu'cizât, no. 5899

## 1645. Người nói: “Ở Madinah có những Jinn đã theo Islam; nếu các ngươi thấy một trong...”

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người nói: “Ở Madinah có những Jinn đã theo Islam; nếu các ngươi thấy một trong số chúng (rắn nhà), hãy cảnh báo ba ngày, rồi nếu nó còn xuất hiện thì hãy giết nó, nó là Shaytan”, báo cho biết loài Jinn ở Madinah đã vào Islam.

Thời kỳ Madinah (sau Khandaq)

NGUỒN Ebû Nuaym el-İsfahânî, Delâilü'n-nübüvve, 17. fasıl (hicret yolundaki âyetler), no. 249

## 1646. Trong cùng chuyến đi ấy, Người cho Jabir chặt mỗi cây một cành từ hai cái cây...

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Trong cùng chuyến đi ấy, Người cho Jabir chặt mỗi cây một cành từ hai cái cây rồi đặt ở hai nơi khác nhau; Người cho biết Người đi ngang qua hai ngôi mộ đang bị trừng phạt và mong rằng nhờ sự can thiệp của Người, hình phạt của họ được giảm nhẹ chừng nào những cành cây còn tươi.

Trong một chuyến hành quân (được nói là Buwat), khoảng năm 2 H (623 CN)

NGUỒN Beyhakî, Delâilü'n-nübüvve, c.6 s.9 — Delâilü'n-nübüvve: yeryüzü mucizeleri – suyun çoğalması; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 372; ayrıca: İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî, s. 62; Kütüb-i Sitte: Müslim, Zühd 74 (3012) (satırdaki künye)

## 1647. Khi đi đến Baqi' ban đêm, Người biết bóng đen phía trước chính là Aisha, người...

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Khi đi đến Baqi' ban đêm, Người biết bóng đen phía trước chính là Aisha, người lén theo Người, và nói với bà: “Hoặc em nói ra, hoặc Đấng Tinh Tế, Đấng Thấu Suốt sẽ báo cho ta biết.”

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN Yaqeen Institute (M. Elshinawy), "The Prophecies of Prophet Muhammad"

## 1648. Người nghe tiếng của những người bị trừng phạt trong mộ; khi đi ngang qua hai...

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người nghe tiếng của những người bị trừng phạt trong mộ; khi đi ngang qua hai ngôi mộ, Người cho biết chủ của chúng đang bị trừng phạt và cho biết lý do.

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN Wikipedia (en), "Miracles of Muhammad"

## 1649. Khi cưới Umm Salamah, Người nói: “Ta đã gửi tặng Najashi một bộ áo (hullah) và...”

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Khi cưới Umm Salamah, Người nói: “Ta đã gửi tặng Najashi một bộ áo (hullah) và mấy uqiyyah xạ hương; ta nghĩ Najashi đã chết và quà của ta sẽ trở về với ta, nếu nó trở về thì là của nàng”, và món quà đã trở về đúng như Người nói; Người cho mỗi bà vợ một uqiyyah xạ hương, phần còn lại và bộ áo cho Umm Salamah.

Madinah, năm 4–9 H

NGUỒN Heysemî, Mecmau'z-zevâid, K. Alâmâti'n-nübüvve, bâbü ihbârihî bi'l-muğayyebât, no 14071 (8/289)

## 1650. Người nói: “Nếu Qur'an ở trong một tấm da (được gom lại), lửa sẽ không đốt được...”

Hasan (Tốt) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người nói: “Nếu Qur'an ở trong một tấm da (được gom lại), lửa sẽ không đốt được nó” (theo một số người, đó là phép màu riêng của thời Người).

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 197 (Kur'an'ın i'câzı)

## 1651. Người vào giáo đường của người Do Thái và nói: “Hãy cho ta xem mười hai người...”

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người vào giáo đường của người Do Thái và nói: “Hãy cho ta xem mười hai người trong các ngươi làm chứng cho ta, Allah sẽ cất cơn thịnh nộ khỏi toàn thể người Do Thái”; tất cả im lặng, và khi Người ra về, một người trong số họ (Abdullah bin Salam) nói: “Tôi làm chứng rằng Người là vị Nabi của Allah mà các người đã thấy trong Kinh Tawrah.”

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 315 (Yahudilerin onunla buluşması, soruları ve doğruluğunu bilmeleri bâbı)

## 1652. Trong một chuyến đi, khi một cơn gió hôi thối thổi qua, Người nói: “Một số kẻ...”

Hasan (Tốt) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Trong một chuyến đi, khi một cơn gió hôi thối thổi qua, Người nói: “Một số kẻ giả tạo đức tin đã nói xấu sau lưng các tín đồ; cơn gió này thổi vì việc đó.”

Thời kỳ Madinah, một chuyến hành quân (thời điểm không rõ)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 392 (Benî Mustalik gazvesindeki âyetler)

## 1653. Người nói với Bilal: “Đừng bỏ nhịn chay ngày thứ Hai; ta sinh vào thứ Hai, mặc...”

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người nói với Bilal: “Đừng bỏ nhịn chay ngày thứ Hai; ta sinh vào thứ Hai, mặc khải đến với ta vào thứ Hai, ta di cư vào thứ Hai và ta sẽ qua đời vào thứ Hai”, báo trước ngày mất của mình, và Người qua đời vào ngày thứ Hai.

Lời tiên tri: thời kỳ Madinah; Ứng nghiệm: Rabi' al-Awwal năm 11 H (632 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 472 (Vefat edeceği günü ve yeri haber vermesi)

## 1654. Người báo nơi mình sẽ qua đời: “Madinah là đất di cư của ta, là nơi ta nằm...”

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người báo nơi mình sẽ qua đời: “Madinah là đất di cư của ta, là nơi ta nằm xuống (qua đời) và được phục sinh.”

Lời tiên tri: thời kỳ Madinah; Ứng nghiệm: năm 11 H (632 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 473 (Vefat edeceği günü ve yeri haber vermesi)

## 1655. Người báo trước: “Sau ta, mọi người sẽ chia buồn với nhau vì ta (vì sự ra đi...)”

Hasan (Tốt) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người báo trước: “Sau ta, mọi người sẽ chia buồn với nhau vì ta (vì sự ra đi của ta)”; sau khi Người qua đời, mỗi khi gặp nhau người ta đều chia buồn với nhau vì Người.

Lời tiên tri: thời kỳ Madinah; Ứng nghiệm: năm 11 H và sau đó

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 488 (Vefatı sırasında görülen mucizeler ve hasâis)

## 1656. Người nói: “Allah đã cấm đất ăn thi hài các vị Nabi”, cho biết thi hài Người sẽ...

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người nói: “Allah đã cấm đất ăn thi hài các vị Nabi”, cho biết thi hài Người sẽ không bị phân hủy và lời cầu phúc đọc vào ngày Jumu'ah sẽ được trình lên Người.

Lời tiên tri: thời kỳ Madinah

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 489 (Cesedinin çürümemesi)

## 1657. Người nói: “Không ai chào ta mà Allah không trả linh hồn ta về để ta đáp lại...”

Hasan (Tốt) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người nói: “Không ai chào ta mà Allah không trả linh hồn ta về để ta đáp lại lời chào của người ấy.”

Lời tiên tri: thời kỳ Madinah

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 490 (Kabrinde hayatı, namazı ve selamın ulaştırılması)

## 1658. Người nói: “Sự sống của ta là điều tốt cho các ngươi, cái chết của ta cũng là...”

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người nói: “Sự sống của ta là điều tốt cho các ngươi, cái chết của ta cũng là điều tốt cho các ngươi; việc làm của các ngươi được trình lên ta, nếu tốt thì ta ca ngợi Allah, nếu xấu thì ta cầu xin tha thứ cho các ngươi.”

Lời tiên tri: thời kỳ Madinah

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 491 (Hayatının da ölümünün de ümmeti için hayır olması)

---

## 1659. Người muốn đổi tên Hazn, ông nội của Sa'id bin al-Musayyab, nói: "Ngươi là..."

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người muốn đổi tên Hazn, ông nội của Sa'id bin al-Musayyab, nói: "Ngươi là Sahl"; Hazn nói: "Tôi không đổi tên cha tôi đặt", và Sa'id nói: "Từ đó trong gia đình chúng tôi chưa bao giờ hết sự khắc nghiệt (huzunah)."

Thời kỳ Madinah (sau cuộc chinh phục), thời điểm không rõ

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 123 (Türlerine göre mucizeler bölümü (alt bâb başlığı özetten alınamadı))

---

## 1660. Một nhóm Sahabah người Ansar trong cùng một đêm muốn đọc một chương họ đã thuộc...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Một nhóm Sahabah người Ansar trong cùng một đêm muốn đọc một chương họ đã thuộc nhưng không nhớ được gì ngoài câu Bismillah; sáng ra họ hỏi, Người nói: "Chương ấy đã được rút lại (bị bãi bỏ) đêm qua", cho biết điều đó đã xảy ra với tất cả họ.

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 124 (Cansız varlık türlerindeki mucizeleri)

---

## 1661. Một đêm ở bên Aisha, Người thức dậy cầu xin, một luồng sáng chiếu khắp căn nhà...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Một đêm ở bên Aisha, Người thức dậy cầu xin, một luồng sáng chiếu khắp căn nhà đến rồi đi ba lần (mỗi lần sáng hơn); Người nói: "Ta xin Thượng Đế tha thứ cho một phần ba Ummah của ta, Ngài đã ban; ta xin phần ba thứ hai và phần ba cuối cùng, Ngài cũng đã ban."

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 136 (Hâne-i saadetin üç kez nurlanması ve ümmetinin tamamının mağfireti hakkındaki duasının kabulü bâbı)

---

## 1662. Người đến bên một nhóm người đang tưởng nhớ Allah, trong đó có Salman, và nói...

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người đến bên một nhóm người đang tưởng nhớ Allah, trong đó có Salman, và nói: "Các ngươi đang nói gì? Ta thấy lòng thương xót đang giáng xuống các ngươi, ta muốn được chung phần với các ngươi."

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 144 (Rahmetin ve sekînetin görülmesi bâbı)

---

## 1663. Trong một buổi họp, Người nhìn lên trời rồi cúi đầu; khi được hỏi, Người cho...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Trong một buổi họp, Người nhìn lên trời rồi cúi đầu; khi được hỏi, Người cho biết Người thấy sự thanh thản (sakinah) do các Thiên Thần mang đến giáng xuống như một mái vòm trên nhóm người đang tưởng nhớ Allah,

và khi một người trong họ nói một lời sai trái thì nó được đưa trở lên.

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 144 (Rahmetin ve sekînetin görülmesi bâbı)

---

## 1664. Khi được mang nước mật ong, Abu Bakr khóc và kể rằng lúc không có ai bên cạnh...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Khi được mang nước mật ong, Abu Bakr khóc và kể rằng lúc không có ai bên cạnh, Người lấy tay như đẩy một vật gì ra và nói: "Hãy tránh xa ta"; khi được hỏi, Người cho biết thế gian hiện ra trước Người trong hình hài một vật thể và vươn tới Người, khi Người nói "Hãy tránh xa ta", nó nói: "Ngài đã thoát khỏi tôi, nhưng những người sau ngài sẽ không thoát được."

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 146 (Mânaların cisim sûretinde görülmesine dair mucizeler)

---

## 1665. Người cho biết thế gian đã trang điểm trong hình hài xanh tươi ngọt ngào đến...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người cho biết thế gian đã trang điểm trong hình hài xanh tươi ngọt ngào đến với Người và ngẩng đầu lên, còn Người thì nói: "Ta không muốn ngươi."

Thời điểm không rõ

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 147 (Mânaların cisim sûretinde görülmesine dair mucizeler)

---

## 1666. Jibril đến, tay cầm một tấm gương trắng có một chấm đen ở giữa và nói: "Đây là..."

Hasan (Tốt) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Jibril đến, tay cầm một tấm gương trắng có một chấm đen ở giữa và nói: "Đây là ngày Jumu'ah; Thượng Đế của ngài ban nó cho ngài và Ummah của ngài làm ngày lễ; còn chấm đen là Giờ Tận Thế sẽ xảy ra vào ngày ấy."

Thời điểm không rõ

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 147 (Mânaların cisim sûretinde görülmesine dair mucizeler)

---

## 1667. Một buổi sáng Người vui mừng bước ra và kể rằng đêm qua khi ngủ gật trong lễ...

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Một buổi sáng Người vui mừng bước ra và kể rằng đêm qua khi ngủ gật trong lễ nguyện, Người đã thấy Thượng Đế của mình trong hình ảnh đẹp nhất, được hỏi: "Cõi Cao Nhất đang tranh luận về điều gì?", và khi Người cảm thấy sự mát lạnh của bàn tay quyền năng trên ngực mình, Người đã biết những gì ở trên các tầng trời và dưới mặt đất.

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 147-148 (Mânaların cisim sûretinde görülmesine dair mucizeler)

---

## 1668. Với Aisha hỏi về con cái của những kẻ đa thần, Người nói: "Nếu em muốn, ta sẽ..."

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Với Aisha hỏi về con cái của những kẻ đa thần, Người nói: “Nếu em muốn, ta sẽ cho em nghe tiếng kêu gào của chúng trong Hỏa Ngục.”

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 148 (Mânaların cisim sûretinde görülmesine dair mucizeler)

---

## 1669. Khi ở bên Người bốc lên một mùi hôi, Người nói: “Các ngươi có biết đây là gì...”

**Hasan (Tốt)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Khi ở bên Người bốc lên một mùi hôi, Người nói: “Các ngươi có biết đây là gì không? Đó là mùi của những kẻ nói xấu sau lưng các tín đồ.”

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 149 (Mânaların cisim sûretinde görülmesine dair mucizeler)

---

## 1670. Giữa sa mạc, Người dạy Islam cho một kỵ sĩ đã bỏ gia đình để đến với Người; khi...

**Da'if (Yếu)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Giữa sa mạc, Người dạy Islam cho một kỵ sĩ đã bỏ gia đình để đến với Người; khi chân con lạc đà của ông sụt vào hang chuột đồng, ông ngã xuống và chết; Người nói: “Ông ấy làm ít mà được thưởng nhiều; ta thấy hai Thiên Thần đút trái cây Thiên Đàng vào miệng ông ấy” (theo lời thuật khác: các tiên nữ Huri muốn có ông và ông được cưới bảy mươi Huri).

Thời kỳ Madinah (khoảng năm 10 H), thời điểm không rõ

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 150 (Mânaların cisim sûretinde görülmesine dair mucizeler)

---

## 1671. Khi vào Thiên Đàng, Người nghe một tiếng đọc Qur'an và được cho biết người đọc...

**Sahih (Xác thực)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Khi vào Thiên Đàng, Người nghe một tiếng đọc Qur'an và được cho biết người đọc là Harithah bin an-Nu'man; Người nói: “Điều thiện (hiếu thảo với mẹ) là như thế.”

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 151 (Mânaların cisim sûretinde görülmesine dair mucizeler)

---

## 1672. Jibril nắm tay Người chỉ cho Người cánh cổng Thiên Đàng mà Ummah của Người sẽ...

**Sahih (Xác thực)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Jibril nắm tay Người chỉ cho Người cánh cổng Thiên Đàng mà Ummah của Người sẽ bước vào; với Abu Bakr nói “Ước gì tôi ở cùng ngài mà được thấy”, Người nói: “Ngươi là người đầu tiên trong Ummah của ta sẽ vào Thiên Đàng.”

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 151 (Mânaların cisim sûretinde görülmesine dair mucizeler)

## 1673. Khi ở bên Người, các Sahabah thấy một tấm áo choàng (burdah) và một bàn tay...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Khi ở bên Người, các Sahabah thấy một tấm áo choàng (burdah) và một bàn tay; khi được hỏi, Người nói: “Đó là Isa con trai của Maryam; ngài đã chào ta.”

Thời điểm không rõ

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 152 (Hızır ve Îsâ aleyhimesselâm ile buluşması bâbı)

## 1674. Người đến thăm Abu Bakr bị bệnh, vừa ra về và báo cho Aisha biết bệnh tình của...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người đến thăm Abu Bakr bị bệnh, vừa ra về và báo cho Aisha biết bệnh tình của ông, thì Abu Bakr đã khỏi bệnh mà đến; ông nói: “Khi ngài ra về, tôi ngủ thiếp đi, Jibril đến nhỏ một vị thuốc vào mũi tôi (sa'ut), và tôi thức dậy đã khỏi bệnh.”

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 156 (Ashabının melekleri görmesi ve sözlerini işitmesine dair mucizeler)

## 1675. Các bậc cao niên ở Madinah báo cho Thiên Sứ của Allah ﷺ rằng nhà của Thabit bin...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Các bậc cao niên ở Madinah báo cho Thiên Sứ của Allah ﷺ rằng nhà của Thabit bin Qays bin Shammas sáng rực như có đèn suốt đêm; Người nói: “Có lẽ ông ấy đã đọc chương al-Baqarah”, và Thabit xác nhận điều đó.

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 157 (Ashabının melekleri görmesi ve sözlerini işitmesine dair mucizeler)

## 1676. Với một nhóm Người Kinh Sách mang theo các bản kinh đến, Người nói: “Nếu các...”

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Với một nhóm Người Kinh Sách mang theo các bản kinh đến, Người nói: “Nếu các ngươi muốn, ta sẽ nói điều các ngươi sắp hỏi trước khi các ngươi nói ra”, cho biết họ đến để hỏi về Dhul-Qarnayn, và kể câu chuyện ông (là một chàng trai La Mã, xây dựng Alexandria, được một Thiên Thần đưa lên trời cho xem mặt đất, xây con đê chắn) đúng như trong kinh sách của họ.

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 172 (Önceki bâblarda geçenler dışında haber verdiği gaybî şeylere dair mucizeler)

## 1677. Khi Aisha nói về một người phụ nữ đi ngang qua: “Vạt áo bà ta dài quá”, Người...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Khi Aisha nói về một người phụ nữ đi ngang qua: “Vạt áo bà ta dài quá”, Người nói: “Hãy nhổ ra”, và từ miệng Aisha rơi ra một miếng thịt.

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 178 (Önceki bâblarda geçenler dışında haber verdiği gaybî şeylere dair mucizeler)

## 1678. Thấy hai kỵ sĩ từ xa đến, Người nói: "Người Kindah, người Madhhij"; khi họ đến...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Thấy hai kỵ sĩ từ xa đến, Người nói: "Người Kindah, người Madhhij"; khi họ đến gần, hai người hóa ra là người Madhhij đến tuyên thệ trung thành.

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 179 (Önceki bâblarda geçenler dışında haber verdiği gaybî şeylere dair mucizeler)

## 1679. Người nói: "Bây giờ một người thuộc cư dân Thiên Đàng sẽ đến với các ngươi", và...

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người nói: "Bây giờ một người thuộc cư dân Thiên Đàng sẽ đến với các ngươi", và Abu Bakr bước ra đến (khi đến thăm Sa'd bin ar-Rabi', với cùng lời ấy, lần lượt Abu Bakr, Umar, Uthman và Ali đến; theo lời thuật của Salma thì Ali đến).

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 180-181 (Önceki bâblarda geçenler dışında haber verdiği gaybî şeylere dair mucizeler)

## 1680. Người nói: "Người đầu tiên bước vào từ cánh cửa kia là người thuộc cư dân Thiên..."

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người nói: "Người đầu tiên bước vào từ cánh cửa kia là người thuộc cư dân Thiên Đàng", và Sa'd bin Abi Waqqas bước vào (theo một lời thuật, Người nói cùng lời ấy ba ngày liền và lần nào cũng là Sa'd đến).

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 180 (Önceki bâblarda geçenler dışında haber verdiği gaybî şeylere dair mucizeler)

## 1681. Aisha được Người cử đi xem mặt một phụ nữ thuộc bộ tộc Kalb mà Người muốn cưới...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Aisha được Người cử đi xem mặt một phụ nữ thuộc bộ tộc Kalb mà Người muốn cưới, về nói: "Em không thấy gì đáng kể"; Người nói: "Em đã thấy trên má cô ấy một nốt ruồi khiến em sởn gai ốc"; Aisha nói: "Không bí mật nào giấu được ngài."

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 181 (Önceki bâblarda geçenler dışında haber verdiği gaybî şeylere dair mucizeler)

## 1682. Người bước ra trong cơn giận và nói: "Hôm nay các ngươi hỏi ta điều gì ta cũng..."

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người bước ra trong cơn giận và nói: "Hôm nay các ngươi hỏi ta điều gì ta cũng sẽ nói" (Jibril ở bên Người); Người cho những người hỏi biết cha của họ là ai và chỗ của họ trên Thiên Đàng hay trong Hỏa Ngục; Umar làm Người nguôi giận khi nói: "Chúng tôi chấp nhận Allah là Thượng Đế, Islam là tôn giáo, Muhammad là Nabi."

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 182 (Önceki bâblarda geçenler dışında haber verdiği gaybî şeylere dair mucizeler)

---

## 1683. Trước sự nghi ngờ của Damdam bin Qatadah, người có vợ sinh một đứa con da đen...

**Sahih (Xác thực)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Trước sự nghi ngờ của Damdam bin Qatadah, người có vợ sinh một đứa con da đen, Người hỏi về màu lông đàn lạc đà của ông rồi nói: "Có lẽ nó mang một dòng máu trong dòng dõi" (về sau người ta biết trong gia đình có một bà tổ da đen).

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 182 (Önceki bâblarda geçenler dışında haber verdiği gaybî şeylere dair mucizeler)

---

## 1684. Khi một người ít được biết đến về sự thờ phụng qua đời, Người nói: "Các ngươi..."

**Da'if (Yếu)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Khi một người ít được biết đến về sự thờ phụng qua đời, Người nói: "Các ngươi có biết Allah đã cho người ấy vào Thiên Đàng không?"; các Sahabah ngạc nhiên đi tìm hiểu, và biết rằng mỗi khi người gọi Azan đọc Azan, người ấy đều lặp lại lời chứng nhận đức tin và đọc cùng lời cầu xin ấy.

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 183 (Önceki bâblarda geçenler dışında haber verdiği gaybî şeylere dair mucizeler)

---

## 1685. Trong một cuộc chinh phạt, Người lần lượt báo: "Các ngươi sẽ chinh phạt bán đảo..."

**Sahih (Xác thực)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Trong một cuộc chinh phạt, Người lần lượt báo: "Các ngươi sẽ chinh phạt bán đảo Ả Rập, Allah sẽ cho chinh phục; rồi Ba Tư, Allah sẽ cho chinh phục; rồi La Mã, Allah sẽ cho chinh phục; rồi Dajjal, Allah sẽ cho chinh phục" (do Hashim/Nafi' bin Utbah thuật lại).

Lời tiên tri: thời kỳ Madinah; Ứng nghiệm: năm 8–21 H (630–642 CN) và sau đó

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 192 (kendisinden sonra olacakları haber vermesi ve haber verdiği gibi çıkması)

---

## 1686. Người báo: "Sau ta sẽ có những Khalifah làm theo điều họ biết, làm điều họ được..."

**Da'if (Yếu)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người báo: "Sau ta sẽ có những Khalifah làm theo điều họ biết, làm điều họ được ra lệnh; sau họ sẽ có những Khalifah làm theo điều họ không biết, làm điều họ không được ra lệnh" (do Abu Hurairah thuật lại).

Lời tiên tri: thời kỳ Madinah; Ứng nghiệm: năm 11–40 H và sau năm 41 H

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 194 (kendisinden sonra olacakları haber vermesi ve haber verdiği gibi çıkması)

---

## 1687. Khi Abu Bakr nói: "Trong mơ tôi thấy mình giẫm lên phân người và thấy trên ngực..."

**Da'if (Yếu)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Khi Abu Bakr nói: “Trong mơ tôi thấy mình giẫm lên phân người và thấy trên ngực mình hai dấu vết (raqmah)”, Người giải: “Ngươi sẽ gánh vác việc của mọi người; hai dấu vết là hai năm”, và quyền Khalifah của ông kéo dài khoảng hai năm.

Lời tiên tri: thời kỳ Madinah; Ứng nghiệm: năm 11–13 H (632–634 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 195 (kendisinden sonra olacakları haber vermesi ve haber verdiği gibi çıkması)

---

## 1688. Người báo: “Không có sứ mạng Nabi nào mà sau đó không có quyền Khalifah; không...”

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người báo: “Không có sứ mạng Nabi nào mà sau đó không có quyền Khalifah; không có quyền Khalifah nào mà sau đó không có vương quyền; không có của bố thí (Zakat) nào mà cuối cùng không biến thành thuế má (maks)” (do Abdurrahman bin Sahl al-Ansari thuật lại).

Lời tiên tri: thời kỳ Madinah; Ứng nghiệm: năm 11 H và sau năm 41 H

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 197 (kendisinden sonra olacakları haber vermesi ve haber verdiği gibi çıkması)

---

## 1689. Người báo: “Quyền Khalifah sẽ ở Madinah, vương quyền sẽ ở Sham” (do Abu...)

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người báo: “Quyền Khalifah sẽ ở Madinah, vương quyền sẽ ở Sham” (do Abu Hurairah thuật lại).

Lời tiên tri: thời kỳ Madinah; Ứng nghiệm: năm 11–35 H ở Madinah, năm 41–132 H ở Sham

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 197 (kendisinden sonra olacakları haber vermesi ve haber verdiği gibi çıkması)

---

## 1690. Người nói với Quraish: “Việc này sẽ ở trong tay các ngươi, các ngươi là những...”

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người nói với Quraish: “Việc này sẽ ở trong tay các ngươi, các ngươi là những người cai quản nó, chừng nào các ngươi chưa bày đặt điều mới. Nếu các ngươi bày đặt, Allah sẽ sai những tạo vật xấu xa nhất của Ngài đến với các ngươi, chúng sẽ lột các ngươi như lột vỏ cây” (do Abu Mas'ud al-Ansari thuật lại).

Lời tiên tri: thời kỳ Madinah; Ứng nghiệm: sau năm 11 H

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 204 (Abbâsîlerin hilafetini haber vermesi)

---

## 1691. Người báo: “Ngày Tận Thế sẽ không xảy ra cho đến khi một số bộ tộc trong Ummah...”

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người báo: “Ngày Tận Thế sẽ không xảy ra cho đến khi một số bộ tộc trong Ummah của ta theo những kẻ đa thần và thờ tượng thần” (do Thawban thuật lại).

Lời tiên tri: thời kỳ Madinah; Ứng nghiệm: các biến cố bỏ đạo, năm 11 H (632 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 216 (kendisinden sonra irtidat olacağını haber vermesi)

---

## 1692. Khi có người nói với Người: “Bức tường đổ lên Ammar, ông ấy chết rồi”, Người...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Khi có người nói với Người: “Bức tường đổ lên Ammar, ông ấy chết rồi”, Người nói: “Ammar không chết”, và Ammar ra khỏi đó còn sống (do Hudhayl thuật lại).

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 239 (Ammâr b. Yâsir'in öldürüleceğini haber vermesi)

---

## 1693. Qays bin Mutatiyah đến chỗ nhóm người có Salman, Suhayb và Bilal, nói: “Aws và...”

**Da'if (Yếu)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Qays bin Mutatiyah đến chỗ nhóm người có Salman, Suhayb và Bilal, nói: “Aws và Khazraj đã giúp người này, còn những kẻ này thì sao?”; Mu'adh bắt ông ta đưa đến; Người giận dữ vào masjid đọc bài thuyết giảng: “Thượng Đế là một, cha là một, tôn giáo là một; tư cách người Ả Rập không đến từ cha mẹ mà từ ngôn ngữ”, và nói về Qays: “Hãy để mặc hắn, hắn sẽ vào Lửa”; Qays bỏ đạo trong các biến cố Riddah và bị giết (mursal từ Abu Salamah bin Abdurrahman).

Lời tiên tri: thời kỳ Madinah; Ứng nghiệm: năm 11 H (632 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 247 (Kays b. Mutâtıye'nin hâlini haber vermesi)

---

## 1694. Người nói với một người phụ nữ cứ rình nhìn Sa'd: “Cầu cho mặt ngươi xấu đi...”

**Da'if (Yếu)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người nói với một người phụ nữ cứ rình nhìn Sa'd: “Cầu cho mặt ngươi xấu đi (quay ngược lại)”, và mặt người phụ nữ quay ra sau gáy (do Mina thuật lại).

Thời điểm không rõ (Madinah)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 281 (duaların kabulündeki mucizeler: Sa'd b. Ebî Vakkâs için duası)

---

## 1695. Người cho đứa trẻ mà cha mẹ, một người Muslim một người ngoại đạo, tranh chấp...

**Hasan (Tốt)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người cho đứa trẻ mà cha mẹ, một người Muslim một người ngoại đạo, tranh chấp với nhau được tự chọn; khi đứa trẻ hướng về người ngoại đạo, Người nói: “Lạy Allah, xin hướng dẫn nó”, và đứa trẻ quay về phía người Muslim (Abd al-Hamid bin Salamah thuật lại từ ông nội mình).

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 284 (duaların kabulündeki mucizeler)

---

## 1696. Trong một toán quân, một người trái lệnh dâng lễ nguyện một mình trên đất chứ...

**Da'if (Yếu)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Trong một toán quân, một người trái lệnh dâng lễ nguyện một mình trên đất chứ không cùng mọi người; Người nói: “Hắn đã chống đối; cầu Allah cũng làm hắn thành kẻ chống đối”, và người ấy chết ngoài Islam (do Damrah và Muhajir bin Habib thuật lại).

Thời kỳ Madinah, một toán quân (thời điểm không rõ)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 292 (duaların kabulündeki mucizeler)

## 1697. Người dạy một người than túng thiếu hãy nói một trăm lần giữa rạng đông và lễ...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người dạy một người than túng thiếu hãy nói một trăm lần giữa rạng đông và lễ nguyện Fajr: “Subhanallahi wa bihamdihi, subhanallahil-'azim, astaghfirullah”; người ấy sau đó đến nói: “Thế gian đến với tôi nhiều đến mức tôi không biết để vào đâu” (do Ibn Umar thuật lại).

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 299 (humma rukyesi, borç duası, cin rukyesi ve diğer öğrettiği dualar)

## 1698. Người cho biết câu kinh “Quli-d'ullaha awi-d'ur-Rahman” (chương al-Isra', câu...)

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người cho biết câu kinh “Quli-d'ullaha awi-d'ur-Rahman” (chương al-Isra', câu 110–111) là sự bảo vệ chống trộm; một tên trộm lẻn vào nhà một Sahabah đã đọc câu ấy trước khi ngủ, gom đồ đạc ba lần đến cửa nhưng lần nào cũng thấy cửa đóng mà không ra được (do Ibn Abbas thuật lại).

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 300 (humma rukyesi, borç duası, cin rukyesi ve diğer öğrettiği dualar)

## 1699. Người nói (về trang Kinh Tawrah Umar mang đến): “Thề bởi Đấng nắm sinh mạng ta...”

Hasan (Tốt) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người nói (về trang Kinh Tawrah Umar mang đến): “Thề bởi Đấng nắm sinh mạng ta trong tay, nếu Musa còn sống, ông ấy cũng không thể làm gì khác ngoài đi theo ta.”

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 319 (bütün peygamberlere üstün kılındığı ve kendisinden önce kimseye verilmeyen hususiyetler)

## 1700. Khi Umar tát người chủ nợ Do Thái phản đối câu nói “Thề bởi Đấng đã làm...”

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Khi Umar tát người chủ nợ Do Thái phản đối câu nói “Thề bởi Đấng đã làm Muhammad ưu việt hơn loài người”, Người nói: “Adam là người được Allah chọn lọc, Ibrahim là bạn thân của Allah, Musa là người được Allah nói chuyện riêng, Isa là linh hồn của Allah; còn ta là người yêu dấu của Allah; Allah đã đặt cho Ummah ta hai cái tên từ tên Ngài là Muslimin và Mu'minin; chúng ta là những người sau cùng nhưng vào Ngày Tận Thế là những người đi trước; Thiên Đàng bị cấm với các vị Nabi chừng nào ta chưa vào, bị cấm với các cộng đồng khác chừng nào Ummah ta chưa vào” (do Makhul thuật lại; việc Thiên Đàng bị cấm còn được thuật lại từ Umar và Ibn Abbas).

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 362 (ümmetine özgü hususiyetler bâbları)

## 1701. Người quỳ lạy lâu đến mức các Sahabah tưởng linh hồn Người đã bị lấy đi; khi...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người quỳ lạy lâu đến mức các Sahabah tưởng linh hồn Người đã bị lấy đi; khi ngẩng đầu lên, Người cho biết Thượng Đế đã ba lần hỏi ý Người về Ummah của Người, và khi Người nói: "Lạy Thượng Đế, họ là bề tôi của Ngài", Ngài phán: "Ta sẽ không làm ngươi buồn về Ummah của ngươi", và báo tin mừng rằng bảy mươi nghìn người sẽ vào Thiên Đàng không bị thẩm xét cùng những ân huệ khác (do Hudhayfah thuật lại).

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 365 (ümmetine özgü hususiyetler bâbları)

---

## 1702. Người nói với một chàng trai Quraish đã uống máu giác hơi của Người: "Hãy đi..."

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người nói với một chàng trai Quraish đã uống máu giác hơi của Người: "Hãy đi, ngươi đã tự che chở mình khỏi Lửa" (do Ibn Abbas thuật lại).

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 440 (ona özgü ikramlar (kerâmât) kısmı)

---

## 1703. Đứa trẻ (có người nói là hai đứa) mà Người giác hơi rồi trao máu đã uống máu...

Hasan (Tốt) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Đứa trẻ (có người nói là hai đứa) mà Người giác hơi rồi trao máu đã uống máu ấy; khi Jibril đến báo tin, Người nói: "Lửa sẽ không chạm đến ngươi" (do Asma' bint Abi Bakr thuật lại).

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 441 (ona özgü ikramlar (kerâmât) kısmı)

---

## 1704. Người hầu Barakah của Umm Salamah (có người nói là của Umm Habibah) uống nước...

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người hầu Barakah của Umm Salamah (có người nói là của Umm Habibah) uống nước tiểu của Người để trong cái cốc dưới giường; Người nói: "Ngươi đã tự che chở mình khỏi Lửa bằng một bức tường vững chắc" (do Hukaymah bint Umaymah thuật lại).

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 441 (ona özgü ikramlar (kerâmât) kısmı)

---

## 1705. Một hôm Người đến với gương mặt rạng rỡ niềm vui và cho biết một Thiên Thần...

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Một hôm Người đến với gương mặt rạng rỡ niềm vui và cho biết một Thiên Thần (Jibril) đã đến chuyển lời báo tin mừng từ Thượng Đế: "Ai trong Ummah của ngươi gửi đến ngươi một lời cầu phúc, Ta sẽ ban cho người ấy mười lời cầu phúc; ai gửi lời chào, Ta sẽ chào người ấy mười lần" (do Abu Talhah và Umar thuật lại).

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 453 (salât ü selâmın fazileti bâbı)

## 1706. Khi Hasan và Husayn vật nhau, Người cổ vũ Hasan; Fatimah hỏi thì Người nói...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Khi Hasan và Husayn vật nhau, Người cổ vũ Hasan; Fatimah hỏi thì Người nói: "Jibril cũng đang cổ vũ Husayn"; có lời thuật rằng trong bùa đeo ở cổ hai cậu có lông từ cánh của Jibril (do Muhammad bin Ali và Ibn Umar thuật lại).

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 465 (Ehl-i beytinin, eşlerinin ve ashabının şerefi bâbı)

## 1707. Lời hứa "Ngài sẽ ban cho các ngươi điều tốt hơn điều đã bị lấy đi" (chương...)

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Lời hứa "Ngài sẽ ban cho các ngươi điều tốt hơn điều đã bị lấy đi" (chương al-Anfal, câu 70) dành cho người chú Abbas, người đã nộp tiền chuộc cho mình và Aqil ở Badr, đã ứng nghiệm: khi Abbas nói "cho tôi nữa" trước số của cải đến sau đó, người ta chất vào áo ông nhiều đến mức ông không mang nổi.

Lời tiên tri: sau Badr, năm 2 H; Ứng nghiệm: thời kỳ Madinah (của cải đến sau đó)

NGUỒN İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî (el-Bidâye ve'n-Nihâye'den; thk. es-Seyyid İbrâhîm), tek cilt, s. 238 (Bâbü mâ ahbera bihî mine'l-kâinâti'l-müstakbele fî hayâtihî ve ba'deh)

## 1708. Umar đến chỗ người Do Thái đang học Kinh Tawrah và bắt họ thề; thủ lĩnh của họ...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Umar đến chỗ người Do Thái đang học Kinh Tawrah và bắt họ thề; thủ lĩnh của họ thừa nhận: "Chúng tôi biết người ấy là sứ giả của Allah", rồi viện cớ: "Jibril là kẻ thù của chúng tôi, Mika'il là bạn của chúng tôi"; khi Umar đến để báo việc này, chưa đợi ông nói, Nabi ﷺ đã đọc cho ông câu kinh được mặc khải về việc ấy (chương al-Baqarah, câu 97), và Umar nói: "Thề bởi Đấng đã cử ngài với chân lý, tôi cũng đến để báo điều này."

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN İbnü'l-Cevzî, el-Vefâ bi-ahvâli'l-Mustafâ (thk. M. Abdülkādir Atâ, DKİ 1408/1988), tek cilt, s. 44-45 (4. bâb: Tevrat ve İncil'de zikri)

## 1709. Người kể rằng một con bò bị cưỡi đã quay lại nói với chủ: "Tôi không được tạo..."

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người kể rằng một con bò bị cưỡi đã quay lại nói với chủ: "Tôi không được tạo ra cho việc này mà để kéo cày", và con sói cắp cừu nói với người chăn: "Vào ngày của thú dữ, ngày nó không có người chăn nào ngoài ta, ai sẽ bảo vệ nó?", rồi nói: "Ta, Abu Bakr và Umar tin điều này" (do Abu Hurairah thuật lại).

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ (sự việc được kể thuộc về các cộng đồng trước)

NGUỒN Jeffrey Hays (der.), "Miracles of Muhammad", Facts and Details – Middle East and North Africa, "Miracles of Muhammad: the Talking Wolf and Expulsion of a Liar's Corpse" bölümü

## 1710. Trong một cuộc chinh phạt, về người lo nhặt củi, kéo nước cho các bạn đồng...

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Trong một cuộc chinh phạt, về người lo nhặt củi, kéo nước cho các bạn đồng hành, làm việc bằng ba người, Người nói: "Hắn thuộc cư dân Hỏa Ngục"; khi gặp kẻ thù, người ấy bị thương và dùng một mũi tên tự sát; Người nói: "Ta

làm chứng rằng ta là Thiên Sứ và bề tôi của Allah" (do Abu Sa'id al-Khudri thuật lại).

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN Râvendî, el-Harâic ve'l-cerâih, c. 1, s. 61 (el-Bâbü'l-evvel fî mu'cizâti nebiyyinâ Muhammed)

---

## 1711. Một người nói: "Tôi lên đường khi vợ tôi đang có kinh, khi tôi về thì cô ấy đã..."

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Một người nói: "Tôi lên đường khi vợ tôi đang có kinh, khi tôi về thì cô ấy đã có thai"; Người cho gọi hai người bị ông nghi đến và nói: "Nếu đứa trẻ là của người này thì sẽ sinh ra tóc xoăn, thế này thế nọ"; đứa trẻ sinh ra đúng như Người nói.

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN Râvendî, el-Harâic ve'l-cerâih, c. 1, s. 87 (el-Bâbü'l-evvel fî mu'cizâti nebiyyinâ Muhammed)

---

## 1712. Khi đi đưa đám con gái mình, Người nói: "Kẻ nào đêm qua đã gần gũi nữ tỳ của..."

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Khi đi đưa đám con gái mình, Người nói: "Kẻ nào đêm qua đã gần gũi nữ tỳ của mình thì đừng dự đám tang này", rồi khi không ai đứng dậy, Người nói: "Hoặc người ấy đứng dậy, hoặc ta sẽ nói ra tên người ấy cùng tên cha người ấy" (cho thấy Người biết một việc thầm kín).

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN Râvendî, el-Harâic ve'l-cerâih, c. 1, s. 96 (el-Bâbü'l-evvel fî mu'cizâti nebiyyinâ Muhammed)

---

## 1713. Qays bin Aranah al-Bajali, người được Người gửi thư mời, giấu người bạn...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Qays bin Aranah al-Bajali, người được Người gửi thư mời, giấu người bạn Khuwaylid bin al-Harith al-Kalbi đang ngại vào thành và chờ trên núi, đến hỏi: "Tôi có được an toàn không?"; Người đáp: "Có; cả người bạn của ngươi ở lại trên núi cũng vậy"; Qays lập tức đọc lời chứng nhận đức tin.

Thời kỳ Madinah (các phái đoàn, năm 9–10 H)

NGUỒN Râvendî, el-Harâic ve'l-cerâih, c. 1, s. 103-104 (el-Bâbü'l-evvel fî mu'cizâti nebiyyinâ Muhammed)

---

## 1714. Những từ mà người du mục hỏi và không ai biết (sulaya: đất khô cằn gieo không...)

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Những từ mà người du mục hỏi và không ai biết (sulaya: đất khô cằn gieo không mọc gì; quraya: đất mọc thưa, không bõ công), những nơi tốt nhất và xấu nhất trên mặt đất (các masjid và các khu chợ) và giọt máu đầu tiên rơi xuống đất (máu Hawa khi sinh Qabil) đã được Jibril lên trời hỏi rồi báo cho Người.

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN Râvendî, el-Harâic ve'l-cerâih, c. 1, s. 110-111 (el-Bâbü'l-evvel fî mu'cizâti nebiyyinâ Muhammed)

---

## 1715. Một người Do Thái hỏi: "Mỗi vị Nabi đều có một Haman; của ngài là ai?"; Người...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Một người Do Thái hỏi: “Mỗi vị Nabi đều có một Haman; của ngài là ai?”; Người nói: “Nếu ta chỉ cho ngươi, ngươi có tin không?”; người Do Thái kể mười dấu hiệu, và khi hai người đầu tiên bước vào nhận câu trả lời “không”, người thứ ba được đáp “có”, ông ta nói: “Tôi làm chứng rằng ngài là sứ giả của Allah.”

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN Râvendî, el-Harâic ve'l-cerâih, c. 3, s. 1083-1084 (el-Bâbü'l-ışrûn fî alâmât ve merâtib nebiyyinâ ve evsiyâih)

---

## 1716. Người nói với các Sahabah: “Bây giờ một người thuộc Rabi'ah, nói bằng lưỡi của...”

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người nói với các Sahabah: “Bây giờ một người thuộc Rabi'ah, nói bằng lưỡi của Shaytan, sẽ bước vào”; Hutam bin Hind bước vào, xin thời gian rồi đi ra; Người nói: “Hắn vào với gương mặt ngoại đạo và ra với gót chân phản bội”, và khi ra khỏi, người ấy lùa đàn gia súc của Madinah đi mất.

Thời kỳ Madinah (năm 6–9 H)

NGUỒN İbn Şehrâşûb, Menâkıbü Âl-i Ebî Tâlib (Necef 1376/1956 baskısı), c. 1, s. 96 (fasl fî mu'cizât akvâlihî (gayb haberleri))

---

## 1717. Người báo: “Ngày mai sẽ có chín người từ Hadramawt đến; sáu người sẽ theo...”

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người báo: “Ngày mai sẽ có chín người từ Hadramawt đến; sáu người sẽ theo Islam, ba người không” (khi Ali xác nhận, Người gọi ông là “as-Siddiq al-Akbar, thủ lĩnh của các tín đồ”); ngày hôm sau mọi việc xảy ra đúng như vậy, và Người báo rằng trong ba người không tin, một người sẽ chết vì sét từ trời, một người vì rắn cắn, một người sẽ bị giết khi đi tìm lạc đà; sáu người theo Islam sau đó đến nói: “Cả ba đều không trật lời ngài” (do Ali thuật lại).

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ (có thể là thời kỳ các phái đoàn)

NGUỒN es-Sâkıb fi'l-menâkıb (Kum 1412), s. 103-104, hadis no. 95/4 (bâb 1, fasıl 14: gaybdan haber vermesi)

---

## 1718. Về một người Do Thái đi ngang qua nói “as-samu 'alayk” (chết đi), Người nói...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Về một người Do Thái đi ngang qua nói “as-samu 'alayk” (chết đi), Người nói: “Một con rắn đen sẽ cắn gáy hắn mà giết hắn”; khi người Do Thái đi nhặt củi trở về còn sống, Người cho mở bó củi ra, chỉ con rắn đen đang ngậm một cành cây trong đó, và cho biết người ấy được cứu vì hôm đó đã bố thí một trong hai chiếc bánh của mình cho người nghèo.

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN Meclisî, Bihâru'l-envâr, c. 18, s. 21 (Bâb 6: duasının kabulü, ölülerin diriltilmesi ve hastaların şifası)

---

## 1719. Jibril báo rằng (đại diện của) bốn gia đình Yemen, những người đời này qua đời...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Jibril báo rằng (đại diện của) bốn gia đình Yemen, những người đời này qua đời khác giữ gìn phần còn lại của các phiến đá của Musa, đã lên đường đến gặp Người; ban đêm khi họ gõ cửa, Người gọi tên từng người và hỏi: “Cuốn sách thừa kế từ Yusha' bin Nun đâu?”, họ đọc lời chứng nhận đức tin; Người trao cuốn sách chữ Hebrew viết nhỏ ấy cho Ali, và sáng ra cuốn sách đã thành tiếng Ả Rập, chứa mọi tri thức (do Ali thuật lại).

Thời điểm không rõ

NGUỒN Meclisî, Bihâru'l-envâr, c. 18, s. 106 (Bâb 11: gaybî haberleri)

---

## 1720. Thấy Ali cùng một nhóm người đến, Người mỉm cười và nói: “Nếu các ngươi muốn...”

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Thấy Ali cùng một nhóm người đến, Người mỉm cười và nói: “Nếu các ngươi muốn, ta sẽ nói ra điều các ngươi định hỏi”, rồi trước khi họ nói, Người cho biết ba điều họ muốn hỏi (làm điều tốt cho ai, sự chiến đấu của phụ nữ, bổng lộc đến từ đâu) và trả lời (Sa'id bin al-Musayyab ← Abu Hurairah).

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN Meclisî, Bihâru'l-envâr, c. 18, s. 107 (Bâb 11: gaybî haberleri)

---

## 1721. Người nói với Abu Sufyan, người muốn hỏi một điều: “Nếu ngươi muốn, ta sẽ nói...”

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người nói với Abu Sufyan, người muốn hỏi một điều: “Nếu ngươi muốn, ta sẽ nói mà không cần ngươi hỏi: ngươi sẽ hỏi ta sống được bao lâu; ta sẽ sống sáu mươi ba năm”; Abu Sufyan xác nhận (bằng lời) (do Ibn Abbas thuật lại).

Sau cuộc chinh phục Makkah (năm 8–11 H)

NGUỒN Meclisî, Bihâru'l-envâr, c. 18, s. 107 (Bâb 11: gaybî haberleri)

---

## 1722. Người ra lệnh xử tử các tù binh được đưa đến, chỉ thả một người; khi người ấy...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người ra lệnh xử tử các tù binh được đưa đến, chỉ thả một người; khi người ấy hỏi lý do, Người nói: “Jibril cho ta biết ngươi có năm phẩm chất được Allah yêu mến: lòng ghen giữ gìn gia quyến, lòng hào phóng, đạo đức tốt, sự chân thật và lòng dũng cảm”, và người ấy theo Islam (do Imam as-Sadiq thuật lại).

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN Meclisî, Bihâru'l-envâr, c. 18, s. 108 (Bâb 11: gaybî haberleri)

---

## 1723. Trong một cuộc chinh phạt, về người gánh vác công việc của mọi người và làm...

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Trong một cuộc chinh phạt, về người gánh vác công việc của mọi người và làm việc rất chăm (chiến đấu dũng mãnh), Người nói: “Hắn thuộc cư dân Hỏa Ngục”; trong trận đánh với kẻ thù, người ấy bị thương, không chịu nổi đau đớn mà dùng mũi tên tự sát, và người mang tin đến nói: “Tôi làm chứng rằng ngài là Thiên Sứ của Allah” (do Abu Sa'id al-Khudri thuật lại).

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN Meclisî, Bihâru'l-envâr, c. 18, s. 111 (Bâb 11: gaybî haberleri)

---

## 1724. Người bảo một người nghèo nói đã hai ngày không ăn gì hãy ra chợ; hai ngày...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người bảo một người nghèo nói đã hai ngày không ăn gì hãy ra chợ; hai ngày người ấy nói "Tôi không tìm được gì", đến ngày thứ ba, dù ông chối, Người vẫn báo: "Trong đoàn lữ hành của con cháu nhà kia đã có phần dành cho ngươi, ngươi đã kiếm được một dinar"; người ấy thú nhận: "Tôi muốn thử ngài", và Người nói: "Ai tỏ ra không cần thì Allah làm cho người ấy giàu có."

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN Meclisî, Bihâru'l-envâr, c. 18, s. 114-115 (Bâb 11: gaybî haberleri)

---

## 1725. Trong masjid, Người gọi tên năm người: "Hãy đứng dậy, hỡi người kia, hãy đứng..."

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Trong masjid, Người gọi tên năm người: "Hãy đứng dậy, hỡi người kia, hãy đứng dậy, hỡi người nọ", rồi nói: "Hãy ra khỏi masjid của chúng ta; các ngươi không nộp Zakat thì đừng dâng lễ nguyện ở đây" (nói ra tình trạng thầm kín của họ; do Imam al-Baqir thuật lại).

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN Meclisî, Bihâru'l-envâr, c. 18, s. 130 (Bâb 11: gaybî haberleri)

---

## 1726. Người đàn ông tên Abu Badr, được Người bảo "Hãy nói La ilaha illallah", đòi...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người đàn ông tên Abu Badr, được Người bảo "Hãy nói La ilaha illallah", đòi bằng chứng; Người nói ra điều trong lòng ông: "Bốn tháng nay trong lòng ngươi có chuyện thế này thế nọ"; người ấy xác nhận và theo Islam (do Anas thuật lại).

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN Meclisî, Bihâru'l-envâr, c. 18, s. 138 (Bâb 11: gaybî haberleri)

---

## 1727. Kế hoạch bí mật của mười hai (hoặc mười một) giáo sĩ Do Thái ở các làng Khaybar...

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Kế hoạch bí mật của mười hai (hoặc mười một) giáo sĩ Do Thái ở các làng Khaybar và Urayna, buổi sáng giả vờ tin theo rồi buổi chiều bỏ đạo để gieo nghi ngờ cho người Muslim, đã bị câu kinh (chương Al Imran, câu 72) phơi bày.

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN Meclisî, Bihâru'l-envâr, c. 17, s. 159, 171-172 (Bâb 1: i'câzü ümmi'l-mu'cizât el-Kur'ânü'l-Kerîm)

---

## 1728. Arbad bin Qays và an-Nadr bin al-Harith hẹn nhau đến thử Người bằng những câu...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Arbad bin Qays và an-Nadr bin al-Harith hẹn nhau đến thử Người bằng những câu hỏi về điều vô hình; Người quay sang Arbad nói: "Ngươi có nhớ hôm ấy ngươi cùng Amir đến vì việc gì không?", và kể lại cuộc nói chuyện bí mật của họ; Arbad nói: "Lúc ấy không có ai bên chúng tôi, chỉ có Thiên Thần từ trời mới báo được cho ngài điều này", và đọc lời chứng nhận đức tin.

Thời điểm không rõ

NGUỒN Meclisî, Bihâru'l-envâr, c. 17, s. 228 (Bâb 2: cevâmiu mu'cizâtihî ve nevâdirühâ)

## 1729. Sau một lễ nguyện, Người nói: “Ở đây có ai thuộc Banu an-Najjar không? Bạn của...”

Hasan (Tốt) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Sau một lễ nguyện, Người nói: “Ở đây có ai thuộc Banu an-Najjar không? Bạn của các ngươi (dù đã tử vì đạo) đang bị giữ lại trước cổng Thiên Đàng vì món nợ ba dinar”, cho biết tình trạng của người chết.

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN Meclisî, Bihâru'l-envâr (Müessesetü'l-Vefâ), c. 17, s. 295 (ebvâbü mu'cizâtih, bâb 2: cevâmi'u mu'cizâtihî ve nevâdiruhâ)

## 1730. Khi kẻ giả tạo đức tin Rafi' bin Huraymilah, một học giả Do Thái ở Qurayzah...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Khi kẻ giả tạo đức tin Rafi' bin Huraymilah, một học giả Do Thái ở Qurayzah, chết, Người báo tin hắn chết: “Hôm nay một kẻ giả tạo đức tin lớn trong số những kẻ cầm đầu của bọn giả tạo đức tin đã chết.”

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN N. İçel, Hz. Muhammed'in (sas) Mucizeleri -1 (2023), "Kurayza oğulları Yahudî bilginlerinden münâfık olan Rafi' b. Hureymile" (kitabın dipnotu: İbn İshak-İbn Hişam, Sîre, c:2, s:174-175)

## 1731. Người hỏi ba người thuộc bộ tộc Abs đến Madinah về Khalid bin Sinan của bộ tộc...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người hỏi ba người thuộc bộ tộc Abs đến Madinah về Khalid bin Sinan của bộ tộc họ, và kể cho họ nghe những gì đã xảy ra với ông.

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ (phái đoàn Abs)

NGUỒN N. İçel, Hz. Muhammed'in (sas) Mucizeleri -1 (2023), "Peygamberimiz Aleyhisselâmın Abs Oğullarına Hâlid b. Sinan'ı Soruşu ve Onlara Onun Başına Gelenleri Haber Verişi" (kitabın dipnotu: Diyarbekrî, Târîh, c:1, s:200)

# 36 · Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ: các Thiên Thần và những giấc mơ chân thật

## 1732. Umar và các Sahabah thấy Jibril đến trong hình dạng con người để dạy tôn giáo...

**Sahih (Xác thực)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Umar và các Sahabah thấy Jibril đến trong hình dạng con người để dạy tôn giáo (hadith Jibril).

Khoảng năm 10 H

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.5 s.393; web: Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 27. fasıl; Questions on Islam, "Miracles concerning Angels and Jinn"; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 154; Kütüb-i Sitte: Buhârî, Îmân 37; Müslim, Îmân 1-7 [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 14, c./s. 2/215-218]

## 1733. Umm Salamah thấy Jibril trong hình dạng Dihyah đang nói chuyện với Thiên Sứ của Allah ﷺ

**Sahih (Xác thực)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Umm Salamah thấy Jibril trong hình dạng Dihyah đang nói chuyện với Thiên Sứ của Allah ﷺ.

Thời kỳ Madinah (năm 1–11 H), không có năm chính xác – thấy các Thiên Thần và những giấc mơ chân thật

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.5 s.392; web: Buhârî, Menâkıb, Alâmâtü'n-nübüvve, no. 3633; Questions on Islam, "Miracles concerning Angels and Jinn"; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 154; Kütüb-i Sitte: Buhârî 3633, 4980; Müslim 2451

## 1734. Harithah bin an-Nu'man thấy Jibril đang ngồi với Thiên Sứ của Allah ﷺ và chào ngài

**Sahih (Xác thực)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Harithah bin an-Nu'man thấy Jibril đang ngồi với Thiên Sứ của Allah ﷺ và chào ngài.

Thời kỳ Madinah (năm 1–11 H), không có năm chính xác – thấy các Thiên Thần và những giấc mơ chân thật

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.5 s.395; 1000 Mucize no.839 (s.702); web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 155

## 1735. Abdullah bin Abbas đã nhìn thấy Jibril

**Sahih (Xác thực)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Abdullah bin Abbas đã nhìn thấy Jibril.

Thời kỳ Madinah (năm 1–11 H), không có năm chính xác – thấy các Thiên Thần và những giấc mơ chân thật

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.5 s.396; 1000 Mucize no.837 (s.701); web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 155

## 1736. Một người Ansar thấy Jibril và nói chuyện với ngài

**Da'if (Yếu)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Một người Ansar thấy Jibril và nói chuyện với ngài.

Thời kỳ Madinah (năm 1–11 H), không có năm chính xác – thấy các Thiên Thần và những giấc mơ chân thật

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.5 s.397; web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 155

## 1737. Muhammad bin Maslamah thấy Jibril; Jibril nói: “Nếu ông ấy chào, tôi đã đáp lại”

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Muhammad bin Maslamah thấy Jibril; Jibril nói: “Nếu ông ấy chào, tôi đã đáp lại.”

Thời kỳ Madinah (năm 1–11 H), không có năm chính xác — thấy các Thiên Thần và những giấc mơ chân thật

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.5 s.398; 1000 Mucize no.840 (s.703); web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 155; c. 2, s. 156

## 1738. Hudhayfah thấy vị Thiên Thần lần đầu tiên xuống mặt đất để chào Thiên Sứ của...

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Hudhayfah thấy vị Thiên Thần lần đầu tiên xuống mặt đất để chào Thiên Sứ của Allah ﷻ (tin mừng về Hasan và Husayn).

Thời kỳ Madinah (năm 1–11 H), không có năm chính xác — thấy các Thiên Thần và những giấc mơ chân thật

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.5 s.399; 1000 Mucize no.835 (s.700); web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 156; c. 2, s. 464; Kütüb-i Sitte: Tirmizî, Menâkıb, (3783) [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 4447, c./s. 12/531]

## 1739. Các Thiên Thần chào Imran bin al-Husayn; khi ông chữa bệnh bằng cách đốt...

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Các Thiên Thần chào Imran bin al-Husayn; khi ông chữa bệnh bằng cách đốt (kayy), lời chào dứt đi, khi ông bỏ thì nó trở lại.

Đến năm 52 H

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.5 s.400; 1000 Mucize no.836 (s.700); web: Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 27. fasıl; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 156-157; Kütüb-i Sitte: Müslim 1226

## 1740. Khi Usayd bin Hudayr đọc Qur'an, sự thanh thản/các Thiên Thần từ trời xuống như những ngọn đèn

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Khi Usayd bin Hudayr đọc Qur'an, sự thanh thản/các Thiên Thần từ trời xuống như những ngọn đèn.

Thời kỳ Madinah (năm 1–11 H), không có năm chính xác — thấy các Thiên Thần và những giấc mơ chân thật

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.5 s.403; 1000 Mucize no.833 (s.698); web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 157; Kütüb-i Sitte: Buhârî, Müslim (Üseyd b. Hudayr)

## 1741. Một Sahabah nghe tiếng đọc Qur'an của một người mà ông không nhìn thấy

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Một Sahabah nghe tiếng đọc Qur'an của một người mà ông không nhìn thấy.

Thời kỳ Madinah (năm 1–11 H), không có năm chính xác — thấy các Thiên Thần và những giấc mơ chân thật

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.5 s.406; web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 167

## 1742. Awf bin Malik và các bạn nghe tiếng của vị Thiên Thần mang tin từ Thượng Đế về...

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Awf bin Malik và các bạn nghe tiếng của vị Thiên Thần mang tin từ Thượng Đế về sự can thiệp (shafa'ah).

Thời kỳ Madinah (năm 1–11 H), không có năm chính xác – thấy các Thiên Thần và những giấc mơ chân thật

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.5 s.407; web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 385; Kütüb-i Sitte: Tirmizî (listedeki kaynağa göre); İbn Mâce 4311 [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 7328]

---

## 1743. Abu Hurairah bắt được tên Shaytan ăn trộm của Zakat; mỗi sáng Thiên Sứ của...

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Abu Hurairah bắt được tên Shaytan ăn trộm của Zakat; mỗi sáng Thiên Sứ của Allah ﷺ đều báo cho ông biết điều đã xảy ra.

Thời kỳ Madinah (năm 1–11 H), không có năm chính xác – thấy các Thiên Thần và những giấc mơ chân thật

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.5 s.421; 1000 Mucize no.202 (s.181); web: Münkız es-Sakkār, Delâilü'n-nübüvve; Ebû Nuaym el-İsfahânî, Delâilü'n-nübüvve, 17. fasıl, no. 267; Nişancızâde, Mir'ât-ı Kâinât'tan; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 161-162; Kütüb-i Sitte: Buhârî 2311 (ta'lîkan); Nesâî (listedeki kaynağa göre)

---

## 1744. Hai Shaytan đi theo sau một người, và Shaytan gửi lời chào đến Thiên Sứ của...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Hai Shaytan đi theo sau một người, và Shaytan gửi lời chào đến Thiên Sứ của Allah ﷺ.

Thời kỳ Madinah (năm 1–11 H), không có năm chính xác – thấy các Thiên Thần và những giấc mơ chân thật

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.5 s.428

---

## 1745. Lá bùa hộ thân (hirz) Người cho viết để chống lại loài Jinn quấy phá nhà Abu Dujanah

Bịa đặt (Mawdu') CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Lá bùa hộ thân (hirz) Người cho viết để chống lại loài Jinn quấy phá nhà Abu Dujanah.

Thời kỳ Madinah (năm 1–11 H), không có năm chính xác – thấy các Thiên Thần và những giấc mơ chân thật

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.5 s.433; web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 166-167

---

## 1746. Sự che chở dành cho ar-Rubayyi', con gái của Mu'awwidh bin Afra'

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Sự che chở dành cho ar-Rubayyi', con gái của Mu'awwidh bin Afra'.

Thời kỳ Madinah (năm 1–11 H), không có năm chính xác – thấy các Thiên Thần và những giấc mơ chân thật

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.5 s.430; web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 499

---

## 1747. Người cho các Sahabah biết, trước khi Ammar bin Yasir trở về, rằng ông đã đánh...

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người cho các Sahabah biết, trước khi Ammar bin Yasir trở về, rằng ông đã đánh nhau với một Jinn/Shaytan dưới giếng.

Thời kỳ Madinah (năm 1–11 H), không có năm chính xác – thấy các Thiên Thần và những giấc mơ chân thật

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.5 s.439; 1000 Mucize no.203 (s.183); web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 165-166; ayrıca: Meclisî, Bihâru'l-envâr, c. 18, s. 111; Râvendî, el-Harâic, c. 1, s. 60

---

## 1748. Umar vật nhau với tên Shaytan chặn đường ông và đánh bại hắn

Hasan (Tốt) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Umar vật nhau với tên Shaytan chặn đường ông và đánh bại hắn.

Thời kỳ Madinah (năm 1–11 H), không có năm chính xác – thấy các Thiên Thần và những giấc mơ chân thật

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.5 s.438; web: Ebû Nuaym el-İsfahânî, Delâilü'n-nübüvve, 17. fasıl, no. 268; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 165

---

## 1749. Người báo trước rằng Iblis sẽ đặt những câu hỏi về tôn giáo để gieo nghi ngờ...

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người báo trước rằng Iblis sẽ đặt những câu hỏi về tôn giáo để gieo nghi ngờ cho mọi người.

Thời kỳ Madinah (năm 1–11 H), không có năm chính xác – thấy các Thiên Thần và những giấc mơ chân thật

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.5 s.440; 1000 Mucize no.206 (s.186); web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 166

---

## 1750. Giấc mơ (liên quan đến Hỏa Ngục) của Abdullah bin Umar và lời giải: "Abdullah..."

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Giấc mơ (liên quan đến Hỏa Ngục) của Abdullah bin Umar và lời giải: "Abdullah thật là người tốt, giá như ông ấy dâng lễ nguyện ban đêm."

Thời kỳ Madinah (năm 1–11 H), không có năm chính xác – thấy các Thiên Thần và những giấc mơ chân thật

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.5 s.348; 1000 Mucize no.990 (s.803); web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 300; Kütüb-i Sitte: Buhârî, Ta'bir, 35, 36, Salât 58, Teheccüt 2, Fedâilu'l-Ashâb 19; Müslim, Fedâilu's- Sahâbe 140, (2479) [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 969, c./s. 4/537-538]

---

## 1751. Giấc mơ của Talhah bin Ubaydullah, trong đó ông thấy người anh em chết sau một...

Hasan (Tốt) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Giấc mơ của Talhah bin Ubaydullah, trong đó ông thấy người anh em chết sau một năm đã vào Thiên Đàng trước người anh em tử vì đạo.

Thời kỳ Madinah (năm 1–11 H), không có năm chính xác – thấy các Thiên Thần và những giấc mơ chân thật

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.5 s.351; 1000 Mucize no.993 (s.807); web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 302; Kütüb-i Sitte: İbn Mâce 3925 [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 7173]

---

## 1752. Giấc mơ của Abu Sa'id al-Khudri liên quan đến việc quỳ lạy ở chương Sad

Hasan (Tốt) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Giấc mơ của Abu Sa'id al-Khudri liên quan đến việc quỳ lạy ở chương Sad.

Thời kỳ Madinah (năm 1–11 H), không có năm chính xác – thấy các Thiên Thần và những giấc mơ chân thật

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.5 s.355; web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 302

## 1753. Giấc mơ của at-Tufayl bin Sakhbarah liên quan đến câu nói "Nếu Allah và..."

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Giấc mơ của at-Tufayl bin Sakhbarah liên quan đến câu nói "Nếu Allah và Muhammad muốn", và việc câu ấy bị cấm.

Thời kỳ Madinah (năm 1–11 H), không có năm chính xác – thấy các Thiên Thần và những giấc mơ chân thật

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.5 s.356; Kütüb-i Sitte: İbn Mâce 2118 [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 6651, c./s. 17/240]

## 1754. Giấc mơ của một người Ansar về những lời tán dương sau lễ nguyện và việc nó được Người chấp thuận

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Giấc mơ của một người Ansar về những lời tán dương sau lễ nguyện và việc nó được Người chấp thuận.

Thời kỳ Madinah (năm 1–11 H), không có năm chính xác – thấy các Thiên Thần và những giấc mơ chân thật

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.5 s.357; web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 303; Kütüb-i Sitte: Nesâî (Zeyd b. Sâbit rivayeti, 'te) [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 1813, c./s. 7/42]

## 1755. Trong giấc mơ, người ta thấy các Thiên Thần cầu xin cho Abu Umamah vì sự tưởng...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Trong giấc mơ, người ta thấy các Thiên Thần cầu xin cho Abu Umamah vì sự tưởng nhớ Allah của ông.

Thời kỳ Madinah (năm 1–11 H), không có năm chính xác – thấy các Thiên Thần và những giấc mơ chân thật

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.5 s.358

## 1756. Giấc mơ của một người phụ nữ đức hạnh và sau đó sự việc xác nhận giấc mơ đã xảy ra

Hasan (Tốt) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Giấc mơ của một người phụ nữ đức hạnh và sau đó sự việc xác nhận giấc mơ đã xảy ra.

Thời kỳ Madinah (năm 1–11 H), không có năm chính xác – thấy các Thiên Thần và những giấc mơ chân thật

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.5 s.359

## 1757. Giấc mơ của người phụ nữ đã thề bên cạnh Aisha rằng mình sẽ vào Thiên Đàng

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Giấc mơ của người phụ nữ đã thề bên cạnh Aisha rằng mình sẽ vào Thiên Đàng.

Thời kỳ Madinah (năm 1–11 H), không có năm chính xác – thấy các Thiên Thần và những giấc mơ chân thật

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.5 s.361

## 1758. Việc Đêm Qadr nằm trong bảy/mười đêm cuối của tháng Ramadan đã được cho nhiều...

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Việc Đêm Qadr nằm trong bảy/mười đêm cuối của tháng Ramadan đã được cho nhiều Sahabah thấy trong giấc mơ.

Thời kỳ Madinah (năm 1–11 H), không có năm chính xác – thấy các Thiên Thần và những giấc mơ chân thật

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.5 s.362; web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 303; Kütüb-i Sitte: Buhârî, Müslim (listedeki kaynağa göre)

---

## 1759. Giấc mơ của Ibn Zimil al-Juhani (về tuổi thọ của thế gian và bục giảng)

**Da'if (Yếu)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Giấc mơ của Ibn Zimil al-Juhani (về tuổi thọ của thế gian và bục giảng).

Thời kỳ Madinah (năm 1–11 H), không có năm chính xác – thấy các Thiên Thần và những giấc mơ chân thật

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.5 s.365

---

## 1760. Giấc mơ của người thấy mọi người được tập hợp ở nơi phán xét để thẩm xét, và...

**Da'if (Yếu)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Giấc mơ của người thấy mọi người được tập hợp ở nơi phán xét để thẩm xét, và việc nó chỉ về phẩm giá của Người.

Thời kỳ Madinah (năm 1–11 H), không có năm chính xác – thấy các Thiên Thần và những giấc mơ chân thật

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.5 s.368

---

## 1761. Người nghe lời khuyên răn từ người chết trong ngôi mộ mà mình tựa vào

**Da'if (Yếu)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người nghe lời khuyên răn từ người chết trong ngôi mộ mà mình tựa vào.

Thời kỳ Madinah (năm 1–11 H), không có năm chính xác – thấy các Thiên Thần và những giấc mơ chân thật

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.5 s.369

---

## 1762. Một Sahabah nghe người chết trong ngôi mộ, nơi ông dựng lều lên trên, đọc chương al-Mulk

**Hasan (Tốt)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Một Sahabah nghe người chết trong ngôi mộ, nơi ông dựng lều lên trên, đọc chương al-Mulk.

Thời kỳ Madinah (năm 1–11 H), không có năm chính xác – thấy các Thiên Thần và những giấc mơ chân thật

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.5 s.370; web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 364; Kütüb-i Sitte: Tirmizî (listedeki kaynağa göre)

---

## 1763. Ya'la bin Murrah nghe thấy hình phạt/sự siết chặt trong một ngôi mộ

**Hasan (Tốt)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Ya'la bin Murrah nghe thấy hình phạt/sự siết chặt trong một ngôi mộ.

Thời kỳ Madinah (năm 1–11 H), không có năm chính xác – thấy các Thiên Thần và những giấc mơ chân thật

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.5 s.371; ayrıca: İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî, s. 145

## 1764. Abdurrahman bin Awf kể lại những gì hai Thiên Thần nói với ông khi ông bất tỉnh

Hasan (Tốt) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Abdurrahman bin Awf kể lại những gì hai Thiên Thần nói với ông khi ông bất tỉnh.

Trước năm 32 H

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.5 s.372; web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 159

## 1765. Abdullah bin Rawahah kể rằng khi ông bất tỉnh, với mỗi lời trong tiếng khóc...

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Abdullah bin Rawahah kể rằng khi ông bất tỉnh, với mỗi lời trong tiếng khóc than của em gái ông, người ta lại hỏi: "Ngươi có như vậy không?"

Trước năm 8 H

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.5 s.373; web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 158-159; Kütüb-i Sitte: Buhârî (Nu'mân b. Beşîr; listedeki kaynağa göre)

## 1766. Người nói: "Ai thấy ta trong giấc mơ thì thật sự đã thấy ta; Shaytan không thể mang hình dạng của ta"

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người nói: "Ai thấy ta trong giấc mơ thì thật sự đã thấy ta; Shaytan không thể mang hình dạng của ta."

Liên tục

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.5 s.374; web: A'zamî, el-Câmiu'l-Kâmil, Sîre, bâb 567; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 452 kısmı); Kütüb-i Sitte: Buharî, Tabir 2, 10; Müslim, Rüya 10; (2266); İbn Mâce 3903, 3904 [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 959, c./s. 4/516; no. 7165; no. 7166]

## 1767. Abdullah bin Abbas thấy Đêm Qadr trong giấc mơ

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Abdullah bin Abbas thấy Đêm Qadr trong giấc mơ.

Thời kỳ Madinah (năm 1–11 H), không có năm chính xác – thấy các Thiên Thần và những giấc mơ chân thật

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.5 s.364

## 1768. Trong giấc mơ, khi Người đang kéo nước từ giếng, cái gàu trong tay Umar biến...

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Trong giấc mơ, khi Người đang kéo nước từ giếng, cái gàu trong tay Umar biến thành một túi da lớn, và ông kéo nước với sức mạnh vô song cho đến khi mọi người cho lạc đà quỳ xuống nghỉ; điều này ám chỉ thời Khalifah dài lâu và đầy những cuộc chinh phục của ông.

Lời tiên tri: thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ; Ứng nghiệm: năm 13–23 H (634–644 CN)

NGUỒN 1000 Mucize no.426 (s.418); web: Buhârî, Menâkıb, Alâmâtü'n-nübüvve, no. 3634; Kütüb-i Sitte: Buhârî 3634, 3682; Müslim 2393

## 1769. Trong giấc mơ, Người thấy Abu Jahl đến tuyên thệ trung thành với mình; khi...

**Sahih (Xác thực)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Trong giấc mơ, Người thấy Abu Jahl đến tuyên thệ trung thành với mình; khi Khalid bin al-Walid theo Islam, những người nói “giấc mơ của ngài đã ứng nghiệm” được Người đáp: “Sẽ còn người khác nữa”, và cuối cùng Ikrimah bin Abi Jahl đã theo Islam.

Giấc mơ: thời điểm không rõ; Ứng nghiệm: Khalid năm 8 H (629 CN), Ikrimah sau cuộc chinh phục Makkah năm 8 H (630 CN)

NGUỒN 1000 Mucize no.985 (s.798); web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 56; ayrıca: N. İçel, Hz. Muhammed'in (sas) Mucizeleri -2 (2023), "İkrime b. Ebu Cehil'e Eman Verilişi ve Kendisinin Müslüman Oluşu" (kitabın dipnotu: Hâkim, Müstedrek, c:3, s:241-242; Vâkıdî, Megâzî, c:2, s:851; Taberî, Târih, c:3, s:120; Diyarbekrî, Târîh, c:2, s:91; İbn Esîr, Usdu'l-gâbe, c:4, s:71; Ezrakî, Ahbâru Mekke, c:1, s:123)

## 1770. Trong giấc mơ một người kể với Nabi ﷺ, một cái gàu từ trời thả xuống; Abu Bakr...

**Hasan (Tốt)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Trong giấc mơ một người kể với Nabi ﷺ, một cái gàu từ trời thả xuống; Abu Bakr nắm quai gàu uống một ít, Umar và Uthman uống thỏa thuê, khi Ali nắm thì cái gàu bị kéo lên và đổ một ít lên ông; điều này được xem là chỉ về thời kỳ của bốn vị Khalifah và thảm họa trong thời Ali.

Lời tiên tri: thời kỳ Madinah; Ứng nghiệm: thời bốn vị Khalifah, thảm họa thời Ali năm 35–40 H (656–661 CN)

NGUỒN 1000 Mucize no.991 (s.804); Kütüb-i Sitte: Ebû Dâvûd (listedeki kaynağa göre)

## 1771. Ibn Abbas, Usamah bin Zayd và những người khác đã thấy Jibril ở bên Người trong...

**Sahih (Xác thực)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Ibn Abbas, Usamah bin Zayd và những người khác đã thấy Jibril ở bên Người trong hình dạng Dihyah (al-Kalbi).

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 27. fasıl (melekler ve cinler)

## 1772. Theo lời Rabi'ah al-Jurashi thuật lại, trong giấc ngủ có ai đến bên Người nói...

**Sahih (Xác thực)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Theo lời Rabi'ah al-Jurashi thuật lại, trong giấc ngủ có ai đến bên Người nói: “Hãy để mắt ngươi ngủ, tai ngươi nghe, tim ngươi hiểu”, và tình trạng của Người được mô tả bằng hình ảnh một vị chúa xây nhà, bày tiệc rồi sai người đi mời: vị chúa là Allah, ngôi nhà là Islam, bữa tiệc là Thiên Đàng, người mời là Muhammad ﷺ.

Thời điểm không rõ

NGUỒN Dârimî, Sünen, Mukaddime, no. 11

## 1773. Khi một người đọc chương al-Kahf, con vật cưỡi trong nhà ông hoảng sợ và một...

**Sahih (Xác thực)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Khi một người đọc chương al-Kahf, con vật cưỡi trong nhà ông hoảng sợ và một làn sương/đám mây phủ lên ông; khi ông kể lại, Người nói: “Hãy đọc, hỡi người kia! Đó là sự thanh thản (sakinah) giáng xuống vì Qur'an” (do al-Bara' bin Azib thuật lại).

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN Buhârî, Menâkıb, Alâmâtü'n-nübüvve, no. 3614

## 1774. Trong giấc mơ, hai Thiên Thần đứng bên đầu và bên chân Người, ví Người và Ummah...

Hasan (Tốt) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Trong giấc mơ, hai Thiên Thần đứng bên đầu và bên chân Người, ví Người và Ummah của Người như những lữ khách hết lương thực giữa sa mạc, và một người ăn mặc đẹp đến nói: “Nếu các người đi theo tôi, tôi sẽ đưa các người đến những khu vườn xanh tươi và những hồ nước đầy” (do Ibn Abbas thuật lại).

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN Heysemî, Mecmau'z-zevâid, K. Alâmâti'n-nübüvve, bâb fî meselihî ve meseli men etâahû, no 13957 (8/260)

## 1775. Abu Bakr nghe tiếng Jibril thì thầm với Nabi ﷺ mà không nhìn thấy ngài

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Abu Bakr nghe tiếng Jibril thì thầm với Nabi ﷺ mà không nhìn thấy ngài.

Thời điểm không rõ

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 198 (Vahiy sırasında görülen âyetler)

## 1776. Ba đêm trước khi theo Islam, Sa'd bin Abi Waqqas mơ thấy mình đi theo một mặt...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Ba đêm trước khi theo Islam, Sa'd bin Abi Waqqas mơ thấy mình đi theo một mặt trăng mọc lên giữa bóng tối dày đặc, và trước ông, Zayd bin Harithah, Ali và Abu Bakr đã đến được mặt trăng ấy; sau đó ông gặp Nabi ﷺ ở thung lũng Ajyad và theo Islam.

Khoảng năm 610–611 CN

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 205 (Sa'd b. Ebî Vakkās'ın rüyası)

## 1777. Một người phụ nữ mơ thấy mình vào Thiên Đàng và thấy mười hai người, bà kể đúng...

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Một người phụ nữ mơ thấy mình vào Thiên Đàng và thấy mười hai người, bà kể đúng tên từng người, được đưa đến; người báo tin từ toán quân Người cử đi đến báo rằng đúng mười hai người ấy đã tử vì đạo.

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 429 (Bir başka seriyyedeki mucize)

## 1778. Aisha mơ thấy ba mặt trăng rơi vào phòng mình; Abu Bakr giải: “Ba người tốt...”

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Aisha mơ thấy ba mặt trăng rơi vào phòng mình; Abu Bakr giải: “Ba người tốt nhất trên mặt đất sẽ được chôn trong phòng con”, và khi Người được chôn ở đó, ông nói: “Đây là mặt trăng tốt nhất trong số đó.”

Giấc mơ: thời kỳ Madinah; Ứng nghiệm: năm 11, 13 và 23 H

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 486 (Defnedilmesindeki hususiyetler)

## 1779. Trong giấc mơ, Người thấy trên Thiên Đàng một buồng (cây) chà là thuộc về Abu...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Trong giấc mơ, Người thấy trên Thiên Đàng một buồng (cây) chà là thuộc về Abu Jahl; khi Ikrimah bin Abi Jahl theo Islam, Người cho biết giấc mơ đã ứng nghiệm nơi ông.

Giấc mơ: thời điểm không rõ; Ứng nghiệm: sau cuộc chinh phục Makkah, năm 8 H (630 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 57 (Heyetlerin gelişinde vuku bulan mucizeler)

## 1780. Khi vào Thiên Đàng, Người thấy một lâu đài thuộc về Umar và nói: "Chỉ vì biết..."

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Khi vào Thiên Đàng, Người thấy một lâu đài thuộc về Umar và nói: "Chỉ vì biết lòng ghen của ngươi mà ta không vào trong đó" (người thuật lại là Humayd nói: việc này xảy ra khi thức chứ không phải trong mơ).

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 151 (Mânaların cisim sûretinde görülmesine dair mucizeler)

## 1781. Người nói: "Đêm nay một người đức hạnh được cho thấy trong giấc mơ rằng Abu..."

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người nói: "Đêm nay một người đức hạnh được cho thấy trong giấc mơ rằng Abu Bakr được gắn vào Thiên Sứ của Allah, Umar được gắn vào Abu Bakr, Uthman được gắn vào Umar"; Jabir giải thích điều này là việc ba vị Khalifah lần lượt nắm quyền.

Lời tiên tri: thời kỳ Madinah; Ứng nghiệm: năm 11–35 H (632–656 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 195 (kendisinden sonra olacakları haber vermesi ve haber verdiği gibi çıkması)

## 1782. Người giải giấc mơ của Ibn Zimil al-Juhani: con đường rộng là sự hướng dẫn...

Bịa đặt (Mawdu') CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người giải giấc mơ của Ibn Zimil al-Juhani: con đường rộng là sự hướng dẫn, đồng cỏ là thế gian (đoàn đầu tiên đi qua mà không nghiêng về nó, những đoàn sau sa vào nó); về việc ông thấy Người trên bậc cao nhất của bục giảng bảy bậc, bên phải là Musa, bên trái là Isa, phía trước là Ibrahim, và con lạc đà cái yếu ớt Người đang lùa theo (Ngày Tận Thế), Người giải: "Thế gian là bảy nghìn năm, ta ở trong nghìn năm cuối cùng."

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 301 (onun zamanında görülen rüyalardaki âyetler)

## 1783. Một Sahabah mơ thấy mình dâng lễ nguyện sau một cái cây, đến chỗ quỳ lạy của...

Hasan (Tốt) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Một Sahabah mơ thấy mình dâng lễ nguyện sau một cái cây, đến chỗ quỳ lạy của chương Sad thì cái cây cũng quỳ lạy và cầu xin: "Lạy Allah, nhờ việc này xin ghi cho con một phần thưởng, xóa cho con một tội lỗi..."; về sau chính Người cũng đọc lời cầu xin ấy khi quỳ lạy ở đó (do Ibn Abbas thuật lại).

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 303 (onun zamanında görülen rüyalardaki âyetler)

---

## 1784. Một Sahabah mơ thấy trên đỉnh một con đèo hiểm trở có hai cái cây xanh dùng...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Một Sahabah mơ thấy trên đỉnh một con đèo hiểm trở có hai cái cây xanh dùng cành đỡ những người đọc chương al-Baqarah và Al Imran vượt qua đèo (do Abu Umamah thuật lại).

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 303 (onun zamanında görülen rüyalardaki âyetler)

---

## 1785. Trong giấc mơ, Người thấy một người trong Ummah của mình run rẩy bò trên cây...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Trong giấc mơ, Người thấy một người trong Ummah của mình run rẩy bò trên cây cầu Sirat, và lời cầu phúc người ấy từng đọc đến nắm tay người ấy, đỡ đứng lên và đưa qua cầu (do Abdurrahman bin Samurah thuật lại).

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 456 (salât ü selâmın fazileti bâbı)

---

## 1786. Nữ tỳ tên Za'idah, người thường đến thăm Người, khi đi nhặt củi gặp một kỵ sĩ...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Nữ tỳ tên Za'idah, người thường đến thăm Người, khi đi nhặt củi gặp một kỵ sĩ gương mặt đẹp (Ridwan, người canh Thiên Đàng); ông ta gửi lời chào và chuyển tin mừng: “Allah đã chia Thiên Đàng cho Ummah của ngài thành ba phần: một phần ba vào không bị thẩm xét, một phần ba được thẩm xét nhẹ nhàng, một phần ba được ngài can thiệp”; kỵ sĩ dùng cây gậy đỏ trong tay chạm vào một tảng đá và nói: “Hãy mang bó củi cùng với cô ấy”, và tảng đá lăn theo mang bó củi về tận nhà cô.

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN Râvendî, el-Harâic ve'l-cerâih, c. 1, s. 35-36 (el-Bâbü'l-evvel fî mu'cizâti nebiyyinâ Muhammed)

---

## 1787. Trong giấc mơ, Người thấy họ đang ở nhà Uqbah bin Rafi' và được mời chà là Ibn...

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Trong giấc mơ, Người thấy họ đang ở nhà Uqbah bin Rafi' và được mời chà là Ibn Tab; Người giải: “Sự cao quý (rif'ah) ở thế gian và kết cục tốt đẹp ở Đời Sau là của chúng ta; tôn giáo của chúng ta cũng đã hoàn thiện (tabah).”

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN Tabersî, İ'lâmü'l-verâ bi-a'lâmi'l-hüdâ, c. 1, s. 90 (2. bâb: gayb ve gelecek haberleri)

---

## 1788. Theo lệnh Jibril, Người trao cho Ali một món quà (trái cây) được mang từ Thiên...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Theo lệnh Jibril, Người trao cho Ali một món quà (trái cây) được mang từ Thiên Đàng đến; khi Ali ngửi (cầm lấy), món quà tách ra và bên trong có dòng chữ: “Từ Đấng Truy Tìm, Đấng Chiến Thắng, gửi Ali bin Abi Talib.”

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN İbn Hamza et-Tûsî, es-Sâkıb fi'l-menâkıb (thk. Nebîl Rızâ Ulvân, Kum: Ensâriyân, 2. bs. 1412), s. 61, no. 32/12 (fasl: mâ ünzile aleyhi mine's-semâ)

## 1789. Jamilah bint Abdullah bin Ubayy, người vợ bị Thabit bin Qays ly dị, thề không...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Jamilah bint Abdullah bin Ubayy, người vợ bị Thabit bin Qays ly dị, thề không cho đứa con mới sinh bú; Người nhổ nước bọt vào miệng đứa bé, nhai chà là Ajwah bón cho bé (tahnik), đặt tên là Muhammad và nói: “Allah sẽ ban bổng lộc cho nó”; ngày thứ ba, một phụ nữ Ả Rập mơ thấy mình cho một em bé tên Muhammad bú, liền đến và cho đứa bé bú với dòng sữa dồi dào.

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN 1000 Mucize no.306 (s.282); web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 106

## 1790. Người cầu xin và xoa đầu Abu Sufyan Madluk, người đã theo Islam; mái tóc ở chỗ...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người cầu xin và xoa đầu Abu Sufyan Madluk, người đã theo Islam; mái tóc ở chỗ tay Người chạm vẫn đen dù xung quanh đã bạc.

Thời điểm không rõ

NGUỒN 1000 Mucize no.239 (s.211); web: Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 23. fasıl; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 138 bâbı)

## 1791. Bên Ka'bah, Người cõng Ali lên vai nâng lên; Ali cảm thấy lúc ấy nếu muốn ông...

Hasan (Tốt) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Bên Ka'bah, Người cõng Ali lên vai nâng lên; Ali cảm thấy lúc ấy nếu muốn ông có thể chạm tới trời; ông leo lên nóc Ka'bah, giật bỏ tượng thần bằng đồng lớn nhất của Quraish được đóng chặt bằng sắt, ném xuống đập nát.

Makkah; văn bản không nêu năm (không rõ)

NGUỒN 1000 Mucize no.105 (s.81)

## 1792. Miếng thịt hóa đá vì bị từ chối không cho người ăn xin vẫn còn là đá cho đến...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Miếng thịt hóa đá vì bị từ chối không cho người ăn xin vẫn còn là đá cho đến khi Umm Salamah qua đời.

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ; còn là đá cho đến khi Umm Salamah qua đời (khoảng năm 59–62 H / 679–681 CN)

NGUỒN 1000 Mucize no.172 (s.149)

## 1793. Người cấm các Sahabah nhịn chay liền (wisal) nhưng chính Người thì nhịn, và...

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người cấm các Sahabah nhịn chay liền (wisal) nhưng chính Người thì nhịn, và giải thích: “Ta không giống các ngươi; ban đêm Thượng Đế của ta cho ta ăn và cho ta uống.”

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN 1000 Mucize no.194 (s.173); web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 418 kısmı); ayrıca: Râvendî, el-Harâic, c. 3, s. 905; Kütüb-i Sitte: Buharî, Savm 48, Temennî 9; Müslim, Savm 57-60, (1103-1105); Tirmizî, Savm 62, (778) [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 3195,

c./s. 9/501]

## 1794. Trước một chuyến đi, Người nói: “Ai bị bệnh hoặc có lạc đà bất kham thì đừng...”

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Trước một chuyến đi, Người nói: “Ai bị bệnh hoặc có lạc đà bất kham thì đừng đi”; dù vậy, một người vẫn cưỡi con lạc đà bất kham lên đường, ngã gãy đùi mà chết, và Người cho Bilal hô ba lần: “Thiên Đàng bị cấm với kẻ bất tuân.”

Trong một chuyến đi, thời điểm không rõ

NGUỒN 1000 Mucize no.214 (s.195); web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 423

## 1795. Với Utbah bin Farqad trình bày một chứng bệnh, Người thổi vào tay mình, một tay...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Với Utbah bin Farqad trình bày một chứng bệnh, Người thổi vào tay mình, một tay xoa mặt ngoài, tay kia xoa mặt trong (lưng và bụng) ông; từ đó Utbah thơm hơn cả những người vợ dùng nước hoa của ông, dù ông không dùng hương thơm.

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN 1000 Mucize no.218 (s.198); web: Heysemî, Mecmau'z-zevâid, K. Alâmâti'n-nübüvve, no 14055; Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 23. fasıl; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 141 bâbı)

## 1796. Người rảy một vốc nước lên mặt Umm Ishaq, người có anh trai bị chồng bà giết...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người rảy một vốc nước lên mặt Umm Ishaq, người có anh trai bị chồng bà giết khi quay về Makkah lấy lương thực lúc đang di cư; từ đó dù gặp tai họa, nước mắt bà cũng không chảy xuống má.

Thời kỳ Madinah (trong lúc Umm Ishaq di cư), thời điểm không rõ

NGUỒN 1000 Mucize no.229 (s.203); web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 121)

## 1797. Một người phụ nữ hay chung đụng với đàn ông và ăn nói tục tĩu, khi Người đang...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Một người phụ nữ hay chung đụng với đàn ông và ăn nói tục tĩu, khi Người đang ăn đã xin miếng ăn trong miệng Người; ăn miếng ăn Người đưa, bà trở thành người rất e thẹn và không bao giờ nói lời tục tĩu nữa.

Thời điểm không rõ

NGUỒN 1000 Mucize no.233 (s.205); web: Heysemî, Mecmau'z-zevâid, K. Alâmâti'n-nübüvve, bâb fîmen ekele min fîhi şey'en, no 14138; Said Nursî, Mektubat, 19. Mektup, 13. İşaret, 8. misal; Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 21. fasıl; Questions on Islam, "The Miracles concerning the sick and the wounded being healed"; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 105; c. 2, s. 122; ayrıca: Meclisî, Bihâru'l-envâr, c. 18, s. 41; İbn Şehrâşûb, Menâkıb, c. 1, s. 103; İbn Hamza et-Tûsî, es-Sâkıb, s. 107-108, hadis no. 100/3

## 1798. Người nhổ nước bọt vào miệng cậu bé năm sáu tuổi Abdullah bin Amir do cha là...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người nhổ nước bọt vào miệng cậu bé năm sáu tuổi Abdullah bin Amir do cha là Amir bin Kurayz mang đến và nói: “Con trai ông sẽ là người mang nước đến cho mọi người”; về sau Abdullah có thể làm nước chảy ra từ hòn đá trước mặt mình.

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN 1000 Mucize no.237 (s.210); web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 106; ayrıca: Meclisî, Bihâru'l-envâr, c. 18, s. 42; İbn Şehrâşûb, Menâkıb, c. 1, s. 118

---

## 1799. Người đặt tay lên đầu, mặt, ngực và bụng nhà thơ Malik bin Umayr; khi Malik đã...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người đặt tay lên đầu, mặt, ngực và bụng nhà thơ Malik bin Umayr; khi Malik đã rất già, tóc và râu bạc trắng, những chỗ tay Người chạm vẫn không bạc.

Thời điểm không rõ

NGUỒN 1000 Mucize no.241 (s.212); web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 139 bâbı)

---

## 1800. Về một người bị bọ cạp đốt, Người nói: “Nếu buổi tối hắn nói: ‘Tôi xin nương...’”

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Về một người bị bọ cạp đốt, Người nói: “Nếu buổi tối hắn nói: ‘Tôi xin nương náu nơi những lời trọn vẹn của Allah khỏi điều xấu của những gì Ngài tạo ra’, thì nó đã không làm hại hắn”; một phụ nữ trong gia đình người thuật lại thuộc bộ tộc Aslam đọc lời cầu xin ấy và dù bị bọ cạp đốt vẫn không hề hấn gì.

Thời điểm không rõ

NGUỒN 1000 Mucize no.291 (s.270); web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 297; Kütüb-i Sitte: İbn Mâce 3518 [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 7044]

---

## 1801. Một người ngoại đạo được Người tiếp làm khách đã uống sữa của bảy lần vắt; sáng...

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Một người ngoại đạo được Người tiếp làm khách đã uống sữa của bảy lần vắt; sáng hôm sau khi theo Islam, ông uống một lần vắt và không uống hết lần thứ hai; Người nói: “Người Muslim uống bằng một ruột, kẻ ngoại đạo uống bằng bảy ruột.”

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN 1000 Mucize no.321 (s.298); Kütüb-i Sitte: Buhârî, Et'ime 12; Müslim, Eşribe 186, (2063); Muvatta, Sıfatu'n-Nebiyy 10, (2, 924); Tirmizî, Et'ime 20, (1820) [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 3891, c./s. 11/122]

---

## 1802. Trong cuộc thi bắn cung của người Aslam, trước tiên Người đứng về phía Ibn...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Trong cuộc thi bắn cung của người Aslam, trước tiên Người đứng về phía Ibn al-Adra', khi bên kia ngừng bắn, Người nói: “Ta đứng cùng tất cả các ngươi”; dù họ bắn suốt ngày, không bên nào thắng được bên nào.

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN 1000 Mucize no.362 (s.348); web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 123); Kütüb-i Sitte: Buhârî, Cihâd 78, Enbiyâ 12, Menâkıb 4 [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 2218, c./s. 8/56-57]

---

## 1803. Bài thuyết giảng Người đọc lớn tiếng về việc nói xấu sau lưng và dò xét lỗi lầm...

Hasan (Tốt) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Bài thuyết giảng Người đọc lớn tiếng về việc nói xấu sau lưng và dò xét lỗi lầm của người Muslim đã được nghe thấy đến tận những người phụ nữ trong các phòng.

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN 1000 Mucize no.364 (s.350); web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 113; Kütüb-i Sitte: Tirmizî, Birr 85, (2033) [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 3429, c./s. 10/221]

---

## 1804. Trong một cuộc chinh phạt, khi gặp kẻ thù, Người cầu xin: "Hỡi Chủ Nhân của..."

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Trong một cuộc chinh phạt, khi gặp kẻ thù, Người cầu xin: "Hỡi Chủ Nhân của Ngày Phán Xử, chỉ Ngài chúng con thờ phụng, chỉ nơi Ngài chúng con cầu xin giúp đỡ"; Abu Talhah thấy binh lính địch bị các Thiên Thần đánh từ phía trước và phía sau mà ngã gục.

Thời điểm không rõ (trong một cuộc chinh phạt)

NGUỒN 1000 Mucize no.410 (s.400); web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 452

---

## 1805. Khi Người được các Sahabah thay phiên canh giữ, câu kinh "Allah sẽ bảo vệ ngươi..."

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Khi Người được các Sahabah thay phiên canh giữ, câu kinh "Allah sẽ bảo vệ ngươi khỏi loài người" (chương al-Ma'idah, câu 67) được mặc khải; Người thò đầu ra khỏi lều và nói: "Hãy về đi, Allah đã hứa bảo vệ ta", rồi cho những người canh gác về.

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN 1000 Mucize no.902 (s.749); web: Ebû Nuaym el-İsfahânî, Delâilü'n-nübüvve, 13. fasıl, no. 151; Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 25. fasıl; Questions on Islam, "He is Protected from his Enemies"; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 210 vaadi bâbı); ayrıca: Meclisî, Bihâru'l-envâr, c. 17, s. 160, 176; Kütüb-i Sitte: Tirmizî 3046

---

## 1806. Bàn tay của Wa'il bin Hujr, người bắt tay Người, suốt ba ngày thơm hơn cả xạ...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Bàn tay của Wa'il bin Hujr, người bắt tay Người, suốt ba ngày thơm hơn cả xạ hương.

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN 1000 Mucize no.942 (s.772); web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 141 bâbı)

---

## 1807. Qaylah bint Makhramah thấy Người đang ngồi trong sự khiêm cung liền run lên vì...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Qaylah bint Makhramah thấy Người đang ngồi trong sự khiêm cung liền run lên vì sợ hãi; Người nói: "Hỡi người đáng thương, hãy bình tĩnh", và bà lập tức bình tâm.

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN 1000 Mucize no.970 (s.785); web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 39, Benî Şeybân heyeti bâbı

---

## 1808. Người xoa mặt một người khác; trên mặt người ấy luôn còn lại một ánh sáng

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người xoa mặt một người khác; trên mặt người ấy luôn còn lại một ánh sáng.

Thời điểm không rõ

NGUỒN Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 23. fasıl (kerâmât, berekât, dokunduğu şeylerin dönüşmesi)

---

## 1809. Một người nói rằng ông đã ném con gái mình xuống một thung lũng nọ; Người cùng...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Một người nói rằng ông đã ném con gái mình xuống một thung lũng nọ; Người cùng ông đến thung lũng và gọi tên cô bé: “Hỡi cô bé kia, nhờ phép của Allah hãy đáp lời ta”; cô bé bước ra nói: “Labbayk wa sa'dayk”; Người nói: “Cha mẹ con đã theo Islam; nếu con muốn, ta sẽ đưa con về với họ”; cô bé nói: “Con không cần họ; con thấy Allah tốt cho con hơn họ” (mursal từ al-Hasan al-Basri).

Thời điểm không rõ

NGUỒN Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 20. fasıl (ölülerin diriltilmesi, çocukların konuşması)

---

## 1810. Người rảy một vốc nước lên mặt Zaynab, con gái của Umm Salamah; không người phụ...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người rảy một vốc nước lên mặt Zaynab, con gái của Umm Salamah; không người phụ nữ nào được biết có vẻ đẹp bằng gương mặt cô (đến khi về già gương mặt cô vẫn tươi tắn).

Thời kỳ Madinah, năm 4–8 H

NGUỒN Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 23. fasıl (kerâmât, berekât, dokunduğu şeylerin dönüşmesi)

---

## 1811. Khi Người nói: “Allah đã cử ta đến để diệt trừ các nhạc cụ”, Aws bin Sam'an xác...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Khi Người nói: “Allah đã cử ta đến để diệt trừ các nhạc cụ”, Aws bin Sam'an xác nhận: “Tôi thấy điều này đúng y như vậy trong Kinh Tawrah.”

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 28 (Tevrat ve İncil'de anılması bâbı)

---

## 1812. Tại Bayt al-Midras, Người bắt Abdullah bin Suriya, người uyên bác nhất trong...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Tại Bayt al-Midras, Người bắt Abdullah bin Suriya, người uyên bác nhất trong người Do Thái, thề; ông ta thừa nhận: “Phải, đặc điểm của ngài rất rõ ràng trong Kinh Tawrah, nhưng họ đã ganh tị với ngài.”

Thời kỳ Madinah (năm 1–5 H)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 29 (Tevrat ve İncil'de anılması bâbı)

---

## 1813. Một người Do Thái giữ Người từ trưa đến sáng hôm sau vì vài dinar Người còn nợ...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Một người Do Thái giữ Người từ trưa đến sáng hôm sau vì vài dinar Người còn nợ; trước lời Người: "Thượng Đế của ta đã cấm ta bất công với người có giao ước", ông ta nói: "Tôi làm vậy để xem đặc điểm của ngài trong Kinh Tawrah", rồi theo Islam và dâng một nửa tài sản cho con đường của Allah.

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 30 (Tevrat ve İncil'de anılması bâbı)

---

## 1814. Một người đọc Kinh Tawrah và Kinh Injil nói: "Chúng tôi thấy đặc điểm của ngài..."

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Một người đọc Kinh Tawrah và Kinh Injil nói: "Chúng tôi thấy đặc điểm của ngài, nhưng cùng vị Nabi ấy có bảy mươi nghìn người sẽ vào Thiên Đàng không bị thẩm xét, còn bên ngài thì ít người"; Người nói: "Người ấy là ta; họ là Ummah của ta, và họ còn nhiều hơn bảy mươi nghìn."

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 26 (Tevrat ve İncil'de anılması bâbı)

---

## 1815. Trả lời câu hỏi "Lý lẽ của Allah đối với Kisra là gì?", Người cho biết Allah đã...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Trả lời câu hỏi "Lý lẽ của Allah đối với Kisra là gì?", Người cho biết Allah đã cử một Thiên Thần đến với Kisra; Thiên Thần thò bàn tay rực sáng ra từ bức tường cung điện (theo lời thuật khác, đến trong hình dạng một người mặc áo xanh, tay cầm cây gậy, nói: "Hãy theo Islam, nếu không ta sẽ bẻ gãy vương quốc của ngươi như cây gậy này") mà cảnh cáo ông ta.

Thời Kisra Khosrow II; lời báo ở thời kỳ Madinah

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 15-16, Kisrâ'ya mektup bâbı

---

## 1816. Từ trong tượng thần Himam của Banu Udhrah vang lên tiếng: "Chân lý đã xuất..."

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Từ trong tượng thần Himam của Banu Udhrah vang lên tiếng: "Chân lý đã xuất hiện, Himam đã diệt vong", và lần thứ hai khi tiếng nói báo rằng một vị Nabi đã xuất hiện ở Tihamah, tượng thần ngã sấp mặt; nghe vậy, Zimil bin Amr al-Udhri đến theo Islam, và Người nói: "Đó là tín đồ trong loài Jinn."

Năm 7–9 H (628–630 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 39, Benî Uzre heyeti bâbı

---

## 1817. Ở Baqi' al-Gharqad tại Madinah, Người để Ibn Mas'ud ở trong vòng tròn vẽ bằng...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Ở Baqi' al-Gharqad tại Madinah, Người để Ibn Mas'ud ở trong vòng tròn vẽ bằng gậy rồi gặp phái đoàn Jinn; Ibn Mas'ud thấy một bóng đen (như đám mây), và Người cho loài Jinn biết rằng làm lương thực, họ sẽ tìm được thức ăn trong mỗi khúc xương và mỗi cục phân thú.

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 48, Cin heyetleri bâbı

---

## 1818. Ở Madinah, sau lễ nguyện Fajr, Người dẫn Zubayr bin al-Awwam đến phái đoàn...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Ở Madinah, sau lễ nguyện Fajr, Người dẫn Zubayr bin al-Awwam đến phái đoàn Jinn; Zubayr thấy những người cao như ngọn giáo và run sợ, khi ngồi vào trong vòng Người vẽ thì nỗi sợ tan đi, và Người đọc Qur'an cho loài Jinn đến sáng.

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 49, Cin heyetleri bâbı

---

## 1819. Người cho Abu Hurairah biết phái đoàn Jinn ở Nusaybin đến xin lương thực, và...

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người cho Abu Hurairah biết phái đoàn Jinn ở Nusaybin đến xin lương thực, và Người đã cầu xin cho họ tìm được thức ăn trong mỗi khúc xương và mỗi cục phân thú họ đi qua.

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 49, Cin heyetleri bâbı

---

## 1820. Một người lên đường từ Khaybar một mình bị hai Shaytan bám theo, một kẻ thứ ba...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Một người lên đường từ Khaybar một mình bị hai Shaytan bám theo, một kẻ thứ ba (Jinn Muslim) đuổi chúng đi và nhờ người ấy gửi lời chào đến Nabi ﷺ cùng tin: “Zakat của chúng tôi đã được thu, nếu thích hợp chúng tôi sẽ gửi đến”; vì thế Người cấm đi đường một mình.

Sau Khaybar, năm 7–10 H

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 50, Cin heyetleri bâbı

---

## 1821. Trong một chuyến đi, tại al-Arj, Bilal bin al-Harith nghe những tiếng ồn mà ông...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Trong một chuyến đi, tại al-Arj, Bilal bin al-Harith nghe những tiếng ồn mà ông không hiểu; Người cười trở lại và nói: “Jinn Muslim và Jinn đa thần kiện nhau và xin ta đất ở; ta cho Jinn Muslim ở al-Jals, Jinn đa thần ở al-Ghawr.”

Thời kỳ Madinah, chuyến hành quân, thời điểm không rõ

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 50, Cin heyetleri bâbı

## 1822. Khi Khuraym bin Fatik đi tìm lạc đà lạc ban đêm, một Jinn (tiếng nói vô hình)...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Khi Khuraym bin Fatik đi tìm lạc đà lạc ban đêm, một Jinn (tiếng nói vô hình) báo bằng thơ rằng vị Nabi đã xuất hiện ở Yathrib; ông đến Madinah thấy Người đang thuyết giảng trên bục và theo Islam.

Sau Hijrah, khoảng năm 1–2 H

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 51, Cin heyetleri bâbı

## 1823. Trong chuyến đi qua sa mạc do Jabir kể, sau khi Người đi vệ sinh, mặt đất được...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Trong chuyến đi qua sa mạc do Jabir kể, sau khi Người đi vệ sinh, mặt đất được thấy hoàn toàn sạch sẽ, và Người nói: “Mặt đất được lệnh nuốt những gì ra từ các vị Nabi”; một con rắn đen đến kề miệng vào tai Người mà nói, và Người cho biết đó là sứ giả của loài Jinn muốn học Qur'an.

Thời kỳ Madinah, chuyến hành quân, thời điểm không rõ

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 50-51, Cin heyetleri bâbı

## 1824. Rashid bin Abd Rabbih thuộc Banu Sulaym nghe từ trong tượng thần Suwa' và các...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Rashid bin Abd Rabbih thuộc Banu Sulaym nghe từ trong tượng thần Suwa' và các tượng thần khác ở Ruhat những tiếng nói báo tin vị Nabi xuất hiện, rồi thấy hai con cáo tiểu lên tượng thần, liền đến Madinah theo Islam; Người đổi tên ông (Ghawi bin Abd al-Uzza) thành Rashid.

Thời kỳ Madinah (khoảng năm 8 H)

NGUỒN Ebû Nuaym el-İsfahânî, Delâilü'n-nübüvve, 7. fasıl (cinler, putlar ve kâhinlerden işitilenler), no. 68

## 1825. Với người được đưa đến trước Người với lời “Kẻ này muốn giết ngài”, Người nói...

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Với người được đưa đến trước Người với lời “Kẻ này muốn giết ngài”, Người nói: “Đừng sợ, đừng sợ; dù ngươi có muốn thế, Allah cũng không để ngươi làm hại ta.”

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN Ebû Nuaym el-İsfahânî, Delâilü'n-nübüvve, 13. fasıl (ismet ve korunması), no. 143

## 1826. Sau khi Người ra khỏi nhà vệ sinh, Aisha không thấy dấu vết gì bên trong ngoài...

Bịa đặt (Mawdu') CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Sau khi Người ra khỏi nhà vệ sinh, Aisha không thấy dấu vết gì bên trong ngoài mùi thơm; Người nói: “Thân thể chúng ta được tạo ra theo linh hồn của cư dân Thiên Đàng, những gì ra khỏi đó đất sẽ nuốt.”

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN Beyhakî, Delâilü'n-nübüvve, c.6 s.70

## 1827. Trong cùng cuộc chinh phạt ấy, cơn gió Allah gửi đến quất vào mặt những kẻ đa...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Trong cùng cuộc chinh phạt ấy, cơn gió Allah gửi đến quất vào mặt những kẻ đa thần, chúng tan vỡ, bỏ lại nhiều kẻ chết, tù binh và chiến lợi phẩm (Anas).

Trong một cuộc chinh phạt, thời điểm không rõ

NGUỒN İbn Kesîr, el-Bidâye ve'n-Nihâye (Saâde bs.), c. 6, s. 100 — Delâilü'n-nübüvve: yeryüzü mucizeleri – suyun çoğalması

## 1828. Bùa phép do một người đàn bà tên Hayra, được phe của Abdullah bin Ubayy bin...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Bùa phép do một người đàn bà tên Hayra, được phe của Abdullah bin Ubayy bin Salul trả tiền, làm bằng cách đâm kim vào một con bồ câu non rồi đặt dưới giếng, được báo cho Người sau chín ngày bệnh, và được giải bằng hai chương Mu'awwidhatayn.

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN Molla Câmî, Şevâhidü'n-Nübüvve, 4. bölüm

## 1829. Khi Abu Shahm đến tuyên thệ trung thành, người đã chọc vào sườn (jabdhah) một...

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Khi Abu Shahm đến tuyên thệ trung thành, người đã chọc vào sườn (jabdhah) một nữ tỳ trên đường phố Madinah, Người từ chối lời thề của ông: “Chẳng phải ngươi là kẻ đã chọc ghẹo hôm qua sao?”; Abu Shahm sám hối và tuyên thệ.

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN A'zamî, el-Câmiu'l-Kâmil, Sîre, bâb 611

## 1830. Một người Do Thái đi ngang qua hỏi: “Con người được tạo ra từ đâu?”, Người đáp...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Một người Do Thái đi ngang qua hỏi: “Con người được tạo ra từ đâu?”, Người đáp: “Từ tinh dịch của người nam và người nữ; tinh dịch của người nam đặc, xương và gân từ đó; tinh dịch của người nữ loãng, thịt và máu từ đó”; người Do Thái xác nhận: “Các vị Nabi trước ngài cũng nói như vậy” (do Ibn Mas'ud thuật lại).

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN Heysemî, Mecmau'z-zevâid, K. Alâmâti'n-nübüvve, no 13901 (8/241)

## 1831. Người nô lệ được trả tự do Safinah, được Người trao máu giác hơi với lời dặn...

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người nô lệ được trả tự do Safinah, được Người trao máu giác hơi với lời dặn “hãy giấu nó khỏi thú vật, chim chóc và con người”, đã uống máu ấy và nói ra điều đó; Người mỉm cười.

Thời kỳ Madinah

NGUỒN Heysemî, Mecmau'z-zevâid, K. Alâmâti'n-nübüvve, no 14011 (8/270)

## 1832. Salma (vợ của Abu Rafi'), thay vì chôn nước Người đã gội đầu thì uống nó; Người...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Salma (vợ của Abu Rafi'), thay vì chôn nước Người đã gội đầu thì uống nó; Người nói: "Hãy đi, Allah đã cấm Lửa chạm vào thân thể ngươi."

Thời kỳ Madinah

NGUỒN Heysemî, Mecmau'z-zevâid, K. Alâmâti'n-nübüvve, no 14013 (8/270)

## 1833. Người nói với người xin giúp đỡ để gả con gái: "Ngày mai hãy mang đến một cái..."

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người nói với người xin giúp đỡ để gả con gái: "Ngày mai hãy mang đến một cái chai miệng rộng và một que gỗ", rồi gạt mồ hôi từ cánh tay mình cho vào chai; khi cô gái dùng nó làm nước hoa, người Madinah ngửi thấy mùi thơm, và ngôi nhà ấy được gọi là "Bayt al-Mutayyibin" (nhà của những người thơm tho) (do Abu Hurairah thuật lại).

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN Heysemî, Mecmau'z-zevâid, K. Alâmâti'n-nübüvve, no 14056 (8/283)

## 1834. Người trao cho Umayrah bint Mas'ud và năm chị em đến tuyên thệ, mỗi người một...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người trao cho Umayrah bint Mas'ud và năm chị em đến tuyên thệ, mỗi người một mẩu thịt khô (qadid) Người đã nhai; cho đến khi chết, miệng họ không bao giờ có mùi hôi.

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN Heysemî, Mecmau'z-zevâid, K. Alâmâti'n-nübüvve, no 14058 (8/283)

## 1835. Khi Jabir bin Abdullah, người được Người cho ngồi sau lưng trên con vật cưỡi...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Khi Jabir bin Abdullah, người được Người cho ngồi sau lưng trên con vật cưỡi, chạm miệng vào dấu ấn sứ mạng, mùi xạ hương tỏa ra từ dấu ấn.

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 102 (Nübüvvet mührü hakkında gelenler)

## 1836. Lúc rạng đông, Aisha đang khâu vá làm rơi cây kim mà không tìm thấy; khi Người...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Lúc rạng đông, Aisha đang khâu vá làm rơi cây kim mà không tìm thấy; khi Người bước vào, bà tìm thấy nó nhờ ánh sáng từ gương mặt Người.

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 107 (Mübarek yüzündeki âyet)

## 1837. Các giáo sĩ Do Thái (theo một lời thuật là giáo sĩ ở Bayt al-Maqdis) hỏi Ali về...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Các giáo sĩ Do Thái (theo một lời thuật là giáo sĩ ở Bayt al-Maqdis) hỏi Ali về đặc điểm của Người, nghe xong nói: "Chúng tôi thấy đặc điểm của người ấy trong Kinh Tawrah như vậy; người ấy là sứ giả của Allah."

Thời kỳ Madinah / thời các Khalifah, thời điểm không rõ

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 129 (Yaratılışının vasfına dair toplu bâb)

## 1838. Khi một người Do Thái hỏi về vệt đen trên mặt trăng, Người trả lời: "Đêm và..."

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Khi một người Do Thái hỏi về vệt đen trên mặt trăng, Người trả lời: "Đêm và ngày là hai dấu hiệu (hai mặt trời); Allah đã xóa dấu hiệu của đêm, vệt đen ngươi thấy là dấu vết của sự xóa ấy."

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 315 (Yahudilerin onunla buluşması, soruları ve doğruluğunu bilmeleri bâbı)

## 1839. Khi Người đi trong một cánh đồng ở Madinah, người Do Thái hỏi về linh hồn...

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Khi Người đi trong một cánh đồng ở Madinah, người Do Thái hỏi về linh hồn; Người im lặng một lúc, mặc khải đến, và Người đọc câu kinh: "Họ hỏi ngươi về linh hồn..."

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 317 (Yahudilerin onunla buluşması, soruları ve doğruluğunu bilmeleri bâbı)

## 1840. Hai người Do Thái hỏi về chín dấu hiệu rõ ràng được ban cho Musa; khi Người kể...

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Hai người Do Thái hỏi về chín dấu hiệu rõ ràng được ban cho Musa; khi Người kể hết, họ hôn tay chân Người và nói: "Chúng tôi làm chứng rằng ngài là Nabi."

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 317 (Yahudilerin onunla buluşması, soruları ve doğruluğunu bilmeleri bâbı)

## 1841. Một giáo sĩ Do Thái thấy Người đang đọc chương Yusuf thì kinh ngạc nói: "Y như..."

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Một giáo sĩ Do Thái thấy Người đang đọc chương Yusuf thì kinh ngạc nói: "Y như được mặc khải trong Kinh Tawrah", rồi đi gọi những người Do Thái khác đến; họ nhận ra đặc điểm của Người và dấu ấn sứ mạng giữa hai vai, nghe xong chương ấy thì theo Islam.

Thời kỳ Madinah (theo một lời thuật là Makkah), thời điểm không rõ

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 318 (Yahudilerin onunla buluşması, soruları ve doğruluğunu bilmeleri bâbı)

## 1842. Người nói: “Khi những con ghoul hiện ra với các ngươi, hãy đọc Azan”; người...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người nói: “Khi những con ghoul hiện ra với các ngươi, hãy đọc Azan”; người được Sa'd bin Abi Waqqas sai đi làm một việc thấy con ghoul chặn đường cứ biến mất mỗi khi ông đọc Azan và lại hiện ra khi ông im lặng.

Lời tiên tri: thời kỳ Madinah; Sự việc: thời các Sahabah

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 324 (Ezanda görülen âyetler bâbı)

## 1843. Khi đi đêm qua Batn Rabigh, nơi Ubayy bin Khalaf chết, Ibn Umar thấy từ một...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Khi đi đêm qua Batn Rabigh, nơi Ubayy bin Khalaf chết, Ibn Umar thấy từ một ngọn lửa bùng lên, một người bị xích bước ra kêu: “Tôi khát”, và một người khác nói: “Đừng cho hắn nước, đây là Ubayy bin Khalaf, kẻ bị Thiên Sứ của Allah giết.”

Nhiều năm sau Uhud (thời điểm không rõ)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 353 (Uhud gazvesindeki âyetler)

## 1844. Mỗi đứa trẻ sinh ra trong dòng dõi của kẻ làm gãy răng cửa bên của Người ở Uhud...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Mỗi đứa trẻ sinh ra trong dòng dõi của kẻ làm gãy răng cửa bên của Người ở Uhud đều không mọc chiếc răng ấy (sinh ra không có răng ấy).

Sau Uhud (qua nhiều thế hệ)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 361 (Uhud gazvesindeki âyetler)

## 1845. Bên mộ những người tử vì đạo ở Uhud, Người nói: “Họ là những người tử vì đạo...”

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Bên mộ những người tử vì đạo ở Uhud, Người nói: “Họ là những người tử vì đạo trước Allah; hãy viếng thăm họ; cho đến Ngày Tận Thế, ai chào họ, họ nhất định đáp lại.”

Sau Uhud, thời kỳ Madinah

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 363 (Uhud gazvesindeki âyetler)

## 1846. Lời hứa trong câu kinh “Có lẽ Allah sẽ tạo ra tình thương giữa các ngươi và...”

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Lời hứa trong câu kinh “Có lẽ Allah sẽ tạo ra tình thương giữa các ngươi và những kẻ các ngươi thù địch” (chương al-Mumtahanah, câu 7) đã ứng nghiệm khi Người cưới Umm Habibah, con gái Abu Sufyan.

Lời tiên tri: thời kỳ Madinah; Ứng nghiệm: năm 7 H (628 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 383 (Hendek gazvesindeki âyetler)

## 1847. Người nói: “Ai cầu phúc cho ta bên mộ ta, ta nghe được; lời cầu phúc từ xa được...”

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người nói: “Ai cầu phúc cho ta bên mộ ta, ta nghe được; lời cầu phúc từ xa được chuyển đến ta; Allah đã giao cho mộ ta một Thiên Thần nghe được tiếng nói của mọi tạo vật; các Thiên Thần đi khắp mặt đất chuyển lời chào của Ummah ta đến ta.”

Lời tiên tri: thời kỳ Madinah

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 489 (Kabrinde hayatı, namazı ve selamın ulaştırılması)

## 1848. Người báo rằng những viên sỏi ném cột (jamrah) của những người có Hajj được...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người báo rằng những viên sỏi ném cột (jamrah) của những người có Hajj được chấp nhận được (một Thiên Thần) nhặt đi, nếu không chúng sẽ chất thành núi; đây là một phép màu được thấy mỗi năm và kéo dài đến ngày nay.

Lời tiên tri: thời kỳ Madinah; phép màu còn tiếp diễn

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 500 (Onun zamanından bugüne süren mucize)

## 1849. Trong một đoàn lữ hành đi Makkah, khi al-Hajjaj bin Ilat as-Sulami nói lời xin...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Trong một đoàn lữ hành đi Makkah, khi al-Hajjaj bin Ilat as-Sulami nói lời xin che chở ban đêm trong một thung lũng hoang vắng, ông nghe từ một tiếng nói vô hình câu kinh nói với loài Jinn và loài người (chương ar-Rahman, câu 33); ở Makkah, người Quraish nói rằng đây là điều được mặc khải cho Muhammad, và al-Hajjaj đến theo Islam.

Thời kỳ Madinah (sau Hijrah), thời điểm không rõ

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 55 (Heyetlerin gelişinde vuku bulan mucizeler)

## 1850. Rafi' bin Umayr người Tamim ban đêm giữa sa mạc xin loài Jinn che chở, một Jinn...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Rafi' bin Umayr người Tamim ban đêm giữa sa mạc xin loài Jinn che chở, một Jinn già báo cho ông về vị Nabi Muhammad ở Yathrib; khi ông đến Madinah, Thiên Sứ của Allah ﷺ, khi ông chưa kể, đã kể lại cho ông những gì ông trải qua và mời ông đến với Islam, và Rafi' theo Islam.

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 55 (Heyetlerin gelişinde vuku bulan mucizeler)

## 1851. Với người mặc áo vàng đến tuyên thệ, tự giới thiệu bằng một dòng dõi và danh...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Với người mặc áo vàng đến tuyên thệ, tự giới thiệu bằng một dòng dõi và danh hiệu dài “Qati' bin Sariq bin Zalim...”, Người gọi: “Ngươi là Abu Sufrah; hãy bỏ Sariq và Zalim đi”, và người ấy đọc lời chứng nhận đức tin mà theo Islam.

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 56 (Heyetlerin gelişinde vuku bulan mucizeler)

---

## 1852. Khi được báo rằng Ikrimah bin Abi Jahl (lúc còn đa thần) đã giết Sakhr thuộc...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Khi được báo rằng Ikrimah bin Abi Jahl (lúc còn đa thần) đã giết Sakhr thuộc người Ansar, Người mỉm cười và nói: "Kẻ giết và người bị giết ở cùng một phẩm cấp", ám chỉ rằng về sau Ikrimah sẽ theo Islam và đạt phẩm cấp tử vì đạo.

Lời tiên tri: thời kỳ Madinah (trước cuộc chinh phục); Ứng nghiệm: Ikrimah theo Islam năm 8 H, tử vì đạo khoảng năm 13–15 H

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 57 (Heyetlerin gelişinde vuku bulan mucizeler)

---

## 1853. Jibril đến nói: "Thượng Đế của ngài gửi lời chào ngài; Ngài cử tôi đến để cho..."

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Jibril đến nói: "Thượng Đế của ngài gửi lời chào ngài; Ngài cử tôi đến để cho ngài ăn chùm quả (qitf) này", và mang đến một chùm quả từ Thiên Đàng.

Thời điểm không rõ

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 93 (Önceki bâblara girmeyen diğer mucizeler: yemeğin çoğalması)

---

## 1854. Người phụ nữ quét masjid (Umm Mihjan) qua đời và được chôn mà Người không hay...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người phụ nữ quét masjid (Umm Mihjan) qua đời và được chôn mà Người không hay biết; Người đến mộ bà, cùng các Sahabah xếp hàng dâng lễ nguyện cho bà, rồi hỏi: "Bà thấy việc làm nào ưu việt hơn cả?"; khi người ta hỏi: "Thưa Thiên Sứ của Allah, bà ấy nghe được sao?", Người nói: "Các ngươi không nghe rõ hơn bà ấy", và cho biết người phụ nữ đã đáp: "Việc quét masjid."

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 112 (Ölülerin diriltilmesi ve konuşması bâbı)

---

## 1855. Abu Umamah được Người cử đi kêu gọi bộ tộc Bahilah của ông đến với Islam, bị...

Hasan (Tốt) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Abu Umamah được Người cử đi kêu gọi bộ tộc Bahilah của ông đến với Islam, bị dân mình từ chối không cho ăn uống nên ngủ thiếp đi trong đói khát; trong mơ ông được mời sữa/thức uống (trong một bình thủy tinh) và uống, khi thức dậy ông no và hết khát, từ đó không bao giờ đói khát nữa; thấy vậy dân ông tin theo.

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 120 (Türlerine göre mucizeler bölümü (alt bâb başlığı özetten alınamadı))

---

## 1856. Ở Yemen (trong một bộ tộc), một người tên al-Junduʿi, để lấy người phụ nữ mình...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Ở Yemen (trong một bộ tộc), một người tên al-Jundu'i, để lấy người phụ nữ mình yêu, nói dối: “Thiên Sứ của Allah ra lệnh cho tôi được phán xử về các người tùy ý”; Người cử Ali đến chỗ hắn; ban đêm khi ra ngoài lấy nước, hắn bị một con rắn độc cắn chết.

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 131 (Kendisi adına yalan söyleyen hakkındaki âyet (mucize) bâbı)

---

## 1857. Người xoa mặt Khuzaymah bin Asim al-Ukli, người đã theo Islam; gương mặt ông...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người xoa mặt Khuzaymah bin Asim al-Ukli, người đã theo Islam; gương mặt ông tươi trẻ cho đến khi chết.

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 141 (Mübarek elinin değdiği yerde görülen eserler (saçın ağarmaması vb.) bâbı)

---

## 1858. Hulb (Hilb) bin Yazid bin Adi bị hói; Người xoa đầu ông, tóc ông mọc lại, và vì...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Hulb (Hilb) bin Yazid bin Adi bị hói; Người xoa đầu ông, tóc ông mọc lại, và vì thế ông được gọi là “Hulb” (người nhiều lông tóc).

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 142 (Mübarek elinin değdiği yerde görülen eserler (saçın ağarmaması vb.) bâbı)

---

## 1859. Khi Người cùng Anas ra masjid, Người thấy ánh sáng trên tay một nhóm người đang...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Khi Người cùng Anas ra masjid, Người thấy ánh sáng trên tay một nhóm người đang giơ tay cầu xin; Anas nói không thấy, Người cầu xin Allah và cho cả ông cũng thấy.

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 144 (Bir topluluğun ellerindeki nurun görülmesi bâbı)

---

## 1860. Người thấy Amr bin Amir (Luhayy) al-Khuza'i, kẻ đầu tiên đặt ra tục dâng gia...

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người thấy Amr bin Amir (Luhayy) al-Khuza'i, kẻ đầu tiên đặt ra tục dâng gia súc cho tượng thần rồi thả rông (sa'ibah), đang kéo lê ruột mình trong Hỏa Ngục; Người cũng thấy một phần Hỏa Ngục nghiền nát phần khác.

Thời kỳ Madinah (khoảng lúc lễ nguyện nhật thực), thời điểm không rõ

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 151 (Mânaların cisim sûretinde görülmesine dair mucizeler)

---

## 1861. Người xin Thượng Đế cho xem một người của dân Ad; Người được cho thấy một người...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người xin Thượng Đế cho xem một người của dân Ad; Người được cho thấy một người (to lớn đến mức) chân ở Madinah, đầu ở Dhul-Hulayfah.

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 152 (Mânaların cisim sûretinde görülmesine dair mucizeler)

---

## 1862. Tamim bin Salamah thấy một người đàn ông rời chỗ Thiên Sứ của Allah ﷺ, đuôi...

**Da'if (Yếu)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Tamim bin Salamah thấy một người đàn ông rời chỗ Thiên Sứ của Allah ﷺ, đuôi khăn xếp thả ra sau lưng; khi ông hỏi, người ta cho biết đó là Jibril.

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 154 (Ashabının melekleri görmesi ve sözlerini işitmesine dair mucizeler)

---

## 1863. Khi Mu'adh bin Jabal bất tỉnh, em gái ông khóc than; tỉnh lại, ông kể rằng bên...

**Da'if (Yếu)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Khi Mu'adh bin Jabal bất tỉnh, em gái ông khóc than; tỉnh lại, ông kể rằng bên ông có một Thiên Thần nghiêm khắc, mỗi lần em gái ông kêu "Ôi chỗ dựa của em", Thiên Thần lại quở trách ông: "Ngươi có như vậy không?", và ông đáp "Không."

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 159 (Ashabının melekleri görmesi ve sözlerini işitmesine dair mucizeler)

---

## 1864. Mu'adh bin Jabal thấy chà là bố thí ông để trong phòng mỗi ngày một vơi nên...

**Da'if (Yếu)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Mu'adh bin Jabal thấy chà là bố thí ông để trong phòng mỗi ngày một vơi nên rình xem; ông ba lần bắt được một Jinn đến trong hình con voi rồi đổi dạng khác chui qua khe cửa; Jinn nói nó là một Jinn nghèo ở Nusaybin, con cái đông đúc, rồi dạy ông Ayat al-Kursi và phần cuối chương al-Baqarah; mỗi lần như vậy Thiên Sứ của Allah ﷺ đều báo điều đã xảy ra và nói: "Kẻ xấu xa ấy đã nói thật, dù nó là kẻ rất hay nói dối."

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 162 (Ashabının cinleri görmesi ve sözlerini işitmesine dair mucizeler)

---

## 1865. Buraydah bắt được ban đêm một con ghoul (Jinn cái) làm hao hụt thức ăn của ông...

**Da'if (Yếu)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Buraydah bắt được ban đêm một con ghoul (Jinn cái) làm hao hụt thức ăn của ông; nó nói nó đông con và thề không đến nữa nên ông thả ra; Thiên Sứ của Allah ﷺ nói: "Nó nói dối, nó sẽ lại đến"; đến lần thứ ba con ghoul dạy Ayat al-Kursi, và Người nói: "Nó đã nói thật, dù nó là kẻ rất hay nói dối."

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 163 (Ashabının cinleri görmesi ve sözlerini işitmesine dair mucizeler)

## 1866. Abu Usayd as-Sa'idi bắt được con ghoul ăn trộm và làm hỏng chà là ông hái từ...

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Abu Usayd as-Sa'idi bắt được con ghoul ăn trộm và làm hỏng chà là ông hái từ vườn để trên gác (mashrubah); con ghoul nói: "Đừng đưa tôi đến Thiên Sứ của Allah, tôi sẽ dạy ông Ayat al-Kursi; nếu ông đọc nó trong nhà, Shaytan không vào được, nếu đọc trên đồ đựng thì nắp của nó không bị mở", và Thiên Sứ của Allah ﷺ nói: "Nó đã nói thật, dù nó là kẻ rất hay nói dối."

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 164 (Ashabının cinleri görmesi ve sözlerini işitmesine dair mucizeler)

## 1867. Ubayy bin Ka'b thấy đống chà là trên sân phơi của mình vơi đi nên thức canh ban...

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Ubayy bin Ka'b thấy đống chà là trên sân phơi của mình vơi đi nên thức canh ban đêm; ông nói chuyện với một Jinn đến trong hình dạng một cậu bé mới lớn, tay có lông như chân chó; Jinn nói: "Chúng tôi nghe nói ông thích bố thí, chúng tôi muốn được chia phần thức ăn của ông", và cho biết Ayat al-Kursi che chở khỏi bọn chúng; Thiên Sứ của Allah ﷺ nói: "Kẻ xấu xa ấy đã nói thật."

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 164 (Ashabının cinleri görmesi ve sözlerini işitmesine dair mucizeler)

## 1868. Ban đêm trong vườn mình, Zayd bin Thabit gặp một Jinn than đói và xin trái cây...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Ban đêm trong vườn mình, Zayd bin Thabit gặp một Jinn than đói và xin trái cây; khi ông hỏi điều gì che chở khỏi bọn chúng, Jinn đáp: "Ayat al-Kursi."

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 165 (Ashabının cinleri görmesi ve sözlerini işitmesine dair mucizeler)

## 1869. Khi đang ngồi dưới bóng một căn phòng, Người nói: "Bây giờ sẽ có một người nhìn..."

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Khi đang ngồi dưới bóng một căn phòng, Người nói: "Bây giờ sẽ có một người nhìn bằng con mắt của Shaytan đến với các ngươi; khi hắn đến, đừng nói chuyện với hắn"; một người mắt xanh đến, Người nói với hắn: "Sao ngươi và bạn bè ngươi lại chửi ta?"; người ấy dẫn bạn bè đến và họ thề là không hề nói, và câu kinh về họ được mặc khải (chương al-Mujadilah, câu 18).

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 174 (Önceki bâblarda geçenler dışında haber verdiği gaybî şeylere dair mucizeler)

## 1870. Vào thời Người, các Sahabah sợ mặc khải xuống về mình mà phơi bày những điều...

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Vào thời Người, các Sahabah sợ mặc khải xuống về mình mà phơi bày những điều thầm kín, đến mức ngại cả trò chuyện, đùa giỡn với vợ; sau khi Người qua đời, họ mới thoải mái chuyện trò.

Thời kỳ Madinah (năm 1–11 H)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 183 (Önceki bâblarda geçenler dışında haber verdiği gaybî şeylere dair mucizeler)

---

## 1871. Người nói tên cụ thể: "Ngày Tận Thế sẽ không xảy ra cho đến khi ba mươi kẻ nói..."

**Sahih (Xác thực)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người nói tên cụ thể: "Ngày Tận Thế sẽ không xảy ra cho đến khi ba mươi kẻ nói dối xuất hiện; Musaylimah, al-Ansi và al-Mukhtar là trong số đó; những bộ tộc Ả Rập xấu nhất là con cháu Umayyah, con cháu Hanifah và Thaqif" (do Abdullah bin az-Zubayr thuật lại).

Lời tiên tri: thời kỳ Madinah; Ứng nghiệm: năm 11 H (Musaylimah, al-Ansi), năm 66–67 H (al-Mukhtar)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 225 (yalancıları ve deccalleri haber vermesi)

---

## 1872. Người đến bên một chàng trai đang hấp hối mà không đọc được lời chứng nhận đức...

**Da'if (Yếu)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người đến bên một chàng trai đang hấp hối mà không đọc được lời chứng nhận đức tin, hỏi nguyên do; biết cậu đã bất hiếu với mẹ, Người cho gọi mẹ cậu đến làm cho bà hài lòng, và chàng trai đã nói được "La ilaha illallah" (do Abdullah bin Abi Awfa thuật lại).

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 295 (duaların kabulündeki mucizeler)

---

## 1873. Người dạy Khalid bin al-Walid, người nói có một Jinn đang giăng bẫy mình, lời...

**Da'if (Yếu)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người dạy Khalid bin al-Walid, người nói có một Jinn đang giăng bẫy mình, lời cầu xin "A'udhu bi-kalimatillahit-tammat..."; Khalid đọc lên và nỗi khó khăn của ông tan biến (do Abul Aliyah ar-Riyahi thuật lại).

Thời kỳ Madinah (năm 8–11 H)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 297 (humma rukyesi, borç duası, cin rukyesi ve diğer öğrettiği dualar)

---

## 1874. Những ai muốn nói chuyện riêng (najwa) với Người được quy định phải bố thí...

**Sahih (Xác thực)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Những ai muốn nói chuyện riêng (najwa) với Người được quy định phải bố thí trước (chương al-Mujadilah, câu 12); người đầu tiên và duy nhất làm theo điều này là Ali, người đã bố thí một dinar, rồi câu kinh miễn giảm được mặc khải (do Ibn Abbas và Mujahid thuật lại).

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 342 (Kur'an'daki hitap ve itaatin farz kılınması bâbları)

## 1875. Người để lại cho Ahlul Bayt hai lời cầu xin được đáp nhận: một để giải trừ hoạn...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người để lại cho Ahlul Bayt hai lời cầu xin được đáp nhận: một để giải trừ hoạn nạn (“Ya da'iman lam yazal...”), một để được đáp ứng nhu cầu và trả nợ (“Ya man yakfi min kulli shay'...”) (do Ja'far bin Muhammad thuật lại).

Thời điểm không rõ

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 344 (ihtiyaç ve sıkıntı duaları bâbı)

## 1876. Khi Người vào giáo đường của người Do Thái, người Do Thái đang đọc Kinh Tawrah...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Khi Người vào giáo đường của người Do Thái, người Do Thái đang đọc Kinh Tawrah đến đoạn đặc điểm của Người thì im bặt; một người bệnh ở góc phòng bò đến cầm lấy Kinh Tawrah, đọc đặc điểm của Người rồi nói: “Đây là đặc điểm của ngài và Ummah của ngài; tôi làm chứng rằng không có thần linh nào ngoài Allah và ngài là sứ giả của Ngài”, rồi qua đời; Người nói: “Hãy lo cho người anh em của các ngươi (chôn cất ông ấy).”

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî (el-Bidâye ve'n-Nihâye'den; thk. es-Seyyid İbrâhîm), tek cilt, s. 225-226 (Hadîs yetedammenü i'tirâfe'l-Yehûd bi-ennehû Resûlullah)

## 1877. Đứa bé hai tháng tuổi trong lòng một người đàn bà đa thần đang buông lời thô lỗ...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Đứa bé hai tháng tuổi trong lòng một người đàn bà đa thần đang buông lời thô lỗ với Người đã nói: “As-salamu 'alayka ya Rasulallah, ya Muhammad bin Abdullah”; trước câu hỏi “Con biết điều này từ đâu?”, bé nói: “Thượng Đế của con và Linh Hồn Đáng Tin Cậy đã dạy; kìa Jibril đang đứng bên đầu ngài”; bé tên là Abd al-Uzza được đổi tên thành Abdullah, xin Người cầu cho mình được làm người hầu của Người trên Thiên Đàng, rồi đọc lời chứng nhận đức tin và qua đời.

Thời điểm không rõ

NGUỒN İbn Şehrâşûb, Menâkıbü Âl-i Ebî Tâlib (Necef 1376/1956 baskısı), c. 1, s. 88 (fasl fî kelâmi'l-hayvânât)

## 1878. Người cùng Ali, Abu Ayyub và một số Sahabah đến dự bữa tiệc thịt cừu tẩm độc mà...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người cùng Ali, Abu Ayyub và một số Sahabah đến dự bữa tiệc thịt cừu tẩm độc mà người Do Thái hứa thưởng để nhờ một người đàn bà tên Abdah chuẩn bị; người Do Thái đứng chống gậy và bịt mũi; cái chân trước của con cừu nói: “Hỡi Muhammad, đừng ăn tôi, tôi bị tẩm độc”; người đàn bà nói: “Tôi làm vậy vì nghĩ rằng nếu ngài là Nabi thì nó không làm hại ngài, còn nếu không thì tôi cứu dân tôi khỏi ngài”, và Jibril xuống dạy một lời cầu xin.

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN İbn Hamza et-Tûsî, es-Sâkıb fi'l-menâkıb (thk. Nebîl Rızâ Ulvân, Kum: Ensâriyân, 2. bs. 1412), s. 81, no. 65/3 (fasl: kelâmü'z-zirâ' ve'ş-şâti'l-mesmûme)

## 1879. Khi nữ Jinn tên Afra', người nghe lời Người rồi truyền lại cho các Jinn đức...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Khi nữ Jinn tên Afra', người nghe lời Người rồi truyền lại cho các Jinn đức hạnh và là người giúp các Jinn theo Islam qua tay mình, vắng mặt một thời gian, Jibril báo: “Cô ấy đi thăm người chị em mà cô yêu vì Allah”; khi Afra' trở về, cô kể đã thấy Iblis trên một tảng đá trắng giữa biển xanh đang cầu xin “nhờ quyền của Muhammad, Ali, Fatimah, Hasan và Husayn”.

Thời điểm không rõ

NGUỒN Meclisî, Bihâru'l-envâr, c. 18, s. 83 (Bâb 9: cinler ve şeytanlar üzerindeki hâkimiyeti, bazı cinlerin imanı)

## 1880. Khi Người ngồi cùng các Sahabah ở al-Abtah, Urfutah (Atrafah) bin Shimrah thuộc...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Khi Người ngồi cùng các Sahabah ở al-Abtah, Urfutah (Atrafah) bin Shimrah thuộc loài Jinn Banu Najah bước ra từ một cơn lốc, xin Người phân xử cuộc tranh chấp về nước và đồng cỏ giữa ông và dân mình; Người cho ông lộ mặt để các Sahabah thấy, và khi Abu Bakr, Umar và Uthman không đi được, Người cử Ali xuống loài Jinn dưới lòng đất; Ali giao chiến với những Jinn từ chối Islam, thuế Jizyah và hòa ước rồi trở về (do Salman thuật lại).

Thời điểm không rõ

NGUỒN Meclisî, Bihâru'l-envâr, c. 18, s. 86-88 (Bâb 9: cinler ve şeytanlar üzerindeki hâkimiyeti, bazı cinlerin imanı)

## 1881. Khi ngồi cùng Ali trước cửa, Người cho Ali biết ông già chào rồi đi qua chính...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Khi ngồi cùng Ali trước cửa, Người cho Ali biết ông già chào rồi đi qua chính là Iblis; Ali đuổi theo vật hắn ngã xuống đất, và Iblis nói: “Ta được gia hạn đến thời điểm đã định” (do Anas thuật lại; al-Majlisi thấy chuỗi truyền của nó là lạ).

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN Meclisî, Bihâru'l-envâr, c. 18, s. 88-89 (Bâb 9: cinler ve şeytanlar üzerindeki hâkimiyeti, bazı cinlerin imanı)

## 1882. Trong những đêm tối, khi Người gọi các cháu Hasan và Husayn: “Hỡi Abu Muhammad...”

Bịa đặt (Mawdu') CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Trong những đêm tối, khi Người gọi các cháu Hasan và Husayn: “Hỡi Abu Muhammad, hỡi Abu Abdullah, hãy đến với ông”, Người đưa ngón trỏ ra ngoài cửa, từ ngón tay tỏa ra một ánh sáng còn sáng hơn mặt trăng và mặt trời; khi hai cháu đến, ngón tay trở lại như cũ, và khi về nhà ánh sáng ấy lại soi đường cho hai cậu.

Thời kỳ Madinah (năm 4–11 H / 625–632 CN)

NGUỒN Meclisî, Bihâru'l-envâr, c. 17, s. 267 (Bâb 2: cevâmiu mu'cizâtihî ve nevâdirühâ)

## 1883. Khi Người ra khỏi thành, những kẻ giả tạo đức tin và ngoại đạo đuổi theo để...

Bịa đặt (Mawdu') CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Khi Người ra khỏi thành, những kẻ giả tạo đức tin và ngoại đạo đuổi theo để giết Người thì bị Allah cho chấy rận phủ khắp thân thể; chấy rận lan đầy đến tận cổ họng khiến chúng không ăn uống được, và trong hai tháng tất cả đều chết.

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN Meclisî, Bihâru'l-envâr, c. 17, s. 268-269 (Bâb 2: cevâmiu mu'cizâtihî ve nevâdirühâ)

---

## 1884. Một nhóm người tụ tập ở Makkah trong mùa Hajj rồi tiến về Madinah để giết...

**Bịa đặt (Mawdu')** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Một nhóm người tụ tập ở Makkah trong mùa Hajj rồi tiến về Madinah để giết Người; chuột cắn thủng các túi nước và cái hồ chúng lấy nước; tất cả chết khát giữa sa mạc, chỉ có một người cầu xin "nhờ quyền của Muhammad và gia đình người ấy" thì được cứu và tin theo, và lạc đà cùng tài sản của những kẻ đã chết được trao cho ông.

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN Meclisî, Bihâru'l-envâr, c. 17, s. 269-270 (Bâb 2: cevâmiu mu'cizâtihî ve nevâdirühâ)

---

## 1885. Abu Sa'id al-Khudri, người được Người trao máu giác hơi để giấu đi, đã uống nó...

**Bịa đặt (Mawdu')** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Abu Sa'id al-Khudri, người được Người trao máu giác hơi để giấu đi, đã uống nó; Người nói: "Đừng làm thế nữa; nhưng hãy biết rằng vì thịt và máu của ngươi đã hòa với máu ta nên Lửa đã bị cấm chạm vào ngươi."

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN Meclisî, Bihâru'l-envâr, c. 17, s. 270 (Bâb 2: cevâmiu mu'cizâtihî ve nevâdirühâ)

---

## 1886. Tương ứng với việc gió phục tùng Sulayman, gió được đặt dưới lệnh Người; Người...

**Da'if (Yếu)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Tương ứng với việc gió phục tùng Sulayman, gió được đặt dưới lệnh Người; Người mang người thừa kế và các Sahabah của mình trên một tấm thảm đến hang của Những Người Trong Hang.

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN Meclisî, Bihâru'l-envâr, c. 17, s. 257 (Bâb 2: cevâmiu mu'cizâtihî ve nevâdirühâ)

---

## 1887. Abdullah bin Ubayy cho đào một cái hố trong nhà, cắm mũi giáo và dao tẩm độc...

**Bịa đặt (Mawdu')** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Abdullah bin Ubayy cho đào một cái hố trong nhà, cắm mũi giáo và dao tẩm độc dưới đáy, trải thảm lên trên và chuẩn bị thức ăn có độc; Jibril báo trước âm mưu; khi Người ngồi lên tấm thảm, cái hố được lấp đầy thành nền đất vững chắc; Người cùng Ali và các Sahabah ăn món ăn tẩm độc (súp bột/harirah và cừu non nướng) mà Ali đã đọc lời cầu xin "Bismillahish-Shafi..." lên trên, và không ai bị hại; sau đó con gái của Ibn Ubayy ngồi lên tấm thảm thì rơi xuống cái hố mở ra lại mà chết, và những kẻ theo hắn ăn phần thức ăn còn thừa cũng chết.

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN Meclisî, Bihâru'l-envâr (Müessesetü'l-Vefâ), c. 17, s. 328-333 (ebvâbü mu'cizâtih, bâb 2: cevâmi'u mu'cizâtihî ve nevâdiruhâ)

## 1888. Một tín đồ nghèo không có vốn buôn bán, ngày ngày dâng lời cầu phúc cho Người...

**Bịa đặt (Mawdu')** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Một tín đồ nghèo không có vốn buôn bán, ngày ngày dâng lời cầu phúc cho Người và gia đình Người, đã mua chịu nhân danh Nabi ﷺ một con cá giá hai daniq (giá ấy được trả cho Usamah một dirham); trong bụng cá có hai viên ngọc trị giá hai trăm nghìn dirham; khi người bán cá, bị những kẻ giả tạo đức tin xúi giục, thò tay đòi lại hai viên ngọc thì chúng biến thành bọ cạp trong tay hắn, cặp thứ hai lấy ra từ con cá biến thành rắn cắn hắn; khi người tín đồ cầm lấy, tất cả trở lại thành ngọc, và bốn viên ngọc được bán cho các thương nhân với giá bốn trăm nghìn dirham.

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN Meclisî, Bihâru'l-envâr (Müessesetü'l-Vefâ), c. 17, s. 383-385 (ebvâbü mu'cizâtih, bâb 4: cemâdât ve nebâtâtın itaati ve konuşması)

## 1889. Abdullah bin Salam, vốn là học giả Do Thái rồi theo Islam, nói với Umar rằng vì...

**Da'if (Yếu)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Abdullah bin Salam, vốn là học giả Do Thái rồi theo Islam, nói với Umar rằng vì các đặc điểm của Thiên Sứ của Allah ﷺ có trong kinh sách của ông nên ông biết rõ Người hơn cả con trai mình, và ông làm chứng cho sứ mạng Nabi của Người với lòng xác tín.

Thời kỳ Madinah (năm 1–11 H), thời điểm không rõ

NGUỒN N. İçel, Hz. Muhammed'in (sas) Mucizeleri -1 (2023), "Peygamberimiz aleyhisselâmın İsim ve Sıfatlarının Ehl-i Kitab Nezdinde Belli Oluşu" (kitabın dipnotu: Fahru'r-Râzî, Tefsir, c:4, s:128; Hâzin, Tefsir, c: 1, s:94; Vâhidî, Esbâbü'n-nüzûl, s:27)

## 1890. Lời hứa “Allah sẽ bảo vệ ngươi khỏi loài người” và việc Người được che chở khỏi mọi âm mưu ám sát

**Sahih (Xác thực)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Lời hứa “Allah sẽ bảo vệ ngươi khỏi loài người” và việc Người được che chở khỏi mọi âm mưu ám sát.

Năm 5–11 H

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.1 s.522; İbn Kesîr s.16; 1000 Mucize no.519 (s.533); Kütüb-i Sitte: Tirmizî, Tefsîr, Mâide (listedeki kaynağa göre)

## 1891. Đạo đức cao cả của Người và việc suốt đời Người không ai biết đến một lời nói dối nào của Người

**Sahih (Xác thực)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Đạo đức cao cả của Người và việc suốt đời Người không ai biết đến một lời nói dối nào của Người.

Năm 571–632 CN

NGUỒN İbn Kesîr s.15; 1000 Mucize giriş no.1 (s.1); ayrıca: N. İçel, Hz. Muhammed'in (sas) Mucizeleri -1 (2023), "Peygamberimiz Aleyhisselâmın Her Türlü Kötülüklerden Korunarak Büyütülüşü (İbn İshak'ın değerlendirmesi)" (kitabın dipnotu: İbn İshak-İbn Hişam, Sîre, c:1, s:194); Kütüb-i Sitte: Buharî, Bed'ü'l-Vahy 1, Cihad 102, Tefsir Al-i İmran 4; Müslim, Cihad 73, (1773); Tirmizî, İsti'zan 24, (2718) [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 5561, c./s. 15/382-385]

## 1892. Người hoàn tất sứ mạng kêu gọi của mình trong hai mươi ba năm với một thành công vô song

**Sahih (Xác thực)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người hoàn tất sứ mạng kêu gọi của mình trong hai mươi ba năm với một thành công vô song.

Năm 610–632 CN

NGUỒN 1000 Mucize giriş no.2 (s.7); Kütüb-i Sitte: Buharî, Megazî 85, Fezailu'l-Kur'an 1; Müslim, Feazail 117, 121, (2351, 2353); Tirmizî, Menakıb 28, (3652, 3653) [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 5533, c./s. 15/348]

## 1893. Mắt Người ngủ nhưng tim Người không ngủ

**Sahih (Xác thực)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Mắt Người ngủ nhưng tim Người không ngủ.

Liên tục

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.1 s.304; web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 118-119; Kütüb-i Sitte: Buhârî, Müslim (Âişe) (listedeki kaynağa göre)

## 1894. Khi dâng lễ nguyện, Người thấy các hàng sau lưng như thể chúng ở phía trước

**Sahih (Xác thực)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Khi dâng lễ nguyện, Người thấy các hàng sau lưng như thể chúng ở phía trước.

Liên tục (thời kỳ Madinah)

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.4 s.529; 1000 Mucize no.111 (s.88), no.282 (s.260); web: A'zamî, el-Câmiu'l-Kâmil, Sîre, bâb 566; Beyhakî, Delâilü'n-nübüvve, c.6 s.73-74; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 104; ayrıca: Meclisî, Bihâru'l-envâr, c. 17, s. 299; İbnü'l-Cevzî, el-Vefâ, s. 349; Râvendî, el-Harâic, c. 1, s. 47; c. 2, s. 507; Kütüb-i Sitte: Buhârî 418, 741; Müslim 423-426 (listedeki kaynağa göre; Canan'da künyesi yok) [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 2581]

---

## 1895. Trong bóng tối Người cũng nhìn thấy như trong ánh sáng

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Trong bóng tối Người cũng nhìn thấy như trong ánh sáng.

Liên tục

NGUỒN 1000 Mucize no.283 (s.261); web: Beyhakî, Delâilü'n-nübüvve, c.6 s.75; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 104; ayrıca: İbnü'l-Cevzî, el-Vefâ, s. 349

---

## 1896. Mồ hôi và da thịt Người thơm hơn xạ hương; bàn tay Người mềm hơn lụa và mát lạnh

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Mồ hôi và da thịt Người thơm hơn xạ hương; bàn tay Người mềm hơn lụa và mát lạnh.

Liên tục

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.1 s.199; 1000 Mucize no.104 (s.80); web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 114-115; c. 1, s. 127; ayrıca: İbn Şehrâşûb, Menâkıb, c. 1, s. 107; Kütüb-i Sitte: Buharî, İsti'zan 41; Müslim, Fezail 84, (2331); Nesâî, Zinet 119, (8, 218) [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 5548, c./s. 15/366]

---

## 1897. Gương mặt Người sáng như mặt trăng

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Gương mặt Người sáng như mặt trăng.

Liên tục

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.1 s.158; ayrıca: İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî, s. 425; Kütüb-i Sitte: Buhârî (listedeki kaynağa göre); Tirmizî, Menakıb 26, (3650) [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 5544, c./s. 15/365]

---

## 1898. Những trạng thái khi mặc khải đến: mồ hôi tuôn trên trán vào ngày lạnh, âm...

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Những trạng thái khi mặc khải đến: mồ hôi tuôn trên trán vào ngày lạnh, âm thanh như tiếng chuông, con vật Người cưỡi quỳ sụp xuống.

Năm 610–632 CN

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.5 s.379; web: Heysemî, Mecmau'z-zevâid, K. Alâmâti'n-nübüvve, no 13938-13939; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 198-200; c. 1, s. 199; ayrıca: İbnü'l-Cevzî, el-Vefâ, s. 165-169; İbn Şehrâşûb, Menâkıb, c. 1, s. 41; Kütüb-i Sitte: Buhârî, Müslim (Âişe) (listedeki kaynağa göre)

---

## 1899. Jinn đồng hành (qarin) mà ai cũng có, nơi Người thì đã quy phục và chỉ khuyên điều tốt

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Jinn đồng hành (qarin) mà ai cũng có, nơi Người thì đã quy phục và chỉ khuyên điều tốt.

Liên tục

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.5 s.416; web: Heysemî, Mecmau'z-zevâid, K. Alâmâti'n-nübüvve, bâbü ismetihî mine'l-karîn, no 13856-13860; Ebû Nuaym el-İsfahânî, Delâilü'n-nübüvve, 13. fasıl, no. 127; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 323; ayrıca: İbnü'l-Cevzî, el-Vefâ, s. 337; Kütüb-i Sitte: Müslim, Münâfıkûn 69, (2814) [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 4359, c./s. 12/405]

---

## 1900. Khi Người đang dâng lễ nguyện, Người bắt và bóp cổ một Ifrit định chĩa lửa vào...

**Sahih (Xác thực)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Khi Người đang dâng lễ nguyện, Người bắt và bóp cổ một Ifrit định chĩa lửa vào mặt Người; nhớ lại lời cầu xin của Sulayman, Người thả nó ra.

Thời kỳ Madinah

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.5 s.413; 1000 Mucize no.204 (s.185); web: Ebû Nuaym el-İsfahânî, Delâilü'n-nübüvve, 17. fasıl, no. 264-265; Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 27. fasıl; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 109; c. 2, s. 109-110; c. 2, s. 110; ayrıca: İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî, s. 451; İbnü'l-Cevzî, el-Vefâ, s. 335; Meclisî, Bihâru'l-envâr, c. 17, s. 258; c. 18, s. 82, 89; Râvendî, el-Harâic, c. 3, s. 918; Kütüb-i Sitte: Buharî, Salat 75, Amel fi's-Salat 10, Bed'ül-Halk 11, Enbiya 40; Müslim, Mesacid 39, (541) [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 5609, c./s. 15/470]

---

## 1901. Khi lũ Shaytan tụ tập muốn làm hại, chúng tan đi nhờ lời cầu xin Jibril dạy...

**Hasan (Tốt)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Khi lũ Shaytan tụ tập muốn làm hại, chúng tan đi nhờ lời cầu xin Jibril dạy; Người cũng dạy lời cầu xin này cho Khalid bin al-Walid.

Thời kỳ Makkah/Madinah

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.5 s.412; 1000 Mucize no.205 (s.185); web: Ebû Nuaym el-İsfahânî, Delâilü'n-nübüvve, 13. fasıl, no. 137-138; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 298

---

## 1902. Imam Tawus al-Yamani thuộc thế hệ Tabi'in khẳng định chắc chắn: “Không có người...”

**Da'if (Yếu)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Imam Tawus al-Yamani thuộc thế hệ Tabi'in khẳng định chắc chắn: “Không có người điên nào được đưa đến với Thiên Sứ của Allah mà Người đặt tay lên ngực rồi người ấy không khỏi bệnh.”

Thời kỳ Madinah (lời chứng chung)

NGUỒN Said Nursî, Mektubat, 19. Mektup, 13. İşaret, 8. misal (s. 208)

---

## 1903. Khi Người cầu xin cho một người, phúc lành của lời cầu xin ấy còn đến cả con và...

**Da'if (Yếu)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Khi Người cầu xin cho một người, phúc lành của lời cầu xin ấy còn đến cả con và cháu người ấy (do Hudhayfah thuật lại).

Chung (thời điểm không rõ)

NGUỒN Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 22. fasıl (duasının kabulü)

## 1904. Abu Dharr: “Thiên Sứ của Allah để lại chúng tôi trong tình trạng mà không có...”

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Abu Dharr: “Thiên Sứ của Allah để lại chúng tôi trong tình trạng mà không có con chim nào vỗ cánh trên trời mà Người chưa nhắc cho chúng tôi một kiến thức về nó.”

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 24. fasıl (gayb haberleri)

## 1905. Người thường nói ra những bí mật và ý nghĩ thầm kín của các Sahabah, những điều...

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người thường nói ra những bí mật và ý nghĩ thầm kín của các Sahabah, những điều những kẻ giả tạo đức tin che giấu, sự vô đức tin của chúng và những lời chúng nói về Người và các tín đồ; đến mức một kẻ giả tạo đức tin nói với bạn: “Hãy im đi; thề bởi Allah, dù bên Người không có ai báo tin, những hòn đá ở Batha cũng sẽ báo cho Người.”

Thời kỳ Madinah, chung

NGUỒN Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 24. fasıl (gayb haberleri)

## 1906. Dù Người mù chữ, không đọc không viết và không giao du với người ngoại quốc...

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Dù Người mù chữ, không đọc không viết và không giao du với người ngoại quốc, Người biết những từ trong ngôn ngữ của các dân tộc khác: tiếng Abyssinia “sanah, sanah” (đẹp), “harj” (giết chóc); trong hadith của Abu Hurairah có từ tiếng Ba Tư “ashkanb dard” (đau bụng).

Chung (thời kỳ Madinah)

NGUỒN Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 26. fasıl (ilimleri)

## 1907. Dù không viết chữ, Người đưa ra những hiểu biết tinh tế về cách viết các chữ...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Dù không viết chữ, Người đưa ra những hiểu biết tinh tế về cách viết các chữ cái: “Đừng kéo dài Bismillahir-Rahmanir-Rahim”; Người nói với người thư ký Mu'awiyah: “Hãy chuẩn bị lọ mực (liqah), vót bút xiên, viết chữ ba' thẳng, tách răng chữ sin, đừng làm mù chữ mim, viết chữ Allah cho đẹp, kéo dài chữ ar-Rahman, làm đẹp chữ ar-Rahim”; Người bảo người thư ký: “Hãy gài bút lên tai; như vậy dễ nhớ hơn.”

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 26. fasıl (ilimleri)

## 1908. Người ta kể rằng dưới ánh mặt trời và ánh trăng, bóng của Người không đổ xuống...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người ta kể rằng dưới ánh mặt trời và ánh trăng, bóng của Người không đổ xuống đất, vì Người là ánh sáng.

Chung

NGUỒN Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 29. fasıl (doğumundaki ve sonrasındaki alâmetler)

## 1909. Ruồi không bao giờ đậu lên thân thể và quần áo của Người

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Ruồi không bao giờ đậu lên thân thể và quần áo của Người.

Chung

NGUỒN Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 29. fasıl (doğumundaki ve sonrasındaki alâmetler)

## 1910. Trên dấu ấn sứ mạng ở lưng Người, trên da thịt có dòng chữ "Muhammad là Thiên..."

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Trên dấu ấn sứ mạng ở lưng Người, trên da thịt có dòng chữ "Muhammad là Thiên Sứ của Allah"; theo lời thuật khác, mặt trong ghi "Allah là Duy Nhất, không có đối tác, Muhammad là bề tôi và sứ giả của Ngài", mặt ngoài ghi "Hãy hướng đến nơi ngươi muốn, ngươi sẽ chiến thắng".

Liên tục

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 102 (Nübüvvet mührü hakkında gelenler)

## 1911. Dấu hiệu sứ mạng (nốt ruồi) của các vị Nabi trước ở bàn tay phải, còn của Người...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Dấu hiệu sứ mạng (nốt ruồi) của các vị Nabi trước ở bàn tay phải, còn của Người thì ở giữa hai vai.

Đặc điểm riêng (liên tục)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 103 (Nübüvvet mührü hakkında gelenler)

## 1912. Khi Người nói, người ta thấy như có ánh sáng phát ra từ kẽ răng cửa của Người

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Khi Người nói, người ta thấy như có ánh sáng phát ra từ kẽ răng cửa của Người.

Liên tục

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 106 (Mübarek ağzı, tükürüğü ve dişlerindeki âyetler)

## 1913. Jibril mang đến lời: "Allah phán: Ta đã khoác cho Yusuf vẻ đẹp từ ánh sáng của..."

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Jibril mang đến lời: "Allah phán: Ta đã khoác cho Yusuf vẻ đẹp từ ánh sáng của Kursi, và khoác cho gương mặt ngươi vẻ đẹp từ ánh sáng của Ngai Vương Ta."

Thời điểm không rõ

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 107 (Mübarek yüzündeki âyet)

## 1914. Nách của Người trắng, không đổi màu và không có lông; khi Người cầu xin và quỳ...

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Nách của Người trắng, không đổi màu và không có lông; khi Người cầu xin và quỳ lạy, người ta thấy được màu trắng của nách Người.

Liên tục

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 107 (Mübarek koltuk altındaki âyet)

---

## 1915. Người là người nói tiếng Ả Rập lưu loát nhất; trước câu hỏi của Umar: "Ngài..."

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người là người nói tiếng Ả Rập lưu loát nhất; trước câu hỏi của Umar: "Ngài chưa từng rời khỏi chúng tôi, sao ngài lại lưu loát nhất trong chúng tôi?", Người nói: "Ngôn ngữ của Isma'il đã bị lãng quên; Jibril mang nó đến cho ta, và ta đã thuộc nó."

Liên tục

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 108 (Mübarek dilindeki mucize)

---

## 1916. Suốt đời Người không bao giờ ngáp (không vị Nabi nào từng ngáp)

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Suốt đời Người không bao giờ ngáp (không vị Nabi nào từng ngáp).

Đặc điểm riêng (liên tục)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 112 (Esnemekten korunması)

---

## 1917. Người nói: "Ta thấy điều các ngươi không thấy, nghe điều các ngươi không nghe..."

Hasan (Tốt) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người nói: "Ta thấy điều các ngươi không thấy, nghe điều các ngươi không nghe; trời đã rên rỉ, và nó có lý để rên rỉ: không có chỗ nào rộng bốn ngón tay mà không có một Thiên Thần đang quỳ lạy."

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 113 (Mübarek kulağındaki (işitmesindeki) âyet)

---

## 1918. Wahb bin Munabbih, người đã đọc bảy mươi mốt cuốn sách, thấy trong tất cả rằng...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Wahb bin Munabbih, người đã đọc bảy mươi mốt cuốn sách, thấy trong tất cả rằng trí tuệ ban cho toàn nhân loại từ đầu đến cuối thế gian, so với trí tuệ của Người, chỉ như một hạt cát giữa cát của thế gian, và Người là người có trí tuệ cao nhất trong loài người.

Đặc điểm riêng (liên tục)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 114 (Mübarek aklındaki âyet)

---

## 1919. Khi Người đang sửa giày, mồ hôi trên trán Người sáng lấp lánh như ánh sáng, và...

Hasan (Tốt) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Khi Người đang sửa giày, mồ hôi trên trán Người sáng lấp lánh như ánh sáng, và Aisha thán phục điều ấy.

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 115 (Mübarek terindeki âyet)

## 1920. Dù Người có tầm vóc vừa phải, khi đi cùng những người cao lớn, Người trông cao...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Dù Người có tầm vóc vừa phải, khi đi cùng những người cao lớn, Người trông cao hơn họ; nếu ở giữa hai người cao, Người vẫn vượt hơn họ; khi ngồi, vai Người cao hơn mọi người đang ngồi.

Liên tục

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 116 (Boyundaki âyet ve gölgesinin görülmemesi)

## 1921. Khi Người bước đi, mặt đất như được cuộn lại cho Người; các Sahabah phải gắng...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Khi Người bước đi, mặt đất như được cuộn lại cho Người; các Sahabah phải gắng sức mới theo kịp, còn Người đi thong thả, người đi sau không đuổi kịp Người.

Liên tục

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 118, 123 (Yürüyüşündeki âyet)

## 1922. Người được ban sức mạnh của ba mươi (theo lời thuật khác là bốn mươi) người đàn...

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người được ban sức mạnh của ba mươi (theo lời thuật khác là bốn mươi) người đàn ông; sau khi ăn từ một cái nồi (kafit) do Jibril mang đến, Người có sức mạnh của bốn mươi người đàn ông.

Thời kỳ Madinah / liên tục

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 119 (Cimâdaki âyet)

## 1923. Người chưa bao giờ mộng tinh (không vị Nabi nào từng mộng tinh, vì mộng tinh...)

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người chưa bao giờ mộng tinh (không vị Nabi nào từng mộng tinh, vì mộng tinh đến từ Shaytan).

Đặc điểm riêng (liên tục)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 120 (İhtilâmdan korunması)

## 1924. Khi Người cười, (do ánh lấp lánh của răng) các bức tường như sáng lên; khi...

Hasan (Tốt) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Khi Người cười, (do ánh lấp lánh của răng) các bức tường như sáng lên; khi Người hạ áo choàng khỏi lưng, lưng Người trông như một thỏi bạc.

Liên tục

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 125, 127 (Yaratılışının vasfına dair toplu bâb)

## 1925. Khi mặc khải xuống, những người ở bên

## Người nghe gần mặt Người một âm thanh như...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Khi mặc khải xuống, những người ở bên Người nghe gần mặt Người một âm thanh như tiếng đàn ong bay.

Năm 610–632 CN

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 198 (Vahiy sırasında görülen âyetler)

---

## 1926. Mỗi con vật Người cưỡi đều giữ nguyên tình trạng lúc Người cưỡi và nhờ phúc...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Mỗi con vật Người cưỡi đều giữ nguyên tình trạng lúc Người cưỡi và nhờ phúc lành mà không già đi (điều Ibn Sab' kể trong số các đặc điểm riêng).

Đặc điểm riêng chung

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 107 (Hayvan türlerindeki mucizeleri)

---

## 1927. Khi Người ngủ trong vườn, Abu Dharr bẻ một cành khô để xem Người có ngủ không...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Khi Người ngủ trong vườn, Abu Dharr bẻ một cành khô để xem Người có ngủ không; Người nói với ông: “Ngươi không biết rằng ta thấy việc làm của các ngươi khi ngủ cũng như khi thức sao; mắt ta ngủ, nhưng tim ta không ngủ.”

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN Râvendî, el-Harâic ve'l-cerâih, c. 1, s. 106 (el-Bâbü'l-evvel fî mu'cizâti nebiyyinâ Muhammed)

---

## 1928. Ở bất cứ nơi nào Người ngồi hay đứng dậy, một ánh sáng tỏa ra bên phải và bên...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Ở bất cứ nơi nào Người ngồi hay đứng dậy, một ánh sáng tỏa ra bên phải và bên trái mà mọi người đều thấy; Người cho biết ánh sáng này sẽ tỏa ra từ mộ Người đến Ngày Tận Thế (được so sánh với bàn tay trắng sáng của Nabi Musa).

Thời kỳ sứ mạng Nabi, thời điểm không rõ

NGUỒN Râvendî, el-Harâic ve'l-cerâih, c. 3, s. 913 (el-Bâbü's-sâbi' aşer fi'l-muvâzât beyne mu'cizâti nebiyyinâ ve mu'cizâti'l-enbiyâ)

---

## 1929. Khi Người đi trên đất mềm thì không để lại dấu chân, còn khi giẫm lên đá cứng...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Khi Người đi trên đất mềm thì không để lại dấu chân, còn khi giẫm lên đá cứng thì dấu chân lại còn.

Suốt đời (đặc điểm riêng)

NGUỒN İbn Şehrâşûb, Menâkıbü Âl-i Ebî Tâlib (Necef 1376/1956 baskısı), c. 1, s. 109 (fasl fî mu'cizâtihî fî zâtihî)

---

## 1930. Khi ngủ Người cũng nghe được như khi

## thức (trong phần kể các phép màu liên quan...)

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Khi ngủ Người cũng nghe được như khi thức (trong phần kể các phép màu liên quan đến thân thể Người).

Suốt đời (chung)

NGUỒN Meclisî, Bihâru'l-envâr (Müessesetü'l-Vefâ), c. 17, s. 299 (ebvâbü mu'cizâtih, bâb 2: cevâmi'u mu'cizâtihî ve nevâdiruhâ)

# 39 · Phép màu Qur'an: tính không thể bắt chước, sự gìn giữ và những dấu hiệu khoa học

## 1931. Tính bất khả mô phỏng của Qur'an

**Sahih (Xác thực)** PHÉP MÀU CỦA QUR'AN

Qur'an nhiều lần thách đưa ra điều gì giống như nó, và tuyên bố rằng dù loài người và loài Jinn có hợp sức lại cũng không thể làm được. Các học giả Muslim xem Qur'an là phép màu vĩ đại nhất và trường tồn của Nabi.

Được mặc khải trong cả hai thời kỳ Makkah và Madinah.

NGUỒN Câu 2:23-24 (Surat al-Baqarah); Câu 17:88 (Surat al-Isra)

## 1932. Tính chất không thể bắt chước của Qur'an: mọi người và Jinn đều bất lực trong...

**Sahih (Xác thực)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Tính chất không thể bắt chước của Qur'an: mọi người và Jinn đều bất lực trong việc làm ra điều tương tự.

Năm 610–632 CN

NGUỒN İbn Kesîr s.6; Beyhakî, Delâil c.5 s.444; 1000 Mucize no.497 (s.490); web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 188, 194-197; ayrıca: İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî, s. 7-13, 235-236, 7-9; Bâkılânî, İ'câzü'l-Kur'ân, s. 8-10; Süyûtî, el-İtkān fî ulûmi'l-Kur'ân, c. 4, s. 3; Îcî–Cürcânî, Şerhu'l-Mevâkıf, c. 8, s. 268; Şeyh Müfîd, en-Nüketü'l-i'tikâdiyye, s. 36, 35-36; Hoyî, el-Beyân, «i'câzü'l-Kur'ân» bölümü (ikincil aktarımdan); TDV İslâm Ansiklopedisi, "Mûcize", c. 30; Facts and Details, "Miracles of Muhammad"; Djamduri–Malinda, Journal of Islamic Education 6/1 (2021); Meclisî, Bihâru'l-envâr, c. 17, s. 159, 165-168, 187-188, 191, 214-217, 223-224 (+5 kaynak daha: web_kaynaklari dosyasında); ayrıca: N. İçel, Hz. Muhammed'in (sas) Mucizeleri -1 (2023), "HZ. MUHAMMED ALEYHİSSELÂM'IN EN BÜYÜK VE EN DEVAMLI MU'CİZESİ KUR'ÂN-I KERÎM'DİR" (kitabın dipnotu: İsrâ: 88-89); Kütüb-i Sitte: Buharî, Fezâilu'l-Kur'ân 1, Î'tisâm 1; Müslim, İman 239, (152) [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 4351, c./s. 12/388]

## 1933. Qur'an thuật lại chính xác tin tức về các dân tộc và các vị Nabi xưa qua miệng...

**Sahih (Xác thực)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Qur'an thuật lại chính xác tin tức về các dân tộc và các vị Nabi xưa qua miệng một người mù chữ.

Năm 610–632 CN

NGUỒN İbn Kesîr s.8; ayrıca: Meclisî, Bihâru'l-envâr, c. 17, s. 185-187, 205-206, 215; İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî, s. 11-12

## 1934. Qur'an báo trước những điều sẽ xảy ra trong tương lai, và tất cả đều đã ứng nghiệm

**Sahih (Xác thực)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Qur'an báo trước những điều sẽ xảy ra trong tương lai, và tất cả đều đã ứng nghiệm.

Năm 610–632 CN

NGUỒN İbn Kesîr s.10, 124

## 1935. Sự công bằng và tính bao quát của những luật lệ mà Qur'an mang đến

**Sahih (Xác thực)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Sự công bằng và tính bao quát của những luật lệ mà Qur'an mang đến.

Năm 610–632 CN

NGUỒN İbn Kesîr s.12

## 1936. Lời hứa rằng Qur'an sẽ được gìn giữ đến Ngày Tận Thế, và việc nó đến được ngày nay mà không hề thay đổi

**Sahih (Xác thực)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Lời hứa rằng Qur'an sẽ được gìn giữ đến Ngày Tận Thế, và việc nó đến được ngày nay mà không hề thay đổi.

Năm 610 CN – ngày nay

NGUỒN İbn Kesîr s.14; Beyhakî, Delâil c.5 s.457; 1000 Mucize no.515 (s.529); ayrıca: N. İçel, Hz. Muhammed'in (sas) Mucizeleri -1 (2023), "HZ. MUHAMMED ALEYHİSSELÂM'IN EN BÜYÜK VE EN DEVAMLI MU'CİZESİ KUR'ÂN-I KERÎM'DİR" (kitabın dipnotu: Süleyman Nedvî, İslâm Târihi, c. 4, s. 1575-1577)

## 1937. Lời báo rằng tôn giáo này sẽ được làm cho thắng thế trên mọi tôn giáo

**Sahih (Xác thực)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Lời báo rằng tôn giáo này sẽ được làm cho thắng thế trên mọi tôn giáo.

Lời tiên tri: thời kỳ Madinah; Ứng nghiệm: sau năm 11 H

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.5 s.84; İbn Kesîr s.135; ayrıca: İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî, s. 236; Meclisî, Bihâru'l-envâr, c. 17, s. 161, 165, 181-183

## 1938. Lời hứa rằng những người có đức tin sẽ được làm người kế nhiệm/người cai quản trên mặt đất

**Sahih (Xác thực)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Lời hứa rằng những người có đức tin sẽ được làm người kế nhiệm/người cai quản trên mặt đất.

Lời tiên tri: thời kỳ Madinah; Ứng nghiệm: năm 11–40 H

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.5 s.86; İbn Kesîr s.135; ayrıca: İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî, s. 236

## 1939. Mỗi năm Qur'an được đối chiếu với Jibril một lần, năm Người qua đời thì hai lần...

**Sahih (Xác thực)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Mỗi năm Qur'an được đối chiếu với Jibril một lần, năm Người qua đời thì hai lần (báo hiệu ngày ra đi đã gần).

Năm 10–11 H

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.5 s.456; web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 469; Kütüb-i Sitte: Buhârî, Müslim (listedeki kaynağa göre)

## 1940. Qur'an dễ học thuộc (chương al-Qamar, câu 17; mỗi ngày một phần tư hizb thì tám...)

**Sahih (Xác thực)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Qur'an dễ học thuộc (chương al-Qamar, câu 17; mỗi ngày một phần tư hizb thì tám tháng thuộc, az-Zuhri thuộc trong tám mươi ngày), thế nhưng không người thuộc lòng nào đạt đến đỉnh cao đọc không hề sai sót.

Thời điểm không rõ (tính không thể bắt chước của Qur'an; không phải một sự việc cụ thể)

NGUỒN 1000 Mucize no.503 (s.505)

## 1941. Trong Qur'an không có chữ thừa: chữ "waw" không có khi nói về các cổng Hỏa Ngục...

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Trong Qur'an không có chữ thừa: chữ "waw" không có khi nói về các cổng Hỏa Ngục ở chương az-Zumar, câu 71–73, nhưng được thêm vào khi nói về các cổng Thiên Đàng, ám chỉ rằng các cổng Thiên Đàng đã mở sẵn trước khi cư dân của nó đến.

Thời điểm không rõ (tính không thể bắt chước của Qur'an; không phải một sự việc cụ thể)

NGUỒN 1000 Mucize no.504 (s.506)

## 1942. Ngay cả trong sự lặp lại của những câu kinh tương tự trong Qur'an cũng có ý...

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Ngay cả trong sự lặp lại của những câu kinh tương tự trong Qur'an cũng có ý nghĩa riêng: sự khôn ngoan của tám chỗ khác biệt về từ ngữ giữa chương al-Baqarah, câu 58–59 và chương al-A'raf, câu 161–162 kể về việc con cháu Israel vào thành.

Thời điểm không rõ (tính không thể bắt chước của Qur'an; không phải một sự việc cụ thể)

NGUỒN 1000 Mucize no.505 (s.509)

## 1943. Số thứ tự của các câu kinh báo rằng người Muslim sẽ được thừa kế và cai quản...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Số thứ tự của các câu kinh báo rằng người Muslim sẽ được thừa kế và cai quản mặt đất (chương al-Anbiya', câu 105; chương an-Nur, câu 55; chương al-Isra', câu 5) là 5 và bội số của 5; tác giả xem đây là dấu hiệu chỉ sự thống nhất của Ummah.

Thời điểm không rõ (tính không thể bắt chước của Qur'an; không phải một sự việc cụ thể)

NGUỒN 1000 Mucize no.507 (s.516)

## 1944. Câu 33 chương at-Tawbah và câu 9 chương as-Saff, báo rằng Islam sẽ thắng thế...

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Câu 33 chương at-Tawbah và câu 9 chương as-Saff, báo rằng Islam sẽ thắng thế trên mọi tôn giáo, trùng khớp nhau về từ ngữ, ngữ cảnh (những câu đứng trước) và số thứ tự (3×3=9).

Thời điểm không rõ (tính không thể bắt chước của Qur'an; không phải một sự việc cụ thể)

NGUỒN 1000 Mucize no.508 (s.520)

## 1945. Dù các nhà chú giải đã giải nghĩa gần như từng chữ của Qur'an, từ thời các...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Dù các nhà chú giải đã giải nghĩa gần như từng chữ của Qur'an, từ thời các Sahabah đến nay không ai giải thích được những chữ cái rời (huruf muqatta'ah) ở đầu các chương.

Thời điểm không rõ (tính không thể bắt chước của Qur'an; không phải một sự việc cụ thể)

NGUỒN 1000 Mucize no.509 (s.524)

## 1946. Những chữ cái rời ở đầu các chương có nhịp điệu hài hòa hơn nhiều so với khi...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Những chữ cái rời ở đầu các chương có nhịp điệu hài hòa hơn nhiều so với khi thay vào đó những chữ cái khác (ha', jim, zay).

Thời điểm không rõ (tính không thể bắt chước của Qur'an; không phải một sự việc cụ thể)

NGUỒN 1000 Mucize no.510 (s.525)

## 1947. Vẻ đẹp âm thanh của việc đọc kéo dài (madd) những chữ cái rời ở đầu các chương...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Vẻ đẹp âm thanh của việc đọc kéo dài (madd) những chữ cái rời ở đầu các chương so với khi đọc không kéo dài.

Thời điểm không rõ (tính không thể bắt chước của Qur'an; không phải một sự việc cụ thể)

NGUỒN 1000 Mucize no.511 (s.525)

## 1948. Mười bốn chữ cái, đúng một nửa bảng chữ cái, được chọn cho phần đầu các chương...

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Mười bốn chữ cái, đúng một nửa bảng chữ cái, được chọn cho phần đầu các chương: trong chín chữ đầu chỉ có hai (alif, ha'), trong mười chữ tiếp theo có năm chữ không có dấu chấm, trong chín chữ cuối có bảy chữ, trừ hai chữ (fa', waw).

Thời điểm không rõ (tính không thể bắt chước của Qur'an; không phải một sự việc cụ thể)

NGUỒN 1000 Mucize no.512 (s.526)

## 1949. Trong mười bốn chữ cái được chọn ở đầu các chương, tên của chín chữ được đọc...

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Trong mười bốn chữ cái được chọn ở đầu các chương, tên của chín chữ được đọc bằng ba âm và có thể kéo dài, năm chữ còn lại (ha', ra', ta', ha', ya') được đọc bằng hai âm và đều kết thúc bằng alif.

Thời điểm không rõ (tính không thể bắt chước của Qur'an; không phải một sự việc cụ thể)

NGUỒN 1000 Mucize no.513 (s.527)

## 1950. Các chữ cái ở đầu chương được tính là một câu riêng nếu phần cuối của chúng hợp...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Các chữ cái ở đầu chương được tính là một câu riêng nếu phần cuối của chúng hợp vần với các câu theo sau (Ha-Mim: Ghafir, Fussilat, az-Zukhruf), còn nếu không hợp (Alif-Lam-Ra: Hud v.v.) thì không tính.

Thời điểm không rõ (tính không thể bắt chước của Qur'an; không phải một sự việc cụ thể)

NGUỒN 1000 Mucize no.514 (s.527)

## 1951. Dù Người không biết đọc biết viết và không phải nhà hóa học, Người cho biết qua...

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Dù Người không biết đọc biết viết và không phải nhà hóa học, Người cho biết qua Qur'an rằng các tầng trời và mặt đất từng dính liền rồi được tách ra, mọi sinh vật được tạo ra từ nước (chương al-Anbiya', câu 30) và mật ong là thuốc chữa bệnh; những điều này được khoa học hiện đại xác nhận.

Thời điểm không rõ (tính không thể bắt chước về khoa học của Qur'an; không phải một sự việc cụ thể)

NGUỒN 1000 Mucize no.520 (s.534); ayrıca: N. İçel, Hz. Muhammed'in (sas) Mucizeleri -1 (2023), "HZ. MUHAMMED ALEYHİSSELÂM'IN EN BÜYÜK VE EN DEVAMLI MU'CİZESİ KUR'ÂN-I KERÎM'DİR" (kitabın dipnotu: Enbiyâ: 30-33 / M. Asım Köksal, İslam Tarihi, Işık Yayıncılık: C:7-8,s:841-849)

## 1952. Chương al-An'am, câu 125 cho biết ngực của kẻ lầm lạc sẽ thắt lại "như thể đang..."

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Chương al-An'am, câu 125 cho biết ngực của kẻ lầm lạc sẽ thắt lại "như thể đang leo lên trời"; về sau người ta phát hiện ở độ cao 3–4 dặm hơi thở trở nên khó khăn, ở 7–8 dặm thì chết.

Thời điểm không rõ (tính không thể bắt chước về khoa học của Qur'an; không phải một sự việc cụ thể)

NGUỒN 1000 Mucize no.521 (s.535)

## 1953. Qua cách diễn đạt đêm cuộn lên ngày, ngày cuộn lên đêm ở chương az-Zumar, câu 5...

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Qua cách diễn đạt đêm cuộn lên ngày, ngày cuộn lên đêm ở chương az-Zumar, câu 5 và mặt đất được trải ra ở chương an-Nazi'at, câu 30, có ám chỉ rằng trái đất tròn (dẹt ở hai cực); các phép đo hiện đại xác định sự chênh lệch giữa chu vi qua hai cực và chu vi xích đạo (≈700 dặm).

Thời điểm không rõ (tính không thể bắt chước về khoa học của Qur'an; không phải một sự việc cụ thể)

NGUỒN 1000 Mucize no.522 (s.536)

## 1954. Chương an-Naml, câu 88 cho biết những ngọn núi tưởng như đứng yên lại đang trôi...

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Chương an-Naml, câu 88 cho biết những ngọn núi tưởng như đứng yên lại đang trôi đi như mây, ám chỉ sự quay của trái đất; điều này được Copernicus chứng minh lần đầu vào thế kỷ 16.

Thời điểm không rõ (tính không thể bắt chước về khoa học của Qur'an; không phải một sự việc cụ thể)

NGUỒN 1000 Mucize no.523 (s.538)

## 1955. Chương al-Anbiya', câu 30 cho biết các tầng trời và mặt đất từng dính liền rồi...

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Chương al-Anbiya', câu 30 cho biết các tầng trời và mặt đất từng dính liền rồi được tách ra; các nhà khoa học chỉ đi đến kết luận rằng trái đất, mặt trời và các hành tinh tách ra từ một khối duy nhất sau một nghìn năm.

Thời điểm không rõ (tính không thể bắt chước về khoa học của Qur'an; không phải một sự việc cụ thể)

NGUỒN 1000 Mucize no.524 (s.538)

---

## 1956. Bằng quang phổ kế người ta xác định nhiệt độ ở độ sâu 200 km trong lòng đất...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Bằng quang phổ kế người ta xác định nhiệt độ ở độ sâu 200 km trong lòng đất ngang bằng nhiệt độ trên bề mặt của mặt trời và các nguyên tố cấu tạo mặt trời giống với các nguyên tố của trái đất; Qur'an đã cho biết điều này một cách khái quát từ 1300 năm trước.

Thời điểm không rõ (tính không thể bắt chước về khoa học của Qur'an; không phải một sự việc cụ thể)

NGUỒN 1000 Mucize no.525 (s.539)

---

## 1957. Chương Ya-Sin, câu 38–40 cho biết mặt trời trôi về nơi dừng của nó và mỗi thiên...

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Chương Ya-Sin, câu 38–40 cho biết mặt trời trôi về nơi dừng của nó và mỗi thiên thể bơi trong một quỹ đạo; các nhà thiên văn xác định mặt trời đang di chuyển về hướng sao Vega (an-Nasr) sau một nghìn năm.

Thời điểm không rõ (tính không thể bắt chước về khoa học của Qur'an; không phải một sự việc cụ thể)

NGUỒN 1000 Mucize no.526 (s.540); ayrıca: N. İçel, Hz. Muhammed'in (sas) Mucizeleri -1 (2023), "HZ. MUHAMMED ALEYHİSSELÂM'IN EN BÜYÜK VE EN DEVAMLI MU'CİZESİ KUR'ÂN-I KERÎM'DİR" (kitabın dipnotu: Enbiyâ: 30-33 / Yâsîn: 38) / M. Asım Köksal, İslam Tarihi, Işık Yayıncılık: C:7-8,s:841-849)

---

## 1958. Chương al-Qiyamah (câu 2–5) cho biết Allah có quyền năng sắp đặt lại cả đầu...

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Chương al-Qiyamah (câu 2–5) cho biết Allah có quyền năng sắp đặt lại cả đầu ngón tay của con người, ám chỉ rằng dấu vân tay là riêng của mỗi người.

Thời điểm không rõ (tính không thể bắt chước về khoa học của Qur'an; không phải một sự việc cụ thể)

NGUỒN 1000 Mucize no.527 (s.541)

---

## 1959. Chương al-Isra', câu 13–14, chương al-Kahf, câu 49 và chương al-Anbiya', câu...

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Chương al-Isra', câu 13–14, chương al-Kahf, câu 49 và chương al-Anbiya', câu 104 báo về cuốn sổ ghi mọi việc làm lớn nhỏ của con người, sẽ được mở ra trước mặt người ấy vào Ngày Tận Thế; tác giả liên hệ điều này với phát hiện rằng hình ảnh và âm thanh được lưu giữ trong không gian (truyền hình).

Thời điểm không rõ (tính không thể bắt chước về khoa học của Qur'an; không phải một sự việc cụ thể)

NGUỒN 1000 Mucize no.528 (s.542)

---

## 1960. Chương ar-Rahman, câu 33 cho biết Jinn và loài người chỉ có thể vượt qua các...

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Chương ar-Rahman, câu 33 cho biết Jinn và loài người chỉ có thể vượt qua các ranh giới của trời và đất bằng một sức mạnh; tác giả xem đây là sự ám chỉ việc con người bay vào vũ trụ và đáp xuống Mặt Trăng.

Thời điểm không rõ (tính không thể bắt chước về khoa học của Qur'an; không phải một sự việc cụ thể)

NGUỒN 1000 Mucize no.529 (s.545)

---

## 1961. Chương Yunus, câu 24 báo về một thời kỳ mặt đất khoác lên mình vẻ trang sức và...

**Sahih (Xác thực)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Chương Yunus, câu 24 báo về một thời kỳ mặt đất khoác lên mình vẻ trang sức và chủ nhân của nó tưởng rằng họ đã làm chủ được nó; tác giả xem đây là sự ám chỉ thời đại khoa học và công nghệ hiện đại khi thế gian nằm gọn trong lòng bàn tay con người.

Thời điểm không rõ (tính không thể bắt chước về khoa học của Qur'an; không phải một sự việc cụ thể)

NGUỒN 1000 Mucize no.530 (s.545)

---

## 1962. Trong ngữ cảnh chương an-Najm, câu 1–5 (lời thề bởi vì sao lặn), việc có những...

**Da'if (Yếu)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Trong ngữ cảnh chương an-Najm, câu 1–5 (lời thề bởi vì sao lặn), việc có những ngôi sao lớn và sáng hơn mặt trời hàng trăm lần (Sirius, Arcturus, Canopus) chỉ được phát hiện vào thời đại chúng ta; chương an-Nahl, câu 89 cho biết Qur'an giải thích mọi điều.

Thời điểm không rõ (tính không thể bắt chước về khoa học của Qur'an; không phải một sự việc cụ thể)

NGUỒN 1000 Mucize no.531 (s.547)

---

## 1963. Chương adh-Dhariyat, câu 49 và chương an-Najm, câu 45 cho biết mọi vật được tạo...

**Sahih (Xác thực)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Chương adh-Dhariyat, câu 49 và chương an-Najm, câu 45 cho biết mọi vật được tạo ra thành đôi; người ta thấy mọi tạo vật, cho đến cả các hành tinh và thiên thể, đều ở dạng từng cặp.

Thời điểm không rõ (tính không thể bắt chước về khoa học của Qur'an; không phải một sự việc cụ thể)

NGUỒN 1000 Mucize no.532 (s.548)

---

## 1964. Ở chương an-Nahl, câu 8, sau khi kể ngựa, la và lừa, có lời phán "Ngài còn tạo..."

**Sahih (Xác thực)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Ở chương an-Nahl, câu 8, sau khi kể ngựa, la và lừa, có lời phán "Ngài còn tạo ra những thứ các ngươi không biết", ám chỉ những phương tiện hiện đại (xe cộ, máy bay, tên lửa) chưa được biết đến vào thời mặc khải.

Thời điểm không rõ (tính không thể bắt chước về khoa học của Qur'an; không phải một sự việc cụ thể)

NGUỒN 1000 Mucize no.533 (s.549)

---

## 1965. Ở mười lăm chỗ, Qur'an nhắc thính giác trước thị giác (ví dụ chương an-Nahl...)

**Sahih (Xác thực)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Ở mười lăm chỗ, Qur'an nhắc thính giác trước thị giác (ví dụ chương an-Nahl, câu 78), và trong lời cầu xin khi quỳ lạy có câu "Đấng đã khai mở tai và mắt người ấy"; khoa học xác nhận thính giác hoạt động trước thị giác và không gián đoạn.

Thời điểm không rõ (tính không thể bắt chước về khoa học của Qur'an; không phải một sự việc cụ thể)

NGUỒN 1000 Mucize no.534 (s.550); Kütüb-i Sitte: Tirmizî (listedeki kaynağa göre; Canan'da künyesi yok) [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 2774, c./s. 9/91]

---

## 1966. Chương al-Baqarah, câu 233 cho biết các bà mẹ cho con bú trọn hai năm; y học...

**Sahih (Xác thực)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Chương al-Baqarah, câu 233 cho biết các bà mẹ cho con bú trọn hai năm; y học hiện đại xác nhận lợi ích của sữa mẹ đối với sự phát triển và miễn dịch của trẻ cũng như sức khỏe của người mẹ.

Thời điểm không rõ (tính không thể bắt chước về khoa học của Qur'an; không phải một sự việc cụ thể)

NGUỒN 1000 Mucize no.535 (s.551)

---

## 1967. Chương al-Baqarah, câu 222 cho biết kinh nguyệt là điều khó chịu và ra lệnh...

**Sahih (Xác thực)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Chương al-Baqarah, câu 222 cho biết kinh nguyệt là điều khó chịu và ra lệnh tránh quan hệ vợ chồng khi đang có kinh; về sau người ta hiểu rằng điều này làm suy giảm miễn dịch và gây bệnh tử cung.

Thời điểm không rõ (tính không thể bắt chước về khoa học của Qur'an; không phải một sự việc cụ thể)

NGUỒN 1000 Mucize no.536 (s.552)

---

## 1968. Người ra lệnh rửa đồ đựng bị chó liếm bảy lần, lần đầu bằng đất; tác giả xem...

**Sahih (Xác thực)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người ra lệnh rửa đồ đựng bị chó liếm bảy lần, lần đầu bằng đất; tác giả xem đây là biện pháp được khoa học xác nhận chống lại bệnh dại và vi khuẩn trong nước bọt chó.

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN 1000 Mucize no.537 (s.553); Kütüb-i Sitte: Müslim (Ebû Hüreyre) — Canan'da künyesi yok, künye doğrulanmadı [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 3523, c./s. 10/351]

---

## 1969. Người cho biết con ruồi rơi vào đồ đựng phải nhấn chìm hẳn rồi mới vứt đi, vì...

**Sahih (Xác thực)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người cho biết con ruồi rơi vào đồ đựng phải nhấn chìm hẳn rồi mới vứt đi, vì một cánh của nó có bệnh, cánh kia có thuốc chữa (nó nhúng cánh có độc trước); các nghiên cứu xác định ruồi cũng tạo ra kháng thể chống lại vi khuẩn mà nó mang.

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN 1000 Mucize no.538 (s.554); Kütüb-i Sitte: Ebû Dâvud, Et'ime 49, (3844); Buhârî, Tıbb 58, Bed'ü'l-Halk 14; İbnu Mâce, Tıb 31, (3504, 3505) [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 3898, c./s. 11/135]

---

## 1970. Chương Yunus, câu 90–92 cho biết thi thể của Fir'awn bị chết đuối sẽ được giữ...

**Sahih (Xác thực)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Chương Yunus, câu 90–92 cho biết thi thể của Fir'awn bị chết đuối sẽ được giữ lại làm bài học cho những người đến sau; xác ướp của Fir'awn (được cho là Merneptah hoặc Thutmose III) đã được tìm thấy và trưng bày tại Bảo

tàng Ai Cập ở Cairo.

Thời điểm không rõ (tính không thể bắt chước của Qur'an; xác ướp được tìm thấy vào thời hiện đại)

NGUỒN 1000 Mucize no.539 (s.555)

---

## 1971. Một người du mục nghe một người đọc câu kinh “Fasda' bima tu'mar” (chương...)

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Một người du mục nghe một người đọc câu kinh “Fasda' bima tu'mar” (chương al-Hijr, câu 94) liền sụp xuống quỳ lạy và nói: “Tôi quỳ lạy vì sự hùng hồn của lời này.”

Thời điểm không rõ (thời Nabi hoặc sau đó)

NGUỒN Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, i'câzü'l-Kur'ân fasılları

---

## 1972. Một người khác nghe câu kinh “Falammastay'asu minhu khalasu najiyya” (chương...)

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Một người khác nghe câu kinh “Falammastay'asu minhu khalasu najiyya” (chương Yusuf, câu 80) liền nói: “Tôi làm chứng rằng không tạo vật nào có thể nói được lời như thế.”

Thời điểm không rõ

NGUỒN Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, i'câzü'l-Kur'ân fasılları

---

## 1973. Một người Kitô giáo đi ngang qua một người đang đọc Qur'an đã dừng lại khóc...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Một người Kitô giáo đi ngang qua một người đang đọc Qur'an đã dừng lại khóc; khi được hỏi “Sao ông khóc?”, ông nói: “Vì nỗi buồn và vì vần điệu của nó” (tác động của Qur'an đến cả người không hiểu nghĩa).

Thời điểm không rõ

NGUỒN Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, i'câzü'l-Kur'ân fasılları

---

## 1974. Người nói: “Mỗi vị Nabi đều được ban một phép màu khiến mọi người tin theo; còn...”

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người nói: “Mỗi vị Nabi đều được ban một phép màu khiến mọi người tin theo; còn điều ta được ban là mặc khải mà Allah mặc khải (Qur'an); ta mong vào Ngày Tận Thế sẽ là vị Nabi có nhiều người theo nhất”; Qur'an là phép màu kéo dài đến Ngày Tận Thế và được mặc khải từng phần.

Đặc điểm riêng (năm 610–632 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 316 (bütün peygamberlere üstün kılındığı ve kendisinden önce kimseye verilmeyen hususiyetler)

---

## 1975. Kinh sách của Người gom tri thức của mọi kinh sách: Allah gom tri thức của một...

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Kinh sách của Người gom tri thức của mọi kinh sách: Allah gom tri thức của một trăm lẻ bốn cuốn kinh vào bốn cuốn, rồi gom tri thức của bốn cuốn ấy vào Qur'an (al-Hasan al-Basri); Qur'an được mặc khải theo bảy cách đọc và chứa từ ngữ của mọi ngôn ngữ (do Ibn Mas'ud, Ibn Abbas, Ubayy bin Ka'b thuật lại).

Đặc điểm riêng (không có niên đại)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 317 (bütün peygamberlere üstün kılındığı ve kendisinden önce kimseye verilmeyen hususiyetler)

---

## 1976. Phép màu của Người (Qur'an) kéo dài đến Ngày Tận Thế, còn phép màu của các vị...

**Sahih (Xác thực)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Phép màu của Người (Qur'an) kéo dài đến Ngày Tận Thế, còn phép màu của các vị Nabi khác chấm dứt cùng thời của họ; phép màu của Người nhiều nhất về số lượng (người ta nói là một nghìn hoặc ba nghìn); Người là vị Nabi cuối cùng và luật đạo của Người bãi bỏ mọi luật đạo trước.

Đặc điểm riêng (không có niên đại)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 318 (bütün peygamberlere üstün kılındığı ve kendisinden önce kimseye verilmeyen hususiyetler)

---

## 1977. Chương al-Muzzammil (câu 20), được mặc khải ở Makkah, báo rằng sau này sẽ có...

**Sahih (Xác thực)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Chương al-Muzzammil (câu 20), được mặc khải ở Makkah, báo rằng sau này sẽ có những người chiến đấu trên con đường của Allah; Jihad chỉ được quy định là bắt buộc ở Madinah, và lời báo trước đã ứng nghiệm.

Lời tiên tri: thời kỳ Makkah (năm 610–622 CN); Ứng nghiệm: từ năm 2 H trở đi

NGUỒN İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî (el-Bidâye ve'n-Nihâye'den; thk. es-Seyyid İbrâhîm), tek cilt, s. 235 (Bâbü mâ ahbera bihî mine'l-kâinâti'l-müstakbele fî hayâtihî ve ba'deh)

---

## 1978. Qua câu 16 chương al-Fath, những người du mục ở lại không đi hành quân được báo...

**Sahih (Xác thực)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Qua câu 16 chương al-Fath, những người du mục ở lại không đi hành quân được báo rằng sau này họ sẽ được kêu gọi chiến đấu với một dân tộc rất hùng mạnh.

Lời tiên tri: sau Hudaybiyah, năm 6 H; bản tóm tắt không nêu sự ứng nghiệm

NGUỒN İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî (el-Bidâye ve'n-Nihâye'den; thk. es-Seyyid İbrâhîm), tek cilt, s. 237 (Bâbü mâ ahbera bihî mine'l-kâinâti'l-müstakbele fî hayâtihî ve ba'deh)

---

## 1979. Ibn Abbas nói rằng lời giải thích câu kinh "Nếu người ta xông vào họ từ các..."

**Sahih (Xác thực)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Ibn Abbas nói rằng lời giải thích câu kinh "Nếu người ta xông vào họ từ các phía của thành và đòi họ gây thảm họa, họ hẳn đã làm theo" (chương al-Ahzab, câu 14) đã đến vào đầu năm sáu mươi, khi Banu Harithah để người Sham vào Madinah.

Lời tiên tri: chương al-Ahzab được mặc khải, năm 5 H; Ứng nghiệm: biến cố al-Harrah, năm 63 H (683 CN)

NGUỒN İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî (el-Bidâye ve'n-Nihâye'den; thk. es-Seyyid İbrâhîm), s. 330 (Yezîd zamanındaki Harre vakasını haber vermesi)

---

## 1980. Sau Badr, người Do Thái (theo một ý kiến là những kẻ đa thần ở Makkah) được báo...

**Sahih (Xác thực)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Sau Badr, người Do Thái (theo một ý kiến là những kẻ đa thần ở Makkah) được báo rằng "các ngươi sẽ bị đánh bại" (chương Al Imran, câu 12); điều này ứng nghiệm với việc Qurayzah bị giết, Nadir bị trục xuất và Khaybar bị chinh phục.

Lời tiên tri: sau Badr, năm 2 H (624 CN); Ứng nghiệm: năm 4–7 H (625–628 CN)

NGUỒN Meclisî, Bihâru'l-envâr, c. 17, s. 159, 169 (Bâb 1: i'câzü ümmi'l-mu'cizât el-Kur'ânü'l-Kerîm)

---

## 1981. Lời báo rằng người Do Thái không thể gây hại cho người Muslim ngoài sự phiền...

**Sahih (Xác thực)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Lời báo rằng người Do Thái không thể gây hại cho người Muslim ngoài sự phiền nhiễu, nếu giao chiến họ sẽ quay lưng bỏ chạy và không được giúp đỡ (chương Al Imran, câu 111) đã ứng nghiệm khi người Do Thái ở Qurayzah, Nadir, Qaynuqa' và Khaybar thua trong mọi lần đụng độ, Fadak bị lấy và Wadi al-Qura quy phục.

Lời tiên tri: thời kỳ Madinah; Ứng nghiệm: năm 2–7 H (624–628 CN)

NGUỒN Meclisî, Bihâru'l-envâr, c. 17, s. 173, 176 (Bâb 1: i'câzü ümmi'l-mu'cizât el-Kur'ânü'l-Kerîm)

---

## 1982. Sau khi Người qua đời, Ibn Abi al-Awja', Abu Shakir ad-Daysani, Abd al-Malik...

**Da'if (Yếu)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Sau khi Người qua đời, Ibn Abi al-Awja', Abu Shakir ad-Daysani, Abd al-Malik al-Basri và Ibn al-Muqaffa' hẹn nhau bên Ka'bah sẽ mỗi người viết một tác phẩm đối lại một phần tư Qur'an; một năm sau, mỗi người thừa nhận mình đã bất lực trước chỉ một câu kinh (chương Yusuf, câu 80; chương al-Hajj, câu 73; chương al-Anbiya', câu 22; chương Hud, câu 44), và Ja'far as-Sadiq đi ngang qua đã đọc chương al-Isra', câu 88.

Sau khi Người qua đời; thời Ja'far as-Sadiq (giữa thế kỷ 2 H)

NGUỒN Meclisî, Bihâru'l-envâr, c. 17, s. 213-214 (Bâb 1: i'câzü ümmi'l-mu'cizât el-Kur'ânü'l-Kerîm)

---

## 1983. Khi al-Asma'i khâm phục sự lưu loát trong lời nói của một nữ tỳ mà nói: "Cô..."

**Da'if (Yếu)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Khi al-Asma'i khâm phục sự lưu loát trong lời nói của một nữ tỳ mà nói: "Cô thật hùng hồn!", cô nhắc đến câu 7 chương al-Qasas kể về mặc khải gửi mẹ của Musa và nói: "Sau câu này mà lời của tôi còn được kể là hùng hồn sao?"; trong một câu kinh ấy hội đủ hai mệnh lệnh, hai điều cấm, hai lời báo và hai tin mừng.

Sau khi Người qua đời; thời al-Asma'i (nửa sau thế kỷ 2 H – khoảng năm 216 H)

NGUỒN N. İçel, Hz. Muhammed'in (sas) Mucizeleri -1 (2023), "HZ. MUHAMMED ALEYHİSSELÂM'IN EN BÜYÜK VE EN DEVAMLI MU'CİZESİ KUR'ÂN-I KERÎM'DİR" (kitabın dipnotu: Kasas: 7 / Kâdı Iyaz, Şifâ, c:1, s: 215-216 / Kâdı Iyaz, Şifâ, c. 1, s. 215-216)

---

## 1984. Hudhayfah bin al-Yaman giải thích các chữ "Ha-Mim, 'Ayn-Sin-Qaf" ở đầu chương...

**Da'if (Yếu)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Hudhayfah bin al-Yaman giải thích các chữ “Ha-Mim, 'Ayn-Sin-Qaf” ở đầu chương ash-Shura, những chữ mà Ibn Abbas không trả lời, là một người thuộc Ahlul Bayt được gọi là Abd al-Ilah hoặc Abdullah sẽ định cư ở thành phố bị một con sông phương đông chia đôi (Baghdad), và khi vương quyền của họ chấm dứt, lửa sẽ giáng xuống họ ban đêm và sáng ra họ bị tiêu diệt; theo quyển sách, điều này ứng nghiệm khi vương triều mà nhiếp chính Abd al-Ilah đại diện bị xả súng trong một đêm do cuộc đảo chính của tướng Qasim.

Lời tiên tri: lời giải thích của Hudhayfah bin al-Yaman (mất năm 36 H); Ứng nghiệm: theo quyển sách là “thời của chúng ta” (năm 1958 CN, cuộc đảo chính ở Baghdad)

NGUỒN N. İçel, Hz. Muhammed'in (sas) Mucizeleri -1 (2023), "HZ. MUHAMMED ALEYHİSSELÂM'IN EN BÜYÜK VE EN DEVAMLI MU'CİZESİ KUR'ÂN-I KERÎM'DİR" (kitabın dipnotu: Suyûtî, el-İtkân, c.2, s. 125-126; Taberî, Tefsir, c. 25, s. 6; İbnü'n-Nedîm, Fihrist, s. 56-65)

---

## 1985. Chương ar-Rahman, câu 7 cho biết bầu trời được nâng cao và cán cân được đặt ra...

**Sahih (Xác thực)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Chương ar-Rahman, câu 7 cho biết bầu trời được nâng cao và cán cân được đặt ra, ám chỉ quy luật cân bằng (muwazanah) được đặt cho các tầng trời.

Thời điểm không rõ (tính không thể bắt chước về khoa học của Qur'an; không phải một sự việc cụ thể)

NGUỒN N. İçel, Hz. Muhammed'in (sas) Mucizeleri -1 (2023), "HZ. MUHAMMED ALEYHİSSELÂM'IN EN BÜYÜK VE EN DEVAMLI MU'CİZESİ KUR'ÂN-I KERÎM'DİR" (kitabın dipnotu: Rahmân: 7 / M. Asım Köksal, İslam Tarihi, Işık Yayıncılık: C:7-8,s:841-849)

---

## 1986. Chương Fussilat, câu 11 cho biết bầu trời được sắp đặt khi còn ở dạng khói, ám...

**Sahih (Xác thực)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Chương Fussilat, câu 11 cho biết bầu trời được sắp đặt khi còn ở dạng khói, ám chỉ trạng thái ban đầu của bầu trời là khí.

Thời điểm không rõ (tính không thể bắt chước về khoa học của Qur'an; không phải một sự việc cụ thể)

NGUỒN N. İçel, Hz. Muhammed'in (sas) Mucizeleri -1 (2023), "HZ. MUHAMMED ALEYHİSSELÂM'IN EN BÜYÜK VE EN DEVAMLI MU'CİZESİ KUR'ÂN-I KERÎM'DİR" (kitabın dipnotu: Fussilet: 11 / M. Asım Köksal, İslam Tarihi, Işık Yayıncılık: C:7-8,s:841-849)

---

## 1987. Chương al-A'raf, câu 172–173 cho biết dòng dõi con cháu Adam được lấy ra từ...

**Sahih (Xác thực)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Chương al-A'raf, câu 172–173 cho biết dòng dõi con cháu Adam được lấy ra từ lưng họ, ám chỉ rằng toàn bộ dòng dõi loài người đã có trong Adam dưới dạng những hạt nhỏ (gen).

Thời điểm không rõ (tính không thể bắt chước về khoa học của Qur'an; không phải một sự việc cụ thể)

NGUỒN N. İçel, Hz. Muhammed'in (sas) Mucizeleri -1 (2023), "HZ. MUHAMMED ALEYHİSSELÂM'IN EN BÜYÜK VE EN DEVAMLI MU'CİZESİ KUR'ÂN-I KERÎM'DİR" (kitabın dipnotu: A'raf 173 / M. Asım Köksal, İslam Tarihi, Işık Yayıncılık: C:7-8,s:841-849)

---

## 1988. Chương al-Hijr, câu 22 cho biết gió được gửi đến để thụ phấn, ám chỉ rằng trái...

**Sahih (Xác thực)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Chương al-Hijr, câu 22 cho biết gió được gửi đến để thụ phấn, ám chỉ rằng trái cây hình thành nhờ những cơn gió thụ phấn.

Thời điểm không rõ (tính không thể bắt chước về khoa học của Qur'an; không phải một sự việc cụ thể)

NGUỒN N. İçel, Hz. Muhammed'in (sas) Mucizeleri -1 (2023), "HZ. MUHAMMED ALEYHİSSELÂM'IN EN BÜYÜK VE EN DEVAMLI MU'CİZESİ KUR'ÂN-I KERÎM'DİR" (kitabın dipnotu: Hicr: 22 / M. Asım Köksal, İslam Tarihi, Işık Yayıncılık: C:7-8,s:841-849)

---

## 1989. Chương an-Nahl, cầu 68–69 cho biết Thượng Đế đã mặc khải cho loài ong, ám chỉ...

**Sahih (Xác thực)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Chương an-Nahl, câu 68–69 cho biết Thượng Đế đã mặc khải cho loài ong, ám chỉ rằng những công việc tinh xảo phi thường ở loài ong là do Allah gợi bảo cho chúng làm.

Thời điểm không rõ (tính không thể bắt chước về khoa học của Qur'an; không phải một sự việc cụ thể)

NGUỒN N. İçel, Hz. Muhammed'in (sas) Mucizeleri -1 (2023), "HZ. MUHAMMED ALEYHİSSELÂM'IN EN BÜYÜK VE EN DEVAMLI MU'CİZESİ KUR'ÂN-I KERÎM'DİR" (kitabın dipnotu: Nahl: 68-69 / M. Asım Köksal, İslam Tarihi, Işık Yayıncılık: C:7-8,s:841-849)

---

## 1990. Chương al-An'am, cầu 38 cho biết mọi loài thú đi trên mặt đất và bay trên không...

**Sahih (Xác thực)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Chương al-An'am, câu 38 cho biết mọi loài thú đi trên mặt đất và bay trên không trung cũng là những cộng đồng như loài người.

Thời điểm không rõ (tính không thể bắt chước về khoa học của Qur'an; không phải một sự việc cụ thể)

NGUỒN N. İçel, Hz. Muhammed'in (sas) Mucizeleri -1 (2023), "HZ. MUHAMMED ALEYHİSSELÂM'IN EN BÜYÜK VE EN DEVAMLI MU'CİZESİ KUR'ÂN-I KERÎM'DİR" (kitabın dipnotu: En'âm: 38 / M. Asım Köksal, İslam Tarihi, Işık Yayıncılık: C:7-8,s:841-849)

---

## 1991. Qur'an ở chương ash-Shura, cầu 29 ám chỉ rằng trên các tầng trời cũng có sinh...

**Sahih (Xác thực)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Qur'an ở chương ash-Shura, câu 29 ám chỉ rằng trên các tầng trời cũng có sinh vật như trên mặt đất và một ngày nào đó chúng sẽ hội tụ với nhau.

Thời điểm không rõ (tính không thể bắt chước về khoa học của Qur'an; không phải một sự việc cụ thể)

NGUỒN N. İçel, Hz. Muhammed'in (sas) Mucizeleri -1 (2023), "HZ. MUHAMMED ALEYHİSSELÂM'IN EN BÜYÜK VE EN DEVAMLI MU'CİZESİ KUR'ÂN-I KERÎM'DİR" (kitabın dipnotu: Şûrâ: 29 / M. Asım Köksal, İslam Tarihi, Işık Yayıncılık: C:7-8,s:841-849)

---

## 1992. Qur'an ở chương al-Isra', cầu 85 cho biết tri thức của con người không đủ để...

**Sahih (Xác thực)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Qur'an ở chương al-Isra', câu 85 cho biết tri thức của con người không đủ để hiểu bản chất của linh hồn.

Thời điểm không rõ (tính không thể bắt chước về khoa học của Qur'an; không phải một sự việc cụ thể)

NGUỒN N. İçel, Hz. Muhammed'in (sas) Mucizeleri -1 (2023), "HZ. MUHAMMED ALEYHİSSELÂM'IN EN BÜYÜK VE EN DEVAMLI MU'CİZESİ KUR'ÂN-I KERÎM'DİR" (kitabın dipnotu: İsrâ: 85 / M. Asım Köksal, İslam Tarihi, Işık Yayıncılık: C:7-8,s:841-849)

---

## 1993. Qur'an ở chương adh-Dhariyat, cầu 47 cho biết bầu trời (vũ trụ) đang được mở rộng không ngừng

**Sahih (Xác thực)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Qur'an ở chương adh-Dhariyat, câu 47 cho biết bầu trời (vũ trụ) đang được mở rộng không ngừng.

Thời điểm không rõ (tính không thể bắt chước về khoa học của Qur'an; không phải một sự việc cụ thể)

NGUỒN N. İçel, Hz. Muhammed'in (sas) Mucizeleri -1 (2023), "HZ. MUHAMMED ALEYHİSSELÂM'IN EN BÜYÜK VE EN DEVAMLI MU'CİZESİ KUR'ÂN-I KERÎM'DİR" (kitabın dipnotu: Zâriyât: 47 / M. Asım Köksal, İslam Tarihi, Işık Yayıncılık: C:7-8,s:841-849)

---

## 1994. Qur'an ở chương al-Isra', câu 44 cho biết cả những vật tưởng như vô tri và câm...

**Sahih (Xác thực)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Qur'an ở chương al-Isra', câu 44 cho biết cả những vật tưởng như vô tri và câm lặng cũng tán dương và ca ngợi Allah, nhưng con người không hiểu được điều đó.

Thời điểm không rõ (tính không thể bắt chước về khoa học của Qur'an; không phải một sự việc cụ thể)

NGUỒN N. İçel, Hz. Muhammed'in (sas) Mucizeleri -1 (2023), "HZ. MUHAMMED ALEYHİSSELÂM'IN EN BÜYÜK VE EN DEVAMLI MU'CİZESİ KUR'ÂN-I KERÎM'DİR" (kitabın dipnotu: İsrâ: 44 / M. Asım Köksal, İslam Tarihi, Işık Yayıncılık: C:7-8,s:841-849)

## 1995. Người cho biết mình là vị Nabi cuối cùng, và đúng là như vậy

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người cho biết mình là vị Nabi cuối cùng, và đúng là như vậy.

Năm 610 CN – ngày nay

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.1 s.303; Kütüb-i Sitte: Buharî, Menâkıb 18; Müslim, Fedâil 21, (2286); Müslim, İmaret 170, (1920); Ebu Davud, Fiten 1, (4252); Tirmizî, Fiten 32 [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 4353, c./s. 12/395; no. 4779, c./s. 13/425-426]

## 1996. Người nói: "Ta được ban năm (theo một số lời thuật là sáu) điều chưa vị Nabi..."

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người nói: "Ta được ban năm (theo một số lời thuật là sáu) điều chưa vị Nabi nào trước ta được ban: ta được giúp đỡ bằng nỗi sợ gieo vào kẻ thù từ khoảng cách một tháng đường; mặt đất được làm thành masjid và thanh sạch cho ta; chiến lợi phẩm được cho phép đối với ta; ta được cử đến với toàn nhân loại; ta được ban quyền can thiệp" (do Abu Dharr, Ibn Umar, Ibn Abbas, Abu Hurairah và Jabir thuật lại).

Thời kỳ Madinah (đặc điểm riêng)

NGUỒN Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 3. bâb, 1. fasıl (Rabbi katındaki mertebesi ve hasâis)

## 1997. Người nói: "Khoảng giữa nhà ta và bục giảng của ta là một khu vườn trong những khu vườn của Thiên Đàng"

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người nói: "Khoảng giữa nhà ta và bục giảng của ta là một khu vườn trong những khu vườn của Thiên Đàng."

Thời kỳ Madinah

NGUỒN Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 29. fasıl (doğumundaki ve sonrasındaki alâmetler)

## 1998. Người cho biết ở cổng Thiên Đàng và trên mỗi chiếc lá của mỗi cái cây trong...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người cho biết ở cổng Thiên Đàng và trên mỗi chiếc lá của mỗi cái cây trong Thiên Đàng đều có ghi "La ilaha illallah Muhammadun Rasulullah".

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 13 (isminin Arş'a yazılması bâbı)

## 1999. Jibril nói: "Tôi đã lật tung phương đông và phương tây của mặt đất; tôi không..."

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Jibril nói: "Tôi đã lật tung phương đông và phương tây của mặt đất; tôi không tìm thấy người nào ưu việt hơn Muhammad, không dòng dõi nào ưu việt hơn Banu Hashim."

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 66 (nesebinin temizliği bâbı)

## 2000. Người nói: “Allah đã nâng thế gian lên trước mắt ta; ta nhìn nó và những gì sẽ...”

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người nói: “Allah đã nâng thế gian lên trước mắt ta; ta nhìn nó và những gì sẽ có trong đó đến Ngày Tận Thế như nhìn vào lòng bàn tay này của ta” (do Ibn Umar thuật lại).

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN Heysemî, Mecmau'z-zevâid, K. Alâmâti'n-nübüvve, bâbü ihbârihî bi'l-muğayyebât, no 14067 (8/287)

## 2001. Đặc điểm được gọi bằng nhiều tên: “Ta là Muhammad, ta là Ahmad, ta là al-Mahi...”

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Đặc điểm được gọi bằng nhiều tên: “Ta là Muhammad, ta là Ahmad, ta là al-Mahi (Allah dùng ta xóa bỏ sự vô đức tin), ta là al-Hashir (mọi người được tập hợp sau ta), ta là al-Aqib (sau ta không còn Nabi)”; ngoài ra còn al-Muqaffi, Nabi của sự sám hối, Nabi của lòng thương xót, Nabi của những trận đại chiến, al-Fatih, al-Khatam, Taha, Yasin (as-Suyuti nói ông đã sưu tập 340 tên).

Đặc điểm riêng (liên tục)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 132-133 (İsimlerinin çokluğu ile hususiyeti)

## 2002. Tên của Người trong Qur'an là Muhammad, trong Kinh Injil là Ahmad, trong Kinh...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Tên của Người trong Qur'an là Muhammad, trong Kinh Injil là Ahmad, trong Kinh Tawrah là Uhayd (“ta giữ Ummah của ta xa lửa Hỏa Ngục”); trong các kinh sách xưa Người được gọi là al-Mahi, al-Muqaffi, Faraqlit (Paraclete), Mazmaz và “Ahmad ad-Dahuk al-Qattal; cưỡi lạc đà, mặc áo choàng thô, bằng lòng với ít ỏi, gươm đeo trên vai”.

Các kinh sách trước; Lời thuật: thời kỳ Madinah

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 133 (İsimlerinin çokluğu ile hususiyeti)

## 2003. Người được gọi bằng khoảng ba mươi tên trong số các tên của Allah (al-Akram...)

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người được gọi bằng khoảng ba mươi tên trong số các tên của Allah (al-Akram, al-Amin, al-Awwal, al-Akhir v.v.); tên của Người được rút ra từ tên của Allah (Hassan: “Chủ nhân của Ngai Vương là Mahmud, còn đây là Muhammad”).

Đặc điểm riêng (liên tục)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 133-134 (Allah'ın isimlerinden isim verilmesi hususiyeti)

## 2004. Hình phạt của người chú Abu Talib, người đã bảo vệ Người, được giảm nhẹ nhờ...

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Hình phạt của người chú Abu Talib, người đã bảo vệ Người, được giảm nhẹ nhờ Người: “Ông ấy ở chỗ nông của Lửa; nếu không có ta, ông ấy đã ở tầng thấp nhất của Hỏa Ngục.”

Lời tiên tri: thời kỳ Madinah

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 147 (Ebû Tâlib'le ilgili rivayetler)

---

## 2005. Đặc điểm: “Các vị Nabi sống trong mộ của mình và dâng lễ nguyện”

**Sahih (Xác thực)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Đặc điểm: “Các vị Nabi sống trong mộ của mình và dâng lễ nguyện.”

Đặc điểm riêng (không gắn với thời gian)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 490 (Kabrinde hayatı, namazı ve selamın ulaştırılması)

---

## 2006. Như Adam được dạy mọi tên gọi, Người cũng được dạy mọi tên gọi; Người nói...

**Da'if (Yếu)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Như Adam được dạy mọi tên gọi, Người cũng được dạy mọi tên gọi; Người nói: “Ummah của ta được trình ra cho ta khi ta còn là nước và đất sét, và ta được dạy mọi tên gọi” (do Abu Rafi' thuật lại).

Đặc điểm riêng (không có niên đại)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 304 (peygamberlere verilen faziletlerin benzerinin veya daha üstününün ona verilmesi (muvâzât))

---

## 2007. Như Ibrahim, Người được làm bạn thân (khalil) của Allah: “Allah đã nhận ta làm...”

**Sahih (Xác thực)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Như Ibrahim, Người được làm bạn thân (khalil) của Allah: “Allah đã nhận ta làm bạn thân như Ngài đã nhận Ibrahim làm bạn thân”; năm ngày trước khi qua đời, Người nói: “Bạn của các ngươi là bạn thân của Allah; nếu ta nhận ai ngoài Thượng Đế ta làm bạn thân, ta đã nhận Abu Bakr” (do Abdullah bin Amr, Ka'b bin Malik, Ibn Mas'ud thuật lại).

Đặc điểm riêng; Lời cuối: năm 11 H (632 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 306 (peygamberlere verilen faziletlerin benzerinin veya daha üstününün ona verilmesi (muvâzât))

---

## 2008. Người được ban cho từ kho tàng dưới Ngai Vương (những câu cuối chương...)

**Sahih (Xác thực)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người được ban cho từ kho tàng dưới Ngai Vương (những câu cuối chương al-Baqarah) và lời kêu gọi của Người dành chung cho toàn nhân loại.

Đặc điểm riêng (không có niên đại)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 319 (bütün peygamberlere üstün kılındığı ve kendisinden önce kimseye verilmeyen hususiyetler)

---

## 2009. Jibril báo tin mừng cho Người về mười đặc điểm: được cử đến với loài người và...

**Da'if (Yếu)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Jibril báo tin mừng cho Người về mười đặc điểm: được cử đến với loài người và loài Jinn, được ban Qur'an, được tha thứ các tội lỗi trước và sau, al-Kawthar, được hỗ trợ bằng các Thiên Thần, al-Maqam al-Mahmud, bảy mươi nghìn người trong Ummah vào Thiên Đàng không bị thẩm xét, quyền can thiệp và phẩm cấp cao nhất trên Thiên Đàng (do Ubadah bin as-Samit thuật lại).

Đặc điểm riêng (không có niên đại)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 320 (bütün peygamberlere üstün kılındığı ve kendisinden önce kimseye verilmeyen hususiyetler)

---

## 2010. Người nói: "Ta là Nabi của cả những người ta gặp lúc còn sống lẫn những người..."

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người nói: "Ta là Nabi của cả những người ta gặp lúc còn sống lẫn những người sinh ra sau ta" (mursal từ al-Hasan al-Basri; điều tương tự từ Khalid bin Ma'dan).

Đặc điểm riêng (không có niên đại)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 321 (bütün peygamberlere üstün kılındığı ve kendisinden önce kimseye verilmeyen hususiyetler)

---

## 2011. Khi được xin nguyền rủa những kẻ đa thần, Người nói: "Ta không được cử phái làm..."

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Khi được xin nguyền rủa những kẻ đa thần, Người nói: "Ta không được cử phái làm kẻ nguyền rủa, mà làm hồng ân"; nhờ Người là hồng ân cho muôn loài, Ummah của Người được che chở khỏi những hình phạt mà các cộng đồng trước phải chịu như bị đất nuốt toàn bộ, bị biến đổi hình dạng và bị mưa đá (do Abu Hurairah, Ibn Abbas, Abu Umamah thuật lại).

Đặc điểm riêng (không có niên đại)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 322 (bütün peygamberlere üstün kılındığı ve kendisinden önce kimseye verilmeyen hususiyetler)

---

## 2012. Trong Qur'an, Allah gọi các vị Nabi khác bằng tên ("Hỡi Adam, hỡi Nuh, hỡi...")

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Trong Qur'an, Allah gọi các vị Nabi khác bằng tên ("Hỡi Adam, hỡi Nuh, hỡi Musa..."), nhưng không bao giờ gọi Người bằng tên mà gọi "Hỡi Nabi, hỡi Thiên Sứ"; Ummah của Người cũng bị cấm gọi Người bằng tên (chương an-Nur, câu 63).

Đặc điểm riêng (không có niên đại)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 324 (bütün peygamberlere üstün kılındığı ve kendisinden önce kimseye verilmeyen hususiyetler)

---

## 2013. Chính Allah đáp lại những lời vu khống của kẻ thù Người (trong khi các vị Nabi...)

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Chính Allah đáp lại những lời vu khống của kẻ thù Người (trong khi các vị Nabi trước tự bênh vực mình); Allah thề về sứ mạng Thiên Sứ của Người (“Quả thật ngươi là một trong những người được cử phái”); Người gom nơi mình hai Qiblah và hai cuộc di cư.

Đặc điểm riêng (không có niên đại)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 327 (bütün peygamberlere üstün kılındığı ve kendisinden önce kimseye verilmeyen hususiyetler)

---

## 2014. Allah nói chuyện với Người bằng cả ba loại mặc khải: giấc mơ chân thật, lời nói...

**Sahih (Xác thực)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Allah nói chuyện với Người bằng cả ba loại mặc khải: giấc mơ chân thật, lời nói trực tiếp và qua trung gian Jibril (đặc điểm do Izz ad-Din bin Abd as-Salam kể ra).

Đặc điểm riêng (năm 610–632 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 331 (bütün peygamberlere üstün kılındığı ve kendisinden önce kimseye verilmeyen hususiyetler)

---

## 2015. Jibril đến báo tin mừng rằng Allah đã hỗ trợ Người bằng các Thiên Thần, ban cho...

**Da'if (Yếu)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Jibril đến báo tin mừng rằng Allah đã hỗ trợ Người bằng các Thiên Thần, ban cho Người sự giúp đỡ, cho nỗi sợ đi trước Người, ban cho Người vương quyền và quyền lực, và cho phép Người hưởng chiến lợi phẩm (do Ubadah bin as-Samit thuật lại).

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 332 (korkuyla yardım, cevâmiu'l-kelim ve yeryüzü hazinelerinin anahtarları bâbı)

---

## 2016. Người cho biết chìa khóa của thế gian được Jibril mang đến cho Người trên một...

**Sahih (Xác thực)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người cho biết chìa khóa của thế gian được Jibril mang đến cho Người trên một con ngựa khoang có phủ tấm nhung bằng lụa sundus (do Jabir bin Abdullah thuật lại).

Thời điểm không rõ

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 333 (korkuyla yardım, cevâmiu'l-kelim ve yeryüzü hazinelerinin anahtarları bâbı)

---

## 2017. Thượng Đế đề nghị biến vùng Batha của Makkah thành vàng cho Người; Người không...

**Hasan (Tốt)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Thượng Đế đề nghị biến vùng Batha của Makkah thành vàng cho Người; Người không nhận, nói: “Không, lạy Thượng Đế của con, xin cho con một ngày đói một ngày no; khi đói con van xin Ngài, khi no con tạ ơn Ngài” (do Abu Umamah thuật lại).

Thời điểm không rõ

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 333 (korkuyla yardım, cevâmiu'l-kelim ve yeryüzü hazinelerinin anahtarları bâbı)

## 2018. Một phụ nữ Ansar thấy giường của Người chỉ là một tấm áo choàng gấp đôi nên gửi...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Một phụ nữ Ansar thấy giường của Người chỉ là một tấm áo choàng gấp đôi nên gửi đến Aisha một tấm đệm nhồi len; Người ba lần nói: “Hãy gửi trả lại” và nói: “Thề bởi Allah, nếu ta muốn, Allah đã cho những ngọn núi vàng và bạc đi theo ta.”

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 334 (korkuyla yardım, cevâmiu'l-kelim ve yeryüzü hazinelerinin anahtarları bâbı)

## 2019. Người cho biết chìa khóa của mọi thứ đã được ban cho Người, trừ năm điều vô...

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người cho biết chìa khóa của mọi thứ đã được ban cho Người, trừ năm điều vô hình ở chương Luqman, câu 34 (thời điểm của Ngày Tận Thế v.v.) (do Ibn Umar và Ibn Mas'ud thuật lại).

Đặc điểm riêng (chung; thời điểm không rõ)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 334 (korkuyla yardım, cevâmiu'l-kelim ve yeryüzü hazinelerinin anahtarları bâbı)

## 2020. Người khác biệt với các vị Nabi khác ở việc ngực được mở rộng (sharh as-sadr)...

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người khác biệt với các vị Nabi khác ở việc ngực được mở rộng (sharh as-sadr), gánh nặng (wizr) được cất đi, được báo ngay lúc còn sống rằng các tội lỗi trước và sau đã được tha, và danh được nâng cao (chương al-Sharh, câu 1–4; chương al-Fath, câu 2; lời thuật của Abu Hurairah “ta được ưu ái hơn bởi sáu điều”).

Đặc điểm riêng (chung; thời điểm không rõ)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 336 (şerh-i sadr, vizrinin kaldırılması ve zikrinin yükseltilmesi bâbı)

## 2021. Khi nhắc đến những gì các vị Nabi trước được ban, Người hỏi Thượng Đế một câu...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Khi nhắc đến những gì các vị Nabi trước được ban, Người hỏi Thượng Đế một câu, và Thượng Đế đáp: “Chẳng phải Ta đã thấy ngươi mồ côi mà cho nương náu, thấy ngươi lạc lối mà chỉ đường, đã mở rộng ngực ngươi, cất gánh nặng của ngươi và nâng cao danh ngươi sao?”; Người nói: “Ước gì ta đã không hỏi” (do Ibn Abbas thuật lại).

Thời điểm không rõ

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 336 (şerh-i sadr, vizrinin kaldırılması ve zikrinin yükseltilmesi bâbı)

## 2022. Jibril đến chuyển lời của Thượng Đế: “Ngươi có biết Ta đã nâng cao danh ngươi...”

Hasan (Tốt) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Jibril đến chuyển lời của Thượng Đế: “Ngươi có biết Ta đã nâng cao danh ngươi thế nào không? Khi Ta được nhắc đến, ngươi cũng được nhắc đến cùng Ta” (do Abu Sa'id al-Khudri thuật lại; Qatadah: mỗi người thuyết giảng, mỗi người đọc tashahhud và mỗi người gọi Azan đều nhắc đến Người cùng Allah trong lời chứng nhận).

Thời điểm không rõ

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 337 (şerh-i sadr, vizrinin kaldırılması ve zikrinin yükseltilmesi bâbı)

## 2023. Khi Người hỏi về những ân huệ các vị Nabi trước được ban (làm người chết sống...)

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Khi Người hỏi về những ân huệ các vị Nabi trước được ban (làm người chết sống lại, gió phục tùng v.v.), Thượng Đế phán: "Ta đã ban cho ngươi điều tốt hơn thế: mỗi khi Ta được nhắc đến, ngươi cũng được nhắc đến cùng Ta; Ta làm cho lồng ngực Ummah của ngươi thành nơi cất giữ kinh sách của họ (các bản Injil của họ); Ta đã ban xuống cho ngươi một lời từ kho tàng của Ngai Vương" (do Anas thuật lại).

Thời điểm không rõ

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 337 (şerh-i sadr, vizrinin kaldırılması ve zikrinin yükseltilmesi bâbı)

## 2024. Câu Bismillah, ngoài Nabi Sulayman, chỉ được mặc khải cho Người (do Ibn Abbas...)

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Câu Bismillah, ngoài Nabi Sulayman, chỉ được mặc khải cho Người (do Ibn Abbas thuật lại).

Đặc điểm riêng (chung; thời điểm không rõ)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 339 (Kur'an'dan yalnız ona verilenler ve Allah katındaki üstünlüğü bâbı)

## 2025. Ayat al-Kursi được ban cho Người từ một kho tàng dưới Ngai Vương và chưa vị...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Ayat al-Kursi được ban cho Người từ một kho tàng dưới Ngai Vương và chưa vị Nabi nào trước Người được ban (do Ali thuật lại; Ka'b: bốn câu không được ban cho Nabi Musa).

Đặc điểm riêng (chung; thời điểm không rõ)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 339 (Kur'an'dan yalnız ona verilenler ve Allah katındaki üstünlüğü bâbı)

## 2026. Một Thiên Thần chưa từng xuống từ trời đã xuống báo tin mừng: "Hãy vui mừng với..."

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Một Thiên Thần chưa từng xuống từ trời đã xuống báo tin mừng: "Hãy vui mừng với hai ánh sáng được ban cho ngài mà chưa vị Nabi nào trước ngài được ban: al-Fatihah và những câu cuối chương al-Baqarah" (do Ibn Abbas thuật lại).

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 339 (Kur'an'dan yalnız ona verilenler ve Allah katındaki üstünlüğü bâbı)

## 2027. Người cho biết thay cho Kinh Tawrah Người được ban bảy chương dài (as-sab...)

Hasan (Tốt) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người cho biết thay cho Kinh Tawrah Người được ban bảy chương dài (as-sab' at-tiwal), thay cho Kinh Zabur là các chương mi'un, thay cho Kinh Injil là các chương mathani, và Người được ưu ái thêm các chương mufassal (do Wathilah bin al-Asqa' thuật lại).

Đặc điểm riêng (chung; thời điểm không rõ)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 339 (Kur'an'dan yalnız ona verilenler ve Allah katındaki üstünlüğü bâbı)

---

## 2028. As-Sab' al-Mathani (và các chương dài) chỉ được ban cho riêng Người; Nabi Musa...

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

As-Sab' al-Mathani (và các chương dài) chỉ được ban cho riêng Người; Nabi Musa được ban sáu trong số đó, nhưng khi ông ném các phiến đá, hai chương đã bị cất đi (các lời thuật của Ibn Abbas).

Đặc điểm riêng (chung; thời điểm không rõ)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 340 (Kur'an'dan yalnız ona verilenler ve Allah katındaki üstünlüğü bâbı)

---

## 2029. Allah nhận Nabi Ibrahim làm bạn thân (khalil), Nabi Musa làm người tâm sự...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Allah nhận Nabi Ibrahim làm bạn thân (khalil), Nabi Musa làm người tâm sự (naji), còn nhận Người làm người yêu dấu (habib) (do Abu Hurairah và Thabit al-Bunani thuật lại).

Đặc điểm riêng (chung; thời điểm không rõ)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 340 (Kur'an'dan yalnız ona verilenler ve Allah katındaki üstünlüğü bâbı)

---

## 2030. Khi Người ngồi trong masjid, một đám mây hiện ra, từ trong đó một Thiên Thần...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Khi Người ngồi trong masjid, một đám mây hiện ra, từ trong đó một Thiên Thần đến báo tin mừng rằng Người là bề tôi gần gũi/quý giá nhất trước Allah (do Abdurrahman bin Ghanm thuật lại).

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 340 (Kur'an'dan yalnız ona verilenler ve Allah katındaki üstünlüğü bâbı)

---

## 2031. Việc vâng lời Người được quy định là bắt buộc vô điều kiện với toàn thế gian...

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Việc vâng lời Người được quy định là bắt buộc vô điều kiện với toàn thế gian, và việc noi theo Người (uswah) được ra lệnh một cách tuyệt đối (chương al-Hashr, câu 7; chương an-Nisa', câu 80; chương al-Ahzab, câu 21; theo nhận định của Abu Nu'aym).

Đặc điểm riêng (chung; thời điểm không rõ)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 342 (Kur'an'daki hitap ve itaatin farz kılınması bâbları)

---

## 2032. Người đọc lời cầu xin của Nabi Ibrahim (chương Ibrahim, câu 36) và của Nabi Isa...

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người đọc lời cầu xin của Nabi Ibrahim (chương Ibrahim, câu 36) và của Nabi Isa (chương al-Ma'idah, câu 118), giơ tay khóc: "Ummah của con, Ummah của con"; Allah cử Jibril đến báo tin mừng: "Chúng Ta sẽ làm ngươi hài lòng về Ummah của ngươi, sẽ không làm ngươi buồn" (do Abdullah bin Amr thuật lại; lời thuật của Ali: "Ta sẽ can thiệp cho đến khi Thượng Đế ta phán: Ngươi đã hài lòng chưa, Muhammad?").

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 386 (kıyamet gününe özgü hususiyetleri bâbları)

---

## 2033. Một Thiên Thần (cùng Jibril) đến để Người chọn giữa làm “Nabi vua” và “Nabi bề...”

Hasan (Tốt) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Một Thiên Thần (cùng Jibril) đến để Người chọn giữa làm “Nabi vua” và “Nabi bề tôi”; theo dấu hiệu khiêm nhường của Jibril, Người chọn làm Nabi bề tôi, và từ đó cho đến khi từ giã thế gian Người không bao giờ ăn trong tư thế ngồi dựa (do Aisha, az-Zuhri, Ibn Abbas thuật lại).

Thời điểm không rõ

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 407 (ona özgü yasaklar (muharremât) kısmı)

---

## 2034. Người được ban jawami' al-kalim (lời ít ý nhiều); khi Người ngủ, chìa khóa các...

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người được ban jawami' al-kalim (lời ít ý nhiều); khi Người ngủ, chìa khóa các kho báu trên mặt đất được mang đến đặt vào tay Người (do Abu Hurairah thuật lại; kèm lời giải thích của Ibn Shihab về jawami' al-kalim).

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ; Ứng nghiệm: các cuộc chinh phục sau khi Người qua đời

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 332 (korkuyla yardım, cevâmiu'l-kelim ve yeryüzü hazinelerinin anahtarları bâbı)

---

## 2035. Allah gìn giữ tên của Người: (như trường hợp Nabi Yahya) cho đến gần thời Người...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Allah gìn giữ tên của Người: (như trường hợp Nabi Yahya) cho đến gần thời Người được cử phái, không ai được đặt tên Muhammad.

Trước sứ mạng

NGUỒN Râvendî, el-Harâic ve'l-cerâih, c. 1, s. 80 (fasl: önceki kitaplarda Hz. Peygamber'in anılması)

---

## 2036. Chim không bay qua phía trên Người (trong danh sách các đặc điểm của Ibn...)

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Chim không bay qua phía trên Người (trong danh sách các đặc điểm của Ibn Shahrashub, được kể cùng việc đám mây che bóng và đi theo Người).

Suốt đời (đặc điểm riêng)

NGUỒN İbn Şehrâşûb, Menâkıbü Âl-i Ebî Tâlib (Necef 1376/1956 baskısı), c. 1, s. 108 (fasl fî mu'cizâtihî fî zâtihî)

---

## 2037. Từ ngày Người sinh ra đến ngày Người qua đời, khi ở nhà cũng như khi đi xa, có...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Từ ngày Người sinh ra đến ngày Người qua đời, khi ở nhà cũng như khi đi xa, có một đám mây che bóng cho Người (tương ứng với việc đám mây che bóng cho Nabi Musa).

Suốt đời (năm 571–632 CN)

NGUỒN Tabersî, el-İhticâc (thk. M. Bâkır el-Hursân, Necef: Matbaatü'n-Nu'mân 1386/1966), c. 1, s. 325 (İhticâcü Emîri'l-mü'minîn ale'l-Yehûd min ahbârihim... fî mu'cizâti'n-Nebî)

---

## 2038. Người đề nghị dạy Ubayy bin Ka'b một chương mà điều tương tự chưa từng được mặc...

**Sahih (Xác thực)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người đề nghị dạy Ubayy bin Ka'b một chương mà điều tương tự chưa từng được mặc khải trong Kinh Tawrah, Kinh Injil, Kinh Zabur hay trong các chương khác của Qur'an, rồi thề rằng đó là al-Fatihah, tức as-Sab' al-Mathani và Qur'an vĩ đại được mặc khải cho Người.

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN N. İçel, Hz. Muhammed'in (sas) Mucizeleri -1 (2023), "HZ. MUHAMMED ALEYHİSSELÂM'IN EN BÜYÜK VE EN DEVAMLI MU'CİZESİ KUR'ÂN-I KERÎM'DİR" (kitabın dipnotu: Tirmizî, Sünen, c. 5, s. 155-156); Kütüb-i Sitte: Tirmizî, Fezâilü'l-Kur'ân 1, (2875) (kitabın dipnotuna göre: Tirmizî, Sünen, c. 5, s. 155-156; Canan'da bulunamadı)

# 41 · Những lời báo của Người ứng nghiệm sau khi Người qua đời: thời bốn vị Khalifah (năm 11–40 H)

## 2039. Người cho biết Ummah của Người sẽ chia thành 73 nhóm, và nhóm được cứu là...

**Sahih (Xác thực)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người cho biết Ummah của Người sẽ chia thành 73 nhóm, và nhóm được cứu là “những người đi theo con đường của ta và các Sahabah của ta”.

Ứng nghiệm: thế kỷ 1–3 H

NGUỒN 19. Mektup listesi (183.txt) no.87; 1000 Mucize no.462 (s.454); web: Said Nursî, Mektubat, 19. Mektup, 6. İşaret; Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 24. fasıl; Questions on Islam, "His Information related to the Future Turn out True"; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 248; Kütüb-i Sitte: Ebu Davud, Sünnet 1, (4597); Tirmizî, İman 18, (2643); İbn Mâce 3992, 3993; Ebû Dâvûd 4596, Tirmizî 2640-2641 (listedeki kaynağa göre) [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 4776, c./s. 13/420; no. 4777, c./s. 13/422-423; no. 7198; no. 7199]

---

## 2040. Người cho biết vào thời cuối cùng sẽ xuất hiện những kẻ lừa đảo nói dối bịa ra...

**Sahih (Xác thực)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người cho biết vào thời cuối cùng sẽ xuất hiện những kẻ lừa đảo nói dối bịa ra những hadith chưa từng được nghe.

Ứng nghiệm: từ thế kỷ 1–2 H trở đi

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.5 s.343; web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 244; Kütüb-i Sitte: Müslim, Mukaddime 6, (6) [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 5207, c./s. 14/551]

---

## 2041. Người cho biết các Sahabah nghe từ Người, những người sau nghe từ họ, và người...

**Hasan (Tốt)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người cho biết các Sahabah nghe từ Người, những người sau nghe từ họ, và người ta sẽ từ những miền xa xôi đến để học kiến thức.

Ứng nghiệm: thế kỷ 1–3 H

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.5 s.331; 1000 Mucize no.746 (s.662); web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 260; ayrıca: İbnü'l-Cevzî, el-Vefâ, s. 321; Kütüb-i Sitte: Tirmizî, İlm 10, (3661); İbn Mâce 248 [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 4120, c./s. 11/502-503; no. 6063, c./s. 16/549-550]

---

## 2042. Người nói: “Ngày Tận Thế sẽ không xảy ra cho đến khi Iblis đi khắp các khu chợ...”

**Sahih (Xác thực)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người nói: “Ngày Tận Thế sẽ không xảy ra cho đến khi Iblis đi khắp các khu chợ mà nói: ‘Người kia con của người nọ đã thuật lại cho tôi hadith thế này thế nọ’” (do Wathilah bin al-Asqa' thuật lại; điều tương tự từ Ibn Mas'ud: Shaytan mang hình dạng con người kể những hadith giả).

Lời tiên tri: thời kỳ Madinah; Ứng nghiệm: từ thế kỷ 1–2 H trở đi

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 244 (hadis uyduran yalancıları ve şeytanları haber vermesi)

## 2043. Người báo trước: “Sự diệt vong của Ummah ta nằm ở ba điều: tinh thần phe phái...”

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người báo trước: “Sự diệt vong của Ummah ta nằm ở ba điều: tinh thần phe phái, phái Qadariyyah và lời thuật không vững chắc”; “Ta lo cho Ummah ta về sự vấp ngã của học giả, sự tranh cãi của kẻ giả tạo đức tin bằng Qur'an và việc phủ nhận định mệnh” (do Ibn Abbas và Abud-Darda' thuật lại).

Lời tiên tri: thời kỳ Madinah; Ứng nghiệm: từ thế kỷ 1–2 H trở đi

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 263 (kendisinden sonra olacak çeşitli hâlleri haber vermesi)

## 2044. Người báo: “Hãy để yên người Turk chừng nào họ để yên các ngươi; những kẻ đầu...”

Hasan (Tốt) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người báo: “Hãy để yên người Turk chừng nào họ để yên các ngươi; những kẻ đầu tiên tước đoạt vương quyền của Ummah ta và những gì Allah ban cho họ là con cháu Qantura'” (do Ibn Mas'ud thuật lại).

Lời tiên tri: thời kỳ Madinah; Ứng nghiệm: thế kỷ 3–7 H (sự thống trị của người Turk–Mông Cổ, Baghdad thất thủ năm 656 H)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 204 (Abbâsîlerin hilafetini haber vermesi)

## 2045. Người báo: “Người Turk sẽ thắng người Ả Rập và đuổi họ đến những nơi mọc cỏ...”

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người báo: “Người Turk sẽ thắng người Ả Rập và đuổi họ đến những nơi mọc cỏ shih và qaysum (cỏ sa mạc)” (do Mu'awiyah thuật lại).

Lời tiên tri: thời kỳ Madinah; Ứng nghiệm: thế kỷ 3–7 H

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 205 (Abbâsîlerin hilafetini haber vermesi)

## 2046. Người cho biết sẽ đến thời an ninh đến mức người lữ khách đi từ Sana'a đến...

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người cho biết sẽ đến thời an ninh đến mức người lữ khách đi từ Sana'a đến Hadramawt không sợ ai ngoài Allah.

Lời tiên tri: thời kỳ Makkah; Ứng nghiệm: năm 10–20 H

NGUỒN İbn Kesîr s.146; web: Buhârî, Menâkıb, Alâmâtü'n-nübüvve, no. 3612; Münkız es-Sakkār, Delâilü'n-nübüvve; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 241; ayrıca: İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî, s. 242, 247; ayrıca: N. İçel, Hz. Muhammed'in (sas) Mucizeleri -1 (2023), "Habbab b. Eret'e Yapılan İşkence" (kitabın dipnotu: Belâzurî, Ensâb, c:1, s:175,178-179;İbn Sa'd, Tabakât, c:3, s:165, 233;Ebu Nuaym, Hilye, c:1, s:144; İbn Esîr, Usdu'l-gâbe, c:2, s:114-115; Suyûtî, Dürru'l-mensûr, c:4, s:132;Ahmed b. Hanbel, c:5, s:11,56,109-111; Buhârî, c:3, s:56; c:4, s:238-239; Hâkim, Müstedrek, c:3, s:383); Kütüb-i Sitte: Buhârî 3612, 6943 (listedeki kaynağa göre) [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 3239]

## 2047. Người báo rằng sau khi Người qua đời, một số người sẽ bỏ đạo; Abu Bakr đã chiến...

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người báo rằng sau khi Người qua đời, một số người sẽ bỏ đạo; Abu Bakr đã chiến đấu với những kẻ bỏ đạo.

Ứng nghiệm: năm 11 H (632 CN)

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.5 s.137; web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 216; Kütüb-i Sitte: Buhârî, Rikak 53, Fiten 1; Müslim, Fezail 32, (2297); Buhârî, İ'tisâm 2, Zekât 1; Müslim, İmân 32, (20) [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 5084; no. 2013, c./s. 7/340]

## 2048. Trong buổi họp có cả Abu Hurairah và Hudhayfah, Người nói: “Răng hàm của một...”

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Trong buổi họp có cả Abu Hurairah và Hudhayfah, Người nói: “Răng hàm của một người trong các ngươi trong Hỏa Ngục sẽ to hơn núi Uhud”; ar-Rajjal bin Unfuwah đi theo Musaylimah và bỏ đạo.

Ứng nghiệm: năm 11–12 H (632–633 CN)

NGUỒN 19. Mektup listesi (183.txt) no.105; web: Heysemî, Mecmau'z-zevâid, K. Alâmâti'n-nübüvve, bâbü ihbârihî bi'l-muğayyebât, no 14076; Said Nursî, Mektubat, 19. Mektup, 6. İşaret; Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 24. fasıl; Questions on Islam, "His Information related to the Future Turn out True"; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 246; ayrıca: Meclisî, Bihâru'l-envâr, c. 18, s. 132; İbn Şehrâşûb, Menâkıb, c. 1, s. 95

## 2049. Trong giấc mơ, khi Người đang kéo nước từ giếng, Abu Bakr nhận lấy gàu và kéo...

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Trong giấc mơ, khi Người đang kéo nước từ giếng, Abu Bakr nhận lấy gàu và kéo một hai gàu một cách yếu ớt; ám chỉ rằng thời Khalifah của ông sẽ ngắn.

Ứng nghiệm: năm 11–23 H (632–644 CN)

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.5 s.119; 1000 Mucize no.425 (s.417), no.986 (s.799); web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 195; ayrıca: İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî, s. 266; Kütüb-i Sitte: Buhârî, Müslim (listedeki kaynağa göre)

## 2050. Người cho biết quyền Khalifah sẽ kéo dài 30 năm, rồi biến thành vương quyền

Hasan (Tốt) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người cho biết quyền Khalifah sẽ kéo dài 30 năm, rồi biến thành vương quyền.

Ứng nghiệm: năm 11–41 H (632–661 CN)

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.5 s.116; 19. Mektup listesi (183.txt) no.19; 1000 Mucize no.461 (s.453); web: Said Nursî, Mektubat, 19. Mektup, 5. İşaret; Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 24. fasıl; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 197; ayrıca: İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî, s. 264-265, 362; Îcî–Cürcânî, Şerhu'l-Mevâkıf, c. 8, s. 283; Elshinawy, The Prophecies of Prophet Muhammad (Yaqeen); Kütüb-i Sitte: Ebû Dâvud, Sünnet 9 (4648, 4647); Tirmizî, Fiten 48, (2227) [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 1708, c./s. 6/411]

## 2051. Người cho biết trước Ngày Tận Thế sẽ xuất hiện gần ba mươi kẻ lừa đảo nói dối...

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người cho biết trước Ngày Tận Thế sẽ xuất hiện gần ba mươi kẻ lừa đảo nói dối (Nabi giả).

Ứng nghiệm: từ năm 11 H trở đi

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.5 s.267; İbn Kesîr s.173; web: Buhârî, Menâkıb, Alâmâtü'n-nübüvve, no. 3609; Münkız es-Sakkār, Delâilü'n-nübüvve; Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 24. fasıl; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 224; Kütüb-i Sitte: Tirmizî, Fiten 43, (2219); Ebu Davud, Melahim 16 (4333-4335); Buhârî 3609; Müslim 157 [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 5031, c./s. 14/322; no. 4779, c./s. 13/425-426]

## 2052. Người cho biết sẽ có mười hai vị Khalifah, tất cả đều xuất thân từ Quraish

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người cho biết sẽ có mười hai vị Khalifah, tất cả đều xuất thân từ Quraish.

Ứng nghiệm: từ năm 11 H trở đi

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.5 s.308; İbn Kesîr s.175; 1000 Mucize no.472 (s.464), no.473 (s.464), no.474 (s.465); web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 194; ayrıca: İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî, s. 257, 265, 359-363; Kütüb-i Sitte: Buhârî, Ahkâm 51; Müslim, İmâret 5-9 (1821); Tirmizî, Fiten 46, (2224) [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 1709, c./s. 6/412-413]

---

## 2053. Người nói: "Quyền Khalifah thuộc về Quraish; chừng nào họ còn giữ vững tôn..."

**Sahih (Xác thực)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người nói: "Quyền Khalifah thuộc về Quraish; chừng nào họ còn giữ vững tôn giáo, việc này sẽ còn ở trong Quraish."

Lời tiên tri: thời kỳ Madinah; Ứng nghiệm: sau năm 11 H

NGUỒN Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 24. fasıl (gayb haberleri)

---

## 2054. Người cảnh báo rằng sau Người sẽ có sự bỏ đạo (riddah)

**Sahih (Xác thực)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người cảnh báo rằng sau Người sẽ có sự bỏ đạo (riddah).

Lời tiên tri: thời kỳ Madinah; Ứng nghiệm: năm 11 H (632 CN)

NGUỒN Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 24. fasıl (gayb haberleri)

---

## 2055. Người báo: "Sẽ đến một thời mà với một người trong các ngươi, được thấy ta còn..."

**Sahih (Xác thực)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người báo: "Sẽ đến một thời mà với một người trong các ngươi, được thấy ta còn quý hơn có thêm một lần gia đình và tài sản của mình."

Lời tiên tri: thời kỳ Madinah; Ứng nghiệm: sau khi Người qua đời (sau năm 11 H)

NGUỒN Buhârî, Menâkıb, Alâmâtü'n-nübüvve, no. 3589

---

## 2056. Người cho vợ là Hafsah biết như một bí mật rằng sau Người, Abu Bakr và cha bà...

**Da'if (Yếu)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người cho vợ là Hafsah biết như một bí mật rằng sau Người, Abu Bakr và cha bà là Umar sẽ đảm nhận việc cai quản Ummah (chương at-Tahrim, câu 3).

Lời tiên tri: khoảng năm 7–9 H; Ứng nghiệm: năm 11 và 13 H

NGUỒN Nişancızâde, Mir'ât-ı Kâinât'tan

---

## 2057. Trong giấc mơ, khi Người kéo nước cho đàn cừu đen, những con cừu màu xám...

**Sahih (Xác thực)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Trong giấc mơ, khi Người kéo nước cho đàn cừu đen, những con cừu màu xám (trắng) lẫn vào giữa, rồi Abu Bakr kéo một hai gàu, còn Umar kéo nước mạnh mẽ; Người giải đàn cừu đen là người Ả Rập, đàn cừu xám là những người không phải Ả Rập sẽ gia nhập cùng họ.

Lời tiên tri: thời kỳ Madinah; Ứng nghiệm: các cuộc chinh phục năm 11–23 H

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 195 (kendisinden sonra olacakları haber vermesi ve haber verdiği gibi çıkması)

## 2058. Người cho biết Thabit bin Qays thuộc cư dân Thiên Đàng và sẽ tử vì đạo; Thabit...

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người cho biết Thabit bin Qays thuộc cư dân Thiên Đàng và sẽ tử vì đạo; Thabit hy sinh ở Yamamah.

Ứng nghiệm: năm 12 H (633 CN)

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.5 s.129; İbn Kesîr s.147; 1000 Mucize no.430 (s.421); web: Buhârî, Menâkıb, Alâmâtü'n-nübüvve, no. 3613; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 212; ayrıca: İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî, s. 248; Kütüb-i Sitte: Buhârî, Menâkıb 25, Tefsir, Hucurat 1; Müslim, İmân 187, (119) [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 4469, c./s. 13/15]

## 2059. Trên đường từ Tabuk về, Người nói: "Thành al-Hirah trắng kia đã được cho ta..."

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Trên đường từ Tabuk về, Người nói: "Thành al-Hirah trắng kia đã được cho ta thấy; kìa là ash-Shayma' bint Buqaylah al-Azdiyyah trên một con la xám, đội khăn đen"; Khuraym bin Aws nói: "Nếu tôi vào al-Hirah và thấy bà ta như vậy thì bà ta thuộc về tôi chứ?", và được Người hứa; khi Khalid bin al-Walid chinh phục al-Hirah, người đầu tiên họ gặp là ash-Shayma' đúng với đặc điểm ấy, và nhờ lời làm chứng của Muhammad bin Maslamah và Ibn Umar, bà được giao cho Khuraym (ông bán bà với giá một nghìn dirham).

Lời tiên tri: trên đường từ Tabuk về, năm 9 H; Ứng nghiệm: chinh phục al-Hirah, năm 12 H (633 CN)

NGUỒN Heysemî, Mecmau'z-zevâid, K. Alâmâti'n-nübüvve, bâbü ihbârihî bi'l-muğayyebât, no 14069 (8/288)

## 2060. Qua việc giải mộng, Người cho biết Abu Bakr sẽ qua đời hai năm rưỡi sau khi...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Qua việc giải mộng, Người cho biết Abu Bakr sẽ qua đời hai năm rưỡi sau khi Người qua đời.

Ứng nghiệm: năm 13 H (634 CN)

NGUỒN 1000 Mucize no.987 (s.801); web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 196

## 2061. Người cho biết Sham, Iraq và Yemen sẽ được chinh phục và mọi người sẽ từ...

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người cho biết Sham, Iraq và Yemen sẽ được chinh phục và mọi người sẽ từ Madinah di cư đến đó.

Ứng nghiệm: năm 13–20 H (634–641 CN)

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.5 s.86; web: Münkız es-Sakkār, Delâilü'n-nübüvve; Said Nursî, Mektubat, 19. Mektup, 5. İşaret; Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 24. fasıl; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 187; ayrıca: İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî, s. 255; ayrıca: N. İçel, Hz. Muhammed'in (sas) Mucizeleri -1 (2023), "Kayser Herakliyus'un Çekmecesinde Sakladığı Peygamber Resimlerini İslâm Elçilerine Gösterişi" (kitabın dipnotu: Ebu Nuaym, Delâil, c:1, s:50-53; Zehebî, Târîh, s:529,532-535; Beyhakî, Delâil, c:1, s:386-387388; Dineverî, Kitâbu'l-ahbâr, s:18; Muhyiddin b. Arabî, Muhâdarâtu'l-ebrâr, c:1, s:100; Alâüddin Ali, Kenz, c:12, s:466-467-469; Ebu'l-Fidâ, Tefsîr, c:2, s:252); Kütüb-i Sitte: Buhârî, Fezailu'l-Medine 5; Müslim, Hacc 497, (1388); Muvatta, el-Câmi' 7 [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 4600, c./s. 13/180-181]

## 2062. Người gọi Umm Waraqah là "người tử vì đạo"; vào thời Umar, bà bị nô lệ của mình...

Hasan (Tốt) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người gọi Umm Waraqah là “người tử vì đạo”; vào thời Umar, bà bị nô lệ của mình giết hại ngay trong nhà.

Ứng nghiệm: năm 13–23 H

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.5 s.157; İbn Kesîr s.151; 1000 Mucize no.278 (s.256), no.337 (s.316); web: Münkız es-Sakkār, Delâilü'n-nübüvve; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 228; ayrıca: İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî, s. 272-273; İbnü'l-Cevzî, el-Vefâ, s. 322; Meclisî, Bihâru'l-envâr, c. 18, s. 112; Râvendî, el-Harâic, c. 1, s. 66; Kütüb-i Sitte: Ebû Dâvûd 571 (listedeki kaynağa göre)

---

## 2063. Người nói: “Trong các cộng đồng trước có những người được gợi bảo (muhaddath); nếu trong Ummah ta có người như vậy thì đó là Umar”

**Sahih (Xác thực)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người nói: “Trong các cộng đồng trước có những người được gợi bảo (muhaddath); nếu trong Ummah ta có người như vậy thì đó là Umar.”

Ứng nghiệm: năm 13–23 H

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.5 s.146; İbn Kesîr s.150; web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 219 olduğunu haber vermesi); ayrıca: İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî, s. 271; Kütüb-i Sitte: Buhârî ; Buhârî, Müslim (listedeki kaynağa göre) [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 4392, c./s. 12/452]

---

## 2064. Người định Dhul-Hulayfah làm miqat cho dân Madinah, al-Juhfah cho dân Sham...

**Sahih (Xác thực)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người định Dhul-Hulayfah làm miqat cho dân Madinah, al-Juhfah cho dân Sham, Qarn al-Manazil cho dân Najd, Yalamlam cho dân Yemen, Dhat Irq cho dân Iraq; theo quyển sách, việc định ra khi các vùng đất này chưa được chinh phục đã được xác nhận bởi các cuộc chinh phục thời Umar.

Lời tiên tri: thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ; Ứng nghiệm: các cuộc chinh phục thời Umar, năm 13–23 H (634–644 CN)

NGUỒN 1000 Mucize no.434 (s.425); web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 189; ayrıca: İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî, s. 262; İbn Şehrâşûb, Menâkıb, c. 1, s. 97-98; Kütüb-i Sitte: Buharî, Hacc 7, 9, 11, 12; Müslim, Hacc 11, (1181); Ebû Dâvud, Menâsik 9, (1737); Müslim, Hacc 18, (1183) [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 1190, c./s. 5/310-311; no. 1192, c./s. 5/314]

---

## 2065. Người đến thăm al-Aqra' bin Shufayy al-Akki đang bệnh và nghĩ mình sẽ chết vì...

**Da'if (Yếu)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người đến thăm al-Aqra' bin Shufayy al-Akki đang bệnh và nghĩ mình sẽ chết vì bệnh này, báo cho ông rằng ông sẽ sống, sẽ di cư đến Sham, sẽ chết và được chôn ở Ramla thuộc Palestine; ông qua đời ở Ramla trong thời Umar làm Khalifah.

Lời tiên tri: thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ; Ứng nghiệm: thời Umar làm Khalifah (năm 13–23 H / 634–644 CN), Ramla

NGUỒN 1000 Mucize no.934 (s.768); web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 218

---

## 2066. Người báo cho Shaddad bin Aws, người than phiền về thế gian trong cơn bệnh cuối...

**Da'if (Yếu)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người báo cho Shaddad bin Aws, người than phiền về thế gian trong cơn bệnh cuối đời: “Sham sẽ được chinh phục, Bayt al-Maqdis sẽ được chinh phục; ngươi và con cái ngươi sẽ là những người dẫn đầu ở đó.”

Lời tiên tri: năm 11 H (632 CN); Ứng nghiệm: năm 13–17 H và sau đó

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 476 (Hastalığında görülen âyetler)

## 2067. Người nói: "Thề bởi Đấng nắm sinh mạng Muhammad trong tay, Ba Tư và La Mã sẽ..."

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người nói: "Thề bởi Đấng nắm sinh mạng Muhammad trong tay, Ba Tư và La Mã sẽ được chinh phục cho các ngươi; lương thực sẽ nhiều đến mức người ta không nhắc tên Allah trên đó."

Ứng nghiệm: năm 13–20 H và sau đó

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 191 (Fars ve Rum'un fethini haber vermesi bâbı)

## 2068. Người báo cho các Sahabah: "Ta không lo các ngươi nghèo khó; Allah sẽ cho các..."

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người báo cho các Sahabah: "Ta không lo các ngươi nghèo khó; Allah sẽ cho các ngươi chinh phục xứ Ba Tư và La Mã, thế gian sẽ tuôn đổ dồi dào lên các ngươi" (do Awf bin Malik thuật lại).

Lời tiên tri: thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ; Ứng nghiệm: năm 13–21 H (634–642 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 192 (kendisinden sonra olacakları haber vermesi ve haber verdiği gibi çıkması)

## 2069. Người cho biết kết cục của ba vị Khalifah: "Trong các ngươi sẽ có mười hai..."

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người cho biết kết cục của ba vị Khalifah: "Trong các ngươi sẽ có mười hai Khalifah: Abu Bakr sẽ ở lại ít lâu sau ta; người làm quay cối xay của người Ả Rập (Umar) sẽ sống trong sự ca ngợi và chết như người tử vì đạo; hỡi Uthman, Allah sẽ mặc cho ngươi một chiếc áo, nếu họ đòi ngươi cởi ra thì đừng cởi" (do Abdullah bin Amr/Ibn Umar thuật lại).

Lời tiên tri: thời kỳ Madinah; Ứng nghiệm: năm 13 H, năm 23 H và năm 35 H

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 196 (kendisinden sonra olacakları haber vermesi ve haber verdiği gibi çıkması)

## 2070. Khi Bakr bin Shaddakh al-Laythi, người phục vụ Người, tự mình báo rằng đã đến...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Khi Bakr bin Shaddakh al-Laythi, người phục vụ Người, tự mình báo rằng đã đến tuổi trưởng thành, Người cầu xin: "Lạy Allah, xin làm lời cậu ấy thành sự thật và cho cậu ấy chiến thắng"; vào thời Umar, ông giết một người Do Thái (kẻ quấy rối gia đình một chiến binh) và tự thú nhận; Umar xác nhận lời ông và tuyên bố máu kẻ ấy không phải đền.

Lời cầu xin: thời kỳ Madinah; Ứng nghiệm: thời Umar (năm 13–23 H)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 292 (duaların kabulündeki mucizeler)

## 2071. Người cho biết một nhóm người trong Ummah của Người sẽ định cư ở một thành phố...

Hasan (Tốt) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người cho biết một nhóm người trong Ummah của Người sẽ định cư ở một thành phố đông đúc tên Basra; Basra được thành lập vào thời Umar.

Ứng nghiệm: năm 14 H (thành lập) và sau đó

NGUỒN 19. Mektup listesi (183.txt) no.110; 1000 Mucize no.441 (s.433); web: Said Nursî, Mektubat, 19. Mektup, 6. İşaret; Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 24. fasıl; Questions on Islam, "His Information related to the Future Turn out True"; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 257; ayrıca: İbn Şehrâşûb, Menâkıb, c. 1, s. 121; Kütüb-i Sitte: Ebu Davud, Melâhim 10, (4306), (4307) [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 4768, c./s. 13/403-404; no. 1976, c./s. 7/252-253]

---

## 2072. Khi cùng Abu Bakr và Ali trình bày Islam cho con cháu Shayban bin Tha'labah ở...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Khi cùng Abu Bakr và Ali trình bày Islam cho con cháu Shayban bin Tha'labah ở Mina, Mafruq bin Amr, Hani' bin Qabisah và al-Muthanna bin Harithah nêu lý do từ chối; Người báo trước cuộc chinh phục Iran: “Nếu chẳng bao lâu Allah cho các ngươi thừa kế đất đai và của cải của họ (người Ba Tư), các ngươi có tán dương Allah không?”

Lời tiên tri: khoảng năm 620–621 CN; Ứng nghiệm: năm 14–21 H

NGUỒN Ebû Nuaym el-İsfahânî, Delâilü'n-nübüvve, 16. fasıl (müşriklerle arasında geçenler), no. 214

---

## 2073. Người hứa với Abdurrahman bin Awf (không có văn bản) rằng khi Sham được chinh...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người hứa với Abdurrahman bin Awf (không có văn bản) rằng khi Sham được chinh phục, mảnh đất ở đó gọi là Salil sẽ được giao cho ông; khi Sham được chinh phục, lời hứa đã được thực hiện.

Lời tiên tri: thời kỳ Madinah; Ứng nghiệm: chinh phục Sham, năm 14–17 H

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 187 (Yemen, Şam ve Irak'ın fethini haber vermesi bâbı)

---

## 2074. Người nói: “Ba Tư chỉ là một hai cú húc, rồi sẽ mãi mãi không còn Ba Tư; còn La...”

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người nói: “Ba Tư chỉ là một hai cú húc, rồi sẽ mãi mãi không còn Ba Tư; còn La Mã có nhiều sừng, một sừng mất đi thì có sừng khác thay thế”, báo trước rằng nhà Sasan sẽ sớm sụp đổ còn Byzantine sẽ tồn tại lâu dài (mursal từ Ibn Muhayriz).

Lời tiên tri: thời kỳ Madinah; Ứng nghiệm: nhà Sasan sụp đổ năm 14–31 H (635–651 CN), Byzantine tồn tại tiếp

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 193 (kendisinden sonra olacakları haber vermesi ve haber verdiği gibi çıkması)

---

## 2075. Nhắc đến Basra khi chưa được xây dựng, Người cho biết Qiblah của dân ở đó đúng...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Nhắc đến Basra khi chưa được xây dựng, Người cho biết Qiblah của dân ở đó đúng nhất, masjid và người gọi Azan ở đó nhiều nhất, Allah sẽ đẩy lùi khỏi đó những tai họa mà Ngài không đẩy lùi khỏi các thành khác; còn dân Kufa sẽ gặp những tai họa lớn (do Abu Dharr thuật lại).

Lời tiên tri: thời kỳ Madinah; Ứng nghiệm: Basra và Kufa được thành lập, năm 14–17 H và sau đó

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 257 (Basra ve Kûfe'yi haber vermesi)

## 2076. Người báo: “Người Muslim sẽ có ba thành phố lớn (misr): một ở nơi hai biển gặp...”

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người báo: “Người Muslim sẽ có ba thành phố lớn (misr): một ở nơi hai biển gặp nhau, một ở al-Hirah, một ở Sham” (do Uthman bin Abi al-As thuật lại).

Lời tiên tri: thời kỳ Madinah; Ứng nghiệm: các thành đồn trú Basra, Kufa và Sham, năm 14–17 H

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 257 (Basra ve Kûfe'yi haber vermesi)

## 2077. Người nói: “Khi Kisra diệt vong, sau hắn sẽ không còn Kisra; khi Caesar diệt...”

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người nói: “Khi Kisra diệt vong, sau hắn sẽ không còn Kisra; khi Caesar diệt vong (ở Sham), sau hắn sẽ không còn Caesar; kho báu của họ sẽ được chi dùng trên con đường của Allah.”

Ứng nghiệm: năm 15–31 H (636–651 CN)

NGUỒN İbn Kesîr s.145; 1000 Mucize no.692 (s.628); web: Buhârî, Menâkıb, Alâmâtü'n-nübüvve, no. 3618-3619; A'zamî, el-Câmiu'l-Kâmil, Sîre, bâb 606; Heysemî, Mecmau'z-zevâid, K. Alâmâti'n-nübüvve, bâbü ihbârihî bi'l-muğayyebât, no 14072-14073; Said Nursî, Mektubat, 19. Mektup, 5. İşaret; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 192; ayrıca: İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî, s. 245, 396; İbnü'l-Cevzî, el-Vefâ, s. 308-309; Elshinawy, The Prophecies of Prophet Muhammad (Yaqeen); Meclisî, Bihâru'l-envâr, c. 18, s. 141; Râvendî, el-Harâic, c. 1, s. 66; İbn Şehrâşûb, Menâkıb, c. 1, s. 121; Kütüb-i Sitte: Buharî, Menâkıb 25, Humus 8, Eyman 3; Müslim, Fiten 77, (2919); Buhârî 3618 (listedeki kaynağa göre) [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 5572, c./s. 15/416]

## 2078. Afif al-Kindi, khi ở bên Abbas tại Mina, thấy Nabi ﷺ, Khadijah và Ali đang dâng...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Afif al-Kindi, khi ở bên Abbas tại Mina, thấy Nabi ﷺ, Khadijah và Ali đang dâng lễ nguyện; Abbas nói: “Đây là cháu tôi, nó nói rằng kho báu của Kisra và Caesar sẽ được mở ra cho nó”, và điều đó đã xảy ra.

Lời tiên tri: thời kỳ Makkah, những năm đầu sứ mạng (khoảng năm 610–613 CN); Ứng nghiệm: năm 15–21 H

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 192 (kendisinden sonra olacakları haber vermesi ve haber verdiği gibi çıkması)

## 2079. Người cho biết Bayt al-Maqdis (Jerusalem) sẽ được chinh phục

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người cho biết Bayt al-Maqdis (Jerusalem) sẽ được chinh phục.

Ứng nghiệm: năm 16 H (637 CN)

NGUỒN İbn Kesîr s.152; 1000 Mucize no.545 (s.564); web: Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 24. fasıl; Questions on Islam, "His Information related to the Future Turn out True"; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 188; Kütüb-i Sitte: Buhârî (Avf b. Mâlik; listedeki kaynağa göre)

## 2080. Người cho Ali biết sau Người, ông sẽ có một người con trai mang tên và biệt...

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người cho Ali biết sau Người, ông sẽ có một người con trai mang tên và biệt danh của Người (Muhammad bin al-Hanafiyyah).

Ứng nghiệm: năm 16–21 H

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.5 s.156; web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 226; c. 2, s. 462; ayrıca: İbnü'l-Cevzî, el-Vefâ, s. 103; Meclisî, Bihâru'l-envâr, c. 18, s. 112; Râvendî, el-Harâic, c. 1, s. 66; Kütüb-i Sitte: Ebû Dâvûd, Tirmizî (listedeki kaynağa göre)

---

## 2081. Người báo cho các sứ giả của Badhan: "Tôn giáo và quyền lực của ta sẽ vươn tới..."

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người báo cho các sứ giả của Badhan: "Tôn giáo và quyền lực của ta sẽ vươn tới nơi vương quốc của Kisra vươn tới, tới mọi nơi móng lạc đà và móng ngựa giẫm lên."

Lời tiên tri: năm 7 H (628 CN); Ứng nghiệm: năm 16–31 H

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 17, Kisrâ'ya mektup bâbı

---

## 2082. Người nói: "Một nhóm người Muslim sẽ chinh phục kho báu của Kisra trong Cung..."

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người nói: "Một nhóm người Muslim sẽ chinh phục kho báu của Kisra trong Cung Điện Trắng"; Jabir bin Samurah nói: "Tôi cũng ở trong số họ, phần của tôi là một nghìn dirham."

Lời tiên tri: thời kỳ Madinah; Ứng nghiệm: chinh phục al-Mada'in, năm 16 H (637 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 192 (kendisinden sonra olacakları haber vermesi ve haber verdiği gibi çıkması)

---

## 2083. Người nói: "Một người trong Ummah này sẽ vào Thiên Đàng khi còn sống"; Sharik...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người nói: "Một người trong Ummah này sẽ vào Thiên Đàng khi còn sống"; Sharik bin Hubashah an-Numayri xuống giếng Sulayman ở Bayt al-Maqdis để lấy cái gàu bị rơi, đã trở lên với một chiếc lá từ Thiên Đàng; Umar thuật lại hadith này và hỏi Ka'b.

Lời tiên tri: thời kỳ Madinah; Ứng nghiệm: thời Umar, khoảng năm 16–23 H, Jerusalem

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 224 (ümmetinden bir adamın dünyadayken cennete gireceğini haber vermesi)

---

## 2084. Người báo rằng Ngày Tận Thế sẽ không xảy ra cho đến khi người ta giao chiến với...

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người báo rằng Ngày Tận Thế sẽ không xảy ra cho đến khi người ta giao chiến với dân Khuz và Kirman trong số những người không phải Ả Rập, mặt đỏ, mũi tẹt, mắt nhỏ.

Lời tiên tri: thời kỳ Madinah; Ứng nghiệm: chinh phục Khuzistan và Kirman, năm 17–23 H (638–644 CN)

NGUỒN Buhârî, Menâkıb, Alâmâtü'n-nübüvve, no. 3590

---

## 2085. Người nói: "Dù masjid này của ta được mở rộng đến tận Sana'a, nó vẫn là masjid..."

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người nói: "Dù masjid này của ta được mở rộng đến tận Sana'a, nó vẫn là masjid của ta", ám chỉ rằng Masjid của Nabi sẽ được mở rộng trong tương lai.

Lời tiên tri: thời kỳ Madinah; Ứng nghiệm: các lần mở rộng thời Umar, Uthman và về sau (từ năm 17 H trở đi)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 322 (Mescidin inşası sırasında görülen âyetler bâbı)

---

## 2086. Người cho biết sau khi Jerusalem được chinh phục sẽ có một trận dịch (dịch hạch...)

**Sahih (Xác thực)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người cho biết sau khi Jerusalem được chinh phục sẽ có một trận dịch (dịch hạch Amwas) giết người "như bệnh dịch của đàn cừu".

Ứng nghiệm: năm 18 H (639 CN)

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.5 s.159; İbn Kesîr s.152; 19. Mektup listesi (183.txt) no.109; 1000 Mucize no.546 (s.564); web: Said Nursî, Mektubat, 19. Mektup, 6. İşaret; Kütüb-i Sitte: Buhârî (listedeki kaynağa göre)

---

## 2087. Người cho biết của cải sẽ nhiều đến mức dù cho ai 100 dinar, người ấy vẫn thấy ít

**Sahih (Xác thực)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người cho biết của cải sẽ nhiều đến mức dù cho ai 100 dinar, người ấy vẫn thấy ít.

Ứng nghiệm: năm 20–35 H (thời Uthman)

NGUỒN İbn Kesîr s.152; 1000 Mucize no.548 (s.564); Kütüb-i Sitte: Buhârî (listedeki kaynağa göre)

---

## 2088. Người nói: "Các ngươi sẽ chinh phục Ai Cập, xứ sở nơi đồng qirat được nhắc..."

**Sahih (Xác thực)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người nói: "Các ngươi sẽ chinh phục Ai Cập, xứ sở nơi đồng qirat được nhắc đến", và Ai Cập được chinh phục vào thời Umar.

Ứng nghiệm: năm 20 H (641 CN)

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.5 s.86; 1000 Mucize no.432 (s.424); web: Münkız es-Sakkār, Delâilü'n-nübüvve; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 188-189; ayrıca: İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî, s. 256; Meclisî, Bihâru'l-envâr, c. 18, s. 131, 144; İbn Şehrâşûb, Menâkıb, c. 1, s. 95; Kütüb-i Sitte: Müslim, Fezailu's-Sahabe 226, (2543) [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 5574, c./s. 15/420]

---

## 2089. Người cho biết trong các bà vợ, người đầu tiên đến với Người là người "có cánh..."

**Sahih (Xác thực)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người cho biết trong các bà vợ, người đầu tiên đến với Người là người "có cánh tay dài nhất (hào phóng nhất)"; Zaynab bint Jahsh là người qua đời đầu tiên.

Ứng nghiệm: năm 20 H (641 CN)

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.5 s.148; 1000 Mucize no.153 (s.134); web: A'zamî, el-Câmiu'l-Kâmil, Sîre, bâb 596; Heysemî, Mecmau'z-zevâid, K. Alâmâti'n-nübüvve, bâbü ihbârihî bi'l-muğayyebât, no 14069; Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 24. fasıl; Yaqeen Institute, "The Prophecies of Prophet Muhammad"; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 219; c. 2, s. 429; ayrıca: İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî, s. 271-272; Îcî–Cürcânî, Şerhu'l-Mevâkıf, c. 8, s. 283; Elshinawy, The Prophecies of Prophet Muhammad (Yaqeen); Meclisî, Bihâru'l-envâr, c. 18, s. 112, 142; Râvendî, el-Harâic, c. 1, s. 65; İbn Şehrâşûb, Menâkıb, c. 1, s. 122; al-shia.org (Farsça mucize listeleri); Kütüb-i Sitte: Buharî, Zekat 11; Nesaî, Zekat 59; Müslim, Fezailü's-Sahabe 101, (2452) [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 5582, c./s. 15/432; no. 5583, c./s. 15/432]

---

## 2090. Người nói về al-Bara' bin Malik: "Nếu ông ấy thề nhân danh Allah, Allah sẽ làm..."

**Sahih (Xác thực)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người nói về al-Bara' bin Malik: “Nếu ông ấy thề nhân danh Allah, Allah sẽ làm cho lời thề ấy thành sự thật”; lời thề của ông được đáp nhận ở Tustar và ông tử vì đạo.

Ứng nghiệm: năm 20 H (641 CN)

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.5 s.145; 1000 Mucize no.154 (s.135), no.842 (s.704); web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 218; Kütüb-i Sitte: Tirmizî, Menâkıb, (3853) [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 4468, c./s. 13/14]

---

## 2091. Người cho biết khi Ummah của Người đi đứng kênh kiệu và con gái Ba Tư, La Mã...

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người cho biết khi Ummah của Người đi đứng kênh kiệu và con gái Ba Tư, La Mã hầu hạ họ, những kẻ xấu trong họ sẽ chế ngự những người tốt.

Ứng nghiệm: sau năm 20 H

NGUỒN 19. Mektup listesi (183.txt) no.21, 90; 1000 Mucize no.630 (s.605), no.631 (s.606); web: Said Nursî, Mektubat, 19. Mektup, 6. İşaret; Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 24. fasıl; Questions on Islam, "His Information related to the Future Turn out True"; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 191; ayrıca: İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî, s. 377; Meclisî, Bihâru'l-envâr, c. 18, s. 145; Kütüb-i Sitte: Tirmizî, Fiten 64, (2262) [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 4783, c./s. 13/430]

---

## 2092. Khi Umar phi ngựa, đùi ông lộ ra; dân Najran thấy nốt ruồi đen ở đó liền nói...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Khi Umar phi ngựa, đùi ông lộ ra; dân Najran thấy nốt ruồi đen ở đó liền nói: “Đây là người được ghi trong kinh sách của chúng ta là sẽ đuổi chúng ta khỏi quê hương.”

Thời kỳ Madinah; Ứng nghiệm: thời Umar làm Khalifah (năm 20 H)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 53 (ashabının önceki kitaplarda anılması bâbı)

---

## 2093. Người báo rằng người Do Thái sẽ bị đuổi khỏi Khaybar; điều này xảy ra vào thời...

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người báo rằng người Do Thái sẽ bị đuổi khỏi Khaybar; điều này xảy ra vào thời Umar.

Lời tiên tri: năm 7 H; Ứng nghiệm: khoảng năm 20 H

NGUỒN Münkız es-Sakkār, Delâilü'n-nübüvve

---

## 2094. Người cho biết một bộ phận thân thể của Zayd bin Suhan sẽ vào Thiên Đàng trước...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người cho biết một bộ phận thân thể của Zayd bin Suhan sẽ vào Thiên Đàng trước ông; tay ông bị chém đứt ở Nahavand (hoặc Jalula), và ông tử vì đạo trong trận Lạc Đà.

Ứng nghiệm: năm 21 H và năm 36 H

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.5 s.197; 19. Mektup listesi (183.txt) no.115, 116; web: Said Nursî, Mektubat, 19. Mektup, 6. İşaret; Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 24. fasıl; Questions on Islam, "His Information related to the Future Turn out True"; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 238; ayrıca: İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî, s. 293; Meclisî, Bihâru'l-envâr, c. 18, s. 112, 131; Râvendî, el-Harâic, c. 1, s. 66; İbn Şehrâşûb, Menâkıb, c. 1, s. 95

## 2095. Khi báo trước cuộc chinh phục Ai Cập, Người nói với Abu Dharr: “Nếu ngươi thấy...”

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Khi báo trước cuộc chinh phục Ai Cập, Người nói với Abu Dharr: “Nếu ngươi thấy hai người ở đó tranh nhau chỗ đặt một viên gạch, hãy rời khỏi đó”; theo quyển sách, điều này cũng đã xảy ra đúng như vậy.

Lời tiên tri: thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ; Ứng nghiệm: sau khi chinh phục Ai Cập (sau năm 21 H / 642 CN)

NGUỒN 1000 Mucize no.433 (s.424); web: Yaqeen Institute, "The Prophecies of Prophet Muhammad"; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 188; ayrıca: İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî, s. 256; Elshinawy, The Prophecies of Prophet Muhammad (Yaqeen); Kütüb-i Sitte: Müslim, Fezailu's-Sahabe 226, (2543) [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 5574, c./s. 15/420]

## 2096. Người cho biết Umar là “cánh cửa khóa chặt” chống lại các thảm họa, chừng nào...

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người cho biết Umar là “cánh cửa khóa chặt” chống lại các thảm họa, chừng nào ông còn sống thì thảm họa sẽ không xảy ra, và cánh cửa ấy sẽ bị phá (ông sẽ tử vì đạo).

Ứng nghiệm: năm 23 H (644 CN)

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.5 s.163; İbn Kesîr s.150; 19. Mektup listesi (183.txt) no.94; 1000 Mucize no.440 (s.432); web: Buhârî, Menâkıb, Alâmâtü'n-nübüvve, no. 3586; Said Nursî, Mektubat, 19. Mektup, 6. İşaret; Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 24. fasıl; Questions on Islam, "His Information related to the Future Turn out True"; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 229; c. 2, s. 230; ayrıca: İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî, s. 274-275; Kütüb-i Sitte: Buharî, Mevakitu's-Salat 4, Zekat 23, Savm 3, Menakıb 25, Fiten 17; Müslim, Fiten 17, (144); Tirmizî, Fiten 71 [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 4766, c./s. 13/399-400]

## 2097. Thấy Umar mặc áo mới, Người nói: “Hãy mặc áo mới, sống trong sự ca ngợi và chết...”

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Thấy Umar mặc áo mới, Người nói: “Hãy mặc áo mới, sống trong sự ca ngợi và chết như người tử vì đạo”; Umar tử vì đạo trong lễ nguyện Fajr năm 23 H.

Lời tiên tri: thời kỳ Madinah; Ứng nghiệm: năm 23 H (644 CN)

NGUỒN Münkız es-Sakkār, Delâilü'n-nübüvve, "Çağdaşlarının ölüm şeklini haber vermesi"

## 2098. Người báo cho Uthman thời gian làm Khalifah của ông và việc ông sẽ tử vì đạo...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người báo cho Uthman thời gian làm Khalifah của ông và việc ông sẽ tử vì đạo khi đang nhịn chay: “Ngươi sẽ bị giết như người tử vì đạo, hãy kiên nhẫn; đừng cởi chiếc áo mà Allah sẽ mặc cho ngươi trong mười hai năm sáu tháng; hôm ấy hãy nhịn chay, ngươi sẽ xả chay bên ta” (do Hafsah và Anas thuật lại).

Lời tiên tri: thời kỳ Madinah; Ứng nghiệm: quyền Khalifah năm 23–35 H, tử vì đạo năm 35 H (656 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 208 (Hz. Osman'ın öldürüleceğini haber vermesi)

## 2099. Người nói: “Các ngươi sẽ đến chỗ một người thuộc cư dân Thiên Đàng khoác tấm...”

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người nói: “Các ngươi sẽ đến chỗ một người thuộc cư dân Thiên Đàng khoác tấm vải kẻ sọc, đang nhận lời thề trung thành của mọi người”; Abdullah bin Hawalah thấy Uthman đúng trong tình trạng ấy đang nhận lời thề trung thành.

Lời tiên tri: thời kỳ Madinah; Ứng nghiệm: năm 23–24 H (644 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 208 (Hz. Osman'ın öldürüleceğini haber vermesi)

---

## 2100. Điều Người nói về con cái của Uqbah bin Abi Mu'ayt đã ứng nghiệm (nơi al-Walid...)

**Hasan (Tốt)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Điều Người nói về con cái của Uqbah bin Abi Mu'ayt đã ứng nghiệm (nơi al-Walid bin Uqbah).

Ứng nghiệm: năm 25–30 H

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.5 s.176; web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 246; Kütüb-i Sitte: Ebu Davud, Cihad 128, (2686) [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 5978, c./s. 16/458]

---

## 2101. Người nói: “Người trong Ummah ta mà ta yêu quý nhất là những người đến sau ta...”

**Da'if (Yếu)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người nói: “Người trong Ummah ta mà ta yêu quý nhất là những người đến sau ta, tin ta mà không thấy ta, và làm theo những gì trong tờ giấy được treo (những trang đã viết)”; khi Uthman cho chép các bản Qur'an, Abu Hurairah nói: “Tôi vẫn tự hỏi đó là tờ giấy nào, thấy các bản Qur'an tôi mới hiểu”, rồi thuật lại hadith này, và Uthman tặng ông mười nghìn dirham (do Nubayt al-Ashja'i thuật lại).

Lời tiên tri: thời kỳ Madinah; Ứng nghiệm: nhân bản các bản Qur'an, khoảng năm 25–30 H (646–651 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 220 (mushafların yazılacağını haber vermesi)

---

## 2102. Trong cùng lời báo ấy, Người nói về Jundab: “Ông ấy sẽ chém một nhát gươm phân...”

**Da'if (Yếu)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Trong cùng lời báo ấy, Người nói về Jundab: “Ông ấy sẽ chém một nhát gươm phân định chân lý với điều giả dối”; Jundab đã giết tên phù thủy (biểu diễn trước mặt al-Walid bin Uqbah ở Kufa).

Lời tiên tri: thời kỳ Madinah; Ứng nghiệm: thời Uthman, khoảng năm 25–30 H (Kufa)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 238 (Zeyd b. Sûhân ve Cündeb'i haber vermesi)

---

## 2103. Người báo tin mừng cho Umm Haram rằng bà sẽ là một trong những người đầu tiên...

**Sahih (Xác thực)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người báo tin mừng cho Umm Haram rằng bà sẽ là một trong những người đầu tiên của Ummah Người ra trận trên biển; bà tham gia cuộc hành quân đến Síp và qua đời ở đó.

Ứng nghiệm: năm 27–28 H (648–649 CN)

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.5 s.233; İbn Kesîr s.163, 165; 19. Mektup listesi (183.txt) no.13, 83; 1000 Mucize no.467 (s.460), no.982 (s.796); web: Mişkâtü'l-Mesâbîh, Fezâil, alâmâtü'n-nübüvve, no. 5859; Münkız es-Sakkār, Delâilü'n-nübüvve, "Vefatından sonra gerçekleşen gayb haberleri"; Said Nursî, Mektubat, 19. Mektup, 6. İşaret; Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 24. fasıl; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 190;

ayrıca: İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî, s. 307-308; Elshinawy, The Prophecies of Prophet Muhammad (Yaqeen); Meclisî, Bihâru'l-envâr, c. 18, s. 132; İbn Şehrâşûb, Menâkıb, c. 1, s. 95; al-shia.org (Farsça mucize listeleri); Kütüb-i Sitte: Buhârî 2788-2789, 2924; Müslim 1912

## 2104. Người báo: "Tôn giáo này sẽ lan rộng, các biển sẽ được vượt qua, ngựa sẽ lao..."

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người báo: "Tôn giáo này sẽ lan rộng, các biển sẽ được vượt qua, ngựa sẽ lao xuống biển trên con đường của Allah; rồi sẽ đến những kẻ đọc Qur'an mà nói: 'Ai đọc hay hơn, hiểu biết hơn chúng ta?'; chúng là nhiên liệu của Lửa" (do Abbas bin Abdul Muttalib thuật lại).

Lời tiên tri: thời kỳ Madinah; Ứng nghiệm: các cuộc hành quân trên biển sau năm 28 H và các thế hệ sau

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 261 (kendisinden sonra olacak çeşitli hâlleri haber vermesi)

## 2105. Người nói với Abu Dharr: "Khi nhà cửa lan đến núi Sal', hãy rời khỏi Madinah"...

Hasan (Tốt) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người nói với Abu Dharr: "Khi nhà cửa lan đến núi Sal', hãy rời khỏi Madinah", và nói: "Một người trong các ngươi sẽ chết ở nơi hoang vắng, đám tang của người ấy sẽ có một nhóm tín đồ đến dự"; Abu Dharr qua đời ở ar-Rabadhah.

Ứng nghiệm: năm 30–32 H (651–652 CN)

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.5 s.180; 19. Mektup listesi (183.txt) no.12, 82; 1000 Mucize no.443 (s.435); web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 222; ayrıca: İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî, s. 281; İbnü'l-Cevzî, el-Vefâ, s. 320; Meclisî, Bihâru'l-envâr, c. 18, s. 112, 131

## 2106. Người cho biết sẽ có những nhà cầm quyền trì hoãn lễ nguyện quá giờ

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người cho biết sẽ có những nhà cầm quyền trì hoãn lễ nguyện quá giờ.

Ứng nghiệm: từ những năm 30 H trở đi

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.5 s.176; 1000 Mucize no.613 (s.598); web: Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 24. fasıl; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 242; Kütüb-i Sitte: Müslim 648

## 2107. Người nói: "Sau ta, các ngươi sẽ thấy sự thiên vị (atharah) và những việc các..."

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người nói: "Sau ta, các ngươi sẽ thấy sự thiên vị (atharah) và những việc các ngươi không ưa."

Ứng nghiệm: sau năm 30 H

NGUỒN İbn Kesîr s.170; web: Buhârî, Menâkıb, Alâmâtü'n-nübüvve, no. 3603; Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 24. fasıl; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 194; c. 2, s. 255; ayrıca: İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî, s. 245, 288; İbn Şehrâşûb, Menâkıb, c. 1, s. 96; Kütüb-i Sitte: Buhârî 3603, 7052; Müslim 1843

## 2108. Thấy Abu Dharr ngủ trong masjid, Người hỏi: "Ngươi sẽ thế nào khi bị đuổi khỏi..."

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Thấy Abu Dharr ngủ trong masjid, Người hỏi: "Ngươi sẽ thế nào khi bị đuổi khỏi đây?"; ông đáp: "Tôi sẽ ở Masjid al-Haram"; "Nếu ngươi cũng bị đuổi khỏi đó thì sao?", báo trước rằng ông sẽ bị lưu đày.

Lời tiên tri: thời kỳ Madinah; Ứng nghiệm: năm 30–32 H

NGUỒN Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 24. fasıl (gayb haberleri)

---

## 2109. Người hỏi Abu Dharr: "Ngươi sẽ thế nào khi sau ta có những nhà cầm quyền giành..."

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người hỏi Abu Dharr: "Ngươi sẽ thế nào khi sau ta có những nhà cầm quyền giành chiến lợi phẩm (fay') cho riêng mình?", rồi khuyên ông thay vì cầm gươm hãy kiên nhẫn cho đến khi gặp lại Người.

Lời tiên tri: thời kỳ Madinah; Ứng nghiệm: sau năm 30 H

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 222 (Ebû Zer'in hâlini haber vermesi)

---

## 2110. Người cho biết Abud-Darda' sẽ qua đời trước khi các thảm họa xảy ra

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người cho biết Abud-Darda' sẽ qua đời trước khi các thảm họa xảy ra.

Ứng nghiệm: năm 32 H (652 CN)

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.5 s.183; İbn Kesîr s.153; web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 231; ayrıca: İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî, s. 281-282

---

## 2111. Abu Dharr nói rằng Thiên Sứ của Allah ﷺ đã bảo đảm với ông: "Họ sẽ không giết..."

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Abu Dharr nói rằng Thiên Sứ của Allah ﷺ đã bảo đảm với ông: "Họ sẽ không giết được ngươi và không làm ngươi bỏ đạo được."

Lời tiên tri: thời kỳ Madinah; Ứng nghiệm: năm 32 H (652 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 222 (Ebû Zer'in hâlini haber vermesi)

---

## 2112. Giấc mơ Amir bin Rabi'ah thấy trước thảm họa và việc ông qua đời mà không vướng vào thảm họa

Hasan (Tốt) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Giấc mơ Amir bin Rabi'ah thấy trước thảm họa và việc ông qua đời mà không vướng vào thảm họa.

Ứng nghiệm: năm 35 H (656 CN)

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.5 s.183

---

## 2113. Người báo tin mừng Thiên Đàng cho Uthman "cùng với một tai họa sẽ giáng xuống..."

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người báo tin mừng Thiên Đàng cho Uthman "cùng với một tai họa sẽ giáng xuống ông" (giếng Aris), và cách ngồi của họ ám chỉ vị trí mộ của họ.

Ứng nghiệm: năm 35 H (656 CN)

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.5 s.165; İbn Kesîr s.153; 1000 Mucize no.446 (s.438); web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 206; ayrıca: İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî, s. 276-277; İbnü'l-Cevzî, el-Vefâ, s. 314; Elshinawy, The Prophecies of Prophet Muhammad (Yaqeen); al-shia.org (Farsça mucize listeleri); Kütüb-i Sitte: Buhârî 3693; Müslim 2403

## 2114. Người nói với Uthman: “Allah sẽ mặc cho ngươi một chiếc áo; nếu họ đòi ngươi...”

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người nói với Uthman: “Allah sẽ mặc cho ngươi một chiếc áo; nếu họ đòi ngươi cởi ra thì đừng cởi.”

Ứng nghiệm: năm 35 H (656 CN)

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.5 s.165; İbn Kesîr s.153; 1000 Mucize no.449 (s.443), no.450 (s.443); web: Münkız es-Sakkār, Delâilü'n-nübüvve; Said Nursî, Mektubat, 19. Mektup, 5. İşaret; Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 24. fasıl; Yaqeen Institute, "The Prophecies of Prophet Muhammad"; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 208; ayrıca: Elshinawy, The Prophecies of Prophet Muhammad (Yaqeen); Kütüb-i Sitte: Tirmizî 3705; İbn Mâce 112

## 2115. Người nói: “Ta thấy các thảm họa rơi xuống giữa nhà cửa các ngươi như mưa”; đó...

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người nói: “Ta thấy các thảm họa rơi xuống giữa nhà cửa các ngươi như mưa”; đó là những thảm họa trong những năm cuối thời Uthman và thời Ali.

Ứng nghiệm: năm 35–40 H (656–661 CN)

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.5 s.121, 185; İbn Kesîr s.156; 19. Mektup listesi (183.txt) no.16; web: Buhârî, Menâkıb, Alâmâtü'n-nübüvve, no. 3597; Münkız es-Sakkār, Delâilü'n-nübüvve, "Fitne haberleri"; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 146; ayrıca: İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî, s. 283; Kütüb-i Sitte: Buhârî, Fezailu'l-Medine 8, Mezalim 25, Menakıb 25, Fiten 4; Müslim, Fiten 9, (2885) [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 4781, c./s. 13/428]

## 2116. Người cho biết sẽ có một thảm họa đến mức không chừa ngôi nhà Ả Rập nào mà không vào

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người cho biết sẽ có một thảm họa đến mức không chừa ngôi nhà Ả Rập nào mà không vào.

Ứng nghiệm: sau năm 35 H

NGUỒN İbn Kesîr s.152; 1000 Mucize no.547 (s.564); Kütüb-i Sitte: Buhârî (Avf b. Mâlik)

## 2117. Người cho biết trong Ummah sẽ có nhiều bất đồng và khuyên hãy bám chặt Sunnah...

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người cho biết trong Ummah sẽ có nhiều bất đồng và khuyên hãy bám chặt Sunnah của Người và Sunnah của các Khalifah Chính Trực.

Ứng nghiệm: từ năm 35 H trở đi

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.5 s.333; web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 194; Kütüb-i Sitte: Ebû Dâvûd; Tirmizî; İbn Mâce (İrbâz b. Sâriye)

## 2118. Người cho biết Người đã xin ba điều cho Ummah, hai điều được ban (không bị diệt...)

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người cho biết Người đã xin ba điều cho Ummah, hai điều được ban (không bị diệt toàn bộ vì nạn đói và chết đuối), một điều không được ban (không giao chiến lẫn nhau).

Ứng nghiệm: từ năm 35 H trở đi

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.5 s.316; web: Yaqeen Institute, "The Prophecies of Prophet Muhammad"; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 369; ayrıca: Elshinawy, The Prophecies of Prophet Muhammad (Yaqeen); Kütüb-i Sitte: Müslim, Fiten 20, (2890) [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 4519, c./s. 13/80-81]

---

## 2119. Người nói: "Khi gươm đã đặt lên Ummah ta một lần, nó sẽ không được nhấc lên cho đến Ngày Tận Thế"

**Sahih (Xác thực)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người nói: "Khi gươm đã đặt lên Ummah ta một lần, nó sẽ không được nhấc lên cho đến Ngày Tận Thế."

Ứng nghiệm: từ năm 35 H trở đi

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.5 s.316; 1000 Mucize no.476 (s.466); web: Yaqeen Institute, "The Prophecies of Prophet Muhammad"; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 230; Kütüb-i Sitte: Müslim, İmaret 170, (1920); Ebu Davud, Fiten 1, (4252); Tirmizî, Fiten 32, (2203, 2220, 2230) [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 4779, c./s. 13/425-426]

---

## 2120. Trong một buổi họp có Abdurrahman bin Awf, Người báo rằng khi Ba Tư và La Mã...

**Sahih (Xác thực)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Trong một buổi họp có Abdurrahman bin Awf, Người báo rằng khi Ba Tư và La Mã được chinh phục, các Sahabah sẽ tranh đua vì của cải thế gian, rồi ganh tị và tranh chấp, nuôi lòng thù hận và giết hại lẫn nhau.

Lời tiên tri: thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ; Ứng nghiệm: cuối thời Uthman làm Khalifah (khoảng năm 35 H / 656 CN)

NGUỒN 1000 Mucize no.439 (s.431); Kütüb-i Sitte: Müslim, Zühd 7, (2962) [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 4784, c./s. 13/431]

---

## 2121. Người bảo Aisha gọi Uthman đến, cho ông ngồi bên cạnh và giao ước với ông, và...

**Sahih (Xác thực)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người bảo Aisha gọi Uthman đến, cho ông ngồi bên cạnh và giao ước với ông, và gương mặt Uthman tái đi; vào ngày bị vây hãm, Uthman không cho phép giao chiến, nói: "Thiên Sứ của Allah đã bắt tôi hứa, tôi sẽ kiên nhẫn"; trong lời thuật của Ka'b bin Ujrah, khi nhắc đến thảm họa lớn, Người nói về Uthman đi ngang qua với đầu phủ kín: "Vào ngày ấy, người này ở trên chân lý."

Lời tiên tri: thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ; Ứng nghiệm: Uthman bị vây hãm, năm 35 H (656 CN)

NGUỒN 1000 Mucize no.447 (s.441); web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 207; c. 2, s. 209; ayrıca: İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî, s. 278, 261; Kütüb-i Sitte: İbn Mâce 111 ; İbn Mâce 113 [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 6016, c./s. 16/507-508; no. 6017, c./s. 16/508-509]

---

## 2122. Người thề mà báo rằng Ngày Tận Thế sẽ không xảy ra cho đến khi người Muslim...

**Hasan (Tốt)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người thề mà báo rằng Ngày Tận Thế sẽ không xảy ra cho đến khi người Muslim giết Imam của mình, rút gươm chém nhau, và những kẻ xấu nhất thừa kế thế gian của họ.

Lời tiên tri: thời điểm không rõ; Ứng nghiệm: quyển sách không nêu niên đại (ngữ cảnh của chương: Uthman tử vì đạo, năm 35 H / 656 CN)

NGUỒN 1000 Mucize no.451 (s.444), no.742 (s.659); web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 209; ayrıca: İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî, s. 279; Kütüb-i Sitte: Tirmizî, Fiten 9, (2171) [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 5022, c./s. 14/313]

## 2123. Người báo rằng Uthman sẽ bị giết khi đang đọc Qur'an và máu ông sẽ nhỏ xuống...

Bịa đặt (Mawdu') CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người báo rằng Uthman sẽ bị giết khi đang đọc Qur'an và máu ông sẽ nhỏ xuống câu kinh “Fasayakfikahumullah” (chương al-Baqarah, câu 137).

Lời tiên tri: thời kỳ Madinah; Ứng nghiệm: năm 35 H (656 CN)

NGUỒN Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 24. fasıl (gayb haberleri)

## 2124. Một đêm Người thức dậy và nói: “Subhanallah! Đêm nay biết bao kho báu đã được...”

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Một đêm Người thức dậy và nói: “Subhanallah! Đêm nay biết bao kho báu đã được ban xuống, biết bao thảm họa đã được ban xuống! Hãy đánh thức những người trong các phòng”, báo trước những kho báu và những thảm họa sẽ mở ra cho Ummah (do Umm Salamah thuật lại).

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ; Ứng nghiệm: các cuộc chinh phục và các thảm họa sau năm 35 H

NGUỒN Buhârî, Menâkıb, Alâmâtü'n-nübüvve, no. 3599

## 2125. Người báo rằng sẽ có những thảm họa mà trong đó người ngồi tốt hơn người đứng...

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người báo rằng sẽ có những thảm họa mà trong đó người ngồi tốt hơn người đứng, người đứng tốt hơn người đi, người đi tốt hơn người chạy; ai lao vào đó sẽ diệt vong, ai tìm được nơi nương náu hãy nương náu.

Lời tiên tri: thời kỳ Madinah; Ứng nghiệm: năm 35–40 H (trận Lạc Đà, Siffin)

NGUỒN Buhârî, Menâkıb, Alâmâtü'n-nübüvve, no. 3601

## 2126. Trong giấc mơ, Người thấy cột trụ của Kinh Sách bị lấy đi từ dưới đầu Người và...

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Trong giấc mơ, Người thấy cột trụ của Kinh Sách bị lấy đi từ dưới đầu Người và mang đến Sham, rồi Người nói: “Khi các thảm họa xảy ra, đức tin ở Sham” (do Abud-Darda'; ngoài ra còn các lời thuật của Umar và Ibn Umar).

Lời tiên tri: thời kỳ Madinah; Ứng nghiệm: các thảm họa sau năm 35 H

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 198 (kendisinden sonra olacakları haber vermesi ve haber verdiği gibi çıkması)

## 2127. Câu nói: “Sau Uthman, Madinah sẽ không còn (là trung tâm của quyền Khalifah)...”

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Câu nói: “Sau Uthman, Madinah sẽ không còn (là trung tâm của quyền Khalifah), sau Mu'awiyah sẽ không còn yên ổn” (do Abud-Darda' thuật lại).

Lời tiên tri: thời điểm không rõ; Ứng nghiệm: năm 35 H và sau năm 60 H

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 198 (kendisinden sonra olacakları haber vermesi ve haber verdiği gibi çıkması)

## 2128. Người lần lượt sai Zayd bin Arqam đến gặp Abu Bakr, Umar và Uthman, báo tin...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người lần lượt sai Zayd bin Arqam đến gặp Abu Bakr, Umar và Uthman, báo tin mừng Thiên Đàng cho hai người đầu, còn với Uthman thì báo tin mừng Thiên Đàng "sau một tai họa khốc liệt".

Lời tiên tri: thời kỳ Madinah; Ứng nghiệm: năm 35 H (656 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 206 (Hz. Osman'ın öldürüleceğini haber vermesi)

## 2129. Về Uthman đi ngang qua, Người cho biết vị Thiên Thần bên cạnh Người nói: "Đây..."

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Về Uthman đi ngang qua, Người cho biết vị Thiên Thần bên cạnh Người nói: "Đây là người tử vì đạo, dân của ông ấy sẽ giết ông ấy; chúng tôi kính nể ông ấy" (do Zayd bin Thabit thuật lại).

Lời tiên tri: thời kỳ Madinah; Ứng nghiệm: năm 35 H (656 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 207 (Hz. Osman'ın öldürüleceğini haber vermesi)

## 2130. Người nói: "Sẽ có thảm họa và bất đồng", và với những người hỏi "Khi đó chúng..."

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người nói: "Sẽ có thảm họa và bất đồng", và với những người hỏi "Khi đó chúng tôi phải làm gì?", Người chỉ Uthman và nói: "Hãy bám lấy vị chỉ huy này và các bạn của ông ấy"; Abu Hurairah thuật lại điều này khi Uthman đang bị vây hãm.

Lời tiên tri: thời kỳ Madinah; Ứng nghiệm: năm 35 H (656 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 207 (Hz. Osman'ın öldürüleceğini haber vermesi)

## 2131. Người nói: "Ai thoát khỏi ba điều thì đã được cứu: cái chết của ta, việc giết..."

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người nói: "Ai thoát khỏi ba điều thì đã được cứu: cái chết của ta, việc giết hại một Khalifah kiên nhẫn trên chân lý và Dajjal", báo trước rằng một Khalifah sẽ bị giết oan (do Abdullah bin Hawalah thuật lại).

Lời tiên tri: thời kỳ Madinah; Ứng nghiệm: năm 35 H (656 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 208 (Hz. Osman'ın öldürüleceğini haber vermesi)

## 2132. Người báo: "Cối xay của Islam sẽ quay vào năm ba mươi lăm, ba mươi sáu hoặc ba..."

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người báo: "Cối xay của Islam sẽ quay vào năm ba mươi lăm, ba mươi sáu hoặc ba mươi bảy; nếu họ diệt vong thì đó là con đường của những kẻ đã diệt vong, nếu tôn giáo của họ đứng vững thì sẽ đứng vững bảy mươi năm" (do Ibn Mas'ud thuật lại).

Lời tiên tri: thời kỳ Madinah; Ứng nghiệm: năm 35–37 H (Uthman tử vì đạo, trận Lạc Đà, Siffin)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 208 (Hz. Osman'ın öldürüleceğini haber vermesi)

## 2133. Người nói: “Sẽ xuất hiện những người rời khỏi tôn giáo như mũi tên xuyên qua...”

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người nói: “Sẽ xuất hiện những người rời khỏi tôn giáo như mũi tên xuyên qua con mồi; Allah sẽ giết họ trên núi Lebanon”; Abdurrahman bin Udays, người thuật lại hadith này, đã cùng người Ai Cập tiến đánh Uthman, rồi bị giết trên núi Lebanon (al-Jalil).

Lời tiên tri: thời kỳ Madinah; Ứng nghiệm: năm 35–36 H (656 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 209 (Hz. Osman'ın öldürüleceğini haber vermesi)

## 2134. Người báo: “Các thảm họa sẽ ập xuống các ngươi như những mái che bóng; trong...”

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người báo: “Các thảm họa sẽ ập xuống các ngươi như những mái che bóng; trong các thảm họa ấy các ngươi sẽ biến thành những con rắn đen ngẩng đầu chém cổ lẫn nhau” (do Kurz bin Alqamah thuật lại).

Lời tiên tri: thời kỳ Madinah; Ứng nghiệm: sau năm 35 H

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 230 (fitnelerin Hz. Ömer'in ölümünden sonra başlayacağını haber vermesi)

## 2135. Người nói với Khalid bin Urfutah: “Sau ta sẽ có những biến cố, thảm họa và bất...”

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người nói với Khalid bin Urfutah: “Sau ta sẽ có những biến cố, thảm họa và bất đồng; nếu ngươi có thể, hãy là bề tôi bị giết chứ không phải bề tôi giết người của Allah.”

Lời tiên tri: thời kỳ Madinah; Ứng nghiệm: sau năm 35 H

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 230 (fitnelerin Hz. Ömer'in ölümünden sonra başlayacağını haber vermesi)

## 2136. Người nói: “Sẽ có một thảm họa; trong đó người được bình an nhất là đạo quân...”

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người nói: “Sẽ có một thảm họa; trong đó người được bình an nhất là đạo quân phía tây”; Amr bin al-Hamiq nói: “Vì thế tôi đã đến Ai Cập.”

Lời tiên tri: thời kỳ Madinah; Ứng nghiệm: các thảm họa sau năm 35 H

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 231 (fitnelerin Hz. Ömer'in ölümünden sonra başlayacağını haber vermesi)

## 2137. Người cho Imran bin Husayn biết sẽ có bốn thảm họa: trong cái thứ nhất máu được...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người cho Imran bin Husayn biết sẽ có bốn thảm họa: trong cái thứ nhất máu được coi là hợp lệ, trong cái thứ hai máu và tài sản, trong cái thứ ba máu, tài sản và danh dự (cái thứ tư là Dajjal).

Lời tiên tri: thời kỳ Madinah; Ứng nghiệm: sau năm 35 H

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 231 (fitnelerin Hz. Ömer'in ölümünden sonra başlayacağını haber vermesi)

## 2138. Người nói với Ali: “Sau ta ngươi sẽ chịu nhiều khó khăn”; Ali hỏi: “Tôn giáo...”

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người nói với Ali: “Sau ta ngươi sẽ chịu nhiều khó khăn”; Ali hỏi: “Tôn giáo của tôi có được an toàn không?”, Người đáp: “Có, tôn giáo của ngươi sẽ an toàn” (do Ibn Abbas thuật lại).

Lời tiên tri: thời kỳ Madinah; Ứng nghiệm: năm 35–40 H (656–661 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 235 (Sıffîn vakasını ve iki hakemi haber vermesi)

## 2139. Người báo: “Ummah ta sẽ không diệt vong cho đến khi giữa họ xuất hiện sự phân...”

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người báo: “Ummah ta sẽ không diệt vong cho đến khi giữa họ xuất hiện sự phân hóa (tamayuz), sự thiên lệch bè phái (tamayul) và các trận chiến giữa các thành phố (ma'ami')” (do Hudhayfah thuật lại).

Lời tiên tri: thời kỳ Madinah; Ứng nghiệm: sau năm 35 H

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 265 (kendisinden sonra olacak çeşitli hâlleri haber vermesi)

## 2140. Những gì Ummah của Người sẽ gặp sau Người và việc họ sẽ đổ máu lẫn nhau được...

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Những gì Ummah của Người sẽ gặp sau Người và việc họ sẽ đổ máu lẫn nhau được cho Người thấy; vì thế Người xin Thượng Đế quyền can thiệp cho họ vào Ngày Tận Thế, và lời cầu xin của Người được đáp nhận (do Umm Habibah thuật lại).

Lời tiên tri: thời kỳ Madinah; Ứng nghiệm: các thảm họa sau khi Người qua đời (năm 35 H và sau đó)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 386 (kıyamet gününe özgü hususiyetleri bâbları)

## 2141. Người báo cho một trong các bà vợ rằng những con chó ở al-Haw'ab sẽ sủa; Aisha...

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người báo cho một trong các bà vợ rằng những con chó ở al-Haw'ab sẽ sủa; Aisha đã gặp điều này trên đường đến trận Lạc Đà.

Ứng nghiệm: năm 36 H (656 CN)

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.5 s.190; İbn Kesîr s.156; 1000 Mucize no.453 (s.446); web: Münkız es-Sakkār, Delâilü'n-nübüvve; Heysemî, Mecmau'z-zevâid, K. Alâmâti'n-nübüvve, bâbü ihbârihî bi'l-muğayyebât, no 14070; Said Nursî, Mektubat, 19. Mektup, 5. İşaret; Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 24. fasıl; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 232; ayrıca: İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî, s. 289-290; Elshinawy, The Prophecies of Prophet Muhammad (Yaqeen); Meclisî, Bihâru'l-envâr, c. 18, s. 113, 123, 132, 142; Râvendî, el-Harâic, c. 1, s. 67; Tabersî, İ'lâmü'l-verâ, c. 1, s. 91; İbn Şehrâşûb, Menâkıb, c. 1, s. 95, 122

## 2142. Người nói với Zubayr: “Ngươi sẽ giao chiến với Ali một cách bất chính”; khi Ali...

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người nói với Zubayr: “Ngươi sẽ giao chiến với Ali một cách bất chính”; khi Ali nhắc lại, Zubayr rút khỏi trận Lạc Đà.

Ứng nghiệm: năm 36 H (656 CN)

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.5 s.194; 1000 Mucize no.455 (s.448); web: Said Nursî, Mektubat, 19. Mektup, 5. İşaret; Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 24. fasıl; Questions on Islam, "His Information related to the Future Turn out True"; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 233; ayrıca: İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî, s. 291-292; Meclisî, Bihâru'l-envâr, c. 18, s. 116, 123, 132; Tabersî, İ'lâmü'l-verâ, c. 1, s. 91; İbn Şehrâşûb, Menâkıb, c. 1, s. 95

---

## 2143. Người báo trước trận Lạc Đà: “Ai trong các ngươi sẽ là chủ của con lạc đà mà...”

**Sahih (Xác thực)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người báo trước trận Lạc Đà: “Ai trong các ngươi sẽ là chủ của con lạc đà mà quanh nó nhiều người bị giết, còn bản thân người ấy suýt bị giết mà thoát được?”

Lời tiên tri: thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ; Ứng nghiệm: trận Lạc Đà, năm 36 H (656 CN)

NGUỒN 1000 Mucize no.454 (s.447); web: Said Nursî, Mektubat, 19. Mektup, 5. İşaret; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 233; ayrıca: İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî, s. 290

---

## 2144. Người báo trước các trận Lạc Đà, Siffin và phái Khawarij (Harura'–Nahrawan) khi...

**Da'if (Yếu)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người báo trước các trận Lạc Đà, Siffin và phái Khawarij (Harura'–Nahrawan) khi nói với Ali: “Ngươi sẽ giao chiến với những kẻ phá lời thề (nakithin), những kẻ bất công (qasitin) và những kẻ rời bỏ tôn giáo (mariqin).”

Lời tiên tri: thời kỳ Madinah; Ứng nghiệm: năm 36–38 H (656–658 CN)

NGUỒN Said Nursî, Mektubat, 19. Mektup, 5. İşaret (s. 145)

---

## 2145. Người nói với Ali: “Giữa ngươi và Aisha sẽ có một việc; khi việc ấy xảy ra, hãy...”

**Hasan (Tốt)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người nói với Ali: “Giữa ngươi và Aisha sẽ có một việc; khi việc ấy xảy ra, hãy đưa bà ấy trở về nơi an toàn của bà ấy” (do Abu Rafi' thuật lại).

Ứng nghiệm: năm 36 H (656 CN)

NGUỒN Yaqeen Institute (M. Elshinawy), "The Prophecies of Prophet Muhammad"

---

## 2146. Vào ngày Lạc Đà, Talhah đang hấp hối đã tuyên thệ trung thành với Ali qua tay...

**Da'if (Yếu)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Vào ngày Lạc Đà, Talhah đang hấp hối đã tuyên thệ trung thành với Ali qua tay một binh sĩ của Ali; nghe tin, Ali nói: “Allahu Akbar! Thiên Sứ của Allah đã nói đúng: Allah sẽ không cho Talhah vào Thiên Đàng khi trên cổ ông ấy chưa có lời thề trung thành với ta” (do Thawr bin Majza'ah thuật lại).

Lời tiên tri: thời kỳ Madinah; Ứng nghiệm: trận Lạc Đà, năm 36 H (656 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 196 (kendisinden sonra olacakları haber vermesi ve haber verdiği gibi çıkması)

---

## 2147. Khi Người nhắc đến việc một trong các Mẹ của tín đồ sẽ ra đi (nổi dậy), Aisha...

**Da'if (Yếu)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Khi Người nhắc đến việc một trong các Mẹ của tín đồ sẽ ra đi (nổi dậy), Aisha cười; Người nói với bà: “Hãy cẩn thận, hỡi Humayra', mong rằng người đó không phải là em”, rồi quay sang Ali nói: “Nếu việc của bà ấy rơi vào tay

ngươi, hãy đối xử mềm mỏng với bà ấy" (do Umm Salamah thuật lại).

Lời tiên tri: thời kỳ Madinah; Ứng nghiệm: trận Lạc Đà, năm 36 H (656 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 232 (Cemel, Sıffîn ve Nehrevân vakalarını, Âişe ve Zübeyr'in Ali ile savaşını, iki hakemi haber vermesi)

---

## 2148. Hudhayfah (dù đã qua đời trước trận Lạc Đà) báo trước: "Một trong các Mẹ của..."

**Sahih (Xác thực)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Hudhayfah (dù đã qua đời trước trận Lạc Đà) báo trước: "Một trong các Mẹ của tín đồ sẽ cùng một đạo quân tiến đánh các người và giao chiến với các người bằng gươm."

Lời tiên tri: trước năm 36 H; Ứng nghiệm: trận Lạc Đà, năm 36 H (656 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 233 (Cemel, Sıffîn ve Nehrevân vakalarını, Âişe ve Zübeyr'in Ali ile savaşını, iki hakemi haber vermesi)

---

## 2149. Người báo: "Sẽ xuất hiện một nhóm người đi đến diệt vong, không được thành..."

**Da'if (Yếu)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người báo: "Sẽ xuất hiện một nhóm người đi đến diệt vong, không được thành công; đứng đầu họ là một người phụ nữ, nhưng người ấy ở trên Thiên Đàng" (do Abu Bakrah thuật lại).

Lời tiên tri: thời kỳ Madinah; Ứng nghiệm: trận Lạc Đà, năm 36 H (656 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 233 (Cemel, Sıffîn ve Nehrevân vakalarını, Âişe ve Zübeyr'in Ali ile savaşını, iki hakemi haber vermesi)

---

## 2150. Ám chỉ Ali, người ở lại phía sau để sửa chiếc giày bị đứt, Người nói: "Một..."

**Sahih (Xác thực)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Ám chỉ Ali, người ở lại phía sau để sửa chiếc giày bị đứt, Người nói: "Một người trong các ngươi sẽ chiến đấu vì sự giải thích (ta'wil) của Qur'an như ta đã chiến đấu vì sự mặc khải (tanzil) của nó"; Abu Bakr và Umar hỏi: "Có phải tôi không?", Người đáp: "Không, đó là người đang sửa giày" (do Abu Sa'id al-Khudri thuật lại).

Lời tiên tri: thời kỳ Madinah; Ứng nghiệm: năm 36–38 H (656–658 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 234 (Sıffîn vakasını ve iki hakemi haber vermesi)

---

## 2151. Người giao ước với Ali: "Sau ta, Ummah sẽ phản bội ngươi"

**Sahih (Xác thực)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người giao ước với Ali: "Sau ta, Ummah sẽ phản bội ngươi."

Lời tiên tri: thời kỳ Madinah; Ứng nghiệm: năm 36–40 H (656–661 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 235 (Sıffîn vakasını ve iki hakemi haber vermesi)

---

## 2152. Người nói với Ali: "Sẽ có những thảm họa, dẫn ngươi sẽ tranh chấp với ngươi"...

**Da'if (Yếu)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người nói với Ali: “Sẽ có những thảm họa, dân ngươi sẽ tranh chấp với ngươi”; khi ông hỏi: “Ngài ra lệnh gì cho tôi?”, Người nói: “Hãy phán xử bằng Kinh Sách.”

Lời tiên tri: thời kỳ Madinah; Ứng nghiệm: năm 36–38 H (656–658 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 235 (Sıffîn vakasını ve iki hakemi haber vermesi)

---

## 2153. Người nói: “Ta cảnh báo các ngươi về bảy thảm họa: thảm họa xuất hiện từ…”

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người nói: “Ta cảnh báo các ngươi về bảy thảm họa: thảm họa xuất hiện từ Madinah, từ Makkah, từ Yemen, từ Sham, từ phương đông, từ phương tây và từ giữa lòng Sham (as-Sufyani)”; Ibn Mas'ud nói: “Có người trong các ngươi sẽ gặp thảm họa đầu tiên, có người trong Ummah này sẽ gặp thảm họa cuối cùng”; al-Walid bin Ayyash giải thích thảm họa Madinah là Talhah–Zubayr, thảm họa Makkah là Ibn az-Zubayr, thảm họa Sham là triều Umayyah.

Lời tiên tri: thời kỳ Madinah; Ứng nghiệm: năm 36 H (trận Lạc Đà), năm 64–73 H (Ibn az-Zubayr), thời Umayyah và về sau

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 235 (Sıffîn vakasını ve iki hakemi haber vermesi)

---

## 2154. Người nói với Imran bin Husayn ad-Dabbi về Quraish: “Nếu ngươi sống lâu, ngươi…”

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người nói với Imran bin Husayn ad-Dabbi về Quraish: “Nếu ngươi sống lâu, ngươi sẽ thấy họ đẩy mọi người vào thảm họa, và mọi người qua lại giữa họ lúc bên này lúc bên kia”; khi về già, Imran thấy ở Basra người ta năm này chờ phép trước cửa Mu'awiyah, năm sau chờ trước cửa Ibn Abbas, và nhớ lại lời ấy.

Lời tiên tri: thời kỳ Madinah; Ứng nghiệm: năm 36–41 H (Basra)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 262 (kendisinden sonra olacak çeşitli hâlleri haber vermesi)

---

## 2155. Người cho biết hai nhóm Muslim lớn có cùng một lời kêu gọi sẽ giao chiến và…

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người cho biết hai nhóm Muslim lớn có cùng một lời kêu gọi sẽ giao chiến và nhiều người sẽ chết (Siffin).

Ứng nghiệm: năm 37 H (657 CN)

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.5 s.199; 19. Mektup listesi (183.txt) no.17, 92; 1000 Mucize no.600 (s.588); web: Buhârî, Menâkıb, Alâmâtü'n-nübüvve, no. 3608-3609; Münkız es-Sakkār, Delâilü'n-nübüvve; Said Nursî, Mektubat, 19. Mektup, 6. İşaret; Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 24. fasıl; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 234; ayrıca: İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî, s. 293; Kütüb-i Sitte: Buharî, Fiten 24, Menakıb 25, İstitabe 8; Müslim, İman 248, (157), Fiten 17, (157) [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 5021, c./s. 14/312]

---

## 2156. Người nói với Ammar, người đang khuân gạch khi xây masjid: “Nhóm người nổi loạn…”

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người nói với Ammar, người đang khuân gạch khi xây masjid: “Nhóm người nổi loạn (baghi) sẽ giết ngươi”; Ammar tử vì đạo ở Siffin.

Lời tiên tri: năm 1 H; Ứng nghiệm: năm 37 H (657 CN)

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.2 s.241; Beyhakî, Delâil c.5 s.200; İbn Kesîr s.158; 19. Mektup listesi (183.txt) no.93; 1000 Mucize no.456 (s.450); web: Mişkâtü'l-Mesâbîh, Fezâil, bâbün fi'l-mu'cizât, no. 5878; Münkız es-Sakkār, Delâilü'n-nübüvve; Said Nursî, Mektubat, 19. Mektup, 6. İşaret; Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 24. fasıl; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 239; ayrıca: İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî, s. 293-295; İbnü'l-Cevzî, el-Vefâ, s. 311; Elshinawy, The Prophecies of Prophet Muhammad (Yaqeen); Meclisî, Bihâru'l-envâr, c. 18, s. 113, 119, 123, 142; Râvendî, el-Harâic, c. 1, s. 68; Tabersî, İ'lâmü'l-verâ, c. 1, s. 91; İbn Şehrâşûb, Menâkıb, c. 1, s. 122; İbn Hamza et-Tûsî, es-Sâkıb, s. 105, hadis no. 97/6 sonrası; al-shia.org (Farsça mucize listeleri); ayrıca: N. İçel, Hz. Muhammed'in (sas) Mucizeleri -1 (2023), "Ammar b. Yâsir İle Alakalı Gaybî İhbar" (kitabın dipnotu: Ebu'l-Fidâ, Nihâye, c.3, s.217; Ahmed b. Hanbel, Müsned, c.3, s.91; İbn İshak-İbn Hişam, Sîre, c.2, s.142-143; Zehebî, Siyer, c:1, s:303; Semhûdi, Vefâu'l-vefâ, c:1, s:329); Kütüb-i Sitte: Buhârî, Salât 63, Cihad 17; Müslim 2915-2916 (satırdan) [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 4438, c./s. 12/506-507]

---

## 2157. Người cho biết về hai người trọng tài sẽ được chỉ định vào thời Ali

**Da'if (Yếu)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người cho biết về hai người trọng tài sẽ được chỉ định vào thời Ali.

Ứng nghiệm: năm 37–38 H (657–658 CN)

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.5 s.203; web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 234; ayrıca: İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî, s. 296-297

---

## 2158. Người cho biết về Ali, hai nhóm người sẽ diệt vong: nhóm yêu ông thái quá và...

**Da'if (Yếu)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người cho biết về Ali, hai nhóm người sẽ diệt vong: nhóm yêu ông thái quá và nhóm ghét ông thái quá.

Ứng nghiệm: sau năm 37 H

NGUỒN 19. Mektup listesi (183.txt) no.89; web: Said Nursî, Mektubat, 19. Mektup, 6. İşaret; Questions on Islam, "His Information related to the Future Turn out True"; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 251

---

## 2159. Người cho Ammar bin Yasir biết thứ cuối cùng ông uống ở thế gian sẽ là một ngụm...

**Sahih (Xác thực)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người cho Ammar bin Yasir biết thứ cuối cùng ông uống ở thế gian sẽ là một ngụm sữa; vào ngày Siffin, Ammar xin sữa, uống xong thì ra trận và tử vì đạo.

Lời tiên tri: thời điểm không rõ; Ứng nghiệm: năm 37 H (657 CN), Siffin

NGUỒN 1000 Mucize no.457 (s.451); web: Yaqeen Institute, "The Prophecies of Prophet Muhammad"; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 239; ayrıca: İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî, s. 294; Elshinawy, The Prophecies of Prophet Muhammad (Yaqeen); Râvendî, el-Harâic, c. 1, s. 124; Tabersî, İ'lâmü'l-verâ, c. 1, s. 91-92; İbn Hamza et-Tûsî, es-Sâkıb, s. 105, hadis no. 97/6 sonrası; ayrıca: N. İçel, Hz. Muhammed'in (sas) Mucizeleri -1 (2023), "Ammar b. Yâsir İle Alakalı Gaybî İhbar" (kitabın dipnotu: Ebu'l-Fidâ, Nihâye, c.3, s.217; Ahmed b. Hanbel, Müsned, c.3, s.91; İbn İshak-İbn Hişam, Sîre, c.2, s.142-143; Zehebî, Siyer, c:1, s:303; Semhûdi, Vefâu'l-vefâ, c:1, s:329)

---

## 2160. Người báo rằng vào thời cuối cùng sẽ xuất hiện một nhóm người tuổi trẻ, trí óc...

**Sahih (Xác thực)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người báo rằng vào thời cuối cùng sẽ xuất hiện một nhóm người tuổi trẻ, trí óc non kém, nói lời hay ho nhưng rời khỏi Islam như mũi tên rời khỏi cung, đức tin không vượt quá cổ họng họ.

Ứng nghiệm: thời Ali làm Khalifah, phái Khawarij xuất hiện (khoảng năm 37–38 H / 657–658 CN)

NGUỒN 1000 Mucize no.596 (s.584); web: Buhârî, Menâkıb, Alâmâtü'n-nübüvve, no. 3611; ayrıca: İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî, s. 299; Tabersî, İ'lâmü'l-verâ, c. 1, s. 92; Kütüb-i Sitte: Buhârî, Fezâilu'l-Kur'ân 36, Menakıb 25, İstitâbe 6; Müslim, Zekât 154, (1066); Ebu Davud,

Sünnet 31, (4767); Nesâî, Tahrîm 26 [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 4815, c./s. 13/492-493]

## 2161. Người cho biết Ali là "người phân chia Lửa" (qasim an-nar): những người thân...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người cho biết Ali là "người phân chia Lửa" (qasim an-nar): những người thân cận ông vào Thiên Đàng, kẻ thù ông vào Lửa; Qadi Iyad: những kẻ thù địch ông là phái Khawarij, phái Nasibi và nhóm người trong phái Rafidi, những người được gán cho ông, đã kết tội ông là ngoại đạo.

Lời tiên tri: thời kỳ Madinah; Ứng nghiệm: sau năm 37 H

NGUỒN Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 24. fasıl (gayb haberleri)

## 2162. Người nói: "Quraish đã nhắm vào Ammar; kẻ giết Ammar và kẻ cướp đồ của ông ấy ở..."

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người nói: "Quraish đã nhắm vào Ammar; kẻ giết Ammar và kẻ cướp đồ của ông ấy ở trong Lửa" (do Amr bin al-As thuật lại).

Lời tiên tri: thời kỳ Madinah; Ứng nghiệm: Siffin, năm 37 H (657 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 239 (Ammâr b. Yâsir'in öldürüleceğini haber vermesi)

## 2163. Người cho biết khi người Muslim chia làm hai, một nhóm rời khỏi tôn giáo sẽ...

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người cho biết khi người Muslim chia làm hai, một nhóm rời khỏi tôn giáo sẽ xuất hiện, và phe gần chân lý hơn sẽ giết họ (Nahrawan).

Ứng nghiệm: năm 38 H (658 CN)

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.5 s.204; 1000 Mucize no.458 (s.451); web: Yaqeen Institute, "The Prophecies of Prophet Muhammad"; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 250; ayrıca: İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî, s. 298; Elshinawy, The Prophecies of Prophet Muhammad (Yaqeen); Kütüb-i Sitte: Müslim, Zekat 150, (1065); Ebu Davud, Sünnet 13, (4467) [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 4782, c./s. 13/429]

## 2164. Người báo về dấu hiệu của phái Khawarij: một người da đen có một bắp tay như...

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người báo về dấu hiệu của phái Khawarij: một người da đen có một bắp tay như ngực phụ nữ hay như một miếng thịt rung rinh; Abu Sa'id al-Khudri làm chứng rằng khi Ali giao chiến với họ, người ta đi tìm và thấy người ấy đúng như mô tả.

Lời tiên tri: năm 8 H (630 CN); Ứng nghiệm: Nahrawan, năm 38 H (658 CN)

NGUỒN Buhârî, Menâkıb, Alâmâtü'n-nübüvve, no. 3610

## 2165. Người cho Ali biết ông sẽ bị đánh vào đầu và râu ông sẽ nhuộm máu (bởi "kẻ khốn...")

Hasan (Tốt) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người cho Ali biết ông sẽ bị đánh vào đầu và râu ông sẽ nhuộm máu (bởi "kẻ khốn khổ nhất trong loài người").

Ứng nghiệm: năm 40 H (661 CN)

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.5 s.220; İbn Kesîr s.161; 1000 Mucize no.459 (s.452); web: Münkız es-Sakkār, Delâilü'n-nübüvve; Said Nursî, Mektubat, 19. Mektup, 5. İşaret; Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 24. fasıl; Questions on Islam, "His Information related to the Future Turn out True"; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 196; c. 2, s. 210; ayrıca: İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî, s. 301, 301-302; İbnü'l-Cevzî, el-Vefâ, s. 319; Meclisî, Bihâru'l-envâr, c. 18, s. 119, 141; Râvendî, el-Harâic, c. 1, s. 122; İbn Şehrâşûb, Menâkıb, c. 1, s. 95, 121; İbn Hamza et-Tûsî, es-Sâkıb, s. 106, hadis no. 97/6 sonrası; ayrıca: N. İçel, Hz. Muhammed'in (sas) Mucizeleri -1 (2023), "Hz. Ali'ye Şehit Edileceğinin Haber Verilişi" (kitabın dipnotu: İbn İshak-İbn Hişam, Sîre, c:2, s:249-250; Ahmed b. Hanbel, Müsned, c:4, s:263)

---

## 2166. Người cho biết từ dòng dõi Qurayzah sẽ xuất hiện một người dạy Qur'an (Muhammad...)

**Da'if (Yếu)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người cho biết từ dòng dõi Qurayzah sẽ xuất hiện một người dạy Qur'an (Muhammad bin Ka'b al-Qurazi).

Ứng nghiệm: năm 40–108 H

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.5 s.289; 1000 Mucize no.486 (s.479); web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 227; ayrıca: İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî, s. 344

---

## 2167. Người nhiều lần báo trước: "Sau ta, Ahlul Bayt của ta sẽ bị giết hại và bị lưu..."

**Da'if (Yếu)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người nhiều lần báo trước: "Sau ta, Ahlul Bayt của ta sẽ bị giết hại và bị lưu đày (qatl và tashrid)", và điều đó đã xảy ra đúng như vậy.

Lời tiên tri: thời kỳ Madinah; Ứng nghiệm: sau năm 40 H (thời Umayyah–Abbasid)

NGUỒN Said Nursî, Mektubat, 19. Mektup, 5. İşaret (s. 146)

---

## 2168. Người báo: "Sau ta, Ahlul Bayt của ta sẽ gặp tai họa và bị lưu đày; cuối cùng..."

**Da'if (Yếu)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người báo: "Sau ta, Ahlul Bayt của ta sẽ gặp tai họa và bị lưu đày; cuối cùng một nhóm người mang cờ đen sẽ đến từ phương đông và trao việc cai quản cho một người trong Ahlul Bayt của ta, người ấy sẽ làm cho mặt đất tràn đầy công lý" (do Ibn Mas'ud thuật lại).

Lời tiên tri: thời kỳ Madinah; Ứng nghiệm: sau năm 40 H và năm 132 H

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 203 (Abbâsîlerin hilafetini haber vermesi)

---

## 2169. Khi Ali bị bệnh nặng và Abu Bakr cùng Umar sợ ông sẽ chết, Người nói: "Cậu ấy..."

**Da'if (Yếu)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Khi Ali bị bệnh nặng và Abu Bakr cùng Umar sợ ông sẽ chết, Người nói: "Cậu ấy sẽ không chết vì bệnh này; cậu ấy sẽ không chết khi chưa đầy phẫn uất, và chỉ chết vì bị giết" (do Anas thuật lại).

Lời tiên tri: thời kỳ Madinah; Ứng nghiệm: năm 40 H (661 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 211 (Hz. Ali'nin öldürüleceğini haber vermesi)

---

## 2170. Khi Umm al-Fadl chải đầu và kẻ chì mắt cho Người, nước mắt Người rơi xuống má...

**Da'if (Yếu)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Khi Umm al-Fadl chải đầu và kẻ chì mắt cho Người, nước mắt Người rơi xuống má; Umm al-Fadl nói: “Xin hãy để lại lời dặn cho chúng tôi”, Người nói: “Sau ta, các ngươi sẽ bị chèn ép, bị làm cho yếu thế (mustad'af)” (do Zayd bin Ali bin al-Husayn thuật lại).

Lời tiên tri: khoảng năm 11 H (632 CN); Ứng nghiệm: sau năm 40 H (thời Umayyah)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 229 (Ümmü'l-Fadl'a kendisinden sonra olacakları haber vermesi)

---

## 2171. Abdullah bin Salam nói với Ali khi ông đặt chân lên bàn đạp: “Đừng đi Iraq; nếu...”

**Sahih (Xác thực)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Abdullah bin Salam nói với Ali khi ông đặt chân lên bàn đạp: “Đừng đi Iraq; nếu ông đi, mũi gươm sẽ chạm vào ông ở đó”; Ali nói: “Thề bởi Allah, Thiên Sứ của Allah đã nói điều đó với tôi trước ông” (do Abul Aswad ad-Du'ali thuật lại).

Lời tiên tri: thời kỳ Madinah; Lời thuật: năm 36 H; Ứng nghiệm: Kufa, năm 40 H (661 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 235 (Sıffîn vakasını ve iki hakemi haber vermesi)

---

## 2172. Người cho biết các đặc điểm (người mẹ, dấu vết bệnh bạch biến) của Uways...

**Sahih (Xác thực)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người cho biết các đặc điểm (người mẹ, dấu vết bệnh bạch biến) của Uways al-Qarani, người tốt nhất trong thế hệ Tabi'in; Umar đã tìm thấy ông đúng như vậy.

Ứng nghiệm: khoảng năm 20 H (khoảng năm 641 CN)

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.5 s.150; 1000 Mucize no.483 (s.475); web: Münkız es-Sakkār, Delâilü'n-nübüvve; Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 24. fasıl; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 220; ayrıca: İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî, s. 272; İbn Şehrâşûb, Menâkıb, c. 1, s. 122; Kütüb-i Sitte: Müslim, Fezâilu's-Sahâbe 225, (2542) [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 4552, c./s. 13/118-119]

---

## 2173. Tám năm sau, Người dâng lễ nguyện cho những người tử vì đạo ở Uhud như lễ...

**Sahih (Xác thực)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Tám năm sau, Người dâng lễ nguyện cho những người tử vì đạo ở Uhud như lễ nguyện cho người chết, rồi nói trên bục giảng: “Lúc này ta đang nhìn Hồ nước của ta; ta đã được ban chìa khóa các kho báu trên mặt đất; ta không sợ các ngươi trở lại đa thần sau ta, mà sợ các ngươi tranh đua nhau vì thế gian” (do Uqbah bin Amir thuật lại).

Lời tiên tri: năm 11 H (632 CN), ít lâu trước khi Người qua đời; Ứng nghiệm: các cuộc chinh phục và cuộc tranh giành của cải sau đó

NGUỒN Buhârî, Menâkıb, Alâmâtü'n-nübüvve, no. 3596

---

## 2174. Khi đào hào gặp một tảng đá cứng, Người mỉm cười; khi được hỏi lý do, Người...

**Sahih (Xác thực)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Khi đào hào gặp một tảng đá cứng, Người mỉm cười; khi được hỏi lý do, Người nói: “Ta cười một nhóm người bị xích đưa đến từ phương đông, bị lùa vào Thiên Đàng dù không muốn”, báo trước rằng những tù binh sẽ theo Islam.

Lời tiên tri: Khandaq, năm 5 H; Ứng nghiệm: thời kỳ các cuộc chinh phục

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 379 (Hendek gazvesindeki âyetler)

## 2175. Với người than “nạn đói (dabu') đã ăn mòn chúng tôi”, Người nói: “Ta lo cho các...”

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Với người than “nạn đói (dabu') đã ăn mòn chúng tôi”, Người nói: “Ta lo cho các ngươi điều khác hơn nạn đói, đó là thế gian sẽ đổ ập lên các ngươi; ước gì Ummah ta không đeo vàng.”

Lời tiên tri: thời kỳ Madinah; Ứng nghiệm: sau các cuộc chinh phục

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 186 (Kendisinden sonra olacağını haber verip öylece gerçekleşen olaylara dair mucizeler)

## 2176. Người nói với Abud-Darda': “Nếu ngươi nghe ở một nơi có hai người tranh nhau...”

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người nói với Abud-Darda': “Nếu ngươi nghe ở một nơi có hai người tranh nhau một gang đất, hãy rời khỏi đó”; khi có hai người đem vụ tranh chấp một gang đất đến ông, Abud-Darda' nhớ lại lời ấy và di cư sang Sham.

Lời tiên tri: thời kỳ Madinah; Ứng nghiệm: thời Umar–Uthman

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 231 (fitnelerin Hz. Ömer'in ölümünden sonra başlayacağını haber vermesi)

## 2177. Người báo rằng Ummah của Người sẽ được làm chủ thế gian: “Thế gian ngọt ngào và...”

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người báo rằng Ummah của Người sẽ được làm chủ thế gian: “Thế gian ngọt ngào và xanh tươi; Allah sẽ cho các ngươi làm người kế nhiệm ở đó và xem các ngươi hành xử thế nào; hãy dè chừng thế gian và phụ nữ” (do Abu Sa'id thuật lại).

Lời tiên tri: thời kỳ Madinah; Ứng nghiệm: thời kỳ các cuộc chinh phục

NGUỒN İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî (el-Bidâye ve'n-Nihâye'den; thk. es-Seyyid İbrâhîm), tek cilt, s. 254 (Fasl fî tertîbi'l-ahbâr bi'l-guyûbi'l-müstakbele ba'deh)

## 2178. Người báo cho Abdullah bin Hawalah al-Azdi: “Sham, La Mã và Ba Tư sẽ được chinh...”

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người báo cho Abdullah bin Hawalah al-Azdi: “Sham, La Mã và Ba Tư sẽ được chinh phục cho các ngươi; đến mức một người trong các ngươi sẽ có chừng ấy lạc đà, chừng ấy bò, được cho một trăm dinar vẫn chê ít mà nổi giận.”

Lời tiên tri: thời kỳ Madinah; Ứng nghiệm: năm 13–21 H

NGUỒN İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî (el-Bidâye ve'n-Nihâye'den; thk. es-Seyyid İbrâhîm), tek cilt, s. 258, 260 (Fasl fî tertîbi'l-ahbâr bi'l-guyûbi'l-müstakbele ba'deh)

## 2179. Người bảo một người phụ nữ đến vì một việc hãy quay lại sau; bà nói: “Nếu tôi...”

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người bảo một người phụ nữ đến vì một việc hãy quay lại sau; bà nói: “Nếu tôi đến mà không gặp ngài thì sao?” (ý nói Người qua đời), Người nói: “Nếu không gặp ta, hãy đến gặp Abu Bakr.”

Lời tiên tri: thời kỳ Madinah; Ứng nghiệm: năm 11 H (632 CN)

NGUỒN İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî (el-Bidâye ve'n-Nihâye'den; thk. es-Seyyid İbrâhîm), tek cilt, s. 266 (Fasl fî tertîbi'l-ahbâr bi'l-guyûbi'l-müstakbele ba'deh)

---

## 2180. Người trả lời thư của Musaylimah, kẻ tự cho mình là đồng sự trong sứ mạng Nabi...

**Hasan (Tốt)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người trả lời thư của Musaylimah, kẻ tự cho mình là đồng sự trong sứ mạng Nabi: “Mặt đất thuộc về Allah, Ngài cho ai trong các bề tôi của Ngài mà Ngài muốn thừa kế nó; kết cục tốt đẹp thuộc về những người kính sợ”, và kết cục đã đúng như vậy (Musaylimah bị đánh bại trong các cuộc chiến Riddah).

Lời tiên tri: năm 10–11 H; Ứng nghiệm: năm 12 H (633 CN)

NGUỒN İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî (el-Bidâye ve'n-Nihâye'den; thk. es-Seyyid İbrâhîm), tek cilt, s. 269 (Fasl fî tertîbi'l-ahbâr bi'l-guyûbi'l-müstakbele ba'deh)

---

## 2181. Trong dịch hạch Amwas, Mu'adh bin Jabal thuật lại lời báo: “Tôi đã nghe Thiên...”

**Da'if (Yếu)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Trong dịch hạch Amwas, Mu'adh bin Jabal thuật lại lời báo: “Tôi đã nghe Thiên Sứ của Allah nói: dịch này là hồng ân của Thượng Đế các ngươi và là lời cầu xin của Nabi các ngươi; Allah sẽ cho các ngươi tử vì đạo nhờ nó và làm sạch việc làm của các ngươi”; khi ông xin phần của mình, ông bị nhiễm dịch ở ngón tay và qua đời cùng con trai.

Lời tiên tri: thời kỳ Madinah; Ứng nghiệm: dịch hạch Amwas, Sham, năm 18 H (639 CN)

NGUỒN İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî (el-Bidâye ve'n-Nihâye'den; thk. es-Seyyid İbrâhîm), s. 273-274 (bâb: gelecekteki gaybları haber vermesi; Beyhakî'nin Delâil'inden)

---

## 2182. Trong một buổi họp, khi kể về các thảm họa, Người nói: “Có ba thảm họa hầu như...”

**Sahih (Xác thực)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Trong một buổi họp, khi kể về các thảm họa, Người nói: “Có ba thảm họa hầu như không chừa lại thứ gì; một số như những cơn gió mùa hè, có cái nhỏ có cái lớn”; Hudhayfah nói ông là người hiểu rõ nhất về các thảm họa sẽ xảy ra đến Ngày Tận Thế; theo al-Bayhaqi, Hudhayfah mất ngay sau thảm họa đầu tiên (Uthman tử vì đạo), hai thảm họa còn lại xảy ra vào thời Ali.

Lời tiên tri: thời kỳ Madinah; Ứng nghiệm: năm 35–40 H (656–661 CN)

NGUỒN İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî (el-Bidâye ve'n-Nihâye'den; thk. es-Seyyid İbrâhîm), s. 283 (Hz. Osman'ın son günleri ile Hz. Ali'nin hilâfetindeki fitneleri haber vermesi)

---

## 2183. Zubayr bin al-Awwam nói rằng khi câu kinh “Hãy dè chừng một thảm họa không chỉ...”

**Hasan (Tốt)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Zubayr bin al-Awwam nói rằng khi câu kinh “Hãy dè chừng một thảm họa không chỉ giáng vào những kẻ bất công trong các ngươi” (chương al-Anfal, câu 25) được mặc khải, họ đã hỏi “Thảm họa này là gì?”, và cuối cùng nó đã giáng xuống chính họ; Zubayr bị giết ở Wadi as-Siba' khi rút lui từ trận Lạc Đà.

Lời tiên tri: thời kỳ Madinah (câu kinh được mặc khải); Ứng nghiệm: trận Lạc Đà, năm 36 H (656 CN)

NGUỒN İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî (el-Bidâye ve'n-Nihâye'den; thk. es-Seyyid İbrâhîm), s. 285 (Hz. Osman'ın son günleri ile Hz. Ali'nin hilâfetindeki fitneleri haber vermesi)

## 2184. Khi Người nhắc đến một thảm họa và nói nó rất lớn, các Sahabah nói: “Nếu chúng...”

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Khi Người nhắc đến một thảm họa và nói nó rất lớn, các Sahabah nói: “Nếu chúng tôi gặp nó, chúng tôi sẽ diệt vong”; Người nói: “Không, bị giết là đủ cho các ngươi rồi”; Sa'id bin Zayd nói: “Tôi đã thấy các anh em mình bị giết.”

Lời tiên tri: thời kỳ Madinah; Ứng nghiệm: năm 35–37 H (656–657 CN)

NGUỒN İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî (el-Bidâye ve'n-Nihâye'den; thk. es-Seyyid İbrâhîm), s. 285 (Hz. Osman'ın son günleri ile Hz. Ali'nin hilâfetindeki fitneleri haber vermesi)

## 2185. Người nói với Muhammad bin Maslamah: “Sẽ có thảm họa, chia rẽ và bất đồng; khi...”

Hasan (Tốt) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người nói với Muhammad bin Maslamah: “Sẽ có thảm họa, chia rẽ và bất đồng; khi đó hãy đập gãy gươm của ngươi vào núi Uhud (vào đá Harrah), bẻ gãy các mũi tên và ngồi yên trong nhà”; ông làm đúng như vậy và dùng một thanh gươm gỗ (do Abu Burdah và Mahmud bin Labid thuật lại).

Lời tiên tri: thời kỳ Madinah; Ứng nghiệm: năm 35–37 H (656–657 CN)

NGUỒN İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî (el-Bidâye ve'n-Nihâye'den; thk. es-Seyyid İbrâhîm), s. 286 (Hz. Osman'ın son günleri ile Hz. Ali'nin hilâfetindeki fitneleri haber vermesi)

## 2186. Khi được Ali gọi đến, Uhban bin Sayfi al-Ghifari đưa ra thanh gươm gỗ của mình...

Hasan (Tốt) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Khi được Ali gọi đến, Uhban bin Sayfi al-Ghifari đưa ra thanh gươm gỗ của mình và nói: “Người bạn của tôi, cũng là anh em họ của ông, đã cho tôi biết sẽ có thảm họa và bất đồng, và giao ước với tôi: ‘Hãy bẻ gãy gươm, dùng gươm gỗ, ngồi yên trong nhà’” (do con gái ông là Udaysah thuật lại).

Lời tiên tri: thời kỳ Madinah; Ứng nghiệm: Ali đến Basra, năm 36 H (656 CN)

NGUỒN İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî (el-Bidâye ve'n-Nihâye'den; thk. es-Seyyid İbrâhîm), s. 287 (Hz. Osman'ın son günleri ile Hz. Ali'nin hilâfetindeki fitneleri haber vermesi)

## 2187. Người nói: “Khi mọi người bất đồng, con trai của Sumayyah (Ammar) ở cùng chân...”

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người nói: “Khi mọi người bất đồng, con trai của Sumayyah (Ammar) ở cùng chân lý”; Ammar đứng trong hàng ngũ của Ali ở Siffin và bị người Sham giết (do Ibn Mas'ud thuật lại).

Lời tiên tri: thời kỳ Madinah; Ứng nghiệm: Siffin, năm 37 H (657 CN)

NGUỒN İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî (el-Bidâye ve'n-Nihâye'den; thk. es-Seyyid İbrâhîm), s. 294 (Hz. Osman'ın son günleri ile Hz. Ali'nin hilâfetindeki fitneleri haber vermesi)

## 2188. Chỉ về phía đông, Người báo rằng từ đó sẽ xuất hiện một nhóm người cạo trọc...

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Chỉ về phía đông, Người báo rằng từ đó sẽ xuất hiện một nhóm người cạo trọc đầu, đọc Qur'an bằng lưỡi mà nó không vượt qua cổ họng họ; dấu hiệu của họ là cạo đầu, và họ là "những tạo vật xấu xa nhất" (do Sahl bin Hunayf, Abu Dharr và Anas thuật lại).

Lời tiên tri: thời kỳ Madinah; Ứng nghiệm: phái Khawarij xuất hiện, năm 37–38 H (657–658 CN)

NGUỒN İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî (el-Bidâye ve'n-Nihâye'den; thk. es-Seyyid İbrâhîm), s. 299 (Hâricîleri ve onlarla savaşılacağını haber vermesi)

---

## 2189. Nhắc đến Dhuth-Thudayyah, Người nói: "Hắn là Shaytan của hố (shaytan...)"

**Sahih (Xác thực)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Nhắc đến Dhuth-Thudayyah, Người nói: "Hắn là Shaytan của hố (shaytan ar-radhah); một người thuộc Bajilah tên al-Ashhab (hoặc Ibn al-Ashhab) sẽ hạ hắn; hắn là dấu hiệu trong một nhóm người bất công"; Sa'd nói: "Ali bin Abi Talib (các Sahabah của ông) đã giết hắn" (do Sa'd bin Abi Waqqas thuật lại).

Lời tiên tri: thời kỳ Madinah; Ứng nghiệm: Nahrawan, năm 38 H (658 CN)

NGUỒN İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî (el-Bidâye ve'n-Nihâye'den; thk. es-Seyyid İbrâhîm), s. 300 (Hâricîleri ve onlarla savaşılacağını haber vermesi)

---

## 2190. Aisha nói: "Đạo quân Marwah (jaysh al-Marwah) và người Nahrawan đã bị nguyền..."

**Da'if (Yếu)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Aisha nói: "Đạo quân Marwah (jaysh al-Marwah) và người Nahrawan đã bị nguyền rủa qua lưỡi của Muhammad"; đạo quân Marwah được giải thích là những kẻ đã tiến đánh Uthman.

Lời tiên tri: thời kỳ Madinah; Ứng nghiệm: năm 35 H và năm 38 H

NGUỒN İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî (el-Bidâye ve'n-Nihâye'den; thk. es-Seyyid İbrâhîm), s. 300 (Hâricîleri ve onlarla savaşılacağını haber vermesi)

---

## 2191. Khi tin Buran, con gái Kisra, lên ngôi đến tai Người, Người nói: "Một dân tộc..."

**Sahih (Xác thực)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Khi tin Buran, con gái Kisra, lên ngôi đến tai Người, Người nói: "Một dân tộc giao việc của mình cho một người phụ nữ sẽ không thành công"; sau đó vương quốc Sasan tan rã, Yazdegerd chạy trốn và bị giết.

Lời tiên tri: năm 8–9 H (630 CN); Ứng nghiệm: năm 14–31 H (635–651 CN)

NGUỒN Râvendî, el-Harâic ve'l-cerâih, c. 1, s. 79 (fasl: önceki kitaplarda Hz. Peygamber'in anılması)

---

## 2192. Người nói với Zubayr, người đang đứng nói chuyện với Ali: "Ngươi nói gì với cậu..."

**Da'if (Yếu)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người nói với Zubayr, người đang đứng nói chuyện với Ali: "Ngươi nói gì với cậu ấy? Thề bởi Allah, trong người Ả Rập ngươi sẽ là người đầu tiên phá lời thề trung thành với cậu ấy" (từ Imam Muhammad al-Baqir, do Jabir al-Ju'fi thuật lại).

Lời tiên tri: thời kỳ Madinah; Ứng nghiệm: trận Lạc Đà, năm 36 H (656 CN)

NGUỒN Râvendî, el-Harâic ve'l-cerâih, c. 1, s. 97 (el-Bâbü'l-evvel fî mu'cizâti nebiyyinâ Muhammed)

## 2193. Khi hòa ước Hudaybiyah được viết, Suhayl bin Amr phản đối từ "Thiên Sứ của..."

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Khi hòa ước Hudaybiyah được viết, Suhayl bin Amr phản đối từ "Thiên Sứ của Allah"; Người nói với Ali: "Hãy viết điều hắn muốn; sau ta, ngươi cũng sẽ gặp điều tương tự"; điều này ứng nghiệm khi ở Siffin, Mu'awiyah và Amr bin al-As phản đối danh hiệu "vị chỉ huy của các tín đồ" (từ Ali, do Isa bin Abdullah al-Hashimi thuật lại).

Lời tiên tri: Hudaybiyah, năm 6 H (628 CN); Ứng nghiệm: cuộc phân xử ở Siffin, năm 37 H (657 CN)

NGUỒN Râvendî, el-Harâic ve'l-cerâih, c. 1, s. 116-117 (el-Bâbü'l-evvel fî mu'cizâti nebiyyinâ Muhammed)

## 2194. Theo lời thuật của Ubayy bin Ka'b, Người báo rằng Ummah của Người sẽ làm chủ...

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Theo lời thuật của Ubayy bin Ka'b, Người báo rằng Ummah của Người sẽ làm chủ mặt đất: "Hãy báo tin mừng cho Ummah này về vinh dự, sự cao quý, chiến thắng và quyền lực trên mặt đất; ai trong họ làm việc của Đời Sau vì thế gian thì sẽ không có phần ở Đời Sau" (trong chú giải chương at-Tawbah, câu 33).

Lời tiên tri: thời điểm không rõ; Ứng nghiệm: thời kỳ các cuộc chinh phục (sau năm 11 H)

NGUỒN Tabersî, İ'lâmü'l-verâ bi-a'lâmi'l-hüdâ, c. 1, s. 89 (2. bâb: gayb ve gelecek haberleri)

## 2195. Người nói: "Sau ta, đừng trở lại thành những kẻ vô đức tin chém cổ lẫn nhau"...

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người nói: "Sau ta, đừng trở lại thành những kẻ vô đức tin chém cổ lẫn nhau", ám chỉ rằng sau Người, Ummah sẽ giao chiến với nhau.

Lời tiên tri: Hajj Từ Biệt, năm 10 H (632 CN); Ứng nghiệm: các thảm họa sau năm 35 H

NGUỒN Tabersî, İ'lâmü'l-verâ bi-a'lâmi'l-hüdâ, c. 1, s. 90 (2. bâb: gayb ve gelecek haberleri)

## 2196. Người hỏi Abu Dharr, người vừa đi trong masjid vừa nói chuyện với Uthman...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người hỏi Abu Dharr, người vừa đi trong masjid vừa nói chuyện với Uthman: "Ngươi thì thầm gì với Uthman?", rồi nói: "Hãy biết rằng ông ấy sẽ ghét ngươi, và ngươi cũng sẽ ghét ông ấy; trong hai người, ai bất công sẽ ở trong Lửa"; khi Abu Dharr hỏi "Ai trong chúng tôi là kẻ bất công?", Người nói: "Hỡi Abu Dharr, hãy nói sự thật dù nó cay đắng; ngươi sẽ gặp ta khi vẫn giữ giao ước."

Lời tiên tri: thời kỳ Madinah; Ứng nghiệm: năm 30–32 H (Abu Dharr bị lưu đày đến ar-Rabadhah)

NGUỒN Râvendî, el-Harâic ve'l-cerâih, c. 2, s. 489-490 (14. bâb: fî a'lâmi'n-nebî ve'l-eimme)

## 2197. Người nói với Talhah: "Ngươi sẽ giao chiến với Ali một cách bất công"

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người nói với Talhah: "Ngươi sẽ giao chiến với Ali một cách bất công."

Lời tiên tri: thời kỳ Madinah; Ứng nghiệm: trận Lạc Đà, năm 36 H (656 CN)

NGUỒN İbn Şehrâşûb, Menâkıbü Âl-i Ebî Tâlib (Necef 1376/1956 baskısı), c. 1, s. 95 (fasl fî mu'cizât akvâlihî (gayb haberleri))

## 2198. Người nói với Salman al-Farisi: “Vương miện của Kisra sẽ được đội lên đầu...”

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người nói với Salman al-Farisi: “Vương miện của Kisra sẽ được đội lên đầu ngươi”, và khi chinh phục, vương miện được đội lên đầu ông.

Lời tiên tri: thời kỳ Madinah; Ứng nghiệm: năm 16 H (637 CN)

NGUỒN Meclisî, Bihâru'l-envâr, c. 18, s. 131 (Bâb 11: gaybî haberleri)

## 2199. Người viết văn bản ban vùng Bayt Aynun (Hebron) thuộc đất Sham chưa được chinh...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người viết văn bản ban vùng Bayt Aynun (Hebron) thuộc đất Sham chưa được chinh phục cho Tamim ad-Dari và bộ tộc ông, với điều kiện “khi Allah ban mặt đất cho ta” (báo trước cuộc chinh phục).

Lời tiên tri: năm 9 H; Ứng nghiệm: năm 15–16 H (636–637 CN)

NGUỒN Meclisî, Bihâru'l-envâr, c. 18, s. 135 (Bâb 11: gaybî haberleri)

## 2200. Người giải ngọn lửa mà Zurarah bin Amr trong phái đoàn an-Nakha' mơ thấy chắn...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người giải ngọn lửa mà Zurarah bin Amr trong phái đoàn an-Nakha' mơ thấy chắn giữa ông và con trai là một thảm họa sẽ xảy ra sau Người, khi việc đổ máu tín đồ còn ngọt hơn mật ong và nước, và nói: “Nếu ngươi chết, con ngươi sẽ thấy; nếu con ngươi chết trước, ngươi sẽ thấy”; theo lời xin của Zurarah, Người cầu xin: “Lạy Allah, xin đừng cho ông ấy thấy thảm họa ấy”; Zurarah qua đời trước con mình, còn con ông ở trong số những kẻ phế truất Uthman khỏi ngôi Khalifah.

Lời tiên tri: phái đoàn Nakha', Muharram năm 11 H (632 CN) (theo quyển sách); Ứng nghiệm: năm 35 H (656 CN)

NGUỒN N. İçel, Hz. Muhammed'in (sas) Mucizeleri -2 (2023), "Zürâre b. Amr'ın Gelirken Yolda Gördüğü Rüyayı Peygamberimiz Aleyhisselâma Anlatıp Yordurması" (kitabın dipnotu: İbn Hacer, el-İsâbe, c:1, s:548; Halebî, İnsanu'l-uyûn, c:3, s:279)

# 42 · Những lời báo của Người ứng nghiệm sau khi Người qua đời: thời Umayyah (năm 41–132 H)

## 2201. Người cho biết sau sứ mạng Nabi và quyền Khalifah sẽ đến những vương quyền "cắn..."

Hasan (Tốt) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người cho biết sau sứ mạng Nabi và quyền Khalifah sẽ đến những vương quyền "cắn xé" và "bạo ngược".

Ứng nghiệm: sau năm 41 H

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.5 s.114; web: Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 24. fasıl; Yaqeen Institute, "The Prophecies of Prophet Muhammad"; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 197; ayrıca: İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî, s. 264, 341; Elshinawy, The Prophecies of Prophet Muhammad (Yaqeen)

## 2202. Người nói về người cháu Hasan: "Đứa con này của ta là một bậc thủ lĩnh..."

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người nói về người cháu Hasan: "Đứa con này của ta là một bậc thủ lĩnh (sayyid); Allah sẽ dùng cháu để hòa giải hai nhóm lớn trong người Muslim."

Ứng nghiệm: năm 41 H (661 CN)

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.5 s.225; İbn Kesîr s.162; 1000 Mucize no.460 (s.453); web: Buhârî, Menâkıb, Alâmâtü'n-nübüvve, no. 3629; Münkız es-Sakkār, Delâilü'n-nübüvve; A'zamî, el-Câmiu'l-Kâmil, Sîre, bâb 598; Said Nursî, Mektubat, 19. Mektup, 5. İşaret; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 226; ayrıca: İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî, s. 303-304; İbnü'l-Cevzî, el-Vefâ, s. 313; Elshinawy, The Prophecies of Prophet Muhammad (Yaqeen); Meclisî, Bihâru'l-envâr, c. 18, s. 142; İbn Şehrâşûb, Menâkıb, c. 1, s. 122; al-shia.org (Farsça mucize listeleri); Kütüb-i Sitte: Buhârî, Sulh 9, Menâkıb 25, Fedailu'l-Ashâb 22, Fiten 20 [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 1746, c./s. 6/500-501]

## 2203. Người nói với Mu'awiyah: "Nếu ngươi nắm quyền, hãy kính sợ Allah và hãy công..."

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người nói với Mu'awiyah: "Nếu ngươi nắm quyền, hãy kính sợ Allah và hãy công bằng", ám chỉ vương quyền của ông.

Ứng nghiệm: năm 41–60 H

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.5 s.229; 1000 Mucize no.463 (s.456); web: Said Nursî, Mektubat, 19. Mektup, 5. İşaret; Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 24. fasıl; Questions on Islam, "His Information related to the Future Turn out True"; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 198; ayrıca: İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî, s. 305; İbn Hamza et-Tûsî, es-Sâkıb, s. 106, hadis no. 97/6 sonrası

## 2204. Trong giấc mơ, Người thấy con cháu Umayyah nhảy lên bục giảng của Người

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Trong giấc mơ, Người thấy con cháu Umayyah nhảy lên bục giảng của Người.

Ứng nghiệm: năm 41–132 H (661–750 CN)

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.5 s.298; 19. Mektup listesi (183.txt) no.20; 1000 Mucize no.988 (s.801); web: Questions on Islam, "His Information related to the Future Turn out True"; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 200 saltanatını haber vermesi); ayrıca: İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî, s. 349; İbn Hamza et-Tûsî, es-Sâkıb, s. 106, hadis no. 97/6 sonrası; Kütüb-i Sitte: Tirmizî

## 2205. Người báo trước triều Umayyah sẽ xuất hiện, phần lớn các vua của họ sẽ bất...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người báo trước triều Umayyah sẽ xuất hiện, phần lớn các vua của họ sẽ bất công, và trong số đó có Yazid và al-Walid.

Lời tiên tri: thời kỳ Madinah; Ứng nghiệm: năm 41–132 H (661–750 CN)

NGUỒN Said Nursî, Mektubat, 19. Mektup, 5. İşaret (s. 153)

## 2206. Người đặt tay lên đầu Abdullah bin Hawalah và báo: "Khi ngươi thấy quyền..."

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người đặt tay lên đầu Abdullah bin Hawalah và báo: "Khi ngươi thấy quyền Khalifah dời về Đất Thánh (Sham), thì động đất, tai họa và những biến cố lớn đã đến gần; hôm ấy Ngày Tận Thế gần với mọi người hơn cả bàn tay này của ta gần với đầu ngươi."

Lời tiên tri: thời kỳ Madinah; Ứng nghiệm: quyền Khalifah chuyển sang Sham, năm 41 H (661 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 198 (kendisinden sonra olacakları haber vermesi ve haber verdiği gibi çıkması)

## 2207. Người nói với Mu'awiyah: "Ngươi sẽ thế nào nếu Allah mặc cho ngươi một chiếc áo..."

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người nói với Mu'awiyah: "Ngươi sẽ thế nào nếu Allah mặc cho ngươi một chiếc áo (giao cho ngươi cai quản Ummah ta)?"; trước câu hỏi của Umm Habibah: "Allah sẽ ban điều này cho anh tôi sao?", Người nói: "Có, nhưng trong đó sẽ có một số khuyết điểm (hanat)" (do Aisha và Umm Habibah thuật lại).

Lời tiên tri: thời kỳ Madinah; Ứng nghiệm: năm 41–60 H (661–680 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 198 (kendisinden sonra olacakları haber vermesi ve haber verdiği gibi çıkması)

## 2208. Người buồn lòng khi mơ thấy con cháu Umayyah lần lượt đọc bài thuyết giảng trên...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người buồn lòng khi mơ thấy con cháu Umayyah lần lượt đọc bài thuyết giảng trên bục giảng của Người, và các chương al-Kawthar và al-Qadr được mặc khải; cụm từ "tốt hơn một nghìn tháng" được xem là ám chỉ vương quyền Umayyah, và theo tính toán của al-Qasim bin al-Fadl, vương quyền ấy kéo dài đúng một nghìn tháng (do al-Hasan bin Ali thuật lại).

Lời tiên tri: thời kỳ Madinah; Ứng nghiệm: năm 41–132 H (661–750 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 201 (Emevîlerin (Benî Ümeyye) saltanatını haber vermesi)

## 2209. Người nói với Mu'adh bin Jabal: "Hãy nhận quà tặng chừng nào nó còn là quà; khi..."

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người nói với Mu'adh bin Jabal: "Hãy nhận quà tặng chừng nào nó còn là quà; khi nó thành của hối lộ đổi lấy tôn giáo thì đừng nhận, nhưng vì nghèo khó và túng thiếu các ngươi sẽ không bỏ được. Cối xay của Islam đang quay; Kinh Sách và nhà cầm quyền sẽ tách rời nhau, các ngươi đừng rời Kinh Sách. Sẽ có những vị chỉ huy cai trị các

ngươi mà nếu các ngươi vâng lời thì họ làm các ngươi lầm lạc, nếu chống lại thì họ giết các ngươi", và Người khuyên họ hãy kiên nhẫn như các môn đồ của Isa.

Lời tiên tri: thời kỳ Madinah; Ứng nghiệm: sau năm 41 H

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 262 (kendisinden sonra olacak çeşitli hâlleri haber vermesi)

---

## 2210. Người báo: "Sau ta sẽ có những nhà cầm quyền mà trước cửa của họ các thảm họa..."

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người báo: "Sau ta sẽ có những nhà cầm quyền mà trước cửa của họ các thảm họa nằm phục như chỗ nằm của lạc đà; họ không cho ai chút gì của thế gian mà không lấy đi từ tôn giáo người ấy một phần tương đương" (do Abdullah bin al-Harith thuật lại).

Lời tiên tri: thời kỳ Madinah; Ứng nghiệm: sau năm 41 H

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 262 (kendisinden sonra olacak çeşitli hâlleri haber vermesi)

---

## 2211. Người báo: "Các quai nắm của Islam sẽ lần lượt bị tháo ra; mỗi khi một quai bị..."

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người báo: "Các quai nắm của Islam sẽ lần lượt bị tháo ra; mỗi khi một quai bị tháo, người ta bám vào quai sau đó; quai đầu tiên bị tháo là việc phán xử (cai trị bằng công lý), quai cuối cùng là lễ nguyện" (do Abu Umamah al-Bahili thuật lại).

Lời tiên tri: thời kỳ Madinah; Ứng nghiệm: từ năm 41 H trở đi

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 265 (kendisinden sonra olacak çeşitli hâlleri haber vermesi)

---

## 2212. Người hỏi Mu'awiyah ngồi sau lưng trên con vật cưỡi: "Phần nào của ngươi chạm..."

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người hỏi Mu'awiyah ngồi sau lưng trên con vật cưỡi: "Phần nào của ngươi chạm vào ta?", nghe đáp "Bụng tôi", Người cầu xin: "Lạy Allah, xin làm cho cậu ấy đầy kiến thức và sự điềm đạm"; Mu'awiyah nổi tiếng về sự điềm đạm (do Wahshi thuật lại).

Thời kỳ Madinah (năm 8–11 H); Ứng nghiệm: năm 41–60 H

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 293 (duaların kabulündeki mucizeler)

---

## 2213. Người cho biết Abdullah bin Salam là cư dân Thiên Đàng và sẽ giữ vững Islam cho...

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người cho biết Abdullah bin Salam là cư dân Thiên Đàng và sẽ giữ vững Islam cho đến khi chết (lời giải giấc mơ về cây cột và quai nắm).

Ứng nghiệm: năm 43 H (663 CN)

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.5 s.246, 360; İbn Kesîr s.148, 167; 1000 Mucize no.452 (s.444), no.989 (s.802); web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 221; c. 2, s. 301; ayrıca: İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî, s. 248-249, 315-316; Kütüb-i Sitte: Buharî, Menâkibu'l- Ensâr 19; Müslim, Fezâilu's-Sahabe 147, (2483) [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 4462, c./s. 13/8]

## 2214. Người nói: “Đạo quân đầu tiên tiến đánh thành phố của Caesar đã được tha thứ”...

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người nói: “Đạo quân đầu tiên tiến đánh thành phố của Caesar đã được tha thứ”; cuộc vây hãm Istanbul đầu tiên.

Ứng nghiệm: năm 49–52 H (669–672 CN)

NGUỒN İbn Kesîr s.165; 1000 Mucize no.466 (s.459); web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 190; ayrıca: İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî, s. 309; Elshinawy, The Prophecies of Prophet Muhammad (Yaqeen); Kütüb-i Sitte: Buhârî 2924

## 2215. Người cho biết trong Ummah của Người sẽ xuất hiện một người tên Silah bin Ashyam

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người cho biết trong Ummah của Người sẽ xuất hiện một người tên Silah bin Ashyam.

Ứng nghiệm: giữa thế kỷ 1 H

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.5 s.156; web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 226

## 2216. Người cho biết sẽ xuất hiện các phái như Qadariyyah (“những người Majus của...”)

Hasan (Tốt) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người cho biết sẽ xuất hiện các phái như Qadariyyah (“những người Majus của Ummah này”) và Rafidah.

Ứng nghiệm: cuối thế kỷ 1 H

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.5 s.340; 19. Mektup listesi (183.txt) no.88; 1000 Mucize no.564 (s.572); web: Said Nursî, Mektubat, 19. Mektup, 6. İşaret; Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 24. fasıl; Questions on Islam, "His Information related to the Future Turn out True"; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 251; Kütüb-i Sitte: Ebu Davud, Sünnet 17, (4691); Ebu Davud, Sünnet 17, (4692) [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 4847, c./s. 14/35; no. 4846, c./s. 14/34]

## 2217. Người cho biết những kẻ có lòng lệch lạc sẽ bỏ các câu kinh rõ nghĩa mà chạy...

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người cho biết những kẻ có lòng lệch lạc sẽ bỏ các câu kinh rõ nghĩa mà chạy theo các câu kinh mơ hồ.

Ứng nghiệm: từ thế kỷ 1 H trở đi

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.5 s.338; Kütüb-i Sitte: Buhârî, Müslim

## 2218. Người cho biết Iraq sẽ bị ngăn đồng dirham và đồ đong của mình, Sham và Ai Cập...

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người cho biết Iraq sẽ bị ngăn đồng dirham và đồ đong của mình, Sham và Ai Cập sẽ bị ngăn đồng dinar và đồ đong của mình.

Ứng nghiệm: từ cuối thế kỷ 1 H trở đi (theo cách giải thích)

NGUỒN 1000 Mucize no.559 (s.569); web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 189; ayrıca: İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî, s. 261; Kütüb-i Sitte: Müslim, Fiten 33, (2896); Ebu Davud, Harac 29, (3035) [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 4792, c./s. 13/443]

## 2219. Người cho biết sẽ có cuộc chiến với người Turk mắt nhỏ, mũi tẹt, mặt như cái...

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người cho biết sẽ có cuộc chiến với người Turk mắt nhỏ, mũi tẹt, mặt như cái khiên.

Ứng nghiệm: thế kỷ 1 H – năm 656 H (cuộc xâm lược của Mông Cổ)

NGUỒN İbn Kesîr s.172; 19. Mektup listesi (183.txt) no.111; 1000 Mucize no.492 (s.482); web: Buhârî, Menâkıb, Alâmâtü'n-nübüvve, no. 3587; Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 24. fasıl; Questions on Islam, "His Information related to the Future Turn out True"; ayrıca: İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî, s. 313-314, 312-313; İbnü'l-Cevzî, el-Vefâ, s. 315; Kütüb-i Sitte: Buharî, Cihad 95, 96, Menâkıb 25; Müslim, Fiten 62, (2912); Ebu Davud, Melahim 9, (4303, 4304); İbn Mâce 4099 [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 5017, c./s. 14/305; no. 7241]

## 2220. Người cho biết mặt đất đã được cuộn lại cho Người, Người đã thấy phương đông và...

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người cho biết mặt đất đã được cuộn lại cho Người, Người đã thấy phương đông và phương tây của nó, và vương quyền của Ummah Người sẽ vươn tới những nơi được cho Người thấy; vào thời các Sahabah, các cuộc chinh phục diễn ra ở châu Á, châu Phi và châu Âu, và sự thống trị của Ba Tư và La Mã chấm dứt.

Lời tiên tri: thời điểm không rõ; Ứng nghiệm: các cuộc chinh phục thời Sahabah (thế kỷ 1 H / thế kỷ 7 CN)

NGUỒN 1000 Mucize no.476 (s.466), no.496 (s.489); web: Said Nursî, Mektubat, 19. Mektup, 5. İşaret; Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 24. fasıl; Yaqeen Institute, "The Prophecies of Prophet Muhammad"; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 369; ayrıca: İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî, s. 237, 396; İbnü'l-Cevzî, el-Vefâ, s. 311; Elshinawy, The Prophecies of Prophet Muhammad (Yaqeen); Meclisî, Bihâru'l-envâr, c. 18, s. 136; İbn Şehrâşûb, Menâkıb, c. 1, s. 98; al-shia.org (Farsça mucize listeleri); Kütüb-i Sitte: Müslim, Fiten 19, (2889); Tirmizî, Fiten 14, (2177); Ebu Davud, Fiten 1, (4252) [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 5575, c./s. 15/422]

## 2221. Người báo: “Sau ta sẽ đến một nhóm người giành vương quyền bằng cách giết hại...”

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người báo: “Sau ta sẽ đến một nhóm người giành vương quyền bằng cách giết hại lẫn nhau” (do Ammar bin Yasir thuật lại).

Lời tiên tri: thời kỳ Madinah; Ứng nghiệm: thế kỷ 1 H và sau đó

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 205 (Abbâsîlerin hilafetini haber vermesi)

## 2222. Người báo: “Shaytan sẽ hét lên một tiếng ở Sham, và hai phần ba dân ở đó sẽ phủ...”

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người báo: “Shaytan sẽ hét lên một tiếng ở Sham, và hai phần ba dân ở đó sẽ phủ nhận định mệnh” (do Abu Hurairah thuật lại); phái Qadariyyah xuất hiện ở Sham.

Lời tiên tri: thời kỳ Madinah; Ứng nghiệm: cuối thế kỷ 1 – đầu thế kỷ 2 H (Ghaylan và phái Qadariyah)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 227 (Vehb, Kurazî, Gaylân ve Velîd'i haber vermesi)

## 2223. Amr bin al-Hamiq chạy trốn người của Mu'awiyah, nói với Rifa'ah bin Shaddad đi...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Amr bin al-Hamiq chạy trốn người của Mu'awiyah, nói với Rifa'ah bin Shaddad đi cùng: “Thiên Sứ của Allah đã báo cho tôi rằng cả loài Jinn và loài người sẽ cùng dự phần vào máu tôi”; ông chưa dứt lời thì bị một con rắn cắn,

rồi những kỵ sĩ đuổi kịp chặt đầu ông, và đó là thủ cấp đầu tiên trong Islam bị mang (từ nơi này đến nơi khác).

Lời tiên tri: thời kỳ Madinah; Ứng nghiệm: khoảng năm 50–51 H (670–671 CN), vùng Mosul

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 241 (Amr b. Hamık'ın öldürüleceğini haber vermesi)

---

## 2224. Người báo: "Việc của Ummah này sẽ còn ồn thỏa chừng nào họ chưa bàn về con cái..."

**Sahih (Xác thực)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người báo: "Việc của Ummah này sẽ còn ồn thỏa chừng nào họ chưa bàn về con cái (của kẻ đa thần) và về định mệnh"; "Lời bàn về định mệnh đã được để dành cho những kẻ xấu nhất của Ummah ta vào thời cuối cùng" (do Ibn Abbas, Abu Hurairah, Abu Musa thuật lại).

Lời tiên tri: thời kỳ Madinah; Ứng nghiệm: cuối thế kỷ 1 H và sau đó (các cuộc tranh luận về định mệnh)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 252 (Râfıza, Kaderiyye, Mürcie ve zındıkları haber vermesi)

---

## 2225. Người nói: "Ta lo cho Ummah ta ba điều: trông mưa nhờ các vì sao, sự bất công..."

**Hasan (Tốt)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người nói: "Ta lo cho Ummah ta ba điều: trông mưa nhờ các vì sao, sự bất công của nhà cầm quyền và việc phủ nhận định mệnh", báo trước sự xuất hiện của chúng (do Jabir bin Samurah, Anas, Abu Umamah thuật lại).

Lời tiên tri: thời kỳ Madinah; Ứng nghiệm: cuối thế kỷ 1 H và sau đó

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 263 (kendisinden sonra olacak çeşitli hâlleri haber vermesi)

---

## 2226. Người cho biết vợ Người là Maymunah sẽ không chết ở Makkah; bà qua đời ở Sarif...

**Sahih (Xác thực)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người cho biết vợ Người là Maymunah sẽ không chết ở Makkah; bà qua đời ở Sarif (nơi bà được cưới).

Ứng nghiệm: năm 51 H (theo một lời thuật là năm 38 H)

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.5 s.219; İbn Kesîr s.169; 1000 Mucize no.465 (s.458); web: Münkız es-Sakkār, Delâilü'n-nübüvve; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 252; ayrıca: İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî, s. 317

---

## 2227. Người cho biết một nhóm người sẽ bị giết oan ở vùng Adhra' thuộc Sham (Hujr bin...)

**Da'if (Yếu)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người cho biết một nhóm người sẽ bị giết oan ở vùng Adhra' thuộc Sham (Hujr bin Adi và các bạn).

Ứng nghiệm: năm 51 H (671 CN)

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.5 s.240; web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 240; ayrıca: Meclisî, Bihâru'l-envâr, c. 18, s. 124; Tabersî, İ'lâmü'l-verâ, c. 1, s. 92-93

---

## 2228. Ali nói với người Iraq: "Bảy người trong các người sẽ bị giết ở Adhra'; họ..."

**Da'if (Yếu)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Ali nói với người Iraq: "Bảy người trong các người sẽ bị giết ở Adhra'; họ giống như Những Người của Hào Lửa"; Hujr bin Adi và các bạn đã bị giết ở đó.

Lời tiên tri: năm 36–40 H; Ứng nghiệm: năm 51 H (671 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 241 (Azrâ'da haksız yere öldürülecekleri haber vermesi)

---

## 2229. Người nói với Qays bin Kharashah: “Không ai có thể làm hại ngươi”; Qays qua đời...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người nói với Qays bin Kharashah: “Không ai có thể làm hại ngươi”; Qays qua đời trước khi Ubaydullah bin Ziyad kịp tra tấn ông.

Ứng nghiệm: năm 55–65 H

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.5 s.263; 1000 Mucize no.872 (s.731); web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 254; ayrıca: İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî, s. 334

---

## 2230. Người nói với một nhóm Sahabah: “Người chết sau cùng trong các ngươi ở trong...”

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người nói với một nhóm Sahabah: “Người chết sau cùng trong các ngươi ở trong Lửa”; Samurah bin Jundab chết vì rơi vào nồi nước sôi.

Ứng nghiệm: năm 58–59 H (678–679 CN)

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.5 s.242; web: Heysemî, Mecmau'z-zevâid, K. Alâmâti'n-nübüvve, bâbü ihbârihî bi'l-muğayyebât, no 14077-14078; Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 24. fasıl; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 245; ayrıca: İbn Şehrâşûb, Menâkıb, c. 1, s. 95-96; İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî, s. 318-319; Meclisî, Bihâru'l-envâr, c. 18, s. 132

---

## 2231. Người nói: “Sự diệt vong của Ummah ta sẽ ở trong tay mấy chàng trai trẻ của...”

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người nói: “Sự diệt vong của Ummah ta sẽ ở trong tay mấy chàng trai trẻ của Quraish”; người ta cầu xin Allah che chở khỏi đầu năm sáu mươi.

Ứng nghiệm: sau năm 60 H (680 CN)

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.5 s.249; 1000 Mucize no.578 (s.577); web: Buhârî, Menâkıb, Alâmâtü'n-nübüvve, no. 3605; Said Nursî, Mektubat, 19. Mektup, 6. İşaret; Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 24. fasıl; Questions on Islam, "His Information related to the Future Turn out True"; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 236; ayrıca: İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî, s. 321, 322; Kütüb-i Sitte: Buhârî, Fiten 3, Menakıb 25 [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 4825, c./s. 13/513]

---

## 2232. Người cho biết Ibn Abbas về già sẽ mất thị lực và sẽ trở thành học giả

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người cho biết Ibn Abbas về già sẽ mất thị lực và sẽ trở thành học giả.

Ứng nghiệm: năm 60–68 H

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.5 s.265; 1000 Mucize no.481 (s.473); web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 247; ayrıca: İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî, s. 335; Meclisî, Bihâru'l-envâr, c. 18, s. 126; Tabersî, İ'lâmü'l-verâ, c. 1, s. 96

---

## 2233. Người cho Zayd bin Arqam biết ông sẽ khỏi bệnh, nhưng sẽ bị mù sau khi Người...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người cho Zayd bin Arqam biết ông sẽ khỏi bệnh, nhưng sẽ bị mù sau khi Người qua đời.

Ứng nghiệm: năm 60–68 H

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.5 s.266; 1000 Mucize no.265 (s.239), no.920 (s.757); web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 241; ayrıca: İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî, s. 335; Meclisî, Bihâru'l-envâr, c. 18, s. 126; Tabersî, İ'lâmü'l-verâ, c. 1, s. 97; Kütüb-i Sitte (kısmen): kısmen: Ebû Dâvûd 3102 (sunnah.com)

---

## 2234. Người báo rằng sau năm sáu mươi sẽ đến một thế hệ bỏ bê lễ nguyện và chạy theo...

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người báo rằng sau năm sáu mươi sẽ đến một thế hệ bỏ bê lễ nguyện và chạy theo dục vọng.

Lời tiên tri: thời điểm không rõ; Ứng nghiệm: sau năm 60 H (năm 680 CN và sau đó)

NGUỒN 1000 Mucize no.470 (s.463); web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 236; ayrıca: İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî, s. 322

---

## 2235. Người báo rằng sẽ đến một thế hệ đọc Qur'an mà nó không vượt quá cổ họng họ, và...

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người báo rằng sẽ đến một thế hệ đọc Qur'an mà nó không vượt quá cổ họng họ, và Qur'an sẽ được đọc bởi ba hạng người: tín đồ, kẻ giả tạo đức tin và kẻ tội lỗi.

Lời tiên tri: thời điểm không rõ; Ứng nghiệm: sau năm 60 H (năm 680 CN và sau đó)

NGUỒN 1000 Mucize no.471 (s.463)

---

## 2236. Người nói: "Bộ tộc này của Quraish sẽ làm loài người diệt vong; ước gì mọi..."

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người nói: "Bộ tộc này của Quraish sẽ làm loài người diệt vong; ước gì mọi người tránh xa họ."

Lời tiên tri: thời kỳ Madinah; Ứng nghiệm: sau năm 60 H (thời Umayyah)

NGUỒN Buhârî, Menâkıb, Alâmâtü'n-nübüvve, no. 3604

---

## 2237. Người nói với Ka'b bin Ujrah: "Cầu Allah bảo vệ ngươi khỏi quyền cai trị của..."

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người nói với Ka'b bin Ujrah: "Cầu Allah bảo vệ ngươi khỏi quyền cai trị của những kẻ ngu muội", rồi báo rằng sau Người sẽ có những vị chỉ huy không theo sự hướng dẫn của Người, không làm theo Sunnah của Người (do Jabir bin Abdullah thuật lại).

Lời tiên tri: thời kỳ Madinah; Ứng nghiệm: sau năm 60 H

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 194 (kendisinden sonra olacakları haber vermesi ve haber verdiği gibi çıkması)

---

## 2238. Người nói: "Một trong những kẻ bạo ngược của con cháu Umayyah sẽ chảy máu mũi..."

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người nói: "Một trong những kẻ bạo ngược của con cháu Umayyah sẽ chảy máu mũi trên bục giảng này của ta"; Amr bin Sa'id bin al-As bị chảy máu mũi trên bục giảng, máu chảy xuống các bậc của nó (do Abu Hurairah thuật

lại).

Lời tiên tri: thời kỳ Madinah; Ứng nghiệm: Amr bin Sa'id làm thống đốc Madinah, khoảng năm 60–61 H (680–681 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 201 (Emevîlerin (Benî Ümeyye) saltanatını haber vermesi)

---

## 2239. Ali, khi trở về từ Siffin, báo trước những gì sẽ xảy ra sau đó: "Đừng ghét bỏ..."

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Ali, khi trở về từ Siffin, báo trước những gì sẽ xảy ra sau đó: "Đừng ghét bỏ quyền cai trị của Mu'awiyah; nếu các người mất ông ấy, các người sẽ thấy những cái đầu rơi khỏi vai" (do ash-Sha'bi thuật lại).

Lời tiên tri: năm 37–38 H; Ứng nghiệm: sau năm 60 H

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 236 (Kureyş'ten birtakım gençleri ve altmış yılının başını haber vermesi)

---

## 2240. Người nêu tên mà báo trước: "Việc của Ummah ta sẽ còn đứng vững bằng công lý..."

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người nêu tên mà báo trước: "Việc của Ummah ta sẽ còn đứng vững bằng công lý, cho đến khi xuất hiện kẻ đầu tiên làm nó sứt mẻ, một người thuộc con cháu Umayyah tên là Yazid" (do Abu Dharr và Abu Ubaydah thuật lại).

Lời tiên tri: thời kỳ Madinah; Ứng nghiệm: năm 60–64 H (680–683 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 236 (Kureyş'ten birtakım gençleri ve altmış yılının başını haber vermesi)

---

## 2241. Khi kể với Mu'adh bin Jabal những thảm họa sẽ đến như những mảnh đêm tối, đến...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Khi kể với Mu'adh bin Jabal những thảm họa sẽ đến như những mảnh đêm tối, đến điều thứ năm Người nói: "Yazid; cầu Allah đừng ban phúc cho Yazid", mắt Người ứa lệ, và Người nói: "Ta đã được báo về cái chết của Husayn, đất của nơi ấy được mang đến cho ta, kẻ giết cháu cũng được báo cho ta"; đến al-Walid, Người nói: "Al-Walid; đó là tên của Fir'awn, hắn sẽ phá đổ luật đạo của Islam, máu hắn sẽ bị một người trong gia tộc hắn làm đổ."

Lời tiên tri: thời kỳ Madinah; Ứng nghiệm: năm 60–61 H (Yazid, Karbala), năm 125–126 H (al-Walid bin Yazid bị giết)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 237 (Kureyş'ten birtakım gençleri ve altmış yılının başını haber vermesi)

---

## 2242. Người báo: "Khốn cho người Ả Rập vì một điều xấu đang đến gần: vào đầu năm sáu..."

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người báo: "Khốn cho người Ả Rập vì một điều xấu đang đến gần: vào đầu năm sáu mươi, vật được giao giữ sẽ bị coi là chiến lợi phẩm, của bố thí bị coi là món nợ nặng nề, lời làm chứng tùy theo người quen, phán xử tùy theo dục vọng" (do Abu Hurairah thuật lại).

Lời tiên tri: thời kỳ Madinah; Ứng nghiệm: năm 60 H (680 CN) và sau đó

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 237 (Kureyş'ten birtakım gençleri ve altmış yılının başını haber vermesi)

## 2243. Người cho biết cháu Người là Husayn sẽ tử vì đạo bên bờ sông Euphrates...

Hasan (Tốt) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người cho biết cháu Người là Husayn sẽ tử vì đạo bên bờ sông Euphrates (Karbala); Jibril đã cho Người xem đất ở đó.

Ứng nghiệm: năm 61 H (680 CN)

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.5 s.253; İbn Kesîr s.171; 19. Mektup listesi (183.txt) no.18; 1000 Mucize no.469 (s.462); web: Münkız es-Sakkār, Delâilü'n-nübüvve; Said Nursî, Mektubat, 19. Mektup, 5. İşaret; Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 24. fasıl; Questions on Islam, "His Information related to the Future Turn out True"; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 212; c. 2, s. 213; c. 2, s. 214; ayrıca: İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî, s. 324-325, 325; Îcî–Cürcânî, Şerhu'l-Mevâkıf, c. 8, s. 283; Râvendî, el-Harâic, c. 1, s. 68; c. 3, s. 904; Tabersî, İ'lâmü'l-verâ, c. 1, s. 93; ayrıca: N. İçel, Hz. Muhammed'in (sas) Mucizeleri -1 (2023), "Hz. Ali'nin ve Hz. Hüseyin'in Kerbelâ'daki Hatıraları" (kitabın dipnotu: Ahmed b. Hanbel, Müsned, c:1, s:85; Dineveri, Kitâbu'l-ahbâr, s:251-253)

## 2244. Khi nhìn Husayn được Umm al-Fadl đặt vào lòng mình, mắt Người ứa lệ, và Người...

Hasan (Tốt) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Khi nhìn Husayn được Umm al-Fadl đặt vào lòng mình, mắt Người ứa lệ, và Người nói: “Jibril đến báo rằng Ummah ta sẽ giết đứa con này của ta, và mang cho ta đất đỏ của nơi ấy.”

Lời tiên tri: thời kỳ Madinah (năm 4–11 H); Ứng nghiệm: năm 61 H (680 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 212 (Hz. Hüseyin'in öldürüleceğini haber vermesi)

## 2245. Thiên Thần coi mưa xin phép đến thăm Người, về Husayn đang trèo lên vai Người...

Hasan (Tốt) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Thiên Thần coi mưa xin phép đến thăm Người, về Husayn đang trèo lên vai Người đã nói: “Ummah của ngài sẽ giết cậu bé; nếu ngài muốn, tôi sẽ chỉ cho ngài nơi cậu bé bị giết”, rồi mang đến đất đỏ; Umm Salamah cất giữ đất ấy, và người ta nghe rằng nơi đó là Karbala (do Anas thuật lại).

Lời tiên tri: thời kỳ Madinah (năm 4–11 H); Ứng nghiệm: năm 61 H (680 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 212 (Hz. Hüseyin'in öldürüleceğini haber vermesi)

## 2246. Người trao cho Umm Salamah nắm đất Jibril mang đến và nói: “Hãy cho nó vào một...”

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người trao cho Umm Salamah nắm đất Jibril mang đến và nói: “Hãy cho nó vào một cái lọ; khi nó biến thành máu, hãy biết rằng con ta đã bị giết” (do Umm Salamah thuật lại).

Lời tiên tri: thời kỳ Madinah (năm 4–11 H); Ứng nghiệm: năm 61 H (680 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 213 (Hz. Hüseyin'in öldürüleceğini haber vermesi)

## 2247. Người nói: “Ta như thấy một con chó khoang thò mõm vào máu của Ahlul Bayt ta”...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người nói: “Ta như thấy một con chó khoang thò mõm vào máu của Ahlul Bayt ta”; ở Karbala, khi thấy Shimr bin Dhil-Jawshan da loang lổ (bị bạch biến), Husayn nói: “Allah và Thiên Sứ của Ngài đã nói đúng” (do Muhammad

bin Amr bin al-Hasan thuật lại).

Lời tiên tri: thời kỳ Madinah; Ứng nghiệm: Karbala, năm 61 H (680 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 213 (Hz. Hüseyin'in öldürüleceğini haber vermesi)

---

## 2248. Người nói: "Đứa con này của ta sẽ bị giết ở nơi gọi là Karbala; ai trong các..."

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người nói: "Đứa con này của ta sẽ bị giết ở nơi gọi là Karbala; ai trong các ngươi có mặt ở đó hãy giúp đỡ nó"; nghe vậy, Anas bin al-Harith đến Karbala và tử vì đạo cùng Husayn.

Lời tiên tri: thời kỳ Madinah; Ứng nghiệm: Karbala, năm 61 H (680 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 213 (Hz. Hüseyin'in öldürüleceğini haber vermesi)

---

## 2249. Khi đến nơi sẽ là mộ của Husayn, Ali nói: "Đây là nơi lạc đà của họ sẽ quỳ..."

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Khi đến nơi sẽ là mộ của Husayn, Ali nói: "Đây là nơi lạc đà của họ sẽ quỳ xuống, hành lý của họ được đặt xuống và máu của họ sẽ đổ; những chàng trai trong gia đình Muhammad sẽ bị giết trên đồng bằng này, trời và đất sẽ khóc thương họ" (do al-Asbagh bin Nubatah thuật lại).

Lời tiên tri: năm 36–40 H; Ứng nghiệm: Karbala, năm 61 H (680 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 214 (Hz. Hüseyin'in öldürüleceğini haber vermesi)

---

## 2250. Allah mặc khải cho Người: "Ta đã giết bảy mươi nghìn người để đền cho Yahya bin..."

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Allah mặc khải cho Người: "Ta đã giết bảy mươi nghìn người để đền cho Yahya bin Zakariya; Ta sẽ giết bảy mươi nghìn và bảy mươi nghìn để đền cho con trai của con gái ngươi" (do Ibn Abbas thuật lại).

Lời tiên tri: thời kỳ Madinah; Ứng nghiệm: sau năm 61 H (cuộc báo thù của al-Mukhtar năm 66–67 H và sau đó)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 214 (Hz. Hüseyin'in öldürüleceğini haber vermesi)

---

## 2251. Người cho biết dân Madinah sẽ bị giết ở al-Harrah

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người cho biết dân Madinah sẽ bị giết ở al-Harrah.

Ứng nghiệm: năm 63 H (683 CN)

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.5 s.260; 1000 Mucize no.478 (s.468); web: Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 24. fasıl; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 240; ayrıca: İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî, s. 330-331; Meclisî, Bihâru'l-envâr, c. 18, s. 125; Tabersî, İ'lâmü'l-verâ, c. 1, s. 95-96; Kütüb-i Sitte: Ebu Davud, Fiten 2, (4261); İbnu Mace, Fiten 10, (3958) [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 4760, c./s. 13/369-370]

---

## 2252. Người cho biết khi con cháu al-Hakam bin Abi al-As đủ ba mươi người, họ sẽ...

Hasan (Tốt) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người cho biết khi con cháu al-Hakam bin Abi al-As đủ ba mươi người, họ sẽ chuyền tay nhau tài sản của Allah.

Ứng nghiệm: năm 64–132 H

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.5 s.296; web: Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 24. fasıl; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 200 saltanatını haber vermesi); ayrıca: İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî, s. 347-348; Meclisî, Bihâru'l-envâr, c. 18, s. 126-127; Tabersî, İ'lâmü'l-verâ, c. 1, s. 97-98

---

## 2253. Khi người ta xin Người cầu xin cho bé an-Nu'man bin Bashir, Người cho biết cậu...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Khi người ta xin Người cầu xin cho bé an-Nu'man bin Bashir, Người cho biết cậu sẽ sống vinh dự và tử vì đạo như cậu ruột là Abdullah bin Rawahah, sẽ đến Sham và bị một kẻ giả tạo đức tin người Sham giết; khi an-Nu'man làm thống đốc Homs, sau khi ad-Dahhak bin Qays bị giết, ông định chạy trốn thì bị dân Homs giết.

Lời tiên tri: thời kỳ Madinah; Ứng nghiệm: thời Marwan bin al-Hakam, khoảng năm 64–65 H (684 CN)

NGUỒN 1000 Mucize no.922 (PDF s.762); web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 243

---

## 2254. Người nói với Abdullah bin az-Zubayr: "Khốn cho mọi người vì ngươi, và khốn cho..."

Hasan (Tốt) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người nói với Abdullah bin az-Zubayr: "Khốn cho mọi người vì ngươi, và khốn cho ngươi vì mọi người."

Lời tiên tri: thời kỳ Madinah; Ứng nghiệm: năm 64–73 H

NGUỒN Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 24. fasıl (gayb haberleri)

---

## 2255. Về al-Hakam bin Abi al-As xin phép vào gặp, Người nói: "Hãy cho hắn vào; hắn là..."

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Về al-Hakam bin Abi al-As xin phép vào gặp, Người nói: "Hãy cho hắn vào; hắn là con rắn hoặc con của rắn. Nguyền rủa hắn và những kẻ sinh ra từ xương sống hắn, trừ những tín đồ trong số họ, mà họ thì ít. Ở thế gian họ được vinh hiển, ở Đời Sau họ bị hạ nhục" (do Amr bin Murrah al-Juhani thuật lại).

Lời tiên tri: thời kỳ Madinah; Ứng nghiệm: năm 64–132 H (dòng Marwan)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 201 (Emevîlerin (Benî Ümeyye) saltanatını haber vermesi)

---

## 2256. Người nói về al-Hakam bin Abi al-As: "Ta như thấy các con trai hắn lên xuống..."

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người nói về al-Hakam bin Abi al-As: "Ta như thấy các con trai hắn lên xuống bục giảng của ta" (mursal từ az-Zuhri và Ata' al-Khurasani).

Lời tiên tri: thời kỳ Madinah; Ứng nghiệm: năm 64–132 H (684–750 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 201 (Emevîlerin (Benî Ümeyye) saltanatını haber vermesi)

---

## 2257. Về al-Hakam bin Abi al-As đi ngang qua, Người nói: "Khốn cho Ummah ta vì những..."

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Về al-Hakam bin Abi al-As đi ngang qua, Người nói: "Khốn cho Ummah ta vì những kẻ sinh ra từ xương sống của người này" (do Jubayr bin Mut'im thuật lại).

Lời tiên tri: thời kỳ Madinah; Ứng nghiệm: năm 64–132 H (684–750 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 201 (Emevîlerin (Benî Ümeyye) saltanatını haber vermesi)

---

## 2258. Người nói: “Từ Thaqif sẽ xuất hiện một kẻ nói dối và một kẻ tàn sát (mubir)”...

**Sahih (Xác thực)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người nói: “Từ Thaqif sẽ xuất hiện một kẻ nói dối và một kẻ tàn sát (mubir)”; al-Mukhtar ath-Thaqafi và al-Hajjaj đã xuất hiện.

Ứng nghiệm: năm 66 H và năm 73–95 H

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.5 s.267, 273; 19. Mektup listesi (183.txt) no.14, 84; 1000 Mucize no.479-480 (s.470); web: Münkız es-Sakkār, Delâilü'n-nübüvve; Said Nursî, Mektubat, 19. Mektup, 6. İşaret; Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 24. fasıl; Yaqeen Institute, "The Prophecies of Prophet Muhammad"; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 225; ayrıca: İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî, s. 336-337; İbnü'l-Cevzî, el-Vefâ, s. 321; Elshinawy, The Prophecies of Prophet Muhammad (Yaqeen); Meclisî, Bihâru'l-envâr, c. 18, s. 142; İbn Şehrâşûb, Menâkıb, c. 1, s. 122; Kütüb-i Sitte: Tirmizî, Fiten 44, (2221); Müslim, Fezâilu's-Sahâbe 229, (2545) [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 4823, c./s. 13/511; no. 4821, c./s. 13/505-506]

---

## 2259. Nhờ phúc lành của lời cầu xin này, Sa'd nguyền rủa người Kufa (Abu Sa'dah) đã...

**Sahih (Xác thực)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Nhờ phúc lành của lời cầu xin này, Sa'd nguyền rủa người Kufa (Abu Sa'dah) đã tố ông với Umar rằng “ông ta không chia công bằng, không ra trận”: “Nếu hắn nói dối, xin hãy kéo dài tuổi thọ hắn, kéo dài cảnh nghèo của hắn (làm mù mắt hắn), và cho hắn gặp các thảm họa”; người ấy sống đến rất già và nghèo khổ, trêu ghẹo các nữ tỳ ngoài đường và nói: “Lời nguyền của Sa'd đã ứng nghiệm” (theo một lời thuật, ông bị mù và bị giết trong thảm họa al-Mukhtar).

Lời nguyền: năm 21 H (642 CN), Kufa; Ứng nghiệm: đến năm 66–67 H

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 280 (duaların kabulündeki mucizeler: Sa'd b. Ebî Vakkâs için duası)

---

## 2260. Về mũi tên còn trong ngực Rafi' bin Khadij, Người nói: “Vào Ngày Tận Thế ta sẽ...”

**Da'if (Yếu)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Về mũi tên còn trong ngực Rafi' bin Khadij, Người nói: “Vào Ngày Tận Thế ta sẽ làm chứng cho ngươi”; nhiều năm sau vết thương vỡ ra và ông tử vì đạo.

Ứng nghiệm: năm 73–74 H (693 CN)

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.5 s.248; web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 221; ayrıca: İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî, s. 320

---

## 2261. Người ám chỉ rằng al-Hajjaj sẽ giết Abdullah bin az-Zubayr

**Sahih (Xác thực)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người ám chỉ rằng al-Hajjaj sẽ giết Abdullah bin az-Zubayr.

Ứng nghiệm: năm 73 H (692 CN)

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.5 s.273; 19. Mektup listesi (183.txt) no.23; 1000 Mucize no.479-480 (s.470); web: Said Nursî, Mektubat, 19. Mektup, 5. İşaret; Questions on Islam, "His Information related to the Future Turn out True"; Kütüb-i Sitte: Müslim, Fezâilu's-Sahâbe 229, (2545); Tirmizî, Fiten 44, (2221) [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 4821, c./s. 13/505-506; no. 4823, c./s. 13/511]

## 2262. Khi biết người Iraq ném đá viên thống đốc của họ, Umar nổi giận và nguyền rủa...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Khi biết người Iraq ném đá viên thống đốc của họ, Umar nổi giận và nguyền rủa: “Lạy Allah, xin mau đưa chàng trai Thaqif đến với họ; hắn sẽ phán xử họ bằng luật của thời Jahiliyah”; lúc ấy al-Hajjaj còn chưa ra đời.

Lời cầu xin: thời Umar (năm 13–23 H); Ứng nghiệm: al-Hajjaj làm thống đốc Iraq, năm 75–95 H (694–714 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 225 (yalancıları ve deccalleri haber vermesi)

## 2263. Ali nguyền rủa người Kufa: “Lạy Allah, xin cho chàng trai Thaqif thống trị họ...”

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Ali nguyền rủa người Kufa: “Lạy Allah, xin cho chàng trai Thaqif thống trị họ; hắn sẽ ăn hết cỏ xanh của họ, mặc áo lông của họ, phán xử bằng luật của thời Jahiliyah”, mô tả hắn là “chàng trai kéo lê vạt áo, đi đứng nghênh ngang”, và nói với một người: “Ngươi sẽ không chết trước khi gặp chàng trai Thaqif”; al-Hajjaj đã đến (do al-Hasan, Malik bin Aws, Habib bin Abi Thabit thuật lại).

Lời cầu xin: năm 36–40 H; Ứng nghiệm: năm 75–95 H (694–714 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 225 (yalancıları ve deccalleri haber vermesi)

## 2264. Người nói: “Dù đức tin ở trên chòm sao Thất Tinh (Thurayya), những người con...”

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người nói: “Dù đức tin ở trên chòm sao Thất Tinh (Thurayya), những người con của Ba Tư cũng sẽ đạt tới nó” (được xem là ám chỉ Imam Abu Hanifah).

Ứng nghiệm: năm 80–150 H

NGUỒN 19. Mektup listesi (183.txt) no.86; web: Said Nursî, Mektubat, 19. Mektup, 6. İşaret; Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 24. fasıl; Questions on Islam, "His Information related to the Future Turn out True"; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 261; ayrıca: İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî, s. 263; Kütüb-i Sitte: Buharî, Tefsir, Cum'a 1; Müslim, Fezâilu's-Sahâbe (2546); Tirmizî, Menâkıb, (3229) [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 4549, c./s. 13/113]

## 2265. Người nói về Abdullah bin Busr: “Đứa trẻ này sẽ sống một thế kỷ”, và ông đã...

Hasan (Tốt) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người nói về Abdullah bin Busr: “Đứa trẻ này sẽ sống một thế kỷ”, và ông đã sống một trăm năm.

Ứng nghiệm: năm 88–96 H

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.5 s.293; 1000 Mucize no.276 (s.255), no.916 (s.756); ayrıca: İbn Şehrâşûb, Menâkıb, c. 1, s. 101; İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî, s. 345; Meclisî, Bihâru'l-envâr, c. 18, s. 39

## 2266. Về cũng đứa trẻ ấy, trên mặt có một chứng bệnh (mụn cóc), Người nói: “Nó sẽ...”

Hasan (Tốt) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Về cũng đứa trẻ ấy, trên mặt có một chứng bệnh (mụn cóc), Người nói: “Nó sẽ không chết trước khi cái này trên mặt nó biến mất”, và ông chỉ qua đời sau khi dấu vết ấy biến mất.

Lời tiên tri: thời kỳ Madinah; Ứng nghiệm: khoảng năm 88–96 H (707–715 CN)

NGUỒN 1000 Mucize no.917 (s.756)

## 2267. Người nói: “Người ta sẽ cưỡi lạc đà đến kiệt sức để tìm kiến thức, mà không tìm...”

**Hasan (Tốt)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người nói: “Người ta sẽ cưỡi lạc đà đến kiệt sức để tìm kiến thức, mà không tìm được ai uyên bác hơn học giả của Madinah” (được xem là ám chỉ Imam Malik).

Ứng nghiệm: năm 93–179 H

NGUỒN İbn Kesîr s.176; 1000 Mucize no.484 (s.478); ayrıca: İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî, s. 366; Kütüb-i Sitte: Tirmizî, İlim 18, (2682) [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 4560, c./s. 13/131]

## 2268. Người cho biết sẽ có cuộc chinh phạt Ấn Độ

**Sahih (Xác thực)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người cho biết sẽ có cuộc chinh phạt Ấn Độ.

Ứng nghiệm: năm 93 H (712 CN) và sau đó

NGUỒN İbn Kesîr s.166; 1000 Mucize no.468 (s.461); ayrıca: İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî, s. 311, 311-312; Kütüb-i Sitte: Nesâî

## 2269. Người cho biết sau điều tốt sẽ có điều xấu, sau đó sẽ có một điều tốt “có khói”...

**Sahih (Xác thực)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người cho biết sau điều tốt sẽ có điều xấu, sau đó sẽ có một điều tốt “có khói” (được xem là ám chỉ sự công bằng của Umar bin Abd al-Aziz).

Ứng nghiệm: năm 99–101 H (717–720 CN)

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.5 s.280; 1000 Mucize no.602 (s.590); web: Buhârî, Menâkıb, Alâmâtü'n-nübüvve, no. 3606; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 259; ayrıca: İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî, s. 253, 341; Kütüb-i Sitte: Buharî, Fiten 11, Menakıb 25; Müslim, İmaret 51, (1847); Ebu Davud, Fiten 1, (4244-4247) [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 4788, c./s. 13/435-436]

## 2270. Umar nói: “Từ dòng dõi ta sẽ xuất hiện một người có vết sẹo (shayn) trên mặt...”

**Da'if (Yếu)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Umar nói: “Từ dòng dõi ta sẽ xuất hiện một người có vết sẹo (shayn) trên mặt, sẽ làm cho mặt đất tràn đầy công lý”; Ibn Umar cứ lặp lại: “Ước gì tôi biết đó là ai”; điều này ứng nghiệm nơi Umar bin Abd al-Aziz, người có mẹ là con gái của Asim bin Umar.

Lời tiên tri: thời Umar (năm 13–23 H); Ứng nghiệm: năm 99–101 H (717–720 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 199 (Ömer b. Abdülazîz'in hilafetini haber vermesi)

## 2271. Ali nói: “Đừng nguyền rủa con cháu Umayyah; trong số họ có một vị chỉ huy đức...”

**Da'if (Yếu)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Ali nói: “Đừng nguyền rủa con cháu Umayyah; trong số họ có một vị chỉ huy đức hạnh”, ám chỉ Umar bin Abd al-Aziz.

Lời tiên tri: năm 35–40 H; Ứng nghiệm: năm 99–101 H (717–720 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 200 (Ömer b. Abdülazîz'in hilafetini haber vermesi)

## 2272. Khi Umar bin Abd al-Aziz còn chưa làm Khalifah, Sa'id bin al-Musayyab đã báo...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Khi Umar bin Abd al-Aziz còn chưa làm Khalifah, Sa'id bin al-Musayyab đã báo trước quyền Khalifah của ông: "Các Khalifah là Abu Bakr và hai vị Umar; vị Umar kia các người sẽ sớm biết."

Lời tiên tri: trước năm 94 H; Ứng nghiệm: năm 99 H (717 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 200 (Ömer b. Abdülazîz'in hilafetini haber vermesi)

## 2273. Người cho biết Wahb bin Munabbih và Ghaylan al-Qadari sẽ xuất hiện

Bịa đặt (Mawdu') CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người cho biết Wahb bin Munabbih và Ghaylan al-Qadari sẽ xuất hiện.

Ứng nghiệm: năm 100–125 H

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.5 s.288; web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 227; ayrıca: İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî, s. 343

## 2274. Người cho biết Allah sẽ cử cho Ummah này vào đầu mỗi thế kỷ một người phục hưng...

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người cho biết Allah sẽ cử cho Ummah này vào đầu mỗi thế kỷ một người phục hưng (mujaddid) làm mới tôn giáo của họ; quyển sách nêu Umar bin Abd al-Aziz cho thế kỷ thứ nhất và Imam ash-Shafi'i cho thế kỷ thứ hai.

Lời tiên tri: thời điểm không rõ; Ứng nghiệm: đầu mỗi thế kỷ Hijri (trường hợp đầu tiên khoảng năm 100 H / 718 CN)

NGUỒN 1000 Mucize no.487 (s.479); web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 258; ayrıca: İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî, s. 342, 378; Kütüb-i Sitte: Ebû Dâvûd

## 2275. Người nói: "Một trăm năm sau, không ai trong những người đang sống trên mặt đất..."

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người nói: "Một trăm năm sau, không ai trong những người đang sống trên mặt đất hôm nay còn lại"; vị Sahabah cuối cùng qua đời vào năm 100–110 H.

Ứng nghiệm: năm 110 H (728 CN)

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.5 s.291; İbn Kesîr s.174; 1000 Mucize no.482 (s.474); ayrıca: İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî, s. 345; Kütüb-i Sitte: Müslim, Fezâilu's-Sahabe 218, (2538); Tirmizî, Fiten 64, (2251) [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 5029, c./s. 14/320]

## 2276. Người cho biết từ Ummah của Người sẽ xuất hiện một kẻ tên al-Walid, còn tai hại hơn Fir'awn

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người cho biết từ Ummah của Người sẽ xuất hiện một kẻ tên al-Walid, còn tai hại hơn Fir'awn.

Ứng nghiệm: năm 125–126 H (743–744 CN)

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.5 s.295; 19. Mektup listesi (183.txt) no.112; 1000 Mucize no.475 (s.465); web: Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 24. fasıl; ayrıca: İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî, s. 346; Meclisî, Bihâru'l-envâr, c. 18, s. 126; Tabersî, İ'lâmü'l-verâ, c. 1, s. 97

---

## 2277. Người báo: “Vẻ trang sức của thế gian sẽ bị lấy đi vào năm một trăm hai mươi...”

**Da'if (Yếu)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người báo: “Vẻ trang sức của thế gian sẽ bị lấy đi vào năm một trăm hai mươi lăm” (do Abdurrahman bin Awf thuật lại).

Lời tiên tri: thời kỳ Madinah; Ứng nghiệm: năm 125 H (743 CN; Hisham qua đời, triều Umayyah tan rã)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 264 (kendisinden sonra olacak çeşitli hâlleri haber vermesi)

---

## 2278. Người báo: “Bên kho báu của các ngươi sẽ có ba người giao chiến, cả ba đều là...”

**Da'if (Yếu)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người báo: “Bên kho báu của các ngươi sẽ có ba người giao chiến, cả ba đều là con của Khalifah, nhưng nó sẽ không về tay ai trong số họ; rồi những lá cờ đen sẽ xuất hiện từ Khorasan” (do Thawban thuật lại).

Lời tiên tri: thời kỳ Madinah; Ứng nghiệm (theo chương): cuộc cách mạng Abbasid, năm 129–132 H (747–750 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 202 (Abbâsîlerin hilafetini haber vermesi)

---

## 2279. Người báo: “Những lá cờ đen sẽ xuất hiện từ Khorasan; không gì đẩy lùi được...”

**Da'if (Yếu)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người báo: “Những lá cờ đen sẽ xuất hiện từ Khorasan; không gì đẩy lùi được chúng cho đến khi chúng được cắm ở Iliya (Bayt al-Maqdis)” (do Abu Hurairah thuật lại).

Lời tiên tri: thời kỳ Madinah; Ứng nghiệm: năm 129–132 H (747–750 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 203 (Abbâsîlerin hilafetini haber vermesi)

---

## 2280. Người cho biết về sự thống trị của con cháu Abbas

**Da'if (Yếu)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người cho biết về sự thống trị của con cháu Abbas.

Ứng nghiệm: năm 132 H (750 CN)

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.5 s.301; 19. Mektup listesi (183.txt) no.20; web: Said Nursî, Mektubat, 19. Mektup, 5. İşaret; Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 24. fasıl; Questions on Islam, "His Information related to the Future Turn out True"; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 202; ayrıca: Îcî–Cürcânî, Şerhu'l-Mevâkıf, c. 8, s. 283; İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî, s. 354; İbn Hamza et-Tûsî, es-Sâkıb, s. 106, hadis no. 97/6 sonrası

---

## 2281. Người cho Umm al-Fadl biết bà đang mang thai và sẽ sinh con trai; Người đọc...

**Da'if (Yếu)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người cho Umm al-Fadl biết bà đang mang thai và sẽ sinh con trai; Người đọc Azan vào tai đứa bé mới sinh là Abdullah bin Abbas và nói: “Hãy mang cha của các Khalifah đi.”

Lời tiên tri: khoảng 3 năm trước Hijrah (khoảng năm 619 CN); Ứng nghiệm: năm 132 H (triều Abbasid)

NGUỒN Nişancızâde, Mir'ât-ı Kâinât'tan

## 2282. Một đêm Người nói với người chú Abbas: “Hãy nhìn lên trời, chú thấy gì?”; nghe...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Một đêm Người nói với người chú Abbas: “Hãy nhìn lên trời, chú thấy gì?”; nghe đáp “Chòm Thất Tinh”, Người nói: “Từ xương sống của chú, số người đứng đầu Ummah này sẽ bằng số sao của chòm Thất Tinh; hai người trong số họ ở thời thảm họa.”

Lời tiên tri: thời kỳ Madinah; Ứng nghiệm: năm 132 H (750 CN) và sau đó

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 202 (Abbâsîlerin hilafetini haber vermesi)

## 2283. Khi Abbas mặc đồ trắng đi ngang qua Người, Jibril nói: “Ông ấy mặc đồ trắng...”

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Khi Abbas mặc đồ trắng đi ngang qua Người, Jibril nói: “Ông ấy mặc đồ trắng nhưng con cháu ông sẽ mặc đồ đen” (do Ibn Abbas thuật lại); triều Abbasid mặc đồ đen.

Lời tiên tri: thời kỳ Madinah; Ứng nghiệm: năm 132 H (750 CN) và sau đó

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 202 (Abbâsîlerin hilafetini haber vermesi)

## 2284. Ibn Abbas báo trước cho Mu'awiyah: “Con cháu Hashim sẽ có một triều đại, những...”

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Ibn Abbas báo trước cho Mu'awiyah: “Con cháu Hashim sẽ có một triều đại, những người giúp đỡ họ sẽ là dân Khorasan” (do Aban bin al-Walid bin Uqbah thuật lại).

Lời tiên tri: thời Mu'awiyah (năm 41–60 H); Ứng nghiệm: năm 132 H (750 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 203 (Abbâsîlerin hilafetini haber vermesi)

## 2285. Người báo: “Vào lúc thời thế đứt đoạn, các thảm họa xuất hiện, từ Ahlul Bayt...”

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người báo: “Vào lúc thời thế đứt đoạn, các thảm họa xuất hiện, từ Ahlul Bayt của ta sẽ xuất hiện một người gọi là as-Saffah, người ấy sẽ phân phát của cải từng vốc tay” (do Abu Sa'id al-Khudri thuật lại).

Lời tiên tri: thời kỳ Madinah; Ứng nghiệm: năm 132–136 H (750–754 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 203 (Abbâsîlerin hilafetini haber vermesi)

## 2286. Lời báo “as-Saffah, al-Mansur và al-Mahdi thuộc về chúng ta (thuộc Ahlul Bayt)”...

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Lời báo “as-Saffah, al-Mansur và al-Mahdi thuộc về chúng ta (thuộc Ahlul Bayt)” được thuật lại từ Ibn Abbas, và các Khalifah Abbasid đã đến với những danh hiệu ấy.

Lời tiên tri: trước năm 68 H; Ứng nghiệm: năm 132–169 H (750–785 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 203 (Abbâsîlerin hilafetini haber vermesi)

## 2287. Umar nói rằng con cháu Umayyah sẽ làm cho Islam trở nên không còn nhận ra được...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Umar nói rằng con cháu Umayyah sẽ làm cho Islam trở nên không còn nhận ra được, điều này kéo dài hơn một trăm ba mươi năm, rồi Allah sẽ gửi đến một nhóm người "thơm tho như các sứ giả của vua chúa" (do al-Mughirah bin Shu'bah thuật lại).

Lời tiên tri: thời Umar (năm 13–23 H); Ứng nghiệm: năm 132 H (750 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 204 (Abbâsîlerin hilafetini haber vermesi)

## 2288. Umar bin Abd al-Aziz chôn một con rắn chết tìm thấy giữa sa mạc; một Jinn cất...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Umar bin Abd al-Aziz chôn một con rắn chết tìm thấy giữa sa mạc; một Jinn cất tiếng cho ông biết rằng Thiên Sứ của Allah ﷺ đã nói với con rắn ấy (một Jinn tên Surraq): "Ngươi sẽ chết giữa sa mạc và hôm đó người tốt nhất trên mặt đất sẽ chôn ngươi", và rằng họ là chín Jinn đã tuyên thệ trung thành với Người.

Lời tiên tri: thời kỳ Makkah; Ứng nghiệm: thời Umar bin Abdul Aziz (khoảng năm 99–101 H)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 236 (Cinlerin İslâm'ı ve ondaki âyetler bâbı (fasıl))

## 2289. Người hỏi Abu Rayhanah: "Ngươi sẽ thế nào khi đi ngang một nhóm người trói một..."

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người hỏi Abu Rayhanah: "Ngươi sẽ thế nào khi đi ngang một nhóm người trói một con vật sống làm bia mà bắn (giết nó trong tình trạng bị trói)?", báo trước một sự việc ông sẽ thấy về sau.

Lời tiên tri: thời kỳ Madinah; Ứng nghiệm: cuộc đời về sau của Abu Rayhanah (Sham/Ai Cập)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 252 (Ebû Reyhâne'ye haber vermesi)

## 2290. Người báo: "Trong Ummah ta sẽ có một nhóm người bị hoạn; hãy đối xử tốt với họ"...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người báo: "Trong Ummah ta sẽ có một nhóm người bị hoạn; hãy đối xử tốt với họ" (do Mu'awiyah thuật lại).

Lời tiên tri: thời kỳ Madinah; Ứng nghiệm: thời Umayyah–Abbasid

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 256 (ümmetinde hadımların olacağını haber vermesi)

## 2291. Người báo: "Thứ đầu tiên lật úp Islam như lật úp một cái bình sẽ là một thứ..."

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người báo: "Thứ đầu tiên lật úp Islam như lật úp một cái bình sẽ là một thứ rượu (được uống dưới một cái tên khác)" (do Abdullah bin Amr thuật lại).

Lời tiên tri: thời kỳ Madinah; Ứng nghiệm: thời Umayyah và sau đó

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 268 (kendisinden sonra olacak çeşitli hâlleri haber vermesi)

## 2292. Người báo: “Sau ta, trong Ummah ta sẽ có những người đọc Qur'an và hiểu sâu tôn...”

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người báo: “Sau ta, trong Ummah ta sẽ có những người đọc Qur'an và hiểu sâu tôn giáo; Shaytan sẽ nói với họ: ‘Sao các ngươi không đến chỗ nhà cầm quyền lấy chút của cải thế gian, còn tôn giáo thì giữ riêng’; điều đó không được: từ cây qatad chỉ hái được gai, gần gũi họ cũng chỉ được tội lỗi” (do Ibn Abbas thuật lại).

Lời tiên tri: thời kỳ Madinah; Ứng nghiệm: thời Umayyah và sau đó

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 268 (kendisinden sonra olacak çeşitli hâlleri haber vermesi)

## 2293. Người cho biết sau các vị Nabi sẽ có những Khalifah làm theo Kinh Sách của...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người cho biết sau các vị Nabi sẽ có những Khalifah làm theo Kinh Sách của Allah, sau họ là những vị vua trả thù, giết người và giành của cải cho riêng mình (do Abu Hurairah thuật lại).

Lời tiên tri: thời kỳ Madinah; Ứng nghiệm: sau năm 41 H

NGUỒN İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî (el-Bidâye ve'n-Nihâye'den; thk. es-Seyyid İbrâhîm), tek cilt, s. 264 (Fasl fî tertîbi'l-ahbâr bi'l-guyûbi'l-müstakbele ba'deh)

## 2294. Lời báo: “Ngày đêm chưa qua hết thì việc của Ummah này sẽ quy về một người cổ...”

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Lời báo: “Ngày đêm chưa qua hết thì việc của Ummah này sẽ quy về một người cổ họng rộng (dahm al-bul'um)”; được xem là ám chỉ Mu'awiyah (đường truyền as-Sari bin Isma'il – ash-Sha'bi).

Lời tiên tri: thời điểm không rõ; Ứng nghiệm: năm 41 H (661 CN)

NGUỒN İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî (el-Bidâye ve'n-Nihâye'den; thk. es-Seyyid İbrâhîm), s. 305 (Hasan'ın seyyidliğini ve işi Muâviye'ye bırakacağını haber vermesi)

## 2295. Người hỏi Abu Dharr: “Ngươi sẽ làm gì khi người ta bị giết và Ahjar az-Zayt...”

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người hỏi Abu Dharr: “Ngươi sẽ làm gì khi người ta bị giết và Ahjar az-Zayt ngập trong máu?”, rồi nói: “Hãy vào nhà”; trước câu hỏi “Nếu họ xông vào tôi thì sao?”, Người khuyên ông đừng mang vũ khí (“Khi ấy ngươi sẽ thành đồng phạm với họ”), và nếu sợ ánh chớp của gươm thì hãy che mặt lại.

Lời tiên tri: thời kỳ Madinah; Ứng nghiệm: biến cố al-Harrah, năm 63 H (683 CN)

NGUỒN İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî (el-Bidâye ve'n-Nihâye'den; thk. es-Seyyid İbrâhîm), s. 330 (Yezîd zamanındaki Harre vakasını haber vermesi)

## 2296. Người nói: “Hãy cầu xin Allah che chở khỏi đầu năm bảy mươi và khỏi quyền cai...”

Hasan (Tốt) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người nói: “Hãy cầu xin Allah che chở khỏi đầu năm bảy mươi và khỏi quyền cai trị của bọn trẻ con” (do Abu Hurairah thuật lại); Ibn Kathir liên hệ điều này với cái chết của Yazid và thời của Marwan và Abd al-Malik.

Lời tiên tri: thời kỳ Madinah; Ứng nghiệm: những năm 60–70 H (680–690 CN)

NGUỒN İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî (el-Bidâye ve'n-Nihâye'den; thk. es-Seyyid İbrâhîm), s. 332 (Yezîd zamanındaki Harre vakasını haber vermesi)

---

## 2297. Umar bin Abd al-Aziz mơ thấy Thiên Sứ của Allah ﷺ cùng Abu Bakr, Umar, Uthman...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Umar bin Abd al-Aziz mơ thấy Thiên Sứ của Allah ﷺ cùng Abu Bakr, Umar, Uthman và Ali; Người nói: “Hãy đến gần”, rồi nói với ông: “Ngươi sẽ gánh vác việc của Ummah này; hãy đối xử công bằng với họ”, và ông trở thành Khalifah (do Qatadah thuật lại).

Giấc mơ: trước năm 99 H; Ứng nghiệm: năm 99–101 H (717–720 CN)

NGUỒN İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî (el-Bidâye ve'n-Nihâye'den; thk. es-Seyyid İbrâhîm), s. 342 (Ömer b. Abdülazîz'in devletine nebevî işaret)

---

## 2298. Khi Marwan bin al-Hakam mới sinh được mang đến để Người cầu xin, Người không...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Khi Marwan bin al-Hakam mới sinh được mang đến để Người cầu xin, Người không cầu xin mà nói: “Con trai của az-Zarqa'; sự diệt vong của Ummah ta sẽ ở trong tay hắn và con cháu hắn.”

Lời tiên tri: thời kỳ Madinah (Marwan ra đời); Ứng nghiệm: năm 64–132 H (684–750 CN)

NGUỒN İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî (el-Bidâye ve'n-Nihâye'den; thk. es-Seyyid İbrâhîm), s. 348 (Emevî halifelerine dair toplu haberler)

---

## 2299. Lời báo: “Khi vị Khalifah trẻ thuộc con cháu Umayyah bị giết oan giữa Sham và...”

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Lời báo: “Khi vị Khalifah trẻ thuộc con cháu Umayyah bị giết oan giữa Sham và Iraq, sự vâng lời sẽ còn bị coi nhẹ và máu sẽ còn đổ oan” (từ Abud-Darda'; được giải thích là việc al-Walid bin Yazid bị giết).

Lời tiên tri: trước năm 32 H; Ứng nghiệm: al-Walid bin Yazid bị giết, năm 126 H (744 CN)

NGUỒN İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî (el-Bidâye ve'n-Nihâye'den; thk. es-Seyyid İbrâhîm), s. 352 (Emevî halifelerine dair toplu haberler)

---

## 2300. Lời báo: “Sau Uthman sẽ có mười hai vị vua thuộc con cháu Umayyah” (từ...)

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Lời báo: “Sau Uthman sẽ có mười hai vị vua thuộc con cháu Umayyah” (từ Hudhayfah; nhấn mạnh việc dùng chữ “vua” chứ không phải “Khalifah”).

Lời tiên tri: trước năm 36 H; Ứng nghiệm: thời Umayyah, năm 41–132 H

NGUỒN İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî (el-Bidâye ve'n-Nihâye'den; thk. es-Seyyid İbrâhîm), s. 362 (hepsi Kureyş'ten olan on iki imamı haber vermesi)

---

## 2301. Người nói với Buraydah al-Aslami: “Sau ta sẽ có những đạo quân được cử đi...”

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người nói với Buraydah al-Aslami: “Sau ta sẽ có những đạo quân được cử đi; ngươi hãy ở trong đạo quân đi Khorasan, rồi định cư ở thành Marw; thành ấy do Dhul-Qarnayn xây dựng và ông đã cầu xin phúc lành cho nó; điều xấu không chạm đến dân ở đó” (Buraydah định cư ở Marw và qua đời ở đó).

Lời tiên tri: thời kỳ Madinah; Ứng nghiệm: chinh phục Khorasan và Buraydah qua đời ở Marw (năm 62–63 H)

NGUỒN Tabersî, İ'lâmü'l-verâ bi-a'lâmi'l-hüdâ, c. 1, s. 89 (2. bâb: gayb ve gelecek haberleri)

---

## 2302. Người đến thăm nhà Ali và Fatimah, sau khi ăn (harisah, bơ và chà là Umm Ayman...)

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người đến thăm nhà Ali và Fatimah, sau khi ăn (harisah, bơ và chà là Umm Ayman gửi đến), Người làm Wudu', hướng về Qiblah cầu xin, rồi sụp xuống quỳ lạy trong nước mắt; khi Husayn hỏi, Người nói: “Hôm nay ta vui với các con hơn bao giờ hết; người bạn Jibril của ta đến báo rằng các con sẽ bị giết và nơi các con chết (mộ của các con) sẽ cách xa nhau; ta buồn lòng và đã cầu xin điều tốt cho các con”; trước câu hỏi “Khi mộ chúng con tản mác, ai sẽ viếng thăm chúng con?”, Người đáp: “Một nhóm người trong Ummah ta sẽ viếng thăm các con vì lòng hiếu nghĩa và gắn bó với ta; vào Ngày Tận Thế, tại nơi đứng chờ, ta sẽ viếng thăm họ, nắm tay họ và cứu họ khỏi nỗi kinh hoàng của ngày ấy.”

Lời tiên tri: thời kỳ Madinah (năm 4–11 H); Ứng nghiệm: năm 40 H (Kufa), năm 50 H (Madinah), năm 61 H (Karbala)

NGUỒN Tabersî, İ'lâmü'l-verâ bi-a'lâmi'l-hüdâ, c. 1, s. 94-95 (2. bâb: gayb ve gelecek haberleri)

---

## 2303. Người nói về Abd al-Malik, con trai Marwan: “cha của bốn kẻ bạo ngược (abu...)”

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người nói về Abd al-Malik, con trai Marwan: “cha của bốn kẻ bạo ngược (abu al-jababirah al-arba'ah)”; Mu'awiyah, sau khi Abd al-Malik đến rồi đi, đã bắt Ibn Abbas thề xác nhận điều này (bốn con trai của Abd al-Malik là al-Walid, Sulayman, Yazid và Hisham đều làm Khalifah).

Lời tiên tri: thời kỳ Madinah; Ứng nghiệm: năm 86–125 H (705–743 CN)

NGUỒN Tabersî, İ'lâmü'l-verâ bi-a'lâmi'l-hüdâ, c. 1, s. 98 (2. bâb: gayb ve gelecek haberleri)

---

## 2304. Khi Ali, Fatimah, Hasan và Husayn ngồi quanh Người, Người nói: “Các con sẽ thế...”

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Khi Ali, Fatimah, Hasan và Husayn ngồi quanh Người, Người nói: “Các con sẽ thế nào khi bị quật ngã và mộ các con ở những nơi khác nhau?”; trước câu hỏi của Hasan: “Chết bình thường hay bị giết?”, Người nói: “Con yêu, con sẽ bị đầu độc giết oan, em con sẽ bị giết oan (trong cơn khát), cha các con cũng bị giết oan; con cháu các con sẽ tản mác khắp mặt đất”; trước câu hỏi của Husayn: “Ai sẽ viếng thăm chúng con?”, Người đáp: “Một nhóm người trong Ummah ta sẽ viếng thăm các con vì lòng hiếu nghĩa và gắn bó với ta; vào Ngày Tận Thế ta sẽ đến với họ và cứu họ khỏi nỗi kinh hoàng của ngày ấy.”

Lời tiên tri: thời kỳ Madinah (năm 4–11 H); Ứng nghiệm: năm 40 H, năm 50 H, năm 61 H

NGUỒN Râvendî, el-Harâic ve'l-cerâih, c. 2, s. 491 (14. bâb: fî a'lâmi'n-nebî ve'l-eimme)

## 2305. Người nói: “Một người đức hạnh trong các Sahabah của ta sẽ được chôn dưới chân...”

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người nói: “Một người đức hạnh trong các Sahabah của ta sẽ được chôn dưới chân tường thành Constantinople”; Abu Ayyub al-Ansari, người mong được như vậy, theo di chúc của ông được chôn dưới chân tường thành; Caesar nói: “Khi các người đi, ta sẽ đào lên ném cho chó”, nhưng khi được đáp: “Nếu mộ ông ấy bị đào lên thì trên đất Ả Rập sẽ không còn một nhà thờ nào”, ông cho xây mái vòm trên mộ, và ngôi mộ được viếng thăm.

Lời tiên tri: thời kỳ Madinah; Ứng nghiệm: năm 49–52 H (669–672 CN)

NGUỒN İbn Şehrâşûb, Menâkıbü Âl-i Ebî Tâlib (Necef 1376/1956 baskısı), c. 1, s. 122 (fasl fîmâ zahara min mu'cizâtihî ba'de vefâtihî)

## 2306. Người nói với Jabir bin Abdullah al-Ansari: “Ngươi sẽ gặp Muhammad bin Ali bin...”

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người nói với Jabir bin Abdullah al-Ansari: “Ngươi sẽ gặp Muhammad bin Ali bin al-Husayn, người được biết đến trong Kinh Tawrah với tên al-Baqir; hãy chuyển lời chào của ta đến cậu ấy”; nhiều năm sau, Jabir nhận ra đứa trẻ ông thấy bên Ali bin al-Husayn (vì dáng đi giống Thiên Sứ của Allah ﷺ), hôn chân cậu và chuyển lời chào của Thiên Sứ của Allah.

Lời tiên tri: thời kỳ Madinah; Ứng nghiệm: lúc Jabir về già (khoảng năm 60–74 H)

NGUỒN es-Sâkıb fi'l-menâkıb (Kum 1412), s. 104-105, hadis no. 97/6 (bâb 1, fasıl 14: gaybdan haber vermesi)

# 43 · Những lời báo của Người ứng nghiệm sau khi Người qua đời: triều Abbasid và về sau (sau năm 132 H)

## 2307. Người cho biết Baghdad sẽ được xây dựng và những gì sẽ xảy đến với nó

Bịa đặt (Mawdu') CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người cho biết Baghdad sẽ được xây dựng và những gì sẽ xảy đến với nó.

Ứng nghiệm: năm 145 H (thành lập), năm 656 H (cuộc xâm lược của Mông Cổ)

NGUỒN 19. Mektup listesi (183.txt) no.110; web: Said Nursî, Mektubat, 19. Mektup, 6. İşaret; Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 24. fasıl; Questions on Islam, "His Information related to the Future Turn out True"; ayrıca: İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî, s. 365; Meclisî, Bihâru'l-envâr, c. 18, s. 113, 141; Râvendî, el-Harâic, c. 1, s. 69; İbn Şehrâşûb, Menâkıb, c. 1, s. 121

## 2308. Người nói: "Học giả của Quraish sẽ làm cho mặt đất tràn đầy tri thức" (được xem...)

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người nói: "Học giả của Quraish sẽ làm cho mặt đất tràn đầy tri thức" (được xem là ám chỉ Imam ash-Shafi'i).

Ứng nghiệm: năm 150–204 H

NGUỒN İbn Kesîr s.176; 19. Mektup listesi (183.txt) no.86; 1000 Mucize no.485 (s.478); web: Said Nursî, Mektubat, 19. Mektup, 6. İşaret; Questions on Islam, "His Information related to the Future Turn out True"

## 2309. Người cho biết sẽ xuất hiện những kẻ tựa trên ghế bành mà nói "Qur'an là đủ cho..."

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người cho biết sẽ xuất hiện những kẻ tựa trên ghế bành mà nói "Qur'an là đủ cho chúng ta", bác bỏ Sunnah.

Ứng nghiệm: từ thế kỷ 2 H trở đi

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.5 s.341; 1000 Mucize no.694 (PDF s.632); web: Münkız es-Sakkār, Delâilü'n-nübüvve; Yaqeen Institute, "The Prophecies of Prophet Muhammad"; ayrıca: Elshinawy, The Prophecies of Prophet Muhammad (Yaqeen); Kütüb-i Sitte: İbn Mâce 21; Ebû Dâvûd 4604, İbn Mâce 12, Tirmizî 2664 [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 5991, c./s. 16/484]

## 2310. Người cho biết sau ba thế hệ tốt nhất, sự dối trá sẽ lan rộng, người ta làm...

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người cho biết sau ba thế hệ tốt nhất, sự dối trá sẽ lan rộng, người ta làm chứng mà không ai yêu cầu, và sự béo phì sẽ tăng lên.

Ứng nghiệm: từ thế kỷ 3 H trở đi

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.5 s.345; 1000 Mucize no.632 (s.606); web: Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 24. fasıl; ayrıca: İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî, s. 368-369; Kütüb-i Sitte: Buharî, Şehâdât 9, Fezâilu'l-Ashâb 1, Rikak 7, Eymân 27; Müslim, Fezâilu's- Sahâbe, 214, (2535); Tirmizî, Fiten 45, (2222); Ebu Dâvud, Sünnet 10, (4657) [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 4363, c./s. 12/411]

## 2311. Người nói Người mong Ummah của mình được gia hạn nửa ngày; Sa'd bin Abi Waqqas...

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người nói Người mong Ummah của mình được gia hạn nửa ngày; Sa'd bin Abi Waqqas giải thích nửa ngày là năm trăm năm, và Ummah đã sống vượt quá thời gian ấy.

Lời tiên tri: thời điểm không rõ; Ứng nghiệm: năm 500 H (1107 CN) và sau đó

NGUỒN 1000 Mucize no.488 (s.480); web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 258; ayrıca: İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî, s. 371; Kütüb-i Sitte: Ebu Davud, Mehalim 18, (4350) [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 5963, c./s. 16/441]

---

## 2312. Dù chưa từng thấy, Người nhắc tên sông Tigris cạnh Basra và cây cầu bắc qua nó...

Hasan (Tốt) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Dù chưa từng thấy, Người nhắc tên sông Tigris cạnh Basra và cây cầu bắc qua nó; Người cho biết Banu Qantura' (người Tatar) mặt rộng, mắt nhỏ sẽ tràn xuống đó và người Muslim sẽ chia thành ba nhóm.

Lời tiên tri: thời điểm không rõ; Ứng nghiệm: Basra được thành lập thời Umar (khoảng năm 14–17 H / 635–638 CN); về phần người Tatar, quyển sách dẫn chiếu mục số 492 (thế kỷ 7 H)

NGUỒN 1000 Mucize no.442 (s.433); web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 204; ayrıca: Meclisî, Bihâru'l-envâr, c. 18, s. 113, 141; Râvendî, el-Harâic, c. 1, s. 69; Kütüb-i Sitte: Ebu Davud, Mehalim 10, (4306) [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 4768, c./s. 13/403-404]

---

## 2313. Người thề mà báo rằng một dân tộc mặt rộng, mắt nhỏ ("người Turk") sẽ ba lần...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người thề mà báo rằng một dân tộc mặt rộng, mắt nhỏ ("người Turk") sẽ ba lần đuổi Ummah của Người đến tận bán đảo Ả Rập và sẽ buộc ngựa vào cột của các masjid của người Muslim.

Lời tiên tri: thời điểm không rõ; Ứng nghiệm: thế kỷ 7 H (thế kỷ 13 CN), cuộc xâm lược của Mông Cổ

NGUỒN 1000 Mucize no.493 (s.485); web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 205; Kütüb-i Sitte: Ebû Dâvûd 4305 (sunnah.com)

---

## 2314. Người báo rằng người Turk sẽ đến với những con ngựa bị xẻ (rách) tai và buộc...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người báo rằng người Turk sẽ đến với những con ngựa bị xẻ (rách) tai và buộc chúng bên bờ sông Euphrates (do Ibn Mas'ud thuật lại).

Lời tiên tri: thời điểm không rõ; Ứng nghiệm: thế kỷ 7 H (cuộc xâm lược của Mông Cổ, năm 1258 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 205 (Abbâsîlerin hilafetini haber vermesi)

---

## 2315. Người cho biết từ Hijaz sẽ bốc lên một ngọn lửa soi sáng cổ những con lạc đà ở...

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người cho biết từ Hijaz sẽ bốc lên một ngọn lửa soi sáng cổ những con lạc đà ở Busra.

Ứng nghiệm: năm 654 H (1256 CN)

NGUỒN İbn Kesîr s.177; 1000 Mucize no.494 (s.485), no.543 (s.563); web: Münkız es-Sakkār, Delâilü'n-nübüvve; Yaqeen Institute, "The Prophecies of Prophet Muhammad"; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 256; ayrıca: İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî, s. 372-374; Elshinawy, The Prophecies of Prophet Muhammad (Yaqeen); Kütüb-i Sitte: Buharî, Fiten 24; Müslim, Fiten 42, (2902) [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 5027, c./s. 14/317]

## 2316. Người nói: “Constantinople nhất định sẽ được chinh phục; vị chỉ huy chinh phục…”

Hasan (Tốt) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người nói: “Constantinople nhất định sẽ được chinh phục; vị chỉ huy chinh phục nó thật là vị chỉ huy tốt đẹp.”

Ứng nghiệm: năm 857 H (1453 CN)

NGUỒN İbn Kesîr s.165; 19. Mektup listesi (183.txt) no.15, 85; web: Münkız es-Sakkār, Delâilü'n-nübüvve; Said Nursî, Mektubat, 19. Mektup, 6. İşaret; Yaqeen Institute, "The Prophecies of Prophet Muhammad"; ayrıca: Elshinawy, The Prophecies of Prophet Muhammad (Yaqeen)

## 2317. Trước câu hỏi: “Constantinople hay Roma sẽ được chinh phục trước?”, Người nói…

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Trước câu hỏi: “Constantinople hay Roma sẽ được chinh phục trước?”, Người nói: “Thành phố của Heraclius sẽ được chinh phục trước” (do Abdullah bin Amr thuật lại).

Ứng nghiệm: năm 857 H (1453 CN)

NGUỒN Yaqeen Institute (M. Elshinawy), "The Prophecies of Prophet Muhammad"

## 2318. Lời thuật: “Sau năm một trăm năm mươi tư, việc một người trong các ngươi nuôi…”

Bịa đặt (Mawdu') CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Lời thuật: “Sau năm một trăm năm mươi tư, việc một người trong các ngươi nuôi một con chó con còn tốt hơn nuôi một đứa con từ xương sống mình.”

Lời tiên tri: thời kỳ Madinah; Điều được ám chỉ: sau năm 154 H (771 CN)

NGUỒN İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî (el-Bidâye ve'n-Nihâye'den; thk. es-Seyyid İbrâhîm), s. 365 (Abbâsî devletinde olan bazı işleri haber vermesi)

## 2319. Người nói: “Sau năm hai trăm, người tốt nhất trong các ngươi là người khafif…”

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người nói: “Sau năm hai trăm, người tốt nhất trong các ngươi là người khafif al-hadh (nhẹ gánh)”, và giải thích cho những người hỏi rằng đó là “người không có gia đình, tài sản và con cái” (do Hudhayfah thuật lại).

Lời tiên tri: thời kỳ Madinah; Điều được ám chỉ: sau năm 200 H (815 CN)

NGUỒN İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî (el-Bidâye ve'n-Nihâye'den; thk. es-Seyyid İbrâhîm), s. 367 (iki yüz yılından sonra insanların en hayırlısını haber vermesi)

## 2320. Người nói: “Các dấu hiệu (của Ngày Tận Thế) đến sau năm hai trăm” (do Abu Qatadah thuật lại)

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người nói: “Các dấu hiệu (của Ngày Tận Thế) đến sau năm hai trăm” (do Abu Qatadah thuật lại).

Lời tiên tri: thời kỳ Madinah; Điều được ám chỉ: sau năm 200 H

NGUỒN İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî (el-Bidâye ve'n-Nihâye'den; thk. es-Seyyid İbrâhîm), s. 368 (insanların tabakalarını haber vermesi)

## 2321. Lời báo: “Người thứ bảy trong dòng dõi Abbas sẽ kêu gọi mọi người đến với sự vô...”

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Lời báo: “Người thứ bảy trong dòng dõi Abbas sẽ kêu gọi mọi người đến với sự vô đức tin, họ sẽ không theo hắn; gia quyến hắn sẽ nói: ‘Ngươi muốn cắt đứt sinh kế của chúng ta sao?’, hắn sẽ nói: ‘Ta sẽ cai trị các người theo đường lối của Abu Bakr và Umar’; họ sẽ không chấp nhận, một kẻ thù của hắn trong con cháu Hashim sẽ giết hắn, rồi giữa họ bất đồng sẽ kéo dài cho đến khi as-Sufyani xuất hiện”; Ibn Kathir giải thích điều này là Abdullah al-Ma'mun, người kêu gọi thuyết Qur'an được tạo ra.

Lời tiên tri: thời kỳ Madinah; Ứng nghiệm (theo cách giải thích): thời al-Ma'mun, năm 198–218 H (813–833 CN)

NGUỒN İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî (el-Bidâye ve'n-Nihâye'den; thk. es-Seyyid İbrâhîm), s. 370 (insanları küfre çağıracak halifeyi haber vermesi)

## 2322. Trong thời Mu'awiyah làm Khalifah, Abu Tha'labah al-Khushani nói ở Fustat...

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Trong thời Mu'awiyah làm Khalifah, Abu Tha'labah al-Khushani nói ở Fustat: “Ummah này sẽ không bất lực trước nửa ngày; khi các người thấy Sham đã thành mâm cơm của một người và gia đình hắn, thì đó là lúc Constantinople được chinh phục.”

Lời tiên tri: thời Mu'awiyah (năm 41–60 H); Ứng nghiệm: chinh phục Constantinople (nguồn không nêu niên đại)

NGUỒN İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî (el-Bidâye ve'n-Nihâye'den; thk. es-Seyyid İbrâhîm), s. 371 (Kostantiniyye gazvesini haber vermesi)

## 2323. Người báo rằng một người tên Abdullah bin Aziz sẽ đứng đầu dân Rayy, bị bắt làm...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người báo rằng một người tên Abdullah bin Aziz sẽ đứng đầu dân Rayy, bị bắt làm tù binh đưa đến Tabaristan, vào ngày lễ tế bị chém đầu, đầu bị treo trên cây và xác bị ném xuống giếng; Muhammad bin Ali bin Attab nghe hadith này ở Tus bên mộ Ali ar-Rida từ một ông già (ông ta nghe từ ar-Rida, ar-Rida nghe qua các bậc cha ông mình từ Nabi ﷺ), rồi kể lại cho Abdullah bin Aziz, và lời báo đã xảy đến với ông ta đúng y như vậy.

Lời tiên tri: thời điểm không rõ; Ứng nghiệm: nhiều thế kỷ sau thời Nabi (sau khi Ali ar-Rida qua đời [năm 203 H]; nguồn không nêu năm)

NGUỒN es-Sâkıb fi'l-menâkıb (Kum 1412), s. 100-101, hadis no. 92/1 (bâb 1, fasıl 14: gaybdan haber vermesi)

## 2324. Người nói với người chú Abbas: “Ummah ta sẽ phải chịu khổ vì dòng dõi của chú”...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người nói với người chú Abbas: “Ummah ta sẽ phải chịu khổ vì dòng dõi của chú”; khi Abbas nói: “Tôi có nên tự hoạn mình không?”, Người nói: “Đây là việc đã được định đoạt”, và con cháu Abbas đã lên nắm quyền.

Lời tiên tri: thời kỳ Madinah; Ứng nghiệm: năm 132 H (750 CN) và sau đó

NGUỒN Meclisî, Bihâru'l-envâr, c. 18, s. 119 (Bâb 11: gaybî haberleri)

## 44 · Những lời báo của Người ứng nghiệm sau khi Người qua đời: không rõ thời điểm hoặc còn tiếp diễn

### 2325. Người cho biết vàng/của cải sẽ trở nên dồi dào ở bán đảo Ả Rập

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người cho biết vàng/của cải sẽ trở nên dồi dào ở bán đảo Ả Rập.

Ứng nghiệm: tùy theo cách giải thích

NGUỒN 1000 Mucize no.623 (s.604)

### 2326. Người cho biết cho đến Ngày Tận Thế, trong Ummah của Người không bao giờ thiếu...

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người cho biết cho đến Ngày Tận Thế, trong Ummah của Người không bao giờ thiếu một nhóm người đứng trên chân lý và chiến thắng.

Ứng nghiệm: còn tiếp diễn

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.5 s.316; 1000 Mucize no.689 (s.625); web: Buhârî, Menâkıb, no. 3640-3641; Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 24. fasıl; Yaqeen Institute, "The Prophecies of Prophet Muhammad"; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 258; c. 2, s. 371; ayrıca: Elshinawy, The Prophecies of Prophet Muhammad (Yaqeen); Kütüb-i Sitte: Buhârî, İ'tisâm 10, Menâkıb 27, Tevhid 29; Müslim, İmâret 171, (1921) [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 4523, c./s. 13/86]

### 2327. Người cho biết một số mỏ khoáng sẽ do những người xấu xa nhất khai thác

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người cho biết một số mỏ khoáng sẽ do những người xấu xa nhất khai thác.

Ứng nghiệm: các thế kỷ sau

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.5 s.322; 1000 Mucize no.747 (s.662)

### 2328. Người cho biết Ummah của Người sẽ mong được hy sinh tài sản và con cái để được...

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người cho biết Ummah của Người sẽ mong được hy sinh tài sản và con cái để được thấy Người dù chỉ một lần.

Ứng nghiệm: còn tiếp diễn

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.5 s.327; 1000 Mucize no.608 (s.595); Kütüb-i Sitte: Müslim, Cennet (2832) [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 4527, c./s. 13/90]

### 2329. Người báo về những nhóm người sẽ tin vào Người dù không thấy Người ("những...")

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người báo về những nhóm người sẽ tin vào Người dù không thấy Người ("những người anh em của ta").

Ứng nghiệm: còn tiếp diễn

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.5 s.327; web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 260; Kütüb-i Sitte: Müslim

## 2330. Người cầu xin phúc lành cho Madinah như lời cầu xin của Nabi Ibrahim cho...

**Sahih (Xác thực)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người cầu xin phúc lành cho Madinah như lời cầu xin của Nabi Ibrahim cho Makkah, và cho biết mỗi lối vào thành đều có các Thiên Thần canh giữ, dịch bệnh và Dajjal không thể vào, ai muốn điều xấu cho dân thành thì Allah sẽ làm kẻ ấy tiêu tan như muối tan trong nước.

Lời tiên tri: thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ; Ứng nghiệm: không được nêu

NGUỒN 1000 Mucize no.199 (s.175), no.490 (s.481); web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 319; c. 2, s. 350; Kütüb-i Sitte: Buhârî, Fezailu'l-Medine 9, Tıbbı 30, Fiten 27; Müslim, Hacc 485, 486, (1379), 1380); Tirmizî, Fiten 51, (2244) [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 4606, c./s. 13/188]

## 2331. Người báo hướng mà các thảm họa sẽ xuất hiện: "Đức tin là của Yemen; còn thảm..."

**Sahih (Xác thực)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người báo hướng mà các thảm họa sẽ xuất hiện: "Đức tin là của Yemen; còn thảm họa ở phía kia, từ đó mọc lên cái sừng của Shaytan"; theo quyển sách, các thảm họa đã xuất hiện từ Iraq, Najd và vùng lân cận.

Lời tiên tri: thời kỳ Madinah; Ứng nghiệm: các thảm họa xuất phát từ phía Iraq và Najd sau khi Người qua đời

NGUỒN 1000 Mucize no.326 (s.302); Kütüb-i Sitte: Buhârî ; Buharî, Menakıb 1, Megazî 74, Bed'ü'l-Halk 14; Müslim, İman 84, (52) [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 4803, c./s. 13/471; no. 4627, c./s. 13/210]

## 2332. Người cho biết Người không lo Ummah nghèo khó mà lo thế gian được trải ra trước...

**Sahih (Xác thực)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người cho biết Người không lo Ummah nghèo khó mà lo thế gian được trải ra trước mặt họ và họ tranh đua vì nó mà diệt vong, rằng thảm họa của Ummah Người là của cải, và Người không để lại cho đàn ông thảm họa nào tai hại hơn thảm họa phụ nữ; theo quyển sách, điều này xảy ra ngay sau khi Người qua đời.

Lời tiên tri: thời điểm không rõ; Ứng nghiệm: ngay sau khi Người qua đời (theo lời của quyển sách)

NGUỒN 1000 Mucize no.419 (s.413); web: Yaqeen Institute, "The Prophecies of Prophet Muhammad"; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 185; ayrıca: İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî, s. 255; Elshinawy, The Prophecies of Prophet Muhammad (Yaqeen); Kütüb-i Sitte: Buharî, Rikâk 7, Cizye 1, Megâzî 11; Müslim, Zühd 6, (2961); Tirmizî, Kıyâmet 29, (2464) [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 1147; no. 395, c./s. 3/168-; no. 3308, c./s. 10/97-98]

## 2333. Người hỏi Jabir: "Các ngươi có anmat (tấm trải giường/thảm) không?", ông đáp...

**Sahih (Xác thực)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người hỏi Jabir: "Các ngươi có anmat (tấm trải giường/thảm) không?", ông đáp: "Chúng tôi lấy đâu ra", Người nói: "Sau này các ngươi sẽ có anmat"; về sau, khi Jabir bảo vợ cất tấm anmat trong nhà đi, bà nhắc lại lời ấy.

Lời tiên tri: thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ; Ứng nghiệm: khi Jabir còn sống, thời điểm không rõ

NGUỒN 1000 Mucize no.420 (s.415); web: Buhârî, Menâkıb, Alâmâtü'n-nübüvve, no. 3631; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 185; ayrıca: İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî, s. 255, 376; Kütüb-i Sitte: Buharî, Menakıb 25, Nikah 62; Müslim, Libas 39; Ebu Davud, Libas 45, (4145); Tirmizî, Edeb 26, (2775); Nesâî, Nikah 83, (6, 136) [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 5576, c./s. 15/423]

## 2334. Người báo rằng nhà cửa ở Madinah sẽ lan đến nơi gọi là Ihab (hoặc Yahab); thành...

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người báo rằng nhà cửa ở Madinah sẽ lan đến nơi gọi là Ihab (hoặc Yahab); thành phố đã mở rộng hàng dặm từ trung tâm.

Lời tiên tri: thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ; Ứng nghiệm: các thế kỷ sau (ngày nay)

NGUỒN 1000 Mucize no.491 (s.482); Kütüb-i Sitte: Müslim

## 2335. Người cho Habib bin Maslamah al-Fihri, người đến Madinah để tham gia chuyến...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người cho Habib bin Maslamah al-Fihri, người đến Madinah để tham gia chuyến hành quân, trở về cùng người cha Maslamah đuổi theo sau, và nói: "Cha ngươi có thể chết năm nay"; Maslamah đã chết trong năm ấy.

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ (lời tiên tri và sự ứng nghiệm trong cùng một năm)

NGUỒN 1000 Mucize no.935 (s.769)

## 2336. Người báo rằng người La Mã sẽ tồn tại qua nhiều thế hệ (dhat al-qurun) cho đến cuối thời

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người báo rằng người La Mã sẽ tồn tại qua nhiều thế hệ (dhat al-qurun) cho đến cuối thời.

Lời tiên tri: thời kỳ Madinah; Ứng nghiệm: còn tiếp diễn

NGUỒN Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 24. fasıl (gayb haberleri)

## 2337. Người báo rằng người Ansar sẽ ít đi, chỉ còn như muối trong thức ăn; việc của...

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người báo rằng người Ansar sẽ ít đi, chỉ còn như muối trong thức ăn; việc của họ cứ thế tan rã, cộng đồng của họ không còn.

Lời tiên tri: năm 11 H (bài thuyết giảng cuối cùng); Ứng nghiệm: các thế kỷ sau

NGUỒN Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 24. fasıl (gayb haberleri)

## 2338. Người nói: "Tôn giáo này sẽ đến mọi nơi mà đêm và ngày đến; Allah sẽ không để..."

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người nói: "Tôn giáo này sẽ đến mọi nơi mà đêm và ngày đến; Allah sẽ không để một ngôi nhà bằng gạch bùn hay bằng lông thú nào mà không đưa nó vào" (do Tamim ad-Dari thuật lại).

Ứng nghiệm: còn tiếp diễn

NGUỒN Yaqeen Institute (M. Elshinawy), "The Prophecies of Prophet Muhammad"

## 2339. Người báo: "Bộ tộc Mudar sẽ còn giết hại và gây thảm họa cho các bề tôi đức..."

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người báo: “Bộ tộc Mudar sẽ còn giết hại và gây thảm họa cho các bề tôi đức hạnh của Allah; cuối cùng Allah sẽ sai một đạo quân trong các đạo quân của Ngài trị họ” (do Hudhayfah thuật lại).

Lời tiên tri: thời kỳ Madinah; Ứng nghiệm: thời điểm không rõ

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 205 (Abbâsîlerin hilafetini haber vermesi)

---

## 2340. Người báo: “Kẻ khó đối phó nhất với các ngươi trong loài người là người La Mã...”

**Sahih (Xác thực)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người báo: “Kẻ khó đối phó nhất với các ngươi trong loài người là người La Mã; sự diệt vong của họ chỉ đến cùng với Giờ Tận Thế” (do al-Mustawrid bin Shaddad thuật lại).

Lời tiên tri: thời kỳ Madinah; Ứng nghiệm: Byzantine và người La Mã tồn tại qua nhiều thế kỷ

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 217 (Rumların helakinin kıyametle birlikte olacağını haber vermesi)

---

## 2341. Người báo: “Trong Ummah này sẽ có sự biến đổi hình dạng (maskh), bị đất nuốt...”

**Sahih (Xác thực)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người báo: “Trong Ummah này sẽ có sự biến đổi hình dạng (maskh), bị đất nuốt (khasf) và mưa đá (qadhf); điều đó sẽ xảy ra với những kẻ phủ nhận định mệnh và những kẻ vô thần (zindiq)” (do Ibn Umar thuật lại).

Lời tiên tri: thời kỳ Madinah; Ứng nghiệm: thời điểm không rõ

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 252 (Râfıza, Kaderiyye, Mürcie ve zındıkları haber vermesi)

---

## 2342. Nhìn một khoảnh đất ở Madinah, Người nói: “Ở nơi này sẽ có biết bao lời thề...”

**Da'if (Yếu)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Nhìn một khoảnh đất ở Madinah, Người nói: “Ở nơi này sẽ có biết bao lời thề không lên được tới Allah”; người thuật lại về sau thấy ở đó là chợ của những kẻ buôn nô lệ/gia súc (nakhkhasin) (do Abu Hurairah thuật lại).

Lời tiên tri: thời kỳ Madinah; Ứng nghiệm: những năm sau, Madinah

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 261 (kendisinden sonra olacak çeşitli hâlleri haber vermesi)

---

## 2343. Người báo: “Trong Ummah ta, ba điều của thời Jahiliyah sẽ không bị bỏ: trông...”

**Sahih (Xác thực)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người báo: “Trong Ummah ta, ba điều của thời Jahiliyah sẽ không bị bỏ: trông mưa nhờ các vì sao, chửi bới dòng dõi và khóc than người chết” (do Junadah al-Azdi thuật lại).

Lời tiên tri: thời kỳ Madinah; Ứng nghiệm: còn tiếp diễn

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 263 (kendisinden sonra olacak çeşitli hâlleri haber vermesi)

---

## 2344. Người báo: “Tôn giáo này có lúc tiến lên (iqbal) và có lúc thoái lui (idbar)”...

**Da'if (Yếu)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người báo: “Tôn giáo này có lúc tiến lên (iqbal) và có lúc thoái lui (idbar)”: khi tiến lên, cả bộ tộc hiểu biết tôn giáo, chỉ một hai kẻ tội lỗi bị lép vế; khi thoái lui, cả bộ tộc ngu dốt, chỉ một hai người hiểu biết bị lép vế, rượu và sự đồi bại được làm công khai (do Abu Umamah thuật lại).

Lời tiên tri: thời kỳ Madinah; Ứng nghiệm: các thế kỷ sau

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 264 (kendisinden sonra olacak çeşitli hâlleri haber vermesi)

---

## 2345. Người báo: “Khi ngươi thấy Ummah ta sợ nói với kẻ bất công ‘Ngươi là kẻ bất…’”

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người báo: “Khi ngươi thấy Ummah ta sợ nói với kẻ bất công ‘Ngươi là kẻ bất công’, thì họ đã bị từ biệt” (do Abdullah bin Amr thuật lại).

Lời tiên tri: thời kỳ Madinah; Ứng nghiệm: các thế kỷ sau

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 264 (kendisinden sonra olacak çeşitli hâlleri haber vermesi)

---

## 2346. Người báo: “Sẽ đến một thời người ta ngồi thành vòng trong các masjid mà mối…”

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người báo: “Sẽ đến một thời người ta ngồi thành vòng trong các masjid mà mối bận tâm chỉ là thế gian; Allah không cần đến họ, đừng ngồi với họ” (do Anas thuật lại).

Lời tiên tri: thời kỳ Madinah; Ứng nghiệm: các thế kỷ sau

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 264 (kendisinden sonra olacak çeşitli hâlleri haber vermesi)

---

## 2347. Người báo: “Ngày nay con người như cái cây có lá mà không gai; chẳng bao lâu họ…”

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người báo: “Ngày nay con người như cái cây có lá mà không gai; chẳng bao lâu họ sẽ như cái cây có gai mà không lá” (do Abu Umamah al-Bahili thuật lại).

Lời tiên tri: thời kỳ Madinah; Ứng nghiệm: các thế hệ sau

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 266 (kendisinden sonra olacak çeşitli hâlleri haber vermesi)

---

## 2348. Người báo: “Mọi việc chỉ càng thêm khắc nghiệt, của cải chỉ càng thêm nhiều…”

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người báo: “Mọi việc chỉ càng thêm khắc nghiệt, của cải chỉ càng thêm nhiều, con người chỉ càng thêm keo kiệt” (do Abu Umamah thuật lại).

Lời tiên tri: thời kỳ Madinah; Ứng nghiệm: các thế kỷ sau

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 266 (kendisinden sonra olacak çeşitli hâlleri haber vermesi)

---

## 2349. Theo lời báo của Jibril, Người cho biết trong Ummah của Người sẽ xuất hiện ba…

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Theo lời báo của Jibril, Người cho biết trong Ummah của Người sẽ xuất hiện ba việc mà các cộng đồng trước chưa từng làm (đào trộm mộ và phụ nữ thỏa mãn với phụ nữ là trong số đó) (do Ubayd al-Juhani thuật lại).

Lời tiên tri: thời kỳ Madinah; Ứng nghiệm: các thế kỷ sau

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 268 (kendisinden sonra olacak çeşitli hâlleri haber vermesi)

## 2350. Người cho biết trong Ummah của Người sẽ có những người thay thế (abdal): ba...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người cho biết trong Ummah của Người sẽ có những người thay thế (abdal): ba trăm người có trái tim như trái tim Adam, bốn mươi người như trái tim Musa, bảy người như trái tim Ibrahim, ba người như trái tim Jibril, một người như trái tim Israfil (Ibn Mas'ud); mặt đất sẽ không vắng bốn mươi người như Bạn Thân của Đấng Rất Mực Độ Lượng (Anas); abdal là ba mươi người (Ubadah bin as-Samit).

Lời tiên tri: thời điểm không rõ; Ứng nghiệm: còn tiếp diễn

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 372 (ümmetine özgü hususiyetler bâbları)

## 2351. Người báo cho người Ansar: "Mọi người sẽ đông lên, còn người Ansar sẽ ít đi"...

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người báo cho người Ansar: "Mọi người sẽ đông lên, còn người Ansar sẽ ít đi", và đúng là như vậy.

Lời tiên tri: thời kỳ Madinah (gần lúc Người qua đời); Ứng nghiệm: các thế kỷ sau

NGUỒN İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî (el-Bidâye ve'n-Nihâye'den; thk. es-Seyyid İbrâhîm), tek cilt, s. 245 (İhbâruhû bimâ vakaa alâ hakîkatih)

## 2352. Người báo: "Mỗi vị Nabi trước ta đều có những môn đồ; rồi sau họ sẽ đến những..."

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người báo: "Mỗi vị Nabi trước ta đều có những môn đồ; rồi sau họ sẽ đến những kẻ kế tục xấu (khuluf) nói điều họ không làm, làm điều họ không được ra lệnh."

Lời tiên tri: thời kỳ Madinah; Ứng nghiệm: các thời kỳ sau khi Người qua đời

NGUỒN İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî (el-Bidâye ve'n-Nihâye'den; thk. es-Seyyid İbrâhîm), tek cilt, s. 264 (Fasl fî tertîbi'l-ahbâr bi'l-guyûbi'l-müstakbele ba'deh)

## 2353. Người nói: "Ummah ta có năm tầng lớp: bốn mươi năm là người của điều thiện và..."

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người nói: "Ummah ta có năm tầng lớp: bốn mươi năm là người của điều thiện và lòng kính sợ; đến một trăm hai mươi năm là những người giữ lòng thương xót và tình máu mủ; đến một trăm sáu mươi năm là những người quay lưng, cắt đứt với nhau; rồi đến harj, harj (giết chóc), hãy cứu lấy mình, hãy cứu lấy mình" (do Anas thuật lại; theo một đường truyền khác mỗi tầng lớp là bốn mươi năm).

Lời tiên tri: thời kỳ Madinah; Điều được ám chỉ: năm 40, 120, 160 H và sau đó

NGUỒN İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî (el-Bidâye ve'n-Nihâye'den; thk. es-Seyyid İbrâhîm), s. 368 (insanların tabakalarını haber vermesi)

## 2354. Người báo rằng sau Người một số người sẽ thay đổi tôn giáo: "Ta là người đi..."

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người báo rằng sau Người một số người sẽ thay đổi tôn giáo: "Ta là người đi trước các ngươi đến Hồ nước; ai đến sẽ uống, ai uống sẽ không bao giờ khát nữa; một số nhóm người mà ta biết và họ biết ta sẽ đến với ta, rồi giữa ta

và họ bị ngăn lại; ta sẽ nói: ‘Họ thuộc về ta’; người ta sẽ nói: ‘Ngươi không biết họ đã bày đặt những gì sau ngươi’; ta sẽ nói: ‘Hãy cách xa những kẻ đã thay đổi sau ta.’”

Lời tiên tri: thời kỳ Madinah; Ứng nghiệm: sau khi Người qua đời

NGUỒN Tabersî, İ'lâmü'l-verâ bi-a'lâmi'l-hüdâ, c. 1, s. 90 (2. bâb: gayb ve gelecek haberleri)

---

## 2355. Người báo trước Rumiyah (Roma) sẽ được chinh phục và nói: “Khi chinh phục, hãy…”

**Da'if (Yếu)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người báo trước Rumiyah (Roma) sẽ được chinh phục và nói: “Khi chinh phục, hãy biến nhà thờ phía đông thành masjid; hãy đếm bảy phiến đá lát rồi nhấc phiến thứ tám lên; bên dưới có cây gậy của Musa và áo (của một vị Nabi).”

Ứng nghiệm: chưa xảy ra / tùy theo cách giải thích

NGUỒN Meclisî, Bihâru'l-envâr, c. 18, s. 132 (Bâb 11: gaybî haberleri)

---

## 2356. Người báo cho Ali: “Sẽ có những thảm họa mà tín đồ không thể thay đổi bằng tay…”

**Da'if (Yếu)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người báo cho Ali: “Sẽ có những thảm họa mà tín đồ không thể thay đổi bằng tay cũng không bằng lời”; khi Ali hỏi: “Hôm ấy trong số họ có tín đồ không; điều đó có làm giảm gì đức tin của họ không?”, Người đáp: “Không, chỉ như giọt mưa làm giảm tảng đá” (do Ubadah bin as-Samit thuật lại).

Ứng nghiệm: sau khi Người qua đời (tùy theo cách giải thích)

NGUỒN Meclisî, Bihâru'l-envâr, c. 18, s. 144-145 (Bâb 12: kendisinden sonra olacakları haber vermesi)

---

## 2357. Người báo cho Ali rằng một số thảm họa sẽ xuất hiện, và lối thoát khỏi chúng là…

**Da'if (Yếu)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người báo cho Ali rằng một số thảm họa sẽ xuất hiện, và lối thoát khỏi chúng là Kinh Sách của Allah, trong đó có tin tức về những người trước và những người sau cùng sự phán xử giữa họ.

Lời tiên tri: thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ; Ứng nghiệm: sau khi Người qua đời (quyển sách không nêu rõ)

NGUỒN N. İçel, Hz. Muhammed'in (sas) Mucizeleri -1 (2023), "HZ. MUHAMMED ALEYHİSSELÂM'IN EN BÜYÜK VE EN DEVAMLI MU'CİZESİ KUR'ÂN-I KERÎM'DİR" (kitabın dipnotu: Cin:1-2); Kütüb-i Sitte: Tirmizî, Fezâilü'l-Kur'ân 14, (2906) (kitapta kaynak gösterilmemiş; Canan'da bulunamadı)

## 45 · Những sự việc được chứng kiến sau khi Người qua đời: Karamah của Sahabah và Tabi'in, lời chứng của Người Kinh Sách

### 2358. Abul Qasim bin Ma'mun: “Chúng tôi có một trong những cái bát (qas'ah) của Nabi...”

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Abul Qasim bin Ma'mun: “Chúng tôi có một trong những cái bát (qas'ah) của Nabi; chúng tôi đổ nước vào đó cho người bệnh, và họ được khỏi nhờ nó.”

Nhiều thế kỷ sau thời Nabi (thế kỷ 4–5 H)

NGUỒN Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 23. fasıl (kerâmât, berekât, dokunduğu şeylerin dönüşmesi)

### 2359. Abu Muslim al-Khawlani không bị cháy trong ngọn lửa mà vị Nabi giả al-Aswad...

Hasan (Tốt) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Abu Muslim al-Khawlani không bị cháy trong ngọn lửa mà vị Nabi giả al-Aswad al-Ansi cho ném ông vào.

Năm 11 H (632 CN)

NGUỒN İbn Kesîr s.180; 1000 Mucize no.850 (s.712); web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 133; ayrıca: İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî, s. 403-405; İbn Hamza et-Tûsî, es-Sâkıb, s. 114, hadis no. 111/14

### 2360. Nhờ lời cầu xin của al-Ala' bin al-Hadrami, nước phun ra giữa sa mạc, và ông...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Nhờ lời cầu xin của al-Ala' bin al-Hadrami, nước phun ra giữa sa mạc, và ông cùng đạo quân vượt biển (vịnh) mà không bị ướt.

Năm 11–12 H (633 CN)

NGUỒN İbn Kesîr s.178; web: Beyhakî, Delâilü'n-nübüvve, c.6 s.52-53; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 492; c. 2, s. 111; ayrıca: İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî, s. 183-184, 385-387, 428

### 2361. Người nô lệ được Người trả tự do là Safinah bị lạc đường trên đất La Mã, nói...

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người nô lệ được Người trả tự do là Safinah bị lạc đường trên đất La Mã, nói với con sư tử chặn đường mình: “Tôi là người được Thiên Sứ của Allah trả tự do”; con sư tử chỉ đường cho ông.

Sau năm 11 H

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.4 s.501; İbn Kesîr s.66; 19. Mektup listesi (183.txt) no.73; web: Beyhakî, Delâilü'n-nübüvve, c.6 s.45; Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 19. fasıl; Questions on Islam, "The Miracles Shown on Animals"; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 108; ayrıca: İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî, s. 163; Meclisî, Bihâru'l-envâr, c. 17, s. 409-410; Râvendî, el-Harâic, c. 1, s. 136-138

### 2362. Asma' bint Abi Bakr lấy ra một chiếc áo choàng và nói: “Thiên Sứ của Allah từng...”

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Asma' bint Abi Bakr lấy ra một chiếc áo choàng và nói: “Thiên Sứ của Allah từng mặc chiếc áo này; chúng tôi giặt nó cho người bệnh, mong được chữa lành.”

Sau thời Nabi (năm 11–73 H)

NGUỒN Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 23. fasıl (kerâmât, berekât, dokunduğu şeylerin dönüşmesi)

---

## 2363. Sau khi al-Ala' bin al-Hadrami (theo một lời thuật là một người bạn của ông)...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Sau khi al-Ala' bin al-Hadrami (theo một lời thuật là một người bạn của ông) chết trong chuyến hành quân và được chôn, người ta mở mộ để dời thi hài khỏi nơi được nói là thú dữ sẽ đào xác lên; không tìm thấy thi hài, và người ta thấy lahd tràn ngập một ánh sáng rực rỡ đến tận tầm mắt.

Chuyến hành quân đến Bahrain, năm 11–12 H (633 CN) và sau đó

NGUỒN Beyhakî, Delâilü'n-nübüvve, c.6 s.53

---

## 2364. (Karamah trong Ummah của Người) Một người đàn ông xứ Khawlan theo Islam bị dân...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

(Karamah trong Ummah của Người) Một người đàn ông xứ Khawlan theo Islam bị dân mình ném vào lửa để ép bỏ đạo, và chỉ những chỗ nước Wudu' không chạm tới mới bị cháy; Abu Bakr xin ông cầu xin cho mình, và ở Sham ông được ví với Nabi Ibrahim.

Thời Abu Bakr, năm 11–13 H

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 133 (Cansız varlık türlerindeki mucizeleri: ateşin yakmaması)

---

## 2365. Ở al-Hirah, Khalid bin al-Walid đọc Bismillah rồi uống thuốc độc mà không bị hại

Hasan (Tốt) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Ở al-Hirah, Khalid bin al-Walid đọc Bismillah rồi uống thuốc độc mà không bị hại.

Năm 12 H (633 CN)

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.5 s.420, 421; web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 494; ayrıca: İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî, s. 412

---

## 2366. Thabit bin Qays, người tử vì đạo ở Yamamah, trong giấc mơ báo cho một Sahabah...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Thabit bin Qays, người tử vì đạo ở Yamamah, trong giấc mơ báo cho một Sahabah biết chỗ bộ giáp của mình và để lại di chúc, và Abu Bakr đã thực hiện di chúc ấy.

Năm 12 H (633 CN)

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.5 s.129; İbn Kesîr s.147

---

## 2367. Khi Thabit bin Qays bin Shammas, người tử vì đạo ở Yamamah, được đặt vào mộ...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Khi Thabit bin Qays bin Shammas, người tử vì đạo ở Yamamah, được đặt vào mộ, người ta nghe ông nói: “Muhammad là Thiên Sứ của Allah, Abu Bakr as-Siddiq, Umar ash-Shahid, Uthman al-Barr ar-Rahim”; nhìn lại thì ông đã chết (Abdullah bin Ubaydullah al-Ansari: “Tôi ở trong số những người chôn ông”).

Trận Yamamah, năm 12 H (633 CN)

NGUỒN Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 20. fasıl (ölülerin diriltilmesi, çocukların konuşması)

---

## 2368. Con lừa của một chiến binh người Yemen (an-Nakha'i) chết giữa đường đã sống lại nhờ lời cầu xin của ông

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Con lừa của một chiến binh người Yemen (an-Nakha'i) chết giữa đường đã sống lại nhờ lời cầu xin của ông.

Năm 13–23 H (thời Umar)

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.4 s.504; İbn Kesîr s.72; web: Beyhakî, Delâilü'n-nübüvve, c.6 s.48-49; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 114; ayrıca: İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî, s. 181-182, 457-458

---

## 2369. Ở Madinah, trong bài thuyết giảng ngày Jumu'ah, Umar bỗng gọi to ba lần: "Hỡi..."

Hasan (Tốt) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Ở Madinah, trong bài thuyết giảng ngày Jumu'ah, Umar bỗng gọi to ba lần: "Hỡi Sariyah, hãy dựa vào núi!"; tiếng gọi được nghe thấy ở đạo quân xa xôi, binh sĩ của Sariyah đang sắp tan vỡ đã dựa lưng vào núi và chiến thắng, và một tháng sau người sứ giả đến xác nhận điều này.

Thời Umar làm Khalifah (năm 13–23 H), khoảng năm 23 H (644 CN)

NGUỒN 1000 Mucize no.832 (s.694); web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 497

---

## 2370. Khi Umar đang ngủ trong masjid, một tướng La Mã (batriq) hiện ra bên đầu ông và...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Khi Umar đang ngủ trong masjid, một tướng La Mã (batriq) hiện ra bên đầu ông và đọc lời chứng nhận đức tin; ông ta nói đã nghe một tù binh Muslim đọc câu kinh "Wa man yuti'illaha wa rasulahu..." (chương an-Nur, câu 52), suy ngẫm về nó, thấy trong một câu kinh ấy gom đủ những gì được mặc khải cho Nabi Isa về tình trạng ở thế gian và Đời Sau, rồi theo Islam.

Thời Umar (năm 13–23 H)

NGUỒN Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, i'câzü'l-Kur'ân fasılları

---

## 2371. Ka'b al-Ahbar bắt một giáo sĩ Do Thái đang khóc thề và lần lượt xác nhận rằng...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Ka'b al-Ahbar bắt một giáo sĩ Do Thái đang khóc thề và lần lượt xác nhận rằng trong Kinh Tawrah, Musa đã đọc các đặc điểm của Ummah Ahmad mà ước ao.

Thời Umar và sau đó (năm 13–32 H)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 21 (Tevrat ve İncil'de anılması bâbı)

---

## 2372. Các bạn của Ibn Mas'ud trên đường đi Hajj chôn một con rắn trắng thơm mùi xạ...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Các bạn của Ibn Mas'ud trên đường đi Hajj chôn một con rắn trắng thơm mùi xạ hương; buổi chiều bốn người phụ nữ đến nói: "Ai đã chôn Amr? Cậu ấy là một tín đồ nhịn chay và dâng lễ nguyện; cậu ấy đã nghe trên trời về

các đặc điểm của Nabi các người bốn trăm năm trước khi Người được cử phái và đã tin"; Umar xác nhận: "Bà nói đúng, tôi đã nghe Thiên Sứ của Allah nói như vậy."

Thời Umar (năm 13–23 H)

NGUỒN Ebû Nuaym el-İsfahânî, Delâilü'n-nübüvve, 17. fasıl (hicret yolundaki âyetler), no. 257

---

## 2373. Khi sắp qua đời, Abu Bakr dặn: "Hãy đưa tôi đến mộ của Thiên Sứ của Allah, xin..."

**Da'if (Yếu)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Khi sắp qua đời, Abu Bakr dặn: "Hãy đưa tôi đến mộ của Thiên Sứ của Allah, xin phép và nói: 'Abu Bakr muốn được chôn bên ngài'" (phần tiếp theo của lời thuật bị cắt trong bản tóm tắt).

Năm 13 H (634 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 491 (Vefatından sonra görülen âyetler)

---

## 2374. (Karamah trong Ummah của Người) Umar đi ngang nghĩa trang Baqi' và nói: "Bình..."

**Da'if (Yếu)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

(Karamah trong Ummah của Người) Umar đi ngang nghĩa trang Baqi' và nói: "Bình an cho các người, hỡi cư dân mộ phần; tin tức nơi chúng tôi là: vợ các người đã tái giá, nhà các người đã có người ở, của cải các người đã bị chia"; một tiếng nói vô hình đáp: "Tin tức nơi chúng tôi là: những gì gửi đi trước chúng tôi đã tìm thấy, những gì chi dùng chúng tôi đã thấy lợi, những gì để lại chúng tôi đã mất."

Thời Umar, năm 13–23 H

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 112 (Ölülerin diriltilmesi ve konuşması bâbı)

---

## 2375. (Karamah trong Ummah của Người) Umar đến mộ một chàng trai chăm thờ phụng và...

**Da'if (Yếu)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

(Karamah trong Ummah của Người) Umar đến mộ một chàng trai chăm thờ phụng và đọc câu kinh "Ai sợ sự đứng trước Thượng Đế của mình sẽ có hai khu vườn" (chương ar-Rahman, câu 46), và chàng trai đáp từ trong mộ: "Thượng Đế của tôi đã ban chúng cho tôi trên Thiên Đàng hai lần."

Thời Umar, năm 13–23 H

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 113 (Ölülerin diriltilmesi ve konuşması bâbı)

---

## 2376. (Karamah trong Ummah của Người) Vào thời Umar, ngọn lửa bùng lên từ al-Harrah...

**Da'if (Yếu)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

(Karamah trong Ummah của Người) Vào thời Umar, ngọn lửa bùng lên từ al-Harrah; theo yêu cầu của Umar, Tamim ad-Dari dùng tay/áo choàng lùa nó vào một thung lũng (hang); Umar nói ba lần: "Người đã thấy không giống người chưa thấy."

Thời Umar, năm 13–23 H

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 134 (Cansız varlık türlerindeki mucizeleri: ateşin yakmaması)

## 2377. Trong cuộc vây hãm Homs, khi người Muslim cùng hô Takbir, quân La Mã rúng động...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Trong cuộc vây hãm Homs, khi người Muslim cùng hô Takbir, quân La Mã rúng động, tường thành sụp đổ, và dân chúng hoảng sợ chạy đến thủ lĩnh để xin hòa.

Cuộc vây hãm Hims, thời Umar, khoảng năm 15 H (636 CN)

NGUỒN 1000 Mucize no.830 (s.694)

## 2378. Trong cuộc vây hãm Homs, với tiếng Takbir thứ hai của người Muslim, nhà cửa...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Trong cuộc vây hãm Homs, với tiếng Takbir thứ hai của người Muslim, nhà cửa trong thành đổ sập, và dân chúng nói với thủ lĩnh: "Ông không thấy hình phạt của Allah đã giáng xuống chúng ta sao?"

Cuộc vây hãm Hims, thời Umar, khoảng năm 15 H (636 CN)

NGUỒN 1000 Mucize no.831 (s.694)

## 2379. Ở Sham, Ka'b al-Ahbar nói với Umar rằng trong các kinh sách trước có ghi những...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Ở Sham, Ka'b al-Ahbar nói với Umar rằng trong các kinh sách trước có ghi những vùng đất này sẽ được chinh phục bởi tay một người đức hạnh "nhân từ với tín đồ, cứng rắn với kẻ vô đức tin, trong ngoài như một"; dân Bayt al-Maqdis nói với Khalid bin al-Walid: "Nơi này không phải ông mà Umar sẽ chinh phục; trong kinh sách, Qaysariyyah được chinh phục trước."

Năm 15–17 H (636–638 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 53 (ashabının önceki kitaplarda anılması bâbı)

## 2380. Tại Yarmuk, Jurjir (Jarajah), sứ giả của tướng La Mã Mahan, thấy người Muslim...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Tại Yarmuk, Jurjir (Jarajah), sứ giả của tướng La Mã Mahan, thấy người Muslim dâng lễ nguyện, hỏi vài câu rồi nói: "Isa đã báo tin mừng cho chúng tôi về người cưỡi lạc đà; Nabi của các người đã nói thật", và theo Islam.

Yarmuk, năm 15 H (636 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 496 (Vefatından sonra ashabının gazvelerinde görülen âyetler)

## 2381. Sa'd cầu xin về một người làm thơ châm biếm ông: "Lạy Allah, xin hãy giữ lưỡi..."

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Sa'd cầu xin về một người làm thơ châm biếm ông: "Lạy Allah, xin hãy giữ lưỡi và tay hắn xa con theo cách Ngài muốn"; người ấy bị giết vào ngày Qadisiyyah, lưỡi và tay bị chém đứt (do Qabisah bin Jabir thuật lại).

Qadisiyyah, năm 15 H (636 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 281 (duaların kabulündeki mucizeler: Sa'd b. Ebî Vakkâs için duası)

## 2382. Câu chuyện gặp gỡ Zurayb bin Barthamla (người thừa kế của Nabi Isa) trên đường đến Qadisiyyah

Bịa đặt (Mawdu') CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Câu chuyện gặp gỡ Zurayb bin Barthamla (người thừa kế của Nabi Isa) trên đường đến Qadisiyyah.

Năm 16 H (637 CN)

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.4 s.366; web: Ebû Nuaym el-İsfahânî, Delâilü'n-nübüvve, 5-6. fasıl, no. 54; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 495

## 2383. Khi đạo quân Sahabah đến sông Tigris, một người (được cho là Hujr bin Adi) nói...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Khi đạo quân Sahabah đến sông Tigris, một người (được cho là Hujr bin Adi) nói "Bismillah" rồi thúc ngựa xuống sông, những người khác theo sau đi qua trên mặt nước; kẻ thù la lên "Ma quỷ!" rồi bỏ chạy, và không mất thứ gì ngoài một cái bình nước buộc trên yên ngựa.

Chinh phục al-Mada'in, khoảng năm 16 H (637 CN)

NGUỒN 1000 Mucize no.845 (s.707); web: Beyhakî, Delâilü'n-nübüvve, c.6 s.54; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 493; ayrıca: İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî, s. 185, 388-389

## 2384. Một người mơ thấy tại nơi tập hợp, các vị Nabi đến mỗi vị với hai ánh sáng, còn...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Một người mơ thấy tại nơi tập hợp, các vị Nabi đến mỗi vị với hai ánh sáng, còn Muhammad ﷺ thì mỗi sợi tóc trên đầu và mặt Người là một ánh sáng riêng; Ka'b al-Ahbar nói: "Đây đúng là đặc điểm trong Kinh Tawrah."

Thời Umar–Uthman (năm 17–32 H)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 28 (Tevrat ve İncil'de anılması bâbı)

## 2385. Sau khi Người qua đời, phúc lành của Người vẫn hiện trên các Sahabah: Umar cầu...

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Sau khi Người qua đời, phúc lành của Người vẫn hiện trên các Sahabah: Umar cầu mưa nhờ người chú Abbas (lấy ông làm phương tiện), và mưa đã rơi; nhiều người khác cũng cầu phúc nhờ dòng dõi của Người.

Năm Ramadah, năm 18 H (639 CN)

NGUỒN Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 29. fasıl (doğumundaki ve sonrasındaki alâmetler)

## 2386. Habib bin Maslamah nói "La hawla wa la quwwata illa billah" và chinh phục được...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Habib bin Maslamah nói "La hawla wa la quwwata illa billah" và chinh phục được pháo đài.

Năm 20–40 H

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.5 s.429; web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 498

## 2387. Zaynab bint Jahsh đem phần ban thưởng Umar gửi đến, từ dưới tấm che vốc từng...

Hasan (Tốt) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Zaynab bint Jahsh đem phần ban thưởng Umar gửi đến, từ dưới tấm che vốc từng nắm chia cho họ hàng và trẻ mồ côi, rồi cầu xin: “Lạy Allah, từ nay về sau xin đừng để phần ban thưởng của Umar đến với con nữa”, và không lâu sau bà qua đời.

Thời Umar làm Khalifah, khoảng năm 20 H (641 CN)

NGUỒN 1000 Mucize no.844 (s.706)

## 2388. Sự việc được kể với Uthman: giữa sa mạc hai cơn lốc va vào nhau, sau đó một...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Sự việc được kể với Uthman: giữa sa mạc hai cơn lốc va vào nhau, sau đó một người tìm thấy một con rắn vàng mảnh thơm mùi xạ hương, quấn nó trong khăn xếp của mình mà chôn; một tiếng nói không thấy hình nói: “Đó là Jinn thuộc con cháu Shaysaban và Uqaysh; người ngươi chôn là một trong những người đã nghe mặc khải từ Thiên Sứ của Allah, và đã tử vì đạo.”

Thời Uthman (năm 23–35 H)

NGUỒN Ebû Nuaym el-İsfahânî, Delâilü'n-nübüvve, 17. fasıl (hicret yolundaki âyetler), no. 256

## 2389. Ka'b al-Ahbar nói với Umar: “Tôi thấy ông đứng bên một cổng Hỏa Ngục ngăn mọi...”

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Ka'b al-Ahbar nói với Umar: “Tôi thấy ông đứng bên một cổng Hỏa Ngục ngăn mọi người rơi vào đó; khi ông chết, họ sẽ lao vào đó cho đến Ngày Tận Thế”, và báo rằng ông sẽ vào Thiên Đàng trước khi tháng Dhul-Hijjah kết thúc; Umar tử vì đạo trong tháng ấy.

Dhul-Hijjah năm 23 H (644 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 230 (fitnelerin Hz. Ömer'in ölümünden sonra başlayacağını haber vermesi)

## 2390. Zayd bin Kharijah sau khi qua đời đã nói, làm chứng cho sứ mạng Nabi của Thiên...

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Zayd bin Kharijah sau khi qua đời đã nói, làm chứng cho sứ mạng Nabi của Thiên Sứ của Allah ﷺ và sự chính trực của ba vị Khalifah đầu tiên.

Năm 24–35 H (thời Uthman)

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.4 s.512; İbn Kesîr s.76; web: Beyhakî, Delâilü'n-nübüvve, c.6 s.55-57; Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 20. fasıl; Questions on Islam, "The Miracles concerning Resurrected Corpses"; ayrıca: İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî, s. 187-189, 458

## 2391. Sau Zayd bin Kharijah, một người thuộc Banu Khatmah cũng chết và đã được phủ...

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Sau Zayd bin Kharijah, một người thuộc Banu Khatmah cũng chết và đã được phủ kín, rồi từ ngực ông có tiếng nói: “Người anh em của Banu al-Harith bin al-Khazraj (Zayd) đã nói thật.”

Thời Uthman (năm 24–35 H)

NGUỒN Beyhakî, Delâilü'n-nübüvve, c.6 s.55

---

## 2392. Sau khi Người qua đời, một người đến gặp Uthman vì nhu cầu của mình mà không...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Sau khi Người qua đời, một người đến gặp Uthman vì nhu cầu của mình mà không được tiếp; Uthman bin Hunayf dạy ông lời cầu xin nhờ trung gian (tawassul) ấy; khi người ấy đọc lời cầu xin rồi đi, người gác cổng nắm tay đưa ông vào gặp Uthman, Uthman cho ông ngồi bên mình và lập tức giải quyết nhu cầu của ông.

Thời Uthman làm Khalifah, năm 24–35 H (644–656 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 347 (onunla Allah'a tevessül edilmesi (âmânın duası) bâbı)

---

## 2393. Chiếc nhẫn của Người sau khi Người qua đời ở trong tay Abu Bakr, Umar và...

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Chiếc nhẫn của Người sau khi Người qua đời ở trong tay Abu Bakr, Umar và Uthman; sau năm thứ sáu thời Uthman làm Khalifah, chiếc nhẫn rơi xuống giếng Aris, tìm ba ngày không thấy, và sau đó mọi việc thay đổi, các nguyên nhân thảm họa xuất hiện (các học giả: một bí ẩn như chiếc nhẫn của Nabi Sulayman).

Khoảng năm 30 H (650–651 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 143 (Mübarek elinin değdiği yerde görülen eserler (saçın ağarmaması vb.) bâbı)

---

## 2394. Abu Talhah qua đời trên thuyền trong cuộc chinh phạt trên biển; dù bảy ngày sau...

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Abu Talhah qua đời trên thuyền trong cuộc chinh phạt trên biển; dù bảy ngày sau mới tìm được một hòn đảo để chôn, thi hài ông không hề bị hư hoại.

Khoảng năm 34 H (654 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 499 (Vefatından sonra ashabının gazvelerinde görülen âyetler)

---

## 2395. Jahjah al-Ghifari, kẻ bẻ gãy trên đầu gối cây gậy trong tay Uthman (cây gậy của...)

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Jahjah al-Ghifari, kẻ bẻ gãy trên đầu gối cây gậy trong tay Uthman (cây gậy của Thiên Sứ của Allah ﷺ), bị hoại thư ở đầu gối mà chết.

Năm 35 H (656 CN)

NGUỒN 1000 Mucize no.841 (s.704); web: Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 23. fasıl; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 498

---

## 2396. Ka'b al-Ahbar và một vị giám mục cho Umar biết đặc điểm của ông trong Kinh...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Ka'b al-Ahbar và một vị giám mục cho Umar biết đặc điểm của ông trong Kinh Tawrah là "cái sừng sắt, vị chỉ huy cứng rắn"; họ báo rằng vị Khalifah sau ông (Uthman) sẽ bị những kẻ bất công giết, và thời Khalifah của người kế tiếp (Ali) sẽ trôi qua trong đổ máu.

Thời Umar làm Khalifah (năm 13–23 H); Ứng nghiệm: năm 35–40 H

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 54 (ashabının önceki kitaplarda anılması bâbı)

---

## 2397. Abdullah bin Salam nói với những kẻ vây hãm: “Đừng giết Uthman, đằng nào ông ấy...”

Hasan (Tốt) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Abdullah bin Salam nói với những kẻ vây hãm: “Đừng giết Uthman, đằng nào ông ấy cũng sẽ chết trong vòng bốn mươi ngày (sau đó là mười lăm đêm); trước khi hết tháng Dhul-Hijjah, ngày ra đi của ông sẽ đến”; ông cho biết trong các kinh sách có ghi rằng vào Ngày Tận Thế Uthman sẽ là người cai quản kẻ giết mình và kẻ bỏ mặc mình.

Năm 35 H (656 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 54 (ashabının önceki kitaplarda anılması bâbı)

---

## 2398. Uthman, đang bị vây hãm và nhịn chay, mơ thấy Thiên Sứ của Allah ﷺ; Người cho...

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Uthman, đang bị vây hãm và nhịn chay, mơ thấy Thiên Sứ của Allah ﷺ; Người cho ông uống nước và nói: “Tối nay hãy xả chay với chúng ta”, và Uthman tử vì đạo ngay hôm đó (do Muhajir bin Habib và Na'ilah bint al-Farafisah thuật lại).

Dhul-Hijjah năm 35 H (656 CN), Madinah

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 209 (Hz. Osman'ın öldürüleceğini haber vermesi)

---

## 2399. Vào ngày Uthman bị giết, người ta nghe một tiếng nói vô hình: “Tin mừng cho con...”

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Vào ngày Uthman bị giết, người ta nghe một tiếng nói vô hình: “Tin mừng cho con trai của Affan...” (do Adi bin Hatim thuật lại).

Dhul-Hijjah năm 35 H (656 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 209 (Hz. Osman'ın öldürüleceğini haber vermesi)

---

## 2400. Khi thi hài Uthman được chôn ban đêm, một bóng đen theo sau những người khiêng...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Khi thi hài Uthman được chôn ban đêm, một bóng đen theo sau những người khiêng (theo lời thuật có tiếng nói: “Đừng sợ, chúng tôi đến để dự đám tang ông ấy”; họ được xem là các Thiên Thần).

Dhul-Hijjah năm 35 H (656 CN), Madinah (Baqi')

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 209 (Hz. Osman'ın öldürüleceğini haber vermesi)

---

## 2401. Aisha nguyền rủa Ayman bin Sa'sa'ah, kẻ đã giết con lạc đà của bà: “Lạy Allah...”

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Aisha nguyền rủa Ayman bin Sa'sa'ah, kẻ đã giết con lạc đà của bà: “Lạy Allah, xin hãy lột tấm che của hắn (phơi bày điều thầm kín của hắn)”; vào thời Ali, người ấy đến Basra làm thống đốc, đêm ở trọ trong một ngôi nhà thì rơi xuống hố nhà vệ sinh mà chết và được tìm thấy trong tình trạng trần truồng.

Sau trận Lạc Đà, thời Ali làm Khalifah (năm 36–40 H / 656–661 CN)

NGUỒN 1000 Mucize no.843 (s.706)

---

## 2402. Vào ngày Siffin (hoặc ngày Lạc Đà), một người Ansar nằm giữa những người chết...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Vào ngày Siffin (hoặc ngày Lạc Đà), một người Ansar nằm giữa những người chết sắp được chôn đã nói: “Muhammad là Thiên Sứ của Allah, Abu Bakr as-Siddiq, Umar ash-Shahid, Uthman ar-Rahim”, rồi im lặng.

Siffin hoặc trận Lạc Đà, năm 36–37 H (656–657 CN)

NGUỒN Beyhakî, Delâilü'n-nübüvve, c.6 s.58

---

## 2403. Sa'd nguyền rủa một người chửi Ali; một con lạc đà đến giẫm lên người ấy (húc...)

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Sa'd nguyền rủa một người chửi Ali; một con lạc đà đến giẫm lên người ấy (húc vào đá làm vỡ đầu hắn); vì thế Sa'd trả tự do cho một nô lệ và thề không bao giờ nguyền rủa ai nữa (do Qays và Mus'ab bin Sa'd thuật lại).

Trong khoảng năm 36–55 H, thời điểm không rõ

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 281 (duaların kabulündeki mucizeler: Sa'd b. Ebî Vakkâs için duası)

---

## 2404. Khi đến Siffin, Ka'b al-Ahbar dừng lại và nói: “Ở nơi này máu người Muslim sẽ...”

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Khi đến Siffin, Ka'b al-Ahbar dừng lại và nói: “Ở nơi này máu người Muslim sẽ đổ nhiều hơn bất cứ nơi nào khác; trong Kinh Tawrah có ghi những gì sẽ xảy ra trên từng tấc đất.”

Lời tiên tri: thời Umar–Uthman; Ứng nghiệm: năm 37 H (657 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 56 (ashabının önceki kitaplarda anılması bâbı)

---

## 2405. Firas bin Amr thuộc Banu Layth bị đau đầu dữ dội; Người nắm da giữa hai mắt ông...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Firas bin Amr thuộc Banu Layth bị đau đầu dữ dội; Người nắm da giữa hai mắt ông kéo lên, cơn đau dứt, và nơi Người nắm mọc lên một chùm lông; khi Firas muốn theo phái Khawarij thì chùm lông rụng, khi ông sám hối thì nó mọc lại.

Sự việc: thời kỳ Madinah; Tóc rụng: năm 37–38 H (phái Khawarij xuất hiện)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 141-142 (Mübarek elinin değdiği yerde görülen eserler (saçın ağarmaması vb.) bâbı)

---

## 2406. Ở Siffin, một con lạc đà chở hàng của quân Sham hất người cưỡi và hàng hóa...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Ở Siffin, một con lạc đà chở hàng của quân Sham hất người cưỡi và hàng hóa xuống, xuyên qua các hàng quân đến với Ali, đặt mũi vào giữa đầu và vai ông, cọ cằm vào đó; Ali nói: “Thề bởi Allah, đây là dấu hiệu giữa tôi và Thiên Sứ của Allah” (do al-Harith thuật lại).

Siffin, năm 37 H (657 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 234 (Sıffîn vakasını ve iki hakemi haber vermesi)

---

## 2407. Abdullah bin Salam nói với Thiên Sứ của Allah ﷺ: “Trong các kinh sách, chúng...”

Hasan (Tốt) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Abdullah bin Salam nói với Thiên Sứ của Allah ﷺ: “Trong các kinh sách, chúng tôi thấy ngài vào Ngày Tận Thế đứng trước Thượng Đế của ngài, đôi má đỏ ửng vì những gì Ummah của ngài làm sau ngài”; khi Ali tử vì đạo, ông cũng nói: “Đây là đầu năm bốn mươi, sau đó sẽ có hòa bình.”

Thời kỳ Madinah; năm 40–41 H (661 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 55 (ashabının önceki kitaplarda anılması bâbı)

---

## 2408. Vào buổi sáng Ali tử vì đạo, ở Bayt al-Maqdis, dưới mỗi hòn đá được nhấc lên...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Vào buổi sáng Ali tử vì đạo, ở Bayt al-Maqdis, dưới mỗi hòn đá được nhấc lên đều có máu tươi (do az-Zuhri và Sa'id bin al-Musayyab thuật lại).

Ramadan năm 40 H (661 CN), Jerusalem

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 211 (Hz. Ali'nin öldürüleceğini haber vermesi)

---

## 2409. Khi Marwan nói: “Của cải này là của chúng ta, chúng ta muốn cho ai thì cho”...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Khi Marwan nói: “Của cải này là của chúng ta, chúng ta muốn cho ai thì cho”, Sa'd giơ tay lên định nguyền rủa; Marwan bật dậy van xin: “Hỡi Abu Ishaq, vì Allah xin đừng nguyền rủa; đó là của cải của Allah” (do Ibn al-Musayyab thuật lại).

Thời Mu'awiyah (Marwan làm thống đốc Madinah, khoảng năm 42–49 H)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 281 (duaların kabulündeki mucizeler: Sa'd b. Ebî Vakkâs için duası)

---

## 2410. Người cho biết một người tốt trong thế hệ Tabi'in sẽ nói sau khi chết, và...

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người cho biết một người tốt trong thế hệ Tabi'in sẽ nói sau khi chết, và ar-Rabi' bin Hirash đã nói.

Nửa sau thế kỷ 1 H

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.5 s.237; web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 253; ayrıca: İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî, s. 190

---

## 2411. Abu Muslim al-Khawlani cùng đạo quân đi bộ vượt qua sông Tigris

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Abu Muslim al-Khawlani cùng đạo quân đi bộ vượt qua sông Tigris.

Thế kỷ 1 H

NGUỒN 1000 Mucize no.852 (s.715); web: Beyhakî, Delâilü'n-nübüvve, c.6 s.54; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 494; ayrıca: İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî, s. 185, 389-391, 428

---

## 2412. Người phụ nữ vu khống Abu Muslim al-Khawlani bị mù vì lời nguyền của ông, và...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người phụ nữ vu khống Abu Muslim al-Khawlani bị mù vì lời nguyền của ông, và khi sám hối thì khỏi.

Thế kỷ 1 H

NGUỒN 1000 Mucize no.851 (s.714); ayrıca: İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî, s. 466

---

## 2413. Cây kim của Abu Rayhanah rơi xuống biển đã trở về nhờ lời cầu xin của ông

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Cây kim của Abu Rayhanah rơi xuống biển đã trở về nhờ lời cầu xin của ông.

Thế kỷ 1 H

NGUỒN 1000 Mucize no.869 (s.729)

---

## 2414. Kẻ đặt điều dối trá cho Mutarrif bin Abdullah chết ngay lập tức vì lời cầu xin của ông

Hasan (Tốt) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Kẻ đặt điều dối trá cho Mutarrif bin Abdullah chết ngay lập tức vì lời cầu xin của ông.

Thế kỷ 1 H

NGUỒN 1000 Mucize no.860 (s.722)

---

## 2415. Sa'id bin al-Musayyab cầu xin cho viên thống đốc Madinah, kẻ đã thề chém cổ ông...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Sa'id bin al-Musayyab cầu xin cho viên thống đốc Madinah, kẻ đã thề chém cổ ông vì ông không đến chỗ hắn, quên ông đi; suốt thời gian ở Madinah, viên thống đốc không hề nhớ đến ông, mãi về sau khi đang làm Wudu' mới nhớ lại lời thề.

Thời Umayyah, cuối thế kỷ 1 H (thời điểm không rõ)

NGUỒN 1000 Mucize no.846 (s.708)

---

## 2416. Dù người nữ tỳ đã lâu ngày bỏ thuốc độc vào thức ăn, chất độc vẫn không có tác...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Dù người nữ tỳ đã lâu ngày bỏ thuốc độc vào thức ăn, chất độc vẫn không có tác dụng với Abu Muslim al-Khawlani, người bắt đầu bữa ăn bằng lời cầu xin “Bismillah... nhờ tên Ngài không gì có thể gây hại”; theo một lời thuật, ông trả tự do cho người nữ tỳ.

Thời Tabi'in, thế kỷ 1 H (thời điểm không rõ)

NGUỒN 1000 Mucize no.848 (s.711)

## 2417. Abu Muslim al-Khawlani cầu xin cho những đứa trẻ nhờ ông cầu để bắt được con...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Abu Muslim al-Khawlani cầu xin cho những đứa trẻ nhờ ông cầu để bắt được con linh dương chạy ngang qua, và con linh dương bị bắt.

Thời Tabi'in, thế kỷ 1 H (thời điểm không rõ)

NGUỒN 1000 Mucize no.849 (s.712)

## 2418. Trên đường đi, Silah bin Ashyam đói lả mà không muốn xin ai, ông cầu xin thì...

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Trên đường đi, Silah bin Ashyam đói lả mà không muốn xin ai, ông cầu xin thì thấy phía sau mình một cái bình đầy chà là gói trong tấm vải; từ những hạt chà là một tu sĩ được ông cho đã trồng xuống, mọc lên những cây chà là đẹp.

Thời Tabi'in, thế kỷ 1 H (thời điểm không rõ)

NGUỒN 1000 Mucize no.855 (PDF s.720)

## 2419. Abu Raja' al-Utaridi cho một con rắn bò vào lều mình bên một nguồn nước uống...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Abu Raja' al-Utaridi cho một con rắn bò vào lều mình bên một nguồn nước uống nước, khi nó chết thì liệm và chôn nó; ngày hôm sau hàng nghìn giọng nói chào ông và nói: “Đó là người cuối cùng trong số những Jinn đã tuyên thệ trung thành với Thiên Sứ của Allah.”

Sau khi Người qua đời (thế kỷ 1 H)

NGUỒN Ebû Nuaym el-İsfahânî, Delâilü'n-nübüvve, 17. fasıl (hicret yolundaki âyetler), no. 255

## 2420. Một nhóm người lạc đường trên đường đi Makkah và đối mặt với cái chết; một...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Một nhóm người lạc đường trên đường đi Makkah và đối mặt với cái chết; một trong những Jinn từng nghe Qur'an từ Thiên Sứ của Allah ﷺ hiện ra, thuật lại hadith “Tín đồ là anh em của tín đồ, không bỏ mặc người ấy”, và chỉ cho họ nước và đường đi.

Sau khi Người qua đời (thế kỷ 1 H)

NGUỒN Ebû Nuaym el-İsfahânî, Delâilü'n-nübüvve, 17. fasıl (hicret yolundaki âyetler), no. 258

## 2421. Con rắn mà Safwan bin al-Mu'attal tìm thấy đã chết trên đường đi Hajj và chôn...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Con rắn mà Safwan bin al-Mu'attal tìm thấy đã chết trên đường đi Hajj và chôn cất, qua lời của một người đến gặp họ ở Ka'bah, được biết là Amr bin Jabir, người cuối cùng trong chín Jinn đã nghe Qur'an từ Người.

Sau khi Người qua đời (thế kỷ 1 H)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 234 (Cinlerin İslâm'ı ve ondaki âyetler bâbı (fasıl))

## 2422. Trên đường đến Bayt al-Maqdis, một tu sĩ nói với một lữ khách người Basra...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Trên đường đến Bayt al-Maqdis, một tu sĩ nói với một lữ khách người Basra: “Trong kinh sách của chúng tôi có ghi rằng một nhóm người theo tôn giáo của ông sẽ bị giết ở Adhra', họ không bị thẩm xét và không bị trừng phạt”; không lâu sau, Hujr bin Adi và các bạn bị giết ở Adhra'.

Năm 51 H (671 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 57 (ashabının önceki kitaplarda anılması bâbı)

## 2423. Safwan bin Muhriz không nhờ được các vị có thế lực ở Basra giúp người cháu bị...

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Safwan bin Muhriz không nhờ được các vị có thế lực ở Basra giúp người cháu bị Ubaydullah bin Ziyad giam; trong mơ ông được bảo: “Hãy xin điều ngươi cần”, ông liền đứng dậy dâng lễ nguyện và cầu xin; đêm ấy Ibn Ziyad mất ngủ, cho mở ngục và thả người cháu ra.

Basra, thời Ubaydullah bin Ziyad làm thống đốc (năm 55–64 H / 675–684 CN)

NGUỒN 1000 Mucize no.854 (s.716)

## 2424. Sa'd bin Abi Waqqas cầu xin: “Con cái của con còn nhỏ; xin hãy hoãn cái chết...”

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Sa'd bin Abi Waqqas cầu xin: “Con cái của con còn nhỏ; xin hãy hoãn cái chết của con cho đến khi chúng lớn”, và cái chết của ông được hoãn hai mươi năm.

Thời điểm không rõ (Sa'd qua đời năm 55 H)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 282 (duaların kabulündeki mucizeler)

## 2425. Ibn Abbas mơ giữa trưa thấy Thiên Sứ của Allah ﷺ đầu tóc rối bời, bụi bặm, tay...

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Ibn Abbas mơ giữa trưa thấy Thiên Sứ của Allah ﷺ đầu tóc rối bời, bụi bặm, tay cầm một cái lọ đầy máu; Người nói: “Máu của Husayn và các bạn của cháu; hôm nay ta đang thu nhặt nó”; ngày ấy được ghi lại, và người ta biết rằng Husayn đã bị giết đúng hôm đó.

Muharram năm 61 H (680 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 214 (Hz. Hüseyin'in öldürüleceğini haber vermesi)

## 2426. Umm Salamah mơ thấy Thiên Sứ của Allah ﷺ đầu và râu lấm đất; Người nói: “Ta vừa...”

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Umm Salamah mơ thấy Thiên Sứ của Allah ﷺ đầu và râu lấm đất; Người nói: “Ta vừa có mặt ở nơi Husayn bị giết.”

Muharram năm 61 H (680 CN), Madinah

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 214 (Hz. Hüseyin'in öldürüleceğini haber vermesi)

## 2427. Khi Husayn bị giết, trời mưa máu; sáng ra lều trại, chum vại và mọi thứ đều đầy...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Khi Husayn bị giết, trời mưa máu; sáng ra lều trại, chum vại và mọi thứ đều đầy máu (do Nadrah/Basrah al-Azdiyyah thuật lại).

Muharram năm 61 H (680 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 214 (Hz. Hüseyin'in öldürüleceğini haber vermesi)

## 2428. Vào ngày Husayn bị giết, ở Bayt al-Maqdis (theo một lời thuật là ở Sham), dưới...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Vào ngày Husayn bị giết, ở Bayt al-Maqdis (theo một lời thuật là ở Sham), dưới mỗi hòn đá được nhấc lên đều có máu tươi (do az-Zuhri và Umm Hibban thuật lại).

Muharram năm 61 H (680 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 214 (Hz. Hüseyin'in öldürüleceğini haber vermesi)

## 2429. Vào ngày Husayn bị giết, thế gian tối sầm ba ngày, và ai thoa nghệ tây lên mặt...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Vào ngày Husayn bị giết, thế gian tối sầm ba ngày, và ai thoa nghệ tây lên mặt thì mặt người ấy bị bỏng (do Umm Hibban thuật lại).

Muharram năm 61 H (680 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 214 (Hz. Hüseyin'in öldürüleceğini haber vermesi)

## 2430. Vào ngày Husayn bị giết, những con lạc đà lấy từ doanh trại của ông, khi bị...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Vào ngày Husayn bị giết, những con lạc đà lấy từ doanh trại của ông, khi bị giết và nấu chín, trở nên đắng như dưa đắng của Abu Jahl, không ăn được (do Jamil bin Murrah thuật lại).

Muharram năm 61 H (680 CN), Karbala

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 215 (Hz. Hüseyin'in öldürüleceğini haber vermesi)

## 2431. Khi Husayn bị giết, cây wars (lấy từ doanh trại của ông) hóa thành tro, và thịt...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Khi Husayn bị giết, cây wars (lấy từ doanh trại của ông) hóa thành tro, và thịt thì như có lửa bên trong (Sufyan thuật lại từ bà mình).

Muharram năm 61 H (680 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 215 (Hz. Hüseyin'in öldürüleceğini haber vermesi)

## 2432. Khi Husayn bị giết, bầu trời nhiều ngày liền (đỏ) như cục máu đông (Ali bin...)

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Khi Husayn bị giết, bầu trời nhiều ngày liền (đỏ) như cục máu đông (Ali bin Mushir thuật lại từ bà mình).

Muharram năm 61 H (680 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 215 (Hz. Hüseyin'in öldürüleceğini haber vermesi)

## 2433. Hai người thuộc bộ tộc Ju'fi có mặt khi Husayn bị giết đã bị trừng phạt: một...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Hai người thuộc bộ tộc Ju'fi có mặt khi Husayn bị giết đã bị trừng phạt: một người thì (bộ phận) dài ra, người kia dù kề túi nước vào miệng uống hết vẫn không đã khát (do Sufyan thuật lại).

Sau năm 61 H (sau năm 680 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 215 (Hz. Hüseyin'in öldürüleceğini haber vermesi)

## 2434. Khi Husayn bị giết, người ta nghe loài Jinn khóc than bằng thơ; Umm Salamah...

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Khi Husayn bị giết, người ta nghe loài Jinn khóc than bằng thơ; Umm Salamah nói: “Từ khi Thiên Sứ của Allah qua đời, tôi chưa từng nghe Jinn khóc than ngoài đêm nay; con trai tôi hẳn đã bị giết” (các lời thuật của Habib bin Abi Thabit).

Muharram năm 61 H (680 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 215 (Hz. Hüseyin'in öldürüleceğini haber vermesi)

## 2435. Trong những ngày al-Harrah, Sa'id bin al-Musayyab ở lại một mình trong masjid...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Trong những ngày al-Harrah, Sa'id bin al-Musayyab ở lại một mình trong masjid và vào các giờ lễ nguyện nghe tiếng Azan và Iqamah từ ngôi mộ cao quý.

Biến cố al-Harrah, năm 63 H (683 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 490 (Kabrinde hayatı, namazı ve selamın ulaştırılması)

## 2436. Ka'b báo cho Abdullah bin az-Zubayr rằng một người Thaqif sẽ giết ông...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Ka'b báo cho Abdullah bin az-Zubayr rằng một người Thaqif sẽ giết ông (al-Hajjaj); Abdullah bin Amr nói trong các kinh sách có ghi về một kẻ “đổ máu, dỡ từng hòn đá của Ka'bah”, và điều này đã xảy ra vào thời al-Hajjaj.

Ứng nghiệm: năm 73 H (692 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 56 (ashabının önceki kitaplarda anılması bâbı)

## 2437. Mutarrif cầu xin cho Muwarriq bị al-Hajjaj giam, những người bên cạnh nói...

Hasan (Tốt) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Mutarrif cầu xin cho Muwarriq bị al-Hajjaj giam, những người bên cạnh nói “Amin”; hôm sau, thấy cha của Muwarriq trong số những người vào gặp mình, al-Hajjaj bảo lính gác: “Hãy cùng ông già đến ngục và trả con trai cho ông ta.”

Iraq, thời al-Hajjaj làm thống đốc (năm 75–95 H / 694–714 CN)

NGUỒN 1000 Mucize no.861 (s.723)

---

## 2438. Vào thời al-Hajjaj, khi đi Hajj, viên quan ở as-Salihin không cho ai qua nếu...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Vào thời al-Hajjaj, khi đi Hajj, viên quan ở as-Salihin không cho ai qua nếu không có giấy phép; Dharr al-Hamdani bảo các bạn đồng hành làm Wudu', dâng lễ nguyện và cầu xin, và viên quan chỉ thả riêng họ đi.

Thời al-Hajjaj (năm 75–95 H / 694–714 CN)

NGUỒN 1000 Mucize no.863 (s.725)

---

## 2439. (Karamah trong Ummah của Người) Vị Sahabah già al-Irbad bin Sariyah đang cầu...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

(Karamah trong Ummah của Người) Vị Sahabah già al-Irbad bin Sariyah đang cầu xin được chết trong masjid Damascus thì một chàng trai đẹp mặc áo xanh đến nói: “Đừng cầu xin như vậy; hãy nói: ‘Lạy Allah, xin làm đẹp việc làm, xin cho đạt đến hạn kỳ’”; khi ông hỏi người ấy là ai, chàng trai nói: “Tôi là Rata'il, người xua tan nỗi buồn trong lồng ngực các tín đồ”, rồi biến mất.

Thời Sahabah, trước năm 75 H (694 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 159-160 (Ashabının melekleri görmesi ve sözlerini işitmesine dair mucizeler)

---

## 2440. Trước mặt al-Walid bin Abd al-Malik, Busr bin Sa'id cầu xin về người làm chứng...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Trước mặt al-Walid bin Abd al-Malik, Busr bin Sa'id cầu xin về người làm chứng gian rằng ông đã chửi con cháu Marwan: “Lạy Allah, nếu con nói thật, xin cho con thấy một dấu hiệu nơi hắn”, và người ấy ngã quỵ xuống, giãy giụa mà chết.

Thời al-Walid bin Abdul Malik làm Khalifah (năm 86–96 H / 705–715 CN)

NGUỒN 1000 Mucize no.847 (s.710)

---

## 2441. Anas bin Malik cho ném vào lò lửa đang cháy chiếc khăn (khăn lau) đã bẩn mà...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Anas bin Malik cho ném vào lò lửa đang cháy chiếc khăn (khăn lau) đã bẩn mà Thiên Sứ của Allah ﷺ từng dùng lau mặt; chiếc khăn không cháy mà lấy ra trắng tinh như sữa; ông nói: “Lửa không đốt thứ đã chạm vào mặt các vị Nabi.”

Sau khi Thiên Sứ của Allah qua đời (lúc Anas còn sống, trước năm 93 H)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 134 (Resûlullah'ın yüzünü sildiği mendilin yanmayıp ateşten bembeyaz çıkmasına dair fâide)

## 2442. Khi Amrah bint Abdurrahman nằm trên giường bệnh lúc lâm chung (có Urwah và...)

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Khi Amrah bint Abdurrahman nằm trên giường bệnh lúc lâm chung (có Urwah và al-Qasim ở bên), một con rắn đen lớn từ trần nhà xuống phía bà; khi một tờ giấy trắng rơi xuống có ghi “Từ Thượng Đế của Ka'b gửi Ka'b: ngươi không có quyền gì đối với con gái của những người đức hạnh”, con rắn rút lui và bỏ đi.

Khoảng năm 98–106 H (thời Tabi'in)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 499 (Vefatından sonra ashabının gazvelerinde görülen âyetler)

## 2443. Một tu sĩ báo trước khi các sự việc chưa được ai nghe biết rằng Sulayman bin...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Một tu sĩ báo trước khi các sự việc chưa được ai nghe biết rằng Sulayman bin Abd al-Malik đã chết và “al-Ashajj” Umar bin Abd al-Aziz lên thay, rồi bốn năm sau ông bị đầu độc; trong Kinh Tawrah có ghi rằng trời và đất sẽ khóc ông bốn mươi năm.

Năm 99–101 H (717–720 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 56 (ashabının önceki kitaplarda anılması bâbı)

## 2444. Khi người đọc Qur'an Yazid bin al-Qa'qa' qua đời, trên ngực ông thấy có ánh sáng như trang giấy của bản Qur'an

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Khi người đọc Qur'an Yazid bin al-Qa'qa' qua đời, trên ngực ông thấy có ánh sáng như trang giấy của bản Qur'an.

Khoảng năm 130 H

NGUỒN 1000 Mucize no.866 (s.727)

## 2445. Ka'b báo rằng những lá cờ đen của con cháu Abbas sẽ xuất hiện và tiến xuống...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Ka'b báo rằng những lá cờ đen của con cháu Abbas sẽ xuất hiện và tiến xuống Sham; Sarh al-Yarmuki, một người thuộc Người Kinh Sách, cũng báo rằng trong kinh sách có ghi Ummah này sẽ có mười hai thủ lĩnh kể cả vị Nabi của họ, khi đủ số thì giữa họ sẽ nổ ra chiến tranh.

Ứng nghiệm: năm 132 H (750 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 57 (ashabının önceki kitaplarda anılması bâbı)

## 2446. Sulayman at-Taymi khỏi bệnh nhờ Wudu'/lời cầu xin

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Sulayman at-Taymi khỏi bệnh nhờ Wudu'/lời cầu xin.

Thế kỷ 2 H

NGUỒN 1000 Mucize no.859 (s.722)

## 2447. Nhờ lời cầu xin của một nô lệ da đen đức hạnh ở Makkah, mưa đã rơi (câu chuyện...)

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Nhờ lời cầu xin của một nô lệ da đen đức hạnh ở Makkah, mưa đã rơi (câu chuyện của Ibn al-Mubarak).

Thế kỷ 2 H

NGUỒN 1000 Mucize no.857 (PDF s.723)

## 2448. Chiếc áo Sulayman at-Taymi mượn rồi trả lại vẫn còn mùi xạ hương; trong một...

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Chiếc áo Sulayman at-Taymi mượn rồi trả lại vẫn còn mùi xạ hương; trong một cuộc tranh cãi, kẻ nắm bụng ông giật kéo bị liệt tay.

Nửa đầu thế kỷ 2 H (thời điểm không rõ)

NGUỒN 1000 Mucize no.858 (s.721)

## 2449. Trên núi Abu Qubays ở Makkah, al-Fudayl bin Iyad nói: "Nếu sự phó thác của một..."

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Trên núi Abu Qubays ở Makkah, al-Fudayl bin Iyad nói: "Nếu sự phó thác của một người là chân thành, ngọn núi này sẽ rung chuyển", và ngọn núi rung chuyển; khi ông nói với ngọn núi, nó lại yên.

Makkah, nửa sau thế kỷ 2 H (thời điểm không rõ)

NGUỒN 1000 Mucize no.864 (s.726)

## 2450. Khi được báo con lừa dùng chở nước của ông bị lạc, al-Fudayl bin Iyad ngồi vào...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Khi được báo con lừa dùng chở nước của ông bị lạc, al-Fudayl bin Iyad ngồi vào mihrab, và con lừa tự đi đến dừng trước cửa masjid.

Nửa sau thế kỷ 2 H (thời điểm không rõ)

NGUỒN 1000 Mucize no.865 (s.727)

## 2451. Người dì của Attaf bin Khalid chào các ngôi mộ của những người tử vì đạo ở Uhud...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người dì của Attaf bin Khalid chào các ngôi mộ của những người tử vì đạo ở Uhud và nghe lời đáp: "Chúng tôi biết các người như chúng tôi biết nhau."

Thời Tabi'in (thế kỷ 2 H)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 364 (Uhud gazvesindeki âyetler)

## 2452. Một người kể chuyện ở Masjid al-Khayf khi được tra xét hóa ra là Shaytan (do...)

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Một người kể chuyện ở Masjid al-Khayf khi được tra xét hóa ra là Shaytan (do Sufyan thuật lại); và ở Masjid al-Haram, một ông già đọc cho người ta chép hadith với chuỗi truyền kéo đến Ali, khi người bên cạnh đọc Ayat al-Kursi thì biến mất (do Isa bin Abi Fatimah al-Fazari thuật lại).

Thế kỷ 2 H (Mina và Makkah)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 244 (hadis uyduran yalancıları ve şeytanları haber vermesi)

---

## 2453. Ở Basra, trong ngôi nhà nơi Sufyan ath-Thawri ẩn náu, con chim ông xin rồi thả...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Ở Basra, trong ngôi nhà nơi Sufyan ath-Thawri ẩn náu, con chim ông xin rồi thả ra chiều nào cũng trở về; khi Sufyan chết, nó theo đám tang ông và ngày nào cũng đến mộ ông cho đến khi chết, cuối cùng được chôn bên mộ ông.

Basra, khoảng năm 161 H (778 CN) và sau đó

NGUỒN 1000 Mucize no.856 (s.718)

---

## 2454. Qur'an được gìn giữ khỏi sự sửa đổi: một người Do Thái trong buổi họp của...

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Qur'an được gìn giữ khỏi sự sửa đổi: một người Do Thái trong buổi họp của al-Ma'mun viết các bản Tawrah, Injil và Qur'an có thêm bớt rồi đem bán; hai loại đầu được mua, còn những người buôn sách nhận ra sự thay đổi trong các bản Qur'an nên không mua; vì thế ông ta theo Islam; Sufyan bin Uyaynah giải thích điều này bằng câu kinh "Chúng Ta sẽ gìn giữ nó" (chương al-Hijr, câu 9) (do Yahya bin Aktham thuật lại).

Thời al-Ma'mun, năm 198–218 H (813–833 CN)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 316 (bütün peygamberlere üstün kılındığı ve kendisinden önce kimseye verilmeyen hususiyetler)

---

## 2455. Khi Amorium được chinh phục, trên cửa một nhà thờ người ta thấy dòng chữ viết...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Khi Amorium được chinh phục, trên cửa một nhà thờ người ta thấy dòng chữ viết bằng vàng ca ngợi người bạn trong hang (Abu Bakr), Umar, Uthman và Ali, và vị tu sĩ già nói: "Nó được viết hai nghìn năm trước Nabi của các người"; trong một nhà thờ La Mã cũng thấy câu thơ "Cộng đồng đã giết Husayn còn mong sự can thiệp của ông nội cậu ấy sao?" được viết 600 năm trước sứ mạng.

Được tìm thấy: năm 223 H (838 CN) và sau đó

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 62 (eski taşlarda adının bulunması bâbı)

---

## 2456. Một người đi Tarsus bị lạc khỏi đoàn trên đường, đọc lời cầu xin Ahmad bin...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Một người đi Tarsus bị lạc khỏi đoàn trên đường, đọc lời cầu xin Ahmad bin Hanbal dạy: "Hỡi Đấng chỉ đường cho những người lạc lối...", và đã tìm lại được đoàn của mình.

Nửa đầu thế kỷ 3 H (thời Ahmad bin Hanbal; thời điểm không rõ)

NGUỒN 1000 Mucize no.868 (s.728)

## 2457. Trong một chuyến đi, Người nói với người nô lệ được trả tự do của mình, người...

**Sahih (Xác thực)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Trong một chuyến đi, Người nói với người nô lệ được trả tự do của mình, người mang hành lý cho mọi người: “Ngươi là safinah (con thuyền)”, và cái tên ấy ở lại với ông.

Thời kỳ Madinah

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.4 s.503; 1000 Mucize no.274 (s.251); web: Beyhakî, Delâilü'n-nübüvve, c.6 s.47; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 121)

## 2458. Nhờ lời cầu xin của Abu Nasr, châu chấu từ trời rơi xuống

**Da'if (Yếu)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Nhờ lời cầu xin của Abu Nasr, châu chấu từ trời rơi xuống.

Thời điểm không rõ

NGUỒN 1000 Mucize no.862 (s.724)

## 2459. Umm Sharik thuộc Daws theo Islam và lên đường đến với Nabi ﷺ; người bạn đồng...

**Da'if (Yếu)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Umm Sharik thuộc Daws theo Islam và lên đường đến với Nabi ﷺ; người bạn đồng hành Do Thái không cho bà nước nếu bà không theo đạo Do Thái; ban đêm một chiếc gàu từ trời thả xuống, bà uống thứ nước trắng hơn sữa, ngọt hơn mật cho đến khi đã khát, đổ đầy bình, và chiếc gàu được kéo lên trời.

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN 1000 Mucize no.344 (s.330); web: İbn Kesîr, el-Bidâye ve'n-Nihâye, c. 6, s. 104 — Delâilü'n-nübüvve: yağın çoğalması; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 31, Devs heyeti bâbı; ayrıca: İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî, s. 78

## 2460. Trong chuyến hành quân đánh La Mã, Abu Muslim al-Khawlani nói: “Hãy nói...”

**Sahih (Xác thực)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Trong chuyến hành quân đánh La Mã, Abu Muslim al-Khawlani nói: “Hãy nói Bismillah rồi qua”, và đưa đạo quân qua một dòng sông lũ mà ngay cả thú vật cũng không qua được; cái túi một người cố tình ném xuống nước được tìm thấy mắc vào một cây cọc trên sông.

Chuyến hành quân đánh người La Mã (Byzantine), thời Umayyah (thời điểm không rõ)

NGUỒN 1000 Mucize no.853 (s.715); ayrıca: İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî, s. 390-392

## 2461. Abu Mu'awiyah al-Aswad bị mù, mỗi khi mở bản Qur'an để đọc thì mắt ông nhìn...

**Sahih (Xác thực)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Abu Mu'awiyah al-Aswad bị mù, mỗi khi mở bản Qur'an để đọc thì mắt ông nhìn thấy, khi gấp lại thì mắt lại như cũ.

Thời điểm không rõ

NGUỒN 1000 Mucize no.867 (s.728)

## 2462. Với người vu cho ông nợ ba trăm dirham, Habib Abu Muhammad cầu xin: “Lạy Allah...”

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Với người vu cho ông nợ ba trăm dirham, Habib Abu Muhammad cầu xin: “Lạy Allah, nếu hắn nói thật thì xin trả cho hắn, nếu hắn nói dối thì xin làm khô tay hắn”, và hôm sau người ấy được khiêng đến trong tình trạng bị liệt nửa người.

Basra, thời điểm không rõ

NGUỒN 1000 Mucize no.870 (s.729)

## 2463. Khi người bị liệt vì lời vu cáo thú nhận và nói sẽ không tái phạm, Habib Abu...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Khi người bị liệt vì lời vu cáo thú nhận và nói sẽ không tái phạm, Habib Abu Muhammad cầu xin cho hắn, và người ấy đứng dậy như chưa từng bị bệnh.

Basra, thời điểm không rõ

NGUỒN 1000 Mucize no.871 (s.729)

## 2464. Ali bin Abdullah al-Hashimi ar-Raqqi thấy ở một ngôi làng tại Ấn Độ một cây...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Ali bin Abdullah al-Hashimi ar-Raqqi thấy ở một ngôi làng tại Ấn Độ một cây hồng đen, trên cánh hoa có chữ trắng: “La ilaha illallah Muhammadun Rasulullah, Abu Bakr as-Siddiq, Umar al-Faruq”; ông tách một nụ chưa nở và cũng thấy dòng chữ ấy.

Thế kỷ 3–4 H (người thuật lại tận mắt chứng kiến)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 14 (bâb (Kehf hazinesi, Süleyman'ın yüzüğü))

## 2465. Khi Abud-Darda' và Salman al-Farisi ăn chung một bát, cái bát và thức ăn trong...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Khi Abud-Darda' và Salman al-Farisi ăn chung một bát, cái bát và thức ăn trong đó tán dương Allah; khi viết thư cho nhau, họ nhắc nhau về điều này (do Qays bin Abi Hazim thuật lại).

Thời Sahabah, thời điểm không rõ

NGUỒN Beyhakî, Delâilü'n-nübüvve, c.6 s.63

## 2466. Fatimah al-Khuza'iyyah chào mộ của Hamzah và nghe lời đáp: “Wa 'alaykumus-salam...”

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Fatimah al-Khuza'iyyah chào mộ của Hamzah và nghe lời đáp: “Wa 'alaykumus-salam wa rahmatullah.”

Thời Tabi'in (thời điểm không rõ)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 364 (Uhud gazvesindeki âyetler)

## 2467. Ban đêm, Talhah bin Ubaydullah nghe một giọng đọc Qur'an hay từ trong mộ của...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Ban đêm, Talhah bin Ubaydullah nghe một giọng đọc Qur'an hay từ trong mộ của Abdullah bin Amr bin Haram; Người nói: “Đó là Abdullah; linh hồn những người tử vì đạo ở trong những chiếc đèn bằng lục ngọc.”

Sau Uhud, thời kỳ Madinah

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 364 (Uhud gazvesindeki âyetler)

## 2468. Trong toán quân trên biển do Abu Musa al-Ash'ari chỉ huy, khi thuyền đang đi...

Hasan (Tốt) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Trong toán quân trên biển do Abu Musa al-Ash'ari chỉ huy, khi thuyền đang đi ban đêm, một người gọi từ trên cao cất tiếng: “Ai chịu khát vì Allah trong ngày nóng, Allah tự nhận sẽ cho người ấy uống thỏa thuê vào ngày khát.”

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 429 (Ebû Mûsâ seriyyesi)

## 2469. Một túi rượu Khalid bin al-Walid bắt gặp đã biến thành mật ong (theo một lời...)

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Một túi rượu Khalid bin al-Walid bắt gặp đã biến thành mật ong (theo một lời thuật là giấm) khi ông cầu xin: “Lạy Allah, xin biến nó thành mật ong.”

Thời Abu Bakr–Umar (thời điểm không rõ)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 495 (Vefatından sonra ashabının gazvelerinde görülen âyetler)

## 2470. Anas bin Malik dâng lễ nguyện và cầu xin cho mảnh đất bị hạn khô của mình; giữa...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Anas bin Malik dâng lễ nguyện và cầu xin cho mảnh đất bị hạn khô của mình; giữa ngày hè một đám mây đến mưa đầy hồ của ông, và mưa không vượt quá ranh giới mảnh đất ông.

Thời Sahabah (thời điểm không rõ)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 497 (Vefatından sonra ashabının gazvelerinde görülen âyetler)

## 2471. Sa'd bin Abi Waqqas nói với con rắn ông thấy trên giường người vợ thuộc Banu...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Sa'd bin Abi Waqqas nói với con rắn ông thấy trên giường người vợ thuộc Banu Udhrah, con rắn vẫn theo bà từ lâu: “Cô ấy là người hợp pháp của ta; nếu ngươi quay lại, ta sẽ giết ngươi”, và con rắn bò ra, không bao giờ trở lại.

Thời Sahabah (thời điểm không rõ)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 499 (Vefatından sonra ashabının gazvelerinde görülen âyetler)

## 2472. Khi Ibn Abbas ngồi bên Zamzam, một con rắn đến đi Tawaf quanh Ka'bah bảy vòng...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Khi Ibn Abbas ngồi bên Zamzam, một con rắn đến đi Tawaf quanh Ka'bah bảy vòng, dâng hai rak'ah ở Maqam Ibrahim, và khi Ibn Abbas nói: “Allah đã cho ngươi hoàn tất nghi lễ”, nó bay về phía trời mà đi.

Thời Sahabah (thời điểm không rõ)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 500 (Vefatından sonra ashabının gazvelerinde görülen âyetler)

## 2473. Một con rắn khoang mà Abdullah bin Amr thấy ở đất thánh đi Tawaf quanh Ngôi Nhà...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Một con rắn khoang mà Abdullah bin Amr thấy ở đất thánh đi Tawaf quanh Ngôi Nhà bảy vòng và dâng lễ nguyện ở Maqam; khi ông nói: “Ngươi đã hoàn tất nghi lễ, ta sợ những kẻ ngu muội ở xứ ta làm hại ngươi”, nó cuộn mình bay lên trời.

Thời Sahabah (thời điểm không rõ)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 500 (Vefatından sonra ashabının gazvelerinde görülen âyetler)

## 2474. (Karamah trong Ummah của Người) Ali vào nghĩa trang Madinah chào cư dân mộ...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

(Karamah trong Ummah của Người) Ali vào nghĩa trang Madinah chào cư dân mộ phần, báo cho họ tình trạng vợ, của cải và gia tài của họ ở thế gian, và nghe họ đáp lại.

Thời Ali hoặc trước đó, thời điểm không rõ

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 113 (Ölülerin diriltilmesi ve konuşması bâbı)

## 2475. (Karamah trong Ummah của Người) Ahmad bin Abi al-Hawari báo cho thầy mình là...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

(Karamah trong Ummah của Người) Ahmad bin Abi al-Hawari báo cho thầy mình là Abu Sulayman (ad-Darani) rằng lò đã được đốt nóng, ông thầy bảo: “Hãy đi, ngồi vào trong đó”; ông bước vào ngồi trong lò lửa đang bừng cháy, và lửa trở thành mát mẻ và an lành cho ông.

Thế kỷ 2–3 H (thời điểm không rõ)

NGUỒN İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî (el-Bidâye ve'n-Nihâye'den; thk. es-Seyyid İbrâhîm), s. 405 (İbrâhîm el-Halîl'e verilenler)

## 2476. (Karamah trong Ummah của Người) Abu Muslim al-Khawlani ngủ thiếp đi khi đang...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

(Karamah trong Ummah của Người) Abu Muslim al-Khawlani ngủ thiếp đi khi đang tưởng nhớ Allah bằng chuỗi hạt (subhah) trong tay; chuỗi hạt quấn vào cánh tay ông, xoay tròn và tán dương: “Subhanaka ya munbitan-nabat

wa ya da'imath-thabat"; người vợ Umm Muslim được ông gọi đến cũng thấy điều đó, và khi bà ngồi xuống thì chuỗi hạt im lặng.

Thời Tabi'in, thế kỷ 1 H (thời điểm không rõ)

NGUỒN İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî (el-Bidâye ve'n-Nihâye'den; thk. es-Seyyid İbrâhîm), s. 419 (Mûsâ'ya verilen âyetler; Mûsâ'nın asâsı ile çakılların tesbihinin mukayesesi)

---

## 2477. (Karamah trong Ummah của Người) Khi Mutarrif bin Abdullah thuộc thế hệ Tabi'in...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

(Karamah trong Ummah của Người) Khi Mutarrif bin Abdullah thuộc thế hệ Tabi'in đi vào thành dự Jumu'ah rồi trở về, đôi khi người ta thấy ánh sáng ở đầu roi của ông; một đêm cưỡi ngựa qua nghĩa trang, ông thấy mỗi chủ mộ ngồi trên mộ của mình; khi ông hỏi: "Các người có biết ngày Jumu'ah không?", họ đáp: "Có; chúng tôi còn biết chim chóc nói gì hôm ấy: chúng nói 'Bình an, bình an...'"

Thời Tabi'in, thế kỷ 1 H (thời điểm không rõ)

NGUỒN İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî (el-Bidâye ve'n-Nihâye'den; thk. es-Seyyid İbrâhîm), s. 426 (Mûsâ'ya verilen âyetler; Mûsâ'nın asâsı ile çakılların tesbihinin mukayesesi)

---

## 2478. (Karamah trong Ummah của Người) Abu Muslim al-Khawlani cùng các bạn rời Ghuta ở...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

(Karamah trong Ummah của Người) Abu Muslim al-Khawlani cùng các bạn rời Ghuta ở Damascus đi Hajj mà không mang lương thực và nước; ở mỗi chặng dừng, khi họ dâng hai rak'ah, thức ăn, đồ uống và cỏ cho gia súc đều sẵn có (mỗi ngày hai mâm), và suốt đường đi lẫn đường về đều như vậy.

Thời Tabi'in, thế kỷ 1 H (thời điểm không rõ)

NGUỒN İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî (el-Bidâye ve'n-Nihâye'den; thk. es-Seyyid İbrâhîm), s. 431, 467-468 (Kıssatü Ebî Mûsâ el-Havlânî; Îsâ'nın mâidesi ve ona denk düşen mucizeler)

---

## 2479. Những gì xảy ra sau đó với cái cây trong lều của Umm Ma'bad: khi Ali bị giết...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Những gì xảy ra sau đó với cái cây trong lều của Umm Ma'bad: khi Ali bị giết, nó không còn ra trái; nhiều năm sau, máu tươi phun ra từ gốc, lá héo úa, và không lâu sau tin Husayn bị giết đến (phần tiếp theo lời thuật của Hind bint al-Jawn).

Năm 40 H (661 CN) và năm 61 H (680 CN)

NGUỒN es-Sâkıb fi'l-menâkıb (Kum 1412), s. 112, hadis no. 107/10 (bâb 1, fasıl 15: muhtelif konularda âyetleri)

---

## 2480. Ở Damascus, Jabalah bin al-Ayham người Ghassan nói với các sứ giả Abu Bakr cử...

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Ở Damascus, Jabalah bin al-Ayham người Ghassan nói với các sứ giả Abu Bakr cử đến Heraclius: "Các người có phải là Sumara' không? Họ là dân tộc dâng lễ nguyện ban đêm, nhịn chay ban ngày"; khi các sứ giả nói họ đúng là

như vậy và mô tả lễ nguyện và nhịn chay của mình, mặt ông ta tối sầm lại.

Thời Abu Bakr, khoảng năm 13 H (634 CN), Damascus

NGUỒN N. İçel, Hz. Muhammed'in (sas) Mucizeleri -1 (2023), "Kayser Herakliyus'un Çekmecesinde Sakladığı Peygamber Resimlerini İslâm Elçilerine Gösterişi" (kitabın dipnotu: Ebu Nuaym, Delâil, c:1, s:50-53; Zehebî, Târîh, s:529,532-535; Beyhakî, Delâil, c:1, s:386-387388; Dineverî, Kitâbu'l-ahbâr, s:18; Muhyiddin b. Arabî, Muhâdarâtu'l-ebrâr, c:1, s:100; Alâüddin Ali, Kenz, c:12, s:466-467-469; Ebu'l-Fidâ, Tefsîr, c:2, s:252)

---

## 2481. Tại Constantinople, trước cung điện và trước mặt Caesar, khi các sứ giả của Abu...

**Sahih (Xác thực)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Tại Constantinople, trước cung điện và trước mặt Caesar, khi các sứ giả của Abu Bakr nói: “La ilaha illallahu wallahu akbar”, cung điện rung lên (ba lần) như cây chà là bị gió lay; trước câu hỏi của Caesar, các sứ giả nói điều này không xảy ra ở xứ họ cũng như ở xứ kẻ thù, chỉ xảy ra ở chỗ ông.

Thời Abu Bakr, khoảng năm 13 H (634 CN), Constantinople

NGUỒN N. İçel, Hz. Muhammed'in (sas) Mucizeleri -1 (2023), "Kayser Herakliyus'un Çekmecesinde Sakladığı Peygamber Resimlerini İslâm Elçilerine Gösterişi" (kitabın dipnotu: Ebu Nuaym, Delâil, c:1, s:50-53; Zehebî, Târîh, s:529,532-535; Beyhakî, Delâil, c:1, s:386-387388; Dineverî, Kitâbu'l-ahbâr, s:18; Muhyiddin b. Arabî, Muhâdarâtu'l-ebrâr, c:1, s:100; Alâüddin Ali, Kenz, c:12, s:466-467-469; Ebu'l-Fidâ, Tefsîr, c:2, s:252)

# 46 · Các dấu hiệu của Ngày Tận Thế: sự suy đồi trong đời sống tôn giáo và trong tri thức

## 2482. Người cho biết người Muslim sẽ theo từng gang tay con đường của người Do Thái...

**Sahih (Xác thực)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người cho biết người Muslim sẽ theo từng gang tay con đường của người Do Thái và người Kitô giáo trước họ.

Thời cuối cùng (các dấu hiệu của Ngày Tận Thế; thời điểm ứng nghiệm tùy theo cách giải thích)

NGUỒN 1000 Mucize no.556 (s.567); web: Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 24. fasıl; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 249; ayrıca: Râvendî, el-Harâic, c. 3, s. 934; Kütüb-i Sitte: İbn Mâce 3994; Buhârî, Müslim (satırdaki künye) [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 7200]

## 2483. Người cho biết tri thức sẽ bị cất đi và sự ngu dốt sẽ lan rộng

**Sahih (Xác thực)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người cho biết tri thức sẽ bị cất đi và sự ngu dốt sẽ lan rộng.

Thời cuối cùng (các dấu hiệu của Ngày Tận Thế; thời điểm ứng nghiệm tùy theo cách giải thích)

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.5 s.335; 1000 Mucize no.618 (s.601), no.619 (s.601); web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 261; Kütüb-i Sitte: Buhârî, İlm 34, İ'tisam 7; Müslim, İlm 13, (2573); Tirmizî, İlm 5, (2654) [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 4138, c./s. 11/522]

## 2484. Người cho biết các học giả và những người đức hạnh sẽ lần lượt ra đi, chỉ còn...

**Sahih (Xác thực)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người cho biết các học giả và những người đức hạnh sẽ lần lượt ra đi, chỉ còn lại những người như cặn bã.

Thời cuối cùng (các dấu hiệu của Ngày Tận Thế; thời điểm ứng nghiệm tùy theo cách giải thích)

NGUỒN 1000 Mucize no.594 (s.583); web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 259; c. 2, s. 267; Kütüb-i Sitte: Buhârî (satırdaki künye)

## 2485. Người cho biết người ta sẽ tìm tri thức nơi những kẻ non nớt (không đủ tư cách)

**Sahih (Xác thực)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người cho biết người ta sẽ tìm tri thức nơi những kẻ non nớt (không đủ tư cách).

Thời cuối cùng (các dấu hiệu của Ngày Tận Thế; thời điểm ứng nghiệm tùy theo cách giải thích)

NGUỒN 1000 Mucize no.617 (s.600)

## 2486. Người cho biết người ta sẽ đặt những câu hỏi vô ích đến mức nói: "Allah tạo ra..."

**Sahih (Xác thực)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người cho biết người ta sẽ đặt những câu hỏi vô ích đến mức nói: "Allah tạo ra mọi thứ, vậy ai tạo ra Allah?"

Thời cuối cùng (các dấu hiệu của Ngày Tận Thế; thời điểm ứng nghiệm tùy theo cách giải thích)

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.5 s.337; web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 261; Kütüb-i Sitte: Buhârî, Müslim, Ebû Dâvud [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 2233, c./s. 10/66]

## 2487. Người cho biết Islam bắt đầu trong cảnh xa lạ và sẽ trở lại xa lạ như lúc đầu

**Sahih (Xác thực)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người cho biết Islam bắt đầu trong cảnh xa lạ và sẽ trở lại xa lạ như lúc đầu.

Thời cuối cùng (các dấu hiệu của Ngày Tận Thế; thời điểm ứng nghiệm tùy theo cách giải thích)

NGUỒN 1000 Mucize no.599 (s.587); Kütüb-i Sitte: Müslim (satırdaki künye); İbn Mâce 3987 [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 52, c./s. 2/322-325; no. 7195]

---

## 2488. Người cho biết sẽ đến thời người giữ vững tôn giáo như người nắm than hồng trong lòng bàn tay

**Hasan (Tốt)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người cho biết sẽ đến thời người giữ vững tôn giáo như người nắm than hồng trong lòng bàn tay.

Thời cuối cùng (các dấu hiệu của Ngày Tận Thế; thời điểm ứng nghiệm tùy theo cách giải thích)

NGUỒN 1000 Mucize no.609 (s.595); web: Yaqeen Institute, "The Prophecies of Prophet Muhammad"; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 265; Kütüb-i Sitte: Ebu Davud, Melahim 17, (4341); Tirmizî, Tefsir, Mâide, (3060); İbnu Mace, Fiten 21, (4014); Tirmizî 2260 (satırdaki) [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 4758, c./s. 13/365-366]

---

## 2489. Người cho biết các masjid sẽ bị dùng như lối đi qua lại

**Hasan (Tốt)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người cho biết các masjid sẽ bị dùng như lối đi qua lại.

Thời cuối cùng (các dấu hiệu của Ngày Tận Thế; thời điểm ứng nghiệm tùy theo cách giải thích)

NGUỒN 1000 Mucize no.567 (s.574); web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 272

---

## 2490. Người cho biết người ta sẽ khoe khoang về việc trang trí các masjid

**Sahih (Xác thực)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người cho biết người ta sẽ khoe khoang về việc trang trí các masjid.

Thời cuối cùng (các dấu hiệu của Ngày Tận Thế; thời điểm ứng nghiệm tùy theo cách giải thích)

NGUỒN 1000 Mucize no.605 (s.593); web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 272; ayrıca: Elshinawy, The Prophecies of Prophet Muhammad (Yaqeen); Kütüb-i Sitte: Ebu Davud, Salat 12, (449); Nesai, Mesacid 2, (2, 32) [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 5523, c./s. 15/335]

---

## 2491. Người cho biết các bản Qur'an sẽ được trang trí

**Da'if (Yếu)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người cho biết các bản Qur'an sẽ được trang trí.

Thời cuối cùng (các dấu hiệu của Ngày Tận Thế; thời điểm ứng nghiệm tùy theo cách giải thích)

NGUỒN 1000 Mucize no.674 (s.617)

---

## 2492. Người cho biết trong các masjid người ta sẽ làm những hốc mihrab (madhabih)

**Da'if (Yếu)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người cho biết trong các masjid người ta sẽ làm những hốc mihrab (madhabih).

Thời cuối cùng (các dấu hiệu của Ngày Tận Thế; thời điểm ứng nghiệm tùy theo cách giải thích)

NGUỒN 1000 Mucize no.638 (s.612); web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 356)

## 2493. Người cho biết sẽ xuất hiện một nhóm người thái quá trong cầu xin và trong việc thanh tẩy

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người cho biết sẽ xuất hiện một nhóm người thái quá trong cầu xin và trong việc thanh tẩy.

Thời cuối cùng (các dấu hiệu của Ngày Tận Thế; thời điểm ứng nghiệm tùy theo cách giải thích)

NGUỒN 1000 Mucize no.560 (s.569); Kütüb-i Sitte: Ebû Dâvûd (listedeki kaynağa göre)

## 2494. Người cho biết khi thời gian rút ngắn, giấc mơ của tín đồ hầu như sẽ không sai

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người cho biết khi thời gian rút ngắn, giấc mơ của tín đồ hầu như sẽ không sai.

Thời cuối cùng (các dấu hiệu của Ngày Tận Thế; thời điểm ứng nghiệm tùy theo cách giải thích)

NGUỒN 1000 Mucize no.611 (s.597); Kütüb-i Sitte: Buharî, Ta'bir 26; Müslim, Rüya 8, (2263); Tirmizî,Rüya 1, (2271); Ebu Dâvud, Edeb 96, (5019) [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 957, c./s. 4/510]

## 2495. Người cho biết thời mà những người đọc Qur'an (qurra') sẽ trở nên tội lỗi

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người cho biết thời mà những người đọc Qur'an (qurra') sẽ trở nên tội lỗi.

Thời cuối cùng (các dấu hiệu của Ngày Tận Thế; thời điểm ứng nghiệm tùy theo cách giải thích)

NGUỒN 1000 Mucize no.666 (s.616); web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 268

## 2496. Người cho biết những người đến sau sẽ nguyền rủa thế hệ đầu tiên (các Sahabah)

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người cho biết những người đến sau sẽ nguyền rủa thế hệ đầu tiên (các Sahabah).

Thời cuối cùng (các dấu hiệu của Ngày Tận Thế; thời điểm ứng nghiệm tùy theo cách giải thích)

NGUỒN 1000 Mucize no.590 (s.580); web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 266; Kütüb-i Sitte: Tirmizî, Fiten 39, (2211); İbn Mâce 263 [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 5046; no. 6070, c./s. 16/554]

## 2497. Người cho biết thời mà những người thuyết giảng nhiều lên còn những người hiểu luật đạo ít đi

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người cho biết thời mà những người thuyết giảng nhiều lên còn những người hiểu luật đạo ít đi.

Thời cuối cùng (các dấu hiệu của Ngày Tận Thế; thời điểm ứng nghiệm tùy theo cách giải thích)

NGUỒN 1000 Mucize no.793 (s.676)

## 2498. Người cho biết sẽ đến một thời mà ai làm được một phần mười điều được ra lệnh cũng được cứu rỗi

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người cho biết sẽ đến một thời mà ai làm được một phần mười điều được ra lệnh cũng được cứu rỗi.

Thời cuối cùng (các dấu hiệu của Ngày Tận Thế; thời điểm ứng nghiệm tùy theo cách giải thích)

NGUỒN 1000 Mucize no.787 (s.676); Kütüb-i Sitte: Tirmizî (listedeki kaynağa göre)

---

## 2499. Người cho biết quyền của Allah trong tài sản (Zakat) sẽ bị xao lãng (danh sách...)

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người cho biết quyền của Allah trong tài sản (Zakat) sẽ bị xao lãng (danh sách các dấu hiệu Ngày Tận Thế được thuật lại từ Ali).

Thời cuối cùng (các dấu hiệu của Ngày Tận Thế; thời điểm ứng nghiệm tùy theo cách giải thích)

NGUỒN 1000 Mucize no.789 (s.676)

---

## 2500. Người cho biết dù người ta thề bằng Qur'an, các luật lệ của nó vẫn sẽ bị bỏ

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người cho biết dù người ta thề bằng Qur'an, các luật lệ của nó vẫn sẽ bị bỏ.

Thời cuối cùng (các dấu hiệu của Ngày Tận Thế; thời điểm ứng nghiệm tùy theo cách giải thích)

NGUỒN 1000 Mucize no.719 (s.646)

---

## 2501. Người cho biết các masjid sẽ đầy người nhưng trống vắng sự hướng dẫn

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người cho biết các masjid sẽ đầy người nhưng trống vắng sự hướng dẫn.

Thời cuối cùng (các dấu hiệu của Ngày Tận Thế; thời điểm ứng nghiệm tùy theo cách giải thích)

NGUỒN 1000 Mucize no.720 (s.646)

---

## 2502. Người cho biết các học giả thời cuối cùng sẽ là những kẻ xấu xa nhất dưới vòm trời

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người cho biết các học giả thời cuối cùng sẽ là những kẻ xấu xa nhất dưới vòm trời.

Thời cuối cùng (các dấu hiệu của Ngày Tận Thế; thời điểm ứng nghiệm tùy theo cách giải thích)

NGUỒN 1000 Mucize no.721 (s.646)

---

## 2503. Người cho biết thời mà người giàu đi Hajj để du ngoạn

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người cho biết thời mà người giàu đi Hajj để du ngoạn.

Thời cuối cùng (các dấu hiệu của Ngày Tận Thế; thời điểm ứng nghiệm tùy theo cách giải thích)

NGUỒN 1000 Mucize no.722 (s.647)

---

## 2504. Người cho biết thời mà người trung lưu đi Hajj để buôn bán

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người cho biết thời mà người trung lưu đi Hajj để buôn bán.

Thời cuối cùng (các dấu hiệu của Ngày Tận Thế; thời điểm ứng nghiệm tùy theo cách giải thích)

NGUỒN 1000 Mucize no.723 (s.647)

---

## 2505. Người cho biết thời mà những người đọc Qur'an đi Hajj để phô trương và cầu danh tiếng

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người cho biết thời mà những người đọc Qur'an đi Hajj để phô trương và cầu danh tiếng.

Thời cuối cùng (các dấu hiệu của Ngày Tận Thế; thời điểm ứng nghiệm tùy theo cách giải thích)

NGUỒN 1000 Mucize no.724 (s.647)

---

## 2506. Người cho biết thời mà người nghèo đi Hajj để xin ăn

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người cho biết thời mà người nghèo đi Hajj để xin ăn.

Thời cuối cùng (các dấu hiệu của Ngày Tận Thế; thời điểm ứng nghiệm tùy theo cách giải thích)

NGUỒN 1000 Mucize no.725 (s.647); web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 268

---

## 2507. Người cho biết thời mà điều xấu được ra lệnh còn điều tốt bị cấm

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người cho biết thời mà điều xấu được ra lệnh còn điều tốt bị cấm.

Thời cuối cùng (các dấu hiệu của Ngày Tận Thế; thời điểm ứng nghiệm tùy theo cách giải thích)

NGUỒN 1000 Mucize no.728 (s.649); web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 264

---

## 2508. Người cho biết sự khổ hạnh sẽ chỉ còn là một câu chuyện được kể lại

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người cho biết sự khổ hạnh sẽ chỉ còn là một câu chuyện được kể lại.

Thời cuối cùng (các dấu hiệu của Ngày Tận Thế; thời điểm ứng nghiệm tùy theo cách giải thích)

NGUỒN 1000 Mucize no.756 (s.665)

---

## 2509. Người cho biết sự thận trọng (lòng kính sợ) sẽ chỉ còn là sự phô trương

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người cho biết sự thận trọng (lòng kính sợ) sẽ chỉ còn là sự phô trương.

Thời cuối cùng (các dấu hiệu của Ngày Tận Thế; thời điểm ứng nghiệm tùy theo cách giải thích)

NGUỒN 1000 Mucize no.757 (s.665)

---

## 2510. Người cho biết những kẻ ngu dốt sẽ bước lên bục giảng

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người cho biết những kẻ ngu dốt sẽ bước lên bục giảng.

Thời cuối cùng (các dấu hiệu của Ngày Tận Thế; thời điểm ứng nghiệm tùy theo cách giải thích)

NGUỒN 1000 Mucize no.675 (s.618)

---

## 2511. Người cho biết các luật lệ của Allah sẽ bị xao lãng

**Da'if (Yếu)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người cho biết các luật lệ của Allah sẽ bị xao lãng.

Thời cuối cùng (các dấu hiệu của Ngày Tận Thế; thời điểm ứng nghiệm tùy theo cách giải thích)

NGUỒN 1000 Mucize no.679 (s.618)

---

## 2512. Người cho biết mọi miền sẽ đầy những kẻ giả tạo đức tin

**Da'if (Yếu)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người cho biết mọi miền sẽ đầy những kẻ giả tạo đức tin.

Thời cuối cùng (các dấu hiệu của Ngày Tận Thế; thời điểm ứng nghiệm tùy theo cách giải thích)

NGUỒN 1000 Mucize no.751 (s.663)

---

## 2513. Người cho biết chân lý sẽ bị phủ nhận

**Da'if (Yếu)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người cho biết chân lý sẽ bị phủ nhận.

Thời cuối cùng (các dấu hiệu của Ngày Tận Thế; thời điểm ứng nghiệm tùy theo cách giải thích)

NGUỒN 1000 Mucize no.761 (s.666)

---

## 2514. Người cho biết trẻ con sẽ bước lên bục giảng

**Da'if (Yếu)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người cho biết trẻ con sẽ bước lên bục giảng.

Thời cuối cùng (các dấu hiệu của Ngày Tận Thế; thời điểm ứng nghiệm tùy theo cách giải thích)

NGUỒN 1000 Mucize no.764 (s.666)

---

## 2515. Người cho biết các hàng lễ nguyện sẽ đông đúc nhưng lòng thành sẽ ít ỏi

**Da'if (Yếu)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người cho biết các hàng lễ nguyện sẽ đông đúc nhưng lòng thành sẽ ít ỏi.

Thời cuối cùng (các dấu hiệu của Ngày Tận Thế; thời điểm ứng nghiệm tùy theo cách giải thích)

NGUỒN 1000 Mucize no.765 (s.666)

---

## 2516. Người cho biết tín đồ chân chính sẽ bị coi khinh trong xã hội

**Da'if (Yếu)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người cho biết tín đồ chân chính sẽ bị coi khinh trong xã hội.

Thời cuối cùng (các dấu hiệu của Ngày Tận Thế; thời điểm ứng nghiệm tùy theo cách giải thích)

NGUỒN 1000 Mucize no.769 (s.666)

---

## 2517. Người cho biết trái tim tín đồ sẽ tan chảy trước những điều xấu mình thấy như...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người cho biết trái tim tín đồ sẽ tan chảy trước những điều xấu mình thấy như muối tan trong nước.

Thời cuối cùng (các dấu hiệu của Ngày Tận Thế; thời điểm ứng nghiệm tùy theo cách giải thích)

NGUỒN 1000 Mucize no.770 (s.666)

---

## 2518. Người cho biết các học giả sẽ khom lưng trước nhà cầm quyền vì lợi lộc

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người cho biết các học giả sẽ khom lưng trước nhà cầm quyền vì lợi lộc.

Thời cuối cùng (các dấu hiệu của Ngày Tận Thế; thời điểm ứng nghiệm tùy theo cách giải thích)

NGUỒN 1000 Mucize no.794 (s.676)

---

## 2519. Người cho biết người ta sẽ đưa ra phán quyết (fatwa) theo dục vọng

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người cho biết người ta sẽ đưa ra phán quyết (fatwa) theo dục vọng.

Thời cuối cùng (các dấu hiệu của Ngày Tận Thế; thời điểm ứng nghiệm tùy theo cách giải thích)

NGUỒN 1000 Mucize no.795 (s.677)

---

## 2520. Người cho biết Qur'an sẽ bị biến thành phương tiện kiếm sống và buôn bán

Hasan (Tốt) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người cho biết Qur'an sẽ bị biến thành phương tiện kiếm sống và buôn bán.

Thời cuối cùng (các dấu hiệu của Ngày Tận Thế; thời điểm ứng nghiệm tùy theo cách giải thích)

NGUỒN 1000 Mucize no.796 (s.677); Kütüb-i Sitte: Tirmizî 2917 (sunnah.com)

---

## 2521. Người cho biết những người thuyết giảng sẽ nói dối trên bục giảng

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người cho biết những người thuyết giảng sẽ nói dối trên bục giảng.

Thời cuối cùng (các dấu hiệu của Ngày Tận Thế; thời điểm ứng nghiệm tùy theo cách giải thích)

NGUỒN 1000 Mucize no.817 (s.679)

---

## 2522. Người báo rằng trong Ummah của Người sẽ có bất đồng và chia rẽ, và sẽ đến một...

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người báo rằng trong Ummah của Người sẽ có bất đồng và chia rẽ, và sẽ đến một nhóm người lời nói hay mà việc làm xấu.

Ứng nghiệm: tùy theo cách giải thích (theo quyển sách, đang thấy ngày nay)

NGUỒN 1000 Mucize no.703 (s.638); Kütüb-i Sitte: Ebu Dâvud, Sünnet 31, (4765); Buhârı, Fezailu'l-Kur'ân 36, Menâkıb 25; Müslim, Zekât 143-148, (1064) [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 4816, c./s. 13/494]

---

## 2523. Người cho biết vào thời cuối cùng sẽ xuất hiện những người đọc Qur'an như sâu...

**Hasan (Tốt)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người cho biết vào thời cuối cùng sẽ xuất hiện những người đọc Qur'an như sâu bọ, ai sống đến thời ấy hãy cầu xin Allah che chở khỏi Shaytan; hôm ấy người giữ vững tôn giáo như người nắm than hồng trong lòng bàn tay và sẽ được ban phần thưởng bằng năm mươi Sahabah.

Lời tiên tri: thời điểm không rõ; Ứng nghiệm: tùy theo cách giải thích

NGUỒN 1000 Mucize no.737 (s.656); Kütüb-i Sitte: Ebu Davud, Melahim 17, (4341); Tirmizî, Tefsir, Mâide, (3060); İbnu Mace, Fiten 21, (4014) [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 4758, c./s. 13/365-366]

---

## 2524. Người báo rằng tôn giáo này sẽ được hỗ trợ bởi tay những người không có phần...

**Sahih (Xác thực)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người báo rằng tôn giáo này sẽ được hỗ trợ bởi tay những người không có phần nào trước Allah (quyển sách lấy ví dụ những người không phải Muslim giúp xây trại mồ côi và masjid).

Ứng nghiệm: tùy theo cách giải thích (theo quyển sách, đang thấy ngày nay)

NGUỒN 1000 Mucize no.562 (s.571); Kütüb-i Sitte: Buhârî, Cihad 182, Megâzî 38, Kader 5; Müslim, İman 173, (111) [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 4936, c./s. 14/147]

---

## 2525. Người báo rằng vì đọc Qur'an giọng hay, những người ít hiểu luật đạo và còn nhỏ...

**Sahih (Xác thực)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người báo rằng vì đọc Qur'an giọng hay, những người ít hiểu luật đạo và còn nhỏ tuổi sẽ được đưa lên làm Imam.

Ứng nghiệm: tùy theo cách giải thích

NGUỒN 1000 Mucize no.576 (s.576)

---

## 2526. Việc các văn bản viết tay nhiều lên được xem là dấu hiệu của Ngày Tận Thế...

**Sahih (Xác thực)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Việc các văn bản viết tay nhiều lên được xem là dấu hiệu của Ngày Tận Thế (quyển sách lấy ví dụ việc những cuốn sách cùng nội dung được in đi in lại).

Ứng nghiệm: tùy theo cách giải thích (theo quyển sách, đang thấy ngày nay)

NGUỒN 1000 Mucize no.577 (s.577)

---

## 2527. Người báo rằng Zakat sẽ bị coi như một món nợ/gánh nặng mà không được nộp, hoặc...

**Da'if (Yếu)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người báo rằng Zakat sẽ bị coi như một món nợ/gánh nặng mà không được nộp, hoặc không được nộp đúng chỗ.

Ứng nghiệm: tùy theo cách giải thích (theo quyển sách, đang thấy ngày nay)

NGUỒN 1000 Mucize no.580 (s.578); Kütüb-i Sitte: Tirmizî, Fiten 39, (2211) [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 5046]

---

## 2528. Người báo rằng trong các masjid tiếng nói sẽ cao lên (sẽ có tranh cãi và la hét)

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người báo rằng trong các masjid tiếng nói sẽ cao lên (sẽ có tranh cãi và la hét).

Ứng nghiệm: tùy theo cách giải thích (theo quyển sách, đang thấy ngày nay)

NGUỒN 1000 Mucize no.583 (s.578); Kütüb-i Sitte: Tirmizî, Fiten 39, (2211) [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 5046]

---

## 2529. Người báo rằng tri thức sẽ được học không vì tôn giáo mà vì lợi ích thế gian...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người báo rằng tri thức sẽ được học không vì tôn giáo mà vì lợi ích thế gian (quyển sách lấy ví dụ các nhà Đông phương học và những sinh viên chạy theo lợi lộc).

Ứng nghiệm: tùy theo cách giải thích (theo quyển sách, đang thấy ngày nay)

NGUỒN 1000 Mucize no.586 (s.579); Kütüb-i Sitte: Tirmizî (listedeki kaynağa göre)

---

## 2530. Người báo rằng sẽ đến một nhóm người thái quá trong cầu xin và thanh tẩy (Wudu')

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người báo rằng sẽ đến một nhóm người thái quá trong cầu xin và thanh tẩy (Wudu').

Ứng nghiệm: tùy theo cách giải thích

NGUỒN 1000 Mucize no.595 (s.584); Kütüb-i Sitte: Ebû Dâvûd (listedeki kaynağa göre)

---

## 2531. Người báo rằng sẽ có những nhà cầm quyền coi điều người Muslim cho là xấu là...

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người báo rằng sẽ có những nhà cầm quyền coi điều người Muslim cho là xấu là tốt, coi điều họ cho là tốt là xấu, và rằng không có sự vâng lời đối với kẻ chống lại Allah.

Ứng nghiệm: tùy theo cách giải thích

NGUỒN 1000 Mucize no.614 (s.599)

---

## 2532. Người báo rằng thứ đầu tiên bị cất khỏi Ummah này là sự khiêm cung (khushu')...

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người báo rằng thứ đầu tiên bị cất khỏi Ummah này là sự khiêm cung (khushu'), sẽ không còn thấy ai có lòng khiêm cung.

Ứng nghiệm: tùy theo cách giải thích (theo quyển sách, đang thấy ngày nay)

NGUỒN 1000 Mucize no.616 (s.600); Kütüb-i Sitte: Tirmizî, İlm 5, (2655) [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 4139, c./s. 11/524-525]

---

## 2533. Người báo rằng thời gian sẽ rút ngắn, tri thức sẽ bị cất đi, các thảm họa sẽ...

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người báo rằng thời gian sẽ rút ngắn, tri thức sẽ bị cất đi, các thảm họa sẽ xuất hiện và sự keo kiệt sẽ lan rộng.

Ứng nghiệm: tùy theo cách giải thích (theo quyển sách, đang thấy ngày nay)

NGUỒN 1000 Mucize no.620 (s.602); web: Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 24. fasıl; ayrıca: Elshinawy, The Prophecies of Prophet Muhammad (Yaqeen); Kütüb-i Sitte: Müslim, Fiten 18, (157); Buhârî 7061 (listedeki kaynağa göre) [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 5023, c./s. 14/313]

---

## 2534. Người báo rằng thứ đầu tiên bị cất khỏi loài người là sự trung tín, thứ cuối...

Hasan (Tốt) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người báo rằng thứ đầu tiên bị cất khỏi loài người là sự trung tín, thứ cuối cùng bị cất khỏi tôn giáo của họ là lễ nguyện; biết bao người dâng lễ nguyện mà không có phần nào trước Allah.

Ứng nghiệm: tùy theo cách giải thích (theo quyển sách, đang thấy ngày nay)

NGUỒN 1000 Mucize no.621 (s.602)

---

## 2535. Điều tốt bị bỏ và không ai khuyên làm điều tốt (việc khuyến thiện bị bỏ)

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Điều tốt bị bỏ và không ai khuyên làm điều tốt (việc khuyến thiện bị bỏ).

Ứng nghiệm: tùy theo cách giải thích (theo quyển sách, đang thấy ngày nay)

NGUỒN 1000 Mucize no.643 (PDF s.616)

---

## 2536. Điều xấu được làm công khai mà không ai ngăn cấm

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Điều xấu được làm công khai mà không ai ngăn cấm.

Ứng nghiệm: tùy theo cách giải thích (theo quyển sách, đang thấy ngày nay)

NGUỒN 1000 Mucize no.644 (s.614)

---

## 2537. Người báo rằng tri thức sẽ được học không vì Allah mà để đạt địa vị và lợi lộc...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người báo rằng tri thức sẽ được học không vì Allah mà để đạt địa vị và lợi lộc thế gian.

Ứng nghiệm: tùy theo cách giải thích (theo quyển sách, đang thấy ngày nay)

NGUỒN 1000 Mucize no.645 (s.614)

---

## 2538. Lễ nguyện bị xao lãng và bị bỏ

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Lễ nguyện bị xao lãng và bị bỏ.

Ứng nghiệm: tùy theo cách giải thích (theo quyển sách, đang thấy ngày nay)

NGUỒN 1000 Mucize no.648 (s.615)

## 2539. Tôn giáo bị bán để đổi lấy thế gian

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Tôn giáo bị bán để đổi lấy thế gian.

Ứng nghiệm: tùy theo cách giải thích

NGUỒN 1000 Mucize no.652 (s.615); web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 262; Kütüb-i Sitte: Müslim, İman 186, (118); Tirmizî, Fiten 30, (2196) [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 4743, c./s. 13/418-419]

## 2540. Người báo rằng các masjid sẽ được trang trí và các bục giảng sẽ được nâng cao

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người báo rằng các masjid sẽ được trang trí và các bục giảng sẽ được nâng cao.

Ứng nghiệm: tùy theo cách giải thích (theo quyển sách, đang thấy ngày nay)

NGUỒN 1000 Mucize no.676 (s.618); web: Yaqeen Institute, "The Prophecies of Prophet Muhammad"; Kütüb-i Sitte: Ebu Davud, Salat 12, (448), (449); Nesai, Mesacid 2, (2, 32); Buhârî Salat 62 (muallak) [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 5522, c./s. 15/334; no. 5523, c./s. 15/335]

## 2541. Người cho biết việc trang trí các mihrab là dấu hiệu của Ngày Tận Thế

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người cho biết việc trang trí các mihrab là dấu hiệu của Ngày Tận Thế.

Ứng nghiệm: tùy theo cách giải thích

NGUỒN 1000 Mucize no.677 (s.618)

## 2542. Người cảnh báo Ummah của mình về việc dùng mưu mẹo để coi là hợp lệ những gì...

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người cảnh báo Ummah của mình về việc dùng mưu mẹo để coi là hợp lệ những gì Allah đã cấm như người Do Thái đã làm (quyển sách xem điều này đã xảy ra qua các mưu mẹo trong lời thề, cho vay lãi, che phủ thân thể và việc thờ phụng).

Ứng nghiệm: tùy theo cách giải thích (theo quyển sách, đang thấy ngày nay)

NGUỒN 1000 Mucize no.698 (s.633)

## 2543. Người báo rằng Người lo về kẻ đọc Qur'an, mang vẻ đẹp của Islam, rồi trút bỏ...

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người báo rằng Người lo về kẻ đọc Qur'an, mang vẻ đẹp của Islam, rồi trút bỏ nó, toan giết hàng xóm mình và buộc tội người ấy đa thần; kẻ buộc tội mới là kẻ gần với đa thần hơn.

Ứng nghiệm: tùy theo cách giải thích (theo quyển sách là các nhóm kết tội người Muslim là ngoại đạo)

NGUỒN 1000 Mucize no.699 (s.634)

## 2544. Người báo rằng sẽ xuất hiện một nhóm

## người uống Qur'an như uống sữa (quyển sách...)

Hasan (Tốt) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người báo rằng sẽ xuất hiện một nhóm người uống Qur'an như uống sữa (quyển sách giải thích là số người thuộc lòng Qur'an sẽ rất nhiều).

Ứng nghiệm: tùy theo cách giải thích (theo quyển sách, đang thấy ngày nay)

NGUỒN 1000 Mucize no.700 (s.635)

---

## 2545. Người báo rằng sau Người, những kẻ dập tắt Sunnah, làm điều bid'ah và trì hoãn...

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người báo rằng sau Người, những kẻ dập tắt Sunnah, làm điều bid'ah và trì hoãn lễ nguyện đến giờ cuối sẽ làm nhà cầm quyền.

Ứng nghiệm: tùy theo cách giải thích (theo quyển sách là những người cầm quyền không thi hành các hình phạt hadd của Allah)

NGUỒN 1000 Mucize no.705 (PDF s.642); Kütüb-i Sitte: İbn Mâce 2865; kısmen: Müslim 648a (sunnah.com)

---

## 2546. Người báo việc kẻ xấu được đề cao, người tốt bị hạ thấp và những cuốn sách viết...

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người báo việc kẻ xấu được đề cao, người tốt bị hạ thấp và những cuốn sách viết ngoài Qur'an (mathnat) lan rộng trong xã hội là dấu hiệu Ngày Tận Thế đã gần.

Ứng nghiệm: tùy theo cách giải thích (theo quyển sách là sách báo phi tôn giáo ngày nay)

NGUỒN 1000 Mucize no.709 (s.640)

---

## 2547. Người cho biết khi người Muslim nuôi lòng giận ghét học giả của mình, Allah sẽ...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người cho biết khi người Muslim nuôi lòng giận ghét học giả của mình, Allah sẽ giáng xuống họ bốn tai họa (nạn đói, nhà cầm quyền bất công, quan tòa gian trá, kẻ thù xâm lược).

Lời tiên tri: thời điểm không rõ; Ứng nghiệm: tùy theo cách giải thích (theo tác giả là đã xảy ra ngày nay)

NGUỒN 1000 Mucize no.715 (s.644); web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 265

---

## 2548. Người cho biết một nhóm người trong Ummah của Người sẽ hỏi các học giả những...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người cho biết một nhóm người trong Ummah của Người sẽ hỏi các học giả những vấn đề rắc rối (vô ích, không lối thoát), và họ là những kẻ xấu nhất của Ummah.

Lời tiên tri: thời điểm không rõ; Ứng nghiệm: tùy theo cách giải thích (theo tác giả là đã xảy ra ngày nay)

NGUỒN 1000 Mucize no.726 (s.648)

---

## 2549. Người nói: "Đừng khóc cho tôn giáo khi những người xứng đáng đứng đầu nó; hãy..."

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người nói: “Đừng khóc cho tôn giáo khi những người xứng đáng đứng đầu nó; hãy khóc khi những kẻ không xứng đáng đứng đầu nó”, ám chỉ rằng các chức trách tôn giáo sẽ rơi vào tay những kẻ không đủ tư cách.

Lời tiên tri: thời điểm không rõ; Ứng nghiệm: tùy theo cách giải thích (theo tác giả là đã xảy ra ngày nay)

NGUỒN 1000 Mucize no.729 (s.650)

---

## 2550. Người cho biết các dấu hiệu Ngày Tận Thế: trí óc suy yếu, sự khôn ngoan mất đi...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người cho biết các dấu hiệu Ngày Tận Thế: trí óc suy yếu, sự khôn ngoan mất đi, giết chóc nhiều lên, các dấu hiệu của điều tốt bị cất đi và các thảm họa xuất hiện.

Lời tiên tri: thời điểm không rõ; Ứng nghiệm: tùy theo cách giải thích (theo tác giả là đã xảy ra ngày nay)

NGUỒN 1000 Mucize no.730 (s.651)

---

## 2551. Người kể ra việc tin vào bói sao, phủ nhận định mệnh, coi vật được giao giữ là...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người kể ra việc tin vào bói sao, phủ nhận định mệnh, coi vật được giao giữ là chiến lợi phẩm, coi của bố thí là món nợ/gánh nặng và tà dâm lan rộng, rồi nói: “Khi đó dân của ngươi sẽ diệt vong.”

Lời tiên tri: thời điểm không rõ; Ứng nghiệm: tùy theo cách giải thích

NGUỒN 1000 Mucize no.735 (s.654)

---

## 2552. Người cho biết vào thời cuối cùng sẽ xuất hiện những kẻ thờ phụng ngu dốt và những người đọc Qur'an tội lỗi

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người cho biết vào thời cuối cùng sẽ xuất hiện những kẻ thờ phụng ngu dốt và những người đọc Qur'an tội lỗi.

Lời tiên tri: thời điểm không rõ; Ứng nghiệm: tùy theo cách giải thích (theo tác giả là đã xảy ra ngày nay)

NGUỒN 1000 Mucize no.736 (s.655)

---

## 2553. Theo lời Mu'adh bin Jabal, Qur'an sẽ cũ mòn trong một xã hội như áo cũ mòn...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Theo lời Mu'adh bin Jabal, Qur'an sẽ cũ mòn trong một xã hội như áo cũ mòn; người ta đọc nó không suy ngẫm, khoác da cừu lên trái tim sói, và khi phạm tội thì nói: “Chừng nào chưa tổ hợp với Allah, chúng ta sẽ được tha thứ.”

Lời tiên tri: được truyền lại như lời của một Sahabah (mawquf), thời điểm không rõ; Ứng nghiệm: tùy theo cách giải thích

NGUỒN 1000 Mucize no.738 (s.656)

---

## 2554. Người báo rằng lúc hoảng sợ, người ta sẽ chạy đến các học giả của mình và thấy...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người báo rằng lúc hoảng sợ, người ta sẽ chạy đến các học giả của mình và thấy họ đã bị biến thành khỉ và lợn; trong lời của Makhul cũng có nói sẽ đến một thời học giả còn hôi hơn xác chết.

Lời tiên tri: thời điểm không rõ; Ứng nghiệm: tùy theo cách giải thích

NGUỒN 1000 Mucize no.739 (s.657)

## 2555. Người cho biết các mihrab sẽ được trang trí còn các trái tim thì đổ nát (do Ibn Mas'ud thuật lại)

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người cho biết các mihrab sẽ được trang trí còn các trái tim thì đổ nát (do Ibn Mas'ud thuật lại).

Lời tiên tri: thời điểm không rõ; Ứng nghiệm: tùy theo cách giải thích (theo tác giả là đã xảy ra ngày nay)

NGUỒN 1000 Mucize no.750 (s.663)

## 2556. Người cho biết Ngày Tận Thế sẽ không xảy ra cho đến khi một người trong các...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người cho biết Ngày Tận Thế sẽ không xảy ra cho đến khi một người trong các Sahabah của Người trở nên bị tìm kiếm như tìm con vật lạc mà không thấy.

Lời tiên tri: thời điểm không rõ; Ứng nghiệm: thế hệ Sahabah không còn ai (khoảng cuối thế kỷ 1 H)

NGUỒN 1000 Mucize no.758 (s.665)

## 2557. Người cho biết lễ nguyện sẽ bị bỏ bê và người ta sẽ chạy theo dục vọng (Hajj Từ...)

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người cho biết lễ nguyện sẽ bị bỏ bê và người ta sẽ chạy theo dục vọng (Hajj Từ Biệt, do Salman thuật lại).

Lời tiên tri: Hajj Từ Biệt, năm 10 H (632 CN); Ứng nghiệm: tùy theo cách giải thích

NGUỒN 1000 Mucize no.759 (s.666), no.768 (s.666)

## 2558. Người xem việc của bố thí không còn được trao là dấu hiệu Ngày Tận Thế đã gần

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người xem việc của bố thí không còn được trao là dấu hiệu Ngày Tận Thế đã gần.

Lời tiên tri: thời điểm không rõ; Ứng nghiệm: tùy theo cách giải thích (theo tác giả là đã xảy ra ngày nay)

NGUỒN 1000 Mucize no.774 (s.669)

## 2559. Người cho biết sẽ đến thời người ta bàn chuyện thế gian trong masjid, đừng theo...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người cho biết sẽ đến thời người ta bàn chuyện thế gian trong masjid, đừng theo họ, Allah không cần đến họ.

Lời tiên tri: thời điểm không rõ; Ứng nghiệm: tùy theo cách giải thích (theo tác giả là đã xảy ra ngày nay)

NGUỒN 1000 Mucize no.775 (s.670)

## 2560. Người cho biết sẽ đến thời Ummah của Người muốn dâng lễ nguyện mà không tìm...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người cho biết sẽ đến thời Ummah của Người muốn dâng lễ nguyện mà không tìm được ai có thể làm Imam.

Lời tiên tri: thời điểm không rõ; Ứng nghiệm: tùy theo cách giải thích

NGUỒN 1000 Mucize no.776 (s.670); Kütüb-i Sitte: Ebû Dâvûd; İbn Mâce (listedeki kaynağa göre)

## 2561. Người cho biết tôn giáo có lúc được ưa chuộng có lúc bị bỏ rơi; dấu hiệu của sự...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người cho biết tôn giáo có lúc được ưa chuộng có lúc bị bỏ rơi; dấu hiệu của sự bỏ rơi là cả bộ tộc không có tri thức, chỉ còn một hai người hiểu luật đạo.

Lời tiên tri: thời điểm không rõ; Ứng nghiệm: tùy theo cách giải thích

NGUỒN 1000 Mucize no.777 (s.671)

## 2562. Người cho biết một hai người hiểu luật đạo còn lại trong bộ tộc sẽ bị coi...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người cho biết một hai người hiểu luật đạo còn lại trong bộ tộc sẽ bị coi khinh, nói ra thì bị bịt miệng; phần cuối của Ummah sẽ nguyền rủa phần đầu, rượu được uống công khai và tà dâm ngay giữa đường.

Lời tiên tri: thời điểm không rõ; Ứng nghiệm: tùy theo cách giải thích

NGUỒN 1000 Mucize no.778 (s.671); web: Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 24. fasıl; Kütüb-i Sitte: Tirmizî, Fiten 39, (2211) [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 5046]

## 2563. Việc thề nhân danh ai khác ngoài Allah (danh sách các dấu hiệu Ngày Tận Thế...)

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Việc thề nhân danh ai khác ngoài Allah (danh sách các dấu hiệu Ngày Tận Thế được thuật lại từ Ali).

Lời tiên tri: được truyền lại như lời của một Sahabah (mawquf), thời điểm không rõ; Ứng nghiệm: tùy theo cách giải thích

NGUỒN 1000 Mucize no.802 (s.677)

## 2564. Theo lời Ibn Mas'ud, việc một người đi xuyên qua masjid mà không dâng lễ nguyện...

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Theo lời Ibn Mas'ud, việc một người đi xuyên qua masjid mà không dâng lễ nguyện chào masjid (tahiyyat al-masjid) là dấu hiệu Ngày Tận Thế.

Lời tiên tri: được truyền lại như lời của một Sahabah (mawquf), thời điểm không rõ; Ứng nghiệm: tùy theo cách giải thích (theo tác giả là đã xảy ra ngày nay)

NGUỒN 1000 Mucize no.827 (s.682); Kütüb-i Sitte: Ebû Dâvûd (listedeki kaynağa göre; doğrulanmadı)

## 2565. Theo lời Ibn Mas'ud, việc năm mươi người dâng lễ nguyện mà không ai được chấp...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Theo lời Ibn Mas'ud, việc năm mươi người dâng lễ nguyện mà không ai được chấp nhận là dấu hiệu Ngày Tận Thế.

Lời tiên tri: được truyền lại như lời của một Sahabah (mawquf), thời điểm không rõ; Ứng nghiệm: tùy theo cách giải thích

NGUỒN 1000 Mucize no.828 (s.682)

## 2566. Người cho biết sẽ đến thời người ta tụ họp dâng lễ nguyện trong masjid mà giữa...

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người cho biết sẽ đến thời người ta tụ họp dâng lễ nguyện trong masjid mà giữa họ không có lấy một tín đồ (do Abdullah bin Amr thuật lại).

Thời cuối cùng

NGUỒN Yaqeen Institute (M. Elshinawy), "The Prophecies of Prophet Muhammad"

## 2567. Người báo: "Sẽ đến với loài người một thời mà họ chờ một lúc mà không tìm được..."

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người báo: "Sẽ đến với loài người một thời mà họ chờ một lúc mà không tìm được Imam dẫn lễ nguyện cho họ" (do Salamah bint al-Hurr thuật lại).

Lời tiên tri: thời kỳ Madinah; Ứng nghiệm: thời cuối cùng (thời điểm không rõ)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 263 (kendisinden sonra olacak çeşitli hâlleri haber vermesi)

## 2568. Người nói: "Ummah sẽ còn ở trên luật đạo chừng nào chưa thấy ba điều: tri thức..."

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người nói: "Ummah sẽ còn ở trên luật đạo chừng nào chưa thấy ba điều: tri thức bị cất đi, con ngoài giá thú nhiều lên và saqqarun xuất hiện", và giải thích saqqarun là "những người vào thời cuối cùng khi gặp nhau thì nguyền rủa nhau thay vì chào hỏi" (do Mu'adh bin Anas thuật lại).

Lời tiên tri: thời kỳ Madinah; Ứng nghiệm: thời cuối cùng (thời điểm không rõ)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 265 (kendisinden sonra olacak çeşitli hâlleri haber vermesi)

## 2569. Người báo: "Sẽ đến với Ummah ta một thời mà vì tham thế gian, bên trong họ xấu..."

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người báo: "Sẽ đến với Ummah ta một thời mà vì tham thế gian, bên trong họ xấu xa, bên ngoài tốt đẹp; việc họ làm là sự phô trương, trong lòng không có chút sợ hãi; Allah sẽ bao vây họ bằng một hình phạt, họ sẽ cầu xin như người sắp chết đuối mà không được đáp nhận."

Ứng nghiệm: tùy theo cách giải thích (thời cuối cùng)

NGUỒN Meclisî, Bihâru'l-envâr, c. 18, s. 146 (Bâb 12: kendisinden sonra olacakları haber vermesi)

## 2570. Người báo: "Sẽ đến với Ummah ta một thời mà Qur'an chỉ còn chữ viết, Islam chỉ..."

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người báo: "Sẽ đến với Ummah ta một thời mà Qur'an chỉ còn chữ viết, Islam chỉ còn cái tên; masjid của họ đông đúc nhưng đổ nát về sự hướng dẫn; các học giả luật đạo thời ấy là những kẻ xấu nhất dưới vòm trời, thảm họa từ họ mà ra và quay về với họ."

Ứng nghiệm: tùy theo cách giải thích (thời cuối cùng)

NGUỒN Meclisî, Bihâru'l-envâr, c. 18, s. 146 (Bâb 12: kendisinden sonra olacakları haber vermesi)

## 47 · Các dấu hiệu của Ngày Tận Thế: sự suy đồi trong việc cai trị, công lý và kinh tế

### 2571. Người cho biết sự trung tín sẽ bị cất khỏi các trái tim

**Sahih (Xác thực)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người cho biết sự trung tín sẽ bị cất khỏi các trái tim.

Thời cuối cùng (các dấu hiệu của Ngày Tận Thế; thời điểm ứng nghiệm tùy theo cách giải thích)

NGUỒN 1000 Mucize no.635 (s.608); web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 267; Kütüb-i Sitte: Buhârî, Müslim, Tirmizî [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 85, c./s. 2/371-372]

---

### 2572. Người cho biết những người chăn cừu chân đất sẽ thi nhau xây nhà cao tầng

**Sahih (Xác thực)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người cho biết những người chăn cừu chân đất sẽ thi nhau xây nhà cao tầng.

Thời cuối cùng (các dấu hiệu của Ngày Tận Thế; thời điểm ứng nghiệm tùy theo cách giải thích)

NGUỒN 1000 Mucize no.615 (s.599); web: Yaqeen Institute, "The Prophecies of Prophet Muhammad"; ayrıca: Elshinawy, The Prophecies of Prophet Muhammad (Yaqeen); Kütüb-i Sitte: Müslim 8 (satırdaki künye; Canan'da künye metinde yok) [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 14, c./s. 2/215-218]

---

### 2573. Người cho biết sẽ xuất hiện những kẻ cầm roi như đuôi bò đánh người và những...

**Sahih (Xác thực)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người cho biết sẽ xuất hiện những kẻ cầm roi như đuôi bò đánh người và những người phụ nữ “mặc mà như trần truồng”.

Thời cuối cùng (các dấu hiệu của Ngày Tận Thế; thời điểm ứng nghiệm tùy theo cách giải thích)

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.5 s.323; 1000 Mucize no.603 (s.592); web: Yaqeen Institute, "The Prophecies of Prophet Muhammad"; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 256 haber vermesi); c. 2, s. 265; ayrıca: İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî, s. 375; İbnü'l-Cevzî, el-Vefâ, s. 320; Elshinawy, The Prophecies of Prophet Muhammad (Yaqeen); Kütüb-i Sitte: Müslim, Cennet 53, (2857), 52, (2128) [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 5969, c./s. 16/449-450]

---

### 2574. Người cho biết sẽ đến thời con người không bận tâm của cải mình kiếm được là...

**Sahih (Xác thực)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người cho biết sẽ đến thời con người không bận tâm của cải mình kiếm được là hợp lệ hay bất hợp lệ.

Thời cuối cùng (các dấu hiệu của Ngày Tận Thế; thời điểm ứng nghiệm tùy theo cách giải thích)

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.5 s.326; web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 260; Kütüb-i Sitte: Buhârî, Büyû 7, 23; Nesâî, Büyû' 2, (7, 243) [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 5166, c./s. 14/499]

---

### 2575. Người cho biết thương mại sẽ lan rộng và người vợ sẽ cùng chồng buôn bán

**Sahih (Xác thực)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người cho biết thương mại sẽ lan rộng và người vợ sẽ cùng chồng buôn bán.

Thời cuối cùng (các dấu hiệu của Ngày Tận Thế; thời điểm ứng nghiệm tùy theo cách giải thích)

NGUỒN 1000 Mucize no.569 (s.574)

## 2576. Người cho biết sẽ đến “những năm lừa dối”: kẻ nói dối được tin, người nói thật...

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người cho biết sẽ đến “những năm lừa dối”: kẻ nói dối được tin, người nói thật bị cho là dối, kẻ phản bội được coi là đáng tin, người đáng tin bị coi là phản bội, và “ruwaybidah” (kẻ hèn mọn) sẽ có tiếng nói.

Thời cuối cùng (các dấu hiệu của Ngày Tận Thế; thời điểm ứng nghiệm tùy theo cách giải thích)

NGUỒN 1000 Mucize no.561 (s.570); web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 266; c. 2, s. 270; Kütüb-i Sitte: İbn Mâce 4036 [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 7217]

## 2577. Người cho biết các khu chợ sẽ gần nhau

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người cho biết các khu chợ sẽ gần nhau.

Thời cuối cùng (các dấu hiệu của Ngày Tận Thế; thời điểm ứng nghiệm tùy theo cách giải thích)

NGUỒN 1000 Mucize no.656 (s.616)

## 2578. Người cho biết những nhà cầm quyền xấu xa, bất công sẽ lên nắm quyền; sẽ thấy...

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người cho biết những nhà cầm quyền xấu xa, bất công sẽ lên nắm quyền; sẽ thấy cả việc tốt lẫn việc xấu.

Thời cuối cùng (các dấu hiệu của Ngày Tận Thế; thời điểm ứng nghiệm tùy theo cách giải thích)

NGUỒN 1000 Mucize no.558 (s.568); web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 261; Kütüb-i Sitte: Buharî, Fiten 11, Menakıb 25; Müslim, İmaret 51, (1847); Ebu Davud, Fiten 1, (4244-4247) [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 4788, c./s. 13/435-436]

## 2579. Người cho biết thời mà các quan chức/người cai trị sẽ là những kẻ nói dối

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người cho biết thời mà các quan chức/người cai trị sẽ là những kẻ nói dối.

Thời cuối cùng (các dấu hiệu của Ngày Tận Thế; thời điểm ứng nghiệm tùy theo cách giải thích)

NGUỒN 1000 Mucize no.663 (s.616)

## 2580. Người cho biết thời mà lực lượng giữ an ninh (shurat) sẽ làm điều bất công

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người cho biết thời mà lực lượng giữ an ninh (shurat) sẽ làm điều bất công.

Thời cuối cùng (các dấu hiệu của Ngày Tận Thế; thời điểm ứng nghiệm tùy theo cách giải thích)

NGUỒN 1000 Mucize no.665 (s.616); Kütüb-i Sitte: Müslim, Cennet 53, (2857), 52, (2128) [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 5969, c./s. 16/449-450]

## 2581. Người cho biết sự gian lận trong đong đếm và cân đo sẽ lan rộng (danh sách các...)

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người cho biết sự gian lận trong đong đếm và cân đo sẽ lan rộng (danh sách các dấu hiệu Ngày Tận Thế được thuật lại từ Ali).

Thời cuối cùng (các dấu hiệu của Ngày Tận Thế; thời điểm ứng nghiệm tùy theo cách giải thích)

NGUỒN 1000 Mucize no.788 (s.676)

---

## 2582. Người cho biết người giàu sẽ được kính trọng chỉ vì của cải của họ

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người cho biết người giàu sẽ được kính trọng chỉ vì của cải của họ.

Thời cuối cùng (các dấu hiệu của Ngày Tận Thế; thời điểm ứng nghiệm tùy theo cách giải thích)

NGUỒN 1000 Mucize no.654 (s.615)

---

## 2583. Người cho biết những người cai trị sẽ dính vào hối lộ và tham nhũng

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người cho biết những người cai trị sẽ dính vào hối lộ và tham nhũng.

Thời cuối cùng (các dấu hiệu của Ngày Tận Thế; thời điểm ứng nghiệm tùy theo cách giải thích)

NGUỒN 1000 Mucize no.670 (s.617)

---

## 2584. Người cho biết sự bất công sẽ phủ khắp mặt đất

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người cho biết sự bất công sẽ phủ khắp mặt đất.

Thời cuối cùng (các dấu hiệu của Ngày Tận Thế; thời điểm ứng nghiệm tùy theo cách giải thích)

NGUỒN 1000 Mucize no.686 (s.620); Kütüb-i Sitte: Ebu Davud, Mehdî 1, (4282); Tirmizî, Fiten 52, (2231, 2232) [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 5006, c./s. 14/275]

---

## 2585. Người cho biết nô lệ/người hầu sẽ nắm quyền cai trị

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người cho biết nô lệ/người hầu sẽ nắm quyền cai trị.

Thời cuối cùng (các dấu hiệu của Ngày Tận Thế; thời điểm ứng nghiệm tùy theo cách giải thích)

NGUỒN 1000 Mucize no.687 (s.624)

---

## 2586. Người cho biết những kẻ không đủ tư cách sẽ ngồi vào vị trí tham mưu

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người cho biết những kẻ không đủ tư cách sẽ ngồi vào vị trí tham mưu.

Thời cuối cùng (các dấu hiệu của Ngày Tận Thế; thời điểm ứng nghiệm tùy theo cách giải thích)

NGUỒN 1000 Mucize no.762 (s.666)

---

## 2587. Người cho biết các khu chợ sẽ đầy những kẻ gian dối

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người cho biết các khu chợ sẽ đầy những kẻ gian dối.

Thời cuối cùng (các dấu hiệu của Ngày Tận Thế; thời điểm ứng nghiệm tùy theo cách giải thích)

NGUỒN 1000 Mucize no.752 (s.663)

---

## 2588. Người cho biết những nơi trù phú trên mặt đất sẽ đổ nát, những nơi đổ nát sẽ trù phú

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người cho biết những nơi trù phú trên mặt đất sẽ đổ nát, những nơi đổ nát sẽ trù phú.

Thời cuối cùng (các dấu hiệu của Ngày Tận Thế; thời điểm ứng nghiệm tùy theo cách giải thích)

NGUỒN 1000 Mucize no.753 (s.664), no.754 (s.664)

---

## 2589. Người cho biết quyền cai trị sẽ rơi vào tay phụ nữ

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người cho biết quyền cai trị sẽ rơi vào tay phụ nữ.

Thời cuối cùng (các dấu hiệu của Ngày Tận Thế; thời điểm ứng nghiệm tùy theo cách giải thích)

NGUỒN 1000 Mucize no.763 (s.666)

---

## 2590. Người cho biết các phán quyết sẽ được đưa ra theo phỏng đoán và tùy hứng

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người cho biết các phán quyết sẽ được đưa ra theo phỏng đoán và tùy hứng.

Thời cuối cùng (các dấu hiệu của Ngày Tận Thế; thời điểm ứng nghiệm tùy theo cách giải thích)

NGUỒN 1000 Mucize no.815-816 (s.679)

---

## 2591. Ở Madinah, với người than “chà là làm bỏng dạ dày chúng tôi”, Người báo rằng...

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Ở Madinah, với người than “chà là làm bỏng dạ dày chúng tôi”, Người báo rằng sau này họ sẽ mặc những bộ áo như tấm phủ Ka'bah và được dọn thức ăn trong những chiếc mâm lớn; nhưng tình cảnh hôm nay của họ tốt hơn, vì hôm nay họ là anh em, còn hôm ấy họ sẽ giết nhau.

Lời tiên tri: thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ; Ứng nghiệm: sự sung túc sau các cuộc chinh phục cùng các cuộc xung đột nội bộ, tùy theo cách giải thích

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.5 s.314; 1000 Mucize no.745 (s.661); web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 185; ayrıca: İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî, s. 377

---

## 2592. Người báo rằng đồng dinar và dirham sẽ hủy diệt Ummah này như đã hủy diệt các...

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người báo rằng đồng dinar và dirham sẽ hủy diệt Ummah này như đã hủy diệt các cộng đồng trước, thảm họa của Ummah Người là của cải, và trong những thảm họa như đêm tối, người ta sáng là tín đồ chiều đã thành kẻ vô đức tin, bán tôn giáo của mình lấy chút lợi lộc thế gian.

Ứng nghiệm: tùy theo cách giải thích

NGUỒN 1000 Mucize no.702 (s.637); Kütüb-i Sitte: Müslim, İman 186, (118); Tirmizî, Fiten 30, (2196); Tirmizî (K395, künye metinde yok) [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 4743, c./s. 13/418-419; no. 395, c./s. 3/168-]

---

## 2593. Người nói: "Khi vật được giao phó bị trao cho kẻ không xứng đáng, hãy chờ Ngày..."

**Sahih (Xác thực)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người nói: "Khi vật được giao phó bị trao cho kẻ không xứng đáng, hãy chờ Ngày Tận Thế", báo trước rằng quyền cai trị sẽ bị giao cho những kẻ không đủ tư cách, hèn hạ nhất và tội lỗi.

Lời tiên tri: thời điểm không rõ; Ứng nghiệm: theo tác giả là phổ biến ngày nay (không có niên đại cụ thể)

NGUỒN 1000 Mucize no.551 (s.565); Kütüb-i Sitte: Buharî, İlm 2, Rikak 35 [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 5038; no. 86, c./s. 2/372]

---

## 2594. Người báo rằng việc người đáng tin bị coi là phản bội, bị buộc tội gian lận với...

**Sahih (Xác thực)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người báo rằng việc người đáng tin bị coi là phản bội, bị buộc tội gian lận với vật được giao phó là dấu hiệu Ngày Tận Thế; căn cứ là hadith ở mục số 555.

Lời tiên tri: thời điểm không rõ; Ứng nghiệm: theo tác giả là phổ biến ngày nay (không có niên đại cụ thể)

NGUỒN 1000 Mucize no.554 (s.566), no.555 (s.566); Kütüb-i Sitte: İbn Mâce 4036 [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 7217]

---

## 2595. Người báo rằng một số người nắm giữ chức vụ sẽ ước giá như mình rơi từ trên...

**Sahih (Xác thực)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người báo rằng một số người nắm giữ chức vụ sẽ ước giá như mình rơi từ trên trời xuống còn hơn nhận bất kỳ chức vụ nào.

Ứng nghiệm: tùy theo cách giải thích

NGUỒN 1000 Mucize no.565 (s.573); Kütüb-i Sitte: Buhârî (kitabın nispeti, künye yok)

---

## 2596. Người báo rằng lực lượng cảnh sát (shurtah) sẽ nhiều lên

**Sahih (Xác thực)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người báo rằng lực lượng cảnh sát (shurtah) sẽ nhiều lên.

Ứng nghiệm: tùy theo cách giải thích (theo quyển sách, đang thấy ngày nay)

NGUỒN 1000 Mucize no.573 (s.575)

---

## 2597. Người báo rằng quyền phán xử/cai trị sẽ trở thành thứ mua bán được

**Sahih (Xác thực)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người báo rằng quyền phán xử/cai trị sẽ trở thành thứ mua bán được.

Ứng nghiệm: tùy theo cách giải thích (theo quyển sách, đang thấy ngày nay)

NGUỒN 1000 Mucize no.574 (s.576)

## 2598. Người báo rằng tài sản chung của người Muslim (của công) sẽ trở thành của riêng...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người báo rằng tài sản chung của người Muslim (của công) sẽ trở thành của riêng của một số người.

Ứng nghiệm: tùy theo cách giải thích (theo quyển sách, đang thấy ngày nay)

NGUỒN 1000 Mucize no.579 (s.577); Kütüb-i Sitte: Tirmizî, Fiten 39, (2211) [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 5046]

## 2599. Người báo rằng kẻ hèn hạ nhất trong xã hội sẽ thành người dẫn dắt họ

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người báo rằng kẻ hèn hạ nhất trong xã hội sẽ thành người dẫn dắt họ.

Ứng nghiệm: tùy theo cách giải thích (theo quyển sách, đang thấy ngày nay)

NGUỒN 1000 Mucize no.584 (s.579); Kütüb-i Sitte: Tirmizî, Fiten 39, (2211) [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 5046]

## 2600. Người báo rằng người ta sẽ được kính nể vì người khác sợ điều xấu từ họ

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người báo rằng người ta sẽ được kính nể vì người khác sợ điều xấu từ họ.

Ứng nghiệm: tùy theo cách giải thích (theo quyển sách, đang thấy ngày nay)

NGUỒN 1000 Mucize no.585 (s.579); Kütüb-i Sitte: Tirmizî, Fiten 39, (2211) [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 5046]

## 2601. Người cho biết dân Iraq sẽ bị người không phải Ả Rập ngăn đồ đong (qafiz) và...

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người cho biết dân Iraq sẽ bị người không phải Ả Rập ngăn đồ đong (qafiz) và đồng dirham, dân Sham sẽ bị người La Mã ngăn đồng dinar và đồ đong.

Ứng nghiệm: tùy theo cách giải thích (theo quyển sách là lệnh cấm vận áp lên Iraq từ năm 1991; phần về Sham chưa ứng nghiệm)

NGUỒN 1000 Mucize no.597 (s.586); ayrıca: İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî, s. 262; Kütüb-i Sitte: Müslim, Fiten 67, (2913) [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 4790, c./s. 13/441]

## 2602. Người báo rằng khi họ mua bán kiểu 'inah, bám lấy đuôi bò, bằng lòng với nghề...

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người báo rằng khi họ mua bán kiểu 'inah, bám lấy đuôi bò, bằng lòng với nghề nông và bỏ Jihad trên con đường của Allah, sự nhục nhã sẽ giáng xuống họ cho đến khi họ quay về với tôn giáo của mình.

Ứng nghiệm: tùy theo cách giải thích

NGUỒN 1000 Mucize no.606 (s.594); Kütüb-i Sitte: Ebu Davud, Büyû 56, (3462) [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 5952, c./s. 16/422]

## 2603. Người báo rằng Ngày Tận Thế sẽ không xảy ra cho đến khi người hạnh phúc nhất ở...

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người báo rằng Ngày Tận Thế sẽ không xảy ra cho đến khi người hạnh phúc nhất ở thế gian là “kẻ hèn hạ con của kẻ hèn hạ”.

Ứng nghiệm: tùy theo cách giải thích (theo quyển sách, đang thấy ngày nay)

NGUỒN 1000 Mucize no.622 (s.603); web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 267; ayrıca: İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî, s. 332, 357; Kütüb-i Sitte: Tirmizî, Fiten 37, (2210) [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 5036]

---

## 2604. Người ta được gắn với một nhà cầm quyền hay một người giàu thay vì với gia đình mình

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người ta được gắn với một nhà cầm quyền hay một người giàu thay vì với gia đình mình.

Ứng nghiệm: tùy theo cách giải thích (theo quyển sách, đang thấy ngày nay)

NGUỒN 1000 Mucize no.641 (PDF s.616)

---

## 2605. Người ta xây những tháp/ngọn tháp cao

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người ta xây những tháp/ngọn tháp cao.

Ứng nghiệm: tùy theo cách giải thích

NGUỒN 1000 Mucize no.649 (s.615)

---

## 2606. Người ta xây những tòa nhà cao

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người ta xây những tòa nhà cao.

Ứng nghiệm: tùy theo cách giải thích

NGUỒN 1000 Mucize no.650 (s.615); Kütüb-i Sitte: Müslim (Cibrîl hadisi; Canan K14, künye metinde yok) [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 14, c./s. 2/215-218]

---

## 2607. Việc ăn lãi (quyển sách lấy ví dụ thế giới Islam dựa vào nền kinh tế lãi suất...)

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Việc ăn lãi (quyển sách lấy ví dụ thế giới Islam dựa vào nền kinh tế lãi suất và ngân hàng).

Ứng nghiệm: tùy theo cách giải thích (theo quyển sách, đang thấy ngày nay)

NGUỒN 1000 Mucize no.653 (s.615); web: Yaqeen Institute, "The Prophecies of Prophet Muhammad"; ayrıca: Elshinawy, The Prophecies of Prophet Muhammad (Yaqeen); Kütüb-i Sitte: Ebû Dâvûd ve Nesâî [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 309, c./s. 3/100]

---

## 2608. Những người cai trị trở nên tội lỗi (fajir)

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Những người cai trị trở nên tội lỗi (fajir).

Ứng nghiệm: tùy theo cách giải thích

NGUỒN 1000 Mucize no.662 (s.616)

## 2609. Những người được tin cậy lại phản bội

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Những người được tin cậy lại phản bội.

Ứng nghiệm: tùy theo cách giải thích

NGUỒN 1000 Mucize no.664 (s.616)

## 2610. Đồng dinar (vàng) lộ ra

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Đồng dinar (vàng) lộ ra.

Ứng nghiệm: tùy theo cách giải thích

NGUỒN 1000 Mucize no.672 (s.617)

## 2611. Đồng dirham (bạc) trở nên được săn tìm

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Đồng dirham (bạc) trở nên được săn tìm.

Ứng nghiệm: tùy theo cách giải thích

NGUỒN 1000 Mucize no.673 (s.617)

## 2612. Người báo rằng việc trẻ con làm vua và phụ nữ bày mưu tính kế là dấu hiệu của...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người báo rằng việc trẻ con làm vua và phụ nữ bày mưu tính kế là dấu hiệu của Ngày Tận Thế.

Ứng nghiệm: tùy theo cách giải thích (theo quyển sách, đang thấy ngày nay)

NGUỒN 1000 Mucize no.682 (s.619)

## 2613. Người báo rằng việc kẻ phản bội được coi là đáng tin còn người đáng tin bị coi...

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người báo rằng việc kẻ phản bội được coi là đáng tin còn người đáng tin bị coi là phản bội là dấu hiệu của Ngày Tận Thế.

Ứng nghiệm: tùy theo cách giải thích (theo quyển sách, đang thấy ngày nay)

NGUỒN 1000 Mucize no.684 (s.619); Kütüb-i Sitte: İbn Mâce 4036 [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 7217]

## 2614. Người báo rằng thế gian sẽ mở ra trước mặt họ và họ sẽ trang trí nhà cửa như...

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người báo rằng thế gian sẽ mở ra trước mặt họ và họ sẽ trang trí nhà cửa như người ta phủ Ka'bah, nhưng tình cảnh của các Sahabah hôm ấy còn tốt hơn.

Ứng nghiệm: tùy theo cách giải thích

NGUỒN 1000 Mucize no.701 (s.636); web: Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 24. fasıl; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 186; c. 2, s. 191; Kütüb-i Sitte: Tirmizî, Kıyamet 36, (2478) [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 2079, c./s. 7/455]

---

## 2615. Người báo rằng sẽ có những nhà cầm quyền được bao quanh bởi một số người, làm...

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người báo rằng sẽ có những nhà cầm quyền được bao quanh bởi một số người, làm điều bất công và nói dối.

Ứng nghiệm: tùy theo cách giải thích

NGUỒN 1000 Mucize no.704 (s.638); Kütüb-i Sitte: Tirmizî, Salât 433. (614); Nesâî, Bey'ât 35, 36, (7, 160) [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 1733, c./s. 6/449]

---

## 2616. Người báo rằng Ngày Tận Thế sẽ không xảy ra cho đến khi mặt đất đầy rẫy bất công

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người báo rằng Ngày Tận Thế sẽ không xảy ra cho đến khi mặt đất đầy rẫy bất công.

Ứng nghiệm: tùy theo cách giải thích (theo quyển sách là đã ứng nghiệm)

NGUỒN 1000 Mucize no.711 (s.641); Kütüb-i Sitte: Ebu Davud, Mehdî 1, (4282); Tirmizî, Fiten 52, (2231, 2232); İbn Mâce 4082 [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 5006, c./s. 14/275; no. 7233]

---

## 2617. Người cho biết việc người Muslim mải mê làm cho chợ búa sầm uất (buôn bán) sẽ...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người cho biết việc người Muslim mải mê làm cho chợ búa sầm uất (buôn bán) sẽ là nguyên nhân của tai họa.

Lời tiên tri: thời điểm không rõ; Ứng nghiệm: tùy theo cách giải thích (theo tác giả là đã xảy ra ngày nay)

NGUỒN 1000 Mucize no.716 (s.644)

---

## 2618. Người cho biết việc cưới vợ vì ham gom góp của cải sẽ dẫn đến nạn đói, nhà cầm...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người cho biết việc cưới vợ vì ham gom góp của cải sẽ dẫn đến nạn đói, nhà cầm quyền bất công, quan tòa gian trá và sự tấn công của kẻ thù.

Lời tiên tri: thời điểm không rõ; Ứng nghiệm: tùy theo cách giải thích (theo tác giả là đã xảy ra ngày nay)

NGUỒN 1000 Mucize no.717 (s.644)

---

## 2619. Người cho biết những người cai trị sẽ không trả quyền lợi cho dân chúng mà làm...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người cho biết những người cai trị sẽ không trả quyền lợi cho dân chúng mà làm điều bất công, vì thế mọi người sẽ giết hại nhau; lối thoát là rút tay về và kiên nhẫn (nếu được trao quyền thì nhận, nếu không thì thôi).

Lời tiên tri: thời điểm không rõ; Ứng nghiệm: tùy theo cách giải thích (trong hadith nói "không lâu sau ngươi"; theo tác giả là đã ứng nghiệm)

NGUỒN 1000 Mucize no.732 (s.652)

## 2620. Người cho biết khi những người cai trị là người tốt, người giàu hào phóng và...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người cho biết khi những người cai trị là người tốt, người giàu hào phóng và mọi việc được bàn bạc (shura) thì mặt đất bên trên tốt hơn; còn khi những người cai trị xấu xa, người giàu keo kiệt và mọi việc giao cho phụ nữ thì lòng đất bên dưới tốt hơn.

Lời tiên tri: thời điểm không rõ; Ứng nghiệm: tùy theo cách giải thích

NGUỒN 1000 Mucize no.733 (s.653); Kütüb-i Sitte: Tirmizî, Fiten 78, (2267) [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 4785, c./s. 13/431]

## 2621. Người cho biết người giàu (chủ của cải) sẽ được tôn sùng; Zakat sẽ bị tranh...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người cho biết người giàu (chủ của cải) sẽ được tôn sùng; Zakat sẽ bị tranh giành, kẻ nói dối được tin, kẻ phản bội được coi là đáng tin (Hajj Từ Biệt, do Salman thuật lại).

Lời tiên tri: Hajj Từ Biệt, năm 10 H (632 CN); Ứng nghiệm: tùy theo cách giải thích

NGUỒN 1000 Mucize no.760 (s.666); Kütüb-i Sitte (kısmen): kısmen: İbn Mâce 4036 [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 7217]

## 2622. Người cho biết khi ngươi thấy người ta đánh nhau vì tiền công (lính đánh thuê)...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người cho biết khi ngươi thấy người ta đánh nhau vì tiền công (lính đánh thuê), thì Ngày Tận Thế đã gần như hai ngón tay.

Lời tiên tri: thời điểm không rõ; Ứng nghiệm: tùy theo cách giải thích (theo tác giả là đã xảy ra ngày nay)

NGUỒN 1000 Mucize no.772 (s.669)

## 2623. Người xem việc người ta đùa giỡn với vật được giao phó như lạc đà đùa giỡn với...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người xem việc người ta đùa giỡn với vật được giao phó như lạc đà đùa giỡn với cây cối, và việc nơi trù phú bị tàn phá còn nơi đổ nát được xây dựng là dấu hiệu Ngày Tận Thế đã gần.

Lời tiên tri: thời điểm không rõ; Ứng nghiệm: tùy theo cách giải thích (theo tác giả là đã xảy ra ngày nay)

NGUỒN 1000 Mucize no.773 (s.669)

## 2624. Các đại tội (kể cả cho vay lãi và hối lộ) được phạm một cách bình thường (danh...)

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Các đại tội (kể cả cho vay lãi và hối lộ) được phạm một cách bình thường (danh sách các dấu hiệu Ngày Tận Thế được thuật lại từ Ali).

Lời tiên tri: được truyền lại như lời của một Sahabah (mawquf), thời điểm không rõ; Ứng nghiệm: tùy theo cách giải thích

NGUỒN 1000 Mucize no.797 (s.677)

## 2625. Đủ loại bất công được thực hiện (danh sách

## các dấu hiệu Ngày Tận Thế được thuật lại từ Ali)

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Đủ loại bất công được thực hiện (danh sách các dấu hiệu Ngày Tận Thế được thuật lại từ Ali).

Lời tiên tri: được truyền lại như lời của một Sahabah (mawquf), thời điểm không rõ; Ứng nghiệm: tùy theo cách giải thích

NGUỒN 1000 Mucize no.798 (s.677)

---

## 2626. Của cải tập trung trong tay kẻ xấu (danh sách các dấu hiệu Ngày Tận Thế được...)

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Của cải tập trung trong tay kẻ xấu (danh sách các dấu hiệu Ngày Tận Thế được thuật lại từ Ali).

Lời tiên tri: được truyền lại như lời của một Sahabah (mawquf), thời điểm không rõ; Ứng nghiệm: tùy theo cách giải thích

NGUỒN 1000 Mucize no.801 (s.677)

---

## 2627. Quyền lực được chuyển giao bằng cách cha truyền con nối (danh sách các dấu hiệu...)

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Quyền lực được chuyển giao bằng cách cha truyền con nối (danh sách các dấu hiệu Ngày Tận Thế được thuật lại từ Ali).

Lời tiên tri: được truyền lại như lời của một Sahabah (mawquf), thời điểm không rõ; Ứng nghiệm: tùy theo cách giải thích

NGUỒN 1000 Mucize no.803 (s.677)

---

## 2628. Các giao ước bị phá bỏ (danh sách các dấu hiệu Ngày Tận Thế được thuật lại từ Ali)

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Các giao ước bị phá bỏ (danh sách các dấu hiệu Ngày Tận Thế được thuật lại từ Ali).

Lời tiên tri: được truyền lại như lời của một Sahabah (mawquf), thời điểm không rõ; Ứng nghiệm: tùy theo cách giải thích

NGUỒN 1000 Mucize no.804 (s.677)

---

## 2629. Đường sá hẹp lại và nhà cửa cao lên (danh sách các dấu hiệu Ngày Tận Thế được...)

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Đường sá hẹp lại và nhà cửa cao lên (danh sách các dấu hiệu Ngày Tận Thế được thuật lại từ Ali).

Lời tiên tri: được truyền lại như lời của một Sahabah (mawquf), thời điểm không rõ; Ứng nghiệm: tùy theo cách giải thích

NGUỒN 1000 Mucize no.807 (s.677)

---

## 2630. Người cho biết thời mà người ăn xin đi khắp nơi mà không nhận được gì

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người cho biết thời mà người ăn xin đi khắp nơi mà không nhận được gì.

Lời tiên tri: thời điểm không rõ; Ứng nghiệm: tùy theo cách giải thích (theo tác giả là đã xảy ra ngày nay)

NGUỒN 1000 Mucize no.812 (s.679)

## 2631. Người cho biết các dinh thự và cung điện sẽ được xây cao (do Abu Musa thuật lại)

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người cho biết các dinh thự và cung điện sẽ được xây cao (do Abu Musa thuật lại).

Lời tiên tri: thời điểm không rõ; Ứng nghiệm: tùy theo cách giải thích

NGUỒN 1000 Mucize no.818 (s.679)

## 2632. Người cho biết sẽ xuất hiện một nhóm người ăn bằng lưỡi như con bò ăn bằng lưỡi...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người cho biết sẽ xuất hiện một nhóm người ăn bằng lưỡi như con bò ăn bằng lưỡi (kiếm của cải bằng nịnh bợ).

Lời tiên tri: thời điểm không rõ; Ứng nghiệm: tùy theo cách giải thích (theo tác giả là đã xảy ra ngày nay)

NGUỒN 1000 Mucize no.825 (s.680); web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 268

## 2633. Người báo các dấu hiệu Ngày Tận Thế: những người quyền quý (wu'ul) diệt vong và...

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người báo các dấu hiệu Ngày Tận Thế: những người quyền quý (wu'ul) diệt vong và kẻ hạ lưu (tuhut) nổi lên, kẻ xấu được đề cao và người tốt bị hạ thấp, lời nói được phô bày còn việc làm bị che giấu (do Abu Hurairah, Abdullah bin Amr, Ibn Abbas thuật lại).

Lời tiên tri: thời kỳ Madinah; Ứng nghiệm: thời cuối cùng (tùy theo cách giải thích)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 270 (kendisinden sonra olacak çeşitli hâlleri haber vermesi)

## 2634. Người báo: "Khi thời gian đến gần, những người mặc taylasan, thương mại và của..."

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người báo: "Khi thời gian đến gần, những người mặc taylasan, thương mại và của cải sẽ nhiều lên; người giàu được coi trọng vì của cải, sự đồi bại lan tràn; việc một người nuôi một con chó con còn tốt hơn nuôi một đứa con" (do Abu Dharr thuật lại).

Lời tiên tri: thời kỳ Madinah; Ứng nghiệm: thời cuối cùng (tùy theo cách giải thích)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 271 (kendisinden sonra olacak çeşitli hâlleri haber vermesi)

## 2635. Người nói: "Vào cuối Ummah ta sẽ có một vị Khalifah phân phát của cải từng vốc..."

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người nói: "Vào cuối Ummah ta sẽ có một vị Khalifah phân phát của cải từng vốc mà không đếm"; những người thuật lại là Abu Nadrah và Abul Ala' nói: "Đó không phải là Umar bin Abd al-Aziz."

Lời tiên tri: thời kỳ Madinah; Ứng nghiệm: thời cuối cùng (tùy theo cách giải thích)

NGUỒN İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî (el-Bidâye ve'n-Nihâye'den; thk. es-Seyyid İbrâhîm), tek cilt, s. 262 (Fasl fî tertîbi'l-ahbâr bi'l-guyûbi'l-müstakbele ba'deh)

## 2636. Người báo: "Sẽ đến với loài người một thời mà vương quyền chỉ có được bằng giết..."

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người báo: “Sẽ đến với loài người một thời mà vương quyền chỉ có được bằng giết chóc và bạo ngược, sự giàu có chỉ có được bằng cướp đoạt và keo kiệt, tình thương chỉ có được bằng việc rời tôn giáo mà theo dục vọng; ai sống đến thời ấy, dù có khả năng mà vẫn kiên nhẫn chịu nghèo khó, thù hằn và nhục nhã, Allah sẽ ban cho người ấy phần thưởng của năm mươi người chân chính đã tin ta.”

Ứng nghiệm: tùy theo cách giải thích (thời cuối cùng)

NGUỒN Meclisî, Bihâru'l-envâr, c. 18, s. 146-147 (Bâb 12: kendisinden sonra olacakları haber vermesi)

# 48 · Các dấu hiệu của Ngày Tận Thế: sự suy đồi trong đạo đức, gia đình và đời sống xã hội

## 2637. Người cho biết tà dâm sẽ lan rộng

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người cho biết tà dâm sẽ lan rộng.

Thời cuối cùng (các dấu hiệu của Ngày Tận Thế; thời điểm ứng nghiệm tùy theo cách giải thích)

NGUỒN 1000 Mucize no.634 (PDF s.610); Kütüb-i Sitte: Buhârî, Müslim (satırdaki kaynağa göre)

## 2638. Người cho biết tà dâm sẽ được coi là hợp lệ (dưới những cái tên khác)

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người cho biết tà dâm sẽ được coi là hợp lệ (dưới những cái tên khác).

Thời cuối cùng (các dấu hiệu của Ngày Tận Thế; thời điểm ứng nghiệm tùy theo cách giải thích)

NGUỒN 1000 Mucize no.626 (s.604); Kütüb-i Sitte: Buhârî, Eşribe 6 [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 4787, c./s. 13/434]

## 2639. Người cho biết đàn ông sẽ coi việc mặc lụa là hợp lệ

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người cho biết đàn ông sẽ coi việc mặc lụa là hợp lệ.

Thời cuối cùng (các dấu hiệu của Ngày Tận Thế; thời điểm ứng nghiệm tùy theo cách giải thích)

NGUỒN 1000 Mucize no.627 (s.605); web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 272; Kütüb-i Sitte: Buhârî, Eşribe 6 [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 4787, c./s. 13/434]

## 2640. Người cho biết rượu sẽ được coi là hợp lệ dưới những cái tên khác và các cuộc...

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người cho biết rượu sẽ được coi là hợp lệ dưới những cái tên khác và các cuộc nhậu sẽ nhiều lên.

Thời cuối cùng (các dấu hiệu của Ngày Tận Thế; thời điểm ứng nghiệm tùy theo cách giải thích)

NGUỒN 1000 Mucize no.628 (s.605); web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 262; Kütüb-i Sitte: Buhârî, Eşribe 6; İbn Mâce 3383 [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 4787, c./s. 13/434; no. 7005]

## 2641. Người cho biết các nhạc cụ sẽ được coi là hợp lệ

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người cho biết các nhạc cụ sẽ được coi là hợp lệ.

Thời cuối cùng (các dấu hiệu của Ngày Tận Thế; thời điểm ứng nghiệm tùy theo cách giải thích)

NGUỒN 1000 Mucize no.629 (s.605); Kütüb-i Sitte: Buhârî, Eşribe 6 [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 4787, c./s. 13/434]

## 2642. Người cho biết các ca nữ và nhạc cụ sẽ nhiều lên; sẽ có cảnh bị đất nuốt và bị...

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người cho biết các ca nữ và nhạc cụ sẽ nhiều lên; sẽ có cảnh bị đất nuốt và bị biến đổi hình dạng.

Thời cuối cùng (các dấu hiệu của Ngày Tận Thế; thời điểm ứng nghiệm tùy theo cách giải thích)

NGUỒN 1000 Mucize no.589 (s.580); web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 265; Kütüb-i Sitte: Buhârî, Eşribe 6; Tirmizî, Fiten 39, (2211) [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 4787, c./s. 13/434; no. 5046]

---

## 2643. Người cho biết nữ tỳ sẽ sinh ra chủ của mình (con cái chống lại mẹ)

**Sahih (Xác thực)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người cho biết nữ tỳ sẽ sinh ra chủ của mình (con cái chống lại mẹ).

Thời cuối cùng (các dấu hiệu của Ngày Tận Thế; thời điểm ứng nghiệm tùy theo cách giải thích)

NGUỒN 1000 Mucize no.637 (PDF s.614); web: Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 24. fasıl; Kütüb-i Sitte: Müslim ; Buhârî 50, Müslim 8-10 (listedeki kaynağa göre) [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 14, c./s. 2/215-218]

---

## 2644. Người cho biết sẽ đến thời con người bị ép phải chọn giữa sự bất lực và việc...

**Da'if (Yếu)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người cho biết sẽ đến thời con người bị ép phải chọn giữa sự bất lực và việc phạm tội.

Thời cuối cùng (các dấu hiệu của Ngày Tận Thế; thời điểm ứng nghiệm tùy theo cách giải thích)

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.5 s.326; 1000 Mucize no.786 (s.675); web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 267

---

## 2645. Người cho biết người ta chỉ chào những người quen biết

**Sahih (Xác thực)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người cho biết người ta chỉ chào những người quen biết.

Thời cuối cùng (các dấu hiệu của Ngày Tận Thế; thời điểm ứng nghiệm tùy theo cách giải thích)

NGUỒN 1000 Mucize no.568 (s.574); web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 271

---

## 2646. Người cho biết căn bệnh của các cộng đồng trước (ganh tị, thù hằn, kiêu căng)...

**Sahih (Xác thực)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người cho biết căn bệnh của các cộng đồng trước (ganh tị, thù hằn, kiêu căng) sẽ lây sang Ummah của Người.

Thời cuối cùng (các dấu hiệu của Ngày Tận Thế; thời điểm ứng nghiệm tùy theo cách giải thích)

NGUỒN 1000 Mucize no.563 (s.572); web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 267; Kütüb-i Sitte: Tirmizî, Sıfatu'l-Kıyâme 57, (2512) [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 1665, c./s. 6/326]

---

## 2647. Người cho biết các trái tim sẽ đầy lòng ganh tị với nhau

**Da'if (Yếu)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người cho biết các trái tim sẽ đầy lòng ganh tị với nhau.

Thời cuối cùng (các dấu hiệu của Ngày Tận Thế; thời điểm ứng nghiệm tùy theo cách giải thích)

NGUỒN 1000 Mucize no.766 (s.666)

## 2648. Người cho biết sẽ xuất hiện một nhóm người nhuộm tóc đen như ngực chim bồ câu

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người cho biết sẽ xuất hiện một nhóm người nhuộm tóc đen như ngực chim bồ câu.

Thời cuối cùng (các dấu hiệu của Ngày Tận Thế; thời điểm ứng nghiệm tùy theo cách giải thích)

NGUỒN 1000 Mucize no.607 (s.595); Kütüb-i Sitte: Ebû Dâvûd, Nesâî (satırdaki kaynağa göre)

## 2649. Người cho biết lời lẽ tục tĩu và sự đồi bại sẽ được làm công khai

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người cho biết lời lẽ tục tĩu và sự đồi bại sẽ được làm công khai.

Thời cuối cùng (các dấu hiệu của Ngày Tận Thế; thời điểm ứng nghiệm tùy theo cách giải thích)

NGUỒN 1000 Mucize no.552 (s.566); web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 271

## 2650. Người cho biết sẽ có "lạc đà của Shaytan và nhà của Shaytan" (những con vật...)

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người cho biết sẽ có "lạc đà của Shaytan và nhà của Shaytan" (những con vật cưỡi nuôi để phô trương và những ngôi nhà bỏ không).

Thời cuối cùng (các dấu hiệu của Ngày Tận Thế; thời điểm ứng nghiệm tùy theo cách giải thích)

NGUỒN 1000 Mucize no.624-625 (s.604); Kütüb-i Sitte: Ebu Davud, Cihad 62, (2568) [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 5980, c./s. 16/462]

## 2651. Người cho biết sẽ xuất hiện những người mặc áo bằng da cừu

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người cho biết sẽ xuất hiện những người mặc áo bằng da cừu.

Thời cuối cùng (các dấu hiệu của Ngày Tận Thế; thời điểm ứng nghiệm tùy theo cách giải thích)

NGUỒN 1000 Mucize no.667 (s.617); Kütüb-i Sitte: Tirmizî, Zühd 60, (2406, 2407) [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 2005, c./s. 7/312]

## 2652. Người cho biết sẽ đến một thế hệ chỉ nghĩ đến các món ăn uống và kiểu cách ăn...

Hasan (Tốt) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người cho biết sẽ đến một thế hệ chỉ nghĩ đến các món ăn uống và kiểu cách ăn mặc.

Thời cuối cùng (các dấu hiệu của Ngày Tận Thế; thời điểm ứng nghiệm tùy theo cách giải thích)

NGUỒN 1000 Mucize no.779 (s.671); web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 268

## 2653. Người cho biết thời mà sự diệt vong của một người đến từ tay vợ, cha mẹ và con cái người ấy

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người cho biết thời mà sự diệt vong của một người đến từ tay vợ, cha mẹ và con cái người ấy.

Thời cuối cùng (các dấu hiệu của Ngày Tận Thế; thời điểm ứng nghiệm tùy theo cách giải thích)

NGUỒN 1000 Mucize no.784 (s.674); web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 269

---

## 2654. Người cho biết thời mà phụ nữ hư hỏng và thanh niên trở nên tội lỗi

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người cho biết thời mà phụ nữ hư hỏng và thanh niên trở nên tội lỗi.

Thời cuối cùng (các dấu hiệu của Ngày Tận Thế; thời điểm ứng nghiệm tùy theo cách giải thích)

NGUỒN 1000 Mucize no.727 (s.649)

---

## 2655. Người cho biết tiền sính lễ của phụ nữ sẽ cao quá mức

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người cho biết tiền sính lễ của phụ nữ sẽ cao quá mức.

Thời cuối cùng (các dấu hiệu của Ngày Tận Thế; thời điểm ứng nghiệm tùy theo cách giải thích)

NGUỒN 1000 Mucize no.570 (s.574)

---

## 2656. Người cho biết đồng tính luyến ái sẽ lan rộng

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người cho biết đồng tính luyến ái sẽ lan rộng.

Thời cuối cùng (các dấu hiệu của Ngày Tận Thế; thời điểm ứng nghiệm tùy theo cách giải thích)

NGUỒN 1000 Mucize no.639 (s.612)

---

## 2657. Người cho biết việc một người nhận dòng dõi từ người không phải cha mình sẽ lan rộng

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người cho biết việc một người nhận dòng dõi từ người không phải cha mình sẽ lan rộng.

Thời cuối cùng (các dấu hiệu của Ngày Tận Thế; thời điểm ứng nghiệm tùy theo cách giải thích)

NGUỒN 1000 Mucize no.640 (s.612)

---

## 2658. Người cho biết ly hôn sẽ nhiều lên

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người cho biết ly hôn sẽ nhiều lên.

Thời cuối cùng (các dấu hiệu của Ngày Tận Thế; thời điểm ứng nghiệm tùy theo cách giải thích)

NGUỒN 1000 Mucize no.658 (s.616)

---

## 2659. Người cho biết việc vu khống tà dâm cho những người phụ nữ trong sạch sẽ nhiều lên

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người cho biết việc vu khống tà dâm cho những người phụ nữ trong sạch sẽ nhiều lên.

Thời cuối cùng (các dấu hiệu của Ngày Tận Thế; thời điểm ứng nghiệm tùy theo cách giải thích)

NGUỒN 1000 Mucize no.659 (s.616)

---

## 2660. Người cho biết việc chửi rủa lẫn nhau sẽ nhiều lên

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người cho biết việc chửi rủa lẫn nhau sẽ nhiều lên.

Thời cuối cùng (các dấu hiệu của Ngày Tận Thế; thời điểm ứng nghiệm tùy theo cách giải thích)

NGUỒN 1000 Mucize no.660 (s.616)

---

## 2661. Người cho biết sự tôn trọng giữa con người với nhau sẽ giảm đi

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người cho biết sự tôn trọng giữa con người với nhau sẽ giảm đi.

Thời cuối cùng (các dấu hiệu của Ngày Tận Thế; thời điểm ứng nghiệm tùy theo cách giải thích)

NGUỒN 1000 Mucize no.661 (s.616)

---

## 2662. Người cho biết tội lỗi và sai lầm sẽ nhiều lên và trở nên bình thường

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người cho biết tội lỗi và sai lầm sẽ nhiều lên và trở nên bình thường.

Thời cuối cùng (các dấu hiệu của Ngày Tận Thế; thời điểm ứng nghiệm tùy theo cách giải thích)

NGUỒN 1000 Mucize no.669 (s.617)

---

## 2663. Người cho biết các trái tim sẽ hư hỏng

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người cho biết các trái tim sẽ hư hỏng.

Thời cuối cùng (các dấu hiệu của Ngày Tận Thế; thời điểm ứng nghiệm tùy theo cách giải thích)

NGUỒN 1000 Mucize no.678 (s.618)

---

## 2664. Người cho biết con người sẽ chạy theo dục vọng và dục vọng sẽ thống trị

Hasan (Tốt) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người cho biết con người sẽ chạy theo dục vọng và dục vọng sẽ thống trị.

Thời cuối cùng (các dấu hiệu của Ngày Tận Thế; thời điểm ứng nghiệm tùy theo cách giải thích)

NGUỒN 1000 Mucize no.651 (s.615); Kütüb-i Sitte: Ebu Davud, Melahim 17, (4341); Tirmizî, Tefsir, Mâide, (3060); İbnu Mace, Fiten 21, (4014) [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 4758, c./s. 13/365-366]

---

## 2665. Người cho biết lời lẽ sẽ mâu thuẫn và bất đồng với nhau

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người cho biết lời lẽ sẽ mâu thuẫn và bất đồng với nhau.

Thời cuối cùng (các dấu hiệu của Ngày Tận Thế; thời điểm ứng nghiệm tùy theo cách giải thích)

NGUỒN 1000 Mucize no.767 (s.666)

## 2666. Người cho biết con trai cũng sẽ phải được ghen giữ, che chở như con gái

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người cho biết con trai cũng sẽ phải được ghen giữ, che chở như con gái.

Thời cuối cùng (các dấu hiệu của Ngày Tận Thế; thời điểm ứng nghiệm tùy theo cách giải thích)

NGUỒN 1000 Mucize no.771 (s.666)

## 2667. Người cho biết cờ bạc sẽ lan rộng

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người cho biết cờ bạc sẽ lan rộng.

Thời cuối cùng (các dấu hiệu của Ngày Tận Thế; thời điểm ứng nghiệm tùy theo cách giải thích)

NGUỒN 1000 Mucize no.791 (s.676)

## 2668. Người cho biết da thú dữ sẽ được dùng làm đệm

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người cho biết da thú dữ sẽ được dùng làm đệm.

Thời cuối cùng (các dấu hiệu của Ngày Tận Thế; thời điểm ứng nghiệm tùy theo cách giải thích)

NGUỒN 1000 Mucize no.792 (s.676)

## 2669. Người cho biết đàn ông sẽ cố bắt chước phụ nữ

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người cho biết đàn ông sẽ cố bắt chước phụ nữ.

Thời cuối cùng (các dấu hiệu của Ngày Tận Thế; thời điểm ứng nghiệm tùy theo cách giải thích)

NGUỒN 1000 Mucize no.799 (s.677)

## 2670. Người cho biết phụ nữ sẽ cố bắt chước đàn ông

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người cho biết phụ nữ sẽ cố bắt chước đàn ông.

Thời cuối cùng (các dấu hiệu của Ngày Tận Thế; thời điểm ứng nghiệm tùy theo cách giải thích)

NGUỒN 1000 Mucize no.800 (s.677)

## 2671. Người cho biết những người có con cái sẽ sống trong buồn khổ

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người cho biết những người có con cái sẽ sống trong buồn khổ.

Thời cuối cùng (các dấu hiệu của Ngày Tận Thế; thời điểm ứng nghiệm tùy theo cách giải thích)

NGUỒN 1000 Mucize no.813-814 (s.679)

## 2672. Người cho biết sẽ xuất hiện sự thù địch vô cớ giữa con người

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người cho biết sẽ xuất hiện sự thù địch vô cớ giữa con người.

Thời cuối cùng (các dấu hiệu của Ngày Tận Thế; thời điểm ứng nghiệm tùy theo cách giải thích)

NGUỒN 1000 Mucize no.819 (s.679)

## 2673. Người cho biết công việc của con người sẽ rối ren lẫn lộn

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người cho biết công việc của con người sẽ rối ren lẫn lộn.

Thời cuối cùng (các dấu hiệu của Ngày Tận Thế; thời điểm ứng nghiệm tùy theo cách giải thích)

NGUỒN 1000 Mucize no.820 (s.679)

## 2674. Người báo rằng việc cắt đứt tình họ hàng trở nên phổ biến là dấu hiệu của Ngày...

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người báo rằng việc cắt đứt tình họ hàng trở nên phổ biến là dấu hiệu của Ngày Tận Thế; căn cứ là hadith ở mục số 555.

Lời tiên tri: thời điểm không rõ; Ứng nghiệm: theo tác giả là phổ biến ngày nay (không có niên đại cụ thể)

NGUỒN 1000 Mucize no.553 (s.566)

## 2675. Người nói: "Hãy nhanh chân làm việc thiện trước khi sáu điều đến", báo trước...

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người nói: "Hãy nhanh chân làm việc thiện trước khi sáu điều đến", báo trước rằng những kẻ ngu muội sẽ thành người cai trị.

Ứng nghiệm: tùy theo cách giải thích

NGUỒN 1000 Mucize no.572 (s.575)

## 2676. Người báo rằng người đàn ông sẽ vâng lời vợ mà bất hiếu với mẹ

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người báo rằng người đàn ông sẽ vâng lời vợ mà bất hiếu với mẹ.

Ứng nghiệm: tùy theo cách giải thích (theo quyển sách, đang thấy ngày nay)

NGUỒN 1000 Mucize no.581 (s.578); Kütüb-i Sitte: Tirmizî, Fiten 39, (2211) [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 5046]

## 2677. Người báo rằng một người sẽ theo bạn bè mà chống lại cha mình

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người báo rằng một người sẽ theo bạn bè mà chống lại cha mình.

Ứng nghiệm: tùy theo cách giải thích (theo quyển sách, đang thấy ngày nay)

NGUỒN 1000 Mucize no.582 (s.578); Kütüb-i Sitte: Tirmizî, Fiten 39, (2211) [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 5046]

## 2678. Người báo rằng rượu sẽ được uống công khai

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người báo rằng rượu sẽ được uống công khai.

Ứng nghiệm: tùy theo cách giải thích (theo quyển sách, đang thấy ngày nay)

NGUỒN 1000 Mucize no.587 (s.580); Kütüb-i Sitte: Buhârî, Eşribe 6; Tirmizî, Fiten 39, (2211) [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 4787, c./s. 13/434; no. 5046]

## 2679. Người báo rằng đàn ông sẽ mặc lụa

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người báo rằng đàn ông sẽ mặc lụa.

Ứng nghiệm: tùy theo cách giải thích (theo quyển sách, đang thấy ngày nay)

NGUỒN 1000 Mucize no.588 (s.580); Kütüb-i Sitte: Buhârî, Eşribe 6; Tirmizî, Fiten 39, (2211) [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 4787, c./s. 13/434; no. 5046]

## 2680. Người báo rằng vào thời cuối cùng, đàn ông trong Ummah của Người sẽ cưỡi những...

Hasan (Tốt) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người báo rằng vào thời cuối cùng, đàn ông trong Ummah của Người sẽ cưỡi những vật cưỡi giống như yên ngựa và xuống trước cửa masjid, còn phụ nữ của họ thì mặc mà như trần truồng.

Ứng nghiệm: tùy theo cách giải thích (theo quyển sách là các phương tiện giao thông hiện đại)

NGUỒN 1000 Mucize no.592 (PDF s.584); web: Yaqeen Institute, "The Prophecies of Prophet Muhammad"; ayrıca: Elshinawy, The Prophecies of Prophet Muhammad (Yaqeen); Kütüb-i Sitte (kısmen): kısmen: Müslim, Cennet 53, (2857), 52, (2128) [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 5969, c./s. 16/449-450]

## 2681. Người lớn không thương xót người nhỏ, người nhỏ không kính trọng người lớn

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người lớn không thương xót người nhỏ, người nhỏ không kính trọng người lớn.

Ứng nghiệm: tùy theo cách giải thích (theo quyển sách, đang thấy ngày nay)

NGUỒN 1000 Mucize no.642 (PDF s.616)

## 2682. Người báo rằng việc con cái trở thành nguồn cơn giận dữ và phiền muộn (cho cha...)

Hasan (Tốt) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người báo rằng việc con cái trở thành nguồn cơn giận dữ và phiền muộn (cho cha mẹ) là dấu hiệu của Ngày Tận Thế.

Ứng nghiệm: tùy theo cách giải thích (theo quyển sách, đang thấy ngày nay)

NGUỒN 1000 Mucize no.647 (s.614)

## 2683. Sự dối trá nhiều lên

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Sự dối trá nhiều lên.

Ứng nghiệm: tùy theo cách giải thích (theo quyển sách, đang thấy ngày nay)

NGUỒN 1000 Mucize no.655 (s.616)

## 2684. Người báo rằng sự trơ trẽn (đồi bại) xuất hiện là dấu hiệu của Ngày Tận Thế

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người báo rằng sự trơ trẽn (đồi bại) xuất hiện là dấu hiệu của Ngày Tận Thế.

Ứng nghiệm: tùy theo cách giải thích

NGUỒN 1000 Mucize no.657 (s.616)

## 2685. Các trái tim trở nên thối rữa hơn xác chết và đắng hơn cây lô hội

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Các trái tim trở nên thối rữa hơn xác chết và đắng hơn cây lô hội.

Ứng nghiệm: tùy theo cách giải thích (theo quyển sách, đang thấy ngày nay)

NGUỒN 1000 Mucize no.668 (s.617)

## 2686. Người báo rằng việc kết giao với người ngoài mà cắt đứt tình họ hàng là dấu...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người báo rằng việc kết giao với người ngoài mà cắt đứt tình họ hàng là dấu hiệu của Ngày Tận Thế.

Ứng nghiệm: tùy theo cách giải thích

NGUỒN 1000 Mucize no.680 (s.619)

## 2687. Người báo rằng việc con ngoài giá thú nhiều lên là dấu hiệu của Ngày Tận Thế

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người báo rằng việc con ngoài giá thú nhiều lên là dấu hiệu của Ngày Tận Thế.

Ứng nghiệm: tùy theo cách giải thích (theo quyển sách, đang thấy ngày nay)

NGUỒN 1000 Mucize no.681 (s.619)

## 2688. Người báo rằng sự keo kiệt và trơ trẽn sẽ lan rộng, kẻ phản bội được coi là...

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người báo rằng sự keo kiệt và trơ trẽn sẽ lan rộng, kẻ phản bội được coi là đáng tin, những bộ áo mặc mà như trần truồng của phụ nữ xuất hiện, và tầng lớp hạ lưu (tuhut) được đặt trên các gia đình đức hạnh/quyền quý (wu'ul); Ibn Mas'ud xác nhận đã nghe điều này từ Thiên Sứ của Allah ﷺ.

Ứng nghiệm: tùy theo cách giải thích

NGUỒN 1000 Mucize no.688 (s.625); Kütüb-i Sitte (kısmen): kısmen: İbn Mâce 4036; Müslim, Cennet 53, (2857), 52, (2128) [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 7217; no. 5969, c./s. 16/449-450]

---

## 2689. Người cho biết phụ nữ con cháu Israel diệt vong vì đôi chân, còn phụ nữ của...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người cho biết phụ nữ con cháu Israel diệt vong vì đôi chân, còn phụ nữ của Ummah này diệt vong vì cái đầu; từ Ali cũng có lời thuật rằng sẽ đến thời mối bận tâm của con người là cái bụng, Qiblah của họ là đàn bà, tôn giáo của họ là đồng dirham.

Ứng nghiệm: tùy theo cách giải thích (theo quyển sách là đã ứng nghiệm)

NGUỒN 1000 Mucize no.696 (s.632)

---

## 2690. Lặp lại ba lần câu "Khi đàn ông vâng lời đàn bà, họ sẽ diệt vong", Người báo...

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Lặp lại ba lần câu "Khi đàn ông vâng lời đàn bà, họ sẽ diệt vong", Người báo trước thời mà đàn ông khuất phục phụ nữ.

Ứng nghiệm: tùy theo cách giải thích (theo quyển sách, đang thấy ngày nay)

NGUỒN 1000 Mucize no.697 (s.632)

---

## 2691. Người báo rằng sự trang sức và phô trương sẽ xuất hiện ("Các ngươi sẽ thế nào...")

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người báo rằng sự trang sức và phô trương sẽ xuất hiện ("Các ngươi sẽ thế nào khi tôn giáo bị pha tạp, máu bị đổ, trang sức xuất hiện, anh em bất hòa và Ngôi Nhà của Allah bị đốt cháy?").

Ứng nghiệm: tùy theo cách giải thích

NGUỒN 1000 Mucize no.706 (s.640)

---

## 2692. Người báo rằng anh em sẽ chống lại nhau

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người báo rằng anh em sẽ chống lại nhau.

Ứng nghiệm: tùy theo cách giải thích

NGUỒN 1000 Mucize no.707 (s.640)

---

## 2693. Người báo rằng Ngày Tận Thế sẽ không xảy ra cho đến khi tà dâm và dối trá lan...

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người báo rằng Ngày Tận Thế sẽ không xảy ra cho đến khi tà dâm và dối trá lan rộng, các khu chợ gần nhau, thời gian rút ngắn và harj (giết chóc) nhiều lên.

Ứng nghiệm: tùy theo cách giải thích

NGUỒN 1000 Mucize no.710 (s.641); web: Yaqeen Institute, "The Prophecies of Prophet Muhammad"; Kütüb-i Sitte: Müslim, Fiten 18, (157); Buhârî 1036 [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 5023, c./s. 14/313]

## 2694. Người báo rằng vào thời cuối cùng sẽ xuất hiện một nhóm người mặt người lòng...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người báo rằng vào thời cuối cùng sẽ xuất hiện một nhóm người mặt người lòng quỷ; không có lòng thương xót, khát máu, dối trá và phản bội; giữa họ Sunnah bị coi là bid'ah, bid'ah bị coi là Sunnah, Allah sẽ cho kẻ xấu nhất trong họ cai trị họ, và lời cầu xin của người tốt trong họ sẽ không được đáp nhận.

Ứng nghiệm: tùy theo cách giải thích

NGUỒN 1000 Mucize no.713 (s.642); web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 267

## 2695. Người báo rằng Ngày Tận Thế sẽ không xảy ra cho đến khi những kẻ giả tạo đức tin đứng đầu mọi bộ tộc

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người báo rằng Ngày Tận Thế sẽ không xảy ra cho đến khi những kẻ giả tạo đức tin đứng đầu mọi bộ tộc.

Lời tiên tri: thời điểm không rõ; Ứng nghiệm: tùy theo cách giải thích

NGUỒN 1000 Mucize no.714 (s.644); web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 271

## 2696. Người cho biết Ngày Tận Thế sẽ không xảy ra cho đến khi đồng tính nữ xuất hiện...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người cho biết Ngày Tận Thế sẽ không xảy ra cho đến khi đồng tính nữ xuất hiện giữa phụ nữ và đồng tính nam xuất hiện giữa đàn ông; trong lời thuật của Ibn Mas'ud, Người còn cho biết các masjid sẽ bị dùng làm lối đi, lời chào chỉ dành cho người quen, vợ chồng mải mê buôn bán, giá ngựa và giá phụ nữ tăng vọt rồi rẻ mạt cho đến Ngày Tận Thế.

Lời tiên tri: thời điểm không rõ; Ứng nghiệm: tùy theo cách giải thích

NGUỒN 1000 Mucize no.718 (s.645)

## 2697. Nắm lấy râu Umar, Người buồn bã đọc câu "inna lillah", báo rằng như Jibril vừa...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Nắm lấy râu Umar, Người buồn bã đọc câu "inna lillah", báo rằng như Jibril vừa cho biết, không lâu sau Người, Ummah của Người sẽ rơi vào thảm họa lớn vì Qur'an, và những người đọc Qur'an sẽ chiều theo ý muốn của nhà cầm quyền mà lầm lạc.

Lời tiên tri: thời điểm không rõ; Ứng nghiệm: tùy theo cách giải thích (trong hadith nói "không lâu sau ngươi"; theo tác giả là đã ứng nghiệm)

NGUỒN 1000 Mucize no.731 (s.652)

## 2698. Sau lễ nguyện Fajr, một người lớn tiếng hỏi: "Khi nào là Ngày Tận Thế?"; trước...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Sau lễ nguyện Fajr, một người lớn tiếng hỏi: "Khi nào là Ngày Tận Thế?"; trước tiên Người bảo ông im lặng, khi trời sáng thì gọi ông đến và cho biết Ngày Tận Thế sẽ xảy ra khi những người cai trị (theo tiêu đề là các quan tòa) làm điều bất công.

Lời tiên tri: thời điểm không rõ; Ứng nghiệm: tùy theo cách giải thích

NGUỒN 1000 Mucize no.734 (s.654)

---

## 2699. Người cho biết các dấu hiệu Ngày Tận Thế: lời chào chỉ dành cho người quen...

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người cho biết các dấu hiệu Ngày Tận Thế: lời chào chỉ dành cho người quen, thương mại lan rộng đến mức người vợ giúp chồng buôn bán, tình họ hàng bị cắt đứt, lời làm chứng gian xuất hiện còn lời làm chứng thật bị che giấu, và cây bút trở nên phổ biến.

Lời tiên tri: thời điểm không rõ; Ứng nghiệm: tùy theo cách giải thích (theo tác giả là đã xảy ra ngày nay)

NGUỒN 1000 Mucize no.740 (s.658)

---

## 2700. Khi cho mọi người ăn bên chiếc bát tên al-Gharra' do bốn người khiêng, đựng món...

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Khi cho mọi người ăn bên chiếc bát tên al-Gharra' do bốn người khiêng, đựng món ăn nấu từ thịt cừu được biếu và chút ít lương thực, Người thề mà báo rằng Ba Tư và La Mã sẽ được chinh phục, lương thực sẽ dồi dào và người ta sẽ không nhắc tên Allah trên đó.

Lời tiên tri: thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ; Ứng nghiệm: chinh phục Ba Tư và La Mã, khoảng năm 13–23 H (634–644 CN); phần ăn không đọc Bismillah tùy theo cách giải thích

NGUỒN 1000 Mucize no.744 (s.660); Kütüb-i Sitte: İbn Mâce 3263 [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 6959]

---

## 2701. Người cho biết những kẻ ngồi lê đôi mách và kẻ mách lẻo sẽ nhiều lên (do Ibn Mas'ud thuật lại)

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người cho biết những kẻ ngồi lê đôi mách và kẻ mách lẻo sẽ nhiều lên (do Ibn Mas'ud thuật lại).

Lời tiên tri: thời điểm không rõ; Ứng nghiệm: tùy theo cách giải thích (theo tác giả là đã xảy ra ngày nay)

NGUỒN 1000 Mucize no.748 (s.663)

---

## 2702. Người cho biết các bí mật sẽ bị phơi bày và lan truyền (do Ibn Mas'ud thuật lại)

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người cho biết các bí mật sẽ bị phơi bày và lan truyền (do Ibn Mas'ud thuật lại).

Lời tiên tri: thời điểm không rõ; Ứng nghiệm: tùy theo cách giải thích (theo tác giả là đã xảy ra ngày nay)

NGUỒN 1000 Mucize no.749 (s.663)

---

## 2703. Người cho biết con người sẽ khoác da cừu lên trái tim sói, và người tốt nhất...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người cho biết con người sẽ khoác da cừu lên trái tim sói, và người tốt nhất thời ấy sẽ là kẻ xu nịnh/thỏa hiệp.

Lời tiên tri: thời điểm không rõ; Ứng nghiệm: tùy theo cách giải thích

NGUỒN 1000 Mucize no.781 (s.672)

## 2704. Người báo rằng con người vốn là cây có trái, rồi sẽ thành cây có gai; dù ngươi...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người báo rằng con người vốn là cây có trái, rồi sẽ thành cây có gai; dù ngươi chạy trốn hay để mặc họ, họ cũng không buông tha; và Người chỉ lối thoát: “Hãy giữ gìn danh dự/phẩm giá của ngươi khỏi họ cho ngày khốn khó của ngươi.”

Lời tiên tri: thời điểm không rõ; Ứng nghiệm: tùy theo cách giải thích

NGUỒN 1000 Mucize no.782 (s.673)

## 2705. Người cho biết vào thời cuối cùng sẽ có những nhóm người bề ngoài là anh em...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người cho biết vào thời cuối cùng sẽ có những nhóm người bề ngoài là anh em, bên trong là kẻ thù; điều đó là vì họ trông chờ lợi lộc từ nhau và sợ hãi nhau.

Lời tiên tri: thời điểm không rõ; Ứng nghiệm: tùy theo cách giải thích

NGUỒN 1000 Mucize no.783 (s.673); web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 266

## 2706. Người cho biết điều Người lo sợ nhất cho Ummah của mình là hành vi của dân Lut

Hasan (Tốt) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người cho biết điều Người lo sợ nhất cho Ummah của mình là hành vi của dân Lut.

Lời tiên tri: thời điểm không rõ; Ứng nghiệm: tùy theo cách giải thích (theo tác giả là đã xảy ra ngày nay)

NGUỒN 1000 Mucize no.785 (s.675); web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 268; Kütüb-i Sitte: Tirmizî, Hudud 24, (1457); İbnu Mâce, Hudud 12, (2563) [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 1617, c./s. 6/254]

## 2707. Đàn ông mặc lụa (danh sách các dấu hiệu Ngày Tận Thế được thuật lại từ Ali)

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Đàn ông mặc lụa (danh sách các dấu hiệu Ngày Tận Thế được thuật lại từ Ali).

Lời tiên tri: được truyền lại như lời của một Sahabah (mawquf), thời điểm không rõ; Ứng nghiệm: tùy theo cách giải thích

NGUỒN 1000 Mucize no.790 (s.676); Kütüb-i Sitte: Tirmizî, Fiten 39, (2211) [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 5046]

## 2708. Người ta cưỡi những con birdhawn (ngựa to lớn, không thuần chủng) (danh sách...)

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người ta cưỡi những con birdhawn (ngựa to lớn, không thuần chủng) (danh sách các dấu hiệu Ngày Tận Thế được thuật lại từ Ali).

Lời tiên tri: được truyền lại như lời của một Sahabah (mawquf), thời điểm không rõ; Ứng nghiệm: tùy theo cách giải thích

NGUỒN 1000 Mucize no.805 (s.677)

## 2709. Ly hôn bị coi nhẹ (danh sách các dấu hiệu Ngày Tận Thế được thuật lại từ Ali)

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Ly hôn bị coi nhẹ (danh sách các dấu hiệu Ngày Tận Thế được thuật lại từ Ali).

Lời tiên tri: được truyền lại như lời của một Sahabah (mawquf), thời điểm không rõ; Ứng nghiệm: tùy theo cách giải thích

NGUỒN 1000 Mucize no.806 (s.677)

---

## 2710. Các trái tim hư hỏng (danh sách các dấu hiệu Ngày Tận Thế được thuật lại từ Ali)

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Các trái tim hư hỏng (danh sách các dấu hiệu Ngày Tận Thế được thuật lại từ Ali).

Lời tiên tri: được truyền lại như lời của một Sahabah (mawquf), thời điểm không rõ; Ứng nghiệm: tùy theo cách giải thích

NGUỒN 1000 Mucize no.808 (s.677)

---

## 2711. Người cho biết các dấu hiệu Ngày Tận Thế là cắt đứt tình họ hàng, lấy của cải...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người cho biết các dấu hiệu Ngày Tận Thế là cắt đứt tình họ hàng, lấy của cải bất chính và đổ máu.

Lời tiên tri: thời điểm không rõ; Ứng nghiệm: tùy theo cách giải thích (theo tác giả là đã xảy ra ngày nay)

NGUỒN 1000 Mucize no.810 (s.679)

---

## 2712. Người cho biết thời mà người thân sẽ than phiền về người thân không cho mình gì

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người cho biết thời mà người thân sẽ than phiền về người thân không cho mình gì.

Lời tiên tri: thời điểm không rõ; Ứng nghiệm: tùy theo cách giải thích (theo tác giả là đã xảy ra ngày nay)

NGUỒN 1000 Mucize no.811 (s.679)

---

## 2713. Người cho biết tà dâm, ganh tị và keo kiệt sẽ xuất hiện và con người sẽ diệt...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người cho biết tà dâm, ganh tị và keo kiệt sẽ xuất hiện và con người sẽ diệt vong (do Abu Musa thuật lại).

Lời tiên tri: thời điểm không rõ; Ứng nghiệm: tùy theo cách giải thích

NGUỒN 1000 Mucize no.821 (s.680)

---

## 2714. Người cho biết Ngày Tận Thế sẽ không xảy ra cho đến khi một người cưới một phụ...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người cho biết Ngày Tận Thế sẽ không xảy ra cho đến khi một người cưới một phụ nữ Nabatea vì sinh kế/của cải mà không thèm ngoảnh nhìn con gái của chú mình.

Lời tiên tri: thời điểm không rõ; Ứng nghiệm: tùy theo cách giải thích (theo tác giả là đã xảy ra ngày nay)

NGUỒN 1000 Mucize no.826 (s.681)

---

## 2715. Người cho biết sẽ đến thời vì sợ có con mà người ta mổ bụng người phụ nữ lấy ra...

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người cho biết sẽ đến thời vì sợ có con mà người ta mổ bụng người phụ nữ lấy ra cái bên trong mà vứt đi.

Ứng nghiệm: tùy theo cách giải thích (nguồn hiểu là việc phá thai)

NGUỒN Yaqeen Institute (M. Elshinawy), "The Prophecies of Prophet Muhammad"

---

## 2716. Người cho biết Ngày Tận Thế sẽ không xảy ra cho đến khi con người giao cấu...

**Sahih (Xác thực)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người cho biết Ngày Tận Thế sẽ không xảy ra cho đến khi con người giao cấu ngoài đường như lừa (do Abdullah bin Amr thuật lại).

Thời cuối cùng

NGUỒN Yaqeen Institute (M. Elshinawy), "The Prophecies of Prophet Muhammad"

---

## 2717. Người cho biết khi Ummah của Người coi năm điều là hợp lệ (nguyền rủa nhau...)

**Hasan (Tốt)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người cho biết khi Ummah của Người coi năm điều là hợp lệ (nguyền rủa nhau, rượu, lụa, nhạc cụ, đàn ông thỏa mãn với đàn ông), sự diệt vong sẽ đến (do Anas thuật lại).

Ứng nghiệm: tùy theo cách giải thích

NGUỒN Yaqeen Institute (M. Elshinawy), "The Prophecies of Prophet Muhammad"

---

## 2718. Người báo: "Sẽ đến với loài người một thời mà họ như bầy sói; kẻ nào không phải..."

**Da'if (Yếu)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người báo: "Sẽ đến với loài người một thời mà họ như bầy sói; kẻ nào không phải là sói sẽ bị bầy sói ăn thịt" (do Anas thuật lại).

Lời tiên tri: thời kỳ Madinah; Ứng nghiệm: thời cuối cùng (thời điểm không rõ)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 267 (kendisinden sonra olacak çeşitli hâlleri haber vermesi)

---

## 2719. Người báo: "Khi những chiếc mũ (qalanis) của sự đa thần (một bản chép: của...)"

**Da'if (Yếu)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người báo: "Khi những chiếc mũ (qalanis) của sự đa thần (một bản chép: của người Turk) xuất hiện, sự phô trương (một bản chép: tà dâm) sẽ lan rộng."

Ứng nghiệm: tùy theo cách giải thích

NGUỒN Meclisî, Bihâru'l-envâr, c. 18, s. 145-146 (Bâb 12: kendisinden sonra olacakları haber vermesi)

# 49 · Các dấu hiệu của Ngày Tận Thế: các thảm họa, chiến tranh và hiện tượng thiên nhiên

## 2720. Người cho biết các dân tộc sẽ xúm vào người Muslim như những kẻ ăn xúm vào mâm...

**Sahih (Xác thực)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người cho biết các dân tộc sẽ xúm vào người Muslim như những kẻ ăn xúm vào mâm cơm.

Thời cuối cùng (các dấu hiệu của Ngày Tận Thế; thời điểm ứng nghiệm tùy theo cách giải thích)

NGUỒN Beyhakî, Delâil c.5 s.325; 1000 Mucize no.557 (s.567); web: Yaqeen Institute, "The Prophecies of Prophet Muhammad"; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 260; ayrıca: Elshinawy, The Prophecies of Prophet Muhammad (Yaqeen); Kütüb-i Sitte: Ebu Davud, Melahim 5, (4297) [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 4771, c./s. 13/417]

## 2721. Người cho biết các vụ giết chóc (harj) sẽ nhiều lên

**Sahih (Xác thực)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người cho biết các vụ giết chóc (harj) sẽ nhiều lên.

Thời cuối cùng (các dấu hiệu của Ngày Tận Thế; thời điểm ứng nghiệm tùy theo cách giải thích)

NGUỒN 1000 Mucize no.549 (s.564); web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 230; Kütüb-i Sitte: Müslim, Fiten 18, (157) [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 5023, c./s. 14/313]

## 2722. Người cho biết động đất sẽ nhiều lên

**Sahih (Xác thực)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người cho biết động đất sẽ nhiều lên.

Thời cuối cùng (các dấu hiệu của Ngày Tận Thế; thời điểm ứng nghiệm tùy theo cách giải thích)

NGUỒN 1000 Mucize no.636 (s.609); Kütüb-i Sitte: Ebu Davud, Cihad 37, (2535) [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 5044]

## 2723. Người cho biết thời gian sẽ rút ngắn / phúc lành của tuổi thọ sẽ giảm đi

**Sahih (Xác thực)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người cho biết thời gian sẽ rút ngắn / phúc lành của tuổi thọ sẽ giảm đi.

Thời cuối cùng (các dấu hiệu của Ngày Tận Thế; thời điểm ứng nghiệm tùy theo cách giải thích)

NGUỒN 1000 Mucize no.593 (s.582); web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 272; Kütüb-i Sitte: Tirmizî, Zühd 24, (2333); Buhârî 1036 [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 5041]

## 2724. Người cho biết mọi người sẽ bỏ Madinah đi khi nó đang ở trạng thái tốt đẹp nhất

**Sahih (Xác thực)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người cho biết mọi người sẽ bỏ Madinah đi khi nó đang ở trạng thái tốt đẹp nhất.

Thời cuối cùng (các dấu hiệu của Ngày Tận Thế; thời điểm ứng nghiệm tùy theo cách giải thích)

NGUỒN 1000 Mucize no.610 (s.596); Kütüb-i Sitte: Buharî, Fezâilu'l-Medine 5, Müslim, Hacc 499, (1389) [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 4611, c./s. 13/191]

## 2725. Người cho biết những cái chết đột ngột sẽ nhiều lên

Hasan (Tốt) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người cho biết những cái chết đột ngột sẽ nhiều lên.

Thời cuối cùng (các dấu hiệu của Ngày Tận Thế; thời điểm ứng nghiệm tùy theo cách giải thích)

NGUỒN 1000 Mucize no.633 (PDF s.610)

## 2726. Người cho biết sét đánh sẽ nhiều lên

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người cho biết sét đánh sẽ nhiều lên.

Thời cuối cùng (các dấu hiệu của Ngày Tận Thế; thời điểm ứng nghiệm tùy theo cách giải thích)

NGUỒN 1000 Mucize no.695 (PDF s.634)

## 2727. Người cho biết những năm đói kém khi mưa nhiều mà đất không mọc gì

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người cho biết những năm đói kém khi mưa nhiều mà đất không mọc gì.

Thời cuối cùng (các dấu hiệu của Ngày Tận Thế; thời điểm ứng nghiệm tùy theo cách giải thích)

NGUỒN 1000 Mucize no.823-824 (s.680); web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 272; Kütüb-i Sitte: Müslim, Fiten 44, (2904) [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 5981, c./s. 16/462-463]

## 2728. Người cho biết hình phạt của Ummah Người ở thế gian sẽ là các thảm họa, động...

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người cho biết hình phạt của Ummah Người ở thế gian sẽ là các thảm họa, động đất và sự giết chóc.

Thời cuối cùng (các dấu hiệu của Ngày Tận Thế; thời điểm ứng nghiệm tùy theo cách giải thích)

NGUỒN 1000 Mucize no.755 (s.664); Kütüb-i Sitte: Ebû Davud, Fiten, (4277) [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 4517, c./s. 13/78]

## 2729. Người cho biết sẽ có những thảm họa lớn khiến con người lầm lạc

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người cho biết sẽ có những thảm họa lớn khiến con người lầm lạc.

Thời cuối cùng (các dấu hiệu của Ngày Tận Thế; thời điểm ứng nghiệm tùy theo cách giải thích)

NGUỒN 1000 Mucize no.671 (s.617)

## 2730. Người cho biết sẽ ký hòa ước với Banu al-Asfar (người La Mã), rồi họ sẽ phản...

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người cho biết sẽ ký hòa ước với Banu al-Asfar (người La Mã), rồi họ sẽ phản bội và kéo đến dưới tám mươi lá cờ.

Thời cuối cùng (các dấu hiệu của Ngày Tận Thế; thời điểm ứng nghiệm tùy theo cách giải thích)

NGUỒN İbn Kesîr s.152; 1000 Mucize no.495 (s.487); Kütüb-i Sitte: Ebu Davud, Melahim 2, (4292, 4293); İbn Mâce 4089; Buhârî 3176 [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 4769; no. 7238]

## 2731. Người báo rằng người Muslim sẽ chia thành những đạo quân riêng: đạo quân Sham...

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người báo rằng người Muslim sẽ chia thành những đạo quân riêng: đạo quân Sham, Yemen và Iraq, và khuyên chọn Sham, nếu không thì Yemen.

Ứng nghiệm: tùy theo cách giải thích

NGUỒN 1000 Mucize no.612 (s.598); web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 187; c. 2, s. 191; ayrıca: İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî, s. 259-260; Kütüb-i Sitte: Ebû Davud, Cihad 3, (2483) [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 4630, c./s. 13/216]

## 2732. Người cho biết sẽ có một thảm họa mà người lớn già đi trong đó, người nhỏ lớn...

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người cho biết sẽ có một thảm họa mà người lớn già đi trong đó, người nhỏ lớn lên trong đó, và khi nó bị bỏ người ta sẽ nói "Sunnah đã bị bỏ"; điều này xảy ra khi các học giả ra đi còn những người đọc Qur'an nhiều lên, khi những người hiểu luật đạo ít đi còn các vị chỉ huy nhiều lên, và khi người ta tìm thế gian bằng việc làm của Đời Sau.

Ứng nghiệm: tùy theo cách giải thích

NGUỒN 1000 Mucize no.693 (PDF s.632)

## 2733. Người cho biết trước Ngày Tận Thế sẽ xuất hiện thảm họa Người gọi là "giết..."

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người cho biết trước Ngày Tận Thế sẽ xuất hiện thảm họa Người gọi là "giết chóc, giết chóc"; đó không phải việc giết những kẻ đa thần mà là người Muslim giết nhau, người ta giết hàng xóm, anh em họ, họ hàng của mình.

Lời tiên tri: thời điểm không rõ; Ứng nghiệm: quyển sách không nêu niên đại

NGUỒN 1000 Mucize no.477 (s.467); Kütüb-i Sitte: İbn Mâce (kitap dipnotu)

## 2734. Khi kể cho Awf bin Malik sáu dấu hiệu trước Ngày Tận Thế, Người báo dấu hiệu...

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Khi kể cho Awf bin Malik sáu dấu hiệu trước Ngày Tận Thế, Người báo dấu hiệu đầu tiên là sự qua đời của chính Người (các dấu hiệu khác: Bayt al-Maqdis được chinh phục, dịch bệnh, của cải dồi dào đến mức một trăm dinar cũng không làm người ta hài lòng, thảm họa vào nhà mọi người Muslim, đình chiến với một đạo quân ngoại bang và sự phản bội của họ dưới tám mươi lá cờ, mỗi cờ mười hai nghìn quân).

Lời tiên tri: thời kỳ Madinah (theo đường truyền của al-Bukhari là chuyến hành quân Tabuk, năm 9 H / 630 CN); Ứng nghiệm: năm 11 H (632 CN)

NGUỒN 1000 Mucize no.542 (s.562); web: Münkız es-Sakkār, Delâilü'n-nübüvve; Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 24. fasıl; Yaqeen Institute, "The Prophecies of Prophet Muhammad"; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 188; ayrıca: İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî, s. 256, 273; Elshinawy, The Prophecies of Prophet Muhammad (Yaqeen); Kütüb-i Sitte: Buhârî 3176

## 2735. Người báo rằng mỗi thời đến với loài người sẽ tệ hơn thời trước

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người báo rằng mỗi thời đến với loài người sẽ tệ hơn thời trước.

Lời tiên tri: thời điểm không rõ; Ứng nghiệm: quyển sách không nêu niên đại cụ thể (còn tiếp diễn)

NGUỒN 1000 Mucize no.544 (s.563); web: Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 24. fasıl; Kütüb-i Sitte: Buhârî, Fiten 6; Tirmizî, Fiten 35, (2207) [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 4822, c./s. 13/508]

---

## 2736. Người thề mà báo rằng thế gian sẽ không kết thúc trước khi đến một thời (harj)...

**Sahih (Xác thực)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người thề mà báo rằng thế gian sẽ không kết thúc trước khi đến một thời (harj) mà kẻ giết không biết vì sao mình giết, người bị giết không biết vì sao mình bị giết.

Lời tiên tri: thời điểm không rõ; Ứng nghiệm: quyển sách không nêu niên đại cụ thể (còn tiếp diễn)

NGUỒN 1000 Mucize no.550 (s.565); web: Yaqeen Institute, "The Prophecies of Prophet Muhammad"; ayrıca: Elshinawy, The Prophecies of Prophet Muhammad (Yaqeen); Kütüb-i Sitte: Müslim, Fiten 56, (2908) [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 4780, c./s. 13/427]

---

## 2737. Người báo rằng người Muslim sẽ chinh phục phương đông và phương tây, nhưng...

**Da'if (Yếu)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người báo rằng người Muslim sẽ chinh phục phương đông và phương tây, nhưng những người cai trị họ, trừ những ai kính sợ Allah, sẽ thuộc về Lửa.

Ứng nghiệm: tùy theo cách giải thích

NGUỒN 1000 Mucize no.566 (s.573)

---

## 2738. Người cho biết dấu hiệu Ngày Tận Thế là giá ngựa sẽ đắt lên, rồi rẻ đi cho đến...

**Sahih (Xác thực)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người cho biết dấu hiệu Ngày Tận Thế là giá ngựa sẽ đắt lên, rồi rẻ đi cho đến Ngày Tận Thế.

Ứng nghiệm: tùy theo cách giải thích

NGUỒN 1000 Mucize no.571 (s.575)

---

## 2739. Người báo rằng việc đổ máu sẽ bị coi nhẹ

**Sahih (Xác thực)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người báo rằng việc đổ máu sẽ bị coi nhẹ.

Ứng nghiệm: tùy theo cách giải thích (theo quyển sách, đang thấy ngày nay)

NGUỒN 1000 Mucize no.575 (s.576)

---

## 2740. Quay về phía đông, Người báo rằng các thảm họa sẽ xuất hiện từ đó, nơi mọc lên...

**Sahih (Xác thực)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Quay về phía đông, Người báo rằng các thảm họa sẽ xuất hiện từ đó, nơi mọc lên cái sừng của Shaytan.

Ứng nghiệm: tùy theo cách giải thích (theo quyển sách là các điều đổi mới (bid'ah) và thảm họa xuất phát từ Iraq và vùng lân cận)

NGUỒN 1000 Mucize no.591 (PDF s.584); web: Münkız es-Sakkār, Delâilü'n-nübüvve; Kütüb-i Sitte: Buhârî 5296; Müslim 2905 [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 4803, c./s. 13/471]

---

## 2741. Người báo rằng Ngày Tận Thế sẽ không xảy ra cho đến khi một người đi qua một...

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người báo rằng Ngày Tận Thế sẽ không xảy ra cho đến khi một người đi qua một ngôi mộ mà nói "ước gì ta ở chỗ của người này", không phải vì lòng mộ đạo mà vì tai họa giáng xuống mình.

Ứng nghiệm: tùy theo cách giải thích (theo quyển sách là chưa xảy ra nhưng đã đến gần)

NGUỒN 1000 Mucize no.598 (s.586); web: Yaqeen Institute, "The Prophecies of Prophet Muhammad"; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 266; ayrıca: Elshinawy, The Prophecies of Prophet Muhammad (Yaqeen); Kütüb-i Sitte: Buhârî 7115; Müslim 157

---

## 2742. Người báo cho người Muhajirin năm điều: khi tà dâm được làm công khai thì sẽ có...

Hasan (Tốt) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người báo cho người Muhajirin năm điều: khi tà dâm được làm công khai thì sẽ có những dịch bệnh chưa từng thấy; khi gian lận trong đong đếm thì sẽ có nạn đói và sự bất công của nhà cầm quyền; khi Zakat không được nộp thì mưa sẽ dứt; khi giao ước của Allah và Thiên Sứ của Ngài bị phá thì kẻ thù sẽ xâm chiếm; khi luật lệ của Allah không được thi hành thì hình phạt sẽ đến.

Lời tiên tri: thời kỳ Madinah; Ứng nghiệm: tùy theo cách giải thích (theo quyển sách là đã ứng nghiệm đúng như vậy)

NGUỒN 1000 Mucize no.601 (s.588); web: Yaqeen Institute, "The Prophecies of Prophet Muhammad"; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 228; ayrıca: Elshinawy, The Prophecies of Prophet Muhammad (Yaqeen); Kütüb-i Sitte: İbn Mâce 4019 [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 7208]

---

## 2743. Người báo về ba thời kỳ mà những người ra trận lần lượt được hỏi: "Trong các..."

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người báo về ba thời kỳ mà những người ra trận lần lượt được hỏi: "Trong các người có Sahabah của Thiên Sứ của Allah / có Tabi'in / có người theo Tabi'in không?", và lần nào họ cũng được ban chiến thắng.

Ứng nghiệm: thời Sahabah, Tabi'in và Tabi' at-Tabi'in (theo quyển sách là đã ứng nghiệm)

NGUỒN 1000 Mucize no.604 (s.593); web: Buhârî, Menâkıb, Alâmâtü'n-nübüvve, no. 3594; Münkız es-Sakkār, Delâilü'n-nübüvve; ayrıca: İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî, s. 262; Kütüb-i Sitte: Buhârî 3594, 2897; Müslim 2532

---

## 2744. Người báo rằng việc mưa ít đi là dấu hiệu của Ngày Tận Thế

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người báo rằng việc mưa ít đi là dấu hiệu của Ngày Tận Thế.

Ứng nghiệm: tùy theo cách giải thích (theo quyển sách, đang thấy ngày nay)

NGUỒN 1000 Mucize no.646 (s.614)

---

## 2745. Người báo rằng việc mặt đất no máu (đổ máu nhiều lên) là dấu hiệu của Ngày Tận...

Hasan (Tốt) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người báo rằng việc mặt đất no máu (đổ máu nhiều lên) là dấu hiệu của Ngày Tận Thế.

Ứng nghiệm: tùy theo cách giải thích

NGUỒN 1000 Mucize no.683 (s.619)

---

## 2746. Người báo rằng việc trải qua những năm đói kém (hạn hán, mùa màng ít ỏi) là dấu...

Hasan (Tốt) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người báo rằng việc trải qua những năm đói kém (hạn hán, mùa màng ít ỏi) là dấu hiệu của Ngày Tận Thế.

Ứng nghiệm: tùy theo cách giải thích (theo quyển sách, đang thấy ngày nay)

NGUỒN 1000 Mucize no.685 (s.620)

---

## 2747. Người báo rằng Allah sẽ làm cho tay người Muslim đầy những người không phải Ả...

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người báo rằng Allah sẽ làm cho tay người Muslim đầy những người không phải Ả Rập (người ngoại quốc), rồi những người ấy sẽ trở thành những con sư tử không bỏ chạy, giết các chiến binh của họ và ăn chiến lợi phẩm của họ.

Ứng nghiệm: tùy theo cách giải thích (theo quyển sách là lao động và binh lính nước ngoài ở các nước vùng Vịnh)

NGUỒN 1000 Mucize no.690 (s.627); web: Said Nursî, Mektubat, 19. Mektup, 6. İşaret; Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 24. fasıl; Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 261

---

## 2748. Người báo rằng tôn giáo sẽ bị pha tạp, máu sẽ đổ và Ngôi Nhà của Allah sẽ bị đốt cháy

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người báo rằng tôn giáo sẽ bị pha tạp, máu sẽ đổ và Ngôi Nhà của Allah sẽ bị đốt cháy.

Ứng nghiệm: tùy theo cách giải thích

NGUỒN 1000 Mucize no.708 (s.640)

---

## 2749. Người cho biết Ngày Tận Thế sẽ không xảy ra cho đến khi người La Mã chiếm đa số trong loài người

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người cho biết Ngày Tận Thế sẽ không xảy ra cho đến khi người La Mã chiếm đa số trong loài người.

Lời tiên tri: thời điểm không rõ; Ứng nghiệm: tùy theo cách giải thích (tác giả: đầu thế kỷ 21, người Kitô giáo chiếm khoảng một phần ba dân số thế giới)

NGUỒN 1000 Mucize no.741 (s.658); Kütüb-i Sitte: Müslim, Fiten 35, (2898) [İ. Canan, Kütüb-i Sitte Tercüme ve Şerhi: no. 4551, c./s. 13/115]

---

## 2750. Người cho biết các dấu hiệu Ngày Tận Thế: trăng lưỡi liềm trông to đến mức...

Hasan (Tốt) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người cho biết các dấu hiệu Ngày Tận Thế: trăng lưỡi liềm trông to đến mức người ta nói "trăng hai đêm", các masjid bị dùng làm lối đi và những cái chết đột ngột xuất hiện.

Lời tiên tri: thời điểm không rõ; Ứng nghiệm: tùy theo cách giải thích

NGUỒN 1000 Mucize no.743 (s.660); web: Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 271

## 2751. Người cho biết khi thời gian đến gần, nuôi thỏ còn tốt hơn nuôi con; không còn...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người cho biết khi thời gian đến gần, nuôi thỏ còn tốt hơn nuôi con; không còn sự kính trọng người lớn, không còn lòng thương người nhỏ; con ngoài giá thú nhiều lên và người ta tà dâm giữa đường.

Lời tiên tri: thời điểm không rõ; Ứng nghiệm: tùy theo cách giải thích

NGUỒN 1000 Mucize no.780 (s.672)

## 2752. Các tháng bị hụt (được giải thích là phúc lành bị cất đi hoặc lịch tính không...)

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Các tháng bị hụt (được giải thích là phúc lành bị cất đi hoặc lịch tính không dựa vào việc nhìn trăng) (danh sách các dấu hiệu Ngày Tận Thế được thuật lại từ Ali).

Lời tiên tri: được truyền lại như lời của một Sahabah (mawquf), thời điểm không rõ; Ứng nghiệm: tùy theo cách giải thích

NGUỒN 1000 Mucize no.809 (s.677)

## 2753. Người cho biết thời gian sẽ rút ngắn, tuổi thọ, năm tháng và mùa màng sẽ giảm...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người cho biết thời gian sẽ rút ngắn, tuổi thọ, năm tháng và mùa màng sẽ giảm đi (do Abu Musa thuật lại).

Lời tiên tri: thời điểm không rõ; Ứng nghiệm: tùy theo cách giải thích

NGUỒN 1000 Mucize no.822 (s.680)

## 2754. Người báo rằng Ngày Tận Thế sẽ không xảy ra cho đến khi giao chiến với một dân...

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người báo rằng Ngày Tận Thế sẽ không xảy ra cho đến khi giao chiến với một dân tộc mang giày bằng lông (do Abu Hurairah và Amr bin Taghlib thuật lại; theo một lời thuật: "dân al-Bariz này").

Lời tiên tri: thời kỳ Madinah; Ứng nghiệm: tùy theo cách giải thích (các cuộc chinh phục phía đông trong thế kỷ 1 H)

NGUỒN Buhârî, Menâkıb, Alâmâtü'n-nübüvve, no. 3587, 3591, 3592

## 2755. Người báo rằng đã gần đến thời mà tài sản tốt nhất của người Muslim là đàn cừu...

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người báo rằng đã gần đến thời mà tài sản tốt nhất của người Muslim là đàn cừu, người ấy dắt theo lên đỉnh núi và những nơi có mưa rơi để mang tôn giáo của mình chạy trốn khỏi các thảm họa (do Abu Sa'id al-Khudri thuật lại).

Lời tiên tri: thời kỳ Madinah; Ứng nghiệm: các thời kỳ thảm họa (sau năm 35 H), tùy theo cách giải thích

NGUỒN Buhârî, Menâkıb, Alâmâtü'n-nübüvve, no. 3600

## 2756. Người cho biết Ngày Tận Thế sẽ không xảy ra cho đến khi của cải nhiều đến mức...

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người cho biết Ngày Tận Thế sẽ không xảy ra cho đến khi của cải nhiều đến mức không tìm được ai nhận bố thí và đất Ả Rập trở lại thành đồng cỏ và sông ngòi.

Ứng nghiệm: tùy theo cách giải thích

NGUỒN Yaqeen Institute (M. Elshinawy), "The Prophecies of Prophet Muhammad"

## 2757. Người cho biết Ngày Tận Thế sẽ không xảy ra cho đến khi thú dữ nói chuyện với...

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người cho biết Ngày Tận Thế sẽ không xảy ra cho đến khi thú dữ nói chuyện với con người, và đầu roi, dây giày, bắp đùi của một người báo cho người ấy biết gia đình mình đã làm gì khi mình vắng mặt (do Abu Sa'id al-Khudri thuật lại).

Ứng nghiệm: tùy theo cách giải thích (nguồn hiểu là các thiết bị điện tử)

NGUỒN Yaqeen Institute (M. Elshinawy), "The Prophecies of Prophet Muhammad"

## 2758. Người báo: “Mỗi cộng đồng đều có một kỳ hạn; kỳ hạn của Ummah ta là một trăm...”

Hasan (Tốt) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người báo: “Mỗi cộng đồng đều có một kỳ hạn; kỳ hạn của Ummah ta là một trăm năm; khi một trăm năm qua đi, điều Allah đã hứa sẽ đến” (do al-Mustawrid bin Shaddad và Thawban thuật lại).

Lời tiên tri: thời kỳ Madinah; Ứng nghiệm: khoảng năm 100 H (tùy theo cách giải thích)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 263 (kendisinden sonra olacak çeşitli hâlleri haber vermesi)

## 2759. Người báo các dấu hiệu Ngày Tận Thế: con cái là nguồn cơn giận dữ, mưa là cái...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người báo các dấu hiệu Ngày Tận Thế: con cái là nguồn cơn giận dữ, mưa là cái nóng ngột ngạt, kẻ hèn hạ tràn lan còn người cao quý ít đi, người nhỏ hỗn với người lớn, kẻ hèn hỗn với người quyền quý (do Ibn Mas'ud và Aisha thuật lại).

Lời tiên tri: thời kỳ Madinah; Ứng nghiệm: thời cuối cùng (tùy theo cách giải thích)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 270 (kendisinden sonra olacak çeşitli hâlleri haber vermesi)

## 2760. Người báo (về cuộc đại chiến): “Ngày Tận Thế sẽ không xảy ra cho đến khi gia...”

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người báo (về cuộc đại chiến): “Ngày Tận Thế sẽ không xảy ra cho đến khi gia tài không còn được chia và chiến lợi phẩm không còn làm ai vui” (do Ibn Mas'ud thuật lại).

Lời tiên tri: thời kỳ Madinah; Ứng nghiệm: thời cuối cùng (tùy theo cách giải thích)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 272 (kendisinden sonra olacak çeşitli hâlleri haber vermesi)

## 50 · Các dấu hiệu của Ngày Tận Thế: các dấu hiệu lớn (Mahdi, Dajjal, Nabi Isa giáng xuống, Ya'juj và Ma'juj)

### 2761. Người hoảng hốt bước vào chỗ Zaynab bint Jahsh và nói: “La ilaha illallah, khốn...”

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người hoảng hốt bước vào chỗ Zaynab bint Jahsh và nói: “La ilaha illallah, khốn cho người Ả Rập vì điều xấu đang đến gần! Hôm nay con đê chắn Ya'juj và Ma'juj đã bị thủng một lỗ chừng này”, rồi khum ngón cái và ngón trỏ thành vòng; trước câu hỏi “Chúng ta có bị diệt vong khi giữa chúng ta có những người đức hạnh không?”, Người nói: “Có, khi điều xấu nhiều lên.”

Thời kỳ Madinah, thời điểm không rõ

NGUỒN Buhârî, Menâkıb, Alâmâtü'n-nübüvve, no. 3598

### 2762. Người báo rằng Mahdi sẽ xuất hiện

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người báo rằng Mahdi sẽ xuất hiện.

Thời cuối cùng (ứng nghiệm: được chờ đợi)

NGUỒN Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 24. fasıl (gayb haberleri)

### 2763. Người báo rằng Ngày Tận Thế sẽ không xảy ra cho đến khi một người từ Qahtan...

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người báo rằng Ngày Tận Thế sẽ không xảy ra cho đến khi một người từ Qahtan dùng gậy lùa mọi người.

Thời cuối cùng (ứng nghiệm: tùy theo cách giải thích)

NGUỒN Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 24. fasıl (gayb haberleri)

### 2764. Người nói: “Sự trù phú của Bayt al-Maqdis là sự đổ nát của Yathrib; sự đổ nát...”

Hasan (Tốt) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người nói: “Sự trù phú của Bayt al-Maqdis là sự đổ nát của Yathrib; sự đổ nát của Yathrib là sự bùng nổ của đại chiến (malhamah); sự bùng nổ của đại chiến là việc chinh phục Constantinople.”

Thời cuối cùng (ứng nghiệm: tùy theo cách giải thích)

NGUỒN Kādî İyâz, eş-Şifâ, 1. kısım 4. bâb, 24. fasıl (gayb haberleri)

### 2765. Người báo rằng người Do Thái sẽ giao chiến với người Muslim, người Muslim sẽ...

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người báo rằng người Do Thái sẽ giao chiến với người Muslim, người Muslim sẽ thắng, và hòn đá sẽ nói: “Hỡi người Muslim, sau lưng tôi có một người Do Thái, hãy đến giết hắn.”

Lời tiên tri: thời kỳ Madinah; Ứng nghiệm: thời cuối cùng (chưa ứng nghiệm)

NGUỒN Buhârî, Menâkıb, Alâmâtü'n-nübüvve, no. 3593

## 2766. Đêm Isra', Người cùng Ibrahim, Musa và Isa bàn về thời điểm của Ngày Tận Thế...

**Sahih (Xác thực)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Đêm Isra', Người cùng Ibrahim, Musa và Isa bàn về thời điểm của Ngày Tận Thế; Ibrahim và Musa nói "tôi không biết", còn Isa nói rằng ngoài Allah không ai biết thời điểm ấy, rồi báo về sự xuất hiện của Dajjal, việc chính mình sẽ giết hắn, việc đá và cây sẽ nói "Hỡi người Muslim, dưới tôi có kẻ vô đức tin", và sự diệt vong của Ya'juj và Ma'juj.

Isra' và Mi'raj (khoảng năm 621 CN); sự ứng nghiệm của lời tiên tri: thời cuối cùng

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 1, s. 269 (İsrâ bâbı (İbn Mes'ûd hadisi))

## 2767. Người nói: "Nếu Isa con trai của Maryam (khi giáng xuống) đứng bên mộ ta mà gọi..."

**Sahih (Xác thực)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người nói: "Nếu Isa con trai của Maryam (khi giáng xuống) đứng bên mộ ta mà gọi 'Hỡi Muhammad', ta sẽ đáp lời người ấy."

Lời tiên tri: thời kỳ Madinah; Ứng nghiệm: thời cuối cùng

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 490 (Kabrinde hayatı, namazı ve selamın ulaştırılması)

## 2768. Người được ban một hiểu biết về Dajjal mà chưa vị Nabi nào trước Người nói với...

**Sahih (Xác thực)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người được ban một hiểu biết về Dajjal mà chưa vị Nabi nào trước Người nói với Ummah của mình: "Hắn chột một mắt; còn Thượng Đế của các ngươi thì không chột" (do Abu Sa'id al-Khudri thuật lại).

Lời tiên tri: thời kỳ Madinah; Ứng nghiệm: thời cuối cùng

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 335 (korkuyla yardım, cevâmiu'l-kelim ve yeryüzü hazinelerinin anahtarları bâbı)

## 2769. Người báo rằng Isa con trai của Maryam sẽ giáng xuống bên ngọn tháp trắng ở...

**Sahih (Xác thực)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người báo rằng Isa con trai của Maryam sẽ giáng xuống bên ngọn tháp trắng ở phía đông Damascus (do an-Nawwas bin Sam'an thuật lại); Ibn Kathir ghi rằng ngọn tháp bị người Kitô giáo đốt này đã được xây lại vào thời ông bằng chính tiền của họ.

Lời tiên tri: thời kỳ Madinah; Ứng nghiệm: thời cuối cùng (ngọn tháp được làm mới: thời Ibn Kathir, thế kỷ 8 H)

NGUỒN İbn Kesîr, Mu'cizâtü'n-Nebî (el-Bidâye ve'n-Nihâye'den; thk. es-Seyyid İbrâhîm), s. 379 (dinin müceddidlerini haber vermesi (devamı: Şam'ın İslâm'ın kalesi oluşu))

## 2770. Người báo rằng Ka'bah sẽ bị phá hủy (được kể bằng một câu trong số những lời...)

**Sahih (Xác thực)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người báo rằng Ka'bah sẽ bị phá hủy (được kể bằng một câu trong số những lời báo về điều vô hình).

Lời tiên tri: thời điểm không rõ; Ứng nghiệm: nguồn không nêu

NGUỒN Îcî–Cürcânî, Şerhu'l-Mevâkıf, c. 8, usul.ai baskısında s. 283 (el-Mevkıfü's-sâdis, el-Mersadü'l-evvel, el-Maksadü'r-râbi': isbâtü nübüvveti Muhammed; «el-kelâm fî sâiri'l-mu'cizât») [atıftaki s. 256 başka baskıya göre olmalı]

---

## 2771. Người báo rằng Nabi Isa sẽ giáng xuống và dâng lễ nguyện sau lưng Mahdi thuộc...

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người báo rằng Nabi Isa sẽ giáng xuống và dâng lễ nguyện sau lưng Mahdi thuộc dòng dõi của Người, và Mahdi sẽ làm cho mặt đất tràn đầy công lý.

Lời tiên tri: thời kỳ Madinah; Ứng nghiệm: thời cuối cùng (được chờ đợi)

NGUỒN Râvendî, el-Harâic ve'l-cerâih, c. 3, s. 907 (el-Bâbü's-sâbi' aşer fi'l-muvâzât beyne mu'cizâti nebiyyinâ ve mu'cizâti'l-enbiyâ)

---

## 2772. Người báo rằng Mahdi thuộc dòng dõi của Người, khi từ Makkah đi Kufa, sẽ làm...

Da'if (Yếu) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người báo rằng Mahdi thuộc dòng dõi của Người, khi từ Makkah đi Kufa, sẽ làm điều tương tự như Nabi Musa đã làm (làm nước chảy ra từ đá).

Lời tiên tri: thời kỳ Madinah; Ứng nghiệm: thời cuối cùng (được chờ đợi)

NGUỒN Râvendî, el-Harâic ve'l-cerâih, c. 3, s. 912 (el-Bâbü's-sâbi' aşer fi'l-muvâzât beyne mu'cizâti nebiyyinâ ve mu'cizâti'l-enbiyâ)

---

## 2773. Người báo: “Chừng nào người Abyssinia để yên các ngươi thì hãy để yên họ; thề...”

Hasan (Tốt) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người báo: “Chừng nào người Abyssinia để yên các ngươi thì hãy để yên họ; thề bởi Đấng nắm sinh mạng ta trong tay, kho báu của Ka'bah sẽ chỉ bị lấy ra bởi một người có cặp chân khẳng khiu (Dhus-Suwayqatayn).”

Ứng nghiệm: thời cuối cùng

NGUỒN Meclisî, Bihâru'l-envâr, c. 18, s. 145 (Bâb 12: kendisinden sonra olacakları haber vermesi)

## 2774. Người chết bị hỏi về Người trong mộ: Người nói: “Còn về thử thách trong mộ, các...”

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người chết bị hỏi về Người trong mộ: Người nói: “Còn về thử thách trong mộ, các ngươi sẽ bị thử thách về ta và bị hỏi về ta”; theo al-Hakim at-Tirmidhi và Ibn Abd al-Barr, việc bị tra hỏi trong mộ là riêng của Ummah này (do Aisha thuật lại).

Đặc điểm riêng (không có niên đại)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 325 (bütün peygamberlere üstün kılındığı ve kendisinden önce kimseye verilmeyen hususiyetler)

---

## 2775. Người cho biết vào Ngày Tận Thế, Người sẽ là tạo vật quý giá nhất trước Allah...

Hasan (Tốt) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người cho biết vào Ngày Tận Thế, Người sẽ là tạo vật quý giá nhất trước Allah (do Ibn Mas'ud và Abdullah bin Salam thuật lại).

Đặc điểm riêng (chung; thời điểm không rõ)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 340 (Kur'an'dan yalnız ona verilenler ve Allah katındaki üstünlüğü bâbı)

---

## 2776. Người cho biết vào Ngày Tận Thế, Người là bậc thầy của con cháu Adam, là người...

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người cho biết vào Ngày Tận Thế, Người là bậc thầy của con cháu Adam, là người đầu tiên có mộ nứt ra, người đầu tiên tỉnh dậy sau tiếng kèn, người đầu tiên can thiệp và người đầu tiên được chấp nhận sự can thiệp (do Abu Hurairah và Anas thuật lại).

Lời tiên tri: thời kỳ Madinah; Ứng nghiệm: Ngày Phục Sinh

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 376 (kıyamet gününe özgü hususiyetleri bâbları)

---

## 2777. Vào Ngày Tận Thế, Người được phục sinh trên lưng Buraq; Người được khoác một bộ...

Hasan (Tốt) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Vào Ngày Tận Thế, Người được phục sinh trên lưng Buraq; Người được khoác một bộ áo (hullah) của Thiên Đàng và đứng bên phải Ngai Vương, ở một vị trí không ai khác được đứng; Người là người dẫn đầu, người phát ngôn, người báo tin mừng cho loài người, và lá cờ ca ngợi ở trong tay Người (do Mu'adh, Abu Hurairah, Ibn Mas'ud, Ibn Abbas, Umm Kurz, Anas thuật lại).

Lời tiên tri: thời kỳ Madinah; Ứng nghiệm: Ngày Phục Sinh

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 377 (kıyamet gününe özgü hususiyetleri bâbları)

---

## 2778. Người được ban al-Maqam al-Mahmud và sự can thiệp lớn nhất (ash-shafa'ah...)

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người được ban al-Maqam al-Mahmud và sự can thiệp lớn nhất (ash-shafa'ah al-'uzma): tại nơi tập hợp, mọi người lần lượt đến với Adam, Nuh, Ibrahim, Musa và Isa, vị nào cũng xin lỗi từ chối; Người nói: "Việc ấy là của ta", quỳ lạy dưới Ngai Vương, ca ngợi Allah bằng những lời ca ngợi được gợi bảo ngày hôm ấy, và được phán: "Hãy ngẩng đầu lên; hãy xin, ngươi sẽ được ban; hãy can thiệp, sự can thiệp của ngươi sẽ được chấp nhận" (do Abu Hurairah, Anas, Ibn Abbas, Ibn Umar, Hudhayfah, Salman, Uqbah bin Amir thuật lại).

Lời tiên tri: thời kỳ Madinah; Ứng nghiệm: Ngày Phục Sinh

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 378 (kıyamet gününe özgü hususiyetleri bâbları)

---

## 2779. Vào Ngày Tận Thế, khi những bục giảng bằng vàng được dựng lên cho các vị Nabi...

**Sahih (Xác thực)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Vào Ngày Tận Thế, khi những bục giảng bằng vàng được dựng lên cho các vị Nabi, Người không ngồi lên bục của mình vì lo rằng mình được đưa vào Thiên Đàng còn Ummah ở lại phía sau, mà đứng trước Thượng Đế khẩn cầu "Ummah của con, Ummah của con"; Người chờ ở đầu cầu Sirat cho Ummah mình đi qua (do Ibn Abbas và Anas thuật lại).

Lời tiên tri: thời kỳ Madinah; Ứng nghiệm: Ngày Phục Sinh

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 382 (kıyamet gününe özgü hususiyetleri bâbları)

---

## 2780. Vào Ngày Tận Thế, Người gõ cửa Hỏa Ngục để mở, bước vào, ca ngợi Allah bằng...

**Da'if (Yếu)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Vào Ngày Tận Thế, Người gõ cửa Hỏa Ngục để mở, bước vào, ca ngợi Allah bằng những lời ca ngợi chưa ai từng nói, và đưa ra khỏi đó những ai đã thành tâm nói "La ilaha illallah" (do Abu Hurairah thuật lại).

Lời tiên tri: thời kỳ Madinah; Ứng nghiệm: Ngày Phục Sinh

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 385 (kıyamet gününe özgü hususiyetleri bâbları)

---

## 2781. Vào Ngày Tận Thế, Người là bậc thầy của loài người, Adam và mọi người sau ông...

**Sahih (Xác thực)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Vào Ngày Tận Thế, Người là bậc thầy của loài người, Adam và mọi người sau ông đều tập hợp dưới lá cờ của Người, Người là người dẫn đầu và là vị cuối cùng của các vị Nabi, các cổng Thiên Đàng mở ra trước tiên cho Người; khi các Sahabah bàn về sự ưu việt của các vị Nabi trước, Người bước ra nói: "Ta là người yêu dấu của Allah, không phải để khoe khoang; ta mang lá cờ ca ngợi" (do Ubadah bin as-Samit, Hudhayfah, Jabir, Ibn Abbas thuật lại).

Lời tiên tri: thời kỳ Madinah; Ứng nghiệm: Ngày Phục Sinh

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 387 (kıyamet gününe özgü hususiyetleri bâbları)

---

## 2782. Người cho biết vào Ngày Tận Thế, mọi mối liên hệ và dòng dõi đều bị cắt đứt...

**Sahih (Xác thực)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người cho biết vào Ngày Tận Thế, mọi mối liên hệ và dòng dõi đều bị cắt đứt, trừ mối liên hệ và dòng dõi của Người (do Umar thuật lại).

Lời tiên tri: thời kỳ Madinah; Ứng nghiệm: Ngày Phục Sinh

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 388 (kıyamet gününe özgü hususiyetleri bâbları)

## 2783. Người là người đầu tiên đi qua cầu Sirat và người đầu tiên gõ cửa Thiên Đàng...

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người là người đầu tiên đi qua cầu Sirat và người đầu tiên gõ cửa Thiên Đàng; người canh Thiên Đàng nói: "Tôi được lệnh không mở cho ai trước ngài" (do Abu Hurairah và Anas thuật lại).

Lời tiên tri: thời kỳ Madinah; Ứng nghiệm: Ngày Phục Sinh

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 389 (kıyamet gününe özgü hususiyetleri bâbları)

## 2784. Vào Ngày Tận Thế, khi con gái Người là Fatimah đi qua cầu Sirat, một người gọi...

Bịa đặt (Mawdu') CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Vào Ngày Tận Thế, khi con gái Người là Fatimah đi qua cầu Sirat, một người gọi cất tiếng: "Hỡi những người ở nơi tập hợp, hãy nhắm mắt lại", và bà đi qua với hai tấm khăn xanh; người đầu tiên vào Thiên Đàng sau Người là Fatimah (do Ali và Abu Hurairah thuật lại).

Lời tiên tri: thời kỳ Madinah; Ứng nghiệm: Ngày Phục Sinh

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 389 (kıyamet gününe özgü hususiyetleri bâbları)

## 2785. Người được ban al-Kawthar (với số chén bằng số sao trên trời) và al-Wasilah...

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người được ban al-Kawthar (với số chén bằng số sao trên trời) và al-Wasilah, phẩm cấp cao nhất trên Thiên Đàng chỉ ban cho một bề tôi; Người được nâng lên căn phòng cao nhất của các Vườn Na'im (do Ibn Abbas, Ibn Umar [Abdullah bin Amr], Ubadah bin as-Samit thuật lại).

Lời tiên tri: thời kỳ Madinah; Ứng nghiệm: Đời Sau

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 390 (kıyamet gününe özgü hususiyetleri bâbları)

## 2786. Người cho biết vào Ngày Tận Thế, Người và Ummah của Người sẽ tập hợp trên một...

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người cho biết vào Ngày Tận Thế, Người và Ummah của Người sẽ tập hợp trên một ngọn đồi, Thượng Đế sẽ khoác cho Người một bộ áo xanh, và đó chính là al-Maqam al-Mahmud (do Ka'b bin Malik thuật lại).

Lời tiên tri: thời kỳ Madinah; Ứng nghiệm: Ngày Phục Sinh

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 392 (ümmetinin kıyametteki hususiyetleri bâbları)

## 2787. Người cho biết vào Ngày Tận Thế, Ummah của Người được gọi với gương mặt và tay...

Sahih (Xác thực) CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người cho biết vào Ngày Tận Thế, Ummah của Người được gọi với gương mặt và tay chân rạng ngời từ dấu Wudu' (ghurran muhajjalin), và Người sẽ nhận ra họ giữa các cộng đồng khác nhờ điều đó, nhờ việc họ nhận sổ việc làm

bằng tay phải, nhờ dấu vết quỳ lạy và ánh sáng chạy trước mặt họ (do Abu Hurairah, Hudhayfah, Abud-Darda', Abu Dharr thuật lại).

Lời tiên tri: thời kỳ Madinah; Ứng nghiệm: Ngày Phục Sinh

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 392 (ümmetinin kıyametteki hususiyetleri bâbları)

---

## 2788. Ummah của Người là cộng đồng đầu tiên đứng dậy từ mộ và vào Thiên Đàng trước...

**Sahih (Xác thực)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Ummah của Người là cộng đồng đầu tiên đứng dậy từ mộ và vào Thiên Đàng trước các cộng đồng khác.

Đặc điểm riêng (chung; thời điểm không rõ)

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 394 (ümmetinin kıyametteki hususiyetleri bâbları)

---

## 2789. Người cho biết vào Ngày Tận Thế, Người và Ummah của Người sẽ làm chứng cho...

**Sahih (Xác thực)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người cho biết vào Ngày Tận Thế, Người và Ummah của Người sẽ làm chứng cho những gì Nabi Nuh và các vị Nabi khác đã truyền đạt (Ummah của Người ở vị trí những nhân chứng công bằng; chương al-Baqarah, câu 143; các lời thuật của Abu Sa'id al-Khudri).

Lời tiên tri: thời kỳ Madinah; Ứng nghiệm: Ngày Phục Sinh

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 395 (ümmetinin kıyametteki hususiyetleri bâbları)

---

## 2790. Người cho biết sức nóng của Hỏa Ngục đối với Ummah của Người sẽ như hơi nóng...

**Da'if (Yếu)** CÁC PHÉP MÀU KHÁC

Người cho biết sức nóng của Hỏa Ngục đối với Ummah của Người sẽ như hơi nóng của nhà tắm hơi (do Abu Bakr thuật lại).

Lời tiên tri: thời điểm không rõ; Ứng nghiệm: Đời Sau

NGUỒN Süyûtî, el-Hasâisü'l-Kübrâ, c. 2, s. 395 (ümmetinin kıyametteki hususiyetleri bâbları)